



THÁNH CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICANÔ II

I

VĂN KIẾN CÔNG ĐỒNG
HIẾN CHẾ- SẮC LỆNH – TUYÊN NGÔN – SỨ ĐIỆP

GIÁO HOÀNG HỌC VIỆN PIO X

thuvienconggiaovietnam.net 5. 2018

THÁNH CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICANÔ II

I

- * HIẾN CHẾ
- * SẮC LỆNH
- * TUYÊN NGÔN
- * SỨ ĐIỆP

PHÂN KHOA THẦN HỌC
GIÁO HOÀNG HỌC VIỆN THÁNH PIÔ X
ĐÀ LẠT – VIỆT NAM

NIHIL OBSTAT

Dalat, die 29 julii 1972

Philippus Gomez, s.j.

IMPRIMI POTEST

Saigon, die 1 julii 1972

Jacobus de Leffe, s.j.

Sup. Reg.

IMPRIMATUR

Dalat, die 7 julii 1972

Simon-Hòa Nguyễn Văn Hiền

Episcopus Dalatensis

**Thành kính dâng Mẹ Maria
Tháng Mân Côi, 10, 1980**

LỜI GIỚI THIỆU

CỦA ĐỨC GIÁM MỤC

SIMON-HÒA NGUYỄN VĂN HIỀN

Công Đồng Vaticanô II đã khai mạc được 10 năm. Nguồn sống mới, trận gió canh tân mà Chúa Thánh Thần đã thổi vào Giáo Hội qua Thánh Công Đồng đang từ từ thấm nhập vào thân thể Giáo Hội. Những văn kiện của Công Đồng chính là cơ quan chuyển thông nguồn sống mới ấy. Do đó việc tìm hiểu, đào sâu những văn kiện này là vấn đề thiết yếu cho mọi nỗ lực canh tân, thích nghi đời sống Giáo Hội và tư tưởng thần học.

Trong khung cảnh đó, công trình dịch thuật, giải thích và dẫn nhập vào những văn kiện của Công Đồng Vaticanô II mà ban giáo sư và các chủng sinh trong Phân Khoa Thần Học thuộc Giáo Hoàng Học Viện Thánh Piô X dày công thực hiện, quả là một đóng góp quý báu vào nỗ lực canh tân của Giáo Hội trên đất nước Việt Nam thân yêu này.

Tôi tin chắc rằng bản dịch Văn Kiện Công Đồng này sẽ giúp ích rất nhiều cho những ai muốn lãnh hội thấu đáo và chân thực tinh thần mà Chúa Thánh Thần muốn Thánh Công Đồng Vaticanô II đem vào Giáo Hội Ngài.

Tôi hân hạnh giới thiệu cuốn sách này với mọi người thành tâm thiện chí đang khao khát sống đạo theo tinh thần Vaticanô II.

Xin Thiên Chúa và Mẹ Maria chúc lành cho những người đã góp phần vào công trình tốt đẹp này.

Đà Lạt, ngày 7 tháng 7 năm 1972
SIMON-HÒA NGUYỄN VĂN HIỀN
Giám Mục Giáo Phận Đà Lạt

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	4
Ký hiệu các văn kiện công đồng	8
Lời Giới Thiệu Tổng Quát Về Công Đồng.....	10
I. Một Vài Khái Niệm Về Các Công Đồng.....	21
II. Công Đồng Vaticanô II	27
III. Có Thể Có Vaticanô III Không?	56
Những niên hiệu quan trọng nhất của công đồng Va.II.	58
HIẾN CHẾ VỀ PHỤNG VỤ THÁNH	64
Chương I: Những Nguyên Tắc Tổng Quát Để Canh Tân Và Cổ Võ Phụng Vụ Thánh	74
Chương II: Mẫu Nhiệm Thánh Của Lễ Tạ Ôn.....	94
Chương III: Các Bí Tích khác và các Á Bí Tích	99
Chương IV: Kinh Nhật Tụng.....	110
Chương V: Năm Phụng Vụ.....	111
Chương VI: Thánh Nhạc.....	115
Chương VII Nghệ Thuật Thánh Và Dụng Cụ Thánh	118
Phụ Lục Tuyên Ngôn Của Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II Về Việc Tu Chỉnh Niên Lịch.....	122
SẮC LỆNH VỀ CÁC PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI (Inter Mirifica)	124
Chương I: Phương Tiện Truyền Thông Xã Hội.....	128
Chương II: Phương Tiện Truyền Thông Xã Hội Và Việc Tông Đồ	134
HIẾN CHẾ TÍN LÝ VỀ GIÁO HỘI (Lumen Gentium) .	141
Lời Giới Thiệu.....	141
Chương I: Mẫu nhiệm Giáo Hội.....	150
Chương II: Dân Thiên Chúa	165
Chương III: Tổ Chức Phẩm Trật Giáo Hội Và Đặc Biệt Về Chức Giám Mục	186
Chương IV: Giáo Dân	216
Chương V: Lời Kêu Gọi Mọi Người Nên Thánh Trong Giáo Hội	229

Chương VI: Tu Sĩ	239
Chương VII: Đặc Tính Cảnh Chung của Giáo Hội lữ hành và sự hiệp nhất với Giáo Hội Trên Trời	247
Chương VIII: Đức Nữ Trinh Maria Mẹ Thiên Chúa Trong Mầu Nhiệm Chúa Kitô Và Giáo Hội	257
Thông Tri	278
Chú Thích Sơ Khởi	279
SẮC LỆNH VỀ CÁC GIÁO HỘI CÔNG GIÁO ĐÔNG PHƯƠNG (ORIENTALIUM ECCLESIAARUM)	283
Lời Giới Thiệu	283
SẮC LỆNH VỀ HIỆP NHẤT (Unitatis Redintegratio)	305
Chương I: Các Nguyên Tắc Công Giáo Về Hiệp Nhất	312
Chương II: Cách Tham Dự Phong Trào Hiệp Nhất	321
Chương III: Các Giáo Hội Và Cộng Đoàn Giáo Hội Ly Khai Với Tông Tòa Roma	328
SẮC LỆNH VỀ NHIỆM VỤ MỤC VỤ CỦA CÁC GIÁM MỤC TRONG GIÁO HỘI (Christus Dominus)	341
Chương I: Các Giám Mục Với Giáo Hội Phổ Quát	349
Chương II: Các Giám Mục với các Giáo Hội riêng biệt hay các giáo phận	355
Chương III: Các Giám Mục Cộng Tác Trong Việc Mưu Ích Chung Cho Nhiều Giáo Hội	381
SẮC LỆNH VỀ CANH TÂN THÍCH NGHI ĐỜI SỐNG DÒNG TU (Perfectae Caritatis)	388
SẮC LỆNH VỀ ĐÀO TẠO LINH MỤC	423
TUYÊN NGÔN VỀ GIÁO DỤC KITÔ GIÁO (Gravissimum Educationis)	456
TUYÊN NGÔN VỀ LIÊN LẠC CỦA GIÁO HỘI VỚI CÁC TÔN GIÁO NGOÀI KITÔ GIÁO (Nostra Aetate)	489
HIẾN CHẾ TÍN LÝ VỀ MẠC KHẢI CỦA THIÊN CHÚA (Dei Verbum)	496
Chương I: Về Chính Việc Mạc Khải	506
Chương II: Sự Lưu Truyền Mạc Khải Của Thiên Chúa	512
Chương III: Sự Linh Ứng Của Thiên Chúa Và Việc Chú Giải Thánh Kinh	518

Chương IV: Cự Ước	523
Chương V: Tân Ước	525
Chương VI: Thánh Kinh Trong Đời Sống Giáo Hội	529
SẮC LỆNH VỀ TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN (Apostolicam	
Actuositatem)	536
Chương I: Ôn Gọi Làm Tông Đồ Giáo Dân	546
Chương II: Mục Tiêu Phải Đạt Tới	553
Chương III: Các Môi Trường Hoạt Động Tông Đồ	559
Chương IV: Các Phương Thức Hoạt Động Tông Đồ	567
Chương V: Hệ Thống Phải Theo	575
Chương VI: Huấn Luyện Làm Tông Đồ	580
TUYÊN NGÔN VỀ TỰ DO TÔN GIÁO (Digitatis Humanae)	
.....	589
I. Quan Điểm Tổng Quát Về Tự Do Tôn Giáo	594
II. Tự Do Tôn Giáo Dưới Ánh Sáng Mạc Khải	604
SẮC LỆNH VỀ HOẠT ĐỘNG TRUYỀN GIÁO CỦA GIÁO	
HỘI (Ad Gentes)	614
Chương I: Những Nguyên Tắc Giáo Thuyết	619
Chương II: Chính Công Việc Truyền Giáo	636
Chương III: Các Giáo Hội Địa Phương	651
Chương IV: Các Nhà Truyền Giáo	659
Chương V: Tổ Chức Hoạt Động Truyền Giáo	667
Chương VI: Sự Cộng Tác	673
SẮC LỆNH VỀ CHỨC VỤ VÀ ĐỜI SỐNG LINH MỤC	
(Presbyterorum Ordinis).....	684
Chương I: Linh Mục Trong Sứ Mệnh Của Giáo Hội.....	691
Chương II: Thừa Tác Vụ Của Linh Mục	696
Chương III: Đời Sống Linh Mục	718
Kết Luận Và Khuyên Nhủ	739
HIẾN CHẾ MỤC VỤ VỀ GIÁO HỘI TRONG THẾ GIỚI	
NGÀY NAY (Gaudium Et Spes).....	742
Nhập Đề Thân Phận Con Người Trong Thế Giới Ngày Nay	750
Phần Thứ Nhất Giáo Hội Và Thiên Chức Con Người.....	761
Chương I: Phẩm Giá Con Người	762
Chương II: Cộng Đoàn Nhân Loại	780

Chương III: Sinh hoạt Của Nhân Loại Trong Vũ Trụ	794
Chương IV: Vai trò Của Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay ...	805
Phần Thứ Hai Một Số Vấn Đề Khẩn Thiết.....	820
Chương I: Đề Cao Phẩm Giá Của Hôn Nhân Và Gia Đình.....	821
Phần Thứ Hai-Chương II: Cổ Võ Việc Phát triển Văn Hóa	839
Phần Thứ Hai-Chương III: Đời Sống Kinh Tế Xã Hội.....	854
Phần Thứ Hai-Chương IV: Đời Sống Cộng Đoàn Chính Trị	871
Chương V: Cổ Võ Hòa Bình Và Xây Dựng Cộng Đoàn Các Dân Tộc	881
Sứ Điệp Của Công Đồng Gửi Đến Tất Cả Mọi Người	907
I. Sứ Điệp Của Công Đồng Nhân Dịp Khai Mạc (29-10-1962) ..	907
II. Sứ Điệp Của Công Đồng Nhân Dịp Bế Mạc (8-12-1965)	911

KÝ HIỆU CÁC VĂN KIẾN CÔNG ĐỒNG

- PV** Hiến chế về **Phụng Vụ** thánh “Sacrosanctum Concilium”.
- TT** Sắc lệnh về các phương tiện **Truyền Thông** xã hội “Inter Mirifica”.
- GH** Hiến chế tín lý về **Giáo Hội** “Lumen Gentium”.
- ĐP** Sắc lệnh về các Giáo Hội Công Giáo **Đông Phương** “Orientalium Ecclesiarum”.
- HN** Sắc lệnh về **Hiệp Nhất** “Unitatis Redintegratio”.
- GM** Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các **Giám Mục** trong Giáo Hội : “Christus Dominus”.
- DT** Sắc lệnh về canh tân thích nghi đời sống **Dòng Tu** “Perfectae Caritatis”.
- ĐT** Sắc lệnh về đào tạo **Linh Mục** “Optatan Totius”.
- GD** Tuyên ngôn về **Giáo Dục** Kitô giáo “Gravissimum Educationis”.
- MK** Hiến chế tín lý về **Mạc Khải** của Thiên Chúa “Dei Verbum”.
- TĐ** Sắc lệnh về **Tông Đồ** Giáo dân “Apostolicam Actuositatem”.
- TD** Tuyên ngôn về **Tự Do** tôn giáo “Dignitatis Humanae”.
- TG** Sắc lệnh về hoạt động **Truyền Giáo** của Giáo Hội “Ad Gentes”.
- LM** Sắc lệnh về chức vụ và đời sống **Linh Mục** “Presbyterorum Ordinis”.
- MV** Hiến chế **Mục Vụ** về Giáo Hội trong thế giới ngày nay “Gaudium et Spes”.
- SĐ** Sứ điệp nhân dịp khai mạc.
Sứ điệp nhân dịp bế mạc.
- NK** Tuyên ngôn về liên lạc của Giáo Hội với các Tôn Giáo **Ngoài Kitô** giáo “Nostra Aetate”.

KÝ HIỆU THÁNH KINH

I. THEO THỨ TỰ TÊN SÁCH

A. CỰU ƯỚC

1. Sáng thế ký.....Stk
2. Xuất Ai Cập..... Xac
3. Lêvi..... Lv
4. Dân số..... Ds
5. Đệ nhị luậtĐnl
6. Giosua..... Gios
7. Quan án..... Qa
8. Rut Rt
9. Samuel Sm (1 Sm, 2 Sm)
10. Vua..... V (1 V, 2 V)
11. Sử ký..... Sk (1 Sk, 2 Sk)
12. Esđra Esđ
13. Nehemia..... Neh
14. Tobia..... Tb
15. Giuđít..... Gđt
16. Esther Est
17. Macabê Mac (1 Mac, 2 Mac)
18. Giob Gb

19. Thánh vịnh.....	Tv
20. Châm ngôn.....	Cn
21. Giáo sĩ.....	Gs
22. Diễm tình ca	Dtc
23. Khôn ngoan	Kn
24. Huấn đạo.....	hđ
25. Isaia.....	Is
26. Gierêmia	Gier
27. Ai ca.....	Àic
28. Baruc.....	Br
29. Ezekiel	Ez
30. Daniel	Đn
31. Osêa	Os
32. Gioel	Gl
33. Amôs.....	Am
34. Obađia.....	Oba
35. Giona	Gion
36. Mika.....	Mik
37. Nahum	Nah
38. Habacuc	Hab
39. Xêphania.....	Xêp
40. Haggai.....	Hag
41. Zêcaria	Zêc
42. Malaki.....	Mal

B. TÂN ƯỚC

1. Phúc Âm theo Thánh Mattheô..... Mt
2. Phúc Âm theo Thánh Marcô Mc
3. Phúc Âm theo Thánh LucaLc
4. Phúc Âm theo Thánh GioanGio
5. Công vụ Sứ đồ CvSđ
6. Thư gửi tín hữu Roma Rm
7. Thư gửi tín hữu Corinthô..... Cor (1 Cor, 2 Cor)
8. Thư gửi tín hữu Galatia Gal
9. Thư gửi tín hữu Ephesô Eph
10. Thư gửi tín hữu Philip Ph
11. Thư gửi tín hữu Colossai Col
12. Thư gửi tín hữu Thessalonikê..... Th (1 Th, 2 th)
13. Thư gửi Timotheô Tm (1 Tm, 2 tm)
14. Thư gửi Titô..... Tit
15. Thư gửi Philemon Phm
16. Thư gửi tín hữu Do thái..... Dth
17. Thư Thánh Giacobê..... Giac
18. Thư Thánh Phêrô P (1 P, 2 P)
19. Thư Thánh Gioan Gio (1 Gio, 2 Gio, 3 Gio)
20. Thư Thánh Giuđa Gđã
21. Khải huyền Kh

II.THEO MẪU TỰ

Aic	Ai ca
Am	Amôs
Br	Baruc
Col	Thư gửi tín hữu Colossai
Cor (1 Cor, 2 Cor)	Thư gửi tín hữu Corinthô
Cn	Châm ngôn
CvSđ	Công vụ Sứ đồ
Ds	Dân số
Dtc	Diễm tình ca
Dth	Thư gửi tín hữu Do thái
Đn	Đaniel
Đnl	Đệ nhị luật
Eph	Thư gửi tín hữu Ephesô
Esđ	Esđra
Est	Esther
Ez	Ezekiel
Gal	Thư gửi tín hữu Galatia
Gb	Giob
Gđã	Thư thánh Giuđa
Giac	Thư thánh Giacobê
Gier	Gierêmia
Gio	Phúc Âm theo Thánh Gioan

Gio (1 Gio, 2 Gio, 3 Gio)	Thư Thánh Gioan
Gion	Giona
Gios	Giosua
Gl	Gioel
Gs	Giáo sĩ
Hab	Habacuc
Hag	Haggai
Hđ	Huấn đạo
Is	Isaia
Kh	Khải huyền
Kn	Khôn ngoan
Lc	Phúc Âm theo Thánh Luca
Lv	Lêvi
Mac (1 Mac, 2 Mac)	Macabê
Mal.....	Malaki
Mc	Phúc Âm theo Thánh Marcô
Mik	Mika
Mt	Phúc Âm theo Thánh Mattheô
Nah	Nahum
Neh	Nehenia
Oba	Obadia
Os	Osêa
P (1 P, 2 P)	Thư Thánh Phêrô
Ph	Thư gửi tín hữu Philip

Phm	Thư gửi Philemon
Qa	Quan án
Rm	Thư gửi tín hữu Roma
Rt	Rut
Sk (1 Sk, 2 Sk)	Sử ký
Sm (1 Sm, 2 Sm)	Samuel
Stk	Sáng thể ký
Tb	Tobia
Th (1 Th, 2 Th)	Thư gửi tín hữu Thessalonikê
Tit	Thư gửi tín hữu Titô
Tm (1 Tm, 2 Tm)	Thư gửi tín hữu Timotheô
Tv	Thánh vịnh
V (1 V, 2 V)	Vua
Xac	Xuất Ai Cập
Xêp	Xêphania
Zêc	Zêcaria

NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

bc	: bị chú
c	: cuốn
CĐ	: Công Đồng
ch	: chương
ct	: chú thích
đth	: định thức
gc	: ghi chú
HC	: Hiến Chế
kh	: khoản
KL	: kết luận
nb	: nên biết
nt	: như trên (tác giả trên)
nvt	: nơi vừa thích
O	: lời mở đầu
PL	: Phụ Lục
q	: quyền
SL	: Sắc Lệnh
T	: Thánh
t	: và số tiếp
tt	: và các số tiếp theo
Tđ	: Thông điệp
TN	: Tuyên Ngôn

trg : trang
x : xem

KÝ HIỆU TRÍCH DẪN

- AAS** : *Acta Apostolicae Sedis*. Roma năm 1909 tt.
- ASS** : *Acta Sanctorum*. Roma năm 1865 “ 1908.
- CChr** : *Corpus Christianorum* do Tu sĩ Dòng Thánh Biển Đức Tu viện Thánh Phêrô ở Steenbrugge soạn, Tumholt 1953.
- CIC** : *Codex Juris Canonici* (Giáo luật).
- COD** : *Conciliorum Oecumenicorum Decreta*. Trung Tâm Tài Liệu Xuất Bản, Viện Khoa Học Tôn Giáo, Bologne, Herder, 1962.
- Coll.** : *Actorum et Decretorum Ss. Conciliorum recentiorum Collectio Lacensis*, Friburg, 1870 tt.
- Lac** : *Acta Concilii Lacensis*, Friburg, 1870 tt.
- CSEL** : *Corpus Christianorum Ecclesiasticorum Latinorum*. Vienn 1866 tt.
- Dz** : Denzinger — Schonmetzer, *Enchiridion Symbolorum. Definitionum et Declarationum* về đức tin và phong hóa. Herder 1963, ấn bản lần thứ 32a.
- EB** : *Enchiridion Biblicum*, Napoli — Roma 1961, ấn bản lần thứ 4 a.
- Funk** : F.X.Funk, *Patres Apostolici*, 2 cuốn, Tubingue 1901.
- GCS** : *Die Griechischen Christlichen Schriftsteller der ersten Jahrhunderte*. Leipzig 1897 tt.
- Hartel** : Ấn bản phê bình của CSEL.
- I**
- Harvey** : Thánh Ireneô chống Lạc Giáo : W. W. Harvey xuất bản 2 cuốn, Cambridge.
- Mansi** : J.D.Mansi, *Sanctorum Conciliorum et Decretorum Collectio Nova...* 1748 - 1752 : 6 cuốn. I.B Martin và L. Petit tiếp tục sưu khảo với tên sách *Sanctorum Conciliorum Nova et Amplissima Collectio...*

Florence - Venise - Paris - Leipzig 1759 - 1927, 53 cuốn.

- MGH** : *Monumenta Germaniae Historica*. Hannover - Berlin 1862 tt.
- Patr. Or** : *Patrologia Orientalis*, R. Graffin, F. Nau xuất bản. Paris 1903 tt.
- PG** : *Patrologiae Graecae Cursus Completus*: J. B.Migne xuất bản, Paris 1857 - 1886.
- PL** : *Patrologiae Latinae Cursus Completus*: J.B.Migne xuất bản, Paris, 1844 - 1864.
- Sagnard** : Ấn bản phê bình của *Sources Chrétiennes*.
- Sources Chr** : *Sources Chrétiennes*, H. de Lubac, J. Dahiéou, Paris 1941 tt.
- T.u.U** : *Texte und Untersuchungen zur Geschichte der altchristlichen Lite-ratur*. Leipzig 1882 tt.

Lời Giới Thiệu Tổng Quát Về Công Đồng

LỜI GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT

I. Một Vài Khái Niệm Về Các Công Đồng

A. ĐỊNH NGHĨA CÔNG ĐỒNG:

Công Đồng là gì? Đó là câu hỏi mà thiết tưởng cần được trả lời trước hết.

Một cách tổng quát Công Đồng là một hội nghị gồm các Giám Mục cùng một số chức vị trong Giáo Hội chính thức nhóm họp với mục đích bàn luận và quyết định những vấn đề thuộc giáo lý hoặc qui luật của Giáo Hội.

Có những cấp bậc Công Đồng khác nhau, được kể trong hai loại tổng quát: Công Đồng phổ quát và Công Đồng riêng. Công Đồng phổ quát còn được gọi là Công Đồng Chung. Theo pháp chế hiện hành của Giáo Hội, Công Đồng Chung là một hội nghị toàn thể các Giám Mục của Giáo Hội, được triệu tập do và dưới thẩm quyền của Đức Giáo Hoàng. Từ ngữ "chung" được dịch từ một tinh từ Hy Lạp mang ý nghĩa "thuộc về mọi phần đất có người ở": nghĩa là chỉ toàn thể thế giới.

Trước Công Đồng Vaticanô II, chỉ có những Giám Mục tông tòa mới có quyền tham dự Công Đồng Chung. Nhưng ngày nay, Sắc lệnh về Nhiệm Vụ Giám Mục xác định lại: "Thánh Công Đồng chế định: mọi Giám Mục đều có quyền tham dự Công Đồng Chung, vì là thành phần của cộng đoàn Giám Mục" (GM 4). Thứ đến, được gọi là Công Đồng riêng, một hội nghị gồm các Giám Mục của khu vực nào đó trong Giáo Hội. Công Đồng riêng được gọi là Đại Công Đồng, nếu hội nghị gồm các Giám Mục của nhiều giáo tỉnh khác nhau, dưới quyền chủ tọa của Sứ Thần Tòa Thánh. Nếu chỉ có các Giám Mục của một giáo tỉnh, dưới quyền chủ tọa của Tổng Giám Mục hay một Giám Mục thâm niên công vụ, thì Công Đồng được gọi là Công

Đồng tỉnh. Ngoài ra, chúng ta còn có thể kể thêm vài loại khác như Công Đồng toàn quốc, Công Đồng toàn miền, v.v...

Chúng ta còn thấy có những hội nghị Giám Mục khác, chẳng hạn như các thượng hội đồng. Thượng hội đồng giáo phận được dùng để chỉ những phiên họp của vị Giám Mục giáo phận với hàng giáo sĩ của mình. Còn thượng hội đồng Giám Mục là một hội nghị, được thành lập ngay sau Công Đồng Vaticanô II, gồm những Giám Mục được chọn trong số các Giám Mục toàn thế giới, do chính Đức Giáo Hoàng triệu tập, với mục đích cùng tìm hiểu và cố vấn cho Ngài trong những vấn đề có tính cách thời sự của Giáo Hội.

B. THẨM QUYỀN CỦA CÔNG ĐỒNG:

Công Đồng giữ thẩm quyền tối thượng trong Giáo Hội. Nền tảng này dựa vào chính ý muốn của Chúa Kitô là Đấng đã ban quyền cho các Tông Đồ và những người kế vị các Ngài, để dạy dỗ và điều khiển Giáo Hội.

Công Đồng Chung là cơ quan lập pháp và giáo huấn tối cao của Giáo Hội. Thực ra, đó chính là Giám Mục Đoàn qui tụ về một nơi. Những sắc lệnh giáo lý của Công Đồng này giữ một giá trị giáo thuyết rất cao: với một vài điều kiện, chúng thành bất khả ngộ.

Những sắc lệnh Công Đồng có thể chia làm hai loại: giáo lý hoặc qui luật. Sắc lệnh về qui luật đề cập đến luật lệ, tập quán, nghi lễ v.v... Sắc lệnh về giáo lý nhằm ngay đến giáo lý mạc khải, làm sáng tỏ những điểm còn nghi ngờ, xác quyết những chân lý bị lạc giáo chối từ v.v... Vì thế, trong những sắc lệnh về loại này, chúng ta thấy có những "định thức". Gọi là định thức, những công thức ngắn về một điểm của giáo lý, hoặc xác quyết một chân lý, hoặc lên án một lạc giáo, và kết thúc bằng

phán quyết "tuyệt thông". Giáo lý ở các định thức thuộc về tín điều: chối bỏ sẽ bị liệt vào hàng lạc giáo.

C. CÁC CÔNG ĐỒNG TRONG LỊCH SỬ:

Trước hết chúng ta nói đến Công Đồng "Giêrusalem". Đó là cuộc hội nghị của các Tông Đồ và những môn đồ khác, vào khoảng năm 48-50 (x. CvSđ 15). Giáo Hội sơ khai đã bắt đầu tổ chức hội nghị công đồng rất sớm, vì thực sự đó chính là sự thể hiện tính cách cộng đoàn của Giám Mục. Ngay trước thời kỳ thanh bình dưới đời vua Constantinô, đầu thế kỷ thứ IV, cũng đã có Công Đồng Elvira (Tây Ban Nha), nổi tiếng trong quyết nghị công bố luật độc thân giáo sĩ. Sau đó, do lệnh vua Constantinô, Công Đồng Arles (Pháp) được nhóm họp để chống lại lạc giáo Donatô. Cũng chính vị Hoàng Đế này triệu tập Công Đồng Chung thứ nhất ở Nicea (Nikaia) vào năm 325.

Bảy Công Đồng Chung đầu tiên đã có một thẩm quyền đặc biệt: ngày nay Giáo Hội Đông Phương và Tây Phương cũng như nhiều người Tin Lành đều nhìn nhận. Tất cả bảy Công Đồng đó đều được triệu tập do hoàng đế (hay nữ hoàng) chứ không do Đức Giáo Hoàng: và đôi khi chống lại Đức Giáo Hoàng, như Công Đồng Chung thứ II thành Constantinopla. Thẩm quyền của những Công Đồng Chung đó dựa vào sự chấp nhận của Giáo Hội phổ quát, bởi Giáo Hội nhìn thấy ở đó sự phản chiếu trung thành của Mạc Khải. Sau đây là danh sách:

1. Công Đồng Nicea (Nikaia) năm 325: thành phần tham dự gồm khoảng 300 Giám Mục Đông Phương, 4 Giám Mục Tây Phương, với 2 linh mục Roma giữ chức vụ sứ thần cho Đức Giáo Hoàng Silvester I. Công Đồng lên án lạc giáo Ariô, và định tín rằng Ngôi Lời đồng bản tính với Đức Chúa Cha.

2. Công Đồng Constantinopla I, năm 381: do Hoàng Đế Theodosiô triệu tập. Khoảng 186 Giám Mục Đông Phương

tham dự. Không có một Giám Mục Tây Phương nào. Đức Giáo Hoàng Damasô không được phép chủ tọa. Công Đồng lên án lạc giáo Macedônô, và tuyên bố thiên tính của Chúa Thánh Thần.

3. Công Đồng Êphesô, năm 431: do Hoàng Đế Theodosiô II triệu tập. Thành phần tham dự: khoảng 250 Giám Mục Đông Phương, 1 Giám Mục Tây Phương và 1 phó tế thành Carthagô, cùng với 3 Sứ thần của Đức Giáo Hoàng Celestinô I (2 Giám Mục và 1 linh mục). Công Đồng lên án 2 thủ lĩnh lạc giáo: Nestoriô và Pelagiô. Công Đồng tuyên bố Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa, và xác định sự Ngôi hiệp nơi Chúa Kitô.

4. Công Đồng Calcedonia (Khalkedon), năm 451. Hoàng Đế Marcianô đứng ra triệu tập. Thành phần tham dự: có lẽ khoảng 600 Giám Mục Đông Phương, 2 Giám Mục Phi Châu và 3 Sứ thần của Đức Giáo Hoàng Lêô I (2 Giám Mục và 1 linh mục). Công Đồng lên án thủ lĩnh lạc giáo Eutiches, và tuyên bố Chúa Kitô có một ngôi vị và hai bản tính.

5. Công Đồng Constantinopla II, năm 553, do Hoàng Đế Giustinianô I triệu tập. Thành phần tham dự: khoảng 150 Giám Mục Đông Phương, 8 Giám Mục Phi Châu. Đức Giáo Hoàng Vigiliô không muốn tham dự (mặc dầu Ngài có mặt ở Constantinopla cùng với 16 Giám Mục La tinh). Công Đồng lên án "Ba Giảng Thuyết" tức các tác giả: Origenes, Theodoretô và Ibas.

6. Công Đồng Constantinopla III, năm 680. Thành phần tham dự: 165 Giám Mục Đông Phương, 6 Giám Mục Tây Phương, và 3 Sứ thần của Đức Giáo Hoàng Agathon (2 linh mục và 1 phó tế). Công Đồng lên án lạc giáo nhị-tính-nhất-ý và dạy rằng Chúa Kitô có 2 ý chí.

7. Công Đồng Nicea II (Nikaia), năm 787. Hơn 300 Giám Mục Đông Phương và 2 Sứ thần của Đức Giáo Hoàng Hadrianô

I (1 linh mục hạt trường và 1 linh mục) tham dự. Công Đồng lên án phái chủ trương bác bỏ việc tôn kính ảnh tượng.

Đối với 7 Công Đồng vừa kể trên, người ta không đặt vấn đề nghi ngờ về giá trị. Nhưng với Công Đồng thứ 8 mà chúng ta sắp nói đến, có nhiều bất đồng ý kiến.

8. Công Đồng Constantinopla IV: Theo Công Giáo, Công Đồng được nhóm họp năm 870, do Hoàng Đế Basiliô triệu tập, có 102 Giám Mục Đông Phương, 3 Sứ thần của Đức Giáo Hoàng Hadrianô II (2 Giám Mục và 1 phó tế). Công Đồng lên án Đức Thượng Phụ Photios. Nhưng theo Giáo Hội Đông Phương, Công Đồng này đã bị Công Đồng năm 880 hủy bỏ, và đây mới thực là Công Đồng Chung giá trị.

Sau đây chúng ta sẽ kể đến những Công Đồng nhóm họp ở Tây Phương; không có Giáo Hội Đông Phương tham dự, trừ ở hai Công Đồng Lyon và Firenze (Florentinô).

9. Công Đồng Lateranô I, năm 1123. Đức Giáo Hoàng Callitô II triệu tập, và gồm 300 Giám Mục Tây Phương tham dự. Công Đồng bàn luận về vấn đề "ban chức".

10. Công Đồng Lateranô II, do Đức Giáo Hoàng Innocentiô II triệu tập vào năm 1139. Khoảng 1,000 nhân vật tham dự. Công Đồng lên án các giáo phái ly khai, và đề cập tới vấn đề qui luật.

11. Công Đồng Lateranô III, năm 1179, do Đức Giáo Hoàng Alexandrô III triệu tập. 300 Giám Mục và 400 giáo sĩ tham dự. Công Đồng bàn về việc bầu Giáo Hoàng, và lên án lạc giáo Albigenses (hoặc Cathari).

12. Công Đồng Lateranô IV, năm 1215, do Đức Giáo Hoàng Innocentiô III triệu tập. Thành phần tham dự: 412 Giám Mục và 388 giáo sĩ. Công Đồng lên án lạc giáo Albigeois, và các lạc giáo do P. de Vaux và do Joachim khởi xướng.

13. Công Đồng Lyon I, năm 1245, do Đức Giáo Hoàng Innocentiô IV triệu tập, với sự tham dự của 140 Giám Mục và nhiều giáo sĩ. Công Đồng cách chức Hoàng đế Frederic II.

14. Công Đồng Lyon II, năm 1274, do Đức Giáo Hoàng Gregoriô X triệu tập. Thành phần tham dự: khoảng 500 Giám Mục và 570 giáo sĩ (có Thánh Tôma và Thánh Bonaventura) với Hoàng Đế Đông Phương Michael Paleologô. Công Đồng bàn luận về vấn đề hiệp nhất giữa Giáo Hội Đông Phương và Tây Phương.

15. Công Đồng Vienne, năm 1321, do Đức Giáo Hoàng Clementê V triệu tập. Người ta không rõ thành phần tham dự: có người cho là 114, người khác bảo 300. Công Đồng hủy bỏ dòng tu Đền Thờ và lên án lạc giáo do Lambert de Bègue chủ xướng.

16. Công Đồng Constance, từ năm 1414 đến 1418, do Hoàng Đế Segismundô triệu tập, với sự tham dự của 32 Hồng Y, 183 Giám Mục, 100 linh mục và 350 giáo sĩ. Công Đồng bãi nhiệm 3 Đức Giáo Hoàng đang tranh chấp nhau, chấm dứt tình trạng ly khai ở Tây Phương, lên án Wiclef và Huss. Sau hết, Công Đồng chọn Giáo Hoàng Martinô V.

17. Công Đồng Firenze, từ năm 1438 đến 1445, do Đức Giáo Hoàng Eugentiô IV triệu tập. Đầu tiên Công Đồng nhóm ở Basel, sau rời về Ferrara và cuối cùng ở Firenze. Thành phần tham dự: 150 Giám Mục Tây Phương, với 30 Giám Mục Đông Phương. Các Giám Mục tham dự ký một bản công thức hiệp nhất.

18. Công Đồng Lateranô V, năm 1512-1517, do Đức Giáo Hoàng Giuliô II triệu tập, gồm 115 Giám Mục Tây Phương. Công Đồng bàn về vấn đề canh tân Giáo Hội và lên án những nhà tân thuyết Aristoteles (Neo-aristotelismô).

19. Công Đồng Triden, từ năm 1545 đến 1563, do Đức Giáo Hoàng Phaolô III triệu tập. Lúc đầu 70 Giám Mục tham dự và lúc cuối có 252 Giám Mục, với nhiều giáo sĩ khác. Công Đồng lên án giáo phái Tin Lành và tuyên bố nhiều định tín khác. Công Đồng ra lệnh canh tân Giáo Hội.

20. Công Đồng Vaticanô I, năm 1870, do Đức Giáo Hoàng Piô IX triệu tập, với sự tham dự của 747 Giám Mục. Công Đồng lên án thuyết duy lý và thuyết chủ trương Giáo Hội Pháp độc lập. Công Đồng tuyên bố tính cách bất khả ngộ của Đức Giáo Hoàng.

21. Công Đồng Vaticanô II, do Đức Gioan XXIII triệu tập và kết thúc ở thời Đức Phaolô VI.

Ngoài những Công Đồng Chung kể trên, chúng ta biết còn có nhiều Công Đồng riêng ảnh hưởng lớn lao trong Giáo Hội, như Công Đồng Cathagô (do Thánh Cyprianô khởi xướng năm 256) và Công Đồng Toledô. Trong thời Trung Cổ, các Công Đồng và Thượng Hội Đồng được triệu tập rất thường.

II. Công Đồng Vaticanô II

A. VATICANÔ II, MỘT Ý NGHĨ CÁ NHÂN CỦA ĐỨC GIOAN XXIII:

Nguồn tin Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII loan báo triệu tập Công Đồng đã làm cho toàn thể giới ngạc nhiên; hầu như không một ai chờ đón và nghĩ tới sự kiện đó. Lúc đó là ngày 25 tháng Giêng năm 1959. Đức Giáo Hoàng và một vài Hồng Y đến tham dự một nghi lễ tại Vương Cung Thánh Đường Thánh Phaolô ngoại thành. Sau buổi lễ, trong một phòng khách của tu viện cạnh thánh đường, khi ngỏ lời với các Hồng Y, Đức Thánh Cha nói Ngài đã có ý định triệu tập một Công Đồng Chung,

một Thượng Hội Đồng giáo phận Roma và muốn cải tổ giáo luật.

Lúc đó, người ta bắt đầu nói đến một "Công Đồng Hiệp Nhất" mọi Kitô hữu; thực vậy chính Đức Thánh Cha muốn Công Đồng trở thành một lời mời gọi đến hiệp nhất. Cũng ngày 25 tháng Giêng năm 1959, Đức Gioan XXIII bế mạc tuần lễ hiệp nhất, và bốn ngày sau Ngài đã tuyên bố về Công Đồng như sau: "Chúng ta hãy hiệp nhất với nhau và chúng ta hãy chấm dứt mọi bất hòa". Tinh thần hiệp nhất đã trở nên niềm hy vọng và là động lực hướng dẫn cho Công Đồng, cũng như sau này sẽ là một trong những thành quả hiển nhiên nhất của Công Đồng.

Ý nghĩ triệu tập Công Đồng là một linh ứng đặc biệt của Đức Gioan XXIII. Ngài không thổ lộ với ai, cũng như chưa có ai đề nghị cho ngài ý tưởng đó. Hơn thế, lúc ấy người ta nghĩ rằng các Công Đồng sẽ không còn cần thiết nữa. Sau Công Đồng Vaticanô I với định tín ơn bất khả ngộ của Đức Giáo Hoàng, nhiều người đã ngầm chấp nhận "luận đề" của Bismark cho rằng từ nay Công Đồng trở nên vô ích. Và trong suốt thế kỷ sau Công Đồng Vaticanô I, uy quyền Giáo Hoàng vơi dần tới chỗ độc tôn đến nỗi ai cũng công nhận rằng ngay cả quyền giáo huấn thông thường của Giáo Hoàng vẫn là "mực thước của đức tin" cho tín hữu thực hành. Bởi thế, do ơn quan phòng, Đức Gioan XXIII, "vị Giáo Hoàng chuyển tiếp", như người ta vẫn gọi thế, đã đưa Giáo Hội thoát xa "duy giáo hoàng thuyết", để đến gần với "nguồn Phúc Âm" hơn.

B. TỔNG LUẬN VỀ CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II:

Vaticanô I phải chấm dứt vào ngày 20 tháng 10 năm 1870, khi giáo phận Roma bị sát nhập vào vương quốc Ý. Công Đồng đành đình hoãn vô thời hạn. Chương trình các vấn đề bàn cãi còn dang dở. Tối thượng quyền và ơn bất khả ngộ của Đức

Giáo Hoàng là những vấn đề không nằm trong chương trình ban đầu, lại được Công Đồng định tín trước; còn nhiều tiết mục quan trọng khác về Giáo Hội, nhất là về vấn đề truyền giáo, về nhiệm vụ các Giám Mục v.v... chưa được bàn cãi tới. Vì thế, Công Đồng Vaticanô I là một Công Đồng đã ngưng trệ nhưng chưa hoàn tất.

Đức Piô IX, Đức Lêô XIII và cả Đức Piô X hình như đã không nghĩ tới việc tiếp tục và hoàn tất Công Đồng. Sau trận đại chiến, Đức Piô XI đã quan tâm đến vấn đề: trong Thông Điệp đầu tiên *Ubi arcano* (23-12-1922), ngài có đề cập tới vấn đề tiếp tục tiến hành công việc còn dang dở của Công Đồng (AAS 14 (1922) 692). Ngài đã đề cử một ủy ban để tìm hiểu các văn kiện của Công Đồng Vaticanô I và tìm cách thức tiến hành.

Rồi đến Đức Piô XII, ngay khi vừa nhận chức Giáo Hoàng, ngài đã được Hồng Y Ruffini đề nghị tiếp tục Công Đồng. Đã có một nhóm chuyên viên làm việc trong nhiều năm với mục đích chuẩn bị Công Đồng, cho tới khi Đức Piô XII băng hà.

Đức Gioan XXIII đã tiếp tục. Tuy nhiên, điều mới mẻ nơi ngài là ý định triệu tập Công Đồng không phải phát sinh từ việc học hỏi các tài liệu, nhưng từ những nhu cầu cấp bách thực tế của Giáo Hội. Và đó cũng là hướng đi đặc biệt của Vaticanô II.

Thông thường, Công Đồng là một giải đáp của Giáo Hội trước một khủng hoảng rõ ràng, chẳng hạn một lạc giáo hay một cuộc ly khai v.v... Thế nhưng vào năm 1959, người ta có cảm tưởng rằng Giáo Hội không phải bận tâm về một khó khăn nào: không có lạc giáo, không có bách hại. Hơn thế, uy quyền Giáo Hội lớn mạnh hơn lúc nào hết. Tuy nhiên, phải nhìn thẳng vào bề mặt của Giáo Hội, người ta mới nhận thấy rằng hơn bao giờ hết. Giáo Hội đang đương đầu với những vấn nạn cực kỳ khó khăn. Từ Vaticanô I, thế giới đã đổi thay còn nhanh hơn 19 thế kỷ qua. Cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật đã có hấp

lực hướng về viễn ảnh tương lai, mà đối với họ, hình như đang ở trong tâm tay. Con người đặt trọn niềm hy vọng của mình nơi thế giới vật chất này, vì đối với họ, những hứa hẹn của các tôn giáo đều tan vỡ. Nhưng đồng thời và hơn bao giờ hết, con người lại cảm thấy luôn bị đe dọa do chính những khám phá của họ: hiểm nguy tiêu diệt của bom nguyên tử, bầu khí thiếu lành mạnh và nhiễm độc của môi trường văn minh, chiến tranh liên lỉ...

Đang khi đó, các Kitô hữu, thành phần thiểu số của thế giới, lại chia rẽ hơn bao giờ hết. Giáo Hội Công Giáo đã mất đi những cơ hội truyền giáo hứa hẹn nhất, và đau đớn vì những rạn nứt nội bộ không ngừng xảy ra nơi các xứ Kitô giáo lâu đời.

Vì sự hiệp nhất Kitô hữu đã trở nên hết sức cần thiết. Nhưng sự hiệp nhất không thể đương nhiên thành tựu, mà trái lại chính người Kitô hữu phải bắt đầu và khởi sự đi dần tới hiệp nhất. Bởi vậy, cần phải thay đổi nhiều và "tự cải hóa"...

Những vấn đề ấy là những lý do đủ để khai mở một Công Đồng.

1. Giai đoạn tiền chuẩn bị (từ 17-5-1959 đến 5-6-1960)

Công Đồng bao giờ cũng là công việc rất quan trọng, cho nên ngay cả công cuộc chuẩn bị, người ta cũng phải sửa soạn trước. Do đó có giai đoạn được gọi là "tiền chuẩn bị".

Trong giai đoạn này, người ta có thể theo hai phương pháp làm việc: hoặc tiếp tục công trình của Vaticanô I, hay khởi sự từ những vấn đề mới. Trong phương pháp thứ hai, người ta còn có thể bàn luận những đề mục do Tòa Thánh Roma đề nghị hay hỏi ý kiến các Giám Mục về những đề mục. Phương pháp thứ hai được áp dụng cho giai đoạn này của Công Đồng Vaticanô II.

Để thực hiện việc này Đức Gioan XXIII đã đề cử một Ủy Ban do Hồng Y Tardini làm chủ tịch. Và đây là lần đầu tiên trong lịch sử, các Nghị Phụ Công Đồng tương lai được tham khảo ý kiến (ở Công Đồng Vaticanô I, chỉ có 35 Giám Mục được hỏi ý kiến). Các Đại Học cũng được thăm dò. Hơn thế, một sự kiện chưa từng có là không có vấn đề giới hạn các đề mục. Con số trả lời lên tới 2,109, làm thành 8 quyển. Tổng kết gồm 8,972 đề nghị.

Để khai triển những đề nghị trên, Đức Giáo Hoàng ra tước sắc *Superno Dei nutu* ngày 5-6-1960, ngày Lễ Hiện Xuống, trong đó, ngài thành lập 12 Ủy Ban và 3 Văn Phòng. Các Ủy Ban này tương đương với những Thánh Bộ của Giáo Triều Roma, cũng có một bộ trưởng tương ứng. Ủy Ban Trung Ương do chính Đức Giáo Hoàng làm Chủ tịch, và Tổng Thư Ký lúc đó là Đức Cha Felici, sau này trở thành Tổng Thư Ký của Công Đồng. Thành phần các Ủy Ban được tuyển chọn trong toàn thế giới, mặc dầu phần đông thuộc Âu Châu, vì lý do tài chánh và kỹ thuật.

Còn về tên gọi của Công Đồng, người ta bàn cãi không biết đó có phải là một Công Đồng khác, hay là kế tiếp Vaticanô I. Cuối cùng, vào ngày 7 tháng 12 năm 1959, Đức Giáo Hoàng chính thức đặt tên là Vaticanô II.

2. Quá trình giai đoạn chuẩn bị (từ 14-11-1960 đến 11-10-1962)

Ngày 14-11-1960, Đức Giáo Hoàng đọc diễn văn khai mạc giai đoạn chuẩn bị trước 33 Hồng Y và hàng trăm Giám Mục: mục đích của Công Đồng là "đem lại chân giá trị cho tư tưởng con người, cũng như cho đời sống nhân loại và Kitô giáo", trong một tinh thần biết tìm về nguồn và biết vâng theo Chúa Thánh Thần (AAS 59 (1960) 1004-1014).

Ngay trước khi khai mạc, các Ủy Ban đã phải làm việc ngày đêm. Họ lo soạn thảo các lược đồ hội nghị. Để hoàn thành một lược đồ, các thành phần của Ủy Ban phải họp lại với nhau, dưới quyền chủ tọa của một Hồng Y; bên họ luôn có những nhà chuyên môn tài giỏi. Trong 8 quyển chứa đựng các đề nghị, họ phải chọn lựa ra những chất liệu căn bản, dựa theo tầm quan trọng và theo con số những người đề nghị v.v...

Sau đó, họ bàn cãi để đi đến chấp nhận cách tổng quát những đề tài và những tiêu chuẩn làm việc. Thế rồi, để tiến hành công việc, các chất liệu lại được phân chia thành những tiểu đề do các tiểu ban hoặc các nhóm chuyên viên đảm trách.

Các nhóm và tiểu ban này một lần nữa sẽ đúc kết các tiểu đề và phân thành chương, rồi cuối cùng soạn thành một bản sơ thảo. Bản sơ thảo này sẽ được chính tiểu ban soạn thảo bàn cãi một lần nữa, tu bổ lại, hoặc có khi loại bỏ. Sau đó, tiểu ban sẽ soạn lại một sơ thảo mới. Khi tiểu ban đã đồng ý, bản sơ thảo sẽ được cho in và gửi đến mọi thành phần của Ủy Ban và các cố vấn; những vị này sẽ gửi nhận xét đến tiểu ban. Một số các cố vấn; những vị này sẽ gửi nhận xét đến tiểu ban. Một số các nhà chuyên môn sẽ tìm hiểu các nhận xét đó, sắp xếp và chuyển về cho các thành phần tiểu ban. Tiểu ban sẽ xem xét các nhận xét, chấp thuận hay loại bỏ. Cuối cùng lược đồ sẽ được Ủy Ban nhóm họp lại bàn cãi tự do và bỏ phiếu quyết định.

Một lược đồ đã được Ủy Ban chấp thuận còn phải đệ trình lên Ủy Ban Trung Ương. Ủy Ban này do chính Đức Giáo Hoàng chủ tọa, được coi như một tiểu Công Đồng: gồm nhiều Hồng Y, Thượng Phụ và Giám Mục... của 57 quốc gia. Lại có một tiểu ban đặc biệt chuyên xem xét các lược đồ thuộc các Ủy Ban khác nhau để tránh sự lập lại chất liệu.

Khi một lược đồ được đệ trình, Ủy Ban Trung Ương sẽ cẩn thận duyệt xét, để xem có đáp ứng đủ với những tiêu chuẩn đã ấn định hay không. Sau đó Ủy Ban sẽ bỏ phiếu: đồng ý, không

đồng ý, hay đồng ý với vài sửa đổi. Nếu hơn một phần ba không đồng ý, lược đồ bị loại bỏ; và Ủy Ban có trách nhiệm phải soạn thảo một lược đồ khác. Nếu được chấp thuận, lược đồ sẽ được đệ trình lên Đức Giáo Hoàng, và chính Ngài sẽ quyết định cho đem trình bày với các Nghị Phụ ở Công Đồng.

Thành quả của những công việc lâu dài này là 70 dự án được chấp thuận, làm thành 2,060 trang giấy in. Tuy nhiên, các chất liệu vẫn còn quá bao la, nên đòi hỏi phải lược tóm hơn nữa.

3. Kỳ họp đầu tiên của Công Đồng (từ 11-10 đến 8-12-1962)

Trong Tông Hiến Humanae Salutis (ngày 25-12-1961), Đức Giáo Hoàng quyết định triệu tập Công Đồng vào năm 1962; và ngày giờ chính xác để khai mạc được ấn định trong Tự Sắc Concilium (ngày 2-2-1962).

Có tất cả 2,904 Nghị Phụ được mời gọi tham dự, và con số các Nghị Phụ có mặt lên rất cao (trong các lần họp, nhiều nhất là 2,449 vị và ít nhất là 2,086 vị tham dự). Vài ngày trước khi khai mạc, Đức Thánh Cha đã hành lương đến Loretto và Assisi (vào ngày 4-10-1962) để cầu xin Ôn Trên.

Trong bài diễn văn khai mạc, Đức Gioan XXIII đã đưa ra những tôn chỉ hướng dẫn Công Đồng: cởi mở với thế giới; thông cảm chứ không lên án tuyệt thông; xót thương hơn là khắt khe; nhận chân rằng thế giới cũng rất nhạy cảm, không chấp nhận sai lầm: loan truyền Phúc Âm với niềm hy vọng hơn là với tâm trạng của "những tiên tri loan báo sự dữ".

Khoảng thời gian từ ngày 13 đến 20-10, các Nghị Phụ tuyển chọn những thành phần các ủy Ban Công Đồng. Mỗi Ủy Ban gồm 16 thành phần tuyển chọn và 9 thành phần do Đức Giáo Hoàng chỉ định. Vị chủ tịch chính là Hồng Y chủ tịch của Ủy Ban trong giai đoạn chuẩn bị, do Đức Giáo Hoàng đề cử. Có tất cả 10 Ủy Ban, cộng với Hội Đồng chủ tịch điều hành, Ủy

Ban đặc vụ và Văn Phòng thống nhất. Tất cả các thành phần là 273 Nghị Phụ: 54 vị thuộc Âu Châu, 66 vị thuộc Mỹ Châu, 38 vị thuộc Á Châu, 12 vị thuộc Phi Châu và 3 vị thuộc Đại Dương Châu.

Ngày 20 tháng 10, trong phiên họp khoáng đại lần thứ ba, Công Đồng đã gửi "một sứ điệp cho thế giới". Sau đó, các Nghị Phụ bắt đầu công việc theo các lược đồ đề nghị. Bảy lược đồ đã được phân phát cho các Nghị Phụ, và các Ngài bắt đầu lược đồ về Phụng Vụ. Những cuộc bàn luận không phải lúc nào cũng dễ dàng, vì có nhiều giờ phút thật căng thẳng, giằng co. Cuối cùng vào ngày 14 tháng 11 lược đồ đầu tiên này được bỏ phiếu và được chấp thuận với 2,162 phiếu thuận, và 46 phiếu chống. Công Đồng đã đạt được một bước thắng lợi.

Ngay sau đó, cuộc bàn cãi được tiếp tục với lược đồ về các nguồn mạc khải. Đây là vấn đề gai góc hơn vì tầm quan trọng của nó trong lãnh vực thần học. Có một nguồn hay hai nguồn? Đó là vấn đề, và thực tế hai trường phái thần học đều phải đương đầu trước khó khăn của quan niệm về "mạc khải", về "chân lý", về "linh ứng", về "thánh truyền" và về những tương quan của chúng. Các ý kiến bên vực hay chống đối đã được phát biểu trong bầu không khí thật sôi động và căng thẳng. Nhưng rồi lược đồ bị đa số bác bỏ và Đức Giáo Hoàng đã phải gửi trả về cho Ủy Ban liên hệ.

Ngày 23 tháng 11, các Nghị Phụ đề cập tới lược đồ về phương tiện truyền thông xã hội, nhưng cũng bị gửi trả về cho ủy Ban soạn thảo để sửa lại. Lược đồ về hiệp nhất các Kitô hữu cũng bị bác bỏ, lý do là vì lược đồ này chỉ được Ủy Ban phụ trách các Giáo Hội Đông Phương soạn thảo, đang khi đáng lý nó thuộc thẩm quyền của Ủy Ban về hiệp nhất. Và chính Ủy Ban này cũng đang soạn thảo một lược đồ. Lại nữa, một Ủy Ban thần học khác lại cũng đề cập đến vấn đề hiệp nhất này trong một lược đồ về Giáo Hội. Cuối cùng, các Nghị Phụ bỏ

phiếu tổng hợp cả ba lại thành một lược đồ duy nhất về vấn đề này.

Vào cuối tháng 11, các Nghị Phụ lại nhận được một lược đồ về Giáo Hội (123 trang), gồm cả một chương về Đức Trinh Nữ Maria. Một số Nghị Phụ muốn bàn luận ngay về chương này; nhưng vì các lý do hiệp nhất và giáo hội học, lược đồ về Giáo Hội được khởi sự bàn cãi ngay từ chương đầu vào ngày 1 tháng 12 năm 1962. Cuộc bàn cãi mang lại nhiều lợi ích và chuẩn bị cho công việc giữa hai kỳ họp.

Ở cuối kỳ họp, các Nghị Phụ nhận thấy rằng chất liệu còn quá bao la, số lược đồ lại tăng lên tới 73, và nếu so sánh với tất cả những Công Đồng trước, số trang tài liệu của các lược đồ đã nhiều hơn gấp ba lần. Vì thế, Đức Giáo Hoàng quyết định rút lại còn 20 lược đồ. Các Nghị Phụ có chín tháng để lo đúc kết các lược đồ này và soạn thảo công việc cho kỳ họp tới.

Nhưng trong thời gian đó, Đức Gioan XXIII, Người tôi tớ trung thành của Thiên Chúa, đã được cất về Trời. Đức Hồng Y Montini lên ngôi Giáo Hoàng kế vị, lấy danh hiệu Phaolô VI.

4. Kỳ họp thứ hai (từ 29-9 đến 4-12-1963)

Có những dư luận đối nghịch nhau về vị Tân Giáo Hoàng. Nhiều người cho rằng Ngài "bảo thủ", một số khác tiên đoán Ngài thuộc phái "cấp tiến". Người ta có cảm tưởng những hướng đi đầu tiên của triều đại Giáo Hoàng của ngài nằm trong con đường "bảo thủ". Nhưng về sau, mọi người mới nhận ra tinh thần của ngài vượt trên mọi thành kiến và còn tiến xa hơn cả Đức Gioan XXIII: Ngài cải tổ lại các qui tắc của Công Đồng để đem đến nhiều hiệu năng hơn; Ngài mạnh dạn tuyên bố chinh đốn lại giáo triều Roma vào ngày 21-9-1963, đó là điều Đức Gioan XXIII không dám nghĩ tới.

Trong bài diễn văn khai mạc, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã cụ thể hóa chương trình làm việc của Công Đồng; ngài tuyên bố: "Thánh Công Đồng phải đào sâu giáo lý về chức Giám Mục, về những nhiệm vụ và những liên lạc của chức vụ đó với Phêrô". Giáo lý cần trở nên thiết thực và thích ứng hơn. Ngài nói đến "những anh em bất hòa (chứ không phải "ly khai") là những người được kêu mời để trở nên đồng tâm nhất trí với Giáo Hội"; và một điều được xem là táo bạo, mới lạ chưa từng có từ bao nhiêu thế kỷ qua đó là chính Đức Giáo Hoàng lên tiếng cầu xin sự tha thứ của Thiên Chúa và của những anh em bất hòa này vì những lỗi lầm của Giáo Hội Roma trong việc chia rẽ Kitô giáo.

Phiên họp bắt đầu với những bàn cãi về lược đồ Giáo Hội. Lược đồ được chấp thuận như là nền tảng cho các cuộc tranh luận sau này, với 2,301 phiếu thuận và 43 phiếu chống. Trong suốt thời gian tranh luận, phiên họp đã có những lúc thật căng thẳng, những cuộc bênh vực cũng như những cuộc chống đối đều rất dữ dội, đến nỗi lúc đó người ta gọi là "con sốt tháng 10". Sau cùng, vào cuối tháng 10, các Nghị Phụ bỏ phiếu quyết định về "vấn đề Đức Maria": lược đồ về Đức Trinh Nữ được sát nhập vào lược đồ về Giáo Hội với 1,114 phiếu thuận và 1,074 phiếu chống.

Ngày 5 tháng 11, lược đồ về "các Giám Mục và sự điều khiển giáo phận" được đưa ra bàn luận. Khái niệm và sự thực thi "cộng đoàn tính của các Giám Mục" đã gây ra nhiều cuộc tranh luận sôi nổi. Rồi từ ngày 18 đến 21 tháng 11, các Nghị Phụ đi đến một vấn đề tế nhị, quan trọng và sôi nổi nhất: vấn đề hiệp nhất. Chương về những người Do Thái do Đức Hồng Y Bea viết đã bị các Nghị Phụ Á Rập chống đối mãnh liệt. Chương về tự do tôn giáo, được Đức Cha De Smedt trình bày khéo léo, cũng là đối tượng của cuộc bàn cãi sôi nổi nhất.

Trong thời gian đó, Sắc Lệnh về các phương tiện truyền thông xã hội và những đề nghị tu chỉnh của Hiến Chế về Phụng Vụ được bỏ phiếu. Ngày 4 tháng 12, sau Thánh Lễ, các Nghị Phụ đã bỏ phiếu và cả hai đều được chấp thuận. Sau đó Đức Thánh Cha chính thức công bố các văn kiện được chấp thuận. Trước đó theo luật qui định thì công thức ban hành sẽ là: "Ta ra sắc lệnh, thiết lập và phê chuẩn... với sự chấp thuận của Thánh Công Đồng" (kh 46). Như thế có nghĩa là chính Đức Giáo Hoàng công bố và Công Đồng chỉ có việc chấp nhận, và như vậy "cộng đoàn tính" của các Giám Mục vẫn còn là một vấn nạn. Bởi đó, Đức Phaolô VI đã sử dụng một công thức khác: "Tất cả và từng điều được ban bố trong Hiến Chế... này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính... Chúng Tôi phê chuẩn...". Đó là một bước tiến biểu lộ tính cách cộng đoàn của các Giám Mục.

Cho tới cuối kỳ họp lần thứ hai này, chương trình dự định vẫn chưa được hoàn thành. Bốn lược đồ về Giáo Hội, về Giám Mục, về Giáo Dân và về Hiệp Nhất kéo dài từ kỳ họp đầu tiên và cho đến kỳ họp này vẫn còn nhiều phần chưa được giải quyết.

5. Giai đoạn giữa kỳ họp thứ hai và kỳ họp thứ ba

Vào cuối kỳ họp thứ hai người ta có cảm tưởng Công Đồng như thất bại. Và cuộc hành hương của Đức Giáo Hoàng đến Palestin ngày 4 và 5 tháng 1 năm 1964, đối với nhiều người, đó là một chuyến đi nhằm thoái thác công trình dang dở.

Tuy nhiên, thực sự thì lúc đó tình trạng phải được coi là đáng lạc quan hơn.

Dĩ nhiên, còn rất nhiều công việc phải làm, và các Nghị Phụ bắt đầu thực hiện chương trình mà người ta gọi là "Dopfner",

và đó cũng chính là ý kiến trước kia của Đức Hồng Y Montini. Theo chương trình đó, tất cả các lược đồ của Công Đồng sẽ được bố cục lại dựa theo một trục chính là Giáo Hội.

Trong thực tế, các Nghị Phụ vẫn giữ nguyên các lược đồ quan trọng như lược đồ về Giáo Hội, Giám Mục, Giáo Dân, Mạc Khải, Hiệp Nhất và "Lược đồ XIII" rất nổi tiếng. Những lược đồ khác đều được rút gọn thành những đề mục ngắn. Các ủy Ban, nhất là Ủy Ban Thần Học, đã làm việc cách tuyệt hảo, đã cộng tác với nỗ lực của Đức Giáo Hoàng để đem lại can đảm và hy vọng cho Công Đồng (diễn văn của Đức Giáo Hoàng cho hàng Giám Mục Ý ngày 14-3-1964, và Thông điệp *Ecclesiam suam*).

6. Kỳ họp thứ ba (từ 14-9 đến 21-11-1964)

Kỳ họp được khai mạc bằng một Thánh Lễ đồng tế, là kết quả đầu tiên của việc canh tân phụng vụ. Trong bài diễn văn khai mạc, Đức Thánh Cha một lần nữa xác quyết giáo lý về tính cách cộng đoàn của Giám Mục. Qui luật của Công Đồng lại được sửa đổi cho thích hợp trong việc thẩm định quyền của các Nghị Phụ điều hành. Các Nghị Phụ phải báo trước 5 ngày những ý kiến muốn phát biểu trong các phiên họp, với mục đích tránh những ý kiến lập lại; các Hồng Y cũng mất đặc ân phát biểu không cần báo trước v.v... Nhờ đó các công việc tiến hành nhanh hơn. Trong kỳ họp đầu tiên, có 33 điểm được bỏ phiếu, ở kỳ họp thứ hai có 94 và trong kỳ họp thứ ba này có 150 điểm được chung quyết.

Phiên họp bắt đầu với những tranh luận về chương VII của lược đồ Giáo Hội nói đến sự canh chung. Đề mục này đã được chính Đức Gioan XXIII đề nghị, với mục đích minh chứng bộ mặt siêu việt hơn của Giáo Hội. Nhưng rồi cuộc tranh luận đã đưa tới thất vọng: chỉ có 17 diễn giả phát biểu và một số Nghị Phụ lại không thấu triệt được vấn đề.

Từ ngày 16 đến ngày 18 tháng 9, Công Đồng đề cập trở lại đề mục về Đức Trinh Nữ, chương sau cùng của lược đồ về Giáo Hội. Bản văn lại phải tu chỉnh vì phần đầu của đề mục bị chống đối quá mạnh; cũng chỉ có 33 Nghị Phụ phát biểu về vấn đề này, vì sự khe khắt của luật phát biểu.

Nhiệm vụ mục vụ của Giám Mục được bàn cãi từ ngày 13 đến 23 tháng 9. Nhờ đã sửa đổi ở các lần tranh luận trước, bản văn này được các Nghị Phụ bàn cãi và chấp thuận dễ dàng hơn.

Từ ngày 23 đến 28 tháng 9, các Nghị Phụ bàn cãi lần thứ hai về Tự Do Tôn Giáo. Trước kia, đề mục này là chương thứ ba của lược đồ Hiệp Nhất, bây giờ đã trở thành một Tuyên Ngôn riêng biệt. Có thể nói đây là một vấn đề gây nhiều ngộ nhận, nghi ngờ và dè dặt nhất. Thông thường trên nguyên tắc các nhà thần học vẫn chủ trương rằng sự lầm lẫn tôn giáo của những người ngoài công giáo đều bị kết án; nhưng theo hoàn cảnh thực tế người ta cảm thấy cần có sự khoan hồng, nhượng bộ và chấp nhận. Các ý kiến bên vực và bác bỏ của các Nghị Phụ rất sôi nổi và xung khắc nhau. Dự luận bên ngoài cũng chia làm hai phe và hồi hộp theo dõi. Đồng thời, các Nghị Phụ cũng tranh luận nảy lửa "về những người Do Thái". Cuối cùng các Nghị Phụ quyết định bỏ phần tố cáo "tội giết Thiên Chúa" của toàn dân Do Thái, cũng như bãi bỏ tất cả những đoạn nào mang ý nghĩa kết án tương tự đối với các tôn giáo ngoài Kitô giáo.

Ngày 30 tháng 9, Công Đồng bàn lại lược đồ về Mạc Khải; cuộc tranh luận kéo dài tới ngày 6 tháng 10. Khi lược đồ này bị bác bỏ ở kỳ họp đầu tiên và không được nhắc tới ở kỳ họp thứ hai, người ta cứ nghĩ rằng vấn đề có lẽ thông qua. Nhưng Đức Phaolô VI cương quyết cho soạn thảo lại lược đồ vì nó có tầm mức quan trọng về thần học cũng như về hiệp nhất. Đức Hồng Y Ottaviani và Bea hợp tác với nhau trong việc soạn thảo. Và trong kỳ họp thứ ba này, cuộc tranh luận đã đem lại nhiều

đề nghị mới, giúp cho lược đồ hoàn mỹ hơn. Tuy thế, lược đồ này vẫn chưa được bỏ phiếu.

Ngày 7 tháng 10, Công Đồng đề cập tới lược đồ về Tông Đồ Giáo Dân. Phải nói rằng Giáo Hội Tây Phương đã quên lãng giáo dân, những thành phần của dân Thiên Chúa. Ngay cả những văn kiện chính thức cũng chấp thuận phân chia Giáo Hội thành hai cấp, như trong "Tự điển biện giáo Đức Tin Công Giáo": Truyền lệnh là quyền của hàng giáo sĩ và vâng lời là bổn phận của giáo dân (DAFC, bộ II, cột 1769). Vaticanô II là Công Đồng đầu tiên đề cập tới vấn đề này, và các Nghị Phụ đã hăng say bàn luận: có đến 65 lần phát biểu ý kiến, và còn nhiều đề nghị viết khác. Tuy nhiên, vì bản văn chưa mỹ mãn, các Nghị Phụ quyết định sẽ hoàn tất trong kỳ họp sau.

Lược đồ về Linh Mục đã được rút ngắn thành một vài tiểu đề, và được bàn cãi từ ngày 13 đến 15 tháng 10; nhưng lại phải giới trả về cho Ủy Ban liên hệ vì có tới 930 phiếu chống với 1,199 phiếu thuận. Sau đó các Nghị Phụ khảo cứu lược đồ về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương, từ ngày 15 đến 20 tháng 10. Lược đồ được chấp thuận.

Ngày 20 tháng 10, Công Đồng bắt đầu cuộc bàn cãi về lược đồ XIII sẽ trở thành Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay. Đây là vấn đề quan trọng nhất trong kỳ họp thứ ba này và được thế giới hồi hộp theo dõi. Các nghị Phụ đã thành thật nhìn nhận sự chia cách của Giáo Hội với thế giới, và cảm thấy cần phải góp phần giải quyết những vấn nạn của xã hội; nhưng các Ngài không biết phải làm thế nào. Lược đồ được khen ngợi nhiều nhưng cũng bị chỉ trích mạnh mẽ. Tính cách pháp chế tuyệt đối trong nhiều giới luật của Giáo Hội bị đã kích và chê bai. Các Nghị Phụ yêu cầu đời sống các giáo sĩ nên mang sắc thái đơn giản hơn theo tinh thần Phúc Âm. Các Ngài đề cập tới những vấn đề sôi nổi như quyền lợi của nhân vị con người, sự điều hòa sinh sản, sự chênh lệch trầm trọng về văn hóa và

kinh tế trong thế giới v.v... Bản văn của lược đồ bị bác bỏ; và Công Đồng thành lập một hội đồng với mục đích soạn thảo lại lược đồ, để đem ra bàn cãi trong kỳ họp tới và cũng là kỳ họp sau cùng của Công Đồng.

Trong lúc lược đồ XIII còn dang dở, vào ngày 6-11-1964 chính Đức Giáo Hoàng đã đến Đại Hội Đường và bằng những lời khen ngợi, Ngài giới thiệu lược đồ về Truyền Giáo. Nhưng sau nhiều cuộc tranh luận, các Nghị Phụ đã thẳng tay bác bỏ lược đồ khái quát gồm 14 mệnh đề đó, bởi quá cô đọng và giản lược đối với tầm mức lớn lao của công việc truyền giáo. Sự kiện này đã cho chúng ta hai bài học đáng nhớ: sự tự do của Thánh Công Đồng đối với Đức Giáo Hoàng, và mối quan tâm đối với công việc truyền giáo.

Trong những ngày sau hết của kỳ họp, các Nghị Phụ đã bắt tay làm việc gấp rút về những lược đồ ngắn. Từ ngày 10 đến 11 tháng 11, lược đồ về Dòng Tu được bàn luận và được chấp thuận với 1,155 phiếu thuận và 882 phiếu chống; nhưng lại có tới 1,000 đề nghị tu chỉnh, và như vậy đòi hỏi phải duyệt xét lại lược đồ. Ngày 12, 14, 16 và 17 tháng 11, các Nghị Phụ bàn về lược đồ Chung Viện, và đầu có những phê bình khắt khe, lược đồ vẫn được chấp thuận với 2,117 phiếu thuận và 41 phiếu chống. Ngày 17, 18 và 19 tháng 11, lược đồ về Giáo Dục Kitô Giáo được đưa ra và được chấp thuận dễ dàng. Trong phiên họp cuối cùng, các Nghị Phụ bàn tới bản văn ngắn nhất nói về các Bí Tích, hay đúng hơn về qui luật hôn phối. Nhưng vì không đủ thời giờ, các Nghị Phụ gửi trả bản văn lại cho Đức Giáo Hoàng. Bởi vậy, không có sắc lệnh của Công Đồng về vấn đề này.

Trong buổi lễ kết thúc kỳ họp, ngày 21 tháng 11, Thánh Công Đồng đã công bố ba văn kiện: Hiến Chế về Giáo Hội, Sắc Lệnh về Hiệp Nhất và Sắc Lệnh về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương. dịp này, Đức Giáo Hoàng chính thức tuyên bố

Đức Maria là Mẹ Giáo Hội, và loan báo kỳ họp tới sẽ là kỳ họp kết thúc.

Nhìn lại thành tích của kỳ họp thứ ba này, người ta phải nhìn nhận có một bầu khí bi quan vây phủ, vì những nguyên do đáng chú ý. Trước hết, bản chú thích sơ khởi được thêm vào Hiến Chế Giáo Hội dường như làm giảm giá trị của bản văn Công Đồng. Thứ đến, 19 đề nghị tu chỉnh của Đức Giáo Hoàng xen kẽ vào Sắc Lệnh về Hiệp Nhất tạo cho niềm hy vọng hiệp nhất bớt hừng khởi. Đàng khác, người ta cũng cảm thấy hơi bất bình vì sự trì hoãn việc chung quyết lược đồ về Tự Do Tôn Giáo. Sau cùng, việc Đức Giáo Hoàng tuyên bố nhận Đức Maria làm Mẹ Giáo Hội không được tham khảo ý kiến của Thánh Công Đồng và có nguy hiểm gây đụng chạm anh em Tin Lành.

Tuy nhiên, về phương diện tích cực, kỳ họp này cũng đã đem lại những thành quả mỹ mãn: các văn kiện giá trị được công bố, những lược đồ còn lại được cải tiến khả quan sẵn sàng chuẩn bị cho kỳ họp tới; vì thế, bầu không khí bi quan cảm thấy lúc đầu tan biến dần dần với thời gian.

7. Kỳ họp thứ tư (từ 14-9 đến 8-12-1965)

Trong bài diễn văn khai mạc kỳ họp, Đức Phaolô VI loan báo quyết định thành lập Thượng Hội Đồng Giám Mục. Quyết định này đã gây ngạc nhiên cho mọi người. Ngày hôm sau, trong phiên họp khoáng đại lần thứ 128, Tự Sắc "Apostolica Sollicitudo" được long trọng đọc trước Thánh Công Đồng, dưới sự hiện diện của Đức Giáo Hoàng. Đây là một bước tiến đáng kể trên con đường canh tân Giáo Hội.

Sau đó, cuộc tranh luận bắt đầu với lược đồ về Tự Do Tôn Giáo. Lần này tình thế có vẻ lạc quan hơn. Tuy nhiên, lược đồ cũng phải qua nhiều khó khăn vì các Nghị Phụ chống đối vẫn đưa ra những lý luận cũ. Kết cuộc, vào ngày 21 tháng 9 các

Nghị Phụ thử bỏ phiếu lược đồ, và kết quả cho thấy 1,997 phiếu thuận, 224 phiếu chống, 1 phiếu bất hợp lệ.

Sau đó, các Nghị Phụ đề cập tiếp lược đồ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay. Trước kia, các Nghị Phụ đã chấp thuận cách tổng quát vấn đề này, nhưng các Ngài đòi hỏi phải thay đổi nhiều, và kết quả lần này cho thấy lược đồ đã đổi mới, nhất là về kết cấu và mạch văn (nguyên văn của lược đồ bằng Pháp ngữ và do Đức Cha Hautmann viết). Lược đồ bây giờ được gọi tên là "Hiến Chế Mục Vụ", và đây là một tựa đề mới trong lịch sử các Công Đồng, mặc dầu có nhiều Nghị Phụ chỉ muốn gọi là "Sắc Lệnh". Và thực sự Hiến Chế đã bị một số Nghị Phụ tố cáo có tính cách lạc quan ngây thơ với thái độ im lặng trước những hậu quả của tội lỗi. Một số khác cho rằng Hiến Chế có tính cách quá Tây Phương, quá lý thuyết trong vấn đề vô thần, và quan niệm về "thế giới" không minh bạch. Một bản kiến nghị gồm 334 Nghị Phụ ký tên thỉnh nguyện thêm vào Hiến Chế một khoản lên án rõ ràng chủ thuyết cộng sản. Ngày 7 tháng 10, Công Đồng chấm dứt các tranh luận về vấn đề này, nhưng cho mãi cuối kỳ họp, lược đồ mới được hoàn tất và chung quyết.

Ngày 7 tháng 10, Công Đồng bàn đến Sắc Lệnh về Truyền Giáo. Lược đồ được soạn thảo lại và chỉ còn 5 chương. Quan điểm thần học về sứ mệnh truyền giáo là công trình của cha Y. Congar và J. Ratzinger, đặt nền tảng trên Giáo Hội học của Hiến Chế về Giáo Hội. Bản văn về cải tổ Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin (số 27; bản văn chung quyết là số 29) đã được ủy ban phụ trách thay đổi, và trở thành đối tượng cho những cuộc bàn cãi sôi nổi ở nghị trường. Ngày 12 tháng 10, các Nghị Phụ bỏ phiếu thuận trên nguyên tắc bản văn ấy với 2,070 phiếu thuận và 15 phiếu chống.

Ngày 13 tháng 10, vấn đề Chức Vụ và Đời Sống Linh Mục được đưa ra bàn luận, với bản tường trình của Đức Cha Marty.

Trong suốt thời gian này, các Nghị Phụ lần lượt bỏ phiếu chung quyết các bản văn đã bàn cãi và chấp thuận.

Ngày 6 tháng 10, Sắc Lệnh về Giám Mục được bỏ phiếu chấp thuận với 2,167 phiếu thuận và 14 phiếu chống. Ngày 11 tháng 10, Sắc Lệnh về đời sống Dòng Tu được chấp thuận do 2,161 phiếu, có 13 phiếu chống. Ngày 13 tháng 10 các Nghị Phụ chấp thuận Sắc Lệnh về Đào Tạo Linh Mục với 2,196 phiếu thuận, 15 phiếu chống và 1 phiếu bất hợp lệ. Ngày hôm sau tuyên ngôn về Giáo dục Kitô giáo được bỏ phiếu thuận với 1,912 phiếu và 183 phiếu chống (Tuyên Ngôn này đã gặp sự chống đối gắt gao của nhiều Nghị Phụ Châu Mỹ La Tinh và Indonesia). Cùng ngày, Đức Hồng Y Bea đọc bản tường trình lược đồ về Các Tôn Giáo ngoài Kitô giáo, và cuộc bỏ phiếu ngay sau đó với kết quả 1,763 phiếu thuận, 250 phiếu chống, 10 phiếu bất hợp lệ.

Ngày 28 tháng 10, khóa VII được khai mạc. Dịp này, Đức Giáo Hoàng đã cử hành Thánh Lễ đồng tế cùng với 24 Nghị Phụ (trong số này có Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình) và nhân danh "Thiên Chúa Ba Ngôi rất thánh và cả vị là Cha, Con và Thánh Thần", Ngài chính thức công bố 5 văn kiện đã được chấp thuận.

Đức Cha De Smedt một lần nữa giới thiệu Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo; cuộc bỏ phiếu diễn ra trong vòng 2 ngày và cuối cùng bản văn được chấp thuận nhưng với 1,640 đề nghị tu chỉnh. Ngày 29 tháng 10, các Nghị Phụ bỏ phiếu, và 27 phiếu chống. Từ ngày 9 đến 10 tháng 11, các Nghị Phụ lại bỏ phiếu cho Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân. Công Đồng có bàn cãi một "quan điểm" về các ân xá, và có nhiều ý kiến gay gắt chống lại quan điểm chính thức của Giáo Hội. Nhưng xem ra giới thẩm quyền đã ngăn cản cuộc tranh luận. Cuối cùng Sắc Lệnh Tông Đồ Giáo Dân được chấp thuận với đa số phiếu tuyệt đối: 2,201 phiếu thuận với 2 phiếu chống.

Từ ngày 10 đến 12 tháng 11, Sắc Lệnh về Truyền Giáo được bỏ phiếu chấp thuận với đa số tuyệt đối, ngoại trừ vấn đề cải tổ Thánh bộ truyền bá Đức Tin (số 29) có tới 712 đề nghị tu chỉnh. Kế đó, các Nghị Phụ lại bỏ phiếu chấp thuận Sắc Lệnh về Chức Vụ và Đời Sống các Linh Mục (bỏ phiếu 15 lần). Như vậy, đến lúc này, Công Đồng đã thu lượm được kết quả của công việc lâu dài. Ngày 15 tháng 11, các Nghị Phụ lại được nghe đọc 2 bản tường trình về Hiến Chế Giáo Hội trong thế giới ngày nay, do Đức Cha Garrone và Đức Cha Mc. Grath viết; sau đó các Nghị Phụ bỏ phiếu chấp nhận. Trong khóa VIII ngày 18 tháng 11, Đức Giáo Hoàng công bố 2 văn kiện mới: Hiến chế về Mạc Khải và Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân.

Vào thời gian cuối Công Đồng, công việc được giới hạn trong vấn đề xem xét lại các đề nghị tu chỉnh của 4 văn kiện còn lại. Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Nhóm Coetus internationalis patrum (các Nghị Phụ bảo thủ) đã cho đó là một trong những "thành phần gây bế tắc cho công trình chung", và ngày 18 tháng 11 đã cho in một truyền đơn nhằm chống lại tuyên ngôn đó, đồng thời họ cũng đệ đơn lên Đức Giáo Hoàng để phản đối. Kế đến, hai bản văn về Truyền Giáo và về Linh Mục được đưa ra xem xét; cả hai được chấp thuận dễ dàng hơn (trừ số 29 của Sắc Lệnh Truyền Giáo vẫn còn khúc mắc).

Bản văn sau cùng được bỏ phiếu quyết định Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay. Ủy Ban liên hệ đã phải làm việc tới đa để sửa đổi Hiến Chế vì có đến 2,247 đề nghị tu chỉnh.

Tuy thế, sau những cố gắng tu chỉnh, tất cả những văn kiện kể trên đều đã sẵn sàng để được bỏ phiếu quyết định, và để được công bố, trong khóa IX, vào ngày 7 tháng 12.

Những ngày sau hết của Công Đồng được đánh dấu bằng những sự kiện mang ý nghĩa hiệp nhất đáng nhớ. Ngày 4 tháng

12, Đức Cha Felici, Tổng thư ký Công Đồng, đọc một sứ điệp ca ngợi và tin tưởng của tất cả các quan sát viên gửi đến các Nghị Phụ, trong đó họ đặc biệt thán phục tinh thần hiệp nhất của các Ngài. Trong khi ấy, tại Vương Cung Thánh Đường Thánh Phaolô, cùng với các quan sát viên ngoài Công Giáo, Đức Giáo Hoàng đã dự một lễ nghi cầu cho hiệp nhất. Tinh thần hiệp nhất đạt tới mức độ tuyệt vời khi Đức Phaolô VI ở Roma và Đức Thượng Phụ Athenagoras ở Istambul, vào ngày 7 tháng 12, đã cùng một lúc xóa bỏ án tuyệt thông lẫn nhau, một nguyên do phát sinh sự ly khai vào năm 1054. Chính sự kiện này cũng đã là thành quả tốt đẹp và giá trị nhất của Công Đồng!

C. MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM TIÊU BIỂU CỦA CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II

Với mục đích giúp thấu triệt hơn Công Đồng quan trọng này, chúng ta nêu ra đây một vài đặc điểm tiêu biểu:

1. Công Giáo tính

Chưa có một Công Đồng nào đã tạo được tính cách "Công Giáo" đầy đủ như Vaticanô II. Hãy tạm miễn bàn vấn đề "giáo lý về công giáo tính" mà chỉ đề cập đến các sự kiện. Chưa có một Công Đồng nào đã đề cập tới nhiều vấn đề phức tạp và phong phú cùng với những tầm mức rộng rãi như vậy. Chỉ cần nhìn vào những con số biểu trưng, chúng ta cũng có đủ lý do để xác nhận sự kiện này.

Trước hết chúng ta nói đến thành phần các Nghị Phụ. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử mà chúng ta có quyền quả quyết rằng toàn thế giới có mặt ở Công Đồng. Con số các Nghị Phụ được triệu tập là 3,058, trong đó có 129 Bề Trên Tổng Quyền các dòng. Trong kỳ họp đầu tiên, có 2,449 Nghị Phụ tham dự

trong số 2,904 vị được triệu tập, như vậy tỉ số tham dự là 84.34%. Ở kỳ họp thứ hai, có 2,488 Nghị Phụ đến tham dự, trong số 3,022 vị được triệu tập, tức 82.34% tham dự. Và trong số 3,074 vị được mời cho kỳ họp thứ ba, có mặt 2,466 Nghị Phụ, nghĩa là 80.23% tham dự. Cuối cùng ở kỳ họp thứ bốn, trong số 3,093 vị được triệu tập, có 2,625 Nghị Phụ đến Công Đồng, và như thế tỉ số tham dự lên tới 84.88%. Như vậy chúng ta có thể kết luận rằng đại đa số thành phần Giám Mục Đoàn đã tham dự Công Đồng.

Nếu xét qua nguồn gốc địa dư, chúng ta thấy rằng các Nghị Phụ từ khắp năm châu trên toàn thế giới đều tựu về: 1,060 vị ở Âu Châu, 408 Nghị Phụ ở Á Châu, 351 ở Phi Châu, 416 ở Bắc Mỹ, 89 ở Trung Mỹ, 531 ở Nam Mỹ, và 74 vị ở Đại Dương Châu.

Trong các phiên họp, có tất cả 695 Nghị Phụ lên tiếng tại nghị trường. Tổng cộng tất cả, các ngài đã nói tới 2,234 lần; trong đó các Nghị Phụ Pháp 231 lần, các Nghị Phụ Đức 141 lần, các Nghị Phụ Ba Lan 75 lần v.v..., các Nghị Phụ Việt Nam lên tiếng 16 lần. Nghị Phụ được xem là hùng biện nhất là Hồng Y Ruffini, ngài lên tiếng 36 lần.

Trong thời gian họp Công Đồng có 253 Nghị Phụ qua đời, và cùng lúc có 296 người được tấn phong Giám Mục.

Ngoài sự tham dự của các Nghị Phụ, chúng ta còn phải kể đến sự có mặt của những phần tử khác của Dân Chúa. Trước hết phải nói đến các nhà chuyên môn, vì họ đã tích cực góp phần cho công việc có kết quả. Được đề cử từ giai đoạn chuẩn bị Công Đồng, các nhà chuyên môn này đã tham gia vào công việc của các Ủy Ban, trong việc soạn thảo các lược đồ, thăm dò ý kiến của các Giám Mục v.v... Con số các nhà chuyên môn lên tới 460 vị, gồm 235 linh mục giáo phận, 45 tu sĩ Dòng Tên, 42 tu sĩ Đa Minh, 15 tu sĩ Phanxicô, 12 đan sĩ Dòng Đức Mẹ

Vô Nhiễm, 6 tu sĩ Biển Đức, 5 tu sĩ Dòng Don Boscô, với nhiều thành phần Tu Hội và giáo dân.

Công Đồng cũng kêu mời nhiều Cha Sở, với tư cách là cộng tác viên thân cận của các Giám Mục. Thực sự họ chỉ được mời gọi sau các dự thính viên giáo dân. Trong kỳ họp thứ ba, có tất cả 39 vị, chia ra: Hoa Kỳ và Ý mỗi nước 5 vị; Tây Ban Nha, Pháp, Canada, Đức, mỗi nước 4 vị; Argentina, Úc, Brazil, Liban, mỗi nước 2 vị; Bỉ, Nhật, Mexicô, Hòa Lan, Palestina, mỗi nước 1 vị. Ở kỳ họp thứ bốn con số các cộng tác viên này lên tới 45 vị. Và ngày 27 tháng 10 năm 1965, cha sở Thomas Fall, thuộc giáo phận Philadelphia Hoa Kỳ, lên tiếng trước nghị trường.

Các giáo dân được mời tham dự với tư cách là những dự thính viên. trong thời gian chuẩn bị cho kỳ họp thứ hai, Đức Giáo Hoàng đã đề cử một nhóm gồm 13 giáo dân cả nam lẫn nữ giới, được chọn lựa trong các tổ chức tông đồ quốc tế Công Giáo. Ở kỳ họp cuối cùng, số dự thính viên này lên tới 42. Ngoài ra, còn có sự tham dự của 10 nữ tu dự thính. sau cùng, để đại diện cho gia đình Kitô giáo hai vợ chồng Mexicô, J. Alvarez Icaza, được mời tham dự. Tất cả các dự thính viên giáo dân này đã lên tiếng 6 lần ở Công Đồng, và đã góp ý kiến về nhiều vấn đề cho các Ủy Ban.

2. Tinh thần hiệp nhất

Một trong những ý tưởng chính yếu của Đức Gioan XXIII khi ngài triệu tập Công Đồng Vaticanô II là nỗ lực nối lại vòng dây thân ái giữa các Kitô hữu. Chúng ta nhận thấy Công Đồng đã đạt được mục đích này, qua những văn kiện giáo lý và các cuộc gặp gỡ thân thiện từ bầu khí Công Đồng.

Thật vậy, Sắc Lệnh về Hiệp Nhất, Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo và Tuyên Ngôn về các Tôn Giáo ngoài Kitô giáo đều

nhấn mạnh đến tinh thần hiệp nhất. Quan niệm mới mẻ này cũng xuất hiện ở Hiến Chế tín lý về Giáo Hội, nhất là ở Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay, khi Công Đồng đề cập tới thái độ phải có của Giáo Hội đối với thế giới.

Tim hiểu qua những ý kiến của các Nghị Phụ phát biểu ở nghị trường, chúng ta cũng thấy các ngài ý thức rõ rệt tinh thần này.

Sau hết, một sáng kiến đã tạo được thành quả tốt đẹp cho mối dây hiệp nhất, đó là việc mời các quan sát viên ngoài Công Giáo. Sáng kiến này do Đức Hồng Y Ben khởi xướng và chính Ngài đã cố gắng can thiệp với Ủy Ban Trung Ương Chuẩn Bị Công Đồng. Sau đó ít lâu, Hội Đồng Thế Giới các Giáo Hội (CME) đã mời 5 quan sát viên Công Giáo đến tham dự Đại Hội Quốc Tế ở Tân Đê Ly, với sự chấp thuận của Giáo Triều Roma, mặc dầu gặp nhiều khó khăn. Dựa vào đó, Văn Phòng Hiệp Nhất gửi lời mời các quan sát viên ngoài Công Giáo đến tham dự Công Đồng. Ban đầu, một số giáo hội từ chối; nhưng cuối cùng sau thời gian đắn đo, họ đã gửi các đại diện đến Công Đồng. Như vậy, trong kỳ họp đầu tiên, con số quan sát viên ngoài Công Giáo được gọi tới là 46 người, cộng với 8 quan sát viên do Văn Phòng mời: họ đại diện cho 17 Giáo Hội và Cộng Đồng Kitô Giáo. Ở kỳ họp thứ hai, có 59 quan sát viên đại diện và 9 vị do Văn Phòng mời. Trong kỳ họp thứ ba, có 70 quan sát viên đại diện và 13 do Văn Phòng mời. Ở kỳ họp cuối cùng, con số quan sát viên ngoài Công Giáo lên tới 90, cộng với 16 người do Văn Phòng mời; và họ đại diện cho 29 Giáo Hội và Cộng Đồng Kitô Giáo.

D. MỘT VÀI CON SỐ TIÊU BIỂU TRONG CÔNG VIỆC CỦA CÔNG ĐỒNG

Để ý thức được công trình vĩ đại của Công Đồng, chúng ta lược nhìn qua vài con số tiêu biểu nhất.

Trước hết, chúng ta nói đến các cuộc bỏ phiếu. Có tất cả 538 cuộc bỏ phiếu toàn phần hay từng phần: 33 lần được tổ chức ở kỳ họp đầu tiên, 94 lần ở kỳ họp thứ hai, 150 lần ở kỳ họp thứ ba và 261 lần ở kỳ họp cuối cùng.

Ủy Ban ấn loát của Tòa Thánh phải làm việc ngày đêm. Ở giai đoạn tiền chuẩn bị, họ đã phát hành 19 quyển sách và mỗi quyển gồm 2,000 bản. Tổng cộng các lần phát hành các lược đồ, câu hỏi thăm dò, các bản tường trình, các đề nghị tu chính v.v... mỗi thứ 3,000 bản, lên tới 40 triệu trang. Ngoài ra có khoảng 16 triệu trang khác được in cho các Nghị Phụ sử dụng. Tổng cộng: 150 tấn giấy in. Đài phát thanh Vaticanô cũng đã làm việc ngày đêm liên miên để thuê băng các phiên họp của Công Đồng; và để hoàn tất, các chuyên viên đài đã tiêu thụ tới 712 cuộn băng, dài 284,000 mét.

Như vậy, các con số ghi được khá dĩ cho chúng ta thấy tầm mức khổng lồ của các công việc ở Công Đồng.

E. NHỮNG Ý HƯỚNG CHÍNH YẾU CỦA VATICANÔ II

Bất cứ Công Đồng nào cũng đều xoay quanh một trục ý thức hệ: hoặc lên án một lạc giáo, hoặc định tín một tín điều. Chẳng hạn ở Công Đồng Calcedonia, trục ý thức hệ là Kitô học, và ở Vaticanô I là vấn đề tối thượng quyền của Đức Giáo Hoàng. Vậy với Vaticanô II, đâu là trục ý thức hệ? Để có thể có câu trả lời chính xác, dĩ nhiên chúng ta phải chờ đợi lịch sử trong tương lai phê phán. Thế nhưng, hiện tại với những viễn ảnh trông thấy của giai đoạn hậu Công Đồng, chúng ta cố gắng đưa lên vài điểm chính yếu và chắc chắn làm nền tảng cho Công Đồng.

1. Vaticanô II: một Công Đồng của Giáo Hội nói về Giáo Hội

Giáo Hội là trung tâm điểm cho mọi giáo lý của Vaticanô II. Thật vậy, đây là lần đầu tiên trong lịch sử một Công Đồng bận tâm về đề mục này: Giáo Hội đi tìm định nghĩa cho chính mình.

Dĩ nhiên, như chúng ta đã biết, Đức Gioan XXIII tha thiết lưu tâm tới vấn đề hiệp nhất các Kitô hữu. Nhưng đồng thời ngài cũng biết rằng Công Đồng này chưa có thể là một Công Đồng tái tạo sự hiệp nhất theo đúng nghĩa; vì trên bước đường hiệp nhất, Giáo Hội sẽ gặp không biết bao nhiêu chướng ngại vật và vượt qua được những chướng ngại vật ấy là một điều không thể thực hiện được một sớm một chiều.

Bởi thế, ngài đã quan niệm rằng trước hết phải đổi mới bộ mặt của Giáo Hội, làm tươi trẻ lại các cơ cấu và đem lại nhựa sống cho thân thể xem ra đã già nua của Giáo Hội, sao cho hợp với nhựa sống luôn mới mẻ của Phúc Âm. Lúc đó, theo Đức Thánh Cha, chúng ta mới có quyền nói với các anh em ly khai rằng: "Đây, Giáo Hội thật của Chúa Kitô, xin anh em hãy nhìn vào, hãy chiêm ngưỡng, vì đó cũng chính là Giáo Hội của anh em. Vậy chúng ta hãy hiệp nhất với nhau".

Bởi vậy, Thánh Công Đồng đã lưu tâm đặc biệt tới Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, không những vì tầm quan trọng của nó, nhưng Hiến Chế này còn là ánh sáng chiếu soi cho các văn kiện khác. Các văn kiện được công bố không theo lược đồ có sẵn của Ủy Ban soạn thảo, nhưng được kết tạo bằng những đề nghị của các Nghị Phụ mà đời sống nội tâm của Thánh Công Đồng đã thôi thúc các Ngài chọn lựa và xếp đặt cho thích hợp theo sự tự do của các ngài về Giáo Hội.

Giáo Hội do đó được định nghĩa dựa theo các hình ảnh khác nhau của Thánh Kinh. Giáo Hội trước tiên là Dân Thiên Chúa, định nghĩa này bao hàm các khía cạnh xã hội và lịch sử của Giáo Hội. Giáo Hội là Thân Thể Chúa Kitô, vì Giáo Hội muốn làm nổi bật khía cạnh Kitô học, và huyền nhiệm của mình. Giáo Hội là Nước Thiên Chúa để diễn tả tính cách cánh chung và

hiều hình ảnh khác được ám chỉ Giáo Hội như đoàn chiên của Chúa Kitô, cánh đồng, công trình kiến trúc, gia đình của Thiên Chúa, đền thờ của Chúa Thánh Thần. Sau hết, Giáo Hội được quan niệm như Hiền Thê của Chúa Kitô, để cho thấy sự khác nhau cũng như sự thân mật của Giáo Hội với vị Hôn Phu là Chúa Giêsu.

Chúng ta có thể nói tất cả những văn kiện của Vaticanô II xoay quanh vấn đề Giáo Hội. Hiến Chế về Giáo Hội là một văn kiện Công Đồng còn lại, cách trực tiếp hay gián tiếp, đề cập tới đời sống của Giáo Hội. Thật vậy, Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh nhằm diễn tả nhiệm vụ thánh hóa của Giáo Hội; các Sắc Lệnh về Nhiệm Vụ Giám Mục và các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương có mục đích minh định chức vụ điều khiển của Giáo Hội và Hiến Chế về Mạc Khải cũng như Tuyên Ngôn về Giáo Dục đều muốn giải thích quyền Giáo Huấn của Giáo Hội. Lại nữa, để phác họa các chức bậc cũng như cách sống khác nhau trong Giáo Hội, Công Đồng đã ban hành nhiều văn kiện khác: hai Sắc Lệnh về đời sống và đào tạo Linh Mục đề cập đến các Linh Mục; các dòng tu có Sắc Lệnh về Dòng Tu và giáo dân có Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân. Cuối cùng, một số văn kiện khác đề cập tới sứ mệnh của Giáo Hội. Sắc Lệnh về Hiệp Nhất nhằm diễn tả mối liên lạc với các người ngoài Kitô giáo. Sau hết, với toàn thể thế giới nói chung, Công Đồng ban hành Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay và Tuyên Ngôn về các phương tiện truyền thông xã hội.

Như thế, chúng ta không do dự khi nói rằng Giáo Hội là trung tâm điểm của Vaticanô II.

2. Vaticanô II: Công Đồng của tự do và đối thoại

Nói lên điều này, chúng ta không muốn ám chỉ rằng những Công Đồng khác thiếu tự do hoặc thiếu tinh thần đối thoại; vì thực ra Công Đồng nào tự nó cũng đã là một cuộc đối thoại rồi.

Điều mà chúng ta muốn nhấn mạnh ở đây là Vaticanô II được coi là Công Đồng đầu tiên đã biết sử dụng sự tự do như một đề mục để dạy dỗ và lấy tinh thần đối thoại với người ngoài làm chương trình. Ở đây chúng ta cũng phải nhấn mạnh rằng sự tự do sung mãn này không phải là không có nền tảng Thánh Truyền; không một Nghị Phụ nào nghi ngờ các tín lý cổ truyền của Giáo Hội.

Nhiều nhà thần học chủ trương rằng sự bàn cãi lại một vài "chân lý", một số quan niệm và một số thái độ được coi là cổ truyền của Giáo Hội là một vấn đề không thể chấp nhận được nên khi soạn thảo các lược đồ, họ đã mặc nhiên đem tất cả vào bản văn vì coi như những điều chắc chắn. Thế nhưng các Nghị Phụ đã tự do bác bỏ chủ trương đó, vì đối với các ngài, một số các điều ấy vẫn phải được đem ra mổ xẻ lại. Hơn thế nữa, các Nghị Phụ cũng đã nhiều lần bác bỏ các đề nghị sửa đổi của chính Đức Giáo Hoàng và ngay cả một lược đồ mà Đức Giáo Hoàng khuyến khích chấp thuận.

Trong cuộc tranh luận về tự do tôn giáo, lần đầu tiên Thánh Công Đồng đã minh chứng cho thế giới thấy rằng Giáo Hội không úp mở cũng như không e ngại khi phải đề cập tới tự do, bởi chính nhân phẩm của con người đòi hỏi điều đó. Giáo Hội cố gắng thoát ra khỏi "pháo đài" của mình, khỏi "chủ trương khép kín huy hoàng" của mình, để đối thoại và thông cảm với anh em Kitô hữu, với các tôn giáo khác và ngay với anh em vô thần. Giáo Hội nhìn nhận và kính trọng những giá trị, những nền văn hóa khác nhau cũng như các hệ thống chính trị khác nhau của thế giới.

Vaticanô II là Công Đồng đầu tiên không có đề mục nào lên án tuyệt thông. Đây là nét độc đáo của Công Đồng này trong lịch sử Giáo Hội.

3. Vaticanô II: Công Đồng Mục Vụ

Đức Gioan XXIII mong mỗi Công Đồng này sẽ là Công Đồng "mục vụ". Ngài không muốn Công Đồng đề cập tới vấn đề lên án tuyệt thông cũng như không bận tâm đến các tín điều. Thực tế, dấu Công Đồng có hai Hiến Chế Tín Lý (Hiến Chế về Giáo Hội và về Mạc Khải), đó cũng chỉ là những điều được xác định lại, chứ không có một tín điều nào mới.

Dĩ nhiên, nếu cần, Thánh Công Đồng phải nhắc lại những chân lý tín lý và phải bác bỏ các sai lầm trong các văn kiện. Nhưng hướng đi của Công Đồng nằm ở Mục Vụ. Thay vì đưa ra các qui tắc từ những suy luận tiên thiên nơi các "nguyên lý vĩnh cửu", Thánh Công Đồng đã đi tìm những tiêu chuẩn hướng dẫn thuộc loại đoàn sủng mới nơi những trạng huống thực tại.

Trong tinh thần đó và để dung hòa các khía cạnh trái ngược nhau của các vấn đề, thay vì dùng công thức "hoặc là... hoặc là...", Thánh Công Đồng chọn công thức "cả... cả...". Như vậy Công Đồng có thể giảm bớt tình trạng chú trọng đến khía cạnh này mà lãng quên những khía cạnh kia, như Giáo Hội đã gặp phải trong quá khứ. Trong mức độ đứng đắn, Công Đồng đã tìm dung hòa cả tối thượng quyền Giáo Hoàng cả cộng đoàn tín của các Giám Mục. Công Đồng đã đặt đúng chỗ cả hàng giáo phẩm cả hàng giáo dân, đã giữ quân bình giữa cả Giáo Hội phổ quát cả Giáo Hội địa phương, giữa cả các giá trị tu trì cả các giá trị phạm trần...

Sau hết tinh thần mục vụ thể hiện rõ rệt nhất trong chiều hướng chung của Thánh Công Đồng khi chủ trương không chống lại một phần tử nào nhưng nhằm lợi ích cho mọi người, khi Giáo Hội trình bày tất cả sứ mệnh của mình dưới ánh sáng tinh thần phục vụ, Giáo Hội nhận mình như nữ tì, như kẻ được sai đến đem ơn cứu độ cho nhân loại.

4. Vaticanô II: nguồn sáng mới

Công Đồng không mang lại một tín điều nào mới. Thế nhưng, trong những văn kiện đã công bố, Công Đồng tạo được một đặc điểm độc đáo khi nỗ lực xác định rõ một số khía cạnh của kho tàng chân lý. Ở đây chúng ta chỉ nêu lên một vài nét điển hình cho đặc điểm này.

Trước hết Công Đồng đã trình bày một nền thần học về Chúa Thánh Thần, mà từ lâu hầu như bị lãng quên trong Giáo Hội Tây Phương. Việc này được xem là công lao của các Nghị Phụ Đông Phương. Chẳng hạn ở các văn kiện về Giáo Hội (ví dụ các số 4, 19, 48) và về Truyền Giáo (ví dụ số 4), Công Đồng đã trình bày rõ ràng quan điểm này. Thứ đến, trong thần học về Mạc Khải, Công Đồng lại đưa ra một quan niệm mới về chân lý của Thánh Kinh và về linh ứng (x. MK 11).

Nhưng phải nhìn vào quan điểm thần học về Giáo Hội, chúng ta mới thấy rõ những ánh sáng huy hoàng của Công Đồng. Sự trở về với cộng đoàn tính giám mục, quan niệm về Giáo Hội như bí tích cứu rỗi, như dân Thiên Chúa, hay thái độ mới đối với thế giới v.v... đều là những ánh sáng độc đáo. lại nữa, Công Đồng cũng đã giải chiếu ánh sáng mới cho tính cách bí tích của hàng Giám Mục, cho chức phó tế. Sau cùng, với các bí tích khác. Công Đồng đã thực sự đem đến bộ mặt mới, sáng sủa. Công Đồng đã quan niệm bí tích Giải Tội là sự hòa giải không những với Thiên Chúa mà còn với Giáo Hội. Bí Tích Hôn Phối được nhấn mạnh hơn ở khía cạnh tình yêu nhân loại và các mục đích chính yếu; Công Đồng cũng đưa ra qui chế mới cho các cuộc hôn nhân tạp giáo v.v... Trong bí tích Thánh Thể, Công Đồng đã khéo léo đổi mới các nghi thức Thánh Lễ. Còn về quan điểm thần học chủ trương giáo lý mới về "chức linh mục phổ quát nơi mọi giáo dân", thì chúng ta cần phải đợi thời gian mới thấy kết quả. Sau hết, tính cách cánh chung là một ánh sáng mới được đưa vào trong tất cả các lãnh vực thần học, ví dụ khía cạnh cánh chung của Giáo Hội lữ hành (x. GH

ch 7), của hoạt động truyền giáo (x. TG 9) của đời sống dòng tu (x. GH 44) v.v...

III. Có Thể Có Vaticanô III Không?

Đặt câu hỏi trên, chúng ta không nghĩ rằng Công Đồng Vaticanô II đã lỗi thời. Nhưng ý kiến của chúng ta được nêu lên có mục đích tìm hiểu chỗ đứng hiện tại của Công Đồng này trong lịch sử Giáo Hội.

Ngày hôm nay, hơn bao giờ hết, một Công Đồng phải được quan niệm như là một bổ túc cho Công Đồng trước và trở thành nhịp cầu để nối kết Công Đồng mới trong tương lai. Thế giới tiến bộ nhanh chóng và Giáo Hội cần thích ứng không ngừng theo dòng lịch sử, nếu Giáo Hội không muốn lùi bước. Đàng khác, ngay từ Công Đồng Nicea, trong định thức số 5, Giáo Hội cũng đã đòi hỏi rằng các Giám Mục trong một giáo tỉnh phải họp nhau mỗi năm hai lần. Dĩ nhiên, nguyên tắc điều khiển giáo tỉnh theo thể chế Công Đồng nói ở đây phải hòa hợp với tối thượng quyền của Giáo Hoàng trong những phạm vi thuộc toàn thể Giáo Hội: tuy nhiên tính cách cộng đoàn của Giám Mục được Vaticanô II cổ võ nói lên phương thức làm việc theo thể chế Công Đồng từng thịnh hành trong nhiều thời đại trước.

Vào thế kỷ thứ XIX, vì quan tâm tìm kiếm một bảo đảm vững chắc cho giáo lý của Giáo Hội, Công Đồng Vaticanô I lúc đó đã đi tới định tín quyền bất khả ngộ của Đức Giáo Hoàng. Do định tín ấy, người ta đã lầm tưởng rằng thời đại Công Đồng đã chấm dứt. Thế rồi, trong thời đại hiện tại của chúng ta, vì nhu cầu của tính cách cộng đoàn Giám Mục đòi hỏi, Giáo Hội đã thiết lập các Thượng Hội Đồng Giám Mục rồi cũng vì đó, nhiều người hiện nay nghĩ rằng không cần thiết phải triệu tập các Công Đồng Chung nữa. Họ đã lầm tưởng, một lầm tưởng sâu xa. Thực ra Công Đồng Vaticanô II đã khai mào những viễn ảnh mới, báo hiệu cho một Công Đồng trong tương lai để

bổ túc, cũng như Vaticanô II đã làm nhiệm vụ bổ túc cho Công Đồng trước.

Nhìn vào thực tại, chúng ta thấy rằng nếu Vaticanô II đã cố gắng dung hòa sự chia cách giữa Giáo Hoàng và Giám Mục thì cũng cần phải có một Công Đồng trong những ngày sắp tới để tìm lại mức quân bình cho hàng Giám Mục với hàng linh mục mà thực tế đang cách biệt trầm trọng. Nói tổng quát hơn, cần đến một Công Đồng trong tương lai để tìm ra những dây liên lạc chân thực giữa giáo sĩ và giáo dân, nghĩa là có mục đích tìm hiểu và đề cập đến các vấn đề liên quan tới linh mục và giáo dân, cũng như Vaticanô II đã đặt vấn đề ấy với các Giám Mục.

Hơn nữa, ý hướng hiệp nhất của Vaticanô II chỉ mới ở những bước đầu. Công Đồng này đã rộng mở những cánh cửa mới để có lẽ với cố gắng của một Công Đồng trong tương lai, những ai còn ở ngoài Giáo Hội sẽ vào trong Giáo Hội. Sự hiện diện của "các quan sát viên" ở Công Đồng Vaticanô II tiên báo sự tham dự của toàn thế giới trong một Công Đồng mới hoàn toàn hiệp nhất, ở đó tính cách Công Giáo sẽ đạt tới sung mãn. Rồi nếu các cộng đoàn anh em ly khai là những Giáo Hội chân thật, họ sẽ cần hiện diện thực sự với Giáo Hội chúng ta. Hơn thế nữa, bởi vì các Giám Mục các Giám Mục Chính Thống cũng là những người kế vị thật của các Tông Đồ, không có lý do gì họ lại không có quyền đến họp với anh em thật của họ, với người kế vị Thánh Phêrô, trong một Công Đồng thật sự hiệp nhất mà chúng ta mong ước.

Chúng ta đặt trọn niềm hy vọng vào sự hướng dẫn khôn ngoan của Chúa Thánh Thần, để tất cả chúng ta đều tiến theo con đường tươi đẹp nhất, cho dầu nẻo đường đó có thể không phù hợp với những tính toán nhân loại và giới hạn của chúng ta.

NHỮNG NIÊN HIỆU QUAN TRỌNG NHẤT CỦA CÔNG ĐỒNG VATICANO II

- **28-10-1958** : Hồng Y Angelo Giuseppe Roncalli, được Hồng Y Đoàn bầu chọn làm Giáo Hoàng, kế nhiệm Đức Giáo Hoàng Piô XII. Ngài đăng quang ngày 08-11-1958 với niên hiệu Gioan XXIII.

- **25-1-1959** : Đức Gioan XXIII loan báo triệu tập công đồng.

Giai đoạn tiền chuẩn bị: 1959-1960

- **17-5-1959** : Thành lập Ủy ban tiền chuẩn bị.

- **18-6-1959** : Gửi bản thăm dò ý kiến về công đồng cho các giám mục trên toàn thế giới.

Giai đoạn chuẩn bị: 1960-1962

- **5-6-1960** : Thành lập các Ủy ban chuẩn bị công đồng.

- **25-12-1961** : Công bố Sắc lệnh *Humanae Salutis* về việc triệu tập công đồng.

- **11-9-1962** : Đức Gioan XXIII ngỏ lời với toàn thế giới qua thông điệp truyền thanh *Ecclesia Christi, Lumen gentium*.

Kỳ họp đầu tiên của Công Đồng: từ 11-10 đến 8-12-1962

- **11-10-1962** : Đức Gioan XXIII khai mạc công đồng, gần 2500 giám mục, bề trên các dòng tu tham dự.

- **13-10-1962** : Đức Hồng y Liénart yêu cầu và được chấp thuận là việc bầu thành viên các ủy ban của công đồng được lùi lại vài ngày.
- **22-10-1962** : Văn phòng Hiệp nhất các Kitô hữu được trở thành một ủy ban của công đồng.
- **14-11-1962** : Lược đồ về phụng vụ được chấp nhận về nguyên tắc.
- **20-11-1962** : Bỏ phiếu thông qua lược đồ về Mạc Khải, *De Fontibus*. Phía chống thiếu 100 phiếu để có thể đạt được tỷ lệ 2/3 cần thiết.
- **21-11-1962** : Theo quyết định của Đức Giáo hoàng, lược đồ *De Fortibus* được chuyển tới một ủy ban hỗn hợp, gồm Ủy ban Giáo lý/Văn phòng Hiệp nhất.
- **6-12-1962** : Thành lập Ủy ban điều phối có nhiệm vụ theo dõi công việc giữa hai khóa họp.
- **8-12-1962** : Đức Gioan XXIII kết thúc khóa họp đầu tiên.
- **Tháng 2-1963** : Ủy ban điều phối giảm số lược đồ từ 70 xuống 17.
- **11-4-1963** : Đức Gioan XXIII công bố Thông điệp *Pacem in Terris (Hòa bình trên Trái đất)*.
- **3-6-1963** : Đức Gioan XXIII từ trần.
- **21-6-1963** : Đức Giovanni-Battista Montini, Hồng y Tổng giám mục giáo phận Milan, được bầu làm Giáo hoàng. Ngài chọn danh hiệu Phaolô VI.

- **12-9-1963** : Đổi mới các cơ quan quyết định của công đồng và cử ra 4 điều phối viên.

Kỳ họp thứ hai của Công Đồng: từ 29-9 đến 4-12-1963

- **29-9-1963** : Khai mạc khóa họp thứ hai của công đồng.

- **30-10-1963** : Bỏ phiếu thông qua định hướng cho lược đồ về Giáo hội, đặc biệt về tính tập thể của các giám mục

- **18, 19-11-1963** : Đức Hồng y Bea giới thiệu lược đồ về đại kết và đặc biệt các chương nói về quan hệ với người Do Thái và về tự do tôn giáo.

- **22-11-1963** : Thông qua văn kiện về phụng vụ.

- **4-12-1963** : Đức Phaolô VI kết thúc khóa họp thứ hai, Hiến chế về phụng vụ thánh (*Sacrosanctum Concilium*), và Sắc lệnh về các phương tiện truyền thông xã hội (*Inter Mirifica*), được ban hành.

- **4 đến 6-1-1964** : Đức Phaolô VI đi hành hương Đất Thánh và gặp gỡ Đức Thượng phụ Athénagoras.

- **19-5-1964** : 13 gợi ý của Đức Phaolô VI được gửi đến cho Ủy ban Giáo lý đang có trách nhiệm xử lý các chỉnh sửa cho lược đồ về Giáo hội.

- **23-6-1964** : Đức Phaolô VI củng cố và mở rộng Ủy ban nghiên cứu về vấn đề điều hòa sinh sản không thuộc công đồng do Đức Gioan XXIII thành lập và rút vấn đề này khỏi chương trình thảo luận của công đồng.

Kỳ họp thứ ba của Công Đồng: từ 14-9 đến 21-11-1964

- **14-9-1964** : Khai mạc khóa họp thứ ba. Trong tinh thần cải tổ phụng vụ, thánh lễ được Đức Phaolô VI đồng tế với 24 giám mục.

- **30-9-1964** : Sau gần 40 lần bỏ phiếu liên tiếp về những chỉnh sửa khác nhau đối với lược đồ về Giáo hội, lược đồ này đã được thông qua với một đa số áp đảo, kể cả chương III về tính tập thể.

- **9-10-1964** : Thất bại của nỗ lực của Đức Giám mục Felici trong việc rút về cho Văn phòng Hiệp nhất văn kiện về người Do Thái và các tôn giáo ngoài Kitô giáo và văn kiện về tự do tín ngưỡng.

- **16 đến 20-11-1964** : “Tuần lễ đen” của công đồng : theo sáng kiến của Đức Phaolô VI, một “điểm giải thích” được thêm vào văn kiện về Giáo hội, những chỉnh sửa giờ chót được đưa vào văn kiện về đại kết và, sau khiếu nại của một nhóm thiểu số trước tòa án của công đồng, việc bỏ phiếu về văn kiện về tự do tín ngưỡng bị hoãn lại.

- **21-11-1964** : Đức Phaolô VI kết thúc khóa họp thứ ba. Thánh lễ được cử hành đồng tế. Đức Giáo hoàng ban hành Hiến chế tín lý về Giáo hội (*Lumen Gentium*), Sắc lệnh về các Giáo hội Công giáo Đông phương (*Orientalium Ecclesiarum*), và Sắc lệnh về Hiệp nhất (*Unitatis Redintegratio*). Ngài tuyên bố Đức Maria là Mẹ của Giáo hội.

- **2 đến 5-11-1964** : Đức Phaolô VI tham dự Đại hội Thánh Thể tại Ấn Độ.

Kỳ họp thứ tư của Công Đồng: từ 14-9 đến 8-12-1965

- **14-9-1965** : Khai mạc khóa họp thứ tư. Đức Phaolô VI tuyên bố thành lập Thượng hội đồng các Giám mục.

- **21-9-1965** : Bỏ phiếu chấp thuận Tuyên ngôn về tự do tôn giáo.

- **4-10-1965** : Đức Phaolô VI đọc diễn văn tại Liên Hiệp Quốc : “Đừng bao giờ chiến tranh nữa”.

- **11-10-1965** : Đức Phaolô VI rút vấn đề độc thân của linh mục khỏi chương trình thảo luận của công đồng.

- **19-10-1965** : Đức Phaolô VI đưa ra những sửa chữa phút chót trong văn kiện về Mạc Khải.

- **28-10-1965** : Phiên họp công khai để công bố Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các giám mục (*Christus Dominus*), Sắc lệnh về đời sống tu trì (*Perfectae Caritatis*), Sắc lệnh về việc đào tạo các linh mục (*Optatam Totius*), Tuyên ngôn về giáo dục Kitô giáo (*Gravissimus Educationis*), và Tuyên ngôn về các tôn giáo ngoài Kitô giáo (*Nostra Aetate*).

- **18-11-1965** : Phiên họp công khai để công bố Hiến chế tín lý về Mạc Khải của Thiên Chúa (*Dei Verbum*), Sắc lệnh về Tông đồ giáo dân (*Apostolicam Actuositatem*).

- **24-11-1965** : Đức Phaolô VI mạnh mẽ yêu cầu là chương nói về hôn nhân phải lên án việc sử dụng những biện pháp ngừa thai nào khác với biện pháp tiết chế.

- **4-12-1965** : Đức Phaolô VI chủ tọa một nghi lễ với các quan sát viên của các Kitô giáo ngoài công giáo tại Đền thờ Thánh Phaolô ngoại thành.

- **7-12-1965** : Thánh lễ đồng tế của Đức Phaolô VI với các chủ tịch các Hội đồng Giám mục trên toàn thế giới. Phiên họp công khai để công bố Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới hôm nay (*Gaudium et Spes*), Tuyên ngôn về tự do tôn giáo (*Dignitatis Humanae*), Sắc lệnh về chức vụ và đời sống linh mục (*Presbyterorum Ordinis*), Sắc lệnh về hoạt động truyền giáo (*Ad Gentes*). Các vạ tuyệt thông năm 1054 giữa các Giáo hội phương Đông và phương Tây do sự chia rẽ giữa người công giáo và Chính thống giáo được cả hai bên ra quyết định xóa bỏ.
- **8-12-1965** : Nghi lễ trọng thể bế mạc công đồng tại Quảng trường Thánh Phêrô với sự tham dự của 300.000 người.

Khóa III

Ngày 04 tháng 12 Năm 1963

Hiến Chế Về Phụng Vụ Thánh Sacrosanctum Concilium

Lời Giới Thiệu

Các mầu nhiệm Phụng Vụ là "chóp đỉnh" sinh hoạt của Giáo Hội đồng thời cũng là nguồn mạch các nhân đức. Dầu Giáo Hội luôn luôn sống mật thiết với các mầu nhiệm Phụng Vụ, nhưng trong lịch sử, trước Vaticanô II chưa có Công Đồng nào lại dành cả một Hiến Chế để bàn tới Phụng Vụ với một thời gian khá lâu để chuẩn bị, thảo luận và biểu quyết.

Một vài Công Đồng cũng đã đặt vấn đề nhưng chỉ chú trọng đặc biệt tới ít nhiều nguyên tắc hoặc lên án những sai lầm tín lý.

Thực là may mắn, một Phong Trào Phụng Vụ đã nảy sinh trong thời chúng ta. Đây là "một trong những hồng ân lớn lao Thiên Chúa đã ban cho kỷ nguyên này!"¹. Nhờ đó, người ta đã bắt đầu suy luận về Phụng Vụ một cách sâu xa và chín chắn, mang tính chất thần học và mục vụ. Và vì vậy, Dân Chúa ngày một ý thức về vai trò quan trọng của Phụng Vụ trong đời sống Kitô hữu và Giáo Hội.

¹ Yves Congar O.P. *Unam Sanctam* 66, trg 14.

Hiến Chế về "Phụng Vụ Thánh" của Công Đồng Vaticanô II hướng dẫn phong trào này đến chỗ tuyệt đỉnh và mở ra một kỷ nguyên mới cho đời sống cầu nguyện của Giáo Hội.

Hoàn cảnh lịch sử

Trước Công Đồng Tridentinô (kết thúc vào năm 1563) nền Phụng Vụ theo nghi thức Rôma đã bị coi là quá cổ kính. Phụng Vụ được phát triển và thay đổi nhưng chỉ phát triển ở những yếu tố bên ngoài theo sáng kiến nhân loại bằng cách thêm những cử điệu và nghi thức trang trọng. Các nghi thức này chắc chắn chỉ thích hợp với thời đại còn nhiều người chưa biết đọc biết viết và cho một số ít người trí thức hiểu được tiếng La tinh, một ngôn ngữ hầu như là chính thức của một xã hội chịu quá nhiều ảnh hưởng của giáo sĩ và Giáo Hội.

Thế rồi, thế giới ngày một biến đổi với việc phát minh ngành báo chí, với thuyết nhân bản, với những trào lưu văn hóa, với văn chương lãng mạn (do đó, tiếng Latinh suy yếu dần dần), với xã hội ngày một bị trần tục hóa v.v... Theo đà tiến hóa này, tâm thức con người cũng thay đổi sâu xa về quan niệm đối với Giáo Hội và việc phụng tự. Do đó Phụng Vụ trở nên một thứ kinh nguyện ngày càng xa lạ và bí nhiệm đối với dân chúng. Họ tham dự với lòng tin tưởng nhưng thụ động và âm thầm chẳng khác gì chứng kiến một động tác riêng của hàng giáo sĩ. Trong khi đó, họ chỉ nuôi dưỡng lòng đạo bằng cách gia tăng nhiều việc đạo đức cá nhân.

Công Đồng Tridentinô cũng nhìn thấy rõ sự kiện này². Tuy nhiên Công Đồng chỉ chú trọng bảo vệ giá trị một vài chân lý của các bí tích bị phái Tin Lành đem ra mổ xẻ: như sự công hiệu của bí tích, hiến tế tạ ơn, sự hiện diện thực sự của Chúa trong phép Thánh Thể, chức linh mục thừa tác... Với chủ đích

² Xem Dz 946 (1749) v.v... Những người "Cải Cách" đã bàn luận sôi nổi một vài vấn đề Phụng Vụ: như vấn đề ngôn ngữ trong Phụng Vụ, rước lễ hai hình v.v... nhưng tiếc thay, họ bàn luận theo những chiều hướng sai lạc.

chống lại sự canh tân của Tin Lành, Công Đồng phải dừng lại ở lập trường bảo thủ với những nguyên tắc khắt khe. Thái độ này đương nhiên hạn chế "việc cập nhật hóa" Phụng Vụ.

Từ khi cải tổ sách Phụng Vụ theo huấn thị Công Đồng Tridentinô người ta nói rằng Phụng Vụ Rôma có tính cách bất động và cố định vì những qui luật dường như bất di bất dịch. Ngôn ngữ dùng ở đó là ngôn ngữ chết và được coi như không thể thay thế được nữa. Các nghi thức cổ truyền này phải được duy trì và cử hành đúng như đã ghi chú tỉ mỉ trong sách chữ đỏ, cho dù nhiều người không hiểu nguồn gốc và dấu hiệu tượng trưng bí nhiệm của chúng.

Các qui tắc Phụng Vụ này áp dụng cho mọi nơi, cả các nơi truyền giáo nữa (vì sau Công Đồng Tridentinô là thời kỳ hưng thịnh của công cuộc truyền giáo nên có nhiều xứ đạo mới được thành lập). Khắp mọi nơi đều áp dụng như nhau: cùng những qui tắc tỉ mỉ bất di bất dịch, cùng một ngôn ngữ, một tâm tình tây phương như vậy. Giáo Hội không để ý tới tâm tình, thói quen và phong tục tôn giáo nơi các dân tộc được chiếu giải ánh sáng Phúc Âm.

Tại Á Châu, một vài đề nghị đã được đem ra mổ xẻ để giải quyết vấn đề thích nghi Phụng Vụ trong các xứ truyền giáo. Việc thảo luận đưa tới những cuộc bút chiến sôi động nảy lửa chung quanh các nghi thức (chẳng hạn nghi thức Trung Hoa). Kết cục, vấn đề không đi tới thành quả nào cả.

Mãi tới cuối thế kỷ vừa qua, ý hướng cải tiến do Chúa Quan Phòng linh ứng mới xuất hiện trong Giáo Hội và đã đem lại kết quả tốt đẹp cho nền Phụng Vụ. Chính ý hướng này đã dọn đường cho việc "cập nhật hóa" của Công Đồng Vaticanô II.

Phong Trào Phụng Vụ

Những người tiên phong của phong trào cải tiến Phụng Vụ cuối thế kỷ vừa qua chính là các tu sĩ dòng Benedictô Solesmes,

Beuron, Maria Laach v.v... Công lao của họ được Đức Giáo Hoàng Piô XII ghi nhận trong Thông Điệp Mediator Dei (số 4).

Tuy nhiên người tiên phong đích thực của phong trào này chính là Thánh Giáo Hoàng Piô X vị được mệnh danh là Giáo Hoàng của Bí Tích Thánh Thể. Trong Tự Sắc "Tra le sollicitudini", ngày 22-11-1903, Ngài mong muốn giáo hữu tham gia tích cực vào các lễ nghi Phụng Vụ, nguồn mạch thứ nhất và cần thiết để nuôi dưỡng tinh thần Kitô hữu (số 3).

Cố gắng đầu tiên của phong trào này là tìm hiểu và đào sâu chính bản chất nội tại của Phụng Vụ. Những suy tư này mang đặc tính lịch sử, thần học và mục vụ.

Phong trào đã khơi lại nét phong phú chứa đựng trong các nghi thức cũ, đồng thời đem ra ánh sáng những nỗ lực liên li của Giáo Hội qua các thời đại trong việc thích ứng những qui tắc nòng cốt Phụng Vụ cho mọi thời đại và cho mọi dân tộc.

Từ triều đại Thánh Giáo Hoàng Piô X cho đến triều đại Đức Giáo Hoàng Piô XII, Giáo Hội không ngừng tiếp tục việc cải tiến. Lúc ban đầu, việc cải tiến này có vẻ dò dẫm và dè dặt rồi mạnh bạo dần theo đà tiến của việc tra cứu học hỏi và hoàn cảnh thuận lợi để phổ biến.

Người có công lớn lao nhất là Đức Giáo Hoàng Piô XII. Với Thông Điệp Mediator Dei (1947), Ngài để lại cho Giáo Hội tài liệu giáo huấn có giá trị đầu tiên về Phụng Vụ. Thông điệp Mediator Dei cho đến nay vẫn là một trong những nguồn mạch của Công Đồng Vaticanô II đã thâm nhận và trích dẫn dồi dào từ kho tàng này; đôi khi Công Đồng còn đồng hóa các tư tưởng, các lời nói của Thông điệp này như là của mình và đã không sử dụng tới dấu hiệu để phân biệt hay ghi xuất xứ. Hiến Chế chỉ thêm vào đó các yếu tố Thánh Kinh, cộng đoàn và mục vụ cho thích hợp với thời đại và tinh thần Công Đồng³.

³ Xem Pierre-Marie Gy. *O.P. Unam sanctam* 66, trg 117.

Lược trình Hiến Chế

Lược đồ của Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh được một Ủy Ban tiền Công Đồng soạn thảo dưới sự hướng dẫn của Đức Hồng Y Gaetano Cicognani. Sau khi Ngài từ trần, lược đồ được chuyển sang Đức Hồng Y Arcadio Larraona⁴. "Đây là lược đồ được cứu xét đầu tiên ở Công Đồng và cũng có thể là lược đồ giá trị nhất theo tầm quan trọng của nó trong đời sống Giáo Hội"⁵.

Ngày 14-11-1962, trong một phiên họp khoáng đại, lược đồ đã được các Nghị Phụ bỏ phiếu chấp thuận trên nguyên tắc. Kết quả có 2,162 phiếu thuận và 46 phiếu chống. Sau đó các chuyên viên Công Đồng bắt tay vào việc cứu xét những điểm đề nghị tu chỉnh. Công việc kéo dài từ 17-11 đến 6-12-1962 và đầu kỳ họp II năm 1963.

Ngày 4-12-1963 Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, trước kia khi còn là Hồng Y, đã tích cực ủng hộ lược đồ, bây giờ long trọng công bố Hiến Chế với tư cách thủ lãnh của Giáo Hội.

Nội dung giáo lý

Hiến Chế được chia thành 7 chương hàm chứa nhiều nguyên tắc thần học và những tiêu chuẩn hướng dẫn việc canh tân và phát triển hữu hiệu nền Phụng Vụ.

1. Trước hết **chương I** phác họa nền tảng **thần học của Phụng Vụ**.

Phụng Vụ là công cuộc cứu rỗi của Chúa Kitô (số 5). Công cuộc này còn được tiếp tục và tồn tại mãi trong Giáo Hội, nhất là qua lễ nghi hiến tế tạ ơn và các bí tích (số 6).

⁴ Cha Annibale Bugnini, linh mục thừa sai, chủ nhiệm tờ "Ephemerides Liturgicae", là thư ký và chuyên viên của Hiến Chế.

⁵ Đức Giáo Hoàng Phaolô VI công bố Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh ngày 4-12-1963.

Chính Chúa Kitô, Đấng hiện diện trong Giáo Hội, dùng các dấu chỉ bí tích dâng lên Thiên Chúa lễ vật toàn thiện và thánh hóa nhân loại. Là thủ lĩnh tối cao của Giáo Hội, Người cầu nguyện với dân Người và ban phát nguồn ơn cứu chuộc.

Do đó, những động tác Phụng Vụ chỉ là sự thực thi cụ thể chức vụ tư tế của Chúa Kitô trong Giáo Hội: chức tư tế luôn luôn hiện diện và hoạt động, nó tự biểu lộ qua các nghi thức khả giác và hữu hiệu (số 7).

Đồng thời, Phụng Vụ là sự chờ đợi, là sự nếm trước Phụng Vụ trên trời, nơi mà tất cả chúng ta đang tiến về như những lữ hành (số 8).

Như thế, Phụng Vụ là "chóp đỉnh" các sinh hoạt Giáo Hội (số 10) tuy không phải là sinh hoạt độc nhất của Giáo Hội. Thực vậy, sứ mệnh tiên quyết của Giáo Hội là mời gọi nhân loại trở về với nguồn ơn cứu rỗi qua việc rao giảng Phúc Âm (số 9) và chuẩn bị tâm hồn mọi người sẵn sàng tiến tới các màu nhiệm thánh qua những việc đạo đức (như cầu nguyện riêng, nguyện ngắm, việc sùng kính, sám hối v.v...) (số 11).

Sau phần dẫn nhập, Công Đồng bước sang những chỉ dẫn tổng quát cho việc cải tiến Phụng Vụ.

Để tín hữu xác tín đầy đủ và tham gia trọn vẹn các nghi lễ một cách ý thức và chủ động, trước hết phải huấn luyện các chủ chăn (số 14-18), rồi đến lượt các ngài sẽ huấn luyện lại cho tín hữu (số 19).

Ngoài ra, còn phải tiếp tục cố gắng để cải tiến cách tốt đẹp toàn bộ Phụng Vụ theo những qui tắc sau đây (số 21):

A. Qui tắc tổng quát liên quan trực tiếp tới những vị điều hành Phụng Vụ trong Giáo Hội (số 22-25).

B. Qui tắc dựa trên tính cộng đoàn của Phụng Vụ (số 26-32).

C. Qui tắc dựa trên bản chất giáo dục và mục vụ của Phụng Vụ (số 33-36). Chẳng hạn đề cập tới ngôn ngữ được sử dụng trong các nghi lễ (số 35).

D. Qui tắc thích nghi Phụng Vụ với tâm tính và hoàn cảnh dân tộc, địa phương (số 37-40).

Cuối cùng Hiến Chế phân tích đời sống phụng vụ trong phạm vi các giáo phận (số 41, 45-46), giáo xứ (42-43) và quốc gia (44).

2. **Chương II** là những chỉ dẫn để cải tiến các nghi thức trong **Thánh Lễ**. Một vài chi tiết đặc biệt và mới mẽ đáng kể như: lời nguyện giáo dân (số 53), tiếng bản xứ (số 54), rước lễ hai hình (số 55), lễ đồng tế (số 57).

3. **Chương III** đề cập tới các **Bí Tích** khác và các **Á Bí Tích**. Với những lời diễn nghĩa thần học giá trị (số 59-61).

4. **Chương IV** bàn đặc biệt về **Kinh Nhật Tụng**, một phần vụ quan trọng khác để thi hành sứ mệnh tư tế của Chúa Kitô và Giáo Hội. Đó là việc dâng lên Thiên Chúa "bài ca chúc tụng" và lời cầu khẩn cho thế gian được ơn cứu rỗi (số 83).

5. **Chương V** của Hiến Chế trình bày về **Năm Phụng Vụ**: sau phần nhập đề thần học sâu xa (số 102-105), Công Đồng nêu ra một số qui tắc nhằm nâng cao giá trị của ngày Chúa Nhật (106), duyệt lại chu kỳ phụng vụ với ý hướng nhấn mạnh đặc biệt màu nhiệm Phục Sinh (107-108), Mùa Chay (109-110) và các ngày lễ mừng các Thánh (111).

6. **Chương VI** và **VII** dành cho **thánh nhạc** và **thánh nghệ**, là một rong những phần nòng cốt của Phụng Vụ. Số 119 đặc biệt nói về việc áp dụng thánh nhạc trong các xứ truyền giáo.

Phần Phụ Thêm: **Tuyên ngôn về việc tu chính niên lịch**

Trong phần phụ thêm của Hiến Chế, các Nghị Phụ muốn xác định thái độ về việc sửa lại niên lịch dân sự cho chính xác⁶.

Từ hơn một thế kỷ nay, trong phạm vi khoa học, thương mại và chính trị, nhiều người đã nghiên cứu việc tu chỉnh niên lịch dân sự. Đã hai lần, Tòa Thánh được hỏi ý kiến về vấn đề này, nhưng Đức Lêô XIII, năm 1897, Đức Piô XI, năm 1921, đều trả lời rằng: để giải quyết một vấn đề quá tế nhị như vậy có lẽ phải cần tới thẩm quyền của Công Đồng chung⁷.

Trong khi soạn thảo lược đồ Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh, một vài Nghị Phụ lên tiếng muốn rằng Công Đồng nên đi bước đầu trong việc tu chỉnh một niên lịch chính xác và cố định. Nhưng vấn đề chưa ngã ngũ hoàn toàn, nên các Nghị Phụ dành quyền quyết định cho Tòa Thánh, để tự do hành động, nhất là đối với sáng kiến sửa đổi của xã hội dân sự (chẳng hạn như Liên Hiệp Quốc).

Tuy nhiên Công Đồng cũng nêu ra vài quy tắc quan trọng nhắc Tòa Thánh lưu tâm khi có việc thay đổi:

- a. Phải thận trọng trong việc thay đổi lễ Phục Sinh nếu có, vì trong quá khứ vấn đề đó đã là lý do chia rẽ giữa các kitô hữu.
- b. Cố gắng duy trì tuần lễ bày ngày với ngày Chúa Nhật, và thao nguyên tắc không thêm một ngày nào khác ngoài tuần lễ.

⁶ Chẳng hạn năm 1922. Hội Nghị Liên Hiệp Không Gian nhóm họp tại Rôma để thảo luận về vấn đề này. Bên Mỹ châu có "World Calender Association" đã phổ biến một hệ thống niên lịch cố định, khá phức tạp. Có lẽ trong một thời gian gần đây Liên Hiệp Quốc sẽ có sáng kiến về vấn đề này.

⁷ Về các tài liệu này, xin xem chauver Berrand, *La question de la Pâque et du Calendrier*, Paris 1936, trg. 213-214.

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Hiến Chế
Về Phụng Vụ Thánh
Lời Mở Đầu

1. Lời Mở Đầu. Thánh Công Đồng chủ tâm phát huy hằng ngày đời sống Kitô giáo nơi các tín hữu, thích ứng hơn nữa với những định chế nào có thể thay đổi cho hợp với những nhu cầu của thời đại chúng ta, cổ xúy những gì khả dĩ góp phần hiệp nhất mọi người đã tin theo Chúa Kitô, và kiện cường những gì qui trợ cho việc mời gọi mọi người vào lòng Giáo Hội. Vì những lý do đặc biệt đó, Thánh Công Đồng thấy có bốn phận phải lo canh tân và cổ xúy Phụng Vụ.

2. Vai trò của Phụng Vụ trong mầu nhiệm Giáo Hội. Thật vậy, nhờ Phụng Vụ, nhất là trong hiến tế tạ ơn, mà "công cuộc cứu chuộc chúng ta được thực hiện"⁸. Phụng Vụ góp phần rất nhiều để giúp các tín hữu đem cuộc sống mình diễn tả và biểu lộ cho những người khác mầu nhiệm Chúa Kitô và bản tính đích thực của Giáo Hội chân chính, một Giáo Hội có đặc tính vừa nhân loại vừa thần linh, vừa hữu hình vừa hàm chứa những thực tại vô hình, vừa nhiệt thành hoạt động vừa chiêm niệm, vừa hiện diện nơi trần gian nhưng đồng thời cũng là lũ khách. Tuy nhiên, trong Giáo Hội, yếu tố nhân loại cũng qui hướng và lệ thuộc vào yếu tố thần linh, những thực tại hữu hình phải qui

⁸ Kinh Dânng lễ Chúa Nhật thứ 9 sau lễ Hiện Xuống.

hướng về những thực tại vô hình, những hoạt động phải hướng về việc chiêm niệm, và những gì hiện tại phải hướng về thành đô tương lai là nơi chúng ta đang tìm kiếm⁹. Hằng ngày, Phụng Vụ kiến tạo những người bên trong Giáo Hội thành đền thánh trong Chúa, thành nơi cư ngụ của Thiên Chúa trong Thánh Thần¹⁰ để đạt tới mức tuổi sung mãn của Chúa Kitô¹¹. Nhờ đó, Phụng Vụ còn kiên cường sức lực cho họ cách lạ lùng để rao giảng Chúa Kitô; và như vậy Phụng Vụ cũng bày tỏ cho những kẻ bên ngoài thấy Giáo Hội như một dấu chỉ nêu cao trước mặt các dân nước¹² ngõ hầu con cái Thiên Chúa đang tản mác được qui tụ nên một¹³ cho tới khi thành một đàn chiên theo một Chúa chiên¹⁴.

3. Hiến chế về Phụng Vụ Thánh và các Nghi Lễ khác. Vì vậy để cổ xúy và canh tân Phụng Vụ, Thánh Công Đồng thấy cần nhắc lại những nguyên tắc sau đây và thiết định những tiêu chuẩn thực hành.

Trong những nguyên tắc và tiêu chuẩn này, có một số không những có thể và cần phải áp dụng cho Nghi Lễ Roma mà cho hết mọi Nghi Lễ khác, mặc dầu những tiêu chuẩn thực hành sau này chỉ phải hiểu là có liên quan tới Nghi Lễ Roma thôi, ngoại trừ những gì tự bản chất là có liên hệ đến những Nghi Lễ khác.

4. Tôn trọng tất cả các Nghi Lễ được chính thức công nhận. Sau hết, vẫn trung thành vâng phục truyền thống, Thánh Công Đồng tuyên bố rằng: Giáo Hội Mẹ Thánh coi tất cả những Nghi Lễ đã được chính thức công nhận đều bình đẳng trên pháp lý và được tôn trọng như nhau, lại muốn các Nghi Lễ ấy được

⁹ Xem Dth 13,14.

¹⁰ Xem Eph 2,21-22.

¹¹ Xem Eph 4,13.

¹² Xem Is 11,12.

¹³ Xem Gio 11,52.

¹⁴ Xem Gio 10,16.

duy trì trong tương lai và được cổ võ bằng mọi cách. Thánh Công Đồng cũng ước mong, nơi nào cần, các Nghi Lễ ấy phải được cẩn thận tu chỉnh cho toàn vẹn theo tinh thần của truyền thống lành mạnh và được bổ sung một sinh khí mới mẻ hầu phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu hiện tại.

Chương I

Những Nguyên Tắc Tổng Quát Để Canh Tân Và Cổ Võ Phụng Vụ Thánh

I. Bản Tính Và Tầm Quan Trọng Của Phụng Vụ Thánh Trong Đời Sống Giáo Hội

5. Thiên Chúa muốn mọi người được cứu rỗi. Thiên Chúa "muốn cho mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý" (1Tm 2,4). "Trước kia Ngài đã dùng các tiên tri mà phán báo tỏ phụ nhiều lần, nhiều cách" (Dth 1,1), và khi đã đến thời kỳ viên mãn, Ngài đã sai Con mình, Ngôi Lời nhập thể, được Thánh Thần xúc dầu, để rao giảng Phúc Âm cho người nghèo, cứu chữa những người khổ tâm⁸, như là "thầy thuốc của thể xác và tinh thần"⁹, cũng là Trung Gian giữa Thiên Chúa và nhân loại¹⁰. Vì thế, chính bản tính nhân loại của Người, hiệp làm một

⁸ Xem Is 61,1; Lc 4,18.

⁹ T. Ignatiô thành Antiokia, *Ad Ephesios*, VII, 2 : x.b. F.X. Funk, *Patres Apostolici*, I, Tubinga 1901, trg 218.

¹⁰ Xem 1Tm 2,5.

với Ngôi Lời, đã nên khí cụ phần rỗi chúng ta. Cho nên, nhờ Chúa Kitô "Thiên Chúa đã hoàn toàn người lòng để chúng ta được giao hòa với Ngài, và cho chúng ta được phụng thờ Ngài một cách hoàn bị" ¹¹.

Công cuộc cứu chuộc nhân loại và tôn vinh Thiên Chúa cách hoàn bị như thế đã được tiên báo trong dân Cựu Ước qua những kỳ công vĩ đại của Chúa nay lại được Chúa Kitô hoàn tất, nhất là nhờ mầu nhiệm phục sinh của cuộc Khổ Nạn hồng phúc, việc Sống Lại từ cõi chết và Lên Trời vinh hiển của Người. Nhờ đó "Người đã chết để tiêu diệt sự chết cho chúng ta và sống lại để tái lập sự sống" ¹². Vì chính từ cạnh sườn Chúa Kitô chịu chết trên thập giá, đã phát sinh bí tích nhiệm lạ là Giáo Hội ¹³.

6. Công cuộc cứu chuộc tiếp nối do Giáo Hội được thực hiện trong phụng vụ. Vì vậy, như Chúa Kitô được Chúa Cha sai đi thế nào, thì chính Người cũng sai các Tông Đồ đầy tràn Thánh Thần đi như vậy, không những để trong khi rao giảng Phúc Âm cho mọi thụ tạo ¹⁴ các Ngài loan báo Con Thiên Chúa đã dùng cái chết và sự sống lại của Người để giải thoát chúng ta khỏi quyền lực Satan ¹⁵ và sự chết, đồng thời dẫn đưa chúng ta vào nước Chúa Cha, nhưng còn để các Ngài thực thi công cuộc cứu chuộc mà các Ngài đã loan báo, nhờ Hiến Tế và các Bí Tích, trung tâm điểm của toàn thể đời sống phụng vụ. Như vậy, nhờ phép Rửa Tội, con người được tháp nhập vào mầu nhiệm phục sinh của Chúa Kitô: cùng chết, cùng chịu mai táng, cùng sống lại ¹⁶, được lãnh nhận tinh thần dưỡng tử, "do đó

¹¹ *Sacramentarium Veronense (Leonianum)*: x.b. C. Mohlberg, Roma, 1956, số 1265, trg 162.

¹² *Kinh Tiền Tụng Lễ Phục Sinh trong Sách Lễ Roma*.

¹³ Xem T. Augustinô, *Enarr. in Ps CXXXVIII, 2 : Corpus Christianorum, XL, Turnholt, 1956, trg 1991* và lời nguyện sau bài đọc thứ hai ngày thứ bảy Tuần Thánh trong *Sách Lễ Roma, trước khi cử tổ Tuần Thánh*.

¹⁴ Xem *Mc 16,15*.

¹⁵ Xem *CvTđ 26,18*.

¹⁶ Xem *Rm 6,4; Eph 2,6; Col 3,1; 2Tm 2,11*.

chúng ta xưng hô Chúa là Abba, Cha" (Rm 8,15) và như thế được trở nên kẻ phụng thờ đích thực mà Chúa Cha tìm kiếm¹⁷. Cũng thế, mỗi khi ăn tiệc của Chúa, họ loan truyền việc Chúa chịu chết cho tới khi Chúa lại đến¹⁸. Do đó, chính trong ngày Hiện Xuống, ngày Giáo Hội xuất hiện nơi trần gian, "những người suy phục lời giảng" của Phêrô, "đều chịu phép Rửa Tội". Họ "kiên tâm theo lời giáo huấn của Tông Đồ, thông công trong việc bẻ bánh và cầu nguyện... ngợi khen Thiên Chúa, lại được lòng toàn dân" (CvTđ 2,41-42; 47). Kể từ đây, Giáo Hội không bao giờ bỏ việc cùng nhau qui tụ để cử hành mầu nhiệm phục sinh: bằng việc đọc "những lời chỉ về Người trong bộ Thánh Kinh" (Lc 24,27), bằng việc cử hành Lễ Tạ Ôn trong đó hiện tại hóa "sự vinh thắng và khai hoàn nhờ cái chết của Người"¹⁹, đồng thời "cảm tạ Thiên Chúa về ân điển khôn tả của Ngài" (2Cor 9,15) trong Chúa Giêsu Kitô, "đề ca tụng sự vinh hiển của Ngài" (Eph 1,12) nhờ quyền năng Chúa Thánh Thần.

7. Sự hiện diện của Đức Kitô trong phụng vụ. Để chu toàn công việc lớn lao ấy, Chúa Kitô hằng hiện diện trong Giáo Hội, nhất là trong các hoạt động phụng vụ. Người hiện diện thực sự trong Hy Lễ, không những trong con người của thừa tác viên, vì "như xưa chính Người đã tự dâng mình trên thập giá thì nay chính Người cũng dâng mình nhờ thừa tác vụ của các linh mục"²⁰, nhất là hiện diện thực sự dưới hai hình thái Thánh Thể. Người hiện diện thiết thực trong các Bí Tích nhờ quyền năng của Người; vì thế, ai rửa tội thì chính là Chúa Kitô rửa²¹. Người

¹⁷ Xem Gio 4,23.

¹⁸ Xem 1Cor 11,26.

¹⁹ CĐ Trentô, khóa 13, 11-10-1551, *Sắc lệnh De SS. Euch., ch. 5: Concilium Tridentinum, Diariorum Actorum, Epistolarum, Tractatum nova collectio, x.b. Soc. Goerresiana, bộ VII. Actorum phần IV, Friburgi Brisgoviae 1961, trg 202.*

²⁰ CĐ Trentô, khóa 22, 17-9-1562, *giáo thuyết De SS. Missae Sacrificio, ch. 2: Concilium Tridentinum, x.b. đã trích, bộ VIII. Actorum phần V, Friburgi Brisgoviae 1919, trg 960.*

²¹ Xem T. Augustinô, *In Joannis Evangelium Tractatus VI, ch. I. số 7: PL 35, 1428.*

hiện diện thiết thực trong lời của Người vì chính Người nói khi người ta đọc Thánh Kinh trong Giáo Hội. Sau hết Người hiện diện khi Giáo Hội khấn cầu và hát Thánh Vịnh, như chính Người đã hứa: "Đâu có hai, ba người nhân danh Thầy mà họp lại, Thầy sẽ ở giữa họ" (Mt 18,20).

Thực vậy, trong công cuộc vĩ đại tôn vinh Thiên Chúa cách hoàn hảo và thánh hóa mọi người, Chúa Kitô hằng kết hiệp với Giáo Hội là hiền thể rất quý yêu và Giáo Hội kêu cầu Người như Chúa mình và nhờ chính Người phụng thờ Chúa Cha Hằng Hữu.

Vì thế, Phụng Vụ đáng được xem là việc thực thi chức vụ tư tế của chính Chúa Giêsu Kitô, trong đó công cuộc thánh hóa con người được biểu tượng nhờ những dấu chỉ khả giác và được thể hiện hữu hiệu cách khác nhau theo từng dấu chỉ, và trong đó việc phụng tự công cộng^{1*} vẹn toàn cũng được thực thi nhờ

^{1*} Các động tác Phụng Vụ đều không phải là động tác riêng thuộc về một cá nhân hay một nhóm người nào (phụng tự riêng tư) nhưng là động tác của toàn thể Giáo Hội. Nói đúng hơn đó là động tác của chính Chúa Kitô, Thủ Lãnh Giáo Hội và của tất cả mọi chi thể trong Nhiệm Thể. Đầu và tất cả chi thể đều cầu nguyện, đều hoạt động qua cử chỉ và việc làm của thừa tác viên.

Từ ngữ "công cộng" trong Phụng Vụ hàm chứa ý nghĩa hoàn hảo, nó chỉ việc phụng tự của toàn thể một xã hội (ở đây tức là Giáo Hội) với tư cách là một xã hội.

Ví dụ: việc lần chuỗi có thể được đọc chung nhưng thực ra đó không phải là lời cầu nguyện phụng vụ, mà vẫn là một động tác phụng tự "riêng tư". Nói cách khác đó là việc cầu nguyện của một cá nhân hay của một nhóm người.

Trái lại Thánh Lễ, các Bí Tích, Á Bí Tích và Kinh Nhật Tụng, dù chỉ được thừa tác viên cử hành một mình hay đọc riêng, luôn luôn vẫn là động tác phụng tự "công cộng", là động tác của Chúa Kitô và của Giáo Hội Người mà thừa tác viên cử hành là đại diện.

Do đó sự công hiệu của lời nguyện phụng vụ không do huân công của thừa tác viên nhưng do chính những huân công vô bờ bến của Chúa Kitô và Giáo Hội.

Nhiệm Thể Chúa Kitô, nghĩa là gồm cả Đầu cùng các chi thể của Người.

Do đó, vì là công việc của Chúa Kitô tư tế và Thân Thể của Người là Giáo Hội, nên mọi việc cử hành phụng vụ đều là hành vi chí thánh, và không một hành vi nào khác của Giáo Hội có hiệu lực bằng, xét cả về danh hiệu lẫn đẳng cấp.

8. Phụng vụ trần gian và phụng vụ trên trời. Phụng Vụ trần gian là nơi chúng ta tham dự bằng cảm nếm trước Phụng Vụ trên trời, được cử hành trong thánh đô Giêrusalem, nơi chúng ta là những lữ khách đang tiến về, ở đó Chúa Kitô đang ngự bên hữu Thiên Chúa như một thừa tác viên của cung thánh, của nhà tạm đích thực²²; Phụng Vụ trần gian là nơi chúng ta hợp cùng toàn thể đạo binh trên trời đồng thanh ca ngợi tôn vinh Chúa: trong khi kính nhớ các Thánh, chúng ta hy vọng được thông phần và đoàn tụ với các Ngài; chúng ta mong đợi Đấng Cứu Thế là Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta, cho đến khi chính Người là sự sống chúng ta sẽ xuất hiện và chúng ta cũng sẽ xuất hiện với Người trong vinh quang²³.

9. Phụng vụ không phải là hoạt động duy nhất của Giáo Hội. Phụng Vụ Thánh không làm trọn mọi hoạt động của Giáo Hội. Vì, con người cần phải được mời gọi để tin và hoán cải trước khi có thể đến tham gia Phụng Vụ: "Làm sao họ kêu khẩn được Đấng họ không tin? Làm sao họ tin Đấng họ không được nghe? Làm sao họ nghe được, nếu không có người rao giảng? Làm sao mà rao giảng, nếu không được sai đi?" (Rm 10,14-15).

Vì thế, Giáo Hội loan truyền sứ điệp cứu rỗi cho những kẻ không tin, để mọi người nhận biết một Thiên Chúa duy nhất và chân thật, đồng thời cũng nhận biết Đấng Ngài sai là Chúa

²² Xem Kh 21,2 ; Col 3,1 ; Dth 8,2.

²³ Xem Ph 3,20 ; Col 3,4.

Giêsu Kitô, và thông hối, hoán cải con đường của họ²⁴. Còn đối với các tín hữu, Giáo Hội phải luôn luôn rao giảng đức tin và lòng thông hối; giúp họ sẵn sàng đón nhận các Bí Tích, dạy họ giữ trọn những điều Chúa Kitô đã phán²⁵, thúc giục họ tham gia mọi công cuộc bác ái, đạo đức và tông đồ; những công cuộc này biểu lộ rằng: dầu các tín hữu không thuộc về thế gian nhưng lại là ánh sáng thế gian và chính họ tôn vinh Chúa Cha trước mặt mọi người.

10. Phụng vụ là tột đỉnh và nguồn mạch đời sống Giáo Hội. Tuy nhiên, Phụng Vụ là tột đỉnh qui hướng mọi hoạt động của Giáo Hội, đồng thời là nguồn mạch tuôn trào mọi năng lực của Giáo Hội. Thực vậy, các công lao khó nhọc trong việc tông đồ đều nhằm làm cho mọi người, nhờ đức tin và phép rửa, trở nên con cái Thiên Chúa, cùng nhau qui tụ ngợi khen Chúa giữa lòng Giáo Hội, thông phần Hiến Tế và ăn tiệc của Chúa.

Đáp lại, chính Phụng Vụ thúc giục các tín hữu đã được no thỏa "nhiệm tích phục sinh", phải trở nên "những người sống phối hợp trong tình yêu"²⁶. Phụng Vụ nguyện cầu "cho họ ăn ở xứng đáng và trung thành giữ nhiệm tích họ đã lãnh nhận với lòng tin tưởng"²⁷. Việc tái lập giao ước của Chúa với con người trong Lễ Tạ Ôn nung nấu và lôi cuốn các tín hữu vào trong tình yêu thúc bách của Chúa Kitô. Vì thế, chính Phụng Vụ, nhất là Lễ Tạ Ôn, như là nguồn mạch chảy tràn ân sủng vào trong chúng ta và làm cho con người được thánh hóa trong Chúa Kitô một cách hữu hiệu đồng thời Thiên Chúa được vô cùng tôn vinh; đó là điều mà mọi công việc khác của Giáo Hội đều qui hướng về như là cứu cánh.

²⁴ Xem Gio 17,3 ; Lc 24,27 ; CvTđ 2,38.

²⁵ Xem Mt 28,20.

²⁶ Kinh tạ lễ ngày vọng lễ Phục Sinh và Chúa Nhật Phục Sinh trong Sách Lễ Roma.

²⁷ n.v.t. Kinh cầu nguyện thứ ba tuần Phục Sinh.

11. Cần thiết chuẩn bị tâm linh mỗi người. Nhưng muốn thâm đạt được hiệu năng toàn vẹn ấy, tín hữu cần đến tham dự Phụng Vụ Thánh với tâm hồn chuẩn bị sẵn sàng, ngay thẳng, hòa hợp tâm trí mình với ngôn ngữ, và cộng tác với ân sủng trên trời, để được nhận lãnh ân sủng đó một cách vô ích²⁸. Vì vậy, các mục tử không phải chỉ chủ tâm tuân giữ các lề luật trong các hoạt động phụng vụ để cử hành thành sự và hợp pháp mà thôi, nhưng còn phải làm cho các tín hữu tham dự Phụng Vụ một cách ý thức, linh động và hữu hiệu.

12. Phụng vụ và sự cầu nguyện cá nhân. Tuy nhiên, đời sống thiêng liêng không chỉ bao trùm trong việc tham dự Phụng Vụ Thánh mà thôi. Bởi vì người Kitô hữu được mời gọi cầu nguyện chung, nhưng cũng phải vào phòng riêng âm thầm cầu nguyện cùng Chúa Cha²⁹, hơn nữa phải cầu nguyện không ngừng³⁰ như lời vị Tông Đồ đã dạy. Chính vị Tông Đồ này còn dạy chúng ta hằng phải ôm ấp sự khổ chế của Chúa Giêsu được phô diễn trong xác thể hay chết của chúng ta³¹. Vì vậy, trong Hy Lễ, chúng ta nguyện xin Chúa "khi chấp nhận của lễ linh thiêng được dâng lên", Chúa biến chính chúng ta trở nên "lễ vật vĩnh cửu"³² của Chúa.

13. Các việc đạo đức khơi nguồn từ phụng vụ. Những việc đạo đức của dân Kitô giáo bao lâu còn được thích hợp với các lề luật và qui tắc của Giáo Hội thì còn được khích lệ rất nhiều, nhất là khi thi hành theo chỉ thị của Tông Tòa.

Những việc thánh thiện của các Giáo Hội địa phương cũng được đặc biệt tôn trọng, khi được thi hành theo các chỉ thị của

²⁸ Xem 2Cor 6,1.

²⁹ Xem Mt 6,6.

³⁰ Xem 1Th 5,17.

³¹ Xem 2Cor 4,10-11.

³² Kinh dâng lễ thứ hai tuần Hiện Xuống, trong Sách Lễ Roma.

Giám Mục, hợp với tập tục hoặc các sách đã được chính thức phê chuẩn.

Nhưng phải chiếu theo các mùa phụng vụ để xếp đặt các việc ấy cho hòa hợp với Phụng Vụ Thánh, để có thể được coi là phát xuất từ Phụng Vụ và để tiến dẫn dân chúng đến Phụng Vụ, vì tự bản chất, Phụng Vụ vượt xa các việc ấy.

II. Công Cuộc Huấn Luyện Phụng Vụ Và Tham Dự Linh Động

14. Tham dự các việc cử hành phụng vụ cách trọn vẹn. Mẹ Giáo Hội tha thiết ước mong toàn thể các tín hữu được hướng dẫn tham dự các việc cử hành phụng vụ cách trọn vẹn ý thức và linh động. Việc tham dự ấy do chính bản tính Phụng Vụ đòi hỏi; lại nữa, nhờ phép Rửa Tội, việc tham dự Phụng Vụ trở thành quyền lợi và bổn phận của dân Kitô giáo, "là giòng giống được lựa chọn, là tư tế vương giả, là dân thánh, là con dân được tuyển chọn" (1P 2,9; x. 2,4-5).

Trong việc canh tân và cổ võ Phụng Vụ Thánh, cần phải hết sức để tâm đến việc tham dự trọn vẹn và linh động của toàn dân: vì Phụng Vụ là nguồn mạch trước tiên và thiết yếu, từ đó các tín hữu phải múc lấy tinh thần Kitô giáo đích thực. Vì thế, nhờ việc huấn luyện cần thiết, các mục tử chặn dắt các linh hồn phải nhiệt tâm tìm đạt được điều đó trong mọi hoạt động phụng vụ.

Tuy nhiên, sẽ không có một tia hy vọng nào đạt tới kết quả đó, nếu trước tiên chính những mục tử chặn dắt các linh hồn không thấm nhuần sâu rộng tinh thần và năng lực của Phụng Vụ cũng như không thành những bậc thầy trong lãnh vực ấy.

Vì vậy, rất cần phải chú trọng đến việc huấn luyện Phụng Vụ cho hàng giáo sĩ. Do đó, Thánh Công Đồng đã ra lệnh thiết lập những điều sau đây.

15. Huấn luyện giáo sư phụng vụ. Các giáo sư được ủy nhiệm giảng huấn môn Phụng Vụ Thánh trong các chủng viện, các học viện dòng tu, và các phân khoa thần học, phải được đào tạo đầy đủ về phụng vụ của họ tại các trường chuyên môn đặc biệt.

16. Việc giảng dạy phụng vụ. Trong các chủng viện và các học viện dòng tu, môn Phụng Vụ Thánh phải được đặt vào hàng các môn cần thiết và quan trọng; còn trong các phân khoa thần học, phải được đặt vào hàng các môn chính. Hơn nữa, môn Phụng Vụ phải được giảng huấn dưới khía cạnh vừa thần học và lịch sử, vừa tu đức, mục vụ và luật pháp. Ngoài ra giáo sư của các môn học khác, nhất là tín lý thần học, Thánh Kinh, thần học tu đức và mục vụ, phải chú tâm làm nổi bật màu nhiệm Chúa Kitô và lịch sử cứu rỗi theo những đòi hỏi nội tại của từng môn riêng biệt, ngõ hầu làm sáng tỏ rõ ràng mối liên hệ giữa các môn ấy với Phụng Vụ và tính cách duy nhất trong việc đào tạo linh mục.

17. Huấn luyện phụng vụ cho chủng sinh. Các giáo sĩ trong các chủng viện và tu viện phải được huấn luyện về Phụng Vụ cho đời sống thiêng liêng. Muốn được như vậy, họ cần phải được dẫn dắt thích đáng để có thể lĩnh hội và tham dự những nghi lễ thánh với trọn tâm hồn, cả trong việc cử hành các màu nhiệm thánh, cũng như thực hành các việc đạo đức khác đã được thấm nhiễm tinh thần Phụng Vụ Thánh; cũng thế, họ phải tập quen tuân giữ các lề luật phụng vụ sao cho tinh thần phụng vụ ảnh hưởng sâu rộng trên đời sống tại các chủng viện và tu viện.

18. Trợ giúp các linh mục có trách nhiệm mục vụ. Các linh mục triều hay dòng đã làm việc trong vườn nho Chúa phải được

trợ giúp bằng mọi phương tiện thích hợp để luôn luôn lĩnh hội đầy đủ hơn những gì họ thi hành trong các công việc thánh, ngõ hầu sống đời sống phụng vụ và thông ban đời sống ấy cho các tín hữu đã được ủy thác cho họ.

19. Huấn luyện phụng vụ cho các tín hữu. Những mục tử chăn dắt các linh hồn phải chú trọng và kiên tâm theo đuổi việc huấn luyện phụng vụ cho các tín hữu và cho họ tích cực tham dự bên trong lẫn bên ngoài, tùy theo tuổi tác, hoàn cảnh, cách sống và trình độ văn hóa tôn giáo của họ. Nhờ vậy các mục tử sẽ chu toàn được một trong những trọng trách chính yếu của người trung thành phân phát các mầu nhiệm Thiên Chúa. Đồng thời, trong công tác đó, các ngài phải dẫn dắt đoàn chiên mình bằng cả lời nói lẫn gương lành.

20. Các phương tiện truyền thông và phụng vụ. Các công tác truyền thanh và truyền hình về những hoạt động thánh, đặc biệt về việc cử hành Thánh Lễ, phải được thận trọng thực hiện cách xứng đáng dưới sự hướng dẫn và bảo lãnh của người đủ khả năng do các Giám Mục ủy thác.

III. Việc Canh Tân Phụng Vụ Thánh

21. Canh tân toàn diện Phụng Vụ. Giáo Hội hiện mẫu, vì muốn cho dân Kitô giáo thâm đạt được dồi dào những ân sủng trong Phụng Vụ Thánh cách chắc chắn hơn, nên ước mong nhiệt thành đảm trách việc canh tân toàn diện Phụng Vụ. Bởi vì, Phụng Vụ gồm phần bất biến, do Thiên Chúa thiết lập, và những phần có thể thay đổi. Phần này có thể hoặc cũng phải sửa đổi theo dòng thời gian, nếu tình cờ có len lỏi vào những yếu tố rất ít đáp ứng hoặc ít phù hợp với bản tính thâm sâu của Phụng Vụ.

Trong việc canh tân này, phải tu chính các bản văn, và các nghi lễ làm sao cho chúng diễn tả rõ ràng hơn những thực tại thánh mà chúng biểu thị, và để dân Kitô giáo có thể dễ dàng thấu triệt các thực tại ấy càng nhiều càng tốt, cũng như có thể tham dự bằng việc cử hành những nghi lễ ấy một cách trọn vẹn, linh động và cộng đồng.

Vì vậy, Thánh Công Đồng ấn định những qui tắc tổng quát sau đây.

A. Các qui tắc tổng quát

22. Việc điều hành phụng vụ thuộc thẩm quyền hàng Giáo Phẩm.

1 Việc điều hành Phụng Vụ Thánh tùy thuộc thẩm quyền duy nhất của Giáo Hội: nghĩa là thuộc quyền Tông Tòa và chiếu theo qui tắc luật pháp, cũng thuộc quyền Giám Mục.

2 Chiếu theo quyền hạn đặc trưng của luật pháp, việc điều hành phụng vụ, trong các giới hạn đã định, cũng tùy thuộc các loại hội đồng Giám Mục khác nhau, đã được thiết định hợp pháp, có thẩm quyền trong từng địa phương.

3 Vì vậy, tuyệt đối không ai khác, dầu là linh mục, được lấy quyền riêng tư thêm bớt hay thay đổi một điều gì trong Phụng Vụ. ^{2*}

23. Truyền thông và tiến bộ. Để duy trì truyền thống lành mạnh nhưng đồng thời vẫn mở rộng đường cho những tiến bộ chính đáng, khi phải tu chỉnh từng phần riêng biệt của Phụng Vụ phải luôn luôn tiến hành việc nghiên cứu kỹ lưỡng thần học,

^{2*} Phụng Vụ là công cuộc của Chúa Kitô và Giáo Hội phổ quát, chứ không thuộc về một Giáo Hội địa phương hay đoàn thể đặc biệt nào (x. số 7). Do đó, tất cả mọi sự liên quan tới việc điều hành Phụng Vụ chỉ lệ thuộc thẩm quyền tối cao của Giáo Hội mà thôi. Các Hội Đồng Giám Mục và các Giám Mục nói chung chỉ có thẩm quyền do Giáo Hội thừa ủy.

lịch sử và mục vụ. Hơn nữa còn phải lưu tâm đến những luật lệ tổng quát về cơ cấu và tinh thần Phụng Vụ cũng như kinh nghiệm xuất phát do việc canh tân Phụng Vụ mới đây và do các đặc miễn đã ban cho nhiều nơi. Sau hết, chỉ nên thực hiện những đổi mới nhất thời khi lợi ích thiết thực và chắc chắn của Giáo Hội đòi hỏi và sau khi đã cân nhắc thấy rằng những hình thái mới, một cách nào đó, phải được triển nở có hệ thống từ những hình thái sẵn có.

Ngoài ra, còn cần phải đề phòng hết sức có thể để tránh những dị biệt đáng kể của các nghi lễ giữa các miền lân cận.

24. Thánh Kinh và phụng vụ. Trong việc cử hành Phụng Vụ, Thánh Kinh giữ vai trò tối quan trọng. Thực vậy, người ta trích từ Thánh Kinh những bài để đọc, những bài để dẫn giải trong bài giảng, cũng như những ca vịnh để hát. Chính nguồn cảm hứng và sức phấn khởi của Thánh Kinh cũng làm xuất phát những lời kinh, lời nguyện và những bài phụng ca, đồng thời còn làm cho những động tác và các biểu hiệu trở thành ý nghĩa. Vì vậy, để xúc tiến việc canh tân, phát triển và thích ứng Phụng Vụ, cần phải phát huy lòng mộ mến Thánh Kinh đậm đà và sống động, đã được truyền thống khả kính của các nghi lễ Đông phương và Tây phương minh chứng.

25. Tu chỉnh sách phụng vụ. Cần phải nhờ đến các chuyên viên và tham khảo ý kiến các Giám Mục thuộc mọi miền khác nhau trên thế giới để tu chỉnh các sách phụng vụ càng sớm càng hay.

B. Các qui tắc riêng biệt do bản chất Phụng Vụ xét về phương diện hoạt động phẩm trật và cộng đoàn

26. Bí tích hiệp nhất. Các hoạt động phụng vụ không phải là những hoạt động riêng tư, nhưng là những cử hành của Giáo

Hội, là "bí tích hiệp nhất", nghĩa là dân thánh được qui tụ và hướng dẫn dưới quyền của Giám Mục ³³.

Vì vậy, các hoạt động đó thuộc về Thân Thể phổ quát của Giáo Hội, diễn tả và ảnh hưởng trên Giáo Hội; tuy nhiên còn có liên quan khác nhau với từng chi thể riêng biệt của Thân Thể, tùy theo khác biệt về phẩm trật, phận vụ, và sự tham dự hiện thực.

27. Ưu tiên cho việc cử hành cộng đồng. Khi các nghi lễ, tùy theo bản chất riêng tư của chúng, được cử hành chung với sự tham dự đông đảo và linh hoạt của giáo dân, nên ghi nhớ rằng phải quý chuộng việc cử hành cộng đồng hơn việc cử hành đơn độc và có vẻ riêng tư.

Điều này có giá trị đặc biệt cho việc cử hành Thánh Lễ, cho dầu bản tính công cộng và xã hội của mỗi Thánh Lễ vẫn luôn luôn được duy trì; điều này còn có giá trị cho việc ban phát các Bí Tích.

28. Cử hành phận vụ nghiêm chỉnh. Là thừa tác viên hay là tín hữu, trong các việc cử hành phận vụ, mỗi người khi chu toàn phận vụ, chỉ thi hành trọn những gì thuộc lãnh vực mình tùy theo bản chất sự việc và những qui tắc phận vụ.

29. Chu toàn phận sự phận vụ đích thực. Cả những người giúp, đọc dẫn giải và những người thuộc ca đoàn cũng chu toàn phận sự phận vụ đích thực. Vì vậy, họ phải thi hành phận vụ mình với lòng đạo đức chân thành và trật tự, phù hợp với thừa tác vụ trọng đại ấy, và là điều dân Chúa có quyền đòi hỏi nơi họ.

³³ T. Cyprianô, *De Cath. Eccl. Unitate*, 7 : x.b. G. Hartel, trong CSEL, bộ III, 1 Vienna 1868, trg 215-216. Xem Ep. 66, số 8, 3: nhà xuất bản đã trích, bộ III, 2 Vienna 1871, trg 732-733.

Vì vậy, tùy theo năng cách mỗi người, họ phải nhiệt tâm thấm nhuần tinh thần Phụng Vụ và học hỏi để hoàn tất các phần vụ mình theo đúng nghi thức và có trật tự.

30. Giáo dân tham dự linh động. Để phát huy việc tham gia linh động, cần phải cổ xúy những lời tung hô của dân chúng, những lời đối đáp, những bài ca vịnh, tiền khúc, thánh ca, và cả những động tác hoặc cử chỉ, thái độ của thân xác. Cũng cần phải giữ sự thanh lặng linh thiêng đúng lúc của nó.

31. Vai trò của các tín hữu. Trong khi tu chỉnh các sách phụng vụ, cần phải thận trọng lưu tâm để những qui tắc chữ đồ cũng tiên liệu cả vai trò của các tín hữu.

32. Phụng vụ và giai cấp xã hội. Trong Phụng Vụ, ngoại trừ sự biệt đãi do phận vụ phụng vụ và Chức Thánh, cũng như vinh dự phải dành cho các viên chức dân sự hợp theo qui tắc các luật phụng vụ, sẽ không có một thiên vị nào đối với các tư nhân hay địa vị, hoặc trong các nghi lễ hoặc trong các việc long trọng bên ngoài.

C. Các qui tắc do bản chất giáo dục và mục vụ của Phụng Vụ

33. Trong Phụng Vụ, Thiên Chúa nói với dân Ngài. Cho dầu Phụng Vụ Thánh đặc biệt là việc phụng thờ Thiên Chúa uy quyền, nhưng còn bao hàm việc giáo dục lớn lao cho dân chúng trung thành³⁴. Thực vậy, trong Phụng Vụ, Thiên Chúa nói với dân Ngài; đồng thời Chúa Kitô cũng rao giảng Phúc Âm. Còn dân chúng đáp lại Thiên Chúa qua tiếng hát lời kinh.

Hơn nữa, linh mục, là hiện thân Chúa Kitô, chủ tọa cộng đoàn, đọc những lời kinh trực tiếp dâng lên Thiên Chúa nhân

³⁴ Xem CD Trentô, khóa XXII, 17-9-1562, *Giáo thuyết De SS. Missae Sacrif.*, ch. 8: *Concilium Tridentinum*, nhà xuất bản đã trích, bộ VIII, trg 961.

danh toàn thể dân thánh và mọi người tham dự. Sau hết, những biểu hiệu hữu hình được dùng trong Phụng Vụ Thánh để diễn tả những thực tại vô hình của Thiên Chúa là những biểu hiệu đã được Chúa Kitô hoặc Giáo Hội tuyển chọn. Do đó, không những chỉ đọc "những gì đã chép cốt để dạy ta" (Rm 15,4) mà cả việc Giáo Hội cầu nguyện, ca hát, hay hành động, đều nuôi dưỡng đức tin của những người tham dự, nâng tâm trí họ lên cùng Chúa, để họ sáng suốt tuân phục Ngài, và để lãnh nhận ân sủng của Ngài cách dồi dào hơn.

Vì vậy, trong khi canh tân Phụng Vụ, cần phải tuân giữ những qui tắc tổng quát sau đây.

34. Hòa hợp các nghi lễ. Các nghi lễ cần phải chiếu tỏa nét đơn sơ cao quý, trong sáng, vẫn gọn; phải tránh những lập đi lập lại vô ích; phải thích ứng với tâm linh hội của các tín hữu, cách chung không cần nhiều lời giải thích.

35. Thánh Kinh, bài giảng và bài giáo lý về phụng vụ. Để việc liên kết mật thiết giữa nghi lễ và ngôn ngữ được phát lộ rõ ràng trong Phụng Vụ:

1) Trong việc cử hành thánh, cần phải tu chỉnh bài đọc Thánh Kinh cho dồi dào hơn, thay đổi hơn và thích hợp hơn.

2) Vì bài giảng là thuộc phần hoạt động phụng vụ, nên thời gian thích hợp để giảng giải, theo như nghi lễ cho phép, phải được ghi trong các qui tắc chữ đỏ. Phải hết sức trung thành chu toàn thừa tác vụ giảng giải đúng với nghi lễ. Tiên vàn bài giảng phải được múc lấy từ nguồn Thánh Kinh và Phụng Vụ, vì như là việc rao truyền các việc kỳ diệu của Thiên Chúa trong lịch sử cứu rỗi hay trong mầu nhiệm Chúa Kitô. Chính mầu nhiệm này hằng hiện diện thiết thực và tác động trong chúng ta, nhất là trong các cử hành phụng vụ.

3) Còn phải dùng mọi cách để các bài giáo lý trực tiếp nói về Phụng Vụ hơn. Và trong chính các nghi lễ, nếu cần, linh

mục hay thừa tác viên có thẩm quyền, phải dự liệu để nói ít lời giáo huấn vắn tắt, nhưng chỉ nói vào những lúc thuận tiện nhất, bằng những lời đã ấn định hay những lời tương tự.

4) Phải cô võ việc suy tôn lời Chúa vào những ngày áp lễ cả, cũng như trong vài ngày lễ Mùa Vọng, Mùa Chay, những ngày Chúa nhật và những ngày lễ trọng, nhất là ở những nơi thiếu linh mục: trong trường hợp này, hoặc vị phó tế hoặc ai khác được Giám Mục ủy nhiệm sẽ điều khiển việc suy tôn lời Chúa.

36. Việc dùng Latinh và việc dùng tiếng bản quốc.

1 Việc dùng tiếng La tinh, trừ luật riêng, phải được duy trì trong các Nghi Lễ La tinh.

2 Tuy nhiên, có thể sinh lợi rất nhiều cho dân chúng nếu dùng tiếng bản quốc hoặc trong Thánh Lễ hoặc trong việc Cử Hành các Bí Tích, hoặc trong những phần khác của Phụng Vụ; cho nên việc dùng tiếng bản quốc này cũng dễ dàng được chấp thuận hơn, đặc biệt trong các bài đọc và các bài giáo huấn, một số lời nguyện và bài hát, tùy theo những qui tắc đã được ấn định cho mỗi trường hợp trong những chương sau đây.

3 Khi đã tuân giữ những qui tắc này thì việc ấn định xử dụng và cách dùng tiếng bản quốc thuộc Thẩm Quyền Giáo Hội địa phương, như đã bàn trong khoản 22-2; nếu gặp trường hợp đó, phải hội ý với các Giám Mục trong những miền lân cận cùng một thứ tiếng. Mọi quyết nghị cần phải được Tông Tòa chấp thuận hay chuẩn y.

4 Việc phiên dịch bản văn La tinh ra tiếng bản quốc để dùng trong Phụng Vụ phải được Thẩm Quyền Giáo Hội địa phương nói trên chuẩn y.^{3*}

^{3*} Vấn đề dùng tiếng bản xứ trong Phụng Vụ đã là một đề tài thảo luận sôi nổi trong Công Đồng Trentô. Công Đồng bảy giờ cũng nhìn thấy rõ ràng tầm quan

D. Các qui tắc để thích nghi với tâm tính và truyền thống của dân tộc

37. Giáo Hội tôn trọng những vẻ đẹp tinh thần của những dân nước khác nhau. Ngay cả trong Phụng Vụ, Giáo Hội không muốn ấn định một hình thái cứng rắn, thẳng mạch nào, trong những điều không liên quan đến đức tin và thiện ích của toàn thể cộng đoàn. Hơn nữa, Giáo Hội còn tôn trọng cũng như phát huy những vẻ đẹp tinh thần, những đặc tính của những dân nước khác nhau. Bất cứ những gì trong những tập tục của các dân tộc, không liên quan chặt chẽ đến những điều dị đoan và lầm lạc, đều được Giáo Hội thẩm định với lòng đầy thiện cảm, và nếu có thể, còn được gìn giữ vẹn toàn và vững chắc. Hơn nữa, đôi khi những tập tục đó còn được Giáo Hội nhận vào trong Phụng Vụ, miễn sao cho chúng hòa hợp với những nguyên tắc của tinh thần phụng vụ đích thực và chân chính.

trọng của nó (x. DS 1749 và 1759). Tuy nhiên có Nghị Phụ thấy chưa phải là lúc "thuận tiện" để thay đổi ngôn ngữ Phụng Vụ. Lập trường này nhằm chống lại phái Tin Lành chủ trương phải dùng tiếng bản xứ vì các Bí Tích chẳng qua là phương tiện để khơi dậy hoặc để tuyên xưng đức tin (DS 1749).

Vì lý do trên, La ngữ vẫn được sử dụng trong các nghi lễ Roma cho tới ngày nay. Điều này được coi như một dấu hiệu hiệp nhất rõ ràng và cụ thể, và là một bảo vệ hữu hiệu chống lại mọi sai lạc của nền giáo lý tinh tuyền (Mediator Dei số 58).

Dầu sao Công Đồng Trentô và Thông Điệp Mediator Dei cũng nhận sự kiện La ngữ ngăn trở giáo dân tham dự chủ động và tích cực vào các nghi lễ Phụng Vụ, nhất là để hiểu những bài đọc và những nghi thức hàm chứa nhiều giáo huấn cho giáo dân.

Vì vậy Công Đồng Vaticanô II đã giải quyết vấn đề đến nơi đến chốn và nêu ra những qui tắc thiết thực cho việc sử dụng tiếng bản xứ (x. số 54 và 63).

38. Những khác biệt trong các xứ truyền giáo. Dầu vẫn duy trì tính cách duy nhất thuộc bản chất của nghi lễ Roma, những biến dị chính đáng và những thích nghi với các cộng đoàn, các miền, các dân tộc khác, nhất là trong các Xứ Truyền Giáo, đều vẫn được chấp nhận, cả khi tu chỉnh các sách Phụng Vụ. Nên để ý đến qui tắc này trong việc ấn định cơ cấu các nghi lễ và việc thiết lập các qui tắc chữ đờ.

39. Thẩm quyền giáo hội địa phương. Giữa những giới hạn được ấn định trong các bản mẫu của các sách Phụng Vụ, Thẩm Quyền Giáo Hội địa phương, như đã bàn trong khoản 22-2, có quyền xác định những việc thích nghi, đặc biệt việc cử hành các Bí Tích, Á Bí Tích, rước kiệu, ngôn ngữ phụng vụ, thánh nhạc và nghệ thuật. Tuy nhiên, phải theo đúng những qui tắc căn bản trong Hiến Chế này.

40. Phương cách thích nghi phụng vụ. Nhưng trong nhiều nơi và trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, phải cấp bách thích nghi Phụng Vụ sâu xa hơn, và do đó gây nên nhiều khó khăn hơn, nên:

1) Thẩm Quyền Giáo Hội địa phương, như đã bàn trong khoản 22-2, phải thận trọng và khôn ngoan cứu xét trong công việc này, những yếu tố nào thuộc các truyền thống và tâm tính của từng dân tộc có thể được chấp nhận thích đáng vào việc phụng thờ Thiên Chúa. Những thích nghi được thẩm định là lợi ích hay cần thiết, phải đệ trình lên Tông Tòa để được kết nạp và chuẩn y.

2) Để việc thích nghi được thực hiện với sự cẩn trọng cần thiết, Tông Tòa sẽ ban phép cho Giáo Hội địa phương đề, nếu gặp trường hợp đó, cho phép và điều khiển các cuộc thí nghiệm sơ khởi cần thiết, trong vài cộng đoàn hợp với mục tiêu và trong một thời gian hạn định.

3) Vì các luật lệ phụng vụ thường mang nhiều khó khăn đặc biệt cho việc thích nghi, nhất là trong các Xứ Truyền Giáo, nên

để thiết lập các luật lệ này, cần phải có mặt các nhà chuyên môn trong lãnh vực đó.

IV. VIỆC CỎ VÕ ĐỜI SỐNG PHỤNG VỤ Trong Giáo Phận Và Trong Giáo Xứ

41. Hiệp thông với giám mục giáo phận. Giám Mục phải được xem như thượng tế của đoàn chiên Ngài; có thể nói rằng sự sống nơi các tín hữu của Ngài trong Chúa Kitô cũng phát xuất từ Ngài và lệ thuộc Ngài.

Vì vậy, mọi người phải hết sức mến chuộng đời sống phụng vụ của giáo phận chung quanh Giám Mục, nhất là tại nhà thờ chánh tòa: họ phải xác tín rằng Giáo Hội được đặc biệt biểu lộ khi toàn thể dân thánh Chúa tham dự trọn vẹn và linh động vào những cử hành Phụng Vụ, đặc biệt trong cùng một Lễ Tạ Ơn, trong một lời nguyện duy nhất, ở đó Giám Mục chủ tọa giữa linh mục đoàn và các thừa tác viên bao quanh Ngài³⁵.

42. Đời sống phụng vụ của giáo xứ. Vì chính Giám Mục không thể đích thân hiện diện mọi nơi mọi lúc trong toàn thể đoàn chiên thuộc Giáo Hội Ngài, nên cần phải thiết lập các cộng đoàn tín hữu. Trong đó, nổi bật hơn cả là các giáo xứ được thiết lập tại địa phương dưới quyền một mục tử thay mặt Đức Giám Mục: bởi vì một cách nào đó, các giáo xứ phản ảnh Giáo Hội hữu hình đã được thiết lập trên toàn cõi trái đất.

Vì thế phải cổ võ đời sống phụng vụ của giáo xứ và mối liên hệ giữa đời sống ấy với Giám Mục trong tâm trí cũng như trong hành vi của các tín hữu và của hàng giáo sĩ; còn phải ra sức làm

³⁵ Xem T. Ignatiô Antiokia, *Ad Magn.* 7; *Ad Philm.* 4; *Ad Smyrn.* 8 : x.b. F.X. Funk, đã trích dẫn, I, trg 236, 266, 281.

triển nở ý thức cộng đoàn giáo xứ, nhất là trong việc cử hành Thánh Lễ cộng đồng ngày Chúa Nhật.

V. Việc Phát Huy Hoạt Động Về Mục Vụ Phụng Vụ

43. Canh tân Phụng Vụ Thánh. Lòng nhiệt thành cổ xúy và canh tân Phụng Vụ Thánh đáng được xem như một dấu chỉ của các ý định quan phòng của Thiên Chúa trên thời đại chúng ta, và như cuộc viếng thăm của Chúa Thánh Thần trong Giáo Hội; sự kiện này còn là một đặc điểm nổi bật của đời sống Giáo Hội, cũng như của mọi cách thức suy tư và hoạt động đầy tinh thần đạo giáo của thời đại chúng ta.

Vì thế, để cổ võ hoạt động về mục vụ phụng vụ tiến xa hơn trong Giáo Hội, Thánh Công Đồng quyết định:

44. Ủy ban phụng vụ toàn quốc. Thẩm Quyền Giáo Hội địa phương, như đã bàn trong khoản 22-2, nên thiết lập một ủy ban phụng vụ với sự trợ lực chuyên môn của các chuyên gia về khoa phụng vụ, Âm Nhạc, Nghệ Thuật Thánh, cũng như mục vụ. Nếu có thể, ủy ban này phải được một viện Mục Vụ Phụng Vụ nào đó giúp đỡ. Viện này gồm nhiều thành phần, và nên cần kể cả giáo dân xuất sắc trong lãnh vực đó. Dưới sự hướng dẫn của Giáo Hội địa phương, như đã nói trên, chính ủy ban này sẽ phải điều hành hoạt động về mục vụ phụng vụ trong phạm vi quyền hạn mình, cũng như phải phát huy các cuộc nghiên cứu và thí nghiệm cần thiết mỗi khi phải đệ trình những việc thích nghi lên Tông Tòa.

45. Ủy ban phụng vụ giáo phận. Cũng vậy, trong mỗi giáo phận phải có một Ủy Ban Phụng Vụ Thánh để phát huy hoạt động phụng vụ, dưới quyền điều khiển của Giám Mục.

Hơn nữa, đôi khi cũng là việc chính đáng nếu nhiều giáo phận phối hợp với nhau thiết lập một Ủy Ban duy nhất để cùng hội ý phát triển Phụng Vụ.

46. Các ủy ban khác. Ngoài Ủy Ban Phụng Vụ Thánh, trong mỗi giáo phận, khi có thể, cũng phải thiết lập các Ủy Ban Thánh Nhạc và Nghệ Thuật Thánh.

Ba Ủy Ban này cần phải hiệp lực với nhau làm việc, và nếu liên kết thành một Ủy Ban duy nhất cũng là điều thích hợp.

Chương II

Mầu Nhiệm Thánh Của Lễ Tạ Ơn

47. Thánh lễ và mầu nhiệm Vượt qua. Trong Bữa Tiệc sau hết, đêm bị nộp, Đấng Cứu Chuộc chúng ta đã thiết lập Hy Tế Tạ Ơn bằng Mình Máu Người, để nhờ đó Hy Tế Khổ Giá kéo dài qua các thời đại cho tới khi Người lại đến, và cũng để ủy thác cho Hiền Thê yêu quý của Người là Giáo Hội việc tưởng nhớ cái Chết và sự Sống Lại của Người: đây là bí tích tình yêu, dấu chỉ hiệp nhất, mối dây bác ái¹, bữa tiệc ly phục sinh, "trong đó khi lãnh nhận Chúa Kitô, tinh thần ta được tràn đầy ân sủng, và bảo chứng cho ta, một vinh quang tương lai"².

48. Giáo dân tham dự thánh lễ cách tích cực. Vì thế, Giáo Hội hằng bận tâm lo cho các Kitô hữu tham dự vào mầu nhiệm đức tin ấy, không như những khách bàng quan, câm lặng, nhưng là những người thấu đáo mầu nhiệm đó nhờ các nghi lễ

¹Xem T. Augustinô, *In Joannis Evangelium Traetatus XXVI, ch. VI, số 13: PL 35, 1613.*

² *Breviarium Romanum, Lễ Mình Thánh Chúa Kitô, Kinh Chiều II, tiền xướng Kinh Magnificat.*

và kính nguyện: họ tham dự hoạt động thánh một cách ý thức, thành kính và linh động; họ được đào tạo bởi lời Chúa; được bổ sức nơi bàn tiệc Mình Chúa; họ tạ ơn Chúa; và trong khi dâng lễ vật tinh tuyền, không chỉ nhờ tay linh mục mà còn liên kết với ngài, họ tập dâng chính mình; và ngày qua ngày, nhờ Chúa Kitô Trung Gian³, họ được tiêu hao trong tình kết liên với Thiên Chúa và với nhau, để cuối cùng Thiên Chúa trở nên mọi sự trong mọi người.

49. Thánh lễ có giáo dân tham dự. Vì vậy, để Hy Lễ, ngay cả nghi thức bên ngoài, thu đạt được một hiệu năng mục vụ trọn vẹn, Thánh Công Đồng quyết định những điều sau đây, về những Thánh Lễ cử hành có dân chúng tham dự, nhất là những ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc.

50. Canh tân phần chung của thánh lễ. Phải làm sao tu chỉnh Nghi Thức Thánh Lễ để biểu lộ rõ ràng hơn nữa ý nghĩa riêng biệt của mỗi phần, cũng như mỗi tương quan của chúng, đồng thời để việc tham dự thành kính và linh động của các tín hữu được dễ dàng hơn.

Do đó, các nghi lễ, dù vẫn hoàn toàn duy trì bản chất của chúng, nhưng phải được đơn giản hơn. Phải loại bỏ những gì, theo dòng thời gian, được gia bội hoặc thêm thắt mà ít lợi ích. Phải tái lập theo qui tắc cổ điển của các Thánh Giáo Phụ, một số những gì xét là chính đáng và cần thiết đã bị oan uổng mai một theo thời gian.

51. Phần Thánh Kinh. Để bàn tiệc lời Chúa được bày dọn phong phú hơn cho các tín hữu, phải mở rộng kho tàng Thánh Kinh hơn nữa; muốn thế, trong khoảng một số năm ấn định, phải đọc cho dân chúng phần Thánh Kinh quan trọng hơn.

³Xem T. Cyrillô Alex., *Commentarium in Joannis Evangelium*, cuốn XI, ch. XI-XII: PG 74, 557-565, nhất là 564-565.

52. Bài giảng. Bài giảng căn cứ vào Thánh Kinh để trình bày các mâu nhiệm đức tin và những qui tắc cho đời sống Kitô giáo trong suốt chu kỳ năm phụng vụ, rất đáng được coi như một phần của chính Phụng Vụ. Hơn nữa, trong những Thánh Lễ được cử hành những ngày Chúa Nhật và lễ buộc có dân chúng tham dự, không được bỏ giảng, nếu không có lý do hệ trọng.

53. Lời nguyện giáo dân. Phải tái lập "lời nguyện chung" hay "lời nguyện giáo dân", sau Phúc Âm và bài giảng, nhất là những ngày Chúa Nhật và lễ buộc, để khi dân chúng tham dự lời nguyện đó, họ cầu khẩn cho Hội Thánh, cho các nhà cầm quyền, cho những kẻ khốn khổ vì mọi nhu cầu khác nhau, cho tất cả mọi người, và cho phần rỗi của toàn thế giới^{4*}.

54. La ngữ và tiếng bản quốc. Tiếng bản quốc có thể được dùng cách thích đáng trong những Thánh Lễ cử hành có dân chúng tham dự, nhất là trong các bài đọc và "lời nguyện chung", cũng như tùy theo hoàn cảnh địa phương, cả trong những phần dành cho dân chúng, chiếu theo quy tắc khoản 36 của Hiến Chế này.

Tuy nhiên phải dự liệu sao để các Kitô hữu có thể cùng đọc hoặc cùng hát chung, ngay cả bằng La ngữ, các phần thường lễ dành cho họ trong Thánh Lễ.

Nhưng ở bất cứ nơi nào việc dùng tiếng bản quốc rộng rãi hơn trong Thánh Lễ được xem là chính đáng, đều phải tuân giữ những điều đã qui định trong khoản 40 của Hiến Chế này.

⁴ Xem 1Tm 2,1-2.

^{4*} Việc giáo dân cùng cầu nguyện cho Giáo Hội, cho chính quyền và cho "tất cả mọi người" (1Tm 2,1), là một truyền thống có từ thời các Tông Đồ và các Giáo Phụ đầu tiên (x. *Documentation Catholique* số 1445 (4-1965), cột 597). Vào cuối thời Trung Cổ, lời nguyện đó biến mất dần dần, lý do có lẽ vì đã có lời nguyện tương tự trong phần Lễ Quy với những kinh "memento" cầu cho người còn sống và đã qua đời.

55. Rước lễ dưới hai hình. Rất đáng khuyến khích các tín hữu tham dự Thánh Lễ cách toàn hảo hơn, bằng cách, sau khi linh mục rước lễ, họ cũng lãnh nhận Minh Chúa trong cùng một Hy Lễ đó.

Dù vẫn duy trì các nguyên tắc tín lý do Công Đồng Trentô qui định⁵

, nhưng có thể cho rước lễ dưới hai hình^{5*} tùy theo phán đoán của các Giám Mục, chiếu theo những trường hợp được Tông Tòa minh định, không những cho giáo sĩ, tu sĩ mà cả giáo dân nữa, chẳng hạn cho các tiến chức trong Thánh Lễ phong chức, những người tuyên khấn trong Thánh Lễ khấn dòng, và các tân tông trong Thánh Lễ tiếp diễn sau lễ Rửa Tội của họ.

56. Sự hợp nhất của thánh lễ. Có thể nói Thánh Lễ gồm hai phần, phần Phụng Vụ Lời Chúa và phần Phụng Vụ Thánh Thể. Hai phần này được liên kết chặt chẽ đến nỗi tạo thành một hành vi phụng thờ độc nhất. Do đó, Thánh Công Đồng tha thiết khuyến dụ những mục tử chấn dất các linh hồn, trong khi dạy

⁵ Khóa XXI, 16-7-1562. *Doctrina de Communionem sub utraque specie et parvulorum*, ch. 1-3, kh. 1-3: *Concilium Tridentinum*, nhà x.b. đã trích, bộ VIII, 698-699.

^{5*}Việc rước lễ dưới hai hình đã bị bãi bỏ trong nghi lễ Roma vào cuối thế kỷ XII. Từ đó về sau chỉ một mình chủ tế mới được đặc ân rước lễ hai hình thôi. Lý do thay đổi có lẽ như sau: 1) Lý do thực tế là giáo hữu ngày một đông nên việc cho rước lễ hai hình gặp nhiều bất tiện và phiền phức (Công Đồng Constance có nêu ra một vài "nguy hiểm và gương xấu": DS 1200). 2) Lý do thứ hai là dựa và điều Giáo Hội minh xác về việc Chúa hiện diện thực sự ở một trong hai hình (rước lễ một trong hai hình là rước lấy "Chúa Kitô toàn diện").

Công Đồng Constance năm 1415 đã lên án Wyclef và các đồ đệ chủ trương sai lầm rằng mọi tín hữu cần phải rước lễ dưới hai hình (DS 1198-1200). Công Đồng Trentô cũng tái xác nhận lập trường đó nhân dịp chống lại phái Tin Lành (DS 1729 và 1733).

Ở đây Công Đồng Vaticanô II, với thái độ thận trọng, vừa duy trì giáo lý Công Đồng Trentô vừa mở ra một lối đi mới, hợp lý và thực tiễn.

giáo lý, phải nhiệt thành dạy dỗ các tín hữu biết tham dự trọn vẹn Thánh Lễ, nhất là những ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc.

57. *Đông tế* .

(1) Việc đồng tế biểu lộ chính đáng tính cách duy nhất của chức linh mục. Cho đến nay, việc đồng tế vẫn được dùng trong Giáo Hội, Đông Phương cũng như Tây Phương. Vì vậy, Thánh Công Đồng muốn mở rộng quyền đồng tế trong những trường hợp sau đây: ^{6*}

1 - a) ngày Thứ Năm Tuần Thánh, Lễ Dầu cũng như Lễ Chiều;

b) các Thánh Lễ trong các Công Đồng, các Hội Nghị Giám Mục và các Hội Đồng;

c) Thánh Lễ tôn chức Đan Viện Phụ.

2 - Ngoài ra Đấng Bản Quyền còn phải cứu xét có nên đồng tế hay không mà ban phép cho những trường hợp sau đây:

a) Thánh Lễ tu hội và Thánh Lễ chính trong các nhà thờ, khi lợi ích các Kitô hữu không đòi buộc mọi Linh Mục hiện diện cử hành riêng biệt;

^{6*} *Đồng tế với Giám Mục (dưới nhiều cách khác nhau) cũng như giữa các linh mục với nhau đã thịnh hành từ thời các Thánh Giáo Phụ. Lễ nghi này nói lên quan niệm sâu xa về đặt tính hợp nhất giữa chức Linh Mục và phép Thánh Thể. Thánh Inhaxiô thành Antiokia (chết năm 107), đã diễn tả rõ ràng quan niệm này bằng câu nói sau đây: "Chỉ có một Phép Thánh Thể..., một bàn thờ, cũng như chỉ có một Giám Mục với Linh mục đoàn và các thầy phó tế của Ngài" (Thư gửi cho giáo dân Philadelphia, 4: PG 5,700).*

Giáo Hội Đông Phương vẫn còn duy trì truyền thống tốt đẹp này. Trong khi đó Giáo Hội Tây Phương chỉ còn thực hành trong Thánh Lễ phong chức Giám Mục và Linh Mục thôi.

Do đó, Công Đồng Vaticanô II muốn làm sống lại thói quen tốt lành và đầy ý nghĩa tượng trưng này.

b) các Thánh Lễ trong những cuộc hội họp, thuộc bất cứ loại nào, của các linh mục triều cũng như dòng.

(2) 1- Việc ấn định qui luật đồng tế trong địa phận thuộc quyền các Giám Mục.

2- Tuy nhiên mỗi linh mục vẫn có quyền cử hành lễ riêng trừ khi cùng một lúc trong cùng một nhà thờ, và ngày Thứ Năm Tuần Thánh.

58. Soạn thảo một nghi lễ đồng tế. Phải soạn thảo một nghi lễ mới về đồng tế, và phải sát nhập vào Sách Nghi Lễ Giám Mục và Sách Lễ Roma.

Chương III

Các Bí Tích Khác Và Các Á Bí Tích

59. Bản tính các bí tích. Các Bí Tích có mục đích thánh hóa con người, xây dựng thân thể Chúa Kitô, và sau cùng là thờ phượng Thiên Chúa. Tuy nhiên, là những dấu chỉ, các Bí Tích còn giữ vai trò giáo huấn nữa. Không những các Bí Tích giả thiết phải có đức tin, mà còn dùng lời nói và sự vật để nuôi dưỡng, củng cố và diễn tả đức tin đó. Do đó, được gọi là các Bí Tích Đức Tin. Thực ra các Bí Tích ban ân sủng, nhưng việc cử hành các Bí Tích còn là việc chuẩn bị các tín hữu đón nhận ân sủng đó một cách hữu hiệu để thờ phượng Chúa đúng cách và để thực thi đức bác ái.

Do đó, việc rất quan trọng là làm sao cho các tín hữu dễ dàng hiểu được những dấu chỉ của các Bí Tích, và hết sức siêng năng lui tới đón nhận các Bí Tích, là những Bí Tích được lập ra để nuôi dưỡng đời sống Kitô hữu.

60. Các á bí tích. Ngoài ra, Giáo Hội Mẹ Thánh còn thiết lập những Á Bí Tích. Đó là những dấu chỉ thánh, vì một phần

nào phỏng theo những Bí Tích, nhờ đó biểu trưng những hậu quả - nhất là những hậu quả thiêng liêng - và thông ban hậu quả đó nhờ sự bầu cử của Giáo Hội. Nhờ các Á Bí Tích ấy, con người được chuẩn bị lãnh nhận hậu quả chính yếu của các Bí Tích và thánh hóa những hoàn cảnh khác biệt trong cuộc sống.

61. Phụng vụ các Bí Tích và Á Bí Tích. Vì thế, phụng vụ các Bí Tích và Á Bí Tích mang lại những hiệu quả này là: đối với các tín hữu đã được chuẩn bị chu đáo, thì hầu hết mọi biến cố trong đời sống sẽ được thánh hóa nhờ thánh ân xuất phát từ máu nhiệm phục sinh của Chúa Kitô chịu thương khó, chịu chết và sống lại, vì Người là nguồn mạch ban năng lực cho tất cả các Bí Tích và Á Bí Tích. Hầu như không có việc sử dụng của cải vật chất một cách chính đáng nào lại không có thể đưa tới mục đích thánh hóa con người và ca khen Thiên Chúa.

62. Canh tân nghi thức. Tuy nhiên, trải qua các thời đại, có một số yếu tố đã len lỏi vào các nghi thức Bí Tích và Á Bí Tích khiến cho bản chất và mục đích kém phần rõ ràng đối với thời đại chúng ta. Vậy cần phải thích nghi vài yếu tố trong các nghi thức đó cho hợp với nhu cầu của thời đại chúng ta; nên trong việc duyệt xét lại những nghi thức ấy, Thánh Công Đồng quyết định các điều sau đây.

63. Ngôn ngữ. Bởi vì việc dùng tiếng bản quốc trong khi cử hành Bí Tích và Á Bí Tích, nhiều lúc có thể rất hữu ích cho dân chúng, nên sẽ dành cho nó một địa vị rộng rãi hơn, theo những qui tắc sau đây:

a) Tiếng bản quốc có thể được sử dụng trong khi cử hành các Bí Tích và Á Bí Tích theo qui tắc khoản 36.

b) Theo ấn bản mới của Sách Nghi Lễ Roma, Thẩm Quyền Giáo Hội địa phương phải soạn thảo càng sớm càng hay các sách nghi lễ riêng biệt thích nghi với nhu cầu từng miền, cả về phương diện ngôn ngữ, như đã bàn trong khoản 22-2 của Hiến Chế này. Sau khi đã được Tông Tòa duyệt y, các sách này sẽ

được xử dụng trong những miền đã soạn thảo. Trong việc soạn thảo các sách nghi lễ này, hay những sách đặc biệt thu tập các nghi lễ, không được bỏ quên những huấn thị ghi ở đầu từng nghi lễ trong Sách Nghi Lễ Roma, dù là huấn thị về mục vụ, về qui tắc chữ đỏ, hay những huấn thị có giá trị xã hội đặc biệt.

64. Lớp dự tòng. Phải cải tổ lớp dự tòng cho người lớn, theo nhiều giai đoạn, và việc thực hiện phải tùy theo phán quyết của Đấng Bản Quyền địa phương. Nhờ đó, thời gian dự tòng ấn định cho việc huấn luyện tương xứng có thể được thánh hóa bởi những nghi lễ thánh cử hành trong những thời gian kế tiếp nhau.

65. Canh tân nghi lễ rửa tội. Trong các xứ truyền giáo, ngoài những yếu tố đã có trong truyền thống Kitô giáo, cũng còn được phép công nhận những yếu tố nhập giáo khác vẫn thấy xử dụng nơi mỗi dân tộc, miễn là các yếu tố đó có thể thích ứng với nghi lễ Kitô giáo, theo qui tắc khoản 37-40 của Hiến Chế này.

66. Nghi lễ Rửa Tội người lớn. Phải duyệt lại hai nghi lễ Rửa Tội người lớn, một nghi thức đơn giản và một nghi thức trọng thể tùy theo tổ chức dự tòng được cải tổ lại; và sẽ đem vào Sách Lễ Roma một lễ đặc biệt trong dịp "ban phép Rửa Tội".

67. Nghi lễ Rửa Tội trẻ nhỏ. Phải duyệt lại nghi lễ Rửa Tội trẻ nhỏ, và thích nghi với thực trạng của trẻ sơ sinh. Hơn nữa, vai trò và bổn phận của cha mẹ cũng như những người đỡ đầu phải được nêu rõ hơn trong chính nghi thức đó.

68. Khi có đồng người chịu phép Rửa Tội. Khi có đồng người chịu phép Rửa Tội, thì trong nghi lễ nên có những thích ứng tùy theo phán quyết của Đấng Bản Quyền địa phương. Ngoài ra còn phải soạn thảo một nghi thức ngắn hơn, để các thầy giảng, nhất là trong các xứ truyền giáo, và cách chung các

tín hữu có thể xử dụng trong trường hợp nguy tử khi vắng mặt linh mục hay các thầy phó tế.

69. Nghi thức bổ túc. Thay vì nghi lễ gọi là "nghi thức bù các phép cho các trẻ nhỏ đã rửa tội", phải soạn thảo một nghi lễ mới, trong đó nói lên rõ ràng và thích hợp hơn về điểm này là đưa nhỏ được rửa tội theo nghi thức vẫn tất cũng được nhận vào Giáo Hội rồi.

Cũng thế, phải soạn thảo một nghi thức mới cho những người trước kia đã chịu phép Rửa Tội thành sự, mà nay trở lại đạo thánh Công Giáo, trong đó nêu lên ý nghĩa việc họ được chấp nhận, được hiệp thông với Giáo Hội.

70. Ngoài mùa Phục Sinh. Ngoài mùa phục sinh, có thể làm phép nước rửa tội ngay trong nghi lễ rửa tội, theo một công thức vẫn tất hơn đã được chuẩn nhận.

71. Canh tân nghi lễ thêm sức. Cũng phải duyệt lại nghi lễ Thêm Sức để làm sáng tỏ hơn mối dây liên lạc mật thiết của Bí Tích này với toàn thể nghi lễ nhập Kitô giáo. Vì thế, nên lập lại lời hứa rửa tội ngay trước khi nhận lãnh Bí Tích Thêm Sức.

Nếu thấy tiện, thì Bí Tích Thêm Sức có thể cử hành trong Thánh Lễ. Còn khi cử hành ngoài Thánh Lễ, phải lo soạn thảo một công thức để mở đầu nghi lễ.

72. Canh tân nghi lễ Giải Tội. Nghi Lễ và công thức Bí Tích Giải Tội phải được duyệt lại để diễn tả rõ ràng hơn bản tính và hiệu quả của Bí Tích này.

73. Canh tân nghi lễ Xức Dầu Bệnh Nhân. "Bí Tích Xức Dầu sau hết" hay đúng hơn còn có thể gọi "Bí Tích Xức Dầu bệnh nhân" không phải là Bí Tích dành riêng cho những người hấp hối. Dĩ nhiên, thời gian thuận tiện để nhận Bí Tích này chắc chắn là lúc tín hữu bắt đầu nguy tử vì bệnh tật hay già yếu.

74. Nghi lễ liên tục. Ngoài hai nghi lễ tách biệt nhau là Xức Dầu Bệnh Nhân và Trao Của Ăn Đàng, phải soạn thảo một bản

nghi lễ liên tục, theo đó sẽ xức dầu bệnh nhân sau khi xưng tội và trước khi nhận của ăn đàng.

75. Các lời nguyện trong nghi lễ xức dầu bệnh nhân. Xức dầu mấy chỗ là việc tùy nghi, và các lời nguyện đọc trong nghi lễ xức dầu bệnh nhân phải được duyệt lại sao cho thích ứng với từng trường hợp của bệnh nhân khi nhận lãnh Bí Tích này.

76. Canh tân nghi lễ Truyền Chức Thánh. Các Nghi Lễ Phong Chức phải được duyệt lại cả về nghi thức lẫn bản văn. Những lời huấn dụ của Đức Giám Mục ở đầu mỗi nghi lễ phong chức hay tấn phong có thể dùng tiếng bản quốc.

Trong Nghi Lễ Tấn Phong Giám Mục, tất cả các Giám Mục hiện diện đều có thể đặt tay.

77. Canh tân nghi lễ Hôn Phối. Nghi lễ cử hành Hôn Phối, hiện có trong sách nghi lễ Roma, phải được duyệt lại và làm phong phú hơn, để ý nghĩa ân sủng của Bí Tích này được thêm rõ ràng và nhấn mạnh hơn nữa bổn phận của hai vợ chồng.

"Nếu ở miền nào có những tập tục và nghi lễ xứng đáng khác trong khi cử hành Bí Tích Hôn Phối, thì Thánh Công Đồng tha thiết mong ước họ cứ giữ nguyên những tập tục và nghi lễ đó"¹.

Ngoài ra, Thẩm Quyền Giáo Hội địa phương, như đã bàn trong khoản 22§2 của Hiến Chế này, có quyền soạn thảo, theo qui tắc khoản 63, một nghi lễ riêng, thích hợp với tập quán của các địa phương và các dân tộc. Tuy nhiên, phải duy trì luật này là vị linh mục chủ tọa phải hỏi và nhận lời ưng thuận của đôi bên giao ước.

78. Thánh lễ cử hành Bí tích Hôn Phối. Theo thường lệ, Hôn Phối phải cử hành trong Thánh Lễ, sau bài Phúc Âm và

¹ *CĐ Trentô, khóa XXIV, 11-11-1563, de reformatione, ch. 1: Conc. Trid., x.b. đã trích, IX. Actorum phần VI, Friburgi Brisgoviae 1924, trg 969. Xem Rituale Romanum, tiết VIII, ch II, số 6.*

bài giảng và trước "lời nguyện giáo dân". Lời nguyện cho người vợ phải được tu chỉnh hợp thời để nhấn mạnh cả hai vợ chồng cùng có bốn phận phải trung tín với nhau. Lời nguyện này có thể đọc bằng tiếng bản quốc.

Nhưng nếu Bí Tích Hôn Phối cử hành không Thánh Lễ, thì phải đọc bài Thánh Thư và Phúc Âm của Lễ Hôn Phối trước khi bắt đầu nghi lễ và luôn luôn phải chúc lành cho đôi tân hôn.

79. Canh tân các á bí tích. Phải duyệt lại các Á Bí Tích, chú ý tới các qui tắc căn bản này, là làm sao cho các tín hữu dễ dàng tham dự một cách ý thức và linh động, lại cũng phải lưu tâm tới những nhu cầu của thời đại chúng ta. Trong khi duyệt lại các nghi thức theo qui tắc khoản 63, cũng có thể thêm các Á Bí Tích mới tùy theo nhu cầu đòi hỏi.

Sẽ có rất ít các nghi lễ làm phép dành riêng, và khi đó chỉ ưu tiên cho các Giám Mục và các Đấng Bản Quyền thôi.

Phải dự liệu để những giáo dân nào có đủ các đức tính thích hợp, đều có thể cử hành một vài Á Bí Tích, ít là trong những hoàn cảnh đặc biệt và tùy theo phán đoán của Đấng Bản Quyền.

7*

80. Canh tân nghi lễ Khấn Dòng. Nghi Lễ Thánh Hiến các Trinh Nữ, đã có trong Sách Nghi Lễ Giám Mục Roma, phải được duyệt lại.

Ngoài ra, phải soạn thảo một nghi lễ khấn dòng và tuyên lại lời khấn sao cho có tính cách duy nhất hơn, đơn giản hơn và trang nghiêm hơn. Những ai khấn dòng hay tuyên lại lời khấn trong Thánh Lễ, phải dùng nghi thức này, trừ khi có đặc quyền riêng.

7* Một vài Nghị Phụ đã lấy ví dụ các bậc cha mẹ có thể ban phép lành cho con cái.

Việc khấn dòng cử hành trong Thánh Lễ là một điều đáng khen ngợi.

81. Canh tân nghe lễ An Táng. Nghi lễ an táng phải diễn tả rõ ràng hơn tính cách phục sinh của cái chết Kitô hữu, và phải đáp ứng hơn nữa những hoàn cảnh và truyền thống của từng miền, ngay cả về màu sắc phụng vụ.

82. Nghi lễ an táng nhi đồng. Phải duyệt lại nghi lễ an táng nhi đồng và lập một Thánh Lễ riêng.

Chương IV

Kinh Nhật Tụng

83. Kinh nhật tụng, lời nguyện của Đức Kitô và Giáo Hội. Là Thượng Tế của Tân Ước vĩnh cửu, Chúa Giêsu Kitô, mang bản tính nhân loại, đã đưa vào cuộc lưu đày ở trần gian này một bản thánh ca vẫn còn được hát lên qua mọi thời đại nơi ngai tòa thiên quốc. Chính Người kết hiệp toàn thể cộng đoàn nhân loại với Người và liên kết họ với Người để cùng hát bản thánh ca ngợi khen này.

Thực vậy, Người tiếp tục chức vị tư tế đó qua chính Giáo Hội của Người: Giáo Hội không những chỉ cử hành Lễ Tạ Ôn, mà còn bằng nhiều cách khác, nhất là việc chu toàn Kinh Nhật Tụng, không ngừng ca tụng Thiên Chúa và cầu bầu cho phần rỗi của cả thế giới.

84. Kinh nhật tụng, để thánh hiến trọn ngày đêm bằng lời ngợi khen Thiên Chúa. Theo truyền thống xa xưa của Kitô giáo, Kinh Nhật Tụng được lập ra để thánh hiến trọn ngày đêm bằng lời ngợi khen Thiên Chúa. Vì, thực ra, khi các linh mục chu toàn đúng nghi thức bài ca ngợi khen tuyệt diệu đó, cũng

như những người khác được ủy nhiệm làm công việc đó theo sự thiết định của Giáo Hội, hoặc các Kitô hữu hợp cùng linh mục cầu nguyện theo thể thức đã được chuẩn nhận, thì thực là tiếng của chính Hiền Thê nói với Đấng Phu Quân mình, và hơn thế nữa, còn là lời cầu nguyện của Chúa Kitô và thân thể Người dâng lên Thiên Chúa Cha.

85. Nhân danh Mẹ Giáo Hội chu toàn việc ca khen Thiên Chúa. Bởi vậy, tất cả những người thực thi các việc đó, thì vừa chu toàn trách vụ của Giáo Hội, vừa thông phần vinh dự tối cao của Hiền Thê Chúa Kitô, bởi vì họ đứng trước ngai Thiên Chúa, để nhân danh Giáo Hội là Mẹ mà chu toàn việc ca khen Người.

86. Giá trị mục vụ của kinh nhật tụng. Các Linh Mục miệt mài với công việc mục vụ thánh, càng sốt sắng chu toàn các Giờ ngợi khen nếu càng ý thức sống động hơn rằng mình phải tuân giữ lời căn dặn của Thánh Phaolô: "Hãy cầu nguyện không ngừng" (1Th 5,17); vì chung, chỉ một mình Chúa mới có thể ban hiệu quả và sự tiến triển cho công việc họ làm, vì Chúa đã phán: "Không có Ta, các con không thể làm được việc gì" (Gio 15,5). Vì thế, khi thiết lập hàng Phó Tế, các Tông Đồ đã nói: "Về phần chúng tôi, chúng tôi sẽ chuyên tâm đến việc cầu nguyện và giảng dạy" (CvTđ 6,4).

87. Công trình cải tổ. Nhưng để Kinh Nhật Tụng được các Linh Mục hay các phần tử khác trong Giáo Hội chu toàn một cách tốt đẹp và hoàn hảo hơn trong những hoàn cảnh hiện tại, Thánh Công Đồng theo đuổi công trình cải tổ mà Tông Tòa đã khởi sự tốt đẹp, quyết án định những điều sau đây về Kinh Nhật Tụng theo nghi lễ Roma.

88. Cải tổ cách xếp đặt các giờ kinh. Vì mục đích của Kinh Nhật Tụng là thánh hóa ngày sống, nên chương trình cổ truyền của các Giờ phải được cải tổ cho phù hợp với giờ khắc thật được chừng nào hay chừng đó. Đồng thời phải lưu ý đến những

hoàn cảnh cuộc sống hiện tại nhất là của những người đảm trách công việc tông đồ.

89. Những qui tắc trong việc canh tân kinh nhật tụng. Bởi vậy, việc canh tân Kinh Nhật Tụng phải giữ những nguyên tắc sau đây:

a) Theo truyền thống khả kính của toàn thể Giáo Hội, lời Kinh Ca Ngợi là giờ kinh ban mai và Giờ Kinh Chiều là lời nguyện ban chiều như hai cột trụ của Kinh Nhật Tụng, phải được coi là hai giờ chính và phải cử hành như vậy.

b) Giờ Kinh Tối phải được xếp đặt thích hợp với cuối ngày.

c) Giờ Kinh gọi là Kinh Mai, mặc dù vẫn giữ được tính cách của lời ca tụng ban đêm trong kinh hội, nhưng cần phải thích nghi thế nào để có thể đọc bất cứ giờ nào trong ngày và giờ kinh này sẽ gồm ít ca vịnh hơn và các bài đọc sẽ dài hơn.

d) Giờ Kinh Nhất được bãi bỏ.

e) Trong kinh hội, sẽ giữ các Giờ Nhỏ: giờ Ba, giờ Sáu, giờ Chín. Ngoài kinh hội, được phép chọn một trong ba giờ: giờ nào thích hợp hơn với thời khắc mình đọc trong ngày.

90. Kinh nhật tụng khơi nguồn đạo đức. Đàng khác, vì Kinh Nhật Tụng là kinh nguyện công cộng của Giáo Hội, là nguồn đạo đức và của ăn cho kinh nguyện tư nhân, cho nên, vì danh Chúa, khẩn khoản nài xin các linh mục và tất cả những ai tham dự Kinh Nhật Tụng, khi thi hành Kinh Nhật Tụng, hãy hòa hợp tâm trí của mình với lời mình đọc. Để đạt được điều đó một cách tốt đẹp hơn, họ phải lo cho mình có kiến thức dồi dào hơn về Phụng Vụ và Thánh Kinh nhất là về các Thánh Vịnh.

Tuy nhiên, khi thi hành việc canh tân này, cần phải thích nghi kho tàng cổ kính của Kinh Nhật Tụng Rôma thế nào để tất cả những ai được ủy nhiệm điều đó có thể được hưởng nhờ cách phong phú và dễ dàng hơn.

91. Phân chia các thánh vịnh. Để chương trình các Giờ Kinh đề cập ở khoản 89 được thực sự tuân giữ, các Thánh Vịnh không còn được phân chia trong vòng một tuần lễ, nhưng trong khoảng thời gian dài hơn.

Công việc tu chỉnh phần Thánh Vịnh, đã khởi sự tốt đẹp, phải được hoàn thành sớm hết sức, nhưng vẫn tôn trọng lối văn La tinh Kitô giáo, tôn trọng tập quán phụng vụ ngay cả trong khi hát, và tất cả truyền thống của Giáo Hội La tinh.

92. Xếp đặt các bài đọc. Về các bài đọc, phải giữ những điều sau đây:

a) Việc đọc Thánh Kinh, phải xếp đặt thế nào để người ta có thể dễ dàng đến với kho tàng lời Chúa một cách đầy đủ bao quát hơn.

b) Các bài đọc trích trong tác phẩm các Giáo Phụ, các Tiên Sĩ và Văn Sĩ Giáo Hội phải được chọn lựa kỹ lưỡng hơn.

c) Truyện các Thánh Tử Đạo hoặc hạnh các Thánh phải phù hợp với chứng cứ lịch sử.

93. Duyệt xét các thánh thi. Nếu thấy thích hợp thì các thánh ca phải được hoàn lại hình thức ban đầu, và phải gạt bỏ hay thay đổi những gì có tính cách thần thoại hay ít thích hợp với nền đạo đức Kitô giáo. Lại nữa, nếu cần, cũng chấp nhận thêm những bản khác tìm thấy trong kho tàng các thánh ca.

94. Thời gian đọc các giờ kinh. Để đích thực thánh hóa ngày sống hoặc để đọc chính các Giờ Kinh cho có hiệu quả thiêng liêng, trong khi chu tất các Giờ Kinh, cần phải giữ thời gian theo sát với thời gian thật của mỗi Giờ Kinh đã thiết định.

95. Buộc đọc kinh nhật tụng. Các cộng đoàn buộc giữ kinh hội, ngoài Thánh Lễ tu hội, còn buộc phải cử hành Kinh Nhật Tụng mỗi ngày trong kinh hội; đó là:

a) Các Hội Dòng Kinh Sĩ, Đan Sĩ nam, nữ và các Tu Sĩ khác có bốn phần kinh hội, do Giáo Luật hay Hiến Pháp của Dòng, đều phải cử hành toàn Kinh Nhật Tụng.

b) Các Kinh Sĩ nhà thờ chánh tòa hoặc nhà thờ kinh sĩ sẽ đọc những phần Kinh Nhật Tụng nào mà luật chung hay luật riêng ấn định.

c) Tuy nhiên, mọi phần tử của các cộng đoàn đó hoặc đã nhận chức thánh hoặc đã khấn trọng thể, trừ các thầy trợ sĩ, buộc phải đọc riêng những Giờ Kinh đã thiết định, nếu họ đã không đọc trong kinh hội.

96. Các giáo sĩ không thuộc kinh hội. Các giáo sĩ không thuộc kinh hội, nếu đã nhận chức thánh, thì hằng ngày buộc phải đọc trọn Kinh Nhật Tụng, hoặc với cộng đoàn hoặc riêng một mình, theo khoản 89.

97. Qui tắc chữ đờ. Qui tắc chữ đờ sẽ minh định khi nào có thể thay thế Kinh Nhật Tụng bằng hoạt động phụng vụ.

Tùy theo từng trường hợp, và nếu có lý do chính đáng, các Đấng Bản Quyền có thể chuẩn cho những người dưới quyền mình được bỏ tất cả hay một phần Kinh Nhật Tụng hoặc có thể thay thế hẳn Kinh Nhật Tụng.

98. Các hội viên của Tu Hội theo Hiến Pháp của Dòng. Các hội viên của bất cứ Tu Hội nào nhằm nên trọn lành mà theo Hiến Pháp của dòng chu toàn được đôi phần Kinh Nhật Tụng, thì đã thi hành được kinh nguyện công cộng của Giáo Hội.

Cũng thế, nếu theo Hiến Pháp mà họ đọc Kinh Nhật Tụng vắn tắt, thì họ cũng thi hành kinh nguyện công cộng của Giáo Hội, miễn là kinh vắn tắt đó được soạn thảo theo kiểu Kinh Nhật Tụng và được phê chuẩn hợp lệ.

99. Đọc kinh nhật tụng chung. Vì Kinh Nhật Tụng là tiếng nói của Giáo Hội, nghĩa là của toàn Nhiệm Thể công cộng ngợi khen Thiên Chúa, nên khuyên các giáo sĩ không thuộc kinh hội,

và nhất là các linh mục đang sống chung hoặc tụ họp, hãy chu toàn chung với nhau, ít nữa là một phần Kinh Nhật Tụng.

Tuy nhiên, tất cả những ai chu toàn Kinh Nhật Tụng trong kinh hội hoặc chung với nhau, phải thi hành nhiệm vụ ủy thác đó một cách hết sức hoàn hảo cả về tâm hồn sùng kính bên trong cũng như cách cử hành bên ngoài.

Đàng khác, nên tùy dịp thuận tiện mà hát Kinh Nhật Tụng trong kinh hội hoặc hát chung với nhau.

100. Giáo dân tham dự kinh nhật tụng. Những mục tử chăn dắt các linh hồn phải lo cho các Giờ Kinh chính yếu, nhất là giờ Kinh Chiều, được cử hành chung trong nhà thờ, vào những ngày Chúa Nhật và các ngày lễ trọng. Cũng khuyên cả các giáo dân hãy đọc Kinh Nhật Tụng, hoặc cùng với các linh mục hoặc khi tụ họp chung với nhau hoặc riêng một mình.

101. Ngôn ngữ trong kinh nhật tụng.

1 Theo truyền thống ngàn đời của nghi lễ La tinh, các giáo sĩ phải duy trì tiếng La tinh trong Kinh Nhật Tụng. Tuy nhiên, tùy trường hợp riêng biệt, Đấng Bản Quyền có quyền cho dùng bản dịch tiếng bản quốc, chiếu theo qui tắc khoản 36, cho những giáo sĩ mà việc dùng tiếng La tinh là một ngăn trở lớn lao khiến không thể chu toàn Kinh Nhật Tụng cho đúng mức đòi hỏi được.

2 Bề Trên Thẩm Quyền có thể cho phép các nữ đan sĩ, các nam tu sĩ không phải là giáo sĩ và các nữ tu thuộc các tu hội, được dùng tiếng bản quốc trong Kinh Nhật Tụng cả khi cử hành trong kinh hội, miễn là bản dịch phải được chuẩn nhận.

3 Giáo sĩ nào buộc đọc Kinh Nhật Tụng, mà cử hành Kinh Nhật Tụng bằng tiếng bản quốc chung với cộng đoàn tín hữu, hoặc với những người đã nói ở số 2, thì cũng đã chu toàn bổn phận rồi, miễn là bản dịch phải được chuẩn nhận.

Chương V

Năm Phụng Vụ

102. Ý nghĩa năm phụng vụ. Giáo Hội, Mẹ hiền, ý thức mình có bốn phận cử hành các công trình cứu chuộc của Đấng Phu Quân chí thánh bằng việc tưởng niệm vào những ngày ấn định trong năm. Mỗi tuần, vào ngày gọi là ngày Chúa Nhật, Giáo Hội tưởng nhớ việc Chúa Phục Sinh; mỗi năm một lần Giáo Hội còn cử hành màu nhiệm ấy hết sức trọng thể vào dịp lễ Chúa Phục Sinh, cùng với cuộc Thương Khó hồng phúc của Người.

Giáo Hội còn phô diễn trọn màu nhiệm Chúa Kitô qua chu kỳ một năm, từ Nhập Thể, Giáng Sinh, đến Thăng Thiên, Hiện Xuống, cùng với sự mong đợi niềm hy vọng hồng phúc và ngày Chúa lại đến.

Trong khi cử hành những Màu Nhiệm Cứu Chuộc như thế, Giáo Hội rộng mở cho các tín hữu sản nghiệp nhân đức và công nghiệp của Chúa, khiến cho những màu nhiệm này có thể nói là hiện diện qua mọi thời đại ^{8*}, ngõ hầu các tín hữu tiếp xúc với các màu nhiệm đó sẽ được đầy tràn ơn cứu chuộc.

103. Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa. Trong khi cử hành các màu nhiệm của Chúa Kitô theo chu kỳ hằng năm như thế với một tình yêu đặc biệt, Giáo Hội tôn kính Đức Maria vinh hiển, Mẹ Thiên Chúa, Đấng đã nối kết với công trình cứu chuộc của Con Người bằng mối dây bất khả phân ly. Nơi Mẹ, Giáo Hội

^{8*} Khi Phong Trào Phụng Vụ khởi phát, đã có nhiều người nói tới sự "có mặt" các màu nhiệm này trong năm Phụng Vụ. Đức Piô XII đã trình bày vấn đề rất cận kề trong Thông điệp Mediator Dei, số 166, và Công Đồng Vaticanô II nhắc lại giáo lý đó.

ngưỡng mộ và tán tụng thành quả tuyệt diệu của công trình cứu chuộc, và vui mừng chiêm ngắm nơi Mẹ, như trong hình ảnh tinh tuyền trọn hảo, điều mà toàn thể Giáo Hội ước mong và trông đợi.

104. Các Thánh Tử Đạo và các Thánh khác. Ngoài ra, Giáo Hội còn thêm vào niên kỷ những lễ kính nhớ các Thánh Tử Đạo và các Thánh khác, là những đấng nhờ muôn vàn hình thức ơn Chúa, đã đạt tới sự trọn lành, và đã chiếm được phần rỗi đời đời, giờ đây đang ca khen Thiên Chúa bài ca tuyệt diệu ở trên trời và đang cầu bầu cho chúng ta. Bởi chưng, trong những ngày kính nhớ các Thánh, Giáo Hội công bố mầu nhiệm phục sinh nơi các Ngài: vì đã cùng chịu thương khó và cùng được vinh hiển với Chúa Kitô. Giáo Hội cũng trình bày cho các tín hữu những gương mẫu của các Ngài, những gương mẫu lôi kéo mọi người đến với Chúa Cha qua Chúa Kitô, và nhờ công nghiệp các Ngài, Giáo Hội lãnh nhận được những hồng ân của Thiên Chúa.

105. Giáo Hội kiện toàn việc huấn luyện các tín hữu. Sau cùng, theo luật lệ lưu truyền: cứ mỗi mùa trong năm, Giáo Hội kiện toàn việc huấn luyện các tín hữu bằng những việc lành hồn xác, bằng việc giảng dạy, lời cầu nguyện, việc sám hối và các việc bác ái.

Vì thế, Thánh Công Đồng quyết ấn định những điều sau đây.

106. Chú trọng ngày chúa nhật. Theo Tông Truyền bắt nguồn từ chính ngày Chúa Kitô sống lại, Giáo Hội cử hành mầu nhiệm phục sinh vào mỗi ngày thứ tám, ngày thật đáng gọi là ngày của Chúa hay ngày Chúa Nhật. Thực vậy, trong ngày đó các Kitô hữu phải họp nhau lại để nghe Lời Chúa và tham dự Lễ Tạ Ơn, để kính nhớ cuộc Thương Khó, sự Sống Lại và vinh quang của Chúa Giêsu, đồng thời cảm tạ Thiên Chúa, vì Ngài đã "dùng sự Phục Sinh của Chúa Giêsu Kitô từ trong kẻ chết sống lại mà tái sinh họ trong niềm hy vọng sống động" (1P 1,3).

Vì vậy, ngày Chúa Nhật là ngày lễ nguyên thủy phải được đề cao và in sâu vào lòng đạo đức của các tín hữu, để ngày ấy trở thành ngày vui mừng và ngày nghỉ việc. Các cuộc lễ khác, nếu không thật sự là lễ rất quan trọng thì không được lấn át ngày Chúa Nhật, bởi vì ngày Chúa Nhật là nền tảng và trung tâm của cả năm phụng vụ.

107. Canh tân năm phụng vụ. Phải tu chỉnh năm phụng vụ thế nào để sau khi duy trì hay phục hồi những tập tục và quy chế cổ truyền về các mùa thánh, theo những hoàn cảnh của thời đại chúng ta, vẫn giữ được tính cách ban đầu của những mùa ấy, hầu nuôi dưỡng đúng mức lòng đạo đức của các tín hữu, khi cử hành những mầu nhiệm cứu chuộc trong đạo, nhất là mầu nhiệm phục sinh. Và lại, nếu cần thích ứng với hoàn cảnh địa phương, thì phải theo quy tắc các khoản 39 và 40.

108. Phần Riêng mỗi Mùa. Trước hết, phải hướng tâm trí các tín hữu về những ngày lễ của Chúa, là những lễ quanh năm cử hành các mầu nhiệm cứu chuộc. Vì thế, Phần Riêng mỗi Mùa phải có một chỗ thích hợp vượt trên lễ các Thánh, để trọn vẹn chu kỳ các mầu nhiệm cứu chuộc được kính nhớ đúng mức.

109. Mùa chay. Hai đặc tính của Mùa Chay là việc sám hối và nhất là việc nhớ lại hoặc dọn mình chịu phép Rửa Tội, chuẩn bị các tín hữu cử hành mầu nhiệm phục sinh, bằng sự nhiệt thành nghe lời Chúa và chuyên chăm cầu nguyện hơn. Hai đặc tính trên phải được trình bày rõ ràng hơn cả trong Phụng Vụ lần giáo lý phụng vụ. Do đó:

a) Những yếu tố về phép Rửa Tội riêng cho Phụng Vụ Mùa Chay phải được áp dụng rộng rãi hơn. Một số yếu tố thuộc truyền thống xa xưa, nếu có thể, cần phải được tái lập.

b) Còn các yếu tố về việc sám hối cũng vậy. Trong khi dạy giáo lý, phải khắc ghi vào tâm trí các tín hữu không những các hiệu quả xã hội của tội mà còn chính bản chất của việc sám hối là ghét tội vì tội xúc phạm đến Thiên Chúa. Không được bỏ

quên vai trò của Giáo Hội trong tác động sám hối, và phải nhấn mạnh đến việc cầu cho các tội nhân.

110. Việc thực hành sám hối. Trong Mùa Chay, việc sám hối không những chỉ ở trong lòng và có tính cách cá nhân, mà còn phải tỏ lộ ra bên ngoài và có tính cách xã hội. Vậy hãy khuyến khích việc thực hành sám hối tùy theo khả năng của thời đại ta, của các miền khác nhau cũng như hoàn cảnh các tín hữu. Việc thực hành sám hối đó phải được các Đấng Bản Quyền cổ võ như đã nói ở khoản 22.

Tuy nhiên, việc giữ chay thánh trong Mùa Phục Sinh là việc phải được giữ cách nghiêm ngặt, khắp nơi đều phải giữ vào ngày thứ Sáu Chúa chịu thương khó và chịu chết, nếu tiện cũng phải kéo dài qua thứ Bảy Tuần Thánh, để tâm hồn người tín hữu một khi được nâng cao và giải thoát, được hưởng niềm vui Chúa Sống Lại.

111. Lễ các Thánh. Theo truyền thống, các Thánh được tôn kính trong Giáo Hội và các di hài đích thực cũng như hình ảnh của các Ngài vẫn được sùng kính. Thực vậy, những lễ kính các Thánh nói lên những việc lạ lùng của Chúa Kitô nơi các tôi tớ Người và phô bày những gương sáng thích hợp cho các tín hữu bắt chước.

Để những lễ kính các Thánh không lấn át các lễ kính nhớ chính những mâu nhiệm cứu chuộc, nhiều lễ các Thánh sẽ đề cho từng Giáo Hội địa phương, hoặc cho mỗi Quốc Gia hay Dòng Tu cử hành. Chi phổ biến cho toàn thể Giáo Hội những lễ kính các Thánh thực sự có tầm quan trọng phổ quát.

Chương VI

Thánh Nhạc

112. Giá trị của thánh nhạc. Truyền thống âm nhạc của toàn thể Giáo Hội đã kiến tạo nên một kho tàng vô giá, vượt hẳn mọi diễn tả nghệ thuật khác, nhất là vì điệu nhạc thánh đi liền với lời ca, góp phần cần thiết hoặc trọn vẹn trong phụng vụ trọng thể.

Thực vậy, không những Thánh Kinh ¹ mà cả các Giáo Phụ và các Đức Thánh Cha đã khen ngợi những bản thánh ca, nhất là các Đức Thánh Cha trong những thời đại gần đây, tiên phong là Đức Piô X, đã làm sáng tỏ rõ ràng hơn vai trò của Thánh Nhạc trong phụng vụ.

Do đó Thánh Nhạc càng liên kết chặt chẽ với hoạt động phụng vụ bao nhiêu thì càng thánh hơn bấy nhiêu. Thánh Nhạc vừa phát triển lời cầu nguyện một cách dịu dàng hơn, vừa cổ võ sự đồng thanh nhất trí, lại vừa làm cho các nghi lễ thêm phần long trọng. Do đó, Giáo Hội chuẩn nhận và cho dùng vào phụng vụ tất cả mọi hình thức nghệ thuật đích thực, miễn là có những đặc tính cần thiết.

Vì thế, trong khi vẫn duy trì những qui tắc, luật lệ của truyền thống và qui luật trong Giáo Hội, cũng như nhằm mục đích của Thánh Nhạc là làm vinh danh Chúa và thánh hóa các giáo hữu, Thánh Công Đồng đã ấn định những điều sau đây.

113. Thánh nhạc trong phụng vụ. Hoạt động phụng vụ mang một hình thức cao quý hơn khi các việc phụng vụ được cử

¹ Xem Eph 5,19; Col 3,16.

hành một cách long trọng, với tiếng hát do các thừa tác viên có chức thánh chủ sự và giáo dân tích cực tham dự.

Còn về ngôn ngữ được sử dụng, hãy theo qui tắc khoản 36: về Thánh Lễ, khoản 54; về các Bí Tích, khoản 63; về Kinh Nhật Tụng, khoản 101.

114. Kho tàng Thánh Nhạc. Phải hết sức lo lắng duy trì và cổ võ kho tàng Thánh Nhạc, phải nỗ lực đào tạo các ca đoàn, nhất là ở các nhà thờ chánh tòa. Về phần các Giám Mục và mục tử khác có nhiệm vụ coi sóc các linh hồn, hãy nhiệt tâm lo lắng để trong bất cứ nghi lễ nào có hát, tất cả cộng đoàn tín hữu đều có thể tham dự một cách linh động vào những phần dành riêng cho họ, theo qui tắc khoản 28 và 30.

115. Huấn luyện thánh nhạc. Phải chú trọng đến việc huấn luyện và thực tập âm nhạc trong các Chủng Viện, các tập viện cũng như các học viện của các Dòng Tu nam nữ, và cả trong những học viện và học đường công giáo khác. Vì thế, để đảm nhiệm công việc đào tạo ấy, cần phải quan tâm đến việc huấn luyện những giáo sư có nhiệm vụ dạy Thánh Nhạc.

Ngoài ra, nếu tiện, rất nên thành lập những Viện Cao Đẳng Thánh Nhạc.

Hơn nữa, các nhạc sĩ, ca sĩ, nhất là các thiếu nhi, cũng phải được huấn luyện cho có đủ căn bản phụng vụ.

116. Bình ca và nhạc đa âm. Giáo Hội nhìn nhận bình ca là lối hát riêng của phụng vụ Roma; vì thế, trong các hoạt động phụng vụ, bình ca phải chiếm một địa vị chính yếu giữa những loại ca khác.

Không hẳn là loại trừ các loại Thánh Nhạc khác, nhất là loại đa âm, trong những khi cử hành các việc phụng tự, miễn là đáp ứng được tinh thần của hoạt động phụng vụ theo qui tắc khoản 30.

117. Sách hát bình ca. Phải hoàn thành việc ấn loát bản mẫu các sách hát bình ca; ngoài ra, đối với các sách đã được ấn hành sau cuộc canh tân của Thánh Piô X, cũng phải có một ấn bản được nghiên cứu cẩn thận hơn.

Cũng nên lo ấn hành một loại sách hát gồm những âm điệu đơn sơ hơn để dùng trong các nhà thờ nhỏ.

118. Thánh ca bình dân. Thánh ca bình dân phải được khéo léo cổ võ để tín hữu có thể ca vang lên tiếng hát trong những việc đạo đức thánh thiện cũng như trong chính hoạt động phụng vụ, theo những qui tắc và chỉ thị của chữ đỏ.

119. Nhạc dân tộc. Ở một vài miền, nhất là các xứ Truyền Giáo, có những dân tộc sẵn có một truyền thống âm nhạc riêng; nó đóng một vai trò quan trọng trong đời sống tôn giáo và xã hội của họ. Tại những nơi này, phải quý trọng âm nhạc ấy đúng mức, và dành cho nó một địa vị thích hợp, trong khi đào tạo cho họ có một quan niệm tôn giáo, cũng như thích ứng năng khiếu của họ vào việc phụng tự, theo tinh thần khoản 39 và 40.

Do đó, trong khi huấn luyện âm nhạc cho các vị thừa sai, phải hết sức lo lắng để họ có thể phát triển truyền thống âm nhạc của các dân tộc này, được chùng nào hay chùng đó, trong các trường học cũng như trong các hoạt động phụng vụ.

120. Đại phong cầm và các nhạc khí khác. Trong Giáo Hội La tinh, đại phong cầm phải hết sức quý trọng, vì là một nhạc khí cổ truyền mà âm thanh có thể thêm vẻ huy hoàng kỳ diệu cho các nghi lễ, lại có hiệu lực nâng cao tâm trí lên cùng Chúa và những sự trên trời.

Còn các nhạc cụ khác, cũng được phép dùng vào việc phụng tự tùy theo phán đoán và phê chuẩn của Thẩm Quyền địa phương theo quy tắc khoản 22-2, 37 và 40, miễn là đã thích hợp hoặc có thể thích hợp để dùng vào việc thánh, xứng đáng

với vẻ tôn nghiêm của thánh đường, và thực sự giúp cảm hóa các tín hữu.

121. *Sứ mạng các nhà sáng tác nhạc.* Các nhạc sĩ thấm nhuần tinh thần Kitô giáo hãy ý thức rằng mình được kêu gọi phải trau dồi Thánh Nhạc và phát triển kho tàng thánh nhạc đó.

Họ hãy sáng tác những bản có cung điệu thánh nhạc thực sự, để không những các ca đoàn lớn có thể hát được mà còn hợp với cả ca đoàn nhỏ, giúp cho toàn thể cộng đoàn tín hữu cũng có thể tham dự một cách linh động.

Còn lời thánh ca phải thích hợp với giáo thuyết công giáo và tốt hơn cả là rút ra từ Thánh Kinh và các nguồn mạch phụng vụ.

Chương VII

Nghệ Thuật Thánh

Và Dụng Cụ Thánh

122. *Giá trị của nghệ thuật thánh.* Trong những hoạt động cao quý nhất của tài năng con người, rất đáng kể đến mỹ thuật, nhất là nghệ thuật tôn giáo mà tột đỉnh của nghệ thuật này chính là nghệ thuật thánh. Tự bản tính, nghệ thuật thánh nhằm diễn tả một cách nào đó về đẹp vô biên của Thiên Chúa qua những tác phẩm nhân loại; nghệ thuật này càng làm cho Thiên Chúa được ca tụng và tôn vinh hơn, một khi những tác phẩm đó không nhằm chủ đích nào khác ngoài sự góp phần tích cực vào việc đạo đức là hướng tâm trí người ta về cùng Chúa.

Vì thế, Giáo Hội Mẹ Cao Sang, luôn luôn là bạn của mỹ thuật và không ngừng tìm đến sứ mạng cao quý của mỹ thuật, nhất là để những vật dùng vào việc phụng tự thánh được thực sự xứng đáng thích hợp và mỹ thuật, đồng thời biểu thị và

tượng trưng những thực tại trên trời; Giáo Hội cũng luôn lo huấn luyện các nghệ thuật gia. Hơn nữa, Giáo Hội vẫn tự coi mình như vị thẩm phán về mỹ thuật, xét xem trong những tác phẩm của các nghệ sĩ, tác phẩm nào thích hợp với đức tin, với lòng đạo đức, và với những luật lệ truyền thống trong đạo, cũng như xem xét những tác phẩm nào xứng đáng dùng vào việc thánh.

Giáo Hội hằng đặc biệt lo lắng sao cho vật dụng thánh góp phần trang trọng vào việc phụng tự một cách xứng đáng và mỹ thuật, đồng thời chấp nhận những thay đổi về chất liệu, về hình thức, cũng như về trang trí do tiến triển kỹ thuật trải qua các thời đại đem đến.

Vì thế về điểm này, các Nghị Phụ quyết án định những điều sau đây.

123. Các kiểu nghệ thuật. Giáo Hội đã không hề coi một kiểu nghệ thuật nào như là của riêng, nhưng công nhận các kiểu của bất cứ thời đại nào, tùy theo đặc tính và hoàn cảnh của các dân tộc, cũng như tùy theo nhu cầu của các Nghi Lễ khác nhau; những kiểu nghệ thuật này, trải qua các thế kỷ, đã tạo nên một kho tàng nghệ thuật cần thiết hết sức duy trì cẩn thận. Ngay cả những nghệ thuật trong thời đại chúng ta, nghệ thuật của mọi dân tộc và mọi miền, cũng phải được tự do thi thố trong Giáo Hội, miễn là vẫn giữ được vẻ tôn kính trang trọng phải có trong các thánh đường cũng như trong các nghi lễ thánh. Như thế, nghệ thuật đã có thể hòa giọng với bản nhạc vinh quang kỳ diệu mà những bậc vĩ nhân đã từng ca hát qua các thế kỷ đề ca tụng đức tin công giáo.

124. Phát động và cổ võ nghệ thuật thánh đích thực. Các Đấng Bản Quyền trong khi phát động và cổ võ nghệ thuật thánh đích thực, hãy nhắm tới vẻ đẹp cao quý hơn là chỉ nghĩ tới vẻ xa hoa lộng lẫy. Điều này cũng nói về phẩm phục và đồ trang trí nữa.

Các Đức Giám Mục hãy cẩn thận lo loại trừ khỏi thánh đường cũng như những nơi thánh khác những tác phẩm nghệ thuật nào nghịch với đức tin và phong hóa, nghịch với lòng đạo đức Kitô giáo, cũng như những tác phẩm làm tổn thương ý nghĩa tôn giáo đích thực, hoặc vì hình thức tồi bại, hoặc vì thiếu nghệ thuật, tầm thường hay giả tạo.

Còn về việc xây cất thánh đường, cũng phải cẩn thận lo liệu làm sao để xứng hợp với việc chu toàn các hoạt động phụng vụ và giúp các tín hữu có thể tham dự một cách linh động.

125. Ảnh tượng thánh trong các thánh đường. Phải kiên quyết duy trì thói quen đặt ảnh tượng thánh trong các thánh đường cho các tín hữu tôn kính; tuy thế số các ảnh tượng ấy chỉ vừa phải thôi và phải được sắp xếp sao cho thích hợp, đừng làm chia trí cho giáo dân, cũng đừng làm cho giáo dân có lòng tôn sùng thiếu đúng đắn.

126. Ủy Ban giáo phận đặc trách Nghệ Thuật Thánh. Trong việc thẩm xét những tác phẩm nghệ thuật, các Đấng Bản Quyền địa phương hãy lắng nghe ý kiến của Ủy Ban giáo phận đặc trách Nghệ Thuật Thánh, và trường hợp nào cần thiết, nên nghe những người rất thành thạo khác cũng như những Ủy Ban đã nói trong các khoản 44, 45, 46.

Các Đấng Bản Quyền phải thận trọng săn sóc kéo dựng cụ thánh hoặc các nghệ phẩm giá trị, là những vật trắng hoàng nhà Chúa, bị di nhượng hoặc tiêu hủy.

127. Đào tạo các nghệ sĩ. Các Giám Mục, hoặc phải tự mình hoặc phải nhờ các linh mục đủ khả năng, thông thạo và yêu thích nghệ thuật, lưu tâm đến các nghệ thuật gia sao cho họ thấm nhuần tinh thần Nghệ Thuật Thánh và Phụng Vụ Thánh.

Ngoài ra cũng khuyến khích thành lập những trường học hay những Học Viện về Nghệ Thuật Thánh ở những miền xét ra là nên thành lập để đào tạo các nghệ thuật gia.

Riêng đối với tất cả những nghệ thuật gia, những người sẵn có tài năng muốn phụng sự Thiên Chúa để làm vinh danh Người trong Giáo Hội, phải luôn luôn nhớ rằng họ làm một việc thánh, một phần nào họ giống như Thiên Chúa, Đấng Sáng Tạo, họ sáng tác những tác phẩm dùng vào việc thờ phượng trong đạo Công Giáo, đồng thời họ cũng cảm hóa các tín hữu, cho họ thêm lòng đạo đức và huấn luyện giáo lý cho họ nữa.

128. Duyệt lại các luật lệ về nghệ thuật thánh. Những khoản luật và qui chế của Giáo Hội nói về việc bài trí những đồ dùng bên ngoài liên quan đến việc thờ phượng, nhất là về việc xây cất thánh đường cho xứng đáng và thích hợp, về hình thức và cách xây dựng bàn thờ, về vẻ trang trọng, lối sắp đặt và tính cách bền chắc của nhà tạm thánh thể, về chỗ thích hợp và danh dự cho giếng rửa tội, cũng như về lối trưng bày ảnh tượng thánh, trần thiết và trang bị sao cho hòa hợp: tất cả những luật lệ về các vấn đề trên phải được duyệt lại càng sớm càng tốt, đồng thời với các sách phụng vụ theo qui tắc khoản 25: những điều nào xem ra ít hợp với phụng vụ canh tân thì hãy tu chỉnh hay loại bỏ; còn những điều nào phù hợp thì phải giữ lại hoặc thêm vào.

Về vấn đề này, nhất là về chất liệu và hình thức vật dụng thánh và phẩm phục, thì Hội Đồng Giám Mục địa phương có quyền thích nghi với các nhu cầu và phong tục địa phương, chiếu theo qui tắc khoản 22 của Hiến Chế này.

129. Huấn luyện nghệ thuật cho hàng giáo sĩ. Các giáo sĩ, trong thời gian theo học Triết học và Thần học, cũng phải được học hỏi về lịch sử và biến chuyển của nghệ thuật thánh, cũng như về nguyên tắc lành mạnh mà các tác phẩm nghệ thuật thánh phải dựa theo; như thế họ sẽ biết quý trọng và duy trì những công trình đáng kính của Giáo Hội, cũng như có thể đưa ra những ý kiến thích hợp cho các nghệ thuật gia trong khi thực hiện các tác phẩm.

130. Huy hiệu Giám Mục. Nên dành riêng việc xử dụng phẩm phục hay huy hiệu Giám Mục cho những nhân vật trong Giáo Hội có chức Giám Mục hoặc có thẩm quyền đặc biệt nào đó.

Phụ Lục

Tuyên Ngôn Của Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II Về Việc Tu Chỉnh Niên Lịch

Thánh Công Đồng Vaticanô II không phải là ít quan tâm đến nguyện vọng của nhiều người về việc ấn định ngày lễ Phục Sinh vào một ngày Chúa Nhật nhất định, và về việc thiết lập một niên lịch vĩnh viễn. Sau khi đã cẩn thận cân nhắc mọi điều có thể xảy ra do việc đưa ra một niên lịch mới, Thánh Công Đồng tuyên bố những điều sau đây:

1. Thánh Công Đồng không phản đối việc ấn định ngày lễ Phục Sinh vào một ngày Chúa Nhật nhất định trong niên lịch Gregorianô, miễn là có sự đồng ý của những người liên hệ, nhất là các anh em ly khai với Tông Tòa.

2. Cũng thế, Thánh Công Đồng tuyên bố là không phản đối những sáng kiến có liên hệ đến việc đưa vào xã hội dân sự một niên lịch vĩnh viễn.

Tuy nhiên, trong các hệ thống khác nhau được trừ tính để thiết lập một niên lịch vĩnh viễn và đưa vào xã hội dân sự, Giáo Hội chỉ không phản đối những hệ thống nào còn duy trì và bảo vệ tuần lễ 7 ngày với ngày Chúa Nhật, không thêm vào một ngày nào khác trong tuần, để sự kế tiếp các tuần lễ vẫn được nguyên vẹn, trừ khi có những lý do hết sức quan trọng mà Tông Tòa sẽ phán quyết.

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Hiến Chế này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 4 tháng 12 năm 1963.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Miễn Thi Hành Luật

Đối với Hiến Chế về "Phụng Vụ Thánh" vừa được phê chuẩn, Đức Thánh Cha đã quyết định miễn thi hành luật cho tới ngày Chúa Nhật thứ nhất Mùa Chay 16 tháng 2 năm 1964. Trong thời gian đó, Đức Thánh Cha sẽ quyết định thời gian và cách thức thi hành các chế định mới của Hiến Chế này. Vì vậy không ai được phép tự mình thi hành các chế định mới này trước thời gian trên.

Pericles Felici

Tổng Giám Mục hiệu tòa Samosate

Tổng Thư Ký Thánh Công Đồng.

Khóa III Ngày 04 tháng 12 Năm 1963

Sắc Lệnh
Về Các Phương Tiện
Truyền Thông Xã Hội
Inter Mirifica

Lời Giới Thiệu

Mục đích của Công Đồng Vaticanô II là "chiếu giải ánh sáng Chúa Kitô tới muôn dân... bằng việc rao giảng Phúc Âm"¹ Công Đồng đã làm một cố gắng để rao giảng Phúc Âm và đối thoại với thế giới. trong số các phương tiện đặc lực nhất để rao giảng Phúc Âm và đối thoại với thế giới, chúng ta phải kể tới phương tiện truyền thông xã hội. Vì thế Công Đồng, do Chúa Thánh Thần thúc đẩy và soi sáng, đã đề cập tới vấn đề truyền thông xã hội một cách long trọng.

Một tài liệu mới mẻ

Từ xưa tới nay, ngoài một số văn kiện của các Đức Giáo Hoàng về vấn đề liên quan đặc biệt đến các phương tiện, Giáo Hội chưa bao giờ đề cập tới vấn đề truyền thông xã hội một cách đầy đủ và bao quát. Đây là tài liệu đầu tiên trình bày lập trường của Giáo Hội. Chính vì là tài liệu đầu tiên, nên có lẽ nó không được hoàn hảo và đầy đủ như một số người công giáo có thâm quyền trong ngành truyền thông xã hội mong muốn.

Lược trình Sắc Lệnh

Tháng 2 năm 1962 một tài liệu tựa đề "Lược đồ Hiến Chế về các phương tiện truyền thông xã hội" được gửi tới các Nghị

¹ Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 1.

Phụ khắp thế giới. Cuối tháng 11 năm 1962, các Nghị Phụ họp nhau lại để thảo luận về tài liệu này. Tất cả có tới 57 Nghị Phụ góp ý kiến, và vài hôm sau, phần đông đã bỏ phiếu chấp nhận sắc lệnh, rồi kỳ họp thứ nhất của Công Đồng bế mạc.

Căn cứ theo đề nghị của các Nghị Phụ, lược đồ đã được sửa đổi, bớt phần lý thuyết, và được gọi là Sắc Lệnh thay vì Hiến Chế, vì nó ngắn hơn vì có tính cách mục vụ cụ thể.

Trong kỳ họp thứ hai, tháng 11 năm 1963 các Nghị Phụ bỏ phiếu một lần nữa và đã chấp nhận Sắc Lệnh, nhưng lần này có 503 nghị Phụ bỏ phiếu "chống". Một số ký giả và Nghị Phụ đã chỉ trích Sắc Lệnh là nông cạn, tiêu cực và khô khan. Họ cố gắng gây dư luận chống đối Sắc Lệnh. Nhưng đầu tháng 12 năm 1963 Sắc Lệnh được phê chuẩn và công bố.

Đặc tính của Sắc Lệnh

Mục đích của Sắc Lệnh không phải là xác định và giải thích những nguyên tắc tín lý về việc truyền thông xã hội. Trái lại Sắc Lệnh mang tính chất cụ thể và mục vụ. Tất cả được gồm tóm trong hai phần chính: phần thứ nhất nói về các nguyên tắc luân lý để sử dụng và kiểm soát các phương tiện; phần thứ hai hướng dẫn cách tổ chức công việc dùng những phương tiện này trong các hoạt động tông đồ của Giáo Hội. Phải công nhận Sắc Lệnh hơi nặng nề về phần luân lý, cảnh cáo và đề phòng.

Đây là một tài liệu kết thúc một giai đoạn lịch sử Giáo Hội, tức là giai đoạn ý thức về sự lợi hại của các phương tiện, và mở ra một giai đoạn lịch sử mới, là giai đoạn tổ chức lại những nỗ lực của tất cả những người và những cơ quan Công Giáo đang hoạt động trong lãnh vực truyền thông.

Sắc Lệnh với Giáo Hội Việt Nam

Giáo Hội Việt Nam từ hơn ba thế kỷ nay đã rao giảng Phúc Âm bằng máu của các vị tử đạo, bằng gương sáng của mọi tín hữu, bằng lời cầu nguyện thiết tha, bằng những ngôi nhà thờ

dựng lên từ Bắc chí Nam. Nhưng có lúc sự rao giảng đó ở Việt Nam, cũng như ở bao quốc gia Tây Phương khác, có tính cách hạn hẹp và thiếu cởi mở.

Công Đồng Vaticanô II đã khai sinh một chiều hướng mới một chiều hướng cởi mở thay cho thái độ tự vệ, và đối thoại với các tôn giáo bạn thay vì coi họ như "lương dân".

Các phương tiện truyền thông xã hội, vì có khả năng đạt tới mọi người, nên có thể là những dụng cụ rất thích hợp để rao giảng Phúc Âm trong tinh thần phổ quát và thông cảm của đức bác ái công giáo.

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Sắc Lệnh
về Các Phương Tiện
Truyền Thông Xã Hội
Inter Mirifica

Lời Mở Đầu

1. Ý nghĩa từ ngữ. Trong những phát minh kỳ diệu về kỹ thuật, mà, nhờ ơn Chúa, tài năng con người đã từng khai thác từ tạo vật, nhất là trong thời đại chúng ta, thì Giáo Hội là Mẹ, đặc biệt ân cần tiếp đón và theo dõi, từ những phát minh liên quan đặc biệt tới tinh thần con người, đến những phát minh mở nhiều con đường mới để truyền thông một cách hết sức dễ dàng đủ các loại tin tức, tư tưởng và mệnh lệnh. Tuy nhiên giữa những phát minh này, trội vượt hơn cả là những phương tiện tự bản tính không những có liên hệ và ảnh hưởng đến từng người, mà còn đến chính đại chúng và toàn thể xã hội nhân loại^{1*} như báo chí, điện ảnh, phát thanh, vô tuyến truyền hình và những thứ khác tương tự. Do đó những phương tiện này đáng được gọi là những phương tiện truyền thông xã hội.

2. Lý do thúc đẩy Công đồng quan tâm đến vấn đề. Giáo Hội là Mẹ cũng biết rằng những phương tiện đó, nếu được sử dụng đúng đắn sẽ mang lại những lợi ích hữu hiệu cho nhân

^{1*} Giữa những phương tiện truyền thông do nhân loại phát minh, Giáo Hội lưu ý tới những phương tiện trội vượt và có ảnh hưởng lớn lao đến con người như các vệ tinh nhân tạo dùng để thu phát tín hiệu điện tín, điện thoại, phát thanh và truyền hình khắp thế giới.

loại vì chúng đóng góp rất nhiều vào việc giải trí, huấn luyện tinh thần cũng như việc mở rộng và củng cố Nước Chúa. Giáo Hội cũng biết rằng con người có thể dùng chúng nghịch lại với ý định của Đấng Tạo Hóa, và làm cho chúng quay lại phản mình; hơn nữa Giáo Hội là Mẹ hiền hết sức đau lòng vì những thiệt hại^{2*} quá thường xảy ra cho xã hội con người do việc cô ý dùng sai những phương tiện này.

Vì thế, để nhấn mạnh đến mối quan tâm của các Đức Giáo Hoàng và các Đức Giám Mục về vấn đề rất quan trọng này, Thánh Công Đồng nghĩ rằng có nhiệm vụ đề cập đến những vấn đề chính yếu liên quan tới những phương tiện truyền thông xã hội. Hơn nữa Thánh Công Đồng cũng tin tưởng rằng giáo thuyết và chỉ thị được trình bày sau đây không những sẽ giúp ích cho phần rỗi các Kitô hữu mà còn giúp cho việc tiến bộ của toàn thể cộng đoàn nhân loại.

Chương I

Phương Tiện Truyền Thông Xã Hội

3. Nhiệm vụ của Giáo Hội. Vì được Chúa Kitô thiết lập để mang lại phần rỗi cho hết mọi người, và do đó có nhiệm vụ phải rao giảng Phúc Âm, Giáo Hội Công Giáo nhận thấy mình có bổn phận dùng cả phương tiện truyền thông xã hội mà loan báo ơn cứu rỗi và dạy con người biết sử dụng chúng cho đúng đắn.

Như thế, Giáo Hội đương nhiên có quyền xử dụng và làm chủ bất cứ một loại truyền thông xã hội nào, tùy theo sự cần

^{2*} Chúng ta có thể nghĩ đến Đức Quốc Xã: trước thế chiến thứ hai họ đã dùng các phương tiện rất nguy hại để gieo thù oán nơi các dân tộc Âu Châu.

thiết hay lợi ích cho việc giáo dục Kitô hữu và cho việc mưu cầu phần rỗi các linh hồn; các vị Chủ Chăn đáng kính có nhiệm vụ huấn luyện và hướng dẫn các tín hữu thế nào để họ biết dùng cả những phương tiện này mà theo đuổi phần rỗi và sự toàn thiện của mình cũng như của toàn thể gia đình nhân loại.

Ngoài ra, giáo dân đặc biệt có bốn phận làm cho các phương tiện này thấm nhiễm tinh thần nhân đạo và Kitô giáo, để chúng đáp ứng đầy đủ niềm mong đợi lớn lao của xã hội nhân loại và đúng với ý định của Thiên Chúa.

4. Luật luân lý. Để xử dụng đúng đắn những phương tiện này, mọi người khi xử dụng cần phải hiểu biết những nguyên tắc luân lý và phải áp dụng trung thành trong phạm vi này. Vậy họ phải cân nhắc nội dung những gì được truyền thông, tùy bản tính của mỗi phương tiện; đồng thời họ cũng phải chú ý đến mọi trường hợp hay hoàn cảnh, tức là mục đích, khán thính giả, địa điểm, thời gian liên quan đến việc truyền thông này: chính những trường hợp hay hoàn cảnh đó có thể biến cải hoặc đổi mới hoàn toàn tính cách luân lý của sự truyền thông. Trong số hoàn cảnh đó phải kể đến cách thức tác động riêng, nghĩa là sức mạnh thuyết phục của mỗi một phương tiện, sức mạnh đó có thể hùng hậu đến nỗi con người - nhất là nếu không được chuẩn bị - khó có thể nhận thức, chế ngự và từ khước nếu cần.

5. Quyền thông tin. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là tất cả những người liên hệ đến vấn đề này cần phải tự đào tạo cho mình một lương tâm ngay thẳng về việc xử dụng các phương tiện đó, nhất là những gì liên quan tới một số vấn đề ngày nay đang được bàn cãi sôi nổi.

Vấn đề thứ nhất là về thông tin, như người ta thường nói, nghĩa là việc thu thập và phổ biến tin tức. Dĩ nhiên ai cũng thấy nhờ tiến bộ của xã hội nhân loại ngày nay và nhờ các phần tử xã hội liên lạc chặt chẽ với nhau hơn, việc thông tin đã trở nên rất hữu ích và nhiều khi cần thiết; thật vậy việc thông tri đúng

lúc các biến cố và các sự kiện giúp cho từng cá nhân biết ^{3*} đầy đủ và liên tục các việc đó, như thế chính họ có thể tham gia vào ích chung một cách hữu hiệu hơn, và nhờ đó mọi người càng dễ dàng đóng góp vào việc thăng tiến toàn thể xã hội hơn nữa. Vì vậy, xã hội nhân loại có quyền thông tin những gì thích hợp với con người - hoặc cá nhân hoặc liên kết với nhau trong đoàn thể - tùy theo hoàn cảnh từng người. Tuy nhiên việc thực thi đúng đắn quyền này đòi nội dung việc truyền thông phải luôn luôn xác thực - và vẫn giữ đức công bình và bác ái - và phải đầy đủ; ngoài ra cách thức truyền thông cũng phải lương thiện và thích hợp, nghĩa là cả trong việc sẵn tin lẫn loan tin, tuyệt đối phải tuân giữ luật lệ luân lý, các quyền lợi chính đáng và phẩm giá con người; thật vậy không phải mọi sự hiểu biết đều hữu ích, "còn bác ái thì xây dựng" (1Cor 8,1).

6. Luân lý và nghệ thuật. Vấn đề thứ hai là xét đến điều mà người ta thường nói là những tương quan giữa quyền lợi của nghệ thuật, với tiêu chuẩn của luật luân lý. Vì những cuộc tranh luận thường xuyên về vấn đề này nhiều khi bắt nguồn từ những học thuyết sai lầm về luân lý và thẩm mỹ, nên Thánh Công Đồng tuyên bố mọi người phải tuyệt đối tuân giữ quyền ưu tiên của lãnh vực luân lý khách quan, bởi vì lãnh vực này là lãnh vực độc nhất trời vượt và phối hợp một cách thích đáng với mọi lãnh vực khác - dù rất cao quý - của hoạt động con người, kể cả nghệ thuật nữa. Thật vậy, chỉ có lãnh vực luân lý mới liên hệ đến toàn diện bản tính con người, một tạo vật có lý trí mà Thiên Chúa đã tạo dựng và mời gọi vào đời sống siêu nhiên; vì nếu trung thành tuân giữ trọn vẹn lãnh vực luân lý, con người sẽ đạt tới hoàn thiện ^{4*} và hạnh phúc đầy đủ.

^{3*} Các phương tiện xã hội là những dụng cụ đắc lực nhất giúp các dân tộc quen biết nhau, hiểu nhau và đi đến hiệp nhất.

^{4*} Cả luân lý lẫn mỹ thuật đều phát xuất bởi Đấng Tạo Hóa, nên không thể mâu thuẫn nhau. Nếu có mâu thuẫn thì lỗi ở việc không hiểu những nguyên tắc tới nơi tới chốn.

7. Khi phải trưng bày tội ác. Sau cùng, việc tường thuật, mô tả hay trình bày điều xấu về phương diện luân lý, ngay cả bằng những phương tiện truyền thông xã hội, chắc chắn có thể giúp nhận biết và khám phá con người một cách sâu rộng hơn, giúp bày tỏ và biểu dương vẻ huy hoàng của điều Chân, điều Thiện, nhờ các tác động kích nghệ thích hợp; tuy nhiên để khỏi làm hại hơn là làm ích cho các tâm hồn, các hoạt động trên vẫn phải tuyệt đối tuân theo luật luân lý, nhất là nếu đề cập đến những vấn đề đòi phải được kính trọng tương xứng, hay đến những gì dễ kích động dục vọng xấu xa của con người đã mang vết tội tổ tông. ^{5*}

8. Dư luận quần chúng. Vì dư luận quần chúng ngày nay có sức mạnh và uy quyền rất nhiều trên đời sống tư cũng như công của mọi tầng lớp dân chúng, nên mọi phần tử xã hội cần phải chu toàn bổn phận công bình và bác ái của mình, ngay cả trong lãnh vực này; bởi đó, họ cũng phải dùng những phương tiện truyền thông xã hội mà cố gắng tạo dư luận ngay chính và phổ biến những dư luận đó.

9. Bổn phận của khán thính giả. Tất cả mọi người xử dụng các phương tiện truyền thông nghĩa là những độc giả, khán giả và thính giả nhận được sự truyền thông qua các phương tiện đó, tùy theo sự lựa chọn cá nhân và tự do, đều phải có những bổn phận đặc biệt. Thật vậy, việc lựa chọn đúng đắn đòi họ phải ưng thuận những gì là đức hạnh, khoa học và nghệ thuật; họ phải tránh những gì nên có hay làm dịp cho họ phải thiệt hại về phần thiêng liêng, hoặc có thể vì gương xấu mà làm cho người khác phải nguy hiểm, hoặc lại ngăn cản những việc truyền thông tốt mà cổ võ những truyền thông xấu: điều này

^{5*} Công Đồng rất thực tế: vì con người dễ hướng về tội lỗi và ích kỷ, nên nếu tự do không kỷ luật, con người sẽ trở thành phóng đảng và gây nhiều tai họa.

thường xảy ra khi người ta trả tiền cho những người khai thác những phương tiện này chỉ vì lý do kinh tài.^{6*}

Vì thế để chu toàn luật luân lý, chính những người xử dụng không được quên bổn phận phải tìm hiểu đúng lúc những phán quyết của cơ quan có thẩm quyền trong những vấn đề đó, và phải tuân giữ những phán quyết đó theo tiêu chuẩn lương tâm ngay thẳng; hơn nữa để chống lại những quyền rũ thiếu ngay chính một cách dễ dàng hơn, và để hoàn toàn bênh vực những ảnh hưởng tốt, họ phải chú tâm hướng dẫn và đào luyện lương tâm mình bằng những phương thế thích hợp.

10. Bổn phận của thanh thiếu niên và phụ huynh. Những người xử dụng, nhất là thanh thiếu niên, phải lo tập cho quen điều độ và kỷ luật trong việc dùng những phương tiện này; ngoài ra họ cũng phải cố gắng thấu hiểu sâu xa hơn những điều họ thấy, nghe và đọc; họ phải thảo luận với những nhà giáo, những người chuyên môn, và phải học phán đoán cho đúng đắn. Còn bậc phụ huynh thì phải nhớ mình có bổn phận tận tâm coi sóc kéo kịch ảnh, sách báo và những thứ cùng loại trái nghịch với Đức Tin, trái thuần phong mỹ tục, lọt vào ngưỡng cửa gia đình, cũng đừng để con cái gặp những thứ đó ở nơi khác.

11. Bổn phận của tác giả. Bổn phận luân lý chính yếu đối với việc xử dụng đúng đắn những phương tiện truyền thông xã hội là của các nhà báo, nhà văn, các diễn viên, các nhà dàn cảnh, nhà sản xuất, những người xuất vốn, người phân phối, các quản đốc và những người buôn bán, những người phê bình^{0*} và tất cả những người, bằng cách này hay cách khác, góp

^{6*} *Thỏa mãn thị hiếu công chúng để làm tiền là một cách bóc lột vật chất và phá hoại tinh thần.*

^{0*} *Chú thích của người dịch: riêng về những tiếng chuyên môn này chúng tôi đã tham khảo các bản dịch ngoại ngữ: Anh, Pháp, Ý, Tây ban nha... và nhận thấy các bản dịch đó không đồng nhất khi dịch một vài tiếng mà nguyên bản La tinh*

phần vào việc thực hiện hay phổ biến những phương tiện truyền thông này; trong hoàn cảnh hiện tại của nhân loại, mọi người đều thấy rõ rằng những người đó mang những trách nhiệm hết sức quan trọng, vì chính họ, trong khi thông tin và cô động, có thể dẫn đưa nhân loại một cách ngay chính hay sai lạc.

Bởi thế họ có bổn phận tìm cách phối hợp những yếu tố kinh tế, chính trị hay nghệ thuật để chúng không bao giờ nghịch lại ích chung; muốn đạt tới điều đó một cách dễ dàng hơn, chính họ nên ghi tên vào những hiệp hội liên quan đến nghề nghiệp mình: những hiệp hội này bắt buộc các hội viên tôn trọng luật luân lý trong những công việc và bổn phận nghề nghiệp, và nếu cần, đi đến chỗ ký kết một quy ước luân lý ^{7*} phải tuân giữ chu đáo.

Họ cũng phải luôn nhớ rằng phần lớn các độc giả và khán giả là thanh thiếu niên: những lớp người này cần báo chí và kịch ảnh để giải trí lành mạnh và nâng cao tâm hồn. Hơn nữa, họ phải lo ủy thác cho những người xứng đáng và chuyên môn việc truyền thông những điều liên quan đến tôn giáo, và lo cho việc truyền thông đó được thực hiện với tất cả niềm tôn trọng xứng hợp.

12. Bổn phận của chính quyền. Trong vấn đề này, chính quyền mang một trách nhiệm đặc biệt vì lý do công ích mà những phương tiện này nhằm tới. Thật vậy, vì nhiệm vụ, chính quyền có bổn phận phải bênh vực và bảo đảm sự tự do đích thực và chính đáng của việc thông tin, sự tự do mà xã hội ngày nay rất cần để tiến bộ, nhất là những gì thuộc về báo chí; chính quyền cũng có bổn phận nâng đỡ tôn giáo, văn hóa, những nghệ thuật chân chính, và phải bảo đảm cho những người xử dụng

không rõ nghĩa. Ở đây chúng tôi dịch theo bản dịch của "tạp chí quốc tế về điện ảnh" (Revue internationale du Cinema) số 77-78 tháng 12-1963 - 1-1964.

^{7*} Là một số những luật lệ do chính những nhà sản xuất vạch ra để tránh cho khán giả, thính giả và độc giả những nội dung xấu xa vô bổ.

có thể tự do hưởng thụ quyền lợi chính đáng. Ngoài ra chính quyền cũng có bổn phận giúp đỡ những công cuộc không thể thực hiện, nếu không có sự trợ giúp của chính quyền, nhất là những công cuộc đặc biệt hữu ích cho giới trẻ.

Sau cùng, chính công quyền, cơ quan chính thức lo lắng cho sức khỏe của dân chúng, có bổn phận phải xem xét công minh và cẩn thận, bằng cách ban hành luật lệ và thi hành nghiêm chỉnh, đừng để cho những phương tiện này bị lạm dụng mà gây thiệt hại nặng nề cho thuần phong mỹ tục và sự tiến bộ xã hội. Xem xét cẩn thận^{8*} như thế, không phải là đàn áp tự do cá nhân hay đoàn thể, nhất là đối với những người vì nghề nghiệp phải dùng các phương tiện này mà không có sự thận trọng phải lẽ.

Cũng phải có những phương thế đặc biệt để bảo vệ thanh thiếu niên khỏi những báo chí và kịch ảnh làm hại lứa tuổi chúng.

Chương II

Phương Tiện Truyền Thông Xã Hội Và Việc Tông Đồ

13. Hoạt động của chủ chăn và tín hữu. Mọi con cái Giáo Hội phải đồng tâm hiệp lực, chẳng những không ngần ngại mà phải hết sức hăng say, xử dụng ngay những phương tiện truyền thông xã hội cách đặc lực vào các công việc tông đồ khác nhau tùy theo những đòi hỏi cụ thể của hoàn cảnh và thời gian; họ

^{8*} Vấn đề kiểm duyệt của chính quyền và sự tự do ngôn luận là một vấn đề rất khó giải quyết, nhưng trên nguyên tắc, phải chấp nhận. Trong nhiều trường hợp, việc kiểm duyệt không thể tránh được, vì một vài cá nhân có thể lạm dụng đôi khi để quyền lợi riêng làm hại đến quyền lợi chung.

cũng phải ngăn ngừa những tổ chức tai hại, nhất là ở những miền mà luân lý và tôn giáo muốn tiến bộ cần phải được họ can thiệp khẩn cấp hơn.

Vậy các Chủ Chăn đáng kính phải cấp tốc chu toàn phận vụ mình trong lãnh vực này, vì nó liên hệ chặt chẽ với những nhiệm vụ thông thường của các Ngài là giảng dạy; những giáo dân tham gia vào việc xử dụng những phương tiện này cũng phải cố gắng làm chứng về Chúa Kitô: trước hết bằng cách hoàn tất mọi công tác cho thành thạo với tinh thần tông đồ, rồi tùy khả năng kỹ thuật, kinh tế, văn hóa và nghệ thuật mà trực tiếp trợ giúp hoạt động phụng vụ của Giáo Hội theo phận vụ của mình.

14. Sáng kiến của người công giáo. Trước hết phải cổ võ báo chí lành mạnh, tuy nhiên để độc giả thấm nhiễm đầy đủ tinh thần Kitô giáo, cũng phải thúc đẩy báo chí chính thức của công giáo ^{9*}, nghĩa là báo chí - hoặc do chính giáo quyền hoặc những người công giáo trực tiếp đề xướng và điều hành - được công khai xuất bản trong tinh thần xây dựng, củng cố và cổ võ những dư luận phù hợp với luật tự nhiên, với giáo lý và quy luật công giáo, và để phổ biến cùng giải thích đúng đắn những sự kiện liên quan đến đời sống Giáo Hội. Cũng phải dạy các tín hữu việc cần phải đọc và phổ biến các báo chí công giáo, để họ biết phán đoán mọi biến cố theo quan niệm Kitô giáo.

Phải dùng mọi phương thế hữu hiệu mà phát động và nâng đỡ việc sản xuất và chiếu những phim ảnh có ích cho việc giải trí lành mạnh, văn hóa và nghệ thuật của nhân loại, nhất là những phim ảnh dành riêng cho giới trẻ. Muốn thế phải nâng

^{9*} Chúng ta phải công nhận tại nhiều quốc gia, báo chí rất kém vì thiếu chuyên viên giỏi, thiếu phương tiện và tổ chức. Có lẽ người công giáo vẫn còn thành kiến cho rằng làm việc tông đồ thì không cần chú trọng tới kỹ thuật tổ chức, vì thế nào Chúa cũng giúp đỡ. Lập luận đó không khác gì việc một tu sĩ nọ nhất định đổ nước thánh vào bình xăng xe hơi thay cho dầu xăng, vì xe đó chỉ dùng để làm việc tông đồ mà thôi.

đỡ và đồng thời liên kết tài nguyên và những sáng kiến của các nhà sản xuất cũng như của những nhà phân phối có lương tâm, tán thưởng, nâng đỡ và liên kết những rạp do người công giáo và người đứng dẫn khai thác.

Cũng thế phải giúp đỡ hữu hiệu những buổi phát thanh, phát hình lành mạnh, nhất là những chương trình thích hợp với gia đình. Phải khôn khéo cổ võ những chương trình công giáo, để nhờ đó dẫn đưa thánh giả và khán giả tham dự đời sống Giáo Hội và làm cho họ thấm nhiễm những chân lý tôn giáo. Và nếu cần cũng phải lo thành lập các đài công giáo; tuy nhiên phải cẩn thận lo liệu cho chương trình các đài này được hoàn bị thích hợp và hữu hiệu.

Hơn nữa nên lo liệu cho nền kịch nghệ cao quý và cổ truyền - một nghệ thuật được phổ biến sâu rộng nhờ những phương tiện truyền thông xã hội - biết hướng về việc giáo dục khán giả và kiến tạo thuần phong mỹ tục.

15. Huấn luyện các tác giả, soạn giả, nhà sản xuất... Để đáp ứng những nhu cầu vừa trình bày, phải đào tạo đúng lúc những linh mục, tu sĩ và giáo dân để họ có đầy đủ kinh nghiệm thích đáng trong việc xử dụng những phương tiện này vào mục đích tông đồ.

Trước hết phải huấn luyện giáo dân vững chắc về giáo thuyết và phong hóa, bằng cách tăng thêm số trường học, phân khoa và học viện, để các nhà báo, nhà soạn phim ảnh, soạn chương trình phát thanh phát hình, và những người liên hệ, có thể được huấn luyện đầy đủ, thấm nhuần tinh thần Kitô giáo, nhất là các học thuyết xã hội của Giáo Hội. Cũng phải huấn luyện và giúp đỡ các diễn viên để họ dùng tài năng mình mà giúp ích cho xã hội nhân loại một cách thích hợp. Sau cùng phải tận tâm chuẩn bị các nhà phê bình văn chương, phim ảnh, phát thanh, phát hình v.v... để mỗi người hoàn toàn thấu triệt nghề nghiệp của mình; lại phải chỉ dạy và khuyến khích họ đưa

ra những nhận định luôn nhấn mạnh đúng mức khía cạnh luân lý.

16. Huấn luyện người sử dụng, thụ hưởng... Để xử dụng đúng đắn các phương tiện truyền thông xã hội này, những người xử dụng thuộc tuổi tác và văn hóa khác nhau cần phải được huấn luyện về lý thuyết và phần thực hành một cách thích hợp và riêng biệt. Vì thế, trong các trường công giáo thuộc mọi cấp, trong các Chủng Viện và trong cả những nhóm tông đồ giáo dân, phải cổ võ, tăng gia và theo nguyên tắc luân lý Kitô giáo hướng dẫn các tổ chức có khả năng theo đuổi mục đích này, nhất là những tổ chức dành riêng cho giới trẻ. Để mau đạt tới kết quả, lớp giáo lý cũng phải có phần trình bày và giải thích giáo thuyết và quy luật công giáo về vấn đề này.

17. Phương tiện và trợ giúp. Thật đáng hổ thẹn cho con cái Giáo Hội, đã lãnh đạm khiến cho việc rao giảng ơn cứu rỗi bị ràng buộc, cản trở vì lý do kỹ thuật hay tài chánh - chắc chắn rất to tát - là đặc tính của những phương tiện truyền thông xã hội. Vì thế Thánh Công Đồng này nhắc lại cho họ bổn phận phải nâng đỡ và trợ giúp các nhật báo công giáo, các tạp chí, các tổ chức phim ảnh, các đài và các chương trình phát thanh, phát hình nhằm mục đích chính là để phổ biến và bảo vệ sự thật, và cung cấp nền giáo dục Kitô giáo cho xã hội loài người. Đồng thời Thánh Công Đồng khẩn khoản mời gọi các đoàn thể và cá nhân có quyền hành rộng lớn trong lãnh vực kinh tế và kỹ thuật, hãy tự ý và rộng rãi dùng tài nguyên và kinh nghiệm của mình mà nâng đỡ những phương tiện này khi chúng phục vụ nền văn hóa đích thực và việc tông đồ.

18. Ngày Truyền Thông. Để việc tông đồ muôn hình vạn trạng của Giáo Hội được đắc lực hơn bằng những phương tiện truyền thông xã hội, mọi giáo phận trên thế giới, tùy theo quyết định của các Giám Mục, hằng năm phải cử hành một ngày lễ

^{10*} để dạy dỗ các tín hữu về bổn phận của họ đối với vấn đề này, mời gọi họ cầu nguyện nhiều theo ý chỉ này, và xin họ đóng góp cho mục đích này: nghĩa là thành thật hy sinh cho việc phát động, nâng đỡ và cổ võ những tổ chức và sáng kiến của Giáo Hội trong vấn đề này theo nhu cầu của thế giới công giáo.

19. Ủy Ban truyền thông của Tòa Thánh. Để thi hành bổn phận mục vụ tối cao về những phương tiện truyền thông xã hội, Đức Giáo Hoàng có một Ủy Ban riêng của Tòa Thánh. ¹

20. Thẩm quyền của Giám Mục. Các Giám Mục thì có bổn phận chăm sóc các công cuộc và các tổ chức thuộc loại này trong Giáo Phận mình. Các ngài phải cổ võ ^{11*} và nếu liên quan đến việc tông đồ chung, thì phải phối hợp chúng, kể cả những tổ chức thuộc quyền điều khiển của các tu sĩ miễn trừ.

21. Ủy Ban Giám Mục về Truyền Thông quốc gia. Tuy nhiên trên bình diện Quốc Gia, muốn cho việc tông đồ đem lại kết quả, cần phải thống nhất kế hoạch và năng lực; vì thế Thánh Công Đồng này quyết định và truyền phải thiết lập khắp nơi các Cơ Quan quốc gia về báo chí, điện ảnh, truyền thanh và truyền hình, và phải dùng mọi phương thế giúp đỡ các cơ quan

^{10*} Mục đích "ngày thế giới" này là để người công giáo ý thức sâu xa hơn về bổn phận của họ trong lãnh vực truyền thông. Chỉ trích và che bai các phương tiện đó như là dụng cụ ma quỷ để phá đạo không còn là thái độ đúng đắn; nhưng đứng trước những phát minh đó, người nhiệt thành thực sự với Đạo phải có tinh thần tích cực hơn.

¹ Các Nghị Phụ Công Đồng vui lòng nhận lời thỉnh cầu của "Văn Phòng Báo Chí và Kịch Ảnh" thành kính xin Đức Giáo Hoàng nói rộng nhiệm vụ và thẩm quyền của ủy ban này đến tất cả các phương tiện truyền thông xã hội, kể cả báo chí, với sự trợ giúp của những người chuyên môn - trong số đó có cả giáo dân - thuộc các quốc gia khác nhau.

^{11*} Từ xưa đến nay, tại nhiều nơi những người Công Giáo hoạt động trong lãnh vực truyền thông xã hội không những không được nâng đỡ, lại có khi còn bị coi là những người mạo hiểm và bê bối nữa. Bây giờ náo trạng này phải được thay đổi hoàn toàn.

đó. Vậy các Cơ Quan này có bổn phận trước tiên là tìm cách đào tạo đúng đắn lương tâm tín hữu trong việc sử dụng những phương tiện đó, cùng cố võ và phối hợp mọi công cuộc của người công giáo trong lãnh vực này.

Trong mỗi quốc gia, việc điều khiển các tổ chức trên phải được ủy thác cho một Ủy Ban Giám Mục đặc biệt, hoặc cho một Giám Mục đặc trách; tuy nhiên những giáo dân thông thạo giáo lý công giáo và các nghệ thuật đó phải được tham dự vào những Ủy Ban này.

22. Hiệp hội Truyền Thông Quốc Tế. Hơn nữa, những phương tiện này có hiệu lực vượt khỏi ranh giới quốc gia, và biến mỗi người trở thành công dân của toàn thể xã hội nhân loại; vì thế trong lãnh vực này, phải phối hợp các tổ chức quốc gia với nhau và cả các hoạt động trên bình diện quốc tế. Tuy nhiên những Cơ Quan vừa kể ở số 21 phải tích cực cộng tác với Hiệp Hội Công Giáo Quốc Tế thuộc ngành mình. Những Hiệp Hội Công Giáo Quốc Tế này chỉ được chính thức chuẩn nhận do một mình Tòa Thánh và tùy thuộc Tòa Thánh.

Kết Luận

23. Chỉ dẫn mục vụ. Để mọi nguyên tắc và tiêu chuẩn về những phương tiện truyền thông xã hội của Thánh Công Đồng này được thi hành, Thánh Công Đồng trực tiếp ủy nhiệm cho Cơ Quan của Tòa Thánh đã nói ở số 19, với sự giúp đỡ của những nhà chuyên môn thuộc các quốc gia khác nhau, lo xuất bản một cuốn chỉ dẫn mục vụ.

24. Lời khuyên kết thúc. Hơn nữa Thánh Công Đồng này tin tưởng rằng mọi con cái Giáo Hội sẽ tự nguyện đón nhận và cẩn thận gìn giữ những giáo huấn và tiêu chuẩn trong Sắc Lệnh

này; như thế khi sử dụng những phương tiện đó, họ không bị thiệt hại; cũng như muối và ánh sáng, họ ướp trái đất và soi sáng thế gian. Ngoài ra Thánh Công Đồng mời gọi mọi người thiện chí, nhất là những người điều khiển các phương tiện trên, hãy chăm lo qui hướng chúng về mục tiêu duy nhất là giúp ích cho xã hội loài người, vì vận mệnh của xã hội nhân loại ngày càng lệ thuộc vào việc sử dụng đúng đắn những phương tiện này. Nhờ vậy, cũng như xưa Danh Chúa đã được tôn vinh qua những công trình nghệ thuật cổ kính thì nay Người cũng được vinh danh qua những phát minh mới, đúng như lời Thánh Tông Đồ: "Chúa Giêsu Kitô hôm qua cũng chính là Chúa Giêsu Kitô hôm nay và cho đến muôn đời" (Dth 13,8).

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 4 tháng 12 năm 1963.
 Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.
 Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Khóa V Ngày 21 tháng 11 Năm 1964

**Hiến Chế Tín Lý
Về Giáo Hội
Lumen Gentium**

Lời Giới Thiệu

Căn cứ vào những vấn đề đã được trình bày, ngày nay ai cũng công nhận Hiến Chế tín lý về Giáo Hội là then chốt của cả Công Đồng Vaticanô II. Là vì, sau thế chiến thứ nhất, vấn đề bản tính Giáo Hội đã trở thành trọng tâm của các cuộc tranh luận về thần học. Quả thực các Công Đồng trước, như lịch sử chứng minh, đã luôn cố gắng đưa ra những giải đáp thích hợp với nhu cầu thời cuộc; nhưng vấn đề bản tính sâu xa của Giáo Hội vẫn còn là trọng tâm cho các cuộc tranh luận và cho các quyết định của Công Đồng Vaticanô II.

Người ta có thể viện dẫn nhiều lý do lịch sử, xã hội, thần học để giải thích cho sự tập trung chủ đề ấy về Giáo Hội.

Công Đồng Vaticanô I, do những đòi hỏi của thời cuộc, đã khởi sự suy tư về bản tính thần học của Giáo Hội. Tuy nhiên, chương trình quá rộng rãi và hoàn cảnh chính trị bất lợi đã không cho phép công cuộc khẩn thiết ấy được kết thúc tốt đẹp. Bởi vậy, những chương trình dang dở của Vaticanô I cần phải được bổ túc cấp thời, nếu không, khoa Giáo hội học có nguy hiểm là quá thiên về một phía, tức về quyền tối thượng của Giáo Hoàng Rôma và các quyền bính của Ngài, dễ làm phương hại đến những giá trị khác trong Giáo Hội.

Hơn nữa, sau thế chiến thứ nhất, một tình trạng mới đã nảy sinh, lôi kéo theo một lối nhìn mới về Giáo Hội và một cách

thức cảm nghiệm mới về những thực tại của Giáo Hội. Để có lối nhìn mới đó - ngoài những yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội mà chúng ta không muốn nhắc tới ở đây - chúng ta hãy nêu lên những động lực sau đây thuộc khoa Giáo hội học đã gây nên một ảnh hưởng không nhỏ:

a) Phong trào Công giáo Tiên Hành hoặc những phong trào tương tự trong giáo dân đã cổ vũ một tinh thần tông đồ mới và đồng thời làm cho họ tin tưởng cách chính đáng là họ thuộc về Giáo Hội nhiều hơn. Sự ý thức "thuộc về" sâu xa hơn ấy tiến triển dần dần trong cộng đoàn Giáo Hội. Giáo Hội không được coi là một thực tại dành riêng cho các giáo sĩ nhưng cho hết mọi người cùng sống, cùng khổ và cùng làm việc trong đó. Như thế, khoa thần học về giáo dân được phát huy một cách đặc biệt và sống động, nêu ra mỗi suy tư thần học về Giáo Hội.

b) Sự suy tư thần học này đã giúp nhiều cho lối nhìn mới về Giáo Hội, vì đã áp dụng những tiến bộ của các khoa Thánh Kinh, lịch sử và nhân văn. Thật vậy, thần học phô bày ý nghĩa xã hội gắn liền với chính nhân vị. Sự liên hệ giữa đặc tính xã hội hóa đang vươn lên và ý thức mãnh liệt về địa vị con người không thể không bày tỏ mỗi suy tư thần học về Giáo Hội. Do đó mà khoa Giáo hội học ngày nay có những khía cạnh xã hội và nhân loại, huyền nhiệm và tượng trưng để đối kháng với một khoa Giáo hội học nặng tính cách pháp lý trước đây.

c) Phong trào hiệp nhất cũng ảnh hưởng đến sự biến đổi này. Ước nguyện hiệp nhất tạo nên những cuộc đối thoại về thần học, trong đó các vấn đề không được thảo luận đặt trong tình trạng tương phản biện chứng với các ý kiến khác nhau. Nhờ thế mà những trực giác về bản tính Giáo Hội nhất thiết phải phát hiện.

Những điều đó đặt ra cho Giáo Hội hai việc cần thực hiện: làm sáng tỏ và tìm hiểu các vấn đề của Giáo Hội trong toàn bộ. Đã đến lúc Giáo Hội càng ngày càng phải nghiên cứu, đào sâu

và diễn tả chân lý về chính mình. Ngoài ra, ý thức về chính mình cũng cần được xếp đặt cho có hệ thống theo tính cách năng động cổ truyền.

Cần nói thêm rằng "trực giác minh bạch về sự kiện này là: cộng đoàn Kitô giáo chắc chắn sẽ không theo kịp bước tiến của thế giới ngày nay và phải chịu tăng triển chậm chạp dù đã đi tiên phong về vấn đề Giáo hội học", trực giác ấy không thể không buộc Giáo Hội suy nghĩ về những trách vụ cấp bách của mình, cũng như không thể không buộc Giáo Hội phải làm cho tổ chức của mình không còn bị cô lập, sự cô lập mà Giáo Hội có thể rơi vào.

Những điều nói trên cho ta thấy một hình ảnh khá chính xác của một khoa Giáo hội học tiền Công Đồng:

a) Trước hết nó mang tính chất **đối thoại**. Đối thoại chân thành và cởi mở với mọi thực tại thụ tạo, trong đó ý định cứu rỗi của Thiên Chúa được hoàn tất. Giáo Hội không thể chỉ tự giải thích về bản chất của mình, nhưng còn cần phải tự đả thông với người khác: với các Kitô hữu không công giáo và với một thế giới thờ ơ với ơn cứu rỗi.

b) Tuy nhiên, cuộc đối thoại - dù cần thiết - cũng không thể tự hạn chế vào việc thông cảm đơn thuần nhằm mục đích hiểu biết. Nhưng Giáo Hội còn phải đi sâu vào những nguyện vọng của mọi người. Giáo Hội phải hiện diện với mọi thực tại và với những nỗ lực của mọi người để làm cho xã hội nên tốt đẹp hơn. Bởi vậy, khoa Giáo hội học cũng mang tính chất **nhập thế** vì Giáo Hội hiện diện sống động theo kiểu Chúa Kitô, hầu có thể cứu chuộc thế giới.

c) Muốn thế, cần phải có sự canh tân tận bên trong, phải cải tổ cơ cấu, phải mở rộng tới những cách thức hiện hữu mới, mà không làm Giáo Hội mất sự **canh tân và cải tổ**. Khuynh hướng cải tổ, tuy đôi khi đi đến tận căn và thái quá, nhưng nói chung

vẫn có giới hạn chính đáng, rõ ràng, theo câu châm ngôn cổ truyền: "Giáo Hội phải được cải tổ không ngừng".

d) Khuynh hướng cải tổ trong khoa Giáo hội học nói lên một tính chất tiêu biểu khác: tính chất **hiệp thông**. Giáo Hội phải là trung tâm hiệp thông nhân loại trong các hoạt động thể tục cũng như trong các hoạt động tôn giáo. Bởi vậy, Giáo Hội như là bí tích tạo nên sự hiệp thông ấy.

Những đặc điểm trên của khoa Giáo hội học ngày nay được thu thập và chấp nhận trong văn kiện mà chúng ta sẽ giải thích sau đây. Chắc hẳn, văn kiện chúng ta hiện có không phải chỉ được soạn thảo một lần. Trong Giáo Hội vẫn còn nhiều chống đối với lối nhìn vấn đề theo cách thức mới mẻ này: Có hai khuynh hướng xuất hiện trong các cuộc thảo luận ở Công Đồng: khuynh hướng thứ nhất ủng hộ quan niệm hiện tại mới mẻ và sống động hơn về Giáo Hội mà yếu tính là như một sự hiệp thông với mẫu nhiệm đời sống Ba Ngôi; khuynh hướng thứ hai coi Giáo Hội như một thể chế, một xã hội hoàn hảo giữa lòng thế giới, có những bổn phận và quyền lợi riêng. Đây chỉ là những vấn đề được nhấn mạnh vì không bên nào cho quan điểm đối lập là sai. Chính vì đó mà giai đoạn khởi đầu của văn kiện đã trở nên rất sôi nổi, lâu dài và đôi khi bi đát. Chúng ta sẽ cố gắng rút ra những đường nét chính từ việc soạn thảo này.

Lược đồ đầu tiên gồm một tập dày 123 trang đã được gửi đến các Giám Mục vào tháng 11 năm 1962. Lược đồ gần như là một bản toát yếu các vấn đề mà trước khi họp Công Đồng, Đức Gioan XXIII đã hỏi ý kiến cả thế giới. Lược đồ gồm 11 chương và một phụ trương, trong đó không thấy có những tiêu chuẩn rõ rệt. Đây là những vấn đề được bàn đến: về bản tính của Giáo Hội chiến đấu ở trần gian; về những phần tử của Giáo Hội chiến đấu và về việc Giáo Hội cần cho ơn cứu rỗi; về chức Giám Mục chính tòa; về các bậc sống theo đường lối hoàn hảo của Phúc Âm; về giáo dân; về quyền giáo huấn của Giáo Hội;

về uy quyền và sự vâng phục trong Giáo Hội; về liên quan giữa Giáo Hội và chính quyền; về sự cần thiết của Giáo Hội để loan báo Phúc Âm cho mọi dân tộc trên khắp mặt đất; về sự hiệp nhất. Trong phần phụ trương còn thêm lược đồ về "Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa và Mẹ nhân loại".

Lược đồ đầu tiên ấy được thảo luận trong kỳ họp thứ nhất (từ ngày 1 đến ngày 7 tháng 12 năm 1962 trong 6 phiên họp: phiên họp khoáng đại thứ 31 tới 36). Tất cả đồng thanh dành ưu tiên cho đề tài về Giáo Hội nhưng cũng có đôi điều chỉ trích: lược đồ thiếu liên kết và tổng hợp, không nêu ra những đường nét chủ chốt. Người ta còn mong muốn một lược đồ có tầm mức mục vụ hơn. Về nội dung, nhiều Nghị Phụ nhấn mạnh cần phải lưu ý tới những viễn tượng rộng lớn hơn của khoa thần học hiện đại, bởi vì cái gọi là "mới", thường chỉ là một ý thức sắc bén hơn về một chân lý đã quá xa xưa. Cần nhấn mạnh khía cạnh Giáo Hội là cộng đoàn thiêng liêng, là hiệp thông và mầu nhiệm, hơn là khía cạnh Giáo Hội là một xã hội hoàn hảo. Một cách tiêu cực, người ta chỉ trích lược đồ đầy vẻ phô trương thanh thế (trình bày Giáo Hội như một thế lực đi từ chiến thắng này tới chiến thắng khác), quá thiên về giáo sĩ (giản lược đời sống Giáo Hội vào hoạt động của giáo phẩm mà gạt giáo dân ra ngoài), có tính cách pháp lý (quá nhấn mạnh những yếu tố pháp lý, vì dù có cần thiết và chính yếu thật, chúng không phải là những yếu tố duy nhất trong Giáo Hội). Một cách tích cực, người ta muốn lược đồ đề nghị phải trình bày một Giáo Hội thấm nhuần tinh thần Phúc Âm, nghĩa là một tinh thần cởi mở và phổ quát, một tinh thần truyền giáo, một tinh thần khiêm tốn và phục vụ. Có lưu ý đến những điều đó rồi mới thấy việc sửa chữa lại lược đồ là việc làm không thể tránh được.

Theo sự chỉ dẫn của Công Đồng, ủy ban thần học bắt tay vào việc trong thời gian giữa kỳ họp nhất và kỳ họp hai. Ủy ban lưu tâm vào phần trên của lược đồ sơ khởi: phần dưới, ủy ban chỉ giữ lại một vài đoạn và đưa lên một trong các chương

trên. Văn thể cũng được sửa lại hết. Tất cả chỉ còn lại 4 chương và được gửi tới các Nghị Phụ vào mùa hè năm 1963. Bốn chương đó bàn về:

I. Mâu nhiệm Giáo Hội.

II. Cơ cấu phẩm trật Giáo Hội, đặc biệt về chức Giám Mục.

III. Dân Chúa, đặc biệt về giáo dân.

IV. Lời kêu gọi nên thánh trong Giáo Hội.

Trước kỳ họp hai, theo sự gợi ý bằng giấy viết của nhiều Nghị Phụ, thứ tự này đã được sửa đổi. Ủy ban chấp thuận. Và đây là thứ tự mới: các đoạn mà toàn thể có đặc điểm về Dân Chúa đều được rút ra khỏi các chương I và III. Những yếu tố này được đặt trong một phần khai triển mới, nằm ngay sau phần trình bày về mâu nhiệm Giáo Hội và trước phần nói về phẩm trật. Chương III không còn đề cập đến Dân Chúa, nhưng chỉ bàn về những phần tử của Dân Chúa trên toàn thế giới, tức là giáo dân. Sau cùng là tu sĩ được đề cập rõ ràng trong tựa đề của chương IV.

Trong nghị trường, các Nghị Phụ thảo luận theo cách chia sơ khởi là bốn chương. Các thảo luận kéo dài từ ngày 30 tháng 9 đến 31 tháng 10 năm 1963. Bản trình bày mới được tiếp nhận nồng hậu. Hầu như toàn thể các phiếu (2,301 chống với 43) đều chấp thuận coi nó như nền tảng cho việc tranh luận. Nhưng hai khuynh hướng thần học, như chúng ta đã nói trên, tiếp tục biện hộ cho quan điểm của mình. Phần đông các Giám Mục hoan hỉ và hài lòng về lối trình bày tỉ mỉ và nhận định rằng toàn bộ từ đây đã được xây dựng vững chắc hơn. Các ngài vui mừng đón nhận những ý kiến gợi lên việc hiệp nhất và mục vụ. Các cuộc thảo luận trở nên gay go khi bàn về Giám Mục Đoàn (chương II). Người ta sợ Giám Mục Đoàn sẽ phương hại tới quyền tối thượng của Giáo Hoàng. Một cuộc bỏ phiếu để làm sáng tỏ đã được tổ chức ngày 30 tháng 10 năm 1963. Kết quả là đa số

ngiên về Giám Mục Đoàn. Tuy nhiên các cuộc thảo luận vẫn tiếp diễn và cũng nhờ có thảo luận mà cơ cấu của lược đồ thay đổi dần dần. Một cơ cấu mới hình thành. Chủ đề Dân Chúa làm thành chương II và tiếp theo sau là chủ đề về Phẩm Trật. Các tu sĩ xin Công Đồng bàn về họ trong một chương biệt lập. Chương IV của lược đồ phân thành hai: lời kêu gọi nên thánh (chương V) và các tu sĩ (chương VI). Sau các cuộc thảo luận khá sôi nổi và sau một cuộc bỏ phiếu với kết quả sát nút, Công Đồng quyết định cho xen lược đồ về Đức Mẹ vào Hiến Chế về Giáo Hội (Chương VIII). Sau cùng, Công Đồng còn thêm một chương khác (chương VII) nói về đặc tính cánh chung của Giáo Hội, về sự liên lạc giữa Giáo Hội dưới đất và Giáo Hội trên trời. Đó là diễn tiến của bản văn chung quyết như chúng ta hiện có.

Theo cách sắp xếp hiện thời, thì cứ hai chương một đi với nhau, theo một thứ tự hợp lý, có lẽ không ngờ tới, nhưng dễ biện minh:

1) Hai chương đầu nói về **mâu nhiệm Giáo Hội**, trước hết theo chiều hướng siêu việt, sau đó theo hình thức lịch sử. Những đặc điểm căn bản của Giáo Hội như phương tiện cứu rỗi đều thấy xuất hiện trong suốt cả hai chương. Cách mô tả giản dị nhưng không một ai có thể nghi ngờ về ý tưởng phong phú của chúng.

2) Hai chương kế tiếp mô tả **cơ cấu hệ thống** của cộng đoàn được Chúa Kitô thiết lập. Các mục tử giảng dạy, thánh hóa và cai trị. Còn giáo dân, dưới sự chỉ dẫn của các ngài, tham gia vào một công trình cứu độ: đó là hai mặt của một bức hình: một mặt là chương III nói về Phẩm Trật và mặt kia là chương IV, về Giáo Dân.

3) Sau đó, lược đồ chú ý tới **sứ mệnh cốt yếu** của Giáo Hội tức là việc thánh hóa mọi phần tử trong Dân Chúa. Đời sống tu trì gắn liền với mục đích ấy và đó là lý do khiến Giáo Hội coi

nó là quan trọng và rất lưu tâm đến. Xét trên bình diện này, người ta không còn để ý tới sự phân biệt giữa giáo phẩm và giáo dân. Đức ái hoàn hảo là luật sống độc nhất cho mỗi người, trong khi đó không phải ai cũng giữ qui luật đời tu. Phản đối nguyên tắc này có nghĩa là không biết đến giá trị Kitô giáo của hôn nhân và gia đình.

4) Chúng ta đi hai chương cuối cùng: chương VII trình bày sự **bành trướng cánh chung** của Giáo Hội trong huy hoàng và trong cộng đoàn các Thánh; chương VIII và cũng là chương sau cùng, bàn về **địa vị và sứ mệnh của Đức Trinh Nữ, Mẹ Chúa Kitô và Mẹ nhân loại**, ở trong cộng đoàn có Ngài là kiểu mẫu và là Đấng bảo trợ. Nhờ có chung nền tảng mà hai chương này liên kết được với nhau. Cả hai cùng hướng về cuộc kết thúc huy hoàng, lúc đó bóng đêm của mầu nhiệm sẽ nhường chỗ cho ánh sáng.

Sau các cuộc thảo luận gay go và nhiều lần bỏ phiếu, người ta đã đi đến kết thúc. Nhưng một thiểu số ngoan cố không chịu khuất phục. Để xoa dịu và để mọi người đồng thanh chấp nhận một vấn đề quan trọng như thế - một sự đồng thanh cần thiết trong tất cả các quyết định của Công Đồng - ngày 16 tháng 11 năm 1964, Đức Giáo Hoàng đã đề nghị với Công Đồng để thêm một phần "chú thích sơ khởi" cho chương III của Hiến Chế. Giáo lý của chương III trong Hiến Chế phải được giải thích và được hiểu theo phần chú thích này. Một số đông các Nghị Phụ bối rối về phần chú thích, nhưng dường như không có lý do. Thật vậy, phần đó không chứa đựng điều gì thực sự mới mẻ nhưng chỉ giải thích rõ rệt hơn một vài ý niệm pháp lý, vì có một số Nghị Phụ dựa vào những ý niệm này để bênh vực cho những thắc mắc của các ngài. Cũng nên biết rằng, phần chú thích sơ khởi ấy tương ứng với phần giải thích rất tỉ mỉ về 5 vấn đề đặt ra ngày 30 tháng 10 năm 1963, phần giải thích mà ngay cả những vị bấy giờ thắc mắc với phần chú thích cũng đã không ngần ngại bỏ phiếu chấp thuận. Lời diễn tả ở hai phần

kể là như nhau. Khi mây đen dần dần tan biến, người ta đã xóa tan được những ngộ nhận sau cùng, nhờ xem kỹ lại phần chú thích sơ khởi. Trong cuộc đầu phiếu ngày 19 tháng 11 năm 1964 về toàn bộ lược đồ, chỉ còn 10 phiếu chống; trong cuộc đầu phiếu chung quyết trọng thể ngày 21 tháng 11 năm 1964, số phiếu chống trụt xuống còn 5. Như thế kể là mọi người đã đồng thanh chấp nhận.

Sau phần phác họa về lịch sử các biến cố, chúng ta sang phần phân tích bản văn, đi theo thứ tự của Hiến Chế. Mục đích mà chúng ta muốn nhằm tới là: qua những chú thích đơn sơ vắn tắt, chúng ta sẽ trung thành hết sức có thể với điều Công Đồng giảng dạy. Chúng ta nhằm đến phần chính yếu, tìm cách xác định nội dung những điều Công Đồng quả quyết và bỏ qua những điều giải thích sâu rộng hơn cũng như những vấn đề đang được các thần học gia tranh luận.

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Hiến Chế Tín Lý
Về Giáo Hội

Chương I
Màu Nhiệm Giáo Hội^{1*}

1. Giáo Hội, bí tích trong Đức Kitô. Ánh sáng muôn dân chính là Chúa Kitô, nên Thánh Công Đồng đang nhóm họp trong Chúa Thánh Thần hết lòng mong ước soi dẫn mọi người bằng ánh sáng của Chúa phản chiếu trên dung nhan Giáo Hội, bằng việc rao truyền Phúc Âm cho mọi tạo vật (x. Mc 16,15). Vì Giáo Hội ở trong Chúa Kitô như bí tích hoặc dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại, nên, dựa trên giáo huấn của các Công Đồng trước, Giáo Hội muốn làm sáng tỏ bản tính và sứ mệnh phổ

^{1*} Hai chương đầu của Hiến chế tín lý về Giáo Hội nhằm trình bày màu nhiệm Giáo Hội trong ý định cứu rỗi của Thiên Chúa như Thánh Kinh đã mạc khải, trước khi phân tích cơ cấu phẩm trật (ch. III) và tác động siêu nhiên.

Sau khi đã xác định Giáo Hội khai sinh từ Màu Nhiệm Ba Ngôi, chương I của Hiến Chế tìm hiểu những danh xưng và những hình ảnh khác nhau mà Thánh Kinh sử dụng để chỉ Giáo Hội, đặc biệt nhấn mạnh tới danh xưng của Thánh Phaolô gọi Giáo Hội là "Thân Thể Chúa Kitô" (các số 5-7), nhưng không tuyệt đối theo cách gọi đó. Sau cùng, chương I còn cắt nghĩa thực tại Giáo Hội trong tình trạng cụ thể (số 8).

quát của mình cho tín hữu và toàn thế giới. Những hoàn cảnh hiện tại làm cho nhiệm vụ của Giáo Hội thêm khẩn thiết hơn, để ngày nay mọi người liên hệ chặt chẽ hơn bởi nhiều ràng buộc xã hội, kỹ thuật, văn hóa, cũng được hiệp nhất trọn vẹn trong Chúa Kitô.^{2*}

2. Ý định cứu chuộc phổ quát của Chúa Cha.^{3*} Bởi ý định khôn ngoan nhân lành, hoàn toàn tự do và mầu nhiệm, Chúa Cha hằng hữu đã tạo dựng vũ trụ; Ngài đã quyết định nâng loài người lên tham dự đời sống thần linh, và Ngài đã không từ bỏ con người sa ngã trong Adam, nhưng luôn ban sự trợ giúp để họ được cứu rỗi, nhờ Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, "là hình ảnh Thiên Chúa vô hình, Con đầu lòng của tạo vật" (Col 1,15). Thực vậy, từ muôn thuở tất cả mọi người được tuyển chọn, Chúa Cha "đã biết trước và đã tiền định cho họ trở nên giống hình ảnh Con Chúa, hầu người Con đó được trở nên Trưởng Tử trong nhiều anh em" (Rm 8,29). Thế nên Chúa Cha muốn qui tụ những ai tin kính Chúa Kitô vào trong Giáo Hội. Từ nguyên thủy, Giáo Hội được phác thảo bằng hình bóng, được chuẩn bị kỳ diệu trong lịch sử dân Israel và trong giao ước cũ

^{2*} *Số 1: Nhập đề*

Đây là phần nhập đề tổng quát, nói lên chiều hướng riêng biệt của Hiến Chế Công Đồng qua quyết sứ mệnh cứu rỗi phổ quát của Giáo Hội đã được Chúa Kitô trao phó, qua ý niệm bí tích phổ quát của ơn cứu rỗi. Ở đây, sự cứu rỗi được quan niệm dưới hình thức hợp thông với Ba Ngôi.

^{3*} *Các số 2-4: Giáo Hội từ Mầu Nhiệm Chúa Ba Ngôi.*

Các số này có sự thống nhất khá chặt chẽ về đề mục và cơ cấu, nói lên hoạt động của Ba Ngôi trong đời sống Giáo Hội. Giáo Hội khai sinh từ ý định tự do của Chúa Cha hằng hữu (số 2), ý định đó được thực hiện qua sứ mệnh của Chúa Con (số 3), và được bổ túc nhờ sự thánh hóa mà Chúa Thánh Thần đem đến (số 4). Như vậy chúng ta thấy rõ Giáo Lý Công Giáo về Giáo Hội được xây dựng trên tín điều căn bản của Kitô giáo. Công Đồng nói theo kiểu nói của Thánh Kinh chứ không theo kiểu nói thần học. Và không muốn giải quyết vấn đề: phải hiểu những hoạt động của Ba Ngôi như thế nào. Câu sau cùng của số 4 bao gồm chủ đích và nội dung của số đó.

¹, được thành lập trong thời cuối cùng, và được biểu hiện lúc Chúa Thánh Thần ngự xuống, rồi đến ngày tận thế sẽ kết thúc trong vinh quang. Bây giờ, như chúng ta đọc thấy nơi các Giáo Phụ, mọi người công chính từ Adam, "từ Abel công chính đến người được tuyển chọn cuối cùng"² sẽ được tập hợp trong Giáo Hội phổ quát bên Chúa Cha.

3. *Sứ mạng và công cuộc của Chúa Con.* Thế là Chúa Con được phái đến do Chúa Cha, Đấng đã tuyển chọn chúng ta nơi Người trước khi tạo dựng vũ trụ và tiền định chúng ta làm dưỡng tử, vì Ngài mong ước cải tạo tất cả trong Chúa Con (x. Eph 1,4-5 và 10). Bởi thế, để chu toàn thánh ý Chúa Cha, Chúa Kitô đã khai nguyên nước trời nơi trần gian, mạc khải cho chúng ta mầu nhiệm của Ngài, và thực hiện việc cứu thế bằng việc vâng phục Chúa Cha. Giáo Hội hoặc nước Chúa Kitô đã hiện diện cách mầu nhiệm, nhờ thần lực Thiên Chúa, phát triển trong thế gian cách hiển nhiên. Sự khai nguyên và phát triển đó được biểu thị bằng máu và nước chảy ra từ cạnh sườn Chúa Giêsu chịu đóng đinh (x. Gio 19,34) và được tiên báo qua lời Chúa nói về cái chết của Người trên thập giá: "Và Ta, khi bị treo lên khỏi đất, Ta sẽ kéo mọi người lên cùng Ta" (Gio 12,32, bản Hy Lạp). Mỗi lần hy lễ thánh giá được cử hành trên bàn thờ, nhờ đó "Chúa Kitô, chiêm vượt qua của chúng ta chịu hiến tế" (1Cor 5,7), thì công trình cứu chuộc chúng ta được thực hiện. Bí tích Thánh Thể cũng biểu thị và thực hiện sự hiệp nhất các tín hữu, là những kẻ hợp thành một thân thể, trong Chúa Kitô (x. 1Cor 10,17). Mọi người đều được mời gọi kết hiệp cùng Chúa Kitô như vậy. Người là ánh sáng thế gian. Chúng ta phát xuất từ Người, sống nhờ Người và hướng về Người.

¹ Xem T. Cyprianô, *Epist.* 64,4: PL 3,1017; CSEL (Hartel), III B, trg 720. T. Hilariô Pict., *In Mt.* 23,6: PL 9,1047. T. Augustinô, nhiều chỗ khác. T. Cyrillô Alex. *Glaph. in Gen.* 2, 10: PG 69, 110A.

² T. Gregoriô Cả. *Hom. in Evang.* 19,1: PL 76,1154 B. Xem T. Augustinô, *Serm.* 341, 9,11: PL 39,1499t. T. Gio. Damascenô, *Adv. Iconoct.* 11: PG 96,1357.

4. Việc thánh hóa Giáo Hội của Chúa Thánh Thần. Khi công trình Chúa Cha trao phó cho Chúa Con thực hiện trên trần gian đã hoàn tất (x. Gio 17,4) Chúa Thánh Thần được phái đến trong ngày lễ Hiện Xuống để thánh hóa Giáo Hội mãi mãi, và như thế những ai tin sẽ được tới cùng Chúa Cha qua Chúa Kitô trong một Thần Khí duy nhất (x. Eph 2,18). Chính Ngài là Thánh Thần ban sự sống, là mạch nước vọt lên sự sống vĩnh cửu (x. Gio 4,14; 7,38-39), nhờ Ngài, Chúa Cha hồi sinh những kẻ đã chết vì tội lỗi, đợi đến khi phục sinh thân xác hay chết của họ trong Chúa Kitô (x. Rm 8,10-11). Chúa Thánh Thần ngự trị trong Giáo Hội và trong tâm hồn các tín hữu như ngự giữa đền thờ (x. 1Cor 3,16; 6,19). Trong họ, Ngài cầu nguyện và chứng nhận họ là dưỡng tử (x. Gal 4,6; Rm 8,15-16 và 26). Ngài dẫn đưa Giáo Hội trong hiệp thông và phục vụ. Ngài huấn luyện và dẫn dắt Giáo Hội bằng muôn ơn theo phẩm chức và đoàn sủng, trang điểm Giáo Hội bằng hoa quả của Ngài (x. Eph 4,11-12; 1Cor 12,4; Gal 5,22). Nhờ sức mạnh Phúc Âm, Ngài là tươi trẻ, không ngừng canh tân và dẫn đưa Giáo Hội đến kết hợp hoàn toàn với Phu Quân mình³. Thực vậy, Chúa Thánh Thần và Hiền Thê nói cùng Chúa Giêsu rằng: "Xin hãy đến" (x. Kh 22,17).

Như thế Giáo Hội phổ quát xuất hiện như "một dân tộc hiệp nhất do sự hiệp nhất giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần"⁴.

5. Nước Thiên Chúa.^{4*} Mầu nhiệm Giáo Hội thánh thiện được biểu lộ trong chính việc thành lập. Thực thế, Chúa Giêsu

³ Xem T. Ireneô, *Adv. Haer.* III, 24, 1: PG 7, 966 B; Harvey 2, 131; x. b. Sagnard, *Sources Chr.*, trg 398.

⁴ T. Cyprianô, *De Orat. Dom.* 23 : PL 4, 553: Hartel, III A, trg 285. T. Augustinô, *Serm.* 71, 20, 33: PL 38, 463t. T. Gioan Damascenô, *Adv. Iconocl.* 12: PG 96, 1358 D.

^{4*} Các số 5-7: *Giáo Hội trong lịch sử cứu rỗi.*

đã khai sinh Giáo Hội bằng việc rao giảng Phúc Âm rằng Nước Thiên Chúa đã đến như đã hứa trong Thánh Kinh từ ngàn xưa: "Thời gian đã trọn, Nước Thiên Chúa gần đến" (Mc 1,15; x. Mt 4,17). Nước này chiếu sáng trước mặt mọi người qua lời nói, hành động và sự hiện diện của Chúa Kitô. Lời Chúa ví như hạt giống gieo trong ruộng (x. Mc 4,14): ai tin nghe lời Chúa và gia nhập đàn chiên nhỏ của Chúa Kitô (x. Lc 12,32), thì đã đón nhận chính Nước Ngài; rồi tự sức mình, hạt giống nảy mầm và lớn lên cho đến mùa gặt (x. Mc 4,26-29). Các phép lạ của Chúa Giêsu cũng chứng minh rằng Nước Ngài đã đến thế gian: "Nếu Ta dùng ngón tay Thiên Chúa để trừ ma quỷ, ắt Nước Thiên Chúa đã đến nơi các ngươi rồi" (Lc 11,20; x. Mt 12,28). Nhưng trước tiên, Nước ấy biểu lộ trong chính con người Chúa Kitô, Con Thiên Chúa và Con loài người, Đấng đã đến "để hầu hạ và hiến mạng sống mình làm giá chuộc thiên hạ" (Mc 10,45).

Vì sau khi chịu chết trên thập giá cho nhân loại, Chúa Giêsu đã phục sinh, nên Người được phong làm Chúa, làm Đấng Kitô và làm Linh Mục muôn đời (x. CvTđ 2,36; Dth 5,6; 7,17-21); và Người đổ tràn Thánh Thần mà Chúa Cha đã hứa trên các môn đệ Người (x. CvTđ 2,33). Vì thế, với ân huệ của Đấng sáng lập, và trong khi trung thành tuân giữ các giới răn bác ái, khiêm nhường và từ bỏ, Giáo Hội đã lãnh nhận sứ mệnh rao truyền và thiết lập Nước Chúa Kitô và Nước Thiên Chúa trong mọi dân tộc; Giáo Hội là mầm mống và khai nguyên Nước ấy

Các số này trình bày sự hiện diện và hoạt động siêu nhiên của Thiên Chúa qua Giáo Hội trong công cuộc cứu độ. Công Đồng muốn giải thích ý định cứu rỗi của Ba Ngôi thực hiện qua Giáo Hội (các số 2-4) tiên triên như thế nào trong lịch sử cứu rỗi. Việc đó phải nhờ vào sự phân tích tỉ mỉ những cách diễn tả của mạc khải Thánh Kinh. Như thế trong số 5, Công Đồng nói về Giáo Hội như một Nước Thiên Chúa ở trần gian; số 6 trình bày những hình ảnh và những hình bóng khác nhau mà Thánh Kinh sử dụng để mô tả Giáo Hội như là việc của Thiên Chúa; và sau cùng, trong số 7, Công Đồng giải thích sâu xa hơn về Giáo Hội là Thân Thể Chúa Kitô, theo sát với giáo lý của Thánh Phaolô.

trên trần gian. Đang lúc từ từ phát triển, Giáo Hội vẫn khát mong Nước ấy hoàn tất và thiết tha hy vọng, mong ước kết hợp với Vua mình trong vinh quang.^{5*}

6. Hình ảnh diễn tả Giáo Hội. Trong Cựu Ước, việc mạc khải Nước Thiên Chúa thường được trình bày bằng hình bóng; cũng thế, ngày nay bản tính thâm sâu của Giáo Hội được diễn tả bằng nhiều hình ảnh lấy từ đời sống du mục, canh nông, kiến trúc, hoặc gia đình và hôn lễ. Sách các tiên tri đã phác họa những hình ảnh đó.

Thực thể, Giáo Hội là chuồng chiên mà Chúa Kitô là cửa vào duy nhất và cần thiết (x. Gio 10,1-10). Giáo Hội cũng là đàn chiên mà chính Thiên Chúa đã tiên báo Ngài là mục tử (x. Is 40,11; Ez 34,11 tt). Tuy được các mục tử phạm nhân chăn dắt, những chiên ấy luôn được chính Chúa Kitô, Mục Tử nhân lành và Thủ Lãnh các mục tử, dẫn dắt và nuôi dưỡng (x. Gio

^{5*} Số 5: Giáo Hội là Nước Chúa.

Nước phải hiểu theo nghĩa Thánh Kinh chứ không chỉ nguyên nghĩa xã hội, tức là phải hiểu như là một hành động cai trị (chính sự thống trị) hơn là sự nói rộng đất đai (hiệu quả của hành động thống trị). Trong viễn tượng ấy, Công Đồng quả quyết có hai sự kiện tạo nên Giáo Hội, tức là Nước Thiên Chúa: hoạt động của Chúa Kitô trước Phục Sinh trong đó Nước Thiên Chúa (theo ý nghĩa đã giải thích) đã được biểu lộ, và việc Chúa thiết lập qua Mầu Nhiệm Phục Sinh. Như thế, ngay cả những yếu tố giúp Nước Thiên Chúa thực hiện cũng đã được phác họa:

a/ Yếu tố siêu nhiên: Là những hồng ân mà Vị Sáng Lập Giáo Hội ban cho (tổng kết: là ơn trọng đại của Chúa Thánh Thần);

b/ Yếu tố luân lý: Chấp nhận những đòi hỏi tinh thần về việc Chúa thống trị trên con người, một cách tự do và toàn vẹn;

c/ Yếu tố thừa sai: Giáo Hội lãnh nhận từ Đấng Sáng Lập sứ mệnh loan báo và tạo lập sự thống trị này của Thiên Chúa trên mọi người;

d/ Yếu tố cảnh chung: Việc thống trị ấy còn bắt toàn trên trần gian, bởi vậy khuynh hướng cảnh chung của toàn thể Giáo Hội hướng tới một Nước hoàn hảo phải được thực hiện trong thời sau hết (x. số 48c).

10,11; 1P 5,4). Người đã hiến mạng sống mình vì đàn chiên (x. Gio 10,11-15).

Giáo Hội cũng là thửa ruộng hay cánh đồng Thiên Chúa (x. 1Cor 3,9). Trong cánh đồng ấy, mọc lên cây dầu cổ thụ mà các Tổ Phụ là gốc rễ thánh. Nơi cây cổ thụ này, sự hòa giải giữa dân Israel và các dân ngoại đã được và sẽ được thực hiện (x. Rm 11,13-26). Người trồng nho thiên quốc vun trồng Giáo Hội như một cây nho được tuyển chọn (x. Mt 21,33-43 song song; x. Is 5,1 tt). Chúa Kitô là cây nho đích thực. Người ban sức sống và hoa trái cho các nhánh là chúng ta. Nhờ Giáo Hội, chúng ta ở trong Người; và không có Người, chúng ta không thể làm gì được (x. Gio 15,1-5).

Giáo Hội cũng thường được gọi là tòa nhà của Thiên Chúa (x. 1Cor 3,9). Chúa Kitô đã tự ví Người như viên đá mà các thợ xây loại bỏ, nhưng đã trở thành viên đá góc (x. Mt 21,42 song song; CvTđ 4,11; 1P 2,7; Tv 117,22). Trên nền móng này, các Tông Đồ đã xây dựng Giáo Hội (x. 1Cor 3,11), và Giáo Hội được bền vững, liên kết nhờ nền móng đó. Tòa nhà này còn được gọi bằng nhiều tên khác: Nhà Thiên Chúa (x. 1Tm 3,15), nơi gia đình Ngài cư ngụ. Nhà Thiên Chúa trong Chúa Thánh Thần (x. Eph 2,19-22), "Lều Tạm của Thiên Chúa giữa loài người" (Kh 21,3), và nhất là Đền Thánh, tiêu biểu bằng các cung thánh bằng đá, đã từng được các Thánh Giáo Phụ ca tụng, và được Phụng Vụ sánh ví rất chính xác với Thành thánh, thành Giêrusalem mới⁵. Thực vậy, trong Giáo Hội tại thế, chúng ta là những viên đá sống động dùng vào việc xây cất (x. 1P 2,5).

⁵ Xem Origenê, *In Mat 16,21: PG 13, 1443 C. Tertullianô, Adv. Marc. 3,7: PL 2, 357 C; CSEL 47,3 trg 380. Về tài liệu phụng vụ, xem Sacramentarium Gregorianum: PL 78,160 B. Hoặc C. Mohlberg, *Liber Sacramentorum Romanae Ecclesiae, Roma, 1960, trg 111, XC: "Thiên Chúa không bị ràng buộc đã ban cho người nơi cư ngụ vĩnh cửu của các thánh..."*. Ca ngợi *Urbs Jerusalem beata* trong sách kinh nhật tụng đan viện, và *Coelestis urbs Jerusalem* trong sách kinh nhật tụng Roma.*

Thánh Gioan đã chiêm ngưỡng Thành thánh ấy từ trời nơi Thiên Chúa mà xuống trong ngày cải tạo vũ trụ, "sẵn sàng như hiền thê trang điểm để đón tân lang mình" (Kh 21,1tt).

Giáo Hội còn được gọi là "thành Giêrusalem trên trời" là "mẹ chúng ta" (Gal 4,26; x. Kh 12,17), được mô tả như hiền thê tinh tuyền của Con Chiên không tì ô (x. Kh 19,7; 21,2 và 9; 22,17) được Chúa Kitô yêu mến "và hiến thân để thánh hóa" (Eph 5,25-26), được Người kết hợp bằng một giao ước bất khả phân ly, được "nuôi dưỡng và săn sóc" không ngừng (Eph 5,29). Sau khi thanh tẩy hiền thê, Chúa Kitô muốn hiền thê ấy kết hợp và vâng phục mình trong tình yêu và trung tín (x. Eph 5,24). Sau cùng, Người vĩnh viễn ban cho dư tràn ơn thiêng trên trời để chúng ta hiểu thế nào là tình yêu Thiên Chúa và Chúa Kitô đối với chúng ta, tình yêu ấy vượt trên mọi hiểu biết (x. Eph 3,19). Bao lâu còn là lữ hành trên dương thế xa cách Chúa (x. 2Cor 5,6), Giáo Hội nhận mình bị lưu đày, nên luôn tìm kiếm và nếm hương vị trên trời, nơi Chúa Kitô ngự bên hữu Thiên Chúa; nơi tiềm ẩn sự sống của Giáo Hội cùng Chúa Kitô trong Thiên Chúa, cho đến ngày xuất hiện với Phu Quân mình trong vinh quang (x. Col 3,1-4). ^{6*}

^{6*} Số 6: Những hình ảnh về Giáo Hội theo Thánh Kinh.

Sau đây là những khẳng định của Công Đồng:

a/ Những hình ảnh và hình bóng ấy là mạc khải thực về Giáo Hội nhờ đó chúng ta hiểu rõ hơn bản tính sâu xa của Giáo Hội. Hơn nữa chúng ta còn bày tỏ sự thống nhất và tiến triển của một mạc khải được chuẩn bị trong Cựu Ước và được hoàn tất trong Tân Ước.

b/ Giáo thuyết đại cương trong số 5b được giải thích rõ rệt hơn theo tiến trình tiệm tiến và năng động. Những hình ảnh về đời sống du mục bày tỏ sự khởi xướng của Thiên Chúa trong Giáo Hội, luôn tiến triển để đạt tới kết quả sau cùng, những hình ảnh về xây cất chứng tỏ sự kiên cố, và những hình ảnh gia đình nói lên sự kết hợp thân mật giữa Chúa Kitô và Giáo Hội.

7. Giáo Hội, thân thể Đức Kitô. Khi Con Thiên Chúa chiến thắng sự chết bằng cái chết và phục sinh, trong nhân tính mà Người kết hợp, Người đã cứu chuộc và biến con người thành một tạo vật mới (x. Gal 6,15; 2Cor 5,17). Thực vậy, Người tạo lập cách mẫu nhiệm các em Người, tụ họp từ muôn nước thành thân thể Người, bằng cách thông truyền Thánh Thần cho họ.

Trong thân thể ấy, sự sống Chúa Kitô tràn lan trên các tín hữu. Nhờ các bí tích, các tín hữu được kết hợp thực sự và cách mẫu nhiệm với Chúa Kitô đau khổ và vinh hiển⁶. Quả thực, nhờ phép thánh tẩy chúng được nên giống Chúa Kitô: "Vì tất cả chúng ta được tẩy rửa trong một Chúa Thánh Thần để nên một thân thể" (1Cor 12,13). Nghi thức thánh thiện ấy diễn tả và thực hiện sự hiệp nhất với cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô: "Nhờ phép thánh tẩy, chúng ta được mai táng cùng Người trong cái chết"; và nếu "chúng ta liên kết với Người trong cuộc tử nạn thế nào thì cũng sẽ được sống lại với Người như vậy" (Rm 6,4-5). Khi bẻ bánh tạ ơn, chúng ta thực sự thông dự vào Thân Thể của Chúa nên chúng ta được nâng lên để hiệp thông với Người và với nhau. "Chúng ta tuy nhiều, nhưng là một tấm bánh, một thân thể, vì hết thảy chúng ta đồng thông hưởng cũng một tấm bánh" (1Cor 10,17). Thế nên tất cả chúng ta trở thành chi thể của Thân Thể ấy (x. 1Cor 12,27), "vì mỗi người là chi thể của nhau" (Rm 12,5).

Thật vậy, tất cả các chi thể tuy nhiều, nhưng chỉ tạo thành một thân thể; cũng thế, các tín hữu hợp thành một thân thể trong Chúa Kitô (x. 1Cor 12,12). Trong việc xây dựng thân thể Chúa Kitô, cần có nhiều chi thể với phận vụ khác nhau. Chỉ có một Chúa Thánh Thần ban những ân sủng khác nhau để làm ích cho Giáo Hội theo sự sung mãn của Ngài và tùy nhu cầu của công việc (x. 1Cor 12,1-11). Trong các ân sủng ấy, ơn ban cho các Tông Đồ đứng hàng đầu: chính Chúa Thánh Thần đặt dưới

⁶ Xem T. Tôma, *Summa Theol.* III, q. 62, a.5, ad 1.

quyền các ngài cả những người lãnh nhận những ơn đặc biệt (x. 1Cor 14). Cũng chính Thánh Thần ấy tự mình hợp nhất thân thể bằng thần lực Ngài và bằng sự liên kết tinh thần các chi thể lại với nhau; như thế Ngài làm phát sinh và thúc bách đức ái giữa các tín hữu. Vì thế, nếu một chi thể nào đau đớn thì tất cả các chi thể khác đều bị đau đớn; và nếu một chi thể nào được vinh dự thì tất cả các chi thể khác cùng chung vui (x. 1Cor 12,26).

Chúa Kitô là Đầu của Thân Thể này. Chính Người là hình ảnh Thiên Chúa vô hình, và trong Người mọi vật được tác thành. Người có trước mọi người và mọi sự được bền vững trong Người. Người là Đầu của Thân Thể là Giáo Hội. Người là nguyên lý, là anh cả của những kẻ phải chết, hầu nắm quyền thủ lãnh mọi sự (x. Col 1,15-18), Người thống trị mọi vật trên trời dưới đất bằng thần lực lớn lao, và ban dư tràn sự vinh hiển phong phú của Người cho toàn thân thể nhờ sự toàn thiện và hoạt động siêu đẳng của Người (x. Eph 1,18-23) ⁷.

Mọi chi thể phải nên giống Chúa Kitô cho đến khi Người hình thành trong họ (x. Gal 4,19). Vì thế, chúng ta được kết nạp vào mầu nhiệm sự sống của Người, trở nên giống Người, cùng chết và sống lại với Người, cho đến khi cùng cai trị với Người (x. Ph 3,21; 2Tm 2,11; Eph 2,6; Col 2,12; v.v). Đang khi còn là lữ hành trên mặt đất, bước theo vết chân Người trong đau thương và bách hại, chúng ta cùng thông hiệp với những đau khổ của Người như thân thể kết hợp với đầu, hiệp với sự thương khó của Người để được cùng Người vinh hiển (x. Rm 8,17).

Trong Người, "toàn thân tìm được lương thực và sự liên kết nhờ các mối dây ràng buộc cấu kết với nhau, để lớn lên trong Thiên Chúa" (Col 2,19). Trong thân thể Người là Giáo Hội, Người luôn ban ơn huệ là các chức vụ, nhờ đó, với thần lực

⁷ Xem Piô XII: *Tđ. Mystici Corporis*, 29-6-1943: AAS 35 (1943), trg 208.

Người, chúng ta giúp nhau cứu rỗi, hầu khi thực hiện chân lý trong bác ái, chúng ta lớn lên về mọi phương diện trong Người, là Đầu của chúng ta (x. Eph 4,11-16, bản Hy Lạp).

Để chúng ta không ngừng canh tân trong Người (x. Eph 4,23), Người đã cho thông dự vào Thánh Thần Người, cũng một Đấng duy nhất hiện hữu trên Đầu cũng như trong các chi thể, làm sống động, liên kết và thúc giục toàn thân, đến nỗi các thánh Giáo Phụ đã ví nhiệm vụ của Chúa Thánh Thần với công việc mà nguyên lý sự sống, tức là linh hồn, hoàn thành trong thân xác⁸.

Chúa Kitô yêu thương Giáo Hội như hiền thê Người, Người trở thành gương mẫu của người chồng yêu vợ mình như yêu chính bản thân (x. Eph 5,25-28); phần Giáo Hội thì từng phục Đầu (n.v.t, 23-24); "Vì tất cả sự sung mãn về bản tính Thiên Chúa ở trong Người cách hữu hình" (Col 2,9), nên Người đổ tràn ơn thiêng trên Giáo Hội, là thân thể, là sự sung mãn của Người (x. Eph 1,22-23) để Giáo Hội cố gắng đạt tới sự viên mãn hoàn toàn của Thiên Chúa (x. Eph 3,19). ^{7*}

⁸ Xem *Leó XIII, Tđ. Divinum illud, 9-5-1897: AAS 29 (1896-97), trg 650. Piô XII Tđ. Mystici Corporis, n.v.t., trg 219-220; Dz 2288 (3808). T. Augustinô, Serm. 268, 2: PL 38, 1232, và nơi khác. T. Gioan Kim Khẩu, In Eph. bài giảng 9, 3: PG 62. 72. Didymô Alex., Trin, 2, 1: PG 39, 449t. T. Tôma, In Col. 1, 18, lect. 5: x.b. Marietti, II, số 46: Thân thể được tạo thành nên một do sự thống nhất của linh hồn, cũng thế Giáo Hội được tạo thành nên một do sự thống nhất của Thánh Thần..."*

^{7*} Số 7: Giáo Hội là thân thể Chúa Kitô.

Người ta có thể nhận thấy rằng, để khai triển ý niệm này, những bản văn của Phaolô đã được lập lại một cách phong phú, chứ không chỉ được sắp xếp theo thứ tự. Những nhà soạn thảo lưu tâm đến việc trưng dẫn cho "hòa hợp" hơn là đến việc khai triển cho hợp lý. Bởi vậy người ta đã đi theo tiến trình lịch sử của tư tưởng Phaolô: các đoạn a-c trích những thư lớn nhiều hơn; các đoạn khác trích các thư thời lưu đày. Nhưng cũng nên lưu ý Công Đồng không muốn trực tiếp gọi Giáo Hội là "nhiệm thể", nhưng quả quyết rằng Chúa Kitô phục sinh đã tạo cho

8. Giáo Hội, thực tại hữu hình và thiêng liêng.^{8*} Chúa Kitô, Đấng Trung Gian duy nhất, đã thiết lập Giáo Hội thánh

các anh em mình thành thân thể riêng mình, theo một cách thức bí nhiệm. Có hai lý do:

a) Thánh Phaolô không bao giờ nói về nhiệm thể. Ngài chỉ quả quyết là các tín hữu trở nên cùng một thân, một người, một thân thể của Chúa Kitô.

b) Ý kiến Thần học bất đồng về vấn đề này.

Đây là tư tưởng chính yếu hướng dẫn tất cả tiến trình: ơn cứu rỗi biến cải con người thành một tạo vật mới. Chính Chúa Kitô là tạo vật mới ấy trong thân xác vinh hiển của Người, trong đó Người triệu tập và nối kết mọi anh em nhờ sức mạnh của Thần Khí Người (7a).

Ý tưởng ấy được khai triển trong hai chủ đề:

a) Chủ đề "thân xác": (7b-c): nhấn mạnh tới hai đặc điểm:

- Một cộng đoàn sinh hoạt thiêng liêng được bí tích nuôi dưỡng (7b).

- Sự khác biệt giữa các chi thể nhưng cùng "hiệp sức" trong sinh hoạt nhờ cùng một Thánh Thần kích động, vì lợi ích toàn thể (7c).

b) Chủ đề "Đầu" (7d-g). Điều khẳng định chính yếu là sự trở vượt của Chúa Kitô, Đấng tạo thành và cứu chuộc, theo như đoạn đầu của các thư gửi tín hữu Ephêsô và Colosê, sự trở vượt được Người trang bị cho toàn thân (7d).

Chúa Kitô là Nguyên Lý, là Thủ Lãnh Giáo Hội được trình bày dưới ba khía cạnh:

- sự hòa hợp các chi thể với Đầu nhờ tham dự cuộc tử nạn và phục sinh của Người (7c).

- sự tăng triển của toàn thân hướng về Chúa Kitô là Đầu: như vậy Chúa Kitô là Nguyên Lý hợp nhất và tăng triển có cơ cấu và có hòa hợp (7f).

- sự tăng triển này là công trình của Thánh Thần Chúa Kitô, luôn làm sống động, nối kết và hướng dẫn Giáo Hội (7g).

Vài hàng kết luận nói lên chủ đề Giáo Hội là một Hiền thể (7h).

^{8*} Số 8: Bản tính nhân thân của Giáo Hội.

Trong Giáo Hội, phải phân biệt - nhưng không được phân tán - hai khía cạnh, có thể so sánh với hai bản tính của Ngôi Lời nhập thể: một khía cạnh nhân loại và một khía cạnh thần linh. Giáo Hội như một mẫu nhiệm thực sự xuất hiện trên trái đất dưới hình thức cụ thể và hiển nhiên, và Giáo Hội vẫn hiện diện, nếu không chúng ta không thể nói tới mẫu nhiệm (Giáo Hội là bí tích cứu rỗi, là dấu hiệu hữu hình của ơn cứu rỗi vô hình và là dụng cụ của quyền năng Thiên Chúa, xem

số 1). Mẫu nhiệm là chương trình cứu rỗi được Chúa mặc khải ở trần gian này dưới những tấm màn trong suốt (8a).

Vậy Giáo Hội được Thiên Chúa triệu tập và qui tụ, phù hợp với Chúa Kitô, là thân thể của Chúa Kitô và được Chúa Thánh Thần làm cho hoạt động. Tuy nhiên Giáo Hội vẫn là nơi qui tụ mọi người với tất cả những yếu tố mà nơi qui tụ đó bao gồm, không những về tổ chức, cơ cấu, thể lực xã hội, mà cả những yếu đuối và tội lỗi. Thực tế phức tạp của Giáo Hội là như thế, nhưng cũng đừng nên tách biệt hay đối kháng mà phải nhìn với con mắt đức tin như một công trình của lòng nhân hậu Chúa muốn xử dụng mọi yếu tố nhân loại, không khinh chê sự yếu hèn của nó. Sự thống nhất có tính cách nền tảng của Giáo Hội sống động được xác quyết qua ba cách thức khác nhau: không thể có sự đoạn giao giữa từng hai ý niệm đi với nhau:

"Xã hội phẩm trật - Nhiệm thể Chúa Kitô";

"Công hội hữu hình - Cộng đoàn thiêng liêng";

"Giáo Hội trần gian - Giáo Hội tô điểm bằng hồng ân thiên quốc".

Chúng ta đứng trước một thực tại phức tạp không chia cắt, nhưng lại bao gồm một yếu tố nhân loại và một yếu tố thần linh. Trong thực tại phức tạp này, Giáo Hội là dấu hiện có Chúa Thánh Thần hiện diện và chính Ngài sẽ hoàn tất trong Giáo Hội và nhờ Giáo Hội ơn cứu độ của những người được tuyển chọn.

Sự kiện vừa là dấu hiệu vừa là lý do sinh ra ơn thánh cấu tạo nên chính yếu tính của bí tích hay mẫu nhiệm: dấu hiệu hữu hình của thân lực vô hình (8b).

Giáo Hội thánh thiện thật, nhưng một trật cũng luôn đòi được thanh tẩy; tội lỗi tồn tại trong Giáo Hội, nhưng Giáo Hội lại được Chúa Thánh Thần thánh hóa sâu xa. Do hai đặc tính này mà công cuộc cứu độ luôn được thực hiện dưới dấu chỉ khó nghèo và bách hại: đó chính là con đường mà Giáo Hội phải dẫn thân để theo gương Chúa Giêsu; đường riêng của Chúa luôn là đường Thánh Giá. Giáo Hội là Giáo Hội của tội nhân nên luôn luôn cần được thanh tẩy. Nhưng nếu từ đó mà vội kết luận rằng Giáo Hội như thế không còn thánh thiện là kết luận sai, bởi vì như vậy là chỉ nhìn toàn bộ con số những chi thể chứ không nhìn đến một cái gì khác trong Giáo Hội. Giáo Hội là một xã hội do Chúa Kitô thiết lập và được Chúa Thánh Thần làm cho sống động chỉ với mục đích tranh đấu và chiến thắng tội lỗi. Đó chính là lý do và là cách thức thánh thiện tinh tuyền của Giáo Hội: Chắc hẳn không phải nơi chi thể hay thủ lãnh, nhưng là trong chính yếu tính. Giáo Hội là Hiền thể không tì ố, không bụi nhơ, nhưng chỉ hiện hữu nơi trần gian này trong tình trạng chuẩn bị (8c).

Giáo Hội sẽ toàn thắng trên chặng đường nguy khó này, nhưng chỉ có thể nhờ sự bác ái và nhẫn nại của Thánh Thần mới có thể lướt thắng được những trở ngại dòn dập. Những yếu đuối, những khó khăn, những thiếu sót của Giáo Hội, của một xã hội trần gian, không phải là những ảo tưởng, nhưng chúng có thực. Cuộc

thiện, một cộng đoàn đức tin, cậy và mến, như một toàn bộ cấu trúc hữu hình trên trần gian mà Người không ngừng bảo vệ⁹. Qua Giáo Hội, Người đổ tràn chân lý và ân sủng cho mọi người. Giáo Hội là xã hội có tổ chức qui củ, và Nhiệm Thể Chúa Kitô, đoàn thể hữu hình và cộng đoàn thiêng liêng, Giáo Hội tại thế và Giáo Hội dư tràn của cải trên trời không được quan niệm như hai thực thể nhưng chỉ là một thực thể phức tạp, duy nhất, do yếu tố nhân loại và thần linh kết thành¹⁰. Vì thế, nhờ loại suy xác thực, chúng ta có thể ví Giáo Hội với mẫu nhiệm Ngôi Lời nhập thể. Thực vậy, nhân tính mà Ngôi Lời mặc lấy phục vụ Người như cơ quan cứu rỗi sống động và kết hợp với Người cách bất khả phân ly; cũng thế, toàn thể cơ cấu xã hội của Giáo Hội phục vụ Thánh Thần Chúa Kitô, Đấng làm cho Giáo Hội sống động để tăng triển thân thể (x. Eph 4,16)¹¹.

Đó là Giáo Hội duy nhất của Chúa Kitô mà trong Kinh Tin Kính chúng ta tuyên xưng là duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền¹². Sau khi phục sinh, Đấng cứu chuộc chúng ta đã trao phó cho Phêrô chăn dắt Giáo Hội đó (Gio 21,17); Người phó thác cho Phêrô cũng như cho các Tông Đồ khác truyền bá, cai quản (x. Mt 28,18tt), và thiết lập Giáo Hội nên "rường cột và nền tảng chân lý" đến muôn đời (x. 1Tm 3,15). Như một xã hội được thiết lập qui củ trên trần gian, Giáo Hội ấy tồn tại

chiến thắng của Giáo Hội Chúa trên tất cả những nghịch cảnh này cũng không phải là giả tưởng, nhưng là cuộc chiến thắng thực sự cho người có lòng tin. Như vậy, Giáo Hội thực sự mặc khải mẫu nhiệm Chúa Kitô dù vẫn còn mây đen mờ tối cho tới khi có ánh sáng huy hoàng chiếu soi (8d).

⁹ *Leô XIII, Tđ. Sapientiae christianae. 10-1-1890: AAS 22 (1889-90), trg 392. n.t., Tđ. Satis cognitum 29-6-1896: AAS 28 (1895-96), trg 710 và 724 tt. Piô XII, Tđ. Mystici Corporis, n.v.t., trg 199-200.*

¹⁰ *Xem Piô XII Tđ. Mystici Corporis, n.v.t., trg 221 tt. n.t., Tđ. Humani generis, 12-8-1950: AAS 42 (1950), trg 571.*

¹¹ *Leô XIII, Tđ. Satis Cognitum, n.v.t., trg 713.*

¹² *Xem Symbolum Apostolicum: Dz. 6-9 (10-13). Symb. Ni.-Const. : Dz. 86 (150). So sánh với Prof. fidei Trid. : Dz. 994 và 999 (1862 và 1868).*

trong Giáo Hội Công Giáo, do Đấng kế vị Phêrô và các giám mục hiệp thông với Ngài điều khiển¹³, và mặc dù bên ngoài cơ cấu của Giáo Hội còn có nhiều yếu tố thánh hóa và chân lý, nhưng những yếu tố ấy là những ơn riêng của Giáo Hội Chúa Kitô, thúc bách đến sự hiệp nhất công giáo.

Như Chúa Kitô đã hoàn tất công trình cứu chuộc trong khó nghèo và bách hại, Giáo Hội cũng được mời gọi đi cùng đường lối ấy hầu thông ban ơn cứu rỗi cho loài người. Chúa Giêsu Kitô "vốn có hình thể Thiên Chúa... tự hủy mình, tự nhận thân phận tôi tớ" (Ph 2,6-7), và "vốn giàu có, Người đã hóa ra nghèo hèn" vì chúng ta (2Cor 8,9): cũng thế, tuy cần đến những phương tiện nhân loại để chu toàn sứ mệnh mình, Giáo Hội được thiết lập không phải để tìm kiếm vinh quang trần thế, nhưng để truyền bá khiêm nhường và từ bỏ, bằng gương lành của chính mình. Chúa Kitô được Chúa Cha phái đến "rao truyền Phúc Âm cho kẻ bần cùng... cứu chữa các tâm hồn đau khổ" (Lc 4,18), "tìm kiếm và cứu vớt những gì đã hư mất" (Lc 19,10). Cũng thế, Giáo Hội triu mến và áp ủ tất cả những ai đau khổ vì sự yếu hèn của con người, nhất là nhận biết nơi những kẻ nghèo khó và đau khổ hình ảnh Đấng Sáng Lập khó nghèo và khổ đau, ra sức giảm bớt nỗi cơ cực của họ và nhằm phụng sự Chúa Kitô trong họ. Nhưng Chúa Kitô "thánh thiện, vô tội, tinh tuyền" (Dth 7,26), không hề phạm tội (x. 2Cor 5,21), chỉ đến để đền tội lỗi dân chúng (x. Dth 2,17), còn Giáo Hội, vì ôm ấp những kẻ có tội trong lòng, nên vừa thánh thiện vừa phải luôn thanh tẩy mình. Do đó, Giáo Hội luôn thực hiện việc sám hối và canh tân.

¹³ Đọc "Giáo Hội Rôma thánh thiện (công giáo và tông truyền)": trong *Prof. fidei Trid., n.v.t.*, và *CĐ Vat I, Hiến chế tín lý về đức tin công giáo, Dei Filius : Dz. 1782 (3001)*.

"Lữ hành giữa cơn bách hại của thế gian và trong niềm an ủi của Thiên Chúa" ¹⁴, Giáo Hội rao truyền cái chết và thánh giá Chúa, cho đến khi Người trở lại (x. 1Cor 11,26). Giáo Hội vững mạnh nhờ thần lực của Chúa phục sinh, để toàn thắng các khó khăn và sầu muộn từ bên trong cũng như bên ngoài bằng yêu thương và kiên trì, và trung thành mạc khải cho thế gian mầu nhiệm của Chúa còn giấu trong bóng tối, cho đến khi được phô bày dưới ánh sáng vẹn toàn trong ngày sau hết.

Chương II

Dân Thiên Chúa ^{9*}

¹⁴ T. Augustinô, *De Civ. Dei*, XVIII, 51, 2 : PL 41, 614.

^{9*} *Chương nhất của Hiến Chế tín lý về Giáo Hội bàn về mầu nhiệm Giáo Hội đặc biệt trong chiều hướng ngoài thời gian. Chương hai trình bày hình ảnh mầu nhiệm Giáo Hội cụ thể của Chúa Giêsu Kitô trong chiều hướng lịch sử: sự xuất hiện, bản tính là Dân Thiên Chúa đang trong cuộc hành trình, sự bành trướng của Giáo Hội trong không gian và thời gian. Lịch sử tính phổ quát của mầu nhiệm Giáo Hội - như số 8 đã khai mào - có thể diễn tả một cách tổng hợp như sau: Giáo Hội là Dân Thiên Chúa trên đường lữ hành qua lịch sử thánh, bắt đầu từ lúc Israel được Chúa gọi đi tới Giáo Hội với những chiều hướng phổ quát của cuộc hoàn tất trong sự hiệp thông với Chúa Ba Ngôi. Công Đồng đã lưu tâm xây dựng khoa Giáo Hội học dựa trên lịch sử cứu rỗi, như thế là trở về với dự kiến nền tảng của khoa Giáo Hội học thời Giáo Hội sơ khai mà khoa thần học thời Trung Cổ (ít quan tâm đến lịch sử), thời chống phá Cải Cách (nhấn mạnh đặc biệt tới khía cạnh phẩm trật), thuộc thế kỷ thứ XIX và đầu thế kỷ XX (khám phá ra đặc tính huyền thiêng của Giáo Hội và khai triển ý niệm tĩnh về Nhiệm Thể) đã bỏ qua. Dự kiến nền tảng ấy như sau: chỉ mình Giáo Hội Chúa Kitô là sự hoàn tất hợp pháp của dân tộc mang lời hứa Cựu Ước; công đoàn con người là Giáo Hội (với những nhiệm vụ, vai trò và trách nhiệm khác nhau) mặc hình thức một dân tộc được triệu tập và liên kết bởi một Tân Ước tiếp nối cho Cựu Ước. Triệu tập là tiếp tục lời mời đối với Israel trước đây, nhưng không còn dành riêng cho một chủng tộc nào*

2. Giao Ước mới và Dân Tộc mới. Chắc chắn trong mọi thời đại và mọi dân tộc, bất cứ người nào kính sợ Thiên Chúa và thực hành đức công chính đều được Ngài đoái thương (x. CvTđ 10,35). Tuy nhiên, Thiên Chúa không muốn thánh hóa và cứu rỗi loài người cách riêng rẽ, thiếu liên kết, nhưng Ngài muốn qui tụ họ thành một dân tộc để họ nhận biết chính Ngài trong chân lý, và phụng sự Ngài trong thánh thiện. Vì thế, Ngài đã chọn dân Israel là dân Ngài, đã thiết lập với họ một giao ước,

nữa: từ nay trong Tân Ước, lời mời gọi của Thiên Chúa qua Máu Chúa Kitô sẽ đến với mọi người. Như thế Giáo Hội được coi như Dân Thiên Chúa đang tiến tới viên mãn dưới Thần Khí Chúa Kitô. Dự kiến ấy là nền tảng cho tất cả những khai triển của Hiến Chế. Để có thể cân nhắc chính xác vai trò của các hạng người trong Giáo Hội (phổ quát tính của Dân Chúa), cần phải định vị các nhóm này (giáo phẩm, giáo dân, tu sĩ) trong toàn thể Dân Chúa: "Dân Chúa nơi đây phải hiểu là cả mục tử lẫn con chiên... Phải nhìn Dân Chúa trong toàn diện; có vậy mới thấy rõ trách vụ của mục tử là cung ứng cho con chiên những phương thế cứu rỗi, và ơn gọi của con chiên là phải cộng tác với mục tử để truyền bá Phúc Âm và mở mang Giáo Hội" (Rel. Gen.). Trước khi đề cập chi tiết đến những hạng người khác nhau, cần phải mô tả cộng đoàn và cho biết yếu tố chung của mỗi người, tức là: phải thuộc về Dân Thiên Chúa như là nơi tập hợp các tín hữu.

Ý niệm về Dân Thiên Chúa giữ một vị trí then chốt trong toàn thể Hiến Chế và nói lên hai điểm:

a) Sự liên tục lịch sử của kế hoạch cứu rỗi của Thiên Chúa thực hiện trong mầu nhiệm Giáo Hội, như là dân mới của Tân Ước với đặc tính đón nhận mọi người;

b) Cộng đoàn sống trong đức tin của tất cả những nhóm và những hạng người tạo thành Dân Thiên Chúa.

Chương này có kết cấu đơn giản. Sau phần nhập đề về Dân Thiên Chúa cách tổng quát (số 9), phần nhất mô tả địa vị chung và đồng nhất cho mọi Kitô hữu được Chúa chọn để tham dự vào Dân Ngài: Dân Thiên Chúa là dân tư tế (các số 10-12). Phần hai bàn về ơn gọi phổ quát - công giáo tính - của Dân Chúa, ý định được cụ thể hóa trong lịch sử Dân Ngài. Công Đồng cố gắng bày tỏ sao cho những hạng người khác nhau nói lên mối tương quan với Dân Thiên Chúa, là sự phổ diễn lịch sử của mầu nhiệm cứu độ phổ quát (các số 13-16). Phần kết luận của chương này nói về Chúa Thánh Thần là Đấng xướng xuất ra phổ quát tính ấy mà những sứ mệnh của Ngài là biểu tượng sống động.

giáo huấn họ dần dần bằng cách tỏ chính mình và ý định mình qua lịch sử dân ấy, và Ngài đã thánh hóa họ để dành riêng cho mình. Tuy nhiên, tất cả những điều ấy chỉ là chuẩn bị và hình bóng của giao ước mới và hoàn hảo, sẽ được ký kết trong Chúa Kitô, và là chuẩn bị cho mạc khải trọn vẹn hơn do chính Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể mang đến. Thiên Chúa phán: "Này đây sẽ tới ngày Ta ký giao ước mới với nhà Israel và nhà Giuđa... Ta sẽ ban luật Ta trong lòng chúng, và khắc ghi luật ấy vào trái tim chúng, và Ta sẽ là Thiên Chúa của chúng, và chúng sẽ trở thành dân Ta... Tất cả mọi người từ nhỏ chí lớn đều sẽ nhận biết Ta. Đó là Lời Chúa phán" (Gier 31,31-34). Chúa Kitô đã thiết lập minh ước mới ấy, đó là giao ước mới trong máu Người (x. 1Cor 11,25), Người triệu tập dân chúng từ dân Israel và từ các dân ngoại, họp thành một khối duy nhất trong Thánh Thần chứ không theo xác thịt, để làm họ nên dân tộc mới của Thiên Chúa. Thực vậy, những ai tin kính Chúa Kitô đều được tái sinh không phải bởi mầm mống hay hư nát, nhưng do mầm mống bất diệt nhờ lời Thiên Chúa hằng sống (x. 1P 1,23), không phải bởi xác thịt nhưng bởi nước và Thánh Thần (x. Gio 3,5-6), và cuối cùng trở thành một "dòng giống được tuyển chọn, thành hàng tư tế vương giả, dân tộc thánh, dân tộc đã được Thiên Chúa thu phục, trước kia không phải là một dân, mà nay là dân của Thiên Chúa" (1P 2,9-10).

Dân thiên sai này có vị thủ lãnh là Chúa Kitô, "Đấng đã bị nộp vì tội lỗi ta và phục sinh cho ta nên công chính" (Rm 4,25), và bây giờ Người được một danh hiệu vượt trên mọi danh hiệu, và đang hiển trị trên trời. Địa vị dân này là được vinh dự và tự do làm Con Thiên Chúa, và Thánh Thần ngự trong tâm hồn họ như trong đền thờ. Luật của họ là giới răn mới: phải thương yêu nhau như chính Chúa Kitô đã yêu thương chúng ta (x. Gio 13,34). Sau cùng, cứu cánh của họ, tức là phát triển thêm Nước Thiên Chúa, đã được Ngài khai nguyên trên trần gian, cho tới khi được Ngài hoàn tất trong ngày tận thế, ngày mà Chúa Kitô,

sự sống của chúng ta, hiện đến (x. Col 3,4), ngày mà "chính tạo vật cũng được giải phóng khỏi ách nô lệ hư nát, lại được tự do trong vinh quang con cái Thiên Chúa" (Rm 8,21). Vì thế, dân tộc thiên sai ấy, tuy hiện nay chưa bao gồm toàn thể nhân loại và đôi khi tỏ ra như một đàn chiên nhỏ, nhưng lại là một mầm mống vững chắc nhất của hiệp nhất, hy vọng và cứu rỗi cho toàn thể nhân loại. Dân tộc thiên sai ấy được Chúa Kitô thiết lập để thông dự vào sự sống, bác ái và chân lý, được Người sử dụng như khí cụ cứu rỗi cho mọi người, và được sai đi khắp thế giới như ánh sáng trần gian và muối đất (x. Mt 5,13-16).

Cũng như dân Israel theo xác thịt, khi đang lữ hành trong sa mạc, đã được gọi là Giáo Hội của Thiên Chúa (x. 2Esd 13,1; Ds 20,4; Dnl 23,1tt), dân Israel mới tiến bước trong thời đại này đang tìm về thành thánh tương lai bất diệt (x. Dth 13,14) cũng được gọi là Giáo Hội Chúa Kitô (x. Mt 16,18). Thực vậy, chính Người đã lấy máu mình mà chuộc lấy Giáo Hội đó (x. CvTđ 20,28), Người đổ tràn Thánh Thần và ban các phương thế thích hợp để kết hiệp thành một xã hội hữu hình. Thiên Chúa triệu tập tất cả những người tin kính và mong đợi Chúa Kitô, Đấng ban ơn cứu độ và hiệp nhất, nguyên lý của sự hòa bình; Ngài thiết lập họ thành Giáo Hội để Giáo Hội trở nên bí tích hữu hình của sự hiệp nhất cứu độ ấy cho toàn thể và cho mỗi người ¹. Với bốn phận phải lan rộng khắp thế giới, Giáo Hội đi sâu vào lịch sử nhân loại. Tuy nhiên Giáo Hội đồng thời cũng vượt thời gian và biên giới các dân tộc. Tiến bước giữa cơn cám dỗ và đau thương, Giáo Hội vững mạnh nhờ ơn Thiên Chúa mà Chúa Giêsu đã hứa ban, hầu Giáo Hội vẫn hoàn toàn trung tín, sống như một Hiền Thê xứng đáng của Chúa mình, dầu xác thịt yếu hèn, và không ngừng tự đổi mới dưới tác động

¹ Xem T. Cyprianô, Epist. 69, 6 : PL 3, 1142 B ; Hartel 3 B, trg 754: "bí tích hiệp nhất bất khả phân ly".

của Chúa Thánh Thần cho đến ngày, nhờ thánh giá, đạt đến ánh sáng không hề tắt.^{10*}

10. Chức tư tế cộng đồng. ^{11*} Chúa Kitô, Linh Mục Thượng Phẩm được chọn nơi loài người (x. Dth 5,1-5), để biến dân tộc mới thành một "vương quốc, thành những tư tế cho Thiên Chúa, Cha Người" (Kh 1,6; x. 5,9-10). Thực vậy, những người đã lãnh phép Thánh Tẩy, nhờ được tái sinh và xúc dầu của Thánh Thần, được cung hiến để trở thành chỗ ở thiêng liêng và nhận chức tư tế thánh, hầu qua mọi hoạt động của con người Kitô hữu, dâng của lễ thiêng liêng và rao truyền những kỳ công của Đấng đã gọi họ từ bóng tối đến ánh sáng kỳ diệu của Ngài (x. 1P 2,4-10). Vì thế, tất cả các môn đệ của Chúa Kitô, trong khi kiên tâm cầu nguyện và cùng nhau ca tụng Thiên Chúa (x.

^{10*} *Số 9: Giao ước mới và dân tộc mới. Thần học về Dân Thiên Chúa được trình bày qua ba giai đoạn:*

a) *Ý định hữu hiệu của Thiên Chúa muốn cứu vớt nhân loại qua việc Chúa làm cho nhân loại trở thành một dân tộc mà Israel cũ là hình bóng chuẩn bị trước. Dân tộc mới của Chúa kế nghiệp dân tộc cũ và cũng dành cho mình những tước hiệu của dân tộc cũ (số 9a).*

b) *Những chiều hướng của dân tộc mới: có thủ lãnh là Chúa Kitô, có qui chế là chức vị và sự tự do của các con cái Chúa, có luật pháp là giới răn mới, có không gian là phổ quát tính, có cùng đích là Nước Trời. Nó vượt quá biên cương một quốc gia để tiến tới mọi quốc gia (số 9b).*

c) *Dân tộc mới này là Giáo Hội Chúa Kitô. Vì chính trong dân ấy mà ý định cứu rỗi đạt được mục đích là qui tụ các con cái tản mát của Thiên Chúa về hiệp nhất. Nhờ các con cái ấy mà Dân Thiên Chúa tạo thành Giáo Hội để Giáo Hội trở nên bí tích hữu hình của một ơn cứu rỗi. Giáo Hội là Dân Thiên Chúa luôn tiến tới viên mãn là Nước Trời. Bền rễ trong lịch sử, thiết lập trên trái đất và giữa trần gian, Giáo Hội đang trên đường đi về Giêrusalem thiên quốc (số 9c; x. số 5 và chương VIII).*

^{11*} *Các số 11-12: Dân tư tế.*

Dân tộc này là một dân "tư tế". Công Đồng giải thích vấn đề bản tính của chức tư tế (số 10) và việc thi hành chức vụ ấy (các số 11-12).

CvTđ 2,42-47), họ phải dâng mình làm của lễ sống động, thánh thiện, đẹp lòng Thiên Chúa (x. Rm 12,1), phải làm chứng về Chúa Kitô trên khắp mặt đất và trình bày niềm hy vọng về cuộc sống vĩnh cửu mà họ ôm ấp cho những ai đang khao khát. (x. 1P 3,15).

Chức tư tế cộng đồng của các tín hữu và chức tư tế thừa tác hay phẩm trật, tuy khác nhau không chỉ về cấp bậc mà còn về bản chất, song cả hai bổ túc cho nhau. Thực vậy, cả hai đều tham dự vào chức linh mục duy nhất của Chúa Kitô theo cách thức riêng của mình ². Tư tế thừa tác, nhờ có quyền do chức thánh, đào tạo và cai quản dân tộc tư tế, đóng vai trò Chúa Kitô cử hành hy tế tạ ơn và dâng của lễ ấy lên Thiên Chúa nhân danh toàn thể dân chúng. Phần tín hữu, nhờ chức tư tế vương giả, cộng tác dâng thánh lễ ³, và thi hành chức vụ đó trong việc lãnh nhận các bí tích, khi cầu nguyện và tạ ơn, bằng đời sống chứng tá thánh thiện, bằng sự từ bỏ và bác ái tích cực. ^{12*}

² Xem Piô XII, *Huấn từ Magnificate Dominum*, 2-11-1954 : AAS 46 (1954), trg 669. Tđ. *Mediator Dei*, 20-11-1947 : AAS 39 (1947), trg 555.

³ Xem Piô XI, Tđ. *Miserentissimus Redemptor*, 8-5-1928 : AAS 20 (1928), trg 171t. Piô XII, *Huấn từ "Vous nous avez"*, 22-9-1956 : AAS 48 (1956), trg 714.

^{12*} Số 10: Bản tính của chức tư tế cộng đồng.

Công Đồng đi theo đường lối truyền thống khi quả quyết là người đã chịu phép Thánh Tẩy đều được thánh hiến để lãnh nhận chức tư tế thánh. Quả thực, Dân Thiên Chúa tham dự vào chức vụ tư tế của Chúa Kitô vì là dân tộc được thừa hưởng những đặc ân của dân tư tế mà Thiên Chúa đã tuyển chọn và dành riêng cho Ngài trên núi Sinai. Chúa Kitô đã được thánh hiến để trở thành vị Tư Tế (tức là vị Trung Gian của Tân Ước), nhờ Ngôi Hiệp. Chức vụ tư tế ấy được Dân Thiên Chúa tham dự, trở thành chung cho mọi tín hữu nhờ phép Thánh Tẩy. Công Đồng gọi là "chức tư tế cộng đồng". Chúa Kitô biến dân trở thành một cộng đoàn được thánh hiến. Người theo đuổi sứ mệnh của Người trong mỗi tín hữu, mỗi phần tử của Dân Thiên Chúa. Ai chịu phép Thánh Tẩy để vào Giáo Hội, thì cũng đều nhận được sự thánh hiến tư tế này, nghĩa là, Chúa Kitô cho người đó tham dự vào chức tư tế, và sứ mệnh tiên tri và vào chức vụ vương giả của Người (số 10a).

Nhưng phải phân biệt chức tư tế cộng đồng này với chức tư tế thừa tác được trao phó cho một số người đã chịu phép Thánh Tẩy. Chức tư tế thừa tác bao gồm

11. Hành sử chức tư tế cộng đồng trong các bí tích. ^{13*} Đặc tính thánh thiện và có tổ chức của cộng đoàn tư tế được thể hiện trong hành động nhờ các bí tích và các nhân đức. Các tín hữu tháp nhập vào Giáo Hội bởi phép Thánh Tẩy, và nhờ ấn tích, họ được đề cử thi hành việc phụng thờ Kitô giáo và, được tái sinh làm con Thiên Chúa, họ có bổn phận tuyên xưng trước mặt mọi người đức tin mà họ nhận lãnh từ Thiên Chúa qua Giáo Hội ⁴. Nhờ ơn bí tích Thêm Sức, họ gắn bó với Giáo Hội cách hoàn hảo hơn và được dư đầy sức mạnh đặc biệt của Chúa Thánh Thần, do đó họ càng có bổn phận khẩn thiết hơn phải loan truyền và bảo vệ đức tin bằng lời nói và việc làm như những chứng nhân đích thực của Chúa Kitô ⁵. Khi tham dự thánh lễ, nguồn mạch và chóp đỉnh của đời sống Kitô giáo, họ dâng lên Thiên Chúa Lễ Vật thần linh và cùng với Lễ Vật ấy họ tự dâng chính mình họ ⁶. Khi dâng lễ cũng như khi hiệp lễ, không phải cách lộn xộn, nhưng mỗi người một cách góp phần vào việc cử hành phụng vụ. Hơn nữa, được bổ dưỡng bởi Mình Thánh Chúa Kitô trong thánh lễ, họ biểu lộ cách cụ thể sự hiệp nhất của Dân Thiên Chúa, sự hiệp nhất ấy được diễn tả đầy đủ và thực hiện cách kỳ diệu trong bí tích cực trọng này.

Những ai đến nhận lãnh bí tích Cáo Giải đều được Thiên Chúa nhân từ tha thứ những xúc phạm đến Ngài. Đồng thời họ được giao hòa cùng Giáo Hội mà tội lỗi họ đã làm tổn thương. Nhưng

quyền hành trên Dân Thiên Chúa. Cả hai chức tư tế đều tham dự vào chức tư tế duy nhất của Chúa Kitô, và có liên quan với nhau: chức tư tế cộng đồng hoàn tất nhờ chức tư tế thừa tác và chức tư tế thừa tác dựa trên chức tư tế cộng đồng (số 10b).

^{13*} Các số 11-12: *Việc thi hành chức tư tế cộng đồng. Việc thi hành bao gồm hai nhiệm vụ riêng cho Dân Chúa: tham dự vào các bí tích và chứng tá cho đức tin.*

⁴ Xem T. Tôma, *Summa Theol.* III, q.63, a.2.

⁵ Xem T. Cyrillô Hieros., *Catech.* 17, về Chúa Thánh Thần, II, 35-37 : PG 33, 1009-1012. Nic. Cabasilas, *De vita in Christo*, C. III, về lợi ích của dầu thánh: PG 150, 569-580. T. Tôma, *Summa Theol.* III, q. 95, a.3 và q. 72, a.1 và 5.

⁶ Xem Piô XII, *Tđ. Mediator Dei*, 20-11-1947:AAS 39 (1947), nhất là trg 552 t.

Giáo Hội hằng nỗ lực lấy đức ái, gương lành và kinh nguyện, để hoán cải họ. Bằng phép Xức Dầu Thánh và lời cầu nguyện của các linh mục, toàn thể Giáo Hội phó thác các bệnh nhân cho Chúa Kitô đau khổ và hiển vinh để Người an ủi và cứu rỗi họ (x. Giac 5,14-16); hơn nữa, Giáo Hội còn thúc giục họ sẵn sàng kết hợp với Chúa Kitô chịu đau khổ và chịu chết (x. Rm 8,17; Col 1,24; 2Tm 2,11-12; 1P 4,13) để mưu ích cho Dân Thiên Chúa. Còn những người trong các tín hữu có hân hạnh lãnh nhận chức Thánh, được đặt lên nhân danh Chúa Kitô để chữa dứt Giáo Hội bằng ân sủng và Lời Thiên Chúa. Sau cùng, nhờ sức thiêng của bí tích Hôn Phối, các đôi vợ chồng Kitô giáo biểu hiện và tham dự mầu nhiệm hiệp nhất và tình yêu phong phú giữa Chúa Kitô và Giáo Hội (x. Eph 5,32); họ giúp nhau nên thánh trong đời sống hôn nhân, trong việc đón nhận và giáo dục con cái; cũng vì đó, họ được những ơn riêng cho đáng bậc mình trong Dân Chúa ⁷. Từ sự kết hợp ấy phát sinh ra gia đình, nơi các công dân mới của xã hội loài người được sinh ra, và nhờ ân sủng của Chúa Thánh Thần trong bí tích Thánh Tẩy, họ trở nên con cái Thiên Chúa, hầu Dân Chúa tồn tại mãi trong dòng lịch sử. Trong gia đình như một Giáo Hội nhỏ, ước gì cha mẹ là những người đầu tiên dùng gương lành và lời nói mà truyền dạy đức tin cho con cái, cũng như phải lo chăm sóc đến ơn gọi riêng của từng đứa con, và phải đặc biệt chăm sóc đến ơn kêu gọi làm linh mục.

Được ban cho những phương tiện cứu rỗi dồi dào như thế, mọi Kitô hữu, dù ở địa vị nào, bậc sống nào, đều được Chúa kêu

⁷ 1Cor 7,7: "Mỗi người Chúa ban cho ơn riêng (*idion charisma*), người được ơn này, người được ơn kia". Xem T. Augustinô, *De Dono Persev.* 14, 37 : PL 45, 1015t: "Không những tiết dục, nhưng cả khiết tịnh của đôi bạn cũng là ơn Chúa ban".

gọi đạt tới sự trọn lành thánh thiện như Chúa Cha trọn lành, tùy theo con đường của mỗi người. ^{14*}

12. Cảm thức của đức tin và đoàn sủng trong Dân Thiên Chúa. Dân Thánh Thiên Chúa cũng tham dự vào chức vụ tiên tri của Chúa Kitô bằng cách phổ biến chứng tá sống động về Người, nhất là qua đời sống đức tin và đức ái; và dâng lên Thiên Chúa của lễ ca tụng, hoa trái của những miệng lưỡi ngợi khen thánh Danh Người (x. Dth 13,15). Toàn thể tín hữu, được Chúa Thánh Thần xúc dầu (x. 1Gio 2,20 và 27), không thể sai lầm trong đức tin. Họ biểu lộ đặc tính ấy nhờ cảm thức siêu nhiên về đức tin của toàn thể dân Chúa, khi "từ các giám mục cho đến người giáo dân rốt hết"⁸ đều đồng ý về những điều liên quan đến đức tin và phong hóa. Thực vậy, nhờ cảm thức về đức tin được Thánh Thần chân lý khơi dậy và duy trì, dưới sự hướng dẫn và giáo huấn thần linh của Giáo Hội mà họ trung thành tuân theo, Dân Thiên Chúa nhận lãnh không phải lời nói của loài người nữa, mà thực sự là lời của Thiên Chúa (x. 1Th 2,13; họ gắn bó hoàn toàn "với đức tin chỉ một lần được ban bố cho các thánh" (Gđã 3), họ tiến sâu hơn trong đức tin nhờ phán đoán đứng đắn, và sống đức tin cách hoàn hảo hơn.

^{14*} Số 11: Tham dự vào các bí tích.

Chức vụ tế cộng đồng biểu thị tính chất một cộng đoàn có tổ chức hệ thống nên phải được thi hành bằng những phương tiện có hệ thống và hữu hình. Bí tích chiếm hàng đầu, nhưng cũng đừng bỏ qua những nhân đức Kitô giáo do các bí tích truyền thông và thăng tiến nhờ chính những hoạt động của chúng. Đoạn này nhắc cho chúng ta ý niệm thần học cổ điển đã nói trong Thông điệp "Mediator Dei": việc tham dự vào các bí tích (không phải chỉ tiếp nhận thụ động, nhưng phải tiếp nhận trong sự thấu suốt bằng đức tin) là sự thi hành chức vụ tế ấy. Thực ra, Công Đồng nhấn mạnh tới hiệu quả mà bí tích mang lại cho đời sống Kitô hữu hơn là tới chính việc tham dự vào quyền tư tế của Chúa Kitô. Thần học sẽ còn phải đào sâu về quyền tư tế, một thứ quyền chủ động, trên bình diện toàn thể Dân Chúa.

⁸ Xem T. Augustinô, *De Praed. Sanct.* 14,27 : PL 44, 980.

Hơn nữa, cũng chính Thánh Thần ấy, không chỉ thánh hóa và hướng dẫn Dân Thiên Chúa bằng các bí tích, các chức vụ, và trang điểm họ bằng các nhân đức, nhưng Ngài còn ban phát các ân sủng đặc biệt cho mọi cấp bậc các tín hữu "phân chia ân huệ cho mỗi người theo ý Ngài" (1Cor 12,11), khiến người lãnh nhận các ân sủng ấy có đủ khả năng và sẵn lòng đảm nhận các công việc và nhiệm vụ khác nhau mưu ích cho việc canh tân, xây dựng và phát triển Giáo Hội như lời chép rằng: "Thánh Thần hiển hiện trong mỗi người hầu mang lại lợi ích" (1Cor 12,7). Phải lãnh nhận những đoàn sủng này, từ các ơn chối lợi nhất đến các ơn thường mà nhiều người lãnh được, với lòng tri ân và yên ủi vì các ơn đó mang ích lợi và phù hợp với nhu cầu của Giáo Hội. Nhưng không nên liêu lĩnh kêu nài những ơn đặc biệt, và cũng đừng vì đó mà tự đắc mong rằng việc tông đồ sinh kết quả. Những vị thủ lãnh trong Giáo Hội có thẩm quyền phán quyết về tính cách chân chính và sự xử dụng hợp lý các ơn lạ ấy; các ngài có nhiệm vụ đặc biệt phải khảo sát tất cả, không phải để dập tắt Thánh Thần, nhưng để giữ lại những điều thiện hảo (x. 1Th 5,12 và 19-21). ^{15*}

^{15*} Số 12: chứng tá cho đức tin.

Hiển chế coi việc tuyên xưng đức tin Kitô giáo liên quan tới chức vụ tư tế cộng đồng và đặc tính vô ngộ của đức tin nơi toàn thể Dân Thiên Chúa là do Chúa Thánh Thần linh ứng. Đức tin này không chỉ là việc tuân theo các lời giáo huấn của Giáo Hội, các công thức Giáo Hội đề ra, nhưng còn diễn tả một "ý thức" sâu thẳm do Chúa Thánh Thần ghi tạc trong Dân Chúa, ý thức ấy giúp phân biệt chân lý, vững tâm chấp nhận chân lý mà không sợ sai lầm. Những chân lý ấy được Công Đồng quảng diễn theo ba cách:

a) Trước hết mỗi dây liên lạc giữa chức tư tế cộng đồng với sứ mệnh tiên tri của Chúa Kitô, sứ mệnh mà Dân Chúa tham dự và cũng nhờ đó mới có thể minh chứng đức tin.

b) Ý thức đức tin có ảnh hưởng trong cộng đoàn nhờ việc Chúa Thánh Thần xúc dầu, và như vậy chính tín hữu, được soi sáng trong tâm hồn, sẽ phân biệt giáo lý chân chính với tà thuyết.

13. Tính cách phổ quát nơi Dân duy nhất của Thiên Chúa.

^{16*} Mọi người được mời gọi gia nhập Dân Tộc mới của Thiên Chúa. Vì thế, Dân mới này, một dân duy nhất và hằng hiệp nhất, có bốn phận phải lan rộng khắp thế giới trải qua mọi thế hệ, hầu hoàn tất kế hoạch của Thánh Ý Thiên Chúa, Đấng từ nguyên thủy đã tạo dựng một bản tính nhân loại duy nhất, và quyết định sau này tập hợp tất cả con cái Ngài tản mát đó đây thành một dân tộc độc nhất (x. Gio 11,52). Chính vì mục đích ấy mà Thiên Chúa đã sai Con Ngài xuống, Đấng mà Ngài đã đặt làm thừa kế vũ trụ (x. Dth 1,2), hầu trở nên Thầy, Vua và Tư Tế cho mọi người, và nên Thủ Lãnh của dân tộc mới và phổ quát của con cái Thiên Chúa. Sau cùng, cũng vì mục đích đó mà Thiên Chúa đã sai Thánh Thần của Con Ngài, là Chúa và là Đấng ban sự sống. Đối với toàn Giáo Hội, với tất cả cũng như với mỗi tín hữu, Thánh Thần là nguyên lý qui tụ và hiệp nhất, trong giáo lý của các Tông Đồ, trong sự hiệp thông, bẻ bánh và kinh nguyện (x. CvTđ 2,42, bản Hy Lạp).

Như thế, Dân duy nhất của Thiên Chúa hiện diện nơi mọi dân nước trần gian. Tuy dân của Nước Ngài là công dân của các

c) Trong ý thức đức tin, người ta có thể nhận ra một đoàn sùng được trao ban cho toàn thể cộng đoàn, và biểu lộ bằng những ân sủng đặc biệt do Chúa Thánh Thần tự do ban phát vì lợi ích cộng đoàn. Các đoàn sùng bày tỏ quyền năng hoạt động của Chúa Thánh Thần trong Dân Chúa. Tuy nhiên, các thủ lãnh của Giáo Hội phải cho biết giá trị chính thực của những ân sủng đặc biệt này.

^{16*} Các số 13-16: Công giáo tính của một Dân Thiên Chúa.

Từ số 13, Công Đồng bắt đầu một khai triển mới, nhấn mạnh tới điều cốt yếu của hiệp nhất công giáo, nghĩa là tới sự hiệp nhất của Giáo Hội đang lan rộng khắp cả thế giới. Để quả quyết cho đặc điểm công giáo tính này, Công Đồng chủ trương đến ý định cứu rỗi của Thiên Chúa (1Tm 2,3). Có hai hiệu quả là, một đàng Giáo Hội tự mình phải lan rộng đến mọi dân tộc; đàng khác, mọi người có thiện chí, dù sống trong tình trạng nào đi nữa, thì cũng hoặc thuộc về Giáo Hội, hoặc có tương quan với Giáo Hội, hoặc hướng về Giáo Hội. Chủ đề được khai triển trong hai phần: phần nhất bàn về các nguyên tắc (số 13), và phần hai trình bày những áp dụng cụ thể.

nước, song thực ra, đặc tính của Nước ấy không thuộc về thế gian nhưng thuộc về Trời. Quả thực, mọi tín hữu rải rác trên khắp hoàn cầu đều hiệp thông trong Thánh Thần với tất cả các tín hữu khác, và vì thế "kẻ ở Rôma biết rằng người Ân Độ là chi thể mình" ⁹. Nhưng vì Nước Chúa Kitô không thuộc về thế gian này (x. Gio 18,36), nên Giáo Hội, tức Dân Thiên Chúa, hợp thành Nước ấy, không loại bỏ bất cứ một phần di sản trần thế nào của các dân tộc; trái lại, Giáo Hội chăm sóc và thu dụng tất cả những gì tốt lành nơi gia sản, nơi nguồn lực và phong hóa của các dân tộc, và khi thu dụng, Giáo Hội tinh luyện, kiện toàn và làm chúng nên cao thượng. Thực vậy, Giáo Hội nhớ rằng mình phải kết hợp với Vua ấy là Đấng đã lãnh nhận các dân nước làm gia nghiệp mình (x. Tv 2,8), và các dân nước mang đến Thành Đô Người của lễ và tặng vật (x. Tv 71 (72),10; Is 60,4-7; Kh 21,24). Đặc tính phổ quát này, tư trang của Dân Thiên Chúa, là một ân huệ do chính Thiên Chúa ban, nhờ đó Giáo Hội Công Giáo luôn nỗ lực cách hữu hiệu qui tụ toàn thể nhân loại cùng những gì tốt lành nơi họ dưới một Thủ Lãnh là Chúa Kitô, trong sự hiệp nhất với Chúa Thánh Thần ¹⁰.

Nhờ đặc tính công giáo ấy, mỗi phần tử mang những ân huệ riêng của mình đến cho các phần tử khác và cho toàn Giáo Hội, do đó toàn thể và mỗi phần tử tăng triển nhờ hiệp thông với nhau và nhờ nỗ lực tiến đến viên mãn trong sự hiệp nhất. Vì thế, Dân Thiên Chúa tạo thành không những do các dân nước qui tụ lại nhưng còn do các chức vụ khác nhau trong nội bộ nữa. Thực vậy, giữa các phần tử trong dân, có nhiều sự khác biệt: hoặc do chức vụ, như những người thi hành thừa tác vụ thánh để mưu lợi ích cho anh em mình, hoặc do hoàn cảnh và nếp sống, như những người sống trong bậc tu trì, cố gắng nên

⁹ Xem T. Gioan Kim Khẩu, *In Jo.*, bài giảng 65, 1 : PG 59, 361.

¹⁰ Xem T. Ireneô, *Adv. Haer.* III, 16, 6; 22, 1-3 : PG 7, 925C - 926A và 955C - 958A; Harvey 2, 87t. và 120-123; Sagnard, x.b. *Sources Chrét.* Trg 290-292 và 372tt.

thánh bằng con đường khắc khổ hơn và nêu gương khích lệ anh em. Cũng vì thế, ngay trong sự hiệp thông của Giáo Hội cũng có sự hiện diện hợp pháp của những Giáo Hội địa phương, thừa hưởng những truyền thống riêng, mà vẫn không phương hại đến quyền tối thượng của Tòa Thánh Phêrô, Tòa Thánh này, thủ lãnh toàn thể cộng đoàn đức ái ¹¹, bảo vệ các dị biệt hợp pháp không phương hại, trái lại còn sinh ích cho sự hiệp nhất đó. Cũng vì thế các thành phần khác nhau của Giáo Hội liên kết với nhau bằng mối dây hiệp thông mật thiết về của cải thiêng liêng, về thợ truyền giáo và về sự trợ giúp vật chất. Quả thực, mọi phần tử Dân Thiên Chúa được kêu gọi chia sẻ của cải mình và lời nói sau đây của vị Tông Đồ cũng có giá trị cho mọi Giáo Hội: "Mỗi người hãy tùy theo ơn đã nhận được mà giúp đỡ lẫn nhau, như những quản lý tài ba phân phối mọi thứ ơn của Thiên Chúa" (1P 4,10).

Vì thế mọi người đều được mời gọi vào sự hiệp nhất công giáo này của Dân Thiên Chúa, sự hiệp nhất ấy tiên báo và cổ võ nền hòa bình phổ quát. Họ thuộc về hoặc hướng về sự hiệp nhất đó dưới nhiều thể cách khác nhau, được sắp xếp hoặc họ là tín hữu công giáo hay là những người tin Chúa Kitô, hoặc sau cùng tất cả mọi người không trừ ai đều được ơn Thiên Chúa kêu mời lãnh nhận phần rỗi. ^{17*}

¹¹ Xem T. Inxaxiô Tử Đạo, *Ad Rom.*, Lời mở đầu : x.b. Funk, I, trg 252.

^{17*} Số 13: Công giáo tính cứ luật của Giáo Hội.

Số 13 đã được sửa đổi hầu hết trong lần tu chính sau cùng. Theo thuyết trình viên thì "chủ đích của bản văn này là trình bày những nguyên tắc của hiệp nhất tính và phổ quát tính của Dân Chúa, trước khi mô tả những phương thức khác nhau làm cho con người liên kết với Dân Chúa (các số 14-16). Bởi vậy, đoạn này chính là gạch nối giữa hai phần của chương hai: phần đầu nói lên những đặc tính tổng quát của Dân Chúa, phần sau bàn về các thành phần, hoặc hiện là thành phần, hoặc là thành phần trong tiềm năng" (Rel. Gen.).

Những chủ đề được quảng diễn như sau:

14. *Tín hữu công giáo*.^{18*} Vậy trước tiên, Thánh Công Đồng hướng lòng về các tín hữu công giáo. Dựa trên Thánh Kinh và

a) Đoạn đầu (13a) chỉ nhấn mạnh tới sự hiệp nhất nối kết Giáo Hội mọi lúc và mọi nơi. Thiên Chúa đã muốn qui tụ toàn thể nhân loại trong Con của Ngài nhờ hoạt động hiệp nhất của Chúa Thánh Thần, và còn muốn nối kết nhân loại trong Giáo Hội của Chúa Kitô. Sự hiệp nhất thấy được trong việc bẻ bánh và trong kinh nguyện.

b) Đoạn hai (13b) khai triển ý tưởng Dân Chúa hiện diện trong mọi quốc gia trên mặt đất mà không đồng hóa với một quốc gia nào. Dân Chúa phổ quát theo sự lan rộng về địa lý nhưng lại vượt quá biên cương mọi quốc gia do đặc tính siêu việt và do sự kiện bắt nguồn từ Thiên Chúa. Chính thế mà mọi dân mọi nước khác biệt lại trở thành anh em và sự hiệp nhất của Dân Chúa có tính cách "công giáo" thực sự. Chủ đề thu-về-một-mỗi được áp dụng triệt để.

c) Nhờ đặc tính công giáo ấy, tất cả các phần tử Dân Chúa đặt mọi của cải và ân huệ riêng biệt của mình làm của chung. Cơ cấu nội tại của sự hiệp nhất công giáo của Giáo Hội thật phức tạp. Bởi vậy mới có sự dị biệt hiệp nhất trong mọi tầng lớp của Dân Chúa và mọi phần tử phải hợp tác vào sự hiệp nhất dị biệt. Ngay trên bình diện Giáo Hội, cũng cần phải có các giáo hội địa phương khác biệt nhau nhưng bổ túc cho nhau, mà không phương hại tới sự hiệp nhất. Hủy bỏ mọi khác biệt sẽ tạo nên tình trạng nhàm chán nghèo nàn, và là lý do gây nguy hại cho chính việc hiệp nhất. Nhưng muốn cho sự dị biệt sinh hiệu quả phong phú, cần phải có yếu tố thông hảo trong đức ái. Trong chiều hướng ấy, Giáo Hội Rôma là năng lực cai trị và là sự thống nhất các nguyên tắc nhờ trung thành với đức ái (13c).

Trong câu kết luận (13d) sửa soạn cho phần khai triển kế tiếp, Công Đồng tái xác nhận việc mọi người được mời gọi tới ơn cứu rỗi trong Dân Chúa, nhưng mức độ tham dự và qui hướng tới Dân Chúa lại rất khác nhau, tùy như người đó đã chịu phép Thánh Tẩy hay mới chỉ là những người được định hướng tới Giáo Hội mà chính họ không hay biết. Để nói lên sự khác nhau đó, Công Đồng xur dụng hai động từ: *pertineri* và *ordinari*. Chỉ những ai chịu phép Thánh Tẩy đúng ra mới thuộc về Dân Chúa, còn những người khác hướng về Dân Chúa tùy như mức độ và thiện chí của họ. Cũng như sự lôi cuốn giữa Cha và Con mà Giáo Hội được tham dự, Giáo Hội cũng lôi kéo đến mình tất cả mọi người không trừ ai, bởi vì mọi người đều qui hướng về Giáo Hội do ý định cứu rỗi phổ quát.

^{18*} Các số 14-16: Tình trạng con người tương quan với Giáo Hội.

Đối với Giáo Hội, không ai ở ngoài cuộc cả. Trong cố gắng cụ thể hóa dựa vào những nguyên tắc đã đề ra, Công Đồng cứu xét, giữa các hạng người khác nhau trong tình trạng cụ thể của họ, đâu là mối tương quan của họ với Giáo Hội, là Dân Chúa, là bí tích hữu hình và phổ quát của ơn cứu rỗi. Vậy nên Công Đồng

Thánh Truyền, Thánh Công Đồng dạy rằng: Giáo Hội lữ hành này cần thiết cho phần rỗi. Thực vậy, chỉ mình Chúa Kitô là Trung Gian và là đường cứu độ, Người hiện diện giữa chúng ta trong thân thể Người là Giáo Hội; chính Người đã minh nhiên công bố sự cần thiết của đức tin và của phép Thánh Tẩy (x. Mc 16,16; Gio 3,5), đồng thời Người đã xác nhận sự cần thiết của Giáo Hội mà mọi người phải bước vào qua cửa phép Thánh Tẩy. Vì thế, những ai biết rằng Giáo Hội Công Giáo được Thiên Chúa thiết lập nhờ Chúa Giêsu Kitô, như phương tiện cứu rỗi cần thiết, mà vẫn không muốn gia nhập hoặc không muốn kiên trì sống trong Giáo Hội này thì không thể được cứu rỗi.

Được kể là gia nhập hoàn toàn vào cộng đoàn Giáo Hội, những ai lãnh nhận Thánh Thần Chúa Kitô, chấp nhận trọn vẹn tổ chức và các phương tiện cứu rỗi được thiết lập trong Giáo Hội; và nhờ các mối liên lạc do việc tuyên xưng đức tin, các bí tích, việc cai trị của Giáo Hội và sự hiệp thông, họ liên kết với Chúa Kitô trong tổ chức hữu hình mà Người điều khiển nhờ Giáo Hoàng và các Giám Mục. Dù được tháp nhập vào Giáo Hội, nhưng nếu không kiên trì sống trong đức ái thì vẫn không được cứu rỗi, vì tuy "thể xác" họ thuộc về Giáo Hội, nhưng "tâm hồn" họ không ở trong Giáo Hội¹². Nhưng các con cái của Giáo Hội phải nhớ rằng, địa vị cao trọng của họ không phải do công đức riêng mình, nhưng do đặc ân của Chúa Kitô; nếu họ không đáp lại hồng ân ấy bằng tư tưởng, lời nói và việc làm, thì không

cứu xét sự liên lạc của những người công giáo với Giáo Hội (số 14), của các Kitô hữu ly khai (số 15), của các người ngoài Kitô giáo có thiện chí (số 16).

¹² Xem T. Augustinô, *Bapt. c. Donat.* V, 28, 39 : PL 43, 197: "Hiển nhiên, khi nói trong và ngoài Giáo Hội, phải hiểu là trong tâm hồn chứ không phải trong thân xác". Xem n.v.t., III, 19, 26: cột 152; V, 18, 24; cột 189; In Jo., Tr. 61, 2 : PL 35, 1800, và nơi khác.

những họ không được cứu rồi mà còn bị xét xử nghiêm khắc hơn¹³.

Phản những người dự tòng, nhờ Thánh Thần thúc đẩy, nếu mình nhiên xin gia nhập Giáo Hội, thì do chính ước muốn ấy, họ đã được kết hợp cùng Giáo Hội rồi; và Giáo Hội là Mẹ hiền yêu thương săn sóc họ như con cái mình.^{19*}

¹³ Lc 12,48: "Lại đã trao phó cho ai nhiều, kẻ ấy cũng bị đòi hỏi nhiều hơn". Xem Mt 5,19-20; 7,21-22; 25,41-46; Giac 2,14.

^{19*} Số 14: Các tín hữu công giáo.

Công Đồng bắt đầu từ các tín hữu. Bản văn gồm 3 phần:

a) *Phần nhất xác quyết Giáo Hội cần cho phần rỗi, bằng những hạn từ tổng quát dựa trên Thánh Kinh và Thánh Truyền. Có thuộc về Giáo Hội thì mới được cứu rỗi vì chỉ có một vị Trung Gian cho ơn cứu độ là Chúa Kitô, Đấng hiện diện trong Giáo Hội là Thân của Người. Hơn nữa, Chúa cũng đã minh nhiên công bố sự cần thiết của đức tin và phép Thánh Tẩy để dẫn đưa chúng ta vào Giáo Hội. Nhưng, như Công Đồng đã minh định, hai yếu tố đó cần thiết với điều kiện là phải biết Thiên Chúa đã nhờ Chúa Giêsu Kitô mà thiết lập Giáo Hội như phương tiện cần thiết. Nói bằng những hạn từ tổng quát thì sự cần thiết phải được giải thích như sau: người tự lỗi riêng mình mà ở ngoài Giáo Hội, phải chịu trách nhiệm về án phạt mình. Công Đồng vẫn tôn trọng trường hợp vô tri bất khả kháng cứ thực cứ luật của biết bao nhiêu người trên thế giới (số 14a).*

b) *Phần hai giải thích sự gia nhập hoàn toàn vào cộng đoàn Giáo Hội. Sự gia nhập này thực hiện qua những điều kiện bên ngoài như chịu phép Thánh Tẩy, tuyên xưng đức tin, thông hảo với giáo phẩm trong tinh thần tuân phục. Nhưng hơn thế nữa, còn đòi phải có Thánh Thần Chúa Kitô. Chỉ tham dự thuần bên ngoài mà thôi không đủ. Ngoài những yếu tố hữu hình, phải có dây liên lạc với Thánh Thần, tâm hồn phải thuộc về Chúa Kitô, nghĩa là sống trong đức ái và xa lánh tội lỗi. Một sự gia nhập trọn vẹn giả thiết có thể có những mối dây liên lạc bất toàn. Chúng ta sẽ xét đến những mối dây đó trong những đoạn sau (số 14b).*

c) *Phần ba bàn về các người dự tòng. Chắc hẳn không thể liệt kê họ vào số những người không công giáo, dù họ mới chỉ đang trên đường đi tới việc tháp nhập vào Giáo Hội. Họ đã minh nhiên thỉnh nguyện để được gia nhập, và do ý muốn minh nhiên ấy mà họ được liên kết với Giáo Hội. Chỉ ý muốn này thôi cũng đủ để thuộc về Giáo Hội và đạt tới ơn cứu rỗi khi hoàn cảnh không cho phép họ lãnh nhận phép Thánh Tẩy.*

15. Giáo hội và Kitô hữu không công giáo. Với những kẻ đã lãnh phép Thánh Tẩy, mang danh hiệu Kitô hữu, nhưng không tuyên xưng đức tin trọn vẹn, hoặc không hiệp thông với đấng kế vị Thánh Phêrô, Giáo Hội vẫn biết mình có liên hệ với họ vì nhiều lý do ¹⁴. Thực vậy, có nhiều người cung kính lạy Thánh Kinh làm mẫu mực cho lòng tin và đời sống, giữ đạo cách nhiệt thành, thành thực, hết lòng tin kính Chúa Cha toàn năng, và Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, Con Thiên Chúa ¹⁵. Được bí tích Thánh Tẩy ghi ấn, họ kết hợp với Chúa Kitô, họ còn công nhận và lãnh một số bí tích khác trong Giáo Hội, hoặc trong các cộng đồng Giáo Hội của họ. Nhiều người trong họ còn có chức giám mục, họ vẫn cử hành bí tích Thánh Thể và tôn kính Đức Trinh Nữ Mẹ Thiên Chúa ¹⁶. Họ cũng hiệp thông trong lời cầu nguyện và các việc lành thiêng liêng khác; hơn nữa, họ thực sự kết hợp trong Chúa Thánh Thần, Đấng cũng dùng ân huệ và thánh sủng tác động trong họ nhờ thần lực thánh hóa của Ngài, và đã củng cố một số người trong họ đi đến chỗ đổ máu tử đạo. Vì thế, Thánh Thần thúc giục hết thảy các môn đệ Chúa Kitô ước muốn và hành động để tất cả được an bình hiệp nhất trong một đàn chiên dưới quyền một Chủ Chăn duy nhất ¹⁷, theo cách thức Chúa Kitô đã vạch ra. Để được vậy, Giáo Hội, Mẹ hiền không ngừng cầu nguyện, hy vọng và hành động, cũng như khuyên giục con cái thanh tẩy và canh tân, để ấn dấu của Chúa Kitô chiếu sáng rạng ngời hơn trên khuôn mặt Giáo Hội. ^{20*}

¹⁴ Xem *Leô XIII, Tông thư Praeclara gratulationis*, 20-6-1894 : AAS 26 (1893-94), trg 707.

¹⁵ Xem *Leô XIII, Tđ. Satis Cognitum*, 29-6-1896 : AAS 28 (1895-96), trg 738. *Tđ. Caritatis studium*, 25-7-1898 : AAS 31 (1898-99), trg 11. *Piô XII, Diễn văn truyền thanh Nell Alba*, 24-12-1941 : AAS 34 (1942), trg 21.

¹⁶ Xem *Piô XI, Tđ. Rerum Orientalium*, 8-9-1928 : AAS 20 (1928), trg 287. *Piô XII, Tđ. Orientalis Ecclesiae*, 9-4-1944 : AAS 36 (1944), trg 137.

¹⁷ Xem *Giáo huấn của Bộ thánh vụ*, 20-12-1949 : AAS 42 (1950), trg 142.

^{20*} *Số 15: Những mối dây liên lạc của Giáo Hội đối với các Kitô hữu không công giáo.*

16. Giáo hội và những người không thuộc Kitô giáo. Sau cùng, những ai chưa lãnh nhận Phúc Âm cũng được an bài bằng nhiều cách để thuộc về Dân Thiên Chúa¹⁸. Trước tiên phải kể dân tộc đã lãnh nhận lời hứa và giao ước, mà bởi dân ấy, Chúa Kitô đã sinh ra theo thể xác (x. Rm 9,4-5). Họ là dân rất được yêu quý, bởi đã được tuyển chọn vì cha ông họ: Thiên Chúa không ân hận gì vì đã ban ơn và kêu gọi họ (x. Rm 11,28-29). Nhưng kế hoạch cứu độ cũng còn bao hàm những ai nhận biết Đấng Tạo Hóa: trước tiên phải kể đến người Hồi Giáo; họ xưng rằng họ giữ đức tin của Abraham; cùng với chúng ta, họ thờ phượng Thiên Chúa duy nhất, nhân từ, Đấng sẽ phán xét loài người trong ngày sau hết. Những kẻ đang tìm kiếm Thiên Chúa trong bóng tối và qua ngẫu tượng, Thiên Chúa mà họ không biết, cả những kẻ ấy, Ngài cũng không xa họ, bởi vì chính Ngài ban cho mọi người sự sống, hơi thở và tất cả mọi sự (x. CvTđ 17,25-28), và vì là Đấng Cứu Thế, Ngài muốn mọi người đều được cứu rỗi (x. 1Tm 2,4). Thực thế, những kẻ vô tình không nhận biết Phúc Âm của Chúa Kitô và Giáo Hội Người, nhưng nếu thành tâm tìm kiếm Thiên Chúa, và dưới tác động của ơn thánh, họ cố gắng chu toàn Thánh Ý Thiên Chúa trong công việc mình theo sự hướng dẫn của lương tâm, thì họ có thể được cứu rỗi¹⁹. Cả những kẻ vô tình chưa nhận biết Thiên Chúa cách rõ ràng, nhưng nhờ ơn Chúa, cố gắng sống đời chính trực, thì

Đoạn này coi là căn bản và tóm lược điều mà Sắc lệnh về Hiệp Nhất sẽ trình bày: nền tảng thần học của việc Hiệp Nhất. Công Đồng vẫn công nhận các anh em ly khai là Kitô hữu, dầu họ không tuyên xưng một đức tin trọn vẹn hoặc không hiệp thông với Đấng kế vị Thánh Phêrô. Sau đó, Công Đồng liệt kê những môi dây liên lạc khác nhau nối kết Giáo Hội với anh em ly khai: dây hữu hình như Thánh Kinh, đức tin vào Thiên Chúa Cha và Chúa Kitô, phép Thánh Tẩy và một số bí tích khác; dây vô hình như sự kết hợp thiêng liêng qua kinh nguyện, qua sự trao đổi những việc lành siêu nhiên; sự kết hiệp chính thực nhưng bất toàn: đó là hai khía cạnh của một sự kết hiệp mà ngày nay trở thành rộng rãi hơn.

¹⁸ Xem T. Tôma, *Summa Theol.* III, q. 8, a. 3 ad 1.

¹⁹ Xem Thư của Bộ thánh vụ gửi cho Tổng giám mục Boston: Dz 3869 - 72.

Chúa Quan Phòng không từ chối ban ơn trợ lực cần thiết để họ được cứu rỗi. Thực vậy, Giáo Hội xem tất cả những gì là chân thiện nơi họ như để chuẩn bị họ lãnh nhận Phúc Âm²⁰, và như một ân huệ mà Đấng soi sáng mọi người ban cho hầu cuối cùng họ được sống. Nhưng thường con người bị ma quỷ gạt gẫm làm sai lạc phán đoán của mình khiến họ đánh đổi chân lý Thiên Chúa lấy sự giả dối, khiến họ phụng sự tạo vật hơn là phụng sự Đấng Tạo Hóa (x. Rm 1,21 và 25); hoặc vì họ sống chết như không có Thiên Chúa trên đời này, nên liều mình rơi vào sự thất vọng tột độ. Vì hằng quan tâm làm vinh danh Thiên Chúa, và cứu rỗi tất cả những người ấy và hằng nhớ lời Chúa truyền: "Hãy rao giảng Phúc Âm cho mọi tạo vật" (Mc 16,15), nên Giáo Hội tận tâm lo lắng và cố võ việc truyền giáo.^{21*}

²⁰ Xem T. Eusebiô Caes., Praeparatio Evangelica, 1, 1: PG 21, 28 AB.

^{21*} *Số 16: Tình trạng của các người ngoài Kitô giáo đối với Giáo Hội.*

Số này muốn phác họa một khoa thần học về những tôn giáo ngoài Kitô giáo mà Tuyên Ngôn về các Tôn Giáo này sẽ lập lại và đào sâu hơn. Công Đồng xác quyết ba đề xướng thần học:

a) Tất cả những người ngoài Kitô giáo đều được qui hướng về Dân Chúa, do hiệu quả của ý muốn cứu rỗi phổ quát. Công Đồng xếp họ thành những lớp khác nhau tùy theo đặc tính qui hướng về Giáo Hội hữu hình. Một vài tôn giáo như Do Thái Giáo và Hồi Giáo, còn bảo trì Cựu Ước và đức tin của Abraham, thì qui hướng nhiều hơn. Đối với các tôn giáo khác, nỗ lực tìm về "một Thượng Đế chưa được biết đến" mà ai cũng có thể có được, phần nào chứng tỏ Thiên Chúa muốn lôi kéo họ đến với Ngài là Thiên Chúa Chân Thật.

b) Sự qui hướng ấy được thực hiện nhờ ân sủng. Ân sủng hỗ trợ hữu hiệu khiến mọi người thiện chí sống một đời ngay thẳng, và trong các việc làm biết nỗ lực chu toàn ý muốn của Thiên Chúa mà họ nhận ra qua tiếng lương tâm.

c) Tuy nhiên, nhiều trở ngại (về suy lý, tâm lý, thực tiễn) khiến cho việc tìm về Thiên Chúa trở thành hết sức khó khăn, có thể làm cho họ phải thất vọng.

Tựu trung, đối với những người ngoài Kitô giáo có thiện chí, Thiên Chúa sẽ đưa họ tới Giáo Hội bằng ân sủng của Ngài. Ngoài ra, "tôn giáo" họ theo cũng nâng đỡ họ và ngoại cảnh xã hội (chuẩn bị cho Phúc Âm) còn giúp họ sống ngay chính theo lương tâm. Và như vậy họ được qui hướng tới Giáo Hội.

17. Tính cách truyền giáo của Giáo Hội. Như Chúa Cha sai Người thế nào, Chúa Con cũng sai các Tông Đồ như vậy (x. Gio 20,21) khi Người phán: "Vậy các con hãy đi dạy dỗ muôn dân, thanh tẩy họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, hãy dạy dỗ họ vâng giữ mọi điều Thầy đã truyền cho các con. Và đây Thầy sẽ ở cùng các con mọi ngày cho đến tận thế" (Mt 28,19-20). Lệnh ấy, lệnh mà Chúa Kitô long trọng truyền rao giảng chân lý cứu rỗi, Giáo Hội đã nhận lãnh từ các Tông Đồ để chu toàn khắp cõi đất (x. CvTđ 1,8). Vì thế, Giáo Hội xem lời sau đây của Thánh Tông Đồ như lời của mình: "Khốn thân tôi nếu tôi không rao giảng Phúc Âm" (1Cor 9,16), và vì thế Giáo Hội không ngừng gửi sứ giả Phúc Âm cho đến khi các Giáo Hội trẻ được trưởng thành hoàn toàn và tự mình tiếp tục việc rao giảng Phúc Âm. Chúa Thánh Thần thúc đẩy Giáo Hội cộng tác với Ngài để hoàn tất trọn vẹn kế hoạch của Thiên Chúa là Đấng đã đặt Chúa Kitô làm nguyên lý cứu độ cho cả thế giới. Bằng việc rao giảng Phúc Âm, Giáo Hội sửa soạn cho người nghe đón nhận và tuyên xưng đức tin, và chuẩn bị cho họ lãnh phép Thánh Tẩy, đưa họ ra khỏi cảnh nô lệ của sự lầm lạc, tháp nhập họ vào thân thể Chúa Kitô, hầu nhờ đức ái, họ tăng triển mãi trong Người cho đến khi đạt tới viên mãn. Thực ra, những gì thiện hảo trong tâm hồn và tư tưởng của loài người, hoặc trong nghi lễ và văn hóa riêng của các dân tộc, hoạt động của Giáo Hội không nhằm tiêu diệt chúng, nhưng lành mạnh hóa, nâng cao và hoàn thành chúng, hầu làm vinh danh Thiên Chúa, đánh bại ma quỷ và mưu cầu hạnh phúc cho con người. Mỗi môn đệ Chúa Kitô đều có bổn phận góp phần truyền bá đức tin

Những trở ngại mà các người ngoài Kitô giáo gặp phải trên đường tìm về Thiên Chúa giúp ta nhận rõ tầm quan trọng của việc truyền giáo trong đời sống Giáo Hội. Ở số cuối cùng trong chương hai này, Công Đồng lặp lại tính cách phổ quát của Dân Chúa dưới khía cạnh đặc biệt là nỗ lực truyền giáo.

21. Tuy bất cứ ai cũng có thể ban phép Thánh Tẩy cho những kẻ tin, nhưng chỉ có linh mục mới hoàn tất, xây dựng Nhiệm Thể bằng hy lễ tạ ơn, làm trọn lời Thiên Chúa đã phán qua miệng tiên tri: "Từ đông sang tây, Danh Ta sẽ được lừng lẫy khắp muôn dân; khắp nơi đều sát tế và dâng lễ vật thanh sạch kính Danh Ta" (Mal 1,11)²². Như thế Giáo Hội vừa cầu nguyện vừa hoạt động để toàn thể vũ trụ biến thành Dân Thiên Chúa, Thân Thể Chúa Kitô và Đền Thờ Chúa Thánh Thần, và trong Chúa Kitô là thủ lãnh muôn loài, mọi danh dự và vinh quang được dâng lên Chúa Cha Đấng Tạo Thành vũ trụ. ^{22*}

²¹ Xem *Benedictô XV, Tông thư Maximum illud: AAS 11 (1919), trg 440, nhất là trg 451tt. Piô XI, Tđ. Rerum Ecclesiae: AAS 18 (1926), trg 68-69. Piô XII, Tđ. Fidei Donum, 21-4-1957: AAS 49 (1957), trg 236-237.*

²² Xem *Didachè, 14: x.b. Funk I, trg 32. T. Giustinô, Dial. 41: PG: 6, 564, T. Ireneô, Adv. Haer. IV, 17,5: PG 7, 1023; Harvey, 2, trg 199t. CĐ Trentô, khóa 22, ch. 1: Dz 939 (1742).*

^{22*} *Số 17: Đặc tính truyền giáo của Giáo Hội.*

Một số người công kích vì dựa vào những sự mập mờ của những công cuộc truyền giáo và vì chủ trương giản dị rằng người lương chỉ cần có thiện chí và với ơn Chúa giúp cũng có thể được cứu rỗi; để chống lại, Công Đồng đã quả quyết việc truyền giáo cần thiết trong viễn tượng phổ quát riêng biệt của chương hai này. Quả quyết bằng cách định nghĩa rõ ràng mục đích việc truyền giáo và những nguyên tắc của việc tông đồ. Sau đây là những chủ đề:

a) Việc truyền giáo đặt nền tảng trong sứ mệnh của Ba Ngôi. Như Cha đã sai Con mình, Đấng Cứu Thế cũng sai các Tông Đồ đi rao giảng, thánh hóa và chữa dốt; Giáo Hội có nhiệm vụ phải hru truyền sứ mệnh ấy. Đó là lý do khiến Giáo Hội tồn tại. Giáo Hội là Giáo Hội truyền giáo do huấn lệnh truyền giáo (Mt 28,19-20).

b) Đối tượng riêng của việc truyền giáo khi thi hành sứ mệnh đã lãnh nhận, không những là rao giảng Chúa Kitô, nhưng còn phải thiết lập các Giáo Hội bản xứ, và chính những Giáo Hội này cũng mang tính cách truyền giáo nơi người đồng hương của mình. Hoạt động truyền giáo là chuẩn bị cho con người đón nhận đức tin và phép Thánh Tẩy, giữ bỏ làm lạc để gia nhập Giáo Hội. Làm thế là thừa nhận và thanh tẩy cho thành tựu tất cả những mầm mống thiện hảo trong tâm hồn mọi người và mọi dân tộc (chuẩn bị cho Phúc Âm).

c) Môn đệ nào của Chúa Kitô cũng có nhiệm vụ này. Nhưng chính những Linh Mục có một nhiệm vụ không thể thay thế được. Tất cả Giáo Hội sẽ nhờ kinh nguyện

Chương III

Tổ Chức Phẩm Trật Giáo Hội Và Đặc Biệt Về Chức Giám Mục ^{23*}

và việc làm để cố gắng thực hiện lần lần sự sung mãn của Dân Chúa, vì vinh quang Chúa Cha trong Chúa Kitô.

Một khoa thần học truyền giáo chính đáng phải lưu ý tới ba khía cạnh mà Công Đồng đã nêu ra đây: vấn đề là phải biết tổng hợp cả ba khía cạnh: khía cạnh nhân loại bản vị (ơn cứu độ của con người), khía cạnh Giáo Hội (việc thiết lập Giáo Hội) và tương quan của cả hai với một ý niệm tập trung về Chúa Kitô và Ba Ngôi.

Trong hai chương trên, Công Đồng đã đặt nền móng vững chắc cho một khoa Giáo Hội học chính thức. Việc mô tả các cơ cấu của Giáo Hội trong các chương sau cũng sẽ dựa trên những nền tảng tín lý đó. Các chương sau này phải được quan niệm dưới ánh sáng mạc khải về mẫu nhiệm Giáo Hội và Dân Chúa thì mới có giá trị đích thực.

^{23*} Chương này rất quan trọng. Muốn hiểu rõ cần phải lưu ý mấy điểm:

a) Chương này lặp lại và hiệu chính cho hiến chế "Pastor Aeternus" của Công Đồng Vaticanô I.

b) Bởi vậy, hầu hết là nói về chức Giám Mục, và cũng chỉ mới đề cập được một phần như Công Đồng Vaticanô I, vì Công Đồng này hầu như chỉ bàn về quyền tối thượng của Giáo Hoàng. Để có một cái nhìn toàn diện, có lẽ nên đề cập tới cả hai Công Đồng. Còn khá nhiều vấn đề thần học chưa được giải quyết. Hy vọng một Công Đồng mai hậu sẽ có thể đạt được một sự tổng hợp mà chúng ta không có.

Văn thể và bút pháp chương này khác xa với hai chương trước. Văn thể của hai chương trước bằng bạc Thánh Kinh, còn văn thể ở đây cứng chắc hơn, ít biểu tượng hơn và rõ rệt hơn theo quan điểm pháp lý. Và lại, bản văn đã được bàn cãi nhiều khiến có thể nhận ra ngày nó đã được làm đi làm lại, đầy những chú thích và sửa chữa. Bởi vậy đôi khi bản văn trở thành nặng nề và rắc rối (khiến văn phòng Tổng Thư Ký của Công Đồng đã phải thêm phần phụ trương sau cùng, tức phần "Chú thích sơ khởi").

18. Lời mở đầu. Để chấn dất và phát triển Dân Thiên Chúa luôn mãi, Chúa Kitô đã thiết lập các chức vụ khác nhau trong Giáo Hội hầu mưu ích cho toàn thân. Thực vậy, các thừa tác viên xử dụng quyền bính thiêng liêng mà phục vụ anh em mình, để mọi người thuộc Dân Thiên Chúa và đương nhiên hưởng

Dầu vậy kết cấu nội tại cũng sáng sủa và bao gồm:

- *Một phần nhập đề: cho biết nội dung của chương và xác định rõ rệt mục đích mà Công Đồng muốn đề ra.*

- *Bốn tiểu mục về:*

(1) *Nguồn gốc chức Giám Mục (các số 19-21).*

(2) *Giám Mục Đoàn, một vấn đề được thảo luận sôi nổi (các số 22-23).*

(3) *Thừa tác vụ Giám Mục và những quyền hành của Giám Mục (các số 24-27).*

(4) *Những thừa tác viên cấp dưới: Linh Mục và Phó Tế (các số 28-29).*

Nội dung của chương này bàn về cơ cấu phẩm trật trong Giáo Hội. Dân Chúa là một dân có tổ chức, một cộng đoàn chứ không phải là một đám đông ô hợp, trong đó có quyền bính được thi hành trong Giáo Hội và trên Giáo Hội do các Tông Đồ và các người kế vị hoặc các cộng tác viên tuyển chọn và chỉ định. Công Đồng cũng xác định 3 đặc tính của quyền bính này:

a) *Đây là một thứ quyền bính được ủy thác: không chỉ thi hành nhân danh Chúa Kitô mà thôi, nhưng còn phải biểu lộ Chúa Kitô phục sinh hiện diện trong Giáo Hội của Người; quyền bính ấy phải được Thánh Thần Chúa Kitô hỗ trợ.*

b) *Quyền bính không phải là để thống trị, nhưng là để phục vụ cho cộng đoàn; việc phục vụ trước hết là giảng huấn Lời Chúa và thông ban ơn Ngài qua bí tích; còn việc điều hành và cai trị chỉ là phụ. Các vị thủ lãnh Giáo Hội là những người cha trong đức tin và là những thừa tác viên của bí tích.*

c) *Quyền bính là do Chúa ban, nhưng liên lạc mật thiết với cộng đoàn; và theo kiểu nói của Thánh Kinh, quyền bính có sứ mệnh "chấn dất" cộng đoàn.*

phẩm giá Kitô hữu sẽ đạt đến phần rỗi, nhờ nỗ lực tiến tới cùng một cứu cánh trong tự do và trật tự.

Bước theo dấu vết của Công Đồng Vaticanô I, Thánh Công Đồng này cũng giảng dạy và tuyên bố rằng: Chúa Giêsu Kitô, Mục Tử vĩnh cửu đã thiết lập Giáo Hội thánh thiện khi sai các Tông Đồ như Chúa Cha đã phái Người (Gio 20,21), và Người đã muốn các đáng kể vị, tức các Giám Mục, làm chủ chăn trong Giáo Hội cho đến tận thế. Nhưng để Chức Giám Mục được duy nhất và không bị phân chia, Chúa đã đặt Thánh Phêrô làm Thủ Lãnh các Tông Đồ khác, và trong Ngài, Chúa đã đặt nguyên lý cùng nền tảng vĩnh cửu và hữu hình của hiệp nhất đức tin và hiệp thông¹. Thánh Công Đồng một lần nữa nêu lên cho mọi tín hữu tin vững vàng giáo lý về sự thiết lập, sự trường tồn, về quyền lực và quan niệm của quyền tối thượng nơi Giáo Hoàng Rôma cùng quyền Giáo Huấn bất khả ngộ của Ngài. Tiếp tục công trình đã khởi sự, Thánh Công Đồng muốn công bố và giải thích cho mọi người giáo lý về các Giám Mục, những đáng kể vị các Tông Đồ và cùng với đáng kể vị Thánh Phêrô, Đại Diện Chúa Kitô², và là Thủ Lãnh của toàn thể Giáo Hội hữu hình điều khiển gia đình Thiên Chúa hằng sống.^{24*}

19. Kêu gọi và thiết lập nhóm 12 Tông Đồ.^{25*} Chúa Giêsu, sau khi cầu nguyện lâu giờ cùng Chúa Cha, đã gọi đến với mình

¹ Xem CĐ Vat. I, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Chúa Kitô *Pastor aeternus*: Dz 1821 (3050t).

² Xem CĐ Firenze, *Decretum Pro Graecis*: Dz 694 (1307) và CĐ Vat. I, n.v.t.: Dz 1826 (3059).

^{24*} Số 18: Nhập đề.

Số này liên kết chương II và chương III lại với nhau. Chúa Kitô muốn thiết lập phẩm trật vì lợi ích cho toàn thể Giáo Hội. Phẩm trật vừa như là một trong những thừa tác vụ được Chúa Kitô thiết lập, vừa như là một công cuộc phục vụ huynh đệ cho tất cả Dân Chúa. Khác với Vaticanô I vì coi phẩm trật như một dữ kiện tiên quyết, Công Đồng Vaticanô II lại khởi đầu từ Dân Chúa, sau đó mới cho biết phẩm trật là để phục vụ Dân ấy.

^{25*} Tiểu mục 1: (các số 19-21) Về nguồn gốc chức Giám Mục.

những kẻ Người muốn và thiết lập mười hai người để chung sống với Người, cùng sai họ đi rao giảng Nước Thiên Chúa (x. Mc 3,13-19; Mt 10,1-42); Người tổ chức (x. Lc 6,13) các Tông Đồ này theo cách thức một cộng đoàn, nghĩa là một nhóm người kiên vững; Người chọn Phêrô, một người trong số họ, làm đầu cộng đoàn ấy (x. Gio 21,15-17). Người sai họ đến với con cái Israel trước tiên, rồi đến với tất cả các dân nước khác (x. Rm 1,16), hầu, nhờ tham dự vào quyền bính của Người, các Tông Đồ làm cho mọi dân tộc nên môn đệ Người cùng thánh hóa và điều khiển họ (x. Mt 28,16-20; Mc 16,15; Lc 24,45-48; Gio 20,21-23), như thế, dưới sự hướng dẫn của Chúa, các Ngài mở mang và chấn dặt Giáo Hội bằng việc phục vụ mọi ngày cho đến tận thế (x. Mt 28,20). Ngày Lễ Hiện Xuống, các ngài được hoàn toàn kiên vững trong sứ mệnh này (x. CvTđ 2,1-36), như lời Chúa hứa: "Các con sẽ nhận lấy sức mạnh của Thánh Thần ngự xuống trên các con, và các con sẽ làm chứng về Thầy tại Giêrusalem, khắp xứ Giuđêa, Samaria, cho đến tận cùng trái đất" (CvTđ 1,8). Khi các Tông Đồ rao giảng Phúc Âm khắp nơi (x. Mc 16,20) và có nhiều thánh giả đón nhận nhờ tác động của Chúa Thánh Thần, các ngài qui tụ họ thành Giáo Hội phổ quát, Giáo Hội này đã được Chúa thiết lập trên các Tông Đồ và xây dựng trên Thánh Phêrô, thủ lãnh của các ngài; và Chúa Giêsu Kitô là viên đá góc cao cả của Giáo Hội ấy (x. Kh 21,14; Mt 16,18; Eph 2,20) ^{3.26*}

³ Xem *Liber Sacramentorum* của T. Gregoriô, kinh tiền tụng ngày sinh nhật của Thánh Mattheô và Tôma: PL 78,51 và 152; xem *Cod. Vat. Lat.* 3548, f. 18. T. Hilariô, In Ps. 67,10: PL 9,450; CSEL 22, trg 286. T. Hieronimô, Adv. Jovin. 1,26: PL 23, 247A. T. Augustinô, In Ps. 86,4 : PL 37, 1103. T. Gregoriô Cả, *Mor. in Job*, XXVIII, V : PL 76 455-456. *Primasiô, Comm. in Apoc.* V : PL 68, 924 BC. *Paschasiô Radb. In Mt*, c. VIII, ch. 16: PL 120, 561C. Xem *Leô XIII thư Et Sane*, 17-12-1888 : AAS 21 (1888), trg 321.

^{26*} Số 19: Sứ mệnh và việc thiết lập Mười Hai Tông Đồ.

Nhóm Tông Đồ được Chúa Kitô tuyển chọn là một nhóm có cá tính riêng mà Công Đồng đã nêu ra những đặc điểm như sau: họ sống với Chúa, được Chúa sai

20. Các Giám Mục, kế nghiệp các Tông Đồ. Sứ mệnh thần linh được Chúa Kitô trao phó cho các Tông Đồ phải tồn tại cho đến tận thế (x. Mt 28,20), bởi lẽ Phúc Âm mà các ngài có nhiệm vụ rao truyền là nguyên lý ban sự sống toàn diện cho Giáo Hội qua mọi thời đại. Vì thế, các Tông Đồ đã quan tâm đặt người kế vị trong cái xã hội có phẩm trật này.

Thực thế, không những các ngài có nhiều phụ tá giúp thi hành chức vụ⁴, nhưng, để sứ mệnh phó thác cho các ngài được tiếp tục sau khi các ngài qua đời, các Tông Đồ còn ủy thác, như một di chúc, cho các cộng sự viên trực tiếp của mình, nhiệm vụ hoàn tất và củng cố công trình các ngài đã khởi sự⁵, đồng thời căn dặn họ coi sóc tất cả các đoàn chiên, mà Chúa Thánh Thần đã đặt họ chặn dất Giáo Hội Chúa (x. CvTđ 20,28). Bởi vậy các ngài đề cử những người như thế, rồi ban quyền chức cho họ, hầu khi các ngài qua đời, đã có những người xứng đáng nhận lãnh chức vụ của các ngài⁶. Giữa những chức vụ khác nhau được thi hành trong Giáo Hội từ buổi sơ khai, theo chứng tá của truyền thống, chức vụ chính yếu là chức vụ của những vị đã được bổ nhiệm lên Giám Mục; nhờ liên tục kế vị từ buổi ban đầu,⁷ các ngài vẫn có những mầm mống hạt giống tông đồ⁸.

đi rao giảng Nước Trời, họ liên kết thành một Tông Đồ Đoàn, và có một thủ lãnh. Khó khăn là ở điểm thứ ba này, vì người ta có thể hiểu từ ngữ Tông Đồ Đoàn theo nghĩa hoàn toàn pháp lý. Nhưng đây không phải thế, vì Công Đồng không xử dụng từ ngữ theo nghĩa pháp lý, nhưng theo nghĩa là một nhóm cố định, do Chúa thiết lập (x. số 1 của phần "Chú thích sơ khởi"). Đặc tính Tông Đồ Đoàn còn được biểu lộ qua sự kiện chỉ mình Phêrô là thủ lãnh của nhóm. Quả quyết sự hiện hữu của Tông Đồ Đoàn là để chuẩn bị quả quyết về Giám Mục Đoàn (số 22).

⁴ Xem CvTđ 6,2-6. 11-30; 13,1; 14,23; 20,17; 1Th 5,12-13; Ph 1,1; Col 4,11 và nhiều chỗ khác.

⁵ Xem CvTđ 20,25-27; 2Tm 4,6t so sánh với 1Tm 5,22; 2Tm 2,2; Tit 1,5. T. Clementê thành Roma, Ad Cor. 44, 3: x.b. Funk, I, trg 156.

⁶ T. Clementê thành Roma, Ad Cor, 44, 2 : x.b. Funk, I, trg 154t.

⁷ Xem Tertullianô, Praescr. Haer. 32 : PL 2,52t. T. Inhaxiô Tử đạo, nhiều chỗ khác.

⁸ Xem Tertullianô, Praescr. Haer. 32: PL 2,53.

Như thế, theo chứng tá của Thánh Irêneô, truyền thống tông đồ được biểu hiện trên khắp hoàn cầu ⁹ và được bảo tồn ¹⁰ nhờ những đáng được các Tông Đồ đặt làm Giám Mục và các vị kế nghiệp các ngài cho đến ngày nay.

Nhờ thế, các Giám mục đã nhận lãnh việc phục vụ cộng đoàn với sự giúp đỡ của các linh mục và phó tế ¹¹. Thay thế Thiên Chúa, các ngài đứng đầu đàn chiên ¹² mà các ngài là chủ chăn, với tư cách là Thầy dạy giáo thuyết, tư tế lo phụng tự thánh và thừa tác viên lãnh đạo ¹³, cũng như chức vụ mà Chúa đã trao phó riêng cho Thánh Phêrô, Tông Đồ Cả, và phải được trao lại cho các đáng kế vị Phêrô, chức vị đó luôn tồn tại, cũng thế, chức vụ chủ đầu Giáo Hội của các Tông Đồ phải tồn tại và được thi hành liên tục do thánh chức Giám Mục ¹⁴. Vì thế, Thánh Công Đồng dạy rằng, chính Chúa đã lập các Giám Mục kế vị Tông Đồ ¹⁵ làm mục tử Giáo Hội. Bởi vậy, ai nghe lời các ngài là nghe lời Chúa Kitô, còn ai khinh dể các ngài là khinh

⁹ Xem Irêneô, *Adv. Haer.* III, 3,1: PG 7,848A; Harvey 2,8; Sagnard, trg 100: "Manifestatam".

¹⁰ T. Irêneô, *Adv. Haer.* III, 3,1 : PG 7,847 ; Harvey 2,7 ; Sagnard, trg 100: "Custoditur", xem, n.v.t., IV, 26,2 : cột 1053; Harvey 2,236, cả IV, 33,8: cột 1077; Harvey 2,262.

¹¹ T. Inhaxiô Từ đạo, *Philad.*, lời mở đầu: x.b. Funk I, trg 264.

¹² T. Inhaxiô Từ đạo, *Philad.*, I,1; Magn. 6,1: x.b. Funk I, trg 264 và 234.

¹³ T. Clementê thành Roma, n.v.t., 42,3-4; 44, 3-4; 57,1-2: x.b. Funk, I, trg 152, 156, 171t. T. Inhaxiô Từ đạo, *Philad.*, 2; Smyrn. 8; Magn. 3; Trall.7: x.b. Funk I, trg 265t.; 281; 232; 246t. v.v. T. Giustinô, *Apol.*, 1,65: PG 6,428; T. Cyprianô, *Epist.*, nhiều chỗ khác.

¹⁴ Xem Lêô XII, *Tđ. Satis cognitum*, 29-6-1896: AAS 28 (1895-96), trg 732.

¹⁵ Xem CĐ Trentô, *Sắc lệnh De sacr. Ordinis*, ch. 4: Dz 960 (1768); CĐ Vat. I, *Hiển chế tín lý về Giáo Hội Chúa Kitô Pastor aeternus*, ch. 3: Dz 1828 (3061). Piô XII, *Tđ Mystici Corporis*, 29-6-1943: AAS 35 (1943), trg 209 và 212, CIC, kh. 329 đoạn 1.

để Chúa Kitô và Đấng đã phái Chúa Kitô đến (x. Lc 10,16) ¹⁶.
27*

21. Chức Giám Mục có tính cách bí tích. Vậy, qua các Giám Mục được các linh mục trợ giúp, Chúa Giêsu Kitô, Linh Mục Thượng Phẩm, hiện diện giữa các tín hữu. Thực vậy, ngự bên hữu Chúa Cha, Người vẫn hiện diện giữa cộng đoàn các linh mục của Người ¹⁷, nhưng nhất là qua sự phục vụ quý hóa của các ngài, Chúa Kitô rao giảng lời Thiên Chúa cho các dân nước và không ngừng ban phát các bí tích cho tín hữu. Nhờ nhiệm vụ làm cha của các ngài (x. 1Cor 4,15), Chúa tháp nhập vào thân thể Người những chi thể mới nhờ sự tái sinh siêu nhiên. Và sau cùng, nhờ sự khôn ngoan thận trọng của các ngài, Chúa điều khiển và hướng dẫn dân tộc của Tân Ước trong cuộc lữ hành tiến về hạnh phúc muôn đời. "Các mục tử này, được chọn để chăn dắt đoàn chiên Chúa, là thừa tác viên của Chúa Kitô và ban phát các mầu nhiệm của Thiên Chúa (x. 1Cor 4,1); các ngài được ủy thác việc làm chứng Phúc Âm của ân sủng

¹⁶ Xem *Leô XIII, thư Et Sane, 17-12-1888: AAS 21 (1888), trg 321t.*

^{27*} *Số 20: Công Đồng dạy rằng do việc Chúa thiết lập mà các vị Giám Mục trở nên những người kế vị các Tông Đồ, và với tước hiệu ấy, các ngài là những mục tử chân thật Giáo Hội. Trong đoạn này người ta đã cố gắng đưa ra những nhận xét để đánh giá trị một cách chính đáng bao nhiêu có thể những lời chứng của truyền thống. Lịch sử của truyền thống về sự kế vị và về các chứng tá chính yếu một khi được trình bày rồi, Công Đồng mới quả quyết hai điểm quan trọng ở đoạn c:*

a) *Sự trường tồn của thừa tác vụ tông đồ nơi các Giám Mục để chăn dắt Giáo Hội Chúa.*

b) *Và kết quả của sự trường tồn ấy là: các Giám Mục là những người kế vị các Tông Đồ. Công Đồng không muốn định tín giáo lý này, nhưng giảng dạy một cách chắc chắn, vì sử dụng những kiểu nói chuyên biệt "Thánh Công Đồng dạy rằng". Sự kế vị là do Chúa lập, nhờ đó mà các Giám Mục trở thành mục tử Giáo Hội. Công Đồng không đi vào vấn đề xem các Giám Mục có được thừa kế các đặc quyền riêng biệt của các Tông Đồ hay không, nhưng chỉ minh nhiên quả quyết tông vụ chân thật Giáo Hội Chúa được nối tiếp nơi các Giám Mục.*

¹⁷ Xem *T. Leô Cả, Serm. 5,3: PL 54,154.*

Thiên Chúa (x. Rm 15,16; CvTđ 20,24) và việc thi hành công cuộc của Thánh Thần và của công lý trong vinh quang (x. 2Cor 3,8-9).

Để chu toàn nhiệm vụ cao trọng ấy, các Tông Đồ được Chúa Kitô đổ tràn Thánh Thần cách đặc biệt (x. CvTđ 1,8; 2,4; Gio 20,22-23). Và các ngài thông truyền các ơn thiêng ấy cho các cộng sự viên khi đặt tay trên họ (x. 1Tm 4,14; 2Tm 1,6-7). Và qua việc tấn phong Giám Mục, ơn thiêng ấy được thông truyền cho đến chúng tôi¹⁸. Thánh Công Đồng dạy rằng, khi được tấn phong, các Giám Mục nhận lãnh sự trọn vẹn của bí tích Truyền Chức Thánh mà tập tục phụng vụ Giáo Hội và các Thánh Giáo Phụ gọi là chức linh mục tối cao và nhận lãnh thực tại trọn vẹn của thánh vụ¹⁹. Việc tấn phong Giám Mục trao ban nhiệm vụ thánh hóa cũng như nhiệm vụ giảng dạy và cai trị; tuy nhiên, các nhiệm vụ ấy, do bản tính, chỉ có thể thực thi trong sự hiệp thông với Thủ Lãnh và các phần tử của Giám Mục Đoàn. Thực vậy, truyền thống được diễn tả nhất là qua các nghi thức phụng vụ và qua thói quen của Giáo Hội Đông Phương cũng như Tây Phương cho thấy rõ ràng là qua sự đặt tay và qua các lời tấn phong, ơn Chúa Thánh Thần được thông ban²⁰ và ấn dấu thánh được in²¹ trên các Giám Mục, nên các ngài thi hành nhiệm vụ

¹⁸ *CĐ Trentô, khóa 23, ch. 3, trích 2Tm 1,6-7 để chứng minh phép truyền chức thánh thực sự là một bí tích: Dz 959 (1766).*

¹⁹ *Trong Trad. Apost. 3, x.b. Botte, Sources Chrétiennes, trg 27-30, Giám Mục có chức linh mục cao nhất (primatus sacerdotii). Xem Sacramentarium Leonianum, x.b. C. Mohlberg, Sacramentarium Veronense, Roma, 1955, trg 119: "ad summi sacerdotii ministerium... Comple in sacerdotibus tuis mysterii tui summam"... n.t., Liber Sacramentorum Romanae Ecclesiae, Roma, 1960, trg 121-122: "Lạy Chúa, xin ban cho họ ngài giám mục để họ điều khiển Giáo Hội Chúa và toàn dân": x. PL 78, 224.*

²⁰ *Xem Trad. Apost. 2: x.b. Botte, trg 27.*

²¹ *Xem CĐ Trentô, khóa 23, ch. 4, dạy rằng bí tích truyền chức in dấu không hay mất: Dz 960 (1767). Xem Gioan XXIII, huấn từ Jubilate Deo, 8-5-1960: AAS 52 (1960), trg 466. - Phaolô VI, bài giảng tại giáo đường Vaticanô, 20-10-1963: AAS 55 (1963), trg 1014.*

của chính Chúa Kitô là Thầy, Chủ Chăn và Linh Mục, và hoạt động nhân danh Người ²² một cách cao quý và hữu hình. Các Giám Mục có phận sự nhận vào Giám Mục Đoàn, nhờ bí tích Truyền Chức Thánh, những người mới được tuyển chọn. ^{28*}

22. Giám Mục Đoàn và vị Thủ Lãnh. ^{29*} Thánh Phêrô và các Tông Đồ khác tạo thành một cộng đoàn Tông Đồ duy nhất

²² T. Cyprianô, *Epist.* 63,14: PL 4, 386; *Hartel, IIIB*, trg 713: "Linh mục thực sự hoạt động thay Chúa Kitô". T. Gioan Kim Khẩu, *In 2 Tim*, bài giảng 2,4 ; PG 62,612: *Linh Mục là "hình ảnh" (symbolon) của Chúa Kitô.* T. Ambrosiô, *In Ps* 38,25-26: PL 14,1051-52: CSEL 64,203-204. *Ambrosias-ter*, *In 1 Tim* 5,19: PL 17,479 C và *In Eph.* 4,11-12: cột 387. C. Theodorô *Mops.*, *Hom. Catech.* XV, 21 và 24: x.b. Tonneau, trg 497 và 503. *Hesychio Hieros.*, *In Lev. L.* 2, 9,23: PG 93,894 B.

^{28*} Số 21: Bí tích tính của chức Giám Mục.

Bố cục của số này như sau: điểm qua quyết trong số 20 (chính Chúa đã lập các Giám Mục kế vị Tông Đồ làm mục tử Giáo Hội) được bỏ túc bằng ba xác định mới:

- (1) Chúa Kitô hiện diện giữa tín hữu trong con người của Giám Mục.
- (2) Sự hiện diện ấy được chuyển đạt qua các nghi thức đặt tay, là nhờ hồng ân thiêng liêng của Chúa Thánh Thần.
- (3) Và như vậy, sự kế vị các Tông Đồ được chuyển trao nhờ một bí tích là bí tích truyền chức Giám Mục.

Chức Giám Mục là chức linh mục tối thượng. Qua việc truyền chức, vị Giám Mục lãnh nhận sự sung mãn của bí tích truyền chức. Việc truyền chức đem đến cho vị Giám Mục 3 nhiệm vụ: thánh hóa, giảng dạy và cai trị (x. các số 25-27). Công Đồng đã soạn thảo đoạn này để giải quyết cho xong cuộc bàn cãi về bí tích tính của chức Giám Mục, vì có một số người chỉ coi đó là một hình thức bổ túc cho chức linh mục. Do đó mà từ nay phải nhìn bí tích truyền chức nơi vị Giám Mục chứ không phải nơi Linh Mục, vì Linh Mục chỉ tham dự vào sự sung mãn của chức tư tế Giám Mục (x. số 28). Như thế con đường đã được chuẩn bị để qua quyết về Giám Mục Đoàn.

^{29*} Tiểu mục 2: (các số 22-23) Giám Mục Đoàn.

Tiết này được tranh luận nhiều nhất, có nhiều chú thích và sửa đổi nhất, đặc biệt là số 22: bởi vậy công việc soạn thảo sau cùng rất nặng nề. Người ta biết có hai bản phúc trình ngược hẳn nhau được đệ trình lên Công Đồng, một của Giám Mục Parente, ủng hộ bản văn, sau cùng được chấp thuận với một ít điều sửa đổi, và một của Giám Mục Franic trình bày những khó khăn chống với bản văn. Cũng

theo như Chúa đã ấn định; tương tự như thế, Giáo Hoàng Roma, Đấng kế vị Phêrô, cùng với các Giám Mục là những người kế vị các Tông Đồ đều liên kết với nhau. Đặc tính và bản chất cộng đoàn của hàng giám mục được biểu lộ qua luật lệ cổ truyền: theo đó Giám Mục trên khắp hoàn cầu thông hiệp với nhau và với Giám Mục Roma bằng một dây hiệp nhất, bác ái và bình an²³ và qua sự triệu tập các Công Đồng²⁴ để cùng nhau quyết định những vấn đề quan trọng đặc biệt²⁵ sau khi Nghị Phụ đã cân nhắc kỹ lưỡng²⁶. Bản chất ấy được xác nhận bởi việc triệu tập các Công Đồng Chung qua bao thời đại. Và bản chất cộng đoàn ấy cũng được một tập truyền xa xưa công nhận, đó là việc nhiều Giám Mục được mời đến tấn phong một người mới được chọn lên nhiệm vụ tối cao của chức linh mục. Người lãnh nhận bí tích truyền chức và hiệp thông giáo phẩm với Thủ Lãnh cùng các phân tử trong Cộng Đoàn trở thành phân tử của Giám Mục Đoàn.

Nhưng cộng đoàn giám mục hoặc giám mục đoàn chỉ có quyền hành khi hiệp với Giáo Hoàng Roma, đấng kế vị thánh

nhờ "bản phúc trình" sau này mà có phần chú thích sơ khởi, đến giờ chót được đặt thêm vào bản văn để xoa dịu một vài lập trường quyết liệt. Khó khăn chính là vì người ta sợ Cộng Đoàn tính của Giám Mục có thể phương hại tới tín điều về quyền tối thượng của Giáo Hoàng. Khó khăn khác nữa là vì từ ngữ Giám Mục Đoàn, nếu hiểu theo nghĩa pháp lý, sẽ đưa đến sự bình đẳng giữa các phân tử trong đoàn và như vậy, dường như quyền tối thượng bị đe dọa. Sau cùng, từ ngữ đó không có trong Thánh Kinh hay trong Truyền Thống. Công Đồng vẫn lưu ý đến những vấn nạn đó khi soạn thảo bản văn và cũng vì vậy mà xác nhận một lần nữa về quyền tối thượng của Giáo Hoàng trong một bản văn đề cập đến các Giám Mục.

²³ Xem Eusebiô, *Hist. Eccl.*, V, 24,10 : GCS II,1, trg 495; x.b. Bardy, *Sources Chr.* II, trg 69. Dionysiô, trong Eusebiô, n.v.t. VII, 5,2: GCS II, 2, trg 638t ; Bardy, II trg 168t.

²⁴ Xem về các Công Đồng thời trước, Eusebiô, *Hist. Eccl.* V, 23-24: GCS II, 1, trg 488 tt; Bardy, II, trg 66t. và nhiều chỗ khác. *CD Nicea, đ.th. 5: Conc.Oec. Decr.*, trg 7.

²⁵ Xem Tertullianô, *De Jejunió*, 13: PL 2, 972B: CSEL 20, trg. 292, hàng 13-16.

²⁶ Xem T. Cyprianô, *Epist.* 56, 3 : Hartel, III B, trg 650 ; Bayard, trg 154.

Phêrô, Thủ Lãnh của cộng đoàn giám mục; nhưng quyền tối thượng trên tất cả các Chủ Chăn và tín hữu của Giáo Hoàng Roma vẫn luôn luôn được bảo toàn trọn vẹn. Thực vậy, do nhiệm vụ của mình, là Đại Diện Chúa Kitô và Chủ Chăn của toàn thể Giáo Hội, Đức Giáo Hoàng Roma có một quyền bính trọn vẹn, tối cao, phổ quát trên Giáo Hội, và bao giờ Ngài cũng được tự do thi hành quyền bính ấy, Giám Mục Đoàn kê vị cộng đoàn Tông Đồ trong việc giáo huấn và chăn dắt, chính trong Giám Mục Đoàn mà cộng đoàn Tông Đồ được trường tồn. Hiệp nhất với Thủ Lãnh, tức Giáo Hoàng Roma, và không bao giờ tách rời khỏi Thủ Lãnh ấy, giám mục đoàn cũng có quyền bính trọn vẹn và tối cao trên toàn thể Giáo Hội²⁷, nhưng chỉ có thể thi hành quyền này khi có sự ưng thuận của Giáo Hoàng Roma. Chúa đã đặt một mình Phêrô làm đá nền, trao chìa khóa Giáo Hội cho một mình Ngài (x. Mt 16,18-19), cũng đã đặt Ngài là Chủ Chăn của toàn thể đàn chiên Chúa (x. Gio 21,15tt); những quyền tháo gỡ cầm buộc của Người đã ban cho Phêrô (x. Mt 16,19), hăn cũng đã ban cho cả cộng đoàn Tông Đồ hiệp nhất với Thủ Lãnh (x. Mt 18,18; 28,16-20)²⁸. Gồm nhiều phần khác nhau, cộng đoàn giám mục diễn tả đặc tính đa dạng và phổ quát của Dân Thiên Chúa; đồng thời, tụ họp dưới quyền thủ lãnh duy nhất, cộng đoàn giám mục diễn tả sự hiệp nhất của đàn chiên Chúa Kitô. Trong cộng đoàn này, các Giám Mục, khi trung thành tôn trọng quyền tối thượng và quyền điều khiển của vị Thủ Lãnh, các Ngài thi hành quyền bính riêng để mưu ích cho tín hữu mình và cho toàn thể Giáo Hội, nhờ có Chúa Thánh Thần không ngừng củng cố cơ thể và sự thuận hòa trong cơ thể ấy. Quyền bính tối cao của giám mục đoàn trên toàn thể Giáo

²⁷ Xem phúc trình chính thức của Zinelli, trong *CĐ Vat I : Mansi 52, 1109C*.

²⁸ Xem *CĐ Vat I, lược đồ Hiến chế tín lý, II, De Eccl. Christi, ch. 4: Mansi 53, 310*. Xem phúc trình của Kleutgen về lược đồ sửa lại: *Mansi 53, 321B-322B* và tuyên bố của Zinelli: *Mansi 52, 1110*. Cũng xem *T. Lêô Cả, Sermon, 4,3 : PL 54, 151A*.

Hội được thi hành cách trọng thể trong Công Đồng Chung. Nhưng không bao giờ có Công Đồng Chung nếu không được Đấng kế vị Thánh Phêrô phê chuẩn hay ít ra chấp nhận; Đức Giáo Hoàng Roma có đặc quyền triệu tập, chủ tọa và phê chuẩn các Công Đồng này²⁹. Hiệp nhất với Giáo Hoàng, các Giám Mục trên khắp thế giới còn có thể thực hành quyền cộng đoàn ấy, khi vị Thủ Lãnh cộng đoàn mời gọi các ngài cùng hành động cách cộng đoàn, hay ít ra khi ngài ưng thuận hoặc tự do chấp nhận hành động hiệp nhất của các Giám Mục rải rác để làm cho nó trở thành một hành động có tính cách cộng đoàn thực sự.^{30*}

²⁹ Xem CIC, các kh. 222 và 227.

^{30*} Trong số 22 này, chúng ta phân biệt bốn đề xướng:

(1) Đề xướng thứ nhất quả quyết sự hiện hữu của Giám Mục Đoàn kế vị Tông Đồ Đoàn, phác họa một chứng cứ lịch sử, và liệt kê những điều kiện gia nhập đoàn. Đây là một trong những quả quyết quan trọng nhất của Công Đồng mà người ta muốn bày tỏ tính cách bổ túc của nó cho Công Đồng Vaticanô I. Công Đồng xác nhận nguồn gốc Tông Đồ Đoàn là do Chúa, hợp với tinh thần Tân Ước (x. số 19), và Tông Đồ Đoàn được các người kế vị là Giám Mục tiếp nối liên tục. Sự liên tục đó là một kết quả hợp lý vì Chúa đã hứa cho Giáo Hội được trường tồn. Nhiều tài liệu của Truyền thống cũng xác nhận sự liên tục này. Được phong chức Giám Mục và hiệp thông giáo phẩm với Thủ Lãnh cũng như với các phần tử trong đoàn, là đã gia nhập Giám Mục Đoàn. Giám Mục Đoàn luôn đòi phải có Thủ Lãnh.

(2) Giám Mục Đoàn cũng có quyền bình tối cao và trọn vẹn trên toàn thể Giáo Hội. Điều quả quyết này gây ra nhiều vấn đề thần học quan trọng, vì như chúng ta biết, Giáo Hoàng cũng có đặc quyền ấy. Việc soạn thảo đã cố gắng minh giải vấn đề với câu: "Hiệp nhất với Thủ Lãnh (là Giáo Hoàng Roma), Giám Mục Đoàn cũng có quyền bình trọn vẹn và tối cao trên toàn thể Giáo Hội, nhưng chỉ có thể thi hành quyền này khi có sự ưng thuận của Giáo Hoàng". Như vậy phải chăng có hai quyền bình tối cao và trọn vẹn trong Giáo Hội? Làm sao có thể thế được? Bản phúc trình chính thức đã trả lời: "Vấn nạn sẽ không còn một khi lưu ý là trong Giáo Hội không phải có hai nhưng chỉ một quyền bình mà Chúa Kitô đã trao ban cho toàn thể Tông Đồ Đoàn, cho cả Phêrô lẫn các Tông Đồ. Chúng ta cũng nhận rằng quyền bình ấy thuộc về một mình Giáo Hoàng, và được thực thi trên các Giám Mục chỉ có trong thường năng; muốn có trong hiện năng phải tùy thuộc vào Giáo Hoàng. Như vậy, Giám Mục Đoàn không hạn chế quyền tối cao của Giáo

23. Mối liên lạc giữa các Giám Mục trong cộng đoàn. Sự hiệp nhất của Giám Mục Đoàn còn được biểu lộ qua mối tương giao giữa mỗi Giám Mục với các Giáo Hội địa phương và Giáo Hội phổ quát. Đức Giáo Hoàng Roma, Đấng kế vị Phêrô, là nguyên lý và nền tảng hữu hình, vĩnh cửu³⁰ của sự hiệp nhất giữa các Giám Mục cũng như giữa các tín hữu. Còn mỗi Giám Mục là nguyên lý và nền tảng hữu hình của sự hiệp nhất trong Giáo Hội địa phương³¹. Các Giáo Hội này được thành lập theo

Hoàng; nhưng chỉ thừa nhận và chuẩn y cho chức vị Giám Mục theo tư tưởng của Giáo Hội sơ khai: được phong chức Giám Mục là được tham dự thường năng vào quyền hành Chúa Kitô, để khi được Giáo Hoàng mời gọi, các Giám Mục có thể thực thi quyền hành đó ở hiện năng trong cả Giáo Hội.

Để lưu ý đến những dữ liệu này và những dữ liệu của chủ thích sơ khởi, chúng ta nên phân biệt:

- *Quyền hành (để điều khiển Giáo Hội) nơi Giám Mục Đoàn hiệp thông với Giáo Hoàng, là một vị trong đoàn với tư cách thủ lãnh.*

- *Sự thực thi (tối cao, trên toàn thể Giáo Hội) quyền hành đó đòi phải được Giáo Hoàng mời gọi, đòi phải hiệp thông hữu hiệu với Ngài hoặc ít nhất không chống lại Ngài.*

- *Sự chỉ định pháp lý (theo giáo luật), theo đó Giáo Hoàng trao phó cho một Giám Mục một lãnh thổ hay một nhiệm vụ và ban quyền tham dự vào trách nhiệm tập đoàn trên toàn thể Giáo Hội.*

(3) Trong thực tại Giám Mục Đoàn và trong sự thực thi quyền hành tập đoàn, toàn thể hàng giáo phẩm phải phục vụ cho việc hiệp nhất Dân Chúa. Giáo Hoàng là người gìn giữ việc hiệp nhất đó cả trên bình diện cơ cấu lẫn bình diện pháp lý và cai trị. Với các Giám Mục, thì Giám Mục Đoàn chính là dấu hiệu của việc hiệp nhất này trong Giáo Hội, được đảm bảo qua sự hiệp thông tập đoàn và qua những mối tương giao huynh đệ trong hàng Giám Mục.

(4) Sự thực thi quyền Giám Mục Đoàn: quyền hành tối cao của Giám Mục Đoàn được thực thi bằng hai cách: trong Công Đồng Chung do Giáo Hoàng triệu tập (hoặc ít nhất được Ngài chấp thuận); ngoài Công Đồng, do các Giám Mục rải rác khắp hoàn cầu khi được Giáo Hoàng mời gọi thực thi một việc có tính cách tập đoàn.

³⁰ Xem CĐ Vat. I, Hiến chế tín lý *Pastor aeternus*: Dz 1821 (3050r).

³¹ Xem T. Cyprianô, *Epist.* 66, 8; Hartel III, 2, trg 733: "Giám Mục trong Giáo Hội và Giáo Hội trong Giám Mục".

hình ảnh Giáo Hội phổ quát: chính nhờ và trong các Giáo Hội ấy mà có một Giáo Hội công giáo, duy nhất³². Vì thế mỗi Giám Mục đại diện cho Giáo Hội mình, và tất cả các Giám Mục cùng với Giáo Hoàng đại diện cho toàn thể Giáo Hội trong mối dây bình an, yêu thương và hiệp nhất.

Mỗi Giám Mục được đặt làm Thủ Lãnh một Giáo Hội địa phương, thực hành quyền mục vụ trên phần Dân Thiên Chúa được trao phó cho mình, chứ không thực hành quyền mục vụ trên các Giáo Hội địa phương khác, hoặc Giáo Hội phổ quát. Nhưng với tư cách là phần tử giám mục đoàn, và là người kế vị hợp pháp các Tông Đồ, mỗi Giám Mục, do sự thành lập và giới lệnh của Chúa Kitô, có bổn phận³³ ân cần săn sóc đến toàn thể Giáo Hội. Sự ân cần săn sóc đó, cho dầu không được thể hiện bằng một hành động thuộc quyền tài thẩm, vẫn mang lại rất nhiều lợi ích cho Giáo Hội phổ quát. Thực vậy, tất cả các Giám Mục có nhiệm vụ phát huy và bảo vệ sự hiệp nhất đức tin và kỷ luật chung của cả Giáo Hội, dạy cho tín hữu biết yêu mến toàn Nhiệm Thể Chúa Kitô, nhất là các chi thể nghèo khó, đau khổ và đang chịu bách hại vì sự công chính (x. Mt 5,10), sau cùng các ngài còn có nhiệm vụ phát huy mọi sinh hoạt chung của toàn Giáo Hội, nhất là phát triển đức tin và làm cho ánh sáng chân lý toàn vẹn chiếu soi trên mọi người. Đàng khác, khi điều khiển khéo léo Giáo Hội địa phương là một phần Giáo Hội phổ quát, dĩ nhiên các Giám Mục đã góp phần hữu hiệu vào công ích của toàn Nhiệm Thể cũng là thân thể của các Giáo Hội³⁴.

Lo lắng rao truyền Phúc Âm cho khắp thế giới là một bổn phận của cộng đoàn các Chủ Chăn. Chúa Kitô đã ra lệnh chung

³² Xem T. Cyprianô, *Epist.* 55, 24; Hartel, trg 642, hàng 13: "*Una Ecclesia per totum mundum in multa membra divisa*". *Epist.* 36,4; Hartel, trg 575, hàng 20-21.

³³ Xem Piô XII, *Tđ. Fidei Donum*, 21-4-1957: AAS 49 (1957), trg 237.

³⁴ Xem T. Hilariô Pict., *In Ps.* 14,3: PL 9, 206; CSEL 22, trg 86. T. Gregoriô Cả, *Moral.* IV, 7,12: PL 75, 643 C. Basiliô Cả, *In Is.* 15, 296: PG 30,637C.

cho tất cả các ngài và giao phó cho các ngài một bổn phận chung, như Đức Giáo Hoàng Coelestinô đã nhắc nhở các Nghị Phụ Công Đồng Ephesô³⁵. Vì thế các Giám Mục, trong phạm vi trách nhiệm riêng của các ngài cho phép, phải cộng tác với nhau và với Đức Giáo Hoàng là người được đặc biệt ủy thác nhiệm vụ cao cả truyền bá danh hiệu Kitô hữu³⁶. Do đó, các Giám Mục phải dốc toàn lực đóng góp cho các xứ truyền giáo nhiều thợ gặt, nhiều sự trợ giúp thiêng liêng và vật chất, vừa bằng cách tự mình trực tiếp giúp đỡ, vừa khuyến khích các tín hữu nhiệt thành cộng tác. Sau cùng, trong niềm cảm thông phổ quát của đức ái, theo gương lành đáng kính của các thế kỷ đầu, các Giám Mục hãy sẵn lòng lấy tình huynh đệ trợ giúp các Giáo Hội khác, nhất là những Giáo Hội gần nhất và túng thiếu nhất.

Các Giáo Hội khác nhau mà các Tông Đồ và những đáng kế vị đã thành lập tại nhiều nơi khác nhau theo dòng thời gian, Chúa Quan Phòng đã muốn tụ họp lại thành nhiều nhóm được liên kết ở tổ chức; các nhóm này có kỷ luật riêng, phụng vụ riêng, thừa hưởng di sản thần học và thiêng liêng riêng mà không phương hại đến sự hiệp nhất đức tin cũng như bản chất duy nhất và thần linh của Giáo Hội phổ quát. Trong các Giáo Hội ấy, một vài Giáo Hội, nhất là những Giáo Hội cổ xưa do các Giáo Chủ lãnh đạo, như các bà mẹ đức tin, đã sinh nhiều Giáo Hội khác như con cái mình, và vẫn còn liên kết với nhau cho đến ngày nay bằng mối dây bác ái mật thiết và bằng đời sống bí tích trong sự tôn trọng quyền lợi và nghĩa vụ lẫn nhau³⁷. Các Giáo Hội địa phương tuy khác nhau như thế nhưng đều

³⁵ T. Coelestinô, *Epist. 18, 1-2, gửi đến Công Đồng Eph.*: PL 50, 505AB; Schwartz, *Acta Conc. Oec. I, 1,1, trg 22. Xem Benedictô XV, Tông thư Maximum illud: AAS 11 (1919), trg 440. Piô XI, Tđ. Rerum Eccl., 28-2-1926: AAS 18 (1926), trg 69. Piô XII, Tđ. Fidei Donum, n.v.t.*

³⁶ *Leô XIII, Tđ. Grande munus, 30-9-1880: AAS 13 (1880), trg 145. - Xem CIC, kh. 1327, kh. 1350 đoạn 2.*

³⁷ Về những quyền của các Tòa giáo chủ, xem CĐ Nicea đ. th. 6 về Alexandria và Antiochia, và đ. th. 7 về Giêrusalem: Conc. Oec. Decr., trg 8. CĐ Lateranô

hướng về sự hiệp nhất, nên càng minh chứng đặc tính công giáo của một Giáo Hội không phân chia. Cũng thế, ngày nay các Hội Đồng Giám Mục có thể góp phần phong phú bằng nhiều thể cách để cụ thể hóa tinh thần cộng đoàn.^{31*}

24. Thừa tác vụ Giám Mục.^{32*} Chúa Giêsu, Đấng được ban mọi quyền năng trên trời dưới đất, đã trao cho các Giám Mục, vì là những người kế vị các Tông Đồ, sứ mệnh dạy dỗ muôn dân và rao giảng Phúc Âm cho mọi tạo vật, hầu mọi người được rồi nhờ lãnh nhận đức tin, phép Thánh Tẩy, và việc chu toàn giới răn Chúa (x. Mt 28,18-20; Mc 16,15-16; CvTđ 26,17t). Để hoàn thành sứ mệnh đó, Chúa Kitô đã hứa ban Thánh Thần từ trời xuống, để nhờ sức mạnh của Thánh Thần, các ngài làm chứng cho Chúa Kitô đến tận cùng trái đất, trước mọi dân nước và vua chúa (CvTđ 1,8; 2,1tt.; 9,15). Nhiệm vụ Chúa đã trao phó cho các chủ chăn của dân Người thực là một việc phục vụ, mà Thánh Kinh gọi rõ ràng là "diakonia" nghĩa là thừa tác vụ (x. CvTđ 1,17 và 25; 21,19; Rm 11,13; 1Tm 1,12).

IV, năm 1215, Hiến chế V: De dignitate Patriarcharum: n.v.t., trg 212. CĐ Ferr.
- Flor.: n.v.t., trg 504.

^{31*} *Số 23: Trên bình diện liên lạc chiều ngang giữa các Giám Mục, sự thực thi quyền Giám Mục Đoàn thường được khai triển dưới ba hình thức:*

- *Giám Mục là dấu hiệu và khí cụ hiệp nhất trong Giáo Hội địa phương (x. sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của Giám Mục, số 6). Từ đó Giám Mục quan tâm đến trách vụ của toàn thể Giáo Hội.*

- *Trách nhiệm tập đoàn về việc loan báo Phúc Âm cho cả thế giới: bởi vậy phải hỗ trợ các Giáo Hội tại miền truyền giáo và các Giáo Hội ít được nâng đỡ (x. sắc lệnh về hoạt động Truyền Giáo, số 20).*

- *Ý nghĩa và giá trị các Giáo Hội có tòa thượng phụ ở Đông Phương và các Giáo Hội khác phát sinh ra từ đó. Phải tôn trọng các Giáo Hội này vì có truyền thống và kỷ luật riêng.*

Số 23 kết thúc bằng vài dòng văn tắt nói về Hội Đồng Giám Mục qui tụ các Giám Mục trong một lãnh thổ hay trong một quốc gia.

^{32*} *Tiểu mục 3: thừa tác vụ Giám Mục và những quyền năng (các số 24-27).*

Chức vụ bổ nhiệm theo giáo luật được trao cho các Giám Mục hoặc theo tập tục hợp pháp chưa bị quyền tối thượng và phổ quát của Giáo Hội đoạn tiêu, hoặc theo các luật lệ được Giáo Hội ban hành hay thừa nhận, hoặc trực tiếp do chính đấng kế vị Phêrô; nếu Đức Giáo Hoàng phản đối hoặc từ chối không cho hiệp thông với Tòa Thánh, thì các Giám Mục không thể được lãnh nhận chức vụ ^{38.33*}

25. *Nhiệm vụ giáo huấn.* Việc rao giảng Phúc Âm ³⁹ là một nhiệm vụ trỗi vượt trong các nhiệm vụ chính yếu của Giám Mục, Giám Mục là những người rao truyền đức tin, đem nhiều môn đệ mới về với Chúa Kitô, Giám Mục là những tiến sĩ đích

³⁸ Xem CIC cho Giáo Hội Đông Phương, các kh. 216-314: về các Giáo Chủ; các kh. 324-339: về các Đại Tổng Giám Mục; các kh. 362-391: về các vị chức sắc khác; đặc biệt các kh. 238, đoạn 3; 216; 240; 251; 255: về các Giám Mục được các Giáo Chủ đặt lên.

^{33*} *Số 24: Nói về thừa tác vụ Giám Mục, tiếp tục cho số 20. Ở đây không bàn về chức vị hay quyền bính, nhưng về thừa tác vụ Giám Mục. Công Đồng nhấn mạnh tới đặc tính phục vụ của những người được Chúa kêu gọi cai trị Dân Chúa, theo kiểu nói của Thánh Kinh (x. Mt 20, 24-28; Gio 13, 1-17). Giám Mục là người phục vụ cho phần dân được trao phó, và phục vụ cho toàn thế giới. Ngài phải nỗ lực rao giảng và làm cho Phúc Âm sống động, và nếu cần, phải hiến mạng sống cho đoàn chiên. Muốn được thế, các Giám Mục nhận lấy sức mạnh của Chúa Thánh Thần, Đấng thánh hiến các Ngài để phục vụ. Công Đồng còn thêm một đoạn nữa bàn đến sứ mệnh theo giáo luật, nghĩa là Giám Mục được quyền cấp trên chỉ định đặc trách một lãnh thổ hay một số dân nhất định. Có ba cách thức chỉ định được coi là có hiệu lực: tập tục chưa bị đoạn tiêu, luật lệ được Tòa Thánh ban hành hay thừa nhận, do chính Giáo Hoàng chỉ định. Với hai cách đầu tiên, phải có sự chấp thuận minh nhiên hay mặc nhiên của Tòa Thánh, nếu không sẽ bất thành sự.*

Ba số kế tiếp đề cập đến quyền năng Giám Mục (các số 25-27). Nhiều nhà thần học phân biệt thành hai quyền năng phạm trù: quyền theo chức vị và quyền theo sứ mệnh. Công Đồng trái lại đã chọn kiểu nói ba quyền năng: giảng dạy, thánh hóa và cai trị Dân Chúa, và cho như vậy là tiện lợi hơn, vì cách phân chia này cho phép mô tả các quyền năng, và nếu cần, minh xác các quyền năng đó. Có lẽ còn lý do nữa là liên kết quyền năng của giáo phẩm với ba nhiệm vụ của Chúa Kitô (được nhắc tới trong các số 34-36): nhiệm vụ tư tế, tiên tri và vương giả.

³⁹ Xem CĐ Trentô sắc lệnh *De Reform.*, khóa V, ch. 2, số 9, và khóa XXIV, đ.th. 4: *Conc. Oec. Decr.*, trg 645 và 739.

thực, nghĩa là có uy quyền của Chúa Kitô, giảng dạy cho những kẻ được trao phó cho các Ngài, một đức tin phải được xác tín và phải được áp dụng vào các phong tục, và làm sáng tỏ đức tin đó bởi ánh sáng của Chúa Thánh Thần. Các Ngài rút ra những cái mới cái cũ trong kho tàng Mạc Khải (x. Mt 13,52) để làm cho đức tin trở sinh hoa trái, và luôn tỉnh thức loại bỏ mọi lầm lạc đang đe dọa đàn chiên mình (x. 2Tm 4,1-4). Mọi người phải kính trọng các Giám Mục như những chứng nhân của chân lý thần linh và công giáo khi các ngài thông hiệp với Giáo Hoàng Roma mà dạy dỗ, các tín hữu phải chấp nhận phán quyết của Giám Mục mình, khi nhân danh Chúa Kitô, công bố những gì về đức tin và phong hóa, cũng như phải tuân theo ngài với một lòng kính cẩn tuân phục. Mọi người phải lấy ý chí và lý trí mà kính cẩn tuân phục một cách đặc biệt những giáo huấn chính thức của Giáo Hoàng Roma, dù khi ngài không tuyên bố từ thượng tòa. Như vậy là kính trọng, nhận biết giáo huấn tối thượng và chân thành chấp nhận các phán quyết của ngài theo đúng tư tưởng và ý muốn ngài trình bày, đặc biệt biểu lộ qua tính chất các tài liệu, hoặc qua việc ngài lập lại nhiều lần đề nghị một giáo thuyết, hay qua cách diễn tả của ngài.

Tuy mỗi Giám Mục riêng rẽ không có đặc quyền bất khả ngộ, nhưng dù tản mác khắp thế giới, nếu thông hiệp với nhau và với đấng kế vị Thánh Phêrô, các ngài cùng đồng ý dạy cách chính thức những điều thuộc đức tin và phong hóa là tuyệt đối buộc phải giữ, thì lúc đó các ngài công bố cách bất khả ngộ giáo thuyết của Chúa Kitô⁴⁰. Điều đó còn rõ ràng hơn, khi họp nhau trong Công Đồng Chung, các ngài là những tiến sĩ và thẩm phán về đức tin và phong hóa cho toàn thể Giáo Hội. Phải

⁴⁰ Xem CĐ Vat. I, *Hiến chế tín lý Dei Filius*, 3: Dz 1712 (3011). Xem ghi chú kèm theo *Lược Đồ I về De Eccl.* (trích từ Thánh Rob. Bellarmino): Mansi 51, 579C, và *Lược Đồ đã được sửa đổi của Hiến Chế II De Eccl. Christi*, với phần chú giải củ Kleutgen: Mansi 53, 313 AB. *Đức Piô IX, Thư "tuas libenter"*: Dz 1683 (2879).

tuân theo các định tín của các ngài⁴¹ với một lòng vâng phục và với tinh thần đức tin.

Chúa Cứu Thế đã muốn Giáo Hội Người bắt khả ngộ khi xác định giáo thuyết về đức tin và phong hóa; ơn bắt khả ngộ đó có phạm vi rộng rãi tùy theo kho tàng Mạc Khải mà Giáo Hội phải bảo toàn cách cẩn trọng và phải trình bày cách trung thực. Giám Mục Roma, vị thủ lãnh của Giám Mục Đoàn hưởng ơn bắt khả ngộ đó do nhiệm vụ của Ngài khi với tư cách là mục tử và tiến sĩ tối cao của mọi Kitô hữu, ngài củng cố anh em mình vững mạnh trong đức tin (x. Lc 22,32), công bố giáo thuyết về đức tin và phong hóa bằng một phán quyết chung thẩm⁴². Vì thế, các phán quyết của ngài tự nó, chứ không do sự đồng ý của Giáo Hội, phải được coi là không thể sửa đổi, vì đó là những phán quyết được công bố dưới sự bảo trợ của Chúa Thánh Thần, mà Chúa đã hứa ban cho ngài qua Thánh Phêrô nên không cần ai khác chấp thuận và không nại tới phán đoán nào khác. Khi đó Giáo Hoàng Roma không phán quyết với tư cách cá nhân, nhưng trình bày và bảo vệ giáo thuyết đức tin công giáo với tư cách là thầy dạy tối cao của toàn thể Giáo Hội; nơi ngài đặc biệt có ơn bắt khả ngộ của chính Giáo Hội⁴³. Ơn bắt khả ngộ của chính Giáo Hội cũng hiện hữu nơi Giám Mục Đoàn khi các ngài xử dụng quyền giáo huấn tối thượng cùng với đáng kể vị Thánh Phêrô. Do tác động của cùng một Chúa Thánh Thần, Giáo Hội không thể không chấp nhận những phán quyết đó, và Chúa Thánh Thần bảo vệ và phát triển toàn thể đàn chiên Chúa Kitô trong sự hợp nhất đức tin⁴⁴.

Khi Giáo Hoàng Roma, hoặc Giám Mục Đoàn cùng với ngài, phán quyết một điều gì, thì các ngài tuyên bố điều ấy theo

⁴¹ Xem CIC các kh. 1322-1323.

⁴² Xem CĐ Vat. I, Hiến chế tín lý *Pastor Aeternus*: Dz 1839 (3074).

⁴³ Xem giải nghĩa của Gasser trong CĐ Vat. I : Mansi 52. 1212 AC.

⁴⁴ Xem Gasser n.v.t.: Mansi 1214A.

chính Mạc Khải mà các vị ấy phải trung thành tuân giữ. Mạc Khải trong Kinh Thánh hay trong Thánh Truyền đều được truyền lại trọn vẹn nhờ sự kế vị hợp pháp các Giám Mục và nhất là nhờ sự quan tâm của chính Giáo Hoàng Roma. Nhờ Thánh Thần Chân Lý, Mạc Khải ấy được gìn giữ cách cẩn trọng và trình bày cách trung thực⁴⁵. "Để có thể khảo sát đúng đắn và trình bày cách thích hợp Mạc Khải này, Đức Giáo Hoàng và các Giám Mục làm việc cẩn thận bằng phương tiện thích hợp, tùy theo nhiệm vụ và tầm quan trọng của sự việc"⁴⁶; nhưng các ngài không nhận được một Mạc Khải công khai mới nào thêm vào kho tàng thần khải của đức tin^{47.34*}

26. Nhiệm vụ thánh hóa. Giám Mục, bởi nhận lãnh bí tích Truyền Chức Thánh cách viên mãn, là "người quản lý ơn sủng

⁴⁵ Xem Gasser n.v.t.: Mansi 1215 CD, 1216-1217 A.

⁴⁶ Xem Gasser n.v.t. : Mansi 1213.

⁴⁷ Xem CĐ Vat. I, Hiến chế tín lý *Pastor aeternus*, 4: Dz 1836 (3070).

^{34*} Số 25: *Quyền giảng dạy (giáo huấn)*.

Số này trình bày những tiêu chuẩn định giá trị lời giảng dạy của giáo phẩm, trong khuôn khổ Giám Mục Đoàn, và trình bày nguyên tắc quyền bính. Nội dung của lời giảng, những đối tượng khác nhau của giáo huấn Giáo Hội được phân tích trong sắc lệnh về nhiệm vụ Giám Mục (các số 12-14).

Việc soạn thảo bản văn gặp nhiều khó khăn. Công Đồng muốn giữ y nguyên định nghĩa về quyền giáo huấn bất khả ngộ của Giáo Hoàng, vừa muốn quả quyết quyền giáo huấn của các Giám Mục. Điều xác định căn bản như sau: nhiệm vụ đầu tiên của Giám Mục là rao giảng Phúc Âm. Bản văn chia ra bốn phần:

- Giám Mục là tiến sĩ của đức tin nên phải tuân theo lời giảng dạy của các Ngài.

- Bất khả ngộ tính của Giám Mục khi đồng thanh giảng dạy không những trong Công Đồng Chung mà ngay cả khi các Ngài thông hảo với nhau và với Đấng kế vị Phêrô để giảng dạy những giáo lý thuộc đức tin và phong hóa. Đây là đề tài cổ hữu trong khoa thần học.

- Bất khả ngộ tính của một mình Giáo Hoàng được xác định khéo léo ở đây, trong khuôn khổ của việc giảng dạy được các Giám Mục thực thi trong tập đoàn.

- Sự tương hợp của giáo thuyết Giáo Hội với Mạc Khải.

của chức linh mục tối cao" ⁴⁸, nhất là trong hy lễ tạ ơn do chính ngài dâng hoặc lo liệu cho có lễ dâng ⁴⁹, nhờ đó Giáo Hội luôn sống động và tăng triển. Giáo Hội Chúa Kitô thực sự hiện diện trong mọi đoàn thể tín hữu địa phương hợp pháp. Những đoàn thể này, vì hợp nhất với các chủ chăn, nên trong Tân Ước cũng được gọi là Giáo Hội ⁵⁰. Thực vậy, trong phần đất mình, mỗi đoàn thể là Dân Tộc Mới được Thiên Chúa kêu gọi trong Thánh Thần và trong sự viên mãn đầy tràn (x. 1Th 1,5). Nơi các đoàn thể đó, tín hữu được tụ họp lại nhờ sự rao giảng Phúc Âm Chúa Kitô, và mầu nhiệm Tiệc Ly của Chúa được cử hành "để nhờ Thịt và Máu Chúa, tất cả kết thành huynh đệ và thành một thân thể" ⁵¹. Mỗi lần Giám Mục cử hành nhiệm vụ ⁵² với cộng đoàn tụ họp quanh bàn thờ, đó là biểu hiệu đức ái và "sự hiệp nhất của nhiệm thể, và nếu thiếu sự hiệp nhất đó, không thể có ơn cứu rỗi" ⁵³. Chúa Kitô vẫn hiện diện trong các cộng đoàn ấy, dù nhỏ bé nghèo hèn hay tản mác khắp nơi. Và nhờ thần lực Người, Giáo Hội hiệp thành duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền ⁵⁴. Bởi vì "việc tham dự vào Mình và Máu Chúa Kitô không có công hiệu nào khác hơn là biến đổi chúng ta thành Đấng mà chúng ta lãnh nhận" ⁵⁵.

Mọi việc cử hành hợp pháp hy lễ tạ ơn đều do Giám Mục điều khiển; ngài là người lãnh nhận nhiệm vụ dâng lên nhan uy linh Chúa sự thờ phượng của Kitô giáo và có phận sự điều hành việc thờ phượng đó theo đúng giới răn Chúa và lề luật Giáo

⁴⁸ *Lời nguyện lễ tấn phong Giám Mục theo nghi lễ Bizantinô: Euchologion to mega Roma, 1873, trg 139.*

⁴⁹ *Xem T. Inhaxiô Tử đạo, Smyrn. 8,1: x.b. Funk I, trg 282.*

⁵⁰ *Xem CvTđ 8,1; 14,22-23; 20,17 và nhiều chỗ khác.*

⁵¹ *Lời nguyện Tây Ban Nha: PL 96, 759B.*

⁵² *Xem T. Inhaxiô Tử đạo, Smyrn. 8,1: x.b. Funk, I, trg 282.*

⁵³ *T. Tôma, Summa Theol. III, q. 73, a. 3.*

⁵⁴ *Xem T. Augustinô, C. Faustum, 12, 20: PL 42, 265; Serm. 57, 7: PL 38, 389, v.v...*

⁵⁵ *T. Lêô Cả, Serm. 63, 7: PL 54, 357C.*

Hội. Ngài dùng phán quyết riêng để xác định những lề luật đó cho giáo phận mình.

Như thế, khi cầu nguyện và làm việc cho dân chúng, các Giám Mục đổ đầy tràn trên họ, dưới nhiều hình thức, những ơn lành do sự thánh thiện sung mãn của Chúa Kitô. Bằng thừa tác vụ lời Chúa, các ngài thông truyền cho tín hữu sức mạnh của Thiên Chúa hầu cứu rỗi họ (x. Rm 1,16). Các ngài thánh hóa giáo hữu bằng các bí tích mà với quyền giám mục, các ngài lo ban phát cách đều đặn và phong phú⁵⁶. Các ngài xác định việc cử hành bí tích Thánh Tẩy là bí tích ban quyền tham dự vào chức linh mục vương giả của Chúa Kitô. Chính các ngài là thừa tác viên căn nguyên của bí tích Thêm Sức, là người truyền các chức thánh, ra qui luật về phép Giải Tội và tận tình khuyên bảo, giáo huấn giáo dân để họ kính cẩn và tin tưởng chu toàn phận sự họ trong phụng vụ và nhất là trong Thánh Lễ hy tế. Sau cùng, các ngài phải làm gương cho những kẻ thuộc quyền bằng lời ăn tiếng nói của mình. Trong cách sống, các ngài phải xa tránh mọi điều ác, và với ơn Chúa giúp, cố gắng hoàn thiện theo hết khả năng, để cùng với đoàn chiên Chúa trao phó, đạt tới đời sống vĩnh cửu^{57.35*}

27. Nhiệm vụ cai quản. Là đại diện và sứ giả Chúa Kitô, các Giám Mục điều khiển Giáo Hội địa phương mà Chúa đã ủy

⁵⁶ Xem *Traditio Apostolica* của Hippolytô, 2-3: x.b. Botte, trg 26-30.

⁵⁷ Xem đoạn "khảo duyệt" ở đầu lễ tấn phong Giám Mục và kinh nguyện sau lễ tấn phong Giám Mục, sau *Te Deum*.

^{35*} Số 26: *Quyền thánh hóa*.

Số này tuy dài nhưng khúc chiết, được sắc lệnh về nhiệm vụ Giám Mục (số 15) bổ túc. Ý tưởng chính là: Giám Mục là người chủ chốt ban phát các mầu nhiệm của Chúa, là người tổ chức, phát động và bảo trì đời sống phụng vụ. Ngài chủ tọa thánh lễ cộng đồng, có trách vụ loan báo lời Chúa trong công hội phụng vụ. Ngài còn là thừa tác viên chủ yếu của các bí tích. Kết luận của số này là lời ám chỉ đến gương mẫu đời sống mà các mục tử phải nêu ra.

thách cho⁵⁸, nhờ lời khuyên bảo, khuyến khích, gương lành, và còn bằng uy thế cùng quyền bính thánh thiện nữa. Thực vậy, các ngài chỉ dùng quyền bính để xây dựng đoàn chiên trong chân lý và thánh thiện, và luôn tâm niệm rằng: kẻ cao trọng hãy nên như kẻ rốt hết, người làm chủ hãy nên như tôi tớ (x. Lc 22,26-27). Quyền bính các ngài đích thân thi hành nhân danh Chúa Kitô, là quyền bính riêng biệt, thông thường và trực tiếp; nhưng việc thi hành cuối cùng còn lệ thuộc vào quyền tối cao của Giáo Hội, và có thể bị giới hạn phần nào vì lợi ích của Giáo Hội hay của các tín hữu. Với quyền bính ấy, các Giám Mục có quyền thiêng liêng và trước mặt Chúa có nhiệm vụ đặt ra các luật lệ cho những người thuộc quyền, xét xử và qui định tất cả những gì liên hệ tới việc thờ phượng và việc tông đồ.

Chính các Giám Mục được trao phó trọn vẹn trách nhiệm mục vụ, tức là thường xuyên và hàng ngày săn sóc con chiên mình. Không được coi các ngài như những đại diện của Giáo Hoàng Roma, vì các ngài thi hành quyền bính riêng của mình và thực sự là thủ lãnh của các dân mà các ngài cai quản⁵⁹. Vì thế, quyền bính Giám Mục không bị quyền tối cao và phổ quát làm giảm bớt, nhưng trái lại còn được nâng đỡ, củng cố và bảo đảm⁶⁰, vì Chúa Thánh Thần hằng duy trì thể thức cai quản do Chúa Kitô thiết lập trong Giáo Hội.

Được Chủ sai đi cai quản gia đình mình, Giám Mục phải chiêm ngắm gương mẫu Chúa Chiên Lành, Người đến để phục

⁵⁸ Xem *Benedictô XIV, Br. Romana Ecclesia, 5-10-1752, đoạn 1 Bullarium Benedicti XIV, bộ IV, Roma 1758, 21*: "Giám Mục thay mặt Chúa Kitô và chu toàn công cuộc của Ngài". *Piô XII, Tđ. Mystici Corporis, n.v.t., trg 211*: "mỗi Giám Mục chân dấy và điều khiển đoàn chiên được giao phó nhân danh Chúa Kitô".

⁵⁹ Xem *Leô XIII, Tđ. Satis cognitum, 29-6-1896: AAS 28 (1895-96), trg 732, n.v.t., thư Officio Sanctissimo, 22-12-1887: AAS 20 (1887), trg 264. Piô IX, Tông thư gửi các Giám Mục Đức, 12-3-1875 và huấn từ 15-3-1875: Dz 3112-3117 trong lần phát hành mới*.

⁶⁰ Xem *CE Vat. I: Hiến Chế tín lý Pastor aeternus, 3: Dz 1828 (3061)*. Xem bài phúc trình của Zinelli: *Mansi 52, 1114 D*.

vụ chứ không phải để được phục vụ (x. Mt 20,28; Mc 10,45) và hiến mạng sống mình vì con chiên (x. Gio 10,11). Được chọn giữa loài người và đầy yếu hèn, ngài có thể cảm thông nỗi đau khổ với những ai dốt nát và lầm lạc (x. Dth 5,1-2). Giám Mục không nên từ chối lắng nghe những kẻ thuộc quyền, nhưng hãy ân cần săn sóc họ như những người con đích thực, và khuyên nhủ họ hăng hái cộng tác với mình. Vì phải trả lễ với Chúa về linh hồn con cái mình (x. Dth 13,17), Giám Mục hãy cầu nguyện, rao giảng và làm mọi việc bác ái săn sóc họ và cả những người chưa thuộc đoàn chiên duy nhất mà ngài cũng phải coi như được trao phó cho mình trong Chúa. Như Tông Đồ Phaolô, Giám Mục mắc nợ tất cả mọi người, cho nên hãy hăng hái rao giảng Phúc Âm cho mọi người, (x. Rm 1,14-15) và khuyến khích các tín hữu làm việc tông đồ và truyền giáo. Còn tín hữu phải liên kết với Giám Mục như Giáo Hội gắn bó với Chúa Giêsu Kitô, và như Chúa Giêsu Kitô gắn bó với Chúa Cha, hầu nhờ sự hiệp nhất ấy tất cả mọi sự đều hòa hợp⁶¹ và trở nên phong phú cho vinh quang Thiên Chúa (x. 2Cor 4,15).^{36*}

⁶¹ Xem T. Inhaxiô Tử đạo, *Ad Ephes. 5,1* : x.b. Funk, I, trg 216.

^{36*} Số 27: Quyển cai quản.

Đoạn này còn được Sắc Lệnh về nhiệm vụ Giám Mục (số 16) bổ túc. Trong số đó, Công Đồng xác định chi tiết những bổn phận mục vụ của người tông đồ, đặc biệt đối với linh mục, và cả với những tín hữu ly khai cũng như những người chưa chịu phép Thánh Tẩy. Công Đồng đã giữ lại và lưu ý lời quả quyết này là: các Giám Mục là đại diện và thừa phái của Chúa Kitô chứ không phải đại diện Giáo Hoàng, vì lẽ các Ngài thi hành quyền năng riêng biệt của các Ngài, và việc gọi các Ngài là thủ lãnh phân dân các Ngài hướng dân, quả là điều xác đáng. Ở đây Công Đồng cũng nhấn mạnh đến ý tưởng phục vụ: quyền bính Giám Mục không để thống trị; ngoài ra còn kín đáo ám chỉ tới trách nhiệm của Giám Mục đối với những người chưa thuộc về đoàn chiên duy nhất. Giám Mục không chỉ bận tâm riêng với tín hữu, nhưng có trách nhiệm đối với mọi người; ngay trong giáo phận, Ngài phải là một vị thừa sai. Câu sau cùng nhắc nhở cho tín hữu phải biết liên kết với Giám Mục của mình như Giáo Hội đã liên kết với Chúa Kitô và Chúa Kitô với Chúa Cha.

28. Các linh mục trong mối tương quan với Chúa Kitô, với các Giám Mục, với anh em Linh Mục và với dân Chúa. ^{37*}

Được Chúa Cha thánh hóa và phái đến thế gian (x. Gio 10,36), Chúa Kitô nhờ các Tông Đồ, đã làm cho các Giám Mục, những vị kế nghiệp các Tông Đồ, có thể tham dự vào việc cung hiến và vào sứ mạng của mình ⁶². Các Giám Mục lại giao nhiệm vụ thừa tác của mình một cách hợp pháp cho nhiều phần tử trong Giáo Hội theo từng cấp bậc. Như thế, thừa tác vụ do Thiên Chúa thiết lập trong Giáo Hội được thi hành bởi những người có chức vụ khác nhau mà từ xưa được gọi là Giám Mục, Linh Mục và Phó Tế ⁶³. Linh Mục, dù không có quyền tư tế tối cao và tùy thuộc Giám Mục khi thi hành quyền bính, cũng hiệp nhất với Giám Mục trong tước vị Linh Mục ⁶⁴. Nhờ bí tích Truyền Chức Thánh ⁶⁵, linh mục được cung hiến theo hình ảnh Chúa Kitô, thầy cả Thượng Phẩm vĩnh viễn (x. Dth 5,1-10; 7,24; 9,11-28), để rao giảng Phúc Âm, chấn dất tín hữu và cử hành việc thờ phượng Thiên Chúa với tư cách tư tế đích thực của Tân Ước ⁶⁶. Theo cấp bậc thừa tác của mình tham dự vào nhiệm

^{37*} *Tiểu mục 4: Những cộng tác viên của Giám Mục (các số 28-29).*

Công Đồng biên soạn và khai triển đoạn này trong những cuộc bàn cãi vào tháng 9 năm 1964. Về linh mục, số 29 còn được bổ túc và minh định qua Sắc Lệnh về nhiệm vụ Giám Mục (các số 28-35). Công Đồng chưa có thời giờ quảng diễn một khoa thần học về chức linh mục thừa tác, nên tạm thời chỉ nói sơ qua khi bàn về chức Giám Mục. Sự liên lạc giữa hai bên khiến Công Đồng liệt kê được những quả quyết chính yếu trong những số này để kết thúc cho một chương khá dài, đòi nhiều công phu.

⁶² Xem T. Inhatiô từ đạo, *Ad Ephes. 6,1*: x.b. Funk I, trg 218.

⁶³ Xem CĐ Trentô, khóa 23, *De Sacr. ord.*, ch. 2: Dz 958 (1765) và đ. th. 6: Dz 966 (1776).

⁶⁴ Xem *Innocentiô I, Epist. ad Decentium*: PL 20, 554A; Mansi 3, 1029; Dz 98 (215): "Linh mục tùy thuộc và hàng tư tế bậc thấp, nên không có quyền tư tế tối cao". T. Cyprianô, *Epist. 61, 3*: x.b. Hartel, trg 696.

⁶⁵ Xem CĐ Trentô, n.v.t.: Dz 956-968 (1763-1778), và đặc biệt đ.th. 7: Dz 967 (1777). Piô XII, *Tông hiến Sacramentum Ordinis*: Dz 2301 (3857-61).

⁶⁶ Xem *Innocentiô I, n.v.t.* - T. Gregoriô Naz., *Apol. II, 22*: PG 35, 432 B. Dionysiô Già, *Eccl. Hier.*, 1,2: PG 3,372 D.

vụ Chúa Kitô, Đấng trung gian duy nhất (x. 1Tm 2,5), các linh mục loan báo lời Thiên Chúa cho mọi người. Nhưng các ngài thực thi thánh vụ mình cách tuyệt hảo nhất là trong Thánh Lễ hoặc cộng đồng tạ ơn, trong đó, các ngài thay thế Chúa Kitô⁶⁷ công bố mầu nhiệm của Chúa, kết hợp với ước nguyện của tín hữu vào hy lễ của thủ lãnh và trong hy tế Thánh Lễ, hiện tại hóa và áp dụng hy lễ duy nhất của Tân Ước⁶⁸, là của lễ tinh tuyền đã một lần tự dâng hiến lên Chúa Cha (x. Dth 9,11-28), cho tới ngày Chúa trở lại (x. 1Cor 11,26). Linh mục chu toàn cách tuyệt hảo chức vụ giao hòa và an ủi đối với các tín hữu thống hối và bệnh tật. Linh mục dâng lên Chúa Cha các nhu cầu và lời khẩn nguyện của các tín hữu (x. Dth 5,1-3). Trong quyền hạn mình, linh mục thi hành nhiệm vụ Chúa Kitô mục tử và thủ lãnh⁶⁹, tụ họp gia đình Thiên Chúa là cộng đoàn huynh đệ có cùng một tâm hồn⁷⁰, và nhờ Chúa Kitô, trong Chúa Thánh Thần, dẫn đưa cộng đoàn ấy về với Thiên Chúa Cha. Linh mục thờ lạy Thiên Chúa trong tinh thần và trong chân lý giữa đoàn chiên (x. Gio 4,24). Sau hết, vất vả truyền giáo và dạy dỗ (x. 1Tm 5,17), linh mục tin những gì ngài đã đọc thấy và suy niệm trong lề luật Chúa, dạy dỗ những gì mình tin và thực hành những điều mình dạy⁷¹.

Là cộng sự viên khôn ngoan, là phụ tá và là dụng cụ của hàng Giám Mục⁷², linh mục được kêu gọi để phục vụ Dân Thiên Chúa. Các ngài hợp với Giám Mục mình tạo thành linh

⁶⁷ Xem *CĐ Trentô*, khóa 22: Dz 940 (1743). *Piô XII*, *Tđ. Mediator Dei*, 20-11-1947: AAS 39 (1947), trg 553; Dz 2300 (3850).

⁶⁸ Xem *CĐ Trentô*, khóa 22: Dz 938 (1739-40) - *CĐ Vat. II*, *Hiến chế về Phụng Vụ Thánh Sacrosanctum Concilium số 7 và 47*: AAS 56 (1964), trg 100-113.

⁶⁹ Xem *Piô XII*, *Tđ. Mediator Dei*, n.v.t., số 67.

⁷⁰ Xem *T. Cyprianô*, *Epist. 11,3*: PL 4,242B; x.b. *Hartel II*, 2, trg 497.

⁷¹ Xem *Pontificate Romanum*, lễ truyền chức linh mục: lúc mặc áo lễ.

⁷² n.v.t.: kinh tiền tụng.

mục đoàn duy nhất với nhiều chức vụ khác nhau⁷³. Trong mỗi cộng đoàn tín hữu địa phương, linh mục, là hiện thân của Giám Mục mà các ngài hằng liên kết với lòng tin tưởng và quảng đại, lãnh nhận phân chức vụ cùng chia sẻ nỗi lo lắng của Giám Mục và hằng ngày ân cần thi hành chức vụ ấy. Dưới quyền Giám Mục, linh mục thánh hóa và dẫn dắt một phần đoàn chiên Chúa trao phó cho mình, làm cho người ta thấy được Giáo Hội phổ quát ngay tại địa phương mình, góp phần hữu hiệu vào việc xây dựng toàn thân thể Chúa Kitô (x. Eph 4,12). Luôn mưu cầu ích lợi cho con cái Thiên Chúa, linh mục phải hằng hái tham gia công cuộc mục vụ của cả giáo phận, hơn nữa của toàn thể Giáo Hội. Vì tham dự vào chức linh mục và vào sứ mệnh của Giám Mục, linh mục phải thực sự xem ngài như cha mình và phải kính cẩn vâng phục ngài. Phần Giám Mục cũng phải coi sóc các linh mục cộng tác với mình như con cái và bạn hữu, như Chúa Kitô không gọi môn đệ là tôi tớ, nhưng là bạn hữu (x. Gio 15,15). Do đó, tất cả các linh mục triều cũng như dòng, bởi chức thánh và thừa tác vụ, được nối kết vào Giám Mục Đoàn và phục vụ cho lợi ích của toàn thể Giáo Hội tùy theo ơn gọi và ân sủng riêng.

Một tình huynh đệ thẩm thiết nối kết tất cả các linh mục với nhau vì cùng tham dự một chức thánh và một sứ mệnh chung. Tình huynh đệ đó phải bộc lộ một cách tự phát tự nguyện qua sự tương trợ cả tinh thần lẫn vật chất, trong phạm vi mục vụ cũng như trong phạm vi cá nhân, trong các buổi hội họp, cũng như trong sự hiệp thông với nhau qua đời sống, việc làm và tình bác ái.

Linh mục phải săn sóc các tín hữu như những người cha trong Chúa Kitô, vì đã sinh ra họ cách thiêng liêng nhờ phép Thánh Tẩy và giáo huấn (x. 1Cor 4,15 và 1P 1,23). Nêu gương

⁷³ Xem T. Inhatiô Từ đạo, *Philad. 4: x.b. Funk I*, trg 266. T. Corneliô I, trong T. Cyprianô, *Epist. 48, 2: Hartel III, 2*, trg 610.

cho đoàn chiên (1P 5,3), linh mục phải làm sao hướng dẫn và phục vụ cộng đoàn địa phương của mình, để họ xứng đáng mang danh hiệu Giáo Hội Thiên Chúa (x. 1Cor 1,2; 2Cor 1,1) là danh hiệu riêng biệt của toàn thể Dân Thiên Chúa là Dân duy nhất. Linh mục hãy nhớ rằng mình phải tỏ ra cho tín hữu và lương dân, cho người công giáo và ngoài công giáo thấy gương mặt của một thừa tác vụ thực sự tư tế và mục vụ, phải minh chứng cho mọi người thấy chân lý và sự sống. Như mục tử tốt lành, linh mục còn phải đi tìm (x. Lc 15,4-7) những người đã lãnh nhận phép Thánh Tẩy trong Giáo Hội công giáo nhưng đã xao lãng không lãnh nhận các bí tích hay nhất là đã mất đức tin.

Ngày nay, vì nhân loại ngày càng hiệp nhất về dân sự, kinh tế và xã hội, nên các linh mục càng phải loại trừ mọi mầm mống chia rẽ, phải nối kết cố gắng và khả năng mình dưới sự hướng dẫn của các Giám Mục và Giáo Hoàng, để toàn thể nhân loại hiệp nhất trong gia đình Thiên Chúa. ^{38*}

^{38*} Số 28: Về Linh Mục.

Công Đồng không muốn đề cập đến những vấn đề thuộc khoa chú giải do Tân Ước đặt ra, nhưng chỉ muốn xác định điều này: các linh mục, vì là những thừa tác viên cộng tác với Giám Mục, nên được tham dự vào quyền hành và sứ mệnh mà Chúa Kitô đã trao ban cho các Tông Đồ.

- Tương quan giữa linh mục Chúa Kitô: tùy theo mức độ thừa tác vụ, linh mục tham dự vào nhiệm vụ Chúa Kitô là Vị Trung Gian duy nhất, nhiệm vụ được thi hành trong việc tế tự và trong công hội: thừa tác vụ của ngài là dâng Thánh Lễ, dẫn dắt đoàn chiên, dùng bí tích mà thánh hóa, rao giảng Lời Chúa.

- Tương quan giữa linh mục và Giám Mục: lặp lại hình thức linh mục đoàn ngày xưa, nghĩa là các linh mục tập trung quanh Giám Mục để cùng lãnh trách nhiệm chung là truyền bá Phúc Âm. Giám Mục phải sống tình cha con, còn linh mục phải vâng lời và tuân phục. Chức tư tế của linh mục tùy thuộc và tham dự vào chức tư tế của Giám Mục. Linh mục cộng tác vào công cuộc truyền bá Phúc Âm có tình cách tập đoàn.

- Tương quan giữa linh mục với nhau: Công Đồng mời gọi các linh mục cộng tác với nhau về mặt thiêng liêng, mục vụ và cả trong những công việc trần thế.

29. Các phó tế. Ở bậc thấp hơn của hàng giáo phẩm, có các phó tế, những người đã được đặt tay "không phải để lãnh nhận chức vụ linh mục, nhưng là để phục vụ"⁷⁴. Thực vậy, được ân sủng bí tích bồi bổ, các phó tế, hiệp thông với Giám Mục và Linh Mục Đoàn, phục vụ Dân Thiên Chúa bằng việc phụng vụ, giảng dạy, và bác ái. Khi được những vị có thẩm quyền chỉ định, các phó tế được cử hành trọng thể phép Thánh Tẩy, giữ và trao Mình Thánh Chúa, nhân danh Giáo Hội chứng kiến và chúc lành hôn phối, mang của ăn đàng cho kẻ hấp hối, đọc Thánh Kinh cho tín hữu, giáo huấn và khuyên nhủ dân chúng, chủ tọa việc phụng tự và kinh nguyện của tín hữu, cử hành các á bí tích, chủ tọa lễ nghi tang chế và an táng. Được phong chức để lo việc bác ái và việc quản trị, phó tế phải nhớ lời nhắn nhủ của Thánh Polycarpô: "Hãy tỏ lòng nhân hậu, nhiệt thành, và hãy bước theo chân lý của Chúa, Đấng đã làm tôi tớ mọi người"⁷⁵.

Thực ra, trong nhiều nơi, vì kỷ luật hiện hành của Giáo Hội La tinh có thể làm trở ngại việc chu toàn những nhiệm vụ đó, những nhiệm vụ rất cần thiết cho đời sống Giáo Hội, nên trong tương lai, chức phó tế có thể được tái lập như một bậc riêng và vĩnh viễn thuộc phẩm trật. Các nhóm Giám Mục địa phương, dưới những hình thức khác nhau, với sự chấp thuận của chính

- *Tương quan giữa linh mục và tín hữu: linh mục quan tâm đến việc giúp đỡ các tín hữu trong Giáo Hội địa phương, nhưng cũng không quên lo cho những người còn ở ngoài Giáo Hội, và những Kitô hữu không còn sống đạo.*

Để kết luận, Công Đồng ước mong mọi linh mục phải nỗ lực duy trì và phát huy sự hiệp nhất với nhau và với Giám Mục, vì Phúc Âm và thế giới hôm nay đòi hỏi như thế.

⁷⁴ *Const. Eccl. Aegyptiacae III, 2: x.b. Funk, Didascalia II, trg 103. - Statuta Eccl. Ant. 37-41: Mansi 3,954.*

⁷⁵ *T. Polycarpô, Ad Phil. 5,2: x.b. Funk I, trg 300: "Chúa Kitô tự hạ được gọi là Đấng Phó Tế mọi người". Xem Didachê 15,1: n.v.t., trg 32. T. Inhatiô Từ đạo, Trall. 2,3: n.v.t., trg 242. Const. Apostolorum, 8,28,4: x.b. Funk, Didascalia I, trg 530.*

Đức Giáo Hoàng, có đủ thẩm quyền để xét xem có nên bổ nhiệm các phó tế ấy và bổ nhiệm ở đâu, để họ coi sóc các linh hồn. Với sự đồng ý của Đức Giáo Hoàng, các Ngài có thể phong chức phó tế cho những người đàn ông đứng tuổi, dù đã kết hôn, cũng như cho các thanh niên có khả năng, nhưng các thanh niên này phải giữ vững luật độc thân.^{39*}

^{39*} số 29: Về Phó Tế.

Bản văn công phu được lặp lại hầu như hoàn toàn trong kỳ họp thứ III của Công Đồng, gồm hai phần:

- Nhiệm vụ của phó tế: Công Đồng dè dặt khi nói đến bí tích tính của chức phó tế, vì còn một số người phân vân chưa quyết định, nên Công Đồng không muốn làm cản trở cho công cuộc tìm hiểu thêm. Đặc điểm của chức phó tế là phục vụ Giám Mục và linh mục đoàn. Phục vụ trong ba lãnh vực: phụng vụ, rao giảng lời Chúa và thực thi bác ái.

- Tái lập phó tế như một chức thường xuyên. Công Đồng chỉ quả quyết là có thể tái lập ở những nơi mà nhu cầu mục vụ đòi hỏi.

Việc tái lập như thế có tính cách địa phương hơn là cho toàn thế giới, và do quyết định của hội đồng Giám Mục địa phương với sự chấp thuận của Giáo Hoàng. Về luật độc thân, phải phân biệt hai trường hợp: người đứng tuổi có thể đã lập gia đình, còn các thanh niên phải giữ luật độc thân. Bản phúc trình giải thích quyết định này như sau: lược đồ không chủ trương đòi các phó tế phải có gia đình, dù ở nơi nào cũng vậy, nhưng chỉ muốn dễ dãi đối với việc truyền chức phó tế cho người có gia đình khi xét ra cần thiết hay hữu ích.

Chương IV

Giáo Dân ^{40*}

30. Giáo dân trong Giáo Hội. Sau khi xác định những chức vụ của các phẩm trật, Thánh Công Đồng sẵn lòng đề cập đến bậc sống của những Kitô hữu được gọi là giáo dân. Mặc dầu tất cả những gì nói về Dân Thiên Chúa đều có liên quan đến giáo dân, tu sĩ cũng như giáo sĩ, nhưng có một số điều đặc biệt thuộc về giáo dân nam nữ, vì địa vị và sứ mệnh của họ; những điều mà hoàn cảnh đặc biệt của thời đại chúng ta đòi hỏi phải tìm hiểu nền tảng chung cách thấu đáo hơn. Thực thế, các chủ chăn của Dân Thánh ấy biết rõ giáo dân giúp ích rất nhiều cho toàn thể Giáo Hội. Các Ngài biết rằng Chúa Kitô không đặt các Ngài lên để một mình lãnh lấy tất cả sứ vụ cứu độ của Giáo Hội đối với thế giới; nhưng nhiệm vụ cao cả của các Ngài là chấn dất tín hữu và nhận biết các phạm sự và đoàn sủng nơi họ, để mọi người cùng góp phần vào công cuộc chung, tùy theo cách thức của mình. Vì thế, mọi người "phải lấy bác ái mà thực hành

40 Vị trí và cơ cấu của chương này cho ta thấy tầm quan trọng của nó. Lần đầu tiên trong lịch sử, Công Đồng bàn nguyên một chương đặc biệt về giáo dân, và ở đây mới chỉ nhằm tới nền tảng thần học về cơ cấu Giáo Hội dưới khía cạnh ơn gọi của giáo dân. Những khía cạnh thực tiễn như về những hình thức tổ chức chẳng hạn, sẽ được đề cập trong sắc lệnh đặc biệt về Tông Đồ Giáo Dân. Và những vấn đề trọng đại nói lên mối tương quan giữa Giáo Hội và các giá trị trần thế, sẽ được nghiên cứu tỉ mỉ trong Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay.*

Từ những cuộc tranh luận trong Công Đồng và từ chính những nghị định, chúng ta có thể kết luận rằng, giáo dân không chỉ được định nghĩa một cách đơn giản như không phải là giáo sĩ, nhưng trước hết phải được công nhận là thuộc về Dân Chúa. Do đó, chúng ta sẽ nghiên cứu chương này dựa trên chương II, bởi vì những đặc điểm của giáo dân mô tả ở đây, có liên quan phần lớn tới phần từ Dân Chúa. (Xem tiếp các chú thích 41 - 49*).*

chân lý, nhờ mọi sự hầy lớn lên trong Đấng làm đầu là Chúa Kitô; nhờ Người, toàn thân thể được phối hợp và kết tụ bằng sự liên lạc tương trợ nhau, tùy theo công dụng khả năng từng phần tử, khiến thân thể được tiến triển hầu xây dựng trong đức ái" (x. Eph 4,15-16).

31. Bản tính và sứ mạng giáo dân. Danh hiệu giáo dân ở đây được hiểu là tất cả những Kitô hữu không thuộc hàng giáo sĩ và bậc tu trì được Giáo Hội công nhận; nghĩa là những Kitô hữu đã được tháp nhập vào Thân Thể Chúa Kitô nhờ phép Thánh Tẩy, đã trở nên Dân Thiên Chúa, và tham dự vào chức vụ tư tế, tiên tri và vương giả của Chúa Kitô theo cách thức của họ; họ là những người đang thực hiện sứ mệnh của toàn dân Kitô giáo trong Giáo Hội và trên trần gian theo phận vụ riêng của mình.

Tính cách trần thế là tính cách riêng biệt và đặc thù của giáo dân. Thực vậy các phần tử trong hàng giáo sĩ dù đôi khi có thể lo những việc trần thế, hoặc hơn nữa, hành nghề giữa đời, nhưng vì ơn kêu gọi đặc biệt, sứ mệnh chính yếu và rõ rệt của họ vẫn là sứ vụ thánh. Phần các tu sĩ, do bậc sống của họ, làm chứng cách hùng hồn và cao quý rằng người ta không thể cải tạo thế giới và cung hiến nó cho Thiên Chúa được, nếu không có tinh thần các mối phúc thật. Vì ơn gọi riêng, giáo dân có bổn phận tìm kiếm nước Thiên Chúa bằng cách làm các việc trần thế và xếp đặt chúng theo ý Thiên Chúa. Họ sống giữa trần gian, nghĩa là giữa tất cả cũng như từng công việc và bổn phận của trần thế, giữa những cảnh sống thường ngày trong gia đình và ngoài xã hội; tất cả những điều đó như dệt thành cuộc sống của họ. Đó là nơi Thiên Chúa gọi họ, để dưới sự hướng dẫn của tinh thần Phúc Âm, như men từ bên trong, họ thánh hóa thế giới bằng việc thi hành những nhiệm vụ của mình; và như thế, với lòng tin cậy mến sáng ngời, và nhất là với bằng chứng đời sống, họ tỏ lộ Chúa Kitô cho kẻ khác, vì thế, họ có nhiệm vụ đặc biệt soi sáng và xếp đặt những thực tại trần gian có liên hệ

mật thiết với họ, để chúng không ngừng phát triển và bành trướng theo Thánh Ý Chúa Kitô, hầu ca tụng Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Độ.^{41*}

32. Địa vị giáo dân trong lòng Dân Thiên Chúa. Giáo Hội do Chúa thiết lập được tổ chức và điều khiển theo nhiều thể thức khác biệt rất lạ lùng. "Vì như trong một thân thể, chúng ta có nhiều chi thể, nhưng mọi chi thể không có cùng một nhiệm vụ; cũng vậy, chúng ta tuy nhiều người song là một thân thể trong Chúa Kitô, nên mỗi người chúng ta là chi thể lẫn nhau" (Rm 12,4-5).

Thế nên chỉ có một Dân Thiên Chúa được Ngài tuyển chọn: "chỉ có một Thiên Chúa, một đức tin, một Thánh Tẩy" (Eph 4,5), cùng chung một phẩm giá của những chi thể vì đã được tái sinh trong Chúa Kitô, cùng một ân huệ được làm con cái, một ơn gọi trở nên trọn lành, một ơn cứu độ và một niềm hy vọng duy nhất và một đức ái không phân chia. Vì thế, trong Chúa Kitô và trong Giáo Hội, không còn có sự hơn kém vì nguồn gốc hay dân tộc, vì địa vị xã hội hoặc vì nam nữ, bởi lẽ "không còn là người Do Thái hoặc Hy Lạp, nô lệ hay tự do,

^{41*} Công Đồng bắt đầu bằng số 31 để trả lời cho câu hỏi đã được đặt ra: giáo dân là gì trong viễn tượng một khoa thần học về Giáo Hội? Công Đồng đưa ra ánh sáng những yếu tố tích cực biểu thị đặc tính của giáo dân, và yếu tố chính là tính cách trần thế, nghĩa là người dấn nhận qui hướng về Thiên Chúa những sự việc trần thế mà họ dấn thân. Vậy những đặc điểm của một giáo dân là:

- Sống giữa mọi người và trong xã hội nhờ dây liên lạc gia đình và nghề nghiệp.

- Thánh hóa trần gian như men bột qua việc minh chứng bằng đời sống trong khi thi hành nhiệm vụ riêng biệt trong nghề nghiệp của mình.

- Trách vụ làm cho những thực tại trần thế biết ca tụng Đấng Sáng Tạo và Cứu Thế, những thực tại mà họ được nối kết chặt chẽ như Chúa Kitô muốn.

Đó là tình trạng tạo nên một giáo dân, khiến họ có thể là chứng nhân tông đồ đích thực giữa trần gian.

nam hay nữ, vì anh em hết thầy đều là một trong Chúa Giêsu Kitô" (Gal 3,38, bản Hy Lạp; x. Col 3,11).

Vì thế, tuy trong Giáo Hội, tất cả không cùng đi một đường, nhưng tất cả vẫn cùng được mời gọi nên thánh, và đồng thừa hưởng đức tin trong sự công chính của Thiên Chúa (x. 2P 1,1). Mặc dù theo ý Chúa Kitô, có những người được chọn làm tiên sĩ, làm người phân phát các nhiệm tích hay chủ chăn lo cho kẻ khác, nhưng giữa tất cả mọi người vẫn có sự bình đẳng thực sự, bình đẳng về phương diện phẩm giá và hoạt động chung của mọi tín hữu để xây dựng thân thể Chúa Kitô. Thực vậy, nếu Chúa phân biệt những thừa tác viên có chức thánh với các thành phần khác của Dân Thiên Chúa thì sự phân chia này vẫn hàm chứa một sự hiệp nhất, vì chủ chăn và các tín hữu khác liên kết với nhau do những mối dây liên hệ chung. Các chủ chăn trong Giáo Hội noi gương Chúa phải phục vụ lẫn nhau và phục vụ các tín hữu khác; phần các tín hữu phải sẵn lòng hợp tác với các chủ chăn và những người giảng dạy. Như thế, tuy khác biệt nhau, nhưng tất cả đều làm chứng sự duy nhất kỳ diệu trong Thân Thể Chúa Kitô. Thực vậy, chính sự khác biệt về ân huệ, chức vụ và hoạt động lại là mối dây kết hợp con cái Thiên Chúa làm một, vì "mọi sự ấy là công trình của cùng một Thánh Thần duy nhất" (1Cor 12,11).

Vì thế, nhờ lòng ưu ái của Thiên Chúa, giáo dân được làm em Chúa Kitô, Đấng đã đến không phải để được phục vụ, nhưng để phục vụ, dù Người là Chúa tể muôn loài (x. Mt 20,28). Cũng vậy, họ làm em những người đã lãnh nhận chức vụ thánh, những kẻ đang lấy quyền Chúa Kitô mà giảng dạy, thánh hóa và cai quản để chặn dắt gia đình Chúa, hầu mọi người chu toàn giới luật mới là luật bác ái. Thánh Augustinô đã dùng những lời tuyệt diệu này để nói lên điều đó: "Làm Giám Mục cho anh em, tôi rất sợ; là tín hữu với anh em, tôi rất an tâm. Giám Mục là một chức vụ, tín hữu là một ân phúc. Giám Mục

là một danh hiệu nguy hiểm, tín hữu là danh hiệu đem ơn cứu độ" ^{1.42*}

33. Tông đồ giáo dân. Giáo hữu được qui tụ trong Dân Thiên Chúa và cấu tạo thành Thân Thể duy nhất của Chúa Kitô dưới quyền của một Đầu duy nhất; dù họ là ai, họ vẫn được kêu gọi dùng hết sức lực đã lãnh nhận do lòng từ ái của Đấng Tạo Hóa và do ân huệ Đấng Cứu Thế để như những chi thể sống động, phát triển và thánh hóa Giáo Hội không ngừng.

Vì thế, giáo dân làm tông đồ là thông phần vào chính sứ mệnh cứu độ của Giáo Hội; nhờ lãnh nhận phép Thánh Tẩy và Thêm Sức, mỗi tín hữu đều được Chúa đề cử làm tông đồ; đàng khác các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể, thông ban và nuôi dưỡng trong họ đức ái đối với Thiên Chúa và đối với loài người, nhân đức này là linh hồn của mọi hoạt động tông đồ. Nhưng giáo dân được đặc biệt kêu mời làm cho Giáo Hội hiện diện và hoạt động nơi và trong những hoàn cảnh mà nếu không có họ, thì Giáo Hội sẽ không trở thành muối của thế gian ². Như thế, vì những ân huệ đã lãnh nhận, mọi giáo dân vừa là chứng nhân vừa là dụng cụ sống động cho chính sứ mệnh Giáo Hội, "tùy theo độ lượng ân sủng Chúa Kitô ban cho" (Eph 4,7).

Ngoài việc tông đồ này, một việc có liên quan đến mọi Kitô hữu không trừ ai, giáo dân có thể còn được mời gọi góp phần

¹ T. Augustinô, *Serm. 340* : PL 38, 1483.

^{42*} Số 32 trình bày ý tưởng giáo dân là phần tử Dân Chúa có địa vị là con cái Chúa, được mời gọi nên thánh và lãnh nhận ơn Chúa. Về vấn đề này Công Đồng quả quyết hai điểm:

- *Phép Thánh Tẩy ban cho mọi người lãnh nhận sự bình đẳng căn bản.*
- *Mọi người phải liên kết với nhau: mục tử không những là thủ lãnh nhưng còn là người phục vụ Dân Chúa.*

² Xem Piô XI, *Tđ. Quadragesimo anno, 15-5-1931* : AAS 23 (1931), trg 212t. Piô XII, *diễn từ De quelle consolation, 14-10-1951* : AAS 43 (1951), trg 790t.

trực tiếp hơn và bằng nhiều cách vào công cuộc tông đồ của hàng giáo phẩm³, giống như những tín hữu nam nữ đã chịu vất vả vì Chúa Kitô để giúp đỡ Tông đồ Phaolô rao giảng Phúc Âm (x. Ph 4,3; Rm 16,3tt). Đáng khác, họ có những khả năng mà Hàng Giáo Phẩm có thể dùng vào một số phận vụ thuộc hàng giáo sĩ có mục đích thiêng liêng.

Bởi vậy, nhiệm vụ cao cả của mọi giáo dân là làm cho ý định cứu độ của Thiên Chúa ngày càng lan tới tất cả mọi người ở mọi nơi và mọi thời đại. Vì thế, khắp nơi phải mở đường cho họ tích cực tham gia vào công cuộc cứu độ của Giáo Hội, tùy sức lực họ và tùy nhu cầu của thời đại. ^{43*}

34. Nhiệm vụ tư tế và phụng tự. ^{44*} Chúa Giêsu Kitô, Linh Mục thượng phẩm và vĩnh cửu, vì cũng muốn giáo dân tiếp tục công việc chứng tá và việc phục vụ của mình, nên đã nhờ Thánh Thần ban cho họ sự sống, và không ngừng thôi thúc họ thực hành những điều thiện hảo.

Thực vậy, những kẻ mà Người đã cho tham dự mật thiết vào sự sống và sứ mệnh Người, Người cũng cho họ dự phần vào chức vụ tư tế, để họ thực hành việc phụng thờ thiêng liêng hầu tôn vinh Thiên Chúa và cứu rỗi loài người. Bởi thế, vì giáo dân đã được hiến dâng cho Chúa Kitô và được Thánh Thần xúc dầu, nên họ được mời gọi và được ban ơn cách lạ lùng để Thánh Thần sinh hoa trái nơi họ ngày càng phong phú hơn. Thực vậy,

³ Xem Piô XII, diễn từ *Six ans se sont écoulés*, 5-10-1957 : AAS 49 (1957), trg 927.

^{43*} Số 33: *Tiếp theo đó, Công Đồng tuyên bố hoạt động tông đồ giáo dân tham dự vào sứ mệnh cứu rỗi của Giáo Hội vì đặt nền tảng trong phép Thánh Tẩy và phép Thêm Sức. Tính cách đặc biệt của tông đồ giáo dân là làm cho Giáo Hội hiện diện và hoạt động trong mọi hoàn cảnh của thế giới. Và lại, giáo dân vẫn có thể cộng tác chặt chẽ với hàng giáo phẩm trong việc tông đồ của giáo sĩ đích danh. Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân sẽ lặp lại và quảng diễn ý tưởng đó.*

^{44*} Trong các số 34-36, căn cứ vào ba tước hiệu căn bản của Chúa Kitô, Công Đồng muốn chứng minh cách thức đặc biệt mà giáo dân, với tước hiệu là phần tử Dân Chúa, được tham dự vào các nhiệm vụ khác nhau đó.

mọi hoạt động, kinh nguyện và công cuộc tông đồ, đời sống hôn nhân và gia đình, công ăn việc làm thường ngày, việc nghỉ ngơi thể xác và tinh thần, nếu họ chu toàn trong Thánh Thân, và cả đến những thử thách của cuộc sống, nếu họ kiên trì đón nhận, thì tất cả đều trở nên của lễ thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa, nhờ Chúa Giêsu Kitô (x. 1P 2,5), vì những của lễ ấy được thành kính dâng lên Chúa Cha cùng với Minh Thánh Chúa khi cử hành lễ tạ ơn. Như thế, giáo dân cung hiến thế giới này cho Thiên Chúa nhờ biết phụng thờ Ngài bằng hành động thánh thiện khắp nơi.^{45*}

35. Nhiệm vụ ngôn sứ và chứng nhân. Chúa Kitô, vị Tiên Tri cao cả, Đấng đã dùng chứng tá đời sống và sức mạnh của lời nói để công bố Nước Chúa Cha; Người chu toàn chức vụ tiên tri, cho đến lúc sự vinh hiển của Người tỏ ra trọn vẹn; Người chu toàn chức vụ đó không những nhờ hàng giáo phẩm, là những người nhân danh và lấy quyền Người mà giảng dạy nhưng cũng nhờ các giáo dân; sở dĩ Người đã đặt họ làm chứng nhân, đồng thời ban cho họ cảm thức đức tin và ơn dùng ngôn từ nữa (x. CvTđ 2,17-18; Kh 19,10) là để sức mạnh Phúc Âm sáng ngời trong đời sống thường ngày, trong gia đình và ngoài xã hội. Nếu giáo dân vững lòng tin cậy mà lợi dụng thời gian hiện tại (x. Eph 5,16; Col 4,5) và kiên trì trông đợi vinh quang một ngày kia sẽ đến (x. Rm 8,25), họ sẽ tỏ ra là con cái của lời giao ước; nhưng niềm hy vọng đó, họ không nên giấu kín trong lòng, trái lại họ phải diễn tả nó qua những cơ cấu của cuộc sống

^{45*} Số 34: *Tu tế.*

Tham dự vào chức tư tế cộng đồng. Đoạn này lặp lại các số 10 và 11 về chức tư tế cộng đồng của người đã chịu phép Thánh Tẩy và được thực thi trong việc phụng tự: chức tư tế đó diễn tả và thánh hóa đời sống thường nhật của giáo dân và nhờ đó mà giáo dân thánh hóa thế gian.

trần gian, bằng cách hoán cải không ngừng và chiến đấu chống lại "bá chủ của thế gian tăm tối này và bọn tà thần" (Eph 6,12).

Như những bí tích của luật mới, là của ăn nuôi dưỡng đời sống và hoạt động tông đồ của tín hữu, tiên báo trời mới và đất mới thế nào (x. Kh 21,1), thì giáo dân cũng mạnh mẽ loan báo lòng tin vào điều mình trông đợi như thế (x. Dth 11,1), nếu họ không ngần ngại nối kết đời sống đức tin với việc tuyên xưng đức tin làm một. Công cuộc rao giảng Phúc Âm đó, nghĩa là sự loan báo Chúa Kitô bằng đời sống, chứng tá và lời nói, mang một sắc thái và hiệu quả đặc biệt vì được thể hiện trong những hoàn cảnh chung của trần gian.

Có một bậc sống rất giá trị để thể hiện nhiệm vụ đó, bậc sống được một bí tích đặc biệt thánh hóa, đó là đời sống hôn nhân và gia đình. Gia đình là môi trường hoạt động và trường học tuyệt diệu cho việc tông đồ giáo dân. Từ gia đình, Kitô giáo thâm nhập vào tất cả các tổ chức cuộc sống và dần dần biến đổi các tổ chức ấy; nơi gia đình, vợ chồng tìm thấy ơn gọi riêng của mình là làm chứng cho nhau và cho con cái lòng tin và tình yêu Chúa Kitô. Gia đình Kitô giáo lớn tiếng loan truyền sức mạnh của nước Thiên Chúa và niềm cậy trông vào một đời sống hạnh phúc. Như thế bằng gương lành và chứng tá, gia đình Kitô giáo làm cho thế gian nhận biết tội lỗi mình, đồng thời sáng soi những kẻ đang kiếm tìm chân lý.

Vì thế, giáo dân có thể và phải có một hoạt động cao quý là truyền bá Phúc Âm cho thế giới, cả lúc họ bận tâm lo lắng những việc trần thế. Dù khi thiếu thừa tác viên có chức thánh hoặc khi các ngài bị ngăn trở vì bách hại, có những giáo dân thay thế các ngài thi hành một vài phận vụ thánh tùy khả năng của họ; dù có một số giáo dân đã dốc toàn lực vào việc tông đồ, tất cả vẫn phải cộng tác vào việc mở mang và phát triển Nước Chúa Kitô trên trần gian. Vì vậy giáo dân phải khéo léo tìm

hiểu sâu xa hơn chân lý Chúa mạc khải, và tha thiết nài xin Thiên Chúa ban ơn khôn ngoan cho mình^{46*}.

36. Địa vị vương giả. Chúa Kitô đã vâng lời cho đến chết, và vì thế Người được Chúa Cha tôn vinh (x. Ph 2,8-9), và đã vào trong vinh quang nước Người. Mọi vật đều suy phục Người, cho đến khi Người cùng với mọi tạo vật suy phục Chúa Cha, để Thiên Chúa nên tất cả mọi sự (x. 1Cor 15,27-28). Người cũng thông ban cho các môn đệ quyền bính đó để họ được hưởng sự tự do vương giả, và chiến thắng ách thống trị của tội lỗi nơi họ, bằng một đời sống từ bỏ và thánh thiện (x. Rm 6,12), hơn nữa để, khi phụng sự Chúa Kitô nơi tha nhân, họ khiêm nhường và kiên nhẫn dẫn đưa anh em mình đến cùng Đức Vua, Đấng mà phụng sự Người là thống trị. Thực tế, Chúa cũng muốn nhờ cả giáo dân để mở rộng nước Người, nước của chân lý và sự sống, của ân sủng và thánh thiện, của công lý, tình yêu và hòa bình⁴; trong nước này, chính tạo vật cũng được hưởng tự do rạng ngời của con cái Thiên Chúa (x. Rm 8,21). Lời Chúa hứa thật trọng đại và lệnh Người truyền cho các môn đệ thật lớn lao: "Thực vậy, tất cả mọi sự đều thuộc về anh em, còn anh em thuộc về Chúa Kitô và Chúa Kitô thuộc về Thiên Chúa" (1Cor 3,23).

Vì thế, tín hữu phải nhận biết bản tính sâu xa của tạo vật, giá trị của chúng, và cùng đích của chúng là ca tụng Thiên Chúa; đồng thời phải giúp nhau sống đời thánh thiện, nhờ những việc trần thế, để thế gian thấm nhuần tinh thần Chúa Kitô và đạt đến cùng đích một cách hữu hiệu hơn trong công lý, bác ái và hòa

^{46*} Số 35: Tiên Tri.

Tham dự vào sứ mệnh tiên tri của Chúa Kitô: giáo dân minh chứng đức tin và đức ái trong thế giới nghề nghiệp và kỹ thuật, trong những điều kiện thông thường mà họ sinh sống; đặc biệt làm chứng trong tổ ấm và gia đình công giáo, nơi đã được bí tích Hôn Nhân thánh hóa và thánh hiến.

⁴ Sách lễ Roma, trích kinh Tiên Tụng lễ Kitô Vua.

binh. Giáo dân giữ lấy vai trò chính yếu trong khi chu toàn nhiệm vụ phổ quát đó. Nhờ khả năng chuyên môn trong những việc trần thế, nhờ các hoạt động của họ, những hoạt động được ân sủng Chúa Kitô nâng lên bậc siêu nhiên, giáo dân hãy đem toàn lực hợp tác để nhờ lao công con người, kỹ thuật và văn hóa nhân loại khai thác những của cải được tạo dựng hầu mưu ích cho mọi người và phân chia cân xứng hơn giữa họ theo ý định của Đấng Tạo Hóa và sự soi sáng của Ngôi Lời Ngài; và tùy cách thức riêng của chúng, chúng giúp phát triển toàn diện sự tự do của con người và sự tự do của Kitô hữu. Như thế, nhờ các phần tử của Giáo Hội, Chúa Kitô sẽ đem ánh sáng cứu độ của Người chiếu soi toàn thể nhân loại mỗi ngày một hơn.

Đàng khác, khi các thể chế và cảnh sống của thế giới gây nên dịp tội, giáo dân phải góp sức làm cho các thể chế và cảnh sống đó trở nên lành mạnh, để chúng phù hợp với các tiêu chuẩn của đức công bình, và giúp phát huy việc luyện tập các nhân đức hơn là ngăn trở chúng. Hành động như thế, giáo dân sẽ làm cho những giá trị luân lý thấm nhập vào văn hóa và các công trình của loài người. Và nhờ vậy, cánh đồng thế giới mới được chuẩn bị kỹ càng hơn để đón nhận hạt giống Lời Thiên Chúa, và nhiều cửa được mở rộng thêm hơn cho Giáo Hội để sứ điệp hòa bình thấm nhập vào thế gian.

Chính công cuộc cứu độ đòi hỏi tín hữu phải lưu tâm phân biệt đâu là quyền lợi và nghĩa vụ của họ với tư cách một phần tử của Giáo Hội, đâu là quyền lợi và nghĩa vụ với tư cách một phần tử trong xã hội loài người. Họ phải cố gắng hòa hợp cả hai loại nghĩa vụ và bổn phận đó với nhau, và hãy nhớ rằng trong mọi lãnh vực trần thế, lương tâm Kitô giáo phải luôn hướng dẫn họ, vì không một hoạt động nào của con người, dù thuộc phạm vi trần thế, có thể vượt khỏi quyền thống trị của Thiên Chúa. Vì thế, trong thời đại chúng ta, hơn bao giờ hết, người tín hữu cũng phải làm sáng tỏ sự phân biệt và hòa hợp các nghĩa vụ và bổn phận này trong phương thức hành động

của họ, để sứ mệnh của Giáo Hội có thể đáp ứng những hoàn cảnh đặc biệt của thế giới ngày nay cách trọn vẹn hơn. Thực vậy, nếu phải công nhận rằng xã hội trần gian, vì lo lắng việc trần thế cách hợp pháp nên có quyền điều hành theo những qui tắc riêng biệt, thì cũng phải loại bỏ cách chính đáng tà thuyết chủ trương xây dựng xã hội bất cần đạo lý, và chủ trương chống lại hay hủy diệt tự do tín ngưỡng của người công dân ^{5.47*}

37. Tương quan với hàng giáo phẩm. Như mọi Kitô hữu khác, giáo dân cũng có quyền được các chủ chăn có chức thánh ban phát dồi dào ơn trợ lực chứa đựng trong kho tàng thiêng liêng của Giáo Hội, đặc biệt là Lời Thiên Chúa và các bí tích⁶. Như con cái Thiên Chúa và như anh em trong Chúa Kitô, họ cũng sẽ trình bày với các vị ấy những nhu cầu và khát vọng của mình một cách tự do và tín cẩn. Nhờ sự hiểu biết, khả năng chuyên môn và uy tín của họ, họ có thể và đôi khi còn có bổn phận phải bày tỏ cảm nghĩ mình về những việc liên quan đến lợi ích của Giáo Hội ⁷. Họ nên thực hiện điều đó, nếu cần, nhờ vào các cơ quan đã được Giáo Hội thiết lập nhằm mục đích ấy; và họ hãy luôn chân thành, can đảm và khôn ngoan, kính trọng và yêu mến những người thay mặt Chúa Kitô vì nhiệm vụ thánh của các ngài.

⁵ Xem *Leô XIII, Tđ. Immortale Dei, 1-11-1885 : ASS 18 (1885), trg 166tt. N.t., Tđ. Sapientiae christianae, 10-1-1890 : ASS 22 (1888-90), trg 397tt. Piô XII, diễn từ Alla vostra filiae, 23-3-1958: AAS 50 (1958), trg 220: "tính cách thế tục hợp pháp và lành mạnh của quốc gia".*

^{47*} *Số 36: Vương giả. Tham dự vào chức vị vương giả của Chúa Kitô: ở đây bàn về sự kiện giáo dân thánh hóa thế gian, vì họ đem sở trường tham gia vào công cuộc tìm kiếm và xây dựng trần thế: vai trò đó làm họ thích hợp với việc tán trợ công cuộc chuẩn bị cho Phúc Âm (x. số 16) qua những giá trị nhân bản.*

⁶ Xem *Giáo luật kh. 682.*

⁷ Xem *Piô XII, diễn từ De quelle consolation, n.v.t., trg 789: "Trong những trận chiến dứt khoát, đôi khi những kẻ ở tiền tuyến lại có những sáng kiến tốt đẹp nhất..." n.t., diễn từ L'importance de la presse cathol., 17-2-1950: AAS 42 (1950), trg 256.*

Như mọi tín hữu khác, với tinh thần vâng lời của người Kitô hữu, giáo dân cũng hãy mau mắn chấp nhận những điều mà các chủ chăn có nhiệm vụ thánh đại diện Chúa Kitô, đã quyết định với tư cách những thầy dạy và những nhà lãnh đạo trong Giáo Hội; làm như thế, họ đã theo gương Chúa Kitô, Đấng đã vâng lời cho đến chết, để mở đường hạnh phúc của sự tự do con cái Thiên Chúa cho tất cả mọi người. Giáo dân đừng quên dùng lời cầu nguyện phó dâng cho Thiên Chúa các vị lãnh đạo của mình, để các ngài hoan hỷ mà không than vãn thi hành nhiệm vụ chăm sóc linh hồn chúng ta, nhiệm vụ mà các ngài sẽ phải trả lễ (x. Dth 13,17).

Phần các chủ chăn có chức thánh, các ngài phải nhìn nhận và nâng cao phẩm giá và trách nhiệm của giáo dân trong Giáo Hội, các ngài nên sẵn sàng chấp nhận những ý kiến khôn ngoan của họ, tin cậy giao phó cho họ những công tác để họ phục vụ Giáo Hội, cho họ tự do và quyền hạn để hành động; hơn nữa, các ngài cũng nên khuyến khích họ tự đảm lấy trách nhiệm. Với tình cha con, các ngài hãy cẩn thận xem xét, trong Chúa Kitô, những kế hoạch, thỉnh cầu và khát vọng của họ⁸. Đàng khác, các chủ chăn phải nhìn nhận và tôn trọng sự tự do chính đáng của mọi người trong lãnh vực trần thế.

Họ hy vọng rằng, sự liên lạc mật thiết giữa giáo dân và chủ chăn sẽ đem lại rất nhiều lợi ích cho Giáo Hội: thực vậy, nhờ sự liên lạc đó, giáo dân ý thức trách nhiệm mình một cách vững vàng hơn; lòng hăng say của họ được phát triển, và họ góp sức dễ dàng hơn vào công việc của các chủ chăn. Phần các chủ chăn, nhờ sự trợ lực kinh nghiệm của giáo dân, các ngài có thể phán đoán minh bạch và đúng đắn hơn về những vấn đề thiêng liêng cũng như trần thế; như vậy, toàn thể Giáo Hội được vững

⁸ Xem 1Th 5,19 và 1Gio 4,1.

manh nhờ tất cả mọi chi thể, sẽ chu toàn hữu hiệu hơn sứ mệnh mình đối với sự sống của thế gian.^{48*}

38. Giáo dân, linh hồn của thế giới. Trước mặt nhân loại, mỗi giáo dân phải là chứng nhân của sự phục sinh và sự sống của Chúa Giêsu, đồng thời là dấu hiệu của Thiên Chúa hằng sống. Tất cả và mỗi người góp phần nuôi dưỡng thế giới bằng những hoa trái thiêng liêng (x. Gal 5,22) và truyền bá cho thế gian tinh thần của những người nghèo khó, hiền lành và hiếu hòa, những người mà Phúc Âm Chúa đã tuyên bố là có phúc (x. Mt 5,3-9). Tóm lại, "người Kitô hữu hãy làm cho thế giới sống như linh hồn làm cho thân xác sống"^{9.49*}

^{48*} Số 37 đưa ra nguyên tắc tốt đẹp giữa giáo dân và hàng giáo phẩm. Giáo dân phải theo tinh thần Kitô giáo mà trọng kính tuân phục giáo phẩm, và giáo phẩm cũng phải biết lắng nghe, biết lấy tinh thần kính trọng và bác ái mà lắng nghe họ, biết thừa nhận và đề cao địa vị và trách nhiệm của họ trong Giáo Hội. Giáo Hội cũng phải tôn trọng sự tự do chính đáng của họ trong nước trần gian.

⁹ Epist. ad Diognetum, 6 :x.b. Funk I, trg 400. - Xem T. Gioan Kim Khẩu, in Mt bài giảng 46 (47), 2: PG 58, 478, về men trong bột.

^{49*} Để kết luận, số 38 quả quyết mỗi giáo dân tùy theo cảnh huống của mình phải là chứng nhân của Phục Sinh và là dấu hiệu của Thiên Chúa hằng sống.

Chương V

Lời Kêu Gọi Mọi Người Nên Thánh Trong Giáo Hội ^{50*}

39. Sự thánh thiện trong Giáo Hội. Chúng tôi tin Giáo Hội, một mầu nhiệm được Thánh Công Đồng trình bày, có tính cách thánh thiện, bất khả khuyết. Thực vậy, Chúa Kitô Con Thiên Chúa, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được ca tụng là "Đấng thánh duy nhất" ¹, đã yêu dấu Giáo Hội như hiền thê mình và đã hiến thân để thánh hóa Giáo Hội (x. Eph 5,25-26). Người kết hiệp với Giáo Hội như thân thể Người và ban cho dư đầy ơn Thánh Thần để làm vinh danh Thiên Chúa. Vì

^{50*} Trong lược đồ trình lên Công Đồng khi khai mạc kỳ họp thứ hai, cả hai chương V và VI như chúng ta thấy hiện nay đều nằm chung trong một chương. Sự phân chia hai chương đó đặt ra hai câu hỏi:

1) Soạn một chương đặc biệt nói về tu sĩ phải chăng không thích hợp: (x. cuộc tranh luận trong chương kế tiếp).

2) Phải chăng tốt hơn là sắp đặt chương V này của lược đồ vào trong các chương I và II? Bởi vì việc nên thánh gắn liền với đời sống và mầu nhiệm Giáo Hội nên không thể bàn riêng được. Như vậy đáng lẽ Hiến Chế được kết cấu cân xứng và mạch lạc hơn: sau những chương đề cập đến mầu nhiệm Giáo Hội và Dân Thiên Chúa (bao gồm cả khía cạnh thánh thiện và cánh chung) là những chương nói về các bậc sống khác nhau trong Giáo Hội: giáo phẩm, giáo dân cách tổng quát, tu sĩ và những người có gia đình. Kết thúc là chương về Đức Mẹ. Việc sắp xếp như vậy không thực hiện được vì thiếu thời giờ.

Chương V được kết cấu như sau: Công Đồng xác định sự thánh thiện bản thể và luân lý của Giáo Hội (số 39), rồi kêu gọi mọi phần tử trong Giáo Hội phải nên thánh và hướng về sự nên thánh (số 40). Phải nên thánh thực sự trong bất cứ địa vị, điều kiện hay nghề nghiệp nào (số 41) bởi vì mọi phần tử trong Giáo Hội đều có những phương tiện tự nhiên và siêu nhiên giúp cho họ không những nên thánh mà còn có được sự hoàn hảo trong bậc sống riêng của mình (số 42).

¹ Sách lễ Roma, Vinh danh Thiên Chúa trên các tầng trời. Xem Lc 1,35; Mc 1,24; Lc 4,34; Gio 6,69 (ho hagios tou Theou); CvTđ 3,14; 4,27 và 30; Dth 7,26; 1Gio 2,20; Kh 3,7.

thế, tất cả mọi người trong Giáo Hội - hoặc thuộc hàng giáo phẩm, hoặc được hàng giáo phẩm diu dắt - đều được kêu gọi nên Thánh, như lời Thánh Tông Đồ dạy: "Vì Thiên Chúa muốn anh em được thánh hóa" (1Th 4,3; x. Eph 1,4); sự thánh thiện này của Giáo Hội luôn được biểu lộ và phải được biểu lộ qua những hoa trái ân sủng mà Thánh Thần đã kết sinh nơi các tín hữu; sự thánh thiện ấy được diễn tả dưới nhiều hình thức nơi tất cả những ai đang cố đạt tới Đức Ái trọn hảo trong bậc sống của mình trong khi xây dựng kẻ khác. Đặc biệt hơn, sự thánh thiện đó tỏ lộ trong việc thực hành các lời khuyên, quen gọi là lời khuyên của Phúc Âm. Nhờ Chúa Thánh Thần thúc đẩy, nhiều Kitô hữu thực hành các lời khuyên ấy với tư cách cá nhân hoặc trong những lối sống hay bậc sống đã được Giáo Hội công nhận; việc thực hành đó mang lại và phải mang lại cho thế giới một bằng chứng và một mẫu gương rạng ngời về sự thánh thiện của Giáo Hội.^{51*}

40. Mọi người được kêu gọi sống thánh thiện. Chúa Giêsu, thầy dạy và mẫu mực thần linh của mọi sự trọn lành, đã giảng dạy cho tất cả và cho mỗi một môn đệ, bất luận thuộc cảnh vực nào, một đời sống thánh thiện mà chính Người vừa là Đấng ban phát vừa là Đấng hoàn tất: "Vậy các con hãy trở nên trọn lành

^{51*} Số 39: Nhập đề.

Điều quả quyết chủ yếu của số này là: Giáo Hội thánh thiện. Những ý tưởng khác trong số này đều phụ thuộc vào điều quả quyết chủ yếu đó. Giáo Hội thánh thiện vì tham dự vào sự thánh thiện của Chúa Giêsu Kitô. Do đó, mới có lời kêu gọi nên thánh trong trật tự luân lý, vì trong trật tự đó mà Giáo Hội phải thực hiện sự thánh thiện bản thể Chúa Kitô ban cho. Sự thánh thiện này biểu lộ trong những hoa trái ân sủng nơi mỗi người, dưới nhiều hình thức, và đặc biệt trong việc thực hành các lời khuyên Phúc Âm với tinh cách riêng hoặc chung. Tóm lại, số này nhấn mạnh đến khía cạnh bản thể và luân lý của sự thánh thiện mà Thiên Chúa ban cho Giáo Hội qua Chúa Kitô và trong Chúa Thánh Thần; và chỉ mới trình bày nền tảng theo lời Thánh Phaolô: "Vì Thiên Chúa muốn anh em được thánh hóa".

như Cha các con ở trên trời" (Mt 5,48)². Bởi vậy, Người đã sai Thánh Thần đến với mọi người, để từ bên trong Ngài thôi thúc họ yêu mến Thiên Chúa hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn cùng hết sức họ (x. Mc 12,30), và yêu thương nhau như Chúa Kitô yêu thương họ (x. Gio 13,34; 15,12). Được Thiên Chúa kêu gọi và được công chính hóa trong Chúa Giêsu, không phải vì công lao riêng, nhưng vì ý định và ân phúc của Ngài, các môn đệ Chúa Kitô, nhờ lãnh nhận phép Thánh Tẩy, bí tích đức tin, đã thực sự trở nên con cái Thiên Chúa và được thông phần vào bản tính Ngài, và do đó, thực sự đã trở nên thánh. Cho nên với ơn Chúa họ phải luôn gìn giữ và hoàn thành trong đời sống sự thánh thiện mà họ đã lãnh nhận. Họ được Thánh Tông Đồ khuyên sống "xứng đáng như những vị thánh" (Eph 5,3) và mặc lấy "lòng thương xót, nhân hậu, khiêm nhường, tiết độ và nhẫn nại như những người đã được Thiên Chúa chọn lựa, thánh hóa và yêu thương" (Col 3,12), và dùng hoa trái của Thánh Thần để thánh hóa mình (x. Gal 5,22; Rom 6,22). Nhưng vì chúng ta ai cũng có nhiều lầm lỗi (x. Giac 3,2), nên chúng ta luôn cần đến lòng nhân từ của Thiên Chúa và hằng ngày phải cầu nguyện "xin Chúa tha nợ chúng tôi" (Mt 6,12)³.

Vì thế, mọi người đều thấy rõ ràng tất cả các Kitô hữu, bất cứ theo bậc sống hay địa vị nào, đều được kêu gọi tiến đến sự viên mãn của đời sống Kitô giáo và đến sự trọn lành của Đức Ái⁴. Ngay trong xã hội trần thế sự thánh thiện này cũng giúp người ta sống nhân đạo hơn. Để đạt được sự trọn lành đó, tín

² Xem Origenê, *Comm. Rom.* 7,7 : PG 14, 1122B Macariô Già, *De oratione*, 11 : PG 34, 861 AB. T. Tôma, *Summa Theol.* II-II, q. 184, a. 3.

³ Xem T. Augustinô, *Retract.* II, 18 : PL 32, 637t. Piô XII, *Tđ. Mystici Corporis*, 29-6-1943 : AAS 35 (1943), trg 225.

⁴ Xem Piô XI, *Tđ. Rerum omnium*, 26-1-1923 : AAS 15 (1923), trg 50 và 59-60. n.t. Tđ. *Casti connubii*, 31-12-1930 : AAS 22 (1930), trg 548. Piô XII, *Tông hiến Provida Mater*, 2-2-1947 : AAS 39 (1947), trg 117. *Diễn từ Annus sacer*, 8-12-1950 : AAS 43 (1951), trg 27-28. *Diễn từ Nel darvi*, 1-7-1956 : AAS 48 (1956), trg 574t.

hữu phải sử dụng những sức lực mà Chúa Kitô đã ban nhiều ít tùy ý Người để trở nên giống Người khi theo vết chân Người, và khi thực hành thánh ý Chúa Cha trong tất cả mọi sự, họ sẽ hết lòng tìm vinh danh Chúa và phục vụ tha nhân. Như thế, sự thánh thiện của Dân Thiên Chúa sẽ sinh hoa trái dồi dào, như lịch sử Giáo Hội đã từng minh chứng rõ ràng qua đời sống của bao vị thánh. ^{52*}

41. Nhiều hình thức thực hành sự thánh thiện duy nhất.

Những người được Thánh Thần Thiên Chúa hướng dẫn, nghe theo tiếng gọi của Chúa Cha, thờ phượng Ngài trong tinh thần và chân lý, noi gương Chúa Kitô nghèo khó, khiêm nhường và vác thập giá để xứng đáng dự phần vào vinh quang của Người; tất cả những người ấy đều theo đuổi cùng một sự thánh thiện tuy lối sống và nhiệm vụ của họ có khác nhau, cho nên mỗi người, tùy theo ân sủng và nhiệm vụ mình, phải nhất quyết tiến bước bằng con đường đức tin sống động, đức tin khơi động đức cậy và hoạt động nhờ đức ái.

Các chủ chăn lo cho đoàn chiên Chúa Kitô phải là những người đầu tiên chu toàn thừa tác vụ mình cách thánh thiện và hăng say, khiêm tốn và can đảm, noi gương vị Linh Mục thượng phẩm và vĩnh cửu, vị Chủ Chăn và Giám Mục chăm

^{52*} Số 40: Mọi người đều được kêu gọi nên thánh.

Số này xét đến sự thánh thiện của mỗi Kitô hữu nằm trong văn mạch về sự thánh thiện của Giáo Hội. Công Đồng đưa ra những yếu tố gắn liền với lời kêu gọi mỗi người nên thánh. Đoạn nhất bày tỏ sự thánh thiện của mỗi Kitô hữu, và vì Kitô hữu được công chính hóa nhờ đức tin và phép Thánh Tẩy, tự bản thể và căn nguyên họ trở nên thánh thiện trong chân lý, nên họ có nhiệm vụ phải sống xứng hợp với điều ấy. Nền tảng thánh thiện vẫn tồn tại sau khi phạm tội. Đề cập đến tội lỗi là để tránh một hình thức duy tâm nguy hại và để có thể lưu ý đến thực tại. Đoạn hai kêu gọi mọi người nên thánh hoàn toàn. Đây là phần kết luận cho cả số, rút ra từ nền tảng đã đặt định: Kitô hữu không chỉ nên thánh mà thôi, nhưng còn phải thực hiện sự thánh thiện trong đời sống cụ thể. Kitô hữu được kêu gọi làm việc đó.

sóc linh hồn chúng ta: làm như thế, các ngài sẽ tìm thấy nơi thừa tác vụ mình một phương thể tuyệt diệu để thánh hóa. Được chọn để lãnh nhận trọn vẹn chức linh mục, các ngài hưởng nhờ ơn bí tích để thi hành nhiệm vụ bác ái cao cả của vị chủ chăn ⁵, trong lời cầu nguyện, bằng việc hy sinh, giảng dạy và bằng mọi hình thức chăm sóc và phục vụ khác thuộc bổn phận của Giám Mục; các ngài đừng ngại hy sinh mạng sống vì con chiên và trở nên mẫu mực cho đoàn chiên (x. 1P 5,3); sau cùng, các ngài làm cho Giáo Hội ngày càng thánh thiện hơn bằng gương lành của các ngài.

Các linh mục kết thành vòng hoa thiêng liêng của hàng Giám Mục ⁶ và thông phần vào ân sủng thuộc chức vụ Giám Mục, nhờ Chúa Kitô, Đấng Trung Gian vĩnh cửu duy nhất; cũng như hàng Giám Mục, các linh mục phải gia tăng tình yêu Thiên Chúa và tha nhân bằng việc thi hành nhiệm vụ hàng ngày; các ngài phải gìn giữ mối dây liên lạc giữa hàng linh mục, phải được dư đầy của cải thiêng liêng, phải là những chứng nhân sống động của Thiên Chúa trước mặt mọi người ⁷, và thi đua với những vị linh mục mà qua các thế hệ, đã để lại những chứng tá thánh thiện sáng ngời trong những việc phục vụ thường khiêm tốn và kín đáo. Các vị linh mục ấy được ca tụng trong Giáo Hội Chúa. Linh mục có bổn phận dâng kinh nguyện và lễ vật cho dân ngài và toàn thể Dân Thiên Chúa, các ngài phải ý thức điều các ngài làm và sống xứng đáng hợp với những điều các ngài cử hành ⁸. Các linh mục phải vượt qua những lo lắng tông đồ, những nguy hiểm và thử thách mà không để

⁵ Xem Tôma, *Summa Theol.* II-II, q. 184, a. 5 và 6; *De Perfect. Vitae spir.*, ch. 18. *Originê*, In Is. bài giảng 6,1 : PG 13, 239.

⁶ Xem T. Inhaxiô Tử đạo, *Magn.* 13,1 : x.b. *Funk I*, trg 241.

⁷ Xem T. Piô X, *huấn từ Haerent animo*, 4-8-1908: AAS 41 (1908), trg 560t. *Giáo luật kh.* 124. Piô XI, *Tđ. Ad Catholici sacerdoti I*, 20-12-1935 : AAS 28 (1936), trg 22.

⁸ Xem *Pontificale Romanum*, lễ truyền chức linh mục, lời huấn từ đầu.

chúng trở thành những chướng ngại, hầu tiến xa hơn trên đường thánh thiện nhờ biết nuôi dưỡng và củng cố hoạt động của mình bằng việc chiêm niệm dồi dào. Như thế, các ngài sẽ mang lại niềm hoan hỷ cho toàn thể Giáo Hội Chúa. Tất cả các linh mục, nhất là những vị đặc biệt thụ phong để thành linh mục giáo phận, hãy nhớ rằng việc trung thành kết hợp và quảng đại cộng tác với Giám Mục là phương tiện rất tốt để thánh hóa chính mình.

Dự phần cách đặc biệt vào sứ mệnh và ân sủng của chức linh mục thượng phẩm, còn có những thừa tác viên ở bậc thấp hơn, trước hết là những vị Phó Tế; các Phó Tế khi phục vụ các nhiệm tích của Chúa Kitô và Giáo Hội⁹, phải giữ mình tinh sạch khỏi mọi nét xấu, làm đẹp lòng Thiên Chúa và mưu cầu lợi ích cho nhân loại (x. 1Tm 3,8-10 và 12-13). Những giáo sĩ được Chúa kêu gọi để thuộc riêng về Chúa, và đang sửa soạn để lãnh nhận nhiệm vụ thừa tác viên, dưới sự coi sóc của vị chủ chăn, các vị ấy phải để lòng trí xứng hợp với ơn gọi hết sức cao cả của mình bằng cách cầu nguyện liên li, yêu thương nhiệt thành, chỉ tưởng đến những điều chân thật, chính đáng và lành thánh, và chu toàn mọi sự để làm vinh danh Thiên Chúa. Thêm vào số người đó, còn có những giáo dân được Thiên Chúa chọn; họ được Giám Mục gọi để dẫn thân trọn vẹn vào việc tông đồ, và họ làm việc rất hữu hiệu trong cánh đồng của Chúa¹⁰.

Còn bậc vợ chồng và cha mẹ Kitô giáo, khi theo đuổi lối sống riêng của mình, nhờ ơn Chúa, họ phải suốt đời nâng đỡ và trung thành yêu thương nhau; đối với con cái mà trong yêu thương họ đã nhận từ Thiên Chúa, họ phải làm cho chúng hấp thụ những học thuyết Kitô giáo và những nhân đức của Phúc Âm. Nhờ đó họ nêu gương cho mọi người về mặt tình thương bền

⁹ Xem T. Inhaxiô Tử đạo, Trall. 2,3 : x.b. Funk I, trg 244.

¹⁰ Xem Piô XII, diễn từ Sous la maternelle protection, 9-12-1957 : AAS 50 (1958), trg 26.

vững và quảng đại, xây dựng bác ái huynh đệ, làm chứng và cộng tác vào việc sinh sản của Giáo Hội, Mẹ chúng ta, trở nên dấu chỉ và thông phần vào tình yêu Chúa Kitô đối với Hiền Thê Người: bởi yêu thương, Người đã hiến mạng sống vì Hiền Thê¹¹. Dưới một hình thức khác, bậc quả phụ và độc thân cũng nêu lên một gương tương tự: họ có thể góp phần không ít vào sự thánh thiện và hoạt động của Giáo Hội. Còn những người thường làm lưng vắt vả, công việc của con người phải là phương thế để đào tạo chính mình, trợ giúp đồng loại, thăng tiến toàn thể xã hội và tạo vật; và sau cùng, hân hoan trong niềm hy vọng và kiên nhẫn chịu đựng lẫn nhau, với đức ái sống động, họ phải noi gương Chúa Kitô, Đấng đã làm việc tay chân và không ngừng cùng với Chúa Cha đem ơn cứu độ cho mọi người; và nhờ công ăn việc làm, họ phải tiến xa hơn trên đường thánh thiện, một sự thánh thiện còn có tính cách tông đồ.

Ước gì những người chịu đau khổ vì nghèo đói, tật nguyên, đau yếu và những thử thách khác, hay bị bách hại vì sự công chính cũng biết kết hợp cách đặc biệt với Chúa Kitô, Đấng đã chịu đau khổ để cứu chuộc thế giới, vì trong Phúc Âm Chúa đã tuyên bố họ là người có phúc, và vì "Thiên Chúa của mọi ân phúc, Đấng đã gọi chúng ta đến sự vinh hiển muôn đời trong Chúa Giêsu Kitô, sau khi chúng ta chịu đau khổ trong một thời gian ngắn, chính người sẽ làm cho chúng ta hoàn hảo, vững chắc và mạnh mẽ" (1P 5,10).

Vì thế, trong và nhờ những trạng huống, chức nghiệp hay hoàn cảnh của cuộc sống, tất cả mọi Kitô hữu ngày càng được thánh thiện hơn, nếu họ biết tin tưởng lãnh nhận tất cả mọi sự từ tay Cha trên Trời và biết cộng tác với thánh ý Thiên Chúa bằng

¹¹ Xem Piô XI, *Tđ. Casti connubi I*, 31-12-1930: AAS 22 (1930), trg 548. T. Gioan Kim Khẩu, *In Ephes. Bài giảng 20,2* : PG 62,136 tt.

cách tỏ lộ cho mọi người biết tình yêu Thiên Chúa đối với thế giới trong chính việc họ phục vụ trần thế. ^{53*}

42. Đường lối và phương tiện nên thánh. "Thiên Chúa là tình yêu, ai sống trong tình yêu là sống trong Thiên Chúa, và Thiên Chúa sống trong người ấy" (1Gio 4,16), Thiên Chúa đã đổ tràn đức ái Ngài trong tâm hồn chúng ta, nhờ Chúa Thánh Thần Ngài đã ban cho chúng ta (x. Rm 5,5); cho nên ơn huệ thứ nhất và cần thiết nhất là bác ái. Đức ái làm cho chúng ta yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự và yêu mến tha nhân vì Ngài. Nhưng để đức ái, tựa hạt giống tốt, lớn lên trong tâm hồn và kết sinh hoa trái, mỗi một tín hữu phải sẵn lòng lo lắng nghe Lời Chúa, và với ơn Ngài thực hành thánh ý Ngài; phải năng lãnh nhận các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể, năng tham dự vào các nghi lễ phụng vụ, chuyên cần cầu nguyện, từ bỏ mình, nhiệt thành phục vụ anh em và chuyên cần luyện tập các nhân đức. Thực thế, đức ái là mối dây liên kết của sự trọn lành, là sự viên mãn của lề luật (x. Col 3,14; Rm 13,10), nên đức ái chi phối mọi phương thế nên thánh, làm cho chúng hình thành và

^{53*} Số 41: Thực hành sự thánh thiện.

Động lực trong đời sống Kitô giáo hướng dẫn mọi tín hữu đến đức ái hoàn hảo. Việc đó được thực hành theo nhiều mức độ, cũng như tùy theo các hồng ân và trạng huống khác nhau, hoặc trên bình diện đời sống Kitô giáo nói chung, hoặc mỗi bậc sống nói riêng. Theo văn mạch chúng ta thấy rằng nếu sự thánh thiện chỉ là một xét theo bản thể của nó, nó lại có nhiều cấp độ, vì sự tự do cộng tác vào ân sủng khác nhau, vì các bậc sống khác nhau và cuối cùng vì ân sủng được trao ban theo nhiều cách thức và mỗi người có hồng ân riêng biệt của mình.

Phần còn lại là một lời khuyên nhủ đặc biệt, có tính cách mục vụ, nhằm gọi đến những hạng người và những bậc sống khác nhau trong Giáo Hội (giám mục, linh mục, giáo sĩ, giáo dân, vợ chồng, công nhân, người chuyên nghiệp nói chung), để họ sống và có thể thăng tiến trên đường thánh thiện, phù hợp với địa vị và điều kiện riêng của họ. Như vậy là đi từ lời kêu gọi nên thánh tới nhiệm vụ phải tự thánh hóa trong địa vị và điều kiện riêng của mình. Và đó là nhiệm vụ của mỗi người.

đạt được cùng đích¹². Vì thế, đức ái đối với Thiên Chúa và tha nhân là dấu chỉ người môn đệ chân chính của Chúa Kitô.

Vì Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, đã tỏ tình yêu của Người bằng cách hy sinh mạng sống vì chúng ta, nên không ai có tình yêu cao cả hơn người hy sinh mạng sống vì Chúa và vì anh em (x. 1Gio 3,16; Gio 15,13). Một số Kitô hữu ngay từ thời sơ khai đã được gọi và sẽ còn được gọi mãi để làm chứng tình yêu ấy cách hùng hồn trước mặt mọi người, nhất là trước mặt những kẻ bách hại mình. Khi tử đạo, người môn đệ đồng hóa với Thầy mình, Đấng đã tình nguyện chấp nhận cái chết để cứu độ thế giới, và người môn đệ nên giống Người trong việc đổ máu; Giáo Hội coi việc tử đạo đó như một ân huệ lớn lao và một bằng chứng cao cả về đức ái. Mặc dầu chỉ một số ít được phúc tử đạo, nhưng tất cả mọi người phải sẵn sàng tuyên xưng Chúa Kitô trước mặt mọi người, và bước theo Người trên đường thập giá giữa những cuộc bách hại không hề thiếu vắng trong Giáo Hội.

Sự thánh thiện của Giáo Hội cũng được đặc biệt khích lệ bởi nhiều lời khuyên Chúa đã đề ra trong Phúc Âm cho môn đệ noi theo¹³. Trong những lời khuyên ấy, trước hết phải kể ân huệ cao quý mà Chúa Cha ban cho một số người (x. Mt 19,11; 1Cor 7,7), để họ tận hiến trọn tình yêu không chia sẻ cho một mình Chúa cách dễ dàng hơn, trong bậc đồng trinh hay độc thân (x. 1Cor 7,32-34)¹⁴. Sự tiết dục hoàn toàn vì Nước Trời luôn được Giáo Hội đặc biệt quý trọng và coi như dấu chỉ và động lực của

¹² Xem T. Augustinô, *Enchir.* 121, 32 : PL 40, 288. T. Tôma, *Summa Theol.* II-II, q. 184, a.1. Piô XII, *huấn từ Menti nostrae*, 23-9-1950 : AAS 42 (1950), trg 660.

¹³ Về các lời khuyên nói chung, xem Origenê, *Comm. Rom.* X,14: PG 14, 1275B. T. Augustinô, *De S. Virginitate*, 15,15 : PL 40,403. T. Tôma, *Summa Theol.* I-II, q. 100, a.2, C đoạn cuối; II-II, q. 44, a. 4,3.

¹⁴ Về sự cao vời của đức khiết tịnh thánh hiến, xem Tertullianô, *Exhort. Cast.* 10 : PL 2,925C. T. Cyprianô, *Hab. Virg.* 3 và 22 : PL 4,443B và 461At. T. Athanasîô (?), *De Virg.* PG 28,252tt. T. Gioan Kim Khẩu, *De Virg.* : PG 48,533tt.

đức ái, và như nguồn mạch đặc biệt sinh nhiều ơn ích thiêng liêng trong thế giới.

Giáo Hội cũng nhớ lời khuyên nhủ của Thánh Tông Đồ thúc giục các tín hữu sống bác ái và khuyên họ phải có tâm tình như Chúa Giêsu Kitô "Đấng tự diệt mình, nhận lấy hình hài tôi tớ..., và vâng lời cho đến chết" (Ph 2,7-8), và vì chúng ta, "Người đã trở nên nghèo nàn, tuy Người vốn giàu sang" (2Cor 8,9). Việc noi theo và làm chứng đức ái cùng sự khiêm hạ của Chúa Kitô cần được các môn đệ thực hiện không ngừng; nên Giáo Hội là Mẹ chúng ta vui mừng khi thấy trong lòng mình có nhiều con cái nam nữ muốn theo sát gương Đấng Cứu Thế và tỏ lộ rõ ràng hơn sự tự diệt của Người. Họ chấp nhận nghèo khó trong tự do của con cái Thiên Chúa và từ bỏ ý riêng: hơn cả mức đòi buộc của giới luật, họ tự nguyện từng phục một con người, từng phục vì Chúa, trong những gì liên hệ tới sự trọn lành, hầu nên giống Chúa Kitô vâng lời cách hoàn toàn hơn¹⁵.

Vì thế, mọi Kitô hữu đều được kêu mời và có bổn phận nên thánh và nên trọn lành theo bậc sống mình. Bởi vậy, tất cả hãy lưu ý điều khiển tâm tình mình cho đúng đắn, để việc xử dụng của cải trần gian và lòng quyến luyến sự giàu sang nghịch với tinh thần khó nghèo của Phúc Âm, không cản trở họ theo đuổi đức ái trọn hảo, như lời Thánh Tông Đồ cảnh giác: ai xử dụng thế gian này, xin chớ dừng lại đó, vì cuộc điện đời này sẽ qua đi (x. 1Cor 7,31, bản Hy Lạp)^{16.54*}

¹⁵ Về sự khó nghèo, xem Mt 5,3 và 19,21; Mc 10,21; Lc 18,22; gương vâng lời của Chúa Kitô trong Gio 4,34 và 6,38; Ph 2,8-10; Dth 10,5-7. Các Giáo Phụ và các Đấng sáng lập dòng thường đề cập rất nhiều đến các nhân đức này.

¹⁶ Về sự thực hành công hiệu những lời khuyên mà không bắt buộc tất cả mọi người, xem T. Gioan Kim Khẩu, In Mt. bài giảng 7,7 : PG 57,81t. T. Ambrosiô, De Viduis, 4, 23 : PL 16, 241t.

^{54*} Số 42 : Những phương tiện thánh hóa.

Số này trình bày động lực làm cho Kitô hữu thăng tiến trên đường thánh thiện: đó là đức ái. Cơ cấu của số này như sau: đức ái là linh hồn của mọi hành động

Chương VI

Tu Sĩ ^{55*}

43. Những lời khuyên Phúc Âm trong Giáo Hội. Những lời khuyên Phúc Âm về đức khiết tịnh để hiến mình cho Thiên Chúa, về đức nghèo khó và vâng lời, đều đặt nền tảng trên lời nói cùng gương lành của Chúa, đã được các Tông Đồ và các

thánh thiện (42a), biểu lộ bằng hành động cao cả là từ đạo (42b), trong các lời khuyên Phúc Âm, đặc biệt trong sự khiết tịnh vẹn toàn (42c), trong sự khiêm hạ, tuân phục và khó nghèo (42d). Chính nhờ đức ái mà chúng ta tránh được nguy hiểm (42e). Đức ái là con đường chính yếu và cần thiết để nên thánh. Công Đồng nhấn mạnh tới tính cách thiên phú của nhân đức này như là hồng ân Chúa ban và tới khía cạnh giới luật đòi người ta phải yêu mến Thiên Chúa và tha nhân nhờ thực hành các nhân đức khác. Công Đồng còn đề cập đến các bí tích, lời kinh nguyện, sự quên mình, sự khổ hạnh và việc phục vụ huynh đệ. Như thế đức ái là mầm mống các nhân đức khác. Từ những điều đã trình bày chúng ta có thể kết luận là đức ái đòi phải thi hành mọi giới luật Thiên Chúa (x. 1Gio 5,3; Gio 14,21; 2Gio 6). Bậc sống riêng nào của mỗi người cũng có thể thực hành những lời khuyên Phúc Âm. Như vậy là tránh được thiên kiến cho rằng các tu sĩ chiếm độc quyền việc nên thánh. Số 42 làm sáng tỏ động lực này của đức ái qua sự thực hành trong mỗi tình trạng cụ thể.

^{55*} *Việc chuẩn bị chủ đề để soạn thảo cho chương này khá sôi nổi. Trong lược đồ đầu tiên, tất cả chương VI đề cập đến tu sĩ. Khi lược đồ được làm lại và đưa lên để Công Đồng nghị trình trong kỳ họp thứ hai, chương nói về tu sĩ lại được xen vào chương V bàn chung về lời kêu gọi nên thánh trong Giáo Hội. Làm thế cũng gây nên nhiều bất tiện. Như vậy, chúng ta thấy có hai khuynh hướng: khuynh hướng thứ nhất đòi soạn thảo một chương đặc biệt về tu sĩ, khuynh hướng thứ hai cương quyết cứ để xen chung vào chủ đề về lời kêu gọi nên thánh. Sau nhiều cuộc bàn cãi, việc phân tách hai chương được chấp thuận, như chúng ta thấy trong bản văn chung quyết. Vị trí của chương này trong toàn thể Hiến Chế là do những quan sát thực tiễn. Đặt nó liền sau chương nói về lời kêu gọi nên thánh là để bày tỏ giá trị và tầm quan trọng của đời tận hiến cho Giáo Hội để thánh hoá và minh chứng. Kết cấu của chương này đơn giản: sau khi mô tả nguồn gốc và sự tiến triển của các hình thức đời sống tu trì (số 43), Công Đồng phân tích bản tính đời sống tu trì (số 44), và sau đó xét đến vai trò của quyền bính Giáo Hội đối với tu sĩ (số 45) và nhiệm vụ của đời sống tu trì trong việc phát triển nhân phẩm của chính tu sĩ, hoặc trong đời sống Giáo Hội (số 46); sau cùng là đôi lời khuyên nhủ vắn tắt kết thúc cho chương này (số 47).*

Giáo Phụ, các tiến sĩ và các chủ chăn Giáo Hội khuyến giữ. Các lời khuyên ấy là ân huệ thần linh mà Giáo Hội đã nhận lãnh bởi Chúa mình và luôn gìn giữ nhờ ơn Người. Theo sự hướng dẫn của Thánh Thần, chính giáo quyền ân cần giải thích các lời khuyên của Phúc Âm, hướng dẫn cách thực hành, cùng thiết lập những lối sống cố định dựa trên những lời khuyên ấy. Do đó, như một cây đâm chồi nảy lộc um tùm và kỳ diệu từ hạt giống Chúa gieo vãi trong cánh đồng của Người, thì cũng có nhiều lối sống khác nhau: đơn độc hay cộng đồng, và dòng tu khác nhau mà phần sản nghiệp dồi dào đem lại lợi ích cho các chi thể của dòng cũng như toàn Thân Thể Chúa Kitô¹. Thực vậy, các dòng ấy mang lại cho các chi thể những trợ lực bền bỉ trong một đời sống vững vàng hơn, một học thuyết vững chắc giúp đạt đến trọn lành, một mối hiệp thông huynh đệ trong đạo bình Chúa Kitô, và một sự tự do được đức vâng lời củng cố; thế nên, họ có thể an tâm chu toàn và trung thành gìn giữ lời khấn cùng hoan hỷ tiến bước trên con đường đức ái².

Xét theo thể chế của Giáo Hội do Chúa thiết lập và có phẩm trật, thì bậc sống tu trì không ở giữa bậc giáo sĩ và giáo dân; thực vậy Thiên Chúa kêu gọi một số Kitô hữu ở cả hai bậc giáo sĩ và giáo dân đến hưởng lấy ân huệ đặc biệt trong đời sống Giáo Hội, và mỗi người một cách góp phần vào sứ mệnh cứu độ của Giáo Hội^{3.56*}

¹ Xem Rosweyđô, *Vitae Patrum, Antwerpiae, 1628. Apophteymata Patrum* : PG 65. Palladiô, *Hist. Lausiaca* : PG 34, 995tt; x. b. C. Butler, *Cambridge 1898 (1904)*. Piô XI, *Tông hiến Umbratitem*, 8-7-1924 : AAS 16 (1924), trg 386-387. Piô XII, *diễn từ Nous sommes heureux*, 11-4-1958 : AAS 50 (1958), trg 283.

² Xem Phaolô VI, *diễn từ Magno gaudio*, 23-5-1964 : AAS 56 (1964), trg 566.

³ Xem Giáo luật, kh. 487 và 488, 4. Piô XII, *diễn từ Annus sacer.*, 8-12-1950 : AAS 43 (1951), trg 27t. Piô XII, *Tông hiến Provida Mater*, 2-2-1947 : AAS 39 (1947), trg 120tt.

^{56*} Số 43: Nhập đề.

44. Bản tính và tầm quan trọng của bậc tu trì. Người Kitô hữu tự buộc mình tuân giữ ba lời khuyên của Phúc Âm qua lời khẩn hay qua những ràng buộc thánh khác tương tự như lời khẩn dòng; nhờ đó họ hiến thân hoàn toàn cho Thiên Chúa chí ái, để phụng sự và làm vinh danh Ngài với một danh hiệu mới mẻ và đặc biệt. Nhờ phép Thánh Tẩy, họ đã chết cho tội lỗi và được cung hiến cho Thiên Chúa; nhưng để có thể thâm lượm dồi dào ơn ích của bí tích ấy, người Kitô hữu muốn nhờ việc khẩn giữ ba lời khuyên của Phúc Âm trong Giáo Hội, thoát ly khỏi những ngăn trở có thể làm họ không nhiệt tâm yêu mến và tôn thờ Thiên Chúa cách hoàn hảo; và họ tận hiến để phụng sự Thiên Chúa cách thân tình hơn⁴. Việc cung hiến đó càng trở nên hoàn hảo hơn khi việc Chúa Kitô hiệp nhất với Giáo Hội, hiến thân của Người, bằng mối dây bất khả phân ly càng được phản ánh trong những mối dây ràng buộc chắc chắn và vững bền hơn.

Những lời khuyên của Phúc Âm đưa đến đức ái⁵, và nhờ đức ái, những lời khuyên ấy kết hiệp các tu sĩ cách đặc biệt với Giáo Hội và với màu nhiệm Giáo Hội. Bởi đó, đời sống thiêng liêng của họ cũng phải mưu cầu lợi ích cho toàn thể Giáo Hội. Do đó, mỗi người tùy sức và ơn gọi của mình, bằng kinh nguyện hay bằng hành động tích cực, có bổn phận làm cho Nước Chúa

Công Đồng mô tả nguồn gốc và sự tiến triển của các hình thức tu trì, một trật cũng bày tỏ thánh ý Chúa và vai trò của quyền bính Giáo Hội. Đời sống tu trì là một hồng ân Chúa Cha ban cho Giáo Hội, Giáo Hội phải trung thành gìn giữ và hướng dẫn. Do lời giảng dạy và gương mẫu của Người, Chúa Kitô là nền tảng các lời khuyên Phúc Âm. Công Đồng còn minh định thêm rằng đời sống tu trì không nằm trong hệ thống cơ cấu phân trật (giáo sĩ - giáo dân), nhưng trong hệ thống cơ cấu đoàn sùng. Dầu các lời khuyên là do Chúa ban, và đời sống tu trì thực hành những lời khuyên đó là thuộc phạm vi đoàn sùng, Giáo Hội cũng phải thiết lập một hình thức định chế để thực hành đời sống ấy.

⁴ Xem Phaolô VI, n.v.t., trg 567.

⁵ Xem T. Tôma, *Summa Theol.*, II-II, q. 184, a. 3 và q. 188, a.2. T. Bonaventura, *Opusc. XI, Apologia Pauperum*, ch. 3,3: x.b. *Opera, Quaraechi*, bộ 8, 1898, trg 245a.

Kitô ăn rễ sâu và vững mạnh trong các tâm hồn và bành trướng trên khắp vũ trụ. Vì thế, Giáo Hội duy trì và nâng đỡ đặc tính riêng biệt của các tu hội.

Việc khẩn giữ các lời khuyên của Phúc Âm thực là một dấu chỉ có thể và phải lôi cuốn hữu hiệu tất cả mọi chi thể của Giáo Hội đến việc can đảm chu toàn ơn gọi làm Kitô hữu. Thực vậy, dân Thiên Chúa không đặt thành trì vĩnh viễn ở đời này, nhưng đi tìm một thành trì mai sau. Bậc tu trì giải thoát người tu sĩ bớt những lo lắng trần tục, cùng tỏ lộ cách hoàn hảo hơn cho mọi tín hữu thấy của cải trên trời đã có ngay dưới trần gian này, và làm chứng rằng ơn cứu chuộc của Chúa Kitô đã đem lại một đời sống mới và vĩnh cửu, đồng thời tiên báo sự phục sinh tương lai và vinh quang của Nước Trời. Hơn nữa, bậc sống tu trì bắt chước cách chính xác hơn và thực hiện liên tục trong Giáo Hội nếp sống mà Con Thiên Chúa đã nhận khi Người xuống thế để thi hành thánh ý Chúa Cha và cũng là nếp sống mà Người đã đề ra cho các môn đệ theo Người. Sau cùng, bậc sống ấy đặc biệt cho ta thấy Nước Thiên Chúa vượt trên mọi sự trần thế và những đòi hỏi của Nước ấy cao cả biết bao; nó cũng cho mọi người thấy quyền lực cao trọng tuyệt vời của Chúa Kitô Vua và quyền năng vô cùng của Chúa Thánh Thần đang hoạt động cách kỳ diệu trong Giáo Hội.

Vì thế, bậc sống được thiết lập do việc tuyên khấn các lời khuyên của Phúc Âm, tuy không liên quan đến cơ cấu phẩm trật của Giáo Hội, nhưng dĩ nhiên cũng gắn chặt với đời sống và sự thánh thiện của Giáo Hội.^{57*}

^{57*} Số 44: Bản tính của đời sống tu trì.

Trước hết Công Đồng thừa nhận trong đời sống đó có một sự thánh hiến cho Thiên Chúa để hoàn bị sự thánh hiến của bí tích Thánh Tẩy. Do lời khấn hay việc dẫn thân tương tự mà có việc dâng hiến, nhờ đó đời sống của tu sĩ và cả thế giới được thần hóa nhiều hơn (x. số 31). Sự thánh hiến này hoàn tất trong tình yêu trọn vẹn nhất: tình yêu ưu tiên dành cho Thiên Chúa trong Chúa Kitô. Đời sống

45. Quyền bính Giáo Hội và bậc tu trì. Vì trong Giáo Hội, giáo phẩm có nhiệm vụ chăn dắt và dẫn đưa Dân Chúa đến những đồng cỏ phì nhiêu (x. Ez 34,14), nên có nhiệm vụ dùng các luật lệ mà hướng dẫn cách khôn ngoan việc thực hành những lời khuyên của Phúc Âm, vì đó là phương thế đặc biệt để cổ võ đức ái trọn hảo đối với Thiên Chúa và tha nhân⁶. Ngoan ngoan vâng theo sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, giáo phẩm đón nhận những luật dòng do những nam nữ sáng lập viên lỗi lạc đề nghị, và chính thức phê chuẩn sau khi tu chỉnh. Và do quyền hành của mình, giáo phẩm luôn có mặt để săn sóc và bảo trợ những dòng tu được thiết lập khắp nơi nhằm xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô, để các dòng tu ấy phát triển và sinh hoa kết quả theo tinh thần các đấng sáng lập.

Đàng khác, để đáp ứng cách hữu hiệu hơn nhu cầu của toàn thể đoàn chiên Chúa, Đức Giáo Hoàng, vì có quyền tối thượng trong toàn thể Giáo Hội và để phục vụ ích chung, có thể tách bất kỳ dòng tu hay tu sĩ nào khỏi quyền tài thẩm của các Đấng Bản Quyền và chỉ đặt dưới quyền duy nhất của ngài⁷. Cũng thế,

tu trì chính yếu cũng là phục vụ Giáo Hội, để làm cho việc tông đồ được bành trướng. Nhưng vì là một sự thánh hiến nội tâm, nên việc phục vụ trước hết là cộng tác vào việc mở mang nước Chúa bằng thái độ nhiệt thành, bằng kinh nguyện và cũng có thể bằng hoạt động. Bởi thế, việc phục vụ này không chỉ là một hình thức tông đồ bên ngoài. Giá trị dấu hiệu của việc tuyên xưng các lời khuyên Phúc Âm phát xuất từ sự thánh hiến nội tâm này: dấu hiệu cánh chung của đời sau và của hạnh phúc trên Trời, giá trị của sự cao trọng Nước Chúa. Để kết luận, Công Đồng tuyên bố đời sống tu trì không thể tách lìa khỏi đời sống và sự thánh thiện của Giáo Hội. Như vậy chúng ta hiểu rằng, một đàng Giáo Hội cần được sự đóng góp của đời sống tu trì nên phải cổ võ đến mức tối đa cho đời sống ấy, đàng khác đời sống ấy nói lên sức mạnh của Giáo Hội. Cứ theo những điểm vừa nói thì đời sống tu trì là một thực tại sống động trong Giáo Hội.

⁶ Xem CD Vat. I, lược đồ De Ecclesia Christi, ch. XV, và chú giải 48: Mansi 51, 549t và 619t. Lêô XIII, thu Au milieu des consolations, 23-12-1900: ASS 33 (1900-01), trg 361. Piô XII, Tông hiến Provida Mater, n.v.t., trg 114t.

⁷ Xem Lêô XIII, Hiến chế Romanos Pontifices, 8-5-1881: ASS 13 (1880-81), trg 483. Piô XII, diễn từ Annus Sacer, 8-12-1950 : AAS 43 (1951), trg 28t.

có thể có những dòng tu và những tu sĩ được để lại hoặc giao phó cho thẩm quyền riêng của các Giáo Chủ. Khi chu toàn phận vụ đối với Giáo Hội qua cách sống đặc biệt của mình, các tu sĩ phải kính trọng và vâng lời các Giám Mục theo giáo luật, vì phải tôn trọng quyền mục vụ của các ngài trong Giáo Hội địa phương và vì cần phải có sự đồng tâm nhất trí trong việc tông đồ⁸.

Giáo Hội không chỉ phê chuẩn việc khẩn dòng để đưa đời tu lên địa vị bậc sống theo giáo luật, nhưng qua việc cử hành phụng vụ, Giáo Hội còn trình bày việc khẩn dòng ấy như một bậc sống cung hiến cho Thiên Chúa. Với quyền hành Chúa ban, chính Giáo Hội nhận lời tuyên khẩn của các tu sĩ; qua lời kinh công cộng, Giáo Hội xin Chúa ban ân sủng và trợ giúp họ, phó thác họ cho Thiên Chúa, chúc lành thiêng liêng cho họ, và kết hợp sự tận hiến của họ vào hy lễ tạ ơn.^{58*}

46. Sự cao cả củaviệc tận hiến. Các tu sĩ phải đem hết tâm lực làm cho Giáo Hội, qua con người của họ, thực sự biểu dương Chúa Kitô ngày một hoàn hảo hơn cho các tín hữu cũng như các lương dân: biểu dương Chúa Kitô đang cầu nguyện trên

⁸ Xem Piô XII, n.v.t., trg 28. Piô XII, *Tông hiến Sedes sapientiae*, 31-5-1956: AAS 48 (1956), trg 355. Phaolô VI, *diễn từ Magno gaudio*, 3-5-1964: AAS 56 (1964), trg 570-571.

^{58*} Số 45: *Giáo Hội và đời sống tu trì.*

Vai trò quyền bính Giáo Hội nằm trong những điều quy định tổng quát: lập luật để làm qui tắc hướng dẫn việc thực hành các lời khuyên, chuẩn y các điều lệ, lưu ý đến sự trung thành và tăng triển các hội dòng. Sau đó Công Đồng đề cập đến những người nắm giữ quyền bính này: Đức Giáo Hoàng là Vị mà các hội dòng miễn trừ phải tùy thuộc; các Giáo Chủ, các Giám Mục là những người mà mọi tu sĩ phải kính trọng và tuân phục. Sự quả quyết Giáo Hội góp phần trong phương diện phụng vụ và thiêng liêng vào việc tuyên khẩn cũng nói lên rằng những mối tương quan với quyền bính không chỉ có tính cách pháp lý. Theo Hiến Chế, sự đóng góp vào phụng vụ mặc ba hình thức: Giáo Hội dùng quyền bính chấp nhận các lời khẩn, dùng lời kinh công cộng xin Chúa ban ơn, kết hợp sự tận hiến của người tuyên thệ vào hy lễ tạ ơn.

núi, hoặc đang loan báo Nước Thiên Chúa cho dân chúng, hoặc chữa lành những kẻ đau yếu tàn tật, hay hoán cải các tội nhân trở lại đời sống phong phú, hoặc đang chúc phúc cho trẻ em, ban ơn lành cho mọi người, và trong mọi sự luôn vâng phục thánh ý Chúa Cha, Đấng đã sai Người đến⁹.

Sau cùng, mọi tu sĩ nên biết rằng việc khấn giữ các lời khuyên Phúc Âm, tuy bao gồm sự từ bỏ những của cải mà dĩ nhiên phải được quý trọng, sẽ không làm ngăn trở việc phát triển đích thực nhân vị, trái lại do bản chất của nó còn có lợi cho con người. Thực vậy, các lời khuyên Phúc Âm, mà các tu sĩ đã tình nguyện chấp nhận theo ơn gọi riêng của mình, góp phần không ít vào việc thanh luyện tâm hồn và phát huy tự do thiêng liêng, và không ngừng khích lệ sống bác ái nhiệt thành, nhất là có sức làm cho người Kitô hữu ngày càng nên giống đời sống trinh khiết và khó nghèo mà Chúa Kitô đã chọn và Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Người, đã sống, như gương lành của bao đấng sáng lập dòng đã chứng tỏ. Không ai được nghĩ rằng, vì tận hiến như thế, các tu sĩ trở nên xa lạ với mọi người và vô dụng đối với xã hội trần thế. Vì dù đôi khi không trực tiếp phụ giúp người đồng thời với mình nhưng tu sĩ lại hiện diện cùng họ cách sâu xa hơn trong lòng Chúa Kitô và cộng tác một cách thiêng liêng với họ, để việc xây dựng xã hội trần thế luôn đặt nền móng nơi Chúa và luôn hướng về Người hầu những người xây dựng xã hội trần thế sẽ không luống công¹⁰.

Vì thế, Thánh Công Đồng công nhận và khen ngợi nam nữ tu sĩ sống trong tu viện, trường học, bệnh viện hoặc trong các xứ truyền giáo, đang trang điểm Hiền Thê Chúa Kitô bằng tám

⁹ Xem Piô XII, *Tđ. Mystici Corporis*, 29-6-1943: AAS 35 (1943), trg 241t.

¹⁰ Xem Piô XII, *diễn từ Annus Sacer*, n.v.t., trg 30. *Diễn từ Sous la maternelle protection*, 9-12-1957: AAS 50 (1958), trg 39t.

lòng khiêm hạ và kiên trung trong sự tận hiến và quảng đại phục vụ mọi người dưới muôn vàn hình thức^{59*}.

47. Khuyến khích sự kiên tâm và thăng tiến. Vậy mỗi tu sĩ được gọi để tuyên khấn, hãy chuyên tâm sống bền đỗ trong ơn thiên triệu Chúa đã gọi mình và hãy mãi mãi tiến bộ để làm cho sự thánh thiện của Giáo Hội thêm phong phú hơn và sự vinh hiển của Thiên Chúa Ba Ngôi duy nhất và bất phân thêm cao cả hơn. Trong và nhờ Chúa Kitô, Chúa Ba Ngôi là nguồn mạch và nguyên ủy mọi sự thánh thiện^{60*}.

^{59*} Số 46 : Vai trò của đời sống tu trì.

Sau khi khuyến nhủ tu sĩ biết mình chứng Chúa Kitô trong các hoạt động, Công Đồng nhắc nhở cho họ biết đời sống tu trì làm phát triển nhân cách con người vì là một sự tự hiến, phát xuất từ hành động tự do của ý chí đi theo chiều hướng của ơn gọi cá nhân; đời sống ấy còn định hướng nhân phẩm theo như điều mà chương trình của Chúa muốn dung hợp, và như vậy làm cho nhân phẩm được nảy nở hoàn toàn. Công Đồng đề cập ba khía cạnh của việc nảy nở đó: tự do thiêng liêng trong tâm hồn trong sạch hoàn toàn, bác ái hăng say nhờ đó mà nhân phẩm con người được phát triển đích thực, dung hợp với lối sống mà chính Chúa Kitô đã theo, lối sống mà Mẹ Maria là gương mẫu hoàn hảo. Công Đồng cũng nhắc lại rằng đời sống tu trì còn cộng tác một cách thiêng liêng vào công cuộc kiến tạo trần gian. Sự hiện diện tinh thần của tu sĩ còn đích thực hơn cả sự hiện diện hữu hình bên ngoài. Cố nhiên Công Đồng không nói tu sĩ hiện diện nơi người khác nhưng hiện diện trong trái tim Chúa Kitô. Do sự kiện cộng tác thiêng liêng vào công cuộc kiến tạo trần gian, tu sĩ trở nên hữu ích cho xã hội và cộng tác vào việc tái tạo một thế giới xây dựng trên Chúa Kitô. Sau cùng Công Đồng tuyên bố công nhận và khen ngợi lối sống của tu sĩ.

^{60*} Số 47 : Kết luận.

Trong câu kết luận vẫn tắt, Công Đồng khuyến nhủ tu sĩ kiên trì và thăng tiến trong ơn gọi để Giáo Hội được thánh thiện và để làm vinh danh Thiên Chúa.

Chương VII

Đặc Tính Cảnh Chung Của Giáo Hội Lữ Hành Và Sự Hiệp Nhất Với Giáo Hội Trên Trời ^{61*}

48. Đặc tính chung của ơn gọi chúng ta. Tất cả chúng ta được mời gọi gia nhập Giáo Hội trong Chúa Kitô, và nhờ ân sủng Thiên Chúa, chúng ta nên thánh trong Giáo Hội. Và Giáo Hội chỉ kết thúc trong vinh quang trên trời, khi thời cải tạo mọi sự đến (CvTđ 3,21) và khi toàn thể vũ trụ cùng với loài người được thiết lập toàn vẹn trong Chúa Kitô, vì vũ trụ liên kết mật thiết với con người và nhờ con người đạt được cùng đích của mình (x. Eph 1,10; Col 1,20; 2P 3,10-13).

Thực vậy, Chúa Kitô, khi bị treo lên khỏi đất, đã kéo mọi người đến với mình (x. Gio 12,32, bản Hy Lạp). Khi từ kẻ chết sống lại (x. Rm 6,9), Người đã sai Thánh Thần ban sự sống đến với

^{61*} Chương này được khai sinh theo ước muốn của Đức Gioan XXIII.

Được Ủy ban Thần học soạn thảo lại, chương này được mọi người công nhận là một phần của hiến chế mới (lược đồ đệ trình bảy giờ chỉ có 4 chương). Nội dung của chương được tổng hợp trong tựa đề. Công Đồng nhấn mạnh tới hành động tôn vinh Thiên Chúa của tất cả Thân Thể Chúa Kitô là Giáo Hội dưới đất cũng như trên trời. Cơ cấu của chương như sau: số 48 nói lên hai giá trị của Giáo Hội trong đó những thành phần dưới thế cùng tồn tại với những thành phần cố định; các số 49 và 50 trình bày những mối dây liên kết Kitô hữu còn ở trần gian với những người đã lên trời hoặc ở trong luyện ngục: các Thánh trên trời cầu bầu cho chúng ta là những kẻ lữ hành (số 49), mối tương quan giữa các Ngài với chúng ta (số 50). Từ giáo lý này mà số 51 rút ra những hậu kết có tính cách mục vụ.

các môn đệ và nhờ Thánh Thần thiết lập thân thể Người là Giáo Hội như bí tích phổ quát cứu rỗi. Nay đang ngự bên hữu Chúa Cha, Người không ngừng tác động trong thế giới để dẫn đưa mọi người về với Giáo Hội, và qua Giáo Hội, kết hợp họ với Người khăng khít hơn; Người còn lấy chính Mình Máu Người nuôi họ, cho họ tham dự vào cuộc sống vinh hiển của Người. Vì vậy, sự cải tạo Chúa đã hứa và chúng đang mong đợi đã khởi sự nơi Chúa Kitô, được xúc tiến khi Thánh Thần đến và nhờ Ngài được tiếp diễn trong Giáo Hội. Nhờ đức tin trong Giáo Hội, chúng ta còn hiểu được ý nghĩa cuộc sống ở trần thế, ngay khi chúng ta lo hoàn tất công việc Chúa Cha trao phó ở đời này trong niềm hy vọng hạnh phúc mai sau cũng như khi chúng ta lo phần rỗi của mình (x. Ph 2,12).

Như thế thời đại cuối cùng đã đến với chúng ta rồi vậy (x. 1Cor 10,11). Việc canh tân thế giới được thiết lập một cách bất khả phục hồi và thực sự đã bắt đầu một cách nào đó ngay từ bây giờ vì Giáo Hội đã được trang điểm bằng sự thánh thiện đích thực, tuy chưa hoàn toàn. Dù vậy, cho tới khi có trời mới và đất mới, nơi công lý ngự trị (x. 2P 3,13), Giáo Hội lữ hành mang khuôn mặt chóng qua của đời này, qua các bí tích và định chế là những điều thuộc thời đại này. Và Giáo Hội vẫn sống giữa các thụ sinh tới nay còn rên siết và quằn quại trong cơn đau đớn lúc sinh con, và mong đợi con cái Thiên Chúa xuất hiện (x. Rm 8,19-22).

Bởi vậy, được nối kết với Chúa Kitô trong Giáo Hội và được in dấu của Thánh Thần là "bảo chứng của cơ nghiệp chúng ta" (Eph 1,14), chúng ta thực sự được gọi là con Thiên Chúa và chúng ta là con Chúa thật (x. 1Gio 3,1); nhưng chúng ta chưa được xuất hiện với Chúa Kitô trong vinh quang (x. Col 3,4), trong đó chúng ta sẽ nên giống Thiên Chúa, vì trông thấy Ngài như Ngài có thật (x. 1Gio 3,2). Vì thế, "đang khi chúng ta còn ở trong thân xác này, là phải lưu đày xa Chúa" (2Cor 5,6) và được hưởng hoa quả đầu mùa của Thánh Thần, chúng ta âm

thâm than vãn (x. Rm 8,23) và khao khát được ở với Chúa Kitô (x. Ph 1,23). Chính đức ái đó thúc bách chúng ta sống cho Người hơn nữa, vì Người đã chết và sống lại cho chúng ta (x. 2Cor 5,15). Do đó chúng ta gắng sức làm đẹp lòng Chúa trong mọi việc (x. 2Cor 5,9) và mặc lấy binh giáp Thiên Chúa, hầu có thể đứng vững trước những cạm bẫy của ma quỷ và kháng cự chúng trong ngày gian truân (x. Eph 6,11-13). Đàng khác, vì không biết ngày và giờ, chúng ta phải theo lời Chúa dạy, luôn tỉnh thức, để khi cuộc đời độc nhất của chúng ta ở trần gian chấm dứt (x. Dth 9,27), chúng ta xứng đáng vào dự tiệc cưới với Người và được liệt vào số những người được chúc phúc (x. Mt 25,31-46), chứ không như những tôi tớ khốn nạn và lười biếng (x. Mt 25,26) sẽ bị đẩy vào lửa đời đời (x. Mt 25,41), vào chốn tối tăm, nơi "khóc lóc và nghiến răng" (Mt 22, 13 và 25,30). Thật vậy, trước khi ngự trị với Chúa Kitô vinh hiển, mọi người chúng ta đều phải trình diện "trước tòa Chúa Kitô, để mọi người lãnh lấy những thành quả đời mình đã làm trong thân xác hoặc lành hoặc dữ" (2Cor 5,10). Và ngày tận thế "ai đã làm lành sẽ sống lại hầu được sống, còn ai làm ác sẽ sống lại để chịu đoán phạt" (Gio 5,29; x. Mt 25,46). Bởi đó, tin rằng "những đau khổ hiện thời chẳng thấm vào đâu với vinh quang sắp tới sẽ được giải bày cho chúng ta" (Rm 8,16; x. 2Tm 2,11-12), chúng ta mạnh mẽ tin tưởng trông đợi "niềm hy vọng hạnh phúc và ngày trở lại vinh quang của Thiên Chúa cao cả và Đấng cứu chuộc chúng ta là Chúa Giêsu Kitô" (Tit 2,13). "Người sẽ cải tạo thân xác hèn mạt ta ra giống thân xác sáng láng của Người" (Ph 3,21) và sẽ ngự đến "để được vinh quang trong các Thánh của Người và được thán phục trong mọi người đã tin" (2Th 1,10).^{62*}

^{62*} Số 48: Đặc tính cánh chung của ơn gọi chúng ta.

Trong cuộc sống hiện tại, ơn gọi của chúng ta là: được Chúa Kitô thánh hóa, chúng ta cùng với Người tiến về sự thánh thiện viên mãn trong đời sống vĩnh cửu,

49. Sự hiệp thông giữa Giáo Hội trên trời và Giáo Hội lữ hành.^{63*} Bởi thế, cho tới khi Chúa ngự đến trong uy nghi, có tất cả các Thiên Thần theo Người (x. Mt 25,31), và khi sự chết đã bị hủy diệt, mọi vật đều qui phục Người (x. 1Cor 15,26-27), thì trong số các môn đệ Chúa, có những kẻ còn tiếp tục cuộc hành trình nơi trần thế, có những kẻ đã hoàn tất cuộc sống này và đang được tinh luyện và có những kẻ được hiển vinh đang chiêm ngưỡng "rõ ràng chính Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi như Ngài hằng có"¹. Nhưng hết thảy mọi người chúng ta, tùy cấp bậc và cách thức khác nhau, đều hiệp thông trong cùng một đức mến Chúa yêu người, cùng hát lên một bài ca chúc tụng vinh quang Thiên Chúa chúng ta. Vì tất cả những ai thuộc về Chúa Kitô và nhận lãnh Thánh Thần Người, đều họp thành một Giáo Hội duy nhất và liên kết với nhau trong Người (x. Eph 4,16). Bởi vậy, sự hiệp nhất giữa những người còn sống trên dương thế với các anh em đã yên nghỉ trong an bình Chúa Kitô không hề bị gián đoạn. Nhưng trái lại, Giáo Hội xưa nay

khi chúng ta được chiêm ngưỡng chính Thiên Chúa. Cuộc lữ hành đòi chúng ta phải ý thức về mối liên hệ giữa đời sống hiện tại của chúng ta với đời sống vĩnh cửu, để với lòng tin vững chắc vào Chúa Kitô Cứu Thế và hy vọng một vinh quang mai hậu, chúng ta chịu đựng những nghịch cảnh đời này, và chống lại ma quỷ. Đời sống Kitô giáo có sự liên tục giữa đời sống dưới thế và đời sống vĩnh cửu trên trời. Có ý thức sống động được chân lý này, chúng ta mới nghĩ đến những người đã về trời. Và điều đó làm chúng ta hiểu sâu sắc hơn về chính mầu nhiệm Giáo Hội: là thực hiện sự hiệp thông giữa mọi người trong Chúa Kitô, là sự hiện diện sống động của các thực tại trên trời giữa dòng đời trần gian. Như thế, khi tín hữu nhớ lại lời Chúa và các Tông Đồ đã nói, có thể nhận ra sự liên lạc mật thiết giữa các chân lý này và tầm quan trọng nền tảng của chúng đối với đời sống Kitô giáo.

^{63*} Các số 49-50: Sự hiệp thông giữa Giáo Hội dưới đất và Giáo Hội trên trời.

Đây là nền tảng giáo lý của cả chương, nghĩa là Giáo Hội dưới đất và Giáo Hội trên trời tạo thành một Dân Chúa, một Thân Thể Chúa Kitô. Công Đồng giải thích sự hiệp nhất này vì dựa vào căn bản là những mối dây liên lạc sống động giữa chúng ta, những người lữ hành trên dương thế, và những người đã đạt tới quê trời. Trong số những hoạt động và những mối liên quan ấy, điều đáng kể là việc các Thánh cầu bầu cho cả Giáo Hội.

¹ CĐ Firenze, *Decretum pro Graecis*: Dz 693 (1305).

luôn tin rằng sự hiệp nhất đó còn vững mạnh hơn nhờ việc truyền thông cho nhau những của cải thiêng liêng². Quả thực, nhờ kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô hơn, các người ở trên trời củng cố toàn thể Giáo Hội vững bền hơn trong sự thánh thiện, làm cho việc thờ phượng mà hiện nay Giáo Hội tại thế dâng lên Thiên Chúa, được cao cả hơn, và họ góp phần phát triển Giáo Hội rộng rãi hơn bằng nhiều cách (x. 1Cor 12,12-27)³. Được về quê trời và hiện diện trước nhan Chúa (x. 2Cor 5,8) nhờ Người, với Người và trong Người, các Thánh không ngừng cầu bầu cho chúng ta bên Chúa Cha⁴, bằng cách trình bày các công nghiệp đã lập được khi còn ở dưới thế, nhờ Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người là Chúa Giêsu Kitô (x. 1Tm 2,5), khi họ đã phục vụ Chúa trong mọi sự, và hoàn tất nơi thân xác họ những gì còn thiếu sót trong các đau khổ của Chúa Kitô, hầu mưu ích cho Thân Thể Người là Giáo Hội (x. Col 1,24)⁵. Do đó, với tình huynh đệ, các ngài lo lắng giúp đỡ chúng ta rất nhiều vì chúng ta yếu hèn.^{64*}

² Ngoài những tài liệu xưa hơn có từ thời Đức Alexandrô IV ngăn cấm mọi hình thức chiêu hồn (27-9-1258), xem Tđ. của Bộ thánh vụ *De magnetismi abusu*, 4-8-1856: ASS (1865) trg 177-178; Dz 1653-1654 (2823-2825); câu trả lời của Bộ thánh vụ, 24-4-1917: AAS 9 (1917), trg 268, Dz 2182 (3642).

³ Xem bài đúc kết học thuyết này của T. Phaolô, trong Tđ. Piô XII, *Mystici Corporis*: AAS 35 (1943), trg 200 và nhiều nơi khác.

⁴ Xem T. Augustinô, *Enarr. in Ps. 85, 24*: PL 37, 1099. T. Hieronimô, *Liber contra Vigilantium*, 6: PL 23, 344. T. Tôma, *In Ivm Sent.*, d. 45, q. 3, a. 2. T. Bonaventura, *In Ivm Sent.*, d. 45, a. 3, q. 2; v.v...

⁵ Xem Piô XII, *Tđ. Mystici Corporis* : AAS 35 (1943), trg 245.

^{64*} Số 49: *Nền tảng giáo lý và sự liên hệ giữa các Thánh trên trời và Giáo Hội.*

Nền tảng tín lý được trình bày rõ ràng và chính xác để tránh những khuynh hướng cực đoan và để giúp cho nhu cầu hiệp nhất được dễ dàng hơn. Công Đồng dạy rằng, cho tới khi Chúa lại đến trong vinh quang, một số người đã ở trên Nước Trời, một số khác ở trong luyện ngục, một số khác nữa đang trên đường tiến về đời sau, nhưng tất cả đều kết hiệp với Chúa Kitô làm nên một Giáo Hội duy nhất. Công Đồng cũng dạy rằng, các Thánh trên trời lấy tình thương phù trợ đặc biệt

50. Tương quan giữa Giáo Hội lữ hành và Giáo Hội trên trời.

Nhận biết đúng đắn sự hiệp thông này trong toàn Nhiệm Thể Chúa Giêsu Kitô, ngay từ buổi đầu của Kitô giáo, Giáo Hội lữ hành hết lòng kính nhớ, dâng lời cầu cho những người đã chết⁶, "vì cầu nguyện cho người chết để họ được giải thoát khỏi tội lỗi là một ý nghĩ lành thánh" (2Mac 12,46). Đối với các tông đồ và những vị tử đạo của Chúa Kitô, là những chứng nhân cao cả đã đổ máu vì đức tin và đức ái, Giáo Hội luôn tin rằng, các ngài liên kết với chúng ta khắng khít hơn trong Chúa Kitô: với lòng yêu mến đặc biệt, Giáo Hội tôn kính các ngài cùng Đức Trinh Nữ Maria và các Thánh Thiên Thần⁷, và sốt sắng nài xin các ngài trợ giúp và cầu bầu cho. Sau đó không bao lâu, thêm vào số các vị trên, Giáo Hội còn tôn kính những người đã nhiệt thành noi gương khiết trinh và khó nghèo của Chúa Kitô⁸; và sau cùng, có những người vì đã thực hành cách phi thường các nhân đức Kitô giáo⁹ và được Chúa ban nhiều ân điển, nên được các tín hữu thành tâm tôn kính và noi theo¹⁰.

Quả thực, khi ngắm nhìn đời sống những người đã trung thành bước theo Chúa Kitô, chúng ta khám phá ra một lý do mới thúc đẩy chúng ta tìm kiếm Thành Thánh tương lai (x. Dth 13,14 và 10,11), đồng thời chúng ta cũng biết con đường chắc chắn giúp chúng ta đạt tới sự kết hiệp hoàn toàn với Chúa Kitô, nghĩa là đạt tới sự thánh thiện, giữa bao thăng trầm trần thế, tùy theo

cho những người anh em khác, và cùng cố cũng như làm làm đẹp Giáo Hội trần gian.

⁶ Xem rất nhiều bi ký trong các hầm mộ cổ ở Roma.

⁷ Xem Gelasiô I, giáo lệnh *De libris recipiendis*, 3 : PL 59, 160; Dz 165 (353).

⁸ Xem Methodiô, *Symposion VII*, 3 : GCS (Bonwetsch), trg 74.

⁹ Xem Benedictô XV, *Decretum approbationis virtutum in Causa beatificationis et canonizationis Servi Dei Joannis Nepomuceni Neumann*: AAS 14 (1922), trg 23. Nhiều diễn văn của Đức Piô XI về các thánh: *Inviti all'eroismo*, trong *Discorsi e Radiomessaggi bộ I-III, 1941-1942*, và nhiều nơi khác. Đức Piô XII, *Discorsi e Radiomessaggi, bộ 1949*, 37-43.

¹⁰ Xem Piô XII, *Tđ. Mediator Dei* : AAS 39 (1947), trg 581.

bạc sống và hoàn cảnh riêng của mỗi người¹¹. Qua cuộc sống của những người cùng mang một bản tính nhân loại như chúng ta, nhưng đã được biến đổi nên giống hình ảnh Chúa Kitô hơn (x. Cor 3,18), Thiên Chúa tỏ lộ rõ ràng cho con người thấy dung nhan và sự hiện diện của Ngài. Chính Ngài nói với chúng ta qua các vị ấy và ban cho chúng ta thấy dấu chỉ Nước Ngài¹², và mãnh liệt lôi cuốn chúng ta tới Nước ấy nhờ số chứng nhân đông đảo như mây trời (x. Dth 12,1) và nhờ chân lý Phúc Âm được chứng thật như thế.

Tuy nhiên, chúng ta kính nhớ các Thánh trên trời không chỉ vì gương lành các ngài mà thôi, nhưng đúng hơn để sự hiệp nhất của toàn thể Giáo Hội trong Thánh Thần được bền vững nhờ thực hành đức bác ái huynh đệ (x. Eph 4,1-6). Thực vậy, cũng như mối hiệp thông giữa các Kitô hữu còn sống trên dương thế đưa chúng ta tới gần Chúa Kitô hơn, thì sự liên kết với các Thánh cũng hiệp nhất chúng ta với Người, là Đầu và là Nguồn phát sinh mọi ân sủng và sự sống của chính Dân Thiên Chúa¹³. Do đó, điều hết sức thích đáng là chúng ta yêu mến các bạn hữu và những người đồng thừa tự của Chúa Kitô, cũng là anh em và ân nhân đặc biệt của chúng ta, cũng như chúng ta dâng lời cảm tạ Thiên Chúa vì các ngài¹⁴ và "thành khẩn van nài, chạy đến xin các ngài cầu nguyện và trợ lực, giúp đỡ, hầu Chúa Cha ban cho nhiều ơn lành, nhờ Chúa Giêsu Kitô, Con Chúa, Chúa chúng ta, Đấng Cứu Chuộc và Giải Thoát duy nhất của chúng ta"¹⁵. Thực vậy, mọi bằng chứng đích thực biểu lộ tình yêu chúng ta đối với các Thánh trên trời, từ bản chất, luôn qui

¹¹ Xem Dth 13,7; Hđ 44-50; Dth 11,3-40.

Xem thêm Piô XII, *Tđ. Mediator Dei*: AAS 39 (1947), trg 582-583.

¹² Xem CĐ Vat. I, *Hiến chế về đức tin công giáo Dei Filius*, ch. 3: Dz 1794 (3013).

¹³ Xem Piô XII, *Tđ. Mystici Corporis*: AAS 35 (1943) trg 216.

¹⁴ Về sự biết ơn đối với chính các thánh, xem E. Diehl, *Inscriptiones latinae veteres*, I, Berlin, 1925, các số 2008, 2382 và nhiều nơi khác.

¹⁵ CĐ Trentô, *sắc lệnh De invocatione... sanctorum*: Dz 984 (1821).

hướng và kết thúc nơi Chúa Kitô là "triều thiên của toàn thể các Thánh"¹⁶, và nhờ Người qui hướng và kết thúc nơi Thiên Chúa, Đấng đáng ca tụng và tôn vinh trong các Thánh¹⁷.

Hơn nữa, sự hiệp nhất của chúng ta với Giáo Hội trên trời được thực hiện cách hết sức cao cả, đặc biệt trong Phụng Vụ, ở đó quyền năng Thánh Thần hoạt động trên chúng ta qua các dấu chỉ bí tích, ở đó chúng ta cùng lớn tiếng ngợi khen Thiên Chúa uy linh¹⁸, và tất cả mọi người thuộc mọi chi tộc, ngôn ngữ, dân tộc và quốc gia được cứu chuộc trong máu Chúa Kitô (x. Kh 5,9), hợp nhau trong một Giáo Hội duy nhất, đồng thanh chúc tụng một Thiên Chúa Ba Ngôi. Bởi vậy, khi cử hành lễ hy tế tạ ơn, chúng ta kết hợp rất mật thiết với việc thờ phượng của Giáo Hội trên trời, vì hiệp cùng Giáo Hội, chúng ta kính nhớ trước hết Đức Maria vinh hiển, trọn đời Đồng Trinh, sau là Thánh Giuse, các Thánh Tông Đồ và Tử Đạo cùng toàn thể các Thánh^{19.65*}

¹⁶ Sách nguyện Roma, Tiền xướng trong lễ các Thánh.

¹⁷ Xem ví dụ: 2Th 1,10.

¹⁸ CD Vaticanô II, Hiến chế Phụng vụ Thánh, Sacrosanctum Concilium, ch. 5, số 104 : AAS 56 (1964), trg 125-126.

¹⁹ Xem Sách lễ Roma, Lễ qui.

65* Số 50: Sự liên hệ giữa Giáo Hội dưới đất và Giáo Hội trên trời.

Số này trình bày cách thức mà Giáo Hội lữ hành phải có, để trong thực hành, tạo được sự hiệp thông đã nói trong đoạn trước. Công Đồng đưa ra những động lực chính yếu giúp xây dựng và phát huy sự hiệp thông của chúng ta với Giáo Hội trên trời. Những động lực đó như sau: những người đã về trời nêu gương cho chúng ta một đời sống đạo chính thực; sự liên lạc với họ sẽ đưa chúng ta tiến tới việc kết hợp khăng khít hơn với Chúa Kitô; sự hiệp thông với họ làm cho việc phụng tự qui về Chúa Kitô nơi Giáo Hội trần gian được sung mãn. Ở nhiều nơi, Hiến Chế ám chỉ tới lịch sử Giáo Hội, để làm sáng tỏ hơn những nền tảng thần học của giáo lý đã trình bày và cũng để cho sự trình bày này được sống động hơn, tương xứng hơn với nhu cầu mục vụ.

Đoạn nhất nói lên những cách thức hiệp thông tổng quát với các người anh em không thuộc về Giáo Hội trần gian: kính nhớ và vọng độ cách chung, tôn kính và nài xin cầu bầu. Đoạn hai nhấn mạnh tới gương mẫu các Thánh nêu ra cho

51. Hướng dẫn mục vụ của Công Đồng. Thánh Công Đồng kính cẩn đón nhận niềm tin cao trọng của tiền nhân chúng ta trong việc hiệp thông sống động với các anh em được hiển vinh trên trời hay còn phải tinh luyện sau khi chết, và lấy lại các sắc lệnh của các thánh Công Đồng Nicea II²⁰, Firenze²¹ và Trentô²². Đồng thời, vì quan tâm đến mục vụ, Công Đồng khuyến nhủ tất cả những vị hữu trách hãy hết sức ngăn cản và sửa dạy những ai lạm dụng, thái quá hay bất cập, và hãy tái lập mọi sự đề Thiên Chúa và Chúa Kitô được ngợi khen cách trọn hảo hơn. Bởi vậy, các ngài hãy dạy cho tín hữu biết rằng, việc tôn kính các Thánh đích thực không hề tại nhiều ở những việc bề ngoài bằng ở cường độ tình yêu tích cực của chúng ta. Tình yêu ấy giúp chúng ta tìm thấy "một gương mẫu trong khi gặp gỡ các ngài, được thông hiệp qua việc kết hợp với các ngài và được các ngài cầu bầu trợ giúp"²³, để đem lại nhiều lợi ích cho Giáo Hội và cho chúng ta. Đáng khác, ước gì các ngài cũng hãy giúp các tín hữu hiểu rằng mối liên lạc giữa chúng ta và các Thánh trên trời, hiểu theo ánh trọn vẹn của đức tin, không hề làm suy giảm sự tôn thờ dành riêng cho Thiên Chúa Cha nhờ

đời sống Kitô giáo chúng ta, hoặc dưới khía cạnh sự phạm hoặc dưới khía cạnh mình giáo. Đoạn ba chúng ta thấy việc tôn kính các Thánh chính thực sẽ thúc giục chúng ta thực thi bác ái huynh đệ và liên kết chúng ta với Chúa Kitô bền chặt hơn. Tình bác ái huynh đệ nơi chúng ta là những khách lữ hành không bị suy giảm, trái lại còn làm gia tăng đặc tính qui về Chúa Kitô của Kitô giáo. Cũng vì lý do đó, sự liên lạc và hiệp thông với các Thánh trên trời đã không làm cản trở nhưng còn giúp đỡ cách lạ lùng cho tình yêu và sự kính thờ Ba Ngôi Thiên Chúa. Đoạn bốn có xác quyết căn bản như sau: việc tế tự phụng vụ của Giáo Hội thực hiện tất cả những gì đã nói về sự liên hệ với các Thánh trên trời.

²⁰ Xem CĐ Nicea II, văn kiện VII : Dz 302 (600).

²¹ Xem CĐ Firenze, *Decretum pro graecis* : Dz 693 (1304).

²² Xem CĐ Trentô, sắc lệnh *De invocatione, veneratione et reliquiis Sanctorum et sacris imaginibus*: Dz 984-988 (1821-1824), sắc lệnh *De Purgatorio*: Dz 983 (1820); sắc lệnh *De justificatione*, khoản 30: Dz 840 (1580).

²³ Sách lễ Roma, kinh Tiền tụng, dùng trong các giáo phận Pháp.

Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần, nhưng trái lại còn làm cho sự tôn thờ ấy thêm phong phú hơn²⁴.

Vì tất cả chúng ta đều là con cái Thiên Chúa và hợp thành một gia đình trong Chúa Kitô (x. Dth 3,6), nên khi hiệp thông với nhau trong tình yêu qua lời đồng thanh ca tụng Chúa Ba Ngôi chí thánh, chúng ta cùng đáp lại lời mời gọi thân tình của Giáo Hội, và được tham dự, cảm mến trước phụng vụ vinh hiển toàn hảo²⁵. Vì khi Chúa Kitô hiện đến và khi kẻ chết sống lại trong vinh quang, ánh sáng Thiên Chúa sẽ chiếu soi Thành Thánh trên trời và Con Chiên sẽ là đấng sáng (x. Kh 21,23). Toàn thể Giáo Hội các Thánh sẽ thờ lạy Thiên Chúa và "Con Chiên đã bị giết" (Kh 5,12) trong hạnh phúc sung mãn của đức ái, và đồng thanh ca tụng rằng: "Ngợi khen, danh dự, vinh hiển, quyền năng muôn đời cho Đấng ngự trên ngai và Con Chiên" (Kh 5,13-14)^{66*}.

²⁴ Xem T. Phêrô Canisiô, *Catechismus Maior seu Summa Doctrinae christianae*, ch. III, x.b. F. Streicher, phần I, trg 15-16, số 44 và trg 100-101, số 49.

²⁵ Xem CĐ Vat II, *Hiến chế về Phụng Vụ Thánh Sacrosanctum Concilium*, ch. I, số 8: AAS 56 (1964), trg 401.

^{66*} Số 51: *Hậu kết mục vụ*.

Một vài hậu kết có tính cách mục vụ theo sau những nguyên tắc đã đề ra. Hậu kết đó bao gồm một số ý hướng căn bản để việc tôn kính các Thánh được thực hiện trong tinh thần đúng đắn và để có thể ngăn ngừa những hình thức thái quá hay bất cập ở một vài nơi. Một đảng Công Đồng chủ trương rõ ràng giá trị việc tôn kính các Thánh không cốt tại gia tăng các hành động bên ngoài, nhưng do cường độ tình yêu của chúng ta; đảng khác Công Đồng quả quyết việc tôn kính ấy không đi ngược với tình yêu Thiên Chúa, với việc tôn thờ dành cho mình Ngài. Số này chứa đựng nhiều điều có thể cổ võ cho việc hiệp thông với các anh em ly khai, đặc biệt với anh em Đông Phương, vì giáo lý thuộc đức tin của chúng ta đây đối với họ hết sức quan trọng, làm nên một di sản chung về đức tin và về sự kính nhớ.

Phần kết luận cho toàn chương (51, đoạn hai) quả quyết rằng hiện đại hóa sự hiệp thông của tất cả những người thuộc về Chúa Kitô là đã bắt đầu cuộc sống vinh quang, và như vậy là ngay ở chốn lưu đày này đã thực hiện được cùng đích của đời ta vì đã được tham dự và thưởng thức phụng vụ vinh hiển trên trời.

Chương VIII

Đức Nữ Trinh Maria Mẹ Thiên Chúa Trong Mầu Nhiệm Chúa Kitô Và Giáo Hội ^{67*}

*67** Đây là một trong những chương được tranh luận nhiều nhất. Việc khai sinh ra nó cũng gây nhiều sôi nổi. Trong số những lược đồ được đệ trình, có một lược đồ về Đức Maria. Vì những lý do có tính cách hoặc thần học hoặc mục vụ hoặc hiệp nhất, một vài Nghị Phụ muốn cho lược đồ về Đức Maria xen vào Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội. Ngày 29-10-1963, các Nghị Phụ đứng trước một câu hỏi như sau: "Các Nghị Phụ Công Đồng có muốn lược đồ về Đức Trinh Nữ Mẹ Giáo Hội đổi thành chương cuối cùng của lược đồ về Giáo Hội chăng?" Trước khi bỏ phiếu, có hai bản phúc trình chính thức về vấn đề này: Hồng Y Konig, người muốn cho xen vào hiến chế, và Hồng Y Santos muốn làm một lược đồ riêng. Cả hai dùng những luận chứng dồi dào và vững chắc để trình bày trước các Nghị Phụ và sự thích hợp của quan điểm mình. Kết quả cuộc đầu phiếu thật sát nút: với 2,193 Nghị Phụ có mặt thì 1,114 vị bỏ phiếu thuận, 1,074 phiếu chống. Phiếu thuận chỉ hơn có 40 phiếu và Công Đồng chấp nhận việc xen lược đồ vào trong Hiến Chế.

Một vấn đề thứ hai được đặt ra: nếu xen thì xen vào chỗ nào? Mẹ Thiên Chúa liên kết khăng khít với mầu nhiệm Giáo Hội, nhưng muốn giải thích sự liên kết này, cần quan niệm vai trò của Mẹ Thiên Chúa trong mầu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể. Đối với khía cạnh này, giáo lý về Đức Maria vượt quá giáo lý về Giáo Hội. Do đó chỉ có thể đặt vào phần cuối Hiến Chế. Đây là lý do tại sao có chương VIII và vị trí của nó trong Hiến Chế.

Bố cục của chương này như sau: trong phần nhập đề (các số 52-54), Công Đồng xác định địa vị của Đức Maria trong Giáo Hội và những nguyên tắc giáo lý làm kim chỉ nam cho việc trình bày về Đức Maria. Đồng thời Công Đồng cũng cho biết chủ đích của mình. Phần nhất (các số 55-59) giải thích địa vị của Mẹ Thiên Chúa trong mầu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể. Phần hai (các số 60-65) trình bày địa vị đó trong viễn tượng Giáo Hội, nói lên những liên lạc của Đức Maria với Giáo Hội. Phần ba (các số 66-67) đề cập những bổn phận Kitô hữu đối với Đức Maria. Phần kết luận vẫn tắt (các số 68-69) trình bày Mẹ Thiên Chúa như dấu hiệu hy vọng và sự liên quan của Ngài với việc hiệp nhất các Kitô hữu.

I. Lời Mở Đầu

52. Nhập đề. ^{68*} Thiên Chúa là Đấng vô cùng nhân hậu và khôn ngoan đã muốn hoàn tất việc cứu chuộc thế giới, nên "khi đến thời viên mãn, Ngài đã sai Con Mình đến, sinh bởi người nữ... để chúng ta được nhận làm nghĩa tử" (Gal 4,4-5). "Vì loài người chúng ta và để cứu rỗi chúng ta, Người đã từ trời xuống thế, bởi phép Chúa Thánh Thần, Người đã nhập thể trong lòng Trinh Nữ Maria"¹. Mâu nhiệm cứu rỗi thần linh này được mạc khải cho chúng ta và vẫn tiếp tục trong Giáo Hội, Giáo Hội mà Chúa đã lập làm thân thể Người. Trong Giáo Hội ấy, liên kết với Chúa Kitô Thủ Lãnh, và hiệp thông với toàn thể các Thánh Người, các tín hữu cũng phải kính nhớ "trước hết đức Maria vinh hiển, trọn đời Đồng Trinh, Mẹ Thiên Chúa và Mẹ Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta"^{2.69*}

^{68*} Các số 52-54: Nhập đề.

Các số này thống nhất với nhau (trong lần soạn thảo đầu chúng ở trong cùng một số) có mục đích trình bày đối tượng của chương VIII. Ý tưởng chính rất đơn giản: mạc khải đã minh nhiên làm nổi bật địa vị của Mẹ Thiên Chúa, trong ý định cứu rỗi từ đời đời của Chúa, trong sự thực hiện ý định ấy do Chúa Giêsu Kitô, bởi vì có sự liên tục (chương VII) giữa công việc dưới đất và công việc trên trời của Chúa Kitô và ngày nay Đức Mẹ cũng vẫn còn giữ nguyên địa vị này (số 52). Maria là phần tử đặc biệt và là khuôn mẫu Giáo Hội (số 53). Chủ đích của Công Đồng là: trình bày vai trò của Mẹ Thiên Chúa trong mâu nhiệm Chúa Kitô và Giáo Hội và những bổn phận của Kitô hữu đối với Mẹ (số 54).

¹ Kinh tin kính của CĐ Constantinopla: Mansi 3, 566. Xem CĐ Ephesô, n.v.t., 4, 1130 (và n.v.t., 2, 665 và 4, 1071). Xem CĐ Calcedonia, n.v.t., 7, 111-116. CĐ Constantinopla II n.v.t., 9, 375-396. Sách lễ Roma, kinh tin kính.

² Sách lễ Roma, lễ qui.

^{69*} Số 52.

Việc cứu thế được thực hiện nhờ Thiên Chúa đã gửi Con Ngài đến, sinh bởi người nữ. Đó là nền tảng của cả khoa Thánh Mẫu học. Đức Nữ Đồng Trinh Maria liên kết mật thiết với việc Nhập Thể Cứu Chuộc đó.

53. Đức Maria và Giáo Hội. Thực vậy, khi sứ thần truyền tin, Đức Nữ Trinh Maria đã đón nhận Ngôi Lời Thiên Chúa trong tâm hồn và thân xác, và đem sự sống đến cho thế gian. Ngài được công nhận và tôn kính là Mẹ thật của Thiên Chúa và của Đấng Cứu Thế. Được cứu chuộc cách kỳ diệu hơn nhờ công nghiệp Con Ngài và hiệp nhất mật thiết và bền chặt với Con, Đức Maria đã lãnh nhận sứ mệnh và vinh dự cao cả là được làm Mẹ Con Thiên Chúa, do đó làm ái nữ của Chúa Cha và cung thánh của Chúa Thánh Thần. Nhờ lãnh nhận ân sủng vô cùng cao quý này, Ngài đã trỗi vượt mọi tạo vật trên trời dưới đất. Nhưng đồng thời, vì thuộc dòng dõi Adam, Ngài cũng liên kết với tất cả mọi người cần được cứu rỗi; hơn nữa, "Ngài thật là Mẹ các chi thể (của Chúa Kitô)... vì đã cộng tác trong đức ái để sinh ra các tín hữu trong Giáo Hội là những chi thể của Đầu ấy"³. Vì thế, Ngài cũng được chào kính như chi thể của Giáo Hội tối cao và độc nhất vô nhị, cũng như mẫu mực và gương sáng phi thường của Giáo Hội trên phương diện đức tin và đức ái. Và Giáo Hội Công Giáo, được Chúa Thánh Thần chỉ dạy, dâng lên Ngài tình con thảo, như đối với một người Mẹ rất đỗi yêu^{70*}.

³ T. Augustinô, *De S. Virginitate*, 6 : PL 40, 399.

^{70*} Số 53.

Số này đặt Mẹ Chúa Kitô Cứu Thế trong tương quan với Giáo Hội. Đầu tiên là quả quyết Đức Maria đã tự ý chấp nhận lời thiên thần báo tin sẽ sinh Đấng Cứu Thế. Câu chuyện báo tin được đặt nổi bật. Sau đó Công Đồng nghiên cứu sâu xa những mối liên hệ giữa Maria và Ba Ngôi Thiên Chúa trong viễn tượng Giáo Hội theo một đề tài quen thuộc với Hiến Chế như đề tài Giáo Hội từ mẫu nhiệm Ba Ngôi. Vì trách vụ được Chúa trao phó nên Mẹ được cứu chuộc kỳ diệu hơn, do công nghiệp Con Mẹ, Đấng mà Mẹ đã kết hiệp mật thiết và bền chặt. Trong chiều hướng ấy, Công Đồng không ngần ngại liên tiếp trình bày Đức Trinh Nữ như là Mẹ của Con Thiên Chúa, là ái nữ của Chúa Cha, là cung thánh của Chúa Thánh Thần. Cả ba danh hiệu hoàn toàn theo truyền thống. Nhưng tâm điểm của số này ở chỗ Công Đồng quả quyết rằng Maria vừa có các danh hiệu đó, nhưng đồng thời, vì thuộc dòng dõi Adam, Mẹ cũng liên kết với tất cả mọi người, và Mẹ đã cộng tác vào công việc cứu thế. Do đó, Mẹ Chúa Kitô vẫn là phần tử

54. Ý hướng của Công Đồng. Bởi thế, khi trình bày giáo lý về Giáo Hội - trong Giáo Hội này, Chúa Cứu Thế thực hiện cuộc cứu độ - Thánh Công Đồng ân cần mong muốn làm sáng tỏ vai trò của Đức Nữ Trinh trong mầu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể và Nhiệm Thể, cũng như làm sáng tỏ bốn phận những người được cứu chuộc đối với Mẹ Thiên Chúa, là Mẹ Chúa Kitô và Mẹ nhân loại, cách riêng Mẹ các tín hữu. Tuy nhiên, Công Đồng không có ý đưa ra một học thuyết đầy đủ về Đức Maria và giải quyết các vấn đề mà sự nghiên cứu của các nhà thần học chưa làm sáng tỏ trọn vẹn. Những ý kiến được tự do trình bày trong các trường phái công giáo về Đấng có địa vị cao cả nhất trong Giáo Hội thánh sau Chúa Kitô, và cũng là Đấng rất gần chúng ta⁴, những ý kiến ấy đều được duy trì cách hợp pháp^{71*}.

II. Vai Trò Đức Nữ Trinh Trong Nhiệm Cuộc Cứu Rỗi^{72*}

Giáo Hội, dù là phần tử tuyệt hảo và đặc biệt, một trật cũng là khuôn mẫu của Giáo Hội. Bởi vậy Giáo Hội tôn kính Mẹ như Mẹ thật với tình con thảo.

⁴ Xem Phaolô VI, *Diễn văn trong Công Đồng*, ngày 4-12-1963 : AAS 56 (1964), trg 37.

^{71*} Số 54.

Công Đồng giải thích vắn tắt về vai trò Đức Maria trong mầu nhiệm cứu rỗi và về các bốn phận của tín hữu đối với Mẹ. Công Đồng tự giới hạn trong viễn tượng này chứ không nhằm trình bày đầy đủ giáo lý về Đức Maria, cũng không nhằm giải quyết các vấn đề mà các nhà thần học tranh luận.

^{72*} Các số 55-59: Phần I - Địa vị và vai trò của Đức Maria trong nhiệm cuộc cứu rỗi.

Bổ cục phần này rất rõ ràng, vì dựa theo các dữ kiện lịch sử mạc khải về Mẹ Thiên Chúa trong Thánh Kinh, bắt đầu từ Cựu Ước tới thời kỳ Giáo Hội, qua sự kiện truyền tin, tới cuộc đời thơ ấu và công khai của Chúa Giêsu. Cứ như bản phúc trình chính thức đã nói, đây là phần chính yếu nhất trong Chương VIII.

55. Mẹ Đấng Cứu Thế trong Cựu Ước. Thánh Kinh, Cựu Ước cũng như Tân Ước, và Thánh Truyền đáng kính, trình bày ngày một sáng tỏ hơn vai trò của Mẹ Đấng Cứu Thế trong nhiệm cuộc cứu rỗi và đưa vai trò ấy ra cho chúng ta chiêm ngắm. Thực vậy, các sách Cựu Ước thuật lại lịch sử cứu rỗi, trong đó ngày Chúa Kitô xuất hiện trên thế giới được chuẩn bị cách tiệm tiến. Các tài liệu tiên khởi này, như Giáo Hội vẫn đọc và về sau hiểu theo ánh sáng mạc khải trọn vẹn, dần dần cho thấy rõ ràng hơn hình ảnh người nữ, Mẹ Đấng Cứu Thế. Theo ánh sáng mạc khải ấy, người nữ này đã được phác họa trước trong lời hứa chiến thắng con rắn, lời hứa mà Tổ Tông đã nhận được sau khi phạm tội (x. Stk 3,15). Cũng thế, Ngài là Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh con trai tên là Emmanuel (x. Is 7,14 so sánh với Mik 5,2-3; Mt 1,22-23). Ngài trỗi vượt trên các người khiêm hạ và khó nghèo của Chúa, là những người tin tưởng, hy vọng và lãnh nhận ơn cứu độ nơi Chúa. Cuối cùng, sau đêm dài mong đợi lời hứa được thực hiện, với Ngài, người Thiếu Nữ cao sang của Sion, thời gian đã nên trọn và Nhiệm Cuộc mới được thiết lập: khi Con Thiên Chúa mặc lấy bản tính nhân loại nơi Ngài để giải thoát con người khỏi tội lỗi nhờ các mầu nhiệm của thân xác Chúa.^{73*}

56. Đức Maria trong việc truyền tin. Nhưng Chúa Cha rất nhân từ đã muốn sự ưng thuận của người mẹ được tiền định

^{73*} Số 55: Trong Cựu Ước.

Thứ tự của số này theo sát lịch sử cứu rỗi như thấy trong Cựu Ước, để chúng ta thấy rằng người phụ nữ làm Mẹ Chúa Kitô trong Phúc Âm cũng là Mẹ Thiên Chúa mà chúng ta nhận biết qua thần học và qua việc tôn kính nơi các dân Kitô giáo. Như thế là Công Đồng cho biết sự tiến triển của mạc khải về Đức Maria và không ngần ngại chấp thuận phương pháp lịch sử cứu rỗi, một phương pháp mà một số người chuyên về Thánh Mẫu học không mấy tin tưởng. Không muốn gây ra cuộc bút chiến, nên Công Đồng chỉ nhằm trình bày một "bản tiểu sử" về người Phụ Nữ, dựa trên toàn thể chứng từ được linh ứng của Mạc Khải trọn vẹn và trên chứng từ của đời sống Giáo Hội.

trước khi Chúa Con nhập thể, để như một người nữ đã hợp tác cho sự chết, thì cũng một người nữ hợp tác cho sự sống. Điều đó đặc biệt thích hợp với Mẹ Chúa Giêsu, vì Ngài đem đến cho thế giới chính Nguồn Sống cải tạo mọi sự, và đã được Chúa ban cho nhiều ơn cân xứng với sứ mệnh cao cả như thế. Do đó, không có gì lạ, nếu các Thánh Giáo Phụ đã thường xưng tụng Mẹ Thiên Chúa là Đấng toàn thánh, không vương nhiễm một tội nào, như một tạo vật mới do Chúa Thánh Thần uốn nắn và tác thành⁵. Tràn đầy thánh thiện, có một không hai ngay từ lúc mới được thụ thai, Đức Trinh Nữ thành Nazareth được Thiên Thần vâng lệnh Chúa đến truyền tin và kính chào là "Đấng đầy ân phúc" (x. Lc 1,28). Và Trinh Nữ đã đáp lời Thiên Sứ rằng: "Này tôi là Tôi Tá Chúa, xin hãy xảy ra cho tôi theo lời Ngài" (Lc 1,38). Như thế, Đức Maria, con cháu Adam, vì chấp nhận lời Thiên Chúa, đã trở nên Mẹ Chúa Giêsu. Hết lòng đón lấy ý định cứu rỗi của Thiên Chúa, vì không một tội nào ngăn trở Ngài, Đức Maria đã tận hiến làm tôi tớ Chúa, phục vụ cho thân thể và sự nghiệp của Con Ngài, và nhờ ân sủng của Thiên Chúa toàn năng, phục vụ mẫu nhiệm cứu chuộc dưới quyền và cùng với Con Ngài. Bởi vậy, các Thánh Giáo Phụ đã nghĩ rất đúng rằng: Thiên Chúa đã không thu dụng Đức Maria một cách thụ động, nhưng đã để Ngài tự do cộng tác vào việc cứu rỗi nhân loại, nhờ lòng tin và sự vâng phục của Ngài. Thực vậy, Thánh Ireneô nói: "Chính Ngài, nhờ vâng phục, đã trở nên nguyên nhân cứu rỗi cho mình và cho toàn thể nhân loại"⁶. Và cùng với thánh Ireneô còn có rất nhiều Thánh Giáo Phụ thời xưa cũng không ngần ngại giảng dạy rằng: "Nút dây đã bị thắt lại do sự

⁵ Xem T. Germanô, *Const. Hom. in Annunt. Deiparae*: PG 98, 328 A; *In Dorm. 2*: 357 *Anatasiô thành Antiokia, Serm. 2 de Annunt. 2*: PG 89, 1377 AB; *Serm. 3, 2*: 1388 C. T. Anrê Cret., *Can. in B.V. Nat. 4*: PG 97, 1321 B; *in B.V. Nat. 1*: 812 A; *Hom. in dorm. 1*: 1068 C. T. Sophroniô, *Or. 2 in Annunt. 18*: PG 87 (3), 3237 BD.

⁶ T. Ireneô, *Adv. Haer. III, 22, 4*: PG 7, 959 A; Harvey 2, 123.

bất tuân của Evà, nay được gỡ ra nhờ sự vâng phục của Đức Maria; điều mà trinh nữ Evà đã buộc lại bởi cứng lòng tin, Đức Trinh Nữ Maria đã tháo ra nhờ lòng tin⁷; và so sánh với Evà, các ngài gọi Đức Maria là "Mẹ kẻ sống"⁸, và thường quả quyết rằng: "bởi Evà đã có sự chết, thì nhờ Maria lại được sống"^{9.74*}

57. Đức Maria và thời thơ ấu Chúa Giêsu. Sự liên kết giữa Mẹ và Con trong công cuộc cứu rỗi được tỏ rõ từ khi Đức Maria thụ thai Chúa Kitô cách trinh khiết cho đến lúc Chúa Kitô chết. Thực vậy, trước hết, Đức Maria vội vã đến thăm bà Elizabeth và được bà ấy chào mừng là người có phúc vì đã tin vào sự cứu rỗi Chúa đã hứa, trong lúc đó vị tiên hô nhảy trong lòng mẹ (x. Lc 1, 41-45). Rồi ngày sinh nhật, Mẹ Thiên Chúa đã vui mừng giới thiệu với các mục đồng và các nhà bác học đưa Con đầu lòng của mình, mà khi sinh ra đã không làm giảm bớt nhưng còn thánh hiến sự trinh khiết toàn vẹn của Ngài¹⁰. Trong đền thánh, sau khi hiến lễ vật ấn định cho người nghèo, Đức Maria

⁷ T. Ireneô, *n.v.t.*, Harvey, 2, 124.

⁸ T. Epiphaniô, *Haer.* 78, 18 : PG 42, 728 CD-729 AB.

⁹ T. Hieronimô, *Epist.* 22, 21: PL 22, 408. Xem T. Augustinô, *Serm.* 51, 2, 3 : PL 38, 335; *Serm.* 232, 2: 1108. T. Cyrillô Jerusalem. *Catech.*, 12, 15: PG 33, 741, AB. T. Gioan Kim Khẩu, *In Ps.* 44, 7: PG 55, 193. T. Gio Damascenô, *Hom.* 2 in dorm. *BMV.* 3: PG 96, 728.

^{74*} Số 56: Truyền tin.

Công Đồng theo vết các Giáo Phụ, coi câu chuyện truyền tin rất quan trọng, vì nhìn thấy ở đó thái độ căn bản của mọi Kitô hữu. Giáo Hội thuở đầu đã bày tỏ lòng tin của họ vào thái độ chấp nhận này của Đức Maria, vì là kết quả của đức tin và tình yêu của Mẹ. "Chấp nhận" không những là tiếng nói then chốt trong cả câu chuyện nhưng đồng thời còn là tiếng nói lược tóm tất cả viễn ảnh đời sống của Kitô hữu: ưng thuận khi Chúa đến và để ý định cứu rỗi hoàn tất trong ta, và biết quảng đại phục vụ cho công cuộc cứu thế; cũng như Đứa Maria, chúng ta tích cực cộng tác mà không tự mãn, và qua việc chấp nhận ấy, ân sủng đem lại sự sống: trong Chúa Kitô, Đức Maria đã ban cho thế giới Nguồn Sống đổi mới mọi sự.

¹⁰ Xem CĐ Lateranô, năm 649, đ. th. 3: Mansi 10, 1151. T. Lêô Cả, *Epist. ad Flav.*: PL 54. 759. CĐ Calcedonia: Mansi 7, 462. T. Ambrosiô, *De inst. Virg.*: PL 16, 320.

dâng Con lên cho Thiên Chúa, và đã nghe Simeon báo trước Con mình sẽ là dấu chỉ sự phản kháng, và một lưỡi gươm sẽ đâm thấu lòng mẹ, nhờ đó tư tưởng trong lòng nhiều người sẽ được bày tỏ (x. Lc 2, 34-35). Khi trẻ Giêsu lạc mất, Cha Mẹ đã lo âu tìm kiếm và gặp lại Con trong đền thánh đang bận tâm lo việc của Cha Người. Các Ngài không hiểu lời Con nói; nhưng Mẹ Chúa Giêsu giữ lấy tất cả các điều ấy và suy gẫm trong lòng (x. Lc 2, 41-51)^{75*}.

58. Đức Maria và đời sống công khai Chúa Giêsu. Trong cuộc đời công khai của Chúa Giêsu, Mẹ Người cũng đã xuất hiện rõ ràng, và ngay từ đầu, trong tiệc cưới thành Cana xứ Galilêa, vì động lòng thương xót, Ngài đã cầu bầu, khiến Chúa Giêsu, Đấng Thiên Sai, làm phép lạ đầu tiên của Người (x. Gio 2, 1-11). Trong thời gian Chúa truyền đạo, Đức Maria đã đón nhận lời của Con Ngài, những lời nâng cao Nước Trời lên khỏi những lý do và liên hệ huyết nhục, và tuyên bố là có phúc cho những ai nghe và giữ lời Thiên Chúa (x. Mc 3,35 và song song; Lc 11,27-28) như chính Ngài hằng thực hành những điều đó cách trung tín (x. Lc 2,19 và 51). Như thế Đức Nữ Trinh cũng đã tiến bước trong cuộc lữ hành đức tin, trung thành hiệp nhất với Con cho đến bên thập giá, là nơi mà theo ý Thiên Chúa, Ngài đã đứng đó (x. Gio 19,25). Đức Maria đã đau đớn chịu khổ cực với Con một của mình và dự phần vào hy lễ của Con, với tâm lòng của một người mẹ hết tình ưng thuận hiến tế lễ vật do lòng mình sinh ra. Và cuối cùng chính Chúa Giêsu Kitô

^{75*} Số 57: Đức Maria và cuộc đời thơ ấu Chúa Giêsu.

Câu đầu tiên của số này nêu lên ý tưởng chi dẫn: Đức Maria liên kết với Chúa Con trong công cuộc cứu thế từ lúc thụ thai Chúa Giêsu mà vẫn đồng trình cho tới mầu nhiệm cuộc tử nạn của Chúa. Công Đồng trình bày chân lý này rõ ràng hơn bao giờ hết. Chủ đề trở lại ba lần: lần Đức Maria đi thăm bà Elizabeth, lần sinh Chúa ở Bêlem và lần dâng Chúa trong đền thờ. Câu chuyện tìm thấy Chúa trong đền thờ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về sự liên kết ấy.

khi hấp hối trên thập giá đã trời Ngài làm Mẹ của môn đệ qua lời này: "Thưa Bà, này là con Bà" (x. Gio 19,26-27)^{11.76*}

59. Đức Maria sau khi Chúa lên trời. Vì Thiên Chúa không muốn tỏ bày mâu nhiệm cứu rỗi nhân loại cách long trọng trước khi Ngài đổ tràn Thánh Thần Chúa Kitô đã hứa, nên chúng ta thấy các Tông Đồ trước ngày Hiện Xuống "đã kiên tâm hiệp ý cầu nguyện, cùng với các phụ nữ, với Đức Maria, Mẹ Chúa Giêsu, và với anh em Người" (CvTđ 1,14). Đức Maria cũng tha thiết cầu xin Thiên Chúa ban Thánh Thần, là Đấng đã bao phủ lấy Ngài trong ngày Truyền Tin. Sau cùng, được gìn giữ tinh sạch khỏi mọi vết tội nguyên tổ¹², và sau khi hoàn tất cuộc đời dưới thế, Đức Nữ Trinh Vô Nhiễm đã được đưa lên hưởng vinh quang trên trời cả hồn lẫn xác¹³, và được Thiên Chúa tôn vinh làm Nữ Vương vũ trụ, để nên giống Con Ngài trọn vẹn hơn, là

¹¹ Xem Piô XII, *Tđ. Mystici Corporis*, 29-6-1943: AAS 35 (1943), trg 247-248.

^{76*} Số 58: Đức Maria và cuộc đời công khai của Chúa Giêsu.

Một cách vắn tắt, Công Đồng đóng khung hoạt động của Đức Maria trong cuộc đời công khai của Chúa, vì theo thánh Gioan, lúc khởi đầu và kết thúc sứ vụ công khai đều có sự hiện diện của Đức Maria. Trong hai lúc này Đức Maria mới chỉ được gọi là "Bà". Đó là lúc ở tiệc cưới Cana và khi đứng dưới chân Thánh Giá. Hai lời Chúa nói xem ra như hát hui Đức Maria. Việc can thiệp của Đức Maria có nhiều ý nghĩa, nhưng lại nằm trong văn mạch mới đầu có thể coi là kỳ lạ. Ý tưởng chính là: Nước Thiên Chúa vượt quá mọi mối liên hệ xác thịt và hoàn toàn ở trên sự tính toán của con người. Câu chính trong số này trình bày một ý tưởng ít quen thuộc hơn: Đức Maria cũng tiến tới trong cuộc hành trình Đức Tin qua đau khổ và u tối.

¹² Xem Piô IX, *sắc chỉ Ineffabilis*, 8-12-1854 : văn kiện của Đức Piô IX, 1, I, trg 1616; Dz 1641 (2803).

¹³ Xem Piô XII, *Tông hiến Munificentissimus*, 1-11-1950: AAS 42 (1950); Dz 2333 (3903). Xem T. Gio Damascenô, *Enc. in dorm. Dei Genitricis*, bài giảng 2 và 3: PG 96, 721-761. nhất là cột 728B. T. Germanô Constantinopla, *In S. Dei gen. Dorm. bài giảng 1*: PG 98 (6); 340-348; bài giảng 3: cột 361. T. Modestô Jerusalem, *In dorm. SS. Deiparae*: PG 86 (2) 3277-3312.

Chúa các Chúa (x. Kh 19,16), Đấng đã chiến thắng tội lỗi và sự chết^{14.77*}

III. Đức Nữ Trinh Và Giáo Hội ^{78*}

60. Đức Kitô, Đấng trung gian duy nhất và Mẹ Maria. ^{79*}

Chúng ta chỉ có một Đấng Trung Gian duy nhất, như lời Thánh Tông Đồ dạy: "Thực vậy, chỉ có một Thiên Chúa duy nhất, và

¹⁴ Xem Piô XII, Tđ. *Ad caeli Reginam*, 11-10-1954: AAS 46 (1954), trg 633-636; Dz 3913tt. Xem T. Anrê Gret., *Hom. 3 in dorm. SS. Deiparae*: PG 97, 1089-1109. T. Gioan Damascenô, *De fide orth.*, IV, 14: PG 94, 1153-1161.

^{77*} Số 59: Đức Maria sau khi Chúa lên trời.

Có hai vấn đề nói ở đây: 1) Lời cầu nguyện của Đức Maria trước lễ Hiện Xuống cùng với các Tông Đồ, các phụ nữ và các anh em Chúa. Đức Maria ở giữa dân chúng chứ không ở trong số những người điều khiển cộng đoàn. Mẹ tham dự vào kinh nguyện chung. Mẹ thuộc thành phần Giáo Hội cầu nguyện đang chuẩn bị thi hành sứ mệnh của mình, và Mẹ cầu nguyện với tước hiệu duy nhất là Mẹ Chúa Giêsu (CvTđ 1,14). 2) Công Đồng tái xác nhận hai tín điều đã được Giáo Hội tuyên bố khi lập lại những lời của các câu định tín liên hệ. Hai tín điều này có liên quan mật thiết với nhau. Đức Maria được suy tôn làm Nữ Vương của vũ trụ, để trở nên giống với Con Mẹ là Chúa các Chúa một cách hoàn toàn trọn, và được suy tôn là Đấng chiến thắng tội lỗi và sự chết.

^{78*} Các số 60-65: Phần II - Sự liên lạc giữa Mẹ Thiên Chúa và Giáo Hội.

Phần này trực tiếp bàn về sự liên lạc giữa Đức Maria và Giáo Hội. Trước hết, Công Đồng nhấn mạnh tới sự đồng công cứu chuộc của Đức Maria do sự tự ý chấp thuận việc Nhập Thể của Con Thiên Chúa, do việc dâng hy tế trên Thánh giá và do việc cầu bầu liên li trên trời. Trong văn mạch này, giữa những tước hiệu khác nhau Công Đồng đề cập đến tước hiệu Đấng Trung Gian. Một số người trong Ủy ban thần học chưa nhìn thấy rõ tước hiệu này nên Công Đồng giải thích cho biết tước hiệu này vẫn không làm lu mờ sự tuyệt hảo Đấng Trung Gian duy nhất là Chúa Kitô (các số 60-62). Sau đó (trong các số 63-64) Công Đồng giải thích lý do khiến Đức Maria, là Trinh Nữ và là Mẹ, lại là hình bóng của Giáo Hội. Giáo lý này có tầm quan trọng đặc biệt, vì Công Đồng rất lưu tâm đến những khía cạnh trời vượt của mẫu nhiệm Giáo Hội. Sau cùng (số 65), Đức Maria được coi như gương mẫu các nhân đức.

^{79*} Các số 60-62: Đức Maria trong công trình cứu chuộc.

chỉ có một Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa với nhân loại, đó là Chúa Giêsu Kitô, là Người, đã dâng mình làm giá chuộc mọi người" (1Tm 2,5-6). Nhưng vai trò làm mẹ của Đức Maria đối với loài người không làm lu mờ hay giảm bớt vai trò trung gian duy nhất của Chúa Kitô chút nào, trái lại còn làm sáng tỏ mãnh lực của sự trung gian ấy. Vì mọi ảnh hưởng có sức cứu rỗi của Đức Nữ Trinh trên nhân loại không phát sinh từ một sự cần thiết khách thể nào, nhưng từ ý định nhân lành của Thiên Chúa, và bắt nguồn từ công nghiệp dư tràn của Chúa Kitô. Ảnh hưởng ấy nương tựa và hoàn toàn tùy thuộc vào sự trung gian của Chúa Kitô, nguồn mạch mọi quyền lực của ảnh hưởng đó. Nhưng ảnh hưởng này không làm cản trở gì, trái lại còn giúp đỡ các tín hữu kết hiệp trực tiếp với Chúa Kitô^{80*}.

61. Cộng tác vào việc cứu chuộc. Từ muôn đời, Đức Nữ Trinh đã được tiền định làm Mẹ Thiên Chúa cùng một lúc với việc nhập thể của Ngôi Lời Thiên Chúa. Và theo chương trình của Chúa Quan Phòng, trên trần gian Ngài đã trở nên Mẹ cao trọng của Đấng Cứu Chuộc thần linh, và cách đặc biệt hơn mọi người khác, Ngài là cộng sự viên quảng đại và tột tá khiêm hạ của Chúa. Vì đã cưu mang, sinh hạ và nuôi dưỡng Chúa Kitô, đã dâng Chúa Kitô lên Chúa Cha trong đền thánh và cùng đau khổ

^{80*} Số 60: Những nguyên tắc giáo lý.

Số này tóm lược các nguyên tắc giáo lý và chỉ dẫn cho biết giáo lý trình bày trong những số kế tiếp phải được hiểu theo những nguyên tắc này. Mọi nỗ lực và hành động của Đức Maria đều do vị Trung Gian duy nhất là Chúa Kitô, Đấng đã muốn cho Đức Maria cộng tác vào công trình cứu chuộc. Sự trung gian của Đức Maria biểu lộ rõ rệt hơn và còn giúp cho sự trung gian của Chúa Kitô nữa. Chỉ vì ý muốn hoàn toàn nhưng không của Thiên Chúa nhân từ và quyền năng, Đấng Cứu Thế đã thông truyền ảnh hưởng cứu rỗi cho các chi thể và đặc biệt cho Mẹ Người, là Đấng ngay từ đầu đã cộng tác với Người và với công việc Người. Đó chính là nguyên tắc của kế hoạch cứu rỗi hay nguyên tắc ban phát đời sống thần linh. Giáo Hội sẽ trở nên bí tích để ban phát đời sống đó. Còn Đức Maria, là chi thể trỗi vượt đầu tiên, sẽ là khuôn mẫu cho Giáo Hội.

với Con mình chết trên thập giá, Đức Maria đã cộng tác cách rất đặc biệt vào công trình của Đấng Cứu Thế, nhờ lòng vâng phục, nhờ đức tin, đức cậy và đức ái nồng nhiệt, để tái lập sự sống siêu nhiên cho các linh hồn. Bởi vậy, trên bình diện ân sủng, Ngài thật là Mẹ chúng ta.^{81*}

62. Vai trò tùy thuộc trong việc cứu rỗi. Nhưng trong nhiệm cuộc ân sủng, Đức Maria luôn tiếp tục thiên chức làm mẹ, từ khi Ngài tin tưởng ưng thuận trong ngày Truyền Tin - sự ưng thuận mà Ngài đã không ngần ngại giữ vững bên thập giá - cho tới lúc vĩnh viễn hoàn tất việc cứu rỗi mọi người được tuyển chọn. Thật vậy, sau khi về trời, vai trò của Ngài trong việc cứu độ không chấm dứt, nhưng Ngài vẫn tiếp tục liên li cầu bầu để đem lại cho chúng ta những ân huệ giúp chúng ta được phần rỗi đời đời¹⁵. Với tình từ mẫu, Ngài chăm sóc những anh em của Con Ngài đang lữ hành trên dương thế và đang gặp bao nguy hiểm, thử thách, cho đến khi họ đạt tới hạnh phúc quê trời. Vì thế, trong Giáo Hội, Đức Nữ Trinh được kêu cầu qua các tước hiệu: Trạng Sư, vị Bảo Trợ, Đấng Phù Hộ và Đấng

^{81*} Số 61: Trong cuộc đời trần gian.

Số này nói rất vắn tắt đến trọng tâm việc cộng tác của Đức Maria. Là mẹ Thiên Chúa, là tôi tớ khiêm hạ của Chúa, Mẹ là cộng sự viên quảng đại của Đấng Cứu Thế và là Mẹ chúng ta trên bình diện ân sủng. Bản văn theo sát với sự thể hiện của nhiệm vụ này. Nhờ hoàn toàn sẵn sàng tuân theo ý Chúa, Đức Trinh Nữ đã mang thai Chúa Giêsu, Đấng sẽ xóa hết tội lỗi Dân Người. Đức Maria đã sinh con và đã nuôi nấng. Mẹ đã dâng Con cho Chúa Cha trong Đền Thánh, đã đau khổ với cái chết của Con trên Thánh Giá. Mẹ đã cụ thể hóa việc cộng tác tuyệt đối duy nhất này trong sự tuân phục vô điều kiện, sự tuân phục thẩm nhuần đức tin, đức cậy và đức mến hằng nồng. Sự trung thành của Mẹ trong việc chấp thuận chương trình cứu rỗi là then chốt cho việc quảng diễn các ý tưởng khác (x. các số 53, 56, 63 và 64).

¹⁵ Xem Kleutgen, ch. IV bản đã sửa: *De Mysterio Verbi incarnati*: Mansi 53, 290. Xem T. Anrê Gret. In nat. Mariae, bài giảng 4: PG 97, 865A. T. Germanô Constantinopla, In annunt., *Deiparae*: PG 98, 321 BC; In dorm. *Deiparae* III, 361D. T. Gio Damascenô, In dorm. BV. Mariae, bài giảng 1, 8 : PG 90, 712BC-713A.

Trung Gian¹⁶. Tuy nhiên phải hiểu các tước hiệu ấy thế nào để không thêm bớt gì vào vinh dự và quyền năng của Đấng Trung Gian duy nhất¹⁷.

Thực vậy, không bao giờ có thể đặt một tạo vật ngang hàng với Ngôi Lời nhập thể và cứu chuộc; nhưng cũng như chức linh mục của Chúa Kitô được thông ban dưới nhiều hình thức cho các thừa tác viên và các giáo dân, và cũng như sự tốt lành duy nhất của Thiên Chúa được ban phát nhiều cách cho các tạo vật, thì sự trung gian duy nhất của Đấng Cứu Thế không những không loại bỏ mà còn khuyến khích các thụ sinh cộng tác, trong sự tùy thuộc vào nguồn mạch duy nhất.

Vai trò tùy thuộc ấy của Đức Maria, Giáo Hội không ngần ngại tuyên xưng, mà luôn nghiệm thấy, và nhấn nhủ các tín hữu ghi nhớ trong lòng để nhờ sự nâng đỡ và phù hộ từ mẫu của Ngài, họ gắn bó mật thiết hơn với Đấng Trung Gian và Cứu Thế^{82*}.

¹⁶ Xem Lêô XIII, *Tđ. Adjutricem populi*, 5-9-1895: ASS 28 (1895-96), trg 229. T. Piô X, *Tđ. Ad diem illum*, 2-2-1904, văn kiện I, trg 154; Dz 1978a (3370). Piô XI, *Tđ. Miserentissimus*, 8-5-1928: AAS 20 (1929), trg 178. Piô XII, *sứ điệp truyền thanh*, 13-5-1946: AAS 38 (1946), trg 266.

¹⁷ Xem T. Ambrosiô, *Epist. 63* : PL 16, 1218.

^{82*} Số 62: Trên trời.

Là Mẹ ban ân sủng, ở trên trời Đức Maria tiếp tục một địa vị khác trong công trình cứu rỗi. Tình mẫu tử của Mẹ tiếp tục hoạt động. Chắc chắn Mẹ không ban phát ân sủng riêng, nhưng là ân sủng Chúa Kitô, vì không có ân sủng nào khác. Sứ mệnh của Đức Maria là liên kết Chúa Kitô với những phần tử làm thành Giáo Hội. Đó là ý nghĩa của tiếng Maria, Mẹ đầy ơn. Mẹ thực hiện sứ mệnh qua việc bầu cử cho nhân loại. Do đó, mà Giáo Hội gọi Mẹ bằng các danh hiệu: Đấng Bảo Vệ, Đấng Phù Trợ, Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, Đấng Trung Gian. Các nhà thần học tranh luận về ý nghĩa gắn cho các tước hiệu ấy, nhất là tước hiệu sau cùng. Công Đồng không muốn giải quyết cuộc tranh luận, nhưng chỉ quả quyết một thực tại hoàn toàn được toàn thể Giáo Hội chấp nhận, mà không bận tâm đến những điều xác định rõ rệt có tính cách kỹ thuật. Công Đồng cũng nói thêm là tước hiệu này không làm mất cũng không thêm thắt gì vào địa vị và hành động của Chúa Kitô, Đấng Trung Gian duy nhất, vì không tạo vật nào có thể đóng vai trò trên cùng một bình diện như Chúa Cứu Thế.

63. Maria trinh nữ và người mẹ là mẫu mực của Giáo Hội.^{83*}

Đức Trinh Nữ nhờ ân huệ và sứ mệnh làm Mẹ Thiên Chúa, nhờ đó Ngài được hiệp nhất với Con là Đấng Cứu Chuộc, và nhờ các ơn và nhiệm vụ đặc biệt khác, Ngài còn kết hiệp mật thiết với Giáo Hội, như thánh Ambrosiô đã dạy, Mẹ Thiên Chúa là mẫu mực của Giáo Hội trên bình diện đức tin, đức ái và hiệp nhất hoàn hảo với Chúa Kitô¹⁸. Thực vậy, trong mầu nhiệm Giáo Hội, chính Giáo Hội cũng được gọi cách hợp pháp là Mẹ và Trinh Nữ, Đức Nữ Trinh Maria đi tiên phong, tỏ ra là một người mẹ và một trinh nữ gương mẫu tuyệt vời và hiếm có¹⁹. Vì, bởi lòng tin và vâng phục, Ngài đã sinh chính Con Chúa Cha nơi trần gian, mà không hề biết đến người nam, nhưng được Chúa Thánh Thần bao phủ. Như một Evà mới, Ngài đã đặt niềm tin vào sứ giả của Thiên Chúa, chứ không đặt vào con rắn xưa, một niềm tin không bị một nghi ngờ nào làm phai nhạt. Nhưng Người Con mà Ngài đã sinh ra, Thiên Chúa đã đặt làm Trưởng Tử trong nhiều anh em (x. Rm 8,29), nghĩa là các tín hữu, mà Ngài cộng tác vào việc sinh hạ và giáo dục với tình thương của một người mẹ^{84*}.

^{83*} Các số 63-64: Đức Maria là mẫu mực Giáo Hội.

Tính cách song đối giữa Đức Maria và Giáo Hội đưa ra một chủ đề hoàn toàn mới mẻ trong khoa thần học hiện thời. Quả thực được liên kết với Con mình trong công trình cứu chuộc, Đức Trinh Nữ Maria đã vượt trên mọi người khác và trở nên mẫu mực Giáo Hội. Đó chính là một phần tử trong nhóm đang hình thành, gây ảnh hưởng trên người khác, lôi cuốn và làm gương cho họ. Ở đây Công Đồng khai triển vấn đề này về Đức Maria là hình bóng Giáo Hội, không phải hình bóng hay mẫu mực theo nghĩa thiết lập phẩm trật hay bí tích, nhưng như người cổ xúy đời sống thiêng liêng trong đó sự đồng trình này nở thành tình mẫu tử.

¹⁸ Xem T. Ambrosiô, *Expos. Lc II. 7; PL 15, 1555.*

¹⁹ Xem Phêrô Dam. Giã, *Serm. 63: PL 144, 861 AB. Godefridus a S. Victore, in nat. BM., Ms. Paris, Mazarine, 1002, tờ 109c. Gerhohus Reich., De gloria et honore Filii hominis, 10 : PL 194, 1105 AB.*

^{84*} Số 63: Đức Maria là mẫu mực Giáo Hội, như một Trinh Nữ và một người Mẹ.

64. Giáo Hội là trinh nữ và là mẹ. Tuy nhiên, khi chiêm ngưỡng sự thánh thiện kỳ bí và noi gương đức ái của Đức Maria, và khi trung thành chu toàn thánh ý Chúa Cha, Giáo Hội cũng được làm mẹ nhờ lời Thiên Chúa mà Giáo Hội trung thành lãnh nhận: thực vậy, nhờ việc rao giảng và ban phép Thánh Tẩy, Giáo Hội sinh hạ những người con được thụ thai bởi phép Chúa Thánh Thần và sinh ra do Thiên Chúa để họ lãnh nhận một đời sống mới và bất diệt. Giáo Hội cũng là trinh nữ đã giữ gìn toàn vẹn và tinh tuyền lòng trung nghĩa đã hiến cho Phu Quân; và noi gương Mẹ Chúa mình, nhờ thần lực của Thánh Thần, Giáo Hội bảo tồn cho tinh tuyền một đức tin toàn vẹn, một đức cậy bền vững và một đức mến chân thành^{20.85*}

65. Giáo Hội phải bắt chước nhân đức của Mẹ Maria. Tuy nhiên, Giáo Hội, qua con người của Đức Nữ Trinh, đã đạt tới

Trước hết là đức đồng trinh, nhưng hiểu theo chiều hướng thiêng liêng. Nó hệ tại đức tin và đức cậy nhờ đó Đức Maria đã sinh Con Chúa do quyền phép Chúa Thánh Thần mà không có sự liên lạc xác thịt nào với người nam, và như vậy đã trở thành người Mẹ. Đức Maria đã thụ thai Ngôi Lời trong tâm hồn trước khi thụ thai trong lòng. Đức đồng trinh tương quan với sự chấp thuận bất khả khuyết của đức tin. Đức Maria đi trước Giáo Hội ở điểm này; chính do Mẹ mà Chúa Kitô được sinh ra, Đấng sẽ làm cho Giáo Hội thành thân thể của Người.

²⁰ Xem Ambrosiô, *Expos. Lc.II,7 và X,24-25; PL 15, 1555 và 1810. T. Augustinô, In Jo Tr. 13,12: PL 35, 1499. Xem Serm. 191, 2,3: PL 38, 1010; v.v... Cũng xem chân phước Beda, In Lc. Expos. I, ch. 2 : PL 92, 330. Isaac de Stella, Serm. 51: PL 194, 1863A.*

^{85*} Số 64: *Giáo Hội là Mẹ và là Trinh Nữ.*

Hình thức song đối đã nói trên kết thúc ở đây: tính cách làm Mẹ đồng trinh của Đức Maria chính là bí tích, dấu hiệu hoặc hình ảnh của Giáo Hội đồng trinh, cũng thụ thai và sinh dưỡng các con cái mình. Tính cách làm mẹ của Giáo Hội, noi theo Đức Maria, là việc đón nhận Lời Chúa trong tâm hồn. Đón nhận có nghĩa là thực hành. Như thế Giáo Hội trở thành mẹ của một cuộc sống bất tử, nhờ Thần Khí của việc sáng tạo mới. Sự đồng trinh của Giáo Hội - là điều kiện để sinh nhiều con cái - hệ tại việc trung thành thực thi các nhân đức đối thần, theo gương Đức Maria và nhờ sức mạnh Chúa Thánh Thần.

sự toàn thiện làm cho mình nên thanh sạch và vẹn tuyền (x. Eph 5,27), nhưng Kitô hữu vẫn còn phải cố gắng chiến thắng tội lỗi để tiến trên đường thánh thiện. Vì thế, họ ngược mắt nhìn lên Đức Maria là một mẫu gương nhân đức sáng ngời cho toàn thể cộng đoàn những người được chọn. Nhờ thành kính tưởng nhớ Đức Maria và chiêm ngưỡng Ngài dưới ánh sáng của Ngôi Lời nhập thể, Giáo Hội cung kính tiến sâu hơn vào mầu nhiệm cao thâm, tức là mầu nhiệm nhập thể, và nên giống Phu Quân mình ngày một hơn. Thực vậy, Đức Maria đã mật thiết gắn liền với lịch sử cứu rỗi, và có thể nói là Ngài đã qui tụ và phản chiếu nơi mình những đòi hỏi cao cả nhất của đức tin, và khi các tín hữu nghe rao giảng về Ngài và tôn sùng Ngài, họ được Ngài mời gọi đến kết hiệp với hy lễ của Con Ngài và yêu mến Chúa Cha. Phần Giáo Hội càng tìm kiếm vinh quang Chúa Kitô càng nên giống Khuôn Mẫu cao cả của mình, nhờ luôn tiến tới trong đức tin, đức cậy, đức mến, và tìm kiếm cùng vâng theo thánh ý Thiên Chúa trong mọi sự. Do đó, trong công cuộc tông đồ, Giáo Hội có lý để nhìn lên Đấng đã sinh Chúa Kitô là người được thụ thai bởi phép Chúa Thánh Thần và được Đức Nữ Trinh sinh ra để, nhờ Giáo Hội, cũng sinh ra và lớn lên trong lòng các tín hữu. Đời sống của Đức Nữ Trinh là một gương sáng của tình mẫu tử thâm thiết. Tình mẫu tử ấy phải là động lực của tất cả những ai cộng tác vào sứ mệnh tông đồ của Giáo Hội để tái sinh nhân loại^{86*}.

^{86*} Số 65: *Giáo Hội và việc noi theo các nhân đức của Đức Maria.*

Ở đây, Công Đồng trình bày Đức Maria như gương mẫu các nhân đức mà Giáo Hội phải noi theo. Việc kính nhớ Mẹ Thiên Chúa làm cho tín hữu thâm hiểu mầu nhiệm Nhập Thể hơn vì có nhiều khía cạnh của mầu nhiệm này biểu hiện nơi Mẹ Thiên Chúa. Ngay từ thời xa xưa, Giáo Hội đã cầu khẩn với Đức Maria, nhờ thế mà Giáo Hội tiến tới trên con đường đức tin và trên đường sứ mệnh tông đồ, trở nên giống với mẫu mực của mình hơn.

IV. Việc Tôn Kính Đức Nữ Trinh Trong Giáo Hội ^{87*}

66. Bản tính và nền tảng của việc tôn kính Đức Mẹ. Nhờ hồng ân Thiên Chúa, Đức Maria được tôn vinh, sau Chúa Con, vượt trên hết các thiên thần và loài người, vì Ngài là Mẹ rất thánh của Thiên Chúa và đã tham dự vào các mầu nhiệm của Chúa Kitô; do đó Ngài đáng được Giáo Hội tôn vinh và đặc biệt sùng kính. Thực vậy, từ những thời rất xa xưa, Đức Nữ Trinh đã được tôn kính dưới tước hiệu "Mẹ Thiên Chúa", và các tín hữu đã khẩn cầu cùng ẩn náu dưới sự che chở của Ngài trong mọi cơn gian nan khốn khó²¹. Nhất là từ công đồng Ephêsô, Dân Thiên Chúa đã gia tăng lòng tôn kính Đức Maria cách lạ lùng: họ sùng kính mến yêu, cầu khẩn và noi gương đúng như lời Ngài đã tiên báo: "Muôn đời sẽ khen tôi có phúc, vì Đáng toàn năng đã làm cho tôi những việc trọng đại" (Lc 1,48-49). Sự tôn kính ấy, như vẫn luôn có trong Giáo Hội, tuy hoàn toàn đặc biệt, nhưng tự bản chất vẫn khác biệt với sự thờ phượng dâng lên Ngôi Lời nhập thể và lên Chúa Cha và Chúa Thánh Thần; việc tôn kính Đức Maria khuyến khích thêm việc thờ phượng Thiên Chúa Ba Ngôi. Giáo Hội đã chấp nhận nhiều hình thức tôn sùng Mẹ Thiên Chúa, trong giới hạn của giáo lý lành mạnh và chính thống, tùy theo hoàn cảnh, thời gian và nơi chốn, hợp với tính khí cùng tinh thần của tín hữu; những hình thức ấy, qua việc tôn vinh Mẹ, cũng làm cho tín hữu nhận biết đúng đắn,

^{87*} Các số 66-67: Phần III - Việc tôn kính Đức Trinh Nữ trong Giáo Hội.

Phần này trực tiếp nói đến sự áp dụng giáo lý vào công việc giảng thuyết và tôn kính. Mỗi bận tâm mục vụ của Công Đồng được biểu lộ rõ rệt. Công Đồng muốn rằng, trong Giáo Hội, việc tôn kính và sùng mộ Đức Maria phải chừng mực và chính đáng; không trở nài vì những ngờ vực vô ích hay sợ sệt; không quá khai thác những tình cảm, tưởng tượng hoặc những điều thần học còn mơ hồ.

²¹Xem Sách Nhật Tụng Roma, xướng khúc "Sub tuum..." ở kinh chiều I của Tiểu tụng Đức Mẹ.

yêu mến, làm vinh danh, và tuân giữ giới răn Chúa Con, vì Người mà muôn vật được tạo thành (x. Col 1,15-16) và nơi Người, Chúa Cha hằng hữu "muôn có đầy đủ mọi sự" (Col 1,19)^{88*}.

67. Chiều hướng mục vụ. Thánh Công Đồng cố ý dạy giáo lý công giáo ấy, đồng thời Giáo Hội cũng khuyến khích hết mọi con cái hãy nhiệt tâm phát huy lòng sùng kính Đức Nữ Trinh, nhất là trong phụng vụ, hãy coi trọng những việc thực hành và việc đạo đức nhằm suy tôn ngài và đã được quyền Giáo Huấn Giáo Hội cổ võ qua các thế kỷ, cũng như hãy kính cẩn tuân giữ những quyết định của các thời đại trước liên quan đến việc tôn kính ảnh tượng Chúa Kitô, Đức Nữ Trinh và các Thánh²². Công Đồng cũng hết lòng khuyến khích các nhà thần học và những người rao giảng lời Chúa, khi xét đến phẩm chức phi thường của Mẹ Thiên Chúa, hãy cẩn thận tránh mọi tư tưởng phóng đại sai lầm cũng như mọi tư tưởng hẹp hòi quá đáng²³. Nhờ học

^{88*} Số 66: Bản tính và nền tảng việc tôn kính Đức Trinh Nữ.

Nền tảng việc tôn kính Đức Maria là do việc Mẹ Thiên Chúa được gắn liền với mầu nhiệm cứu rỗi của Chúa Kitô. Vì Đức Maria được dự phần vào mầu nhiệm này hơn bất cứ ai khác, nên Giáo Hội đặc biệt tôn kính Mẹ. Việc tôn kính - bản chất của việc sùng mộ - được gọi là đặc biệt (so sánh với việc tôn kính các Thánh), nhưng xét theo yếu tính thì hoàn toàn khác biệt với việc tôn thờ chỉ dành riêng cho một mình Thiên Chúa. Tiêu chuẩn của việc tôn kính là phải phù hợp với giáo lý chính thống. Việc tôn kính chỉ có bảo đảm khi trung thành với ơn linh ứng riêng và phải hoàn toàn hướng về Con duy nhất mà trong Người, Chúa Cha tác thành mọi sự. Việc sùng mộ sẽ trở nên ảo tưởng nếu không đưa đến việc tuân giữ các giới răn Chúa. Giả thiết như thế rồi, cũng còn phải lưu ý đến những hình thức tôn kính khác nhau nhưng vẫn hợp pháp, do hoàn cảnh thời gian và nơi chốn tạo ra, hay do những tâm tình khác nhau của mỗi dân tộc. Vậy phải thận trọng nhưng đừng có dấu óc thiên cận. Việc tôn kính với cùng một hình thức như nhau sẽ trở nên nghèo nàn; phải để quyền cho công giáo tính.

²² CĐ Nicea II, năm 787: Mansi 13, 378-379 ; Dz 302 (600-601). CĐ Trentô, khóa 25: Mansi 33, 171-172.

²³ Xem Piô XII, sứ điệp truyền thanh, 24-10-1954: AAS 46 (1954), trg 679. Tđ. Ad caeli Reginam, 11-10-1954: AAS (1954), trg 637.

hỏi Thánh Kinh, các Thánh Giáo Phụ, các tiến sĩ và học hỏi các phụng vụ trong Giáo Hội, dưới sự hướng dẫn của quyền Giáo Huấn, họ hãy làm sáng tỏ đúng mức những chức vụ và đặc ân của Đức Trinh Nữ; những chức vụ và đặc ân này luôn qui hướng về Chúa Kitô, nguồn mạch toàn thể chân lý, thánh thiện và đạo đức. Họ phải cẩn thận tránh xa mọi lời nói hay việc làm có thể làm cho các anh em ly khai hay bất cứ ai khác hiểu sai giáo lý đích thực của Giáo Hội. Phần các tín hữu, hãy nhớ rằng, lòng tôn sùng chân chính không hề tại tình cảm chóng qua và vô bổ, cũng không hề tại một sự dễ tin phù phiếm, nhưng phát sinh từ một đức tin chân thật. Đức tin dẫn chúng ta đến chỗ nhìn nhận địa vị cao cả của Mẹ Thiên Chúa, và thúc đẩy chúng ta lấy tình con thảo yêu mến và noi gương các nhân đức của Mẹ chúng ta^{89*}.

V. Đức Maria, Dấu Chỉ Lòng Cây Trông Vững Vàng Và Niềm An Ủi Cho Dân Chúa Đang Lữ Hành^{90*}

^{89*} Số 67: *Tinh thần giảng thuyết và tôn kính Đức Trinh Nữ.*

Sau cùng, Công Đồng ban bố một vài qui tắc mục vụ cho việc giảng thuyết và tôn kính Đức Maria. Công Đồng giới thiệu đặc biệt việc tôn kính có tinh cách phụng vụ, nhưng cũng không quên những hình thức, những việc thực hành đạo đức không đi ngược với những nguyên tắc đã đề ra. Việc tôn kính theo phụng vụ được chú trọng hơn là vì có sự chỉ dẫn trực tiếp của Giáo Hội. Những hình thức tôn sùng cũng như Công Đồng cổ võ, dù không bàn đến chi tiết. Những tiêu chuẩn để giảng thuyết rất đơn giản: đừng tán tụng thái quá, không hẹp hòi thiếu cận, hoàn toàn tuân theo chỉ thị của Giáo Hội, biết dựa vào Thánh Kinh và Thánh Truyền. Như vậy Công Đồng muốn ngay cả việc giảng thuyết về Đức Mẹ cũng phải qui về Chúa Kitô. Kết luận của số này là vài lời khuyên tổng quát về việc sùng mộ đích thực nhằm gửi tới Dân Chúa (không chỉ bằng tình cảm nhất thời, không phải niềm tin viên vông, nhưng là sự thực hành sâu xa của một đức tin chính thực, lấy tình yêu hàm chứa lòng biết ơn mà tuyên xưng sự cao cả của Mẹ Thiên Chúa, và đức tin đó còn làm cho chúng ta biết quảng đại noi theo sự hiệp nhất giữa Mẹ với Thiên Chúa).

^{90*} Các số 68-69: *Kết luận.*

68. Đức Maria, dấu chỉ của Dân Thiên Chúa. Ngày nay Mẹ Chúa Giêsu đã được vinh hiển hồn xác trên trời, là hình ảnh và khởi thủy của Giáo Hội sẽ hoàn thành đời sau; cũng thế, dưới đất này, cho tới ngày Chúa đến (x. 2P 3,10), Ngài chiếu sáng như dấu chỉ lòng cậy trông vững vàng và niềm an ủi cho dân Chúa đang lữ hành^{91*}.

69. Đức Maria chuyển cầu cho sự hiệp nhất các Kitô hữu. Thánh Công Đồng rất vui mừng và được an ủi khi thấy ngay giữa các anh em ly khai không thiếu những người dâng lên Mẹ Chúa Cứu Thế vinh dự Ngài đáng được, nhất là các anh em Đông Phương, những người nhiệt thành và hết lòng sùng kính Mẹ Thiên Chúa trọn đời đồng trinh²⁴. Tất cả mọi Kitô hữu hãy thiết tha khẩn nguyện Mẹ Thiên Chúa cũng là Mẹ loài người, để như Ngài đã trợ giúp Giáo Hội sơ khai bằng lời cầu nguyện của mình, thì ngày nay được tôn vinh vượt trên các Thần Thánh trên trời, Ngài cũng cầu bầu cùng Con Ngài trong sự hiệp thông toàn thể các Thánh cho tới khi mọi gia đình dân tộc hoặc đã mang danh hiệu Kitô hữu, hoặc chưa biết Đấng Cứu Chuộc mình, đều hân hoan đoàn tụ trong an bình và hòa thuận, hợp

Hai vấn đề được đặt ra ở Đức Maria như dấu hiệu cậy trông và như dấu hiệu hiệp nhất.

^{91*} Số 68: Đức Maria như dấu hiệu cậy trông.

Số này bàn đến một ý tưởng quan trọng: ý nghĩa địa vị được tôn vinh của Mẹ Chúa Giêsu đối với toàn thể Giáo Hội. Đức Maria là hình ảnh cánh chung của Giáo Hội. Mẹ là dấu hiệu cậy trông. Mẹ cũng đã phải chịu thử thách nên do kinh nghiệm riêng mà biết được gánh nặng của chúng ta. Tình thương Mẹ dành cho chúng ta sẽ khuyến khích chúng ta cố gắng không ngừng.

²⁴ Xem Piô XI, Tđ. *Ecclesiam Dei*, 12-11-1923: AAS 15 (1923), trg 581. Piô XII, Tđ. *Fulgen corona*, 8-9-1953: AAS 45 (1953), trg 590-591.

thành một dân Thiên Chúa duy nhất, hầu vinh danh Ba Ngôi Thiên Chúa rất thánh và không phân chia^{92*}.

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Hiến Chế tín lý này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 21 tháng 11 năm 1964.
 Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.
 Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Trích Văn Kiện Công Đồng Chung Vaticanô II

^{92*} Số 69: Đức Maria và sự hiệp nhất các Kitô hữu.

Đây là một điểm tế nhị. Nhiều người nghĩ dường như Đức Maria là một trở ngại trên con đường hiệp nhất các Kitô hữu. Công Đồng đã đề cập vấn đề theo khía cạnh tích cực: Công Đồng nhận định một sự kiện không ai chối cãi: trong số những anh em ly khai, cũng có người kêu cầu đến Trinh Nữ hèn mọn thành Nazareth. Như vậy vẫn còn hy vọng. Công Đồng muốn mọi Kitô hữu cầu xin Đức Maria cho việc hiệp nhất, vì Mẹ bầu cử cho mọi người tuyên xưng Con Mẹ là Đấng Cứu Thế, và cho cả những ai chưa biết Mẹ. Mẹ vẫn luôn giữ vai trò làm mẹ. Như thế sẽ có ánh sáng làm rạng ngời vinh quang Ba Ngôi Thiên Chúa.

Hiến Chế tín lý về Giáo Hội khởi đầu và kết thúc bằng mẫu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi. Từ Thiên Chúa, do tình yêu mà có mọi sự, và trong tình yêu mọi sự qui về Ngài. Hiến Chế này là một lời tuyên xưng đức tin không lay chuyển và sẽ không chịu sự hao mòn của thời gian.

Thông Tri

Do vị Tổng Thư Ký của Thánh Công Đồng trong phiên họp khoáng đại lần thứ 123 ngày 16-11-1964.

Có người thắc mắc về phẩm tính thần học của giáo thuyết được trình bày trong Lược Đồ về Giáo Hội và sẽ được đem ra đầu phiếu.

Ủy ban lo về giáo thuyết, khi xét đến những "Đề Nghị Tu Chính" về chương III Lược Đồ về Giáo Hội, đã trả lời rằng:

"Dĩ nhiên, phải luôn luôn giải thích văn kiện Công Đồng theo những qui tắc chung mà mọi người đều biết".

Nhân dịp này, Ủy Ban Giáo Thuyết đã nhắc lại bản Tuyên Ngôn của mình, ngày 6-3-1964; chúng tôi xin trích lại bản văn đó:

"Xét theo tập tục Công Đồng và chủ đích mục vụ của Công Đồng hiện tại, Thánh Công Đồng này xác định rằng Giáo Hội chỉ phải tuân giữ những điều có liên quan đến đức tin và phong hóa được chính Thánh Công Đồng tuyên bố là như vậy".

"Còn những điểm khác được Thánh Công Đồng trình bày, vì là giáo thuyết của quyền Giáo Huấn Tối Thượng của Giáo Hội, nên tất cả và mỗi một Kitô hữu phải chấp nhận và hiểu theo ý của chính Thánh Công Đồng, dựa trên những tiêu chuẩn của phương pháp giải thích thần học: ý Công Đồng tỏ lộ qua nội dung được trình bày hoặc qua cách diễn tả của Công Đồng".

Và đây là một chú thích sơ khởi, mà Thượng Quyền gửi đến các Nghị Phụ đối với "những Đề Nghị Tu Chính" liên quan đến chương III của Lược Đồ về Giáo Hội; giáo thuyết được trình bày trong chương III này phải được giải thích và hiểu theo tinh thần và thể thức của chú thích này.

Chú Thích Sơ Khởi

"Trước khi xét những "Đề Nghị Tu Chính", Ủy Ban quyết định trình bày những nhận xét tổng quát sau đây:

1. Cộng Đoàn (collegium) không hiểu theo nghĩa thuần túy pháp lý, nghĩa là một nhóm người bình đẳng, mà quyền hạn họ đã trao phó cho một vị chủ tịch; nhưng phải hiểu là một nhóm người có tính cách vững bền mà cơ cấu tổ chức và quyền hành phải được rút ra từ Mạc Khải. Cho nên, khi trả lời "Đề Nghị Tu Chính" số 12, chúng tôi đã nói rõ rằng: Mười Hai Tông Đồ đã được Chúa thành lập theo thể thức "một cộng đoàn hay một nhóm người có tính cách vững bền" : Cũng xem Đề Nghị Tu Chính số 53, c. - Cũng vì vậy, chữ "Hàng" (hàng Giám Mục: ordo) hay "Đoàn" (corpus) cùng được dùng đây đó để chỉ "Cộng Đoàn Giám Mục". Sự đối chiếu: một bên là Phêrô với các Tông Đồ khác, một bên là Đức Giáo Hoàng với các Giám Mục, không có nghĩa là quyền đặc biệt của các Tông Đồ đã được truyền lại cho các người kế vị và, dĩ nhiên, cũng không có nghĩa là giữa vị Thủ Lãnh và các phân tử của cộng đoàn có sự bình đẳng; nhưng chỉ muốn xác định một sự tương xứng giữa tương quan thứ nhất (Phêrô - Tông Đồ) và tương quan thứ hai (Đức Giáo Hoàng - Các Giám Mục). Vì thế trong số 22, Ủy Ban đã quyết định không dùng chữ "cũng vậy", nhưng dùng chữ "tương tự như thế". Xem Đề Nghị Tu Chính 57.

2. Người được phong chức giám mục và hiệp thông phẩm trật với Thủ Lãnh và với các phân tử trong Cộng Đoàn thì trở thành phân tử của Giám Mục Đoàn. Xem số 22, 1 phần cuối.

Trong việc tấn phong, có sự tham dự hữu thể vào các nhiệm vụ thánh, như Truyền Thống và cả tập truyền phụng vụ đã chứng tỏ hiển nhiên. Sau khi thảo luận, Ủy Ban dùng danh từ "nhiệm vụ" (munus) chứ không dùng danh từ "quyền hành" (potestas),

vì "quyền hành" có thể hiểu là một quyền hành sẵn sàng để sử dụng. Thật ra, để có một quyền hành như thế thì cần phải có thêm sự chỉ định theo giáo luật hoặc pháp lý của quyền bính phẩm trật. Sự chỉ định này có thể là việc bổ nhiệm vào một chức vụ đặc biệt hay việc ủy thác trông coi một số người và theo những qui luật đã được quyền tối thượng chấp thuận. Do bản chất của sự việc, cần phải có qui luật cuối cùng như thế, bởi vì đó là những nhiệm vụ phải được thực hành do nhiều phụ tá cộng tác theo phẩm trật do ý muốn của Chúa Kitô. Hiển nhiên là trước khi viết thành bộ luật, thì sự "hiệp thông" ấy đã được áp dụng trong đời sống Giáo Hội tùy theo hoàn cảnh của các thời đại.

Chính vì thế mà Ủy Ban minh nhiên nói rằng: cần phải có sự hiệp thông phẩm trật với Thủ Lãnh và với các phần tử của Giáo Hội. Hiệp thông, một ý niệm rất được Giáo Hội thời xưa (cũng như thời nay, nhất là Giáo Hội Đông Phương) đề cao. Đó không phải là tâm tình mơ hồ, nhưng là một thực thể hữu cơ. Nó đòi hỏi một hình thức pháp lý, đồng thời được linh động nhờ đức ái. Do đó, sau khi được sự đồng ý của hầu hết mọi người, Ủy Ban quyết định viết như sau: "trong sự hiệp thông phẩm trật". Xem Đề Nghị Tu Chính số 40, và những chỗ đề cập đến chức vụ bổ nhiệm theo giáo luật, số 24.

Những văn kiện gần đây của các Đức Giáo Hoàng về quyền tài thẩm của các Giám Mục phải được giải thích theo sự hạn định cần thiết về những quyền hành ấy.

3. Cộng Đoàn, không thể có Cộng Đoàn nếu không có Thủ Lãnh, "cũng là chủ thể có quyền bính trọn vẹn và tối cao trên toàn thể Giáo Hội". Cần phải chấp nhận điều đó để quyền bính trọn vẹn của Đức Giáo Hoàng Roma khỏi bị vi phạm. Nói đến Cộng Đoàn (Giám Mục), bao giờ người ta cũng phải hiểu là gồm có Thủ Lãnh; và trong Cộng Đoàn, Thủ Lãnh vẫn nắm giữ nguyên vẹn nhiệm vụ Đấng Đại Diện Chúa Kitô và Chủ Chăn

của Giáo Hội phổ quát. Nói cách khác, sự phân biệt không phải là giữa Đức Giáo Hoàng Roma và các Giám Mục hiệp lại, nhưng là giữa cá nhân Đức Giáo Hoàng Roma và Đức Giáo Hoàng Roma cùng với các Giám Mục. Vì Đức Giáo Hoàng là Thủ Lãnh của Cộng Đoàn nên chính ngài một mình có quyền hành động trong một vài việc mà các Giám Mục không có thẩm quyền: ví dụ triệu tập và điều khiển Cộng Đoàn Giám Mục, phê chuẩn các quy luật hành động, v. v... Xem Đề Nghị Tu Chính số 81. Đức Giáo Hoàng, vì được trao phó nhiệm vụ chăn dắt toàn thể đoàn chiên Chúa Kitô, nên tùy theo nhu cầu của Giáo Hội biến chuyển theo các thời đại, ngài giữ quyền phán định cách thế thích hợp để thể hiện nhiệm vụ chăn dắt trên, hoặc cách cá nhân hoặc cách cộng đoàn. Vì lợi ích của Giáo Hội, Đức Giáo Hoàng Roma hành động theo sự khôn ngoan của ngài để hướng dẫn, phát huy, phê chuẩn sự thực thi quyền cộng đoàn.

4. Là Đấng Chăn Dắt Tối Cao của Giáo Hội, Đức Giáo Hoàng có thể tùy ý thi hành quyền bính của Ngài bất cứ lúc nào, theo sự đòi hỏi của nhiệm vụ Ngài. Còn Cộng Đoàn, tuy vẫn tồn tại luôn, nhưng không vì thế mà lúc nào cũng hành động với tính cách thuần túy cộng đoàn, như Thánh Truyền Giáo Hội xác nhận. Nói cách khác, không phải bao giờ Cộng Đoàn cũng hành động "trong hiện thể trọn vẹn", nhưng chỉ thỉnh thoảng mới hành động một cách thuần túy cộng đoàn, và khi đó chỉ vì Thủ Lãnh ưng thuận. Nói "Thủ Lãnh ưng thuận" để khỏi nghĩ đến sự tùy thuộc như tùy thuộc vào một người ngoại cuộc. Trái lại, từ ngữ "ưng thuận" nói lên sự hiệp thông giữa Thủ Lãnh với các phần tử, đồng thời giả thiết sự cần thiết của một hành vi thuộc riêng vị Thủ Lãnh. Điểm này được minh nhiên xác định trong số 22, 2 và được giải thích ở phần cuối số ấy. Cách nói "chỉ vì" bao gồm tất cả mọi trường hợp: do đó dĩ nhiên là phải tuân theo các qui luật được giáo quyền tối thượng chấp thuận. Xem Đề Nghị Tu Chính số 84.

Trong tất cả các điểm trên, chúng ta thấy rõ vấn đề là ở chỗ các Giám Mục hiệp nhất với Thủ Lãnh của mình và không bao giờ hành động cách độc lập đối với Giáo Hoàng. Trong trường hợp sau này, khi không có hành động của Thủ Lãnh, các Giám Mục không thể hành động như một Cộng Đoàn được, như ý niệm "Cộng Đoàn" cho thấy. Thánh Truyền luôn minh chứng có sự hiệp thông phẩm trật giữa tất cả các Giám Mục với Đức Giáo Hoàng.

Chú Ý: Nếu không có hiệp thông phẩm trật, thì các Giám Mục không thể thi hành nhiệm vụ thực thể lãnh nhận do Bí Tích. Nhiệm vụ đó phải được phân biệt với khía cạnh giáo luật - pháp lý. Nhưng Ủy Ban nghĩ là không cần phải bàn đến các vấn đề hợp pháp và thành sự, và để lại cho các nhà thần học thảo luận, cách riêng trong những gì liên can tới việc thi hành quyền bính hiện có nơi anh em ly khai Đông Phương. Về điểm này, có nhiều giải thích khác nhau.

Pericles Felici

Tổng Giám Mục hiệu tòa Samosate

Tổng Thư Ký Thánh Công Đồng Vaticanô II

Khóa V Ngày 21 tháng 11 Năm 1964

Sắc Lệnh
về Các Giáo Hội
Công Giáo Đông Phương
Orientalium Ecclesiarum

Lời Giới Thiệu

Muốn hiểu rõ mục đích, tầm quan trọng và sự thích hợp của Sắc Lệnh này, thiết tưởng nên biết qua lịch sử của nó. Ủy Ban tiền công đồng đặc trách các vấn đề liên quan đến các Giáo Hội Đông Phương đã soạn thảo một lược đồ với nhan đề "Để tất cả nên một". Các Nghị Phụ đến hội kỳ họp I của Công Đồng đã quyết định cho một ủy ban hỗn hợp tu chỉnh lại lược đồ trên. Đức Hồng Y Bea cũng đã soạn thảo một lược đồ về Hiệp Nhất trong đó có đề cập đến các Giáo Hội Đông Phương ly khai. Ủy ban hỗn hợp đặc trách các Giáo Hội Đông Phương lúc bấy giờ hạn hẹp lược đồ vào vấn đề các Giáo Hội Đông còn hiệp thông với Rôma. Lược đồ này mệnh danh là "Về các Giáo Hội Đông Phương". Như vậy trên nguyên tắc, đã loại bỏ vấn đề Hiệp Nhất giữa các Giáo Hội Đông Phương ly khai với Giáo Hội Công Giáo. Để được rõ hơn, sau này còn thêm vào tiếng Công Giáo. Như thế, tựa đề trở thành "Về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương". "Các Giáo Hội Công Giáo" ở đây chỉ các Giáo Hội Đông Phương, thành phần của Giáo Hội phổ quát, còn hiệp thông với Tòa Thánh Rôma. Sau nhiều lần tu chỉnh và sửa đổi. Sắc Lệnh đã được Công Đồng dứt khoát chấp nhận ngày 21-11-1964. 2,110 nghị phụ bỏ phiếu thuận và 39 phiếu chống.

Vì Sắc Lệnh liên hệ đến các Giáo Hội Đông Phương hiệp thông với Rôma, nên Công Đồng quan tâm đến quy luật, cách tổ chức

và di sản thiêng liêng của các Giáo Hội đó. Nhiều người dị nghị tại sao một Công Đồng Chung lại quan tâm đến các Giáo Hội riêng biệt. Đã hẳn, người Đông Phương có 120 Nghị Phụ đại diện vào Công Đồng, nhưng đó là một thiểu số sánh với 2,000 Nghị Phụ Tây Phương, là những vị chưa chắc đã luôn thấu hiểu các vấn đề Đông Phương. Tuy nhiên, phải nhìn nhận rằng các đại diện Đông Phương, Nghị Phụ và các nhà chuyên môn, đã góp phần lớn vào việc biên soạn cũng như tu chỉnh Sắc Lệnh này.

Nhiều phần trong Sắc Lệnh này lẽ ra phải được xen vào các tài liệu khác của Công Đồng, nhất là trong Hiến Chế về Giáo Hội. Nhưng người Đông Phương lại thích Công Đồng soạn thảo và công bố một Sắc Lệnh riêng biệt về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương. Thượng Phụ Giáo Chủ Maximos IV đã nêu ra những lý do sau đây vào mùa thu năm 1964 và đã được Hội Đồng Giáo Hội của ngài chuẩn y. Hiện nay các Giáo Hội Đông Phương có những vấn đề riêng biệt, nhưng đối với Giáo Hội Latinh chúng ta không có tính cách khẩn trương. Thà rằng thảo luận các vấn đề chung với nhau, vì nếu tách rời, có thể sẽ bị lãng quên cách dễ dàng hay ít ra không được giải quyết cách thỏa đáng. Hơn thế nữa, một Sắc Lệnh Công Đồng có thể đoạn tiêu hay thay đổi một vài quy luật mà trước kia Rôma đã đặt ra cho các Giáo Hội Đông Phương, nhưng qua dòng thời gian, chúng đã lỗi thời hay ít thích hợp với truyền thống Đông Phương. Sau cùng, nếu có một sắc lệnh riêng cho các Giáo Hội Đông Phương thì còn hy vọng, sau Công Đồng người ta sẽ chiếu cố đến các dự kiện của sắc lệnh và tiến hành cùng một hướng. Có thể thêm một lý do khác liên quan đến các tín hữu theo nghi lễ Latinh: một sắc lệnh riêng biệt về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương sẽ giúp họ hiểu màu nhiệm Giáo Hội rõ ràng và cụ thể hơn, màu nhiệm vừa duy nhất vừa đa diện. Một sắc lệnh riêng biệt như thế cũng có thể giúp họ thâm định một thái độ thích đáng đối với các anh em ly khai của chúng ta.

Sắc Lệnh còn làm sáng tỏ cách tổ chức và đời sống của các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương. Sắc Lệnh giải thích rõ ràng quyền lợi và địa vị của các Cộng Đoàn Công Giáo Đông Phương và phục hồi những đặc ân và tập tục bị hủy bỏ trong quá khứ:

Bố cục Sắc Lệnh như sau:

- **Lời mở đầu:** (số 1).

- **Sáu Chương:**

1. Các Giáo Hội địa phương hay Lễ Chế (số 2-4).
2. Việc bảo vệ di sản tinh thần nơi các Giáo Hội Đông Phương (số 5-6).
3. Các Thượng Phụ Đông Phương (số 7-11).
4. Quy luật về các bí tích (số 12-18).
5. Việc Phụng thờ Thiên Chúa (số 19-23).
6. Liên lạc với các anh em ly khai (số 24-29).

- **Kết luận:** số 30.

Sắc Lệnh đề cập đến nhiều Giáo Hội Công Giáo Đông Phương. Có hơn 20 Giáo Hội. Trước tiên có nhiều Lễ chế. Lễ chế ở đây là cách thức cử hành phép Thánh Thể và các Bí Tích (lời nguyện, cử điệu...). Có Lễ chế Copticô, Chaldaeô, Syriacô, Armenô, Maroniticô, Byzantinô và Malabarô. Hơn nữa, có khi cũng một nghi lễ phụng vụ được thi hành ở nhiều xứ với những ngôn ngữ khác nhau; ví dụ: Lễ chế Copticô thịnh hành ở Ai Cập và Ethiopia, và như thế người ta phân biệt hai Giáo Hội riêng biệt theo cùng Lễ chế Copticô: một ở Ai Cập và một ở Ethiopia. Các Lễ chế khác cũng vậy. theo nghĩa rộng hơn, Lễ chế không những là phụng vụ của một Giáo Hội, nhưng còn bao hàm cả quy luật, tổ chức, truyền thống và tập tục riêng biệt của mỗi Giáo Hội khác nhau. Đó là ý nghĩa tại sao có nhiều Giáo Hội Đông Phương. Cũng có khi trong cùng một thành phố

hay trong một miền có hai hay ba cộng đoàn Công Giáo có Lễ chế khác nhau. Như ở Alep có một Giáo Hội Melchita, một Giáo Hội Maroniticô và một Giáo Hội Đông Phương Armenô. Mỗi Giáo Hội có một Giám Mục riêng. Dù các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương đa số ở miền Cận Đông, nhưng cũng có những nhóm rải rác ở Âu Châu, Nam Ân và Bắc Mỹ, do các cuộc di cư vì đàn áp. Tổng số người Công Giáo Đông Phương khoảng độ 11 triệu.

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Sắc Lệnh
về Các Giáo Hội
Công Giáo Đông Phương

Lời mở đầu

I. Giáo Hội Công Giáo^{1*} rất mực tôn trọng những quy chế, nghi lễ phụng vụ, truyền thống Giáo Hội và quy luật của đời sống Kitô giáo nơi các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương. Thật vậy, truyền thống từ các Tông Đồ qua các Giáo Phụ^{1.2*} vẫn được sáng tỏ nơi các Giáo Hội vẫn nổi danh nhờ sự cổ kính đáng mộ mến ấy. Chính Truyền Thống này tạo nên một phần Mạc Khải của Thiên Chúa và một phần gia sản nguyên tuyền của toàn thể Giáo Hội. Vì thế trong niềm ưu ái đối với các Giáo Hội Đông Phương là những chứng tá sống động của Truyền Thống trên, Thánh Công Đồng này ước mong các Giáo Hội ấy được thịnh vượng và biết chu toàn phận vụ đã được trao phó với tinh thần tông đồ hăng say mới mẻ. Vậy, ngoài những quyết

^{1*} *Giáo Hội Công Giáo là Giáo Hội phổ quát. Các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương đều thuộc về Giáo Hội này. Các Giáo Hội đó ngang hàng với Giáo Hội Latinh, không kém hơn, cũng không phải là phụ thêm vào Giáo Hội theo nghi lễ Latinh.*

¹ *Xem Lêô XIII, Tông thư Orientalium dignitas, 30-11-1894, trong Leonis XIII Acta XIV, trg 201-202.*

^{2*} *Các Giáo Phụ là các "văn sĩ" công giáo thời thượng cổ Kitô giáo, từ thế kỷ thứ nhất đến thế kỷ thứ tám.*

định liên quan tới toàn thể Giáo Hội, Thánh Công Đồng thiết định những chương chính yếu sau đây, còn những điểm khác dành lại cho các Hội Nghị Đông Phương^{3*} và Tòa Thánh định liệu^{4*}.

Các Giáo Hội Riêng Biệt Hay Các Lễ Chế

2. Sự khác biệt của các Lễ Chế không phương hại đến sự hiệp nhất. Hội Thánh Công Giáo là Nhiệm Thể Chúa Kitô gồm các tín hữu là những người liên kết chặt chẽ với nhau trong Chúa Thánh Thần nhờ cùng một đức tin, nhờ những bí tích và một quyền cai trị như nhau. Nhờ việc đoàn tụ thành những cộng đoàn khác nhau liên kết bằng phẩm trật^{5*}, họ tạo nên những Giáo Hội riêng biệt hay những lễ chế^{6*}. Các Giáo Hội này thông hiệp với nhau một cách lạ lùng đến nỗi những sắc thái khác biệt trong Giáo Hội không phương hại mà còn làm sáng tỏ thêm sự hiệp nhất. Thật ra, Giáo Hội Công Giáo muốn bảo toàn các truyền thống của từng Giáo Hội riêng biệt hay các lễ chế. Đồng thời Giáo Hội cũng muốn thích nghi nếp sống của mình với các nhu cầu khác nhau thuộc thời gian và nơi chốn².

^{3*} Hội nghị là một ủy ban thương gồm vài Giám Mục. Các vị này cộng tác với vị thủ lãnh điều khiển một Giáo Hội riêng biệt.

^{4*} Sắc lệnh chỉ đề cập đến một vài điểm của các Giáo Hội Đông Phương; những vấn đề khác được ủy thác cho Hội Nghị và Tòa Thánh.

^{5*} Hàng giáo phẩm gồm tất cả những ai có quyền thánh và điều khiển Giáo Hội.

^{6*} "Lễ Chế": ở đây hiểu theo nghĩa rộng (xem phần nhập đề). "Giáo Hội riêng biệt ở đây đồng hóa với Lễ Chế. Giáo Hội riêng biệt là Cộng Đoàn tín hữu có cùng một nghi lễ phụng vụ, một quy luật và cùng dưới một quyền cai trị. Đừng lẫn lộn "Giáo Hội riêng biệt" với Giáo Hội địa phương. Nhiều Giáo Hội địa phương có thể cùng thuộc về một Giáo Hội riêng biệt.

² Xem T. Leô IX, *Thư In terra pax*, năm 1053: "Ut enim". - Innocentiô III, *CĐ Lateranô IV*, năm 1215, ch IV: "Licet Graecos"; *Thư Inter Quattuor*, 2-8-1206: "Postulasti postmodum". - Innocentiô IV, *Thư Cum de cetero*, 27-8-1274; *thư Sub catholicae*, 6-3-1254, phần mở đầu. - Nicolaô III, *Huấn thị Istud est memoriale*, 9-10-1278. - Leô X, *Tông thư Acceptimus nuper*, 18-5-1521. - Phaolô III, *Tông thư Dudum*, 23-12-1534. - Piô IV, *Tông hiến Romanus pontifex*, 16-2-1564, ch 5. - Clementê VIII, *Tông hiến Magnus Dominus*, 23-12-1595, ch 10. - Phaolô V,

3. Các lễ chế đều có cùng một phẩm giá. Các Giáo Hội riêng biệt này, Đông cũng như Tây, tuy có phần khác nhau trong lễ chế như người ta thường nói, như phụng vụ, giáo luật và di sản tinh thần, nhưng tất cả đều được đặt dưới quyền cai quản mục vụ của Giáo Hoàng Roma, Đấng kế vị Thánh Phêrô theo ý Thiên Chúa trong quyền tối cao trên toàn thể Giáo Hội^{7*}. Do đó, xét theo phẩm giá, các Giáo Hội đều ngang hàng với nhau, đến nỗi trên bình diện lễ chế không một Giáo Hội nào trỗi vượt trên các Giáo Hội khác. Tất cả đều hưởng cùng những quyền lợi và có những bổn phận như nhau, cả đến việc có liên quan tới công cuộc rao giảng Phúc Âm cho toàn thể giới (x. Mc 16,15) dưới sự hướng dẫn của Giáo Hoàng Roma^{8*}.

4. Các lễ chế phải được học hỏi kỹ lưỡng. Vì thế, mọi nơi trên hoàn cầu đều phải lo duy trì và phát triển các Giáo Hội riêng biệt và do đó, nên thành lập những xứ đạo và hàng giáo phẩm riêng ở nơi mà lợi ích thiêng liêng của các tín hữu đòi hỏi. Còn hàng giáo phẩm của các Giáo Hội riêng biệt khác nhau, tuy có thẩm quyền^{9*} trên cùng một địa hạt, cũng phải lo cố võ sự hiệp nhất trong hành động nhờ các cuộc trao đổi ý kiến với nhau

Tông hiến Solei circumspecta, 10-12-1615, ch 3. - Benedictô XIV, Tđ Demandatam, 24-12-1743, ch 3; Tđ Allatae sunt, 26-6-1745, ch 3, 6-9, 32. - Piô VI, Tđ Catholicae communionis, 24-5-1787. - Piô IX, Thư In suprema, 6-1-1848, ch 3; Tông thư Ecclesiam Christi, 26-11-1853; Tông hiến Romani Pontificis, 6-1-1862. - Lêô XIII, Tông thư Praeclara, 20-6-1894, số 7; Tông thư Orientalium dignitas, 30-11-1894, phần mở đầu.v...

^{7*} Sự hiệp nhất tất cả các Giáo Hội riêng biệt với nhau, đông phương cũng như tây phương, được bảo đảm nhờ cùng một quyền cai trị tối cao của Đức Giáo Hoàng, vị có quyền hành trên mọi Giáo Hội riêng biệt.

^{8*} Công Đồng tuyên bố rằng: tất cả mọi Giáo Hội riêng biệt có tư cách như nhau, hưởng cùng một quyền lợi và có những bổn phận như nhau. Như thế Công Đồng bác bỏ luận đề trước kia được nhiều người ủng hộ rằng Giáo Hội theo Lễ Chế Latinh cao trọng hơn các Giáo Hội đông phương. Các Giáo Hội đông phương có quyền rao giảng Phúc Âm bất cứ nơi nào, như Giáo Hội Latinh. trước kia quyền này chỉ được hạn hẹp trong một vài nơi.

^{9*} Thẩm quyền là một khả năng thực hành quyền thiêng liêng và cai trị các tín hữu.

trong các phiên họp định kỳ, đồng thời phải góp sức hỗ trợ các công việc chung để mở mang đạo Chúa cách dễ dàng hơn và bảo vệ kỷ luật trong hàng giáo sĩ cách hữu hiệu hơn^{3.10*}. Mọi giáo sĩ và tất cả những ai tiến tới các chức thánh phải học hỏi cẩn thận về các lễ chế, nhất là về các tiêu chuẩn thực hành trong các vấn đề tương quan giữa các lễ chế^{11*}. Ngay các giáo hữu cũng phải được dạy dỗ về các lễ chế và các tiêu chuẩn ấy trong giờ giáo lý. Sau cùng, tất cả và mỗi người công giáo, cả những người chịu phép rửa trong bất cứ Giáo Hội hay cộng đoàn không công giáo nào, khi trở về^{12*} hiệp thông hoàn toàn với Giáo Hội Công Giáo, vẫn phải duy trì và tôn trọng lễ chế riêng dù ở bất cứ nơi nào và phải tùy sức tuân giữ^{4.13*}. Tuy nhiên, quyền khiếu nại lên Tòa Thánh trong những trường hợp đặc biệt, thuộc cá nhân, cộng đoàn, hoặc giáo miền vẫn được bảo đảm. Như vị trọng tài tối cao cho các tương quan giữa các Giáo Hội riêng biệt, Tòa Thánh, hoặc đích thân hoặc qua các đảng thẩm quyền khác sẽ giải quyết thỏa đáng các nhu cầu trong tình

³ Xem Piô XII, *Tự sắc Cleri sanctiati*, 2-6-1957, kh 4.

^{10*} Xem Piô XII, *Tự sắc Cleri sanctiati*, 2-6-1957, kh 4.

^{11*} Việc cộng tác giữa các Giáo Hội riêng biệt giả thiết có sự hiểu biết và quý trọng nhau. Như thế Công Đồng muốn giáo sĩ cũng như giáo dân có sự hiểu biết đó.

^{12*} Công Đồng tránh dùng tiếng "trở lại" để khỏi va chạm người Đông phương không công giáo. Dù ở đây chỉ đề cập đến cá nhân đã chịu Phép Thánh Tẩy để trở về với Giáo Hội Công Giáo, tuy nhiên Công Đồng không loại trừ ý tưởng và lòng ao ước một sự liên kết tập thể giữa người Đông Phương không công giáo và Giáo Hội Công Giáo.

⁴ N.v.t. kh 8: "Không có phép Tòa Thánh thì theo lối thực hành của những thế kỷ trước". Cũng vậy, đối với những người ngoài Kitô giáo đã được rửa tội, kh. 11 có câu "Họ có thể chọn lựa lễ chế nào mà họ thích hơn". Bản văn trên đây minh chứng một cách rõ rệt việc theo một lễ chế cho hết mọi người ở bất cứ nơi nào.

^{13*} Công Đồng muốn mỗi người công giáo đông phương duy trì Lễ Chế và ở lại trong Giáo Hội riêng biệt của mình. Cũng như khi các người đông phương không công giáo trở về với Giáo Hội Công Giáo, Công Đồng khuyên họ nên liên kết với Giáo Hội Công Giáo Đông Phương có cùng một Lễ Chế mà họ đã ở khi còn thuộc về cộng đoàn hay Giáo Hội ly khai. Quy luật này nhằm giúp cho Giáo Hội riêng biệt khỏi phải mai một.

thần hiệp nhất, bằng cách ban những quy luật, sắc lệnh hay những phúc chiếu^{14*} thích hợp.

Việc Bảo Vệ Di Sản Tinh Thần Nơi Các Giáo Hội Đông Phương

5. Công lao của các Giáo Hội Đông Phương. Lịch sử, các truyền thống, và rất nhiều thể chế trong Giáo Hội đều chứng minh rõ ràng rằng các Giáo Hội Đông Phương có công biết bao đối với toàn thể Giáo Hội⁵. Vì vậy Thánh Công Đồng không những hết lòng yêu mến và ca ngợi đúng mức gia sản tinh thần của các Giáo Hội này, mà còn xác quyết đó là sản nghiệp của toàn thể Giáo Hội Chúa Kitô. Do đó, Thánh Công Đồng long trọng tuyên bố rằng các Giáo Hội Đông Phương cũng như Tây Phương đều có quyền lợi và bổn phận tuân theo những quy luật riêng của mình^{15*} vì những quy luật này có giá trị nhờ ở đặc tính cổ kính đáng quý trọng, phù hợp với các tập tục của tín hữu hơn và xem ra có thể mưu ích cho các linh hồn cách hữu hiệu hơn.

6. Không được thay đổi cách độc đoán. Mọi giáo hữu Đông Phương nên ý thức và xác tín rằng mình có thể và phải luôn luôn tuân giữ các nghi thức phụng vụ hợp pháp và quy luật của mình, và không được thay đổi điều gì nếu không vì lý do tiến bộ riêng thuộc phạm vi tổ chức. Vậy chính các giáo hữu Đông Phương phải hết sức trung thành tuân giữ các điều ấy. Họ phải

^{14*} Phúc chiếu là một bản trả lời chính thức bằng chữ viết của Tòa Thánh cho câu hỏi của một Giám Mục, một tín hữu hay một cộng đoàn.

⁵ Xem *Leô XIII, Tông thư Orientalium dignitas*, 30-11-1894; *Tông thư Praeclara gratulationis*, 20-6-1894; và các văn kiện khác đã trích dẫn ở ghi chú 2.

^{15*} Công Đồng nhấn mạnh: Tất cả các Giáo Hội riêng biệt, Đông Phương cũng như Tây Phương, đều có quyền tự trị theo những quy luật riêng. Vậy Giáo Hội Latinh không phải là mẫu mực cho các Giáo Hội Đông Phương. Các Giáo Hội này không phải là một biệt lệ. Trái lại sự khác nhau về kỷ luật là một định luật chung.

lo học hiểu các điều đó ngày càng sâu rộng hơn và đạt đến mức độ hoàn hảo hơn trong thực hành. Nếu vì lý do thời gian hay nhân sự làm cho họ xao lãng một cách bất cần, họ phải cố gắng trở về với truyền thống của tổ tiên. Riêng những ai hoặc vì phận sự hay do nhiệm vụ tông đồ có liên lạc thường xuyên với các Giáo Hội Đông Phương hay với tín hữu thuộc các Giáo Hội này, cần phải được đào luyện chu đáo để am hiểu và tôn trọng các nghi thức, quy luật, giáo thuyết^{16*} cũng như lịch sử và tâm tính người Đông Phương tùy theo tầm quan trọng của công việc họ đảm nhận⁶. Các dòng tu và các tu hội theo lễ chế Latinh hoạt động tại các miền thuộc Giáo Hội Đông Phương hay giữa các tín hữu Đông Phương nên cố gắng thành lập các chi nhánh hay cả những tỉnh dòng theo lễ chế Đông Phương, nếu có thể, để việc tông đồ được hữu hiệu hơn⁷.

Các Thượng Phụ Đông Phương

7. Thể chế Thượng Phụ^{17*}. Thể chế Thượng Phụ^{17*} đã được thịnh hành từ lâu trong Giáo Hội và đã được các Công Đồng Chung tiên khởi nhìn nhận⁸.

^{16*} *Giáo Thuyết riêng biệt cho Giáo Hội Đông Phương ở đây chỉ các phương pháp và những cách thức hiểu biết, đào sâu và diễn tả những việc về Chúa như ở Đông Phương thường dùng ngay từ thời thượng cổ.*

⁶ Xem *Benedictô XV, Tựa sắc Orientalis Catholici, 15-10-1917. - Piô XI, Tờ Rerum Orientalium, 8-9-1928, v.v...*

⁷ *Lối thực hành của Giáo Hội thời các Đức Giáo Hoàng Piô XI, Gioan XXIII minh chứng cách phong phú phong trào này.*

^{17*} *Ít ra từ thế kỷ thứ 4, các Giáo Hội riêng biệt chính yếu có một vị thượng phụ đứng đầu. Vị này có quyền trên tất cả các giáo phận và các Giám Mục liên hệ của Giáo Hội riêng biệt đó; ví dụ như Alexandria, Antiokia, Jerusalem, sau đó Constantinopla, là những tòa thượng phụ. Giám Mục Roma là Thượng Phụ Tây Phương. Hiện nay có 6 Thượng Phụ Công Giáo Đông Phương.*

⁸ *Xem CD Nicea I, đ th 6. CD(Constantinopla I, đ th 2 và 3. CD(Calcedonia, đ th 28 và 9. CD Constantinopla IV, đ th 17 và 21. - CD Lateranô IV, đ th 5 và 30. CD Florence, Sắc lệnh Pro Graecis, v.v...*

Thực ra, danh hiệu Thượng Phụ Đông Phương dùng để chỉ vị Giám Mục có thẩm quyền trên tất cả các Giám Mục kể các các vị Tổng Giáo Chủ^{18*}, trên hàng giáo sĩ và giáo dân trong địa hạt hay thuộc lễ chế mình chiếu theo luật định, nhưng vẫn tôn trọng quyền tối cao của Giáo Hoàng Roma⁹.

Vị Giáo Chủ^{19*} thuộc một lễ chế nào đó được chỉ định làm giáo chủ cho bất cứ nơi nào ngoài địa hạt thượng phụ, thì vẫn lệ thuộc vào quyền của Thượng Phụ giáo chủ lễ chế ấy theo luật định.

8. Các Thượng Phụ trong Giáo Hội Đông Phương, dù tiến chức trước hay sau, tất cả đều bình đẳng trên cương vị Thượng Phụ Giáo Chủ, nhưng giữa các ngài vẫn có ngôi thứ danh dự, được minh định cách hợp pháp¹⁰.

9. Danh dự đặc biệt của các Thượng Phụ Đông Phương.

Theo truyền thống rất cổ kính của Giáo Hội, các Thượng Phụ Đông Phương phải được hưởng một danh dự đặc biệt vì các ngài cai quản địa hạt mình như những người cha và thủ lãnh.

Vì thế Thánh Công Đồng quyết định phục hồi các quyền lợi và đặc ân^{20*} của các ngài chiếu theo truyền thống cổ kính của từng Giáo Hội và sắc lệnh của các Công Đồng Chung¹¹.

^{18*} Tổng Giáo Chủ là một Tổng Giám Mục có quyền trên vài Giám Mục quản trị giáo phận trong một Giáo Hội riêng biệt.

⁹ Xem CD Nicea I, đ th 6. - CD Constantinopla I, đ th 3. - CD- Constantinopla IV, đ th 17. - Piô XII, Tự sắc Cleri sanctiati, kh 216, 2, 11.

^{19*} Giáo chủ có quyền trên một khu giáo phận ví dụ trên một giáo phận.

¹⁰ Trong các Công Đồng Chung Nicea I, đ th 6. - Constantinopla I, đ th 3. - Constantinopla IV, đ th 21. - Lateranô IV, đ th 5. - Firenze, Sắc lệnh Pro graecis, 6-7-1439, 9. - Xem Piô XII, Tự sắc Cleri sanctiati, 2-6-1957, đ th 219, v.v...

^{20*} Các Giáo Hội Đông Phương tự do lựa chọn Thượng Phụ và Giám Mục của mình, tự do thiết lập những giáo phận mới. Họ tự tổ chức lấy phụng vụ, luật pháp và qui luật liên hệ đến hàng giáo sĩ và tín hữu của họ.

¹¹ Xem ghi chú 8.

Thực ra, chính các quyền lợi và đặc ân này đã có từ thời Đông Phương và Tây Phương còn hiệp nhất^{21*}, mặc dầu ngày nay còn phải thích nghi ít nhiều với hoàn cảnh.

Các Thượng Phụ hợp với Hội Đồng riêng lập thành tòa thượng thẩm để minh xét mọi vấn đề trong địa hạt, kể cả quyền thiết lập các địa sở mới^{22*} và bổ nhiệm các Giám Mục cùng một lễ chế trong địa hạt thượng phụ, dĩ nhiên vẫn bảo toàn quyền đặc hữu của Giáo Hoàng Roma: can thiệp vào từng trường hợp^{23*}.

10. Thiết lập những tòa thượng phụ mới. Theo luật định, tất cả những khoản nói về các Thượng Phụ cũng có giá trị đối với các Tổng Giám Mục Niên Trưởng^{24*} là những vị đứng đầu một Giáo Hội riêng biệt hay một lễ chế nào đó¹².

Vì thể chế Thượng Phụ là hình thức cai trị cổ truyền nơi các Giáo Hội Đông Phương, nên Thánh Công Đồng Chung hết sức mong ước thiết lập thêm những tòa Thượng Phụ Giáo Chủ, khi cần. Việc thiết lập này được dành cho Công Đồng Chung hay Giáo Hoàng Roma¹³.

^{21*} Sự liên kết ấy kéo dài cho đến thế kỷ 11.

^{22*} Địa sở là danh từ chỉ giáo phận ở Đông Phương.

^{23*} Các Thượng Phụ Đông Phương không thể thiết lập giáo phận mới hay bổ nhiệm Giám Mục ngoài lãnh thổ mình, ví dụ ở Pháp hay Bắc Mỹ v.v... Quyền này dành riêng cho Đức Giáo Hoàng.

^{24*} Tổng Giám Mục Niên Trưởng chính ở đây là vị lãnh đạo của một Giáo Hội riêng biệt không phải một Giáo Hội thuộc một thượng phụ hay một giáo khu.

¹² Xem CD Ephesô, đ th 8. - Clementê VII, Decret Romanum Pontificem, 23-2-1956. - Piô VII, Tông thư In Universalis Ecclesiae, 22-2-1807. - Piô XII, Tựa sắc Cleri sanctiati, 2-6-1957, đ th 324-339. - CD Carthagô năm 419, đ th 17.

¹³ CD Carthagô, năm 419, đ th 17 và 57. - CD Cacedonia, năm 451, đ th 12. - T. Innocentiô I, Thư Et onus et honor, quãng năm 415: "Nam quid sciscitaris". - T. Nicolaô I, thư Ad consulta vestra, 13-11-866: "A quo autem". - Innocentiô III, thư Rex regum, 25-2-1204. - Lêô XII, Tông hiến Petrus Apostolorum Princeps, 15-8-1824. - Lêô XII, Tông thư Christi Domini, năm 1895. - Piô XII, Tựa sắc Cleri sanctiati, 2-6-1957, kh 159.

Quy Luật Về Các Bí Tích

12. Tái lập qui luật cũ về các Bí Tích. Thánh Công Đồng chấp nhận và phê chuẩn quy luật cổ kính về các bí tích thịnh hành nơi các Giáo Hội Đông Phương, cả cách thức cử hành và ban các bí tích ấy nữa. Thánh Công Đồng cũng mong ước phục hồi cách thức này khi cần.

13. Ban Bí Tích Thêm Sức. Quy luật về thừa tác viên "Thêm Sức" đã thịnh hành từ ngàn xưa nơi các giáo hữu Đông Phương sẽ được phục hồi hoàn toàn^{25*}. Do đó, các linh mục có thể ban bí tích này, miễn là dùng Dầu Thánh do Thượng Phụ hay Giám Mục làm phép¹⁴.

14. Tất cả các linh mục Đông Phương có thể ban bí tích này thành sự cùng một trật với phép Rửa Tội,^{26*} hoặc riêng rẽ, cho mọi tín hữu thuộc bất cứ lễ chế nào, kể cả lễ chế Latinh, và để cho hợp pháp, phải giữ mọi điều theo luật định, chung cũng

^{25*} Ở Đông Phương, bí tích Thêm Sức thường do một linh mục ban. Mọi linh mục Đông Phương đều có quyền ban bí tích này. Tại một vài nơi, quyền này bị hủy bỏ. Công Đồng hồi quyền này cho tất cả. Theo tiết mục tiếp sau, bất cứ linh mục đông phương nào có quyền ban bí tích Thêm Sức cho tín hữu công giáo, dù tín hữu này thuộc một Lễ Chế khác, như Lễ Chế Latinh chẳng hạn.

¹⁴ Xem Innocentiô IV, thư Sub Catholicae, 6-3-1254, 3 số 4. - CD Lyon II, năm 1274 (Cuộc tuyên xưng đức tin của Michael Palaeologô do Đức Gregoriô X ghi nhận). - Eugeniô IV, trong CD Firenze, Hiến chế Exultate Deo, 22-11-1439, 11. - Celmentê VIII, huấn dụ Sanctissimus, 31-8-1595. - Benedictô XIV, hiến chế Esti Pastoralis, 26-5-1742, 11, số I, III, số 1. - v.v. - CD Laodic, năm 347-381, đ th 48. - CD Sisen. Armenorum, năm 1312. - CD Linanen. Maronitarum, năm 1736, phần II, ch III, số 2 và những CD riêng khác.

^{26*} Trong các Giáo Hội Đông Phương, bí tích Thêm Sức thường được cử hành sau khi ban phép Thánh Tẩy.

như riêng¹⁵. Các linh mục theo lễ chế Latinh^{27*} có quyền ban bí tích này, cũng có thể ban cho tín hữu thuộc các Giáo Hội Đông Phương miễn là không phương hại đến lễ chế. Dĩ nhiên để cho hợp pháp, phải tuân giữ các điều luật, chung cũng như riêng¹⁶.

15. Luật giữ ngày Chúa nhật và các lễ trọng. Vào Chúa nhật và các ngày Lễ Trọng, các giáo hữu buộc phải tham dự vào Phụng Vụ Thánh^{28*} hay các giờ ca tụng Thiên Chúa theo tập tục và thói quen của từng lễ chế¹⁷. Để giáo dân có thể chu toàn bổn phận này cách dễ dàng, giờ thuận tiện cho việc giữ luật đó được ấn định là từ chiều hôm trước cho đến hết Chúa nhật hay ngày lễ trọng¹⁸. Thánh Công Đồng Chung tha thiết khuyến nhủ

¹⁵ Xem Huấn thị của Bộ Thánh Vụ (gởi Giám Mục Scepusen) năm 1783. - Thánh bộ Truyền giáo (trước là Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin) (pro Coptis), 15-3-1790 số XIII; Sắc lệnh ngày 6-10-1863, C, a. - Thánh Bộ Giáo Vụ Đông Phương, 1-5-1948. - Bộ Thánh Vụ, phúc thư ngày 22-4-1896 và thư ngày 19-5-1896.

^{27*} Ở đây chỉ các linh mục theo Lễ Chế Latinh có quyền ban bí tích Thêm Sức trong giáo phận của mình hay đã lãnh nhận đặc quyền này vì lợi ích cho các tín hữu Đông Phương.

¹⁶ Giáo luật kh 782, 4. - Thánh Bộ Giáo Vụ Đông Phương, sắc lệnh *De sacramento Confirmationis administrando etiam fidelibus orientalibus a prebyteris latini ritus, qui hos indulto gaudent pro fidelibus ritus sui*, 1-5-1948.

^{28*} Phụng Vụ Thánh là việc cử hành Thánh Thể. Những giờ ca tụng Thiên Chúa chỉ kính nhật tụng hát trong Cung Thánh, hoặc liên hệ đến lễ Misa hoặc không. Khi các giờ ca tụng Thiên Chúa hát trong nhà thờ, các tín hữu cũng được mời tham dự.

¹⁷ Xem CĐ Laodiceô năm 347-381, đ th 29. - T. Nicephorô CP ch 14. - CĐ Duinen. Armenorum năm 719, đ th 31. - T. Theodorô Studita, bài giảng 21. - T. Nicolaô I, Thư Ad consulta vestra, 13-11-866: "In quorum Apostolorum"; "Nosse cupitis"; "Quod interrogatis"; "Praeterea consulitis"; "Si die dominico"; và các CĐ riêng.

¹⁸ Đây là một điểm mới có, ít là từ ngày có luật buộc phải tham dự vào phụng vụ thánh. Hơn nữa, ngày đó tương ứng với ngày phụng vụ nơi các giáo hữu Đông Phương.

các tín hữu nên rước lễ trong những ngày đó, cũng như khuyen năng rước lễ hơn, và cả việc rước lễ hằng ngày¹⁹.

16. Quyền tài phán trên các lễ chế khác nhau. Trong cuộc sống trà trộn hằng ngày của tín hữu thuộc các Giáo Hội Đông Phương khác nhau trong cùng một miền hay địa hạt đông phương, các linh mục thuộc bất cứ lễ chế nào, một khi được Đấng Bản Quyền mình ban quyền giải tội theo luật và không hạn hẹp, đều có thể giải tội cho mọi tín hữu trong toàn địa hạt ngài, cả các tín hữu và những nơi thuộc các lễ chế khác nằm trong địa hạt này, miễn là Đấng Bản Quyền địa phương của các lễ chế khác không ngăn cấm rõ ràng ở nơi đó²⁰.

17. Bí Tích Truyền Chức. Để phục hồi quy luật cổ kính về Bí Tích Truyền Chức trong các Giáo Hội Đông Phương, Thánh Công Đồng mong muốn tái lập chức phó tế vĩnh viễn^{29*} nơi mà thể chế này đã bị mai một²¹. Còn đối với chức Phụ Phó Tế và các Chức Nhỏ cũng như những quyền lợi và bổn phận liên hệ, sẽ do quyền lập pháp của từng Giáo Hội riêng biệt tùy nghi định đoạt²².

¹⁹ Xem *Canones Apostolorum* 8 và 9. - *CD Antiokia năm 341, đ th 2.* - *Timotheô Alexandria, Interrogat. 3.* - *Innocentiô III, Hiến chế Quia divinae, 4-1-1215;* và nhiều *CD riêng Đông Phương* mới đây.

²⁰ Vì lợi ích cho các linh hồn, khoản luật nhằm dự liệu những tình trạng bị lệ thuộc vào nhiều thẩm quyền (của những người cùng cư ngụ) trên cùng một lãnh địa. tuy nhiên, tính cách "địa hạt" của thẩm quyền vẫn được bảo toàn.

^{29*} Phó Tế vĩnh viễn là một giáo sĩ được thụ phong để sống bậc phó tế suốt đời mà không nhận chức linh mục. Tại Đông Phương việc chính yếu của phó tế là cử hành các nghi lễ phụng vụ. Ở Tây Phương, phó tế còn hoạt động mục vụ nhất là từ Công Đồng Vaticanô II.

²¹ Xem *CD Niceô I, đ th 18.* - *CD Neocesareô năm 314-325, đ th 12.* - *CD Sardaigne năm 343, đ th 8.* - *T. Lêô Cả, Thư Omnium quidem, 13-1-444.* - *CD Calcedonia, đ th 6.* - *CD Constantinopla IV, đ th 23, 26; v.v...*

²² Nhiều Giáo Hội Đông Phương xem chức Phó Tế như một chức nhỏ, nhưng trong Tự sắc Cleri sanctitati, Đức Piô XII đã ban bố những bó buộc thuộc các chức lớn cho chức này. Khoản luật trên đề nghị nên trở về với luật cổ truyền Đông Phương

18. Hình thức Giáo luật của việc cử hành hôn phối khác lễ chế. Để tránh những hôn nhân bất thành sự khi người Công Giáo Đông Phương kết hôn với người không Công Giáo Đông Phương đã được rửa tội, và để duy trì tính cách bền vững, thánh thiện của hôn nhân cũng như hòa thuận trong gia đình, Thánh Công Đồng phán quyết rằng, để cho hợp pháp, buộc cử hành lễ nghi cho những đôi hôn phối này theo hình thức giáo luật^{30*}. Còn để thành sự, chỉ cần sự hiện diện của thừa tác viên có chức thánh là đủ, dĩ nhiên phải tuân giữ các điểm khác theo luật định²³.

Việc Phụng Thờ Thiên Chúa

19. Các ngày lễ. Từ nay về sau, duy có Công Đồng Chung hay Tòa Thánh mới có quyền thiết lập, thay đổi hay bãi bỏ các ngày lễ chung cho các Giáo Hội Đông Phương. Còn các ngày lễ riêng của các Giáo Hội địa phương, thì ngoài Tòa Thánh ra, Hội Đồng Thượng Phụ hay Tổng Giáo Chủ cũng có quyền trên, tuy nhiên, nên lưu tâm hoàn cảnh của toàn miền và của các Giáo Hội riêng biệt khác²⁴.

riêng với chức Phó Tế. Đây là một khoản "phá thông lệ" trong tự sắc "Cleri sanctiati".

^{30*} Hình thức giáo luật đòi buộc hôn lễ phải được cử hành trước mặt Cha Xứ có thẩm quyền, thường là cha xứ của người vợ. Chi tiết này không còn cần thiết cho việc thành sự bí tích hôn phối của người Đông Phương.

²³ Xem Piô XII, Tự sắc *Crebrae allatae*, 22-2-1949, kh 32, 2, số 5: (quyền chuẩn chức về mô thức của các Thượng Phụ); - Piô XII, Tự sắc *Cleri sanctitari*, 2-6-1957, kh 267 (quyền của Thượng Phụ để chữa lành tận căn khuyết điểm mô thức). - Bộ Thánh Vụ và Thánh Bộ Giáo Phụ Đông Phương năm 1957 đã chấp thuận quyền chuẩn chức về mô thức và thi hành việc chữa hẳn khuyết điểm mô thức (cứ 5 năm): "Ngoài tòa Thượng Phụ Giáo Chủ ra, các Tổng Giáo Chủ và các Bản quyền địa phương khác... không phải phục vụ quyền bề trên nào dưới Tòa Thánh".

²⁴ Xem T. Lê Cả, Thư *Quod saepissime*, 15-4-454: "Petitionem autem". - T. Nicephorô CP, ch 13. - CD Thượng Phụ Sergiô, 18-9-1596, đ th 17. - Piô VI, Tông thư *Assueto paterne*, 8-4-1775. v.v...

20. Cử hành lễ Phục Sinh. Trong khi chờ đợi mọi Kitô hữu thỏa thuận mừng lễ Phục Sinh vào cùng một ngày^{31*}, Thánh Công Đồng đã ủy thác cho các Thượng Phụ hay các Đấng Bản Quyền Tối Cao địa phương việc ấn định một Chúa nhật để mừng lễ này, sau khi tham khảo ý kiến các người liên hệ và được họ chấp thuận hầu thể hiện sự hiệp nhất giữa các Kitô hữu sống trong một miền hay một lãnh thổ²⁵.

21. Thời gian thánh. Về luật thời gian thánh, các tín hữu sống ngoài địa hạt hay miền thuộc lễ chế riêng có thể hoàn toàn thích nghi theo qui luật đang thịnh hành nơi họ sống. Riêng những gia đình theo nhiều lễ chế khác nhau cũng được phép giữ luật này theo một lễ chế mà thôi^{26.32*}

22. Kinh nhật tụng. Các giáo sĩ và tu sĩ Đông Phương cứ theo tập tục và truyền thống riêng của qui luật mình mà cử hành các giờ Kinh Nhật Tụng, đã được rất mực tôn kính trong các Giáo Hội Đông Phương từ ngàn xưa²⁷. Chính các giáo hữu cũng nên

^{31*} Các Giáo Hội Đông Phương khác nhau không luôn luôn theo cùng một niên lịch. Có khi trong cùng một thành phố, các Giáo Hội theo Lễ Chế khác nhau, cử hành lễ Phục Sinh không cùng một ngày. Công Đồng mong muốn các Giáo Hội đó nên đồng ý với nhau để cử hành lễ Phục Sinh cùng một ngày.

²⁵ Xem CĐ Vaticanô II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh, ngày 4-12-1963.

²⁶ Xem Clementê VIII, Huấn dụ Sanctissimus, 31-8-1595, 6: "Si ipsi graeci". - Bộ Thánh Vụ, 7-6-1673, ad 1 và 3; 13-3-1727, ad 1. - Thánh Bộ Truyền Giáo, Sắc lệnh 18-8-1913, mục 33; Sắc lệnh 14-8-1914, mục 27; Sắc lệnh 27-3-1916, mục 14. - Thánh Bộ Giáo Vụ Đông Phương, Sắc lệnh 1-3-1929, mục 36; Sắc lệnh 4-5-1930, mục 41.

^{32*} Nếu trong một gia đình, vợ và chồng thuộc hai Giáo Hội khác nhau, cả gia đình có thể theo quy luật (ngày lễ, chay tịnh, kiêng thịt...) của cùng một Giáo Hội riêng biệt cũng được.

²⁷ Xem CĐ Laodiceô, 347-381, đ th 18. - CĐ Mar Issaci Chaldaeorum, năm 410, đ th 15. - CĐ Nerses Glaien, Armenorum, năm 1166. - Innocentiô IV, thư Sub Catholicae, 6-3-1254, 8. - Benedictô XIV, Tông hiến Etsi Pastoralis, 26-5-1742, 7, số 5. - Huấn thị Eo quamvis tempore, 4-5-1745, 42 và tiếp theo. - Các CĐ riêng mới đây: CĐ Armenô (1911), CĐ Coptô (1898), CĐ Maronitô (1736), CĐ Rumeno (1872), CĐ Rutenô (1891), CĐ Syro (1888).

noi gương cha ông tham dự các giờ Kinh Nhật Tụng với lòng sốt sắng và tỳ khả năng.

23. Ngôn ngữ trong phụng vụ. Quyền ấn định việc dùng ngôn ngữ trong phụng vụ thánh được dành cho các Thượng Phụ và Hội Đồng của ngài, hay Đấng Bản Quyền tối cao của mỗi Giáo Hội và Hội Đồng Giáo Chủ. Các vị này cũng có quyền phê chuẩn các bản dịch sang tiếng bản xứ sau khi phúc trình lên Tòa Thánh²⁸.

Liên Lạc Với Anh Em Thuộc Các Giáo Hội Ly Khai^{33*}

24. Cổ võ sự hiệp nhất giữa các anh em Đông Phương ly khai. Các Giáo Hội Đông Phương hiệp thông với Tòa Thánh Rôma có trọng trách đặc biệt phải xúc tiến việc hiệp nhất các Kitô hữu, nhất là các Kitô hữu Đông Phương, dựa theo các nguyên tắc được Thánh Công Đồng này bàn tới trong sắc lệnh "Về Hiệp Nhất", nhất là họ phải cầu nguyện và làm gương sáng trong đời sống, trung thành với những truyền thống tôn giáo Đông Phương^{34*} thời xưa, tìm hiểu lẫn nhau sâu xa hơn, cộng tác và quý trọng con người^{35*} cùng sự vật^{36*} trong tình huynh đệ²⁹.

²⁸ Theo truyền thống đông phương.

^{33*} Mục đích của chương cuối cùng này là đưa ra vài huấn lệnh cho người Công Giáo Đông Phương để giúp cho Giáo Hội ly khai và Giáo Hội Công Giáo xích lại gần nhau hơn.

^{34*} Người Công Giáo Đông Phương phải chứng tỏ cho anh em ly khai thấy rằng sự hiệp nhất với Giáo Hội Công Giáo có thể thực hiện mà không làm mất những cá tính đặc biệt của mỗi Giáo Hội riêng biệt.

^{35*} Tiếng Latinh (*animoum*) chỉ thái độ hay tâm trạng của các tín hữu thuộc một Giáo Hội riêng biệt.

^{36*} Tiếng này bao hàm những đồ vật thánh, nhất là những ảnh thánh.

²⁹ Theo nội dung của Tông hiến về sự hiệp nhất của các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương.

25. Các anh em ly khai Đông Phương, khi trở về hiệp nhất với Công Giáo nhờ tác động của ơn Chúa Thánh Thần, sẽ không bị đòi phải làm gì hơn là tuyên xưng Đức Tin công giáo^{37*} một cách đơn giản. Hơn nữa, vì chức vụ linh mục đã thành sự nơi họ vẫn được bảo tồn, nên các giáo sĩ Đông Phương, khi trở về hiệp nhất với Công Giáo, vẫn còn quyền thi hành chức vụ riêng theo những qui luật do Đấng có thẩm quyền thiết lập^{30.38*}

26. Nguyên tắc về "việc thông dự vào sự thánh". Luật Chúa cấm thông dự vào sự thánh^{39*} có phương hại đến vấn đề hiệp nhất của Giáo Hội, hoặc đưa đến sai lầm thật sự hay nguy cơ lạc hướng về đức tin, sinh ra gương mù gương xấu và tạo nên thái độ lãnh đạm³¹. Việc thực hành mục vụ chứng tỏ rằng: đối với những vấn đề iên quan đến anh em Đông Phương, người ta có thể và phải xét tới hoàn cảnh cá biệt của từng người, trong đó có những hoàn cảnh không phương hại đến sự hiệp nhất của Giáo Hội cũng không có những hiểm nguy phải tránh, nhưng chỉ thấy sự cần thiết của ơn cứu rỗi và lợi ích thiêng liêng của các linh hồn thúc bách. Chính vì thế mà Giáo Hội Công Giáo, vì mọi hoàn cảnh thời gian, nơi chốn và nhân sự thường đã và đang còn theo một phương thức hành động mềm dẻo hơn, đang khi đem lại những phương thế cứu rỗi và biểu dương tình bác

^{37*} Xưa kia Giáo Hội đòi buộc phải tuyên thệ bỏ ly giáo và vạ tuyệt thông được tháo gỡ bằng một lời xá giải đúng nghi thức. Cả hai việc này được Công Đồng hủy bỏ.

³⁰ Bó buộc của Công Đồng đối với anh em ly khai Đông Phương và đối với tất cả các thứ, bậc trong phẩm trật thuộc về luật Chúa và luật Giáo Hội.

^{38*} Vì thế, một linh mục đông phương ly khai sau khi trở về với Giáo Hội Công Giáo có thể thi hành nhiệm vụ linh mục trong Giáo Hội Công Giáo. Cũng thế thầy phó tế sẽ có thể thi hành nhiệm vụ phó tế vì họ đã được thụ phong thành sự trong Giáo Hội ly khai.

^{39*} Tiếng chuyên môn này chỉ sự tham dự của một người Công Giáo vào một nghi thức tôn giáo hay những phận vụ tôn giáo của một Giáo Hội không công giáo; ví dụ người Công Giáo tham dự vào Thánh Lễ do Giáo Hội ly khai cử hành, hay tham dự vào giờ ca tụng Thiên Chúa trong một Giáo Hội ly khai Đông Phương.

³¹ Giáo lý này cũng có giá trị trong các Giáo Hội ly khai.

ai nơi các Kitô hữu cho hết mọi người qua việc tham dự vào các bí tích cũng như các cuộc cử hành phụng tự khác và dùng các đồ vật thánh^{40*}. Sau khi đã cân nhắc những điều đó, Thánh Công Đồng đã thiết định nguyên lý hành động sau đây "để chúng tôi khỏi trở thành chướng ngại vật, vì quan niệm quá nghiêm khắc, cho những ai lãnh nhận ơn cứu rỗi"³² và để xúc tiến ngày một hữu hiệu sự hiệp nhất với các Giáo Hội Đông Phương ly khai với chúng ta.

27. Áp dụng mục vụ về việc "thông dự vào sự thánh". Chiếu theo các nguyên tắc vừa được nhắc trên đây, có thể ban các bí tích Cáo Giải, Thánh Thể và Xức Dầu Bệnh Nhân cho những tín hữu Đông Phương vì ý ngay lành^{41*} đã ly khai với Giáo Hội Công Giáo, nếu tự ý họ xin và đã chuẩn bị tâm hồn một cách thích đáng. Hơn nữa người Công Giáo cũng được quyền xin chịu những bí tích này nơi các thừa tác viên ngoài công giáo thuộc các Giáo Hội có những bí tích ấy thành sự, mỗi khi cần thiết hay ích lợi thiêng liêng đòi hỏi, trong trường hợp ngăn trở thể lý cũng như luân lý,^{42*} không thể tìm tới linh mục công giáo được³³.

^{40*} Danh từ dùng ở đây có nghĩa rất tổng quát, bao hàm tất cả những gì có liên quan tới việc phụng tự tôn giáo.

³² Thánh Basiliô Cả, *Epist. canonica ad Amphiloichium*, PG 32, 669 B.

^{41*} Người tín hữu Đông Phương ly khai xin nhận các bí tích vì ý ngay lành khi thành tâm tưởng rằng mình đang thuộc về Chúa Kitô và có thể được cứu rỗi trong Giáo Hội của mình.

^{42*} Có sự ngăn trở thể lý, khi nào trong miền phụ cận không có Linh Mục Công Giáo. Có ngăn trở luân lý khi Linh Mục Công Giáo ở xa hay đau yếu. Những trường hợp như thế thường xảy ra hoặc ở Đông Phương hoặc đối với những tín hữu sống trong tình trạng di cư. Công Đồng quan tâm đến phần rỗi của từng Kitô hữu. Bởi thế, dù chỉ vì lợi ích thiêng liêng, cũng đã đủ lý do để xin một linh mục thuộc Giáo Hội ly khai ban bí tích.

³³ Những yếu tố sau đây được coi là nền tảng của sự uyển chuyển trên:

- 1) Tính cách thành sự của các Bí Tích.
- 2) Ý ngay lành và thái độ tâm hồn (chuẩn bị).
- 3) Sự cần thiết của ơn cứu rỗi đời đời.

28. Ngoài ra, cũng theo các nguyên tắc này, khi có lý do chính đáng người Công Giáo và anh em ly khai Đông Phương có thể cùng nhau thông dự vào những cuộc cử hành phụng tự, dùng chung những đồ vật thánh và nơ thánh^{34.43*}

29. Việc ấn định cách thức thông dự vào sự thánh với anh em thuộc Giáo Hội ly khai Đông Phương sẽ uyển chuyển tùy theo sự khôn ngoan của các vị Giáo Chủ Bản Quyền địa phương, để sau khi hội ý với nhau, và nếu cần, sau khi đã tham khảo ý kiến của các vị Giáo Chủ của những Giáo Hội ly khai, các vị Giáo Chủ Bản Quyền địa phương ấy có thể điều hòa việc liên lạc giữa các Kitô hữu bằng những nguyên tắc và tiêu chuẩn thuận lợi và hữu hiệu hơn^{44*}.

Kết Luận

30. Thánh Công Đồng rất hoan hỉ về sự cộng tác tích cực và hữu hiệu giữa các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương và Tây Phương, đồng thời tuyên bố rằng: mọi chủ trương có tính cách pháp định này được nêu ra vì những hoàn cảnh hiện tại, cho tới

4) Không có linh mục riêng của lễ chế mình.

5) Không có nguy hại đáng trách và rõ ràng kéo theo sự làm lạc.

³⁴ Đây chỉ nói về việc hiệp thông sự thánh ngoài bí tích. Thánh Công Đồng chấp nhận sự uyển chuyển trên, dĩ nhiên vẫn phải giữ những gì buộc giữ.

^{43*} Một lý do chính đáng không những là sự cần thiết mà còn là một lợi ích thật sự. Dĩ nhiên phải giả thiết trường hợp không thể thỏa mãn các nhu cầu đó trong Giáo Hội Công Giáo.

^{44*} Trong việc "hiệp thông sự thánh" luôn luôn có một sự liều lĩnh nào đó: chính vì thế Công Đồng nhấn mạnh giới hữu quyền trong Giáo Hội phải lưu tâm hầu tránh những lạm dụng và nguy hiểm thật sự. Khi Công Đồng đề cập đến sự thông cảm giữa các Giám Mục Công Giáo và ly khai, Công Đồng giả thiết không những có sự chung sống ôn hòa giữa đôi bên, mà còn ám chỉ một sự xích lại gần nhau của hai Giáo Hội.

ngày Giáo Hội Công Giáo và Giáo Hội ly khai Đông Phương đạt tới tình trạng hiệp thông hoàn toàn^{45*}.

Trong khi chờ đợi, thành khẩn xin các Kitô hữu, Đông Phương cũng như Tây Phương, dâng lên Thiên Chúa những lời nguyện sốt sắng, kiên trì và hàng ngày, ngõ hầu nhờ sự trợ giúp của Mẹ Cực Thánh Thiên Chúa, mọi người được hiệp nhất^{46*}. Cũng xin mọi người cầu nguyện cùng Chúa Thánh Thần, Đấng An Ủi, tuôn tràn ơn trợ lực và an ủi cho bao nhiêu Kitô hữu của bất cứ Giáo Hội nào đang phải đau khổ và chịu bách hại mà vẫn can đảm tuyên xưng danh Chúa Kitô^{47*}.

Mọi người chúng ta hãy yêu thương nhau trong tình bác ái huynh đệ và hãy tôn trọng lẫn nhau³⁵.

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 21 tháng 11 năm 1964.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

^{45*} Trong trường hợp các Giáo Hội ly khai hiệp nhất với Giáo Hội Công Giáo một số quy luật của Sắc Lệnh này sẽ không còn lý do tồn tại; nhiều quy luật khác cần phải sửa đổi hay thích nghi với hoàn cảnh mới.

^{46*} Lời mời gọi của Công Đồng gửi đến tất cả mọi tín hữu. Như vậy cũng gửi đến các tín hữu thuộc các Giáo Hội ly khai. Do đó Công Đồng lại biểu lộ lòng ao ước hiệp nhất giữa các Giáo Hội trong sự viên mãn của Giáo Hội Công Giáo.

^{47*} Công Đồng ám chỉ đến các cuộc đàn áp đang đè nặng trên các tín hữu Đông Phương ở một vài nơi, hoặc do các chế độ độc tài, hoặc đôi khi do người Hồi Giáo.

³⁵ Xem Rm 12,10.

MIỄN THI HÀNH LUẬT

Đối với Sắc Lệnh về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương, Đức Giáo Hoàng đã quyết định miễn thi hành luật trong hai tháng, tuy nhiên các Thượng Phụ Giáo Chủ, nếu có lý do chính đáng, vẫn có năng quyền giảm hạn hoặc triển hạn sự miễn thi hành luật này.

PERICLES FELICI

Tổng Giám Mục hiệu tòa Samosate

Tổng Thư Ký Thánh Công Đồng

Khóa V Ngày 21 tháng 11 Năm 1964

**Sắc Lệnh
Về Hiệp Nhất
Unitatis Redintegratio**

Lời Giới Thiệu

Sắc Lệnh này ghi dấu một thời điểm quan trọng trong lịch sử Kitô giáo. Khi Đức Gioan XXIII loan báo triệu tập một công đồng chung, ngài đã nhắm đến nguyên nhân của việc hiệp nhất. Để đạt mục tiêu đó, ngài thiết lập Văn Phòng Hiệp Nhất các Kitô hữu (ngày 5 tháng 6 năm 1960). Người ta có thể nhận ra rằng chiều theo ý định của Đức Giáo Hoàng, nhiều lược đồ tiền công đồng đã đề cập thẳng đến vấn đề hiệp nhất các Kitô hữu. Lược đồ về Giáo Hội có chương XI nói về hiệp nhất. Ủy ban

về các Giáo Hội Đông Phương khởi thảo một lược đồ nhằm việc nối kết các Giáo Hội Đông Phương ly khai với Giáo Hội Công Giáo. Văn Phòng Hiệp Nhất các Kitô hữu cũng đã soạn sẵn một lược đồ nghiên về mục vụ. Trong kỳ họp I, Công Đồng quyết định chỉ soạn thảo một sắc lệnh về Hiệp Nhất dưới sự giám sát của Văn Phòng Hiệp Nhất. Chính lúc ấy, chương XI chỉ đề cập đến các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương.

Lược đồ nhất thống về Hiệp Nhất đã được đệ trình trong kỳ họp II của Công Đồng. Lược đồ gồm 5 chương:

I. Các nguyên tắc Công Giáo về Hiệp Nhất.

II. Cách tham dự phong trào Hiệp Nhất.

III. Các Kitô hữu ly khai với Giáo Hội Công Giáo.

IV. Những tương giao giữa người Công Giáo với người ngoài Kitô giáo, đặc biệt với người Do Thái.

V. Tự do tôn giáo.

Lúc ấy hai chương cuối cùng do hai tiểu ban của Văn Phòng Hiệp Nhất đảm trách. Nhưng chẳng bao lâu các Nghị Phụ đã đi đến kết luận là phải bàn luận hai vấn đề này trong những văn kiện riêng biệt. Như thế, lược đồ mới chỉ gồm ba chương đầu cộng thêm lời mở. Sự phân chia này đã được duy trì trong bản văn cuối cùng.

Lược đồ này được tranh luận từ 5 đến 7-10-1964. Theo thỉnh nguyện của các Nghị Phụ, nhiều đề nghị tu chính đã được thêm vào lược đồ bản văn hiệu chính. Đáng lẽ lược đồ được biểu quyết ngày 20-11-1964. Nhưng trước ngày ấy, vị Tổng Thư Ký của Công Đồng, Đức Cha P. Felici, loan báo rằng có 19 điểm đổi thay đã được hoàn thành vào giờ chót theo yêu cầu của một thẩm quyền cao cấp. Vì thế vấn đề biểu quyết lược đồ được hoãn lại. Quả thực, Đức Giáo Hoàng đã đề nghị một loạt các tu chính án; trong số đó, hội đồng thu hẹp của Văn Phòng Hiệp Nhất đã giữ lại 19 điểm. Do đó, các Nghị Phụ đã biểu quyết sắc

lệnh ngày 21-11-1964 với 2,137 phiếu thuận, 11 phiếu chống. Cũng chính hôm ấy, Đức Phaolô VI đã phê chuẩn và công bố sắc lệnh này.

Sắc Lệnh mang tựa đề "Về Hiệp Nhất". Hiệp Nhất là gì? Chúa Giêsu Kitô đã chỉ sáng lập một Giáo Hội và Người đã muốn tất cả các môn đệ kết hiệp với nhau trong Giáo Hội duy nhất ấy. Trước ngày tử nạn, Người đã khẩn thiết nguyện cầu cho việc hiệp nhất này: "Xin cho tất cả nên một" (Gio 17,21). Nhưng qua bao thế kỷ, đã xảy ra nhiều cuộc phân rẽ đau thương. Một số lớn các Giáo Hội Đông Phương đã tách lìa khỏi Roma. Vào thế kỷ XVI, nhiều miền đã biến thành Tin Lành. Ở thế kỷ hiện tại của chúng ta, người ta mới ý thức hơn về những phân rẽ này. Nhiều người đã suy tưởng lại lời nguyện của Chúa Giêsu cũng như nghĩ đến việc cứu vãn mối bất hòa ly tán giữa các Kitô hữu. Vậy người ta đã gọi "Hiệp Nhất" là tất cả mọi nỗ lực trong những giáo phái Kitô giáo khác nhau, nhằm mục đích kết hiệp cộng đoàn Kitô hữu đang bị phân rẽ. Danh từ Hiệp Nhất phát sinh từ tiếng Hy Lạp "Oikoumene"; thời xưa, chữ này biểu thị một Giáo Hội phổ quát lan rộng khắp hoàn cầu. Như thế, Hiệp Nhất có nghĩa là ước muốn và nỗ lực đạt đến việc liên kết mọi Kitô hữu nên một trong Giáo Hội phổ quát của Chúa Kitô. Công cuộc hiệp nhất này đặt nền tảng trên khát vọng sâu xa của tất cả Kitô hữu thiện chí nhằm thể hiện sự hiệp nhất toàn vẹn mà Chúa Giêsu Kitô đã mong muốn. Phong trào hướng về hiệp nhất đã khởi sinh trước tiên giữa lòng các giáo phái Tin Lành. Phong trào này đã mặc một hình thức rất cụ thể khi "Hội Đồng hiệp nhất các Giáo Hội" được thành lập năm 1948 tại Amsterdam. Người Công Giáo đã tham dự vào phong trào bằng tuần Bát Nhật cầu nguyện cho hiệp nhất các Kitô hữu (từ ngày 18 đến 25 tháng giêng mỗi năm). Ngoài sự tham gia đó, người ta đã không thể nói đến một phong trào hiệp nhất trong Giáo Hội Công Giáo, mặc dù các Đức Giáo Hoàng đã nhiều lần mời gọi những cộng đoàn ngoài Kitô giáo hãy đến với Giáo Hội phổ

quát. Chắc hẳn có nhiều người Công Giáo, với tư cách cá nhân, đã hoạt động cho việc hiệp nhất các Kitô hữu, như cha Paul Couturier (+1953) và cha Lambert Beaudoin dòng Benedictô (+1960). Dầu vậy, phong trào hiệp nhất nơi những người Công Giáo trước tiên đã nhờ vào hoạt động của Văn Phòng Hiệp Nhất các Kitô hữu rất nhiều. Hơn nữa, công cuộc chuẩn bị Sắc Lệnh về Hiệp Nhất và chính sự tán dương của Công Đồng Vaticanô II đã góp phần dồi dào vào việc đào luyện tâm thức hiệp nhất cho toàn thể các Giám Mục Công Giáo. Sắc Lệnh được Công Đồng phê chuẩn, sự kiện này là một biểu hiện sáng chói của tâm thức ấy.

Từ đó, chúng ta có thể thẩm định tầm quan trọng của Sắc Lệnh về Hiệp Nhất. Quả thực, theo ngôn từ của Đức Hồng Y Bea, Sắc Lệnh đã biểu lộ lập trường chính thức của quyền tối cao trong Giáo Hội Công Giáo trước vấn đề hiệp nhất các Kitô hữu nói chung và trước phong trào hiệp nhất nói riêng. Sắc Lệnh không chỉ trình bày một giáo thuyết, nó còn là một hành động: qua Sắc Lệnh đó, Công Đồng đã ủy thác cho Giáo Hội Công Giáo nhiệm vụ hiệp nhất. Sắc Lệnh đã tạo nên một bầu khí Kitô giáo đầy tình huynh đệ giữa những phần tử của Giáo Hội Công Giáo và các anh em ngoài Công Giáo. Nó còn là khởi điểm cho nỗ lực hiệp nhất của Giáo Hội Công Giáo sau Công Đồng.

Sắc Lệnh nhấn mạnh một số điểm quan trọng đối với phong trào hiệp nhất. Tất cả những ai đã được rửa tội đều kết hiệp với Chúa Kitô và thật sự là anh em với nhau trong Người. Qua phép Rửa Tội, họ cũng hiệp thông với Giáo Hội Công Giáo một cách nào đó, cho dù mỗi thông hiệp này chưa toàn hảo. Những Kitô hữu ngoài Công Giáo cũng thừa hưởng các sản nghiệp phong phú đích thực về chân lý và ân sủng. Chúa Thánh Thần sử dụng các cộng đồng Kitô giáo khác nhau như những khí cụ ân sủng. Cho nên, những hành vi thánh mà họ thực hiện có thể làm nảy sinh và tăng triển đời sống ân sủng của họ. Vậy nên Sắc Lệnh công nhận rằng: tín đồ của những cộng đồng ly khai này có khả

năng đạt được ơn cứu rỗi. Tuy nhiên, Sắc Lệnh không che dấu những gì tách biệt chúng ta khỏi các anh em Kitô hữu không Công Giáo. Họ không thừa hưởng sự hiệp nhất trọn vẹn mà Chúa Giêsu Kitô đã muốn ban phát cho tất cả những ai Người đã sinh thành và bồi dưỡng trong chính một thân thể. Vì thế, họ không hưởng thụ hết tất cả những kho tàng thiêng liêng Chúa Kitô đã ký thác trong Giáo Hội Người. Sau hết, Sắc Lệnh vạch ra một chương trình hành động hiệp nhất bao la. Kế hoạch này mở nhiều viễn ảnh rộng lớn và công hiến một sự chọn lựa đề mục thật phong phú để đối thoại với những anh em ly khai của chúng ta. Một nhận xét về cách dụng ngữ của Sắc Lệnh có thể thật hữu ích. Thông thường, danh từ "Hiệp Thông" chỉ định những cộng đồng Kitô ngoài Công Giáo, không phân biệt Đông Phương ly khai, Anh Giáo hay Tin Lành và không thẩm định giá trị tín lý của những cộng đoàn khác nhau này. Danh từ "Giáo Hội" thỉnh thoảng được áp dụng cho những cộng đoàn đông phương ly khai, những cộng đoàn quả thực có cơ cấu của một Giáo Hội. Lúc đề cập đến anh em Tin Lành, Sắc Lệnh nói đến những Giáo Hội và những "cộng đoàn" giáo hội. Những kiểu danh xưng ấy lúc đó hiểu theo một nghĩa rộng. Bởi lẽ, theo nghĩa hẹp, danh từ Giáo Hội dường như đòi buộc một cơ cấu bí tích và phẩm trật; cơ cấu này, nói cho đúng, không thấy có nơi những anh em Tin Lành. Hơn nữa, có vài nhóm Tin Lành từ khước danh hiệu "Giáo Hội" ấy. Vì thế "Cộng Đoàn Giáo Hội" muốn diễn tả những cộng đoàn tín hữu có vẻ tương tự với một Giáo Hội: đó là một từ ngữ khá mơ hồ.

Phaolô Giám Mục

Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa

Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng

Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Sắc Lệnh Về Hiệp Nhất

Lời Mở Đầu

1. Cổ động việc tái lập sự hiệp nhất^{1*} giữa toàn thể các Kitô hữu là một trong những mục tiêu chính của Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II. Quả thực, Chúa Kitô đã thiết lập một Giáo Hội và chỉ một Giáo Hội duy nhất, nhưng nhiều cộng đồng Kitô giáo tự xưng với mọi người mình là di sản đích thực của Chúa Kitô; thật vậy, tất cả đều xưng mình là môn đệ của Chúa nhưng lại cảm nghĩ và đi theo những đường lối khác nhau như thể chính Chúa Kitô bị phân rẽ vậy¹. Quả thực, sự phân rẽ này hiển nhiên vừa trái ngược với ý muốn của Chúa Kitô vừa là gương xấu^{2*} cho thế giới và phương hại cho công cuộc rất thánh thiện là rao giảng Phúc Âm cho mọi tạo vật.

Tuy vậy, Chúa các thế hệ, Đáng tiếp tục chương trình thi ân cách khôn ngoan và nhẫn nại đối với chúng ta là những kẻ tội lỗi, trong những ngày gần đây đã bắt đầu đổ dòi dào tinh thần thống hối và ước vọng hiệp nhất trên các Kitô hữu còn đang chia rẽ với nhau. Rất nhiều người ở khắp nơi được khích lệ bởi ơn này và nhờ ơn Chúa Thánh Thần tác động, một phong trào tái lập sự hiệp nhất mọi Kitô hữu cũng được phát khởi mỗi ngày một rộng rãi hơn nơi những anh em phân ly với chúng ta. Tham dự phong trào tìm về hiệp nhất này, cũng được mệnh danh là phong trào hiệp nhất, là những người cầu khẩn Chúa Ba Ngôi

^{1*} Cũng như tựa đề của Sắc Lệnh "Về Hiệp Nhất", những tiếng "tái lập hiệp nhất" chỉ định mục đích của sắc lệnh. Lời mở đầu khai triển vẫn tất mục đích này nhằm vào việc hiệp nhất tất cả Kitô hữu.

¹ Xem 1 Cor 1,13.

^{2*} Sự phân ly giữa các Kitô hữu là một gương xấu, vì lời cầu hiệp nhất của Chúa Kitô mà mọi người đều tuyên xưng đã bị chà đạp và vì Kitô giáo rao giảng bác ái trong khi các Kitô hữu lại chia rẽ nhau. Sự phân rẽ này đã làm đình trệ công cuộc Phúc Âm hóa: bởi lẽ Phúc Âm do các cộng đồng Kitô hữu dị biệt loan báo ngay giữa mỗi bất đồng và cả đến mâu thuẫn với nhau.

và tuyên xưng Chúa Giêsu là Chúa và là Đấng Cứu Thế^{3*}, không những từng cá nhân riêng rẽ, mà còn tụ họp lại nơi những cộng đoàn trong đó họ đã được nghe Phúc Âm, và mỗi người gọi các cộng đoàn ấy là Giáo Hội của họ và của Thiên Chúa. Tuy nhiên hầu như^{4*} tất cả, dầu mỗi người mỗi cách, đều ngưỡng vọng một Giáo Hội duy nhất và hữu hình của Thiên Chúa, một Giáo Hội thực sự phổ quát và được sai đến với toàn thể thế giới, để thế giới trở về với Phúc Âm và nhờ vậy, được cứu rỗi hầu làm vinh danh Thiên Chúa.

Vì vậy, một khi hoan hỷ cứu xét tất cả những điều ấy, và sau khi công bố học thuyết về Giáo Hội^{5*}, Thánh Công Đồng này cũng thiết tha mong mỗi tái lập hiệp nhất giữa tất cả các môn đệ Chúa Kitô, nên muốn cung ứng cho mọi người Công Giáo sự trợ lực, đường lối và phương sách để họ có thể đáp ứng lời mời gọi và ân sủng của Thiên Chúa^{6*}.

^{3*} Câu này ám chỉ về việc tuyên xưng đức tin mà Hội Đồng Hiệp Nhất các Giáo Hội năm 1961 tại Tân Đê Li đã chấp nhận.

^{4*} Tiếng này đã được thêm vào theo lời yêu cầu của Đức Giáo Hoàng, bởi vì có vài anh em Tin Lành chối bỏ việc Chúa Kitô đã thiết lập một Giáo Hội hữu hình.

^{5*} Học thuyết này đã được tuyên bố trong Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, công bố cùng ngày với Sắc Lệnh Hiệp Nhất.

^{6*} Dù không nói rõ, sắc lệnh này hủy bỏ và thay thế một số huấn giời ban hành trước kia do giáo luật hoặc do những sắc lệnh ngày 5 tháng 6 năm 1948 và 20 tháng 12 năm 1949 về mối tương quan với những người ngoài công giáo.

Chương I

Các Nguyên Tắc Công Giáo Về Hiệp Nhất^{7*}

2. Giáo Hội hiệp nhất và duy nhất. Tình yêu Thiên Chúa đối với chúng ta đã hiển hiện trong việc Con Một Thiên Chúa đã được Chúa Cha sai đến thế gian, để một khi hóa thân làm người, Người tái sinh toàn thể nhân loại bằng cách cứu chuộc họ và đoàn tụ họ nên một². Trước khi tự hiến làm lễ vật tinh tuyền trên thánh giá, Người đã cầu cùng Chúa Cha cho các tín hữu rằng: "Xin cho hết thảy được hiệp nhất như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha vậy, để chính họ cũng được nên một trong Ta và cho thế gian tin rằng Cha đã sai Con" (Gio 17,21). Người đã thiết lập trong Giáo Hội của Người nhiệm tích Thánh Thể kỳ diệu, vừa là dấu chỉ vừa thể hiện sự hiệp nhất của Giáo Hội. Người ban cho các môn đệ Người một giới răn mới là tình yêu thương nhau³, và hứa ban Thánh Thần an ủi⁴, Đấng vừa là Chúa vừa ban sự sống để ở với họ mãi mãi.

Sau khi đã chịu treo trên thập giá và được vinh hiển, Chúa Giêsu ban Thánh Thần Người đã hứa. Nhờ Thánh Thần ấy,

^{7*} *Tựa đề của chương này lúc trước là "Các nguyên tắc về hiệp nhất công giáo". Qua đó, dường như người ta muốn nói rằng có nhiều "kiểu" hiệp nhất (Tin Lành, Công Giáo, v.v...). Thực ra chỉ có một sự hiệp nhất mà mỗi cộng đồng Kitô hữu tham gia vào theo những nguyên tắc riêng của mình. Bởi vậy người ta thay đổi tựa đề lại gọi là: "Các nguyên tắc công giáo về hiệp nhất". Đoạn đầu của chương này (số 2) là một lời nhắc lại vắn tắt học thuyết Công Giáo về tính cách duy nhất và hiệp nhất của Giáo Hội do Chúa Kitô sáng lập. Phải tôn trọng những chân lý này trong cuộc đối thoại với anh em ly khai.*

² Xem Gio 4,9; Col 1,18-20; Gio 11,52.

³ Xem Gio 13,34.

⁴ Xem Gio 16,7.

Người đã kêu gọi và đoàn tụ dân của Giao Ước Mới, tức là Giáo Hội trong cùng một đức tin, đức cậy và đức mến như Thánh Tông Đồ dạy: "Chỉ có một thân thể và một Thánh Thần cũng như anh em được kêu gọi bằng một hy vọng của ơn kêu gọi anh em: một Chúa, một Đức Tin, một phép Rửa" (Eph 4,4-5). "Thực vậy, những ai được rửa tội trong Chúa Kitô, đều mặc lấy Chúa Kitô... Vậy, tất cả đều là một trong Chúa Giêsu Kitô" (Gal 3,27-28), Bản Hy Lạp). Chúa Thánh Thần ngự trong lòng các tín hữu, đổ đầy ơn và cai trị Giáo Hội, Ngài thực hiện sự thông hiệp kỳ diệu ấy nơi các tín hữu, và liên kết tất cả trong Chúa Kitô cách mật thiết đến nỗi Ngài chính là Nguyên Lý Hiệp Nhất Giáo Hội. Ngài phân phát các ân sủng và phận vụ⁵ để nhờ có nhiều chức vụ khác nhau mà Giáo Hội Chúa Kitô nên phong phú "hầu cho các thánh được hoàn thiện trong việc thi hành chức vụ và trong việc xây dựng thân thể Chúa Kitô" (Eph 4,12).

Nhưng để thiết lập Giáo Hội thánh thiện của Người khắp nơi trên mặt đất cho tới tận thế, Chúa Kitô đã ủy thác⁶ cho cộng đoàn mười hai Tông Đồ nhiệm vụ giáo huấn, cai trị và thánh hóa. Trong số ấy Chúa đã chọn Phêrô và đã công bố xây dựng Giáo Hội trên Phêrô sau khi ông tuyên xưng đức tin. Người hứa trao⁷ chìa khóa nước trời cho Phêrô và sau khi ông đã tuyên xưng tình yêu đối với Người, Người trao phó⁸ toàn thể đoàn chiên cho ông để ông củng cố trong đức tin và chặn dất⁹ trong sự hiệp nhất hoàn toàn, trong khi ấy, Chúa Giêsu Kitô đời đời vẫn là đá góc¹⁰ và chủ chăn linh hồn chúng ta¹¹.

⁵ Xem 1Cor 12,4-11.

⁶ Xem Mt 28,18-20, so sánh với Gio 20,21-23.

⁷ Xem Mt 16,19, so sánh với Mt 18,18.

⁸ Xem Lc 22,32.

⁹ Xem Gio 21,15-17.

¹⁰ Xem Eph 2,20.

¹¹ Xem 1P 2,25; CĐ Vat. I, Hiến chế Pastor Aeternus; Coll, Lac, 7,482a.

Nhờ các Tông Đồ và những người kế vị các ngài, là các Giám Mục cùng với thủ lãnh là đáng kể vị Thánh Phêrô, trung thành rao giảng Phúc Âm và ban phát các bí tích, lại nhờ sự điều khiển yêu thương dưới tác động của Thánh Thần, Chúa Kitô muốn dân Người lớn lên và hoàn thành sự thông hiệp trong hiệp nhất, nghĩa là: cùng tuyên xưng một đức tin, cùng cử hành một nghi lễ phụng tự, cùng hòa hợp trong tình huynh đệ của gia đình Thiên Chúa.

Như thế, Giáo Hội là đoàn chiên duy nhất của Thiên Chúa, như dấu chỉ nêu cao cho muôn dân¹², khi đem Phúc Âm hòa bình phục vụ toàn thể nhân loại¹³. Giáo Hội hành trình trong hy vọng tiến về cùng đích¹⁴ là quê trời.

Đó là mẫu nhiệm thánh của sự hiệp nhất Giáo Hội trong Chúa Kitô và nhờ Chúa Kitô, dưới tác động của Thánh Thần trong nhiều phận vụ khác nhau. Mẫu mực tối cao và nguyên lý của mẫu nhiệm này là sự hiệp nhất trong Ba Ngôi của một Thiên Chúa duy nhất là Cha và Con trong Thánh Thần.

3. Tương quan giữa anh em ly khai và Giáo Hội Công Giáo.

Ngay từ buổi sơ khai, trong Giáo Hội độc nhất và duy nhất của Thiên Chúa đã xuất hiện¹⁵ ít nhiều rạn nứt mà Thánh Tông Đồ đã nặng lời quả trách như là đáng kết án¹⁶. Nhưng trong các thời đại kế tiếp, phát sinh nhiều phân rẽ trầm trọng hơn và nhiều cộng đoàn đáng kể đã hoàn toàn ly khai khỏi sự hiệp thông với Giáo Hội Công Giáo, mà đôi khi cũng tại lỗi những người ở cả hai bên. Vậy ngày nay, những người sinh trưởng trong các Cộng Đoàn ấy và thậm chí niềm đức tin nơi Chúa Kitô không thể bị kết tội chia rẽ và Giáo Hội Công Giáo kính trọng, yêu thương

¹² Xem *Is 11,10-12*.

¹³ Xem *Eph 2,17-18*, so sánh với *Mc 16,15*.

¹⁴ Xem *1P 1,3-9*.

¹⁵ Xem *1Cor 11,18-19; Gal 1,6-9; 1Gio 2,18-19*.

¹⁶ Xem *1Cor 1,11tt; 11,22*.

họ như anh em. Thật vậy những người tin ở Chúa Kitô và đã được rửa tội đúng phép vẫn còn hiệp thông với Giáo Hội Công Giáo một cách nào đó^{8*} cho dầu không được hoàn hảo. Hiên nhiên là các dị biệt dưới nhiều hình thức giữa họ và Giáo Hội Công Giáo về vấn đề giáo lý, đôi khi về kỷ luật hay cơ cấu Giáo Hội, gây cho việc hiệp thông đầy đủ với Giáo Hội khá nhiều trở ngại và có khi lại là những trở ngại lớn lao mà phong trào hiệp nhất đang cố gắng vượt qua. Tuy nhiên một khi đã được công chính hóa nhờ đức tin khi chịu phép rửa tội, họ đã được tháp nhập¹⁷ vào Chúa Kitô và vì thế có quyền mang danh Kitô hữu^{9*} và xứng đáng được con cái của Giáo Hội Công Giáo nhìn nhận là anh em trong Chúa¹⁸.

Hơn nữa, trong các yếu tố hoặc tài sản xây dựng và làm sống động Giáo Hội, một số khá nhiều và tuyệt hảo có thể không nằm trong bình diện hữu hình của Giáo Hội Công Giáo như: Lời Chúa ghi chép trong Thánh Kinh, đời sống trong ơn thánh, đức tin, cậy, mến và các ơn nội tâm do Thánh Thần ban, cùng những yếu tố hữu hình: tất cả đã phát sinh từ Chúa Kitô và dẫn đưa về chính Người, thì đương nhiên cũng thuộc về quyền Giáo Hội duy nhất của Người^{10*}.

Các anh em ly khai với chúng ta cũng cử hành nhiều lễ nghi phụng vụ của Kitô giáo. Những lễ nghi ấy, chắc chắn có thể thực sự phát sinh đời sống ơn thánh và phải được công nhận là

^{8*} *Sắc Lệnh này tránh gọi: những Kitô hữu không công giáo là phần tử của Giáo Hội, họ liên kết một cách nào đó với Giáo Hội Công Giáo nhất là nhờ phép Rửa Tội, nhưng họ không được hưởng dụng trọn vẹn sự sung mãn của Giáo Hội.*

¹⁷ *Xem CĐ Firenze, khóa VIII (1439), Sắc Lệnh Exultate Deo: Mansi 31, 1055A.*

^{9*} *Tất cả những ai kết hiệp với Chúa Kitô qua phép Rửa Tội thành sự đều được gọi là Kitô hữu.*

¹⁸ *Xem T. Augustinô, In Ps. 32, Enarr, II 29: PL 36, 299.*

^{10*} *Tất cả những tài sản thiêng liêng mà những người không công giáo thừa hưởng đã được Chúa Kitô trao gởi cho Giáo Hội Người là Giáo Hội Công Giáo.*

đường đưa đến sự thông hiệp vào ơn cứu rỗi, tuy cách thức có khác nhau tùy hoàn cảnh của mỗi Giáo Hội hay Cộng Đoàn.

Do đó, dù chúng ta tin là họ còn khiêm khuyết, nhưng chính các Giáo Hội¹⁹ và các Cộng Đoàn tách riêng^{11*} ấy vẫn chưa trở thành vô nghĩa và vô giá trị trong mầu nhiệm cứu rỗi. Thật vậy, Thánh Thần của Chúa Kitô không khước từ sử dụng họ như những phương tiện cứu rỗi mà năng lực phát xuất từ chính sự sung mãn của ơn thánh và chân lý đã được ủy thác cho Giáo Hội Công Giáo^{12*}.

Nhưng các anh em tách riêng khỏi chúng ta, cá nhân cũng như Cộng Đoàn và các Giáo Hội của họ, không được hưởng sự hiệp nhất đã được Chúa Giêsu Kitô rộng ban cho những kẻ Người đã tái sinh và cho sống chung trong một thân thể duy nhất và trong đời sống mới, sự hiệp nhất mà Thánh Kinh và Truyền Thống đáng kính của Giáo Hội đều tuyên xưng. Chỉ nhờ Giáo Hội Công Giáo của Chúa Kitô là "phương thế cứu rỗi chung"^{13*} ta mới có thể đạt được đầy đủ các phương tiện cứu rỗi. Thật ra chúng tôi tin Chúa đã ủy thác cho Cộng Đoàn Tông Đồ được Phêrô lãnh đạo tất cả sản nghiệp Tân Ước để tạo thành một thân thể duy nhất của Chúa Kitô ở trần gian. Tất cả những ai đã thuộc về dân Chúa một cách nào đó đều phải tháp nhập vào

¹⁹ Xem *CĐ Lateranô IV (1215)*, *Hiến chế IV: Mansi 22, 990*. - *CĐ Lyon II (1274)*, *tuyên xưng đức tin của Michael Palaeologô: Mansi 24, 71 E*. - *CĐ Firenze, khóa VI (1439)*, *Định tín Laerentur coeli: Mansi 31, 1026 E*.

^{11*} *Sắc lệnh này dùng tiếng latinh "seiuinctae" nghĩa là "tách riêng", tiếng này có vẻ nhẹ hơn là "ly khai"*.

^{12*} *Đức Giáo Hoàng đã thêm tiếng "Công Giáo"; quả thực Giáo Hội Công Giáo là chính Giáo Hội đã được Chúa Kitô sáng lập.*

^{13*} *Câu này trích từ một bức thư Tòa Thánh gửi Đức Hồng Y Cushing ở Boston (ngày 8 tháng 8 năm 1949) nói rằng Giáo Hội Công Giáo là một phương tiện cứu rỗi cần thiết; đồng thời tài liệu ấy cũng cho biết mối liên lạc nào với Giáo Hội Công Giáo đủ để được cứu rỗi. Dẫn chứng câu này, Công Đồng chuẩn nhận học thuyết ấy làm học thuyết của mình.*

thân thể ấy. Trên đường lữ thứ trần gian, mặc dù các chi thể^{14*} còn có thể phạm tội, dân Chúa vẫn lớn lên trong Chúa Kitô và được Thiên Chúa dìu dắt hướng dẫn theo chương trình nhiệm mầu của Người cho đến khi họ sung sướng đạt tới vinh quang trường cửu và sung mãn trong thành Giêrusalem trên trời.

4. Phong trào hiệp nhất. Vì ngày nay ở nhiều nơi trên thế giới, nhờ ơn Chúa Thánh Thần thúc đẩy, rất nhiều cố gắng nhằm tiến tới hiệp nhất đầy đủ theo ý muốn của Chúa Giêsu Kitô đang được thực hiện bằng kinh nguyện, lời nói, việc làm, nên Thánh Công Đồng này khuyến khích tất cả mọi người công giáo hãy nhận ra các dấu chỉ thời đại để khéo léo tham gia vào công cuộc hiệp nhất^{15*}.

Phải hiểu danh từ "phong trào hiệp nhất" là những hoạt động và sáng kiến được phát động và tổ chức nhằm cổ võ sự hiệp nhất các Kitô hữu, tùy theo những nhu cầu khác nhau của Giáo Hội và những thời cơ thuận tiện. Trước hết như là mọi cố gắng loại bỏ những lời nói, phán đoán và việc làm không đúng với hoàn cảnh của các anh em ly khai xét theo công bình và chân lý, vì nếu không sẽ gây thêm khó khăn trong việc giao tiếp với họ. Thứ đến là trong các buổi hội thảo với tinh thần tôn giáo giữa các Kitô hữu thuộc nhiều Giáo Hội hay Cộng Đoàn khác nhau, có sự "đối thoại" giữa các nhà chuyên môn thấu triệt vấn đề, và mỗi người sẽ giải thích cặn kẽ giáo lý của Cộng Đoàn mình và trình bày minh bạch những nét độc đáo của giáo lý ấy. Có đối thoại như thế mọi người mới hiểu biết đúng hơn và tôn trọng đúng mức giáo lý cũng như đời sống của mỗi Cộng Đoàn; cũng nhờ đó mà các Cộng Đoàn dần dần hợp tác được với nhau rộng rãi hơn trong mọi công cuộc mưu ích chung mà lương tâm

^{14*} Theo lời yêu cầu của Đức Giáo Hoàng, tiếng các "chi thể" đã được thêm vào để nhấn mạnh rằng Giáo Hội "tự bản tính" không thể nhiễm tội (Eph 5,27), song chính các chi thể của Giáo Hội mới chịu trách nhiệm về tội lỗi của họ.

^{15*} Sắc lệnh mời gọi tất cả những người công giáo góp phần tích cực và khôn ngoan vào công cuộc hiệp nhất.

Kitô hữu nào cũng đòi hỏi; lại cũng nhờ đó, họ hợp nhau cầu nguyện chung mỗi khi có cơ hội thuận tiện. Sau cùng mọi người hãy kiểm điểm coi mình có trung thành với ý muốn của Chúa Kitô về Giáo Hội không, để rồi hăng hái tiên hành việc canh tân và cải tổ đúng như bổn phận đòi hỏi.

Khi các tín hữu của Giáo Hội Công Giáo khôn ngoan và kiên nhẫn thực hiện tất cả các điều ấy^{16*} dưới sự giám sát của các chủ chăn tức là họ đã đóng góp cho việc thực hiện công bình và chân lý, sự hòa thuận và hợp tác, tình huynh đệ và đoàn kết. Với đường hướng này, khi đã vượt được mọi trở ngại ngăn cản sự hiệp thông hoàn toàn của Giáo Hội, dần dần mọi Kitô hữu sẽ đoàn tụ qua việc cử hành Phép Thánh Thể duy nhất, hiệp nhất trong một Giáo Hội độc nhất; sự hiệp nhất mà Chúa Kitô từ ban đầu đã rộng ban cho Giáo Hội của Người. Chúng tôi tin rằng sự hiệp nhất ấy tồn tại mãi trong Giáo Hội Công Giáo và hy vọng rằng mỗi ngày sẽ bành trướng thêm cho đến tận thế.

Dĩ nhiên, công cuộc chuẩn bị và hòa giải của những cá nhân riêng rẽ^{17*}, những người ao ước hiệp thông trọn vẹn với Giáo Hội Công Giáo, tự bản tính khác với phong trào hiệp nhất; tuy nhiên, chúng không đối lập nhau vì cả hai đều do sự an bài kỳ diệu của Thiên Chúa.

Trong khi hoạt động cổ võ sự hiệp nhất, chắc chắn các tín hữu công giáo phải tỏ ra ân cần đối với các anh em ly khai, cầu nguyện cho họ, thông đạt cho họ các việc của Giáo Hội, khởi xướng bước đầu đi đến với họ. Trước hết cần thành thực và chú ý cân nhắc những gì phải canh tân và thực hiện trong chính Gia Đình Công Giáo để đời sống của Giáo Hội làm chứng cách

^{16*} Đoạn này đề nghị vài phương thế có thể hỗ trợ cho nguyên nhân hiệp nhất: tránh tất cả những gì có thể đụng chạm tới các anh em ly khai, đối thoại, cầu nguyện, canh tân đời sống thiêng liêng và cải cách những gì cần thiết.

^{17*} Trước tiên là vấn đề những người đi đến Giáo Hội với tư cách cá nhân. Người ta tránh dùng chữ "trở lại". Những đoạn tiếp, theo sự mô tả các phương thế khác nhau, biểu lộ một tâm thức hiệp nhất đích thực.

trung thành và rõ rệt hơn về giáo lý và những định chế do Chúa Kitô truyền lại qua các Thánh Tông Đồ.

Dù Giáo Hội Công Giáo được thừa hưởng toàn thể chân lý do Chúa mạc khải và tất cả những phương tiện ban ân sủng, nhưng các phần tử của Giáo Hội lại chưa nhiệt thành sống các mẫu nhiệm ấy cho đủ nên khuôn mặt của Giáo Hội ít chiếu giải rực rỡ trước mặt các anh em ly khai và toàn thể giới, và nước Chúa cũng chậm bành trướng. Vì thế, tất cả mọi người Công Giáo phải hướng đến sự hoàn thiện Kitô giáo²⁰, mỗi người phải tùy theo hoàn cảnh của mình cố gắng làm cho Giáo Hội, tuy đang mang trên mình sự khiêm tốn và hy sinh của Chúa Kitô²¹, mỗi ngày một thêm trong sạch và mới mẻ cho tới khi Chúa Kitô cho trình diện trước mặt mình Giáo Hội vinh quang không một vết ố, nét nhăn²².

Khi bảo toàn sự hiệp nhất trong những điều thiết yếu, hết mọi người trong Giáo Hội, tùy theo chức vụ được giao phó, cần giữ sự tự do phải có trong những hình thức khác nhau về đời sống thiêng liêng và kỷ luật trong các lễ nghi phụng tự và ngay cả trong việc khảo cứu thần học^{18*} về các chân lý mạc khải: nhưng trong mọi việc, hãy thực hành đức bác ái. hành động như thế, chính họ sẽ biểu hiện càng ngày càng đầy đủ hơn tính cách công giáo và tông truyền chính danh của Giáo Hội.

Đàng khác, người công giáo cần phải vui mừng nhìn nhận và tôn trọng những giá trị thật sự Kitô giáo, xuất phát từ cùng một gia sản chung được tìm thấy nơi các anh em ly khai. Nhìn nhận những kho tàng phong phú của Chúa Kitô và những hoạt động của quyền lực Người trong đời sống của những kẻ đang làm

²⁰ Xem Giac 1,4; Rm 12,1-2.

²¹ Xem 2 Cor 4,10; Ph 2,5-8.

²² Xem Eph 5,27.

^{18*} Đề cập đến các phương pháp và cách thức tìm hiểu, đào sâu và diễn tả những chân lý mạc khải mà ý nghĩa vẫn luôn đồng nhất đối với mọi người.

chứng về Người - và có khi phải đổ máu mới nói lên được - quả là chính đáng và có giá trị cứu rỗi: vì Thiên Chúa luôn đáng khâm phục và việc Ngài làm bao giờ cũng kỳ diệu.

Cũng đừng quên rằng những gì do ơn Chúa Thánh Thần thực hiện nơi các anh em ly khai cũng có thể góp phần xây dựng chúng ta. Bất cứ những gì thực sự Kitô giáo đều không bao giờ đối lập với những chân giá trị của đức tin, trái lại còn luôn luôn có thể giúp chúng ta đi sâu hơn vào chính mầu nhiệm của Chúa Kitô và Giáo Hội.

Tuy nhiên, sự chia rẽ giữa các Kitô hữu ngăn trở Giáo Hội thực hiện đầy đủ tính cách công giáo riêng biệt của mình nơi những con cái tuy đã thuộc về Giáo Hội nhờ phép Rửa, nhưng còn xa cách chưa hoàn toàn thông hiệp với Giáo Hội. Hơn nữa, chính Giáo Hội cũng diễn tả khó khăn hơn tính cách công giáo đầy đủ của mình dưới mọi khía cạnh trong đời sống thực tế.

Thánh Công Đồng sung sướng nhận thấy sự tham gia hoạt động cổ võ việc hiệp nhất của các tín hữu công giáo đang ngày càng phát triển và giao phó công việc ấy cho các Giám Mục ở khắp nơi trên toàn thế giới để các ngài khéo léo cổ võ và khôn ngoan hướng dẫn công cuộc này.

Chương II

Cách Tham Dự Phong Trào Hiệp Nhất

5. Mọi người phải lưu tâm đến sự hiệp nhất. Mọi bận tâm tái lập hiệp nhất liên hệ đến toàn thể Giáo Hội, tín hữu cũng như chủ chăn, mỗi người đều phải lưu tâm tùy theo sức riêng của mình, hoặc trong đời sống Kitô hữu thường nhật, hoặc trong các công trình khảo cứu thần học và sử học^{19*}. Nỗi bận tâm này chứng tỏ một phần nào sự liên kết huynh đệ vốn tiềm tàng giữa các Kitô hữu và dẫn đưa tới sự hiệp nhất đầy đủ và toàn hảo theo lòng nhân hậu của Thiên Chúa.

6. Canh tân Giáo Hội. Vì mọi việc canh tân Giáo Hội¹ cốt yếu nhằm sống trung thành với ơn gọi của Giáo Hội hơn, nên chắc chắn đó là lý do giải thích tại sao có phong trào hiệp nhất. Trên đường lối hành, Giáo Hội được Chúa Kitô mời gọi canh tân luôn mãi, một sự canh tân mà Giáo Hội vì là một định chế nhân trần, bao giờ cũng cần đến. Do đó, nếu vì hoàn cảnh mà tuân giữ ít chu đáo một vài điểm hoặc về luân lý hoặc về kỷ luật Giáo Hội hoặc cả trong cách trình bày giáo lý - cách trình bày này phải được thận trọng phân biệt với chính kho tàng đức tin - thì phải lo cải tổ cho đúng mức khi thuận tiện^{20*}.

Vì thế, sự canh tân này có giá trị rất lớn đối với công cuộc hiệp nhất. Giáo Hội thực hiện cuộc canh tân ấy bằng nhiều hình thức

^{19*} Những cuộc nghiên cứu sử học và thần học có thể giảm thiểu các thiên kiến và chứng tỏ rằng đã xảy ra nhiều hiểu lầm, như vậy mỗi liên kết sẽ thêm dễ dàng hơn.

¹ Xem Lateranô V, khóa XII (1517), Hiến chế *Constitutum*: Mansi 32, 988 B.C.

^{20*} Cách diễn đạt một chân lý mạc khải có thể thật rõ ràng trong môi trường lịch sử của nó, song lại rất khó hiểu trong một hoàn cảnh lịch sử khác. Trong trường hợp này nên tìm một công thức khác, nhưng không thay đổi ý nghĩa đã được mạc khải.

khác nhau của đời sống Giáo Hội như phong trào Thánh Kinh và phụng vụ, việc rao giảng lời Chúa và giáo lý, hoạt động tông đồ giáo dân, những hình thức mới trong đời tu trì, nền đạo đức hôn nhân, học thuyết và hoạt động xã hội của Giáo Hội; phải coi những hình thức ấy như là đảm bảo và là điềm báo những tiền bộ tương lai của phong trào hiệp nhất.

7. Hoán cải tâm hồn. Không thể có phong trào hiệp nhất chính danh mà không có sự hoán cải nội tâm. Thật vậy, những ước vọng hiệp nhất bắt nguồn và chín mùi nhờ sự đổi mới tâm trí², từ bỏ chính mình và bác ái một cách hết sức quảng đại. Vì thế, phải nguyện xin Chúa Thánh Thần, ban cho chúng ta ơn thành thật quên mình, khiêm nhường và hiền hòa trong khi phục vụ, quảng đại trong tình huynh đệ đối với tha nhân. Vị Tông Đồ dân ngoại đã nói: "Tôi đây tù nhân trong Chúa, tôi khấn khoản nài xin anh em hãy tiến bước đàng hoàng theo ơn kêu gọi mình đã được với tất cả lòng khiêm nhường và hiền hậu, hãy nhẫn nại chịu đựng nhau trong đức ái; hãy lo lắng duy trì sự hiệp nhất của Chúa Thánh Thần trong mỗi dây hòa bình" (Eph 4,1-3). Lời khuyên nhủ ấy trước hết liên hệ đến những ai được nhắc lên chức thánh để tiếp tục sứ mệnh Chúa Kitô, Người đến giữa chúng ta "không phải để được phục vụ, nhưng để phục vụ người ta" (Mt 20,28).

Lời chứng sau đây của Thánh Gioan vốn còn giá trị trước những lỗi lầm hủy hoại hiệp nhất: "Nếu ta nói rằng mình vô tội, ta kẻ Người là kẻ dối trá và Lời của Người không ở trong chúng ta" (1Gio 1,10). Vậy chúng ta hãy khiêm nhường xin lỗi Chúa và xin lỗi những anh em ly khai, cũng như chúng ta tha kẻ có nợ chúng ta^{21*}.

² Xem Eph 4,23.

^{21*} *Tình thân hiệp nhất là tình thân hòa giải và bác ái với nhau. Do đó người công giáo và không công giáo phải tha thứ cho nhau những lỗi phạm chống lại tình thân này.*

Hết mọi Kitô hữu hãy nhớ luôn là càng cố gắng sống trong sạch hơn theo Phúc Âm, càng cố võ và thực hiện sự hiệp nhất các Kitô hữu cách hữu hiệu hơn. Càng kết hiệp mật thiết với Chúa Cha, Chúa Con và Thánh Thần, họ càng dễ dàng thắt chặt tình tương thân tương ái với nhau hơn^{22*}.

8. Hiệp nhất trong lời nguyện. Sự hoán cải tâm hồn và đời sống thánh thiện làm một với những lời khẩn cầu chung hay riêng cho sự hiệp nhất các Kitô hữu phải được coi như là linh hồn của tất cả phong trào hiệp nhất và xứng đáng mệnh danh là "sự hiệp nhất thiêng liêng".

Người công giáo thường có thói quen hội nhau để cầu nguyện cho Giáo Hội được hiệp nhất, lời cầu nguyện mà chính Đấng Cứu Thế trước ngày tử nạn đã khẩn khoản dâng lên Chúa Cha: "Xin cho tất cả nên một" (Gio 17,21).

Trong vài trường hợp đặc biệt, chẳng hạn như những dịp được chính thức tổ chức để cầu nguyện "cho hiệp nhất" và trong các buổi hội thảo về hiệp nhất, chẳng những người công giáo được phép mà còn phải được khuyến khích hiệp nhau cầu nguyện với anh em ly khai. Những kinh nguyện chung như thế là phương tiện rất hữu hiệu để xin ơn hiệp nhất và tiêu biểu thực sự mối dây còn đang liên kết người công giáo với anh em ly khai: "Vì đâu có hai ba người nhân danh Thầy hội họp lại, Thầy sẽ giữa họ" (Mt 18,20) ^{23*}.

Nhưng không được phép áp dụng bừa bãi việc "thông dự vào sự thánh"^{24*} như phương thế để tái lập hiệp nhất các Kitô hữu.

^{22*} Bằng nhiều cách khác nhau, trọn số này diễn tả một chân lý rất căn bản: để hiệp nhất các Kitô hữu, trước tiên tất cả mọi người công giáo hãy sống trọn vẹn và trung thành với tôn giáo của mình.

^{23*} Công Đồng khuyến khích việc cầu nguyện chung giữa người công giáo và không công giáo khi tiện dịp. Những kinh nguyện chung có thể là *Lạy Cha*, *Sáng Danh*, các *Thánh Vịnh* hay bài đọc *Thánh Kinh*.

^{24*} Có "thông dự vào sự thánh" khi một người công giáo tham dự vào sinh hoạt tôn giáo của một cộng đoàn không công giáo, hay trái lại. Lúc ấy người ta gọi

Việc thông dự ấy đặc biệt tùy thuộc hai nguyên tắc: biểu hiệu sự duy nhất của Giáo Hội và tham dự các phương tiện ban ân sủng. Nhiều khi, việc biểu hiệu sự duy nhất của Giáo Hội ngăn trở sự hiệp thông, nhưng đôi khi nhu cầu ban ân sủng lại khuyến khích sự hiệp thông ấy. Về phương cách hành động trong thực tế, hãy theo mọi hoàn cảnh thời gian, không gian và nhân sự được Giám Mục bản quyền khôn ngoan định đoạt, trừ khi Tòa Thánh hay Hội Đồng Giám Mục theo qui chế riêng ấn định thể khác.

9. Tìm hiểu nhau. Phải biết tâm trạng của các anh em ly khai. Vì thế, cần tìm hiểu họ trong chân lý và với lòng nhân hậu. Người công giáo đã được chuẩn bị đầy đủ cần phải tìm hiểu sâu rộng hơn về học thuyết và lịch sử, về đời sống tu đức và phụng tự, về tâm lý tôn giáo và văn hóa riêng của anh em ly khai. Để đạt được kết quả ấy, các buổi hội thảo song phương, nhất là khi bàn về các vấn đề thần học, sẽ giúp ích rất nhiều. Trong các cuộc hội thảo ấy, mọi người được bình đẳng bàn luận, miễn là những người tham dự, dưới sự giám sát của Giám Mục, thật sự là những nhà chuyên môn. Nhờ đối thoại như thế lập trường của Giáo Hội Công Giáo được nhận thức rõ ràng hơn. Rồi cũng như thế tư tưởng của anh em ly khai được am hiểu hơn và chúng ta có thể trình bày đức tin cho họ cách thích hợp hơn^{25*}.

những kinh nguyên chung như sự tham dự nào đó được ban phép và cổ võ. Điều kiện để một hoạt động tôn giáo được chuẩn nhận là nó phải biểu hiệu được tính cách hiệp nhất của Giáo Hội và thực sự là một phương thể ban ân sủng. Điều kiện thứ nhất thường thiếu sót; trường hợp ấy, người công giáo không được phép tham dự. Cũng thế, lễ Tiệc Ly Tin Lành và Thánh Lễ Công Giáo không có cùng ý nghĩa; do đó người công giáo không được quyền tham dự vào Tiệc Ly Tin Lành. Vậy nên, các Giám Mục phải ban hành những tiêu chuẩn chính xác để các tín hữu biết rõ điều nào được phép, điều nào không trong vấn đề tế nhị này.

^{25*} Để tán trợ tinh thần hiệp nhất, người công giáo và không công giáo phải tìm hiểu nhau. Một sự hiểu biết hỗ tương như thế quả thật rất cần thiết trước nhất cho các linh mục và các thừa sai (xem số 10).

10. Sự huấn luyện trên phương diện hiệp nhất. Thần học và các môn học khác, nhất là sử học, cũng phải được trình bày theo chiều hướng hiệp nhất hầu đáp ứng với thực tại cách chính xác hơn.

Vậy các chủ chăn và linh mục tương lai phải am tường khoa thần học đã được trình bày xác đáng như thế, chứ đừng theo lối bút chiến^{26*}, nhất là trong những vấn đề liên hệ đến những tương quan giữa Giáo Hội Công Giáo và các anh em ly khai.

Sự giáo dục và huấn luyện tu đức thiết yếu của các tín hữu và tu sĩ tùy thuộc rất nhiều ở nền giáo dục của các linh mục.

Người công giáo dân thân hoạt động truyền giáo trong những phần đất chung với các Kitô hữu khác, nhất là trong lúc này, phải am tường các vấn đề và các thành quả do phong trào hiệp nhất đem đến cho việc tông đồ của họ^{27*}.

11. Cách thức diễn tả và trình bày đức tin. Phương pháp và cách diễn tả đức tin công giáo không được gây trở ngại cho việc đối thoại với những người anh em. Cần phải trình bày rõ ràng nguyên vẹn giáo lý. Không gì phá hoại hiệp nhất cho bằng chủ trương xu thời sai lệch^{28*}, nó làm tổn thương giáo lý công

^{26*} Khi gặp những sai lầm về giáo lý, cần phải bình tâm và khách quan chứng tỏ căn nguyên của sai lầm, không nên buộc tội hay công kích những người chủ trương cách sai lầm ấy.

^{27*} Tinh thần hiệp nhất không cho phép công kích những nhà thừa sai ngoài công giáo, song phải biểu lộ niềm tôn kính họ theo như đức ái đòi buộc, cho dù, tùy hoàn cảnh cũng cần phải gìn giữ các tín hữu tránh khỏi những sai lầm mà họ có thể truyền bá.

^{28*} Danh từ "xu thời" (irenismus) phát xuất từ tiếng hy lạp "eirene" có nghĩa "chủ hòa". Trong những tương giao với người không công giáo phải nhằm sự hòa hợp với nhau. Tuy nhiên nếu chúng ta che giấu một chân lý Công Giáo nào đó hoặc thay đổi ý nghĩa đích thực của một học thuyết Công Giáo cốt cho người không công giáo dễ chấp nhận hơn, quả thực đó là một phương thế giả tạo để đạt tới sự hòa hợp vừa nói. Đó cũng chính là chủ trương xu thời sai lệch bị Sắc Lệnh này ngăn cấm.

giáo thuần túy và làm lu mờ ý nghĩa đích thực và chắc chắn của những giáo lý này.

Đồng thời, đức tin công giáo phải được giải thích sâu xa và chính xác hơn bằng cách thức và ngôn từ để các anh em ly khai có thể hiểu đúng nghĩa.

Hơn nữa, khi cùng các anh ly khai tìm hiểu các mầu nhiệm của Thiên Chúa trong cuộc đối thoại hiệp nhất, các nhà thần học công giáo gắn bó với giáo lý của Giáo Hội, phải tiến hành với lòng yêu mến chân lý, bác ái và khiêm nhường. Khi so sánh các giáo lý với nhau, phải nhớ rằng có một "phẩm trật"^{29*} trong các chân lý của giáo lý công giáo vì liên hệ giữa các chân lý ấy với nền tảng đức tin không đồng đều. Quan niệm như thế tức là đã vạch ra được một đường hướng để nhờ sự tranh đua thân hữu, tất cả được thúc đẩy tìm hiểu sâu rộng và biểu hiện rõ ràng hơn nguồn phong phú khôn lường của Chúa Kitô³.

12. Cộng tác với anh em ly khai. Trước mặt muôn dân^{30*}, toàn thể các Kitô hữu hãy tuyên xưng đức tin vào Thiên Chúa duy nhất và Ba Ngôi, vào Con Thiên Chúa nhập thể, cứu chuộc và là Chúa chúng ta; và trong sự tôn trọng lẫn nhau, hãy cùng nỗ lực làm chứng cho niềm trông cậy của chúng ta, niềm trông cậy không bao giờ luống công. Vì ngày nay sự hợp tác trong các hoạt động xã hội đang được thiết lập rộng rãi, nên hết mọi

^{29*} Danh từ "phẩm trật" ở đây hiểu theo nghĩa bóng, nó biểu thị một sự dị đồng về giá trị, về sự cần thiết về lợi ích của những chân lý khác nhau mà Giáo Hội Công Giáo truyền dạy. Trong Giáo Huấn ấy có những chân lý đức tin, nên bất biến và những chân lý khác không thuộc đức tin. Trong những chân lý đức tin, dù cần phải tin toàn thể tất cả, song cũng có một số chân lý buộc phải hiểu biết cách minh bạch. Khi đối thoại với người không công giáo, không được quên những dị biệt ấy để khỏi bó buộc họ phải tin tất cả giáo thuyết cùng một mức độ như nhau.

³ Xem Eph 3,8.

^{30*} Muôn dân" ở đây ám chỉ toàn thể những người ngoài Kitô giáo mà tất cả Kitô hữu công giáo hay không công giáo đều có bổn phận làm gương sáng hiệp nhất trong một số các chân lý nền tảng và trong đức bác ái qua việc cộng tác mật thiết với nhau nhất là trên bình diện xã hội.

người đều được kêu gọi để chung lưng làm việc, hướng chỉ những người tin nơi Chúa nhất là các Kitô hữu, vì họ đã được mang danh Chúa Kitô. Sự hợp tác của tất cả các Kitô hữu nói lên cách hùng hồn tình liên kết đang thắt chặt họ lại với nhau và biểu dương khuôn mặt của Chúa Kitô Tôi Tớ cách rực rỡ hơn. Sự hợp tác này đã được thiết lập trong nhiều quốc gia và cần được cải thiện thêm mãi, nhất là trong những vùng tiên bộ về mặt xã hội cũng như kỹ thuật bằng cách làm cho nhân phẩm được tôn trọng đúng mức, bằng cách cổ võ hòa bình hoặc nỗ lực áp dụng Phúc Âm vào đời sống xã hội, bằng cách phát triển khoa học và nghệ thuật trong tinh thần Kitô giáo, bằng cách áp dụng đủ loại phương dược chống các khổ nạn của thời đại chúng ta, như nạn đói ăn, thiên tai, mù chữ, nghèo túng, vô gia cư, bất bình đẳng trong việc phân phối phẩm vật. Nhờ sự cộng tác ấy, tất cả mọi kẻ tin vào Chúa Kitô có thể dễ dàng học hỏi cho biết cách tìm hiểu, tôn trọng nhau hơn và dọn đường tiến tới hiệp nhất các Kitô hữu.

Chương III

Các Giáo Hội Và Cộng Đoàn Giáo Hội^{31*}

Ly Khai Với Tông Tòa Roma

13. Phân loại. Giờ đây, chúng ta đưa mắt nhìn đến hai khối phân ly chính xúc phạm đến chiếc áo liền một tấm của Chúa Kitô^{32*}.

Khối phân ly thứ nhất đã nảy sinh ở Đông Phương, hoặc vì để phản đối các công thức tín lý của các Công Đồng Ephêsô^{33*} và

^{31*} *Tĩnh từ "Giáo Hội" (ecclesialis) ở đây là một ngôn từ mới, phát xuất từ giáo phái Tin Lành, chỉ một điều gì liên quan đến Giáo Hội trong tư thế một mẫu nhiệm siêu nhiên. Theo dụng ngữ công giáo, tiếng này không bao hàm ý tưởng một Giáo Hội thuần túy vô hình và thiêng liêng. Chữ "thuộc Giáo Hội" (ecclesiasticus) thường chỉ nghĩa điều gì thuộc riêng của Giáo Hội Công Giáo.*

^{32*} *Sau khi đóng đỉnh Chúa Kitô, lúc chia nhau y phục của Người, mấy người lính chợt nhận thấy tấm áo dài liền kim không có đường may (Gio 19,23). Ngay từ thời sơ khai Kitô giáo, người ta đã thấy qua tấm áo không đường may này một hình ảnh của Giáo Hội không phân rẽ do Chúa Giêsu Kitô thiết lập. Nhưng thực tế đã có nhiều cộng đoàn Kitô giáo tách rời khỏi Giáo Hội chân thực của Chúa Kitô, và như vậy mở đường cho những cuộc phân ly. Trong chương này, sắc lệnh lưu ý tới hai khối phân ly chính: một ở Đông Phương và một ở Tây Phương (gồm Tin Lành và Anh Giáo).*

^{33*} *Công Đồng Ephêsô (năm 431) đã truyền dạy một cách bất khả ngộ rằng Chúa Giêsu Kitô là một Ngôi Vị đơn nhất, Con Thiên Chúa làm người và Đức Maria thật sự là Mẹ Thiên Chúa. Phái Nestorianô đã chối bỏ những chân lý ấy và tự tách khỏi Giáo Hội phổ quát.*

Calcedonia^{34*}, hoặc sau này vì sự cắt đứt^{35*} hiệp thông Giáo Hội giữa các Giáo Chủ Đông Phương và Tòa Thánh Roma.

Thứ đến, hơn bốn thế kỷ sau, khối phân ly thứ hai phát sinh ở Tây Phương do những biên cố cùng được mệnh danh là Cải Cách. Từ đó, nhiều Cộng Đoàn, quốc gia hoặc giáo đoàn đã ly khai với Tòa Thánh Roma. Trong số ấy còn có những Cộng Đồng duy trì phần nào những truyền thống và cơ cấu công giáo, đáng kể nhất là Cộng Đoàn Anh Giáo.

Các mối chia rẽ ấy rất khác nhau chẳng những về nguồn gốc, không gian và thời gian, nhưng nhất là về bản chất và tầm quan trọng của các vấn đề liên hệ đến đức tin và cơ cấu Giáo Hội.

Vì thế, tuy không coi thường những hoàn cảnh dị biệt của các Cộng Đoàn Kitô hữu khác nhau ấy, tuy không bỏ qua những mối liên lạc còn đang nối kết họ với nhau, bất chấp những mối chia rẽ hiện có, Thánh Công Đồng này quyết định đề ra những nhận định sau đây để mọi người biết khôn ngoan hành động mưu cầu hiệp nhất.

I. Nhận Định Đặc Biệt Về Các Giáo Hội Đông Phương

14. Tính chất lịch sử riêng biệt của các Giáo Hội Đông Phương. Trong nhiều thế kỷ, các Giáo Hội Đông và Tây

^{34*} Công Đồng Calcedonia (năm 451) tuyên bố rằng Chúa Giêsu Kitô là Thiên Chúa thật cũng là Người thật và trong Người có hai bản tính, thần tính và nhân tính, hoàn hảo, phân biệt chứ không hòa trộn lẫn nhau. Song có những cộng đoàn địa phương quả quyết nơi Chúa Kitô chỉ có một bản tính. Đó là những người theo nhất tính thuyết, họ cũng đã ly khai khỏi Giáo Hội Công Giáo.

^{35*} Sự cắt đứt này đã xảy ra năm 1054 khi Đặc Sứ của Đức Giáo Hoàng, Hồng Y Humbert, dứt phép thông công Thượng Phụ thành Constantinopla là Micae Cerulariô. Đáp lại, Thượng Phụ Cerulariô cũng dứt phép thông công vị Đặc Sứ đó và tách khỏi Roma. Sự cắt đứt này đã thành toàn diện và dứt khoát vào thế kỷ XIII. Ngày 7 tháng 12 năm 1965 tại Roma, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI và tại Constantinopla Đức Thượng Phụ Athenagoras long trọng hủy bỏ sự dứt phép thông công lẫn nhau ấy.

Phương đã đi theo đường lối riêng của mình, nhưng vẫn liên kết với nhau trong tình huynh đệ nhờ hiệp thông trong đức tin và đời sống bí tích; do sự thỏa thuận chung, Tòa Thánh Roma can thiệp mỗi khi các Giáo Hội ấy bất đồng quan điểm với nhau về đức tin hay về kỷ luật. Thánh Công Đồng hân hoan nhắc lại cho mọi người một trong những điều quan trọng là, ở Đông Phương đang phát triển nhiều Giáo Hội riêng biệt hay địa phương^{36*}, đứng đầu là các Giáo Hội có Thượng Phụ^{37*}, trong đó có nhiều Giáo Hội hãnh diện vì được chính các Tông Đồ thiết lập^{38*}. Vì thế các tín hữu đông phương đã và đang mang nặng mối bận tâm và âu lo duy trì những liên lạc thân hữu trong hiệp thông đức tin và đức ái, là những liên lạc phải có giữa các Giáo Hội địa phương như giữa anh em ruột thịt^{39*}.

Cũng đừng quên rằng, các Giáo Hội Đông Phương từ khởi đầu đã từng có một kho tàng cống hiến cho Giáo Hội Tây Phương nhiều yếu tố về phụng vụ, về truyền thống tu đức và luật pháp. Còn một sự kiện khác không nên coi thường là, những tín điều căn bản về đức tin Kitô giáo như Thiên Chúa Ba Ngôi, Ngôi Lời Thiên Chúa Nhập Thể bởi Đức Trinh Nữ Maria, đã được định tín trong các Công Đồng Chung khai diễn tại Đông

^{36*} *Giáo Hội riêng biệt là một cộng đoàn hay một giáo khu gồm mọi tín hữu cùng theo một lễ chế phụng vụ, cùng giữ một quy luật giáo hội và cùng chịu một quyền quản trị như nhau. Chỗ này chữ "địa phương" hiểu theo nghĩa rộng, vì một Giáo Hội riêng biệt có các tín đồ ở rải rác nhiều nơi.*

^{37*} *Giáo Hội này là một Giáo Hội riêng biệt mà thủ lãnh là một thượng phụ như Giáo Hội Nga, Giáo Hội Constantinopla... Hiện nay, có ít nhất là 9 Giáo Hội có Thượng Phụ thuộc Đông Phương ly khai.*

^{38*} *Ví dụ như Giáo Hội Giêrusalem và Antiokia.*

^{39*} *Những Giáo Hội Đông Phương ly khai sống độc lập nhau. Họ coi nhau như những Giáo Hội huynh đệ, không có và không nhận một thủ lãnh chung trên họ. Trái lại, những Giáo Hội riêng biệt (địa phương) Công Giáo lại có cùng một thủ lãnh cao cấp chung: Đức Giáo Hoàng. Ngài có quyền trên tất cả các Giáo Hội Công Giáo riêng biệt Đông phương cũng như Tây Phương.*

Phương^{40*}. Các Giáo Hội ấy đã và đang chịu nhiều khổ đau để gìn giữ đức tin ấy.

Di sản do các Tông Đồ truyền lại đã được đón nhận qua nhiều hình thức và cách thể khác nhau, do ngay từ thuở ban đầu của Giáo Hội, di sản ấy cũng được giải thích khác nhau đây đó tùy theo thiên tài và cảnh sống riêng. Không kể những nguyên nhân ngoại tại, bấy nhiêu yếu tố^{41*}, cộng với sự thiếu bác ái và thông cảm lẫn nhau, đã mở đường cho nhiều mối chia rẽ phát sinh.

Vì vậy, Thánh Công Đồng khuyến dụ mọi người, đặc biệt là những ai muốn hoạt động tái lập sự hiệp thông trọn vẹn như các Giáo Hội Đông Phương và Giáo Hội Công Giáo hằng mong mỗi hay nhận định chính xác về hoàn cảnh cá biệt đã khai sinh và phát triển các Giáo Hội Đông Phương, và về đặc tính của mối liên lạc đã có giữa các Giáo Hội ấy với Tòa Thánh Roma trước thời phân ly cũng như hãy tạo cho mình một quan niệm chính đáng về tất cả những điểm nêu trên. Chu đáo giữ được những điều ấy là đã đóng góp rất nhiều cho cuộc đối thoại mong muốn kia^{42*}.

15. Truyền thống phụng vụ và tu đức của các Giáo Hội Đông Phương. Mọi người đều thấy hiển nhiên là các tín hữu đông phương rất mộ mến cử hành phụng vụ Thánh, nhất là việc cử hành Phép Thánh Thể, nguồn sống của Giáo Hội và đảm bảo vinh quang đời sau, nhờ đó các tín hữu hiệp nhất với giám mục được đến gần Thiên Chúa Cha, nhờ Chúa Con Ngôi Lời Nhập

^{40*} Những điều này quy chiếu về thời các Giáo Hội này còn liên kết với Roma. Lúc ấy, 7 Công Đồng Chung đầu tiên đều nhóm họp ở phương Đông.

^{41*} Giáo Hội Đông Phương càng phát triển, những người Tây Phương càng ít cảm thông tâm thức Đông Phương, cũng như ngược lại; sự kiện đó đưa tới nhiều hiểu lầm và khi thị đáng tiếc ở cả hai bên và khích động thêm sự chia rẽ.

^{42*} Đoạn này đề cập đến những Giáo Hội Đông Phương không công giáo (ly khai), không nói về các Giáo Hội liên kết với Roma. Công Đồng đã công bố một sắc lệnh đặc biệt bàn tới những Giáo Hội Công Giáo Đông Phương nhan đề "Giáo Hội Công Giáo Đông Phương".

Thê đã chịu đau khổ và được hiển vinh, trong ơn tràn trề của Chúa Thánh Thần họ được thông hiệp cùng Thiên Chúa Ba Ngôi rất thánh và "thông phần bản tính Thiên Chúa" (2P 1,4). Vì vậy, nhờ việc cử hành Thánh Thê trong từng Giáo Hội ấy, Giáo Hội Thiên Chúa được xây dựng và bành trướng¹, và sự thông hiệp giữa các Giáo Hội ấy tỏ rõ qua việc đồng tế.

Trong nghi lễ phụng vụ này, Đức Maria trọn đời đồng trinh hằng được các tín hữu đồng phương ca ngợi bằng những bài thánh ca tuyệt diệu. Công Đồng Chung Ephêsô đã long trọng tuyên bố Ngài là Mẹ Thiên Chúa Rất Thánh, để Chúa Kitô được nhận thật là chính Con Thiên Chúa và là Con Người theo Thánh Kinh. Họ cũng ca tụng nhiều vị thánh, trong số ấy có các Thánh Giáo Phụ của toàn thể Giáo Hội.

Vì các Giáo Hội ấy, mặc dù ly khai, vẫn có các bí tích đích thực nhờ sự kế vị các Tông Đồ, nhất là Chức Linh Mục và Phép Thánh Thê, bởi đó, họ còn liên kết chặt chẽ với chúng ta; cho nên một vài hình thức thông dự vào sự thánh, trong những trường hợp thuận tiện và với sự chấp thuận của giáo quyền, chẳng những là có thể thực hiện mà còn đáng khuyến khích nữa^{43*}.

Ở Đông Phương cũng còn thấy nhiều truyền thống tu đức phong phú, tiêu biểu nhất là đời sống đan viện, vì tại đây, nền tu đức đan viện đã phát triển ngay từ thời vang son của các Thánh Giáo Phụ, và về sau, còn lan tràn sang nhiều nơi ở Tây Phương. Định chế dòng tu Latinh phát xuất, và sau đó, không ngừng nhận được sinh lực mới từ nền tu đức ấy như từ nguồn mạch của mình. Vì vậy, thiết tha kêu mời những người Công Giáo hãy nâng tìm đến kho tàng thiêng liêng của các Thánh

¹ Xem T. Gioan Kim Khẩu, *In Joanem, Homelia, XLVI: PG 59,260-262.*

^{43*} Những tiêu chuẩn về sự tham dự hỗ tương trong các sinh hoạt tôn giáo này đã được trình bày cặn kẽ trong sắc lệnh về những Giáo Hội Công Giáo Đông Phương (số 26-29).

Giáo Phụ Đông Phương hơn vì kho tàng ấy nâng toàn thể con người đến chỗ chiêm ngưỡng những sự thần linh.

Mọi người đều biết rằng: thông hiểu, kính trọng, giữ gìn và phát triển di sản phụng vụ và tu đức rất phong phú của các tín hữu đông phương là việc tối quan trọng để trung thành bảo toàn truyền thống Kitô giáo và để thực hiện sự giao hòa các Kitô hữu đông phương với tây phương.

16. Quy luật riêng của các Giáo Hội Đông Phương. Hơn nữa, ngay từ buổi đầu, các Giáo Hội Đông Phương đã theo những qui luật riêng được các Thánh Giáo Phụ, các Công Đồng và cả các Công Đồng Chung phê chuẩn. Vì sự khác biệt về phong tục và tập quán đã nhắc tới trên kia chẳng những rất ít cản trở sự hiệp nhất mà còn tăng thêm vẻ đẹp của Giáo Hội và góp phần không nhỏ vào việc chu toàn sứ mệnh của Giáo Hội, nên để đánh tan mọi nghi ngờ, Thánh Công Đồng tuyên bố: các Giáo Hội Đông Phương, đang khi nhớ đến sự hiệp nhất cần thiết của toàn thể Giáo Hội^{44*}, vẫn có quyền tự trị theo các kỷ luật riêng, vì điều này phù hợp với đặc tính của tín hữu họ và có thể mưu ích cho các linh hồn hơn. Đây là một nguyên tắc truyền thống người ta thường không noi giữ, nhưng, giữ trọn được là đã thỏa mãn một trong những điều kiện tối cần để tái lập hiệp nhất.

17. Tính chất đặc biệt của các Giáo Hội Đông Phương về những vấn đề giáo lý. Những gì đã trình bày về sự dị biệt chính đáng trên kia cũng áp dụng được cho những phương thức trình bày giáo thuyết thần học khác nhau. Thực thể, trên đường đi

^{44*} Toàn thể Giáo Hội chính là Giáo Hội phổ quát Công Giáo, Giáo Hội duy nhất Chúa Kitô sáng lập. Lúc Đông Phương còn liên kết với Tông Tòa Roma, những Giáo Hội riêng biệt Đông Phương đã hưởng dụng một quyền tự trị thật đáng kể. Đức Giáo Hoàng ít khi can thiệp vào việc quản trị của họ. Sắc lệnh tuyên bố rằng quyền tự trị ấy vẫn được duy trì nếu họ liên kết lại với Giáo Hội phổ quát. Sự liên kết này bao hàm việc thừa nhận tối thượng quyền nơi Đức Giáo Hoàng kế vị thánh Phêrô, Đại Diện tối cao của Chúa Kitô. Tuy nhiên việc thừa nhận ấy vẫn dung hợp tốt đẹp với một quyền tự trị rất lớn của các Giáo Hội riêng biệt.

tìm chân lý mạc khải, ở đông cũng như ở tây phương, có nhiều phương pháp và tiến trình khác nhau để nhận thức và tuyên xưng những sự thần linh. Do đó, không đáng ngạc nhiên khi thấy có vài khía cạnh của mầu nhiệm mạc khải đôi khi được một bên hiểu đúng và trình bày sáng hơn bên kia, thành thử những công thức thần học khác nhau ấy phải được coi là bổ túc hơn là đối lập nhau. Còn về những truyền thống thần học chân chính của các tín hữu đông phương, phải công nhận là chúng ăn rễ cách tuyệt hảo trong Thánh Kinh, lại được khai triển và biểu hiện trong đời sống Phụng Vụ, được nuôi dưỡng bằng truyền thống Tông Đồ, sống động trong các văn phẩm của các Thánh Giáo Phụ Đông Phương cũng như của các tác giả tu đức, chúng giúp xây dựng một cuộc đời chính trực và giúp chiêm ngưỡng đầy đủ chân lý Kitô giáo.

Tạ ơn Chúa vì nhiều tín hữu đông phương con cái Giáo Hội Công Giáo đang sống hoàn toàn hiệp thông^{45*} với các anh em thuộc truyền thống tây phương, mà vẫn giữ gìn và tha thiết sống phân gia sản ấy cho tinh ròng và đầy đủ hơn, Thánh Công Đồng này tuyên bố rằng: toàn bộ di sản tu đức và phụng vụ, kỷ luật và thần học trong các truyền thống ấy thuộc về đặc tính công giáo và tông truyền trọn vẹn của Giáo Hội.

18. Kết luận. Sau khi nhắc tắt cả những điều ấy, Thánh Công Đồng này lập lại những gì đã được các Thánh Công Đồng trước cũng như các Đức Giáo Hoàng Roma tuyên bố: để tái lập và duy trì sự thông hảo và hiệp nhất, "chẳng còn buộc anh em gánh nặng nào khác ngoài những sự cần thiết" (CvSđ 15,28). Công Đồng cũng tha thiết ước mong từ đây, mọi cố gắng đều nhằm thực hiện dần dần sự hiệp nhất^{46*} trong những định chế và hình

^{45*} Nói về những Giáo Hội Công Giáo Đông Phương, nghĩa là có liên kết với Roma.

^{46*} Những dự tính liên kết giữa Đông Phương và Giáo Hội Công Giáo của Công Đồng Lyon II và Công Đồng Firenze đã thất bại, bởi vì tâm thức tín hữu đông phương ly khai lúc ấy chưa được chuẩn bị sẵn để đón nhận việc liên kết. Ở đây

thức khác nhau của đời sống Giáo Hội, nhất là trong kinh nguyện và đối thoại huynh đệ về giáo lý và về các nhu cầu mục vụ khẩn thiết hơn của thời đại chúng ta. Cũng thế Công Đồng khuyến các chủ chăn và tín hữu của Giáo Hội Công Giáo hãy giao hảo với những kẻ không còn ở đồng phương nhưng sống xa quê nhà^{47*}, để gia tăng sự cộng tác thân ái với họ hơn trong tinh thần bác ái và loại trừ những hình thức ganh đua, tranh tụng. Nếu mọi người hết lòng xúc tiến công cuộc này, Thánh Công Đồng hy vọng rằng, sau khi bức tường ngăn cách Giáo Hội Đông Tây bị phá đổ, sẽ chỉ còn ngôi nhà duy nhất được củng cố trên đá góc là Chúa Giêsu Kitô, Đấng sẽ làm cho cả hai nên một².

II. Các Giáo Hội Và Cộng Đoàn Giáo Hội Ly Khai Tây Phương

19. Tình trạng chung. Các Giáo Hội Cộng Đoàn Giáo Hội đã ly khai với Tông Tòa Roma trong thời khủng hoảng trầm trọng nhất phát sinh ở Tây Phương từ cuối thời Trung Cổ hoặc mãi về sau này, vẫn còn liên kết với Giáo Hội Công Giáo bằng một mối dây thân thích và một sự liên lạc đặc biệt vì lớp dân Kitô giáo ấy đã sống hiệp thông với Giáo Hội rất lâu trong những thế kỷ trước.

Các Giáo Hội và Cộng Đoàn Giáo Hội ấy vì sự dị biệt nguồn gốc, giáo lý và đời sống tu đức chẳng những khác với chúng ta mà còn khác biệt với nhau nữa, nên rất khó diễn tả cho đúng các Giáo Hội ấy và chúng tôi có ý làm điều ấy nơi đây.

sắc lệnh nhắm tới việc chuẩn bị tinh thần và thiêng liêng cho các dân tộc Kitô Giáo Đông Phương hầu đạt đến một mối liên kết tốt đẹp.

^{47*} Đây là những người Đông Phương không công giáo di trú trong nhiều miền khác nhau tại Âu Châu, Mỹ Châu. Việc họ tiếp xúc với người công giáo tại đó có thể giúp đôi bên xích lại gần nhau dễ dàng hơn.

² Xem CĐ Firenze, khóa VI (1439), Định tín *Laetentur caeli*: Mansi 31, 1026E.

Mặc dù phong trào hiệp nhất và ước vọng sống hòa bình với Giáo Hội Công Giáo chưa được đề cao khắp nơi, nhưng chúng tôi cũng hy vọng rằng ý thức hiệp nhất và sự tôn trọng lẫn nhau sẽ dần lớn lên trong mọi người.

Phải nhìn nhận rằng, có nhiều dị biệt quan trọng giữa các Giáo Hội và Cộng Đoàn Giáo Hội ấy với Giáo Hội Công Giáo, chẳng những về phương diện lịch sử, xã hội, tâm lý, văn hóa, nhưng nhất là về cách giải thích chân lý mạc khải. Để có thể thiết lập cuộc đối thoại hiệp nhất dễ dàng hơn, bắt cháp những dị biệt đó, sau đây chúng tôi muốn đề ra một vài điểm có thể và phải là nền tảng và yếu tố thúc đẩy cho cuộc đối thoại ấy^{48*}.

20. Việc tuyên xưng Chúa Kitô. Chúng tôi đặc biệt nghĩ đến những Kitô hữu đang công khai tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô là Chúa và là Thiên Chúa, Đấng trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người, để làm vinh danh Thiên Chúa độc nhất là Cha, Con và Thánh Thần. Thực ra chúng tôi biết nơi họ có nhiều khác biệt quan trọng với giáo lý của Giáo Hội Công Giáo, khác biệt ngay cả về Chúa Kitô Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể, về công trình cứu chuộc, và do đó, về mầu nhiệm và chức vụ của Giáo Hội cũng như về vai trò của Đức Maria trong công cuộc cứu thế. Nhưng chúng tôi vui mừng khi thấy các anh em ly khai hướng về Chúa Kitô như là nguồn mạch và trung tâm của sự hiệp thông Giáo Hội. Xúc động vì ước vọng kết hiệp với Chúa Kitô, họ được thúc đẩy để càng ngày càng tìm về hiệp nhất và làm chứng đức tin của mình khắp muôn dân thiên hạ.

21. Học hỏi Thánh Kinh. Lòng yêu mến, kính trọng và gần như tôn sùng Thánh Kinh khiến các anh em của chúng ta bền

^{48*} Trong số này Sắc Lệnh chứng tỏ rằng có nhiều điểm dị biệt giữa anh em "ly giáo" tây Phương và Giáo Hội Công Giáo hơn là giữa Đông Phương ly khai và Công Giáo Tây Phương. Do đó việc liên kết càng khó khăn hơn, tuy thế cũng cần phải mở một cuộc đối thoại. Trong những số tiếp theo, Sắc Lệnh nêu lên một vài học thuyết chung có thể làm khởi điểm cho cuộc đối thoại ấy.

chí và hăng say học hỏi Sách Thánh: vì Phúc Âm "là quyền năng Thiên Chúa để cứu rỗi mọi tín hữu, trước tiên là Do Thái, kể đến Hy Lạp" (Rm 1,16).

Nhờ câu khấn Thánh Thần^{49*}, họ tìm Thiên Chúa ngay trong Thánh Kinh, Đấng như nói với họ trong Chúa Kitô, Đấng các tiên tri loan báo trước và là Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thể vì chúng ta. Trong Thánh Kinh, họ chiêm ngưỡng cuộc đời Chúa Kitô và những gì Thầy Chí Thánh đã dạy và đã làm để cứu rỗi loài người, họ cũng chiêm ngưỡng các mầu nhiệm, nhất là mầu nhiệm sự chết và phục sinh của Người.

Tuy các Kitô hữu ly khai với chúng ta xác nhận thần quyền của Sách Thánh, nhưng mỗi người mỗi khác, họ cảm nghĩ khác chúng ta về sự liên quan giữa Thánh Kinh và Giáo Hội; trong đó theo đức tin công giáo, giáo huấn đích thực đặc biệt có thẩm quyền trong việc giải thích và rao giảng Lời Chúa đã được ghi chép.

Tuy nhiên trong chính việc đối thoại, Lời Chúa là dụng cụ tuyệt hảo trong bàn tay toàn năng của Thiên Chúa để đạt tới sự hiệp nhất được Đấng Cứu Thế tỏ bày cho mọi người.

22. Các bí tích. Nhờ Phép Rửa được ban đúng như Chúa đã thiết lập và được lãnh nhận với đủ dự kiện tâm hồn cần thiết, con người thật sự được tháp nhập vào Chúa Kitô đã chịu đóng đinh và vinh hiển, và được tái sinh để thông phần sự sống Thiên

^{49*} Do lời yêu cầu Đức Phaolô VI, người ta thay đổi hai điểm trong câu này. Thay vì tiếng "được tác động bởi Chúa Thánh Thần" bây giờ đổi lại thành "Nhờ câu khấn Chúa Thánh Thần", và chữ "họ tìm" thay thế cho "họ gặp thấy". Sở dĩ thay đổi như vậy là cốt tránh dáng vẻ chấp nhận giáo thuyết của những người cải cách. Theo giáo thuyết này, mọi tín hữu đều được Chúa Thánh thần ban cho đầy đủ ánh sáng để hiểu thấu ý nghĩa mạc khải của Thánh Kinh và để nhờ thế gặp thấy Thiên Chúa trong Sách Thánh, không cần nhờ đến quyền Giáo Huấn của Giáo Hội. Thực sự, người ta có thể gặp được Thiên Chúa trong Sách Thánh; nhưng không gặp Ngài một cách tất nhiên và trong bất cứ lúc nào; lý do là vì những ngăn trở về tâm tính chủ quan người ta có thể không gặp thấy Ngài.

Chúa theo lời Thánh Tông Đồ: "Anh em được mai táng với Người trong phép Rửa, anh em cũng sẽ được sống lại với Người bởi đã tin vào Thiên Chúa tác thành, chính Đấng đã khiến Người từ trong kẻ chết sống lại" (Col 2,12)³.

Vậy phép Rửa tạo nên mối dây hiệp nhất tất cả những kẻ đã được tái sinh. Nhưng phép Rửa, tự bản tính, mới chỉ là bắt đầu và khởi điểm, vì phép Rửa trọn vẹn nhằm đạt tới sự sống sung mãn trong Chúa Kitô. Như thế, phép Rửa qui hướng về việc tuyên xưng trọn vẹn đức tin, sát nhập trọn vẹn vào định chế cứu rỗi như chính Chúa Kitô đã muốn và sau cùng kết nhập trọn vẹn vào sự hiệp thông thánh thể.

Những cộng đoàn Giáo Hội ly khai với chúng ta, mặc dù không hiệp nhất đầy đủ với chúng ta như phép Rửa đòi hỏi, và mặc dù chúng ta tin họ không còn giữ được bản chất đích thực và nguyên vẹn của Mâu Nhiệm Thánh Thể nhất là vì thiếu bí tích Truyền Chứa Thánh^{50*}, nhưng khi tưởng niệm sự chết và sự sống lại của Chúa trong Tiệc Thánh họ đã tuyên xưng rằng sự sống chỉ có nghĩa nhờ hiệp thông với Chúa Kitô và họ mong đợi ngày trở lại vinh quang của Người. Do đó, phải dùng giáo lý về Tiệc Thánh của Chúa, về các bí tích khác, về việc phụng tự cũng như về các thừa tác vụ của Giáo Hội làm đối tượng cho cuộc đối thoại.

23. Cuộc sống với Chúa Kitô. Đời sống Kitô hữu của các anh em ấy được nuôi dưỡng bằng đức tin vào Chúa Kitô và được duy trì nhờ ân sủng của phép Rửa và nhờ nghe Lời Thiên Chúa. Đời sống ấy biểu lộ trong kinh nguyện riêng, trong việc suy

³ Xem Rm 6,4.

^{50*} Những cộng đoàn giáo hội Tin Lành không có bí tích Truyền Chức Thánh. Vì thế, các thừa tác viên của họ không có quyền thánh hiến bánh rượu thành Mình Máu Chúa Kitô. Lễ tiệc ly Tin Lành không bao hàm sự hiện diện thật sự; nó không phải là một hy lễ đích thực. Do đó, anh em Tin Lành đã không bảo tồn được "bản chất đích thực và nguyên vẹn của mâu nhiệm Thánh Thể". Công thức này đã được Đức Phaolô VI minh nhiên ưng thuận.

niệm Thánh Kinh, trong đời sống gia đình Kitô giáo, trong việc phụng tự của cộng đoàn tụ họp để ngợi khen Thiên Chúa. Hơn nữa, đôi khi trong các nghi lễ phụng tự của họ cũng thấy có những yếu tố nổi bật thuộc nền phụng vụ cổ kính chung.

Đức tin vào Chúa Kitô đã kết quả trong những lời ngợi khen và cảm tạ vì các ơn lành nhận được do Chúa ban; thêm vào đó là ý thức mạnh mẽ về đức công bình và tình yêu chân thành đối với tha nhân. Đức tin sống động ấy cũng phát sinh nhiều tổ chức nhằm xoa dịu sự cùng khổ tinh thần và thể xác, giáo dục, tuổi trẻ, cải tiến những hoàn cảnh xã hội của cuộc sống thành nhân đạo hơn và củng cố nền hòa bình thế giới.

Mặc dù, trước các vấn đề luân lý, có nhiều Kitô hữu không luôn hiểu Phúc Âm cùng một cách như người công giáo và không cùng nhận những giải pháp giống nhau trước những vấn đề khó khăn của xã hội hiện đại. Tuy nhiên, như chúng ta, họ cũng muốn giữ vững lời Chúa Kitô như là nguồn mạch của đức hạnh Kitô giáo và tuân theo lời Thánh Tông Đồ dạy: "Hết thảy công việc anh em làm, bất cứ lời nói hay hành động, hãy thực hiện tất cả nhân danh Chúa Giêsu Kitô và nhờ Người cảm tạ Thiên Chúa Cha" (Col 3,17). Từ đó, có thể bắt đầu cuộc đối thoại hiệp nhất về việc áp dụng Phúc Âm vào các vấn đề luân lý.

Kết Luận

24. Sau khi đã vấn tắt trình bày những điều kiện và các nguyên tắc chỉ đạo để thực hiện công cuộc hiệp nhất, chúng tôi tin tưởng hướng về tương lai. Thánh Công Đồng này khuyến cáo các tín hữu hãy tránh mọi sự nhẹ dạ và nhiệt thành thiếu khôn ngoan có thể phương hại tới việc phát triển công cuộc hiệp nhất. Thật vậy, hoạt động hiệp nhất của họ không thể thành tựu được, nếu nó không hoàn toàn và thực sự là công giáo, nghĩa

là trung thành với chân lý do các Tông Đồ và các Giáo Phụ^{51*} truyền lại và phù hợp với đức tin luôn được Giáo Hội Công Giáo tuyên xưng, đồng thời hướng tới sự sung mãn nhờ đó Chúa muốn Thân Thể Người được lớn lên qua các thời đại.

Thánh Công Đồng này luôn khẩn khoản ước mong cho các sáng kiến của con cái Giáo Hội Công Giáo được tiến triển hòa hợp với các sáng kiến của anh em ly khai mà không cản trở đường lối của Thiên Chúa Quan Phòng, cũng như không gây thiên kiến làm phương hại đến những ơn Chúa Thánh Thần thúc đẩy sau này^{52*}. Hơn nữa Thánh Công Đồng cũng tuyên bố là mình luôn ý thức rằng ý nguyện thánh thiện giao hòa toàn thể Kitô hữu trong sự hiệp nhất của Giáo Hội duy nhất và độc nhất của Chúa Kitô vượt quá sức lực và khả năng loài người. Vì thế, Thánh Công Đồng đặt hết hy vọng vào lời Chúa Kitô nguyện cầu cho Giáo Hội, vào tình thương của Chúa Cha đối với chúng ta và vào quyền lực của Chúa Thánh Thần. "Hy vọng không bị hổ thẹn: vì tình yêu của Thiên Chúa giải khắp lòng ta nhờ Chúa Thánh Thần Đấng đã được ban cho ta" (Rm 5,5).

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

^{51*} *Giáo Phụ là những văn sĩ công giáo thuộc thời kỳ đầu của Giáo Hội, từ thế kỷ I thời thế kỷ VIII.*

^{52*} *Đoạn này bộc lộ niềm hy vọng vào tương lai. Đường lối của Chúa Quan Phòng thật lạ lùng. Người ta không thể biết trước những ơn Chúa Thánh Thần thúc đẩy. Tuy nhiên, mỗi tín hữu nói riêng và mỗi cộng đồng nói chung phải luôn luôn tuyệt đối vâng theo Chúa Thánh Thần.*

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 21 tháng 11 năm 1964.
 Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.
 Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Khóa VII Ngày 28 tháng 10 Năm 1965

Sắc Lệnh
VỀ NHIỆM VỤ MỤC VỤ
CỦA CÁC GIÁM MỤC TRONG GIÁO HỘI
Christus Dominus

Lời Giới Thiệu

Trong giai đoạn chuẩn bị Công Đồng, Ủy Ban đặc trách vấn đề: "Giám Mục và việc cai quản giáo phận" đã soạn thảo 7 dự án. Tháng 10 năm 1962 sau khi Công Đồng khai mạc, một Ủy Ban Công Đồng được bầu lên với nhiệm vụ thu góp vấn đề vào hai văn kiện: hai văn kiện này được kết thúc vào mùa xuân 1963. Văn kiện thứ nhất, có tính cách pháp luật, nói về các mối tương quan giữa Tòa Thánh và các Giám Mục, giữa các Giám Mục Phó và các Giám Mục Phụ Tá, giữa các Hội Đồng Giám Mục v.v... Văn kiện thứ hai có khuynh hướng mục vụ hơn, đề cập đến những điểm sau đây: nhiệm vụ của Giám Mục, nhiệm vụ mục vụ của cha chính xứ, việc dậy giáo lý cho giáo dân v.v...

Trong kỳ họp II vào mùa thu 1963, chỉ có văn kiện thứ nhất được đưa ra thảo luận. Các Nghị Phụ đưa ra nhiều nhận xét vừa phong phú vừa đích xác. Nhưng vì Công Đồng có khuynh

hướng giản lược danh sách các lược đề, nên đã quyết định đúc kết hai văn kiện trên thành một, đồng thời chỉ chú trọng đến các nguyên tắc hướng dẫn nhiệm vụ mục vụ. Ủy ban khởi công soạn lại một bản văn hoàn toàn mới. Sau khi đệ trình hội nghị đầu kỳ họp III, lược đề mới này đã thỏa mãn được các Nghị Phụ.

Tuy nhiên các ngài cũng đưa ra nhiều ý kiến hào hứng. Chính vì thế đến cuối kỳ họp, bản văn vẫn chưa được công bố. Cho đến ngày 28-10-1965, trong kỳ họp IV, khóa VII bản văn mới được chính thức công bố với 2 phiếu nghịch trên 2,322 phiếu thuận.

Sắc Lệnh không có mục đích gọi lên những ý tưởng thần học mới mẻ, nhưng cụ thể hóa trên phương diện mục vụ giáo lý thần học về chức Giám Mục mà chương III của Hiến Chế tín lý về Giáo Hội đã đề cập đến. Sắc Lệnh có đặc điểm này là không ở trên lãnh vực lý thuyết, nhưng đã phác họa ra một thực hành mục vụ, đề nghị áp dụng cụ thể các sắc lệnh khác. Thật vậy Sắc Lệnh này thiết lập nhiều định chế mới: Thượng Hội Đồng Giám Mục, Hội Đồng Giám Mục, Hội Đồng Mục Vụ, v.v... Do đó, trong thực tế Sắc Lệnh có tầm quan trọng đặc biệt: vì Giáo Hội được canh tân một phần lớn là do việc thi hành Sắc Lệnh này. Đó cũng là lý do tại sao Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã cho công bố nhiều tài liệu nhằm thực thi Sắc Lệnh. Đây là những tài liệu chính:

- Apostolica sollicitudo, ngày 15-9-1965, thiết lập Thượng Hội Đồng Giám Mục (AAS 1965, trg 775-780; DC 1965, 1663-1668).

De episcoporum muneribus, ngày 15-6-1966, thêm nhiều quyền hành cho Giám Mục (AAS 1966, trg 467-472; DC 1966, 1249-1254).

Ecclesiae sanctae, ngày 6-8-1966, đưa ra nhiều tiêu chuẩn thực tế cho nhiều vấn đề (AAS 1966 trg 757-787; DC 1966, 1441-1470).

Regimini Ecclesiae Universae, ngày 15-8-1967, canh tân Giáo Triều Rôma (AAS 1967, trg 885-928; DC 1967, 1441-1473).

VỀ NỘI DUNG

Sắc Lệnh về Nhiệm Vụ Mục Vụ của các Giám Mục xoay quanh ba chủ đề chính:

I. Dân Chúa hay đúng hơn, **loài người**, có tín ngưỡng hay không. Dù bản văn trực tiếp liên hệ đến Giám Mục, nhưng dân chúng luôn luôn đứng hàng đầu vì chính họ là điều kiện đời sống và hoạt động của chủ chăn. Dân chúng được nhìn dưới 3 phương diện.

1) Chung kết hoạt động mục vụ của Giám Mục và hàng Linh Mục. Giáo phận trước tiên là một phần dân Thiên Chúa, chứ không phải chỉ là một lãnh thổ (Số 11 và 22). Con người là đối tượng đối thoại của Giám Mục về ơn cứu rỗi. Giám Mục được kêu gọi làm việc này (số 13). Con người có quyền hiểu biết mầu nhiệm Chúa Kitô (số 12), cũng như những nhu cầu, hoàn cảnh dân sự và xã hội của con người sẽ là những tiêu chuẩn căn bản vạch định biên giới Giáo Hội (số 23 và 39). Nói tóm lại nếu tìm một tiêu chuẩn thì tiêu chuẩn đó phải là dân chúng.

2) Đề tài của việc giáo huấn. Con người nói chung (MV 3,10-22) hay Kitô hữu nói riêng (GH 9,32...) tất cả đều mang trong mình một mầu nhiệm cần được khai sáng. Chính vì thế, các Giám Mục phải dạy cho họ biết giá trị của con người, của gia đình, của xã hội dân sự (số 12) phải được quý trọng đến mức nào, và phải làm cho giáo dân hiểu họ có bổn phận cộng tác vào việc tông đồ (số 13, 17, 30).

3) Người tông đồ bên cạnh Giám Mục và Linh Mục. Sắc Lệnh nhấn mạnh người giáo dân có quyền và bổn phận cộng tác vào việc tông đồ của Giáo Hội (số 6, 10, 14, 16, 17, 27, 30).

II. Giám Mục. Đây là chủ đề chính trong Sắc Lệnh cùng với chương III của Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội, Sắc Lệnh này phác họa hình ảnh của vị Giám Mục ngày nay. Sau đây là vài nét chính:

1) Giám Mục không còn là ông hoàng đơn độc, tùy thích cai trị vương quốc bé nhỏ của mình là giáo phận: từ này, danh từ Giám Mục trên phương diện mục vụ phải hiểu là một đa số. Ngài là thành phần trong Giám Mục Đoàn và như thế ngài phải quan tâm đến Giáo Hội phổ quát (số 3, 4, 6). Ngài là chủ chăn giáo phận nhưng liên kết với các linh mục của ngài (số 11, 16, 27, 28-30, 34). Ngài là thành phần của Hội Đồng Giám Mục Quốc Gia để phát huy di sản thiêng liêng cho quốc gia (số 38). trong một thời đại được đánh dấu bằng tinh thần khoa học, kỹ thuật và hiệu năng (MV 5-7), họa hiểm lăm Giám Mục mới đơn phương hoàn thành sứ mạng một cách thích hợp (số 37), chính vì thế Sắc Lệnh thiết lập một liên lạc chặt chẽ giữa mục vụ đối thoại (số 13, 16, 28), mục vụ cộng tác và mục vụ phối hợp (số 11, 15, 17, 18, 23, 24, 25, 27), mục vụ hiệp nhất (số 16, 18, 30, 36) và mục vụ công hiệu (số 5, 10, 25, 28, 30, 35, 37, 38, 39, 40, 42).

2) Giám Mục phải là một nhà truyền giáo. Điều này có hai ý nghĩa:

a) Cộng tác vào việc truyền bá đức tin giữa những dân tộc chưa biết Phúc Âm (số 3-6, 11, 12, 14, 16, 17, 23, 30). Cũng như các Sắc Lệnh khác, nói chung Sắc Lệnh này quả quyết việc truyền giáo phải được ưu tiên và cấp bách: hãy chú ý đến tiếng **nhất là** (số 6), **đặc biệt** (số 15), (xem thêm TG 29). Nên chú ý: Sắc Lệnh này không phân biệt Âu Châu với các Xứ Truyền Giáo.

Ngay cả Xứ Truyền Giáo cũng có bốn phận truyền giáo (x. TG 20).

b) Rao giảng Phúc Âm cho mọi người, đã tin hay chưa tin, để kêu gọi họ trở về đức tin hay để phát triển đức tin của họ (số 12, xem thêm số 11, 13, 30). Rao giảng Phúc Âm là bốn phận đầu tiên của Giám Mục (số 6, 12, 13, 17, 30; xem GH 20, 21, 23, 24; MK 132, 139; MV 32, 43; TG 1, 5, 20, 29, 38 v.v...); bốn phận này trội vượt hơn các bốn phận khác (số 12; x. GH 25; TG 29).

3) Giám Mục phải là chứng nhân của Chúa Kitô. Chứng tích phải là tinh thần làm sống động mọi hoạt động của Giám Mục (số 11, 15, x. GH 21).

III. Công việc Tông Đồ. Phương diện mục vụ là nét đặc thù của Sắc Lệnh. Đây là vài nét chính:

1) Việc tông đồ phải đặt trọng tâm nơi Chúa Kitô. Nhiệm vụ của Giáo Hội là mạc khải Chúa Kitô cho thế giới, chứ không phải mạc khải thế giới cho thế giới. Vì Chúa Kitô là vị cứu tinh duy nhất, là trung tâm, là cứu cánh của lịch sử (MV 10, 22, 45; GH 7, 9; TG 8...), Giáo Hội là "dấu chỉ và bí tích cứu rỗi" (GH 1, 9, 48; TG 1, 5...), nên Giám Mục và các linh mục của ngài phải rao giảng toàn thể mầu nhiệm Chúa Kitô (số 12; TG 13). Các ngài phải là những chứng nhân của Chúa Kitô (số 11, 15) hướng dẫn giáo dân hiểu biết đầy đủ mầu nhiệm cứu rỗi (số 30), mầu nhiệm phục sinh (số 15; xem thêm MV 22).

2) Thích nghi với nhu cầu thời đại. Giáo Hội ngày nay là cho con người ngày nay. Giáo Hội có nhiệm vụ giải đáp thỏa đáng cho mỗi thế hệ những câu hỏi căn bản của con người (MV 4). Chính vì thế Giáo Triều Rôma (số 9), đời sống của Giám Mục (số 16), những công việc tông đồ (số 17), những ranh giới giáo phận (số 23), giáo phủ (số 27) v.v... phải thích ứng với những nhu cầu và hoàn cảnh không những trên lãnh vực thiêng liêng,

mà ngay cả ở lãnh vực xã hội và kinh tế của con người ngày nay. Điều này càng đúng cho việc giảng dạy (số 13, 14).

3) Phải sử dụng những phương tiện khoa học, kỹ thuật của thế giới ngày nay để làm việc tông đồ. Những phương tiện phổ thông (số 13), khoa tâm lý, sư phạm (số 14; xem thêm ĐT 2, 3, 5, 11, 20), phương pháp kiểm kê xã hội và tôn giáo (số 16, 17; xem thêm MV 62). Giáo dân hiện diện trong Giáo Triều Rôma và giáo phủ là hai sự kiện minh chứng khả năng hiểu biết của họ (số 10 và 27).

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Sắc Lệnh
Về Nhiệm Vụ Mục Vụ
Của Các Giám Mục Trong Giáo Hội
Lời Mở Đầu^{1*}

1. Mở đầu. Chúa Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống, đã đến để giải cứu dân mình khỏi tội lỗi¹ và để thánh hóa mọi người: như Chúa Cha đã sai Ngài thế nào, Ngài cũng sai các Tông Đồ Ngài như vậy², và đã thánh hóa họ khi trao ban Chúa Thánh Thần cho họ để chính họ làm vinh danh Chúa Cha nơi trần gian và cứu độ loài người, "nhằm xây dựng Thân Thể Chúa Kitô" (Eph 1,12) là Giáo Hội.

2. Đức Giáo Hoàng và các Giám Mục duy trì mãi mãi công việc của Đức Kitô. Trong Giáo Hội này của Chúa Kitô, Đức Giáo Hoàng Roma, vì là đáng kế vị Phêrô, người được Chúa Kitô trao phó chiên mẹ và chiên con để chăn dắt, do Chúa thiết lập, được hưởng dụng quyền tối cao, toàn diện, trực tiếp và phổ quát trong việc chăm sóc các linh hồn. Bởi vậy, với tư cách chủ chăn toàn thể tín hữu, ngài có sứ mạng mưu ích chung cho toàn

^{1*} Lời mở đầu tóm lược quan niệm thần học quảng diễn trong chương III Hiến chế tín lý về Giáo Hội.

¹ Xem Mt 1,21.

² Xem Gio 20,21.

thể Giáo Hội và cho từng Giáo Hội địa phương, nên ngài được quyền tối thượng thường xuyên trên mọi Giáo Hội.

Các Giám Mục cũng thế, chính các ngài được Chúa Thánh Thần đặt lên kế vị các Tông Đồ như chủ chăn các linh hồn³ và được ủy thác sứ mệnh duy trì mãi mãi công việc của Chúa Kitô, chủ chăn đời đời⁴, hiệp nhất với Đức Giáo Hoàng và dưới quyền ngài. Thật vậy, Chúa Kitô đã trao cho các Tông Đồ những đấng kế vị mệnh lệnh và quyền dạy dỗ mọi dân nước, thánh hóa mọi người trong chân lý và chữa lành họ. Do đó, nhờ Thánh Thần mà các ngài đã lãnh nhận, các Giám Mục trở thành thầy dạy đức tin, chánh tế, chủ chăn thực thụ và chính thức⁵.

3. Các Giám Mục hiệp thông và dưới quyền Đức Giáo Hoàng.

Các Giám Mục, là những người chia sẻ nỗi lo âu của tất cả các Giáo Hội, thi hành nhiệm vụ giám mục mà các ngài đã nhận lãnh do việc tấn phong giám mục⁶, trong sự hiệp thông và dưới quyền Đức Giáo Hoàng, đối với những gì thuộc quyền giáo huấn cũng như quyền cai quản mục vụ; tất cả các ngài họp thành Cộng Đoàn Giám Mục hay Giám Mục Đoàn đối với toàn thể Giáo Hội Chúa.

Mỗi vị thi hành chức vụ ấy trên phần đoàn chiên Chúa đã được chỉ định; mỗi vị được ủy thác coi sóc một Giáo Hội địa phương, hoặc đôi khi vài vị cùng nhau lo cho một số nhu cầu chung của nhiều Giáo Hội khác nhau.

Do đó, trong khi đặc biệt lưu tâm đến những hoàn cảnh của cộng đồng nhân loại đang tiến đến một trật tự mới trong thời

³ Xem *CĐ Vat. I, Khóa IV, Hiến chế tín lý I về Giáo Hội Chúa Kitô, Pastor Aeternus, ch. 3: Dz 1828 (1061)*.

⁴ Xem *CĐ Vat. I, Khóa IV, Hiến chế tín lý I về Giáo Hội Chúa Kitô, Pastor Aeternus, lời mở đầu: Dz 1821 (3050)*.

⁵ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. 3, số 21, 24, 25: AAS (1965), trg 24-25, 29-31*.

⁶ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. 3, số 21: AAS 57 (1965), trg 23-25*.

đại chúng ta⁷, đồng thời cũng muốn xác định nhiệm vụ mục vụ của các Giám Mục cách minh bạch hơn, Thánh Công Đồng đã quyết định những điều sau đây.

Chương I

Các Giám Mục Với Giáo Hội Phổ Quát

I. Vai trò của Giám Mục với Giáo Hội phổ quát

4. Quyền của Giám Mục đoàn. Do bí tích tấn phong và do sự hiệp thông phẩm trật với vị Thủ Lãnh cũng như với các thành phần trong cộng đoàn, các Giám Mục trở nên những Thành Phần của Giám Mục Đoàn¹. "Giám Mục Đoàn kế vị cộng đoàn Tông Đồ trong việc giáo huấn và chăn dắt, chính trong Giám Mục Đoàn mà cộng đoàn Tông Đồ được trường tồn. Hiệp nhất với Thủ Lãnh, tức Giáo Hoàng Roma, và không bao giờ tách rời khỏi Thủ Lãnh ấy, Giám Mục Đoàn có quyền bính trọn vẹn và tối cao trên toàn thể Giáo Hội, nhưng chỉ có thể thi hành quyền này khi có sự ưng thuận của Giáo Hoàng Roma"². Thực vậy, quyền bính này "được thi hành cách trọng thể trong Công Đồng Chung"³: do đó, Thánh Công Đồng chế định mọi Giám

⁷ Xem Gioan XXIII, Tông hiến *Humanae salutis*, 25-12-1961: AAS 54 (1962) trg 6.

¹ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen gentium*, ch. 3, số 22: AAS 57 (1965), trg 25-27.

² CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, n.v.t.

³ CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, n.v.t.

Mục đều có quyền tham dự Công Đồng Chung vì là thành phần của Cộng Đoàn Giám Mục^{2*}.

"Hiệp nhất với Giáo Hoàng, các Giám Mục trên khắp thế giới còn có thể thực hành quyền cộng đoàn ấy khi vị Thủ Lãnh cộng đoàn mời gọi các Ngài cùng hành động cách cộng đoàn, hay ít ra khi Ngài ưng thuận hoặc tự do chấp nhận hành động hiệp nhất của các Giám Mục rải rác để làm cho nó trở thành một hành động có tính cách cộng đoàn thực sự"⁴.

5. Hội nghị Giám Mục hay Thượng Hội Đồng Giám Mục.

Các Giám Mục được tuyển chọn từ các miền khác nhau trên thế giới, theo cách thức và tiêu chuẩn đã hoặc sẽ được Đức Giáo Hoàng Roma ấn định, giúp đỡ vị Chủ Chăn Tối Cao của Giáo Hội cách đặc lực hơn nơi Hội Đồng có tên riêng là "Thượng Hội Đồng Giám Mục"⁵; Thượng Hội Đồng này đóng vai trò của toàn thể hàng Giám Mục Công Giáo, đồng thời nói

^{2*} Đây là một khuynh hướng mới mẻ: từ nay mọi Giám Mục dù không cai quản giáo phận (Giám Mục hiệu tòa), đều có quyền tham dự Công Đồng Chung. Lúc trước các ngài chỉ có quyền tham dự nếu được mời (Giáo Luật kh. 223, 2).

Khuynh hướng này phát xuất từ một ý tưởng thần học mới mẻ. Quan niệm trước Công Đồng cho rằng Giám Mục có quyền bính vì hai lý do: a) việc tấn phong ban cho Giám Mục quyền thánh hóa (cử hành thánh lễ, giải tội v.v...).

b) Đức Giáo Hoàng, người ban cho Giám Mục quyền giáo huấn và cai trị.

Nhưng Công Đồng (x. GH 21, 28; GM 2, 3; LM 7) quả quyết mọi quyền bính của Giám Mục đều do cuộc tấn phong trong hiệp thông với Tòa Thánh. Đức Giáo Hoàng chỉ là người chỉ định cho Giám Mục một giáo phận để thực hành quyền bính đó. Chính vì thế điều kiện duy nhất để tham dự Công Đồng là được tấn phong Giám Mục trong hiệp thông với Tòa Thánh.

⁴ CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, n.v.t.

⁵ Xem Phaolô VI, Tựa sắc Apostolica Sollicitudo, 15-9-1965: AAS 57 (1965), trg 775-780.

lên rằng tất cả các Giám Mục, trong sự hiệp thông phẩm trật, cùng chia sẻ nỗi lo âu của toàn thể Giáo Hội^{6,3*}

6. Các Giám Mục chia sẻ sự lo lắng cho tất cả Giáo Hội. Các Giám Mục, là những người kế vị hợp pháp các Tông Đồ và là thành phần của Cộng Đoàn Giám Mục, phải luôn luôn ý thức mình liên kết với nhau và cùng nhau lo lắng cho tất cả các Giáo Hội, vì được Thiên Chúa thiết lập và do mệnh lệnh của nhiệm vụ tông đồ, mỗi vị, cùng với các Giám Mục khác phải là người bảo đảm cho Giáo Hội⁷. Nhất là các ngài phải lo lắng đến những miền trên thế giới chưa được rao giảng Lời Chúa, hay đặc biệt những miền mà chính vì quá ít linh mục, các Kitô hữu đang bị nguy cơ xa lìa chính những huấn giới của đời sống Kitô giáo và cả đến mất đức tin.

Vì thế các ngài phải cố gắng hết sức thế nào để các công cuộc rao giảng Phúc Âm và hoạt động tông đồ được các tín hữu nhiệt liệt nâng đỡ và cổ võ. Ngoài ra các ngài còn phải chú tâm lo lắng chuẩn bị những thừa tác viên thánh vụ thích hợp và cả các phụ tá, tu sĩ cũng như giáo dân, để làm việc tại các xứ truyền giáo và những miền thiếu giáo sĩ. Và tùy sức có thể, các ngài hãy lo gửi một số linh mục của mình đến thi hành thánh vụ tại

⁶ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, ch. 3, số 23: AAS 57 (1965), trg 27-28.*

^{3*} Những người có quyền tối cao trong Giáo Hội là: a) chỉ mình Đức Giáo Hoàng. b) Đức Giáo Hoàng và tất cả Giám Mục trên thế giới chung với nhau (hay Giám Mục Đoàn). Đức Giáo Hoàng cai trị qua Giáo Triều Roma. Còn Giám Mục Đoàn cai trị như thế nào? Đôi khi các Giám Mục trên thế giới họp Công Đồng Chung. Nhưng vì qui tụ tất cả Giám Mục không phải là chuyện dễ, nên có các cuộc họp thu hẹp giữa một số Giám Mục đại diện cho tất cả, và quyết định nhân danh Giám Mục Đoàn. Cuộc họp này mệnh danh là Thượng Hội Đồng Giám Mục, và được tổ chức hai năm một lần tại Roma.

⁷ Xem *Piô XII, Tđ. Fidei donum, 21-4-1957: AAS 49 (1957), trg 237; xem thêm Benedictô XV, Tông thư Maximum illud, 30-11-1919: AAS 11 (1919), trg 440; Piô XI, Tđ. Rerum Ecclesiae, 28-2-1926: AAS 18 (1926), trg 68f.*

những xứ truyền giáo và các giáo phận^{4*} nói trên vĩnh viễn hay ít là trong một thời gian hạn định.

Ngoài ra, trong khi sử dụng tài sản của Giáo Hội, các Giám Mục phải quan tâm đến không những các nhu cầu của giáo phận mình, mà còn của các Giáo Hội địa phương khác vì các Giáo Hội này là thành phần Giáo Hội duy nhất của Chúa Kitô. Sau cùng các ngài cũng phải tùy sức mà quan tâm đến việc cứu trợ những tai ương mà các giáo phận hay các miền khác phải gánh chịu.

7. Đức Ái tích cực đối với các Giám Mục bị bắt bớ. Nhất là các ngài phải lấy tình anh em mà bao bọc các vị Giám Mục, vì danh Chúa Kitô, đang bị vu khống và gặp khó khăn hay bị ngăn cấm không được thi hành chức vụ; và các ngài hãy lấy tình huynh đệ tích cực mà săn sóc các vị đó để xoa dịu và làm vơi bớt nỗi khổ đau của họ bằng kinh nguyện và hành động của các Anh Em đồng nghiệp.

II. Các Giám Mục và Tòa Thánh

8. Quyền hạn các Giám Mục trong giáo phận đảm nhiệm.

a) Các Giám Mục vì là những người kế vị các Tông Đồ, nên trong giáo phận đảm trách, tự mình các ngài có mọi quyền hành thông thường, riêng biệt và trực tiếp theo như nhiệm vụ mục vụ đòi hỏi^{5*}. Tuy nhiên trong mọi trường hợp, Đức Giáo

^{4*} Xem TG 20, 38, 39; LM 10; Ecclesiae sanctae, ch. I, số 1-5 và ch. III, số 6.

^{5*} Nguyên tắc này mới mẻ và tạo thành một trong những nền tảng chính yếu của quyền bính và quan trọng của Giám Mục. Quan niệm trước Công Đồng cho rằng quyền cai trị của Giám Mục là do Đức Giáo Hoàng ban cho, nên Đức Giáo Hoàng phải luôn luôn ban cho các Giám Mục những quyền hành mà các ngài chưa có. Ngày nay thì trái lại: qua việc tấn phong, các Giám Mục nhận mọi quyền bính cần thiết, Đức Giáo Hoàng chỉ thu hẹp những quyền này khi công ích của Giáo Hội phổ quát đòi hỏi như ta sẽ thấy sau.

Hoàng Roma, vì chức vụ, vẫn luôn có quyền dành lại một số vấn đề cho mình hay cho một Thẩm Quyền khác.

b) Trong trường hợp riêng, mỗi khi xét thấy có lợi ích thiêng liêng cho các con chiên dưới quyền theo luật định, mỗi Giám Mục giáo phận có đặc quyền miễn trừ luật chung của Giáo Hội, trừ trường hợp dành riêng cho Thẩm Quyền Tối Cao của Giáo Hội^{6*}.

9. Thánh Bộ thuộc Giáo Triều Rôma. Trong khi thi hành quyền tối cao, trọn vẹn và trực tiếp trên toàn thể Giáo Hội, Đức Giáo Hoàng Roma xử dụng các Thánh Bộ thuộc Giáo Triều Roma; vì thế các Thánh Bộ nhân danh và lấy quyền ngài mà chu toàn chức vụ của mình để mưu ích chung cho các Giáo Hội cũng như giúp đỡ các Chủ Chăn thánh.

Vả lại, các Nghị Phụ tham dự Thánh Công Đồng mong ước rằng các Thánh Bộ này tuy đã giúp đỡ Đức Giáo Hoàng Roma và các Chủ Chăn của Giáo Hội một cách đắc lực, nhưng cũng cần cải tổ cho hợp hơn với nhu cầu thời đại, địa phương và các

^{6*} Đây cũng là điều mới mẻ. Trước Công Đồng, Giám Mục không có quyền chuẩn luật Giáo Hội do Đức Giáo Hoàng thiết lập cho toàn thể Giáo Hội (Giáo Luật kh. 87). Nhờ căn bản này, ngày nay các ngài mới có quyền đó. Nhưng Đức Giáo Hoàng dành quyền riêng cho Ngài trong một vài trường hợp như sau:

- Cho phép một phó tế hay linh mục lấy vợ;
- Cho phép một linh mục đã chính thức lập gia đình được thi hành nhiệm vụ tông đồ;
- Cho phép linh mục làm thầy thuốc, giải phẫu, làm công chức, thương nghị sĩ hay dân biểu;
- Cho phép thanh niên thanh nữ quá trẻ lập gia đình, khi còn thiếu hơn một năm mới đến tuổi thành hôn pháp định.

Các quyền dành riêng này nhằm công ích Giáo Hội. Thực vậy, người ta có thể dễ dàng tưởng tượng những bất tiện có thể xảy ra nếu Giám Mục này ban phép cho các linh mục của ngài cưới vợ, còn vị khác lại khước từ. Thật là một hỗn loạn nếu trong một giáo phận, người ta được lập gia đình lúc 13 tuổi, trong lúc giáo phận khác phải đợi đến 14 tuổi.

nghi lễ, nhất là những vấn đề có liên quan đến số các bộ, danh hiệu, thẩm quyền, phương pháp làm việc riêng biệt và sự phối trí các công việc với nhau^{8.7*}. Cũng thế, các ngài ước mong rằng vì nhiệm vụ riêng của các Giám Mục, nên chức vụ các Đại Sứ của Đức Giáo Hoàng Roma cần phải được xác định rõ ràng hơn.

10. Nhân viên Thánh Bộ. Ngoài ra, vì các Thánh Bộ được thành lập để mưu ích cho toàn thể Giáo Hội, nên Thánh Công Đồng ước mong hãy thu nhận thêm các Thành Phần, các Nhân Viên và các Cố Vấn cũng như các Đại Sứ của Đức Giáo Hoàng, từ những miền khác nhau trong Giáo Hội, sao cho các cơ quan hành chánh hay cơ quan trung ương của Giáo Hội Công Giáo tỏ ra có đặc tính phổ quát thực sự.

Công Đồng còn mong ước trong Thành Phần các Thánh Bộ cũng nên thu nhận một số Giám Mục, nhất là Giám Mục giáo phận, những vị có thể đem lại cho Đức Giáo Hoàng một cách đầy đủ hơn những cảm nghĩ, nguyện vọng và nhu cầu của tất cả Giáo Hội^{8*}.

Sau cùng các Nghị Phụ nhận thấy rằng thật ích lợi nếu chính các Thánh Bộ đó biết nghe nhiều hơn nữa những giáo dân trở vượt về nhân đức, kiến thức và kinh nghiệm, sao cho chính giáo dân cũng góp phần vào các công việc của Giáo Hội.

⁸ Xem Phaolô VI, Huấn từ cho các Hồng Y, các vị Lãnh Đạo, các Giám Chức và các Nhân Viên thuộc Giáo Triều Roma, 21-9-1963: AAS 55 (1963), trg 793tt.

^{7*} Giáo Triều Roma là cơ quan cai trị Giáo Hội của Đức Giáo Hoàng. Giáo Triều này gồm những Thánh Bộ, Tòa Án, Văn Phòng v.v... Tất cả những canh tân mà Công Đồng mong muốn đã được Đức Phaolô VI thực hiện qua Tựa Sắc Regimini Ecclesiae Universae, ngày 15-8-1967 (x. AAS (1967), trg 885-928; DC 1967, 1441-1473).

^{8*} Đức Phaolô VI đã thực hiện ý muốn này, Ngài đã chỉ thị cho 7 giám mục được tuyển chọn khắp thế giới, tham dự vào việc điều khiển mỗi Thánh Bộ (x. Tựa sắc Pro comperto sane, ngày 6-8-1967: AAS (1967), trg 881-884; DC 1967, 1474-1478).

Chương II

Các Giám Mục Với Các Giáo Hội Địa Phương Hay Giáo Phận

I. Các Giám Mục Giáo Phận

11. Ý niệm về Giáo huấn và phận sự Giám Mục trong giáo phận. Giáo phận là một phần Dân Thiên Chúa được giao phó cho một Giám Mục chăm sóc, với sự cộng tác của linh mục đoàn, để nhờ liên kết với vị chủ chăn của mình và qua ngài, giáo phận được tập trung trong Chúa Thánh Thần nhờ Phúc Âm và Thánh Thể, làm thành một Giáo Hội riêng biệt, trong đó Giáo Hội Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền của Chúa Kitô hiện diện và hành động thực sự^{9*}.

Được ủy thác chăm sóc một Giáo Hội riêng biệt, mỗi Giám Mục dẫn dắt các con chiên của mình nhân danh Chúa, dưới quyền Đức Giáo Hoàng, với danh nghĩa là chủ chăn riêng, thường xuyên và trực tiếp khi thi hành nhiệm vụ giáo huấn,

^{9*} Đoạn này diễn tả giáo phận như là mẫu của Giáo Hội riêng biệt hay địa phương. Giáo phận gồm hai yếu tố:

a) yếu tố xã hội: một phần của dân Thiên Chúa, của Giáo Hội phổ quát trên một lãnh thổ nhất định, có Giám Mục lãnh đạo. Trên phương diện này, giáo phận là một đơn vị mục vụ và hành chánh.

b) yếu tố siêu nhiên: Chúa Kitô, Chúa Thánh Thần, ơn cứu rỗi, toàn thể màu nhiệm Giáo Hội đều hiện diện trọn vẹn trong mỗi giáo phận (x. số 15 phần cuối; GH 26). Những thực tại này vì thiêng liêng nên bất khả phân. Trên phương diện này, giáo phận là toàn thể Giáo Hội hiện diện tại một nơi nhất định.

thánh hóa và cai quản các con chiên. Tuy nhiên các ngài phải nhìn nhận những quyền lợi chính đáng của các Thượng Phụ hay những Đấng Thẩm Quyền phẩm trật khác¹.

Các Giám Mục phải chăm lo nhiệm vụ tông đồ của mình như những chứng nhân của Chúa Kitô trước mặt mọi người, chẳng những săn sóc những kẻ đã theo vị Thủ Lãnh các chủ chăn, mà lại hết lòng hy sinh cho những người bất cứ cách nào đã đi lạc đường chân lý hay không biết Phúc Âm và lòng nhân từ cứu chuộc của Chúa Kitô, cho đến khi tất cả, sau cùng sẽ "đi trong sự chí thiện, chí công và chân thật" (Eph 5,9).

12. Nhiệm vụ giáo huấn. Trong khi thi hành chức vụ giáo huấn của mình, các Giám Mục phải loan báo cho mọi người biết Phúc Âm Chúa Kitô, một nhiệm vụ trỗi vượt trên các chức vụ chính yếu của các ngài², bằng cách nhờ sức mạnh của Chúa Thánh Thần mời gọi họ chấp nhận đức tin hoặc làm cho họ vững mạnh trong đức tin sống động. Các ngài hãy trình bày cho họ toàn vẹn màu nhiệm Chúa Kitô, tức những chân lý mà nếu không biết tới là không biết Chúa Kitô, và cũng phải trình bày con đường đã được Thiên Chúa mạc khải để làm vinh danh Người và nhờ đó, họ được hạnh phúc trường cửu³.

Hơn nữa, các ngài phải minh chứng rằng theo ý định của Thiên Chúa Tạo Hóa, chính các thực tại trần thế và các tổ chức nhân loại đã được an bài để cứu rỗi con người, và do đó chúng có thể góp phần không ít trong việc kiến tạo Thân Thể Chúa Kitô.

Vì thế, dựa theo giáo thuyết của Giáo Hội, các ngài phải dạy cho họ biết phải kính trọng nhân vị, kính trọng tự do và cả đời

¹ Xem *CĐ Vat. II, Sắc lệnh về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương Orientalium Ecclesiarum*, 21-11-1964, số 7-11: AAS 57 (1965), trg 79-80.

² Xem *CĐ Trentô, Khóa 5, Sắc lệnh De reform.*, ch. 2 : Mansi 33, 30; *Khóa 24, Sắc lệnh De reform.*, ch. 4 : Mansi 33, 159. - Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium*, ch. III, số 25: AAS 57 (1965), trg 29tt.

³ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium*, ch. III, số 25: AAS 57 (1965), trg 29-31.

sống thể xác như thế nào; phải kính trọng gia đình, còn sự hợp nhất và bền vững của nó, cũng như việc sinh sản và giáo dục con cái như thế nào; phải tôn trọng cộng đồng dân sự với các luật lệ và những nghề nghiệp của nó như thế nào; phải quý trọng lao công, giải trí, nghệ thuật và những khám phá kỹ thuật như thế nào; phải mên chuộng sự nghèo khó cũng như sự sung túc ra sao. Sau cùng các ngài phải trình bày những lý lẽ giải quyết các vấn đề rất hệ trọng liên quan đến việc chiếm hữu, phát triển và việc phân phối hợp lý của cải vật chất, những vấn đề liên quan tới hòa bình và chiến tranh, tới mỗi bang giao huynh đệ giữa mọi dân tộc⁴.

13. Cách trình bày giáo thuyết Kitô giáo ngày nay. Các ngài phải trình bày giáo thuyết Kitô giáo một cách thích hợp với những nhu cầu của thời đại, nghĩa là đáp ứng những khó khăn và những vấn đề đang làm cho mọi người xao động và khắc khoải nhất^{10*}. Các Ngài cũng phải coi sóc giáo thuyết đó bằng cách dạy cho chính các tín hữu biết bênh vực và phổ biến nó. Trong việc giảng truyền giáo thuyết này, các ngài phải tỏ lòng ân cần từ mẫu của Giáo Hội đối với hết mọi người, tín hữu cũng như lương dân, và phải chăm sóc đặc biệt đến những người nghèo khổ, những kẻ hèn kém, mà Chúa đã sai các ngài rao giảng Phúc Âm cho họ.

Vì Giáo Hội có nhiệm vụ tìm đến đối thoại với xã hội loài người, trong đó Giáo Hội đang sống⁵, nên trước tiên bổn phận của các Giám Mục là đến với mọi người, kêu gọi và cổ vũ các cuộc đối thoại với họ. Trong những cuộc đối thoại thuộc viễn tượng cứu rỗi đó, để chân lý luôn luôn liên kết với bác ái, kiến thức đi liền với tình yêu, cần phải làm nổi bật tính chất minh

⁴ Xem Gioan XXIII, *Tđ. Pacem in terris*, 11-4-1963, và nhiều nơi khác: AAS 55 (1963), trg 257-304.

^{10*} Về những đề tài và tính cách của giáo huấn Giáo Hội trong thời đại chúng ta, xem MK 25; GM 12, 13, 30; LM 4; MV 4, 10, 12, 22, 37, 38, 43, 62 v.v...

⁵ Xem Phaolô VI, *Tđ. Ecclesiam suam*, 6-8-1964: AAS 56 (1964), trg 639.

bạch của ngôn ngữ, cùng sự khiêm tốn và lòng nhân hậu, cũng như sự khôn ngoan đúng mức, nhưng đầy tin tưởng, vì khi sự tin tưởng hỗ trợ tình bạn hữu thì cũng liên kết các tâm hồn⁶.

Các ngài phải cố gắng dùng những phương tiện khác nhau sẵn có trong thời đại chúng ta để loan báo giáo thuyết Kitô giáo, trước hết là việc giảng thuyết và việc tổ chức dạy giáo lý: cả hai luôn luôn giữ một địa vị chính yếu; sau đó trình bày giáo thuyết trong các học đường, các học hội, các buổi thuyết trình và những cuộc hội họp dưới mọi hình thức; và đừng quên phổ biến giáo lý đó bằng những bản tuyên ngôn nhân một vài biến cố, cũng như bằng báo chí và những phương tiện truyền thông xã hội khác nhau; cần phải hoàn toàn tận dụng các phương tiện này để rao truyền Phúc Âm Chúa Kitô⁷.

14. Tổ chức dạy giáo lý. Các ngài phải lo lắng để việc tổ chức dạy giáo lý được thực hiện chu đáo cho các thiếu nhi, cho thanh thiếu niên và cho cả những người đã trưởng thành với mục đích là làm cho đức tin nơi mọi người, sau khi được giáo thuyết soi dẫn, trở nên sống động, minh bạch và hữu hiệu. Các ngài phải lo lắng để việc truyền đạt giáo lý có thể theo một thứ tự thích ứng và một phương pháp không những xứng hợp với môn đang học hỏi mà còn hợp với tính tình, khả năng, tuổi tác và cả hoàn cảnh sinh sống của các thánh giá; việc dạy giáo lý đó cũng phải dựa trên Thánh Kinh, Thánh Truyền, Phụng Vụ, Giáo Huấn và đời sống Giáo Hội.

Ngoài ra, các ngài hãy lo chuẩn bị đúng mức các người dạy giáo lý thi hành phận sự của mình để họ hiểu rõ giáo thuyết của Giáo Hội và thông thạo những định luật tâm lý và các khoa sư phạm về lý thuyết cũng như thực hành.

⁶ N.t., trg 644-645.

⁷ Xem CĐ Vat. II, *Sắc lệnh về các phương tiện Truyền Thông xã hội Inter Mirifica*: AAS 56 (1964), trg 145-153.

Các ngài cũng phải cố gắng thế nào để việc tổ chức dạy giáo lý cho những tân tòng đã lớn tuổi được cải tổ hoặc thích nghi hơn.

15. Nhiệm vụ thánh hóa. Khi thi hành chức vụ thánh hóa, các Giám Mục phải nhớ rằng mình đã được chọn từ muôn người và được đặt lên cho họ trong những việc liên quan đến Thiên Chúa, để dâng của lễ và lễ vật hy sinh đền tội. Thực thế, các Giám Mục hưởng nhận sự sung mãn của Bí Tích Truyền Chức và các linh mục lệ thuộc vào các ngài khi thi hành quyền bính của mình, vì chính các linh mục đã được thánh hiến thành những linh mục đích thực của Tân Ước để trở nên những cộng sự viên sáng suốt của Hàng Giám Mục. Các phó tế cũng lệ thuộc như vậy, vì họ đã được thụ phong để phụng sự, nên họ phục vụ dân Thiên Chúa trong sự thông hiệp với Giám Mục và linh mục đoàn của Ngài. Vì vậy chính các Giám Mục là những người phân phát chủ yếu các mầu nhiệm của Thiên Chúa và là những vị điều hành, cổ võ, bảo vệ toàn thể đời sống phụng vụ trong Giáo Hội đã được trao phó⁸.

Vậy các ngài phải luôn luôn lo lắng cho các Kitô hữu thấu hiểu và sống sâu xa hơn mầu nhiệm phục sinh thế nào để nhờ Bí Tích Thánh Thể, họ tạo thành một Thân Thể liên kết rất chặt chẽ trong tình bác ái duy nhất của Chúa Kitô⁹. Trong khi "chuyên cần cầu nguyện và giảng huấn lời Chúa" (CvTđ 6,4), các ngài hãy gắng sức để mọi người dưới sự săn sóc của mình được đồng một lòng trong kinh nguyện¹⁰, được lớn lên trong ơn nghĩa thánh nhờ lãnh nhận các Bí Tích và trở nên nhân chứng trung thành của Chúa.

⁸ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh Sacrosanctum Concilium*: AAS 56 (1964), trg 97tt. - *Phaolô VI, Tự sắc Sacram Liturgiam*, 25-1-1964 : AAS 56 (1964), trg 139tt.

⁹ Xem *Piô XII, Tđ. Mediator Dei*, 20-11-1947: AAS 39 (1947), trg 521tt. - *Phaolô VI, Tđ. Mysterium Fidei*, 3-9-1965: AAS 57 (1965), trg 753-774.

¹⁰ Xem *CvTđ 1, 14 và 2, 46*.

Như những kẻ có nhiệm vụ giúp người khác nên trọn lành, các Giám Mục hãy nhiệt thành thúc đẩy các giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân của mình sống thánh thiện tùy theo ơn gọi đặc biệt của mỗi người¹¹. Tuy nhiên, các ngài hãy nhớ rằng mình cũng phải nêu gương thánh thiện bằng bác ái, khiêm nhường và bằng đời sống đơn giản. Các ngài phải thánh hóa các Giáo Hội đã được trao phó, sao cho ý nghĩa Giáo Hội phổ quát của Chúa Kitô được sáng chói hoàn toàn nơi các Giáo Hội đó. Cho nên các ngài hãy hết sức cố võ ơn gọi làm linh mục hay tu dòng, nhất là hãy đặc biệt lưu tâm đến ơn gọi truyền giáo.

16. Nhiệm vụ cai quản và chặn dắt các linh hồn. Trong khi thi hành nhiệm vụ người cha và chủ chăn, các Giám Mục hãy sống giữa dân mình như những người phục vụ¹², nghĩa là như những chủ chăn hiền từ biết các con chiên mình và con chiên cũng biết chủ chăn; như những người cha đích thực tỏ lòng yêu thương và lo lắng cho hết mọi người và mọi người tỏ lòng tri ân tuân phục quyền hành Thiên Chúa đã ban cho các ngài. Các ngài hãy quy tụ đoàn chiên của mình thành một gia đình đông đủ để mọi người đều ý thức nhiệm vụ riêng mà sống và hoạt động trong tình hiệp thông bác ái.

Để có thể thực thi những điều đó một cách hiệu nghiệm, các Giám Mục "là những người sẵn sàng làm mọi việc thiện" (2Tm 2,21) và "chịu đựng mọi sự vì những kẻ được chọn" (2Tm 2,10) phải tổ chức đời sống mình phù hợp với những nhu cầu thời đại.

Vì các linh mục chia xẻ một phần nghĩa vụ cũng như nỗi lo âu của chính các ngài và vì hằng ngày họ hằng say thi hành nghĩa vụ đó, nên các ngài hãy luôn đặc biệt yêu mến họ, coi họ như

¹¹ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium*, ch. VI, số 44-45: AAS 57 (1965), trg 50-52.

¹² Xem *Lc 22,26-27*.

những người con, người bạn¹³; như thế, nhờ sẵn sàng nghe họ và liên lạc thân tín với họ, các ngài nhiệt thành cổ vũ toàn thể công tác mục vụ trong cả giáo phận^{11*}.

Các ngài phải lo lắng tới tình trạng thiêng liêng, trí thức và vật chất của các linh mục mình, để họ có thể sống thánh thiện và đạo đức cũng như có thể trung thành chu toàn nhiệm vụ riêng một cách hữu hiệu. Do đó, các ngài nên khuyến khích mở những trung tâm huấn luyện và tổ chức các cuộc gặp gỡ đặc biệt giúp cho các linh mục tỉnh táo quy tụ lại với nhau, vừa để chu toàn các việc linh thao lâu dài hơn nhằm cải tạo cuộc sống, vừa để học hỏi sâu xa hơn những môn học của Giáo Hội, nhất là Thánh Kinh và thần học hay những vấn đề xã hội khá quan trọng, và cả những phương pháp mới của hoạt động mục vụ nữa. Các ngài nên đối xử nhân từ cách tích cực với những linh mục đang lâm nguy bằng cách này hay bằng cách khác, hoặc đã sa ngã một cách nào đó.

Để có thể mưu ích cho các tín hữu hợp với tình trạng của từng người, các ngài phải cố gắng tìm hiểu đúng mức những nhu cầu của họ trong hoàn cảnh xã hội họ đang sống, nhờ áp dụng những phương thế thích hợp, nhất là phương pháp điều tra xã hội. Các ngài phải tỏ ra lo lắng cho hết mọi người, bất luận tuổi tác, hoàn cảnh hay quốc tịch, người bản xứ, ngoại kiều cũng như lũ khách. Trong việc thể hiện nỗi lo lắng mục vụ này, các ngài phải dành cho tín hữu của mình những vai trò thích hợp với họ trong các công việc của Giáo Hội, và đồng thời phải nhìn nhận họ cũng có bổn phận và quyền lợi tích cực góp sức vào việc xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô.

Các ngài phải tỏ lòng thương mến những anh em ly khai bằng cách nhấn nhủ các tín hữu đối đãi với họ hết sức nhân đạo và

¹³ Gio 15,15.

^{11*} Về mối tương quan giữa các Giám Mục và linh mục: xem số 15, 28; GH 28; LM 2, 7, 15; TG 20.

bác ái; đồng thời cũng cổ võ phong trào hiệp nhất đúng theo quan điểm của Giáo Hội¹⁴. Các ngài hãy yêu mến những người không được rửa tội để bác ái của Chúa Kitô chiếu sáng cho họ, vì Giám Mục là nhân chứng của Chúa Giêsu trước mặt mọi người.

17. Các hình thức đặc biệt của việc tông đồ. Phải hỗ trợ các phương pháp làm việc tông đồ khác nhau cũng như việc phối trí và liên lạc mọi công việc tông đồ dưới sự chỉ huy của Giám Mục trong toàn cõi hay tại những vùng đặc biệt của giáo phận; nhờ sự liên kết này, mọi sáng kiến và tổ chức như dạy giáo lý, truyền giáo, bác ái, xã hội, gia đình, học đường và bất cứ công việc gì theo đuổi mục đích mục vụ, đều được thống nhất theo một đường lối hoạt động; và như thế sự hợp nhất của giáo phận được sáng chói hơn.

Cần phải chăm lo nhấn mạnh đến bốn phận đòi buộc từng tín hữu phải làm việc tông đồ tùy theo hoàn cảnh và khả năng của mình và cũng phải nhắc nhở họ tham dự hoặc giúp đỡ các công việc tông đồ giáo dân khác nhau, nhất là công giáo tiến hành. Cũng phải cổ võ hay nâng đỡ những hiệp hội nào trực tiếp hoặc gián tiếp theo đuổi mục đích siêu nhiên, nghĩa là để đạt đến đời sống toàn thiện hơn, hoặc để loan báo Phúc Âm Chúa Kitô cho mọi người, hoặc phát động giáo thuyết Kitô giáo hay phát triển những phụng tự công cộng hoặc theo đuổi những mục đích xã hội hoặc thực hiện những công việc đạo đức hay bác ái.

Các hình thức hoạt động tông đồ cần phải thích nghi đúng mức với những nhu cầu hiện đại, quan tâm tới các hoàn cảnh của con người, không những về điều kiện thiêng liêng và luân lý, mà cả hoàn cảnh xã hội, dân số và kinh tế nữa. Nhờ những ban mục vụ xã hội, là những ban được khuyến khích đặc biệt, các

¹⁴ Xem CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Hiệp Nhất Unitatis Redintegratio: AAS 57 (1965), trg 90-107.

cuộc điều tra xã hội và tôn giáo giúp ích rất nhiều để đạt tới mục đích đó cách hữu hiệu và phong phú.

18. Chú tâm đặc biệt đến một ít nhóm tín hữu. Cần lo lắng đặc biệt đến những tín hữu vì hoàn cảnh sinh sống không được hưởng đầy đủ sự chăm sóc mục vụ chung và thường xuyên của cha xứ hoặc thiếu hẳn sự chăm sóc đó, chẳng hạn đa số những người di cư, dân lưu đầy, tị nạn, những người đi biển, cũng như các nhân viên phi hành, dân du mục và những hạng người như thế. Cần phải cố võ những phương pháp mục vụ thích hợp để nâng đỡ đời sống thiêng liêng của những người vì lý do nghỉ ngơi, tìm đến những xứ khác trong một thời gian.

Các Hội Đồng Giám Mục, nhất là Hội Đồng Giám Mục Quốc Gia, cần phải nghiên cứu những vấn đề khá cấp bách liên hệ đến những người kể trên. Nhờ các phương tiện cũng như các tổ chức thích hợp, các ngài hãy đồng tâm hiệp lực lo lắng và hỗ trợ việc thiêng liêng của họ, bằng cách vừa lưu tâm đến những tiêu chuẩn đã được Tòa Thánh qui định¹⁵, hay sẽ ban hành, vừa thích nghi thỏa đáng với các hoàn cảnh về thời gian, nơi chốn và nhân sự.

19. Quyền tự do của Giám Mục và mối tương quan với chính quyền. Trong việc chu toàn nhiệm vụ tông đồ nhằm cứu rỗi các linh hồn, các Giám Mục tự mình được hưởng quyền tự do đầy đủ và hoàn toàn, cũng như quyền độc lập đối với bất cứ quyền hành dân sự nào^{12*}. Vì thế, không được phép trực tiếp hay gián

¹⁵ Xem T. Piô X, *Tự sắc Iampridem*, 19-3-1914 : AAS 6 (1914), trg 173 tt. - Piô XII, *Tông hiến Exsul Familia*, 1-8-1952: AAS 44 (1952), trg 649 tt; *Leges Operis Apostolatus Maris*, được thu thập lại theo lệnh của Đức Piô XII, 21-11-1957: AAS 50 (1958), trg 375-383.

^{12*} Công Đồng đặt các tương quan giữa Giáo Hội với các quốc gia trên nguyên tắc độc lập hỗ tương; nhưng trong khi cộng tác, Giáo Hội và quốc gia có những sứ mệnh khác nhau. Và đây cũng là nền tảng cho sự độc lập. Có một điểm tương đồng là cả Giáo Hội lẫn quốc gia đều phục vụ con người: đây là nền tảng của việc cộng tác giữa hai bên (MV 76). Từ nguyên tắc trên Công Đồng suy diễn ra một kết luận hợp lý (số 20): chỉ Đức Giáo Hoàng mới có quyền bổ nhiệm Giám

tiếp ngăn trở việc thi hành nhiệm vụ thuộc phạm vi Giáo Hội của các ngài, hoặc không cho các ngài tự do liên lạc với Tòa Thánh, với những Thẩm Quyền khác trong Giáo Hội và với những kẻ thuộc quyền.

Thực ra, các Chủ Chăn Thánh, trong khi chuyên tâm săn sóc việc thiêng liêng cho đoàn chiên, thực sự cũng lo đến công việc thăng tiến và nền thịnh vượng của xã hội trần thế, bằng cách cộng tác hữu hiệu với các chính quyền dân sự để thực hiện mục đích trên trong phạm vi chức vụ và hợp với cương vị Giám Mục; và bằng cách nhắc nhở đoàn chiên vâng phục các luật lệ chính đáng và tôn trọng các quyền bính hợp pháp.

20. Tự do trong việc chỉ định và bổ nhiệm Giám Mục. Vì nhiệm vụ tông đồ của các Giám Mục đã được Chúa Kitô thiết lập và theo đuổi mục đích thiêng liêng, siêu nhiên, nên Thánh Công Đồng tuyên bố rằng quyền chỉ định và bổ nhiệm các Giám Mục là quyền riêng, đặc biệt, và tự nó độc hữu thuộc Thẩm Quyền Giáo Hội.

Vì thế, để bảo vệ đúng mức sự tự do của Giáo Hội, để thăng tiến lợi ích của Kitô hữu cách thích hợp và dễ dàng hơn, Thánh Công Đồng ước mong sau này các chính quyền dân sự không còn hưởng các quyền lợi hoặc đặc ân nào về việc tuyển chọn, bổ nhiệm, đề cử hay chỉ định chức vụ Giám Mục; còn phần các Chính Quyền dân sự, Thánh Công Đồng tri ân và quý trọng thịnh tình của họ đối với Giáo Hội và hết sức nhã nhặn xin họ hãy đồng lòng với Tòa Thánh tự ý từ bỏ những quyền lợi hay đặc ân kê trên mà hiện tại họ vẫn hưởng do hiệp ước hoặc tập tục.

21. Sự từ nhiệm của Giám Mục. Do đó, vì nhiệm vụ mục vụ của Giám Mục quá quan trọng và nặng nề, nên các Giám Mục

Mục, vì việc bổ nhiệm chỉ liên quan đến sứ mệnh của Giáo Hội. Đây là một canh tân, vì giáo luật khoản 332, 1 chấp nhận cho quốc gia có quyền quy định, tuyển chọn, giới thiệu hay chỉ định các Giám Mục mới trong lãnh thổ thuộc quyền mình.

giáo phận và những vị có quyền tương đương, nếu vì cao niên hay vì lý do quan trọng nào khác mà trở nên ít thích hợp trong việc chu toàn chức vụ^{13*}, đều được tha thiết kêu gọi từ chức hoặc tự ý, hoặc do Thẩm Quyền khuyến cáo. Đàng khác, nếu đã chấp nhận sự từ chức đó, Thẩm Quyền vừa lo nâng đỡ cách xứng đáng các vị từ chức vừa thừa nhận các ngài được hưởng những quyền lợi đặc biệt.

II. Ranh giới các giáo phận

22. Duyệt xét lại ranh giới giáo phận. Để thực hiện được mục đích trung thực của giáo phận, bản tính của Giáo Hội cần phải được thể hiện rõ ràng ngay trong Dân Chúa thuộc giáo phận đó; các Giám Mục phải có thể chu toàn những nhiệm vụ mục vụ của mình trong giáo phận cách hữu hiệu; sau cùng, sự cứu rỗi của Dân Chúa phải được phục vụ hết sức hoàn hảo như có thể.

Điều đó đòi hỏi hoặc phải phân chia thích hợp ranh giới đất đai các giáo phận, hoặc phải phân phối các giáo sĩ, các tài sản cách hợp lý và thích hợp với những đòi hỏi của hoạt động tông đồ. Tất cả những điều đó chẳng những giúp ích cho hàng giáo sĩ và các Kitô hữu trực tiếp liên hệ, mà thực sự còn có ích lợi cho toàn thể Giáo Hội Công Giáo nữa.

Vì thế, Thánh Công Đồng quyết định là tùy theo lợi ích các linh hồn đòi hỏi, phải lập tức và khôn ngoan xét lại cách thỏa đáng những điều liên quan đến ranh giới các giáo phận, bằng cách phân chia, cắt xén hay sát nhập các giáo phận, hoặc bằng cách sửa đổi ranh giới hay ấn định địa điểm thích hợp hơn cho tòa

^{13*} Đức Phaolô VI xin các Giám Mục từ chức khi được 75 tuổi trọn. Giám Mục từ chức, nếu muốn, có thể ở lại trong giáo phận của ngài và giáo phận có bốn phận phải nuôi dưỡng ngài (x. *Ecclesiae Sanctae*, số 11).

Giám Mục, hoặc sau cùng bằng cách canh tân tổ chức nội bộ, nhất là đối với những giáo phận có nhiều thành phố lớn.

23. Quy tắc phải theo trong việc duyệt xét lại ranh giới giáo phận. Khi xét lại các ranh giới giáo phận, trước hết cần phải bảo đảm tính cách duy nhất về nhân sự, chức vụ, tổ chức của mỗi giáo phận giống như một thân thể thật sống động. Còn trong từng trường hợp, sau khi cân nhắc mọi hoàn cảnh liên hệ, cần phải lưu ý đến những tiêu chuẩn khá tổng quát sau đây:

1) Trong việc ấn định ranh giới giáo phận, phải lưu tâm chừng nào có thể đến những thành phần khác biệt của dân Chúa, vì điều đó có thể giúp ích nhiều cho việc thi hành sự chăm sóc mục vụ thích hợp hơn. Đồng thời phải lo sao để những vùng đông dân chúng thành một đơn vị đồng nhất bao nhiêu có thể, với những công sở dân sự và các tổ chức xã hội là những yếu tố tạo thành cơ cấu sống động của chính dân đó. Vì thế, lãnh thổ của mỗi giáo phận rõ ràng chỉ là một khối đồng nhất.

Nếu cần, cũng phải để ý đến những ranh giới dân sự và những hoàn cảnh đặc biệt về nhân sự hoặc địa phương, như tâm lý, kinh tế, địa lý, lịch sử.

2) Diện tích hay dân số của giáo phận cách chung phải làm sao để một mặt chính Giám Mục, dù có nhiều phụ tá, vẫn có thể cử hành những nghi lễ đại triều và đi kinh lý cách thuận lợi, có thể điều khiển và phối trí đúng mức mọi hoạt động tông đồ trong giáo phận, nhất là có thể hiểu biết các linh mục của mình, cũng như các tu sĩ và giáo dân đang tham dự một cách nào đó vào các công việc của giáo phận; mặt khác khu vực phải rộng đủ và thích hợp để cả Giám Mục lẫn các giáo sĩ có thể hy sinh cách hữu ích mọi sức lực mình cho nhiệm vụ mà vẫn luôn luôn lưu tâm tới những nhu cầu của toàn thể Giáo Hội.

3) Sau cùng để nhiệm vụ cứu rỗi có thể được thi hành trong giáo phận cách thích hợp hơn, phải được kể như luật là trong mỗi giáo phận, số lượng và khả năng của hàng giáo sĩ ít nhất

phải đủ để chặn dất dân Chúa cho đúng mức; đừng để thiếu những chức vụ, tổ chức và các công việc riêng biệt của Giáo Hội địa phương mà thực tế là cần thiết cho việc điều khiển và hoạt động tông đồ thích hợp của Giáo Hội đó. Sau hết các tài nguyên để nâng đỡ nhân sự và các tổ chức, hoặc phải có sẵn hoặc đang khác, ít ra phải khôn ngoan tiên liệu sẽ không thiếu.

Cũng nhằm mục đích đó, nơi nào có những tín hữu thuộc Nghi Lễ khác, Giám Mục giáo phận phải lo liệu cho những nhu cầu thiêng liêng của họ hoặc bằng các linh mục hay những giáo xứ cùng nghi lễ, hoặc bằng vị Đại Diện Giám Mục có đủ đặc quyền thích hợp, và nếu cần có cả chức Giám Mục nữa, hoặc chính ngài đảm trách nhiệm vụ của đáng bản quyền cho các nghi lễ khác biệt ấy. Nếu theo sự xét đoán của Tòa Thánh, tất cả những điều trên không thể thực hiện được, vì những lý do đặc biệt, thì cần phải thiết lập một Phẩm Trật riêng cho các nghi lễ khác biệt này¹⁶.

Cũng thế, trong những hoàn cảnh tương tự, cần lo cho các tín hữu thuộc ngôn ngữ khác nhau hoặc bằng các linh mục hay những giáo xứ có cùng ngôn ngữ, hoặc bằng Vị Đại Diện Giám Mục thông thạo ngôn ngữ ấy, và nếu cần có cả chức Giám Mục nữa, hoặc sau cùng, nhờ một phương thế nào khác thích hợp hơn.

24. *Hỏi ý kiến Hội Đồng Giám Mục.* Để sửa đổi hoặc cải cách các giáo phận theo tiêu chuẩn liên quan đến các số 22-23, mà vẫn giữ trọn kỷ luật của các Giáo Hội Đông Phương, các Hội Đồng Giám Mục có thẩm quyền phải cứu xét những công việc trên cho mỗi lãnh thổ riêng của mình bằng cách nhờ đến Tiểu Ban Giám Mục đặc biệt, nếu thấy điều đó thích hợp, nhưng nhất là luôn luôn biết nghe các Giám Mục trong giáo tỉnh hay

¹⁶ Xem *CĐ Vat. II, Sắc lệnh về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương Orientatum Ecclesiarum, 21-11-1964, số 4: AAS 57 (1965), trg 77.*

giáo miền liên hệ và sau đó phải đệ trình những ý kiến và nguyện vọng của mình lên Tòa Thánh.

III. Các cộng sự viên của Giám Mục giáo phận trong phận sự mục vụ

1. Giám Mục Phó và Giám Mục Phụ Tá^{14*}

25. Luật phải theo khi thiết lập Giám Mục Phó và Giám Mục Phụ Tá. Trong việc điều khiển giáo phận, cần phải lo liệu cho phận sự mục vụ của các Giám Mục thế nào để ích lợi cho đoàn chiên Chúa luôn luôn là qui tắc tối cao. Để ích lợi đó được thể hiện đúng mức, nhiều khi cần phải thiết lập các Giám Mục Phụ Tá, vì Giám Mục giáo phận một mình không thể chu toàn mọi chức vụ giám mục như ích lợi các linh hồn đòi hỏi; hoặc do giáo phận quá rộng lớn, nhân số quá đông, hoặc do những hoàn cảnh đặc biệt của hoạt động tông đồ hay vì nhiều lý do khác. Hơn nữa, đôi khi nhu cầu đặc biệt đòi hỏi phải thiết lập Giám Mục Phó để giúp đỡ Giám Mục giáo phận. Các Giám Mục Phó và Giám Mục Phụ Tá đó phải được những đặc quyền thích hợp sao cho trong khi vẫn giữ được sự duy nhất của việc điều khiển giáo phận và duy trì quyền Giám Mục giáo phận, các ngài hành động thêm hữu hiệu hơn và chức phẩm riêng của các Giám Mục được bảo toàn hơn.

Ngoài ra, vì được mời gọi chia xẻ mỗi lo lắng của Giám Mục giáo phận, các Giám Mục Phó và Giám Mục Phụ Tá phải thi hành nhiệm vụ của mình để hành động được hiệp nhất với Giám Mục giáo phận trong mọi công việc. Hơn nữa, các ngài phải tỏ lòng tuân phục và kính trọng Giám Mục giáo phận. Còn

^{14*} *Giám Mục Phó là một Giám Mục Hiệu Tòa, được chỉ định để giúp một Giám Mục có giáo phận trong vấn đề mục vụ và cai quản giáo phận, với quyền kế vị. Giám Mục Phụ Tá cũng là một Giám Mục Hiệu Tòa giúp đỡ một Giám Mục cai quản giáo phận, nhưng không có quyền kế vị. Có quyền kế vị hay không là một dị biệt chính yếu. Ngoài ra còn hai dị biệt phụ thuộc là: Giám Mục Phó quan trọng và có quyền hành nhiều hơn; trong một giáo phận chỉ có thể có một Giám Mục Phó, còn Giám Mục Phụ Tá thì có thể có nhiều vị cùng một lúc.*

phần Giám Mục giáo phận cũng hãy lấy tình huynh đệ mà yêu mến và kính nể các Giám Mục Phó và Giám Mục Phụ Tá.

26. Quyền hành của Giám Mục Phó và Giám Mục Phụ Tá.

Khi ích lợi các linh hồn đòi hỏi, Giám Mục giáo phận đừng ngần ngại thỉnh nguyện Thẩm Quyền thiết lập một hay nhiều Giám Mục Phụ Tá, là những người được đặt lên để giúp giáo phận nhưng không có quyền kế vị.

Nếu văn thư bổ nhiệm không tiên liệu gì, Giám Mục giáo phận hãy đặt một hay nhiều Giám Mục Phụ Tá của mình làm Tổng Đại Diện, hoặc ít ra làm Đại Diện Giám Mục và chỉ tùy thuộc quyền ngài. Ngài hãy vui lòng tham khảo ý kiến các vị đó khi cần cân nhắc những vấn đề khá quan trọng, nhất là những vấn đề có tính cách mục vụ.

Trừ khi Thẩm Quyền quyết định cách khác, những quyền hành và đặc quyền do luật định cho các Giám Mục Phụ Tá sẽ không chấm dứt với chức vụ của Giám Mục giáo phận. Cũng mong ước rằng lúc trống tòa, nhiệm vụ điều khiển giáo phận được trao cho Giám Mục Phụ Tá, hay nếu có nhiều thì trao cho một vị trong các ngài, trừ khi có những lý do quan trọng khuyên nên làm cách khác.

Giám Mục Phó, là đáng được bổ nhiệm với quyền kế vị, luôn luôn phải được Giám Mục giáo phận đặt làm Tổng Đại Diện. Trong những trường hợp đặc biệt, ngài còn có thể được Thẩm Quyền ban cho những đặc quyền rộng hơn.

Để ích lợi hiện tại và tương lai của giáo phận được bảo đảm cách hết sức hoàn hảo, Giám Mục có Giám Mục Phó và Giám Mục Phó đừng quên tham khảo ý kiến lẫn nhau trong những vấn đề khá quan trọng^{15*}.

^{15*} Đoạn này có 4 điểm mới so với bộ giáo luật:

2. Giáo Phủ và các Ủy Ban Giáo Phận

27. Tổ chức Giáo Phủ và thiết lập Ủy Ban Giáo Phận. Trong Giáo Phủ của giáo phận, chức vụ của vị Tổng Đại Diện^{16*} nổi bật nhất. Mỗi khi việc điều hành chu đáo giáo phận đòi hỏi, Giám Mục có thể thiết lập một hay nhiều vị Đại Diện Giám Mục. Các vị này, theo đúng luật, được hưởng quyền mà luật

1) Nếu trong giáo phận có Giám Mục Phó, phải đặt ngài làm Giám Mục Tổng Đại Diện (x. chú thích tiếp sau).

2) Nếu có Giám Mục Phụ Tá, phải đặt ngài làm Giám Mục Tổng Đại Diện hay phó Đại Diện Giám Mục (x. chú thích tiếp sau).

3) Khi Giám Mục giáo phận qua đời hay đổi giáo phận, Giám Mục Phụ Tá không mất quyền. Đó là điều khác với giáo luật khoản 355, 2. Khoản giáo luật này bị hủy bỏ.

4) Khi giáo phận trống tòa, Công Đồng mong ước việc cai trị giáo phận phải được trao cho Giám Mục Phụ Tá. Nhưng không buộc ngặt. Trường hợp Giám Mục Phụ Tá không được chọn làm Đại Diện Thừa Ủy, ngài sẽ giữ nhiệm vụ đại diện tổng quát hay phó giám mục như trước (Ecclesiae Sanctae, số 13).

^{16*} Giáo phủ giáo phận là cơ quan cai quản giáo phận của Giám Mục. Sắc Lệnh thường nói đến "các cộng tác viên". Để dễ hiểu, xin đan cử một vài thí dụ tiêu biểu:

1) Tổng Đại Diện: đây là nhân vật quan trọng nhất trong giáo phận sau Đức Giám Mục, Ngài có hầu hết mọi quyền của Giám Mục trên khắp giáo phận. Nhưng Giám Mục có thể hạn chế quyền hành của ngài.

2) Đại Diện Giám Mục: đây là một chức vụ mới được Công Đồng thiết lập. Đại Diện Giám Mục có mọi quyền của Giám Mục, nhưng chỉ trên một phần giáo phận, hay đối với một loại công việc đặc biệt, hay đối với một hạng giáo dân, ví dụ ở Việt Nam có thể có một Đại Diện Giám Mục đặc trách đồng bào Thượng.

3) Đại Diện Thừa Ủy: sau khi Giám Mục qua đời hay đổi giáo phận, trong vòng một tuần lễ, các cố vấn của Giám Mục phải đề cử một linh mục để cai quản giáo phận cho đến khi có Giám Mục mới. Linh mục đắc cử gọi là Đại Diện Thừa Ủy.

4) Các Phó Xứ (số 30,3) là những linh mục giúp cha xứ trong một giáo xứ.

chung ban cho vị Tổng Đại Diện trong một miền được xác định của giáo phận hay trong một số công việc đích xác, hoặc đối với các tín hữu thuộc một nghi lễ nhất định.

Trong số các cộng sự viên giúp Giám Mục điều hành giáo phận, phải kể tới các linh mục thuộc thành phần của hội đồng hay ủy ban của ngài như kinh sỹ hội chánh tòa, hội đồng cố vấn hay những ủy ban khác tùy theo hoàn cảnh và đặc tính của các địa phương khác nhau. Những tổ chức này, nhất là kinh sỹ hội chánh tòa, khi cần thiết còn phải tùy thuộc một thể thức mới thích hợp với nhu cầu hiện đại^{17*}.

Linh Mục và giáo dân thuộc về Giáo Phủ giáo phận hãy biết rằng mình cộng tác với Giám Mục vào thừa tác vụ mục vụ.

Giáo Phủ giáo phận phải được tổ chức thế nào để trở thành dụng cụ thích hợp cho Giám Mục, không những để cai quản giáo phận, nhưng còn để thi hành các việc tông đồ nữa.

Tha thiết mong ước rằng mỗi giáo phận nên thành lập một Ủy Ban mục vụ, do chính Giám Mục giáo phận làm chủ tịch, và thành phần là giáo sỹ, tu sỹ và giáo dân được tuyển chọn đặc biệt. Nhiệm vụ của Ủy Ban là thăm dò những gì liên hệ tới công

^{17*} *Chiếu theo giáo luật, mỗi giáo phận phải có một hội đồng linh mục với nhiệm vụ: a) làm cố vấn cho Giám Mục, b) đề cử đại diện thừa ủy khi giáo phận trống tòa. Ở Âu châu, hội đồng này mệnh danh là kinh sỹ hội chính tòa. Ở Việt Nam gọi là ủy ban cố vấn (Giáo Luật kh. 423 tt).*

Công Đồng duy trì định chế này, đồng thời cũng ao ước có sự canh tân, nhưng Công Đồng cũng thêm hai định chế khác:

1) *Ủy ban hay hội đồng linh mục (LM 7). Đây là nhóm linh mục đại diện cho tất cả các linh mục giáo phận, kể cả các linh mục dòng. Hội đồng này chỉ có quyền tư vấn, và khi trống tòa hội đồng ngưng hoạt động. Tân Giám Mục sẽ lập một hội đồng khác (Ecclesiae Sanctae, số 15; x. TG 20).*

2) *Hội đồng mục vụ (số 27 phần cuối): Gồm các giáo sỹ, tu sỹ và giáo dân. Hội đồng này cũng có quyền tư vấn và nhiệm vụ đệ trình lên Giám Mục những đề nghị cụ thể trong phạm vi mục vụ (Ecclesiae Sanctae, số 16; x. TG 30).*

việc mục vụ, cân nhắc và đưa ra những kết luận thực tế về những việc đó.

3. Giáo Sĩ Giáo Phận

28. Những liên hệ giữa Giám Mục và các linh mục giáo phận. Tất cả các linh mục giáo phận cũng như linh mục dòng đều cùng Giám Mục tham dự và thi hành một chức linh mục của Chúa Kitô và do đó các ngài thành những người cộng tác khôn ngoan của Hàng Giám Mục. Tuy nhiên trong việc coi sóc các linh hồn, các linh mục giáo phận giữ vai trò số một, vì khi gia nhập hay là liên kết với Giáo Hội địa phương, các ngài hiến toàn thân phục vụ Giáo Hội ấy để chẵn dất một phần đoàn chiên Chúa; vì thế các ngài làm thành một linh mục đoàn và một gia đình mà Giám Mục là người cha^{18*}. Để sắp đặt các thừa tác vụ thánh nơi các linh mục của mình một cách thích hợp và công bình hơn, Giám Mục phải được hưởng quyền tự do cần thiết trong việc trao phó các nhiệm vụ hoặc ân bổng, nên phải hủy bỏ những quyền lợi hoặc đặc ân hạn chế quyền tự do đó bằng bất cứ cách nào.

Những liên hệ giữa Giám Mục và các linh mục giáo phận phải dựa trên những mối dây bác ái hoàn toàn siêu nhiên, đề sự đồng tâm nhất trí giữa hàng linh mục và Giám Mục làm cho hành động mục vụ của mình được phong phú hơn. Vì thế, để cổ võ việc phục vụ các linh hồn mỗi ngày một hơn, Giám Mục nên mời gọi các linh mục đối thoại riêng và chung nữa, nhất là về vấn đề mục vụ, không những khi thuận tiện, mà còn nên ấn định thời gian nếu có thể.

^{18*} *Linh mục đoàn là toàn thể linh mục trong giáo phận (GH 28; GM 11, 15, 28; LM 7, 8 v.v...). Cả đến các tu sĩ (số 34) và các vị thừa sai ngoại quốc (TG 20) cũng là hội viên.*

Ngoài ra, tất cả các linh mục giáo phận hãy hợp nhất với nhau và nhờ thế được thúc đẩy lo lắng cho lợi ích thiêng liêng của toàn giáo phận. Hơn nữa, các ngài hãy nhớ rằng, những của cải mình có được khi nhận chức vụ trong Giáo Hội đều liên hệ với nhiệm vụ thánh, nên các ngài hãy tùy sức mà quảng đại giúp đỡ những nhu cầu vật chất của địa phận, theo như sự quy định của Giám Mục.

29. *Linh mục đặc trách công việc liên xứ.* Những cộng sự viên thân cận hơn của Giám Mục là chính những linh mục mà ngài đã ủy thác nhiệm vụ mục vụ hay hoạt động tông đồ có tính cách liên xứ, hoặc đối với một cộng đoàn giáo dân riêng biệt hay một loại hoạt động đặc biệt.

Các linh mục được Giám Mục trao phó những nhiệm vụ tông đồ khác nhau, làm việc ở trường học, trong các tổ chức khác hay các hiệp hội, cũng góp phần cộng tác rất quý báu. Cả những linh mục phụ trách các công việc liên giáo phận, vì thi hành các công cuộc tông đồ quan trọng, nên đáng được săn sóc đặc biệt, nhất là bởi Giám Mục mà họ ở trong giáo phận của ngài.

30. *Linh mục chính xứ.* Vì lý do đặc biệt các linh mục chính xứ là những cộng sự viên của Giám Mục: các ngài được ủy thác việc săn sóc các linh hồn như những chủ chăn riêng trong một khu vực nhất định thuộc giáo phận dưới quyền Giám Mục.

1) Trong khi săn sóc các linh hồn như thế, các linh mục chính xứ cùng với các phụ tá của mình phải chu toàn nhiệm vụ giáo huấn, thánh hóa và cai quản sao cho các tín hữu và cộng đoàn giáo xứ cảm thấy mình thực sự là những phần tử của giáo phận cũng như của toàn thể Giáo Hội. Vì thế các ngài cũng phải cộng tác với những linh mục chính xứ khác^{19*}, cả với những linh mục thi hành phận sự mục vụ trong địa hạt (thí dụ như các Linh Mục Quản Hạt, các Linh Mục Niên Trưởng), hoặc phụ trách

^{19*} Xem LM 8; TG 20.

những công việc có tính cách liên xứ, để việc mục vụ trong địa phận không mất vẻ duy nhất và trở nên hữu hiệu hơn.

Ngoài ra, việc săn sóc các linh hồn luôn luôn phải được thấm nhuần tinh thần truyền giáo làm sao để lan rộng cách thích đáng tới mọi người sống trong giáo xứ. Nếu các linh mục chính xứ không thể đi tới một số nhóm người, các ngài phải kêu gọi những người khác kể cả giáo dân, phụ giúp đặc biệt để họ có thể trợ lực các ngài trong những việc tông đồ.

Để việc săn sóc các linh hồn đó được hữu hiệu hơn, đời sống chung của các linh mục, đặc biệt là các linh mục trong cùng một giáo xứ, được thiết tha khuyến khích, vì một đời sống như thế vừa hỗ trợ hoạt động tông đồ, vừa nêu gương bác ái và đoàn kết cho giáo hữu.

2) Trong khi hoàn tất nhiệm vụ giáo huấn^{20*}, các linh mục chính xứ có bổn phận rao giảng lời Chúa cho mọi Kitô hữu, để khi đã được đâm rễ sâu trong đức tin, đức cậy và đức ái, họ lớn lên trong Chúa Kitô, và cộng đoàn Kitô giáo làm chứng về đức ái mà Chúa đã truyền dạy¹⁷; các ngài cũng phải dạy giáo lý để giúp giáo hữu tùy từng lứa tuổi được thấu triệt mầu nhiệm cứu rỗi. Trong việc dạy giáo lý trên, không những các ngài phải xin các tu sĩ giúp đỡ, mà còn yêu cầu cả giáo dân cộng tác nữa bằng cách thiết lập Hiệp Hội Giáo Thuyết Kitô Giáo.

Trong khi hoàn thành công việc thánh hóa, các linh mục chính xứ hãy lo lắng để việc cử hành Hy Tế Thánh Thể phải là trọng tâm và tuyệt đỉnh của toàn thể đời sống cộng đoàn Kitô giáo; các ngài hãy nỗ lực để tín hữu được lương thực thiêng liêng nuôi dưỡng nhờ sốt sáng siêng năng lãnh nhận các Bí Tích, cũng như tham dự Phụng Vụ cách ý thức và sống động. Các ngài cũng hãy nhớ rằng Bí Tích Giải Tội hỗ trợ rất nhiều cho

^{20*} Xem LM 4.

¹⁷ Xem Gio 13, 35.

đời sống Kitô giáo; vì thế các ngài phải tỏ ra sẵn sàng ngồi tòa giải tội cho tín hữu, trong trường hợp cần thiết còn phải mời các linh mục thông thạo những ngôn ngữ khác tới giúp đỡ nữa.

Trong khi chu toàn nhiệm vụ chủ chăn^{21*}, trước tiên các linh mục chính xứ hãy quan tâm tìm hiểu đoàn chiên riêng của mình. Vì là kẻ phục vụ hết mọi con chiên, các ngài hãy giúp cho đời sống Kitô giáo được thăng tiến nơi từng giáo hữu, trong gia đình, trong các hiệp hội đặc biệt liên hệ tới việc tông đồ và cả trong toàn thể cộng đồng giáo xứ. Vì thế các ngài hãy thăm viếng các gia đình và trường học như phận sự mục vụ đòi hỏi; các ngài hãy nhiệt thành lo cho các thanh thiếu niên; các ngài hãy lấy tình phụ tử bao bọc những người nghèo khổ, bệnh tật; sau cùng các ngài hãy đặc biệt lo lắng cho thợ thuyền và nỗ lực làm cho các tín hữu trợ giúp vào công cuộc tông đồ.

3) Các linh mục phó xứ là những cộng sự viên của linh mục chính xứ, hằng ngày các ngài góp phần cộng tác quý giá và sống động vào việc thi hành phận sự mục vụ dưới quyền linh mục chính xứ. Vì thế, linh mục chính xứ và các linh mục phó xứ của ngài, phải có những liên lạc huynh đệ luôn bác ái và kính trọng nhau, tương trợ lẫn nhau, bằng những lời khuyên nhủ, giúp đỡ và gương mẫu, đồng tâm hiệp ý và hăng say lo lắng cho giáo xứ.

31. Bổ nhiệm, chuyển chuyên và từ chức linh mục chính xứ.

Để phán đoán năng khiếu một linh mục trong việc điều khiển giáo xứ, Giám Mục hãy chú ý tới không những học thức, nhưng còn cả lòng đạo đức, tinh thần tông đồ nhiệt thành, các tài năng cũng như những đức tính khác cần để thi hành đúng mức việc săn sóc các linh hồn.

Ngoài ra, vì ích lợi các linh hồn phải là lý do toàn diện của nhiệm vụ giáo xứ, nên để Giám Mục có thể tiến hành việc xếp

^{21*} Xem LM 6.

đặt các giáo xứ dễ dàng và thích hợp hơn, ngoại trừ quyền lợi của các giáo sĩ Dòng Tu, phải bãi bỏ mọi quyền giới thiệu, bổ nhiệm hay ưu tiên, kể cả luật thi tuyển chung hoặc riêng nếu nơi nào có luật ấy.

Trong giáo xứ của mình, mỗi linh mục chính xứ còn được quyền tại chức lâu bền như ích lợi của các linh hồn đòi hỏi^{22*}. Vì vậy, sau khi bãi bỏ việc phân biệt các linh mục chính xứ cố định và linh mục chính xứ khả dịch, nên xét lại và đơn giản hóa thể thức chuyển chuyển và thay đổi các linh mục chính xứ, để nhờ đó Giám Mục vừa duy trì sự công bằng theo tự nhiên và theo giáo luật, vừa có thể đáp ứng thích hợp hơn với nhu cầu mà ích lợi các linh hồn đòi hỏi.

Các linh mục chính xứ, vì tuổi già hoặc vì lý do quan trọng khác, không thể chu toàn chức vụ đúng mức và kết quả, nên thiết tha yêu cầu các linh mục đó tự ý hoặc do Giám Mục khuyến cáo, xin từ chức. Giám Mục hãy trợ cấp xứng đáng cho những vị đã từ chức^{23*}.

^{22*} Ở đây Công Đồng thay đổi hai định chế giáo luật:

1) Việc bổ nhiệm các cha chính xứ: theo giáo luật cho chính xứ có thể được bổ nhiệm:

a) Bằng một cuộc thi (Giáo Luật kh. 459, 3,30), đây là cuộc khảo hạch về thần học và mục vụ. Ai đậu cao nhất sẽ được bổ nhiệm chính xứ.

b) Bằng cuộc tuyển lựa (Giáo Luật kh. 455, 1), do giáo dân trong xứ hay những người khác tuyển chọn với sự phê chuẩn của Giám Mục.

c) Do sự chỉ định trực tiếp của Giám Mục, Công Đồng chỉ giữ lại cách thứ ba này và hủy bỏ hai cách kia.

2) Sự cố định của linh mục chính xứ: trước Công Đồng, có những linh mục chính xứ, Giám Mục có thể tùy ý chuyển đến một giáo xứ khác; trái lại, có những vị, Giám Mục không thể chuyển nếu không có một vụ kiện theo giáo luật. Sự phân biệt này được hủy bỏ (Ecclesiae Sanctae, số 18).

^{23*} Cũng như các Giám Mục, các linh mục chính xứ cũng được yêu cầu từ chức khi được 75 tuổi trọn (Ecclesiae Sanctae, số 20).

32. Thiết lập và hủy bỏ giáo xứ. Cuối cùng, cũng chính sự cứu rỗi các linh hồn phải là lý do để xác định hoặc thừa nhận việc thiết lập hay việc hủy bỏ các giáo xứ hoặc những thay đổi tương tự khác mà chỉ Giám Mục mới có thể tự quyền thực hiện.

4. Các Tu Sĩ Dòng Tu

33. Tu sĩ dòng và việc tông đồ. Tất cả những Tu Sĩ Dòng Tu mà những điều sau đây bàn đến, là những người đã tuyên hứa theo những lời khuyên Phúc Âm trong các Tu Hội, tùy theo ơn gọi riêng của mỗi Tu Hội, có nhiệm vụ tận lực và chuyên cần gắng sức xây dựng phát triển toàn diện Nhiệm Thể Chúa Kitô và mưu cầu ích lợi cho các Giáo Hội địa phương.

Họ buộc phải theo đuổi những mục đích đó trước hết bằng lời cầu nguyện, các việc thống hối và bằng gương mẫu đời sống cá nhân, Thánh Công Đồng cũng thiết tha khuyến khích họ luôn luôn quý mến và siêng năng thực hiện các việc ấy. Nhưng, tùy theo đặc tính của mỗi Dòng Tu, các tu sĩ còn phải tận lực tham gia các công việc tông đồ bên ngoài.

34. Tu sĩ dòng cộng tác với Giám Mục trong việc tông đồ. Những linh mục dòng tu được thánh hiến thi hành chức vụ linh mục, để chính họ trở thành những cộng sự viên khôn ngoan của Hàng Giám Mục, ngày nay có thể giúp đỡ các Giám Mục nhiều hơn, trước nhu cầu gia tăng của các linh hồn. Như thế, xét theo phương diện nào đó, phải nói rằng các ngài thực sự liên hệ với hàng giáo sĩ giáo phận, vì cùng chia sẻ công việc săn sóc các linh hồn và các công cuộc tông đồ dưới quyền của các vị Lãnh Đạo thánh.

Cà những thành phần khác như các nam hay nữ tu, vì lý do đặc biệt, đều thuộc về gia đình giáo phận, cũng giúp đỡ nhiều cho

Hàng Giáo Phẩm; và vì nhu cầu tông đồ mỗi ngày một gia tăng, nên họ có thể và phải giúp đỡ mỗi ngày một hơn.

35. Nguyên tắc dành cho việc tông đồ của tu sĩ dòng trong giáo phận. Để hoạt động tông đồ trong mỗi giáo phận luôn luôn được thực hiện một cách hòa hợp và để sự duy nhất của kỷ luật giáo phận được bảo toàn, Thánh Công Đồng quy định nguyên tắc căn bản sau đây^{24*}:

1) Tất cả các Tu Sĩ Dòng Tu phải sốt sắng tuân phục và kính trọng các Giám Mục là những đấng kế vị các Tông Đồ. Ngoài ra, mỗi khi được mời cách hợp pháp tham dự các hoạt động tông đồ, họ buộc phải thi hành nhiệm vụ của mình sao cho thành những cộng sự viên thường trực và từng phục Giám Mục¹⁸. Nhất là các Tu Sĩ Dòng Tu hãy mau mắn và trung thành hưởng ứng lời thỉnh cầu và nguyện vọng của các Giám Mục để lãnh nhận những vai trò rộng lớn hơn trong việc cứu rỗi con người, nhưng vẫn duy trì đặc tính của Tu Hội và theo đúng Hiến Pháp, và nếu cần Hiến Pháp đó sẽ được thích nghi với mục đích ấy, theo các nguyên tắc trong Sắc Lệnh này của Công Đồng.

Nhất là vì quan tâm đến nhu cầu khẩn cấp của các linh hồn và vì thiếu các giáo sĩ giáo phận, nên các Giám Mục có thể kêu gọi những Tu Hội không hoàn toàn sống đời chiêm niệm giúp đỡ những việc mục vụ khác nhau, nhưng vẫn tùy theo đặc tính

^{24*} Về những tương quan giữa Giám Mục giáo phận và các dòng tu hoạt động trong giáo phận, Công Đồng thiết lập hai nguyên tắc căn bản:

1) Các dòng tu được miễn trừ khỏi quyền bình Giám Mục trong những gì có liên quan đến đời sống của dòng, nhưng lệ thuộc vào Giám Mục trong phạm vi hoạt động tông đồ (*Ecclesiae Sanctae*, số 22-40; TG 30).

2) Trong trường hợp cấp bách vì nhiệm vụ tông đồ, các dòng tu phải chấp nhận đề nghị của Giám Mục khi ngài xin họ giúp đỡ.

¹⁸ Xem Piô XII, Huấn từ, 8-12-1950: AAS 43 (1951), trg 28. - Xem thêm Phaolô VI, Huấn từ 23-5-1964: AAS 56 (1964), trg 571.

riêng của mỗi Tu Hội; để giúp đỡ công việc trên, các Bề Trên phải hết sức hưởng ứng việc lãnh nhận giáo xứ dù là tạm thời.

2) Còn các tu sĩ dòng tu được sai đi phụ trách hoạt động tông đồ ở ngoài vẫn phải thấm nhuần tinh thần của Tu Hội, luôn luôn trung thành giữ luật và vâng phục Bề Trên tu hội. Các Giám Mục đừng quên nhấn mạnh đến nghĩa vụ này.

3) Tính chất miễn trừ - bởi đó các Tu Sĩ Dòng Tu thuộc quyền Đức Giáo Hoàng hay một Thẩm Quyền khác trong Giáo Hội và không tùy thuộc quyền của các Giám Mục - đặc biệt liên hệ tới tổ chức nội bộ của các Tu Hội để mọi việc trong các Tu Hội trở nên thích hợp và liên lạc chặt chẽ với nhau hơn và sự tiến bộ cũng như sự trọn lành của đời sống dòng tu được lo lắng tới nhiều hơn¹⁹; cũng để Đức Giáo Hoàng có thể sắp đặt các tu sĩ dòng tu theo ích lợi của toàn thể Giáo Hội²⁰; và để Thẩm Quyền khác phân phối hợp với ích lợi của Giáo Hội thuộc quyền.

Nhưng đặc tính miễn trừ ấy không ngăn cản việc các Tu Sĩ Dòng Tu trong mỗi giáo phận từng phục quyền các Giám Mục theo giáo luật, như việc chu toàn phận sự mục vụ của các ngài và việc coi sóc các linh hồn một cách đúng mức đòi hỏi²¹.

4) Mọi tu sĩ, miễn trừ và không miễn trừ, đều phải phục tùng các Đấng Bản Quyền địa phương trong những điều liên quan tới việc công khai thờ Kính Thiên Chúa, nhưng vẫn kính trọng về khác biệt của các Nghi Lễ, trong những điều liên quan tới việc coi sóc các linh hồn, việc giảng huấn thánh cho dân chúng, việc giáo dục tôn giáo và luân lý cho các Kitô hữu, đặc biệt là cho các thiếu nhi, việc tổ chức dạy giáo lý và huấn luyện phụng vụ, tư cách của hàng giáo sĩ và cả những công việc khác liên hệ tới việc thi hành hoạt động tông đồ thánh. Những học đường

¹⁹ Xem Lêô XIII, Tông hiến *Romanos Pontifices*, 8-5-1881: *Acta Leonis XIII*, q.II (1882), trg 234 tt.

²⁰ Xem Phaolô VI, *Huấn từ*, 23-5-1964: AAS (1964), trg 570-571.

²¹ Xem Piô XII, *Huấn từ* 8-12-1950 : n.v.t.

công giáo của các tu sĩ cũng phải thuộc quyền các Đấng Bản Quyền địa phương về những gì liên hệ đến tổ chức và sự chăm sóc chung, tuy nhiên các tu sĩ vẫn nắm quyền điều hành các trường đó. Cũng thế, các Tu Sĩ Dòng Tu buộc phải tuân giữ tất cả những gì mà các Công Đồng hay Hội Đồng Giám Mục ban bố cách hợp pháp buộc mọi người phải giữ.

5) Giữa các Tu Hội với nhau, cũng như giữa các Tu Hội với hàng giáo sĩ giáo phận, phải khuyến khích việc hợp tác có tổ chức. Nhất là phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa mọi công việc và hoạt động tông đồ, nó tùy thuộc ở ý hướng siêu nhiên của tinh thần và tâm hồn, đậm rễ sâu và xây dựng trên đức ái. Tòa Thánh có nhiệm vụ lo lắng việc phối hợp cho toàn thể Giáo Hội; còn mỗi Chủ Chăn thánh lo cho giáo phận mình; sau hết, các Thượng Hội Đồng Giáo Chủ và các Hội Đồng Giám Mục lo cho lãnh thổ mình.

Các Giám Mục hay các Hội Đồng Giám Mục và các Bề Trên Dòng Tu, hoặc Hội Đồng các Bề Trên Cả hãy vui lòng tiến hành việc thảo luận chung với nhau về những dự án các công việc tông đồ do các tu sĩ thực hiện.

6) Để đồng một lòng tán trợ những mối tương quan giữa các Giám Mục và các Tu Sĩ cách hữu hiệu, các Giám Mục và các Bề Trên Dòng Tu hãy vui lòng họp lại với nhau vào những kỳ hạn nhất định, và mỗi khi thấy thích hợp, để thảo luận về những công việc có liên hệ tổng quát tới hoạt động tông đồ tại lãnh thổ mình.

Chương III

Các Giám Mục Cộng Tác Trong Việc Mưu Ích Chung Cho Nhiều Giáo Hội

I. Thượng Hội Đồng, Công Đồng Và Nhất Là Các Hội Đồng Giám Mục

36. Các Hội Đồng Giám Mục và công đồng địa phương. Ngay từ những thế kỷ đầu tiên của Giáo Hội, Các Giám Mục được đặt đứng đầu các Giáo Hội địa phương, bị thôi thúc bởi tình hiệp thông bác ái huynh đệ và lòng hăng hái truyền bá sứ mệnh phổ quát được trao cho các Tông Đồ, đã đồng tâm hiệp lực vừa phát triển ích lợi chung vừa cố võ lợi ích riêng của từng Giáo Hội. Do đó đã triệu tập những Thượng Hội Đồng, Công Đồng Giáo Tỉnh, cả Công Đồng Giáo Miền^{25*} trong đó các Giám Mục đã ấn định duy trì nguyên tắc bình đẳng cho các Giáo Hội hoặc trong việc giảng dạy đức tin hoặc trong việc quy định kỷ luật Giáo Hội.

Thánh Công Đồng Chung này rất ước mong cách tổ chức đáng kính của các Thượng Hội Đồng và Công Đồng được thêm hiệu lực mới để lo cho việc phát triển đức tin và duy trì kỷ luật trong các Giáo Hội cách thích hợp và hữu hiệu hơn tùy theo những hoàn cảnh khác nhau.

^{25*} Trong Giáo Hội Latinh, việc phân chia lãnh thổ được tính như sau: theo thứ tự từ nhỏ đến lớn: giáo xứ, giáo hạt, giáo phận, giáo tỉnh, giáo miền. Giáo miền là một sáng kiến của Công Đồng (số 39, 40).

Công Đồng giáo tỉnh là cuộc hội nghị của các Giám Mục cùng một giáo tỉnh. Công Đồng toàn quốc là một cuộc hội nghị của các Giám Mục thuộc nhiều giáo tỉnh hay trong một giáo miền.

37. Tầm quan trọng của Hội Đồng Giám Mục. Nhất là thời nay, nhiều khi các Giám Mục không thể chu toàn phận sự của mình cách thích đáng và kết quả, nếu không liên kết chặt chẽ và hợp tác mật thiết với các Giám Mục khác mỗi ngày một hơn. Vì các Hội Đồng Giám Mục đã được thiết lập tại nhiều quốc gia nêu lên nhiều bằng chứng sáng ngời về các hoạt động phong phú, nên Thánh Công Đồng xét rằng thật là hữu ích nếu khắp nơi trên thế giới, các Giám Mục cùng một quốc gia hay cùng một giáo miền quy tụ thành một Hội đồng, nhóm họp trong những kỳ hạn nhất định để một khi trao đổi những sáng kiến khôn ngoan và kinh nghiệm, cũng như cùng góp ý kiến, các ngài thực hiện được sự hòa hiệp thánh giữa các năng lực và mưu cầu công ích cho các Giáo Hội.

Vì thế, về các Hội Đồng Giám Mục, Thánh Công Đồng quy định như sau:

38. Định nghĩa, cơ cấu, thẩm quyền và sự cộng tác của các Hội Đồng Giám Mục.

1) Hội Đồng Giám Mục là nơi qui tụ các vị lãnh đạo Giáo Hội trong một quốc gia hay một địa phương liên đới thi hành phận sự mục vụ, để lợi ích mà Giáo Hội công hiến cho con người được phát triển hơn, nhất là nhờ các hình thức tông đồ và những phương pháp thích hợp với hoàn cảnh hiện đại.

2) Các Đấng Bản Quyền địa phương thuộc bất cứ nghi lễ nào, ngoại trừ các vị Tổng Đại Diện, còn các Giám Mục Phó, Giám Mục Phụ Tá và các Giám Mục hiệu tòa, khi đặc trách một nhiệm vụ gì do Tòa Thánh hay Hội Đồng Giám Mục giao phó, đều là những thành phần trong Hội Đồng Giám Mục. Các Giám Mục hiệu tòa khác, kể cả các vị Đặc Sứ của Đức Giáo Hoàng Roma cũng không có quyền là thành phần của Hội Đồng Giám Mục vì lý do thi hành nhiệm vụ đặc biệt tại địa phương.

Các Đấng Bản Quyền địa phương và các Giám Mục Phó có quyền biểu quyết; còn các vị Phụ Tá và các Giám Mục khác là

những đáng có quyền tham dự Hội Đồng cũng được Nội Quy cho biểu quyết hay tham khảo.

3) Mỗi Hội Đồng Giám Mục phải hoàn thành bản Nội Quy của mình, được Tòa Thánh thừa nhận. Trong bản Nội Quy này, ngoại trừ những phương cách khác, còn phải tiên liệu các nhiệm vụ giúp theo đuổi mục đích hữu hiệu hơn, chẳng hạn như Ủy Ban thường trực của các Giám Mục, các Tiểu Ban Giám Mục, Văn Phòng Tổng Thư Ký.

4) Các quyết định của Hội Đồng Giám Mục khi đã được biểu quyết hợp pháp, và ít nhất hội đủ hai phần ba tổng số phiếu các Thành Phần có quyền biểu quyết trong Hội Đồng và đã được Tòa Thánh công nhận, thì có hiệu lực pháp lý, nhưng chỉ trong những trường hợp mà luật chung đòi hỏi hoặc Sắc Lệnh của Tòa Thánh quy định, được ban hành bằng một Tụ Sắc hay theo lời thỉnh cầu của Hội Đồng Giám Mục^{26*}.

5) Tại nơi nào hoàn cảnh đặc biệt đòi hỏi, với sự chấp thuận của Tòa Thánh, các Giám Mục của nhiều quốc gia có thể họp thành một Hội Đồng.

Hơn nữa, mọi sự liên lạc giữa các Hội Đồng Giám Mục của các quốc gia khác nhau phải được cổ võ để tăng tiến cũng như bảo vệ công ích nhiều hơn.

^{26*} Theo pháp lý, mỗi Giám Mục hội viên không phải luôn luôn buộc tuân theo những quyết định của Hội Đồng Giám Mục. Muốn được tuân theo, bản văn đòi điều kiện:

- 1) Các quyết định phải theo đúng quy chế của Hội Đồng Giám Mục.
- 2) Phải có đa số 2/3.
- 3) Phải được Tòa Thánh phê chuẩn.
- 4) Phải liên quan đến vấn đề mà Giáo Luật dự đoán sẽ buộc tuân giữ hay Đức Giáo Hoàng có thể truyền lệnh tuân giữ.

6) Thánh Công Đồng tha thiết mong mỗi rằg khi họp Hội Đồng để cố võ kỷ luật của Giáo Hội mình và nhằm khuyến khích hữu hiệu hơn mọi công tác mưu cầu lợi ích tôn giáo, các vị Lãnh Đạo Đông Phương, vẫn lưu ý tới công ích của cả lãnh thổ, ở những nơi có nhiều Giáo Hội thuộc các lễ chế khác nhau, bằng cách tham khảo ý kiến trong những Hội Đồng liên lễ chế theo những tiêu chuẩn đã được Thẩm Quyền quy định.

II. Ranh giới các giáo tỉnh và việc thiết lập các giáo miền

39. Nguyên tắc trong việc duyệt xét lại các ranh giới. Ích lợi các linh hồn đòi hỏi phải phân chia ranh giới thích đáng, không những của các giáo phận mà cả những giáo tỉnh nữa; ích lợi này cũng khuyến cáo phải thiết lập những giáo miền để đáp ứng mỹ mãn những nhu cầu tông đồ tùy theo các hoàn cảnh xã hội và địa phương, cũng như để những liên lạc được dễ dàng và hiệu quả hơn giữa các Giám Mục với nhau, với các Tổng Giám Mục và các Giám Mục khác trong cùng một quốc gia, cũng như giữa các Giám Mục và Chính Quyền dân sự.

40. Quy tắc phải theo. Vì thế, để đạt được các mục đích kể trên, Thánh Công Đồng truyền phải quy định những điều sau đây:

1) Ranh giới các giáo tỉnh cần phải được xét lại cách thích hợp và quyền lợi cũng như đặc ân của các Tổng Giám Mục cũng phải được xác định theo những tiêu chuẩn mới mẻ và thích đáng.

2) Phải kể như luật: tất cả các giáo phận và các khu vực được luật cho quyền bình đẳng với giáo phận phải được sát nhập vào một giáo tỉnh. Do đó, các giáo phận hiện trực thuộc Tòa Thánh và không liên kết với một giáo tỉnh nào khác, cần phải hợp lại thành một giáo tỉnh mới nếu có thể được, hoặc phải sát nhập

vào một giáo tỉnh gần nhất hay tiện nhất, và phải tùy thuộc quyền của Tổng Giám Mục theo tiêu chuẩn của luật chung.

3) Nơi nào ích lợi đòi hỏi, các giáo tỉnh hãy hợp lại thành giáo miền, mà tổ chức phải được ấn định bằng luật.

41. Cứu xét ý kiến của Hội Đồng Giám Mục. Các Hội Đồng Giám Mục có thẩm quyền phải cứu xét vấn đề ranh giới các giáo tỉnh hay vấn đề thiết lập các giáo miền theo những tiêu chuẩn về ranh giới các giáo phận đã được xác định ở các số 23 và 24, và nên đệ trình những ý kiến cũng như ước nguyện của mình lên Tòa Thánh.

III. Các Giám Mục chu toàn nhiệm vụ liên giáo phận

42. Thiết lập các chức vụ đặc biệt và cộng tác với Giám Mục.

Vì những nhu cầu mục vụ càng ngày càng đòi hỏi cần phải có một số phận sự mục vụ được điều hành và cổ võ cách đồng nhất, nên việc thiết lập một vài chức vụ có thể do các Giám Mục đảm trách, nhằm phục vụ tất cả hay nhiều giáo phận cùng một miền hay một nước là một điều hữu ích.

Thánh Công Đồng cũng nhấn nhủ rằng giữa các Giám Chức hay các Giám Mục khi chu toàn những nhiệm vụ đó và các Giám Mục giáo phận cũng như các Hội Đồng Giám Mục, luôn luôn phải có sự thông cảm huynh đệ và mối đồng tâm lo lắng mục vụ, mà những tiêu chuẩn cộng tác phải xác định bằng một luật chung.

43. Nha tuyên úy quân đội. Vì hoàn cảnh sinh sống đặc biệt của các quân nhân và nghĩa vụ, phải hết sức lưu tâm săn sóc phần thiêng liêng của họ, nên trong mỗi quốc gia phải tùy khả năng thiết lập một Nha Tuyên Úy Công Giáo. Cả vị Tổng Tuyên Úy lẫn các tuyên úy đều phải tận tụy hết lòng cho công

việc khó khăn đó, trong tinh thần đồng tâm cộng tác với các Giám Mục giáo phận¹.

Vì vậy, các Giám Mục giáo phận cũng phải cung cấp cho các vị Tổng Tuyên Úy đủ số linh mục có khả năng thi hành nhiệm vụ nặng nhọc đó, đồng thời các ngài cũng hãy ủng hộ những sáng kiến nhằm phát triển ích lợi thiêng liêng cho các quân nhân².

Lệnh Chung

44. Biên soạn những tập chỉ dẫn chung và riêng. Thánh Công Đồng truyền: trong việc duyệt lại bộ Giáo Luật, phải lập những luật thích hợp với các nguyên tắc đã được xác định trong Sắc Lệnh này và cũng phải cân nhắc những nhận xét do các Ủy Ban hoặc các Nghị Phụ đã đưa ra.

Hơn nữa, Thánh Công Đồng cũng truyền phải biên soạn những Tập Chỉ Dẫn chung về việc coi sóc các linh hồn vừa cho các Giám Mục, vừa cho các linh mục chính xứ dùng, để giúp các ngài có những quy tắc xác thực nhằm chu toàn phận sự mục vụ riêng cách dễ dàng và thích hợp hơn.

Cũng cần vừa phải soạn một Tập Chỉ Dẫn riêng về việc săn sóc mục vụ cho từng nhóm giáo hữu đặc biệt, tùy theo hoàn cảnh

¹ Xem S.C. Consistorialis: *Instructio de Vicariis Castrensibus*, 23-4-1951: AAS 43 (1951), trg 562-565; *Formula servanda in relatione de statu Vicariatus Castrensis conficienda*, 20-10-1956: AAS 49 (1957), trg 150-163; *Sắc lệnh De Sacrorum Liminum Visitatione a Vicariis Castrensibus peragenda*, 28-2-1959: AAS 51 (1959), trg 272-274; *Sắc lệnh Facultas audiendi confessiones militum Cappellanis extenditur*, 27-11-1960: AAS 53 (1961), trg 49-50. - Xem thêm S.C. *De Religiosis: Instructio de Cappellanis militum religiosis*, 2-2-1955: AAS 47 (1955), trg 93-97.

² Xem S.C. Consistorialis: *Thư gửi các Đức Hồng Y và các Tổng Giám Mục, Giám Mục cũng như các Đấng Bản Quyền khác tại các miền thuộc Tây Ban Nha*, 21-6-1951: AAS 43 (1951), trg 566.

khác nhau của mỗi nước hay mỗi miền, vừa phải soạn một Tập Chỉ Dẫn về cách tổ chức dạy giáo lý cho dân Chúa trong đó đề cập tới các nguyên tắc căn bản, cách điều hành dạy giáo lý và việc biên soạn những sách bàn về vấn đề này. Trong khi soạn thảo những Tập Chỉ Dẫn trên, cũng phải lưu ý tới những nhận xét hoặc do các Ủy Ban, hoặc do các Nghị Phụ đã đưa ra.

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 28 tháng 10 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Khóa VII Ngày 28 tháng 10 Năm 1965

Sắc Lệnh
Về Canh Tân Thích Nghi
Đời Sống Dòng Tu
Perfectae Caritatis

Lời Giới Thiệu

Đề Tựa

Cái tên mới mẻ và hàm xúc "Canh Tân Thích Nghi" có thể làm cho nhiều người hiểu lầm về ý hướng căn bản của Sắc Lệnh. Giả như trong Sắc Lệnh, Công Đồng đã bàn đến việc cải cách đời tu, chắc lúc đó sẽ ngụ ý nói là đời sống tu trì hiện nay đang có nhiều khuyết điểm tệ hại cần phải được cấp thời sửa chữa; nhưng không, ta nên lưu ý là Công Đồng không nói đến cải cách, nhưng chỉ đề cập đến việc canh tân thôi. Công Đồng thực sự muốn ám chỉ đến ý nguyện canh tân hiện đang tiến hành trong toàn thể Giáo Hội ¹.

Lược Sử

Một ủy ban chuẩn bị (chủ tịch: Đức Hồng Y Valeri; thư ký: Cha Rousseau, OMI và 24 ủy viên) đã nghiên cứu và soạn thảo (6/1960 - 6/1961) bản lược đồ chi tiết và nặng tính chất phân tích, mang tựa đề "những lối sống nhằm đạt được sự hoàn thiện" (De Statibus Perfectionis Acquirendae). Nhưng Ủy Ban Trung Ương đã rút gọn bản lược đồ này thành 30 chương. Đến cuối năm thứ nhất của Công Đồng, một Ủy Ban đặc biệt do Đức Cha Philippe làm chủ tịch đã soạn một bản dự thảo khác gồm lời mở đầu với 9 chương.

Từ tháng 9/1963 đến tháng 9/1964 văn kiện được soạn thảo thêm lần nữa và bản văn mới gồm 19 khoản mang tên "Lược đồ những đề án về tu sĩ" (Schema Propositionum de Religiosis).

Nhưng trước khi đưa ra thảo luận lược đồ này lại được đặt một tên mới là "Việc canh tân thích nghi đời sống dòng tu" (De Accommodata Renovazione Vitae Religiosae).

Tuy thế, cuộc bầu phiếu sau đó vẫn mang lại nhiều phiếu chống (882 phiếu chống, 1,152 phiếu thuận). Nhưng bản văn cuối cùng gồm 25 số, trong cuộc bầu phiếu tổng quát của phiên họp khoáng đại ngày 11-10-1965, đã được chấp thuận của 3,126 Nghị Phụ trong số 2,142 vị bỏ phiếu.

Tầm Quan Trọng

Nếu muốn diễn tả tầm quan trọng của từng phần trong Sắc Lệnh bằng một đồ biểu, chúng ta sẽ phải coi những số từ 1 đến 6 như là chóp đỉnh của biểu tuyền; đường này sẽ đi dần xuống mức độ trung bình với những số 7 đến 11: ở quãng này Sắc Lệnh chú tâm đến việc canh tân những hình thức khác nhau của đời tu, hòa hợp những yếu tố thường với những hình thức khác nặng giá trị thần học hơn. Sau đó, với những số từ 12 đến 15 đề cập đến các lời khấn và đời sống cộng đoàn, biểu tuyền lại tiến cao lên, để rồi tụt gấp xuống một dốc đứng ở giữa những số từ 16 đến 24: những số này đề ra những qui tắc hoặc những khuyến cáo ít quan trọng về thần học.

Sự phong phú đích thực của Sắc Lệnh là đề xướng những nguyên tắc hướng dẫn cho công cuộc canh tân đời tu.

Sau đây là vài nguyên tắc trọng yếu nhất:

- Đẩy mạnh việc canh tân trong Chúa Kitô (số 1, 2a, e, 5,6).
- Về sự tận hiến đặc biệt cho Thiên Chúa (số 5).
- Dành ưu tiên cho đời sống nội tâm trong việc canh tân (số 6).

- Đòi sự cộng tác của mọi thành phần trong cộng đoàn để kiện toàn việc canh tân (số 4).
- Nhằm phục vụ Giáo Hội (số 2c, 5, 6).
- Nguyên tắc quan trọng và chủ chốt: vừa lo trung thành với đoàn sủng căn bản của Đấng Sáng Lập Dòng, vừa cô thích nghi với điều kiện hiện đại (số 2).

Sở dĩ Sắc Lệnh này mang một tính chất siêu việt trong lịch sử đời tận hiến, chính là vì nó đã thực hiện được hai mục tiêu sau đây: trên lý thuyết, với ý niệm canh tân đúng nghĩa, Sắc Lệnh đã nhuần thấm những nguyên tắc căn bản của đời tu, một sắc thái quyết định và trường tồn; còn trên bình diện thực hành, Sắc lệnh đã phát động trong khắp mọi gia đình tu sĩ, một niềm hào hứng bao la đưa đến việc tra tay vào công cuộc canh tân thích nghi Qui luật và Hiến chương².

Cuối cùng, Sắc Lệnh đã chính thức tuyên bố đời tận hiến vẫn là yếu tố không thể thay thế được trong toàn Nhiệm Thể Chúa Kitô.

¹ Không thể nói đến Sắc Lệnh trên đây mà không nhắc đến hai bản văn mật thiết liên hệ: đó là chương VI của Hiến Chế tín lý về Giáo Hội (có tầm quan trọng đặc biệt) và những số từ 32 đến 35 của Sắc Lệnh về Nhiệm Vụ Mục Vụ của các Giám Mục.

² Tương cũng cần nhắc đến hai văn kiện đặc biệt đóng góp vào việc thể hiện công cuộc canh tân đời tu: Tự sắc *Ecclesiae Sanctae* (6-8-1966) và Huấn thị *Renovationis Causam* của Thánh Bộ các Tu Sĩ và các Tu Hội Triều (6-1-1969) nói đến việc áp dụng các Sắc Lệnh của Công Đồng.

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Sắc Lệnh
về Canh Tân Thích Nghi
Đời Sống Dòng Tu

1. Lời mở đầu Trong Hiến Chế với tựa đề Ánh Sáng Muôn Dân^{1*}, Thánh Công Đồng đã từng nêu rõ việc theo đuổi Đức Ái trọn hảo qua các lời khuyên Phúc Âm là công cuộc bắt nguồn từ giáo lý và gương sáng của Thầy Chí Thánh và tỏ hiện như một dấu chỉ huy hoàng của Nước Trời. Giờ đây Thánh Công Đồng muốn bàn về đời sống và kỷ luật của các hội dòng có hội viên khẩn giữ trinh khiết, khó nghèo và vâng lời, cũng như tiên liệu những nhu cầu của các hội dòng ấy theo những đòi hỏi của thời đại chúng ta.

Ngay từ thời sơ khai của Giáo Hội, đã có những người nam cũng như nữ, qua việc thực hành các lời khuyên Phúc Âm, quyết tự nguyện theo Chúa Kitô với một tinh thần tự do thanh thoát hơn, bắt chước Người cách trung thành hơn, và mỗi người một cách, tất cả đều sống tận hiến cho Thiên Chúa; trong số đó có nhiều người được Chúa Thánh Thần thúc đẩy nên đã theo đuổi đời sống cô liêu tịch mặc, hoặc lập ra những dòng tu đã được Giáo Hội hài lòng dùng quyền của mình để đón nhận và phê chuẩn. Từ đó, bởi thánh ý Thiên Chúa, nảy sinh lạ lùng không biết bao nhiêu hội dòng khác nhau, đã mưu ích nhiều đến nỗi nhờ đó Giáo Hội chẳng những được trang bị đầy đủ

^{1*} Xem Hiến chế tín lý về Giáo Hội, ch. VI, số 44.

hầu thi hành mọi việc thiện (x. 2Tim 3,17) và sẵn sàng chu toàn nhiệm vụ kiến tạo Thân Thể Chúa Kitô (x. Eph 4,12) mà còn được con cái tô thắm bằng những ân huệ khác nhau để như một hiền thê trang điểm xinh xắn ra mắt lang quân mình (x. Kh 21,2) lại nhờ đó mà đức khôn ngoan muôn mặt của Thiên Chúa được tỏ hiện (x. Eph 3,10).

Chính giữa biết bao ân huệ khác nhau ấy, tất cả những người được Thiên Chúa kêu gọi thực hành và quyết tâm khẩn giữ trung thành các lời khuyên Phúc Âm đều hiến thân cho Chúa cách đặc biệt, khi noi gương Chúa Kitô, Đấng khiết trinh và khó nghèo (x. Mt 8,20; Lc 9,58). Đấng vì vâng lời cho đến chết trên thập giá (x. Ph 2,8) nên đã cứu chuộc và thánh hóa nhân loại. Được thúc đẩy như thế bởi đức mến mà Chúa Thánh thần đổ tràn trong lòng (x. Rm 5,5), họ càng ngày càng sống cho Chúa Kitô và Thân Thể Người là Giáo Hội (x. Col 1,24). Bởi vậy, họ càng nồng nàn kết hiệp với Chúa Kitô bao nhiêu qua việc dâng mình gồm trọn cả cuộc sống, đời sống Giáo Hội càng phong phú hơn và việc tông đồ của Giáo Hội càng dồi dào mãnh liệt hơn bấy nhiêu.

Nhưng để giá trị trở vượt cuộc đời thánh hiến bởi khẩn giữ các lời khuyên và để nhiệm vụ khẩn thiết của đời sống ấy trong hoàn cảnh hiện tại mưu cầu lợi ích lớn lao cho Giáo Hội, Thánh Công Đồng này quy định những điểm sau đây liên quan đến các nguyên tắc tổng quát nhằm canh tân thích nghi đời sống và kỷ luật các dòng cũng như các tu hội có đời sống chung nhưng không có lời khẩn và cả các tu hội triều, dù mỗi thứ vẫn giữ tính cách riêng biệt của mình. Còn các tiêu chuẩn riêng để trình bày và áp dụng cách thích ứng các nguyên tắc chung ấy sẽ được những cơ quan thẩm quyền sau Công Đồng quy định.

2. Nguyên tắc chung của việc canh tân thích nghi. Việc canh tân thích nghi đời sống dòng tu một trật bao gồm sự liên tục trở

về nguồn mạch của đời sống Kitô hữu và ơn linh ứng nguyên thủy của hội dòng cũng như sự thích nghi hội dòng với những hoàn cảnh đổi thay qua các thời đại. Phải xúc tiến việc canh tân ấy dưới sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần và sự hướng dẫn của Giáo Hội theo các nguyên tắc sau đây:

a) Bước theo Chúa Kitô như Phúc Âm dạy là tiêu chuẩn tối hậu của đời tu dòng, nên tất cả các hội dòng phải coi tiêu chuẩn ấy như là quy luật tối thượng^{2*}.

b) Chính để mưu ích cho Giáo Hội nên mỗi dòng có tính cách và phận vụ riêng. Do đó, phải trung thành nhận thức và noi giữ tinh thần cùng ý hướng đặc biệt của các Đấng Sáng Lập cũng như tất cả các truyền thống lành mạnh, vì tất cả những yếu tố đó tạo nên di sản của mỗi hội dòng^{3*}.

c) Mọi hội dòng đều phải tham dự vào đời sống Giáo Hội và tùy tính cách riêng của mình phải hết sức cổ võ những sáng kiến và đề nghị của Giáo Hội, chẳng hạn trong lãnh vực Thánh Kinh, phụng vụ, tín lý, mục vụ, hiệp nhất, truyền giáo và xã hội như thể là chính của riêng mình.

d) Các hội dòng phải thúc đẩy các tu sĩ tìm hiểu đầy đủ về hiện trạng của con người, của thời thế và về các nhu cầu của Giáo Hội, làm sao để một khi biết khôn ngoan nhận định những hoàn cảnh của thế giới ngày nay trong ánh sáng đức tin và biết nung nấu nhiệt tâm truyền giáo, họ có thể nâng đỡ con người cách hữu hiệu hơn.

e) Đời sống tu trì trước hết nhằm làm cho các tu sĩ theo Chúa Kitô và kết hợp với Thiên Chúa nhờ khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm; bởi thế, phải thận trọng cân nhắc: những nỗ lực tốt

^{2*} *Mối liên lạc mật thiết giữa các Quy Luật Dòng Tu và "Quy luật sống" đặt nền trên chính Chúa Kitô. Người ta thường không lưu tâm đúng mức đến sự liên lạc này.*

^{3*} *Giáo Hội vẫn muốn duy trì tính chất đa dạng giữa các dòng tu. Đồng nhất hóa sẽ có nghĩa là giảm bớt các đoàn sùng của Chúa Thánh Thần trong Giáo Hội.*

đẹp nhất nhằm thích nghi với các nhu cầu hiện đại sẽ chẳng sinh kết quả gì, nếu không được linh động nhờ sự canh tân về tu đức, vì đó là yếu tố bao giờ cũng giữ địa vị then chốt, ngay cả khi phải xúc tiến các hoạt động bên ngoài.

3. Tiêu chuẩn thực tế của việc canh tân thích nghi. Cách sống, cách cầu nguyện và hoạt động phải tùy theo tính chất của mỗi dòng để thích ứng với hiện trạng thể lý và tâm lý của các tu sĩ, cũng như với các nhu cầu tông đồ, những đòi hỏi văn hóa, những hoàn cảnh xã hội và kinh tế ở khắp mọi nơi, nhất là trong các xứ truyền giáo.

Cũng phải theo các tiêu chuẩn ấy để duyệt lại đường lối quản trị các dòng.

Bởi vậy các hiến chương, các tập chỉ dẫn, các bản luật lệ, sách kinh và nghi thức cũng như các tập sách luật tương tự phải được duyệt lại cho thích hợp; phải loại bỏ những qui tắc lỗi thời để thích nghi với các văn kiện của Thánh Công Đồng này.

4. Người chịu trách nhiệm chính trong việc canh tân. Việc canh tân hữu hiệu và thích nghi đúng đắn chỉ có thể thành đạt với sự cộng tác của hết mọi tu sĩ trong dòng^{4*}.

Nhưng ấn định các tiêu chuẩn và thiết lập các khoản luật về việc canh tân thích nghi cũng như cho phép thí nghiệm đầy đủ và khôn ngoan, phải là nhiệm vụ riêng của các vị có thẩm quyền, nhất là của tổng tu nghị, và nếu cần, với sự phê chuẩn của Tòa Thánh hoặc các Đấng Bản Quyền tùy theo Giáo Luật ấn định. Còn các Bề Trên, phải thăm dò và thu nhận ý kiến của

^{4*} Về phương cách thực hành việc tham khảo ý kiến và sự cộng tác của hết mọi thành phần trong Dòng, xem Tự sắc Ecclesiae Sanctae, phần II, các số 1-18.

các tu sĩ cách thích đáng trong những vấn đề liên quan đến toàn thể hội dòng.

Để canh tâm thích nghi các đan viện nữ, cũng có thể đón nhận nguyện vọng và ý kiến của các hội dòng liên viện hoặc của các hội đồng khác đã triệu tập hợp pháp.

Tuy nhiên, mọi người nên nhớ là phải đặt niềm hy vọng canh tân vào việc gia tăng lòng cần mẫn tuân giữ qui luật và hiến chương hơn là làm thêm nhiều luật mới.

5. Yếu tố chung cho mọi hình thức đời sống dòng tu. Tu sĩ của bất cứ hội dòng nào cũng phải ghi tâm điều này: chính nhờ khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm nên mình đã đáp ứng ơn thiên triệu, vì thế, chẳng những phải chết đi cho tội lỗi (x. Rm 6,11), nhưng còn phải từ bỏ thế gian để sống cho một mình Thiên Chúa. Thực vậy, họ đã cung hiến toàn thể cuộc đời để làm tôi tớ Thiên Chúa và sự cung hiến ấy đã thực sự tạo nên một sự thánh hiến đặc biệt^{5*}, ăn rễ sâu trong sự thánh hiến của ngày chịu phép rửa tội, đồng thời biểu lộ sự thánh hiến này cách trọn hảo hơn.

Vì sự tự hiến ấy đã được Giáo Hội chuẩn nhận, nên họ phải biết rằng mình đã được ràng buộc vào bốn phận phục vụ Giáo Hội.

Việc phụng sự Thiên Chúa như thế phải hồi thúc và nung đúc họ thực hành các nhân đức, nhất là đức khiêm nhường và vâng lời, can đảm và khiết tịnh, nhờ những nhân đức ấy, họ tham dự vào sự tự hủy của Chúa Kitô (x. Ph 2,7-8) và đồng thời vào sự sống của Người trong tinh thần (x. Rm 8,1-13).

Vậy, các tu sĩ phải trung thành với lời khẩn của mình và vì Chúa Kitô, từ bỏ mọi sự (x. Mc 10, 28). Để theo Người (x. Mt

^{5*} Thế nên việc khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm chính là một sự tận hiến mới (xem Đề nghị tu chính 91, do 430 nghị phụ cổ võ). Cũng trong ý hướng đó, xem diễn từ của Đức Thánh Cha với Đại hội của các Dòng, ngày 23-5-1960.

19, 21) như một điều cần thiết duy nhất (x. Lc 10,42) nghe lời Người (x. Lc 10,39) và lo lắng đến những gì thuộc về Người (x. 1Cor 7,32).

Vì thế, tu sĩ của bất cứ hội dòng nào, trong lúc chỉ đi tìm một mình Thiên Chúa trên hết mọi sự, đều phải liên kết việc chiêm niệm với nhiệt tâm truyền giáo: vì nhờ chiêm niệm, họ kết hợp lòng trí với Thiên Chúa, và nhờ nhiệt tâm truyền giáo, họ tham gia công cuộc Cứu Thế và mở rộng Nước Chúa.

6. Ưu tiên của đời sống thiêng liêng. Những ai khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm đều phải tìm kiếm và yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự^{6*}, vì người đã yêu chúng ta trước (x. 1 Gio 4,10); trong mọi hoàn cảnh, họ phải cố gắng phát triển đời sống ản dật cùng Chúa Kitô trong Thiên Chúa (x. Col 3,3), vì đó là nguồn mạch và động lực phát sinh tình yêu tha nhân nhằm cứu rỗi nhân loại và xây dựng Giáo Hội. Cũng chính đức ái này làm linh động và hướng dẫn việc thực hành các lời khuyên Phúc Âm.

Vì thế, tu sĩ của các hội dòng phải cần mẫn luyện tập tinh thần cầu nguyện và cả sự cầu nguyện, mức ở nơi nguồn mạch đích thực của nền tu đức Kitô giáo. Trước hết, hằng ngày, phải có Quyển Thánh Kinh trong tay để học được những "kiến thức siêu việt về Chúa Giêsu Kitô" (Ph 3,8) nhờ đọc và suy gẫm. Phải theo tinh thần của Giáo Hội để đem hết tâm hồn, miệng lưỡi chu toàn các Lễ Nghi Phụng Vụ, nhất là Mầu Nhiệm Thánh Thể, lại phải nuôi dưỡng đời sống tu đức bằng nguồn mạch phong phú ấy.

Nhờ bổ sức như thế nơi bàn Luật Chúa và bàn thờ thánh họ yêu thương các chi thể của Chúa Kitô như anh em, kính trọng và

^{6*} Ở đây Công Đồng muốn đáp ứng nguyện vọng của 385 Nghị Phụ xin xác nhận rõ ràng sự khẩn thiết số một của việc canh tân thiêng liêng.

yêu mến các vị chủ chăn với tình con thảo; họ phải càng ngày càng sống và cảm nghĩ với Giáo Hội hơn, và tận hiến phụng sự sứ mệnh của Giáo Hội.

7. Những hội dòng hoàn toàn chuyên lo chiêm niệm. Trong những hội dòng hoàn toàn chuyên lo chiêm niệm, các tu sĩ chỉ nhất tâm phụng sự một mình Thiên Chúa trong cô tịch và lặng lẽ, trong việc chuyên lo cầu nguyện và hân hoan hãm mình, thì cho dù nhu cầu hoạt động tông đồ có khẩn thiết đi nữa, những hội dòng ấy vẫn luôn giữ một địa vị cao quý trong Nhiệm Thể Chúa Kitô, trong đó, "mỗi chi thể đều có một tác động khác nhau" (Rm 12,4). Thực vậy, họ dâng lên Thiên Chúa hy lễ chúc tụng tuyệt hảo, làm vẻ vang dân Thiên Chúa bằng những hoa trái thánh thiện dồi dào, lấy gương lành lôi cuốn và làm cho dân ấy thêm lớn mạnh bằng việc tông đồ tuy âm thầm nhưng phong phú. Như thế, họ là vinh dự của Giáo Hội và là mạch tuôn trào các ơn thiêng. Tuy nhiên, chẳng phải duyệt lại cách sống của họ theo những nguyên tắc và tiêu chuẩn về việc thích nghi canh tân như đã nói trên kia; dẫu vậy, vẫn phải kính cẩn bảo tồn cách biệt thế gian và những sinh hoạt riêng trong đời chiêm niệm của họ.

8. Những hội dòng dân thân làm việc tông đồ. Trong Giáo Hội, có rất nhiều hội dòng dành cho giáo sĩ hoặc giáo dân dân thân làm việc tông đồ khác nhau tùy theo các ơn Chúa ban: người được ơn phục vụ để phục vụ hoặc ơn giáo lý để giảng thuyết, kẻ được ơn khuyến cáo để dẫn dụ, người ban phát cách đơn, người thương xót trong vui vẻ (x. Rm 12,5-8). "Các ân sủng dẫu khác nhau, tuy nhiên cũng cùng một Thánh Thần" (1Cor 12,4).

Nơi những hội dòng này, bản tính đời sống tu trì nhằm hoạt động tông đồ và từ thiện như một tác vụ thánh và như là công

trình riêng của đức ái, do Giáo Hội ủy thác cho họ và phải được thi hành nhân danh Giáo Hội. Vì thế, toàn thể cuộc đời tu dòng của tu sĩ phải thấm nhuần tinh thần tông đồ và toàn thể hoạt động tông đồ phải được linh động nhờ hình thành trong tinh thần tu dòng. Vậy để các tu sĩ trước hết đáp lại ơn kêu gọi của họ là theo Chúa Kitô, và phục vụ chính Chúa Kitô trong các chi thể của Người, hoạt động tông đồ của các tu sĩ phải được phát sinh từ cuộc sống kết hiệp mật thiết với chính Chúa Kitô, nhờ đó, chính đức mến Chúa yêu người được triển nở.

Bởi thế, các hội dòng ấy hãy thích nghi luật lệ và tập tục riêng với các đòi hỏi của việc tông đồ họ chuyên lo. Nhưng, vì đời tu dòng chuyên lo hoạt động tông đồ mang nhiều hình thức khác nhau, nên trong việc thích nghi canh tân, cần xét đến tính cách khác biệt ấy, đồng thời đời sống phụng sự Chúa Kitô của các tu sĩ trong nhiều hội dòng khác nhau, cần được nâng đỡ bằng những phương thế thích hợp riêng tùy mỗi hội dòng.

9. Trung thành với đời sống đan viện và cộng đồng. Phải trung thành duy trì và càng ngày càng làm sáng tỏ định chế đan viện khả kính trong tinh thần đích thực của nó, ở Đông Phương cũng như Tây Phương. Định chế ấy, qua bao thế kỷ, đã tạo được nhiều công nghiệp hiển hách trong Giáo Hội và cộng đồng nhân loại. Nhiệm vụ chính yếu của các đan sĩ là phục vụ Thiên Chúa trong đời sống ẩn dật, hoặc phụ trách cách hợp pháp một vài công việc tông đồ hay bác ái Kitô giáo. Vậy, tuy vẫn duy trì tính chất riêng của mỗi dòng, họ cũng cần canh tân những tập truyền tốt lành xưa và thích nghi chúng với những nhu cầu hiện đại của các linh hồn để đan viện trở thành như trung tâm vun trồng dân Kitô giáo.

Cũng vậy, các dòng có hiến chương hay qui luật liên kết chặt chẽ đời tông đồ với việc đọc nhật tụng trong ca hội và những luật lệ đan viện, hãy hòa hợp cách sống với các đòi hỏi của

những việc tông đồ thích hợp với họ, làm sao để trung thành giữ được lối sống của mình đồng thời vẫn sinh nhiều ích lợi cho Giáo Hội.

10. Đòi sống tu trì giáo dân. Đòi sống tu trì giáo dân, bất luận nam cũng như nữ, tự nó làm thành một bậc sống đầy đủ để khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm. Vì thế, Thánh Công Đồng quý trọng bậc sống rất hữu ích này, hữu ích cho sứ mệnh mục vụ của Giáo Hội trong lãnh vực giáo dục thanh thiếu niên, săn sóc bệnh nhân và chu toàn những nhiệm vụ khác. Thánh Công Đồng củng cố các tu sĩ ấy trong ơn gọi của họ và khuyến khích họ thích nghi cuộc sống với những đòi hỏi hiện đại.

Thánh Công Đồng tuyên bố rằng: trong những dòng tu dành cho các Tu Huynh, không có gì trở ngại nếu có vài tu sĩ lãnh nhận các Chức Thánh để đáp ứng những nhu cầu cần đến chức vụ linh mục trong nhà mình, tùy Tổng Tu Nghị quyết định, nhưng vẫn phải duy trì tính chất giáo dân của tu hội.

11. Tu hội triều. Những tu hội triều, tuy không phải là dòng tu, nhưng cũng có lời khẩn thật sự và trọn vẹn được Giáo Hội công nhận để giữ các lời khuyên Phúc Âm ở giữa đời. Lời khẩn ấy tận hiến các hội viên nam cũng như nữ, giáo dân cũng như giáo sĩ hiện đang sống giữa đời. Bởi đó, chính họ phải trước hết quyết tâm tận hiến toàn thân cho Thiên Chúa trong đức ái trọn hảo; còn tu hội, phải giữ tính chất đặc thù của mình, là sống giữa đời, để dù ở đâu, họ cũng có thể chu toàn hữu hiệu việc tông đồ ở giữa đời và như phát sinh từ lòng đời theo như tu hội đã chủ trương khi thành lập.

Tuy nhiên, các tu hội ấy phải biết rõ rằng: chỉ có thể chu toàn nhiệm vụ lớn lao ấy một khi các hội viên được ân cần huấn luyện về đạo cũng như đời, sao cho họ thực sự là men giữa đời

để làm cho Thân Thể Chúa Kitô được mạnh mẽ và lớn lên. Vì vậy, các Bè Trên phải thận trọng lo cho họ được huấn luyện nhất là về đường tu đức, lại phải cố võ tăng thêm việc huấn luyện ấy sau này nữa.

12. Đức khiết tịnh. Đức khiết tịnh "vì nước Trời" (Mt 19,12), mà các tu sĩ khẩn giữ, phải được quý trọng như một ân huệ cao cả của ơn thánh. Thật vậy, ơn ấy giải thoát lòng con người cách đặc biệt (x. 1Cor 7,32-35), để nồng nàn mến Chúa và yêu mọi người hơn. Vì thế, đức khiết tịnh là dấu chỉ đặc biệt của kho tàng trên trời và cũng là phương tiện thích hợp nhất cho các tu sĩ hân hoan hiến mình phụng sự Thiên Chúa và làm việc tông đồ. Do đó, họ gọi ra trước mặt mọi Kitô hữu sự kết hợp lạ lùng do Thiên Chúa thiết lập và sẽ tỏ hiện đầy đủ ở đời sau, là Giáo Hội được nhận Chúa Kitô làm lang quân độc nhất của mình.

Vậy, các tu sĩ hãy trung thành giữ lời mình khấn, tin lời Chúa dạy, trông cậy vào ơn Ngài, đừng tự phụ vì sức riêng mình, lại phải sống hãm mình và gìn giữ ngũ quan. Cũng đừng bỏ qua những phương thế tự nhiên giúp cho tinh thần và thể xác được lành mạnh. Như thế, họ sẽ không bị lung lạc vì những tà thuyết rêu rao rằng sự tiết dục trọn vẹn là việc không thể giữ được hoặc có hại cho sự phát triển con người; và như bởi một bản năng thiêng liêng, họ hãy khước từ tất cả những gì đe dọa đức khiết tịnh. Hơn nữa, hết mọi người, nhất là các Bè Trên, đều phải nhớ rằng: đức khiết tịnh được bảo trì an toàn hơn cả khi trong đời sống cộng đoàn có tình huynh đệ đích thực giữa các tu sĩ.

Sự tiết dục trọn vẹn đụng chạm đến những khuynh hướng tâm sâu của bản tính con người, nên những người muốn khấn giữ khiết tịnh chỉ nên quyết định và chỉ được chấp thuận sau một thời gian thử thách thực đầy đủ và đã thấy có sự trưởng thành

tâm lý, tình cảm cần thiết^{7*}. Không những phải căn dặn họ về những nguy hiểm hay xảy đến cho đức khiết tịnh, nhưng còn phải huấn luyện thế nào để họ đón nhận cuộc sống độc thân hiến dâng cho Thiên Chúa đồng thời đem lại lợi ích cho con người toàn diện của họ.

13. Đức khó nghèo. Tự nguyện sống khó nghèo^{8*} để theo Chúa Kitô là dấu chứng cho việc theo Chúa Kitô rất được trọng vọng, nhất là ngày nay. Vì thế, các tu sĩ hãy miệt mài trau dồi và nêu cần, hãy biểu lộ sự khó nghèo ấy bằng những hình thức mới. Nhờ nhân đức này, họ được san sẻ sự nghèo khó của Chúa Kitô. Đáng tuy giàu có, đã trở nên thiếu thốn vì chúng ta để chúng ta được giàu sang nhờ sự cùng cực của Người (x. Cor 8,9; Mt 8,20).

Khó nghèo trong đời tu dòng không chỉ hạn hẹp trong sự lệ thuộc Bề Trên khi sử dụng của cải, nhưng là phải nghèo khó trong thực tế và trong tinh thần để chỉ lo thu tích một kho tàng trên trời (x. Mt 6,20).

Trong chức vụ riêng của mỗi người, các tu sĩ phải cảm thấy luật làm việc là luật chung cũng ràng buộc họ, và trong lúc nhờ đó mưu cầu những gì cần thiết để sống và hoạt động, họ hãy trút bỏ mọi âu lo quá đáng để cậy trông vào sự Quan Phòng của Cha trên Trời (x. Mt 6,25).

Các hội dòng có thể ấn định trong hiến chương cho phép các tu sĩ khước từ gia sản đã có hay sẽ lãnh nhận.

Chính các hội dòng, tùy hoàn cảnh địa phương, hãy nỗ lực như tập thể làm chứng về đức khó nghèo, hãy sẵn lòng trích một

^{7*} Xem *Huấn thị Renovationis Causam*, các số 4,10.

^{8*} Trong số 14,000 đề nghị tu chính cho toàn lược đồ về đời tu trì, có 1,042 đề nghị đã nhắm thẳng vào đức khó nghèo; sau khi gạt lọc kỹ lưỡng đoạn văn chỉ vắn vắn còn có 63 chữ theo nguyên bản.

phần của cải để cung ứng cho những nhu cầu khác của Giáo Hội và nâng đỡ những người thiếu thốn là những người mà mọi tu sĩ phải yêu thương với tâm tình của Chúa Kitô (x. Mt 19,21; 25,34-46; Giac 2,15-16; 1Gio 3,17). Các tỉnh cũng như các nhà của hội dòng hãy san sẻ của cải cho nhau, để nơi dư thừa giúp đỡ nơi thiếu thốn.

Mặc dầu các hội dòng có quyền sở hữu tất cả những gì cần thiết để sống ở đời này và để hoạt động, nhưng hãy tránh mọi hình thức xa hoa trục lợi quá đáng hoặc thu tích dư dật trừ khi qui luật và hiến chương dạy khác.

14. Đức vâng lời. Nhờ khấn giữ đức vâng lời^{9*}, các tu sĩ tận hiến ý muốn mình như của lễ bản thân dâng lên Thiên Chúa, nhờ đó họ được kết hợp với ý muốn cứu rỗi của Ngài cách kiên trì và chắc chắn hơn. Vậy, theo gương Chúa Kitô, Đấng đã đến để làm theo ý Chúa Cha (x. Gio 4,34; 5,30; Dth 10,7; Tv 39.9) "tự nhận thân phận tôi tớ" (Ph 2,7) và đã học tập đức vâng lời từ những điều phải chịu đựng (x. Dth 5,8), các tu sĩ, được Chúa Thánh Thần thúc đẩy, lấy đức tin từng phục các vị Bề Trên, đại diện Thiên Chúa, và nhờ các ngài hướng dẫn, họ phục vụ mọi anh em trong Chúa Kitô, như chính Chúa Kitô vì tuân phục Chúa Cha đã phục vụ anh em và hiến mạng sống để cứu chuộc mọi người (x. Mt 20,28; Gio 10,14-18). Như thế, họ được liên kết chặt chẽ hơn với sứ mệnh phục vụ của Giáo Hội và nỗ lực đạt đến mức tuổi sung mãn của Chúa Kitô (x. Eph 4,13).

Vậy các tu sĩ hãy khiêm tốn vâng phục Bề Trên của mình theo tiêu chuẩn qui luật và hiến chương, trong tinh thần tin kính và yêu mến đối với thánh ý Chúa, dùng tất cả năng lực trí tuệ, ý

^{9*} Tóm kết giáo lý thần học về đức vâng lời, số này đã khéo léo xác định vị trí việc tuyên khấn vâng lời của các tu sĩ trong mầu nhiệm Chúa Kitô, "Tôi Tớ Thiên Chúa", và giữa lòng mầu nhiệm Giáo Hội. Đây là một trong những điểm thành công nhất của Sắc Lệnh.

muốn cũng như năng khiếu và ơn Chúa ban để thi hành các giới lệnh và chu toàn những phận vụ đã được ủy thác cho mình, vì biết mình đang góp công xây dựng Thân Thể Chúa Kitô theo như ý định Thiên Chúa. Như thế, đức vâng lời trong đời tu trì chẳng những đã không giảm bớt phẩm giá, nhưng còn giúp nhân vị trưởng thành nhờ phát triển tự do của con cái Thiên Chúa.

Các vị Bề Trên sẽ phải trả lễ về các linh hồn đã được ủy thác cho mình (x. Dth 13,17), nên hãy ngoan ngoãn tuân hành thánh ý Chúa khi chu toàn bổn phận và hãy thi hành quyền bính trong tinh thần phục vụ anh em, làm sao để mình chứng được mối tình Thiên Chúa đã yêu họ. Với lòng kính trọng nhân vị, các ngài hãy cai quản những kẻ thuộc quyền như là những con cái Thiên Chúa bằng cách thúc đẩy sự vâng phục tự nguyện. Phải đặc biệt để cho họ được tự do cần thiết trong việc xưng tội và linh hướng. Hãy hướng dẫn các tu sĩ biết cộng tác với tinh thần vâng lời tích cực và trách nhiệm, trong những bổn phận phải chu toàn và những sáng kiến cần có. Nên các Bề Trên hãy sẵn sàng lắng nghe các tu sĩ và khuyến khích họ cộng tác mưu lợi ích của hội dòng và của Giáo Hội, tuy nhiên vẫn phải duy trì quyền ấn định và truyền dạy những gì phải làm.

Các tu nghị và các hội đồng phải trung thành chu toàn bổn phận quản trị đã được ủy thác đồng thời thể hiện sự tham gia và lo âu của mọi tu sĩ mỗi người theo cách thức riêng đối với lợi ích của toàn thể cộng đoàn.

15. Đời sống chung. Đời sống chung được nuôi dưỡng bằng giáo lý Phúc Âm, Phụng Vụ Thánh và nhất là Bí Tích Thánh Thể phải được duy trì trong lời cầu nguyện, trong sự hiệp thông cùng một tinh thần (x. CvSđ 2,42), theo gương Giáo Hội sơ khai, trong đó các tín hữu chỉ có một tấm lòng, một tâm hồn (x. CvSđ 4,32). Là chi thể Chúa Kitô, các tu sĩ hãy mang lấy gánh

nặng của nhau (x. Gal 6,2), và trọng kính lẫn nhau trong tinh thần giao hảo huynh đệ (x. Rm 12,10). Thực vậy, khi được tình yêu của Thiên Chúa nhờ Chúa Thánh Thần tràn đầy trong mọi tâm hồn (x. Rm 5,5), cộng đoàn giống như một gia đình thực sự đoàn tụ nhân danh Chúa, được hưởng sự hiện diện của Ngài (x. Mt 18,20). Yêu mến là chu toàn luật pháp (x. Rm 13,10) và là dây liên kết sự trọn lành (x. Col 3,14); nhờ đức ái mà chúng ta biết rằng mình được chuyển từ cõi chết sang cõi sống (x. 1Gio 3,14). Hơn nữa, sự hiệp nhất huynh đệ loan báo Chúa Kitô đã đến (x. Gio 13,35; 17,21) và phát sinh một năng lực tông đồ mãnh liệt.

Đề tinh huynh đệ giữa các tu sĩ được mật thiết hơn, hãy đề những người thường được gọi là "trợ sĩ" hay gọi bằng những tên tương tự, được liên kết chặt chẽ với cuộc sống và hoạt động của cộng đoàn. Trừ khi hoàn cảnh buộc phải làm thế khác, phải liệu sao để trong các dòng nữ chỉ có một bậc nữ tu độc nhất. Giữa các chị em, chỉ còn sự khác biệt do việc phân phối công tác đòi hỏi, công tác mà mỗi người lãnh nhận tùy theo ơn Chúa gọi đặc biệt hay do năng khiếu riêng.

Còn các đan viện và hội dòng nam không thuần túy dành cho giáo dân, tùy tính cách riêng, theo tiêu chuẩn do hiến chương ấn định, có thể chấp nhận giáo sĩ và giáo dân trên cùng một đẳng cấp, có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, trừ những gì thuộc về chức thánh^{10*}.

16. Luật nội cấm của đan viện nữ. Luật nội cấm giáo hoàng các đan viện nữ chuyên sống đời chiêm niệm thuần túy vẫn phải được duy trì, nhưng sau khi đã thu thập ý nguyện của chính các đan viện, hãy thích nghi với hoàn cảnh thời gian và không gian, bỏ những tập tục đã lỗi thời.

^{10*} Vấn đề bình đẳng quyền lợi này, xin xem *Ecclesiae Sanctae*, phần II.

Còn các đan sĩ khác, chuyên lo việc tông đồ bên ngoài theo định chế được miễn khỏi giữ luật nội cấm giáo hoàng, để có thể dễ dàng hơn mà chu toàn bổn phận tông đồ đã được ủy thác, tuy nhiên vẫn giữ luật nội cấm tùy theo hiến chương ấn định.

17. Y phục tu sĩ. Y phục của tu sĩ là dấu chỉ sự tận hiến nên phải giản dị và khiêm tốn, khó nghèo và tề chỉnh, hơn nữa, phải phù hợp với sức khỏe và thích nghi với hoàn cảnh thời gian, không gian cũng như nhu cầu của chức vụ. Y phục của tu sĩ nam cũng như nữ, không thích ứng với các tiêu chuẩn trên đây, cần phải được sửa đổi.

18. Huấn luyện tu sĩ. Việc canh tân thích nghi các hội dòng lệ thuộc rất nhiều vào việc huấn luyện tu sĩ ^{11*}. Vì thế, không được cho các tu sĩ không phải là giáo sĩ và các nữ tu ra làm việc tông đồ ngay khi vừa mãn nhà tập, nhưng phải tiếp tục huấn luyện họ cách thích đáng về mặt tu trì, tông đồ, giáo lý và kỹ thuật trong những nhà có đủ điều kiện; cũng nên cho họ thi lấy những văn bằng thích hợp.

Nhưng, để việc thích nghi đời dòng tu với những đòi hỏi của thời đại chúng ta không chỉ hời hợt bên ngoài và để những tu sĩ chuyên lo việc tông đồ bên ngoài theo hiến chương khỏi thiếu khả năng chu toàn nhiệm vụ, phải cho họ học biết cách thích đáng những lối sống, cách cảm nghĩ và suy tư đang thịnh hành trong xã hội hiện tại, mỗi người tùy khả năng trí thức và tâm tính riêng. Phải biết hòa hợp các yếu tố của việc huấn luyện sao cho người tu sĩ có một đời sống thuần nhất.

^{11*} Xét về tầm quan trọng, số này đáng lẽ phải được đặt ngay sau những đoạn bàn đến các lời khấn. Nó được tự sắc *Ecclesiae Sanctae* và nhất là huấn thị *Renovationis Causam* bổ túc đầy đủ.

Suốt đời, các tu sĩ hãy chuyên chăm hoàn bị việc huấn luyện tu đức, giáo lý, kỹ thuật; còn các Bề Trên hãy tùy sức lo cho họ có cơ hội, phương tiện và thời giờ để chu toàn bổn phận ấy.

Các Bề Trên cũng có nhiệm vụ chọn lựa kỹ lưỡng và chuẩn bị cẩn thận những vị Giám Đốc, Linh Hướng và Giáo Sư.

19. Thành lập hội dòng mới. Về việc thành lập những hội dòng mới, phải cân nhắc kỹ lưỡng xem có cần thiết, hay ít là có ích lợi lớn lao và có khả năng tăng triển không. Như thế mới tránh được sự thành lập bừa bãi những hội dòng vô ích hoặc thiếu sinh lực. Trong các Giáo Hội mới, hãy đặc biệt cố võ và phát triển những hình thức dòng tu thích hợp với tính tình và phong hóa dân chúng, với tập tục và hoàn cảnh địa phương.

20. Bảo toàn, thích nghi hoặc loại bỏ những điểm riêng biệt của dòng. Các hội dòng phải trung thành duy trì và chu toàn phận sự riêng, hãy để ý đến lợi ích của toàn thể Giáo Hội và các giáo phận mà thích nghi công việc với nhu cầu thời đại và địa phương, sử dụng những phương thế thích hợp, cả những phương thế tân tiến và loại bỏ những công việc nào ngày nay ít phù hợp với tinh thần và bản chất đích thực của hội dòng.

Tinh thần truyền giáo phải được tuyệt đối duy trì trong các hội dòng, được thích nghi tùy bản chất riêng của mỗi dòng với hoàn cảnh hiện tại, để việc rao giảng Phúc Âm giữa muôn dân được hữu hiệu.

21. Hội dòng và đan viện suy thoái. Còn các hội dòng và đan viện nào theo ý của các Đấng Bản Quyền liên hệ, và phán đoán của Tòa Thánh, không có hy vọng hữu lý để phát triển được, thì cấm nhận thêm tập sinh và nếu có thể, hãy sát nhập với một

hội dòng hoặc một đan viện khác đang hưng thịnh hơn mà mục đích và tinh thần không khác nhau bao nhiêu.

22. Sự phối hợp giữa các hội dòng. Nếu tiện lợi và được Tòa Thánh chấp nhận, các hội dòng và đan viện tự trị hãy xúc tiến thành lập những hiệp hội nếu đại khái cùng thuộc về một gia đình tu, hoặc thành lập những liên hiệp nếu có hiến chương, tập tục tương tự và cũng sống theo một tinh thần, nhất là khi quá nhỏ bé, hoặc thành lập những liên hội nếu họ chuyên lo những công việc bề ngoài giống nhau hoặc trùng nhau.

23. Hội đồng Bề Trên Thượng Cấp. Nên cổ võ những hội nghị hay hội đồng các Bề Trên Thượng Cấp do Tòa Thánh qui định, vì những hội đồng như vậy giúp ích rất nhiều để mỗi hội dòng đạt tới mục đích riêng cách hoàn hảo hơn, để phát triển sự hợp tác hữu hiệu hơn nhằm mưu ích cho Giáo Hội, để phân phối đồng đều hơn các thợ chuyên giảng Phúc Âm trong một địa hạt nhất định, cũng như để cứu xét, thương lượng những vấn đề chung có liên quan đến các tu sĩ, trong khi phối hợp và cộng tác thích ứng với các Hội Đồng Giám Mục về lãnh vực hoạt động tông đồ.

Các tu hội triều cũng có thể thành lập những tổ chức tương tự.

24. Ôn gọi tu dòng. Các linh mục và các nhà giáo dục Kitô giáo phải hết sức cố gắng để cổ động cho ơn gọi tu dòng được thêm đông, được chọn lựa thận trọng và thích đáng hầu đáp ứng đầy đủ với nhu cầu của Giáo Hội. Ngay khi giảng dạy thường ngày, cũng hãy năng đề cập đến các lời khuyên Phúc Âm và việc chọn lựa bậc sống tu dòng. Trong khi giáo dục con cái theo luân lý Kitô giáo, cha mẹ phải vun trồng và bảo vệ các mầm non ơn gọi tu trì trong tâm hồn chúng.

Các hội dòng được phép tuyên truyền cho dòng mình để cổ võ ơn kêu gọi và tìm các ứng sinh, nhưng phải hành động với sự khôn ngoan cần thiết và tuân giữ những tiêu chuẩn do Tòa Thánh và Các Đấng Bản Quyền đã ban hành.

Tuy nhiên, các tu sĩ hãy nhớ rằng: gương sáng của đời sống cá nhân mới là lời giới thiệu hùng hồn nhất cho hội dòng mình và là lời mời gọi sống đời tu dòng hữu hiệu hơn hết.

25. Kết luận. Các hội dòng đã được Thánh Công Đồng có ý đề cập đến khi ấn định những tiêu chuẩn canh tân thích nghi này, hãy mau mắn đáp ứng ơn thiên triệu và phận vụ mình trong Giáo Hội thời hiện tại. Thực vậy, Thánh Công Đồng ngưỡng mộ cuộc đời trinh khiết khó nghèo và vâng lời của họ, đó là cách sống mà chính Chúa Kitô đã nêu gương; Thánh Công Đồng vững lòng kỳ vọng nơi những công cuộc rất hữu hiệu của họ, dù âm thầm hay công khai. Vậy, hết thảy các tu sĩ hãy nhờ đức tin trọn hảo, đức mến Chúa yêu người, lòng mến thánh giá và niềm cậy trông vinh quang đời sau mà truyền bá Phúc Âm Chúa Kitô trên toàn thế giới, để mọi người thấy dấu chứng của họ và ngợi khen Cha chúng ta trên trời (x. Mt 5,16). Như thế, nhờ lời cầu bầu của Đức Trinh Nữ Maria rất dịu hiền, Mẹ Thiên Chúa, "mà cuộc đời của Mẹ là khuôn mẫu cho mọi người"¹, các hội dòng mỗi ngày một bành trướng và trở sinh những hoa trái cứu rỗi dồi dào hơn.

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế

¹ T. Ambrosiô, *De Virginitate*, c. II, ch. II, số 15.

định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 28 tháng 10 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Khóa VII Ngày 28 tháng 10 Năm 1965

Sắc Lệnh Về Đào Tạo Linh Mục Optatam Totius

Lời Giới Thiệu

Để đo lường tất cả những gì Sắc Lệnh về Đào Tạo Linh Mục mang lại, trước tiên, chúng ta hãy nhìn qua chính việc đào tạo các Linh Mục qua các thời đại, từ thời Giáo Hội sơ khai đến thời Công Đồng Triden - lúc các chủng viện được thành lập - và từ thời đó đến thời Công Đồng Vaticanô II. Sau đó chúng ta sẽ nêu lên nguồn gốc và sự tiến triển của chính bản Sắc Lệnh; rồi chúng ta sẽ tóm lược nội dung bản văn để rút tĩa những viễn tượng mới mẻ và những lợi ích của Sắc Lệnh. Sau cùng là một vài trang về tài liệu hướng dẫn tham khảo giúp những ai muốn tìm hiểu vấn đề một cách sâu rộng hơn.

I. Quá Trình Lịch Sử Về Việc Đào Tạo Linh Mục

A. Từ thời thượng cổ đến thời Công Đồng Triden

Các vị chân dắt Giáo Hội sơ khai thường được tuyển chọn trong số các giáo hữu trưởng thành sống bên cạnh các Thánh Tông Đồ và những môn đệ trực tiếp của Chúa. Họ rao giảng Phúc Âm, chủ tọa các buổi họp, "ban phát bánh" như chính Chúa Giêsu đã làm. Những trẻ em Kitô giáo, cũng như các trẻ em khác, đều theo học nền giáo dục cổ điển La Hy do các giáo sư Kitô giáo hay lương dân chỉ dạy. Khi hoàng đế Giulianô cấm các nhà giáo dục Kitô hữu với sắc lệnh ngày 17-6-362, người ta nhận thấy các nhà giáo dục Kitô hữu đã tìm phương thế thiết lập những trường Kitô giáo nhưng lại dạy theo lối cổ điển: đó là hai giáo sư Apollinarios Tiền và Apollinarios Hậu. Họ phỏng tác năm cuốn đầu của Cựu Ước theo thể văn thơ, những sách sử ký của Cựu ước theo văn thể kịch, và những bản văn của Tân Ước dưới nhiều hình thức phỏng theo Plato. Khi sắc lệnh ngăn cấm được bãi bỏ, năm 364 các giáo sư và học sinh Kitô hữu trở lại với các trường cổ điển. Nếu thời ấy không có những trường học Kitô giáo đặc biệt dành riêng cho các lớp tiểu học và trung học, thì lại có những trường cho các lớp cao hơn. Những giáo sư như thánh Giustinô, thánh Clementê thành Alexandria, Origenê đã mở phân khoa triết học Kitô giáo với mục đích chống lại chủ trương muốn hạ vấn đề mạc khải xuống bậc hiểu biết thuần túy tự nhiên.

Những vị giáo sư rất hùng biện này đã đào sâu và trình bày đạo lý Kitô giáo theo đòi hỏi của các nhu cầu thời đại. Dĩ nhiên những trường này hầu hết đều dựa vào việc học hỏi vững chắc về Thánh Kinh và đào tạo cho Giáo Hội những vị Linh Mục và Giám Mục, nhất là ở Rôma và ở Alexandria. Tuy nhiên hầu hết những giáo sĩ được tuyển chọn đều nhờ sự tiếp xúc cá nhân với các Giám Mục hay Linh Mục đứng tuổi tại địa phương. Thánh Augustinô đã thành lập chủng viện theo phương cách đó: Giám Mục đương kim và linh mục cùng chung sống dưới một kỷ luật, và lời giảng dạy với gương sáng của các đấng chân dắt là yếu tố chính yếu trong việc đào tạo linh mục. Hình thức này đã lan

rộng đến một vài nơi ở Ý, ở Pháp, và ở Tây Ban Nha nhưng không kéo dài được bao lâu.

Vào thời Trung Cổ, các nơi tu học được liên kết với các học viện lớn để rồi dần dần trở thành những chủng viện của các dòng này, và đã bảo đảm việc đào tạo các linh mục tương lai của dòng. Vào khoảng năm 826, Đức Giáo Hoàng Eugeniô II, trong Công Đồng họp ở Rôma, đã yêu cầu thiết lập trường học bên cạnh mỗi nhà thờ chánh tòa để giáo dục thanh thiếu niên và để chuẩn bị hàng giáo sĩ tương lai.

Chẳng bao lâu, với đà phát triển của các đại học, những trường trung học và nội trú được thành lập bên cạnh các đại học để cho các tu sĩ lui tới tham dự. Nhưng số tu sĩ tham dự lại quá ít, và ngoài số các tu sĩ có trình độ học vấn cao đó, phần lớn các tu sĩ tiếp tục thụ giáo tại nhà để đạt một sự hiểu biết khái quát mà thôi.

Vào năm 1179, Công Đồng Lateranô III ca ngợi việc thành lập các trường giáo phận trong toàn thể Giáo Hội. Công Đồng Lateranô IV năm 1215 nhấn mạnh rằng tại mỗi trường như thế cần phải có một giáo sư thần học đầy đủ tư cách để dạy Thánh Kinh và Mục Vụ cho các linh mục tương lai. Đức Giáo Hoàng Honorio III (năm 1183) trong sắc lệnh "Super Specula" và Đức Bonifaciô VIII (năm 1289) trong sắc lệnh "Cum ex Eo" cũng đã đặc biệt chú trọng đến vấn đề đào tạo linh mục.

Vào thời Phục Hưng, người ta cho rằng một trong những khó khăn trầm trọng của Giáo Hội chính là việc thiếu chuẩn bị chu đáo cho công trình đào tạo linh mục. Phong trào ly giáo phát khởi từ Luther lại biến nhu cầu cấp bách đó thành mãnh liệt hơn. Do đó Công Đồng Triden nhất quyết đương đầu với vấn đề này.

B. Công trình của Công Đồng Triden đối với việc đào tạo linh mục

Công trình này không đột khởi như một "ngẫu sinh". Cũng nên biết rằng chính các linh mục dòng Tên tiên khởi đã cảm thấy nhu cầu đó. Trong suốt thời giảng đạo ở Đức, từ năm 1542-1545, một đồ đệ của thánh Inhaxiô thành Loyola đã từng nhấn mạnh về việc cần phải thiết lập những học viện đặc biệt để giúp tu sinh. Đã có người quan tâm tới ý kiến của ngài: đó là Đức Hồng Y Giovanni Morone, người đã giúp thánh Inhaxiô thành lập ở Rôma một Học Viện Đức vào năm 1552 cho những linh mục tương lai sắp được gửi sang Đức. Họ cư ngụ ở Học Viện Đức nhưng theo học ở Học Viện Rôma (thánh Inhaxiô thành lập Học Viện này trước đó hai năm để đào tạo các linh mục dòng Tên). Thêm vào số đó còn có rất nhiều tu sĩ ở các nơi khác cũng đến học. Lúc đó Học Viện Rôma có tới 300 sinh viên (trong số có 60 tu sinh) và con số đã lên đến 1,000 vào năm 1567. Các trường giáo phận được canh tân ở một vài nơi: Đức Giám Mục Gian Matteo Giberti de Verona với "trường trợ sĩ" ở Verona; giảng sư J. Kayserberg đã tích cực góp ý kiến cho Giám Mục Albert de Barrière để bỏ khuyết cho trường giáo phận một học viện thần học. Ngay cả những anh em ly khai cũng đã chú ý đến vấn đề này: Tổng Giám Mục Catobury là Thomas Crammer (1489-1556) đã canh tân những trường giáo phận trong năm 1553.

Lược đồ đầu tiên trình bày ở Công Đồng Triden được gợi hứng một cách trung thực do bản văn của Đức Hồng Y Reginald Pole: "De Seminariis Erigendis" trong giáo luật số 11 của cuộc họp Thượng Hội Đồng ở nước Anh năm 1556. Người ta cũng đã thành lập một ủy ban nghiên cứu về sự lạm dụng trong việc ban chức phẩm và tìm kiếm những phương thế để tu sửa lại bằng nỗ lực đào tạo giáo sĩ một cách tốt đẹp. Năm 1563 ủy ban đã thu góp được nhiều tập kỷ yếu khác nhau: kỷ yếu của Đức Tổng Giám Mục Ragusa Louis Beccadelli gợi ý thành lập chủng viện, kỷ yếu của Tổng Giám Mục Reins ca ngợi sự canh tân các trường giáo phận. Sau cùng hoàng đế Ferdinand I, em

ruột của Carlos Quinto, yêu cầu thiết lập những trường dành riêng cho giáo sĩ bên cạnh các đại học.

Năm 1563, Công Đồng Triden dành trọn mục 18 của phiên họp thứ 23 cho vấn đề hệ trọng này. Đây là những nét chính: mỗi giáo phận phải có một tiểu chủng viện bên cạnh nhà thờ chính tòa; nếu không thể được, có thể lập một tiểu chủng viện chung cho những giáo phận lân cận; không nhận những trẻ em dưới 12 tuổi vào tiểu chủng viện vì chúng chưa ý thức đủ và rõ ràng về thiên chức Linh Mục. Nên nhận những trẻ em nghèo; những trẻ em giàu muốn được thu nhận phải đóng lệ phí. Phải có Thánh Lễ mỗi ngày cho mọi người tham dự. Cho hồi tục tức khắc những kẻ bất tuân và những kẻ không có ơn kêu gọi. Phải lựa chọn kỹ lưỡng những linh mục phụ trách công việc hệ trọng này. Lợi tức và tiền quyên trong giáo phận được dùng để giúp đỡ chủng viện. Chính Đức Giám Mục đích thân điều hành chủng viện, bên cạnh ngài có hai hội đồng phụ tá: một hội đồng kỷ luật và linh hướng, một hội đồng tài chánh.

C. Áp dụng Sắc Lệnh của Công Đồng Triden

Đức Giáo Hoàng Piô IV đã nêu gương bằng cách thiết lập tại Rôma một chủng viện vào năm 1565. Rất nhiều Công Đồng Miền thêm một số quy luật về thành lập chủng viện khắp nơi.

Thánh Carolô Borromeô là một trong những nhà vô địch của vấn đề canh tân theo chiều hướng Công Đồng: tuy ở Milan chẳng bao lâu, ngài cũng đã mở một chủng viện cho 150 sinh viên học về Giáo Hội. Ngài cũng thiết lập "La Canonisa" cho những người tuy không có năng khiếu về môn học này nhưng có dịp thể hiện niềm hy vọng trở thành linh mục nhân đức và nhiệt thành: có 60 sinh viên được đào tạo với một căn bản vững chắc về Thánh Kinh, thần học tín lý và mục vụ. Sau đó ngài còn thiết lập 3 chủng viện "dự bị": một cho lớp người đứng tuổi, một cho thanh niên và một cho thiếu niên. Ngài mời các cha Dòng Tên cộng tác trong chủng viện và chính ngài cũng hô

hào phong trào "góp công góp của" (theo gương Thánh Ambrosiô) để nuôi sống chủng viện. Ngài viết tập "Institutiones ad unversum seminarii regimen pertinentes".

Ở Pháp, Đức Hồng Y Charles de Lorraine, Tổng Giám Mục Reims là người đầu tiên áp dụng Sắc Lệnh Công Đồng Triden; đầu chiến tranh tôn giáo đã làm chậm trễ nhiều nhưng ngài cũng đã thành công trong việc thực hiện. Ba vĩ nhân tên tuổi trong việc thực hiện sắc lệnh của Công Đồng ở Pháp là: Thánh Vincent de Paul, Cha J.J. Olier và Thánh Jean Eudes.

Thánh Vincent de Paul bắt đầu bằng việc mở một cuộc họp suốt mười ngày để huấn đức cho các linh mục tương lai; sau đó việc huấn đức biến thành một giai đoạn học tập trong vòng 2 hoặc 3 năm kể từ khi mãn triết học cho đến lúc thụ phong linh mục. Năm 1635 ngài mở một phân khoa thần học ở Học Viện "Des Bons Enfants", rồi ở St. Lazare cho phân khoa nhân văn. Vào năm 1642 ngài cũng thành lập một chủng viện. Lúc cách mạng 1789 xảy ra, các linh mục của Hội Truyền Giáo (do thánh Vincent de Paul sáng lập) đã điều khiển đến một phần ba những chủng viện ở Pháp: khoảng 53 đại chủng viện và 9 tiểu chủng viện.

Cha Olier thành lập chủng viện quốc gia tại họ đạo St. Sulpice ở Paris, và hai năm sau tức năm 1644, ngài nhận chủng sinh của 20 giáo phận khắp nước Pháp gửi đến. Vào năm 1651 ngài phát hành một bản qui luật mô phỏng theo "các qui luật của chủng viện". Các linh mục của chủng viện này cũng đã đích thân giúp đỡ những chủng viện khác theo sự yêu cầu của các Giám Mục.

Thánh Jean Eudes, nhà giảng thuyết và cũng là sáng lập viên dòng Thánh Tâm, lập một chủng viện ở Caen năm 1663. Sau đó một thế kỷ, các linh mục của chủng viện này trở thành những nhà giáo dục của 40 chủng viện.

Cuộc Cách Mạng Pháp 1789 đã gây ra những hậu quả tai hại cho công trình thiết lập chủng viện ở Âu Châu: hầu hết các chủng viện đều phải đóng cửa hay giải tán. Vào thế kỷ XIX, dần dần các chủng viện lại được tái lập khắp nơi. Vào thời đại này, Đức Giáo Hoàng Piô X phục hưng Giáo Triều Rôma và đặc biệt nâng đỡ các đại học. Năm 1915, Đức Benedictô XV thêm vào Thánh Bộ về đại học một Thánh Bộ về chủng viện. Những khoản luật (1357-1377) của bộ Giáo luật mới năm 1918 tiế tục xác định điều đó.

Tóm lại, các vị Giáo Hoàng đã bận tâm rất nhiều về vấn đề đào tạo hàng Giáo Sĩ. Trong thế kỷ XX này, tất cả những bận tâm ấy đã trở thành một "tài liệu" quý giá cho vấn đề đào tạo các linh mục: chính Công Đồng Vaticanô II đã ghi rõ điều đó trong "lời mở đầu" của "Sắc Lệnh về Đào Tạo Linh Mục".

II. Nguồn Gốc Và Sự Phát Triển Của Bản Văn "Sắc Lệnh Về Đào Tạo Linh Mục"

Được triệu tập trong chiều hướng mục vụ hơn là tín lý, Công Đồng Vaticanô II không thể không đưa lên hàng đầu mối quan tâm về việc đào tạo các linh mục tương lai. Với truyền thống sống động luôn đổi mới "giống như tế bào của một đại thân thể" (theo lời Đức Giám Mục Brunon), và với nền tảng kinh nghiệm của hàng chục thế kỷ. Giáo Hội muốn nghiên cứu lại lãnh vực này và canh tân phương pháp để việc chuẩn bị các linh mục được hữu hiệu hơn. Sắc Lệnh đáp ứng lại mối ưu tư của tất cả các nghị Phụ Công Đồng. Được các phiên họp ban đầu sửa soạn chu đáo, bản văn là một thành quả đã được vun tưới và chín mùi do việc học hỏi và đào sâu tất cả những vấn đề khác của Công Đồng. Bản văn được bỏ phiếu chấp thuận hầu như tuyệt đối ngày 29-10-1965 trong suốt phiên họp cuối cùng.

Chúng ta tuân tợ ghi lại những giai đoạn cấu thành Sắc Lệnh quan trọng này:

- 5-6-1960: Tựa Sắc "Superno Dei Nutu" thành lập 10 Ủy Ban chuẩn bị Công Đồng. Ủy Ban thứ Bảy là ủy ban lo về vấn đề giáo dục và chủng viện Chủ Tịch Ủy Ban là Đức Hồng Y Pizzardo; Ủy Ban có 90 hội viên gồm 19 quốc gia. 32 cố vấn thuộc 8 quốc gia: tất cả đều được chính Đức Giáo Hoàng triệu tập.

- 24-2-1962: Đức Hồng Y Pizzardo trình bày ở phiên họp thứ tư của ủy Ban Trung Ương hai bản văn đã được soạn thảo từ năm 1960 và đã được thông tri cho các Giám Mục.

Lược đồ A1: Sắc Lệnh về việc "cổ võ ơn thiên triệu trong Giáo Hội".

Lược đồ A2: Hiến chế về việc đào tạo các chủng sinh có chức thánh".

- 27-2-1965: Kết thúc phiên họp thứ tư của Ủy Ban Trung Ương. Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã nói: "Chúng con hãy biết rằng những vấn đề đó (ơn kêu gọi, chủng viện) đã ăn rễ sâu trong tim Cha".

- 12-6-1962: Kết quả cuộc bàn cãi: một lược đồ mới thành hình: lược đồ B, gồm tóm cả hai lược đồ A1 và A2.

- 16-10-1962: Các Nghị Phụ Công Đồng chọn 16 nhân viên vào tân Ủy Ban; Đức Giáo Hoàng cho thêm 9 nhân viên nữa: Ủy Ban đại diện cho 16 quốc gia.

- 21-2-1963 đến 2-3-1963: Duyệt kỹ lại lược đồ B; lược đồ C ra đời, sẵn sàng gửi đến các Nghị Phụ Công Đồng vào tháng 5.

- 4-1964: Sau khi đúc kết ý kiến của các Nghị Phụ và các Hội Đồng Giám Mục, một bản văn mới lại được đưa ra: lược đồ D.

- 3 đến 11-3-1964: Ủy Ban duyệt lại bản văn D và rút gọn lại, do đó có lược đồ E: "Sacra synodus" được gửi tới tận tay các Nghị Phụ ngày 27-7-1964.

- 9 và 10-1964: Duyệt lại lược đồ E theo những đề nghị nhận được, lược đồ F ra đời và được gửi đến các Nghị Phụ vào tháng 11.

- 12-11-1964: Sau bài thuyết trình của Đức Cha Carraro, nguyên Viện Trưởng chủng viện Treviso, bản văn được bàn cãi trong Công Đồng suốt bốn ngày. Có tới 32 lần phát biểu ý kiến (trong đó có bốn lần thuộc các xứ truyền giáo) và 67 lần góp ý bằng thư.

- 17-11-1964: Bản văn hầu như được chấp thuận hoàn toàn nhưng có tới 1,358 đề nghị tu chỉnh.

- 5-1965: Bản văn mới, lược đồ G, hoàn tất sau khi Ủy Ban đã cố gắng đưa vào nhiều đề nghị tu chỉnh.

- 11-10-1965: Kỳ họp IV Công Đồng: bỏ phiếu chung quyết. Trước tiên là bỏ phiếu các số của Sắc Lệnh.

- 13-10-1965: Sau đó bỏ phiếu chung cho lược đồ G: có 2,196 phiếu thuận trong số 2,212.

- 28-10-1965: Bỏ phiếu công bố chính thức: trong tổng số 2,321 phiếu có tới 2,318 phiếu thuận và chỉ có 3 phiếu chống. Thế là lược đồ H thành bản văn chính thức của Sắc Lệnh.

Trong tất cả những văn kiện của Công Đồng, chỉ có 2 Sắc Lệnh: tức Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân (với 2 phiếu chống) và Sắc Lệnh về Nhiệm Vụ Mục Vụ của các Giám Mục (với 2 phiếu chống và một phiếu bất hợp lệ) là đạt được đa số tuyệt đối cao hơn Sắc Lệnh này. Có thể nói rằng bản văn này là kết tinh của bao nỗ lực của Công Đồng và đã mang lại cho Giáo Hội hôm nay những định hướng quan trọng. Vì vậy, mặc dù những khủng hoảng hiện nay, nó vẫn cho ta thấy trước một cuộc canh tân và một thành quả có thể làm cho tâm hồn các vị chủ chăn tràn đầy tin tưởng.

III Tổng Quát Về Nội Dung Sắc Lệnh

Lời mở đầu: Tầm quan trọng và giá trị phổ quát của vấn đề đối với việc canh tân.

Chương I: Số 1: Phương thức đào tạo phải được áp dụng **trong mỗi quốc gia:** sự đồng nhất và thích nghi.

Chương II: Số 2: Ân cần cổ võ **ơn thiên triệu linh mục** là việc chung của mọi người: gia đình, giáo xứ, nhà giáo dục, linh mục, giám mục; chính đôn hành động để đáp ứng với hành động của Chúa Quan Phòng; phương tiện cổ truyền và mới mẻ.

Số 3: Đối tượng của số này: các **Tiểu Chủng Viện**; cung ứng một nền giáo dục vững chắc và thích hợp về nhân bản và thiêng liêng; về những thanh thiếu niên thuộc các ngành giáo dục khác và những ơn kêu gọi muôn.

Chương III: Tổ chức các Đại Chủng Viện.

Số 4: Sự cần thiết và mục đích của mục vụ đòi phải đào tạo chủng sinh dưới mọi khía cạnh.

Số 5: Vấn đề quan trọng: các nhà giáo dục phải được chọn lựa, chuẩn bị, thống nhất chặt chẽ, được Giám Mục và tất cả các linh mục trong giáo phận khuyến khích: tất cả mọi người giúp đỡ chủng viện.

Số 6: Nghiên cứu về ơn thiên triệu: ý ngay lành, tự do, khả năng, sự kiên quyết.

Số 7: Chủng Viện từng vùng: để có một nhóm những nhà giáo dục hoàn hảo. Chú trọng đến phẩm cách những kẻ thụ giáo: nếu nhóm quá đông, nên thành lập những nhóm nhỏ hơn, có người hướng dẫn đàng hoàng.

Chương IV: Huấn luyện tu đức vững chắc.

Số 8: Đào tạo đời sống mật thiết với Chúa Ba Ngôi, Chúa Kitô, Đức Mẹ: một đời sống cầu nguyện theo tinh thần Phúc Âm và nhiệt thành.

Số 9: Đào tạo tinh thần Giáo Hội: cộng tác viên tương lai của các Giám Mục, những cộng sự viên của các Linh Mục khác, trong tinh thần phục vụ khiêm nhường, vâng lời với trách nhiệm, nghèo khó, tin tưởng vào ơn thiên triệu.

Số 10: Đào tạo một đời sống độc thân linh mục: một động lực siêu nhiên, cánh chung và tông đồ, một ân huệ do sự kiên tâm cầu nguyện đem lại. Ý thức rõ ràng về hôn nhân. Chấp nhận sự từ bỏ ấy trong tự do và ý thức.

Số 11: Đào tạo trưởng thành về nhân cách: tính tình, sự bền chí, những đức tính nhân bản, sống kỷ luật với tinh thần siêu nhiên và trong cách sử dụng tự do.

Số 12: Phương thể đặc biệt của việc đào tạo: thời gian đào tạo, thời kỳ tập sự giữa các năm học, tuổi truyền chức được ấn định cao hơn, thực tập chức phó tế.

Chương V: Các môn học của Giáo Hội.

Số 13: Trước hết phải có một nền giáo dục trung đẳng vững chắc về nhân bản và khoa học, phải biết La Ngữ và những cổ ngữ trong Thánh Kinh và Thánh Truyền.

Số 14: Định hướng tiên quyết; học về mầu nhiệm Chúa Cứu Thế và việc Cứu Chuộc, biết dung hòa môn triết học với thần học.

Số 15: **Triết học**: Mục đích: tìm hiểu về con người, vũ trụ, Thiên Chúa; trọng trách bảo vệ gia sản có giá trị ngàn đời, những tương quan triết học hiện đại, đào sâu lịch sử, khuyến khích việc học hỏi cá nhân, chứng minh sự liên quan giữa học thuyết với những vấn đề nhân sinh và mầu nhiệm Cứu Chuộc.

Số 16: **Thần học**: Mục đích: thấu triệt vấn đề mạc khải; sống mạc khải và biết trình bày mạc khải.

Thánh Kinh: linh hồn của môn thần học, học biết chú giải, biết những đề tài quan trọng của mạc khải. Thánh Kinh như món ăn thiêng liêng.

Tín lý: Bắt đầu từ những đề tài trong Thánh Kinh, minh chứng sự đóng góp của các Giáo Phụ, với sự liên quan lịch sử. Suy luận theo chiều hướng của Thánh Tôma.

Luân lý: có tính cách Thánh Kinh hơn và theo chiều hướng bác ái.

Giáo luật và Giáo sử: liên quan với mẫu nhiệm Giáo Hội.

Phụng vụ: Theo "Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh". Học về hiệp nhất và các tôn giáo khác.

Số 17: **Phương pháp sư phạm:** Học hỏi kỹ càng, khuyến khích làm việc riêng, làm việc tập thể, nhằm sự hiệp nhất và tinh thần liên đới; tránh những phiền phức gò bó của luật lệ, nên chọn lựa những vấn đề thực tế hơn.

Số 18: **Giáo dục nơi đại học:** Lựa chọn cẩn thận những người có khả năng thích hợp theo các phân khoa đại học nhưng vẫn tiếp tục hướng dẫn họ về vấn đề tu luyện đạo đức.

Chương VI: Vấn đề **đào tạo mục vụ** nói riêng.

Số 19: việc đào tạo mục vụ phải chi phối tất cả các việc đào tạo khác; biết nghệ thuật linh hướng, biết phát triển mọi khả năng đối thoại, biết nghe, biết yêu thương.

Số 20: Những môn học bổ túc: Sư phạm, tâm lý xã hội, tông đồ giáo dân, tinh thần tông đồ phổ quát và truyền giáo.

Số 21: Thực hành việc tông đồ: Đó là vấn đề cần thiết trong kỳ nghỉ và suốt thời gian học tập với một phương pháp được người có thẩm quyền hướng dẫn chu đáo; phải xác tín tầm quan trọng ưu tiên của những phương tiện siêu nhiên đối với việc tông đồ.

Chương VII: Việc **huấn luyện bổ túc** sau khi mãn trường.

Số 22: Tiếp tục đào luyện thường xuyên cho các giáo sĩ: nhờ các học viện, qua các kỳ hội thảo, bằng những hoạt động định kỳ.

Kết luận: Trong chiều hướng của Công Đồng Triden nhưng với một tinh thần mới mẻ, Giáo Hội và Công Đồng Vaticanô II hy vọng nhiều nơi các linh mục tương lai, vì nhờ sự huấn luyện kỹ càng và thích hợp, các linh mục đó sẽ đạt được những kết quả lâu bền.

IV. Viễn Tượng Mới Do Sắc Lệnh Mang Lại

Tuy được cuu mang trước Công Đồng, nhưng Sắc Lệnh chỉ chào đời vào thời kỳ họp cuối cùng. Có thể nói Sắc Lệnh đã hấp thụ bầu khí của Công Đồng để chín dần, đã được dinh dưỡng bằng nhựa sống dồi dào và phong phú trong khoảng đất đầy màu mỡ do những dữ kiện học hỏi giáo lý và mục vụ ở những sắc lệnh khác.

Nơi đây ta còn nhận thấy các quan tâm và định hướng rõ rệt của Công Đồng Vaticanô II: tính cách ưu tiên của mục vụ trong việc đào tạo, nhấn mạnh việc giáo dục nhân bản, tinh thần hiệp nhất, cởi mở với những trào lưu hiện đại để đưa đến một cuộc đối thoại thực sự, những hoạt động mục vụ trong toàn thể Giáo Hội đối với việc diu dắt mầm non ơn thiên triệu, tinh thần mới mẻ trong việc học tập rộng rãi các huấn lệnh của Giáo Hội, trách nhiệm tiên phong của những Hội Đồng Giám Mục đối với những việc liên quan đến phương thức đào tạo các linh mục, nhấn mạnh về vấn đề đào tạo trường kỳ cho giáo sĩ giữa một thế giới luôn luôn đổi mới của thời đại này.

Bởi vậy Sắc Lệnh này phù hợp với tất cả những văn kiện của Công Đồng Vaticanô II. Tập "Giáo Huấn" ngày 6-1-1970 của Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo đã trình bày những tiêu chuẩn đào tạo linh mục tương lai. Với tài liệu này, các Hội Đồng Giám Mục có trách nhiệm đã được chỉ dẫn đầy đủ. Các linh mục tương lai có thể vững tâm trồng cấy hoàn toàn vào Thánh

Thần Thiên Chúa, Đấng đã linh ứng và hướng dẫn Giáo Hội không ngừng, để dọn mình làm linh mục của Chúa Kitô, linh mục của ngày mai và của hết thảy mọi thời đại.

Với Sắc Lệnh này, chúng ta thấy được biết bao tiên bộ về quan niệm đào tạo linh mục. Chỉ cần đọc lại những mệnh lệnh của giáo luật về vấn đề chủng viện cũng đủ để đi đến kết luận rằng: dù mỗi bận tâm của Giáo Hội đối với những linh mục tương lai trước sau vẫn là một, nhưng tinh thần những định hướng mới mẻ và những chú trọng đặc biệt trong Sắc Lệnh cho chúng ta thấy có một cái gì rất đặc sắc.

Linh mục theo Công Đồng Vaticanô II là một linh mục kết hiệp với Thầy Chí Thánh, khao khát một đời sống Phúc Âm thực sự, đi theo đường Chúa Giêsu đã đi, và đồng thời là người lo lắng đem thân mình phục vụ anh em và mọi người trong một cuộc gặp gỡ cởi mở, chân thành và thích nghi. Nhờ đó linh mục có thể đem đến cho mọi người Sứ điệp của Chúa Kitô trong một ngôn ngữ dễ hiểu và linh động, công hiến cho họ ơn cứu rỗi của Chúa Kitô, Đấng đã tự hiến qua một Giáo Hội có khuôn mặt trẻ trung, có vòng tay và con tim rộng mở chờ đón hết mọi con người của thời đại chúng ta và tất cả mọi dân tộc. Đồng ý với một quan sát viên Công Đồng, chúng ta tin rằng: "Đó là một trong số những bản văn rất cởi mở và rất mới mẻ của Công Đồng" (Etudes, tháng 1, 1968).

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ
Sắc Lệnh^{1*}
về Đào Tạo Linh Mục^{2*}

Lời Mở Đầu

Mọi người mong ước canh tân toàn thể Giáo Hội, Thánh Công Đồng ý thức rõ ràng như thế, và công cuộc canh tân này phần lớn tùy thuộc việc thi hành chức vụ Linh Mục¹ đã được Thần

^{1*} Được gọi là "Sắc Lệnh" khi bản văn đề cập tới việc tổ chức thực tế các chủng viện và những phương thế huấn luyện. Có 47 Nghị Phụ đã yêu cầu gọi bản văn này là "Hiến Chế" vì nó nặng về giáo thuyết. Nhưng Công Đồng đã giữ lại danh hiệu Sắc Lệnh.

^{2*} "Đào tạo", La ngữ là "Institutio", được sử dụng từ tháng 11-1963, bao gồm ý nghĩa đào tạo và dạy dỗ như trong bản văn Sedes Sapientiae (31-5-1965) của Đức Piô XII về việc đào tạo các tu sĩ. Công Đồng Trident, đã dùng hai động từ: dạy dỗ (đào tạo luân lý) trong sắc lệnh về các Chủng Viện (x. CĐ Trident, khóa XXIII, De Reformatione, ch. 18).

¹ Chính Chúa Kitô đã muốn cho công việc phát triển toàn Dân Chúa tùy thuộc rất nhiều vào việc thi hành chức vụ Linh Mục. Điều này thấy rõ trong lời Chúa phán khi đặt các Tông Đồ như những kẻ kế vị và cộng tác với Người làm người rao giảng Phúc Âm, làm thủ lãnh dân tộc mới đã được tuyển chọn, và làm quản lý phân phát các mầu nhiệm Thiên Chúa; hơn nữa những ngôn từ của các Giáo Phụ, các Thánh, và những tài liệu được nhắc đi nhắc lại nhiều lần của các Đức Giáo Hoàng đều xác quyết như thế. - Xem, nhất là: T. Piô X. Huấn dụ cho giáo sĩ *Hoerent animo*, 4-8-1908: S. Pii X Acta IV, trg 237-264; Piô XI, Tờ *Ad catholici Sacerdotii*, 20-12-1935: AAS 28 (1936) nhất là trg 37-52; Piô XII, Tông huấn *Menti nostrae*, 23-9-1950: AAS 42 (1950), trg 657-702; Gioan XXIII, Tờ *Sacerdotii Nostri primordia*, 1-8-1959: AAS 51 (1959), trg 545-579; Phaolô VI, Tông thư *Summi Dei Verbum*, 4-11-1963: AAS 55 (1963), trg 979-995.

Linh Chúa Kitô thúc đẩy^{3*}, do đó Thánh Công Đồng tuyên bố việc Đào Tạo Linh Mục là việc vô cùng quan trọng và nêu ra một vài nguyên tắc căn bản: các nguyên tắc này xác quyết những qui luật đã được kinh nghiệm ngàn năm^{4*} chấp nhận và thêm vào đó những nguyên tắc mới cho hợp với các Hiến chế và Sắc lệnh của Thánh Công Đồng này cũng như với những biến chuyển của thời đại. Vì tính cách duy nhất của chức Linh Mục Công Giáo, nên việc đào tạo Linh Mục là cần thiết cho tất cả các Linh Mục dòng cũng như triều, thuộc bất cứ lễ chế nào. Do đó, những chỉ thị sau đây, tùy trực tiếp nhằm cho hàng Giáo sĩ triều, nhưng cũng phải tùy nghi thích ứng cho tất cả.

I. Phương Thức Đào Tạo Linh Mục Áp Dụng Cho Từng Dân Tộc

1. Việc đào tạo phải phù hợp với địa phương. Vì có quá nhiều dân tộc và địa phương khác nhau, nên chỉ có thể nêu ra những qui luật tổng quát. Do đó, mỗi dân tộc hay mỗi lễ chế phải áp dụng một "Phương thức đào tạo Linh Mục" riêng, được Hội

^{3*} Những chữ này được thêm vào do lời yêu cầu của các Nghị Phụ khi thấy phần vào đề quá pháp lý và khô khan: không phải việc gì cũng canh tân được Giáo Hội, nhưng chỉ có công việc bắt nguồn từ chức Linh Mục đích thực của Chúa Kitô. Ghi chú 1 còn mang một lý do thần học giá trị nữa, Để tra cứu ta có thể thêm những tài liệu của Công Đồng Vat II trong: GH 28 và LM 7.

^{4*} Giáo Hội qua mọi thời không thiếu lo lắng đối với các vấn đề sôi động này. Cũng vậy, vì muốn cởi mở với thế giới hiện tại. Sắc Lệnh đã tìm vào nguồn phong phú trong kho tàng giáo huấn quá khứ. Cho rằng việc đào tạo linh mục ngày nay như là một công việc hoàn toàn mới mẻ và theo những nguyên tắc thuần xã hội là tước bỏ sự khôn ngoan hai ngàn năm qua của Giáo Hội. Ta còn cần ghi chú rằng phần lớn những tra cứu về Giáo Huấn trong Sắc Lệnh này đều do những bản văn thuộc thế kỷ này: 106 trên 108 ghi chú thuộc thời gian từ 1893-1965. Đức Piô XII được trích dẫn nhiều nhất (44 lần), chứng tỏ Công Đồng kính trọng rõ rệt sự sáng suốt và lòng nhiệt thành của ngài đối với các Linh Mục. Mười lăm trích dẫn ở các văn kiện khác của Công Đồng Vat. II bảo đảm sự hiệp nhất trong giáo thuyết của tài liệu này đối với Công Đồng.

Đồng Giám Mục ấn định², kiểm nghiệm sau một thời gian và được Tông Tòa phê chuẩn^{5*}. Nhờ vậy những quy luật phổ quát sẽ được thích nghi với những hoàn cảnh riêng của địa phương và thời đại, để việc đào tạo Linh Mục luôn luôn đáp ứng những nhu cầu mục vụ địa phương, nơi mà các Linh Mục phải thi hành chức vụ.

II. Ân Cần Cổ Võ Ôn Thiên Triệu Linh Mục

2. Trách nhiệm của toàn dân Thiên Chúa. Toàn thể cộng đoàn Kitô hữu có bổn phận cổ võ các ơn thiên triệu³, mà trước hết phải tiến hành nghĩa vụ ấy bằng một đời sống Kitô hữu trọn vẹn; các gia đình sống tinh thần đức tin, đức mến và đạo hạnh trở nên như chủng viện sơ khởi^{6*}, còn những giáo xứ là nơi các

² *Tất cả việc đào tạo Linh Mục, nghĩa là việc tổ chức chủng viện, huấn luyện đời sống thiêng liêng, phương thức học hành, đời sống chung và kỷ luật của chủng sinh, thực tập mục vụ, đều phải thích nghi với hoàn cảnh khác nhau của địa phương. Những điểm chính yếu trong việc thích nghi này phải được làm theo những quy tắc chung: do Hội Đồng Giám Mục, để áp dụng cho giáo sĩ triều, và tùy lý do thích hợp, áp dụng cho giáo sĩ dòng do các vị Bề Trên có thẩm quyền (Xem Thánh Bộ Dòng Tu, Tông hiến Sedes Sapientiae và bản đính phụ Statula Generalia tiết mục 19, x.b. lần 2, Roma (1957), trg 38 tt.*

^{5*} *Để giúp đỡ những cố gắng của các Hội Đồng Giám Mục trong việc thiết lập một phương thức đào tạo Linh Mục riêng, Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo đã ban hành ngày 6-1-1970 một "Lý thuyết căn bản đào tạo Linh Mục".*

³ *Một trong những mối lo âu chính yếu của Giáo Hội ngày nay là hầu như khắp nơi đều thấy số ơn thiên triệu giảm sút quá nhiều. - Xem Piô XII, Tông huấn Menti Nostrae: "... Ở các miền Công giáo cũng như nơi các xứ truyền giáo, con số Linh Mục hầu như luôn không đủ để đáp ứng những nhu cầu càng ngày càng tăng": AAS 42 (1950), trg 682. - Gioan XXIII: "Vấn đề ơn thiên triệu giáo sĩ và tu sĩ là mối lo âu hằng ngày của Giáo Hoàng... đó là tiếng khẩn cầu của Giáo Hoàng trong khi cầu nguyện, là ước vọng mãnh liệt trong tâm hồn Giáo Hoàng". (Trích Huấn từ cho Đại Hội Quốc Tế 1 về ơn gọi tiến tới Bạc Trọn Lành, 16-12-1961: AAS 54 (1962), trg 33).*

^{6*} *Đáng ca tụng thay lòng quý trọng của các gia đình Việt Nam đối với ơn kêu gọi làm Linh Mục, sự nâng đỡ của các giáo xứ đối với những người đang hướng về*

thanh niên tham dự vào đời sống phong phú của mình. Các giáo chức và tất cả những ai, bằng bất cứ cách nào, lo việc giáo dục thiếu nhi và thanh niên, nhất là những Hội Đoàn công giáo phải chú tâm đào luyện các thanh thiếu niên được ủy thác cho mình để họ có thể nhận ra ơn thiên triệu và sẵn lòng bước theo. Mọi Linh Mục phải hết sức nêu cao lòng nhiệt thành tông đồ để khích lệ các ơn thiên triệu và lôi cuốn tâm hồn các thanh thiếu niên đến chức Linh Mục, bằng chính đời sống cá nhân khiêm nhường, cần mẫn, vui tươi, cũng như bằng tình tương thân tương ái và cộng tác huynh đệ giữa các Linh Mục^{7*}.

Các Giám Mục có nhiệm vụ thúc đẩy đoàn chiên mình cố võ ơn thiên triệu^{8*}, và phải lo phối hợp chặt chẽ mọi năng lực cũng như mọi cố gắng. Thực vậy, các ngài phải lấy tình cha con, không quản ngại hy sinh để giúp đỡ những người chính các ngài xét là được gọi làm sản nghiệp Chúa.

Như thế, việc toàn dân Thiên Chúa hăng say hiệp lực cố võ các ơn thiên triệu sẽ đáp ứng hành động của Chúa Quan Phòng^{9*}. Chính Ngài ban những ơn thích hợp cho những ai được Ngài

chức Linh Mục và lòng nhiệt thành của bao Linh Mục nhằm bảo đảm cho có người nối tiếp.

^{7*} *Lược đồ F chỉ nói về "mẫu gương" linh mục; 20 Nghị Phụ đã đưa ra đề nghị tu chính về "chứng tích của linh mục là nguồn ơn kêu gọi" và lược đồ G đã chỉ rõ 5 đặc tính: bác ái, vui tươi, hòa hợp, khiêm nhường và làm việc. Trước kia, chính Đức Piô XII đã nói rằng: "Mỗi linh mục phải tìm thấy và chuẩn bị nơi mình một người kế vị". (Menti Nostrae, số 75) Sắc Lệnh LM đề cập lại ở số 11a.*

^{8*} *Đức Hồng Y Garrone đưa ra những đề nghị thực tiễn với các Giám Mục trong tạp chí Vocation số 238 (4/1967), trg 167-173.*

^{9*} *Ủy Ban đã xác quyết rằng Công Đồng không có ý định giải quyết vấn đề về bản chất ơn kêu gọi đã được bàn cãi vào thời kinh sĩ Lahitton, cha Branchereau v.v... khoảng năm 1910. Ở đây Công Đồng chỉ thống nhất và định rõ vai trò: trước hết là Chúa kêu gọi cách nhưng không và ban ơn hộ giúp, thứ đến Giáo Hội, qua những vị có trách nhiệm hợp pháp, xét đoán về sự xứng hợp và gọi đến lãnh Bí Tích Truyền Chức. Những người được kêu gọi phải đáp lại cách quảng đại, với ý hướng ngay thẳng và tự do hoàn toàn. Những yếu tố đó cần thiết cho tất cả những ơn kêu gọi đúng nghĩa.*

tuyển chọn để tham dự chức Linh Mục phẩm trật của Chúa Kitô và Ngài giúp đỡ họ bằng ân sủng, đồng thời còn ủy nhiệm cho các thừa tác viên hợp pháp của Giáo Hội quyền được gọi những ứng sinh mà các ngài nhận thấy có đủ khả năng, đã được thử thách, có ý ngay lành và hoàn toàn tự do xin thi hành chức vụ cao cả này; các ngài còn được quyền thánh hiến họ bằng ấn tích Chúa Thánh Thần để họ phụng thờ Thiên Chúa và phục vụ Giáo Hội⁴.

Thánh Công Đồng trước tiên đề nghị những phương thế hỗ trợ theo truyền thống, thí dụ: thiết tha cầu nguyện, sám hối theo tinh thần Kitô giáo, kể cả việc cung ứng cho các Kitô hữu một kiến thức mỗi ngày mỗi thêm sâu rộng hoặc bằng giảng thuyết và giáo lý, hoặc bằng những phương tiện truyền thống xã hội, để làm sáng tỏ mức khẩn thiết, bản chất và sự cao quý của ơn thiên triệu Linh Mục^{10*}. Hơn nữa, Công Đồng yêu cầu các Hội Cổ Vỡ ơn thiên triệu đã có hoặc sẽ phải thành lập trong mỗi giáo phận, mỗi miền hoặc mỗi quốc gia theo như các văn kiện của các Đức Giáo Hoàng, phải tổ chức có phương pháp và hệ thống, lại phải vừa thận trọng vừa hăng say đầy mạnh toàn thể hoạt động mục vụ nhằm cổ võ ơn thiên triệu, đồng thời đừng bỏ qua những trợ lực hữu ích và thích hợp do khoa tâm lý và xã hội học hiện đại cung cấp⁵.

⁴ Piô XII, *Tông hiến Sedes Sapientiae*, 31-5-1956: AAS 48 (1956), trg 357. - Phaolo VI, *Tông thư Summi Dei erbum*, 4-11-1963: AAS 55 (1963), trg 984 tt.

^{10*} *Lý Thuyết Căn Bản (LTGB) lập lại ý nghĩa và sự quan trọng của "Ngày thế giới cầu cho ơn thiên triệu". "Ngày" này được thiết lập ngày 23-1-1964 và được ấn định cử hành vào Chúa Nhật thứ Ba mùa Phục Sinh. Thật là một việc thức thời tuyệt hảo nhằm tăng triển các ơn kêu gọi.*

⁵ Xem nhất là, Piô XII. *Tự sắc Cum Nobis "Về việc thành lập Giáo Hoàng Hiệp Hội Cổ vỡ Ôn Thiên Triệu Linh mục tại Thánh bộ chủng viện và đại học"*, ngày 4-11-1941: AAS 33 (1941), trg 479, với các *Điều Lệ và Nội Quy* cũng do Thánh bộ này phổ biến ngày 8-9-1943. *tự sắc Cum Supremae "Về Giáo Hoàng Tổng Hội cổ vỡ ơn Thiên Triệu tu dòng"*, ngày 11-2-1955: AAS 47 (1955), trg 266, với các *Điều Lệ và Nội Quy* do Thánh bộ Tu dòng phổ biến (n.t. trg 298-301). - *CĐ Vat. II, Sắc lệnh về việc canh tân thích nghi đời sống Dòng tu Perfectae Caritatis, số*

Nhưng công cuộc cổ võ ơn thiên triệu phải rộng rãi vượt khỏi ranh giới của từng giáo phận, quốc gia, dòng tu hoặc lễ chế và lưu tâm đến nhu cầu của toàn thể Giáo Hội^{11*} để nhất thiết trợ giúp những miền đang khẩn cấp cần đến những thợ làm vườn nho Chúa.

3. Huấn luyện đức dục và trí dục trong các tiểu chủng viện.

Trong các Tiểu Chủng Viện^{12*} được thiết lập để vun trồng những mầm non ơn thiên triệu^{13*}, các chủng sinh phải được chuẩn bị bước theo Chúa Kitô Cứu Chuộc^{14*} với tinh thần

24; Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các Giám Mục trong Giáo Hội Christus Dominus, số 15.

^{11*} Sắc lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo (số 16a) nhắc lại rằng ơn kêu gọi làm linh mục trong những miền truyền giáo là một dấu hiệu chắc chắn và hứa hẹn nhiều cho sự thành lập Giáo Hội giữa các dân tộc này.

^{12*} tại Công Đồng trước tình trạng sa ngã của một số linh mục nhiều Nghị Phụ tán dương việc bắt buộc thiết lập chủng viện cho tuổi trẻ như Giáo Luật số 1354, 2 đòi hỏi: 68 vị khác lại khẩn thiết yêu cầu đừng bắt buộc như thế. Cuối cùng, ý thức về những hoàn cảnh khác biệt giữa các quốc gia, Thánh Công Đồng đã không đòi hỏi điều đó. Tuy nhiên Giáo Hội cũng không thể quên tất cả những gì mà Giáo Hội đã được hưởng nhờ qua những thể chế đã có từ Công Đồng Trident. Giáo Hội cũng nhắc lại ở đây là những nơi còn giữ lại các thể chế ấy phải theo chiều hướng và dùng các phương thế sao cho thích hợp hơn với thời đại tân tiền này.

^{13*} Như thế là Giáo Hội ý thức về thực tại của ơn gọi nơi trẻ em. LTCB nói rõ về điểm thường ít được biết tới là: ơn kêu gọi này biểu hiện bằng nhiều cách với những lứa tuổi khác nhau trong đời sống con người, nơi các thiếu niên, nơi những người lớn tuổi hơn; và như kinh nghiệm vững chắc của Giáo Hội chứng nhận, ơn kêu gọi nơi các trẻ em là như một hạt giống. Ôn kêu gọi thường liên kết chặt chẽ với nếp sống đạo đức, với tinh mẫn nồng nhiệt đối với Thiên Chúa và tha nhân, với tâm lòng hướng về việc tông đồ (LTCB số 7).

Ở Việt Nam, Giáo Hội viết rõ tất cả những gì phải làm cho các chủng viện của tuổi trẻ; ước muốn Giáo Hội là không ngừng cải thiện (xem Lý Thuyết Quốc Gia về việc đào tạo linh mục số 1-18, ấn bản La ngữ, tháng 7 năm 1971).

^{14*} Bản văn nói "Chúa Kitô Cứu Chuộc" chứ không nói "Chúa Giêsu Linh Mục" như khi nói về các đại chủng sinh. Một câu trả lời minh nhiên của Ủy Ban nhấn mạnh điều đó: "Một sự đào tạo thiêng liêng căn bản, đặt trên tính cách thiêng liêng của phép Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể sẽ liên kết với Chúa Kitô Cứu

quảng đại và tâm hồn trong trắng, nhờ một nền giáo dục tôn giáo đặc biệt, nhất là^{15*} sự linh hướng thích hợp. Với sự dùi dặt đầy tình phụ tử của các Bề Trên và với sự cộng tác thuận lợi của các phụ huynh, chúng sinh phải sống một đời xứng hợp với lứa tuổi, với tinh thần mà mức độ phát triển của con người thiếu niên và hoàn toàn phù hợp với tiêu chuẩn tâm lý lành mạnh^{16*}, cũng đừng để họ thiếu kinh nghiệm trường đời và thiếu liên lạc với^{17*} gia đình họ⁶. Ngoài ra, các tiêu chuẩn sau đây được quy định cho các Đại Chung Viện cũng được thích nghi cho các Tiểu Chung Viện, còn về học vấn chúng sinh phải theo đuổi, nên tổ chức thế nào để họ có thể tiếp tục dễ dàng ở nơi khác nếu họ chọn một bậc sống khác^{18*}.

Chộc những người trẻ muốn hiến mình cho công cuộc cứu rỗi thế giới với một lòng quảng đại, trong sạch, nhiệt tâm yêu mến Chúa Kitô. Công Đồng đã chấp nhận đề nghị tu chính về sự trong sạch tâm hồn, trong khi bày tỏ nhu cầu cho các thiếu niên sống giữa thế giới đầy lôi kéo về thú vui giác quan, phải biết vững mạnh bảo vệ sự tinh khiết cho Chúa và cho những người cần được cứu vớt.

^{15*} Bản văn nói: "Nhất là..." chính là nhắc lại vai trò quan trọng của một sự hướng dẫn thiêng liêng thật sự trong sự xét định, triển nở và chín mùi của ơn thiên triệu (xem LTCB số 14).

^{16*} Sự đào tạo thích ứng và phù hợp hơn với tâm lý các thiếu niên thúc giục việc xét lại nhiều cách sử dụng hay những luật lệ có khuynh hướng muốn làm cho các thiếu niên thành những "giáo sĩ trẻ", những thầy dòng quá sớm, khiến sự tự nhiên và sức sống dồi dào của họ không được tôn trọng, với mỗi nguy hiểm đưa tới thoái hóa tâm lý hay mặc cảm tiềm ẩn sẽ biểu lộ ra sau này bằng sự phản nộ, bất mãn và chống đối.

^{17*} Hơn nữa những liên lạc gia đình (những ngày nghỉ, thăm viếng, thư tín...) cần thiết để tình thương được cân bằng. Kinh nghiệm trường đời sẽ được thấm lượm dần dần trong những giao tiếp với xã hội và Giáo Hội địa phương: những cuộc thăm viếng các xưởng máy và trường chuyên nghiệp, những buổi thuyết trình về các vấn đề xã hội và tôn giáo, những phim ảnh được chọn lựa cẩn thận và được thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo sư có khả năng, một thư viện với đầy đủ các sách hữu ích về nhiều đề tài khác nhau, sự sử dụng hợp lý máy thu thanh, truyền hình, báo chí, tranh ảnh, tranh giải thể thao... (xem LTCB số 12).

⁶ Xem Piô XII, Tông huấn *Menti Nostrae*, 23-9-1950: AAS 42 (1950), trg 685.

^{18*} Ở đây Giáo Hội tỏ ra rất thực tế: có nhiều thiếu niên giữa đường thú nhận là không thích hợp, nhiều người khác do dự hoặc muốn tự do chọn một hướng đi khác. Tất cả những người đó sẽ không bị một dầy vò nào khi họ từ giã chủng viện,

Cũng phải tùy hoàn cảnh địa phương để ân cần cõ võ các mần non ơn thiên triệu nơi thanh thiếu niên trong các Cơ Sở giáo dục^{19*} cùng theo đuổi một mục đích như các Tiểu Chủng Viện, và cả nơi những kẻ đang thụ huấn trong các trường khác hoặc đang theo đuổi những phương thức giáo dục khác, ước gì mọi người lưu tâm cõ võ những Cơ Sở giáo dục và các tổ chức tương tự khả dĩ giúp những người lớn tuổi^{20*} bước theo ơn thiên triệu.

III. Tổ Chức Các Đại Chủng Viện

4. Huấn luyện với ý hướng mục vụ. Các Đại Chủng Viện cần thiết^{21*} để đào tạo các Linh Mục. Việc giáo dục toàn diện chủng sinh phải nhằm huấn luyện cho họ thực sự trở thành những vị

nơi mà người ta học các môn theo chương trình của quốc gia. Điều đó còn làm cho những ai kiên trì hướng về chức linh mục có được trình độ học vấn của các thiếu niên cùng tuổi với họ và được thích nghi với nền văn hóa quốc gia của thời đại họ (LTCB số 13). LTCB còn nhắc thêm rằng: cần thêm vào chương trình những môn học thích hợp, trực tiếp hướng về chức Linh Mục: Nhập môn Tân Ước, Giáo Sử, La Ngữ (số 13).

^{19*} Ở đây có lẽ Sắc Lệnh muốn nhắc về những công trình tương tự như: những trường tông đồ, đệ tử viện, trường thử: Sắc Lệnh cũng như muốn báo hiệu xa hơn nữa về những môi trường giáo dục: trung học, văn đàn, học viện, nơi mà những thiếu niên có ước vọng hướng tới chức linh mục có thể tiếp xúc và đáng được chăm sóc đặc biệt.

^{20*} Sự nhắc nhở về "những ơn gọi lớn tuổi" (kiểu nói "tu muộn" cần phải đổi, nhất là ở nước ta, vì phần lớn các ơn gọi đó chưa qua khỏi tuổi 20) chứng tỏ thái độ của Giáo Hội muốn nâng đỡ tất cả những ai Chúa có thể gọi. LTCB số 19 cũng đòi phải thiết lập những học viện để nâng đỡ họ. Số 3 này chưa hoàn toàn thỏa mãn ước nguyện của một số đông Giám Mục ao ước có được những hướng dẫn đầy đủ hơn cho vấn đề quan trọng đó. LTCB đề cập lại với nhiều chi tiết hơn trong các số 11-19.

^{21*} Dầu một thiếu số gồm 4 Nghị Phụ đã hủy bỏ một trào lưu nhất quyết chống lại các chủng viện và muốn một loại học viện khác mới mẻ hơn, nhưng Công Đồng đã muốn duy trì các chủng viện vì biết rõ sự quan trọng và cần thiết phải đào tạo các linh mục.

chăn dắt các linh hồn^{22*}, theo gương Chúa Giêsu Kitô là Thầy, là Linh Mục và là Chủ Chăn⁷. Vậy họ phải được chuẩn bị chu toàn chức vụ rao giảng lời Chúa để mỗi ngày mỗi hiểu lời Mạc Khải của Chúa hơn, để được thấm nhuần lời Chúa nhờ suy gẫm và diễn tả trong lời nói cùng cách sống. Họ phải được chuẩn bị chu toàn tác vụ phụng vụ và thánh hóa: để thi hành công cuộc cứu rỗi qua Hy Tế Thánh Thể và các Bí Tích, bằng lời cầu nguyện và nghiêm chỉnh cử hành các nghi lễ phụng vụ. Họ phải được chuẩn bị thi hành chức vụ chủ chăn^{23*}, để họ biết làm cho mọi người thấy Chúa Kitô hiển hiện như Đấng "không đến để cho người ta phục vụ nhưng để phục vụ và hiến mạng sống mình làm giá chuộc thiên hạ" (Mc 10,46; x. Gio 13,12-17) và để họ trở nên tô tở mọi người hầu cứu được nhiều người hơn. (x. 1Cor 9,19).

Vì thế, mọi phương thức huấn luyện tu đức, học vấn, kỷ luật phải cùng qui hướng về mục đích mục vụ này, đồng thời, các vị giám đốc và giáo sư phải nhiệt thành và nhất trí hành động trong khi trung thành vâng phục quyền Giám Mục mà theo đuổi mục đích đó.

5. Tuyển chọn bề trên và ban giảng huấn. Việc đào tạo chủng sinh không những tùy thuộc qui luật sáng suốt mà nhất là còn

^{22*} Ngày từ đầu Công Đồng đã xác quyết chủ đích mục vụ cho tất cả vấn đề đào tạo linh mục và lại xác quyết mạnh mẽ hơn ở cuối số này. Điều đó sẽ trở lại như một chủ đề trong suốt Sắc Lệnh.

⁷ Xem CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, số 28: AAS 57 (1965), trg 34.

^{23*} Khởi dậy chức vụ chủ chăn, Công Đồng chỉ nhắc lại tinh thần phục vụ khiêm tốn và toàn vẹn theo gương mẫu. Đấng Chăn Chiên Lành đã hiến mạng sống mình vì đoàn chiên. Giáo Hội chờ mong nơi các Linh Mục tinh thần phục vụ khiêm tốn và vô vị lợi. Công Đồng không ngừng trở lại điểm này như một đòi hỏi tiên quyết của Linh Mục thời đại mới, phải bỏ hẳn thái độ quan liêu và phô trương, thái độ đã làm cho Giáo Hội phải chịu bao tổn hại trong quá khứ, Linh Mục, một Kitô khác, cũng sẽ là một đầy tớ khác của Jahvê (xem Is 42,2-4, 6-8; 49,5-6).

tùy thuộc khả năng của các nhà giáo dục. Do đó, các giám đốc^{24*} và giáo sư Chung Viện phải được chọn lựa trong số những vị ưu tú nhất^{8.25*}. Các vị đó phải được chuẩn bị chu đáo trước^{26*} với một nền học thuyết vững chắc, một kinh nghiệm mục vụ thích đáng và được huấn luyện đặc biệt về tu đức và sự phạm. Vì thế, để đạt mục đích này, cần mở ra những học viện hay ít là mở những lớp tổ chức theo một qui chế thích hợp cũng như những cuộc hội thảo định kỳ cho các vị Giảng Huân Chung Viện.

Các vị trong ban giảng huấn^{27*} phải xác tín rằng kết quả việc đào tạo chủng sinh lệ thuộc phần lớn ở tư cách tư tưởng và hành động^{28*} của chính mình, dưới quyền hướng dẫn của vị Giám Đốc, các ngài phải cộng tác thật chặt chẽ trong tinh thần và

^{24*} Tiếng "các Giám Đốc" ở đây hiểu là các vị hữu trách, chính LTCB định rõ: "Mỗi chủng viện có những bề trên hữu trách: giám đốc, phó giám đốc, một hay nhiều linh hướng, giám học, vị phụ trách về sinh hoạt mục vụ, về trật tự trong chủng viện, quản lý, quản thủ thư viện... trách vụ được chỉ định rõ ràng và trả công chính đáng" (số 27).

⁸ Xem Piô XI, Tờ Ad Catholici Sacerdotii, 20-12-1935: AAS 28 (1936), trg 37: "Trước hết, mỗi ưu tư lớn lao nhất là lựa ban Giám Đốc và giáo sư... Hãy bỏ nhiệm vào chủng viện những Linh Mục ưu tú nhất, đừng tiếc mà dành họ lại cho bất cứ chức vụ nào khác, kể cả những chức vụ có vẻ danh giá mà thực sự lại không thể sánh được với sứ mệnh thiết yếu và không thể thay thế được kia" - Đức Piô XII cũng đã đề cập đến nguyên tắc phải chọn những vị ưu tú nhất trong Tông Thư gọi các Đấng bản quyền Brasiliae, 23-4-1947. Discorsi e Radio-messagi IX, trg 579-580.

^{25*} Hai đề nghị tu chính giải thích tiếng "những người ưu tú" về nhân đức và hiểu biết và tiếng "không loại trừ giáo dân" x. M 59/6, 7. (xem LTCB, số 30).

^{26*} Xem LTCB số 30 và ghi chú 86. Vấn đề này được trình bày trong những lược đồ đầu tiên theo đòi hỏi minh nhiên của nhiều Giám Mục, nó gồm 3 số trong lược đồ B. Ủy ban hữu trách đã tuyên cáo: "Thật là quan trọng khi Công Đồng Vat. II chăm sóc đặc biệt việc chuẩn bị các Giám Đốc và Giáo Sư cho các chủng viện".

^{27*} Xem LTCB số 32-38.

^{28*} Bầu khí thuận lợi được bảo đảm do các đặc điểm sau: tùy thuộc bề trên tôn trọng lẫn nhau, hợp nhất tâm tình và hành động, tinh thần gia đình giữa họ với các chủng sinh. Những dòng này được thêm vào lược đồ G theo lời yêu cầu của 17 Nghị Phụ Công Đồng (M 57/1).

hành động, và giữa các ngài với nhau, cũng như giữa các ngài và các chủng sinh chỉ còn là một gia đình phù hợp với lời nguyện của Chúa "Xin cho chúng nên một" (Gio 17,11) và để nuôi dưỡng nơi chủng sinh niềm vui ơn thiên triệu của họ. Đức Giám Mục phải kiên tâm và ưu ái nung đúc tinh thần những người làm việc trong Chủng Viện và phải cư xử với các chủng sinh như một người Cha đích thực trong Chúa Kitô. Sau hết tất cả các Linh Mục phải coi chủng viện như con tim của giáo phận và phải sẵn lòng góp công giúp đỡ⁹.

6. Điều tra về ý ngay lành. Phải tùy theo lứa tuổi và trình độ của mỗi ứng sinh^{29*} mà điều tra cẩn thận về ý ngay lành và ý chí tự do^{30*}, về khả năng đạo đức, luân lý và học vấn, về sức khỏe thể lý và tâm lý xứng hợp, đồng thời cũng cần để ý đến những khuynh hướng có thể là do gia truyền. Cũng phải cần nhắc khả năng đảm đương các chức vụ Linh Mục và thi hành những phận sự mục vụ^{31*} của họ sau này¹⁰.

Trong tất cả công việc tuyển lựa chủng sinh và việc thử thách cần thiết, phải luôn luôn vững tâm^{32*} dù phải buồn lòng chịu thiếu linh mục¹¹, Thiên Chúa không để Giáo Hội Ngài thiếu

⁹ Về bốn phận giúp đỡ Chủng Viện, xem Phaolô VI, Tông thư *Summi Dei Verbum*, 4-11-1963: AAS 55 (1963), trg 984.

^{29*} Xem LTCB số 39.

^{30*} Trước hết phải tìm hiểu lý do và sự tự ý của ứng viên. Những lầm lẫn về lãnh vực này sẽ dẫn tới các thảm họa mai sau (x. thêm LTCB số 39).

^{31*} Theo các đề nghị tu chính, các trách vụ linh mục phải hiểu đặc biệt về sự độc thân, các bổn phận mục vụ như có thể nghe, hiểu, đối thoại và hướng dẫn người khác.

¹⁰ Xem Piô XII, Tông huấn *Menti nostris*, 23-9-1950: AAS 42 (1950), trg 684 và xem Thánh Bộ Bí Tích, thư luân lưu gửi các Đấng bản quyền *Magna Equidem*, 27-12-1935, số 10. - Các tu sĩ, xem *Statua neneralia* đính phụ Tông hiến *Sedes Sapientiae*, 31-5-1956, tiết mục 33. - Phaolô VI, tông thư *Summi Dei Verbum*, 4-11-1963: AAS 55 (1963), trg 987 tt.

^{32*} Xem LTCB số 40 và 41.

¹¹ Xem Piô XI, Tđ *Ad Catholici Sacerdotii*, 20-12-1935: AAS 55 (1963), trg 41.

thừa tác viên, nên nêu chỉ cho những kẻ xứng đáng tiến chức, thì phải lấy tình cha con kịp thời hướng dẫn những người không đủ tư cách tìm kiếm những chức vụ khác và giúp họ ý thức về ơn gọi Kitô hữu của mình để hăng say dần thân trong việc tông đồ giáo dân.

7. *Chủng viện liên giáo phận.* Khi nào mỗi giáo phận không thể tổ chức một Chủng Viện riêng cách thích đáng, phải thiết lập và cổ võ các Chủng Viện chung^{33*} cho nhiều giáo phận, cho toàn miền hoặc cho toàn quốc để chú tâm vào việc thân trọng đào tạo các chủng sinh cách hữu hiệu hơn vì việc đào tạo phải được coi là qui luật tối thượng trong vấn đề này. Những Chủng Viện toàn miền hay toàn quốc ấy phải được quản trị theo qui chế do các Giám Mục liên hệ ấn định¹² và được Tòa Thánh phê chuẩn.

Trong các Chủng Viện đông chủng sinh, phải phân chia các chủng sinh thành từng nhóm nhỏ tương xứng để cho việc huấn luyện cá nhân của từng người được tốt đẹp hơn^{34*}. Tuy nhiên vẫn phải duy trì sự thống nhất về qui chế và chương trình học vấn.

IV. Phải Chú Trọng Đến Việc Huấn Luyện Tu Đức^{35*}

^{33*} Từ thời Công Đồng Triđênt, và theo Giáo Luật (kh 2354) mỗi giáo phận phải tổ chức chủng viện riêng của mình, nhưng những đòi hỏi hiện tại đòi phải thiết lập những chủng viện chung để có đủ số học sinh và nhất là để có nhiều người được đủ tư cách hơn. Sắc Lệnh tiên liệu những chủng viện chung cho nhiều giáo phận, cho một miền hoặc một quốc gia, tùy theo các Giám Mục. Như vậy khoản giáo luật 1357, 4 bị hủy bỏ (xem LTCB số 21).

¹² Để các Giám Mục liên hệ có thể tham gia việc dự thảo quy chế cho các chủng viện miền hay quốc gia khoản Giáo Luật 1357, 4 bị hủy bỏ.

^{34*} Xem LTCB số 23.

^{35*} Chương này đề cập tới yếu tố quan trọng nhất trong việc đào tạo linh mục. Đây là kết quả của một việc làm lâu dài với nhiều thảo luận và biên soạn.

8. Một đời sống thiêng liêng sâu sắc. Việc huấn luyện tu đức phải liên kết chặt chẽ với việc trau dồi học vấn và huấn luyện mục vụ, nhất là phải được thực hiện nhờ sự trợ giúp của cha Linh Hưởng^{13.36*} sao cho các chủng sinh tập biết luôn sống kết hợp mật thiết với Chúa Cha, nhờ Chúa Giêsu Kitô Con Người và trong Chúa Thánh Thần. Do phép Truyền Chức Thánh họ phải là hiện thân của Chúa Kitô Linh Mục, lại nữa bởi cùng chia sẻ một cuộc sống của Người, nên họ phải quen sống kết hợp với Người như bạn hữu¹⁴. Họ phải sống Mầu Nhiệm Phục Sinh của Người thể nào để biết khai sáng Mầu nhiệm ấy cho đoàn chiên sẽ được giao phó. Phải dạy họ biết tìm gặp Chúa Kitô trong việc trung thành suy gẫm Lời Chúa, trong việc thông hiệp tích cực các Mầu Nhiệm chí thánh của Giáo Hội, nhất là

¹³ Xem Piô XII, *Tông hiến Menti Nostrae*, 23-9-1950: AAS 42 (1950), trg 675. - *Thánh Bộ Chủng Viện và Đại Học, La Formazione spirituale del candidato al sacerdozio, Cita del Vaticano, 1965.*

^{36*} Ai cũng biết sự quan trọng của việc hướng dẫn thiêng liêng để nhận thức và trưởng thành trong ơn thiên triệu, và Sắc Lệnh cũng đã đề cập cách minh nhiên ngay từ đầu chương nói về việc đào tạo thiêng liêng. Nhưng một vấn nạn có thể đặt ra: Công Đồng muốn chỉ có một vị linh hướng trong chủng viện, hay có thể được tự do chọn lựa trong tất cả các linh mục ở chủng viện theo sở thích mỗi người? LTCB số 27 viết: Giữa các vị hữu trách của chủng viện, người ta đề cử một hay nhiều vị linh hướng. Số 45 lập lại rằng việc đào tạo thiêng liêng là do ở các ngài. Số 23 khi nói về những nhóm nhỏ, có thêm rằng phải giữ được sự đào tạo kiến thức khoa học. Khi bàn về bí tích Giải Tội và tình thân sám hối, số 55 nói: mỗi người phải có một vị linh hướng riêng để cởi mở tâm hồn với ngài, với lòng tin tưởng và khiêm tốn, để được hướng dẫn chắc chắn trên con đường của Chúa. Chủng sinh sẽ tự do chọn vị linh hướng và vị giải tội cho mình trong số các linh mục mà Giám Mục đã chỉ định như là những vị có thẩm quyền về trách vụ này. Vậy còn vài mập mờ: một dànàng thì đồng nhất trong việc hướng dẫn, dànàng khác thì tự do lựa chọn.

¹⁴ Xem Thánh Piô X, *Huấn dụ hàng Giáo sĩ Hacrent animo*, 4-8-1908: S Pii X Acta, IV, trg 242-244. - Piô XII *Tông huấn Menti Nostrae*, 23-9-1950: AAS 42 (1950), trg 659-661. - *Gioan XXIII, Tđ Sacerdotii Nostri Primodia*, 1-8-1959: AAS 51 (1959), trg 550 tt.

Bí Tích Thánh Thể và kinh nguyện thần vụ¹⁵. Cũng phải dạy cho họ biết tìm gặp Chúa Kitô trong Đức Giám Mục, Đấng sai họ đi và trong những người mà họ được sai đến, nhất là trong các kẻ nghèo khó, hèn mọn, đau yếu, tội lỗi và cả những kẻ vô tín ngưỡng. Họ phải lấy lòng tin cậy như con thảo mà tôn kính và yêu mến Đức Trinh Nữ Maria Rất Thánh, Đấng mà Chúa Kitô khi hấp hối trên Thánh Giá đã trời ban làm mẹ người môn đệ.

Phải hết sức cố gắng cổ võ việc đạo đức^{37*} đã được tập quán đáng kính của Giáo Hội khuyến làm, nhưng phải lưu tâm đừng để việc huấn luyện tu đức chỉ hệ tại những việc đạo đức ấy hay chỉ là một nỗ lực tạo ra thứ đạo đức tình cảm. Các chủng sinh phải học sống theo Phúc Âm, đứng vững trong đức Tin, Cậy, Mến^{38*}, để trong việc trau dồi các nhân đức ấy, họ đem lại cho mình một tinh thần cầu nguyện¹⁶, họ cũng cố bảo vệ ơn thiên triệu của mình, họ kiên cường các nhân đức khác và lớn lên trong nhiệt tâm chinh phục mọi người về cho Chúa Kitô.

9. Ý thức về Giáo Hội và đức vâng lời. Các chủng sinh phải thấm nhuần Mầu Nhiệm Giáo Hội đã được Thánh Công Đồng này đặc biệt khai sáng, để có thể làm chứng sự hiệp nhất đang

¹⁵ Xem Piô XII, *Tđ Mediator Dei*, 20-11-1947: AAS 39 (1947), trg 547 tt và 572 tt. - Gioan XXIII, *Tông huấn Sacrae Laudis*, 6-1-1962: AAS 54 (1962), trg 69. - *CĐ vat. II, De sacra Liturgia*, s61 16 và 17: AAS 56 (1964), trg 104 tt. - *Thánh Bộ Nghi Lễ Instructio ad executionem Constitutionis de sacra liturgia recte ordinandam*, 26-9-1964, số 14-17: AAS 56 (1964), trg 880 tt.

^{37*} Sau khi đề ra chiều hướng giáo thuyết, Công Đồng trở lại những yếu tố thực tế phát xuất từ đó. Đức Piô XII trong "*Menti nostrae*" lập lại những điều Giáo luật qui định (kh 1367): nguyện gẫm, lần hạt, cầu nguyện, viếng Thánh Thể xét mình xưng tội thường xuyên, việc linh hướng, tĩnh tâm.

^{38*} Ta có thể đối chiếu cả chương này với những bản văn tương tự ở GH 28: PV. 5-7, 16-17, 47, 61, 90; LM 13, 18; MV. 43, 5,6: tinh thần các bản văn rõ ràng dựa theo Thánh Kinh, tập trung vào Chúa Kitô và tuân phục Giáo Quyền.

¹⁶ Xem Gioan XXIII, *Tđ Sacerdotii Nostri Primordia*: AAS 51 (1959), trg 556 tt.

thu hút mọi người về với Chúa Kitô¹⁷ bằng cách thảo hiếu và khiêm tốn hiệp nhất với vị Đại Diện Chúa Kitô, và một khi đã lãnh nhận chức Linh Mục, họ luôn liên kết với Giám Mục của mình như những cộng tác viên tín cần và tiếp tay cộng tác với các anh em Linh Mục khác^{39*}. Phải dạy cho họ biết mở rộng tâm hồn tham gia cuộc sống của toàn thể Giáo Hội^{40*} như lời Thánh Augustinô: "Kẻ nào càng yêu mến Giáo Hội Chúa Kitô càng có Chúa Thánh Thần"¹⁸. Chúng sinh phải thấu hiểu thật rõ ràng là cuộc đời họ không phải để thống trị hay được danh giá, nhưng để hết mình phụng sự Thiên Chúa và chu toàn bổn phận mục vụ^{41*}. Phải đặc biệt lo lắng tập sống đức vâng lời linh mục^{42*}, đời sống khó nghèo^{43*} và tinh thần xả kỷ¹⁹ sao cho họ

¹⁷ Xem *CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium*, số 28: AAS 57 (1965), trg 35 tt.

^{39*} Xem *LTCB số 46-47*.

^{40*} Đây là chủ đề thông thường của *Vat II*, sự cởi mở với toàn thể Giáo Hội này phải được ghi khắc trong lòng các linh mục tương lai: như Chúa Kitô, lòng họ phải biết chấp nhận mọi người, mọi ngôn ngữ, chủng tộc và mọi quốc gia.

¹⁸ Thánh Augustinô, *In Joanem tract 32: PL 35, 1946*.

^{41*} Câu này nói về tinh thần phục vụ (đã được nhắc nhở trong các đoạn văn của *Mc 10,45; Gio 13,12-17; 1Cor 9,10*, và trong bản tóm kết chức vụ chủ chăn của Linh Mục, số 4 của *Sắc Lệnh* này) nhằm chống lại tinh khoa trương và đề cao giáo sĩ. Đó chính là ý lực đã được Công Đồng lập đi lập lại mỗi khi đề cập về Giáo Hội (xem *GH 3, 2*) về giám Mục (*GH 27*) hay về Linh Mục (*LM 15*).

^{42*} Chủ đề này sẽ trở lại trong số 11. Không phải sự vâng lời giản dị của tín hữu, nhưng của linh mục. Sự vâng lời của linh mục đã được long trọng tuyên hứa trong bí tích Truyền Chức, không phải chỉ để cho việc hoạt động tông đồ hữu hiệu, nhưng là để sát nhập với Chúa Kitô đã vâng lời cho đến chết để cứu chuộc thế gian, *LTCB số 49* đã đề cập tới vấn đề này.

^{43*} Việc đòi hỏi linh mục phải phục vụ lại được *LTCB, số 50* nhắc lại: "Ước gì họ tập luyện, không chỉ bằng lời nói nhưng bằng việc làm, tinh thần nghèo khó đang được Giáo Hội khẩn thiết kêu gọi và rất cần thiết để chu toàn thánh vụ tông đồ. Ước gì họ biết dựa vào sự quan phòng của Thiên Chúa Cha và theo gương Thánh Phaolô giữ cho tâm hồn bình thản trong lúc dư dật cũng như khi bị khốn cùng (*Ph 4,12*)".

¹⁹ Xem *Piô XII, Tông huấn Menti Nostrae: AAS 42 (1950), trg 662 tt, 685, 690. - Gioan XXIII, Tđ Sacerdotii Nostri Primordia: AAS 51 (1959), trg 551-553-556. -*

quen mau mắn từ bỏ ngay cả những gì được phép nhưng không thích đáng và trở nên giống Chúa Kitô chịu đóng đinh.

Phải cho các chủng sinh biết về gánh nặng họ phải đảm đương và không giấu diếm họ một khó khăn nào của đời Linh Mục. Tuy nhiên, đừng vì đó mà làm cho họ hầu như chỉ nhìn thấy khía cạnh nguy hiểm trong gánh nặng mai ngày, trái lại, tốt hơn phải vì đó huấn luyện cho họ biết dùng chính hoạt động mục vụ của họ để kiện cường đời sống tu đức cho thật vững mạnh.

10. Đời trinh khiết. Các chủng sinh theo truyền thống đáng kính mà sống bậc độc thân linh mục đúng với qui luật thánh thiện bền bỉ của lễ chế mình, phải được cẩn thận hướng dẫn sống bậc sống ấy^{44*}. Một khi khước từ đời hôn nhân vì Nước Trời (x. Mt 19,20), họ kết hợp với Chúa bằng một tình yêu không san sẻ²⁰ phù hợp mật thiết với Giao Ước mới, họ làm chứng cho sự sống lại đời sau (x. Lc 20,36)²¹ và thấu lượm được một trợ lực thích hợp nhất để luôn mãi thi hành đức ái hoàn hảo, nhờ đó, họ có thể trở nên mọi sự cho mọi người trong chức vụ Linh Mục²². Họ cần thâm tín rằng: bậc sống ấy đáng hân hoan đón nhận không phải chỉ như một mệnh lệnh do Giáo Luật, nhưng như là một ân huệ quý giá của Thiên Chúa mà họ

Phaolô VI, tđ *Ecclesiam Suam*, 6-8-1964: AAS 56 (1964), trg 634 tt. - *CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium*, nhất là số 8: AAS 57 (1965), trg 12.
^{44*} Cần đọc để bổ túc số này: GH 42; LM 16 và DT 5,12. Cũng không thể bỏ qua Thông điệp "*Sacerdotalis Caelibatus*" của Đức Phaolô VI, ngày 24-6-1967. LTCS số 48 lập lại những phương thế bảo đảm: nhận biết đời sống độc thân là một đặc ân Chúa ban và chấp nhận. Nhờ đời sống tràn đầy lời nguyện và kết hợp với Chúa Kitô và nhờ tình yêu huynh đệ chân thành, họ sẽ tạo được những điều kiện cho phép họ có thể bảo đảm đời sống đó trong niềm hoan lạc tâm hồn và quyết tâm trung thành với lễ dâng đã một lần tự hiến.

²⁰ Xem Piô XII, Tđ *Sacra Virinitas*, 25-3-1954: AAS 46 (1954), trg 165 tt.

²¹ Xem T. Cyprianô, *De habitu virginum*, 22: PL 4, 475. - T. Ambrosiô, *De Virginibus I.* 8,52: PL 16, 202 tt.

²² Xem Piô XII, *Tông huấn Menti Nostrae*: AAS 42 (1950), trg 663.

phải khiêm tốn cầu xin, và phải mau mắn đáp ứng với tự do và quảng đại, nhờ ơn Chúa Thánh Thần thúc đẩy và giúp đỡ.

Các chủng sinh phải hiểu biết đúng mức về những bổn phận và phẩm giá của hôn nhân công giáo, biểu tượng tình yêu giữa Chúa Kitô và Giáo Hội (x. Eph 5,22-33). Đàng khác, họ cũng phải thấu hiểu nét ưu việt của đức trinh khiết dâng hiến cho Chúa Kitô²³, để vì thế tận hiến trọn hồn xác cho Chúa bằng một quyết định đã được cân nhắc chín chắn^{45*} và đại lượng.

Phải cho họ biết những hiểm nguy đang đe dọa đức khiết tịnh của họ, nhất là trong xã hội hiện thời²⁴; với những trợ lực thích ứng của Thiên Chúa và loài người, họ phải biết dung nạp sự từ khước đời sống hôn nhân, sao cho cuộc đời và công việc của họ không những không bị thiệt thòi gì do bậc độ thân gây ra, nhưng hơn thế nữa, họ làm chủ được hồn xác, phát triển được sự trưởng thành trọn vẹn hơn^{46*}, và đạt được hạnh phúc Phúc Âm cách toàn hảo hơn.

11. Đức tự chủ. Các tiêu chuẩn giáo dục Kitô giáo phải được nghiêm chỉnh tuân hành và bổ túc các thích đáng nhờ việc sử dụng các phát minh mới mẻ của khoa tâm lý và khoa sư phạm lành mạnh. Vì thế, một nền giáo dục khéo tổ chức cũng phải nhằm huấn luyện cho các chủng sinh đạt được mức trưởng

²³ Xem Piô XII, *Tđ Sacra virginitas*, n.v.t. trg 170-174.

^{45*} *Vậy họ phải "biết sử dụng sự tự do tâm lý trong cũng như ngoài, đạt được mức độ trưởng thành tình cảm cần thiết để có thể chứng minh và sống đời độc thân như một sự triển nở của nhân cách" (LTCB số 48).*

²⁴ Xem Piô XII, *Tông huấn Menti Nostrae*, n.v.t. trg 664 và 690 tt.

^{46*} *Theo bản văn này, sự trưởng thành "trọn vẹn hơn" dường như hệ tại "một tình yêu chân thành, nhân loại, bằng hữu, cá nhân, và có thể hy sinh theo gương Chúa Kitô, đối với tất cả mọi người và từng người. Trái lại phải tránh những liên lạc "quá lỏng và kéo dài đối với mọi người khác phái". Sau cùng cần phải dựa trên sự hỗ giúp của Chúa và thực tập việc hãm mình, bảo vệ giác quan.*

thành nhân bản cần thiết^{47*}, nhất là mức trưởng thành đã được kiểm nghiệm trong một đức tính cương nghị, trong khả năng quyết định chín chắn, và một óc phê phán xác đáng về con người và về các biến cố. Các chủng sinh phải tập cho quen điều hòa thích hợp cá tính mình, họ phải được huấn luyện cho có tinh thần quả cảm, và nói chung, phải biết quý chuộng những đức tính mà người đời thường quý chuộng và không thể thiếu nơi các thừa tác viên của Chúa Kitô²⁵, thí dụ như lòng thành thực, chuyên lo giữ đức công bình, đức tin trung, cư xử lịch thiệp, khiêm tốn và bác ái trong ngôn từ^{48*}.

Không những phải coi kỹ luật trong đời sống Chủng Viện như một trợ lực vững chãi của đời sống cộng đoàn và bác ái, mà hơn nữa, còn như một thành phần thiết yếu trong tất cả công cuộc huấn luyện để đạt được tinh thần tự chủ, phát triển được sự trưởng thành vững chắc về nhân cách, rèn luyện được những tư cách khác giúp ích rất nhiều cho hoạt động của Giáo Hội được quy củ và kết quả. Nhưng, phải áp dụng kỹ luật ấy sao cho các chủng sinh tự tâm tâm sẵn sàng chấp nhận quyền hành của Bề Trên và thâm tín, vì lương tâm (x. Rm 13,5) và vì những lý do siêu nhiên. Phải áp dụng những tiêu chuẩn kỹ luật ấy tùy theo từng lứa tuổi, để trong khi tập sống tự lập dần dần, các chủng sinh biết sử dụng tự do một cách khôn ngoan, hành động một cách tự phát, nhiệt thành²⁶ và quen hợp tác được với anh em đồng nghiệp cũng như với giáo dân.

^{47*} Sự trưởng thành cần thiết hướng tới một nhân cách hoàn toàn.

²⁵ Xem Phaolô VI, *Tông thư Summi Dei verbum*, 4-11-1963: AAS 55 (1963), trg 991.

^{48*} Đối với những đức tính tự nhiên nhằm chuẩn bị vị tông đồ tương lai. LTCB còn thêm: luyện tập cách ý thức và cần mẫn một đức công bình, một đức tin thiện hảo và giữa những đổi thay biết thận trọng hòa hợp với đức ái, tinh thần phục vụ huynh đệ, nhiệt thành sống động, khả năng cộng tác với người khác... Để mang Phúc Âm cho hết mọi người, họ phải tạo được khả năng giao tiếp với hết mọi người trong mọi hoàn cảnh (x. LTCB số 51).

²⁶ Xem Piô XII, *Tông huấn Menti Nostrae*, n.v.t. trg 686.

Một khi được thấm nhuần lòng ham mộ đạo đức, sự tinh lặng và mỗi bận tâm giúp đỡ lẫn nhau, tất cả cuộc sống trong chủng viện phải được tổ chức thế nào để các chủng sinh như bắt đầu tập sự đòi linh mục mai ngày^{49*}.

12. Thực tập mục vụ. Để cho việc huấn luyện tu đức có căn bản vững chắc hơn và để các chủng sinh quyết chí theo đuổi ơn thiên triệu với sự chấp nhận đã cân nhắc chín chắn, các Giám Mục có bổn phận ấn định một thời gian thích hợp cho việc huấn luyện tu đức sâu rộng hơn^{50*}. Các ngài phải xét coi, nếu thuận tiện, thì gián đoạn việc học trong một thời gian hoặc tổ chức kỳ thực tập mục vụ thích ứng để trải nghiệm các ứng sinh Linh Mục cách đầy đủ hơn. Các Giám Mục cũng phải tùy theo hoàn cảnh từng miền để quy định nâng cao mức tuổi^{51*} chịu chức

^{49*} Từ những đòi hỏi thiêng liêng của những hoạt động trong đời sống linh mục. LTCB số 54 phác họa một mẫu sống cá nhân mà các linh mục tương lai phải sống ngay khi còn ở Chủng Viện. Đây những nét chính: sống thân mật và cần mẫn với Chúa, tôn kính Lời Chúa, thích tiếp xúc với Chúa Kitô hiện diện trong bí tích Thánh Thể và tìm thấy nơi đó nguồn vui; sốt sắng yêu mến Giáo Hội và Đấng Đồng Công Cứu Thế; nhiệt thành tìm hiểu các Giáo Phụ và các Thánh; tập quen thành thực tự vấn lương tâm và nhận thức các lý do thúc đẩy.

^{50*} Công Đồng đổi mới ở chỗ này khi đề ra bốn phương cách khác nhau giúp cho sự trưởng thành thiêng liêng và ơn kêu gọi: thời kỳ chuẩn bị gắt gao, thực tập mục vụ, hạng tuổi cao hơn để lãnh chức và thực thi chức vụ phó tế. Theo lược đồ C (số 17), thời kỳ chuẩn bị gắt gao nhằm huấn luyện thiêng liêng có thể thực hiện hoặc trước khi vào thân học, hoặc ngay trước khi lãnh chức. Nơi nào triết học và thần học cùng dạy chung tại một chủng viện, tốt nhất là nên ấn định thời kỳ này vào lúc bắt đầu học triết. LTCB (số 42a) đề nghị như vậy và nhận định rằng nó có thể trùng hợp với những bài học dẫn vào mẫu nhiệm Chúa Kitô và mẫu nhiệm Cứu Chuộc, như số 14 của Sắc Lệnh ấn định: một thời gian dành riêng cho việc cầu nguyện cá nhân, tăng gấp việc đào sâu thần học và Thánh Kinh về những nền tảng đời sống thiêng liêng, cũng như việc học tập và dần thân ý thức hơn, chọn lựa ơn kêu gọi cách hữu lý hơn.

^{51*} Cho tới nay để lãnh các chức Thánh, Giáo luật đòi hỏi phải có số tuổi 21, 22 và 24 chẵn (kh 975). Các tâm lý gia đồng ý nhận định rằng trong thế giới ngày nay, sự trưởng thành tâm lý rõ ràng chậm hơn sự trưởng thành thể lý và lý trí; hầu như khắp nơi người ta thấy cần phải hoãn các chức lại vào lứa tuổi lớn hơn.

Thánh do luật chung hiện thời ấn định, cũng như quyết định có nên cho các chủng sinh, sau khi mãn ban Thần Học, thi hành chức vụ Phó tế trong một thời gian thích hợp, trước khi được thụ phong Linh Mục^{52*}.

V. Duyệt Lại Các Môn Học Của Giáo Hội

13. Giáo dục về nhân bản. Trước khi học các môn học riêng của Giáo Hội, các đại chủng sinh phải có một nền giáo dục về nhân bản và khoa học mà các thanh niên trong quốc gia họ phải đạt tới mới có thể theo học các bậc cao đẳng^{53*}, ngoài ra, họ phải thâm nhập một vốn liếng La ngữ để có thể thấu hiểu và sử dụng những nguồn khoa học và tài liệu của Giáo Hội²⁷. Việc học ngôn ngữ phụng vụ riêng của từng lễ chế phải được coi là cần thiết, lại phải hết sức cố động cho chủng sinh học hỏi đầy

Các Giám Mục hữu trách các chủng viện sẽ theo các điều kiện địa phương mà xác định số tuổi tối thiểu. Người ta còn thấy rằng chính các thanh thiếu niên cũng cảm thấy chưa đủ chín mùi để dần thân hoàn toàn và thường xin hoãn việc chịu chức.

^{52*} Việc thi hành chức vụ phó tế không bắt buộc nhưng chỉ là yêu cầu (M 84/5 và 4). Theo thuyết trình viên của ủy ban việc thi hành có bốn lợi điểm sau đây: chuyển tiếp thích hợp tới chức vụ linh mục dưới sự hướng dẫn của một linh mục được chọn lựa kỹ lưỡng; ơn gọi được chín mùi và tăng triển; khi trở về chủng viện biết lợi dụng các môn học cách thích đáng hơn và biết bổ túc việc huấn luyện mục vụ; khả năng của ứng viên được nhận biết rõ ràng hơn.

^{53*} Sắc Lệnh định rõ những kiến thức cần thiết trước khi theo học những môn học kinh viện; trau dồi văn chương và khoa học của quốc gia. Nhưng Công Đồng không nói về bằng cấp quốc gia vì tại một vài nước, chương trình quốc gia khó dung hòa với sự đào tạo Kitô giáo hoàn toàn cho các ứng viên muốn tới chức linh mục. Một đề nghị tu chính (M 33; 84-85/1) đã nói: "Một vài chính phủ đòi hỏi những điều không chính đáng". LTCB số 65 muốn "họ phải được đào luyện cho xứng với tước hiệu".

²⁷ Xem Phaolô VI, Tông thư Summi Dei Verbum, n.v.t. trg 993.

đủ về các ngôn ngữ dùng trong Thánh Kinh và Thánh Truyền^{54*}.

14. Lớp dự bị. Việc duyệt lại các môn học của Giáo Hội trước hết phải nhằm làm cho các môn triết và thần học được phối trí cách thích hợp hơn và cùng chung đường lối góp phần mỗi ngày mở rộng tâm trí chủng sinh đón nhận Mầu Nhiệm Chúa Kitô, một mầu nhiệm liên hệ đến toàn thể lịch sử nhân loại không ngừng ảnh hưởng trên Giáo Hội, và nhất là không ngừng hoạt động qua chức Linh Mục²⁸.

Để các chủng sinh có được cái nhìn ấy, ngay từ bước đầu của cuộc đời tu luyện, trước khi học các môn của Giáo Hội, họ phải qua một lớp dự bị kéo dài trong một thời gian thích hợp. Lớp nhập môn này^{55*} sẽ trình bày Mầu Nhiệm Cứu Rỗi sao cho các chủng sinh nhận thức được ý nghĩa, chương trình và mục đích mục vụ của những môn học của Giáo Hội, đồng thời giúp họ lấy đức tin đặt nền móng và thấm nhuần cả cuộc đời mình, lại làm cho họ vững tâm theo đuổi ơn thiên triệu bằng một tâm hồn hân hoan tự nguyện hiến dâng cuộc đời mình.

^{54*} Đây là một lời khấn khoản dầu không bắt buộc mọi người, 66 Nghị Phụ đã yêu cầu phải bắt buộc biết tiếng Hy Lạp; nhưng Công Đồng chỉ khuyên như, vì các hoàn cảnh khác nhau trong toàn Giáo Hội (xem LTCB số 80).

Sau khi nói về các ngôn ngữ cần thiết, LTCB (số 67) đã thêm một đoạn về việc khai tâm đối với các phương tiện truyền thông xã hội (xem TT số 67 và 16).

²⁸ Xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, số 7 và 28: AAS 57 (1965), trg 9-11; 33.

^{55*} LTCB nói lớp nhập môn này "có mục đích rút ra ý nghĩa chiều hướng và mục đích của những môn học kinh viện ngoài ra nó còn phải giúp bảo đảm những nền tảng của đức tin, giúp hiểu sâu xa hơn rằng ơn thiên triệu linh mục phải được gìn giữ bằng một hành động có suy xét hơn" (LTCB số 62). Chỉ có một Nghị Phụ không đồng ý về sự cần thiết của lớp nhập môn này.

15. Các môn triết học. Phải dạy các bộ môn triết học thế nào để trước hết có thể diu dắt các chủng sinh thấu đạt được một kiến thức chắc chắn và có hệ thống về con người, về thế giới và về Thiên Chúa. Hãy lấy di sản triết học giá trị ngàn đời^{56*} làm điểm tựa,²⁹ đồng thời hãy sử dụng những công trình biên khảo triết học hiện đại, nhất là những chiếu hướng triết học đang ảnh hưởng mạnh nhất trong quốc gia mình^{57*} cũng như những tiến bộ khoa học mới nhất. Được chuẩn bị đầy đủ như thế chủng sinh sẽ hiểu đúng được tâm thức của thời đại để đối thoại được với người đương thời.³⁰

Phải dạy môn triết sử sao cho các chủng sinh nắm được các nguyên lý tối hậu của các triết thuyết khác nhau, biết giữ lại những gì được chứng minh là chân thật, có thể khám phá và luận bác các căn nguyên sai lầm.^{58*}

Trong cách thức giảng dạy, phải kích thích nơi chủng sinh lòng hâm mộ quyết liệt tìm kiếm, khảo sát và minh chứng chân lý,^{59*} đồng thời cũng nhận chân những giới hạn của trí óc con người. Phải cẩn thận quan tâm đến mối liên lạc giữa triết học và những vấn đề nhân sinh đích thực cũng như các thách thức làm giao động tâm trí chủng sinh, phải giúp họ nhận ra các mối

^{56*} Xem LTCB số 71. Khi giới thiệu "di sản triết học ngàn đời", Ủy Ban đã muốn ta phải hiểu là các nguyên tắc của Thánh Tôma (xem Laplante, sd 153-156).

²⁹ Xem Piô XII, Tđ *Humani Generis*, 12-8-1950: AAS 42 (1950), trg 571-575.

^{57*} Công Đồng không hề quên khía cạnh mục vụ đã là khởi hứng và là mục đích của tất cả việc đào tạo linh mục. Cũng thế, bản văn thường nhắc đến nỗi lo lắng chuẩn bị cho họ đối thoại với những người đồng hương và đương thời; xem LTCB số 64; đối với các xứ truyền giáo; xem TG 16, 4.

³⁰ Xem Phaolô VI, Tđ *Ecclesiam Suam*, 6-8-1964: AAS 56 (1964) trg 637 tt.

^{58*} Đoạn này được thêm vào lược đồ G, theo nhiều đề nghị tu chính.

^{59*} Những từ ngữ đã được lựa chọn "tìm kiếm, khảo sát, minh chứng" nói lên bốn phận phải tra dồi chính xác, từ bỏ cái mơ hồ, nghiêm chỉnh với các lý chứng, trong công việc tìm kiếm và chuyển thông tư tưởng. Cần xem thêm LTCB, ghi chú 150 cho số 71 về sự quan trọng của các môn triết học.

liên hệ giữa các lý luận triết học và mâu nhiệm cứu rỗi mà họ sẽ khảo sát trong ánh sáng đức tin khi học thần học.

16. Các môn thần học. Phải dạy các môn thần học^{60*} trong ánh sáng đức tin^{61*} và dưới sự hướng dẫn của Giáo Hội³¹ để các chủng sinh chăm chú mức lấy học thuyết Công Giáo từ nguồn Mạc Khải của Chúa, thấu triệt rồi biến thành lương thực nuôi

^{60*} Theo Giáo Luật (kh 1365, 2), LTCB lập lại rằng thần học phải kéo dài ít nhất là 4 năm (LTCB số 60 và 76). Số này dài nhất trong Sắc Lệnh và đặc sắc nhất, đã được tất cả các Nghị Phụ đồng ý.

^{61*} Ở đây đưa ra những hướng dẫn tổng quát về việc khảo cứu thần học: "trong ánh sáng đức tin". "Tất cả cuộc khảo cứu thần học, dầu theo ngữ học, triết học hay sử học, đều phải phát khởi từ ánh sáng nội tâm của đức tin". (Đề nghị tu chính 96/1). - "Dưới sự hướng dẫn của Giáo Quyền". Đức Piô XII trong Tđ Humani genesis: "các nhà thần học phải tùy thuộc Giáo Quyền trong vấn đề về đức tin, phong hóa, luật trực tiếp hay phổ quát về chân lý, vì Chúa Kitô Chúa chúng ta đã ủy thác cho Giáo Quyền toàn bộ kho tàng đức tin". Ghi chú 31 của Sắc Lệnh lấy lại Hiến chế tín lý về Giáo Hội số 25 nơi đòi phải có sự "qui thuận tôn giáo trong cả ý chí lẫn lý trí đối với Quyền Giáo Huấn chính đáng của Đức Thánh Cha, cả khi ngài không tuyên bố long trọng "ex cathedra". Ta còn có thể kể thêm đoạn văn của Hiến chế tín lý về Mạc Khải số 10: "Nhiệm vụ chủ giải chính thức Lời Chúa, thành văn hay truyền tụng, chỉ được ủy thác cho Quyền Giáo Huấn sống động của Giáo Hội mà uy quyền hành sự nhân danh Chúa Giêsu Kitô".

³¹ Xem Piô XII, Tđ Humani Genesis, 128-1950: AAS 42 (1950), trg 567-569. Diễn văn Si Diligis, 31-5-1954: AAS 46 (1954), trg 314 tt. - Phaolô VI, diễn văn đọc tại Đại Học Gregoriô, 12-3-1964: AAS 56 (1964), trg 364. - CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, số 25: AAS 57 (1965), trg 29-31.

đòi tu đức của họ^{32.62*} lại có thể rao giảng, trình bày cũng như bảo toàn^{63*} học thuyết ấy trong khi thi hành chức vụ Linh Mục.

Phải đặc biệt chuyên lo dạy Thánh Kinh cho các chủng sinh, vì Thánh Kinh^{64*} phải như linh hồn của toàn thể khoa thần học³³; sau phần nhập môn thích hợp, phải cẩn thận khai sáng cho họ phương pháp chú giải, cho họ thấu triệt các đại đề của Mạc Khải, cho họ có hứng thú đọc và suy gẫm Thánh Kinh hằng ngày làm của nuôi dưỡng³⁴.

Môn tín lý thần học phải được phân phối theo thứ tự này: trước hết, trình bày chính các chủ đề Thánh Kinh. Phải tỏ cho các chủng sinh thấy các Giáo Phụ Đông và Tây Phương, cũng như diễn tiến lịch sử tín lý đã đóng góp gì trong việc trung thành lưu truyền và minh giải từng chân lý Mạc Khải, đồng thời cũng xét đến mối liên lạc của nó với lịch sử Giáo Hội tông quát³⁵.

³² Xem T. Bonaventura, *Itinerarium mentis in Deum*, Prol số 4: "Ước gì đừng ai tự phụ rằng mình chỉ cần đọc qua mà không cần thẩm nhiễm, chỉ cần thuyết lý mà không cần sùng kính, chỉ cần khảo cứu mà không cần khâm phục, chỉ cần chú tâm mà không cần hoan lạc, chỉ cần khéo léo mà không cần đạo hạnh, chỉ cần kiến thức mà không cần yêu đương, chỉ cần hiểu biết mà không cần khiêm tốn, chỉ cần chuyên chăm mà không cần ơn Thánh, chỉ cần ánh sáng mà không cần đức khôn ngoan thần linh" (S. Bonaventura, *Opera Omnia*, V. Quaracchi 1891, trg 296).

^{62*} Có thể xem thêm Truhlar (*Việc dạy thần học trogn đời sống thiêng liêng*), trong *Seminarium* 1968, số 4.

^{63*} Xem những khai triển về vai trò của các giáo sư thần học trong *LTCB* số 86-89.

^{64*} Sắc Lệnh đặt Thánh Kinh vào tâm điểm thần học và cách nói "như hồn của toàn thể khoa thần học" đã được xir dụng trong Hiến chế tín lý về Mạc Khải, số 24. Các nói đó đã được Đức Lêô XIII dùng trong thông điệp *Providentissimus Deus*, 1893, về những môn học Thánh Kinh.

³³ Xem Lêô XIII, *Tđ Providentissimus Deus*, 18-11-1893: AAS 26 (1893-1894), trg 283.

³⁴ Xem Ủy ban giáo hoàng về Thánh Kinh, *Instructio de Sacra Scriptura recte docenda*, 13-5-1950: AAS 42 (1950), trg 502.

³⁵ Xem Piô XII, *Tđ Humani generis*, 12-8-1950: AAS 42 (1950) trg 568 tt: "Nhờ khảo cứu các nguồn gốc mà khoa thần học luôn trẻ trung, trong khi đó, sự thuyết lý không chịu đào sâu vào kho tàng Mạc Khải chỉ là sự thuyết lý khô cằn, như kinh nghiệm đã minh chứng".

Thứ đến, để khai sáng các mâu nhiệm cứu rỗi cách thật đầy đủ, các chủng sinh phải học đào sâu và nhận thức được mối liên hệ giữa các mâu nhiệm đó nhờ công việc suy tư với thánh Tôma³⁶ là một tôn sư^{65*}. Họ phải học hỏi cho thấy các mâu nhiệm ấy luôn luôn hiện diện và tác động trong các nghi thức Phụng Vụ³⁷ và trong toàn thể đời sống Giáo Hội. Họ phải học cho biết cách giải đáp các vấn đề nhân sinh theo ánh sáng Mạc Khải, biết áp dụng những chân lý Mạc Khải vĩnh cửu vào hoàn cảnh đổi thay của những thực tại nhân loại và biết thông truyền các chân lý ấy cho thích hợp với con người thời đại³⁸.

Những bộ môn thần học khác cũng phải được canh tân nhờ tiếp xúc linh động hơn Mâu Nhiệm Chúa Kitô và lịch sử cứu rỗi. Phải đặc biệt chú ý cải thiện môn luân lý thần học^{66*}, với lời

³⁶ Xem Piô XII, bài giảng cho các chủng sinh, 24-6-1939: AAS 31 (1939), trg 247: "Khuyến khích học thuyết của Thánh Tôma không có nghĩa là bóp nghẹt, nhưng là thúc đẩy và vững vàng hướng dẫn những cuộc thi đua khảo cứu và quảng bá chân lý". Phaolô VI, Diễn văn đọc tại Đại Học Gregoriô, 12-3-1964: AAS 56 (1964), trg 365. "Các Giáo sư sẽ kính cẩn lưu tâm đến học thuyết của các Đấng Tiên Sĩ trong Giáo Hội, và đặc biệt là Thánh Tôma Aquinô. Quả thật, nơi vị Tiên Sĩ Thiên Thần này, có một trí năng sâu sắc, một lòng yêu chân lý trung thực, một sự khôn ngoan phi thường khi đào sâu, tổng hợp và trình bày những chân lý cao sâu nhất, đến nỗi học thuyết của ngài đã thành khí cụ hiệu nghiệm nhất, không những để xây nền vững chắc cho đức tin mà còn để thu lượm một cách chắc chắn và hiệu nghiệm những kết quả của một bước tiến lành mạnh"; xem diễn văn đọc trước Đại Hội Quốc Tế kỳ VI của học thuyết Tôma, 10-9-1965: AAS 57 (1965), trg 788-792.

^{65*} Vấn đề này đã được tranh luận như sau: 161 Nghị Phụ muốn dùng từ ngữ "như mẫu mực"; 31 Nghị Phụ đề nghị: "và của các tôn sư khác", hay "nhất là Thánh Tôma"; 46 Nghị Phụ muốn nói tổng quát: "các thánh tiên sĩ". Nhưng có 459 Nghị Phụ muốn bảo vệ bản văn của lược đồ nên ủy ban đã đề nguyên như lược đồ F: "với thánh Tôma là một tôn sư"; 1,500 Nghị Phụ khác mặc nhiên chấp thuận. (xem 1189, đề nghị tu chỉnh 11, 12, 13, 14).

³⁷ Xem CĐ Vat II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh Sacrasanctum Concilium số 7 và 16: AAS 56 (1964), trg 100 tt và 104 tt.

³⁸ Xem Phaolô VI, Tđ Ecclesiam Suam, 6-8-1964: AAS 56 (1964), trg 640 tt.

^{66*} Cả đoạn này hoàn toàn mới mẻ: các lược đồ từ A tới F không có. Xem vài ghi nhận trong LTCB số 79.

trình bày có khoa học và thẩm nhân giáo lý Thánh Kinh nhiều hơn, nó sẽ minh giải vẻ đẹp của ơn thiên triệu tín hữu trong Chúa Kitô cũng như nhiệm vụ của họ phải mưu cầu lợi ích cho đời sống thế giới trong đức ái. Cũng vậy, phải trình bày Giáo Luật và dạy Giáo Sư^{67*}, cho liên lạc với Mẫu Nhiệm Giáo Hội, theo Hiến Chế tín lý "về Giáo Hội" do Thánh Công Đồng này tuyên bố. Môn Phụng Vụ^{68*} phải được coi là nguồn mạch thiết yếu số một của tinh thần Kitô giáo đích thực, nên phải được giảng dạy đúng theo tinh thần các khoản 15 và 16 của Hiến Chế về Phụng Vụ³⁹.

Tùy theo hoàn cảnh từng miền, các chủng sinh phải được hướng dẫn để biết đầy đủ hơn về những Giáo Hội và những Cộng Đoàn Giáo Hội ly khai khỏi Tông Tòa Roma, để có thể

^{67*} *Giáo sư cần trình bày sự phát triển của giáo thuyết, những điều kiện xã hội, sự cộng tác kỳ diệu giữa hành động thần linh và hoạt động con người để những người thụ huấn có được "một cảm giác chân thực của Giáo Hội và của Truyền Thống". Ngoài ra còn phải chú ý tới lịch sử của mỗi miền (xem LTCB số 79).*

^{68*} *Môn phụng vụ phải được coi như "một trong những môn học chính" (môn quan trọng trong các Đại chủng viện và chính yếu trong các phân khoa thần học). Phụng vụ phải được dạy dưới khía cạnh thần học, lịch sử, thiêng liêng và mục vụ (xem LTCB số 79).*

³⁹ *CĐ Vat II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh (Sacrasanctum Concilium, số 10, 14, 15, 16. Thánh bộ Nghi lễ Instructio ad executionem Constitutionis de Sacra Liturgia recte ordinandam, 26-9-1964, số 11 và 12: AAS 56 (1964), trg 879 tt.*

góp phần xúc tiến việc tái lập hiệp nhất^{69*} giữa toàn thể Kitô hữu theo các chỉ thị của Thánh Công Đồng này⁴⁰.

Hơn nữa, phải mở đường cho họ hiểu biết các tôn giáo khác hiện đang quảng bá trong mỗi miền^{70*}, để họ nhận thấy rõ hơn những gì tốt lành và chân thật do Thiên Chúa an bài, đang tiềm tàng nơi các tôn giáo ấy, để họ biết luận bác những sai lầm và để có thể thông truyền ánh sáng chân lý đầy đủ cho những kẻ chưa được đón nhận ánh sáng ấy.

17. Duyệt xét lại phương pháp giáo dục. Việc huấn luyện học thuyết không chỉ nhằm thông truyền một số khái niệm, nhưng phải nhằm huấn luyện chủng sinh cách đích thực và sâu xa, vì thế phải duyệt các phương pháp giáo dục^{71*} về cách giảng dạy, thực tập, thảo luận, cũng như về việc khích lệ chủng sinh làm việc riêng rẽ hay từng nhóm. Phải liệu sao cho toàn thể chương trình huấn luyện được duy nhất và vững chắc; tránh gia tăng qua đáng các môn và giờ học, lại phải loại bỏ những vấn đề

^{69*} Niềm lo âu tìm về hiệp nhất này như một dấu chỉ thời đại, sẽ giúp tìm thấy nhiều lợi ích qua việc học hỏi những nguyên tắc hướng dẫn việc hiệp nhất (*Spiritus Dominus*, do Văn Ph2ng Thư Ký về Hiệp Nhất xuất bản ngày 16-4-1970: trích dẫn *Doc. Cath.* 18-6-67 và 7-6-70), nhất là phần thứ hai; xem thêm những Sắc Lệnh về Giáo Hội Công Giáo Đông Phương và về Hiệp Nhất với các chủ thích.

Tiếng "các Giáo Hội" có ý chỉ Giáo Hội Chính Thống, Hy Lạp, Anh Giáo v.v... và tiếng "các Cộng Đoàn Giáo Hội" (do Đức Hồng Y Koenig đề ra) chỉ các Giáo Hội nhỏ. Sắc Lệnh về hoạt động Truyền Giáo nhấn mạnh đặc biệt tới tinh thần cộng đoàn này trong các xứ truyền giáo: số 15, 5.

⁴⁰ *CD Vat II*, Sắc Lệnh về Hiệp Nhất *Unitatis Redintegratio*, số 1, 9, 10: AAS 57 (1965), trg 90 và 98 tt.

^{70*} Đoạn này đặc biệt quan trọng đối với linh mục tương lai trong những miền đa số không phải là Kitô hữu. Sắc lệnh về hoạt động Truyền Giáo cũng nhấn mạnh tới điểm đó: "Họ phải được chuẩn bị để thích hợp cho cuộc đối thoại huynh đệ với những người ngoài Kitô giáo" (TG số 16 và NK).

^{71*} *LTCB* số 90-93 thêm những lời khuyên thực tế: đừng vội tăng thêm những môn học mới, nhưng nên đưa vào những vấn đề mới trong giáo huấn cổ truyền: đó không phải là nhiều khoa nhưng chỉ một khoa là khoa đức tin và Phúc Âm.

không còn quan trọng mấy, hoặc là những vấn đề phải dành cho các bậc cao đẳng nghiên cứu sâu rộng hơn.

18. Các môn học cao đẳng. Các Giám Mục có nhiệm vụ gửi các chủng sinh có tư cách^{72*}, nhân đức và trí thông minh tới học tại những Học Viện chuyên biệt, tại các Phân Khoa hay Đại Học, để chuẩn bị cho có những Linh Mục được học hành cao hơn và uyên thâm hơn về các khoa học đạo cũng như các khoa học đời xem ra thích hợp, khả dĩ có thể đáp ứng những nhu cầu tông đồ khác nhau; nhưng không bao giờ được xao lãng việc huấn luyện tu đức và mục vụ, nhất là khi họ chưa chịu chức Linh Mục.

VI. Cổ Võ Việc Huấn Luyện Mục Vụ^{73*}

^{72*} Đoạn này xuất hiện lần đầu trong lược đồ E, vào tháng 4 năm 1965 và đã được nhận chính nhiều lần. Vấn đề liên hệ nhiều tới các xứ truyền giáo. Lần can thiệp đầu tiên là do Đức Cha Sani người Nam Dương. Nhiều vấn đề tiềm ẩn trong số này: một nhu cầu thực tế cho nhiều giáo phận là phải chuẩn bị các linh mục cho những trách vụ cao hơn, và các Giám Mục có nhiệm vụ phải chọn lựa. Cũng phải đọc thêm số 16, 4 và 7 của Sắc Lệnh TG. Xem thêm những yêu cầu của LTCB số 83-84.

^{73*} Lược đồ tiên khởi do Đức Cha Carraro soạn đã được nghiên cứu lâu dài và được sửa đổi. Sau khi đề cập tới việc đào tạo về các nhiệm vụ khác nhau, lược đồ đã nhấn mạnh tới việc đào tạo tinh thần đối thoại, hợp lực với giáo dân trong các hoạt động thực tế nhằm việc tông đồ. Một ghi chú dài của LTCB (196) nhấn mạnh đến việc đào tạo tinh thần mục vụ này nơi các linh mục tương lai. Điều này trước hết giả thiết những tiếp xúc thích hợp giữa chủng viện và xã hội: học viện không phải là một thế giới đóng kín chỉ biết cách trừu tượng về điều kiện chân thực của con người và sự việc, nhưng cũng không phải là một thế giới cởi mở đến nỗi đón nhận mọi kinh nghiệm.

19. Tập đôi thoại. Mỗi quan tâm về mục vụ phải chi phối tất cả việc đào tạo chủng sinh⁴¹, nên cũng đòi hỏi các chủng sinh phải được cẩn thận giáo huấn về những gì đặc biệt liên quan đến chức vụ Thánh, nhất là việc dạy giáo lý và giảng thuyết^{74*}, việc phụng tự^{75*} và ban phát các bí tích, về các công cuộc bác ái^{76*}, nghĩa vụ tìm đến với các chiên lạc và những người vô tín ngưỡng, cùng những công tác mục vụ khác. Phải chăm lo dạy họ nghệ thuật điều dắt các linh hồn^{77*}, nhờ vậy họ có thể đào tạo mọi con cái của Giáo Hội, trước hết biết hoàn toàn ý thức sống đời Kitô hữu và có tinh thần tông đồ, thứ đến biết chu toàn bản

⁴¹ Có thể tách lấy để xây đắp hình ảnh một chủ chăn khuôn mẫu nhờ những tài liệu của các Đức Giáo Hoàng mới đây. Đó là những tài liệu bàn về đời sống các đức tính và công cuộc đào tạo các Linh Mục, đặc biệt là các tài liệu của:

- T. Piô X, *Tông huấn cho hàng Giáo sĩ Hacrent Animo: S. Pio X Acta IV*, trg 237 tt.

- Piô XI, *TĐ Ad Catholici Sacerdotii: AAS 28 (1936)*, trg 5 tt. - Piô XII, *Tông huấn Menti Nostrae: AAS 42 (1950)*, trg 657 tt. - Gioan XXIII, *TĐ Sacerdotii Nostri Primordia: AAS 51 (1959)*, trg 545 tt. - Phaolô VI, *Tông thư Summi Dei Verbum: AAS 55 (1963)*, trg 979 tt. Những ý tưởng về đào tạo Linh Mục còn thấy rải rác trong các thông điệp: *Mystici Corporis Sanctae Diciplina (1955)*. *Princeps pastorum (1959)* và *Tông hiến cho các tu sĩ Sedes Sapientiae (1956)*.

Đức Piô XII, Gioan XXIII và Phaolô VI đã nhiều lần phác họa hình ảnh của vị chủ chăn tốt lành trong các diễn từ dành cho chủng sinh và linh mục.

^{74*} Về vấn đề quan trọng này, hãy xem những nhắc nhở của Công Đồng MK 24; PV 24, 35, 52, 109; LM 4; GH 25; GM 12.

^{75*} Ở đây hiểu ngầm sự đào tạo về thánh nghệ và thánh nhạc (M 114/4) theo những chỉ dẫn của Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh (PV 115, 129). Một đề nghị tu chính có 10 Nghị Phụ ký tên đòi hỏi rằng Phụng Vụ phải là "chủ yếu đời sống, làm sống động mọi công cuộc huấn luyện ở chủng viện" (M 114/4c).

^{76*} Điểm này được thêm vào lược đồ F, tháng 10 năm 1964, theo lời yêu cầu của nhiều Nghị Phụ.

^{77*} Nghệ thuật phức tạp này đòi hỏi phải có một căn bản thần học vững chắc, hiểu biết tường tận các khoa tâm lý và một số nhận thức thiêng liêng đã được luyện tập. Sắc lệnh nói về sự hướng dẫn để đào tạo mọi con cái Giáo Hội để nâng đỡ mọi người đến một đời sống ý thức, tươi sáng, đủ quảng đại hiến mình vào việc tông đồ (xem GH số 38), và giúp mỗi tín hữu chu toàn những nhiệm vụ thuộc bậc sống để mưu ích cho mọi người. Sự hướng dẫn này cần thiết để giúp các thiếu niên định hướng tương lai của họ. LTCB còn nói thêm về sự chuẩn bị của các linh mục "trong những liên lạc đứng đắn và lành mạnh đối với phụ nữ".

phận của bậc sống mình. Chúng sinh cũng phải lưu tâm học cho biết cách giúp đỡ các tu sĩ nam nữ^{78*} bền đỗ trong ơn gọi riêng và tiên đức theo tinh thần của Hội Dòng⁴².

Cách chung, phải làm phát triển nơi các Chúng sinh những khả năng thích hợp rất cần thiết để đối thoại^{79*} được với mọi người, thí dụ: biết lắng nghe người khác, biết lưu tâm đến những hoàn cảnh khác nhau của thân phận con người trong tinh thần bác ái⁴³.

20. Tập hoạt động tông đồ. Cũng phải dạy họ biết sử dụng những phương thế mà các khoa sư phạm, tâm lý cũng như xã hội⁴⁴ có thể cung cấp cho^{80*}, theo những phương pháp đúng đắn và các tiêu chuẩn do Giáo Quyền ấn định. Phải lo giáo huấn

^{78*} Thường các tu sĩ nam nữ than phiền là không tìm thấy một linh mục có thể giúp đỡ đúng mức đời sống thiêng liêng của họ. Vì thế Công Đồng đòi hỏi các linh mục tương lai phải biết rõ về sự quan trọng và những đòi hỏi cuộc đời tu dòng (ghi chú 42).

⁴² Về giá trị của bậc sống khấn giữ những lời khuyên Phúc Âm, xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, ch VI: AAS 57 (1965), trg 49-53; Sắc Lệnh về việc canh tân thích nghi đời sống Dòng Tu Perfectae Caritatis.

^{79*} Đây là lần thứ nhì Sắc Lệnh này công khai lập lại nhu cầu phải huấn luyện để đối thoại (xem số 15). Đoạn này được thêm vào vì nhiều can thiệp của các Nghị Phụ (vd. Đức Hồng Y Doepfner và Léger, ĐGM Savage v.v...). Cũng cần lập lại ở đây thái độ căn bản của đối thoại: biết nghe người khác; đó là điều kiện cần thiết để hiểu người khác. 61 Nghị Phụ đã đòi hỏi như vậy cho số 6 (M 63-8), và 18 Nghị Phụ đã đòi hỏi các giáo hữu phải như vậy (M 117-2).

Chính trong viễn tượng này mà Công Đồng yêu cầu phải học các khoa tâm lý, sư phạm và xã hội để hiểu biết con người và hoàn cảnh hơn: xem số 20.

⁴³ Xem Phaolô VI, Tđ Ecclesiam Suam, 6-8-1964: AAS 56 (1964), nhất là trg 635 tt và 640 tt.

⁴⁴ Nhất là xem Gioan XXIII, Tđ Mater Magistra, 15-3-1961: AAS 53 (1961), trg 401 tt.

^{80*} Sự góp phần của các khoa học nhân văn có thể giúp đỡ nhiều cho việc thích ứng mục vụ với nhu cầu ngày nay và canh tân các phương pháp.

họ biết khích lệ và nâng đỡ hoạt động tông đồ giáo dân^{81*}.⁴⁵ cũng như biết khởi xướng nhiều hình thức hoạt động tông đồ khác nhau cho hữu hiệu hơn. Họ phải được thấm nhuần tinh thần Công Giáo đích thực, để biết quen vượt khỏi những ranh giới địa phận, quốc gia hoặc lễ chế riêng hầu hỗ trợ các nhu cầu của toàn thể Giáo Hội^{82*} và sẵn sàng đi rao giảng Phúc Âm ở bất cứ nơi nào⁴⁶.

21. Tập hoạt động ngoài chủng viện. Vì các chủng sinh phải học nghệ thuật hoạt động tông đồ^{83*} không những trên lý thuyết nhưng trên thực hành nữa, và còn phải có khả năng thi hành công tác với tinh thần trách nhiệm cá nhân hay tập đoàn, nên trong kỳ học cũng như kỳ nghỉ, phải cho họ tập sự mục vụ bằng những công tác thực tập thích đáng. Phải tùy theo tuổi của chủng sinh, tùy theo hoàn cảnh địa phương và sự xét đoán khôn ngoan của các Giám Mục mà thực hiện các hoạt động ấy cho có phương pháp với sự hướng dẫn của những vị giàu kinh

^{81*} Công Đồng đã nhấn mạnh nhiều về các liên hệ giữa giáo dân và linh mục; vd GH 33, 37; TD 28, 32; ĐT 8, 16; LM 14; TG 21; MV 44... Vì là "người cổ võ giáo dân", "người giáo huấn giáo dân", linh mục phải tập cộng tác rộng rãi với họ.

⁴⁵ Đặc biệt xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, số 33: AAS 57 (1965), trg 39.

^{82*} Tinh thần truyền giáo cởi mở này đã nhuần thấm Công Đồng; vd GH 17; TG nhất là số 16, 36-39; LM 10. Chính Sắc Lệnh này cũng nhấn mạnh rằng phải dạy cho chủng sinh biết nhu cầu của toàn thể Giáo Hội, những vấn đề trầm trọng đang đè nặng trên từng phần của Giáo Hội, những bước tiến trong việc Phúc Âm hóa thế giới...

⁴⁶ Xem n.v.t. số 17: AAS 57 (1965), trg 20 tt.

^{83*} Bản văn gọi việc tông đồ là một nghệ thuật. Nghệ thuật bao gồm hiểu biết và thực hành. Nhận xét đó rất có giá trị. LTCB nhắc lại rằng phải thể hiện việc tông đồ "suốt kỳ học tập, trong năm cũng như kỳ nghỉ" (LTCB số 97).

nghiệm mục vụ, đồng thời cũng đừng quên sức hiệu nghiệm của những phương thế hỗ trợ siêu nhiên⁴⁷.

VII. BỔ TÚC VIỆC HUẤN LUYỆN SAU KHI MÃN TRƯỜNG

22. Phải được tiếp tục bồi dưỡng về lý thuyết và thực hành.

Nhất là vì hoàn cảnh xã hội tân tiến nên việc huấn luyện Linh Mục phải được tiếp tục và kiên toàn, cả sau khi kết thúc chu trình học vấn^{84*} trong chủng viện⁴⁸, do đó các Hội Đồng Giám Mục^{85*} phải liệu tìm trong mỗi quốc gia những phương thế thích hợp, thí dụ như thiết lập những Học Viện Mục Vụ hợp tác với những họ đạo đã tùy nghi chọn lựa, tổ chức những cuộc hội thảo định kỳ, những khóa thực tập chuyên biệt^{86*}, nhờ đó lớp Giáo Sĩ còn non trẻ về phương diện tu đức, trí thức và mục vụ được dần dần đưa dần vào đời sống Linh Mục và hoạt động

⁴⁷ Nhiều văn kiện của các Đức Giáo Hoàng nêu rõ nguy cơ xao lãng mục đích siêu nhiên trong hoạt động mục vụ hoặc thực tế coi rẻ việc trợ giúp siêu nhiên, đặc biệt xem những văn kiện ghi trong chú thích 41.

^{84*} Được dự liệu từ lược đồ B, chất liệu trong chương này đã được rút gọn nhưng vẫn giữ được tất cả những gì là căn bản về sự chuyển tiếp giữa đời sống ở chủng viện sang cuộc sống thi hành chức vụ đầy khó khăn.

⁴⁸ Nhiều văn kiện mới đây của Tòa Thánh thiết tha yêu cầu đặc biệt săn sóc các linh mục mới chịu chức. Có thể kể những văn kiện chính: Piô XII, Tựa Sắc Quadoquidem, 2-4-1949: AAS 41 (1949), trg 165-167; Tông huấn Menti Nostrae, 23-9-1950: AAS 42 (1950); Tông hiến cho tu sĩ Sedes Sapientiae, 31-5-1956 và quy chế tổng quát đính kèm; Diễn văn cho các Linh mục "Convictus Barcionensis", 14-6-1957: Discorsi e Radiomessagi, XIX, trg 271-273. - Phaolô VI, Diễn văn đọc trước các Linh Mục học viện "Gian Matteo Giberti", giáo phận Verona, 11-3-1964: L'Osservatore Romano, 13-3-1964.

^{85*} Lo lắng tổ chức chương trình và phương thế đào tạo sau khi rời chủng viện không những là trách nhiệm của mỗi Giám Mục riêng rẽ, nhưng cũng là của cả Hội Đồng Giám Mục, và theo bản đề nghị tu chính 1 (M 120) trách nhiệm này có nghĩa bắt buộc.

^{86*} Xem những chỉ dẫn của LTCB số 101.

tông đồ, và họ có thể càng ngày càng cải tiến và phát triển^{87*} các hoạt động ấy hơn nữa.

Kết Luận^{88*}

Tiếp tục công trình do Công Đồng triden khởi xướng, và trong khi tin tưởng trao phó cho các vị Giám Đốc và Giáo Sư Chứng Viện nhiệm vụ đào tạo các Linh Mục tương lai của Chúa Kitô trong tinh thần canh tân do Thánh Công Đồng này cổ võ, toàn thể Nghị Phụ của Thánh Công Đồng này tha thiết khuyến dụ những người đang dọn mình nhận lãnh chức Linh Mục hãy cảm thức niềm kỳ vọng của Giáo Hội và phần rỗi các linh hồn đã được trao phó cho họ, để một khi hân hoan đón nhận những tiêu chuẩn ghi trong Sắc Lệnh này, họ sẽ thu lượm được nhiều kết quả mỹ mãn và trường tồn.

^{87*} Phải xem lại thư của Thánh Bộ phụ trách hàng giáo sĩ biên soạn sau bản điều tra gửi cho các Hội Đồng Giám Mục, hỏi về việc đào luyện thường xuyên cho hàng giáo sĩ ngày 4 tháng 11 năm 1969 (xem Doc. cath. 1-3-70) trong đó sau những cân nhắc tổng quát quan trọng Thánh Bộ đã đề ra những phương thế cụ thể để đào luyện thường xuyên hàng giáo sĩ như: năm mục vụ, khảo hạch từng ba năm một, những nhóm họp tìm hoàn thiện, những nhóm họp nghiên cứu, đại hội linh mục, tổ chức thư viện, nghỉ ngơi để học tập v.v... xem thêm TG số 20, 5).

^{88*} Các lược đồ B, C và D kết thúc bằng một lời hứa Thiên Chúa trả công cho những người đào tạo hàng giáo sĩ. Lời kết luận chúng ta có đây là theo lời yêu cầu của một Nghị Phụ duy nhất về "vài lời nói hoàn toàn mục vụ với các chủng sinh hiện tại và tương lai" (M 121/6). Đây là một việc làm tốt đẹp nói lên niềm tin tưởng của Giáo Hội nơi các vị hữu trách lo đào tạo linh mục và nơi các chủng sinh, và sau cũng là lời khuyến đem thực hành Sắc Lệnh.

Văn kiện này sẽ ảnh hưởng lớn lao đến việc canh tân Giáo Hội, chính vì tin tưởng vào các linh mục hôm nay và ngày mai, nên Giáo Hội thực hiện việc canh tân cho toàn thể Giáo Hội. Xin Chúa cảm ứng cho các bậc thầy và môn sinh để họ ghi tâm những trách vụ nặng nề trước những gì vừa được ban hành "cho Danh Chúa cả sáng".

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 28 tháng 10 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Khóa VII Ngày 28 tháng 10 Năm 1965

**Tuyên Ngôn
về Giáo Dục Kitô Giáo
Gravissimum Educationis**

Lời Giới Thiệu

Chú ý đọc bản Tuyên Ngôn về giáo dục, chúng ta sẽ cảm thấy những ấn tượng khá phức tạp buồn vui lẫn lộn, vừa sung sướng vừa thất vọng. Phân tích sơ qua ta cũng đủ thấy được những nguyên do rõ rệt gây ra những hậu quả trên.

Trước hết, bản Tuyên Ngôn có một chất liệu rất là phong phú, một luồng thanh khí sôi bỏng làm cho bản Tuyên Ngôn trở nên

sống động, chứng tỏ rằng Cộng Đồng đã ý thức đầy đủ tính chất quan trọng cũng như tầm mức diễn tiến của vấn đề. Nhất là người ta ngỡ ngàng trước mỗi thiện cảm chân thành và đáng phục của Giáo Hội đối với nỗ lực của những ai đang theo đuổi một lý tưởng trùng hợp với niềm ưu tư liên li của mình là chu toàn sứ mệnh trần gian và vĩnh cửu của nhân loại.

Trong khi đó, cách bố cục lại thiếu cân xứng và vững chắc. Người ta mong thấy một kiểu trình bày khúc chiết hơn để độc giả có cảm tưởng đầy đủ và thoải mái như khi chiêm ngưỡng một lâu đài kiên cố với những chi tiết tỉ mỉ, mỹ thuật.

Lịch sử

Ấn tượng lưỡng diện trên thật dễ hiểu.

Ngày 17-11-1964 khi các Nghị Phụ thảo luận về lược đồ của bản Tuyên Ngôn này, đó chỉ là một bản văn ngắn gọn, không có giá trị tổng quát bao nhiêu. Một số Nghị Phụ muốn thu tóm thành một đoạn để đưa vào một sắc lệnh quan trọng khác; một số khác lại muốn khai triển tư tưởng của Giáo Hội về vấn đề này một cách rộng rãi hơn. Trước tình trạng tế nhị đó, đa số cố gắng đem sơ đồ ra biểu quyết để định hướng vấn đề, sợ rằng nếu bác bỏ lại gặp phải một lược đồ còn nghèo nàn hơn. Vì thế thà chấp nhận những cố gắng đáng kể về phương diện giáo dục do người đời đóng góp còn hơn là tông huấn Divini Illius Magistri quá tách biệt với các định chế nhân loại. Như vậy các ngài hy vọng có thể bổ túc thêm những gì cần thiết.

Ngày 20-11-1964, bản văn được thông qua với 1,457 phiếu thuận, 419 phiếu chống và 3 phiếu trắng trong số 1,879 Nghị Phụ hiện diện.

Tài liệu được hoàn lại cho Ủy ban đặc trách. Ủy ban lại chỉ định một tiểu ban gồm có cha Hoffer, thư ký ủy ban và nhiều vị thông thái khác như Robert Massi, Paul Dezza v.v...

Từ 23 đến 30 tháng 3 năm 1965, trong khi soạn thảo dự án, tiểu ban đã lưu ý tất cả những lời bình phẩm cũng như "gợi ý" của một số đông các Nghị Phụ gửi tới. Nhưng bản văn mới lại quá phong phú, xa hẳn bản cũ cả về lượng lẫn nội dung. Nhiều Nghị Phụ cho rằng làm như thế là không hợp pháp và cần duyệt xét lại cẩn thận.

Rất may là không xảy ra điều chi đáng tiếc cả và ngày 14-10-1965, văn kiện đã được chấp nhận với 1,912 phiếu thuận đối lại với 183 phiếu chống.

Sau cùng bản Tuyên Ngôn đã được công bố với 2,290 phiếu thuận, chỉ có 35 phiếu chống.

Phân tích

Giờ đây chúng ta hãy cùng nhau phân tích văn kiện trên:

1. Văn kiện này dựa trên nguyên tắc của luật tự nhiên: mọi người đều có quyền hưởng một nền giáo dục đầy đủ và xứng hợp với thiên chức làm người của mình, "mỗi ngày một tham gia vào đời sống xã hội nhất là về kinh tế và chính trị một cách tích cực hơn hầu có thể hưởng dụng di sản văn hóa thiêng liêng của nhân loại một cách dễ dàng hơn" hợp với chức vị của người con Thiên Chúa.

Quyền này đã được nhiều văn kiện chính thức của Liên Hiệp Quốc nhìn nhận, xác định và khai triển. Đây là lần đầu tiên người ta dựa vào đó để bàn luận về các quyền hành của Giáo Hội trong lãnh vực giáo dục. Căn cứ trên nguyên tắc, người ta có thể tố cáo lập luận của Tông Huấn Divini Ilius Magistri là đã đặt nền tảng các hoạt động giáo dục của Giáo Hội trên thực tại thần linh thuộc sứ mệnh mình. Tuy nhiên một khi người ta chấp nhận ưu quyền tổ chức thiêng liêng của thế giới là lo lắng đến lợi ích toàn diện cho mọi phần tử, đồng thời cũng là những con người của xã hội dân sự, họ không thể chối bỏ quyền tối thượng của con người.

Một khi được hiểu biết và chấp nhận, quyền này sẽ đem lại những hậu quả thiết thực như: việc đào luyện những đức tính tự nhiên của một người công dân, phát triển những khả năng trí thức và óc phán đoán, khai tâm cho biết những giá trị luân lý, biết nhận thức và yêu mến Thiên Chúa, tiến tới ơn lãnh nhận đức tin, xây dựng xã hội trần thế và mở rộng nước trời. Tóm lại, không có gì thuộc sứ mệnh con người trong mọi thời đại mà lại ở ngoài phạm vi thực hành của quyền này.

Sau cùng, kể từ Thông Điệp Mater et Magistra và Pacem in Terris của Đức Gioan XXIII cũng như Ecclesiam Suam của Đức Phaolô VI, một âm điệu mới đã nhân tính hóa tiếng nói của Giáo Hội cho thích hợp với xã hội dân sự mà không còn ai phủ nhận nguồn gốc thần linh của nó.

2. Người ta hài lòng khi thấy Giáo Hội được bành trướng trên những hậu quả thuộc lãnh vực giáo dục nhờ vào "tiền bộ kỹ diệp về kỹ thuật, về các nghiên cứu khoa học", trên "những kinh nghiệm mới và sự phát triển về các phương pháp giáo dục và giáo huấn" và khi thấy Giáo Hội đòi hỏi mọi người phải được hưởng "một nền giáo dục xứng hợp với nhu cầu của tâm linh và phái tính, với truyền thống quốc gia hầu tiến đến một sự hợp nhất đích thực và một nền hòa bình trên thế giới". Người ta sung sướng khi thấy có một số điều cảm đoán và xác định tính cách bấp bênh của nhị nguyên thuyết từ lâu vẫn chủ trương tách biệt thể xác với linh hồn, cộng đoàn quốc gia với cộng đồng quốc tế.

Bởi đó, Giáo Hội không còn tự coi mình như là thẩm cấp duy nhất và là con đường độc nhất trong việc tìm cách chu toàn sứ mệnh của con người nữa, vì không những Giáo Hội chấp nhận những chiều hướng tuy khác mình nhưng cùng tiến tới một mục đích, mà còn sung sướng được trông thấy nhiều công cuộc đem lại lợi ích thực sự cho con người.

Trước kia Giáo Hội và thế giới dân sự vẫn cách biệt nhau, nhưng vì là con cái của cả hai xã hội đó, ngày nay chúng ta sung sướng khi thấy họ hòa hợp lại với nhau để cùng gánh vác những công việc nặng nề và cùng nỗ lực xây dựng một lâu đài độc nhất là sự thành công của con người nay ở đời này cũng như sửa soạn cho cuộc sống vinh hiển muôn đời.

3. Sau hết, văn kiện đề cập tới những tổ chức thuộc về các hoạt động giáo dục như là học đường, một "môi trường phát triển các khả năng, óc phán đoán và giúp khám phá những di sản văn hóa của các thế hệ trước, đề cao các giá trị, chuẩn bị cho cuộc sống chức nghiệp và biết thông cảm lẫn nhau".

Như thế học đường vượt trên những chiều hướng vật chất và bao gồm tất cả các hệ thống có ảnh hưởng trên chủ thể thụ huấn: gia đình "học đường đầu tiên dạy các đức tính xã hội" và cách riêng là môi trường học đường với mọi "yếu tố" trực tiếp ảnh hưởng ít nhiều như: thầy dạy, bạn bè, bản tính và phẩm chất của việc giáo dục, các phương pháp cũng như tất cả các điều kiện khác giúp cho việc giáo dục thành công: "trình độ học vấn, sức khỏe học sinh và qui chế học đường".

Trong quá khứ, vì sự va chạm giữa hai quyền bính tôn giáo và thế tục đã gây nên một cuộc tranh chiếm độc quyền học đường. Vì thế văn kiện nêu ra nguyên tắc tương trợ để loại bỏ tệ đoan đó và chấp nhận người công dân có quyền đòi hỏi ít ra trong trường hợp chính quyền thiếu sót, được tự do chọn lựa trường học cho con em hợp với tín ngưỡng của họ.

Những vị có trách nhiệm giáo dục chính thức trước hết phải kể tới các bậc phụ huynh. Nhưng trong thực tế, vì việc giáo dục đòi hỏi những điều kiện vượt quá khả năng của mỗi cá nhân, nên xã hội lại phải đảm nhiệm tổ chức "những gì cần thiết cho lợi ích chung của con người": bảo đảm quyền lợi và bổn phận của các phụ huynh, giúp đỡ họ, thiết lập các trường sở giáo dục.

Trên cương vị quốc gia, nhà nước cụ thể hóa quyền lợi và nghĩa vụ tự nhiên này bằng cách phân phối cho một cơ quan tối cao để tổ chức và điều hành đời sống của từng cá nhân trong các nhóm người.

Bản Tuyên Ngôn còn hàm chứa cả một ý niệm về giáo dục và huấn luyện những hoạt động nhằm thăng tiến con người, từ việc dạy A B C cho người lớn tuổi, chăm sóc các trẻ bất thường trong những cơ sở chuyên biệt, mở trường dạy văn hóa chuyên nghiệp và kỹ thuật cho tới những cơ sở vĩ đại quảng bá nền văn hóa phổ thông hay khoa học chuyên môn; những phân khoa thần học cũng có nhiệm vụ phải cố gắng giúp con người thành công mỹ mãn trong cả hai chiều hướng tự nhiên và siêu nhiên.

Ba khía cạnh của văn kiện chúng ta vừa phân tích tóm kết đại cương một cách khá trung thực ý hướng của Thánh Công Đồng đề cập đến một trong những vấn đề trọng yếu của thế giới theo chiều hướng đầy đủ, phong phú và cao đẹp nhất.

Như vậy cũng đã tạm đủ để chúng ta lưu tâm tới khía cạnh hào hứng nhất của vấn đề đã hình thành tư tưởng của Giáo Hội về một điều kiện thiết yếu để cứu rỗi nhân loại.

Kết luận

Trước khi đọc nguyên bản, chúng tôi ước mong mọi người đọc nó với tất cả tinh thần mà Đức Gioan XXIII, vị khởi xướng Công Đồng, đã đề ra tức là chú ý đến những hiện trạng của thế giới ngày nay. Trong khi chú thích một vài tư tưởng, chúng tôi đặc biệt khai thác, duy trì và nhấn mạnh tới sự hòa hợp những viễn tượng hiện đang là mối bận tâm của Giáo Hội và thế giới hôm nay với niềm hy vọng sẽ đem lại cho nhân loại những thành quả thật mỹ mãn.

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Tuyên Ngôn
về Giáo Dục Kitô Giáo

Lời mở đầu. Vai trò vô cùng quan trọng của việc giáo dục trong đời sống con người và ảnh hưởng của nó luôn gia tăng trên đà tiến triển của xã hội hiện nay đã được Thánh Công Đồng đặc biệt lưu ý¹. Quả thực, hoàn cảnh của thời đại chúng ta làm cho việc giáo dục thanh thiếu niên, ngay cả việc tiếp tục huấn luyện^{1*} giới trưởng thành, trở nên ngày một dễ dàng và khẩn cấp hơn^{2*}. Vì ý thức đầy đủ hơn về phẩm giá và bổn phận của

¹ Trong số nhiều văn kiện giải thích tầm quan trọng của việc giáo dục, trước hết xem: - Benedictô XV, *Tông thư Communes Litteras*, 10-4-1919: AAS 11 (1919), trg 172. - Piô XI, *Tđ Divini Illius Magistri*, 31-12-1929: AAS 22 (1930), trg 49-86. - Piô XII, *Huấn từ cho thanh niên A.C.I.* 20-4-1946; *Discorsi e Radiomessaggi VIII*, trg 53-57. - *Huấn từ cho các người cha gia đình nước Pháp*, 18-9-1951: *Discorsi e Radiomessaggi XIII*, tr 241-245. - Gioan XXIII, *sứ điệp kỷ niệm 30 năm ban hành Tđ Divini Illius Magistri*, 30-12-1959: AAS 52 (1960), trg 57-59. - Phaolô VI *Huấn từ cho các hội viên F.I.D.A.E. (Federazione Istituti Dipendenti dall'Autorità Ecclesiastica)*, 30-12-1963: *Encicliche e Discorsi di S.S. Paolo VI, I, Roma 1964*, trg 601-603. Cũng nên xem *Acta et Documenta Concilio Oecumenico Vaticano II apparando, loại I, Antepreparatoria, 1. III*, trg 363-364, 370-371, 373-374.

^{1*} Kiểu nói mới diễn tả nghĩa vụ phải luôn giúp con người sống hợp thời vì họ có trách nhiệm sống và làm việc trong một thế giới luôn tiến bộ nhanh chóng.

^{2*} Dễ dàng hơn vì các phương tiện phong phú, mới mẻ và hữu hiệu hơn - khẩn cấp hơn - vì nếu không vậy thì sự sai biệt liên li giữa người không được chuẩn bị, không được giáo dục và nền văn minh luôn tiến bộ sẽ biến con người thành nạn nhân của văn minh tiến bộ đó.

mình, nên con người ao ước được tham dự tích cực hơn vào đời sống xã hội, nhất là đời sống kinh tế và chính trị².

Những tiến bộ kỳ diệu trong lãnh vực kỹ thuật và nghiên cứu khoa học, những phương tiện truyền thông xã hội tân tiến hiến cho con người hoàn cảnh thuận tiện, nhờ đó con người còn nhiều thời giờ nhàn rỗi, không vướng mắc công việc, dễ dàng tham dự vào gia sản văn hóa và tinh thần, và bỏ túc lẫn nhau nhờ những liên lạc mật thiết hơn giữa các đoàn thể cũng như giữa chính các dân tộc.

Bởi đó khắp nơi đều cố gắng đẩy mạnh công cuộc giáo dục mỗi ngày một hơn. Người ta thừa nhận những quyền lợi căn bản liên hệ đến việc giáo dục của con người^{3*}, nhất là của trẻ em và cha mẹ. Các quyền lợi ấy được xác định trong nhiều văn kiện chính thức³. Trước con số học sinh gia tăng mau chóng,^{4*} người ta gia tăng trường ốc và cải tiến học đường, thiết lập thêm những cơ sở giáo dục khác. Các phương tiện giáo dục và

² Xem Gioan XXIII, *Tđ Mater et Magistra*, 15-5-1961:AAS 53 (1961), trg 413, 415-417, 424. - *Tđ Pacem in Terris*, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 278t.

^{3*} Các nguyên tắc về vấn đề này đã được Cơ Quan Giáo Dục, Khoa Học và Văn Hóa của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) công bố ngày 20-11-1958 với 78 phiếu thuận, không có phiếu nào chống.

³ Xem Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (*Déclaration des droits de l'homme*) do Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc chấp thuận ngày 10-12-1948 và xem *Déclaration des droits de l'enfant*, 20-11-1959; *Protocole additionnel à la convention de sauvegarde des droits de l'homme et des libertés fondamentales*, Paris, 20-3-1952; về Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền, xem Gioan XXIII, *Tđ Pacem in Terris*, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 295t.

^{4*} Đâu đâu người ta cũng thấy như thế và đó cũng là một điều đáng mừng. Tuy nhiên Cơ Quan Giáo Dục, Khoa Học và Văn Hóa của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) lại nhấn mạnh tới phẩm hơn là tới lượng. Trong thực tế cơ quan này cho rằng phẩm chất rất thiếu sót, rõ ràng nhất là sự yếu kém của hiệu năng nội tại (sự giảm bớt về bài học) và hiệu năng ngoại tại (phẩm chất của việc nhận định sự thực). Những nguyên nhân chính yếu là do trình độ thiếu sót của các giáo sư và do chương trình không thích hợp. - Tuyên Ngôn có lý khi nhấn mạnh tới mặt trong của sự phát triển đó.

giảng huấn được canh tân dựa vào những kinh nghiệm mới.^{5*} mặc dù đã có nhiều nỗ lực lớn lao để đem lại những lợi ích trên cho mọi người, nhưng vẫn còn rất nhiều trẻ em và thanh thiếu niên chưa được hưởng sự huấn luyện căn bản và biết bao người khác vẫn còn thiếu một nền giáo dục thích hợp để phát huy chân lý và bác ái.

Vì vậy, để chu toàn sứ mệnh mà Chúa là Đấng sáng lập đã trao ban, là loan truyền mâu nhiệm ơn cứu độ cho mọi người và thiết lập mọi sự trong Chúa Kitô, Mẹ Thánh Giáo Hội có nhiệm vụ săn sóc toàn diện đời sống con người^{6*}, kể cả đời sống trần tục, trong mức độ liên hệ với lời mời gọi của Thiên Chúa⁴. Vì thế Giáo Hội thông phần vào việc mở mang và phát huy nền giáo dục^{7*}. Do đó, Thánh Công Đồng tuyên bố một số nguyên tắc căn bản về giáo dục Kitô giáo, nhất là giáo dục học đường. Một Ủy Ban đặc biệt sau Công Đồng phải giải thích cặn kẽ và các Hội Đồng Giám Mục phải thích nghi các nguyên tắc đó tùy theo hoàn cảnh khác biệt tại mỗi địa phương.

^{5*} Sự chắc chắn của những nguyên tắc tâm lý cho phép ta mạnh dạn áp dụng những kinh nghiệm đó và hơn nữa, sự thành công của những cuộc cải cách còn khuyến khích ta làm như vậy. Không cần phải nhắc lại ở đây tất cả những kinh nghiệm đó. Tuy nhiên cũng xin nhắc đến những gì mà khoa sư phạm đã dùng tới như những lý thuyết về ích lợi, những nguyên tắc về phối hợp luân lý và về việc tập trung tinh thần, việc tự hoạt động, việc cá tính hóa, việc hoạt động tập thể và về việc tự chủ...

^{6*} Tất cả đối tượng lo âu của Giáo Hội là con người toàn diện, xác và hồn. Hiểu khác đi chính là phân bội lại tư tưởng và sứ mạng của Giáo Hội.

⁴ Xem Gioan XXIII, *Tđ Mater et Magistra*, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 402. - *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, số 17: AAS 57 (1965), trg 21.

^{7*} Người ta có thể định nghĩa danh từ này rất nhiều cách, nhưng để gọi được là xác thực, các định nghĩa đó phải có những đặc tính chung sau đây:

- a. Giáo dục chỉ có thể có nơi loài người.
- b. Nó là hoạt động của một hữu thể đối với một hữu thể khác.
- c. Hoạt động này được hướng tới một mục đích.
- d. Mục đích đó là đạt được một số tính chất đại cương giúp con người dễ dàng đạt được lợi ích của mình.

1. Quyền hưởng một nền giáo dục xứng hợp. Tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, giai cấp và tuổi tác, do phẩm giá con người, đều có một quyền bất khả nhượng là phải được hưởng một nền giáo dục⁵ đáp ứng với sứ mệnh riêng^{6*.8*} phù hợp với cá tính^{9*} của từng phái^{10*}, thích nghi với văn hóa và truyền thống dân tộc^{11*}, đồng thời mở rộng sự hợp tác huynh đệ với các dân tộc khác, để hỗ trợ công cuộc hợp nhất chân chính và hòa bình trên mặt đất^{12*}. Vậy nền giáo dục chân chính là việc đào tạo con người, nhằm đạt tới cùng đích của mình cũng như lợi ích của các đoàn thể mà họ là đoàn viên, và họ sẽ tham gia phục vụ khi đến tuổi trưởng thành^{13*}.

⁵ Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh*, 24-12-1942: AAS 35 (1943), trg 12,19. Gioan XXIII, *Tđ Pacem in Terris*, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 259t. Và xem những Tuyên Ngôn Nhân Quyền ở ghi chú 3.

^{6*} Xem Piô XI, *Tđ Divini Illius Magistri*, 31-12-1929: AAS 22 (1930), trg 50t.

^{8*} Theo Kant, giáo dục phải phát triển nơi cá nhân tất cả sự toàn hảo mà họ có thể có.

^{9*} Đối với Henri Joly, giáo dục có mục đích giúp con người hoàn toàn làm chủ và sử dụng đúng mức tất cả mọi khả năng của mình.

^{10*} Hình như những khác biệt về hai phái có tính cách về lượng hơn là về phẩm. Nói theo sinh lý học, trước thời kỳ dậy thì, con trai và con gái có một hình thái khá ngang nhau, Nhưng sau đó thì hoàn toàn khác biệt, nhất là về những hình thái cân đối (chiều cao và sức nặng, kích thước, xương chậu và vai...) (theo Heymans và Weinbey). Trên lãnh vực tâm lý, những sự khác vẫn còn có tính cách về lượng và về sự tương phản giữa đàn ông và đàn bà chỉ thu hẹp thành sự khác biệt về sự phát triển theo lượng. Nhưng nói rằng không có những khác biệt quan trọng giữa hai phái không có nghĩa là việc giáo dục và sự đối xử trong xã hội phải hoàn toàn giống nhau đối với cả hai phái, vì vẫn còn có một kiểu mẫu đàn ông và một kiểu mẫu đàn bà rất dễ phân tích.

^{11*}Thuyết xã hội học của Durkheim và Dewey muốn rằng giáo dục sửa soạn cho đứa bé thích ứng với xã hội chính trị và môi trường riêng mà sau này nó sẽ sống. Giáo dục là hoạt động của cả một cộng đoàn đối với một thể hệ để bảo đảm cho thể hệ đó tồn tại và tăng trưởng không ngừng.

^{12*} Aldous Huxley cho rằng phải giáo hóa con người để có tự do, công bằng và hòa bình.

^{13*} Đây là bản đúc kết tuyệt hảo của một bản tóm lược về những giáo thuyết khác nhau đối với vấn đề giáo dục.

Bởi thế, phải để ý đến những tiến triển^{14*} của khoa tâm lý, sư phạm và giáo khoa, hầu giúp trẻ em và thanh thiếu niên phát triển điều hòa những năng khiếu thể xác, luân lý và tinh thần, ý thức dần dần trách nhiệm cách rõ rệt hơn, nhờ luôn cố gắng trau dồi đúng mức đời sống cá nhân và theo đuổi sự tự do chân chính^{15*}, với lòng can đảm và kiên nhẫn lướt thắng mọi trở ngại. Phải tích cực và thận trọng giáo dục chúng về phái tính^{16*} tùy từng lứa tuổi. Ngoài ra, phải huấn luyện cho chúng biết tham dự đời sống xã hội, để sau khi được chỉ dẫn đầy đủ về những phương tiện cần thiết và thích hợp, chúng có thể tích cực dần thân^{17*} vào những đoàn thể khác nhau của cộng đoàn nhân loại sẵn sàng đối thoại với người khác cũng như hăng say hoạt động để góp phần thực hiện lợi ích chung.

Cũng vậy, Thánh Công Đồng còn tuyên bố rằng trẻ em và thanh thiếu niên có quyền được hướng dẫn trong việc phê phán những giá trị luân lý theo lương tâm thẳng thắn, tự ý^{18*} chấp nhận và tuân giữ những giá trị ấy và nhận biết yêu mến Thiên Chúa cách hoàn hảo hơn. Vì thế Công Đồng tha thiết mời gọi những nhà lãnh đạo các dân tộc hãy hướng dẫn công việc giáo dục, hãy lo lắng sao cho giới trẻ không bao giờ bị tước mất quyền

^{14*} *Biết bao tiến triển đáng chú ý từ đầu thế kỷ này trên ba lãnh vực tâm lý, phương pháp kỹ thuật giảng dạy.*

^{15*} *Giả thuyết là đã tự thắng mình, đã tự thoát khỏi lệ thuộc bản thân.*

^{16*} *Trong xã hội văn minh của chúng ta, người ta đã luôn luôn yên lặng khi đề cập đến vấn đề này. Nhưng ngày nay người ta bó buộc phải nhận rằng phái tính là một hiện tượng trọng yếu trong đời sống cá nhân và các dân tộc. Nhận biết sự cần thiết của việc giáo dục phái tính chính là nhận thấy những biểu hiện liên li của nó (sự bành trướng quá lý tưởng, khuynh hướng tìm kiếm nam tính hay nữ tính) và người ta có thể hướng dẫn những biểu hiện đó theo một chiều hướng thích hợp với khung cảnh luân lý của các xã hội văn minh.*

^{17*} *Quan niệm tuyệt hảo về con người, một sinh vật có trách nhiệm phải sống với và cho kẻ khác hầu sống trọn vẹn đời sống của mình.*

^{18*} *Trong vấn đề luân lý, chỉ có sự tự ý chấp nhận là đáng kể vì nó giả thiết đã nhìn thấy, yêu thích và tự do chọn lựa sự thiện.*

lợi thiêng liêng ấy^{19*}. Công Đồng còn khuyên nhủ các con cái Giáo Hội hãy quảng đại hoạt động trong mọi lãnh vực giáo dục, nhất là để có thể sớm đem lại những lợi ích của một nền giáo dục và giáo huấn xứng hợp cho mọi người ở khắp nơi trên toàn thế giới⁷.

2. Nền giáo dục Kitô giáo. Mọi Kitô hữu^{20*}, nhờ việc tái sinh bởi nước và Thánh Thần, đã trở nên những tạo vật mới⁸, được gọi là con Thiên Chúa và quả thực như thế, nên có quyền hưởng một nền giáo dục Kitô giáo. Nền giáo dục này không chỉ nhằm giúp con người được trưởng thành như vừa trình bày, nhưng cốt yếu là nhằm giúp những người đã rửa tội ngày càng ý thức hơn về hồng ân Đức Tin đã nhận lãnh trong khi họ được hướng dẫn để dần dần hiểu biết mầu nhiệm cứu rỗi. Nền giáo dục ấy còn giúp họ biết cách thờ phượng Thiên Chúa Cha trong tinh thần và chân lý (x. Gio 4,23), nhất là qua việc cử hành phụng vụ^{21*}, cũng như huấn luyện họ biết sống theo con người mới trong công bình và thánh thiện của chân lý (Eph 4,22-24). Nhờ vậy họ đạt tới con người hoàn thiện, tới tuổi sung mãn của Chúa Kitô (x. Eph 4,13) và góp phần vào việc tăng trưởng của Nhiệm Thể^{22*}. Hơn nữa, vì ý thức được ơn kêu gọi của mình, chính họ phải tập thói quen minh chứng niềm cậy trông của mình (x. 1P 3,15) cũng như phải giúp cải tạo thế giới theo tinh thần Kitô giáo. Nhờ đó những giá trị tự nhiên sẽ góp phần vào lợi ích của

^{19*} Vì sự thành công toàn diện của con người tùy thuộc ở việc kính trọng quyền ấy, và vì quyền này nâng cao giá trị những quyền cao quý và chính yếu khác của con người, một sinh vật thông minh và tự do.

⁷ Xem Gioan XXIII, *Tđ Mater et Magistra*, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 441t.

^{20*} Với tư cách là con người, các Kitô hữu có quyền hưởng một nền giáo dục đầy đủ và thích hợp. Với tư cách là người đã được rửa tội, họ có quyền hưởng một nền giáo dục Kitô giáo giúp họ xứng đáng đón nhận sự cung hiến tối cao cho nhân phẩm con người.

⁸ Xem Piô XI, *Tđ Divini Illius Magistri*, n.v.t. trg 83.

^{21*} Là một tập hợp các lễ nghi để chu toàn việc kính thờ Thiên Chúa qua trung gian Chúa Kitô Cứu Thế.

^{22*} Chính là Giáo Hội kết hiệp làm một với Chúa Kitô.

toàn thể xã hội^{23*}, khi được hòa hợp vào viễn ảnh toàn vẹn của con người được Chúa Kitô cứu chuộc⁹. Vì vậy Thánh Công Đồng nhắc lại cho những Chủ Chăn hướng dẫn các linh hồn nhiệm vụ rất quan trọng là phải thu xếp mọi sự để các tín hữu được hưởng nhờ nền giáo dục Kitô giáo nhất là giới trẻ, niềm hy vọng của Giáo Hội¹⁰.

3. Những người lãnh nhận trách nhiệm giáo dục. Vì là người truyền sự sống cho con cái, nên cha mẹ^{24*} có bổn phận hết sức quan trọng là giáo dục chúng và vì thế họ được coi là những nhà giáo dục đầu tiên và chính yếu của chúng¹¹. Vai trò giáo dục này quan trọng đến nỗi nếu thiếu sót thì khó lòng bỏ khuyết được. Thực vậy, chính cha mẹ có nhiệm vụ tạo cho gia đình một bầu khí thấm nhuần tình yêu cũng như lòng tôn kính đối với Thiên Chúa và tha nhân, để hỗ trợ việc giáo dục toàn diện cho con cái trong đời sống cá nhân, để hỗ trợ việc giáo dục toàn diện cho con cái trong đời sống cá nhân và xã hội. Do đó gia đình là trường học đầu tiên^{25*} dạy các đức tính xã hội cần thiết

^{23*} Định nghĩa vắn tắt và tuyệt diệu về những bổn phận của người Kitô hữu đối với những giá trị tự nhiên trong xã hội loài người.

⁹ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 36: AAS 57 (1965), trg 41t.

¹⁰ Xem CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Nhiệm Vụ Mục Vụ của các Giám Mục trong Giáo Hội, số 12-14.

^{24*} Tuyên ngôn nói về cha mẹ trước khi nói tới gia đình vì chính do những người thuộc gia đình mà Tuyên Ngôn chấp nhận quyền lợi và bổn phận là "những nhà giáo dục đầu tiên và chính thức". - Điều này khác với Thông Điệp Divini Illius Magistri nói nhiều về gia đình.

¹¹ Xem Piô XI, Tờ Divini Illius Magistri, n.v.t. trg 59t. Tờ Mit Brenender Sorge, 14-3-1937: AAS 29 (1937), trg 164t. - Piô XII, Huấn từ cho đại hội toàn quốc lần đầu tiên của Hiệp Hội Công Giáo các giáo chức Ý (A.I.M.C.), 18-9-1946: Discorsi e radiomessaggi VIII, trg 218.

^{25*} Thuở sơ khai gia đình cung cấp mọi sự cho con người. Nhưng về sau tín ngưỡng được dành cho tôn giáo, binh bị và tài phán được dành cho quốc gia, kinh tế được dành cho kỹ nghệ, gia đình chỉ còn lại có chức vụ giáo dục.

Nhưng chính ra chức vụ này lại bị hạn hẹp tùy thuộc vào khả năng giáo huấn của gia đình.

cho mọi đoàn thể. Nhưng đặc biệt trong gia đình Kitô giáo^{26*}, vì đã nhận ân sủng cũng như bốn phận của bí tích hôn phối, nên cha mẹ phải dạy dỗ con cái ngay từ nhỏ, để chúng nhận biết và thờ kính Thiên Chúa cùng yêu mến tha nhân theo đức tin chúng đã lãnh nhận khi chịu phép rửa tội. Chính tại nơi đây, con trẻ có kinh nghiệm đầu tiên về xã hội lành mạnh của nhân loại và về Giáo Hội. Sau hết nhờ gia đình, chúng được hướng dẫn dần dần vào cộng đoàn nhân loại cũng như vào Dân Thiên Chúa. Bởi vậy cha mẹ phải ý thức sâu xa tầm quan trọng của gia đình Kitô giáo đích thực trong đời sống và đà thăng tiến của chính dân Thiên Chúa¹².

Nhiệm vụ giáo dục trước hết thuộc về gia đình, nhưng cũng cần đến sự trợ giúp của toàn thể xã hội^{27*}. Thực vậy, ngoài những

Và lại, vì chức vụ này có tính cách bảo tồn hơn là biến đổi, hay vì chính nó đã quá lỗi thời, nên không đáp ứng được nhu cầu của cả thế giới hiện đại.

Vì phạm vi kinh nghiệm quá nhỏ hẹp đây những mãnh lực trái ngược đối chọi nhau, và người thanh niên thường chưa được sửa soạn lại giữ nhiệm vụ quá quan trọng, nên gia đình không duy trì được địa vị chính yếu như những thời xa xưa. Trẻ con không những chỉ thích nghi với sự vật, nhưng cả với những sản phẩm kỹ nghệ và những sinh vật chung quanh. Nó phản ứng lại bằng những cảm xúc sau này sẽ thành nhân cách của nó. Thật ra, nền giáo dục gia đình chính nó không phải là tất cả. Đứng hơn, nó cộng tác vào một công cuộc vượt quá tầm sức của nó.

^{26*} *Hầu như chỉ có gia đình Kitô giáo còn giữ được học thuyết chân chính về luân lý, xã hội, chính trị và tôn giáo. Các học thuyết đó thấm nhuần cuộc sống và gieo rắc ảnh hưởng của gia đình, giống như những thời sơ khai khi tôn giáo còn đi liền với thành thị và quốc gia, và nền giáo dục tôn giáo song song với nền giáo dục chính trị và gia đình.*

¹² *Xem CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 11 và 35: AAS 57 (1965), trg 16 và 40t.*

^{27*} *Trẻ con không được thuộc về gia đình nữa, nhưng thuộc về xã hội hoặc quốc gia. Đó là một kỳ vọng thái quá trái ngược hẳn với những đòi hỏi thiết định của chính lương tâm.*

Nếu quốc gia có giữ quyền kiểm soát thì đây là lý do: vì là cơ quan pháp luật tối cao, quốc gia có nhiệm vụ bảo đảm để mọi người được huấn luyện về tri thức, nghề nghiệp, luân lý và thiêng liêng cần thiết cho cuộc sống của họ.

quyền lợi của cha mẹ và của những người được cha mẹ ủy thác cho một phần công việc giáo dục, chắc chắn xã hội dân sự cũng còn có những quyền lợi và bổn phận vì xã hội dân sự có nhiệm vụ tổ chức những gì đem lại lợi ích chung trong phạm vi thể tục. Một trong những gì đem lại lợi ích chung trong phạm vi thể tục. Một trong những bổn phận của xã hội dân sự là đẩy mạnh công cuộc giáo dục giới trẻ bằng nhiều phương cách, như bảo vệ quyền lợi cha mẹ và những người góp phần vào việc giáo dục và phải giúp đỡ họ trong công tác đó. Theo nguyên tắc đồng trách nhiệm, khi cha mẹ và các đoàn thể khác thiếu sáng kiến, xã hội dân sự phải kiện toàn công việc giáo dục, nhưng cũng phải để ý đến nguyện vọng của cha mẹ. Ngoài ra còn phải thiết lập các trường ốc và cơ sở giáo dục riêng theo lợi ích chung đòi hỏi¹³.

Sau cùng với danh nghĩa đặc biệt, Giáo Hội có trách nhiệm giáo dục^{28*} không những vì Giáo Hội là xã hội trần gian, phải được thừa nhận có khả năng giáo dục^{29*}, nhưng nhất là vì Giáo Hội có nhiệm vụ loan truyền cho mọi người biết con đường cứu rỗi, cũng như thông ban sự sống Chúa Kitô cho các tín hữu và luôn

¹³ Xem Piô XI, *Tđ Divini Illius Magistri*, n.v.t. trg 63t. - Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh, 1-6-1941*: AAS 33 (1941), trg 200; *Huấn từ cho đại hội toàn quốc lần đầu tiên của Hiệp Hội Công Giáo các giáo chức Ý, 8-9-1946*: *Discorsi e Radiomessaggi VIII*, trg 218. - Về nguyên tắc đồng trách nhiệm, xem Gioan XXIII, *Tđ Pacem in Terris, 11-4-1963*: AAS 55 (1963), trg 294.

^{28*} Tất cả đoạn này đều lý luận về sứ mệnh giáo dục của Giáo Hội bắt nguồn từ bản tính xã hội nhân bản của mình và từ những quyền lợi của con người mà Giáo Hội có bổn phận phải thăng tiến. Giáo Hội lãnh trách nhiệm thiêng liêng đối với các con cái mình nơi Chúa Kitô.

^{29*} Giáo Hội cung cấp một phương tiện hết sức tốt đẹp để giáo dục con người. Giáo Hội xét tới con người toàn diện thuộc mọi nghề nghiệp và mọi lứa tuổi. Hơn nữa, Giáo Hội còn theo dõi con người qua các giai đoạn phát triển và cống hiến cho mỗi lứa tuổi những phương thế giáo dục thích hợp. Đối với trẻ thì có các tập quán và thần thoại. - Đối với những thanh niên thì có những bài học và sự nâng đỡ tuyệt hảo về luân lý. - Đối với những người trưởng thành thì có một thuyết mang lại những giải đáp cho mọi vấn đề của cuộc sống.

lo lắng giúp đỡ họ đạt tới sự viên mãn của đời sống ấy¹⁴. Bởi vậy như một Người Mẹ, Giáo Hội có nhiệm vụ bảo đảm cho con cái một nền giáo dục, đem tinh thần Chúa Kitô thấm nhuần đời sống chúng, nhưng đồng thời cũng cố võ mọi dân tộc phát triển sự hoàn thiện toàn vẹn của con người, phục vụ lợi ích của xã hội trần thế và xây dựng một thế giới nhân đạo hơn¹⁵.

4. Phương thế của nền giáo dục Kitô giáo. Để chu toàn nhiệm vụ giáo dục, Giáo Hội quan tâm đến tất cả các phương thế thích hợp, đặc biệt là những phương thế riêng của mình. Trước hết là việc giảng dạy giáo lý¹⁶ nhằm soi sáng và củng cố đức tin, nuôi dưỡng đời sống theo tinh thần Chúa Kitô, đưa đến việc ý thức và tham dự linh động vào mầu nhiệm phụng vụ¹⁷, khuyến khích hoạt động tông đồ. Nhưng Giáo Hội cũng tôn trọng và tìm cách đem tinh thần mình thấm nhuần và nâng cao những phương thế khác^{30*} thuộc di sản chung của nhân loại và góp phần lớn lao vào việc trau dồi tinh thần và đào luyện con người, như các phương tiện truyền thông xã hội¹⁸, các tổ chức có mục đích tập luyện tinh thần và thể xác, các phong trào thanh thiếu niên và nhất là các trường học.

¹⁴ Xem *Tđ Divini Illius Magistri*, n.v.t. trg 53t, 56t. - *Tđ Non abbiamo bisogno*, 29-6-1931: AAS 23 (1931), trg 311t, - *Piô XII*, *Thư của Quốc Vụ Khanh gửi cho tuần lễ xã hội Ý lần thứ XXVIII*, 20-9-1955: *L'Osservatore Romano*, 29-9-1955.

¹⁵ *Giáo Hội ca tụng các nhà cầm quyền dân sự địa phương, quốc gia và quốc tế ý thức những nhu cầu khẩn thiết của thời đại hiện nay, hết sức cố gắng để mọi dân tộc có thể tham dự vào việc giáo dục đầy đủ hơn và vào nền văn hóa của nhân loại.* Xem *Phaolô VI: Diễn văn trước Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc*, 4-10-1965: AAS 57 (1965), trg 877-885.

¹⁶ Xem *Piô XI*, *Tự sắc Orbem catholicum*, 29-6-1923: AAS 15 (1923), trg 327-329; *Sắc lệnh Provido Sane*, 12-1-1935: AAS 27 (1935), trg 145-152. - *CĐ Vat. II*, *Sắc lệnh về Nhiệm Vụ mục vụ của các Giám Mục trong Giáo Hội*, số 13 và 14.

¹⁷ Xem *CĐ Vat. II*, *Hiến chế về phụng vụ Thánh*, số 14: AAS 56 (1964), trg 104.

^{30*} Là những phương thế mà nền văn minh hiện đại sử dụng trong lãnh vực giáo huấn và lãnh vực truyền thông xã hội.

¹⁸ Xem *CĐ vat. II* *Sắc lệnh về các Phương Tiện Truyền Thông Xã Hội*, số 13 và 14: AAS 56 (1964), trg 149t.

5. Tầm quan trọng của học đường. Trong tất cả các phương tiện giáo dục, học đường^{31*} giữ một vai trò quan trọng đặc biệt¹⁹, vì học đường theo sứ mạng mình luôn lo lắng trau dồi các khả năng tinh thần, dẫn vào gia sản văn hóa mà các thế hệ trước đã thu lượm được, phát huy nhận thức về các giá trị, chuẩn bị đời sống nghề nghiệp, và khuyến khích niềm thông cảm lẫn nhau trong khi cố cố tình thân hữu cộng đoàn giữa những học sinh khác biệt về tâm linh và giai cấp. Hơn nữa học đường còn trở nên trung tâm hoạt động và tiến triển, tại đây cần đến sự tham dự của gia đình, thầy dạy, mọi đoàn thể có mục đích phát triển đời sống văn hóa, đời sống công dân và tôn giáo, cả chính quyền cũng như toàn thể cộng đoàn nhân loại.

Như thế, thực cao đẹp nhưng cũng thực nặng nề thiên chức của tất cả những ai giúp đỡ cha mẹ chu toàn nhiệm vụ của họ và thay thế cộng đoàn nhân loại nhận lãnh chức vụ giáo dục nơi học đường. Thiên chức này đòi phải có những tài năng đặc biệt về trí tuệ và tâm hồn, được chuẩn bị hết sức kỹ càng, với thái độ sẵn sàng canh tân và thích nghi không ngừng.

6. Nhiệm vụ và quyền lợi của cha mẹ. Nhiệm vụ và quyền lợi đầu tiên bất khả nhượng của cha mẹ là giáo dục con cái, nên họ phải được thực sự tự do trong việc lựa chọn trường học. Do đó, vì có bổn phận bảo vệ và bênh vực quyền tự do của công dân,

^{31*} Hiện nay học đường đã được xác định rõ trong vai trò tinh thần và xã hội. Thường thường người ta nói tới vai trò thứ nhất mà quên không nhấn mạnh đến vai trò thứ hai. Theo định nghĩa, nền giáo dục đích thực phải là giáo dục đại chúng, nghĩa là chuẩn bị tinh thần cho con người tham gia vào việc điều hành xã hội bằng sự chiếm hữu được các biểu tượng (biểu tượng về khoa học, kỹ thuật, lịch sử, chính trị, kinh tế, nghệ thuật, tôn giáo, tất cả một lời tất cả di sản văn hóa của nhân loại). Bí nhiệm của học đường chính là việc khơi sự tìm về những biểu tượng bao bọc tất cả những tình cảm cao quý của nhân loại, để nhờ đó các đòi hỏi của tinh thần thật sự được thành hình.

¹⁹ Xem Piô XI, *Tử Divini Illius Magistri*, n.v.t. trg 76. - Piô XII, *Huấn từ cho Hiệp Hội Giáo Chức Công Giáo Bavaria, 31-12-1956: Discorsi e Radiomessaggi XVIII*, trg 746.

chính quyền khi chú tâm đến công bằng phân phối^{32*} phải lo phân chia những ngân khoản tài trợ chung sao cho cha mẹ có thể được thực sự tự do lựa chọn trường học cho con cái theo lương tâm mình²⁰.

Ngoài ra chính quyền còn có bốn phận lo liệu cho mọi công dân được tham dự thực sự vào nền văn hóa và được huấn luyện thích đáng để thi hành nhiệm vụ và quyền lợi công dân. Bởi thế chính quyền phải bảo đảm cho thanh thiếu niên được hưởng một nền giáo dục học đường đầy đủ, phải quan tâm đến khả năng của nhà giáo và trình độ học vấn của học sinh cũng như phải chăm sóc đến cả sức khỏe của chúng. Như thế chính quyền phải phát triển toàn diện học chế, nhưng đừng quên nguyên tắc đồng trách nhiệm. Do đó phải loại trừ mọi chế độ độc quyền học hiệu^{33*}, vì tất cả mọi chế độ độc quyền thuộc loại này đều trái với quyền tự nhiên của con người, cản trở sự tiến bộ và việc phổ biến văn hóa, làm tan loãng bầu khí thuận hòa giữa các công dân và nghịch với thuyết đa dạng^{34*} mà ngày nay đang thịnh hành tại nhiều cộng đoàn²¹.

^{32*} *Tuyên Ngôn không đi ngược lại nguyên tắc ưu tiên về quyền hạn của quốc gia trong việc giáo dục. Tuyên Ngôn chỉ đòi hỏi sự công bằng phân phối theo quyền của con người và của người công dân.*

²⁰ Xem *CĐ Giáo Tỉnh Cincinnati III*, năm 1961: *Collectio Lacensis III*, cột 1240, c/d. - *Piô XI, Tđ Divini Illius Magistri*, n.v.t. trg 60, 63t.

^{33*} *Nguyên tắc giữ độc quyền các học đường là: quốc gia là cơ quan của ý chỉ tập thể và nguyên khởi của nhân loại, quốc gia có sứ mệnh đảm bảo vận mệnh ghi sẵn trong hiến pháp dân tộc. Mục đích của quốc gia là gây được sự thuận nhất rõ rệt trong các tâm thức, tình cảm, ý kiến và khát vọng của toàn tập thể. Do đó, giáo dục có mục đích tạo nên một thứ quần chúng trong đó cá nhân bị đồng hóa và bị tiêu diệt. Đó là sự chối bỏ các quyền lợi của con người.*

^{34*} *Để các sáng kiến muốn thí nghiệm những điều ham thích được tự do phát triển, và nhờ những kinh nghiệm đó, tất cả tập thể thêm phong phú.*

²¹ Xem *Piô XI, Tđ. Divini Illius Magistri*, n.v.t. trg 63. - *Tđ. Non abbiamo bisogno*, 29-6-1963: AAS 91931), trg 305. - *Piô XII, Thư của Quốc vụ khanh gửi cho tuần lễ xã hội lần thứ XVIII tại Ý*, 20-9-1955: *L'Osservatore Romano*, 29-9-1955. - *Phaolô VI, Huấn từ cho Hiệp Hội thợ thuyền Kitô giáo Ý (A.C.L.I.)*, 6-10-1963: *Encicliche e Discorsi di Paolo VI, I*, Roma 1964, trg 230.

Do đó, Thánh Công Đồng khuyến khích các Kitô hữu hãy tự động góp phần vào việc khám phá những phương pháp giáo dục thích hợp, cách tổ chức việc học hành và góp phần vào việc đào tạo các giáo chức có khả năng giáo dục thanh thiếu niên một cách đúng đắn bằng cách hỗ trợ họ, và nhất là qua các hội phụ huynh học sinh, phải theo dõi và nâng đỡ mọi công việc của nhà trường, đặc biệt việc giáo dục luân lý được giảng dạy nơi đó²².

7. Giáo dục luân lý và tôn giáo nơi học đường. Hơn nữa, ý thức sâu xa nhiệm vụ vô cùng quan trọng là phải ân cần lo lắng giáo dục mọi con cái mình về phương diện luân lý và tôn giáo. Giáo Hội, bằng tấm lòng ưu ái và trợ giúp đặc biệt cần phải hiện diện cho biết bao thanh thiếu niên đang được đào luyện trong các trường không công giáo^{35*}. Sự hiện diện ấy được cụ thể hóa qua chứng từ đời sống của người giảng dạy và hướng dẫn chúng, qua việc tông đồ của các bạn học²³, và nhất là qua lời giảng dạy giáo lý cứu rỗi của những linh mục và giáo dân có trách nhiệm bằng những phương pháp thích hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh, cùng với việc giúp đỡ thiêng liêng bằng mọi sáng kiến thích nghi theo điều kiện thời gian và sự việc.

²² Xem Gioan XXIII, *Sứ điệp kỷ niệm 30 năm ban hành Tđ. Divini Illius Magistri*, 30-12-1959: AAS 52 (1960), trg 57.

^{35*} Chúng ta hãy so sánh đoạn này với khoản 1374 trong giáo luật: "Trừ những trường hợp vi phạm đã được biện minh, các thanh thiếu niên công giáo không được theo học những trường không công giáo, trung lập, hoặc không phân biệt tôn giáo". Tuyên Ngôn này của Công Đồng đã tiến bộ biết bao khi nhìn nhận sự hiện diện của các trẻ em công giáo nơi những học đường không công giáo như là một điều tự nhiên, vì vấn đề là cha mẹ các trẻ em đó phải giúp đỡ vào để có một nền giáo dục Kitô giáo. Vì thế "sự va chạm giữa Giáo Hội và thế giới ngoài Kitô giáo ngày nay không còn độc hại như 50 năm trước đây nữa. Riêng phần Giáo Hội, Giáo Hội đã chú ý nhiều hơn tới những nhu cầu của những người chưa biết Phúc Âm. Công Đồng đã cố ý đặt mình vào đúng trào lưu các đòi hỏi khẩn thiết của thế giới ngày nay" (Edmond Vandermeersch SJ.).

²³ Giáo Hội rất quý trọng hoạt động tông đồ do các giáo sư và học sinh công giáo có thể thực hiện được trong lãnh vực học đường.

Giáo Hội cũng nhắc nhở cho cha mẹ nhiệm vụ quan trọng có hữu của họ là phải lo liệu mọi sự và đòi hỏi sao cho con cái họ có thể hưởng nhờ những trợ giúp ấy và được tấn tới trong việc giáo dục theo tinh thần Kitô giáo và ăn nhịp với giáo huấn trần thế.

Ngoài ra Giáo Hội còn ca ngợi những cơ quan cũng như các đoàn thể dân sự nào chủ trương thuyết đa dạng trong xã hội hiện nay và chú tâm đến quyền tự do tôn giáo, giúp đỡ các gia đình để việc giáo dục con cái nơi học đường được phù hợp với các nguyên tắc luân lý và tôn giáo riêng của gia đình họ²⁴.

8. Trường Công Giáo. Giáo Hội hiện diện đặc biệt trong lãnh vực học đường qua trường công giáo^{36*}. Thực ra trường công giáo cũng theo đuổi những mục tiêu văn hóa và giáo dục nhân bản cho thanh thiếu niên không kém gì các trường khác. Điều riêng biệt của trường công giáo là có sứ mệnh tạo cho môi trường học đường một bầu khí^{37*} sống động, thấm nhuần tự do và bác ái theo tinh thần Phúc Âm, giúp thanh thiếu niên phát triển nhân cách mình đồng thời làm phát triển con người mới đã được thành hình khi chịu phép rửa tội. Sau cùng, trường công giáo còn phải hướng nền văn hóa chung của nhân loại vào việc loan truyền ơn cứu rỗi rồi để cho các học sinh dần dần nhận thức về thế giới, cuộc đời và con người nhờ ánh sáng đức tin soi chiếu²⁵. Như thế trong khi mở cửa tiếp nhận đúng mức

²⁴ Xem Piô XII, Huấn từ cho Hiệp Hội Công Giáo Bavaria, 31-12-1956: *Discorsi e Radiomessaggi XVIII*, trg 745t.

^{36*} Trường học công giáo không cần phải thành công nhiều về kinh tài hay số lượng, nhưng cần đầy đủ dụng cụ nhất, hợp thời nhất xét về các phương pháp giáo dục và giáo huấn.

^{37*} Công giáo tiến hành như men trong bột, phải len lỏi vào các trường học này. Ngay cả ở Việt Nam cũng thế. Thời xưa, chỉ một "nhóm nhỏ" tín hữu mà đã làm sống động cả một khối đông đảo chưa nhận biết Thiên Chúa và đã chinh phục họ trở về với Ngài.

²⁵ Xem CE Giáo tỉnh Westminster I, năm 1852: *Collestio Lacensis III*, cột 1334, 1/b. - Piô XI, *Tđ Divini Illius Magistri*, n.v.t. trg 77t. - Piô XII, Huấn từ cho Hiệp

những điều kiện của thời đại đương tiền bộ, trường công giáo huấn luyện học sinh biết mưu cầu lợi ích cho xã hội trần gian một cách hữu hiệu, và chuẩn bị cho chúng biết phục vụ để mở mang Nước Chúa. Do đó, nhờ sống đời gương mẫu và tông đồ, chúng trở nên như men cứu rỗi cho cộng đoàn nhân loại.

Thực vậy, trường công giáo còn giữ một vai trò rất quan trọng trong hoàn cảnh chúng ta đang sống, vì có khả năng góp phần lớn lao trong việc chu toàn sứ mệnh của Dân Thiên Chúa và giúp cuộc đối thoại^{38*} giữa Giáo Hội và cộng đoàn nhân loại nhằm đạt tới lợi ích cho cả đôi bên. Vì thế Thánh Công Đồng tuyên bố một lần nữa rằng Giáo Hội có quyền thiết lập và điều khiển các trường thuộc các cấp và các ngành, như Quyền Giáo Huấn đã xác nhận qua nhiều văn kiện²⁶. Công Đồng cũng nhắc lại rằng việc thi hành quyền lợi này sẽ đóng góp nhiều cho việc bảo đảm tự do lương tâm và những quyền lợi của cha mẹ cũng như sự tiên bộ của nền văn hóa^{39*}.

Tuy nhiên các nhà giáo nên nhớ rằng họ là những nhân vật chính giúp cho trường công giáo thực hiện được những chương

Hội Giáo Chức Công Giáo Bavaria 31-12-1956: Discorsi e Radiomessaggi XVIII, trg 746. - Phaolô VI, Huấn từ cho các Hội viên F.I.D.A.E. (Federazione Istituti Dipendenti dall'Autorità Ecclesiastica), 30-12-1963: Encicliche e Discorsi di Paolo VI, I, Roma 1964, trg 602t.

^{38*} Là nhịp cầu giao kết giữa Giáo Hội và xã hội trần thế, học đường Kitô giáo thể hiện sự hòa hợp giữa khoa học và tôn giáo.

²⁶ Xem đặc biệt là các tài liệu trong ghi chú 1; hơn nữa, quyền lợi này của Giáo Hội đã được nhiều Công Đồng giáo tỉnh, cũng như những tuyên ngôn mới nhất được nhiều Hội Đồng Giám Mục công bố.

^{39*} Những chú giải ở trên đã minh chứng đầy đủ lời quả quyết này.

trình và sáng kiến của mình²⁷. Vậy họ phải được chuẩn bị^{40*} hết sức chu đáo để lãnh hội những kiến thức đạo đời, được chứng thực do những văn bằng tương xứng, cũng như phương thức giáo dục phù hợp với những phát minh của thời đại tiên bộ. Các nhà giáo dục, nhờ liên kết với các bạn đồng nghiệp và với các học sinh trong tinh bác ái và thâm nhiệm tinh thần tông đồ, sẽ làm chứng cho một vị Thầy duy nhất là Chúa Kitô bằng đời sống cũng như bằng lời giảng dạy. Hãy cộng tác với nhau, nhất là với các bậc phụ huynh, và trong suốt thời gian giáo huấn, hãy cùng với họ quan tâm đúng mức đến sự khác biệt phái tính^{41*} và mục đích riêng của cả hai phái trong gia đình cũng như ngoài xã hội do Chúa Quan Phòng đã đặt định. Hãy cố gắng khuyến khích học sinh làm việc riêng^{42*}, và khi thời gian học tập chấm dứt, hãy tiếp tục liên lạc với chúng bằng những ý kiến xây dựng, tinh thần hữu và bằng việc thành lập các hiệp hội theo đúng tinh thần của Giáo Hội. Thánh Công Đồng cũng tuyên bố rằng chức vụ của nhà giáo là một hoạt

²⁷ Xem Piô XI, Tđ. *Divini Illius Magistri*, n.v.t. trg 80t. - Piô XII, Huấn từ cho Hiệp Hội Giáo Chức Công Giáo trung học Ý (U.C.I.I.M.), 5-1-1944: *Discorsi e Radiomessaggi XV*, trg 551-556. - Gioan XXIII, Huấn từ cho đại hội Hiệp Hội Công Giáo các Giáo Chừa Ý (A.I.M.C.) lần VI, ngày 5-9-1959: *Discorsi , Messaggi, Colloqui, I*, Roma 1960, trg 427-431.

^{40*} Việc chuẩn bị các nhà giáo dục chính là nền tảng cho nền văn hóa nhân bản. Sự chuẩn bị đó khởi sự từ cấp sơ học, nhưng nhất là ở bậc trung học với những phát minh khoa học, luân lý và thẩm mỹ bảo đảm cho họ một kiến thức phổ quát giúp vào việc giải phóng tâm trí. Sau đó việc huấn luyện về tâm lý sư phạm sẽ giúp họ nhạy cảm trước những vấn đề mà họ sẽ gặp phải trong sứ mạng dẫn dắt thanh thiếu niên. Sau cùng, sự đào tạo luân lý và tôn giáo sẽ giúp họ thấy rõ lý tưởng siêu nhiên của con người mà những tâm hồn được họ dìu dắt phải theo đó mà sống.

^{41*} Nam tính và nữ tính khác nhau và bổ túc cho nhau. Nghĩa là chúng đòi hỏi phải có những hoàn cảnh riêng biệt để sinh trưởng và phát triển, nhưng đồng thời chúng cũng ảnh hưởng lẫn nhau một cách tốt đẹp. Tuy nhiên, nếu muốn xét tới một nền giáo dục hỗn hợp cho cả hai phái, ta phải để ý tới tình trạng đại cương về phong tục cũng như phải lưu ý tới tâm tình của mỗi dân tộc.

^{42*} Đây là đặc điểm của những phương pháp năng động hiện đại.

động tông đồ đích thực, rất thích hợp và cần thiết cho thời đại chúng ta, đồng thời là một phục vụ chính đáng cho xã hội. Công Đồng còn nhắc nhở cho cha mẹ công giáo bổn phận ký thác con em vào các trường công giáo nếu hoàn cảnh thời gian và nơi chốn cho phép. Phải tùy khả năng nâng đỡ và hợp tác với các trường ấy để mưu cầu lợi ích cho con em mình²⁸.

9. Các loại trường Công Giáo. Tất cả các trường tùy thuộc Giáo Hội bằng bất cứ cách nào phải phù hợp với hình ảnh của trường công giáo trên theo khả năng mình, dù có thể mang những hình thức khác nhau tùy hoàn cảnh địa phương²⁹. Hội Thánh rất khen ngợi những trường công giáo hầu nhận cả những học sinh không công giáo, nhất là ở những miền thuộc các Giáo Hội tân lập.

Ngoài ra, khi thiết lập và điều hành các trường công giáo, cần phải để ý đến những nhu cầu của thời tân tiến. Vì thế, trong khi quan tâm đến các trường tiểu học và trung học là nền tảng của việc giáo dục, người ta cũng phải chú trọng tới những trường do hoàn cảnh hiện tại đòi hỏi, chẳng hạn những trường chuyên nghiệp³⁰ và kỹ thuật^{43*}, những viện giáo huấn cho lứa tuổi trưởng thành, cô võ công tác cứu trợ xã hội, và cả những nhà dành cho những người vì tàn tật cần được chăm sóc đặc biệt, những trường sư phạm đào luyện giáo chức vừa về việc dạy giáo lý, vừa về những hình thức giáo dục khác.

²⁸ Xem Piô XII, *Huấn từ Hiệp Hội Giáo Chức Công Giáo trung học Ý (U.C.I.I.M.)*, 5-1-1954, n.v.t. trg 555.

²⁹ Xem Phaolô VI, *Huấn từ cho Cơ Quan Quốc Tế Giáo Dục Công Giáo (O.I.E.C.)*, 25-2-1964: *Encicliche e Discorsi di Paolo VI, II*, Roma 1964, trg 232.

³⁰ Xem Phaolô VI, *Huấn từ cho Hiệp Hội Công Giáo các Thợ Thuyền Ý (A.C.I.I.)*, 6-10-1963: *Encicliche e Discorsi di Paolo VI, I*, Roma 1964, trg 229.

^{43*} *Lập ra nhiều loại trường là để khai thác tới đa những khả năng cá nhân và nhằm tới sự điều hòa các tiềm năng của con người trong quốc gia. Đây là một trong những đặc tính của nền văn minh hiện đại, không muốn để một tài nguyên nào của quốc gia bị uổng phí.*

Thánh Công Đồng ân cần nhắc nhở các Chủ Chăn của Giáo Hội cũng như mọi Kitô hữu đừng quản ngại hy sinh giúp đỡ các trường công giáo chu toàn bốn phận ngày càng hoàn hảo hơn, và nhất là quan tâm đến nhu cầu của những người thiếu thốn phương tiện vật chất, thiếu tình thương, thiếu sự nâng đỡ của gia đình hoặc còn xa lạ với đức tin.

10. Phân khoa và đại học Công Giáo. Giáo Hội cũng đặc biệt quan tâm đến những trường Cao Đẳng, nhất là những viện Đại Học và Phân Khoa^{44*}. Hơn nữa, đối với các trường hợp thuộc quyền, Giáo Hội ước mong tổ chức sao cho mỗi môn được nghiên cứu tường tận theo những nguyên tắc riêng, phương pháp riêng và quyền tự do riêng của việc nghiên cứu khoa học, để hiểu các môn học ấy ngày càng sâu xa hơn, Và để một khi đã tìm hiểu thấu đáo những vấn đề mới mẻ, cũng như các công cuộc tìm tòi của thời đại đang tiến bộ, đồng thời theo đường lối của các vị Tiến Sĩ Giáo Hội, nhất là thánh Tôma thành Aquina, người ta sẽ nhận thức sâu xa hơn đức tin và lý trí cùng quy hướng về một mục đích duy nhất³¹. Như thế, tinh thần Kitô giáo sẽ hiện diện một cách công khai, vững mạnh và phổ quát trong mọi nỗ lực đưa đến một nền văn hóa sâu xa hơn, và các học viên xuất thân từ những trường ấy sẽ là những người có kiến thức vững chắc thực sự, sẵn sàng đảm nhận mọi trọng trách trong xã hội và trở nên nhân chứng đức tin nơi trần thế³².

^{44*} Đây là một đoạn văn tuyệt diệu xác định vai trò giáo huấn cao đẳng của công giáo.

³¹ Xem Phaolô VI, Huấn từ cho Đại Hội Quốc Tế lần thứ VI về thuyết Tôma, 10-9-1965: AAS 57 (1965), trg 788-792.

³² Xem Piô XII, Huấn từ cho giáo chức và sinh viên các trường cao đẳng Công Giáo Pháp, 21-9-1950: Discorsie Radiomessaggi XII, trg 219-221; - Thư gởi đại hội "Pax Romana" lần thứ XXII, 12-8-1952: Discorsi e Radiomessaggi XIV, trg 567-569. - Gioan XXIII, Huấn từ cho Liên Viện Đại Học Công Giáo, 1-4-1959: Discorsi, Messaggi, Colloqui, I, Roma 1960, trg 226-229; - Phaolô VI, Huấn từ cho hội đồng giáo sư Đại Học Công Giáo Milan, 5-4-1964: Encicliche e Discorsi di Paolo VI, Roma 1964, trg 438-443.

Tại các Đại Học Công Giáo không có Phân Khoa Thần Học,^{45*} nên thành lập một Viện hay một giảng đường thần học^{46*} để các sinh viên giáo dân cũng có thể lĩnh hội những bài giảng huấn thích hợp. Các khoa học sở dĩ tiến bộ được là nhờ ở các cuộc khảo cứu chuyên biệt có giá trị khoa học cao độ, nên các Đại Học và các Phân Khoa Công Giáo phải hết sức nâng đỡ các tổ chức nào có mục đích chính yếu là xúc tiến công cuộc khảo cứu khoa học.

Thánh Công Đồng tha thiết khuyên nhủ các Viện Đại Học và các Phân Khoa Công Giáo đã được phân phối thích đáng tại các phần đất khác nhau trên hoàn cầu, phải phát triển làm sao để nổi tiếng không phải nhờ số lượng mà nhờ ở phẩm chất của giáo huấn. Phải dễ dãi trong việc thu nhận những sinh viên có nhiều triển vọng dù họ thuộc thành phần kém may mắn, nhất là những người đến từ các quốc gia mới thành lập.

Vì tương lai của xã hội và của chính Giáo Hội liên kết mật thiết với sự tiến bộ của các thanh niên đang hấp thụ nền học vấn cao đẳng³³, nên các Vị Chủ Chăn trong Giáo Hội không những chỉ săn sóc đến đời sống thiêng liêng, mà còn phải chăm lo việc giáo dục tinh thần cho hết mọi sinh viên con cái mình học tại các Đại Học Công Giáo. Vì thế, sau khi tùy hoàn cảnh tham khảo ý kiến các Giám Mục, các ngài hãy lo liệu thiết lập tại các Viện Đại Học không Công Giáo những cư xá và trung tâm Đại Học Công Giáo. Ở đó, những linh mục, tu sĩ và giáo dân được tuyển chọn và huấn luyện kỹ càng, sẽ thường xuyên giúp đỡ

^{45*} Một trong những mục đích của các phân khoa thần học là lưu truyền mãi mãi và cổ võ tư tưởng công giáo trong thế giới bằng cách hướng dẫn luồng suy tư Kitô giáo.

^{46*} Đó là điều kiện tối thiểu, vì nếu không được như vậy, các đại học Công Giáo cũng chỉ giống như những đại học thông thường vì chỉ lo lắng tới những việc trần gian.

³³ Xem Piô XII, Huấn từ cho Hội Đồng Giáo Sư và các sinh viên Đại Học Roma, 15-6-1952: *Discorsi e Radiomessaggi XIV*, trg 208: "Hướng đi của xã hội ngày mai trước hết căn cứ trên não trạng và tâm thức của các Đại Học hiện nay".

thanh niên đại học về phương diện tinh thần và trí tuệ. Các ngài cũng nên đặc biệt quan tâm và khuyến khích những thanh niên ưu tú trong các Đại Học Công Giáo cũng như các Đại Học khác để họ bước vào nghề giáo nếu thấy họ có khả năng giảng huấn và nghiên cứu.

11. Phân khoa dạy các môn học thánh. Giáo Hội đặt kỳ vọng vào hoạt động của các phân khoa dạy các môn học thánh³⁴. Vì thế, Giáo Hội ủy thác cho các phân khoa ấy một nhiệm vụ vô cùng quan trọng là chuẩn bị sinh viên của mình, không những để họ tiến tới chức linh mục, nhưng nhất là để họ hoặc giảng dạy tại các ghế giáo sư cao đẳng của Giáo Hội, hoặc cải tiến các môn học nhờ việc nghiên cứu cá nhân hay để họ nhận lãnh những phần việc khó khăn hơn trong nhiệm vụ tông đồ cho giới trí thức. Các phân khoa ấy cũng có nhiệm vụ khảo cứu sâu xa mọi ngành khác nhau của các môn học thánh để mỗi ngày một thấu hiểu tường tận hơn Mạc Khải Thánh, mở rộng hơn di sản khôn ngoan Kitô giáo do các bậc tiền nhân truyền lại, phát động cuộc đối thoại với các anh em ly khai, với các người ngoài Kitô giáo, và sau hết để giải đáp những vấn đề do sự tiến bộ của các học thuyết đặt ra³⁵.

Vì thế, các Phân Khoa Giáo Hội phải lo tu chỉnh những điều lệ cho hợp thời để phát triển mạnh mẽ các khoa học thánh và những khoa học liên hệ. Phải sử dụng những phương pháp và phương tiện tân tiến để hướng các sinh viên đến những cuộc khảo cứu sâu rộng hơn.

³⁴ Xem Piô XI, *Tông hiến Deus Scientiarum Dominus*, 24-5-1931: AAS 23 (1931), trg 245-247.

³⁵ Xem Piô XII, *Tđ Humani Generis*, 12-8-1950: AAS (1950), trg 568t, 578. - Phaolô VI, *Tđ Ecclesiam suam, phần III*, 6-8-1964: AAS 56 (1964), trg 637-659. - *CD Vat. II, Sắc lệnh về Hiệp Nhất*: AAS 57, trg 90-107.

12. Hợp tác trong lãnh vực giáo dục. Sự cộng tác^{47*} ngày một khẩn thiết và đang được củng cố trong phạm vi giáo phận, quốc gia và quốc tế cũng rất cần thiết trong lãnh vực học đường. Vì thế, bằng mọi cách, phải lo liệu thế nào việc hợp tác giữa các trường công giáo với nhau được thuận lợi, đồng thời vì ích lợi chung của cộng đồng nhân loại đòi hỏi, phải đẩy mạnh việc hợp tác giữa chính các trường công giáo với các trường khác³⁶.

Càng liên kết và cộng tác chặt chẽ với nhau, nhất là ở bậc Đại Học, càng thu lượm được nhiều kết quả. Vì thế trong mỗi Đại Học, các Phân Khoa phải hợp tác với nhau, tùy theo mục tiêu cho phép. Chính các Đại Học cũng phải liên kết hỗ tương hành động, đồng thời cổ võ những cuộc họp mặt quốc tế, phân phối với nhau việc nghiên cứu khoa học, thông báo cho nhau những phát minh, trao đổi với nhau các giáo sư trong một thời gian nào đó và phát huy những gì mang lại việc hỗ trợ lớn lao hơn.

Kết luận. Thánh Công Đồng tha thiết khuyên nhủ các thanh niên hãy ý thức nhiệm vụ cao cả của việc giáo dục, hãy sẵn sàng nhận lãnh nhiệm vụ này với tâm hồn quảng đại, nhất là tại những miền nào việc giáo dục thanh niên đang bị lâm nguy vì thiếu thầy dạy.

Thánh Công Đồng tỏ lòng biết ơn sâu xa đối với các linh mục, tu sĩ nam nữ và giáo dân, đã tự hiến theo tinh thần Phúc Âm dẫn thân vào công cuộc trọng đại này là giáo dục trong các trường thuộc mọi cấp và mọi ngành. Đồng thời khuyến khích họ hãy quảng đại và kiên tâm trong bổn phận đã lãnh nhận, nỗ lực vươn lên trong việc đào luyện học sinh thấm nhuần tinh

^{47*} Sự phối trí học đường ngày nay được cụ thể hóa đặc biệt chính là nhờ Cơ Quan Giáo Dục, Khoa Học và Văn Hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO). Tất cả các nền văn minh và các lý thuyết đều gặp gỡ nhau tại đó, qua việc cộng tác quốc tế rất phong phú và dễ dàng; người ta thi đua nhau trong mọi lãnh vực: vật chất và chính trị, luân lý và tinh thần nhằm nâng cao mọi chủng tộc.

³⁶ Xem Gioan XXIII, *Tđ Pacem in Terris*, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 248 và các đoạn khác.

thần của Chúa Kitô, trong khoa sự phạm và trong việc trau dồi kiến thức, để họ không những đẩy mạnh cuộc canh tân bên trong Giáo Hội mà còn duy trì và phát huy thêm sự hiện diện hữu ích của Giáo Hội trong thế giới ngày nay nhất là trong giới trí thức.

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Tuyên Ngôn này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 28 tháng 10 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Khóa VII Ngày 28 tháng 10 Năm 1965

Tuyên Ngôn
về liên lạc của Giáo Hội với các
Tôn Giáo ngoài Kitô Giáo
Nostra Aetate

Lời Giới Thiệu

1. Soạn thảo Tuyên Ngôn

Danh từ "các tôn giáo ngoài Kitô giáo" trước hết bao hàm Do Thái giáo và Hồi giáo. Hai tôn giáo này dù không chấp nhận thiên tính của Chúa Kitô và mâu nhiệm Ba Ngôi, nhưng vẫn tôn thờ Thiên Chúa một cách chân chính. Danh từ trên còn ám chỉ các tôn giáo ở Á Châu và Phi Châu như Phật giáo và Ấn giáo... cũng như tất cả các hình thức tôn giáo khác.

Lúc đầu Công Đồng chỉ muốn thêm một chương vào Sắc Lệnh về Hiệp Nhất để nói lên lòng ưu ái của Giáo Hội đối với dân Do Thái, nhất là vì những cuộc bách hại bất công trước kia mà họ là nạn nhân. Trong diễn văn khai mạc tháng 9 năm 1963, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã minh nhiên biểu lộ mối thiện cảm của Giáo Hội đối với dân Do Thái và được cụ thể hóa bằng chuyến công du của ngài qua Thánh Địa vào tháng Giêng năm 1964. Sau đó, mối thiện cảm trên lan rộng đến Hồi giáo và tất cả những hình thức tôn giáo khác: ngày 17-3-1964 Đức Giáo Hoàng đã thiết lập một văn phòng đặc trách các vấn đề có liên quan đến những tôn giáo ngoài Kitô giáo. Rồi trong Thông điệp Ecclesiam Suam (6-8-1964) Đức Thánh Cha còn biểu lộ lòng ao ước của Giáo Hội muốn đối thoại với các tôn giáo ngoài Kitô giáo, một cuộc đối thoại không che đậy chân lý. Trong Hiến Chế tín lý về Giáo Hội công bố ngày 21-11-1964, số 16, Công Đồng đã manh nha một giáo thuyết sẽ được diễn tả cách

tỉ mỉ trong Tuyên Ngôn về các tôn giáo ngoài Kitô giáo và được các Nghị Phụ phê bình ngày 15-10-1965 và công bố ngày 28-10-1965 một ít lâu trước khi Công Đồng bế mạc ngày 8-12-1965.

2. Tầm quan trọng của Tuyên Ngôn

Bản Tuyên Ngôn này là tài liệu ngắn nhất trong các văn kiện Công Đồng Vaticanô II công bố, nhưng không phải vì thế bản Tuyên Ngôn kém quan trọng. Ngày 18-11-1964, Đức Hồng Y Bea đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng đó như sau: "Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Giáo Hội, một Công Đồng đã long trọng trình bày các nguyên tắc liên hệ đến các tôn giáo ngoài Kitô giáo... Đây là vấn đề của hơn một tỷ người chưa biết hay không nhìn nhận Chúa Kitô và công trình cứu rỗi của Người".

Trong thế giới văn minh ngày nay có hai thái cực rất dễ nhận thấy ngay cả nơi các Kitô hữu: có người quan niệm rằng các tôn giáo ngoài Kitô giáo là đối lập với Kitô giáo nên phải bài bác; trái lại có kẻ chủ trương khuynh hướng hỗn hợp tôn giáo quan niệm rằng mọi tôn giáo đều là những con đường cứu rỗi. Qua Tuyên Ngôn này, Giáo Hội minh định rằng tất cả các dân tộc làm thành một cộng đoàn duy nhất (số 1). Giáo Hội công nhận những giá trị luân lý và tôn giáo của các tôn giáo ngoài Kitô giáo. Giáo Hội chắc chắn rằng tất cả những ai không vì lỗi riêng mình đã không tiếp nhận Phúc Âm Chúa Kitô và đang tìm kiếm Chúa với một lòng chân thành đều liên kết với dân duy nhất của Chúa bằng nhiều cách (GH 16).

Quý trọng các tôn giáo ngoài Kitô giáo và ao ước thiết lập những tiếp xúc huynh đệ như thế, không làm suy giảm sứ mạng chính yếu của Giáo Hội là loan báo cho mọi người được biết Chúa Kitô là nguồn cứu rỗi chân thật. "Giáo Hội rao giảng và có bổn phận phải kiên trì rao giảng Chúa Kitô, Đấng là "đường, sự thật và sự sống" (Gio 14,6), nơi Người con người tìm thấy

đời sống tôn giáo sung mãn và nhờ Người Thiên Chúa giao hòa mọi sự với mình" (số 2).

3. Nội dung của Tuyên Ngôn

Bản Tuyên Ngôn này không phải là một bài khảo luận, cũng không nhằm diễn tả các tôn giáo ngoài Kitô giáo, càng không phải là một so sánh Kitô giáo với các tôn giáo. Tuyên Ngôn không phân biệt giữa các hình thức và giáo phái của mỗi tôn giáo, như Phật giáo hay Ấn giáo. Có rất nhiều hình thức tôn giáo khác được quy tụ trong danh từ "các tôn giáo khác". Tuy dù trong thời đại chúng ta có những khuynh hướng vô thần, nhưng giữa lòng các tôn giáo đó Công Đồng đặt tất cả quan tâm đến một số đông người chân thành tìm kiếm chân lý trong tôn giáo của họ theo ánh sáng họ nhận lãnh.

Tuyên Ngôn chia ra 5 tiết mục: phần mở đầu và đoạn kết nêu lên những nguyên tắc tổng quát; tiết mục 2, 3, và 4 tuần tự đề cập đến các tôn giáo khác.

(1) Phần Mở Đầu

Giáo Hội muốn cổ võ tinh thần hiệp nhất và tình bác ái giữa loài người. Giáo Hội muốn xét đến không phải những gì chia rẽ nhưng những gì hiệp nhất. Mọi người đều có nguồn gốc nơi Thiên Chúa. Họ tự nêu lên những câu hỏi về nguồn gốc, về những hoàn cảnh sống và mục đích tối hậu của họ. Tiết mục này có thể so sánh với số 3 trong Hiến Chế mục vụ, ở đó Công Đồng cũng diễn tả nỗi khắc khoải của mọi người và niềm ao ước của Giáo Hội muốn cổ võ tinh thần nhất, tiếp tục công trình của Chúa Kitô Đấng đã đến để cứu rỗi chứ không phải để kết án, để phục vụ chứ không phải để được phục vụ.

(2) Những Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo

Hai Tôn Giáo lớn, Phật giáo và Ấn giáo, liên quan mật thiết với đà tiến triển văn hóa, bao hàm nhiều yếu tố như những động lực thúc đẩy những người theo hai tôn giáo đó và các tôn giáo

khác để họ tìm cách thỏa mãn một tâm tình sâu xa về tôn giáo mà tất cả đều cảm thấy; đôi khi nhờ vậy, họ còn nhận ra có Đấng Chí Tôn. Giáo Hội không phủ nhận những gì chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo đó, nơi đó đôi khi cũng bao hàm một tia sáng chân lý. Tuy nhiên, Giáo Hội muốn loan báo Chúa Kitô (xem ở trên) và khuyến khích giáo dân thực hiện một cuộc đối thoại với những người ngoài Kitô giáo, đồng thời cộng tác với những người theo tôn giáo khác, nhưng phải biểu dương đức tin chân chính bằng gương sáng đời sống Kitô hữu của mình.

(3) Hồi Giáo

Đây là lần đầu tiên trong Giáo Hội, qua một vài dòng văn tắt, Công Đồng ghi lại tất cả những gì có tính cách tích cực trong Hồi giáo: sự thờ phượng Thiên Chúa Tạo Hóa, thái độ tuân phục ý định Thiên Chúa của các tín hữu, lời cầu nguyện và việc sám hối của họ, lòng tin tưởng vào Abraham. Dù không chấp nhận thiên tính của Chúa Giêsu, người Hồi giáo vẫn tôn kính Người như một vị Ngôn Sứ và tôn sùng mẹ đồng trinh của Người.

"Công Đồng còn khích lệ người Công giáo cố gắng để mọi người quên đi mối hận thù xưa kia giữa người Công giáo và Hồi giáo, và trong niềm quý trọng lẫn nhau, hãy ý thức nhiệm vụ chung nhằm lợi ích cho mọi người" (Hồng Y Koenig).

(4) Do Thái Giáo

Vấn đề Do Thái giáo được đề cập dồi dào hơn, vì đây là nguồn gốc của Tuyên Ngôn về các tôn giáo ngoài Kitô giáo. Vấn đề được bàn cãi lâu dài trước khi đúc kết thành bản văn hiện nay. Khi suy niệm về mầu nhiệm của mình, Giáo Hội nhìn nhận có một liên kết chặt chẽ với dân Do Thái trong Cựu Ước, với Môisen và các Ngôn Sứ. Dân Do Thái là hình bóng Dân Chúa, đã sinh ra chính Chúa Kitô, các Tông Đồ và những tín hữu tiên khởi.

Giáo Hội tuyên bố rằng không một lý do nào cho phép xem người Do Thái hiện thời như những người có trách nhiệm giết Chúa Kitô, cũng như không phải tất cả người Do Thái thời đó đều tham dự vào vụ án của Người, Đấng đã cầu nguyện cho những ai vì không biết mới lên án Người như thế.

Giáo Hội không đứng trên phương diện chính trị, nhưng trên phương diện tôn giáo lên án tất cả mọi hình thức bách hại, đàn áp dân Do Thái trong thời đại hiện nay.

Sau cùng, khi nhắc lại rằng Chúa Kitô đã tự ý chấp nhận khổ nạn vì yêu thương: cuộc khổ nạn của Người là nguồn suối phát sinh mọi ân sủng cứu độ cho tất cả mọi người, bản văn kết thúc với niềm mong ước có một cuộc đối thoại thần học giữa người Công giáo và Do Thái.

(5) Tình Huynh Đệ Phổ Quát

Bản Tuyên Ngôn kết thúc bằng lời kêu gọi bác ái huynh đệ đối với mọi người, vì tất cả được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa và là con cùng một Cha. Do đó, Giáo Hội bài bác tất cả mọi sự kỳ thị và tranh chấp giữa con người do sự khác biệt về nòi giống, màu da, giai cấp hay tôn giáo, vì như thế là đi ngược với tinh thần Chúa Kitô.

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Tuyên Ngôn
về liên lạc của Giáo Hội với các
Tôn Giáo ngoài Kitô Giáo

1. Lời mở đầu Trong thời đại chúng ta, nhân loại ngày càng liên kết chặt chẽ với nhau hơn, các mối liên lạc giữa các dân tộc cũng gia tăng, nên Giáo Hội đặc biệt chú tâm đến việc liên lạc với các tôn giáo ngoài Kitô giáo. Trong nhiệm vụ cổ võ sự hiệp nhất và yêu thương giữa con người và nhất là giữa các dân tộc, trước tiên ở đây Giáo Hội đề cập đến những điểm chung cho hết mọi người, và dẫn đến cuộc sống cộng đoàn.

Thật vậy, mọi dân tộc đều thuộc về một cộng đoàn, cùng chung một nguồn gốc, vì Thiên Chúa đã cho toàn thể nhân loại sinh sống trên khắp mặt địa cầu¹. Họ lại có cùng một mục đích tối hậu là Thiên Chúa, Đấng vẫn hằng trải rộng sự quan phòng, chứng tích lòng nhân hậu và ý định cứu độ cho hết mọi người², cho đến khi những người được chọn hiệp nhất với nhau trong Thành Thánh, rạng ngời ánh vinh quang Thiên Chúa, nơi muôn dân bước đi trong ánh sáng Ngài³.

Con người mong đợi các tôn giáo giải đáp về những bí nhiệm tiềm ẩn trong thân phận con người, những bí nhiệm xưa nay vẫn làm tâm hồn họ phải xao xuyến sâu xa: con người là gì?

¹ Xem CvSđ 17,26.

² Xem Kn 8,1; CvSđ 14,17; Rm 2,6-7; 1Tm 2,4.

³ Xem kh 21,23-24.

Đời người có mục đích và ý nghĩa nào? Sự thiện và tội ác là chi? Đâu là nguyên nhân và mục đích của đau khổ? Đâu là con đường dẫn tới hạnh phúc thật sự? Cái chết, sự phán xét, và thưởng phạt sau khi chết là gì? Sau cùng, cái huyền nhiệm tối hậu khôn tả vẫn bao trùm cuộc sống chúng ta là chi, chúng ta phát xuất từ đâu và chúng ta hướng về đâu?

2. Các tôn giáo ngoài Kitô giáo. Từ xưa đến nay, người ta nhận thấy nơi nhiều dân tộc khác nhau một cảm thức về quyền lực tàng ẩn trong vòng chuyển biến của sự vật và trong những biến cố của đời người, đôi khi còn thấy cả sự nhìn nhận một vị Thần Linh Tối Cao hay một Người Cha. Cảm thức và sự nhìn nhận đó làm cho cuộc sống họ thấm nhuần ý nghĩa tôn giáo. Phần các tôn giáo có liên quan mật thiết với tiến bộ văn hóa thì cố gắng giải đáp những vấn đề trên bằng những ý niệm cao sâu và bằng thứ ngôn ngữ ngày càng tinh tế. Như trong Ấn giáo, con người tìm hiểu mầu nhiệm thần thiêng, và diễn tả mầu nhiệm đó bằng những thần thoại phong phú bất tận cũng như bằng những nỗ lực suy tư triết lý sâu sắc. Họ tìm cách giải thoát khỏi những nỗi lo âu của kiếp người hoặc bằng những lối sống khắc khổ, hoặc bằng tịnh niệm thâm sâu, hoặc bằng việc chạy đến nương ẩn nơi Thượng Đế với lòng mến yêu tin cậy. Phật giáo, theo nhiều tông phái khác nhau, lại nhìn nhận sự thiếu sót căn bản của cuộc đời thay đổi này và vạch ra con đường cho những người thành tâm tin cậy, hoặc đạt đến chỗ giải thoát trọn vẹn hay giác ngộ hoàn toàn, bằng những cố gắng của riêng mình hoặc bằng trợ lực của ơn trên. Cũng thế, các tôn giáo khác trên hoàn cầu đều cố công làm cho tâm hồn con người thoát khỏi những băn khoăn bằng nhiều phương thế khác nhau, bằng cách vạch đường chỉ lối, tức đề xướng những giáo thuyết và luật sống cũng như những lễ nghi phụng tự.

Giáo Hội Công Giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo đó. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo Hội xét thấy những phương thức hành động và lối

sống, những huấn giới và giáo thuyết kia, tuy rằng có nhiều điểm khác nhau với chủ trương mà Giáo Hội duy trì, nhưng cũng thường đem lại ánh sáng của Chân Lý, Chân Lý chiếu soi cho hết mọi người. Tuy nhiên Giáo Hội rao giảng và có bốn phận phải kiên trì rao giảng Chúa Kitô, Đáng là "đường, sự thật và sự sống" (Gio 14,6), nơi Người, con người tìm thấy đời sống tôn giáo sung mãn và nhờ Người, Thiên Chúa giao hòa mọi sự với mình⁴.

Vì thế, Giáo Hội khuyến khích con cái mình nhìn nhận, duy trì và cổ động cho những thiện ích thiêng liêng cũng như luân lý và những giá trị xã hội văn hóa của các tín đồ thuộc các tôn giáo khác, bằng con đường đối thoại và hợp tác cách thận trọng và bác ái với tín đồ các tôn giáo ấy mà vẫn là chứng tá của đức tin và đời sống Kitô giáo.

3. Hồi giáo. Giáo Hội cũng tôn trọng các tín đồ Hồi Giáo, vì họ cùng thờ phượng một Thiên Chúa duy nhất, hằng sống và hằng hữu, từ bi và toàn năng, Đáng Tạo Thành trời đất⁵, đã từng đối thoại với con người. Họ chuyên tâm tuân phục cả những phán quyết bí nhiệm của Thiên Chúa với tất cả tâm hồn, như Abraham đã tuân phục, người mà đức tin Hồi Giáo sẵn lòng noi theo. Họ không nhìn nhận Chúa Giêsu là Thiên Chúa nhưng lại tôn kính như vị Ngôn Sứ và kính trọng Mẹ đồng trinh của Người là Đức Maria và đôi khi cũng sốt sắng cầu khẩn Mẹ. Hơn nữa, họ cũng trông đợi ngày phán xét, ngày Thiên Chúa thưởng phạt mọi người khi sống lại. Chính vì thế, họ tôn trọng đời sống luân lý và tôn thờ Thiên Chúa nhất là bằng cầu nguyện, bố thí và ăn chay.

Mặc dầu trong quá khứ, giữa Kitô hữu và Tín Đồ Hồi Giáo có những mối bất hòa và hiểm thù nhau không ít, Thánh Công

⁴ Xem 2Cor 5,18-19.

⁵ Xem T Gregoriô VII, Epist III, 21 ad Anasir (Al-Nasir), regem Mauritaniae. x.b. E. Caspar in MGH. Ep. sel. II, 1920, I, trg 288, 11-15: PL 148, 451 A.

Đồng kêu gọi mọi người nên quên đi những chuyện đã qua để cố gắng thành thật tìm hiểu nhau, cùng nhau bảo vệ và cố võ công bình xã hội, thuần phong mỹ tục cũng như hòa bình tự do cho hết mọi người.

4. Do Thái giáo. Tìm hiểu mầu nhiệm Giáo Hội, Thánh Công Đồng nhắc lại mối dây liên kết linh thiêng giữa dân của Tân Ước và giòng tộc Abraham.

Thật vậy, Giáo Hội Chúa Kitô nhận thực rằng, khởi điểm của đức tin Giáo Hội và việc Chúa tuyển chọn Giáo Hội đã được tìm thấy nơi các Tổ Phụ, Môisen và các Ngôn Sứ theo như mầu nhiệm cứu độ của Thiên Chúa. Giáo Hội tuyên xưng rằng mọi Kitô hữu đều là con cái Abraham theo đức tin⁶, hàm chứa trong ơn gọi của vị Tổ Phụ này; cũng như sự cứu độ của Giáo Hội đã được ám chỉ cách huyền nhiệm trong cuộc xuất hành của dân ưu tuyển ra khỏi đất nô lệ. Vì thế, Giáo Hội không thể quên được rằng, nhờ dân đó, dân đã được Chúa đoái thương ký giao ước xưa do lòng xót thương khôn tả của Ngài, nên Giáo Hội mới nhận được mạc khải Cựu Ước và được nuôi dưỡng bằng rễ cây Ôliu tốt tươi, mà những cành ôliu dại là các Chư Dân đã được tháp nhập vào⁷. Vì Giáo Hội tin rằng Chúa Kitô, Hòa Bình của chúng ta, đã giao hòa dân Do Thái và Chư Dân bằng thập giá và làm cho cả hai nên một nơi Người⁸.

Giáo Hội cũng luôn nhìn thấy trước mắt lời của Thánh Phaolô Tông Đồ viết về anh em đồng chủng của Ngài "là những người được thừa nhận làm nghĩa tử, được vinh quang, có giao ước, luật pháp, lễ nghi, lời hứa, có các tổ phụ, và Chúa Kitô, theo xác thịt cũng từ họ mà ra" (Rm 9,4-5), là con của Trinh Nữ Maria. Giáo Hội cũng nhớ rằng các Tông Đồ, nền móng và cột trụ Giáo Hội, cũng như rất nhiều môn đệ đầu tiên của các ngài,

⁶ Xem Gal 3,7.

⁷ Xem Rm 11,17-24.

⁸ Xem Eph 2,14-16.

những người loan báo Phúc Âm Chúa Kitô cho trần gian, đã sinh ra từ dân tộc Do Thái.

Thánh Kinh làm chứng Giêrusalem không nhận biết thời gian Chúa thăm viếng⁹ mình và phần lớn dân Do Thái không tiếp nhận Phúc Âm; trái lại nhiều người còn chống đối việc bành trướng Phúc Âm¹⁰. Tuy thế, theo lời Thánh Tông Đồ, Thiên Chúa vẫn rất quý yêu người Do Thái vì Tổ Phụ họ và Ngài không ân hận vì đã ban hồng ân và kêu gọi họ¹¹. Cùng với các Ngôn Sứ và Vị Tông Đồ, Giáo Hội chờ đợi ngày chỉ mình Chúa biết, ngày mà mọi dân tộc đồng thanh kêu cầu Thiên Chúa và "sát cánh phượng thờ Ngài" (Soph 3,9)¹².

Do đó, vì người Do Thái và Kitô hữu cùng có chung một di sản tinh thần thật vĩ đại, nên Thánh Công Đồng muốn cổ vũ, khuyến khích sự hiểu biết và kính trọng nhau, nhất là bằng việc học hỏi Thánh Kinh, thần học và đối thoại trong tinh thần anh em.

Mặc dầu chính quyền Do Thái và thuộc hạ đã đưa đến cái chết của Chúa Kitô¹³, nhưng không thể quy trách một cách hàm hồ những tội ác đã phạm trong khi Người bị khổ nạn cho hết mọi người Do Thái thời đó, cũng như cho người Do Thái thời nay. Dù Giáo Hội là dân mới của Chúa, nhưng việc Chúa phế thải và nguyên rửa người Do Thái không thể coi như là kết luận của Thánh Kinh. Vì thế, mọi người phải lo làm sao để khi dạy giáo lý và khi rao giảng Lời Chúa, đừng dạy điều gì không thích hợp với chân lý Phúc Âm và tinh thần Chúa Kitô.

⁹ Xem Lc 19,44.

¹⁰ Xem Rm 11,28.

¹¹ Xem Rm 11,28-29. - *Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium: AAS 57 (1965), trg 20.*

¹² Xem Is 66,23. - Tv 65,4. - Rm 11,11-32.

¹³ Xem Gio 19,6.

Đàng khác, Giáo Hội vì luôn phi bác mọi cuộc đàn áp đối với bất cứ người nào, đồng thời nhớ mình có di sản chung với người Do Thái, cũng như được thúc đẩy bởi đức ái đạo hạnh của Phúc Âm chứ không phải vì lý do chính trị, nên Giáo Hội rất lấy làm đau lòng vì sự ghen ghét, đàn áp, những hành động của chủ nghĩa bài Do Thái trong bất cứ thời nào và do bất cứ ai đối với người Do Thái.

Vả lại, Chúa Kitô như Giáo Hội đã và đang luôn luôn chủ trương, vì tội lỗi mọi người và do tình thương vô biên, đã tình nguyện đón nhận khổ nạn và cái chết để mọi người được ơn cứu độ. Vì thế bản phận rao giảng của Giáo Hội là loan báo thập giá Chúa Kitô như dấu hiệu tình yêu Chúa đối với hết mọi người và như nguồn mạch mọi ân sủng.

5. Tình huynh đệ đại đồng. Thực ra, chúng ta không thể kêu cầu Thiên Chúa là Cha mọi người nếu chúng ta không muốn xử sự như anh em đối với một số người cũng được tạo dựng giống hình ảnh Chúa. Liên lạc giữa con người với Thiên Chúa là Cha và giữa con người với anh em mình có liên quan mật thiết với nhau như lời Thánh Kinh: "Ai không yêu thì không nhận biết Chúa" (1Gio 4,8).

Do đó, mọi lý thuyết hay hành động đưa đến kỳ thị liên quan đến phẩm giá con người và những quyền lợi bắt nguồn từ phẩm giá đó, kỳ thị giữa con người với nhau, giữa dân này với dân khác, sẽ không còn nền tảng.

Vì thế, Giáo Hội bác bỏ mọi sự kỳ thị hoặc đàn áp chủng tộc hay màu da, giai cấp hay tôn giáo, vì thái độ ấy đối nghịch với tinh thần Chúa Kitô. Do đó, Thánh Công Đồng theo chân Thánh Tông Đồ Phêrô và Phaolô, khẩn thiết kêu mời các Kitô hữu: "hãy sống ngay lành giữa người lương dân" (1P 2,12), nếu có thể được, tùy khả năng mà sống hòa thuận với hết mọi

người¹⁴ như những người con đích thực của một Cha trên trời¹⁵.

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Tuyên Ngôn này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 28 tháng 10 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

MIỄN THI HÀNH LUẬT

Đối với các Sắc Lệnh được công bố trong Khóa VII.

Đối với những Luật mới hàm chứa trong các sắc lệnh vừa được công bố, Đức Thánh Cha đã quyết định miễn thi hành cho tới ngày 29 tháng 6 năm 1966, tức là đến Lễ hai Thánh Tông Đồ Phêrô và Phaolô năm tới.

Trong thời gian đó, Đức Giáo Hoàng sẽ ban hành những quy tắc thi hành những luật vừa nói.

FERICLES FELICI

Tổng Giám Mục hiệu tòa Samosate

Tổng Thư Ký Thánh Công Đồng

¹⁴ Xem Rm 12,18.

¹⁵ Xem Mt 5,45.

Khóa VIII Ngày 18 tháng 11 Năm 1965

Hiến Chế Tín Lý
VỀ MẠC KHẢI CỦA THIÊN CHÚA
Dei Verbum

Lời Giới Thiệu

I. Lịch Sử Bản Văn:

Hiến chế Dei Verbum là một trong những văn kiện quan trọng nhất của Công Đồng Vaticano II về phương diện giáo thuyết cũng như về thái độ khác biệt giữa các nghị phụ; Thật vậy, chính trong khi bàn cãi về Lược đồ này, các nghị phụ đã nhận thức về sự phân chia khuynh hướng thần học giữa các ngài. Lược đồ về Mạc Khải nằm ở ngoài quyển sách đã được Ủy Ban Trung ương xuất bản năm 1962. Và như vậy người ta tưởng sẽ được bàn cãi trước tiên. Nhưng Đức Gioan XXIII nhận thấy đã có những bất đồng ý kiến trong bản văn "về Mạc Khải", nên ngài không muốn khởi đầu Công đồng với bản văn gai góc này, và đã quyết định bàn cãi về Phụng vụ trước tiên, vì các nghị phụ dễ đồng ý về vấn đề này hơn.

Bản văn trình bày trong sách trên thật ra là bản văn thứ năm mà Ủy ban và các nghị phụ đã soạn thảo. Ngày 12.7.1962, Đức Gioan XXIII truyền lệnh gửi cho các nghị phụ bàn cãi loạt Lược đồ lần thứ nhất. Trong số đó, có Lược đồ "Hiến chế Tín lý về các nguồn Mạc Khải". Lược đồ này được bàn cãi từ ngày 14 đến 21.11.1962. Chính trong các cuộc bàn cãi này mà Công đồng Vaticano II đã tự chia ra phe "đa số" và "thiểu số" theo luồng tư tưởng và theo lối diễn tả thần học của các nghị phụ. Từ đó các khuynh hướng khác biệt này chi phối tất cả các công việc của Công đồng.

Trong diễn văn khai mạc ngày 11.10.1962 (Khóa I từ 11.10 đến 08.12.1962), Đức Gioan XXIII đã nói: "Bản chất của giáo thuyết cổ truyền chứa trong kho tàng đức tin là một chuyện, còn việc định thức bản chất lại là chuyện khác, vì việc định thức căn cứ trên những hình thức và sự tương xứng với những nhu cầu giáo huấn, nhất là về mục vụ". Sự phân biệt giữa "bản chất" và "định thức" sẽ giữ một vai trò quan trọng trong cuộc bàn cãi lược đồ này. Lược đồ đã được các Hồng y Ottaviani, Ruffini, Siri... bênh vực, và bị các Hồng y Liénart, Frings... kết án, còn các Hồng y Bea, Léger, Tisserant... thì chỉ trích. Người ta cho rằng cách nói quá kinh viện, lối hành văn phản mục vụ, phản Kinh Thánh và phản hiệp nhất. Chủ tịch đoàn Công đồng quyết định bỏ thăm bản văn (ngày 20.11.1962), và bản văn bị loại bỏ với 1,368 phiếu chống, 822 phiếu thuận, và 18 phiếu bất hợp lệ. Buổi họp trải qua vài giờ lộn xộn vì chưa đủ đa số 2/3 để loại bỏ một lược đồ (cần phải 1,473 phiếu mới đủ 2/3). Nhưng có nên chấp nhận một lược đồ bị một đa số như trên loại bỏ không? Khi ấy, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đích thân can thiệp; ngài quyết định trao trả lược đồ cho một Ủy ban Thần học và của Văn phòng Hợp nhất Kitô giáo.

Ủy ban này khởi công bằng việc đồng ý về nhiều điểm quan trọng, như bỏ tựa đề "về hai nguồn..." (vì nó sẽ gây ra nhiều hiểu lầm), đặt lại tựa đề cho chương I: "Về Lời Chúa được Mạc Khải..." (như thế, nó tổng quát và dễ dàng chấp nhận hơn). Tuy nhiên vẫn còn những bất đồng, nhất là về tương quan giữa Thánh Kinh và Thánh Truyền. Lược đồ được hoàn thành vào tháng 3.1963 và được gửi cho các nghị phụ vào tháng 5.1963. Bản văn sẽ không được bàn cãi trong kỳ họp thứ hai, nhưng vẫn không thiếu những phê bình được gửi tới. Thật vậy, các vị soạn thảo muốn "có ý tránh vấn đề Hai nguồn Mạc Khải mà không xác nhận hay chối bỏ rằng Thánh Truyền chứa những gì mà Thánh Kinh không có" (Relatio..., tr.5). Điều đó làm cho bản văn trở nên nhạt nhẽo, thiếu màu sắc và hàm hồ... Mạc Khải

được hiểu như là "nội dung" của Mạc Khải hơn là "hành động" Chúa Mạc Khải. Thánh Truyền duy nhất bị lẫn lộn với các truyền thống, điều này gây nhiều hiểu lầm...

Đến ngày 31.1.1964, các nghị phụ hết hạn gửi các nhận xét. Như thế, người ta có thể lợi dụng được các ý kiến trong các cuộc bàn cãi đang diễn ra "về Lược đồ Giáo Hội", vì Mạc Khải và Giáo Hội không thể tách rời nhau. Những lời than phiền của các nghị phụ hầu như chỉ quy về hai điểm: các bản văn chưa đánh giá đầy đủ tầm quan trọng của Mạc Khải và của Thánh Truyền, cũng như chưa được cân nhắc đầy đủ. Ngày 07.3.1964, người ta thành lập một tiểu ban phụ trách tu chỉnh bản văn dưới sự chủ tọa của Đức Giám Mục Charue với sự cộng tác của nhiều chuyên viên. Ủy ban này chia làm 2 nhóm: Nhóm thứ nhất phụ trách chương I và II (chủ tịch: Đức Giám Mục Florit và các chuyên viên Congar, Rahner, Moeller, Ramirez...), Nhóm thứ hai phụ trách chương III đến chương VI (chủ tịch: Đức Giám Mục Semmonelroth...). Từ 20 đến 24.4.1964, các ngài bỏ tước bản văn mới, và đưa ra bản tối hậu. Sau đó, bản văn được trình lên Văn phòng Hợp nhất để xem có phải sửa đổi gì không. Ngày 30.6.1964, Văn phòng trả lời chấp thuận; Đức Hồng Y Bea xét rằng không cần phải hợp hai cơ quan để tu chỉnh. Sau đó, Ủy ban Giáo thuyết cứu xét bản văn (từ ngày 3 đến 5.6.64). Chương II tạm được chấp nhận (17 phiếu thuận, 7 chống), vì 7 nghị phụ đòi phải nói: Thánh Truyền khách quan rộng hơn Thánh Kinh (x. Relatio..., tr.6).

Cuộc bàn cãi bản văn bắt đầu từ ngày 30.9.1964 tại đền Thánh Phêrô. Có hai bản phúc trình: một của nhóm đa số trong Ủy ban (Đức Giám Mục Florit đọc), và một của nhóm thiểu số (Đức Giám Mục Franic trình bày). Vấn nạn quan trọng nhất do nhóm thiểu số đưa ra là ý tưởng về "Thánh Truyền cấu thành" (Traditio constitutive). Đó là giảng thuyết và đức tin của toàn thể Giáo Hội tông đồ, dưới sự tác động của Thánh Thần Mạc Khải, chứa đựng những chân lý thật ra không có trong Thánh

Kinh. Đó là trường hợp các tín điều về Đức Mẹ (Đức Giám Mục Beras). Ngoài ra, nếu hạ giá Thánh Truyền, như Lược đồ đã làm, người ta sẽ rơi vào một thứ Tân Thời thuyết. Tuy thế, đa số chấp nhận và khen ngợi ý tưởng của bản văn. Dầu vậy, những phê bình của nhóm thiểu số cũng rất hữu ích vì nó xác định rõ ràng nhiều ý niệm.

Theo Ủy ban, kết quả cuộc can thiệp của các nghị phụ như sau:

1) Điểm tích cực:

- a. Ngôn ngữ rõ ràng, cẩn thận và có tính cách trình bày.
- b. Cơ cấu bản văn được sắp đặt kỹ lưỡng và cân đối.
- c. Giáo thuyết chắc chắn phát xuất từ Cỗ truyền và Thánh Kinh.
- d. Quan niệm Mạc Khải quy về Chúa Kitô và con người cũng như cách thức trình bày tương quan giữa Thánh Kinh và Thánh Truyền.

2) Điểm tiêu cực:

- a. Cách hành văn phức tạp và đôi khi tối nghĩa.
- b. Im lặng trước những sai lạc và lạm dụng hiện có.
- c. Trình bày khiêm khuyết về Cựu Ước.
- d. Thiếu chiều hướng Giáo Hội trong Mạc Khải.
- e. Phải trình bày vai trò của Chúa Thánh Thần trong hoạt động của Huấn quyền Giáo Hội.

Các tiêu ban bắt tay làm việc để tổng hợp đề nghị của các nghị phụ. Nhờ đó một bản văn thứ tư được thành hình và đã được gửi tới cho các nghị phụ trong phiên họp khoáng đại cuối cùng của kỳ họp thứ ba (20.11.1964). Có thể tóm tắt các thay đổi chính như sau:

- a. Nhấn mạnh đến truyền thống "phát nguyên từ các tông đồ" thay vì Thánh Truyền "sống" (có thể phát xuất từ đời sống Giáo Hội).

b. Vấn đề phát triển tín lý, bản văn trước nói rằng kinh nghiệm của các tín hữu là một yếu tố phát triển, nhưng bản văn mới nhắc thêm đến lý trí (số 8b) để tránh chủ quan thuyết hiện tượng luận.

c. Nhắc đến việc nhờ Thánh Thần mà Giáo Hội biết được bản chính lục Thánh Kinh (số 8c).

d. Phân biệt rõ ràng hơn nội dung của Thánh Truyền thời các tông đồ (số 9).

e. Xác định vai trò của Huân quyền bằng cách bãi bỏ danh từ uy quyền "tối thượng" và không nhắc đến ơn bất khả ngộ, hơn nữa còn nói rằng quyền giáo huấn phải "thành kính lắng nghe" Lời Chúa (số 10). Trong kỳ họp thứ ba, các nghị phụ không bỏ phiếu bản văn này, nên các ngài có thể viết các nhận xét gửi về Ủy ban.

Sau cùng, ngày 21.9.1965, các nghị phụ đã bỏ phiếu Lược đồ này. Các chương đều được chấp thuận với vài sửa đổi. Ủy ban phụ trách kết nạp các tu chính, cố gắng dung hòa ý kiến mọi người bằng cách sửa đổi từng tiểu tiết của bản văn. Chính Đức Phaolô VI cũng đã đề nghị một vài thay đổi. Sau khi Ủy ban Giáo thuyết xem xét, bản văn được phát cho các nghị phụ ngày 25.10.1965, và bỏ phiếu ngày 29.10.1965. Ở vòng bỏ phiếu chót, trong số 2,115 nghị phụ bỏ phiếu, có 2,081 phiếu thuận, 27 phiếu chống, và 7 phiếu bất hợp lệ. Ngày 18.11.1965 là ngày công bố với 2,344 phiếu thuận, và 06 phiếu chống.

II. Cơ Cấu Hiến Chế:

Những nét chính của bản sơ thảo đầu tiên được giữ lại đến cùng: một phần nói về Mạc khải tổng quát, một phần dành cho Thánh Kinh. Lược đồ thứ nhất được chia như sau: Chương I: Hai nguồn Mạc khải; Chương II: Linh hứng, bất ngộ và cấu tạo văn chương của Thánh Kinh; Chương III: Cựu Ước; Chương IV: Tân Ước; Chương V: Thánh Kinh trong Giáo Hội.

Như trong Lược đồ thứ nhất, Lược đồ thứ hai giữ lại Chương I như một lời mở đầu giới thiệu Thánh Kinh, các Chương khác cũng chứa đựng chất liệu tương tự như Lược đồ thứ nhất. Chính trong lần soạn thảo thứ ba mà giáo thuyết về Mạc Khải chiếm vai trò ưu thắng. Như vậy, phần thứ nhất của bản văn trở thành quan trọng nhất, vì chứa đựng giáo thuyết "chi phối" mọi việc khai triển khác. Nội dung của Lược đồ thứ ba là: Chương I: Về chính Mạc Khải; Chương II: Sự lưu truyền Mạc Khải; Chương III: Linh hứng của Thiên Chúa và việc chú giải Thánh Kinh; Chương IV: Cựu Ước; Chương V: Tân Ước; Chương VI: Thánh Kinh trong đời sống Giáo Hội.

Như thế, chúng ta có một bản văn chia làm hai phần lớn, được soạn thảo dưới sự hướng dẫn của hai tiểu ban. Phần nhất bàn về Mạc Khải tổng quát, gồm chương I bàn về diễn tiến Mạc Khải mà Thiên Chúa đã tự biểu lộ cho con người và phó mình cho họ, đến mức độ trọn vẹn trong Chúa Kitô; Chương II trình bày tính cách liên tục trong việc Thiên Chúa tự biểu lộ và phó mình cách trọn vẹn trong Giáo Hội bằng tất cả những gì tạo thành đời sống Giáo Hội, qua tiến trình lịch sử.

Phần hai bàn về Thánh Kinh, một hình thức đặc biệt của sự biểu lộ và phó mình của Thiên Chúa: chương III trình bày những khía cạnh tổng quát của Thánh Kinh: đó là một tác phẩm của Thiên Chúa, Đấng hạ mình đến với chúng ta, nhưng cũng là một tác phẩm của con người; chương IV bàn về giá trị của Cựu Ước; chương V bàn về Tân Ước; chương VI trình bày ý nghĩa của Thánh Kinh đối với Giáo Hội mọi thời đại và mọi hoàn cảnh.

III. Tầm Quan Trọng:

Hiến chế Mạc Khải đã không giải quyết mọi vấn đề, đã không có thái độ rõ ràng về nhiều vấn đề, và không làm thoả mãn mọi người. Hiến chế không thể làm điều đó. Dầu vậy, Hiến chế cũng nói lên một bước tiến rất tích cực trong công cuộc tìm

hiểu Mạc Khải, cũng sẽ có một tầm ảnh hưởng lớn lao trong nền thần học Công giáo và cuộc đối thoại hợp nhất.

Công đồng tiến hành công việc trong nỗ lực hòa giải. Hiến chế Mạc Khải đã phải tổng hợp nhãn quan của nhiều trường phái không luôn luôn phù hợp nhau, phải tóm lược các ý tưởng (dù làm như vậy có vẻ đơn giản hóa vấn đề). Bản văn phải được nghiên cứu cẩn thận chứ không chỉ đọc thoáng qua. Tuy nhiên, không được vì thế mà lãng quên tâm điểm của toàn thể giáo thuyết, tâm điểm đó chính là tác động cứu độ của Thiên Chúa đang diễn tiến trên thế gian và trong lịch sử nhờ Lời của Ngài là Chúa Kitô.

Cũng nên chú ý là bản văn sau cùng đã được đại đa số nghị phụ trong Công đồng chấp thuận, như thế bản văn nói lên đức tin của Giáo Hội về vấn đề này. Dù không đồng tâm về những chi tiết, nhưng phần giáo thuyết căn bản thì không ai có thể bàn cãi được nữa.

Người ta có thể lấy làm tiếc là Thánh Truyền và Huấn quyền lại đứng bên cạnh Thánh Kinh. Nhưng như thế là vì đã có thành kiến luôn đối chiếu ba thực thể trên. Trong khi đó, Công đồng đã quan niệm và thành công trong việc dung hòa: Cả ba đều mang Lời Chúa, tuy mỗi thực thể theo một cách thức riêng và với một tước vị riêng.

Bản văn này phải thúc đẩy các nhà thông thái nghiên cứu Thánh Kinh và giúp tín hữu say mê Thánh Kinh. Theo đường hướng cởi mở của Thông điệp *Divino afflante Spiritu*, Hiến chế về Mạc Khải mở ra những chân trời mới cho công việc chú giải. Người ta được tự do nghiên cứu để khai thác các "văn loại" và các khám phá mà lịch sử và khoa học đem lại, mà không sợ những cảm đoán nặng nề từ bên ngoài như trường hợp các đồng nghiệp của họ thời trước. Nhưng cùng một lúc Hiến chế cũng xác định những điều ta không thể chôi bỏ mà không triệt tiêu Mạc Khải. Do đó, không được nghi ngờ lịch sử tính của Phúc

Âm và nguồn gốc tông đồ của các sách đó. Công đồng đã không kết án phương pháp văn hình sử (formgeschichte) nhưng đã nêu ra những giới hạn của phương pháp ấy; không phải tất cả những ý tưởng "giải huyền thoại" của R. Bultmann là sai, nhưng phải cẩn thận để khỏi rơi vào thuyết duy tín mà phương pháp này đưa đến. Còn về tầm quan trọng thực tế của những lời khuyên mục vụ ở chương VI thì chỉ có tương lai mới có thể trả lời chúng ta.

Việc xác định chân lý Thánh Kinh ở số 11 là một điều rất quan trọng. Người ta không thể tìm thấy trong Thánh Kinh bất cứ loại chân lý nào (khoa học, lịch sử, địa lý, nhân chủng học...) nhưng chỉ có thứ chân lý cứu thoát chúng ta, và ta cũng nên lưu ý Công đồng không nói những chân lý, nhưng nói chân lý ở số ít; chân lý ấy đồng thời cũng là sự sống, là đường dẫn đến sự cứu độ. Điều đó muốn nói rằng: chân lý của chúng ta không phải chỉ là một điều ta biết suông, nhưng là một bổn phận phải thực hành: "Thực Hành Chân Lý" (x. Ep 4,15) và phải tiến tới trong chân lý: "Đi Trong Chân Lý". Công đồng muốn giải phóng thần học khỏi quan niệm Hy Lạp về chân lý quá tĩnh để trở về với ý niệm Do Thái linh động hơn, hiện sinh hơn, cởi mở hơn đối với mầu nhiệm Thiên Chúa.

Một số người công kích, số khác lại ca tụng về tầm quan trọng hợp nhất của Hiến chế về Mạc Khải. Người ta đã chỉ trích "sự hàm hồ" về mối tương quan giữa Thánh Kinh và Thánh Truyền. Nhưng có người lại thấy ở đó một cánh cửa đưa đến đối thoại, nhất là vào thời đại các Giáo Hội phát sinh sau khi Phong Trào Cải cách đặt lại vấn đề Thánh Truyền. Việc tự do tìm hiểu đã chiếm được một địa vị, nhờ đó sự cộng tác giữa các nhà chú giải Công giáo và Tin lành càng dễ dàng và đáng khích lệ hơn. Ngoài ra, việc khuyến khích đọc Thánh Kinh đã tạo nên một nền tảng vững chắc đưa các Kitô hữu xích lại gần nhau hơn, vì họ cũng lắng nghe một Lời Chúa. Dù bản chính lục Thánh Kinh

vẫn còn đôi chút khác biệt, nhưng sự kiện này không có tầm quan trọng thực tiễn nào.

Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin
Hội Đồng Giám Mục Việt Nam
Saigon, ngày 2 tháng 11 năm 2005

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Hiển Chế Tín Lý
Về Mạc Khải Của Thiên Chúa^{1*}

Lời Mở Đầu

I. Trong niềm thâm kính lắng nghe và tin tưởng công bố Lời Thiên Chúa,^{2*} Thánh Công Đồng lặp lại lời Thánh Gioan: "Chúng tôi loan truyền cho anh em sự sống đời đời, đã có nơi Chúa Cha và đã hiện đến với chúng tôi: điều chúng tôi đã thấy, đã nghe, chúng tôi loan truyền cho anh em, để anh em cũng được hiệp nhất với chúng tôi, và chúng tôi hiệp nhất với Chúa Cha và với Chúa Giêsu Kitô Con Ngài" (1Gio 1,2-3). Bởi thế noi gương Công Đồng Trentô và Vaticanô I, Công Đồng này muốn trình bày giáo lý chân thực về mạc khải của Thiên Chúa và lưu truyền mạc khải ấy, để khi nghe công bố ơn cứu độ, toàn thể nhân loại tin theo, để nhờ tin mà hy vọng, và nhờ hy vọng mà yêu mến^{1.3*}

^{1*} *Lược đồ thứ nhất mang tựa đề "Lược đồ Hiển chế tín lý về các nguồn Mạc Khải". Trong lần soạn thảo thứ hai, lược đồ lại mang tên "Lược đồ Hiển chế tín lý về mạc khải của Thiên Chúa". Nhưng vì bản văn nói về Mạc Khải rất ít nên có người đề nghị tựa đề "Về Thiên Chúa Đáng tự mạc khải", hoặc "Về Thánh Kinh". Trong lần soạn thảo thứ ba tình từ "tín lý" bị loại bỏ, nhưng nó lại xuất hiện trong bản văn cuối cùng.*

^{2*} *Nguyên văn viết tắt cả hai chữ bằng chữ hoa, nên ta không biết nó chỉ Ngôi Lời của Thiên Chúa hay là Lời của Chúa, tức Phúc Âm.*

¹ *Xem T. Augustinô, De catechezandis rudibus, ch. IV, 8: PL 40, 316.*

^{3*} *Ở đây Công Đồng trình bày: mục đích của Mạc Khải là cứu độ con người chứ không phải để thỏa mãn óc tìm tòi của trí khôn chúng ta. Quyền Giáo Huấn không phải là chủ của Lời Chúa nhưng là tôi tớ "lắng nghe" và vâng theo (số 10); do đó*

Chương I

Về Chính Việc Mạc Khải^{4*}

2. Bản tính và đối tượng của mạc khải. Thiên Chúa nhân lành và khôn ngoan đã muốn mạc khải chính mình và tỏ cho mọi người biết mầu nhiệm thánh ý Ngài (x. Eph 1,9). Nhờ đó, loài người có thể đến cùng Chúa Cha, nhờ Chúa Kitô, Ngôi Lời nhập thể trong Chúa Thánh Thần, và được thông phần bản tính của Thiên Chúa (x. Eph 2,18; 2P 1,4). Trong việc mạc khải này, với tình thương chan chứa của Ngài, Thiên Chúa vô hình (x. Col 1,15; 1Tm 1,17) ngỏ lời với loài người như với bạn hữu (x. Xac 33,11; Gio 15,14-15). Ngài đối thoại với họ (x. Bar 3,38) để mời gọi và đón nhận họ hiệp nhất với Ngài. Công cuộc mạc khải này được thực hiện bằng các hành động và lời nói liên kết mật thiết với nhau. Nên các việc Thiên Chúa thực hiện trong lịch sử cứu rỗi bày tỏ, củng cố giáo lý và những điều được giải thích qua lời nói. Còn lời nói thì công bố các việc làm và khai

quyền giáo huấn phải làm chứng những gì đã được giao phó. Việc trích dẫn 1Gio 1, 2-3 trình bày nội dung Mạc Khải (đời sống vĩnh cửu) như sự hiệp thông giữa con người và Ba Ngôi Thiên Chúa; nội dung đó được gửi đến cho mọi người nhờ các chứng tá. Những điều trên đương nhiên đòi hỏi một hoạt động truyền giáo: việc "công bố ơn cứu độ" (x. CvTđ 13,26; Eph 1, 13).

^{4*} *Chương này xuất hiện ở trong bản thảo thứ ba. Trong các lược đồ trước, lời mở đầu chỉ bàn sơ qua về vài khía cạnh như "sự cần thiết và đối tượng của Mạc Khải" (số 1), "Mạc Khải tiệm tiến" (số 2) v.v... Nhưng nhiều Nghị Phụ đòi bàn về chính việc Mạc Khải, vì Mạc Khải chứa đựng không những các chân lý về Thiên Chúa mà cả sự kiện Thiên Chúa tự mạc khải. Trong chương này Công Đồng đã muốn trình bày Mạc Khải dưới cái nhìn của con người để thích ứng hơn với những đòi hỏi của con người thời nay. Phải xem xét trọn giáo thuyết này dưới ánh sáng của lịch sử cứu độ. Chúa phó mình cho con người ngay từ khi tạo dựng vũ trụ. Bố cục của chương này như sau: số 2: Sự kiện Chúa phó mình và từ đó tự Mạc Khải; số 3 và 4: các giai đoạn Mạc Khải và sự hoàn thành trong Chúa Kitô; số 5: thái độ con người để tiếp nhận Mạc Khải; số 6: các chân lý Mạc Khải.*

sáng màu nhiệm chứa đựng trong đó^{5*}. Nhờ mạc khải này, chân lý thâm sâu về Thiên Chúa cũng như về phần rỗi con người, được sáng tỏ nơi Chúa Kitô, Đấng trung gian, đồng thời là sự viên mãn của toàn thể mạc khải^{2.6*}

3. Chuẩn bị mạc khải Phúc Âm^{7*}. Thiên Chúa, Đấng tạo dựng và bảo tồn mọi sự nhờ Ngôi Lời (x. Gio 1,3), không ngừng làm chứng về Minh trước mặt loài người qua các tạo vật (x. Rm 1,19-20)^{8*}. Và vì muốn mở đường cứu rỗi cao trọng, nên từ

^{5*} *Nền thần học Công Giáo đã thường coi Mạc Khải như một lời nói; còn các hoạt động của Chúa thì bị liệt vào hàng rất phụ thuộc. Công Đồng lại muốn trình bày là Thiên Chúa tự Mạc Khải trước tiên bằng "hành động" (gesta) (không bằng việc làm (facta) vì việc làm có vẻ là một tác động vật chất hơn). Ở đây, chữ "hành động" còn có nghĩa là những biến cố do một người gây nên; trong trường hợp này, con người đó chính là Thiên Chúa. Thiên Chúa tự mạc khải bằng cách hoạt động phù trợ dân Ngài, thăm viếng bạn hữu (Abraham, Môisen) và bằng các phép lạ (ví dụ Chúa Kitô) v.v...*

Trước đó số 2 này mang tựa đề: "sự cần thiết của Mạc Khải" sau đổi thành "Bản tính và đối tượng". Chúng ta thấy Mạc Khải phát xuất không do "sự khôn ngoan và nhân lành của Thiên Chúa" như Vaticanô I đã nói (Dz 1785/3004) nhưng do "Thiên Chúa nhân lành và Khôn Ngoan". Đối tượng là chính Thiên Chúa và Nhiệm cuộc cứu rỗi của Ngài. Ở đây Công Đồng dùng tiếng "bí tích" để nói lên dấu chỉ và phương tiện, lời nói và hành động (x. GH I). Mạc Khải là hoàn toàn nhưng không, ơn của tình yêu Thiên Chúa, tỏ bày cho các "bạn hữu" như trong một cuộc đối thoại, nghĩa là không những nói mà sống chung nữa.

² Xem Mt 11,27; Gio 1,14 và 17; 14,6; 17,1-3; 2Cor 3,16 và 4,6; Eph 1,3-14.

^{6*} Câu này không thấy trong những lần soạn thảo trước, sau được thêm vào do lời đề nghị của nhiều Nghị Phụ. Vấn đề quan trọng là phải xem Chúa Kitô là trung gian duy nhất của Mạc Khải vì Người là Lời mà Chúa Cha nói với chúng ta, và là sự viên mãn vì trong Người, Chúa Cha nói với chúng ta tất cả mọi sự. Vì vậy Mạc Khải có Kitô tính.

^{7*} Đề mục tổng quát của đoạn này là sự trông chờ Mạc Khải của Chúa Kitô. Mạc Khải này thể hiện từng giai đoạn, ta có thể gọi là Mạc Khải qua vũ trụ, Mạc Khải sơ khai và Mạc Khải trong lịch sử.

^{8*} Bản văn xác nhận sự kiện "Mạc Khải qua vũ trụ" hay qua "tạo vật" theo thư gửi tín hữu Rôma 1,19-20. Nhưng bản phúc trình không muốn giải quyết vấn nạn là trong thực tế Thiên Chúa có ban ơn để người ta có thể nhận biết Chúa qua tạo vật không (Relatio đính kèm lược đồ III, 1964, trg 11,3,A). Thiên Chúa mạc khải khi tạo dựng; nhưng nên chú ý là bản văn nói "Chúa tạo dựng" chứ không nói Chúa đã tạo dựng để chỉ rõ là tất cả tạo vật luôn luôn tùy thuộc vào Đấng Tạo

đầu Ngài còn tỏ Mình ra cho tỏ tông chúng ta. Sau khi tỏ tông sa ngã, qua lời hứa ban ơn cứu chuộc, Ngài đã nâng đỡ họ dậy trong niềm hy vọng cứu rỗi (x. Stk 3,15). Ngài không ngừng săn sóc nhân loại, để ban sự sống đời đời cho tất cả những ai tìm kiếm sự cứu rỗi nhờ kiên tâm làm việc thiện (x. Rm 2,6-7)^{9*}. Khi đến giờ đã định, Ngài gọi Abraham để qua ông, Ngài tạo lập một dân tộc lớn mạnh (x. Stk 12,2-3), một dân tộc mà sau thời các Tổ Phụ, Ngài đã dùng Môisen và các Tiên Tri dạy dỗ, để họ nhận biết Ngài là Chúa duy nhất, hằng sống và chân thật, là Cha quan phòng, là thẩm phán chí công, để họ trông đợi Đấng Cứu Thế được hứa ban và nhờ vậy, qua bao thế kỷ, Ngài đã dọn đường^{10*} cho Phúc Âm.

4. Đức Kitô hoàn tất mạc khải^{11*}. Sau khi phán dạy nhiều lần, nhiều cách qua các Tiên Tri, "nay là thời cuối cùng, Thiên Chúa đã nói với chúng ta qua Chúa Con" (Dth 1,1-2).^{12*} Thực vậy,

Hóa, dầu cả trong giả thuyết tiến hóa. Mọi người đều có thể thấy trong tạo vật bằng chứng sự hiện hữu của Thiên Chúa. Chính đây là nền móng cho thần học của các tôn giáo ngoài Kitô giáo.

^{9*} "Mạc khải sơ khai" được trình bày trong tầm mức siêu nhiên. Bản văn loại bỏ vấn đề nhất tổ thuyết hay đa tổ thuyết, mà chỉ muốn nói là Thiên Chúa đã tỏ mình cho con người, (không nói bằng cách nào), cũng như chỉ muốn nói là Thiên Chúa đã luôn luôn cứu thoát con người, và tình trạng này vẫn còn giá trị ngay cả bây giờ (xem GH 16).

^{10*} "Mạc khải trong lịch sử" bắt đầu với Abraham. Công Đồng đã muốn nêu lên mối liên lạc giữa việc tuyển chọn và Mạc Khải. Thiên Chúa được gọi là "Cha", nhưng các chữ "của mọi người" lại bị loại bỏ vì trong Cựu Ước phổ quát tính chưa rõ ràng lắm. Cựu Ước được coi như là sự "chuẩn bị" cho Phúc Âm để nói lên ý tưởng mạc khải trong Cựu Ước còn bất toàn và có liên quan đến Mạc Khải của Chúa Kitô.

^{11*} Số này đáp ứng số 2: Mạc Khải được thể hiện bằng hành động và ngôn từ. Chúa Kitô vừa là biến cố vừa là Lời của Thiên Chúa. Có hai đoạn: đoạn thứ nhất cắt nghĩa tại sao Chúa Kitô đem lại cho chúng ta mạc khải viên mãn; đoạn hai nói mạc khải này là tối hậu và sẽ không còn mạc khải nào khác nữa.

^{12*} Công Đồng đánh dấu sự liên tục và tương phản giữa mạc khải của Chúa Kitô và những gì xảy ra trước. Một đối với nhiều, như toàn thể đối với phân tán. Nhập Thể là cuộc Mạc Khải vĩ đại của Thiên Chúa. Vì vậy trước tiên phải xác định chân lý Nhập Thể, bản tính nhân loại thật sự của Chúa Kitô, trong đó ta "thấy" Chúa

Ngài đã sai Con Ngài là Ngôi Lời vĩnh cửu, Đấng sáng soi mọi người, đến sống giữa loài người và nói cho họ nghe những điều kín nhiệm nơi Thiên Chúa (x. Gio 1,1-18). Bởi vậy, Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời nhập thể "là người đã được sai đến với loài người"³, "nói tiếng nói của Thiên Chúa" (Gio 3,34) và hoàn thành công trình cứu rỗi của Chúa Cha đã giao phó cho Ngài thực hiện (x. Gio 5,36; 17,4). Vì thế, chính Ngài, Đấng mà ai thấy, tức là thấy Chúa Cha (x. Gio 14,9), đã đến bỏ tóc và hoàn tất mạc khải, bằng tất cả sự hiện diện và tỏ mình qua lời nói cũng như việc làm, dấu chỉ và phép lạ, nhất là qua cái chết và sự sống lại vinh quang từ kẻ chết, sau cùng bằng việc phái Thần Chân Lý đến, bằng chứng tích của một Thiên Chúa, Ngài xác nhận Thiên Chúa hằng ở với chúng ta để giải thoát chúng ta khỏi bóng tối tội lỗi và sự chết, rồi phục sinh chúng ta để được sống đời đời.

Vậy nhiệm cuộc Kitô giáo, vì là giao ước mới và vĩnh viễn, sẽ không bao giờ mai một. Chúng ta không phải chờ đợi một mạc khải công cộng nào khác nữa trước khi Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta hiện đến trong vinh quang (x. 1Tm 6,14; Tit 2,13)^{13*}.

5. Mạc khải phải được đón nhận bằng đức tin. Phải bày tỏ "sự vâng phục của đức tin" (x. Rm 16,26; Rm 1,5; 2Cor 10,5-6) đối với Thiên Chúa mạc khải. Nhờ sự vâng phục đó, con

(x. Gio 14,9) và lịch sử thật của Ngài, "lời nói và việc làm". Các phép lạ không phải chỉ là sự "xác nhận" Mạc Khải, nhưng là chính Mạc Khải: vì Chúa Kitô tỏ mình qua các phép lạ.

³ *Epist. ad Diognetum*, 7,4: Funk, *Patres Apostolici*, 1,403.

^{13*} Theo ý tưởng của thư gửi tín hữu Do Thái, Mạc Khải cũng như chức Linh Mục của Chúa Kitô phải là độc nhất và vĩnh cửu. Một vài Nghị Phụ muốn nói là "vì Mạc Khải chấm dứt với các Tông Đồ", nhưng Ủy ban bác bỏ ý kiến trên "vì đó là một lời giải thích đang được bàn cãi". Lý do sâu xa: vì Chúa Kitô là sự viên mãn và như vậy hoàn tất Mạc Khải, nên không còn gì vượt trên sự viên mãn nữa. Nhưng cuộc Mạc Khải còn chờ sự vinh quang vào ngày Quang Lâm. Còn vấn đề tiến triển: không phải tiến triển trong Mạc Khải nhưng tiến triển chính trong việc chúng ta hiểu biết và thực hành Phúc Âm; đó là công việc của Chúa Thánh Thần, Đấng không nói sự gì mới lạ nhưng làm chúng về Chúa Kitô (x. Gio 16,14).

người phó thác toàn thân cho Thiên Chúa một cách tự do "dâng lên Thiên Chúa mặc khải sự qui phục hoàn toàn của lý trí và ý chí"⁴, đồng thời sẵn lòng chấp nhận mặc khải Ngài ban cho. Để được niềm tin này, cần có ân sủng Thiên Chúa đi trước giúp đỡ và sự trợ giúp bên trong của Chúa Thánh Thần: Ngài thúc đẩy và quy hướng con tim về cùng Thiên Chúa, mở mắt lý trí và làm cho "mọi người cảm thấy dịu ngọt khi đón nhận và tin theo chân lý"⁵. Và để việc hiểu biết mặc khải được sâu rộng thêm mãi, cũng chính Chúa Thánh Thần không ngừng kiện toàn đức tin qua các ơn của Ngài^{14*}.

6. Tương quan giữa tri thức tự nhiên và siêu nhiên về Thiên Chúa. Thiên Chúa đã muốn dùng mặc khải^{15*} để bày tỏ và thông ban chính mình Ngài cùng những ý định muôn đời của Ngài liên quan đến phần rỗi nhân loại, "nghĩa là cho họ được

⁴ *CD Vat I, Hiến chế tín lý về đức tin công giáo Dei Filius, ch. 3: Dz 1789 (3008).*

⁵ *CD Orange II, đ. th. 7: Dz 180 (377). - CD Vat I, n.v.t.: Dz 1791 (3010).*

^{14*} Trong số này Công Đồng trình bày lời đáp ứng của con người đối với Thiên Chúa Mặc Khải: đó là Đức Tin, nhưng đức tin được hiểu dưới phương diện nhân bản, như một cuộc "đối thoại cứu rỗi" (*Ecclesiam Suam*, 6-8-1964 số 72-79). Công Đồng cũng nhận định những khía cạnh của hành vi đức tin: tự do, thuộc lý trí, thuộc ý chí, không thể có nếu không có ơn Chúa... Kiểu nói "Sự vâng phục đức tin" không được trình bày như một đòi buộc luân lý suông nhưng như là một đòi hỏi chính yếu của mối liên hệ mà Thiên Chúa Mặc Khải nối kết với con người. Trong hành vi đức tin con người dâng thân toàn diện chứ không phải chỉ bằng lý trí. Ở đây bàn đến "đức tin đã thành hình" bao gồm cả Đức Cây và Đức Mến, như ta có thể phỏng đoán theo những câu trích Thánh Kinh; nhưng Ủy Ban cắt nghĩa thêm: "đức tin chưa thành hình" cũng là Đức Tin và cũng cần ơn của Chúa Thánh Thần. Đức tin luôn luôn lớn mạnh dưới tác động của cũng chính Chúa Thánh Thần.

^{15*} Trong số này Công Đồng bàn về những chân lý được mặc khải, trước hết là những chân lý siêu nhiên, rồi đến những chân lý tự nhiên. Công Đồng nói theo Vaticanô I. Nhưng thứ tự ở Vaticanô I là: a) tri thức tự nhiên về những chân lý tự nhiên, b) tri thức những chân lý tự nhiên nhờ mặc khải, c) tri thức chân lý siêu nhiên nhờ mặc khải. Đang khi đó thứ tự ở đây lại là c-a-b: nghĩa là theo một viễn tượng Kinh Thánh và qui về Thiên Chúa hơn.

tham dự vào các ân thiêng hoàn toàn vượt khỏi trí khôn loài người"^{6.16*}

Thánh Công Đồng tuyên xưng rằng: "Con người nhờ ánh sáng tự nhiên của lý trí, có thể từ các tạo vật nhận biết cách chắc chắn có Thiên Chúa như nguyên lý và cứu cánh mọi sự" (x. Rm 1,20). Công Đồng còn dạy: chính nhờ Thiên Chúa mạc khải mà "tất cả những gì thuộc về Thiên Chúa, tự nó vốn không vượt quá khả năng lý trí con người, trong hoàn cảnh hiện tại của nhân loại, đều có thể biết được cách dễ dàng, chắc chắn mà không lẫn lộn sai lầm"^{7.17*}

⁶ *CĐ Vat I, Hiến chế tín lý về đức tin công giáo Dei Filius, ch. 2: Dz 1786 (3005).*

^{16*} *Đoạn này nói lên đối tượng riêng biệt của Mạc Khải, nghĩa là đối tượng mà chúng ta cần được mạc khải: Chính Thiên Chúa và những ý định cứu rỗi của Ngài (x. Relatio, trg 9,5). Mạc Khải này không phải chỉ là một sự thông đạt kiến thức nhưng cũng có mục đích cứu rỗi con người nghĩa là thông phần vào đời sống Thiên Chúa.*

⁷ *n.v.t.: Dz 1785-1786 (3004-3005).*

^{17*} *Phần thứ hai của số 6 lặp lại giáo thuyết của Công Đồng Vaticanô I về sự nhận biết Thiên Chúa bằng lý trí, nhưng Công Đồng dùng những từ ngữ rất mạnh để chống lại thuyết vô thần. Nhưng chữ "tuyên xưng" và "dạy" ở phần này nói lên một tin điều. Con người thật sự có thể nhận biết Thiên Chúa nhưng họ không thể không sai lầm nếu Thiên Chúa không giúp. Lịch sử minh chứng là con người luôn luôn tìm kiếm Thiên Chúa nhưng không bao giờ thoát khỏi lầm lẫn; và trong thực tế, ảnh hưởng của tội lỗi hình như đã làm cho thế giới thường trở thành một chương ngại vật. Tuy nhiên, trong "nhiệm cuộc" cứu rỗi chúng ta đang sống, một tri thức hoàn toàn tự nhiên chỉ là một tư tưởng trừu tượng, vì ơn Chúa hiện diện khắp mọi nơi.*

Chương II

Sự Lưu Truyền Mạc Khải Của Thiên Chúa^{18*}

*18** Trong bản thảo thứ hai, chương I mang tựa đề: "Về Lời Chúa được Mạc Khải" và gồm có bốn số. Trong bản thảo thứ ba, người ta thêm số 8 và rồi chương II này. Nhiều người đã phê bình tựa đề, vì Mạc Khải - theo họ nói - là lời mạc khải hơn là lời được mạc khải. Tựa đề hiện tại thích hợp với nội dung hơn: "chỗ này chúng tôi miêu tả việc lưu truyền mạc khải cách tổng quát, nhưng chúng tôi quan tâm đặc biệt đến truyền thống sống vì nó có liên quan trực tiếp với mạc khải được lưu truyền và nó vẫn tiếp tục sau khi Thánh Kinh đã được viết. Như thế, chương này là một bài nhập đề khá hay cho những chương nói về Thánh Kinh sau này" (Relatio, trg 19).

Một số các Nghị Phụ muốn nhấn mạnh Thánh Truyền nên đòi phải có một đề mục về điểm này. "Phần đông các Nghị Phụ này muốn đặt Thánh Truyền lên trước Thánh Kinh, vì theo bản tính và thời gian Thánh Truyền có trước Thánh Kinh... Các Nghị Phụ khác muốn xác nhận Thánh Truyền là một nguồn Mạc Khải hoàn toàn tách biệt khỏi Thánh Kinh (Relatio, n.v.t.). Còn Ủy Ban lại muốn tránh tất cả những vấn đề đang trong vòng tranh luận. Thế là đề mục Mạc Khải đã trở thành nóng bỏng hơn cả đề mục về Cộng Đoàn tính của Giám Mục. Vấn đề ở đây là di sản của bao thế kỷ tranh luận chống Tin Lành. Chúng ta phải vượt qua vấn đề đó, nhưng không phải là việc dễ dàng, nhất là vì chúng lại xa lạ với Đông Phương và các Giáo Hội tân lập. Đây là lời Đức Giám Mục Edelly trong một cuộc phát biểu ý kiến: "Phải thoát ra khỏi vấn đề sau Công Đồng Trentô... Đặt mình vào trung tâm mâu nhiệm Giáo Hội là một liều thuốc công hiệu. Phải loại trừ tâm thức qua pháp lý và duy danh mà những người cải cách và Latinh tự động khụng vào. Từ thời Trung Cổ, chính tâm thức này đã đối nghịch "việc truyền phép" với "lời khấn cầu Chúa Thánh Thần". Và chính tâm thức này mới đây đã trình bày "quyền tối thượng" và "cộng đoàn tính" như hai thực thể tách biệt. Cũng chính tâm thức này đã đặt Thánh Kinh và Thánh Truyền song song với nhau Thánh Kinh là một thực tại phụng vụ và tiên tri. Các Giáo Hội Đông Phương coi Thánh Kinh là một "việc truyền phép" lịch sử cứu độ dưới "hình thức" tiếng nói con người, nhưng không tách biệt khỏi việc truyền phép Mình Thánh Chúa trong đó tất cả lịch sử được qui hợp trong Thánh Thể Chúa Kitô. "Việc truyền phép" này cần một "lời cầu khấn Chúa Thánh Thần" đó chính là Thánh Truyền. Thánh Truyền là "lời cầu khấn Chúa Thánh Thần" của lịch sử cứu rỗi, là sự tỏ mình của Thánh Thần; bởi thế nếu thiếu lịch sử, Thánh Truyền sẽ không thể hiểu được và Thánh Kinh là những chữ chết. Tiếng Thánh Truyền không luôn có cùng một nghĩa, vì vậy Ủy Ban đã cho biết cách chung là từ khoảng giữa số 8 (và những điều các Tông Đồ

7. Tông đồ và các người kế vị loan truyền Phúc Âm. Những gì Thiên Chúa đã mạc khải để cứu rỗi muôn dân, Ngài đã ân cần sắp đặt để luôn được bảo toàn và lưu truyền^{19*} nguyên vẹn cho mọi thế hệ. Bởi thế Chúa Kitô, nơi Người Thiên Chúa tối cao hoàn tất trọn vẹn nguồn mạc khải (x. 2Cor 1,20 và 3,16-4,6), đã truyền dạy các Tông Đồ rao giảng cho mọi người Phúc Âm được hứa trước qua miệng các Tiên Tri, được chính Người thực hiện và công bố; các Ngài rao giảng Phúc Âm như nguồn mọi chân lý cứu độ và lề luật luân lý¹, đồng thời thông ban cho họ các ân thiêng. Việc này đã được thực hiện cách trung thành, một phần do các Tông Đồ: hoặc qua lời giảng dạy, gương lành và các thể chế các ngài đã truyền lại những gì đã nhận lãnh từ miệng Chúa Kitô khi chung sống với Người và thấy Người hành động, hoặc đã học biết được nhờ Chúa Thánh Thần gợi ý; một viết lại^{20*} tin mừng cứu rỗi dưới sự linh ứng của cùng một

truyền lại) tiếng "Thánh Truyền" phải hiểu theo nghĩa thụ động: thực thể hay chân lý được lưu truyền.

^{19*} Câu này nói lên ý hướng của toàn chương: Thiên Chúa muốn lưu truyền toàn thể Mạc Khải, cả Cựu Ước lẫn Tân Ước, cho mọi thời đại. Các Tông Đồ đã được lệnh truyền dạy tất cả những điều các Ngài đã thu nhận nơi Chúa Kitô (Mt 28,20).

¹ Xem Mt 28,19-20 và Mc 16,15. CĐ Trentô, khóa 4, Sắc lệnh *De cononicis scripturis*: Dz 783 (1501).

^{20*} Công Đồng dạy về hai nguồn lưu truyền "Phúc Âm" trước hết theo chiều dọc: từ Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần đến các Tông Đồ; sau đó theo chiều ngang: từ các Tông Đồ đến Giáo Hội. Đoạn này nhấn mạnh đến giai đoạn đặc biệt là "thời các Thánh Tông Đồ", gồm cả những "môn đệ của các Tông Đồ" vì họ đã viết một phần Tân Ước, ngay cả sau khi vị Tông Đồ cuối cùng băng hà. Các phương tiện lưu truyền là lời giảng dạy và Thánh Kinh: cả hai phương tiện đều lưu truyền cùng một mạc khải. Công Đồng không muốn nói là trong lời giảng dạy chứa nhiều mạc khải hơn trong các bản văn. Việc giảng dạy không phải chỉ bằng lời nói mà cũng bằng gương sáng và các tổ chức. Thánh Truyền không phải chỉ là lời nói suông mà còn là những hiện thực.

Chúa Thánh Thần². phần do chính các ngài và những người phụ tá các ngài đã

Nhưng để Phúc Âm được giữ gìn toàn vẹn và sống động mãi trong Giáo Hội^{21*}, các Tông Đồ đã để lại những người kế vị là các Giám Mục, và "trao lại cho họ quyền giáo huấn của các ngài"³. Bởi vậy, Thánh Truyền đó cùng với Thánh Kinh Cựu và Tân Ước, là như tấm gương mà Giáo Hội lữ thứ trên trần gian nhìn vào để chiêm ngưỡng Thiên Chúa, nơi Ngài Giáo Hội nhận lãnh tất cả, cho đến khi được dẫn tới để nhìn thấy Ngài, diện đối diện, như Ngài hiện thực (x. 1Gio 3,2).

8. Thánh Truyền^{22*}. Vì vậy, những lời giảng dạy của các Tông Đồ được đặc biệt ghi lại trong các sách linh ứng, phải được bảo tồn và liên tục lưu truyền cho đến tận thế. Do đó khi truyền lại những gì chính mình đã lãnh nhận, các Tông Đồ khuyến cáo tín hữu phải giữ gìn các truyền thống họ đã học biết qua lời chỉ giáo hay bằng thư từ (x. 2Th 2,15), và phải chiến đấu để bảo vệ đức tin chỉ được truyền dạy cho họ một lần thôi (Gđđ 3)⁴. Và những điều các Tông Đồ truyền lại bao gồm tất cả những gì góp phần vào việc giúp Dân Thiên Chúa sống một đời thánh thiện và làm tăng triển đức tin. Như vậy, Giáo Hội qua giáo lý, đời sống và việc thờ phượng của mình, bảo tồn và lưu truyền

² Xem CĐ Trentô, n.v.t. - CĐ Vat I, khóa 3, *Hiến chế tín lý về đức tin Công Giáo De Filius*, ch.2: Dz 1787 (3006).

^{21*} Ở đây bàn về tính cách liên tục của Mạc Khải sau thời các Tông Đồ. Đề mục này được bàn kỹ lưỡng trong *Hiến Chế Giáo Hội số 20 và 21*. Ở đây Công Đồng chỉ nhắc lại. Ở chỗ khác Công Đồng cũng dạy rằng nhiệm vụ thiết yếu của các Giám Mục là lưu truyền Mạc Khải (x. GH 25a, GM 12a). Sự viên mãn của Mạc Khải hiện hữu trong Giáo Hội, và chính nơi Giáo Hội, nhờ đức tin ta gặp được Thiên Chúa, tức là khởi đầu việc hưởng nhan Chúa: có sự liên tục giữa Giáo Hội hiện tại và Giáo Hội cánh chung.

³ T. Ireneô, *Adv. Haer.* III, 3, 1: PG 7, 848; Harvey, 2, trg 9.

^{22*} Sổ này xuất hiện trong bản thảo thứ ba. Nhiều Nghị Phụ đòi Công Đồng phải trực tiếp bàn đến Thánh Truyền, vì các lược đồ trước hầu như không nói gì đến.

⁴ Xem CĐ Nicea II: Dz 303 (602). - CĐ Constantinopla IV, khóa 10, đ. th. 1: Dz 336 (650-652).

cho mọi thể hệ tất cả thực chất của mình và tất cả những gì mình tin^{23*}.

Thánh Truyền do các Tông Đồ truyền lại được tiến triển trong Giáo Hội dưới sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần⁵. Thật vậy, các sự việc và lời nói truyền lại được hiểu biết thấu đáo hơn, nhờ sự chiêm ngắm và học hỏi của các tín hữu, những người đã ghi nhận các điều đó trong lòng (x. Lc 2,19 và 51); nhờ sự thông hiểu những điều thiêng liêng họ cảm nghiệm được, hoặc nhờ việc giảng dạy của những người lãnh nhận một đoàn sủng chắc chắn về chân lý, do việc kế vị trong chức Giám Mục. Nói cách khác, qua bao thế kỷ Giáo Hội luôn hướng tới sự viên mãn của chân lý Thiên Chúa, cho đến khi lời Chúa được hoàn tất nơi chính Giáo Hội^{24*}.

Lời các Thánh Giáo Phụ chứng thực sự có mặt sống động của Thánh Truyền. Và sự phong phú của Thánh Truyền đã thâm

^{23*} Đoạn này bàn về sự hiện hữu và bản tính của Thánh Truyền. Một Nghị Phụ muốn bản văn nói: "các chân lý mà các Tông Đồ đã mạc khải bằng miệng và không có trong Thánh Kinh, được lưu truyền cho chúng ta bằng Thánh Truyền". Nhưng Ủy Ban bác bỏ đề nghị trên, vì Ủy Ban không muốn đặt vấn đề tính cách đầy đủ chất liệu của Thánh Kinh và nội dung của Thánh Truyền. Chỉ có một điều không còn nghi ngờ là Thánh Truyền có nội dung rộng hơn Thánh Kinh; bằng chứng là trường hợp bản chính lục và sự linh ứng của chính Thánh Kinh. Như thế câu "lời giảng dạy của các Tông Đồ" bao gồm tất cả mọi điều mà các Tông Đồ đã lưu truyền bằng bất cứ cách nào. Và những điều đó nhờ linh ứng được chứa đựng "cách đặc biệt" trong Thánh Kinh (nghĩa là không phải chỉ trong Thánh Kinh).

⁵ Xem CĐ Vat I, Hiến chế tín lý về đức tin Công Giáo De Filius, ch.4: Dz 1800 (3020).

^{24*} Thánh Truyền luôn linh động, tăng tiến và tiến triển liên tục (không phải trong bản chất mà trong việc hiểu biết) và luôn giữ đồng nhất tính nguyên thủy của mình trong khi vẫn hướng về sự viên mãn của chân lý. Để chỉ "bản chất" ta nói "Tông Truyền" thay vì "Thánh Truyền sống". Nguồn gốc sự phát triển là: việc chiêm ngắm, sự nghiên cứu của các nhà thần học, ơn hiểu biết Chúa Thánh Thần ban và lời giảng dạy của hàng Giáo Phẩm. Ở đây người ta theo kiểu nói của Thánh Ireneô mà không nêu danh tánh, vì các ngôn từ "Đoàn sủng về chân lý" có thể có ba nghĩa: ơn ban chân lý mạc khải, ân sủng giúp trung thành với chân lý, và ơn giúp cất nghĩa mạc khải cách chân thực; ở đây theo nghĩa thứ ba.

nhập vào thực hành và đời sống của Giáo Hội hằng tin tưởng và cầu nguyện. Nhờ Thánh Truyền ấy, Giáo Hội biết được toàn bộ chính lục Thánh Kinh và cũng nhờ Thánh Truyền, Thánh Kinh được hiểu biết thấu đáo hơn, cũng như Thánh Truyền đã làm cho Thánh Kinh không ngừng hoạt động. Như vậy Thiên Chúa, Đấng xưa đã phán dạy, nay vẫn không ngừng ngỏ lời với Hiền Thê của Con yêu dấu mình; và Thánh Thần, Đấng làm cho tiếng nói sống động của Phúc Âm vang dội trong Giáo Hội và nhờ Giáo Hội làm vang dội trong thế giới, hướng dẫn các tín hữu nhận biết toàn thể chân lý và làm cho lời Chúa Kitô tràn ngập lòng họ (x. Col 3,16).^{25*}

9. Tương quan giữa Thánh Truyền và Thánh Kinh. Bởi vậy Thánh Truyền và Thánh Kinh liên kết, phối hiệp mật thiết với nhau vì cả hai phát xuất từ một nguồn mạch là Thiên Chúa, có thể nói kết hợp làm một duy nhất và cùng hướng về một mục đích. Thực vậy, Thánh Kinh là lời Chúa nói, vì được ghi chép lại dưới sự linh ứng của Chúa Thánh Thần; còn lời Chúa, mà Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần đã ủy thác cho các Tông Đồ, thì Thánh Truyền lưu lại toàn vẹn cho những kẻ kế vị các ngài, để nhờ Thần Chân Lý soi sáng, họ trung thành gìn giữ, trình bày và phổ biến qua lời rao giảng. Do đó, Giáo Hội không chỉ nhờ Thánh Kinh mà biết cách xác thực những điều mạc khải. Chính vì thế cả Thánh Kinh lẫn Thánh Truyền đều phải được đón nhận và tôn kính bằng một tâm tình quý mến và kính trọng như nhau^{6.26*}

^{25*} Các Giáo Phụ là những nhân chứng quan trọng nhất của Thánh Truyền, không phải chỉ vì các Ngài sống gần thời của Tông Đồ mà vì các Ngài đã hệ thống hóa giáo thuyết, đến nỗi đã có thể truyền lại cho chúng ta theo những công thức mà chính Ngài đã hình thành.

⁶ Xem CĐ Trentô, Sắc lệnh De Canonicis Scripturis: Dz 783 (1501).

^{26*} Thánh Truyền không phải chỉ là của Giáo Hội nhưng còn mang đặc tính thần linh như Thánh Kinh cả về nguồn gốc, nội dung và mục đích. Nội dung là xét theo phẩm, chứ Công Đồng không bàn đến lượng. Ở đây ta thấy có sự phân biệt vai trò của các Tông Đồ, những người cấu tạo Thánh Truyền, và vai trò của các Giám

10. Tương quan giữa Thánh Truyền, Thánh Kinh, Dân Chúa và Huấn Quyền. Thánh Truyền và Thánh Kinh hợp thành một kho tàng thánh thiện duy nhất chứa đựng lời Thiên Chúa và được ủy thác cho Giáo Hội. Trong khi gắn bó với kho tàng ấy, toàn thể dân thánh hiệp nhất với các chủ chăn,^{27*} luôn được vững bền trong giáo lý các Tông Đồ, trong niềm hiệp thông, trong việc bẻ bánh và lời cầu nguyện (x. CvTđ 2,42, bản Hy Lạp), đến nỗi trong việc tuân giữ, thực hành và tuyên xưng đức tin lưu truyền, các Giám Mục và tín hữu hiệp nhất với nhau cách lạ lùng⁷.

Nhiệm vụ chủ giải chính thức lời Chúa đã được viết ra hay lưu truyền⁸ chỉ được ủy thác cho Quyền Giáo Huấn sống động của Giáo Hội⁹, và Giáo Hội thi hành quyền đó nhân danh Chúa Giêsu Kitô^{28*}. Tuy nhiên Quyền Giáo Huấn này không vượt

Mục, những người bảo vệ Thánh Truyền. Câu "Do đó, Giáo Hội không chỉ nhờ..." được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI ghi thêm vào phút chót. Nhiều người Tin Lành phản đối và cho rằng đó là một bước quay về thuyết "Hai nguồn". Nhưng Ủy Ban cốt lõi là câu trên không hề thay đổi ý nghĩa bản văn. Thực ra 270 Nghị Phụ đã yêu cầu sửa đổi theo nghĩa đó (trong số đó có 111 Nghị Phụ thuộc nhóm đưa ra đề nghị tu chính danh tiếng 40D). Được Đức Hồng Y Bea khuyến khích, Ủy Ban đã chấp nhận câu thứ 3 trong số 7 câu do Đức Giáo Hoàng đề nghị, và nói rằng câu đó không ngăn trở những vấn đề đương tranh luận.

^{27*} Đoạn này dạy rằng Mạc Khải là gia sản của toàn thể Dân Chúa. Do đó, tín hữu không thể thụ động đối với Lời Mạc Khải. Giáo thuyết này là một bước tiến sánh với Vaticanô I và Thông điệp Humani Generis. Dân Chúa sống đạo sẽ làm giàu Thánh Truyền và giải thích Lời Chúa.

⁷ Xem Piô XII, Tông hiến Munificentissimus Deus, 1-11-1950: AAS 42 (1950), trg 756, lấy lại lời thánh Cyrianô, Epist. 66,8: CSEL 3,2, 733: "Giáo Hội là một dân hiệp nhất với Linh mục và là một đàn chiên liên kết với Chủ Chăn".

⁸ Xem CĐ Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin Công Giáo Dei Filius, ch. 3: Dz 1792 (3011).

⁹ Xem Piô XII, Tđ. Humani generis, 12-8-1950: AAS 42 (1950), trg 568-569: Dz 2314 (3886).

^{28*} Quyền Giáo Huấn là lời giải thích chính thức và độc nhất của Mạc Khải, quyền này do Chúa thiết lập và giữ vai trò phụng sự Lời Chúa và Dân Chúa. Quyền Giáo Huấn có thể là thường và bất thường, khả ngộ và bất khả ngộ. Về phương diện

trên Lời Chúa, nhưng để phục vụ Lời Chúa, chỉ dạy những gì đã được truyền lại, vì thừa lệnh Chúa và với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, Giáo Hội thành tâm lắng nghe, gìn giữ cách thánh thiện và trung thành trình bày Lời Chúa. Và từ kho tàng duy nhất ấy, Giáo Hội rút ra mọi chân lý, mà dạy phải tin là do Thiên Chúa mạc khải.

Bởi thế, hiển nhiên là Thánh Truyền, Thánh Kinh và Quyền Giáo Huấn của Giáo Hội, theo ý định vô cùng khôn ngoan của Thiên Chúa, liên kết và phối hiệp với nhau đến nỗi không thực thể nào trong ba có thể đứng vững một mình được. Và dưới tác động của một Chúa Thánh Thần duy nhất, cả ba, theo phương cách riêng, cùng góp phần hữu hiệu vào việc cứu rỗi các linh hồn.

Chương III

Sự Linh Ứng Của Thiên Chúa Và Việc Chú Giải Thánh Kinh

11. Sự linh ứng và chân lý trong Thánh Kinh. Những gì Thiên Chúa đã mạc khải Thánh Kinh chứa đựng và trình bày, đều được viết ra dưới sự linh ứng của Chúa Thánh Thần^{29*}. Thực

hiệp nhất lời xác quyết sau đây thực là lời tối quan trọng: Quyền Giáo Huấn phải tuân theo Lời Chúa, dầu quyền này gây khó khăn cho nhiều Kitô hữu khác.

^{29*} Trong chương này Công Đồng bàn về những điểm gay go nhất của Thánh Kinh: linh ứng, vô ngộ, chú giải.

Trước tiên là vấn đề linh ứng: lược đồ thứ nhất đề cập dài dòng về đề mục này, nhưng theo lối trình bày của các sách thần học nên bị giới hạn vì những tranh luận chưa ổn thỏa. Với lập trường không nghiêng về luận đề này hay luận đề kia, Công Đồng dạy:

vậy, Giáo Hội Mẹ Thánh, nhờ đức tin tông truyền, xác nhận rằng toàn bộ sách Cựu Ước cũng như Tân Ước với tất cả các thành phần đều là sách thánh và được ghi vào bản chính lục Thánh Kinh: bởi lẽ được viết ra dưới sự linh ứng của Chúa Thánh Thần (x. Gio 20,31; 2Tm 3,16; 2P 1,19-21; 3,15-16) nên tác giả của các sách ấy là chính Thiên Chúa và chúng được lưu truyền cho Giáo Hội với tình trạng như vậy¹. Nhưng để viết các sách thánh, Thiên Chúa đã chọn những người và dùng họ trong khả năng và phương tiện của họ², để khi chính Ngài hành động trong họ và qua họ³, họ viết ra như những tác giả đích thực tất cả những gì Chúa muốn, và chỉ viết những điều đó thôi⁴.

Vì phải xem mọi lời các tác giả được linh ứng viết ra, tức các thánh sử, là những lời của Chúa Thánh Thần, nên phải công

a) Có linh ứng Thánh Kinh, nghĩa là có ảnh hưởng của Chúa Thánh Thần theo hai nghĩa: mạc khải các chân lý (ví dụ cho các tiên tri) và tác động giúp viết thành văn bản để lưu truyền, đồng thời bảo đảm kết quả.

b) Linh ứng ảnh hưởng đến toàn bản chính lục, bởi lẽ một cuốn sách được liệt kê vào bản chính lục là vì nó được linh ứng. Bản văn lập lại giáo thuyết của Vaticanô I, và thêm rằng giáo thuyết về linh ứng Thánh Kinh là di sản của các Tông Đồ (Đức tin tông truyền).

c) Liên quan giữa các Thánh sử và Chúa Thánh Thần, Đáng linh ứng: Chúa là tác giả, còn thánh sử là người viết sách; người ta tránh gọi các thánh sử là "dụng cụ", vì như vậy thì lại quá thụ động. Cũng vậy, người ta sẽ tránh hiểu Thiên Chúa như là tác giả "chính" mà thích nói Ngài là tác giả "siêu viết". Thiên Chúa không là "thánh sử" nhưng Ngài dùng con người dẫu vẫn để con người hoàn toàn tự do và tự phát (với lỗi lầm của họ). Đây là nền tảng của việc phê bình Thánh Kinh.

¹ Xem *CĐ Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin Công Giáo Dei Filius, ch. 2: Dz 1787 (3006)*.

- Ủy ban giáo hoàng về Thánh Kinh, *Sắc lệnh ngày 18-6-1915: Dz 2180 (3629); EB. 420*.

- *Thánh Bộ Thánh Vụ, Epist. 22-12-1923: EB. 499*.

² Xem *Piô XII, Tđ. Divino afflante Spiritu, 30-9-1943: AAS 35 (1943) trg 313; EB 556*.

³ Trong và qua họ: xem *Dth 1,1 và 4,7 (trong): 2Sm 23,2; Mt 1,22 và nhiều nơi khác (qua); CĐ Vat. I: schema de doctr. Cath., ghi chú số 9: Col. Lac. VII, 522*.

⁴ *Leô XIII, Tđ. Providentissimus Deus, 18-11-1893: Dz 1952 (3293); EB. 125*.

nhận rằng Thánh Kinh dạy ta cách chắc chắn, trung thành và không sai lầm, những chân lý^{30*} mà Thiên Chúa đã muốn Thánh Kinh ghi lại vì phần rỗi chúng ta⁵. Bởi vậy "mọi sự trong Thánh Kinh được Thiên Chúa linh ứng có ích lợi cho việc dạy dỗ, biện luận, sửa trị và rèn luyện trong công chính: để người của Thiên Chúa trở nên trọn hảo và sẵn sàng thực hiện mọi việc lành" (2Tm 1, 16-17 bản Hy Lạp).

12. Cách thức giải thích Thánh Kinh^{31*}. Tuy nhiên vì trong Thánh Kinh, Thiên Chúa đã nhờ loài người và dùng cách nói của loài người mà phán dạy⁶, nên để thấy rõ điều chính Ngài

^{30*} *Kết quả của linh ứng là chân lý của Thánh Kinh. Trước kia lược đồ 2 chỉ nói vô ngộ, sau đó bản thảo thứ ba lại thêm: vô ngộ và chân lý; trong bản thảo thứ 4, Ủy Ban thêm từ "cứu rỗi" vào danh từ "chân lý". Điều này gây nên một cuộc tranh luận rộng lớn và sôi nổi, vì người ta cho rằng như thế sẽ hạn chế tính cách vô ngộ của Thánh Kinh và những điều siêu nhiên và đi ngược lại Giáo Huấn của các Đức Giáo Hoàng gần đây. Ủy Ban chấp nhận đề nghị sửa đổi của 73 Nghị Phụ: "vì phần rỗi chúng ta" trong khi nhấn mạnh là linh ứng không bị giới hạn vào một phần nào của Thánh Kinh. Nhưng câu này chỉ rõ đặc tính riêng biệt của chân lý Thánh Kinh, nghĩa là chiều hướng để hiểu đúng những xác quyết của Thánh Kinh. Chân lý Thánh Kinh chứa đựng trong những lời xác quyết hay lời giáo huấn của các tác giả chứ không trong những từ ngữ. Những giáo huấn ấy không bị giới hạn trong: "đức tin và luân lý" bởi vì các "chân lý cứu độ" cũng bao gồm cả những sự kiện lịch sử. Nên lưu ý là bản văn không nói: "những chân lý", nhưng nói: "chân lý" theo số ít và chân lý ở đây hiểu theo nghĩa Thánh Kinh, nghĩa là hàm chứa sự biểu lộ của Thiên Chúa chân thật, (chứ không theo nghĩa duy trí). Chân lý lịch sử của Thánh Kinh không nhất thiết hệ tại việc dựng lại các sự kiện theo thời gian và hoàn cảnh xã hội, nhưng hệ tại sự giải thích các sự kiện, nghĩa là dưới phương diện những sự kiện đó diễn tả mối tương quan giữa con người và Thiên Chúa.*

⁵ Xem T. Augustinô *De Gen. a litt.* 2, 9,20: PL 270-271; CSEL 28, 1, 46-47 và *Epist.* 82, 3: PL 33, 277; CSEL 34, 2, 354. - T. Tôma, *De Ver. q. 12a. 2.C.* - *CD Tren tô, khóa 4, De canonis scripturis: Dz 783 (1501) - Leó XIII Tđ. Providentissimus Deus: EB. 121, 124, 126-127. Piô XII, Tđ. Divino Afflante: EB. 539.*

^{31*} *Công Đồng dạy vấn đề chú giải rất cần thiết để hiểu Thánh Kinh. Khoa chú giải tìm tòi những phương pháp văn chương của thánh sử để khám phá điều thánh sử muốn dạy. Thiên Chúa muốn dạy cũng điều đó và có lẽ còn hơn nữa: đó là vấn đề nghĩa thâm sâu (sensus plenior) mà Ủy Ban không muốn quyết đoán.*

⁶ *Thánh Augustinô, De civ. Dei XVII, 6,2: PL 41,537; CSEL. 40,2,228.*

muốn truyền đạt cho chúng ta, nhà chú giải Thánh Kinh phải cẩn thận tìm hiểu điều các thánh sử thực sự có ý trình bày và điều Thiên Chúa muốn diễn tả qua lời lẽ của họ.

Để tìm ra chủ ý của thánh sử, giữa những phương pháp khác, cũng cần phải xét đến văn loại^{32*}. Vì chân lý được trình bày và diễn tả qua nhiều thể văn khác nhau, như thể văn lịch sử, tiên tri, thi phú hoặc những thể văn diễn tả khác. Hơn nữa, nhà chú giải còn có bốn phận tìm hiểu ý nghĩa mà trong những trường hợp xác định, thánh sử đã muốn diễn tả và thực sự đã diễn tả trong hoàn cảnh thời đại và văn hóa của họ, qua các lối văn được dùng trong thời đó⁷. Thực vậy, để hiểu đúng ý nghĩa tác giả Thánh Kinh muốn quả quyết trong bản văn, chúng ta phải chú tâm đúng mức đến các cách thức cảm nghĩ, diễn tả, tường thuật do bẩm sinh, được thịnh hành trong thời của họ, cũng như phải để ý đến các hình thức mà người thời ấy thường dùng khi giao tế với nhau⁸.

Nhưng Thánh Kinh đã được viết ra bởi Chúa Thánh Thần, nên cũng phải được đọc và chú giải trong Chúa Thánh Thần⁹. Và để hiểu đúng ý nghĩa của sách Thánh, chúng ta cũng phải ân cần lưu ý đến nội dung và sự thống nhất toàn bộ Thánh Kinh, dựa trên truyền thống sống động của toàn Giáo Hội và trên sự

^{32*} Đoạn này bàn về việc phê bình Thánh Kinh nghĩa là nhằm phân tách "khía cạnh nhân loại" của Thánh Kinh: văn thể, phạm trù tri thức, hoàn cảnh lịch sử v.v... như trong bất cứ một tác phẩm văn chương nào. Tâm quan trọng của "văn loại" được đặt lên hàng đầu, dầu không kê khai đầy đủ. Ta nên lưu ý điểm này: phải công nhận sự hiện hữu của nhiều loại lịch sử khác nhau, vì trong các cuốn sách của Thánh Kinh quan niệm lịch sử không có cùng một nghĩa như nhau. Ý tưởng sâu xa được hiểu ngầm ở đây là Lời Thiên Chúa đã trở thành lời thực sự của con người, nghĩa là lời nhập thể, như trình bày ở số 13.

⁷ T. Aug. *De doctr. Christ.* III.18,26: PL.34,75-76: CSEL 80,95.

⁸ Piô XII, n.v.t.: Dz 2294 (3829-3830); EB 557-562.

⁹ Xem Benedictô XV, *Tđ. Spiritus Paraclitus*, 15-9-1920: EB 469. - T. Hieronimô, *In Gal.*, 5, 19-21: PL 26, 417A.

tương hợp toàn bộ đức tin^{33*}. Theo các qui tắc ấy, nhà chú giải có nhiệm vụ nỗ lực tìm hiểu và trình bày ý nghĩa Thánh Kinh cách sâu rộng hơn, hầu sự học hỏi của họ, như một việc làm chuẩn bị, giúp phán quyết của Giáo Hội được chính chắn. Thực vậy, mọi điều liên hệ đến việc chú giải Thánh Kinh cuối cùng đều phải tùy thuộc vào phán quyết của Giáo Hội, vì Giáo Hội được Thiên Chúa giao cho sứ mệnh và chức vụ gìn giữ và giải thích lời Chúa¹⁰.

13. Sự "hạ mình" của Đấng Khôn Ngoan. Cho nên, trong Thánh Kinh, vừa luôn được bảo toàn sự chân thật và thánh thiện của Thiên Chúa, vừa diễn tả sự "hạ mình" kỳ diệu của Đấng khôn ngoan muôn đời, "để chúng ta học biết lượng nhân từ vô biên của Chúa, và trong sự quan phòng sẵn sóc đến bản tính chúng ta, Ngài đã thích ứng lời nói của Ngài đến mức nào"¹¹. Vì lời nói của Chúa diễn tả qua ngôn ngữ nhân loại, được đồng hóa với tiếng nói loài người, cũng như xưa Lời Nói của Chúa Cha Hằng Hữu đã trở nên giống loài người, sau khi nhận lấy sự yếu đuối của xác thịt.

^{33*} Khoa học chưa đủ cho việc chú giải của Kitô giáo. Cần phải có đức tin. Nhà chú giải cũng phải được hướng dẫn bởi cùng một Thánh Thần đã linh ứng các thánh sử. Tiếp đến, phải đặt mỗi cuốn sách trong toàn bộ Thánh Kinh vì nó không có cùng một giá trị như nhau. Phải nhớ rằng Mạc Khải còn tiến triển: Tân Ước soi sáng Cựu Ước và Thánh Truyền của Giáo Hội lại soi sáng Tân Ước. Sau cùng, việc chú giải và quyền Giáo Huấn phải cộng tác theo cùng một mục đích là làm phát triển sự hiểu biết Mạc Khải.

¹⁰ Xem CĐ. Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin công giáo *Dei Filius*, ch.: Dz 1788 (3007).

¹¹ T. Gioan Kim Khẩu, *In Gen. 3,8 (hom. 17,1): PL 53, 134.* - "Thích ứng" tiếng Hy Lạp là *synkatábasis*.

Chương IV

Cựu Ước

14. Lịch sử cứu độ trong các sách Cựu Ước. Thiên Chúa chí ái, khi ân cần trừ liệu và chuẩn bị việc cứu độ toàn thể nhân loại theo một kế hoạch lạ lùng, Ngài đã tuyển chọn một dân tộc để ủy thác những lời ước hẹn. Thực vậy, sau khi ký giao ước với Abraham (x. Stk 15,18) và với dân Israel qua Môisen (x. Xac 24,8) Ngài đã dùng lời nói, việc làm mạc khải cho dân Ngài đã chọn để họ biết Ngài là Thiên Chúa độc nhất, chân thật và hằng sống, để Israel nghiệm thấy đâu là đường lối Thiên Chúa đối xử với loài người, và để nhờ chính Ngài phán dạy qua miệng các Tiên Tri, ngày qua ngày, họ thấu hiểu các đường lối ấy cách sâu đậm và rõ ràng hơn, để rồi đem phổ biến rộng rãi nơi các dân tộc (x. Tv 21,28-29; 95,1-3; Is 2,1-4; Gier 3,17). Vì vậy chương trình cứu độ được các thánh sử tiên báo, thuật lại và giải thích trong các sách Cựu Ước như là lời nói chân thật của Chúa. Bởi vậy các sách được Thiên Chúa linh ứng này luôn có một giá trị vĩnh viễn: "vì những gì đã được ghi chép là để dạy dỗ chúng ta, hầu chúng ta được hy vọng nhờ sự kiên nhẫn và nhờ sự ủi an của Thánh Kinh." (Rm 15,4)^{34*}.

15. Tầm quan trọng của Cựu Ước đối với các Kitô hữu. Lý do sự hiện hữu của chương trình cứu rỗi thời Cựu Ước, là để chuẩn bị và tiên báo ngày xuất hiện của Chúa Kitô, Đấng Cứu Chuộc muôn loài (x. Lc 24,44; Gio 5,39; 1P 1,10) và ngày khai

^{34*} *Số này bàn về lịch sử cứu độ trong Cựu Ước, xét như là cuốn sách và như là kế hoạch cứu rỗi. Thiên Chúa đã phán bằng những biến cố trong lịch sử dân Do Thái và do các tiên tri (nghĩa rộng): đã có Lời Chúa trước khi có sách, nhưng bây giờ Lời Chúa được tồn trữ trong sách. Nên lưu ý tới ý hướng của việc tuyển chọn dân Do Thái: phổ quát tính của ơn cứu độ. Cựu Ước gồm nhiều giai đoạn: giai đoạn các tổ phụ đánh dấu bằng lời hứa, giai đoạn Môisen thiết lập dân Chúa trong Giao Ước, giai đoạn tiên tri trong đó Mạc Khải được khai triển.*

nguyên nước Thiên Sai, đồng thời biểu thị các biến cố ấy dưới nhiều khuôn mẫu khác nhau (x. 1Cor 10,11). Thích ứng với hoàn cảnh nhân loại sống trước thời cứu độ do Chúa Kitô thiết lập, các sách Cựu Ước trình bày cho mọi người biết Thiên Chúa là ai và con người là ai, đồng thời trình bày Thiên Chúa công bình và nhân từ đối xử với loài người như thế nào, tuy có nhiều khuyết điểm và tạm bợ, nhưng các sách ấy minh chứng khoa sư phạm đích thực của Thiên Chúa¹. Do đó, các Kitô hữu phải thành kính đón nhận các sách này, vì chúng diễn tả một cảm thức sâu sắc về Thiên Chúa, tàng trữ những lời giáo huấn cao siêu về Ngài, những tư tưởng khôn ngoan và hữu ích về đời sống con người, những kho tàng kinh nghiệm tuyệt diệu, và sau cùng ẩn chứa mầu nhiệm cứu rỗi chúng ta^{35*}.

16. Sự thống nhất giữa Cựu và Tân Ước. Bởi thế, Thiên Chúa Đấng linh ứng và là tác giả các sách Cựu Ước cũng như Tân Ước, đã khôn ngoan sắp xếp cho Tân Ước được tiềm ẩn trong Cựu Ước, và Cựu Ước trở nên sáng tỏ trong Tân Ước². Thực vậy, dù Đức Kitô thiết lập Giao Ước Mới trong máu Ngài (x. Lc 22,20; 1Cor 11,25), nhưng các sách Cựu Ước vẫn được xử dụng trọn vẹn trong sứ điệp Phúc Âm³, đạt được và bày tỏ đầy

¹ Piô XI, Tđ. Mit brennender Sorge, 14-3-1937: AAS 29 (1937), trg 151.

^{35*} Sổ này bàn về việc Kitô hữu đọc Cựu Ước. Ba ý tưởng: tương quan giữa Cựu và Tân Ước, bản tính các sách Cựu Ước, giá trị của Cựu Ước đối với các Kitô hữu. Chúa Kitô là ý nghĩa của Cựu Ước: của cả các biến cố cũng như các sách. Tất cả những gì xảy ra trước Chúa Kitô đều có mục đích chuẩn bị. Việc tuyển chọn dân Do Thái, lịch sử, văn hóa của dân này v.v... đều chuẩn bị chính con người, ngôn ngữ và tôn giáo của Chúa Kitô v.v... Bản văn nói đến những "khuôn mẫu": không nên hiểu theo nghĩa kỹ thuật, nhưng như những biến cố quá khứ trở thành những "mẫu", những "hình" của một biến cố tương lai nhờ đó những biến cố kia được trọn nghĩa. Việc liệt kê giá trị của Cựu Ước hơi lộn xộn. Bản văn nhắc đến tính cách tạm thời của Cựu Ước, để đề phòng chống lại nền luân lý tiền Kitô giáo của dân Do Thái. Người ta nói đến "kho tàng kinh nghiệm" để bênh vực các thánh vịnh, chống lại những người muốn loại bỏ thánh vịnh ra khỏi phụng vụ.

² T. Augustinô, *Quaest. in Hept.* 2,73: PL 34, 623.

³ T. Ireneô, *Adv. Haer.* III 21,3: PL 7, 950; (25, 1 Harvey, 2 trg 115).

đủ ý nghĩa trong Tân Ước (x. Mt 5,17; Lc 24,27; Rm 16,25-26; 2Cor 3,14-16). Ngược lại Tân Ước cũng được sáng tỏ và giải thích nhờ Cựu Ước^{36*}.

Chương V Tân Ước^{37*}

17. Sự trở lại của Tân Ước. Là sức thiêng cứu rỗi mọi tín hữu (x. Rm 1, 16), lời Chúa được trình bày cách tuyệt diệu trong các sách Tân Ước, và diễn tả quyền năng của Ngài. Thực vậy, khi đến thời viên mãn (x. Gal 4,4). Ngôi Lời đầy tràn ân sủng và chân lý đã nhập thể và ở giữa chúng ta (Gio 1,14). Chúa Kitô đã thiết lập Nước Thiên Chúa trên trần gian. Người mạc khải Cha Người và Chính Mình qua lời nói, việc làm và hoàn tất công trình Người khi Người chết, sống lại, lên trời vinh hiển và khi Người sai Chúa Thánh Thần đến. Bị treo lên khỏi đất (x. Gio 12,32, bản Hylạp), Người kéo mọi người đến với Mình, Người là Đấng duy nhất có những lời ban sự sống vĩnh cửu (x. Gio 6,68). Nhưng mầu nhiệm này chưa bao giờ được tỏ cho các thế hệ khác biết, nay đã được mạc khải trong Thánh Thần cho

T. Cyrillô Hieros., Catech. 4, 35: PG 33, 497.

Theodorô. Mops., In Soph. 1,4-6: PG 66, 452 D-453A.

^{36*} Sự duy nhất của Cựu Ước và Tân Ước. Đoạn này bàn cách lẫn lộn về các sách vừa Tân Ước vừa Cựu Ước. Tân Ước đã thu gồm toàn thể Cựu Ước, ngoại trừ tính cách bất toàn và tạm thời. Như thế nghĩa là các sách Cựu Ước được sát nhập vào lời rao giảng Phúc Âm như thành phần của một Mạc Khải duy nhất. Do đó, chúng hiện ở trong một văn mạch mới, chúng đã được biến đổi vì đã đạt được ý nghĩa tối hậu. Nên lưu ý rằng không những Tân Ước soi sáng Cựu Ước, mà Cựu Ước còn giúp cắt nghĩa Tân Ước, chẳng hạn phải hiểu Isaia Đệ Nhị dưới ánh sáng của thánh Phaolô và ngược lại.

^{37*} Trong lược đồ thứ nhất, chương này hầu như có tính cách hoàn toàn minh giáo và tiêu cực. Sau đó người ta đã soạn thảo lại theo một tinh thần cởi mở hơn. Nhưng thực sự, chương này hầu như chỉ bàn về các Phúc Âm.

các Thánh Tông Đồ Người và cho các Tiên Tri (x. Eph 3,4-6, bản Hylạp), để họ rao giảng Phúc Âm, cổ võ lòng tin vào Chúa Giê-su, Đấng được xức dầu và là Chúa, để đoàn tụ Giáo Hội. Những việc này, các sách Tân Ước đã minh chứng với một bằng chứng có giá trị vĩnh viễn và thần linh^{38*}.

18. Sách Phúc Âm bắt nguồn từ các Tông Đồ. Mọi người đều biết rằng trong tất cả các sách thánh, kể cả những sách Tân Ước, các sách Phúc Âm xứng đáng chiếm địa vị ưu đẳng, vì Phúc Âm là chứng tá chính yếu về đời sống và giáo lý của Ngôi Lời Nhập Thể, Đấng Cứu Chuộc chúng ta.

Trong mọi thời và khắp nơi, Giáo Hội đã và đang quả quyết rằng bốn sách Phúc Âm bắt nguồn từ các Tông Đồ^{39*}. Thực vậy, những gì các Tông Đồ rao giảng theo lệnh Chúa Kitô, sau này nhờ Chúa Thánh Thần soi sáng, chính các ngài và những người sống bên các ngài viết lại và lưu truyền cho chúng ta như nền tảng đức tin: đó là Phúc Âm trình bày dưới bốn hình thức:

^{38*} Bản văn này phát xuất từ bản thảo thứ ba. Câu thứ nhất được coi như luận đề mà cả số này trình bày. Theo tư tưởng của chương I, Tân Ước là chính Chúa Giê-su và công trình của Người. Trong khi hoàn tất Cựu Ước, Tân Ước mạc khải cho chúng ta Thiên Chúa như Người Cha. Bản văn không nói Chúa Giê-su đã thiết lập Giáo Hội (Giáo Hội xuất hiện vào thời các Tông Đồ). Như thế người ta chấp nhận sự phân biệt giữa "Nước Chúa" và Giáo Hội (x. GH 5,8). Hoạt động của Chúa Giê-su được đặt trong lịch sử và ngày nay vẫn còn thực hiện. Bản văn dùng động từ ở thì hiện tại: Ngài "kéo" thay vì "đã kéo" của lược đồ trước. Tiếng "mâu nhiệm" chỉ Chúa Kitô và công trình của Người chứ không đúng y như nghĩa của Thánh Phaolô. Lưu ý mục đích truyền giáo của Mạc Khải.

^{39*} Giá trị chứng tá của các sách Phúc Âm là thiết yếu đối với Giáo Hội. Nhưng trước kia cách thể bênh vực giá trị đó không được thích hợp cho lắm, khi đặt nền tảng trên hai lý do: các Thánh sử trung thực và thấu đáo vấn đề. Điều này buộc phải chứng minh rằng các ngài là Tông Đồ hay môn đệ các Tông Đồ; nhưng theo lịch sử, sự kiện đó không chắc chắn. Vì thế bản văn bỏ qua vấn đề này. Cùng với Thánh Truyền, Công Đồng xác nhận rằng các Phúc Âm "bắt nguồn từ các Tông Đồ" và truyền lại cho chúng ta dưới hình thức "theo Thánh Mattheô..." v.v... Nguồn gốc này là lời rao giảng hay Phúc Âm truyền khẩu. Mối liên lạc giữa lời rao giảng và Thánh Kinh được Chúa Thánh Thần bảo đảm; nguồn mạch của Phúc Âm được rao giảng là chính Chúa Kitô.

theo Thánh Mattheô, Thánh Matcô, Thánh Luca và Thánh Gioan¹.

19. Phúc Âm có tính cách lịch sử. ^{40*} Mẹ thánh Giáo Hội luôn luôn quả quyết lịch sử tính của bốn Phúc Âm, cũng như đã mạnh mẽ và liên li xác nhận bốn sách Phúc Âm trung thành ghi lại những gì Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, khi sống giữa loài người, thực sự đã làm và đã dạy vì phần rỗi đời đời của họ, cho tới ngày Người lên trời (x. CvTđ 1,1-2). Thực vậy sau khi Chúa về trời, những gì Người đã nói, đã làm thì các Tông Đồ, sau khi đã được hiểu biết cách đầy đủ hơn² - sự hiểu biết mà chính các ngài hưởng thụ được nhờ các biến cố vinh hiển của Chúa Kitô và ánh sáng của Thần Chân Lý³ - các ngài đã truyền lại cho

¹ Xem T. Ireneo, *Adv. Haer.* III, 11,8: PL 7, 885, x. b. Sagnard, trg 194.

^{40*} *Lịch sử tính của các sách Phúc Âm là điểm quan trọng của Hiến chế. Lược đồ thứ nhất nặng tính cách bút chiến và kết án các lầm lạc của những người nghi ngờ những câu chuyện thời thơ ấu và những cuộc hiện ra v.v... Thái độ này nghịch với tinh thần của Đức Gioan XXIII (x. AAS 54 (1962) 792) và giả thiết một ý niệm về chân lý lịch sử nặng tính cách khoa học hơn là Thánh Kinh, như có thể tìm thấy nơi những văn kiện chính thức, ví dụ: "các bản văn phải tương xứng với những sự kiện như đã xảy ra trong thực tế" (Tđ. Spir. Paraclitus, EB số 457). Nhưng khoa chú giải đã minh chứng rằng hiểu lịch sử Thánh Kinh theo cách này là sai. Các nhà bác học cũng đã minh chứng việc soạn thảo Phúc Âm rất phức tạp: phải lưu tâm đến những truyền thống khác nhau, những thích ứng trong khi rao giảng, vai trò của các cộng đoàn sơ khai v.v... Nhiều Nghị Phụ sợ rằng lịch sử tính sẽ lu mờ nếu lướt qua phương pháp "văn hình sử". Các cuộc bàn cãi sôi nổi, kéo dài, và các Nghị Phụ đã xin Đức Giáo Hoàng can thiệp để tiếng "lịch sử" được giữ lại trong bản văn. Trong khi đó, để giúp giải quyết các vấn đề, Ủy Ban Giáo Hoàng về Thánh Kinh đã phát hành một Huấn Thị về Phúc Âm (14-5-1964). Sau cùng bản văn được chấp thuận đã loại bỏ mọi nghi ngờ về lịch sử tính của Phúc Âm; đó là một chân lý mà Giáo Hội quả quyết bằng đức tin và lý trí (đã và đang quả quyết). Nhưng "lịch sử" trong Phúc Âm lại là một loại đặc biệt, phải xác định sau khi nghiên cứu văn loại của từng đoạn. Phúc Âm truyền đạt cho chúng ta "những điều chân thật và trung thực" về Chúa Giêsu; như thế nghĩa là: những điều chính thực không bị thay đổi; phải hiểu tiếng "điều chân thật" theo như đã nói ở số 11. Tóm lại, Phúc Âm không phải là một bản phúc trình về những biến cố đã qua, nhưng là một lời truyền bá những sự kiện quan hệ cho ơn cứu độ.*

² Xem Gio 2,22; 12,16; So sánh với 14,26; 16,12-13; 7,39.

³ Xem Gio 14,26; 16,13.

những ai nghe các ngài. Phần các thánh sử đã viết bốn Phúc Âm: các ngài chọn một ít trong số chất liệu được truyền lại bằng miệng hay bằng sách vở, tóm tắt một số khác hay tùy hoàn cảnh của các Giáo Hội mà giải thích thêm, nhưng vẫn giữ hình thức của bài giảng thuyết và như vậy để luôn chân thành truyền đạt cho chúng ta những điều chân thật về Chúa Giêsu⁴. Thực vậy, dựa trên trí nhớ hay kỷ niệm riêng tư, hoặc dựa trên chứng tá của những người "đã chứng kiến từ buổi đầu và trở nên thừa tác viên của lời Chúa", các thánh sử đã viết các sách Phúc Âm với mục đích giúp chúng ta nhận biết rằng các lời mà chúng ta đã nghe dạy dỗ đều là "chân thật" (x. Lc 1,2-4).

20. Các sách khác của Tân Ước. Ngoài bốn Phúc Âm, danh sách Tân Ước còn ghi lại các thư Thánh Phaolô và những bút tích khác của các Tông Đồ đã được viết dưới sự linh ứng của Chúa Thánh Thần. Các bút tích này, theo ý định khôn ngoan của Thiên Chúa chứng thực những gì đã được nói về Chúa Kitô, trình bày giáo lý đích thực của Người ngày một rõ ràng hơn, rao truyền sức mạnh cứu độ của công trình thần linh của Chúa Kitô, và kể lại những bước đầu, sự bành trướng kỳ diệu cùng tiên báo sự kết thúc vinh hiển của Giáo Hội. ^{41*}

⁴ Xem Huấn dụ *Sancta Mater Ecclesia* do Ủy Ban Giáo Hoàng về Thánh Kinh xuất bản: AAS 56 (1964), trg 715.

^{41*} *Số này không bị thay đổi mấy. Nó xác quyết rằng Tân Ước, ngoài Phúc Âm, còn có nhiều bản văn khác, nhưng không nêu ra danh sách. Theo Công Đồng những bản văn này có nội dung:*

a) *thần học: dùng những lý chứng để xác quyết sứ mệnh của Chúa Kitô. Số này chấp nhận có sự tiến triển nội tại của Tân Ước, đặc biệt trong Kitô học và Giáo Hội học.*

b) *giảng thuyết: lời rao giảng về Chúa Kitô.*

c) *lịch sử: Công vụ Tông Đồ thuật lại những "bước đầu" của Giáo Hội; người ta đã dùng chữ "bước đầu" thay cho chữ "tổ chức" ở trong bản thảo trước.*

d) *tiên tri: loan báo ngày kết thúc (Khải Huyền).*

Thực vậy, Chúa Giêsu đã hiện diện bên các Tông Đồ như Người đã hứa (x. Mt 28,20) và đã sai Thánh Thần An Ủi đến để dẫn dắt họ đến sự viên mãn của Chân Lý (x. Gio 16,13).

Chương VI

Thánh Kinh Trong Đời Sống Giáo Hội^{42*}

21. Tầm quan trọng của Thánh Kinh đối với Giáo Hội.^{43*}

Giáo Hội luôn tôn kính Thánh Kinh như chính Thân Thể Chúa,

^{42*} Chương này phát xuất từ bản thảo thứ hai. Sau đó trong bản thảo thứ ba, người ta sát nhập thêm những yếu tố của Lược đồ về Lời Thiên Chúa do Văn Phòng Hiệp Nhất soạn thảo. Tựa đề đã thay đổi nhiều lần. Trước tiên tựa đề là: Về Thánh Kinh trong Giáo Hội; như thế có vẻ quá thận học, nên đã được đổi thành về việc dùng Thánh Kinh trong Giáo Hội; nhưng tựa đề này lại có vẻ quá tầm thường. Sau cùng người ta chấp nhận tựa đề hiện tại; tuy nhiên không phải không gặp chống đối, vì nhiều người muốn dùng tiếng "Lời Chúa" để bao gồm cả Thánh Truyền nữa.

Chương này có tính cách mục vụ. Thực vậy, "Đời sống Giáo Hội" bao gồm tất cả mọi hoạt động hướng nội cũng như hướng ngoại, như thế gồm cả việc truyền giáo.

^{43*} Trong những bản thảo trước, số này mang tựa đề: "Nỗi bận tâm của Giáo Hội đối với Thánh Kinh". Nhưng tựa đề này lại nghiêng về khía cạnh tự vệ. Sau đó các Nghị Phụ chấp nhận tựa đề hiện tại: "Giáo Hội tôn kính Thánh Kinh". Người ta chỉ có thể nói rõ hơn khi so sánh với Thân Thể Chúa; sự so sánh này gặp nhiều chống đối vì nhiều Nghị Phụ nghĩ rằng những khuynh hướng tân thời muốn giảm thiểu sự hiện diện Chúa trong phép Thánh Thể và hình như được bản văn này khuyến khích. Nhưng Ủy Ban vẫn duy trì bản văn vì sự so sánh này có tính cách cổ truyền và hơn nữa sự hợp nhất giữa Lời Chúa và Bí Tích lại rất quan trọng trong đời sống Giáo Hội (Phụng Vụ). Tầm quan trọng của Thánh Kinh được diễn tả trong câu "cùng với Thánh Truyền, Thánh Kinh... là qui luật tối cao hướng dẫn đức tin". Đây là một qui luật khách quan, vì được linh ứng. (Thiên Chúa nói với chúng ta qua Thánh Kinh); thứ đến nó là qui luật bất biến, vì Thiên Chúa không thay đổi và - theo cách nói nhân loại - điều gì đã được viết thì đã được viết rồi. Bởi thế hậu quả là đời sống Giáo Hội luôn được nuôi dưỡng bởi cùng một nguồn

nhất là trong Phụng Vụ Thánh, Giáo Hội không ngừng lấy bánh ban sự sống từ bàn tiệc Lời Chúa cũng như từ bàn tiệc Mình Chúa Kitô để ban phát cho các tín hữu. Cùng với Thánh Truyền, Thánh Kinh đã và đang được Giáo Hội xem như là quy luật tối cao hướng dẫn đức tin, được Thiên Chúa linh ứng và đã được ghi chép một lần cho muôn đời, Thánh Kinh phân phát cách bất di bất dịch lời của chính Chúa và làm vang dội tiếng nói của Chúa Thánh Thần qua các Tiên Tri cùng với các Tông Đồ. Bởi vậy, mọi lời giảng dạy trong Giáo Hội cũng như chính đạo thánh Chúa Kitô phải được Thánh Kinh nuôi dưỡng và hướng dẫn. Thực thế, trong các sách thánh, Chúa Cha trên trời bằng tất cả lòng trù mẫn đến gặp gỡ con cái mình và ngỏ lời với họ. Lời Chúa còn có một sức mạnh và quyền năng có thể nâng đỡ và tăng cường Giáo Hội, ban sức mạnh đức tin cho con cái Giáo Hội, là lương thực linh hồn, nguồn sống thiêng liêng, tinh tuyền và trường cửu cho con cái Giáo Hội. Bởi thế, lời nói sau đây thật xứng hợp cho Thánh Kinh: "Thực vậy, lời Thiên Chúa sống động và linh nghiệm" (Dth 4,12). "có khả năng gây dựng và ban gia tài cho mọi người đã được thánh hóa" (CvTđ 20,32; x. 1Th 2, 13).

22. Cần có bản văn và bản dịch.^{44*} Phải mở rộng lối vào Thánh Kinh cho các Kitô hữu. Chính vì thế mà từ buổi đầu, Giáo Hội đã công nhận như của riêng mình bản dịch Cựu Ước bằng tiếng Hy Lạp, một bản văn rất cổ và được gọi là bản dịch do bảy mươi người. Ngoài ra Giáo Hội còn luôn tôn trọng các bản dịch của Đông Phương hay các bản dịch Latinh, nhất là bản thường gọi

mạch duy nhất, và điều đó bảo đảm sự liên tục trong lịch sử cũng như trong sự bình đẳng trong các nền văn hóa khác nhau.

^{44*} *Việc dịch Thánh Kinh ra các sinh ngữ là một nhu cầu truyền giáo (x. TG 22; MV 44), là một đòi hỏi của Công Giáo tính nơi Giáo Hội (x. GH 13) và là một đòi hỏi của việc hiệp nhất (x. GH 15, HN 14-17, 19-23). Mỗi Giáo Hội dịch Thánh Kinh ra tiếng bản xứ là làm giàu thêm Giáo Hội phổ quát, vì tất cả các bản dịch giả thiết một sự thấu hiểu mới về Mạc Khải.*

là bản "Phổ Thông". Vì phải đem lời Chúa đến cho mọi thời đại, Giáo Hội như một người mẹ ân cần lo liệu cho các sách thánh được dịch ra các thứ tiếng cách thích hợp và đúng đắn, đặc biệt dịch từ nguyên bản. Mọi Kitô hữu có thể sử dụng những bản dịch được thực hiện chung với cả những anh em ly khai trong trường hợp thuận tiện và được giáo quyền chấp thuận.

23. Nhiệm vụ tông đồ của các nhà Thánh Kinh học.^{45*} Hiền thể của Ngôi Lời nhập thể, tức Giáo Hội, được Chúa Thánh Thần dạy dỗ, hằng cố gắng hiểu biết Thánh Kinh ngày càng sâu rộng hơn, hầu không ngừng lấy lời Chúa nuôi dưỡng con cái mình. Do đó, Giáo Hội có lý khi khuyến khích việc học hỏi các thánh Giáo Phụ Đông Phương và Tây Phương cũng như các Phụng Vụ thánh. Phần các nhà chú giải Thánh Kinh công giáo và những người chuyên về Thần Học Thánh phải ân cần lo lắng, dưới sự trông nom của Quyền Giáo Huấn Thánh, và dùng những phương thế thích hợp, để nghiên cứu và trình bày Thánh Kinh, để cung ứng nhiều thừa tác viên lời Chúa hết sức có thể, hầu lương thực Thánh Kinh được dồi dào ban bố cho dân Chúa, để soi sáng trí khôn, kiên trì ý chí và nung đốt lòng người yêu Chúa¹. Thánh Công Đồng khuyến khích các con cái Giáo Hội đang chuyên cần học hỏi những khoa học Thánh Kinh, hãy tiếp tục theo đuổi công trình đã khởi sự cách tốt đẹp với những năng lực ngày được đổi mới, và tất cả hăng say hợp với cảm thức của Giáo Hội².

^{45*} *Số này nhấn mạnh nhiệm vụ tông đồ của các tiến sĩ Giáo Hội và khuyến khích những nhà chú giải và thần học cộng tác với nhau. Nhìn nhận tầm quan trọng của khoa học để đào sâu Lời Chúa, mặc dầu Giáo Hội có quyền quyết định tối hậu những nghi ngờ (Quyền Giáo Huấn) nhưng đồng thời lại đề phòng chống thủ khoa học (chú giải và thần học) quá cần cỗi về phương diện mục vụ.*

¹ *Xem Piô XII, Tđ. Divino Afflante Spiritu, 30-9-1943: EB 551, 553, 567. - Ủy Ban giáo hoàng về Thánh Kinh, Introductio de S. Scriptura in Clericorum Seminariis et Religiosorum Collegiis recte docenda, 13-5-1950: AAS 42 (1950), trg 495-505.*

² *Xem Piô XII, n.v.t : EB 569.*

24. Tầm quan trọng của Thánh Kinh đối với thần học. ^{46*}

Khoa Thần Học dựa trên Thánh Kinh và Thánh Truyền như dựa vào một nền tảng vĩnh viễn. Trên nền tảng này, thần học được củng cố hết sức chắc chắn và mãi mãi được trẻ trung trong khi tìm kiếm, dưới ánh sáng đức tin, mọi chân lý tiềm ẩn trong mầu nhiệm Chúa Kitô. Thánh Kinh chứa đựng lời Chúa và thực sự là lời của Chúa, vì được linh ứng. Nên nghiên cứu Thánh Kinh phải là linh hồn của Khoa Thần Học Thánh³. Thừa tác vụ lời Chúa - nghĩa là việc rao giảng thuộc mục vụ, dạy giáo lý và huấn dụ Kitô giáo, trong đó bài giảng phụng vụ phải chiếm một chỗ quan trọng - phải được nuôi dưỡng cách an lành và gia tăng sinh lực cách thánh thiện, nhờ lời Thánh Kinh.

25. Khuyến nhủ năng học hỏi và đọc Thánh Kinh. ^{47*}

Vì thế, tất cả các giáo sĩ, trước hết là các linh mục của Chúa Kitô và những người có bổn phận phục vụ lời Chúa, như các phó tế và những người dạy giáo lý, phải gắn bó với Thánh Kinh nhờ việc

^{46*} Ở đây người ta bàn về vai trò Thánh Kinh trong thần học. Vậy Thánh Kinh là nền tảng: là điểm khởi phát và là điểm qui chiếu. Thánh Kinh làm cho nền thần học trẻ lại, vì đem lại những đề mục và những viễn tượng mới. Thánh Kinh là "linh hồn của thần học" (x. ĐT 16), là nguyên lý sự sống, là nguồn nghị lực của thần học. Nhưng Thánh Kinh không phải là tất cả, vì thần học cũng phải quan tâm đến Thánh Truyền, đến những suy tư của người khác, những trực giác của tín hữu v.v... và phải luôn luôn biết tạo nên những tổng hợp mới để hiểu thêm Thánh Kinh. Cũng vậy, tín điều phải qui chiếu về Thánh Kinh để thấu hiểu và đào sâu trong ánh sáng Thánh Kinh.

³ Xem Leô XIII, Tđ. *Providentissimus Deus*: EB 114. - Benedictô XV, Tđ. *Spiritus Paraclitus*, 15-9-1920: EB 483.

^{47*} Lần đầu tiên trong lịch sử một Công Đồng kêu gọi đọc Thánh Kinh. Những người phục vụ Lời Chúa: Linh Mục, Phó Tế, các người dạy Giáo Lý... mang một trách vụ lớn hơn. Tuy nhiên vài Nghị Phụ bối rối và coi lời khuyến khích tổng quát đọc Thánh Kinh là một mối nguy hiểm. Phải đọc "theo tinh thần của Giáo Hội", vì vậy người ta nhấn mạnh đến kinh nguyện như là một câu đáp lại lời Thiên Chúa, Đáng nói trong Thánh Kinh.

Lãnh tụ của phong trào này là các Giám Mục, các Ngài có bổn phận kiểm soát và khuyến khích. Sau cùng, Thánh Kinh được ban cho Giáo Hội để Giáo Hội mang đến cho mọi người, vậy phải khuyến khích các đợt xuất bản dành cho người ngoài Kitô giáo. Đó là một sáng kiến truyền giáo tốt đẹp.

chăm đọc và ân cần học hỏi, để khi họ phải truyền đạt kho tàng bao la của lời Chúa, nhất là trong phụng vụ thánh, cho các giáo hữu được ủy thác cho họ, không ai trong họ sẽ trở thành "kẻ huênh hoang rao giảng lời Thiên Chúa ngoài môi miệng bởi không lắng nghe lời Thiên Chúa trong lòng" ⁴. Thánh Công Đồng cũng tha thiết và đặc biệt khuyến khích mọi Kitô hữu, cách riêng các tu sĩ hay năng đọc Thánh Kinh để học biết "khoa học siêu việt của Chúa Giêsu Kitô" (Ph 3,8). "Vì không biết Thánh Kinh là không biết Chúa Kitô"⁵. Vậy ước gì họ hằng hái tiếp xúc với chính bản văn Thánh Kinh, nhờ Phụng Vụ Thánh dồi dào lời Thiên Chúa, hoặc nhờ sốt sắng đọc Thánh Kinh hay nhờ những tổ chức học hỏi thích hợp, hoặc bất cứ phương thế nào mà ngày nay đã được các Chủ Chăn trong Giáo Hội chấp thuận và ân cần phổ biến khắp nơi. Nhưng mọi người cũng nên nhớ rằng kinh nguyện phải đi đôi với việc đọc Thánh Kinh, để có sự đối thoại giữa Thiên Chúa và con người, vì "chúng ta ngỏ lời với Ngài khi cầu nguyện, và chúng ta nghe Ngài nói lúc chúng ta đọc các sấm ngôn thần linh"⁶.

Các Giám Mục là những người "gìn giữ giáo lý tông truyền"⁷ có phận sự tùy nghi dạy các tín hữu đã được ủy thác cho các ngài, cho biết xử dụng đúng đắn sách thánh, nhất là Tân Ước và trước tiên các sách Phúc Âm, nhờ các bản dịch, và các bản dịch này phải được kèm theo những lời giải thích cần thiết và đầy đủ, để con cái Giáo Hội có thể xử dụng Thánh Kinh cách bảo đảm và ích lợi, và được thấm nhuần tinh thần Thánh Kinh.

Hơn nữa, cũng cần thực hiện những ấn bản Thánh Kinh với lời chú giải thích hợp cho cả những người ngoài Kitô giáo và thích hợp với hoàn cảnh của họ. Các vị Chủ Chăn linh hồn cũng như

⁴ T. Augustinô, *Serm.* 179, 1 : PL 38, 966.

⁵ T. Hieronimô, *Comm. In Is. Prol.* : PL 24, 17. - *Benedictô XV, Tđ. Spiritus Paraclitus*: EB 475-480. - *Piô XII, Tđ. Divino Afflante Spiritu* : EB 521.

⁶ T. Ambrosiô, *De Officiis ministrorum I*, 20, 88 : PL 46, 50.

⁷ T. Ireneô, *Adv Haer.* IV, 32, 1 : PG 7, 1071, (Ê9,2) Harvey 2, trg 255.

các Kitô hữu, dù trong bậc sống nào, cũng phải ân cần lo lắng phổ biến các ân bản ấy.

26. Kết luận. ^{48*} Vì thế, ước gì nhờ việc đọc và học hỏi sách thánh, "Lời Thiên Chúa được trôi chảy và sáng sủa" (2Th 3,1), và ước gì kho tàng Mạc Khải, đã được ủy thác cho Giáo Hội, ngày một tràn ngập tâm hồn con người. Nếu đời sống Giáo Hội được tăng triển nhờ năng nhận lãnh Bí Tích Thánh Thể, cũng thế, cũng có thể hy vọng đời sống thiêng liêng được đổi mới nhờ thêm lòng sùng kính lời Chúa, là lời "hằng tồn tại muôn đời" (Is 40,8; 1P 1,23-25).

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Hiến Chế tín lý này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 18 tháng 11 năm 1965
 Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.
 Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

^{48*} *Số này là lời kết luận của chương VI, chứ không phải của tất cả Hiến Chế. Tinh thần của đoạn này cũng là tinh thần truyền giáo sâu xa. Nên lưu ý việc chuyển tiếp từ việc đọc sách đến Lời Chúa, trong câu thứ nhất, vì Thánh Kinh chứa đựng "kho tàng Mạc Khải" của Thiên Chúa cho Giáo Hội, và vì Giáo Hội sẽ luôn sống bằng Lời Chúa như chính Ngôi Lời.*

TRÍCH VĂN KIẾN CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICANO II

THÔNG TRI

Do Vị Tổng Thư Ký của Thánh Công Đồng trong phiên họp khoáng đại lần thứ 171 ngày 15-11-1965.

Có người thắc mắc về phẩm tính thần học của giáo thuyết được trình bày trong lược đồ của Hiến Chế tín lý về Mạc Khải của Thiên Chúa và được đem ra đấu phiếu.

Ủy Ban về Giáo thuyết đức tin và phong hóa đã trả lời thắc mắc trên theo Tuyên Ngôn ngày 6/3/1964.

“Xét theo tập tục Công Đồng và chủ đích mục vụ của Công Đồng hiện tại. Thánh Công Đồng này xác định rằng, Giáo Hội chỉ phải tuân giữ những điều có kiên quan đến đức tin và phong hóa được chính Thánh Công Đồng tuyên bố là như vậy”.

“Còn những điểm khác được Thánh Công Đồng trình bày, vì là giáo thuyết của Quyền Giáo Huấn Tối Thượng của Giáo Hội, nên tất cả và mỗi một Kitô hữu phải chấp nhận và hiểu theo ý của chính Thánh Công Đồng, dựa trên những tiêu chuẩn của phương pháp giải thích thần học: ý Công Đồng tỏ lộ qua nội dung được trình bày hoặc qua cách diễn tả của Công Đồng”.

PERICLES FELICI

Tổng Giám Mục hiệu tòa Samosate
Tổng Thư Ký Thánh Công Đồng Vaticano II

Khóa VIII Ngày 18 tháng 11 năm 1965

Sắc Lệnh

VỀ TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN

Apostolicam Actuositatem

Lời Giới Thiệu

Đôi dòng lịch sử

Năm 1960, Đức Gioan XXIII thiết lập Ủy Ban Giáo Hoàng về hoạt động tông đồ giáo dân. Và sau 200 lần hội, Ủy Ban đã hoàn tất việc soạn thảo một lược đồ gồm 200 trang.

Ủy Ban gồm tất cả 39 thành phần, trong số có 11 Giám Mục. Bên cạnh Ủy Ban còn có 29 vị cố vấn, mà 14 vị cũng là Giám Mục. Ngoài ra, các đại diện của 26 quốc gia và của nhiều tổ chức quốc tế cũng đến tham dự.

Ngay từ ban đầu, Hồng Y Cento, chủ tịch Ủy Ban, đã đề nghị mời giáo dân tham dự, ít nhất với tư cách cố vấn. Trong kỳ họp đầu tiên, Đức Gioan XXIII đã chính thức mời Jean Guilton tham dự Công Đồng với tư cách là dự thánh viên giáo dân.

Rồi trong những phiên họp khoáng đại về sau, Đức Phaolô VI cũng đã đề cử nhiều dự thánh viên giáo dân khác, nam giới vào năm 1963 và cả nữ giới vào năm 1964 tham dự. Như vậy Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân đã được thành phần giáo dân cộng tác hoàn thành.

Trong suốt thời gian tranh luận, bản văn được sửa đổi và soạn thảo lại nhiều lần. Ban đầu lược đồ đề cập hết sức bao quát về vai trò của người giáo dân trên thế giới và trong Giáo Hội. Về sau các Nghị Phụ đã cố gắng thu hẹp lại vào một khía cạnh tiêu biểu nhất: tông đồ giáo dân.

Thực ra lược đồ đã được đem bàn cãi từ những phiên họp ở năm 1963, và Ủy Ban liên hệ đã phải rút ngắn lại còn 48 trang, rồi 15 trang ở năm 1964. Vì các Nghị Phụ nhận thấy rằng lược đồ chưa thỏa mãn đủ cho sự đòi hỏi cần thiết, nên nhiều lần cuộc tranh luận đã gặp những khó khăn đáng kể. Và như vậy, để được chấp thuận lược đồ đã phải trải qua những "con số" trầm trọng.

Ở đây chúng ta cố gắng đưa ra một vài lý do của những trở ngại đó. Trước hết, chúng ta nhận thấy rằng "Tông Đồ Giáo Dân" là một đề mục hoàn toàn mới lạ, chưa có một sắc lệnh hay một văn kiện nào trước Công Đồng Vaticanô II đã đề cập tới. Đàng khác vấn đề tự bản tính đã là khó khăn, phức tạp; thật vậy, chưa có một quan điểm thần học căn bản Công Giáo nào nói về những thực tại trần thế cũng như về hành động của Kitô hữu trong thế giới.

Sau nữa, muốn tìm một định nghĩa đứng đắn cho "tông đồ giáo dân" thì tự nó không thể cung cấp đủ nhưng người ta còn phải đi tìm những minh chứng và cảm hứng bên ngoài và phải đặt nền tảng ở Giáo Hội cũng như nương tựa vào nhân chủng học (x. René Rémond, Introduction du Décret, Ed. du Centurion).

Tính cách độc đáo

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, một Công Đồng Chung đã quan tâm đặc biệt tới vấn đề tông đồ của giáo dân, cũng như đã dành nhiều nỗ lực cho sự xác định lại sứ mệnh của giáo dân trong Giáo Hội và trong thế giới.

Nhưng điều đó không có nghĩa là Giáo Hội chưa bao giờ ý thức sự hiện diện mật thiết của giáo dân trong Giáo Hội. Bởi Giáo Hội được thiết lập vì các tín hữu là con cái mình, và ngay từ ban đầu thời Giáo Hội sơ khai, giáo dân không những là đối tượng cho hoạt động của các Tông Đồ, mà còn là những cộng tác viên đắc lực của các ngài. Như phần mở đầu của Sắc Lệnh có nhắc đến, những hoạt động tông đồ giáo dân xuất hiện tự

nhiên từ giai đoạn đầu của Giáo Hội và đã đem lại những kết quả phong phú. Rồi qua dòng lịch sử, chúng ta thấy rằng có nhiều tu hội và hiệp hội tông đồ phát sinh do cảm hứng của giáo dân hay do họ điều khiển.

Tuy nhiên, phải công nhận rằng cho tới Vaticanô II địa vị của người giáo dân vẫn chỉ được xem như một ngoại lệ do ơn sủng đặc biệt hay riêng tư nào đó; và như vậy sự có mặt của họ chưa bao giờ được nhìn nhận như một hàng riêng biệt. Hơn nữa, với ý niệm hầu như hoàn toàn tiêu cực, hình như Giáo Luật đã không quan tâm tới việc đề cao và công nhận giá trị của người giáo dân.

Đàng khác, tình trạng của giáo dân lại luôn lệ thuộc vào hàng Giáo Phẩm và Giáo Sĩ. Chúng ta có thể nói rằng quan niệm thế quyền từ nhiều thế kỷ về đây liên lạc giữa chính quyền với công dân được đưa ra áp dụng vào trong Giáo Hội khi qui định mối tương quan giữa Giáo Sĩ và Giáo Dân. Lại nữa trong số các hình ảnh dùng diễn tả bản tính Giáo Hội, hình như người ta vẫn còn giữ lại hình ảnh có chiều hướng Trung Cổ: mục tử và đoàn chiên. Quyền bính và trách nhiệm hướng dẫn là việc của các mục tử; đoàn chiên giáo dân chỉ việc vâng theo những chỉ dẫn của chủ chăn.

Công Đồng Vaticanô II đã nỗ lực xét lại hoàn toàn quan niệm tổng quát về sự liên lạc giữa Giáo Hội và các tín hữu. Công Đồng xác nhận rằng người giáo dân phải được đánh giá như cộng tác viên đích thực trong sứ mệnh duy nhất của Giáo Hội là cứu độ mọi người. Đây là một thành quả tốt đẹp của Công Đồng trong việc quan niệm địa vị người giáo dân trong Giáo Hội.

Sau đó, Công Đồng giải quyết một vấn nạn được đặt ra từ đầu: đó là việc phân chia hoạt động tông đồ ra "tông đồ trực tiếp và gián tiếp", hoặc, theo nhiều người, phân biệt ra "tông đồ chuyên biệt và không chuyên biệt".

Lúc ấy người ta quan niệm rằng hoạt động tông đồ trực tiếp là tất cả những phương cách truyền bá Phúc Âm và thánh hóa các Kitô hữu hay những người ngoài Kitô hữu bằng sự loan báo Chúa Kitô, loan báo Phúc Âm hay bằng chính đời sống.

Hoạt động tông đồ gián tiếp, trái lại, được cho rằng đó là những hoạt động hệ tại sự bảo đảm và làm hoàn hảo trần thế, cho thấm nhuần tinh thần Phúc Âm và nhờ vậy tạo nên bầu khí thích hợp cho việc rao giảng Phúc Âm và thánh hóa con người.

Như vậy, theo các quan niệm này, tất cả những hoạt động tông đồ có tính cách xã hội chỉ được coi như là tông đồ gián tiếp. Rất nhiều Nghị Phụ không đồng ý quan niệm này.

Về sau, Ủy Ban liên hệ bàn cãi lại và quyết định không dùng những từ ngữ phân biệt đó ở trong Sắc Lệnh.

Những nét chính

Nhìn vào Sắc Lệnh, chúng ta nhận thấy điều được Sắc Lệnh nhấn mạnh trước hết là xác định lại giáo lý về tông đồ giáo dân đã trình bày trong Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội: theo đó, Giáo Hội được thành lập với mục đích đem đến cho mọi người ơn cứu chuộc và cứu rỗi.

Sau đó, Sắc Lệnh đề cập tới vấn đề chính là tông đồ giáo dân trong khi vẫn dựa vào những gì đã trình bày ở Hiến Chế về Giáo Hội. Nhưng điều quan trọng là Sắc Lệnh phân biệt "chức linh mục thừa tác" và "chức linh mục cộng đồng". Với "chức linh mục thừa tác", các giám mục và từ đó các linh mục có quyền thi hành những chức vụ tông đồ "nhân danh Chúa Kitô Thủ Lãnh Hiện Thân" (x. Sắc Lệnh về Linh Mục) và do đó các ngài trở nên như Mục Tử chăn dắt. Còn các tín hữu, nhờ "chức linh mục cộng đồng", thi hành những việc tông đồ riêng biệt của họ trong Giáo Hội. Sắc Lệnh đã nhắc lại nhiều lần rằng vì giáo dân tham dự vào chức vụ tư tế, ngôn sứ và vương giả của Chúa Kitô theo cách thế của họ, cũng phải nắm giữ vai trò riêng

do phép Rửa Tội, Thêm Sức và nhất là do các đặc sủng riêng biệt của họ.

Thứ đến, Sắc Lệnh nói đến một vấn đề đã gây nên nhiều khó khăn cho việc tông đồ giáo dân: sứ mệnh của Giáo Hội. Sắc Lệnh xác định rằng sứ mệnh của Giáo Hội vẫn là duy nhất, nhưng có thể được diễn tả bằng những hình thức tông đồ khác nhau với những thành quả khác nhau. Như vậy người giáo dân sẽ thi hành việc tông đồ trong các cộng đồng của Giáo Hội mà họ sống trong gia đình, ở môi trường xã hội, môi trường giới trẻ, hay trong lãnh vực quốc gia hoặc quốc tế. Bởi đó, việc tông đồ của người giáo dân cũng có thể đem lại những thành quả phong phú. Nhờ hoạt động tông đồ, họ sẽ loan báo Phúc Âm cho người khác, hoặc thánh hóa họ. Họ cũng có thể nhờ hoạt động mà đem tinh thần Phúc Âm thấm nhuần lãnh vực trần thế.

Đề cập tới việc thực hiện tông đồ giáo dân, Sắc Lệnh nhắc tới hai phương pháp hoạt động trong Giáo Hội: tông đồ tập thể và tông đồ cá nhân. Cả hai đều là những cách thức hoạt động của giáo dân; tuy nhiên, theo Sắc Lệnh, hoạt động tông đồ có tổ chức qui củ sẽ đáp ứng hữu hiệu hơn cho nhu cầu của con người và của tín hữu. Bởi thế, phương pháp hoạt động tập thể này cần được phát động và khích lệ nhiều hơn trong các lãnh vực hoạt động của giáo dân.

Sắc Lệnh đã đặc biệt lưu ý tới những hội đoàn mới xuất hiện vào quãng mười năm nay, dưới danh hiệu Công Giáo Tiên Hành.

Sau hết, Sắc Lệnh nhấn mạnh tới việc cần thiết huấn luyện cho những hoạt động tông đồ này cũng như những phương tiện sử dụng.

Chiều hướng nền tảng

Để thấu triệt hơn ý nghĩa Sắc Lệnh, ở đây chúng ta cố gắng đưa ra một vài tư tưởng chủ điểm và độc đáo, dựa vào những nét chính vừa nêu trên.

Trước hết, chúng ta nhận thấy rằng ý tưởng "tham dự vào" trước đã có tiếng vang đáng kể trong Thông Điệp "Pacem in terris", giờ đây được Sắc Lệnh Tông Đồ Giáo Dân nhắc lại và nhấn mạnh trong tầm mức ý nghĩa của nó, từ đầu cho đến cuối bản văn. Thật vậy, trước hết và trên hết, Giáo Hội có sứ mệnh giúp mọi người tham dự vào ơn cứu độ và giáo dân là thành phần được tham dự vào chức vị tư tế, ngôn sứ và vương giả của Chúa Kitô. Họ được mời tham dự vào sinh hoạt của Giáo Hội, trong sứ mệnh rao giảng Phúc Âm; cho nên đối tượng của Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân là xác định những hình thái và điều kiện cho việc tham dự này. Thời gian mà các tín hữu chỉ đóng vai trò thụ động đã qua rồi. Ngày nay Giáo Hội đặt niềm tin ở sự can thiệp, ở sáng kiến cũng như nơi sự tuân phục của con cái mình.

Nguồn gốc sự tham dự đó phát sinh từ địa vị, hoàn cảnh khác nhau của mỗi người trong thế giới. Người giáo dân sống trong thế giới và giữa những thực tại trần gian; cho nên ơn gọi của họ là thánh hóa những gì trần tục. Chính ơn gọi này với hoàn cảnh riêng biệt của mỗi người sẽ định hướng cho đời sống tôn giáo của họ.

Bởi thế, đời sống đạo đức cá nhân của người giáo dân sẽ nhận được cảm hứng từ đời sống hoạt động của họ giữa người khác và giữa cuộc đời; như vậy, với những yếu tố của các hoàn cảnh cụ thể của cuộc sống, của đời vợ chồng, gia đình, nghề nghiệp và xã hội, họ sẽ tạo cho mình khoa tu đức hữu hiệu cho bậc sống. Như vậy sự chạm trán với những vấn đề không ngừng đặt ra do cuộc sống hiện tại và theo sự phán đoán trong tầm mức Kitô hữu, là cơ hội quý báu cho người giáo dân để kiểm điểm lại cuộc sống.

Định nghĩa và quan niệm về ơn gọi của người giáo dân như thế, hàm chứa một cách nào đó, quan niệm thần học về những thực tại trần thế; quan niệm này hòa hợp với quan điểm được trình bày ở Hiến Chế này, trật tự trần thế có giá trị riêng của nó và người giáo dân sử dụng trật tự đó với trách nhiệm của mình. Thế giới chưa hoàn tất và khuôn mặt của nó tùy thuộc vào hoạt động tự do và ý thức của con người. Như vậy, đứng trước thế giới, người giáo dân có sứ mệnh phải kiến tạo, hoàn hảo hóa sao cho nó trở nên hấp dẫn đối với mọi người và thích hợp với ý định của Thiên Chúa.

Một chiều hướng quan trọng khác của Sắc Lệnh là đặc biệt chú tâm tới thực tại cụ thể của thế giới hiện đại. Bản văn của Sắc Lệnh đã dùng lại ý niệm "dấu chỉ thời đại" mà Thông Điệp "Pacem in Terris" đã sử dụng và xem như là một ý niệm quan trọng của Thông Điệp. Sắc Lệnh Tông Đồ Giáo Dân đã đề cập nhiều lần tới tình trạng biến chuyển của thế giới, những điều kiện sống mới mẻ, những đổi thay bất ngờ, tình trạng tăng gia dân số, sự tiến bộ của khoa học và kỹ thuật.

Những phân tích này không khác mấy với những điều đã trình bày ở "Hiến Chế Mục Vụ về giáo Hội trong thế giới ngày nay"; nhưng nét đặc biệt của Sắc Lệnh là niềm khát vọng khám phá ra ngôn ngữ của các dấu chỉ thời đại, là sự coi trọng những thực tại trần thế, là nỗ lực tìm cách thích ứng việc tông đồ giáo dân với hoàn cảnh, nhu cầu và khả năng của thế giới hiện đại.

Trong những đặc điểm chính của thế giới văn minh có lẽ sự liên đới ngày càng gia tăng giữa các dân tộc là một đặc điểm quan trọng nhất. Thật vậy, Thánh Công Đồng đã đặc biệt chú tâm tới chiều hướng quốc tế đó, và Sắc Lệnh này là một trong những bằng chứng của sự chú tâm trên. Hoạt động tông đồ giáo dân phải nhằm tới viễn ảnh quốc tế và thực hiện thế nào để giúp cho các dân tộc gần gũi nhau hơn.

Có lẽ sự quan tâm tới hoạt động tông đồ phổ quát của Sắc Lệnh là một đặc điểm hấp dẫn nhất. theo đó, mọi giáo dân trên thế giới đều được kêu mời tới công việc ấy, và hoạt động tông đồ này nhằm đến hết mọi người, làm thế nào để người giáo dân có thể đối thoại với tất cả dù có đức tin hay không.

Như thế, hoạt động tông đồ giáo dân sẽ lan rộng tới mọi khía cạnh của cuộc đời thực tế, tới bất cứ bậc sống nào cũng như nhu cầu nào của nhân loại. Đứng trên phương diện này, Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân đã trở nên một trong những thành quả cũng như một trong những khát vọng chính yếu của Thánh Công Đồng Vaticanô II.

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Sắc Lệnh
Về Tông Đồ Giáo Dân

Lời Mở Đầu^{1*}

1. Thánh Công Đồng muốn phát động mạnh mẽ hơn việc tông đồ của dân Thiên Chúa¹, nên chú tâm hướng về các Kitô hữu giáo dân, những người có phần riêng biệt và cần thiết trong sứ mệnh của Giáo Hội, như đã được nhắc đến trong những văn kiện khác². Bởi vì, vốn phát sinh từ ơn gọi làm Kitô hữu, việc tông đồ giáo dân không bao giờ có thể khiếm khuyết trong Giáo Hội. Trong những buổi đầu Giáo Hội, việc tông đồ này thật là hăng say và kết quả biết bao! Chính Thánh Kinh chứng minh

^{1} Công Đồng trình bày tổng quát những lý do thuộc bình diện lý thuyết và những hoàn cảnh khiến cho hoạt động tông đồ giáo dân cần thiết và cấp bách:*

- Sự đòi hỏi của ơn gọi Kitô hữu, như các tín hữu thời Giáo Hội sơ khai đã minh chứng điều đó.

- Sự phát triển dân số, tiến bộ khoa học và sự biệt lập của những thực tại trần thế có thể tạo nguy hiểm cho đời sống Kitô hữu.

- Tình trạng thiếu thợ tông đồ làm cho việc tông đồ giáo dân trở nên khẩn thiết hơn.

¹ Xem Gioan XXIII, Tông Hiến *Humanae Salutis*, 25-12-1961: AAS 54 (1962), trg 7-10.

² Xem *CĐ Vat. II, Hiến Chế tín lý về Giáo Hội*, số 33tt: AAS 57 (1965), trg 39tt. - Xem thêm *Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh*, số 26-40: AAS 56 (1964), trg 107-111. - Xem *Sắc Lệnh về Các Phương Tiện Truyền Thông Xã Hội*: ASS 56 (1964), trg 145-153. - Xem *Sắc Lệnh về Hiệp Nhất*: AAS 57 (1965), trg 90-107. - Xem *Sắc Lệnh về Nhiệm Vụ Mục Vụ của các Giám Mục trong Giáo Hội*, số 16, 17, 18. - Xem *Tuyên Ngôn về Giáo Dục Kitô Giáo*, số 3, 5, 7.

cách phong phú điều đó (x. CvTđ 11,19-21; 18,26; Rm 16,1-16; Ph 4,3).

Thời đại chúng ta đòi hỏi người giáo dân phải nhiệt thành không kém, nhất là những hoàn cảnh hiện tại càng đòi hỏi việc tông đồ của họ phải hoàn toàn mạnh mẽ và sâu rộng hơn. Quả vậy, càng ngày dân số càng gia tăng, khoa học và kỹ thuật càng tiến triển, những mối tương quan mật thiết hơn giữa con người không những mở rộng môi trường hoạt động tông đồ giáo dân đến vô hạn, môi trường mà phần lớn chỉ dành riêng cho họ, mà còn tạo nên nhiều vấn đề mới đòi họ phải đặc biệt lưu tâm học hỏi. Việc tông đồ này lại càng trở nên khẩn trương hơn, vì sự biệt lập trên nhiều phương diện của cuộc sống con người như thường thấy, càng gia tăng, đôi khi gây nên một sự tách biệt với trật tự luân lý và tôn giáo, cũng như tạo ra một sự nguy hiểm trầm trọng cho đời sống Kitô giáo. Hơn nữa, trong những miền thiếu linh mục hay khi các ngài không được tự do thi hành chức vụ, thì Giáo Hội khó có thể hiện diện và hoạt động hữu hiệu nếu không nhờ giáo dân cộng tác.

Dấu hiệu cho thấy nhu cầu muôn mặt và khẩn trương ấy chính là hoạt động tỏ tường của Chúa Thánh Thần đang làm cho giáo dân hôm nay mỗi ngày một ý thức hơn phần trách nhiệm riêng của mình và thúc bách giáo dân mọi nơi phục vụ Chúa Kitô và Giáo Hội³.

Trong Sắc Lệnh này, Công Đồng nhằm làm sáng tỏ bản chất, đặc tính và những cách thức của việc tông đồ giáo dân, nêu lên những nguyên tắc căn bản và ban bố những giáo huấn mục vụ để thi hành việc tông đồ ấy cho hiệu quả hơn. Mọi điều trong Sắc Lệnh này phải được coi như những tiêu chuẩn cho việc xét

³ Xem Piô XII, *Huấn từ ad Cardinales*, 18-2-1946: AAS 38 (1946), trg 101-102. - N.t. bài giảng *ad Juvenes Operatos Catholicos*, 25-8-1957: AAS 49 (1957), trg 834.

lại những khoản giáo luật có liên quan đến việc tông đồ giáo dân.

Chương I

Ơn Gọi Làm Tông Đồ Giáo Dân

2. Giáo dân tham dự vào sứ mạng của Giáo Hội. Giáo Hội được khai sinh là để làm cho nước Chúa Kitô rộng mở trên khắp hoàn cầu, hầu làm vinh danh Thiên Chúa Cha: tức là làm cho mọi người tham dự vào việc chuộc tội và cứu rỗi¹, để rồi nhờ họ, toàn thể vũ trụ thực sự được qui hướng về Chúa Kitô. Mọi hoạt động của Nhiệm Thể hướng về mục đích này gọi là việc tông đồ, công việc mà Giáo Hội thực hiện nhờ tất cả các chi thể, tùy theo những cách thức khác nhau. Thật ra ơn gọi làm Kitô hữu tự bản chất cũng là ơn gọi làm tông đồ. Cũng như toàn bộ một cơ thể sống động,^{2*} không chi thể nào hoàn toàn

¹ Xem Piô XI, *Tđ Rerum Ecclesiae: AAS* (1926), trg 65.

^{2*} Là nhiệm thể của Chúa Kitô, Đấng vừa là Linh Mục, vừa là Vua, vừa là ngôn Sứ. Giáo Hội trở thành một cộng đồng tư tế, vương giả và ngôn sứ. Trong đó, có chức linh mục cộng đồng và chức linh mục thừa tác. Chức linh mục thừa tác được dành riêng cho hàng giáo phẩm và cho các ngài quyền tham dự vào chức linh mục của Chúa Kitô trong chức thánh.

Gọi là chức linh mục cộng đồng vì tất cả các tín hữu (giáo dân hay giáo sĩ thuộc hàng giáo phẩm) đều được tham dự vào nhờ phép Rửa Tội. Sự tham dự này cho mọi tín hữu khả năng tự mình dâng lên Chúa lễ tế Thánh Thể, nhờ tay linh mục thừa tác cũng như họ có thể kết hợp với lễ vật hy sinh là Chúa Kitô trong khi rước lễ, và như vậy được dâng chính mình lên như lễ thiêng liêng cho Thiên Chúa. Các tín hữu cũng tham dự quyền vương giả của Chúa Kitô nhờ phép Rửa Tội và Thêm Sức. Quyền vương giả cho họ sức mạnh tinh thần để chế ngự bản tính riêng của họ, bắt nó từng phục quyền bính Thiên Chúa để chinh phục mọi người cho Nước Trời và chiếu sáng tinh thần Phúc Âm trong lãnh vực trần thế.

Sau cùng, các tín hữu cũng tham dự quyền ngôn sứ. Mọi tín hữu có quyền làm chứng cho Chúa Kitô bằng lời nói và bằng chính đời sống Kitô hữu.

thụ động, nhưng cũng tham dự vào đời sống và công việc của toàn thân. Cũng thế, trong Nhiệm Thể Chúa Kitô tức Giáo Hội, toàn thân tùy theo công dụng khả năng từng phần tử khiến thân thể này gắn bó và liên kết chặt chẽ với nhau (x. Eph 4,16), đến nỗi chỉ thể nào không hoạt động đúng tầm mức của mình trong việc tăng triển toàn thân đều bị coi là vô dụng đối với Giáo Hội cũng như với chính mình.

Trong Giáo Hội có nhiều tác vụ khác nhau nhưng đều cùng chung một sứ mệnh. Chúa Kitô đã trao phó cho các Tông Đồ và những người kế vị các ngài nhiệm vụ nhân danh và lấy quyền Người mà giảng dạy, thánh hóa và cai quản. Còn phần giáo dân, vì họ tham dự thực sự vào nhiệm vụ tư tế, tiên tri và vương đế của Chúa Kitô, nên họ chu toàn phần việc của mình trong sứ mệnh của toàn dân. Thiên Chúa trong Giáo Hội và ở giữa trần gian². Giáo dân thực sự thi hành việc tông đồ bằng công việc của mình để rao giảng Phúc Âm và thánh hóa nhân loại, đem tinh thần Phúc Âm thấm nhuần và hoàn hảo hóa những việc thuộc phạm vi trần thế, sao cho công việc của họ thuộc lãnh vực này làm chứng tỏ tường về Chúa Kitô và góp phần vào việc cứu độ nhân loại. Vì bản chất riêng biệt của người giáo dân là sống giữa đời và làm việc đời nên chính họ được Thiên Chúa mời gọi để một khi tràn đầy tinh thần Kitô giáo, họ làm việc tông đồ giữa đời như men trong bột.

3. Nền tảng của việc tông đồ giáo dân. Giáo dân có bốn phận và quyền làm tông đồ do chính việc kết hợp với Chúa Kitô là Đầu. Họ được chính Chúa chỉ định làm việc tông đồ, vì phép Rửa Tội sát nhập họ vào Nhiệm Thể Chúa Kitô, phép Thêm Sức làm cho họ nên mạnh mẽ nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần. Họ được thánh hiến vào chức vụ tư tế vương giả và dân tộc thánh (x. 1P 2,2-10), hầu trong mọi việc họ dâng những lễ vật thiêng liêng và làm chứng cho Chúa Kitô ở mọi nơi trên

² Xem CĐ Vat. II. Hiến Chế tín lý về Giáo Hội số 31: AAS 57 (1965), trg 37.

hoàn cầu. Đàng khác, đức ái như là linh hồn của tất cả việc tông đồ, được chuyển thông và nuôi dưỡng nhờ các bí tích nhất là bí tích Thánh Thể³.

Việc tông đồ được thực thi nhờ đức tin, đức cậy, đức ái^{3*}, là những nhân đức mà Chúa Thánh Thần đổ đầy tâm hồn mọi phần tử của Giáo Hội. Lại nữa, nhờ giới răn tình yêu, giới răn cao thượng nhất của Chúa, mọi tín hữu được thúc đẩy để tìm vinh danh Thiên Chúa bằng cách làm cho nước Ngài trị đến và mưu tìm sự sống đời đời cho mọi người để họ nhận biết một Thiên Chúa chân thật và Đấng Ngài đã sai đến là Chúa Giêsu Kitô (x. Gio 17,3).

Vì vậy hết mọi tín hữu đều có bốn phận rất cao cả là hoạt động để mọi người trên khắp hoàn cầu nhận biết và đón nhận Phúc Âm cứu độ của Chúa.

Để thể hiện việc tông đồ này, Chúa Thánh Thần thánh hóa dân Chúa qua tác vụ và các bí tích. Ngài cũng ban cho các tín hữu những ơn đặc biệt (x. 1Cor 12,7), "phân phát những ơn đó cho mọi người tùy ý Ngài" (1Cor 12,11) để "mỗi người tùy theo ơn đã nhận mà giúp đỡ nhau" và chính họ trở nên như những người quản lý trung tín giữ mọi thứ ơn của Thiên Chúa" (1P 4,10) hầu

³ Xem n.v.t. số 33, trg 39; x. thêm số 10, trg 14.

^{3*} Đối với giáo dân, việc tông đồ là bốn phận thiết thực phát sinh do đòi hỏi ơn gọi Kitô hữu. Bốn phận tông đồ này không tùy thuộc những hoàn cảnh như thiếu linh mục hay tình trạng xã hội đang mất đạo, mặc dầu những hoàn cảnh đó có thể khiến cho hoạt động tông đồ giáo dân khẩn thiết hơn.

Ơn gọi làm tông đồ phát sinh từ bí tích Tẩy Tội và Thêm Sức; và do đức ái mà Chúa Thánh Thần đổ tràn trong tâm hồn, các tín hữu được thúc đẩy giúp mọi người tham dự vào cuộc sống của Thiên Chúa.

Để thực thi việc tông đồ này, người tín hữu dựa vào ân sủng của các bí tích mà họ đã lãnh nhận cũng như vào các đoàn sủng ban cho mỗi người, vì mưu ích cho toàn thể Giáo Hội. Các đoàn sủng có thể là khác thường như ơn nói tiếng lạ hay ơn nói tiên tri, hoặc thông thường như sự trực giác các chân lý của Chúa hay tài năng khôn ngoan để hướng dẫn các linh hồn.

xây dựng toàn thân trong đức ái (x. Eph 4,16). Do sự đón nhận những đoàn sủng này đầu là những đoàn sủng thông thường, mỗi tín hữu có quyền lợi và bổn phận sử dụng những ơn đó trong Giáo Hội cũng như giữa trần gian để mưu ích cho mọi người và xây dựng Giáo Hội trong tự do của Chúa Thánh Thần, Đấng "muôn thối đâu thì thối" (Gio 3,8) và đồng thời sử dụng trong sự hiệp thông với anh em trong Chúa Kitô, nhất là với các bản tính đích thực và việc sử dụng thích hợp những đoàn sủng đó, không phải để dập tắt Thánh Thần, nhưng để thử nghiệm mọi việc và điều nào tốt thì giữ lấy (x. 1Th 5,12; 19,21)⁴.

4. Đường lối tu đức của người giáo dân hướng đến việc tông đồ. Vì Chúa Kitô, Đấng được Chúa Cha sai đến, là nguồn mạch nguyên ủy của mọi việc tông đồ trong Giáo Hội, nên hiển nhiên là kết quả phong phú của việc tông đồ giáo dân tùy thuộc ở sự kết hiệp sống động của chính họ với Chúa Kitô, Đấng phán rằng: "Ai ở trong Thầy và Thầy ở trong kẻ ấy, như vậy mới sinh được nhiều hoa trái vì ngoài Thầy ra các con chẳng làm gì được" (Gio 15,5). Đời sống kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô trong Giáo Hội được nuôi dưỡng bằng sự phù giúp thiêng liêng chung cho mọi tín hữu, nhất là bằng việc tham dự tích cực vào Phụng Vụ⁵. Người giáo dân phải làm thế nào để nhờ những phương tiện ấy mà chu toàn nhiệm vụ trần thế trong những hoàn cảnh thường xuyên của cuộc sống mà vẫn không tách khỏi đời sống mình sự kết hiệp với Chúa Kitô, nhưng càng kết hiệp mật thiết hơn chính khi thi hành công việc của mình theo ý Thiên Chúa. Bằng phương thức này, những người giáo dân phải hăng hái và vui vẻ tiến bước trên đường thánh thiện, với sự khôn ngoan và nhẫn nại, họ cố gắng thắng vượt những khó

⁴ Xem n.v.t. số 12, trg 16.

⁵ Xem CĐ Vat. Vat. II Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh ch I số 11: AAS 56 (1964) trg 102-103.

khăn⁶. Những việc trong gia đình cũng như những việc ngoài xã hội không được tách rời khỏi động lực siêu nhiên của cuộc sống, theo lời Thánh Tông Đồ: "Hết thấy công việc anh em làm trong lời nói hay việc làm, hãy nhân danh Chúa Giêsu Kitô mà thực hành, nhờ Người để cảm tạ Chúa Cha là Thiên Chúa" (Col 3,17).

Đời sống như thế đòi hỏi việc thực hành liên tục đức tin, đức cậy và đức ái^{4*}.

Chỉ nhờ ánh sáng đức tin và nhờ suy niệm lời Chúa mỗi người mới có thể nhận ra Chúa trong mọi nơi và mọi lúc, vì trong Ngài "ta sống, ta hoạt động, ta hiện hữu" (CvTđ 17,28). Tìm ý Chúa trong mọi biến cố, thấy Chúa Kitô trong mọi người, dù là kẻ thân hay người lạ, phê phán đúng đắn về ý nghĩa đích thực và giá trị của sự vật trần thế, xét nơi chính nó và xét theo tương quan với cứu cánh của con người.

Những người có đức tin này, trong khi tưởng niệm Thánh Giá và sự Phục Sinh Chúa, họ sống trong niềm hy vọng mặc khải của con cái Thiên Chúa.

Trong lúc đời sống lữ hành này, họ được giấu ẩn trong Thiên Chúa cùng với Chúa Kitô và được giải thoát khỏi nô lệ của cái

⁶ Xem *CĐ Vat. II Hiến Chế tín lý về Giáo Hội số 32: AAS 57 (1965) trg 38: x. thêm số 40-41, trg 45-47.*

^{4*} Ở đây, *Sắc Lệnh* đã đưa ra những nguyên tắc để huấn luyện đời sống tinh thần và cá nhân của các giáo dân làm việc tông đồ:

- *Hiệp nhất với Chúa Kitô, nguồn mạch và nguyên nhân việc tông đồ của Giáo Hội; thánh hóa đời sống gia đình: thánh hóa những lo âu trần thế hay phạm tục. Mọi sự đều có giá trị riêng của nó và đời sống đạo đức của giáo dân đời họ không được khinh chê những thứ đó.*

- *Suy gẫm lời Chúa và bác ái với tha nhân là những nhân đức sẽ đem lại kết quả phong phú cho việc tông đồ giáo dân.*

- *Ngoài những nhân đức chung nói trên, phải thêm những nhân đức riêng biệt do hoàn cảnh sống của mỗi người: đời sống vợ chồng gia đình, độc thân hay góa bụa, tình trạng ốm đau...*

trần thế, đang khi họ tìm kiếm của cải tồn tại vĩnh viễn, với lòng quảng đại họ sẽ hoàn toàn hiến mình để mở rộng nước Thiên Chúa và đem tinh thần Phúc Âm thấm nhập và cải tạo lãnh vực thực tại trần thế. Giữa những cơn thử thách đời này họ tìm thấy sức mạnh trong niềm hy vọng vì họ nghĩ rằng: "Những đau khổ hiện thời chẳng thấm vào đâu so với vinh quang sắp tới sẽ được giải bày cho chúng ta" (Rm 8,18).

Lòng yêu thương phát xuất từ Thiên Chúa thúc đẩy họ làm việc thiện cho hết mọi người, nhất là cho những người có cùng một niềm tin (x. Gal 6,10), từ bỏ "mọi gian ác, mọi lường gạt, giả trá, lòng ghen ghét và mọi lời nói hành" (1P 2,1) và như vậy họ lôi kéo mọi người đến với Chúa Kitô. Hơn nữa tình yêu của Chúa "giải khắp lòng ta do Chúa Thánh Thần đã ban cho ta" (Rm 5,5) làm cho giáo dân có sức biểu lộ thực sự trong đời sống mình tinh thần các mối Phúc Thật. Theo Chúa Giêsu khó nghèo, họ không tuyệt vọng khi thiếu thốn, cũng không kiêu căng khi dư dật. Bắt chước Chúa Kitô khiêm hạ, họ không háo danh (x. Gal 5,26) nhưng chuyên lo làm đẹp lòng Thiên Chúa hơn làm đẹp lòng người ta. Họ luôn sẵn sàng bỏ mọi sự vì Chúa Kitô (x. Lc 14,26), và chịu bách hại vì sự công chính (x. Mt 5,10) vì nhớ lời Chúa: "Nếu ai muốn theo Ta, phải từ bỏ mình, vác thập giá mình mà theo Ta" (Mt 16,24). Sống với nhau trong tình thân hữu của Chúa Kitô, họ sẵn sàng giúp đỡ nhau khi cần thiết.

Nguyên lý đời sống thiêng liêng của mỗi người giáo dân phải mang sắc thái đặc biệt tùy theo bậc sống: đời sống hôn nhân và đời sống gia đình, đời sống độc thân hay góa bụa, trong tình trạng đau yếu, tùy sinh hoạt nghề nghiệp và xã hội. Vậy mỗi người phải phát triển không ngừng những đức tính và tài năng ban cho mình, thích ứng với hoàn cảnh của mỗi đời sống, và biết lợi dụng những ơn huệ Chúa Thánh Thần ban riêng.

Ngoài ra, giáo dân theo ơn gọi của mình, gia nhập vào một trong những hiệp hội hay tu hội được Giáo Hội nhìn nhận, họ cũng cố gắng trung thành thể hiện những đặc tính của đời sống thiêng liêng đó.

Họ cũng nên kính trọng nghề nghiệp chuyên môn, ý nghĩa gia đình và ý nghĩa công dân cũng như những đức tính liên quan tới đời sống xã hội, chẳng hạn sự liêm khiết, tinh thần công bình, lòng thành thực, lòng nhân hậu, lòng quả cảm; không có những đức tính đó, không thể có đời sống Kitô hữu đích thực.

Gương mẫu hoàn hảo của đời sống thiêng liêng và đời sống tông đồ ấy chính là Đức Trinh Nữ Rất Thánh Maria, Nữ Vương các Tông Đồ: khi sống ở trần gian, người đã sống cuộc đời như mọi người, vất vả lo lắng cho gia đình, nhưng luôn luôn kết hợp mật thiết với Con mình và đã cộng tác vào công việc của Đấng Cứu Thế một cách riêng biệt; còn bây giờ, sau khi đã được đưa lên trời, "với tình yêu thương của người mẹ, Người săn sóc những đứa em của Con Mẹ, đang trên đường lữ hành, gặp nhiều nguy hiểm và thử thách, Người lo lắng cho tới khi họ về tới quê hương hạnh phúc"⁷. Mọi người hãy hết lòng tôn sùng Mẹ và phó thác đời sống và cả việc tông đồ của mình cho Mẹ coi sóc.

⁷ Xem n.v.t. số 62, trg 63; x. thêm số 65, trg 64-65.

Chương II

Mục Tiêu Phải Đạt Tới^{5*}

5. Nhập đề. Công trình cứu chuộc của Chúa Kitô cốt yếu nhằm việc cứu rỗi nhân loại, nhưng cũng bao hàm việc canh tân tất cả trật tự trần thế. Do đó sứ mệnh của Giáo Hội không những là đem Phúc Âm của Chúa Kitô và ân sủng của Người cho nhân loại, mà còn đem tinh thần Phúc Âm thấm nhuần và hoàn thiện những thực tại trần thế. Bởi vậy, trong khi thi hành sứ mệnh này của Giáo Hội, người giáo dân làm việc tông đồ trong Giáo Hội cũng như giữa đời, trong phạm vi thiêng liêng cũng như trong phạm vi trần thế. Hai phạm vi tuy khác biệt, nhưng trong ý định duy nhất của Thiên Chúa, chúng được liên kết với nhau đến nỗi chính Thiên Chúa muốn thấu tóm vũ trụ lại trong Chúa Kitô thành một tạo vật mới, khởi sự ở trần gian và hoàn tất trong ngày sau hết. Trong cả hai phạm vi, người giáo dân, vừa là tín hữu vừa là công dân, phải được hướng dẫn liên tục bằng một lương tâm Kitô giáo duy nhất.

6. Việc Tông đồ nhằm rao giảng Phúc Âm và thánh hóa. Sứ mệnh của Giáo Hội nhằm cứu độ con người, sự cứu độ thành

^{5*} Công đồng nêu lên nguyên tắc hướng dẫn tổng quát cho việc tông đồ này: trật tự siêu nhiên và tự nhiên, tuy vẫn phân biệt nhau, nhưng cùng hợp nhất trong một ý định của Thiên Chúa, là Ngài muốn qui tụ toàn thể giới trong Chúa Kitô, và chính do ý định này mà hoạt động tông đồ giáo dân cần thiết có mặt trong lãnh vực trần tục.

Đức Phaolô VI, vào ngày 3 tháng Giêng năm 1964, đã nói với những người tốt nghiệp khóa "Công Giáo Tiến Hành": "Chúng con phải ý thức về hai xã hội khác biệt nhau này, chúng luôn đi đôi với nhau và liên hệ với nhau. Và chính khi chúng con nhìn nhận cả hai quyền hành này, quyền của Giáo Hội và quyền của trần gian, mà chức vụ của chúng con được phát triển... chúng con trở nên chứng nhân Kitô giáo trong lãnh vực nghề nghiệp của chúng con và là công dân gương mẫu trong đời sống công giáo".

đạt được nhờ đức tin vào Chúa Kitô và nhờ ân sủng Người. Vậy việc tông đồ của Giáo Hội và của tất cả các chi thể trong Giáo Hội trước hết nhằm loan báo sứ điệp của Chúa Kitô bằng lời nói, việc làm và nhằm chuyển thông ân sủng của Người cho trần gian. Công việc này được thực hiện chính là do tác vụ giảng lời Chúa và ban các bí tích, đặc biệt được trao phó cho hàng giáo sĩ, trong tác vụ đó, cả giáo dân cũng phải hoàn tất phần quan trọng của mình để trở nên "những kẻ hợp tác với chân lý" (3 Gio 8). Nhất là trong lãnh vực này, việc tông đồ giáo dân và tác vụ chủ chăn bổ túc cho nhau.

Người giáo dân có rất nhiều cơ hội làm việc tông đồ: rao giảng Phúc Âm và thánh hóa. Chính chứng tá của đời sống Kitô và những việc lành được làm với tinh thần siêu nhiên có sức lôi kéo người ta đến đức tin và đến với Thiên Chúa, vì Chúa phán: "Sự sáng các con phải soi trước mắt người ta, như vậy để họ xem thấy việc lành các con mà ngợi khen Cha các con ở trên trời" (Mt 5,16).

Tuy nhiên việc tông đồ này không chỉ ở tại việc làm chứng bằng đời sống. Người tông đồ đích thực còn tìm dịp loan truyền Chúa Kitô bằng lời nói hoặc cho người chưa tin để đưa họ đến đức tin, hoặc cho tín hữu để giáo huấn họ, củng cố và thúc đẩy họ sống sốt sắng hơn "vì tình yêu Chúa Kitô thôi thúc chúng ta" (2 Cor 5,14) và trong lòng mọi người phải âm vang lời Thánh Tông Đồ: "Thật khôn cho tôi nếu tôi không rao giảng Phúc Âm" (1Cor 9,16)¹.

Ở thời đại chúng ta phát sinh nhiều vấn đề mới và nhiều sai lầm trầm trọng đang hoành hành nhằm khuynh đảo tận gốc tôn giáo, trật tự luân lý và chính xã hội nhân loại, nên Thánh Công Đồng này hết lòng khuyên nhủ giáo dân mỗi người tùy tài năng và vốn liếng giáo lý, phải theo tinh thần của Giáo Hội mà ân cần

¹ Xem Piô XI, *Tđ Ubi arcano*, 23-12-1922: AAS 14 (1922) trg 659. - Piô XII, *Tđ Summi pontificatus*, 20-10-1939: AAS 31 (1939), trg 442-443.

chu toàn phận vụ của mình trong việc làm sáng tỏ, bảo vệ các nguyên tắc Kitô giáo và áp dụng đúng đắn những nguyên tắc đó vào những vấn đề của thời đại này.

7. Canh tân trật tự trần thế theo tinh thần Kitô giáo. Hẳn thật ý định Thiên Chúa về thế giới là loài người đồng tâm canh tân và liên tục làm cho trật tự trần thế thêm tốt đẹp.

Tất cả những gì tạo nên trật tự trần thế như giá trị của cuộc sống và của gia đình, văn hóa, kinh tế, nghệ thuật và nghề nghiệp, tổ chức cộng đồng chính trị, bang giao quốc tế, và những thực tại tương tự khác, cũng như sự biến chuyển và tiến bộ của chúng, tất cả những thực tại đó, hoặc xét ngay trong chính bản tính của chúng, hoặc xét chúng như thành phần của toàn thể trật tự trần thế, chẳng những chúng là phương thế giúp con người đạt tới mục đích tối hậu, mà chúng còn có giá trị riêng do Thiên Chúa phú bẩm: "Vì Thiên Chúa nhìn thấy vạn vật Ngài đã tạo thành thấy đều rất tốt đẹp" (Stk 1,31). Sự thiện hảo tự nhiên ấy của vạn vật còn có thêm một giá trị đặc biệt do sự liên lạc của chúng với con người, vì chúng được tạo dựng để phục vụ con người. Sau cùng, Thiên Chúa đã vui lòng qui tụ mọi loài, tự nhiên cũng như siêu nhiên, nên một trong Chúa Giêsu Kitô "để Người được nắm quyền tối cao trên hết thảy" (Col 1,18). Nhưng sự đặt định này chẳng những không làm cho trật tự trần thế mất sự tự lập, mất cứu cánh riêng cũng như các định luật và những phương tiện riêng, hay mất tầm quan trọng đối với ích lợi của con người, mà trái lại còn làm cho sức mạnh và giá trị riêng của trật tự đó thêm hoàn hảo, đồng thời nâng cao cho hợp với thiên chức toàn vẹn của con người trên trái đất.

Qua dòng lịch sử, việc sử dụng những sự vật trần thế mắc phải những sai lạc trầm trọng, bởi vì loài người đã bị nhiễm tội nguyên tổ, thường sa vào nhiều lầm lẫn về Thiên Chúa đích thực, về bản tính con người và về những nguyên tắc của luật luân lý: do đó, phong hóa và những định chế của loài người bị

hư hỏng, và chính nhân vị đôi khi cũng bị chà đạp. Ngày nay cũng vậy, nhiều người vì quá tin tưởng vào tiến bộ khoa học và kỹ thuật, nên dường như muốn tôn thờ sự vật trần thế, đến nỗi trở thành nô lệ sự vật hơn là làm chủ chúng.

Công cuộc hoạt động của toàn thể Giáo Hội là phải làm cho con người có khả năng xây dựng đúng đắn toàn thể trật tự sự vật trần thế và qui hướng chúng về Thiên Chúa nhờ Chúa Kitô. Các vị chủ chăn có nhiệm vụ trình bày rõ ràng các nguyên tắc về mục đích việc tạo dựng và việc sử dụng sự vật trần thế được canh tân trong Chúa Kitô^{6*}.

Còn giáo dân phải đảm nhận việc canh tân trật tự trần thế như là nhiệm vụ riêng, và trong nhiệm vụ đó, nhờ được ánh sáng Phúc Âm soi chiếu tinh thần của Giáo Hội hướng dẫn, và bác ái Kitô giáo thúc đẩy, họ phải trực tiếp và cương quyết hành động. Với tư cách là công dân, họ phải đem khả năng chuyên môn cùng tinh thần trách nhiệm để cộng tác với các công dân khác. Họ phải tìm sự công chính nước Thiên Chúa ở mọi nơi và trong mọi sự. Phải canh tân trật tự trần thế cách nào để vẫn tôn trọng toàn vẹn các định luật riêng của nó mà vẫn làm cho trật tự đó phù hợp với các nguyên tắc cao cả của đời sống Kitô giáo, cùng thích nghi với các hoàn cảnh khác nhau của các địa phương, các thời đại và các dân tộc. Trong những công cuộc

^{6*} Để bảo đảm giá trị ơn gọi trần thế của người giáo dân, Công Đồng đã nhắc lại những nguyên tắc nền tảng của giá trị trần thế. Đã từ lâu, nhiều Kitô hữu và trường phái tu đức tỏ ra coi thường những giá trị nhân bản, và thường họ chỉ đánh giá của cải vật chất như những phương tiện giúp cho việc cứu rỗi cũng như cho mục đích siêu nhiên của người Kitô hữu.

Công Đồng xác định rằng những tài sản của đời sống và gia đình, nền văn hóa, kinh tế, chính trị, hay những liên lạc quốc tế v.v... đều có những giá trị riêng của chúng do ý muốn của chính Thiên Chúa (x. MV 36).

Nhưng bậc thang giá trị đúng đắn đòi hỏi rằng những tài sản vật chất ấy, thay vì trở nên thần tượng hay những ông chủ độc tài của con người, phải tùy phục và lý trí con người cũng như vào những nguyên tắc của đời sống luân lý. Vì chúng, do sự liên lạc mật thiết với nhân phẩm con người mà những tài sản vật chất ấy giữ giá trị của chúng.

của việc tông đồ này nổi bật hơn cả là hoạt động xã hội của người Kitô hữu. Thánh Công Đồng ước ao hoạt động đó lan đến mọi lãnh vực trần thế kể cả lãnh vực văn hóa².

8. Công cuộc bác ái dấu hiệu của việc tông đồ. Mọi hoạt động tông đồ phải bắt nguồn và lấy sức mạnh từ đức ái^{7*}. Nhưng một vài công việc tự bản chất của chúng có thể biểu lộ tình yêu cách sống động. Chúa Kitô đã muốn những việc đó là dấu chỉ của sứ mệnh cứu độ (x. Mt 11,4-5).

Giới răn quan trọng nhất trong lề luật là yêu mến Thiên Chúa hết tâm hồn và yêu tha nhân như chính mình (x. Mt 22,37-40). Thật vậy, Chúa Kitô đã làm cho giới răn bác ái đối với tha nhân thành một giới răn riêng của Người và mặc cho nó một ý nghĩa mới phong phú hơn, khi Người muốn đồng hóa mình với anh em như chính đối tượng của bác ái, Người nói: "Bao nhiêu lần các ngươi làm những việc đó cho một trong những người hèn mọn là anh em Ta đây, tức là các ngươi làm cho Ta vậy" (Mt 25,40). Bởi vì khi nhận lấy bản tính nhân loại chính Người đã nối kết toàn thể nhân loại với Người thành một gia đình bằng một tình liên đới siêu nhiên, và Người đã dùng đức ái làm dấu chỉ của các môn đệ Người, khi Người nói: "Nếu các con yêu thương nhau, thiên hạ cứ dấu ấy mà nhận biết các con là môn đệ Thầy" (Gio 13,35).

Trong thời sơ khai, Giáo Hội thánh đặt bữa ăn thân tình "agapê" đi liền với bữa tiệc Thánh Thể để biểu lộ sự hiệp nhất hoàn toàn trong tình yêu thương chung quanh Chúa Kitô. Như vậy, bất cứ thời đại nào, người ta cũng nhận ra Giáo Hội nhờ dấu chỉ tình

² Xem *Leô XIII. Tđ Rerum Novarum: AAS 23 (1890-91), trg 647.* - *Piô XI, Tđ Quadragesimo Anno: AAS 23 (1931), trg 190.* - *Piô XII, Nuntius radiophonicus, 1-6-1941: AAS 33 (1941), trg 207.*

^{7*} *Hoạt động bác ái nằm trong lãnh vực siêu nhiên và trần thế, vì thế tự nó, hoạt động tông đồ giáo dân luôn bao hàm hoạt động bác ái. Tuy nhiên hoạt động bác ái này vẫn luôn có đặc tính thúc đẩy tự nhiên trong mọi lãnh vực, và điều này chứng tỏ cách đặc biệt tinh thần của Chúa Kitô.*

yêu này, và Giáo Hội đã tự đảm nhận những công cuộc bác ái như là nhiệm vụ và quyền lợi bất khả di nhượng của mình, dấu Giáo Hội vẫn hân hoan trước những sáng kiến của người khác. Vì thế, Giáo Hội đặc biệt đề cao lòng xót thương đối với người nghèo đói, bệnh tật, cũng như những công cuộc mệnh danh là từ thiện và tương trợ để xoa dịu mọi nỗi thống khổ của nhân loại³.

Thời nay nhờ những phương tiện giao thông dễ dàng và nhanh chóng hơn, khoảng cách giữa loài người hầu như không còn nữa, và dân chúng trên hoàn cầu được coi như những người cùng sống trong một gia đình, nên những hoạt động và những công cuộc bác ái càng trở nên khẩn thiết và cần được tổ chức rộng lớn hơn. Ngày nay, hoạt động bác ái có thể và phải nhắm tới tất cả mọi người và mọi nhu cầu. Ở đâu có người thiếu ăn, thiếu uống, thiếu mặc, thiếu nhà ở, thiếu thuốc men, thiếu việc làm, thiếu giáo dục, thiếu những phương tiện cần thiết để sống xứng danh con người, ở đâu có người bị đau khổ vì nghịch cảnh, ốm yếu, chịu cảnh lưu đày, tù ngục, thì ở đó bác ái Kitô giáo phải tìm gặp, ân cần săn sóc, ủi an và xoa dịu họ bằng những trợ giúp thích đáng. Thi hành bổn phận này trước hết là bổn phận của những người giàu và các dân tộc giàu⁴.

Để thực thi bác ái mà không bị chỉ trích và để tỏ ra là bác ái đích thực, cần phải nhìn nhận nơi tha nhân hình ảnh Thiên Chúa vì họ đã được dựng nên giống hình ảnh Ngài và nhìn nhận nơi họ chính Chúa Kitô, bởi vì bất cứ sự gì được tặng cho người nghèo là đã thực sự được dâng cho Người. Phải hết sức tôn trọng tự do và nhân phẩm của người được trợ giúp. Đừng làm hoen ố ý hướng ngay lành vì mưu cầu tư lợi hay vì một tham vọng thống trị nào⁵. Phải thỏa mãn những đòi hỏi công

³ Xem Gioan XXIII, *Tđ Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 402.

⁴ Xem n.v.t. trg 440-441.

⁵ Xem n.v.t. trg 442-443.

bình trước đã kéo những tặng phẩm đem cho tưởng là vì bác ái, mà thực ra phải đền trả vì đức công bằng. Phải tổ chức giúp đỡ sao cho những người được trợ giúp dần dần thoát khỏi sự lệ thuộc người khác và có thể tự túc.

Vậy người giáo dân phải quý trọng và tùy sức giúp vào các việc từ thiện và những sáng kiến nhằm cứu trợ xã hội của tư nhân cũng như của quốc gia, kể cả quốc tế. Nhờ những công cuộc đó, người ta mới trợ giúp hữu hiệu cho mỗi người và mỗi dân tộc đang lâm cảnh khốn cùng. Trong việc này, giáo dân cần cộng tác với mọi người thiện chí⁶.

Chương III

Các Môi Trường Hoạt Động Tông Đồ^{8*}

9. Nhập đề. Giáo dân thi hành việc tông đồ muôn mặt của mình trong Giáo Hội cũng như giữa đời. Trong cả hai lãnh vực này, nhiều môi trường hoạt động tông đồ khác nhau được khai mở. Ở đây chúng tôi muốn nhắc tới những môi trường chính yếu hơn cả là: các cộng đoàn Giáo Hội, gia đình, giới trẻ, môi trường xã hội, các lãnh vực quốc gia và quốc tế. Ngày nay phụ

⁶ Xem Piô XII, *Huấn từ ad Pax Romana MIIC*, 25-4-1957: AAS 49 (1957), trg 298-299. Và nhất là Gioan XXIII, *ad Conventum Consilii "Food and Agriculture Organisation" (F.A.O.)*, 10-11-1959: AAS 51 (1959), trg 856,866.

^{8*} Ở đây *Sắc Lệnh* nói đến tinh thần hoạt động phổ quát của việc tông đồ giáo dân. Chính tinh thần này đã đem lại nhiều cảm hứng cho Hiến Chế về Giáo Hội. Tầm hoạt động tông đồ sẽ không giới hạn ở giáo xứ, trong giáo phận hay nơi quốc gia nào.

Tính cách phổ quát này của việc tông đồ giáo dân có nền tảng ở sự ý thức hơn về Giáo Hội như Nhiệm Thể mà Kitô hữu là những chi thể sống động, cũng như ý thức về sự thích ứng cần thiết của Giáo Hội đối với những hoàn cảnh hiện tại của thế giới ngày nay (x. số 10).

nữ càng ngày càng góp phần tích cực vào tất cả đời sống xã hội, cho nên điều quan trọng là làm sao cho họ tham gia nhiều hơn vào cả những lãnh vực tông đồ của Giáo Hội.

10. Các cộng đoàn trong Giáo Hội. Giáo dân góp phần tích cực vào đời sống và hoạt động của Giáo Hội, nhờ được tham dự vào chức vụ của Chúa Kitô là tư tế, ngôn sứ và là vua. Trong những cộng đoàn của Giáo Hội, hoạt động của họ cần thiết đến nỗi nếu không có hoạt động đó, chính hoạt động tông đồ của các vị chủ chăn thường không thể đạt được đầy đủ kết quả. Cũng như giáo dân nam nữ đã giúp Thánh Phaolô trong việc rao giảng Phúc Âm (x. CvTđ 18,18-26; Rm 16,3), những người giáo dân có tinh thần tông đồ đích thực cũng đang trợ giúp những anh em thiếu thốn và nâng đỡ tinh thần các vị chủ chăn và các tín hữu khác (x. 1Cor 16,17-18). Vì được nuôi dưỡng nhờ tham dự cách tích cực vào đời sống phụng vụ của cộng đoàn, chính họ nhiệt thành góp phần vào những công cuộc tông đồ của chính cộng đoàn đó: họ đem những người có lẽ đang xa lạc trở về với Giáo Hội. Họ cộng tác đặc lực vào việc rao truyền lời Chúa nhất là bằng việc dạy giáo lý. Họ đem khả năng của mình làm cho việc coi sóc các linh hồn và cả việc quản trị tài sản của Giáo Hội sinh hiệu quả hơn.

Giáo xứ là một hình thức tông đồ cộng đồng kiểu mẫu, vì đó là nơi qui tụ mọi hạng người thành một cộng đoàn và đem họ vào tinh thần đại đồng của Giáo Hội¹. Giáo dân nên tập thói quen cộng tác chặt chẽ với các linh mục của mình để hoạt động trong giáo xứ². Họ cũng nên có thói quen trình bày với cộng đoàn Giáo Hội những vấn đề riêng của mình hay của cả thế giới hoặc những vấn đề liên quan tới phần rỗi mọi người để cùng nhau

¹ Xem Piô X. *Tông thư Creationis duarum novarum paroeciarum*, 1-6-1905: AAS 38 (1905), trg 65-67. - Piô XII, *Huấn từ ad fides paroeciae S. Saba*, 11-1-1953: *Discorsi e Radiomessaggi di diocesi suburbicaria Albanesi, ad Arcem Gandulfi habita*: 26-8-1962: AAS 54 (1962), trg 656-660.

² Xem Lêô XIII, *Huấn từ 28-1-1894: Acta 14 (1894)*, trg 424-425.

góp ý kiến, nghiên cứu và giải quyết. Họ cũng phải tùy sức mà cố gắng đóng góp vào mọi công cuộc tông đồ và truyền giáo của gia đình Giáo Hội địa phương.

Giáo dân phải luôn luôn nuôi dưỡng ý thức về giáo phận vì giáo xứ như một tế bào của giáo phận. Họ phải luôn mau mắn đáp lại tiếng gọi của Chủ Chăn và tùy sức tham gia những sáng kiến chung của giáo phận. Hơn nữa, để đáp ứng những nhu cầu nơi thành thị cũng như ở thôn quê³, họ không chỉ hạn hẹp sự cộng tác của mình trong giới hạn giáo xứ hay giáo phận nhưng họ cố gắng mở rộng phạm vi tới cả các lãnh vực liên xứ, liên giáo phận, quốc gia hay quốc tế. Hơn nữa, việc di dân mỗi ngày một nhiều, những mối tương giao gia tăng, và việc giao thông dễ dàng đã không để một thành phần xã hội nào sống đóng kín cho riêng mình. Vì thế người giáo dân phải quan tâm đến những nhu cầu của dân Thiên Chúa ở rải rác trên khắp địa cầu. Nhất là họ phải coi những công cuộc truyền giáo như việc của chính mình, bằng cách đóng góp về vật chất hay về cả nhân sự. Vì chung nhiệm vụ và vinh dự của người Kitô hữu là trả lại cho Thiên Chúa phần của họ đã nhận nơi Ngài.

11. Gia đình trong việc tông đồ. Vì Đấng Tạo Hóa đã đặt cộng đoàn hôn nhân làm nguồn gốc và nền tảng cho xã hội loài người và dùng ơn thánh Ngài nâng lên hàng bí tích cao cả trong Chúa Kitô và trong Giáo Hội (x. Eph 5,32) cho nên việc tông đồ của vợ chồng và của các gia đình có tầm quan trọng đặc biệt, đối với Giáo Hội cũng như đối với xã hội dân sự.

Những đôi vợ chồng Kitô giáo là những người cộng tác với ơn thánh và chứng nhân của đức tin đối với nhau, cũng như đối với con cái và những phần tử khác trong gia đình họ. Chính họ là những người đầu tiên phải rao truyền và giáo dục đức tin cho

³ Xem Piô XII, *Huấn từ Ad parochos, etc...* 6-2-1951: *Discorsi e Radiomessaggi di S.S. Piô XII*, 12 (1950-1951), trg 437-443; 8-3-1952: *n.v.t.* 14, (1952-1953), trg 5-10; 27-3-1953: *n.v.t.* 15 (1953-1954), trg 27-35; 28-2-1954: *n.v.t.* trg 585-590.

con cái họ. Bằng lời nói và gương sáng họ huấn luyện con cái sống đời Kitô giáo và làm việc tông đồ. Họ tận trọng giúp đỡ con cái trong việc lựa chọn ơn kêu gọi, và nếu thấy chúng có ơn thiên triệu, họ tận tình nuôi dưỡng ơn kêu gọi đó.

Tất cả những việc ngày xưa vốn là bổn phận vợ chồng, ngày nay còn phải được coi là phần quan trọng nhất của việc tông đồ. Đó là phải biểu lộ và chứng minh bằng đời sống tính cách bất khả phân ly và sự thánh thiện của dây hôn phối. Phải mạnh mẽ nói lên rằng quyền lợi và nhiệm vụ đã được trao ban cho bậc cha mẹ và những người bảo trợ là giáo dục con cái theo Kitô giáo. Phải bảo vệ phẩm giá và quyền tự trị hợp pháp của gia đình. Vì vậy chính họ và những tín hữu khác phải cộng tác với mọi người thiện chí để những quyền trên đây được dân luật bảo vệ hoàn toàn, nghĩa là trong việc cai trị, chính phủ phải quan tâm tới những nhu cầu của gia đình liên quan tới nơi cư ngụ, việc giáo dục trẻ em, điều kiện làm việc, an ninh xã hội và thuế khóa. Khi phải tổ chức di dân, đời sống chung của gia đình phải được hoàn toàn bảo đảm⁴.

Chính gia đình đã lãnh nhận từ Thiên Chúa sứ mệnh trở nên tế bào đầu tiên và sống động của xã hội. Gia đình sẽ chu toàn được sứ mệnh đó nếu gia đình tỏ ra như một đền thờ của Giáo Hội trong nhà mình nhờ yêu thương nhau và cùng nhau dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa, nếu toàn thể gia đình cùng tham dự vào việc phụng vụ của Giáo Hội, sau cùng nếu gia đình tỏ ra hiếu khách và cố võ đức công bằng cũng như những việc thiện khác giúp các anh em đang túng thiếu. Trong các việc

⁴ Xem *Piô XI, Tđ Casti Connubii*: AAS 22 (1930), trg 554, - *Piô XII, Nuntius Radiophonicus, 1-1-1941*: AAS 33 (1941), trg 203. - *n.t. Delegatis ad conventum unionis internationalis sodalitatum ad iura familiar tuenda, 20-9-1949*: AAS 41 (1949), trg 552. - *n.t. Ad patresfamilias e Galia Romanperegrinantes, 18-9-1951*: AAS 43 (1951), trg 731. *n.t. Nuntius radiophonicus in Natali Domini 1952*: AAS 45 (1953), trg 41. - *Gioan XXIII, Tđ Mater et Magistra, 15-5-1961*: AAS 53 (1961), trg 429, 439.

tông đồ của gia đình cần phải kể đến những việc như: nhận làm con những đứa trẻ bị bỏ rơi, ân cần tiếp đón những khách lạ, cộng tác với học đường, khuyến bảo và giúp đỡ thanh thiếu niên, giúp những người đã đính hôn chuẩn bị cho việc hôn nhân của họ được tốt đẹp, giúp dạy giáo lý, nâng đỡ những đôi vợ chồng cũng như những gia đình khi họ gặp khó khăn về vật chất hay tinh thần, lo cho người già cả không những có những điều cần thiết, mà còn cung cấp cho họ những tiện nghi chính đáng của tiến bộ kinh tế.

Ở mọi nơi và mọi lúc, nhất là trong những miền mà hạt giống Phúc Âm vừa được gieo vãi, hoặc trong những nơi Giáo Hội mới được thành lập hay trong những nơi Giáo Hội đang gặp những trở ngại lớn lao, những gia đình Kitô giáo vẫn là chứng nhân quý giá nhất của Chúa Kitô đối với thế gian bằng tất cả đời sống gắn liền với Phúc Âm và tỏ ra là gia đình Kitô giáo gương mẫu⁵.

Để dễ dàng đạt tới những mục đích tông đồ này các gia đình nên qui tụ thành những nhóm⁶.

12. Giới trẻ hoạt động tông đồ. Trong xã hội ngày nay, giới trẻ làm thành một sức mạnh rất quan trọng⁷. Những hoàn cảnh sống của họ, những nếp sống tinh thần và cả những tương quan của họ với gia đình đã thay đổi rất nhiều. Thường thường họ chuyển quá nhanh sang một hoàn cảnh xã hội và kinh tế mới. Hơn nữa, vai trò xã hội cũng như chính trị của họ mỗi ngày một thêm quan trọng, nhưng họ không được chuẩn bị đầy đủ để đảm nhận những trọng trách mới này cách xứng hợp.

⁵ Xem Piô XII, *Tđ Evangelii Praecones*, 2-6-1951: AAS 43 (1951), trg 514.

⁶ Xem Piô XII, *Delegatis ad Conventum Unionis internationalis sodalium ad iura familiae tuenda*, 20-9-1949: AAS 41 (1949), trg 552.

⁷ Xem Piô X, *Huấn từ ad Catholicam Associationem Iuventutis Gallicae de pietate, scientia et actione*, 25-9-1904: AAS 37 (1904-1905), trg 296-300.

Trọng trách của họ trong xã hội gia tăng, đòi hỏi họ gia tăng hoạt động tông đồ. Và lại, chính bản tính tự nhiên của họ vốn hướng về hoạt động đó. Nhờ trưởng thành trong ý thức về nhân vị và được thúc đẩy do sức sống hăng say và tính ham mê hoạt động, họ nhận lãnh trách nhiệm của mình và ước muốn góp phần vào đời sống xã hội và văn hóa. Nếu lòng nhiệt thành này được thấm nhuần tinh thần Chúa Kitô và được thúc đẩy do sự tuân phục và yêu mến các vị chủ chăn của Giáo Hội thì có thể hy vọng nơi họ những thành quả phong phú. người trẻ phải trở nên những tông đồ đầu tiên và trực tiếp của giới trẻ trong khi chính họ hoạt động tông đồ giữa người trẻ và nhờ người trẻ tùy theo môi trường xã hội họ đang sống⁸.

Người lớn cần quan tâm để tạo cuộc đối thoại thân hữu với giới trẻ, vì cuộc đối thoại cho phép cả hai giới vượt qua sự ngăn cách về tuổi tác, hiểu biết lẫn nhau và thông cho nhau sự phong phú riêng của mỗi giới. Người lớn hãy thúc đẩy giới trẻ làm tông đồ trước hết bằng gương sáng và tùy dịp bằng ý kiến khôn ngoan và giúp đỡ thiết thực. Còn giới trẻ cũng phải nuôi dưỡng lòng trọng kính và tín nhiệm đối với người lớn, dẫu theo tính tự nhiên họ ham thích những điều mới lạ, tuy nhiên họ cũng phải tôn trọng những truyền thống đáng quý trọng.

Trẻ em cũng có hoạt động tông đồ riêng của chúng. Tùy khả năng, chúng có thể thực sự là những chứng nhân sống động của Chúa Kitô giữa các bạn hữu.

13. Môi trường xã hội. Làm tông đồ trong môi trường xã hội là cố gắng đem tinh thần Kitô giáo thấm nhuần náo trạng, phong tục, luật lệ và cơ cấu của cộng đoàn nơi họ sống: đó là bổn phận và trách nhiệm của người giáo dân mà không ai có

⁸ Xem Piô XII, *Thư Dans quelques semaines*, gửi Đức Tổng Giám Mục Montréal: *de conventibus a iuvenibus operariis christianis Canadiensibus indictis*, 24-5-1947: AAS 39 (1947), trg 257. - Và sứ điệp truyền thanh Ad J.O.C. Bruxelles, 2-9-1950: AAS 42 (1950), trg 640-641.

thể làm thay họ cách đầy đủ. Trong lãnh vực này, người giáo dân có thể làm tông đồ cho người đồng cảnh ngộ với mình. Ở đó lấy lời nói bổ túc cho bằng chứng của đời sống⁹. Cũng ở đó, họ dễ dàng giúp đỡ anh em trong môi trường làm việc hay nghề nghiệp, môi trường học vấn, cư ngụ, giải trí cũng như trong sinh hoạt địa phương.

Người giáo dân chu toàn sứ mệnh này của Giáo Hội nơi trần gian: trước tiên bằng đời sống hòa hợp với đức tin, để nhờ đó họ trở thành ánh sáng thế gian; bằng đời sống lương thiện trong bất cứ công ăn việc làm nào để làm cho mọi người yêu mến sự thật, sự thiện và cuối cùng đưa họ tới Chúa Kitô và Giáo Hội; bằng đời sống bác ái huynh đệ qua việc họ thực sự chia sẻ với anh em trong hoàn cảnh sống, trong đau khổ cũng như trong mọi ước vọng, và như thế họ âm thầm chuẩn bị cho ơn cứu rỗi hoạt động trong tâm hồn mọi người; bằng cuộc sống ý thức đầy đủ về vai trò của mình trong việc xây dựng xã hội, họ cố gắng chu toàn hoạt động nơi gia đình, ngoài xã hội, trong nghề nghiệp với lòng quảng đại của Kitô giáo; như thế phương thức hành động của họ dần dần thấm nhập vào môi trường sống và cả môi trường làm việc.

Việc tông đồ này phải nhắm tới hết mọi người trong môi trường hoạt động và không được loại bỏ bất cứ lợi ích thiêng liêng hay vật chất nào có thể làm cho họ. Nhưng người tông đồ đích thực không chỉ hài lòng với hoạt động này, họ còn phải quan tâm đến việc rao giảng Chúa Kitô cho anh em bằng cả lời nói nữa. Bởi vì nhiều người chỉ có thể nghe Phúc Âm và nhận biết Chúa Kitô nhờ những người giáo dân sống gần họ.

14. Trên bình diện quốc gia và quốc tế. Môi trường hoạt động tông đồ mở rộng bao la trên bình diện quốc gia và quốc tế, trong đó, hơn ai hết, giáo dân là những người nắm giữ và phân phát

⁹ Xem Piô XI, *Tđ Quadragesimo anno*, 15-5-1931: AAS 23 (1931), trg 225-226.

sự khôn ngoan Kitô giáo. Tận tâm đối với quốc gia và trung thành chu toàn những nhiệm vụ công dân, người công giáo cảm thấy bó buộc phải cố võ cho công ích thực sự, và họ phải làm sao cho ý kiến của họ ảnh hưởng tới chính quyền để quyền hành được thực thi chính đáng và để luật lệ đáp ứng được những đòi hỏi của luân lý và công ích. Những người công giáo có khả năng làm chính trị và đã được huấn luyện đầy đủ về đức tin và giáo lý đừng từ chối tham gia việc nước, bởi vì nhờ thi hành nhiệm vụ cách tốt đẹp, họ có thể đóng góp vào công ích và đồng thời mở đường cho Phúc Âm.

Người công giáo phải tìm cách cộng tác với tất cả mọi người thiện chí để cổ động cho bất cứ những gì là chân thật, công bằng, thánh thiện và đáng yêu quý (x. Ph 4,8). Người công giáo hãy đối thoại với họ, hãy đến với họ cách khôn ngoan và tế nhị, hãy tìm cách kiến toàn những định chế xã hội và quốc gia theo tinh thần Phúc Âm.

Trong các dấu chỉ của thời đại chúng ta, phải đặc biệt chú ý tới ý nghĩa ngày một gia tăng và không thể tránh né về sự liên đới giữa các dân tộc mà nhiệm vụ của hoạt động tông đồ giáo dân là phải lo lắng cổ động và biến nó thành một khát vọng chân thành và thiết thực về tình huynh đệ. Hơn nữa giáo dân còn phải ý thức về lãnh vực quốc tế và ý thức về những vấn nạn cũng như những giải pháp trên lý thuyết hay trong thực hành đang được đề ra, nhất là về những vấn đề liên quan tới các dân tộc đang nỗ lực phát triển¹⁰.

Tất cả những ai làm việc ở các nước khác hay đang trợ giúp những nước ấy phải nhớ rằng những mối bang giao giữa các dân tộc phải là cuộc trao đổi huynh đệ đích thực, trong đó, cả hai bên cùng cho và cùng nhận. Còn những ai xuất ngoại để lo công chuyện hay để giải trí phải nhớ rằng dù họ ở đâu họ cũng

¹⁰ Xem Gioan XXIII, *Tđ Mater et Magistra*, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 448-450.

vẫn là sứ giả lưu động của Chúa Kitô và họ phải sống đúng danh hiệu đó.

Chương IV

Các Phương Thức Hoạt Động Tông Đồ^{9*}

15. Nhập đề. Giáo dân có thể thực hiện việc tông đồ hoặc từng người hoặc liên kết thành cộng đoàn hay hội đoàn.

16. Tầm quan trọng và những hình thức của việc tông đồ cá nhân. Việc tông đồ mà mỗi người phải thực hiện bắt nguồn từ mạch sống phong phú đích thực Kitô giáo (x. Gio 4,14). Đó là căn bản và điều kiện của mọi hoạt động tông đồ giáo dân, kể cả việc tông đồ giáo dân tập thể và không gì có thể thay thế việc đó được.

Việc tông đồ cá nhân này rất hiệu quả ở bất cứ nơi nào và thời nào. Hơn nữa, trong một số hoàn cảnh chỉ có hoạt động tông

^{9*} *Tới đây, Sắc Lệnh tổng hợp hai hình thức hoạt động tông đồ giáo dân: cá nhân và tập thể. Các Nghị Phụ đã bàn cãi nhiều khi nói về Công Giáo Tiến Hành. Nhiều vị không muốn đề cập rõ về "Công Giáo Tiến Hành" hay một hình thức hội đoàn đặc thù nào khác, nhưng chỉ nói một cách tổng quát về các "hiệp đoàn". Trái lại có nhiều Nghị Phụ khác muốn dành một chương đặc biệt về Công Giáo Tiến Hành vì tầm quan trọng, sự cần thiết, bản tính, cơ cấu, sự điều hành của nó v.v... Cuối cùng, Thánh Công Đồng chấp thuận một cách diễn tả dung hòa như chúng ta thấy ở Sắc Lệnh.*

Trước hết Sắc Lệnh nói tới việc tông đồ cá nhân, kết quả tự nhiên của cuộc sống Kitô hữu thực sự thấm nhuần đức tin, cậy, mến. Việc tông đồ cá nhân này thực thi:

- bằng chứng tích đời sống Kitô giáo.
- bằng sự cộng tác như công dân của trần gian vào việc kiến tạo và điều hành trật tự trần gian: đời sống gia đình, nghề nghiệp, văn hóa và xã hội.
- bằng lời cầu nguyện riêng tư, việc đền tội, chấp nhận làm việc và chịu vất vả do cuộc sống để nên giống Chúa Kitô Đau Khổ. Tất cả những nhân đức này giúp họ có khả năng đạt tới mọi người trong tinh thần tông đồ.

đồ này mới thích hợp và mới có thể thực hiện được. Mọi người giáo dân, dù thuộc thành phần nào đi nữa, dù không có cơ hội hay khả năng để cộng tác trong các hội đoàn đều được kêu gọi và hơn nữa phải làm việc tông đồ cá nhân.

Có nhiều hình thức tông đồ mà người giáo dân dùng để xây dựng Giáo Hội, thánh hóa và làm sống động thế gian trong Chúa Kitô.

Hình thức đặc biệt của hoạt động tông đồ cá nhân là giúp giáo dân làm chứng bằng cả đời sống phát xuất từ đức tin, đức cậy, đức ái. Đó là dấu chỉ rất thích hợp trong thời đại chúng ta để biểu lộ Chúa Kitô sống động trong các tín hữu của Người. Cùng với việc tông đồ bằng lời nói mà trong một số hoàn cảnh lại rất cần thiết người giáo dân rao giảng Chúa Kitô, cắt nghĩa và phổ biến giáo lý của Người tùy theo hoàn cảnh và tài năng của mỗi người, đồng thời họ cũng trung thành tuyên xưng giáo lý của Người nữa.

Hơn nữa, là những người công dân trong thế giới ngày nay, người công giáo khi cộng tác vào những việc liên quan tới việc xây dựng và quản trị trật tự trần thế, họ phải thấu triệt dưới ánh sáng đức tin những lý do cao cả để hành động trong đời sống gia đình, nghề nghiệp, văn hóa và xã hội và tùy dịp bày tỏ cho người khác nữa. Người giáo dân cũng phải ý thức rằng họ trở nên những người cộng tác với Thiên Chúa là Đấng tạo dựng, cứu chuộc và thánh hóa và như vậy làm vinh danh Thiên Chúa.

Sau cùng giáo dân làm cho đời mình sống động bằng đức ái và tùy sức biểu lộ đời sống đó bằng chính hoạt động của mình.

Mọi người phải nhớ rằng nhờ việc phụng tự công cộng và cầu nguyện, nhờ sám hối và tự ý chấp nhận công việc cũng như những khổ cực của cuộc đời làm cho họ nên giống Chúa Kitô đau khổ (x. 2Cor 4,10; Col 1,24) họ mới có thể ảnh hưởng tới mọi người và đem ơn cứu độ cho toàn thế giới.

17. Tông đồ cá nhân trong những hoàn cảnh đặc biệt. Việc tông đồ cá nhân này rất cần thiết và cấp bách trong những miền mà tự do của Giáo Hội bị cản trở trầm trọng. Trong những hoàn cảnh khó khăn đó, giáo dân tùy khả năng thay thế linh mục, họ liều mất tự do của mình và đôi khi ngay cả mạng sống mình để dạy giáo lý công giáo cho những người chung quanh, huấn luyện cho những người ấy biết sống đạo và khuyến khích họ năng lãnh nhận các bí tích và đặc biệt tôn sùng phép Thánh Thể¹. Thánh Công Đồng hết lòng tạ ơn Thiên Chúa đã không ngừng cho xuất hiện ngay cả trong thời đại chúng ta những người giáo dân can đảm phi thường giữa những cơn bách hại. Thánh Công Đồng lấy tình người cha yêu thương và tri ân họ.

Việc tông đồ cá nhân có môi trường hoạt động đặc biệt trong những miền người công giáo ít ỏi và tản mác. Ở những nơi đó, giáo dân chỉ hoạt động tông đồ từng người hoặc vì những lý do nói trên hoặc vì những lý do đặc biệt do sinh hoạt nghề nghiệp. Nên để thuận tiện gặp gỡ nhau, họ hợp lại thành từng tổ nhỏ không cần đến hình thức tổ chức hay hệ thống chặt chẽ, miễn sao người khác thấy được dấu hiệu của cộng đoàn Giáo Hội như bằng chứng đích thực của tình thương. Như thế, trong khi giúp nhau trên bình diện thiêng liêng nhờ tình bằng hữu và kinh nghiệm, họ được mạnh sức để thắng vượt những khó khăn của cuộc sống và sự hoạt động quá lẻ loi cũng như để việc tông đồ đạt được kết quả phong phú hơn.

18. Tầm quan trọng của việc tông đồ tập thể. Với tư cách cá nhân, người Kitô hữu được mời gọi hoạt động tông đồ trong những hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống. Tuy nhiên họ nên nhớ rằng con người, tự bản chất đã có xã hội tính., và Thiên Chúa đã vui lòng tập hợp, những người tin vào Chúa Kitô thành dân Thiên Chúa (x. 1P 2,5-10) và kết hợp họ thành một thân

¹ Xem Piô XII, *Huấn từ ad Conventum ex Omnibus Gentibus Laicorum apostolatui provehendo*, 14-10-1951: AAS 43 (1951), trg 788.

thể (x. 1Cor 12,12). Vậy hoạt động tông đồ tập thể rất phù hợp với đòi hỏi của các tín hữu dưới khía cạnh con người cũng như dưới khía cạnh Kitô hữu. Đồng thời nó cũng biểu lộ được dấu chỉ hiệp thông và hiệp nhất của Giáo Hội trong Chúa Kitô, Đáng đã phán: "Vì đâu có hai, ba người nhân danh Thầy hội họp lại, Thầy sẽ ở giữa họ" (Mt 18,20).

Vì thế người Kitô hữu phải hiệp nhất cùng nhau để làm tông đồ². Họ phải làm tông đồ trong cộng đoàn gia đình cũng như trong giáo xứ và giáo phận là những cộng đoàn nói lên tính cách cộng đồng của hoạt động tông đồ. Hơn nữa họ phải làm tông đồ trong những đoàn thể tự do mà họ đã tự ý gia nhập.

Hoạt động tông đồ tập thể rất quan trọng^{10*} vì trong các cộng đoàn Giáo Hội, cũng như trong các môi trường khác nhau, hoạt động tông đồ thường đòi hỏi phải được chu toàn do một hoạt động chung. Bởi vì các Hội Đoàn được thành lập nhằm hoạt động tông đồ tập thể, nâng đỡ và huấn luyện các hội viên làm tông đồ, phối hợp và hướng dẫn hoạt động tông đồ của họ để có thể hy vọng nơi họ những kết quả phong phú hơn là nếu từng người hoạt động riêng rẽ.

Vậy trong những hoàn cảnh hiện tại, nơi nào có giáo dân hoạt động thì hoạt động tông đồ nhất thiết phải được củng cố dưới

² Xem Piô XII, *Huấn từ ad I Conventum ex Gentibus Laicorum apostolatui provehendo*, 14-10-1951: AAS 43 (1951), trg 787-788.

^{10*} *Tầm quan trọng của việc tông đồ tập thể. Việc tông đồ có tổ chức rất thích hợp với bản tính xã hội của con người và với niềm tha thiết của Chúa là muốn thu thập mọi người tin vào Chúa Kitô thành Dân Thiên Chúa (x. 1P 2,5-10). Theo Sắc Lệnh các hội đoàn làm việc tông đồ cần phải có bốn đặc tính:*

- Mục đích phải là rao giảng Phúc Âm và thánh hóa mọi người.
- Các hội đoàn phải cộng tác với hàng Giáo Phẩm, nhưng vẫn chịu trách nhiệm riêng.
- Hoạt động của các hội đoàn này phải có tính cách cộng đoàn.
- Hoạt động của giáo dân phải tùy thuộc vào sự hướng dẫn của hàng Giáo Phẩm.

hình thức tập thể và có tổ chức. Vì chỉ có việc liên kết chặt chẽ các nỗ lực mới mong đạt được đầy đủ mọi mục tiêu của hoạt động tông đồ ngày nay và bảo vệ hữu hiệu những kết quả của việc tông đồ đó³. Do đó điều quan trọng đặc biệt là làm sao cho hoạt động tông đồ tác động vào não trạng quần chúng và những hoàn cảnh xã hội của những người mà hoạt động tông đồ nhằm tới. Nếu không, họ thường sẽ không đủ sức chống lại áp lực của dư luận quần chúng hay của các định chế.

19. Nhiều hình thức của việc tông đồ tập thể. Có nhiều hội đoàn tông đồ khác nhau⁴. Có những hội đoàn nhằm mục đích tông đồ tổng quát của Giáo Hội. Có những hội đoàn nhằm mục đích loan báo Phúc Âm và thánh hóa bằng phương thức chuyên biệt. Có những hội đoàn nhằm mục đích Kitô hóa trật tự trần thế. Có những hội đoàn nhằm làm chứng cho Chúa Kitô đặc biệt bằng từ thiện và bác ái.

Trong số những hội đoàn đó, cần phải đặc biệt chú trọng đến những hội đoàn cổ võ và đề cao sự phối hợp chặt chẽ giữa đời sống thực tế của hội viên với đức tin của họ. Các hội đoàn tự nó không phải là cứu cánh, nhưng phải nhằm giúp Giáo Hội chu toàn sứ mệnh đối với trần gian. Các hội đoàn chỉ có giá trị tông đồ nhờ ở chỗ phù hợp với các mục tiêu của Giáo Hội, ở từng hội viên hay cả hội đoàn có tinh thần Phúc Âm và làm chứng cho Chúa Kitô.

Trước sự tiến triển của các tổ chức cũng như đà tiến hóa của xã hội hiện đại, sứ mệnh phổ quát của Giáo Hội đòi hỏi các công cuộc tông đồ của người công giáo phải càng ngày càng được tổ chức quy củ trên lãnh vực quốc tế. Các Tổ Chức Công Giáo Quốc Tế sẽ đạt được mục đích cách tốt đẹp nếu các đoàn thể

³ Xem Piô XII, Tđ. *Le Pèlerinage de Lourdes*, 2-7-1957: AAS 49 (1957), trg 615.

⁴ Xem Piô XII, *Huấn từ ad consilium Foederationalis internationalis virorum catholicorum*, 8-12-1956: AAS 49 (1957), trg 26-27.

hội viên và các hội viên của các đoàn thể đó liên kết chặt chẽ với các tổ chức trên.

Giáo dân có quyền lập hội đoàn⁵, điều khiển hội đoàn và ghi tên vào các hội đoàn đã có sẵn, miễn là phải giữ mối liên lạc cần thiết với giáo quyền⁶. Nhưng cần phải tránh phân tán lực lượng do việc lập thêm những hội đoàn và những công cuộc mới khi không đủ lý do, hoặc cố giữ lại những hội đoàn không còn ích lợi hoặc giữ lại những phương thế đã lỗi thời. Cũng không phải luôn luôn thích hợp khi du nhập một cách bừa bãi những hình thức hội đoàn của các nước khác⁷.

20. Công giáo tiến hành. Từ vài chục năm nay, trong nhiều quốc gia, giáo dân càng ngày càng dần thân vào hoạt động tông đồ. Họ qui tụ lại với nhau dưới nhiều hình thức hoạt động cũng như lập thành các hội đoàn. Những tổ chức này đã và đang theo đuổi những mục đích thuần túy tông đồ mà vẫn liên kết chặt chẽ với Hàng Giáo Phẩm. Trong số những tổ chức ấy cũng như cả các tổ chức tương tự đã có từ trước, đặc biệt phải nhắc đến những tổ chức đầu theo những tiêu chuẩn hoạt động khác nhau nhưng đã đem lại nhiều kết quả phong phú cho nước Chúa Kitô. Các Đức Giáo Hoàng và một số đông các Giám Mục đã có lý khi tín nhiệm và cổ võ những tổ chức này và đặt cho danh hiệu Công Giáo Tiến Hành. Do đó những hoạt động ấy thường được diễn tả như một sự cộng tác của giáo dân vào việc tông đồ của Hàng Giáo Phẩm⁸.

Những hình thức tông đồ này, dù mang danh hiệu Công Giáo Tiến Hành hay một danh hiệu nào khác, vẫn đang thực hiện

⁵ Xem S.C. Concilii, *Resolutio Corrienten*, 13-11-1920: AAS 13 (1921), trg 139.

⁶ Xem đoạn sau, ch V, số 24.

⁷ Gioan XXIII, *Tđ. Princeps Pastorum*, 10-12-1959: AAS 51 (1959), trg 856.

⁸ Xem Piô XI, *thư gởi cho Đức Hồng Y Bestram*, 13-11-1928: AAS 20 (1928), trg 385. - x. thêm Piô XII, *Huấn từ ad A.C. Italicam*, 4-9-1940: AAS 32 (1940), trg 362.

một việc tông đồ quý giá ở thời đại chúng ta. Những tổ chức ấy phải hội đủ những yếu tố sau đây:

a) Mục đích trực tiếp của tổ chức này phải là mục đích tông đồ của Giáo Hội, nghĩa là rao truyền Phúc Âm và thánh hóa nhân loại, và đào tạo cho con người một lương tâm Kitô giáo đích thực để họ có thể đem tinh thần Phúc Âm thấm nhập vào mọi cộng đoàn cũng như mọi lãnh vực của đời sống.

b) Trong khi cộng tác với Hàng Giáo Phẩm theo thể thức riêng của mình, người giáo dân đảm nhận trách nhiệm và đem kinh nghiệm riêng để điều hành các tổ chức này, tìm những điều kiện thích hợp cho hoạt động mục vụ của Giáo Hội cũng như để soạn thảo và theo đuổi một chương trình hành động.

c) Người giáo dân hoạt động liên kết với nhau như các cơ quan trong thân thể, điều đó dễ nói lên ý nghĩa cộng đoàn của Giáo Hội và làm cho việc tông đồ được hữu hiệu hơn.

d) Người giáo dân hoạt động dưới sự điều khiển của chính Hàng Giáo Phẩm, dù họ tự nguyện dấn thân, hoặc được mời hoạt động và cộng tác trực tiếp vào việc tông đồ của Hàng Giáo Phẩm. Hàng Giáo Phẩm có thể thừa nhận sự cộng tác này bằng sự "ủy nhiệm" minh nhiên.

Những đoàn thể nào mà giáo quyền xét thấy hội đủ những yếu tố vừa kể đều được coi là Công Giáo Tiến Hành, mặc dù những tổ chức đó mang những hình thức và danh hiệu khác nhau tùy theo đòi hỏi của từng địa phương và của mỗi dân tộc.

Thánh Công Đồng ân cần giới thiệu những định chế này vì chắc chắn chúng đáp ứng đúng những đòi hỏi của việc tông đồ của Giáo Hội trong nhiều quốc gia. Thánh Công Đồng cũng kêu mời các linh mục hoặc giáo dân đang tham gia các hoạt động trên hãy thể hiện những tiêu chuẩn vừa kể mỗi ngày một hơn, và hãy luôn luôn lấy tình huynh đệ mà cộng tác với các hình thức tông đồ khác trong Giáo Hội.

21. Tôn trọng các đoàn thể tông đồ. Mọi đoàn thể tông đồ phải được đánh giá đúng mức. Tuy nhiên, những đoàn thể tông đồ mà Hàng Giáo Phẩm, tùy theo đòi hỏi của từng địa phương và từng thời đại đã khen ngợi, giới thiệu và truyền lệnh thành lập như những đòi hỏi cấp bách hơn, những đoàn thể đó phải được các linh mục, các tu sĩ và các giáo dân coi là rất quan trọng và mỗi người phải cố võ những đoàn thể đó tùy theo cách thể riêng của mình. Trong số những đoàn thể đó ngày nay đặc biệt phải kể đến những đoàn thể hay hiệp hội công giáo có tính cách quốc tế.

22. Giáo dân dẫn thân phục vụ Giáo Hội với tư cách đặc biệt. Thật đáng kính trọng và đặc biệt đề cao trong Giáo Hội những giáo dân, hoặc độc thân hoặc đã có gia đình, đang dẫn thân và đem khả năng chuyên môn của mình phục vụ suốt đời hoặc một thời gian trong các tổ chức và hoạt động của các tổ chức ấy. Giáo Hội cũng rất vui mừng vì thấy càng ngày càng tăng số giáo dân phục vụ trong các đoàn thể hoặc trong các công cuộc tông đồ ở lãnh vực quốc gia mình cũng như trên địa hạt quốc tế và nhất là trong các cộng đoàn công giáo nơi các xứ truyền giáo và ở những Giáo Hội mới thành hình.

Các vị Chủ Chăn của Giáo Hội hãy sẵn sàng đón nhận và biết ơn những giáo dân này và phải lo cho họ có thật đầy đủ điều kiện do đức công bình, liêm chính và đức bác ái đòi hỏi, nhất là lo trợ cấp cho họ và cả gia đình họ để họ có được một đời sống xứng đáng. Ngoài ra còn phải lo cho họ được huấn luyện đầy đủ cũng như được trợ giúp và khích lệ về mặt thiêng liêng.

Chương V

Hệ Thống Phải Theo^{11*}

23. Nhập đề. Việc tông đồ của giáo dân, cá nhân hay tập thể, phải được đặt vào đúng chỗ trong công cuộc tông đồ của toàn thể Giáo Hội. Hơn nữa, điều cốt yếu của việc tông đồ Kitô giáo là liên kết với những người đã được Chúa Thánh Thần đặt lên cai trị Giáo Hội Chúa (x. CvTđ 20,28). Và lại, việc cộng tác

11 Sắc Lệnh đã nói tới nền tảng của nhân vị và cá nhân trong hoạt động tông đồ giáo dân, tới bản tính cộng đoàn và xã hội của Kitô hữu, tới óc sáng kiến và tinh thần từng phục, tới việc tông đồ cá nhân và có tổ chức. Giờ đây Công Đồng đưa ra một vài tiêu chuẩn để cho các khía cạnh tông đồ này, dầu bề ngoài có vẻ đối nghịch nhau, vẫn hòa hợp với nhau, dựa theo sự khôn ngoan cao đẹp và thánh thiện. Sắc Lệnh xác định rằng Giáo Hội không thể chấp nhận chủ nghĩa duy giáo sĩ hay duy giáo dân; hoặc duy pháp lý hay tình trạng vô trật tự. Tự do của con người và sáng kiến cá nhân phải hòa hợp nhau trong việc tìm kiếm công ích. Quyền bính là để phục vụ nhưng phục vụ qua việc điều khiển hướng dẫn. Vấn nạn trung ương tập quyền hay phân quyền giải quyết được nhờ sự kiện hàng Giáo Phẩm và giáo dân cùng theo đuổi một mục đích nhưng có chức vụ khác nhau với quyền lợi và bổn phận khác nhau.*

Cũng thế, tinh thần đoàn thể không có nghĩa là tình trạng lộn xộn hay vô trật tự, nhưng là hành động có tổ chức nhắm tới ích chung. Về phía hàng Giáo Phẩm, các ngài nên có khuynh hướng tôn trọng sáng kiến giáo dân, nhất là trong những lãnh vực chuyên biệt của họ, làm sao cho tất cả mọi người đều tha thiết và lo lắng cho thành quả của việc tông đồ trong tinh thần hiệp thông và phục vụ. Đây là những tiêu chuẩn hướng dẫn việc tông đồ giáo dân:

- Tông đồ giáo dân, cá nhân hay có tổ chức phải ăn nhập với hoạt động tông đồ của toàn thể Giáo Hội, để cho sự hiệp nhất với các mục tử trong Giáo Hội trở thành điều kiện cần thiết cho mọi hoạt động tông đồ.

- Sự cộng tác giữa các tổ chức khác nhau là điều cần thiết và cần được hàng Giáo Phẩm hướng dẫn.

- Sự kính trọng lẫn nhau và sự phân phối xứng hợp trở nên như những điều kiện cấp bách cho việc cổ võ tinh thần hiệp nhất và bác ái huynh đệ. Công Đồng nhấn nhủ tín hữu cần tránh mọi tinh thần tranh đua bất chính giữa các hội đoàn. Điều kiện này theo Sắc Lệnh, còn cần thiết hơn nếu có những tổ chức tông đồ giữa các linh mục triều và dòng, tu sĩ và giáo dân.

giữa các tổ chức tông đồ khác nhau cũng cần thiết và phải được Hàng Giáo Phẩm điều hành thích đáng.

Vì muốn cổ võ tinh thần hiệp nhất để bác ái huynh đệ nổi bật lên trong mọi hoạt động tông đồ của Giáo Hội, để đạt được những mục đích chung cũng như để tránh những cạnh tranh nguy hại, cần phải có sự tôn trọng lẫn nhau và sự phối hợp thích đáng giữa các tổ chức tông đồ trong Giáo Hội, miễn là đặc tính riêng của mỗi tổ chức vẫn được duy trì¹.

Điều đó rất thích hợp mỗi khi có công tác đặc biệt nào trong Giáo Hội đòi phải có sự hòa hợp và cộng tác vào việc tông đồ giữa hai hàng giáo sĩ dòng triều, giữa tu sĩ và giáo dân.

24. Liên lạc với hàng Giáo phẩm. Bổn phận của Hàng Giáo Phẩm là phải hỗ trợ cho hoạt động tông đồ của giáo dân: đề ra những nguyên tắc và giúp các phương tiện thiêng liêng. Phải phối hợp việc tông đồ của họ để sinh ích chung cho cả Giáo Hội. Hàng Giáo Phẩm cũng phải lo cho giáo thuyết và những chỉ thị của Giáo Hội được tuân hành.

Có nhiều thể thức liên lạc giữa việc tông đồ giáo dân với Hàng Giáo Phẩm tùy theo hình thức và mục tiêu của mỗi hoạt động tông đồ.

Trong Giáo Hội quả thực có nhiều công cuộc tông đồ do giáo dân có sáng kiến thành lập và khôn khéo điều hành. Nhờ những tổ chức tông đồ như thế, trong nhiều hoàn cảnh, Giáo Hội có thể chu toàn sứ mệnh của mình cách tốt đẹp, và do đó Hàng Giáo Phẩm thường ca ngợi và cổ võ các tổ chức đó². Nhưng không một sáng kiến nào được lấy danh nghĩa công giáo nếu không có sự ưng thuận của giáo quyền hợp pháp.

¹ Xem Piô XI, *Tđ Quamvis Nostra*, 30-4-1936: AAS 28 (1936), trg 160-161.

² Xem S.C. *Concilii, Resolutio Corrienten*, 13-11-1920: AAS 13 (1921), trg 137-140.

Có một số tổ chức tông đồ giáo dân, dưới hình thức này hay hình thức khác, đã được giáo quyền công khai chấp nhận.

Ngoài ra vì nhu cầu ích chung của Giáo Hội, giáo quyền có thể lựa chọn và cổ võ cách đặc biệt một vài tổ chức trong số những tổ chức hay hiệp hội tông đồ có sẵn, trực tiếp nhằm mục đích thiêng liêng và giáo quyền cũng nhận trách nhiệm đối với những tổ chức đó. Như thế, khi tổ chức công việc tông đồ tùy theo cách thức khác cho hợp với hoàn cảnh, Hàng Giáo Phẩm liên kết chặt chẽ hơn một hình thức tông đồ giáo dân nào đó với phận vụ tông đồ của mình, tuy nhiên vẫn giữ nguyên vẹn bản chất và sự khác biệt giữa hai bên. Giáo dân do đây vẫn còn khả năng cần thiết để được tự do hành động theo sáng kiến riêng của họ. Trong nhiều văn kiện của Giáo Hội hành động trên đây của Hàng Giáo Phẩm được gọi là ủy nhiệm.

Sau hết, Hàng Giáo Phẩm còn trao phó cho giáo dân một vài phận vụ liên quan mật thiết hơn với nhiệm vụ của chủ chăn như việc dạy giáo lý, thi hành một vài động tác phụng vụ, hay việc chăm sóc các linh hồn. Chính do việc ủy nhiệm này, người giáo dân, khi thi hành nhiệm vụ, phải hoàn toàn tuân phục sự điều khiển của cấp trên trong Giáo Hội.

Về những vấn đề liên hệ tới những công cuộc và những định chế thuộc lãnh vực trần thế, Hàng Giáo Phẩm có nhiệm vụ phải chính thức giảng dạy và giải thích những nguyên tắc luân lý phải theo trong địa hạt này. Một khi đã cân nhắc kỹ lưỡng và bàn hỏi với các nhà chuyên môn, Hàng Giáo Phẩm có quyền thẩm định công cuộc này hay định chế kia là phù hợp hay không phù hợp với các nguyên tắc luân lý và phán quyết những gì phải làm để bảo vệ và cổ võ những lợi ích thuộc lãnh vực siêu nhiên.

25. Hàng giáo sĩ phải giúp đỡ việc tông đồ giáo dân. Các Giám Mục, các cha sở, các linh mục dòng triều phải nhớ rằng quyền và bổn phận làm tông đồ là chung cho tất cả mọi tín hữu

không phân biệt giáo sĩ hay giáo dân, và trong việc xây dựng Giáo Hội, giáo dân cũng có phần riêng của họ³. Vì thế các ngài phải cùng với giáo dân làm việc trong Giáo Hội và cho Giáo Hội với tinh huynh đệ, cũng như phải đặc biệt để tâm lo cho giáo dân trong khi họ làm việc tông đồ⁴.

Các linh mục được đề cử giúp đỡ các tổ chức tông đồ đặc biệt của giáo dân phải là người có khả năng và được huấn luyện đầy đủ⁵. Các linh mục này, vì nhận trách nhiệm do Hàng Giáo Phẩm, nên trong lúc hoạt động, các ngài là đại diện của Hàng Giáo Phẩm trong chính hoạt động mục vụ của mình. Luôn luôn trung thành với tinh thần và giáo lý của Giáo Hội, các ngài phải làm cho giữa giáo dân và Hàng Giáo Phẩm có những liên lạc thích đáng. Các ngài phải ra sức nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng và tinh thần tông đồ nơi các đoàn thể công giáo đã được trao phó cho các ngài. Các ngài phải hiện diện trong hoạt động tông đồ của các đoàn thể đó bằng ý kiến khôn ngoan và cổ vũ những sáng kiến của chúng. Qua những tiếp xúc thường xuyên với giáo dân, các ngài phải chú tâm tìm kiếm xem những hình thức nào đem lại kết quả hơn cho hoạt động tông đồ. Các ngài phải cổ vũ tinh thần hiệp nhất ngay trong đoàn thể mình phụ trách cũng như giữa đoàn thể này với các đoàn thể bạn.

Sau hết, các tu sĩ nam nữ phải quý trọng các hoạt động tông đồ của giáo dân. Theo tinh thần và nội qui của mỗi dòng tu, họ cũng nên sẵn sàng giúp phát triển các hoạt động tông đồ giáo dân⁶. Họ còn phải ân cần nâng đỡ, trợ lực và bỏ túi các công việc của linh mục.

³ Xem Piô XII, *Huấn từ ad II Conventum ex Omnibus Gentibus Laicorum apostilatui provehendo*, 5-10-1957: AAS 49 (1957), trg 927.

⁴ Xem CĐ vat. II, *Hiến Chế tín lý về Giáo Hội*, số 37: AAS 57 (1965), trg 42-43.

⁵ Xem Piô XII, *Tông huấn Mentis Nostrae*, 23-9-1950: AAS 42 (1950), trg 660.

⁶ Xem CĐ Vat. II, *Sắc Lệnh về Canh tân thích nghi đời sống dòng tu*, số 8.

26. Vai hình thức cộng tác. Trong mỗi giáo phận, phải hết sức liệu sao cho có những hội đồng cố vấn gồm các giáo sĩ, tu sĩ cùng cộng tác thích hợp với giáo dân để giúp cho hoạt động tông đồ của Giáo Hội hoặc trong việc rao truyền Phúc Âm và thánh hóa, hoặc trong các công cuộc từ thiện bác ái, xã hội hay các hoạt động khác. Những hội đồng cố vấn này có thể giúp phối hợp hoạt động của các hội đoàn cũng như của các công cuộc tông đồ của giáo dân đang khi vẫn tôn trọng bản chất riêng và quyền tự trị của mỗi hội đoàn⁷.

Nếu có thể, cũng nên thiết lập những hội đồng cố vấn như thế ở cấp độ giáo xứ, liên giáo xứ, liên giáo phận và ngay cả trên bình diện quốc gia hay quốc tế⁸.

Hơn nữa, phải thiết lập bên cạnh Tòa Thánh một văn phòng đặc trách hỗ trợ và cổ võ hoạt động tông đồ giáo dân^{12*}. Văn phòng này được coi như Trung Ương có đủ phương tiện thích ứng để thông báo những tin tức về những sáng kiến tông đồ của giáo dân, đồng thời nghiên cứu những vấn đề thời đại trong địa hạt này hầu giúp ý kiến cho Hàng Giáo Phẩm và cho chính các giáo dân đang dần thân trong hoạt động tông đồ. Các phong trào và các tổ chức tông đồ giáo dân hiện có khắp thế giới phải được coi như những thành phần của văn phòng này, trong đó có cả giáo sĩ, tu sĩ cùng cộng tác với giáo dân.

27. Cộng tác với anh em Kitô giáo và ngoài Kitô giáo. Vì cùng chung một gia sản là Phúc Âm và do đó cùng chung một bản

⁷ Xem *Benedictô XIV, De Synodo Diocesana c. I, III, ch. IX, số VII-VIII: Opera omnia in tomos XVII distributa, bộ XI (Prati 1844), trg 76-77.*

⁸ Xem *Piô XI, Tđ Quamvis nostra, 30-4-1936: AAS 28 (1936), trg 160-161.*

^{12*} Do tự sắc "*Catholicam Christi Ecclesiam*" ngày 6 tháng Giêng năm 1967, Đức Phaolô VI chính thức thiết lập Hội Đồng Giáo Dân và Ủy Ban Giáo Hoàng về Công Lý và Hòa Bình.

Đây là một thực hiện cụ thể đối với những điều Công Đồng đã trình bày ở số 26 của Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân và ở số 90 trong Hiến Chế về Giáo Hội trong thế giới ngày nay.

phận là làm chứng cho Chúa Kitô, người công giáo nên và thường phải cộng tác với các Kitô hữu khác, hoặc cá nhân với cá nhân, hoặc giữa các cộng đoàn Giáo Hội trong các hoạt động cũng như trong các hội đoàn trên bình diện quốc gia hay quốc tế⁹.

Vì cùng chung những giá trị nhân bản, nên người Kitô hữu đang theo đuổi mục đích tông đồ cũng thường phải cộng tác với những người tuy không theo Kitô giáo^{13*}, nhưng cũng nhìn nhận những giá trị nhân bản đó.

Nhờ sự cộng tác năng động và khôn ngoan này¹⁰, sự cộng tác có tầm quan trọng đặc biệt trong các hoạt động thuộc lãnh vực trần thế, người giáo dân làm chứng cho Chúa Kitô, Đấng Cứu Chuộc thế giới và làm chứng cho tình đoàn kết đại đồng của cả gia đình nhân loại.

Chương VI

Huấn Luyện Làm Tông Đồ

28. Cần huấn luyện để làm việc Tông đồ. Việc tông đồ chỉ đạt tới kết quả mỹ mãn nhờ việc huấn luyện đầy đủ và chuyên biệt. Sở dĩ đòi hỏi phải được huấn luyện chu đáo như thế không

⁹ Xem Gioan XXIII, *Tđ Mater et Magistra*, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 456-457. - Xem *CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Hiệp Nhất*, số 12: AAS 57 (1965), trg 99-100.

^{13*} Điều mà Công Đồng thiết tha mong muốn là người giáo dân không nên sống riêng rẽ và khép kín với những người không cùng một đức tin như mình. Công Đồng kêu gọi sự cộng tác "năng động" và "khôn ngoan" của chúng ta với mọi người thiện chí để cùng nhau thăng tiến và cố võ những gì chân thật, công bằng, thánh thiện và đáng yêu quý (x. Ph 4,8; TĐ 14); và hãy luôn lưu tâm đến "những gì hiệp nhất hơn là chia rẽ".

¹⁰ Xem *CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Hiệp Nhất*, số 12: AAS 57 (1965), trg 100; x. thêm *Hiến Chế tín lý về Giáo Hội*, số 5: AAS 57 (1965), trg 19-20.

những vì người giáo dân phải tiến bộ liên tục về đời sống thiêng liêng và về giáo lý, mà họ còn phải thích nghi trong khi hoạt động với những hoàn cảnh khác biệt tùy theo thực tại, nhân sự cũng như tùy theo nhiệm vụ. Việc huấn luyện này phải dựa trên những nền tảng đã được Thánh Công Đồng đề xướng và công bố trong nhiều văn kiện khác¹. Ngoài việc huấn luyện chung cho mọi tín hữu, còn phải có thêm lớp huấn luyện chuyên biệt cho một vài đoàn thể tông đồ có nhiều đoàn viên và hoàn cảnh khác nhau.

29. Những nguyên tắc của việc huấn luyện. Vì giáo dân cũng được tham dự vào sứ mệnh của Giáo Hội theo thể thức riêng của họ, nên việc huấn luyện cho họ làm tông đồ phải căn cứ trên tính chất riêng biệt của người giáo dân là sống giữa lòng đời, và phải đặc biệt thích nghi với đời sống thiêng liêng của họ.

Việc huấn luyện để làm tông đồ cũng bao hàm việc huấn luyện toàn diện con người cho phù hợp với nhân cách và hoàn cảnh của mỗi người. Thực vậy, giáo dân nhờ việc hiểu biết thấu đáo về thế giới hiện đại, họ phải là một phần tử thích nghi với xã hội và với nền văn hóa riêng của họ.

Nhưng tiên vàn, người giáo dân phải học sao cho biết chu toàn sứ mệnh của Chúa Kitô và của Giáo Hội bằng sống đức tin vào mầu nhiệm Thiên Chúa sáng tạo và cứu chuộc dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần, vì Thánh Thần là Đấng làm cho Dân Chúa được sống, Đấng thôi thúc mọi người yêu mến Thiên Chúa Cha cũng như mến yêu thế giới và nhân loại trong Ngài. Việc huấn luyện như thế phải được coi là căn bản và là điều kiện cho mọi hoạt động tông đồ có hiệu quả.

¹ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, ch II, IV, V: AAS 57 (1965), trg 12-21; 37-49. - x. thêm Sắc Lệnh về hiệp Nhất, số 4, 6, 7, 12: AAS 57 (1965), trg 94-96, 97, 99, 100. - x. thêm trên, số 4.

Ngoài việc huấn luyện về đời sống thiêng liêng, còn phải huấn luyện vững chắc về giáo lý, ngay cả về thần học, luân lý, triết học tùy theo tuổi tác, hoàn cảnh và khả năng. Cũng không thể coi thường việc giáo dục văn hóa tổng quát cũng như đào tạo về kỹ thuật và thực hành.

Để việc giao tế với người khác được tốt đẹp, cần phải phát huy những giá trị nhân bản thực, nhất là cách sống chung thân thiện, cộng tác và đối thoại với mọi người.

Bởi vì việc huấn luyện tông đồ không phải chỉ hệ tại việc huấn luyện về lý thuyết, nhưng phải dẫn thân trọng tập cho người giáo dân, ngay từ bước đầu dưới ánh sáng đức tin, đồng thời trong khi hành động, biết tự luyện và nên hoàn thiện cùng với người khác. Được như vậy họ sẽ phục vụ Giáo Hội một cách tích cực². Việc huấn luyện này cần phải được hoàn hảo luôn mãi vì con người ngày một trưởng thành và vì những vấn đề luôn luôn biến đổi. Chính vì thế việc huấn luyện đòi hỏi một kiến thức mỗi ngày một sâu rộng, cũng như một hành động luôn luôn thích nghi. Để thỏa mãn những đòi hỏi muôn mặt trong việc huấn luyện, phải luôn lưu tâm tới tính cách duy nhất và toàn vẹn của con người để duy trì và gia tăng sự hòa hợp và thể quân bình nơi họ.

Như thế, người giáo dân mới dẫn thân vào chính thực tại của trật tự trần thế một cách tích cực và sâu xa cũng như đảm đương vai trò của mình trong việc điều hành trật tự trần thế một cách hữu hiệu. Đồng thời, như một phần tử sống động và là chứng nhân của Giáo Hội, họ làm cho Giáo Hội hiện diện và hoạt động ngay giữa lòng trần thế³.

² Xem Piô XII, *Huấn từ ad IV Conferentiam internationalem "Boy-Scout"*, 6-6-1952: AAS 44 (1952), trg 579-580. - Gioan XXIII, *Tđ. Mater et Magistra*, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 456.

³ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, số 33: AAS 57 (1965), trg 39.

30. Người chịu trách nhiệm huấn luyện. Việc huấn luyện làm tông đồ phải bắt đầu ngay từ lúc mới giáo dục các trẻ em. Nhưng đặc biệt phải tập cho các thanh thiếu niên biết làm tông đồ và thấm nhuần tinh thần này. Việc huấn luyện này còn phải được tiếp tục trong suốt đời chúng tùy theo đòi hỏi của những trách nhiệm mới mà chúng lãnh nhận. Vậy những ai có trách nhiệm trong việc giáo dục Kitô giáo hẳn nhiên là phải coi trọng bốn phận huấn luyện tông đồ này.

Trong gia đình, bậc cha mẹ phải lo dạy cho con cái ngay từ khi còn thơ ấu nhận biết tình thương yêu thương của Thiên Chúa đối với hết mọi người, và dần dần, nhất là bằng gương sáng, phải dạy cho chúng biết lo lắng đến những nhu cầu vật chất cũng như tinh thần của người lân cận. Như vậy toàn thể gia đình và đời sống chung của gia đình phải nên như trường huấn luyện đầu tiên cho việc tông đồ.

Hơn nữa, trẻ em cần phải được giáo dục sao để vượt khỏi phạm vi gia đình, cho chúng biết nghĩ tới các cộng đoàn khác như Giáo Hội và xã hội. Chúng phải được tham dự vào đời sống cộng đoàn giáo xứ nơi chúng đang sống thế nào để cho chúng ý thức được mình là một thành phần sống động và hoạt động của toàn thể Dân Thiên Chúa. Các linh mục phải luôn nhớ đến việc huấn luyện tông đồ này trong khi giảng dạy giáo lý, trong các bài giảng, trong việc coi sóc linh hồn cũng như trong tất cả mọi hoạt động mục vụ khác.

Các trường học, các trường cao đẳng, các học viện công giáo nhằm mục đích giáo dục cũng có bốn phận phải giáo dục cho giới trẻ tinh thần công giáo và hoạt động tông đồ. Nếu thiếu việc huấn luyện này, hoặc vì thanh thiếu niên không học ở trường đó, hoặc vì một lý do nào khác, bậc cha mẹ và các vị chủ chăn cũng như các hội đoàn lại càng có bốn phận phải quan tâm đến vấn đề huấn luyện này. Do chức nghiệp và phận sự, các thầy dạy và các nhà giáo dục thực hành việc tông đồ giáo

dân dưới một hình thức cao cả, do đó họ phải hấp thụ nền giáo lý cần thiết và phải thông thạo cao cả, do đó họ phải hấp thụ nền giáo lý cần thiết và phải thông thạo về khoa sư phạm để có thể giáo dục cách hữu hiệu.

Cả những tập thể hay các hội đoàn giáo dân, hoặc nhằm mục đích tông đồ hay nhằm những mục đích siêu nhiên nào khác, cũng phải tùy theo mục tiêu và phương thế riêng của mình mà chuyên cần hỗ trợ cho việc huấn luyện tông đồ này⁴. Chính những tổ chức này thường là đường lối thông thường thích hợp cho việc huấn luyện làm tông đồ. Quả thật chính trong những tổ chức ấy người ta thấy có việc huấn luyện về giáo lý, về đời sống thiêng liêng và cả về thực hành. Cùng với những bạn hữu hay với các đồng chí hợp thành tiểu tổ, các đoàn viên của những tổ chức này kiểm điểm về những phương pháp, kết quả của hoạt động tông đồ của mình và cùng nhau đem đời sống hằng ngày của mình đối chiếu với Phúc Âm.

Việc huấn luyện này phải được tổ chức thế nào để bao gồm tất cả hoạt động tông đồ của người giáo dân. Vì không những họ hoạt động tông đồ giữa những tiểu tổ của các đoàn thể, mà còn phải hoạt động suốt đời trong mọi hoàn cảnh nhất là trong đời sống nghề nghiệp và trong đời sống xã hội. Hơn nữa, mỗi người giáo dân phải tích cực chuẩn bị để làm tông đồ. Việc chuẩn bị này càng cấp bách ở tuổi trưởng thành. Thực vậy càng lớn lên, trí khôn càng mở mang, vì thế mỗi người có thể khám phá thêm những tài năng Thiên Chúa phú bẩm cho, cũng như có thể sử dụng hữu hiệu hơn những đoàn sủng mà Chúa Thánh Thần ban cho để mưu ích cho các anh em mình.

31. Thích ứng việc huấn luyện với từng hình thức hoạt động tông đồ. Những hình thức hoạt động tông đồ khác nhau cũng đòi hỏi một sự huấn luyện đặc biệt tương ứng:

⁴ Xem Gioan XXIII, Tđ. *Mater et Magistra*, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 455.

a) Đối với việc tông đồ nhằm rao truyền Phúc Âm và thánh hóa mọi người, người giáo dân phải được huấn luyện đặc biệt để có thể đối thoại với người khác, với những người có đức tin hay với những người không tin, để bày tỏ sứ điệp Chúa Kitô cho mọi người⁵.

Vì ở thời đại chúng ta, duy vật chủ nghĩa dưới mọi hình thức đang lan tràn khắp nơi, ngay cả giữa những người công giáo, nên người giáo dân không những phải chuyên cần học hỏi giáo lý công giáo, đặc biệt là những vấn đề đang được đem ra tranh luận, mà họ còn phải làm chứng bằng một đời sống Phúc Âm để chống lại với bất cứ hình thức duy vật chủ nghĩa nào.

b) Về việc cải tạo trật tự trần thế theo tinh thần Kitô giáo, người giáo dân phải được học hỏi về ý nghĩa đích thực và về những giá trị của những của cải trần gian, hoặc căn cứ ở chính những của cải ấy, hoặc căn cứ vào liên lạc giữa chúng với mọi mục đích của con người. Họ cũng phải được tập luyện để sử dụng đúng những của cải trần thế và biết tổ chức các cơ cấu, mà vẫn luôn luôn để ý đến công ích theo những nguyên tắc của học thuyết luân lý và xã hội của Giáo Hội, nhất là giáo dân phải lãnh hội những nguyên tắc và những áp dụng của học thuyết xã hội này để có khả năng không những góp phần vào việc phát triển học thuyết đó mà còn áp dụng đúng đắn học thuyết đó vào từng trường hợp cá biệt⁶.

c) Vì những công cuộc bác ái và từ thiện là một bằng chứng hùng hồn về đời sống Kitô giáo, nên việc huấn luyện tông đồ cũng cần phải khuyến khích thực hiện những công cuộc đó, để các đồ đệ của Chúa Kitô, ngay từ thiếu thời, đã biết chia sẻ nỗi

⁵ Xem Piô XII, *Tđ. Serium laetitiae*, 1-11-1939: AAS 31 (1939), trg 635-644. - Xem n.t., *Ad "laureati" Act. cath. It.*, 24-5-1953: AAS 45 (1953), trg 413-414.

⁶ Xem Piô XII, *Huấn từ ad Congressum universalem Foederationis mundialis juventutis femineae Catholicae*, 18-4-1952: AAS 44 (1952), trg 414-419. Xem n.t. *Huấn từ ad Associationem Christianam Operantium Italiae (X.C.I.I)*, 1-5-1955: AAS 47 (1955), trg 403-404.

đau khổ của người anh em mình và rộng lòng giúp đỡ những anh em thiếu thốn⁷.

32. Phương thế huấn luyện. Người tông đồ giáo dân hiện nay có nhiều phương thế, chẳng hạn: những khóa học tập, những kỳ đại hội, những cuộc tĩnh tâm, linh thao, những buổi họp mặt thường xuyên, những buổi thuyết trình cũng như sách báo và những sách giải thích: tất cả đều là những phương thế giúp họ trau dồi thêm kiến thức về Thánh Kinh cũng như về giáo lý công giáo, giúp họ nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng cũng như giúp họ hiểu biết những hoàn cảnh sống của thế giới để khám phá và sử dụng những phương pháp thích ứng nhất⁸.

Những phương thế huấn luyện này được sử dụng tùy theo các hình thức hoạt động tông đồ khác nhau cũng như tùy môi trường hoạt động.

Có nhiều trung tâm và nhiều viện cao đẳng cũng được thiết lập nhằm mục đích huấn luyện này đã đem lại nhiều kết quả mỹ mãn.

Thánh Công Đồng hoan hỷ vì thấy những sáng kiến như thế đang thịnh hành nhiều nơi và mong muốn thấy người ta thiết lập những cơ sở như thế ở những nơi đang cần thiết.

Hơn nữa Thánh Công Đồng cũng cổ võ sự thiết lập những trung tâm thu thập tài liệu và nghiên cứu cho hết mọi hoạt động tông đồ, không những về khoa thần học mà cả về các khoa học khác như nhân chủng học, tâm lý học, xã hội học, phương pháp học, để phát triển tài năng của giáo dân nam cũng như nữ, giới trẻ cũng như giới trưởng thành.

⁷ Xem Piô XII, *ad Delegatos Conventus Sodalitatum Caritatis*, 27-4-1952: AAS 44 (1952), trg 470-471.

⁸ Xem Gioan XXIII, *Tđ. Mater et Magistra*, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 454.

Lời Kêu Gọi

33. Vây Thánh Công Đồng nhân danh Chúa hết sức kêu mời tất cả các giáo dân, hưởng ứng sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, hãy mau mắn, đại độ và sẵn sàng đáp lại tiếng gọi của Chúa Kitô, Đấng giờ đây đang tha thiết mời gọi họ. Ước gì giới trẻ hiểu rằng lời mời gọi này được đặc biệt gửi tới họ và ước gì họ vui mừng và quảng đại đón nhận. Quả thật chính Chúa một lần nữa nhờ Thánh Công Đồng này, mời gọi tất cả các giáo dân hãy kết hợp với Người ngày một mật thiết hơn và nhận thức được những gì của Người cũng là của chính mình (x. Ph 2,5), họ hãy tham gia vào sứ mạng cứu rỗi của chính Người và một lần nữa Người sai họ đi tới các thành và những nơi Người sẽ đến (x. Lc 10,1). Như thế giáo dân hãy chứng tỏ mình là cộng tác viên của Chúa, cộng tác vào cùng một công cuộc tông đồ của Giáo Hội bằng nhiều hình thức và phương tiện khác nhau. Những cộng tác viên phải luôn luôn thích nghi với những đòi hỏi mới của thời đại và không ngừng ra sức phục vụ Chúa bởi biết rằng khó nhọc của mình không phải là uổng phí trong Người (x. 1Cor 15,58).

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 18 tháng 11 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

MIỄN THI HÀNH LUẬT

Đối với những Luật mới hàm chứa trong Sắc lệnh về Tông Đồ Giáo Dân, Đức Thánh Cha đã quyết định miễn thi hành cho tới ngày 29 tháng 6 năm 1966, tức là đến Lễ hai Thánh Tông Đồ Phêrô và Phaolô năm tới.

Trong thời gian đó, Đức Giáo Hoàng sẽ ban hành những quy tắc thi hành những luật vừa nói.

FERICLES FELICI

Tổng Giám Mục hiệu tòa Samosate
Tổng Thư Ký Thánh Công Đồng

Khóa IX Ngày 07 tháng 12 Năm 1965

**Tuyên Ngôn
về Tự Do Tôn Giáo
Digitatis Humanae**

Lời Giới Thiệu

Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo là một văn kiện đáng kể và quan trọng trong lịch sử Giáo Hội, khai mở một kỷ nguyên mới cho mối liên lạc của Giáo Hội với thế giới hiện đại.

Bản văn hình thành rất phức tạp. Có đến sáu lược đồ được đệ trình cho các Nghị Phụ tranh luận, sửa chữa để đúc kết thành bản văn chính thức. Chủ đề này đã tạo nên cuộc tranh luận sôi nổi trong Công Đồng và khiến thế giới ngoài Kitô giáo chú trọng đặc biệt để tìm hiểu Giáo Hội thành thực đến mức nào trong nỗ lực cởi mở với thế giới cũng như dành cho lược đồ này tầm quan trọng thế nào.

Khi trình bày lược đồ cho các Nghị Phụ ở Công Đồng, Đức Cha De Smedt đã lưu ý đến nhiều lý do cổ võ cho tuyên ngôn này. Trước hết là lý do "chân lý": Giáo Hội phải truyền dạy và bênh vực quyền tự do tôn giáo vì đây là một chân lý Chúa Kitô đã ủy thác cho Giáo Hội gìn giữ. Thứ đến, ngài nói tới lý do "bảo vệ": chúng ta hiện sống trong một thời đại mà phân nửa nhân loại không có Tự Do Tôn Giáo vì sự ngăn cản thiên hình vạn trạng của chủ nghĩa duy vật vô thần, nên Giáo Hội có bổn phận phải bảo vệ quyền Tự Do này. Sau đó, ngài đề cập đến lý do "sống chung hòa bình": trong một thời đại ngập tràn nhiều lý thuyết khác biệt. Giáo Hội phải vạch đường lối hướng đến việc cộng tác với nhau nhiều hơn và rộng lớn hơn. Sau cùng Đức Cha đưa ra lý do "hiệp nhất": vì nhiều người ngoài Công Giáo nghi ngờ Giáo Hội Công Giáo theo thuyết của

Machiavello, nghĩa là chỉ cỗ động Tự Do Tôn Giáo nơi nào Công Giáo chỉ là thiểu số, và coi thường hay từ chối quyền Tự Do đó khi người Công Giáo chiếm đa số, bởi thế Giáo Hội cần cố gắng làm sáng tỏ vấn đề.

Thực sự, nếu Công Đồng chỉ muốn nêu ra vài tiêu chuẩn hành động, chắc chắn bản văn sẽ dễ dàng được tất cả các Nghị Phụ đồng ý. Nhưng công việc quả thật rất khó khăn, vì ở đây Công Đồng đưa ra vấn đề dựa vào những nền tảng giáo lý vững chắc. Và riêng điểm này cũng đã là nan giải, vì nhiều quan điểm đối nghịch nhau có thể dễ dàng phát khởi tính cách phức tạp của vấn đề; chẳng hạn như những kiểu giải thích các văn kiện thuộc quyền Giáo Huấn ở các thế kỷ vừa qua, cũng như hoàn cảnh văn hóa dị biệt của những cộng đoàn Công Giáo khác nhau mà các Nghị Phụ đại diện. Nhất là còn phải tránh tất cả mọi nguy hiểm thuyết dừng dừng, của chủ trương xu thời, cũng như của thuyết tương đối về vấn đề tôn giáo... Do đó, phải nêu rõ bốn phạm đi tìm chân lý của mỗi cá nhân và đồng thời vẫn bảo vệ quyền tự do thiết yếu của họ trong công cuộc đi tìm chân lý ấy trên bình diện xã hội.

Một trong những khó khăn lớn lao nhất là phải tìm ra một khía cạnh thích đáng đề cập vấn đề. Ý niệm cổ truyền về sự "khoan dung" thì quá thiếu sót và tiêu cực. Còn ý niệm về quyền của một lương tâm sai lầm (ý niệm rất thông thường trong thần học luân lý) lại đòi hỏi nhiều tế nhị. Lý luận như thế có thể khiến cho lương dân không thể nào hiểu được, vì nó giả thiết phải chuyển biến từ lãnh vực luân lý sang lãnh vực pháp lý. Cuối cùng, các Nghị Phụ đã tìm gặp ý niệm nhân phẩm; và dưới nhiều khía cạnh phụ thuộc khác nhau, ý niệm này đã trở thành nền tảng căn bản duy nhất cho Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo.

Có thể nói rằng tiến trình soạn thảo chặm chạp của bản Tuyên Ngôn đã đánh dấu một nỗ lực kiên trì của Thánh Công Đồng

nhằm tránh việc đề cập vấn đề một cách quá tín lý. Đồng thời Tuyên Ngôn cố gắng dựa vào sứ mệnh đặc biệt mà Giáo Hội đã lãnh nhận nơi Chúa Kitô để diễn tả phạm vi này là một phạm vi cần thiết cho hết mọi người cũng như cho tất cả những cộng đoàn tôn giáo trong hành trình đi tìm chân lý, một phạm vi đủ để Giáo Hội chu toàn sứ mệnh Chúa Kitô ủy thác.

Ngày 7 tháng 12 năm 1965, với 2,308 phiếu thuận và 70 phiếu chống, bản văn đã được các nghị Phụ chấp thuận và được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI tuyên bố là văn kiện thuộc Quyền Giáo Huấn.

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Tuyên Ngôn
về Tự Do Tôn Giáo
Quyền Tự Do Tôn Giáo
Của Cá Nhân Và Đoàn Thể
Trong Lãnh Vực Tôn Giáo
Là Một Quyền Tự Do Xã Hội
Và Dân Sự^{1*}

Lời Mở Đầu

^{1} Những chữ dùng trong Tuyên Ngôn đều được ân nhắc cẩn thận, và chúng xác định giá trị đúng đắn của văn kiện. Bản Tuyên Ngôn đề cập trực tiếp đến phương diện pháp luật, nghĩa là đến mối liên lạc giữa các chủ thể trong xã hội, chứ không đặt vấn đề bản tính của tự do hoặc phân loại tự do.*

Từ ngữ "quyền" được Thánh Công Đồng sử dụng ở đây ám chỉ một quyền lợi đặt căn bản trên chính bản tính của con người, chứ không phải phát sinh do sự khôn ngoan chính trị của một chính quyền nào. Và cách nói "trong lãnh vực tôn giáo" được Thánh Công Đồng chọn lựa với ý định làm nổi bật quyền tự do lựa chọn trong vấn đề tôn giáo, kể cả thuyết vô thần.

Sau cùng, sự tự do ở đây không phải là tự do trong tương quan giữa Thiên Chúa với con người, nhưng là một sự tự do xã hội. Cũng thế, khi tự hạn định tự do trong dân luật, bản Tuyên Ngôn sẽ không đi vào vấn đề liên lạc giữa tín hữu và giáo quyền. Dĩ nhiên bên trong Giáo Hội, vẫn giữ sự kính trọng quyền tự do, nhưng Giáo Hội lại có một bản tính sâu xa, một mục đích và một trật tự pháp lý riêng biệt nữa.

1. Nhân phẩm càng ngày càng được con người thời đại chúng ta ý thức mãnh liệt hơn¹, và xã hội luôn gia tăng số người đòi hỏi cho mình trong khi hành động được hưởng dụng quyền tự quyết và tự do nhận trách nhiệm, không bị một áp lực nào chi phối nhưng do ý thức về bổn phận dẫn dắt^{2*}. Cũng vậy, họ đòi hỏi công quyền phải được định giới theo thể thức pháp luật, để cho phạm vi tự do chân chính của cá nhân cũng như đoàn thể không bị hạn hẹp quá đáng. Sự đòi hỏi quyền tự do này trong xã hội nhân loại trước hết nhằm tới những sản nghiệp tinh thần con người và nhất là quyền tự do hành đạo trong xã hội. Thánh Công Đồng Vaticanô này vì ân cần lo lắng đến những khát vọng tinh thần và nhằm xác định xem chúng phù hợp với chân lý và công bình đến mức nào, nên tra cứu Thánh Truyền và giáo thuyết của Giáo Hội để từ đó khám phá ra những điều mới nhưng luôn luôn hòa hợp với những điều cũ.

Vì thế, trước hết Thánh Công Đồng tuyên bố^{3*} rằng chính Thiên Chúa đã chỉ cho nhân loại biết con đường, để nhờ đó, trong khi phụng thờ Ngài, con người có thể được cứu rỗi và hạnh phúc trong Chúa Kitô. Chúng tôi tin rằng Tôn Giáo chân thật, duy nhất này tồn tại trong Giáo Hội Công Giáo và Tông Truyền. Giáo Hội mà Chúa Giêsu đã ủy thác nhiệm vụ truyền bá cho mọi người, khi Người phán cùng các Tông Đồ: "Vậy các con hãy đi dạy dỗ muôn dân, rửa tội cho họ nhân danh Cha

¹ Xem Gioan XXIII, *Tđ Pacem in terreis*, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 279; n.v.t. trg 265. - Piô XII, *Nuntius radiophonicus*, 24-12-1944: AAS 37 (1945), trg 14.

^{2*} *Phản lý luận và lịch sử được đề cập trước phần mạc khải (số 9-15)*. Như thế, Công Đồng muốn hết mọi người có thể nhận thức được vấn đề. Khi nêu lên ở phần đầu ý thức tiệm tiến về nhân phẩm con người và niềm khát vọng tự do dân sự đối với việc thi hành quyền tự do tôn giáo, bản Tuyên Ngôn công nhận rằng quyền tự do tôn giáo, theo nghĩa hẹp, chính là một ý niệm có tính cách pháp lý được nhìn nhận trong công quyền hiện đại.

^{3*} Sự tuyên xưng đức tin này cốt để tránh những hiểu lầm có thể có đối với ý nghĩa bản Tuyên Ngôn này. Nhưng như bản Tuyên Ngôn sẽ biểu lộ, giáo thuyết về một tôn giáo độc nhất và chân thật nói ở đây không "giao thoa" với giáo thuyết về tự do tôn giáo.

và Con và Thánh Thần; hãy dạy dỗ họ vâng giữ mọi điều Thầy đã truyền cho các con" (Mt 28,19-20). Vậy mọi người đều có nhiệm vụ tìm kiếm chân lý, nhất là những chân lý có liên quan tới Thiên Chúa và Giáo Hội Người, và khi nhận biết rồi, họ phải tin theo và tuân giữ.

Cũng thế, Thánh Công Đồng còn tuyên bố rằng những bổn phận này liên quan đến lương tâm con người cũng như ràng buộc lương tâm con người, và chân lý tự nó có sức mạnh ép buộc chứ không dựa trên một uy quyền nào khác, sức mạnh ấy ăn sâu vào các tâm hồn một cách vừa êm dịu vừa mãnh liệt. Hơn nữa, vì tự do tôn giáo, sự tự do mà con người đòi hỏi trong khi thi hành nhiệm vụ phụng thờ Thiên Chúa, có nghĩa là không bị một áp bức nào trong xã hội dân sự ràng buộc, nên sự tự do đó bảo toàn được nguyên vẹn giáo lý truyền thông công giáo về bổn phận luân lý của con người cũng như của các đoàn thể đối với tôn giáo chân thật và Giáo Hội duy nhất của Chúa Kitô. Và lại, khi bàn về tự do tôn giáo, Thánh Công Đồng muốn khai triển học thuyết của các vị Giáo Hoàng gần đây nhất về những quyền lợi bất khả xâm phạm của con người cũng như về cơ cấu pháp lý của xã hội.

I. Quan Điểm Tổng Quát Về Tự Do Tôn Giáo

2. Đối tượng và nền tảng của tự do tôn giáo. Thánh Công Đồng Vaticanô này tuyên bố con người có quyền tự do tôn giáo^{4*}. Quyền tự do này hệ tại con người không bị chi phối vì

^{4*} Đây là xác quyết quan hệ và long trọng nhất của toàn văn kiện. Đoạn này tổng hợp những yếu tố nòng cốt của văn kiện.

sự cưỡng bách^{5*} của cá nhân, đoàn thể xã hội hay bất cứ quyền bính trần gian nào khác. Với ý nghĩa đó, trong lãnh vực tôn giáo, không ai bị ép buộc hành động trái với lương tâm, cũng không ai bị ngăn cản hành động theo lương tâm, dù cho đó là hành động riêng tư hay công khai, một mình hay cùng với người khác, trong những giới hạn chính đáng. Hơn nữa, Thánh Công Đồng còn tuyên bố rằng tự do tôn giáo thực sự được xây dựng trên phẩm giá con người^{6*}, một phẩm giá đúng như lời Thiên Chúa mạc khải và chính lý trí cho biết được². Quyền tự do tôn giáo của con người trong cơ cấu pháp lý của xã hội phải được chấp nhận là một quyền lợi dân sự.

Xét theo phẩm giá, mọi người, vì là những nhân vị nghĩa là có trí khôn và ý chí tự do, nên phải chịu trách nhiệm về cá nhân mình^{7*}. Vì thế, do bản tính tự nhiên thúc đẩy, cũng như do bản

^{5*} *Đối tượng của quyền tự do tôn giáo không cấu tạo bởi nội dung của những niềm tin tôn giáo; lý do là vì nếu một niềm tin tôn giáo chứa đựng những yếu tố sai lầm, thì như vậy có nghĩa là công nhận quyền tuyên xưng điều lầm lạc và quyền làm điều xấu. Đối tượng này cũng không thể định nghĩa theo chiều hướng của một khả năng luân lý để làm một điều gì. Bản văn muốn tránh ý nghĩa ấy để khỏi đề cập tới lý thuyết về quyền của lương tâm sai lầm.*

Vậy đối tượng của quyền tự do tôn giáo được định nghĩa cách tiêu cực như là một đặc miễn. Sự đặc miễn khỏi áp lực là một đối tượng chính đáng hoàn toàn phù hợp với phẩm giá con người. Từ lâu, giáo thuyết công giáo luôn chấp nhận quyền không bị sự cưỡng bách chi phối. Còn quyền không bị ngăn cản thì mới được chấp nhận ở thời đại hiện tại.

^{6*} *Có một số Nghị Phụ quan niệm quyền tự do tôn giáo như một quyền công dân thông thường được phép chấp nhận tùy theo công ích và đặt nền tảng trong một hoàn cảnh lịch sử xác định nào đó. Nếu hoàn cảnh lịch sử đổi thay, quyền tự do này có thể mất theo.*

² *Xem Gioan XXIII, Tđ Pacem in terris, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 260-261. - Piô XII, Nuntius radiophonicus, 24-12-1942, AAS 35 (1943), trg 19. - Piô XI, Tđ, Mit brennender Sorge, 14-3-1937: AAS 29 (1937), trg 160. - Leô XIII, Tđ Libertas praestantissimum, 20-6-1888; Acta Leonis XIII, 8 (1888), trg 237-238.*

^{7*} *Lý trí, ý chí tự do, trách nhiệm luân lý là những yếu tố cấu tạo của con người: chúng là nền tảng và căn nguyên của tự do tôn giáo. Đoạn này nhấn mạnh về bản tính con người cách tổng quát ngay trước khi đi tìm chân lý. Theo đó, quyền đặc miễn này tồn tại trong mọi người, ngay cả nơi những người không chu toàn bổn*

phận luân lý đòi buộc, con người phải tìm kiếm chân lý, nhất là chân lý liên quan đến tôn giáo. Họ cũng phải tin theo chân lý đã nhận biết, và hướng dẫn toàn thể đời sống mình theo những đòi hỏi của chân lý. Tuy nhiên, con người không thể chu toàn bổn phận đó một cách thích hợp nếu không được hưởng dụng sự tự do tâm lý đồng thời được đặc miễn đối với sức cưỡng bách bên ngoài^{8*}. Vậy quyền tự do tôn giáo đặt nền tảng trên chính bản tính con người, chứ không phải trên thái độ chủ quan của con người. Vì ngay cả những người không chu toàn nhiệm vụ tìm kiếm và tuân theo chân lý, vẫn còn quyền đặc miễn này, và không ai được ngăn cản việc hành xử quyền ấy nếu trật tự công cộng chính đáng vẫn được bảo đảm.

3. Tự do tôn giáo và mối tương quan tất yếu giữa con người với Thiên Chúa. Những điều trên đây còn sáng tỏ hơn nữa đối với những ai chấp nhận khuôn mẫu tối thượng của đời sống con người là chính luật vĩnh cửu, khách quan và phổ cập của Thiên Chúa. Qua luật này, Ngài xếp đặt, hướng dẫn và điều khiển cả hoàn vũ cũng như các hướng đi của cộng đoàn nhân loại trong ý định đầy khôn ngoan và thương mến của Ngài^{9*}. Ngài đã cho con người được tham dự vào lề luật của Ngài, để con người, nhờ sự an bài yêu thương của Thiên Chúa quan phòng, ngày

phận tìm kiếm chân lý, vì chung, họ vẫn giữ nguyên vẹn bản tính có khả năng theo đuổi mục đích này, và là một bản tính được tạo dựng vì mục đích ấy.

Lý chứng này của Thánh Công Đồng có thể được mọi người chấp nhận, ngay cả những người vô tín ngưỡng.

^{8*} Không những không có mâu thuẫn giữa tự do tôn giáo và bổn phận đi tìm chân lý, mà hơn thế tự do tôn giáo lại đặt nền tảng trên bổn phận đi tìm chân lý. Đàng khác chính bổn phận này đòi hỏi phải có tự do tôn giáo.

^{9*} Lý chứng của số 7 được Thánh Công Đồng nhắc lại cách dứt khoát hơn, Đồng thời, các Nghị Phụ nhấn mạnh tới tương quan giữa con người với Thiên Chúa là Chân Lý hằng hữu. Chúng ta đạt được sự hiểu biết về Thiên Chúa và về lề luật của Ngài nhờ việc tìm kiếm riêng (số 3a), nhờ lời dạy bảo và đối thoại (số 3b), nhất là nhờ mệnh lệnh của lương tâm (số 3c).

càng có thể nhận biết chân lý không hề đổi thay³. Vì thế, mỗi người đều có bổn phận, và do đó, có quyền tìm kiếm chân lý trong lãnh vực tôn giáo, để họ dùng những phương tiện thích đáng mà phán đoán đúng đắn và chân thật theo lương tâm một cách khôn ngoan.

Tuy nhiên phải tìm kiếm chân lý theo cách thể xứng hợp với phẩm giá và bản tính xã hội của con người, tức là bằng việc tự do tìm kiếm, bằng lời giảng dạy hay giáo huấn, bằng trao đổi và đối thoại. Nhờ đó, con người bày tỏ cho nhau biết chân lý mà mình tìm được hay nghĩ là đã tìm được, hầu giúp đỡ lẫn nhau trong việc tìm kiếm chân lý. Một khi đã tìm thấy chân lý, mỗi người phải tự mình xác nhận và vững mạnh tin theo.

Thực ra, nhờ lương tâm, con người nhận thức và hiểu biết những mệnh lệnh của lề luật Chúa. Họ phải trung thành tuân theo lương tâm ấy trong mọi hoạt động của mình hầu tiến tới Thiên Chúa là cùng đích. Vì vậy, không ai bị cưỡng bách hành động trái với lương tâm, cũng như không ai bị ngăn cấm hành động theo tiếng lương tâm nhất là trong lãnh vực tôn giáo. Vì việc hành đạo, tự bản chất, trước hết ở tại những hành vi ý chí và tự do bên trong, hướng con người thẳng tới Thiên Chúa. Những hành vi này không thể bị một quyền bính thuần nhân loại nào ép buộc hay ngăn cản⁴. Đàng khác, chính bản tính xã hội của con người đòi hỏi phải diễn tả những hành vi tôn giáo bên trong ra bên ngoài, thông truyền cho nhau trong lãnh vực tôn giáo, tuyên xưng đạo của mình dưới hình thức cộng đoàn.

Vậy chối bỏ quyền tự do hành đạo của con người nơi xã hội, trong trường hợp trật tự công cộng vẫn được bảo đảm, tức là

³ Xem T. Tôma, *Summa theologica*, I-II, q. 91, a. 1; q. 93, a. 1-2.

⁴ Xem Gioan XXIII, *Tđ Pacem in terris*, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 270. - Phaolô VI, *Nuntius radiophonicus*, 22-12-1964: AAS 57 (1965), trg 181-182. - T. Tôma, *Summa theologica*, I-II, q. 91, a. 4c.

nhục mạ con người và trật tự mà Thiên Chúa đã ấn định cho con người.

Hơn nữa theo bản chất, những hành vi tôn giáo nào còn giúp con người tự ý hướng tới Thiên Chúa một cách riêng tư hay công khai đều vượt trên phạm vi trần thế và thời gian của sự vật. Bởi vậy, quyền bính dân sự, vì mục đích riêng biệt là phục vụ công ích trần thế, nên phải nhìn nhận và nâng đỡ đời sống tôn giáo của người công dân. Nhưng nếu tự ý hướng dẫn hay ngăn cản hành vi tôn giáo, thì quyền bính này phải nói là đã vượt quá những giới hạn của mình.

4. Tự do của cộng đoàn tôn giáo. Quyền tự do hay quyền đặc miễn khỏi mọi cưỡng bách trong lãnh vực tôn giáo được nhìn nhận cho mỗi cá nhân, thì cũng phải được chấp nhận trong khi họ hành động chung với nhau^{10*} vì bản tính xã hội của con người cũng như bản chất của tôn giáo đều đòi phải có những cộng đoàn tôn giáo.

Vậy, nếu không phương hại đến những đòi hỏi chính đáng của trật tự công cộng, về pháp lý các cộng đoàn này phải được tự do^{11*} để hoạt động theo những quy luật riêng, công khai phụng thờ Đấng Tối Cao giúp đỡ các tín hữu trong việc thực thi đời sống tôn giáo, nuôi dưỡng họ bằng giáo lý, phát triển các tu hội, trong đó các phần tử cộng tác với nhau để tổ chức đời sống riêng theo những nguyên tắc tôn giáo của họ.

^{10*} Ở đây, Thánh Công Đồng đề cập tới lãnh vực chủ thể xã hội. Ngoài cá nhân, chủ thể được hưởng quyền tự do này còn là những tập thể tôn giáo, được xem như những chủ thể đích thực và trực tiếp theo luật (số 4). Các gia đình cũng là những chủ thể xã hội hưởng quyền này.

^{11*} Ví thế, nếu không có phương hại đến đòi hỏi chính đáng của trật tự công cộng, quyền tự do tôn giáo phải được bảo vệ nơi các cộng đoàn. Ở những số kế tiếp, các Nghị Phụ ấn định tầm mức rộng rãi của quyền tự do tôn giáo. Quyền này bao gồm: 1) đời sống nội tâm (số 4b,c). - 2) quyền tuyên xưng đức tin cách công khai (số 4d). - 3) quyền điều hành những hoạt động và qui chế thuộc lãnh vực trần thế theo ánh sáng giáo lý riêng.

Các cộng đoàn tôn giáo cũng có quyền đòi các cơ quan lập pháp, hành pháp dân sự không có quyền ngăn cản việc chọn lựa, đào tạo, bổ nhiệm và chuyển các viên chức riêng của mình, việc liên lạc với giáo quyền và những cộng đoàn tôn giáo ở những nơi khác trên hoàn cầu, việc thiết lập các cơ sở tôn giáo cũng như thu hoạch và quản trị những tài sản thích hợp.

Các cộng đoàn tôn giáo cũng có quyền công khai giảng dạy và minh chứng đức tin của mình bằng lời nói và bằng chữ viết mà không bị cấm cản. Nhưng trong khi truyền bá và đem thực hành đức tin tôn giáo, phải luôn luôn tránh mọi hành động có tính cách ép buộc, thuyết phục bất chính hay kém ngay thẳng, nhất là đối với những người chất phác và nghèo túng. Hành động như thế là lạm dụng quyền lợi của mình và xâm phạm quyền lợi của người khác.

Ngoài ra, tự do tôn giáo còn có nghĩa là các cộng đoàn tôn giáo không bị ngăn cản trong việc tự do biểu lộ các hiệu năng riêng của giáo thuyết mình trong việc tổ chức xã hội và làm cho toàn thể sinh hoạt nhân loại được sống động. Sau hết, theo bản tính xã hội của con người, cũng như theo bản chất của tôn giáo, con người có quyền tự do hội họp hay thành lập những hiệp hội giáo dục, văn hóa, từ thiện và xã hội do cảm thức tôn giáo thúc đẩy.

5. Tự do tôn giáo của gia đình. Mỗi gia đình, với tư cách là xã hội được hưởng quyền lợi riêng biệt và tiên quyết, có quyền tự do tổ chức đời sống tôn giáo trong gia đình mình, dưới sự hướng dẫn của cha mẹ. Cha mẹ cũng có quyền ấn định việc giáo dục cho con cái theo tôn giáo mình tin tưởng. Vì thế, quyền bình dân sự phải chấp nhận quyền tự do thực sự của cha mẹ trong việc lựa chọn trường học và những phương tiện giáo dục khác, và không có quyền vì lẽ được tự do lựa chọn mà bắt họ phải chịu đựng những gánh nặng bất công dù trực tiếp hay

gián tiếp. Ngoài ra, quyền lợi của cha mẹ sẽ bị xâm phạm, nếu con cái họ bị cưỡng bách theo học những môn học không đáp ứng với niềm xác tín về tôn giáo của họ, hay bắt phải theo một lề lối giáo dục duy nhất hoàn toàn loại bỏ việc giáo dục tôn giáo.

6. Cần quan tâm đến tự do tôn giáo. Lợi ích chung của xã hội^{12*} bao gồm tất cả những điều kiện của đời sống xã hội nhằm giúp con người có thể tiến tới sự hoàn bị của chính mình một cách đầy đủ và dễ dàng hơn. Lợi ích ấy hệ tại đặc biệt vào việc bênh vực những quyền lợi và bổn phận của con người⁵. Vì thế, tùy cách thể riêng, các công dân, đoàn thể xã hội, quyền bính dân sự cũng như Giáo Hội và các cộng đoàn tôn giáo khác đều có nhiệm vụ lo lắng đến quyền tự do tôn giáo theo như nhiệm vụ của mình đối với công ích.

Nhiệm vụ thiết yếu của quyền bính dân sự là bảo vệ và phát huy những quyền lợi bất khả xâm phạm của con người⁶. Do đó, quyền bính dân sự phải bảo vệ cách hữu hiệu quyền tự do tôn

^{12*} *Giữa những quyền lợi của con người mà Quốc gia dân chủ hiện đại có trách nhiệm phải bảo vệ, bằng cách tạo nên những điều kiện xã hội thích hợp cho việc thi hành những quyền lợi đó, phải kể cả quyền tự do tôn giáo hiểu theo ý nghĩa của bản Tuyên Ngôn. Như vậy, Quốc gia tự căn bản, có cùng những nhiệm vụ trong lãnh vực tôn giáo cũng như đã có đối với các quyền lợi khác của con người.*

Do đó, Quốc gia phải: 1) công nhận và tôn trọng quyền này (số 6c). - 2) bảo vệ bằng pháp luật (số 6b). - 3) phát huy (số 6b). - 4) hạn chế sự thi hành quyền đó trong trường hợp những yếu tố căn bản của công ích bị xúc phạm (số 7).

Vấn kiện phác họa một mẫu Quốc gia; dĩ nhiên Quốc gia ấy không được coi như là quốc gia trung lập hay "ngoại đạo". Đứng ra đó là một mẫu quốc gia mà người ta gọi là "trần thế", theo nghĩa không có quyền thẩm định về những giá trị tinh thần hay về nội dung các tín ngưỡng. Tuy nhiên, Quốc gia đó có bổn phận phải thừa nhận và tôn trọng các giá trị này; và vì thế cũng phải gắng sức lo liệu cho mọi công dân khỏi thiếu các phương tiện để vun trồng và thâm nhiễm các giá trị ấy.

⁵ Xem Gioan XXIII, *Tđ Mater et Magistra*, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 417; n.t, *Tđ Pacem in terris*, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 273.

⁶ Xem Gioan XXIII, *Tđ, Pacem in terris*, 11-3-1963: AAS 55 (1963), trg 273-274, *Piô XII, Nuntius radiophonicus*, 1-6-1941: AAS 33 (1941), trg 200.

giáo của mọi công dân bằng những đạo luật chính đáng và những phương tiện thích hợp khác, phải tạo nên những điều kiện thuận lợi giúp phát triển đời sống tôn giáo. Nhờ đó, các công dân có thể thực sự hưởng dụng những quyền lợi và chu toàn những nhiệm vụ đối với tôn giáo, đồng thời xã hội sẽ được hưởng nhờ những lợi ích của công lý và hòa bình, phát sinh do lòng trung thành con người đối với Thiên Chúa và thánh ý Ngài⁷.

Đối với những dân tộc, vì hoàn cảnh riêng, mà đặc biệt chỉ chấp nhận một cộng đoàn tôn giáo nào đó theo thể chế pháp lý của quốc gia^{13*}, thì đồng thời cũng phải nhìn nhận và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng đối với tất cả các công dân và cộng đoàn tôn giáo.

Sau hết, quyền bính dân sự phải lo liệu sao cho quyền được bình đẳng trên phương diện pháp lý của các công dân, là quyền liên quan đến công ích xã hội, không bao giờ bị xâm phạm dù cách công khai hay kín đáo vì những lý do tôn giáo, cũng như phải tránh mọi sự chia rẽ giữa các công dân.

Do đó, công quyền không được phép dùng bạo lực, đe dọa hay những phương tiện khác để bắt buộc người dân phải tuyên xưng hay chối bỏ một tôn giáo nào, hoặc ngăn cản không cho họ gia nhập hay rời bỏ một cộng đoàn tôn giáo. Công quyền sẽ đi ngược với ý định của Thiên Chúa và những quyền lợi thiêng liêng của cá nhân cũng như của gia đình các dân tộc, nếu dùng bạo lực dưới bất cứ hình thức nào để tiêu diệt hay cấm đoán

⁷ Xem *Leó XIII, Tđ Immortale Dei, 1-11-1885: AAS 18 (1885), trg 161.*

^{13*} Ở đây, *Thánh Công Đồng ám chỉ đến những quốc gia theo quốc giáo. Các Nghị Phụ công nhận tính chất bất hợp pháp của các quốc gia như thế.*

Tuy nhiên, cách nói "về hoàn cảnh riêng" của Công Đồng cho chúng ta hiểu rằng quốc giáo chỉ là tình trạng pháp lý do một hoàn cảnh lịch sử xã hội nhất định và cá biệt tạo ra. Vì vậy, các quốc gia đó phải nhận biết những giới hạn cần thiết của mình.

một tôn giáo trong toàn thể nhân loại, trong một miền hay một nhóm người nào đó.

7. Những giới hạn của tự do tôn giáo. Vì quyền tự do trong lãnh vực tôn giáo được thi hành trong xã hội loài người, nên việc hưởng dụng quyền này cần phải dựa theo một vài quy tắc hướng dẫn^{14*}.

Trong khi hưởng dụng mọi quyền tự do, nguyên tắc luân lý phải tuân giữ là trách nhiệm cá nhân và đoàn thể: khi hành xử những quyền lợi của mình, cá nhân cũng như đoàn thể, phải tuân giữ luân lý nghĩa là phải quan tâm đến quyền lợi của người khác, cũng như những bổn phận của mình đối với tha nhân và lợi ích chung của mọi người. Phải đối xử với mọi người theo lẽ công bình và tình nhân loại.

Ngoài ra, xã hội dân sự có quyền tự vệ chống lại những lạm dụng có thể nảy sinh dưới chiêu bài tự do tôn giáo. Đặc biệt, quyền bình dân sự phải bảo lãnh việc tự vệ này. Tuy nhiên, quyền bình dân sự cũng không được thi hành cách độc đoán hay thiên vị một phe phái nào, nhưng phải dựa theo những quy tắc pháp lý, phù hợp với trật tự luân lý khách quan. Những quy tắc ấy cần phải có, để bảo vệ hữu hiệu và dung hòa được quyền lợi của mọi công dân, bảo đảm đúng mức nền an ninh công cộng đích thực khả dĩ giúp mọi người sống chung trong công bằng chân chính, và bảo vệ được nền luân lý chung. Tất cả những điều đó tạo nên phần chính yếu của lợi ích chung và được gọi là trật tự công cộng^{15*}. Ngoài ra, cần phải duy trì tập

^{14*} Các Nghị Phụ đề cập tới bổn phận và giới hạn của quyền bình ở các quốc gia theo quốc giáo. Đoạn này rất tế nhị do những lạm dụng có thể xảy ra vì quyền giới hạn này.

Thánh Công Đồng đưa ra hai qui luật: qui luật luân lý (số 7b) và qui luật pháp lý (số 7c).

^{15*} Do nhiều Hiến pháp của các quốc gia tân tiến, và những văn kiện quốc tế gợi ý, Thánh Công Đồng nhìn nhận rằng ý niệm "trật tự công cộng" sẽ được xem như

quán về tự do trọn vẹn trong xã hội, theo đó, con người phải được tự do đến mức tối đa và chỉ bị hạn chế trong trường hợp khẩn thiết mà thôi.

8. Huấn luyện con người biết thực thi tự do tôn giáo. Con người thời đại chúng ta thường bị nhiều áp lực khác nhau dồn ép và bị đe dọa mất quyền tự do phán đoán theo quan điểm cá nhân. Đàng khác, nhiều người dường như có khuynh hướng dựa vào tự do mà chối bỏ mọi sự lệ thuộc và coi nhẹ việc vâng lời phải lẽ.

Vì thế, Thánh Công Đồng Vaticanô này khuyến khích mọi người, nhất là những ai có sứ mạng giáo dục kẻ khác, hãy cố gắng đào tạo nên những con người biết vâng phục quyền bính hợp pháp và yêu chuộng sự tự do đích thực trong khi tuân giữ trật tự luân lý. Hãy cố gắng đào tạo nên những con người biết tự phán đoán các sự việc dưới ánh sáng chân lý, biết hành động với tinh thần trách nhiệm và cố gắng theo đuổi những điều chân thật và công bằng, bằng cách tự ý cộng tác với người khác.

là tiêu chuẩn khách quan cho những can thiệp của quyền bính quốc gia. Trật tự công cộng mà hình luật qui chiếu, là phần chính yếu của lợi ích chung, phải được đảm bảo sao cho đời sống xã hội xứng đáng với phẩm giá con người.

Công quyền có quyền và bổn phận bảo vệ trật tự đó bằng cách cấm đoán và ngăn cản mọi hành vi phương hại nhiều đến công ích.

Dĩ nhiên, các Nghị Phụ không muốn nói đến bất cứ một loại trật tự công cộng nào, nhưng là một trật tự xã hội thích hợp với trật tự luân lý khách quan và đặt nền tảng trên sự công bình chân thực.

Như thế, chúng ta nhận thấy rằng, khi nói tới việc đề cao và bảo vệ quyền tự do tôn giáo (số 6), công ích phải được quan niệm rộng rãi hết sức. Thế nhưng, khi phải hạn chế quyền tự do đó, Thánh Công Đồng lại dẫn đo và để ý tới những yếu tố căn bản của lợi ích chung đó. Bởi vì, việc đảm bảo và duy trì những yếu tố ấy rất cần thiết cho đời sống xã hội. Cách cụ thể, chúng ta nhận thấy chính hình luật được soạn thảo dựa theo trật tự công cộng.

Vậy tự do tôn giáo cũng phải giúp đỡ và hướng dẫn con người để khi chu toàn nhiệm vụ của mình trong đời sống xã hội, con người sẽ hành động với nhiều ý thức trách nhiệm hơn.

II. Tự Do Tôn Giáo Dưới Ánh Sáng Mạc Khải^{16*}

9. Giáo lý về tự do tôn giáo bắt nguồn từ Mạc Khải. Những điều Thánh Công Đồng Vaticanô này tuyên bố về tự do tôn giáo của con người, được xây dựng trên nhân phẩm, mà nhờ kinh nghiệm của bao thế hệ, lý trí con người ngày càng thấy rõ những đòi hỏi của nhân phẩm ấy. Hơn nữa, giáo lý về tự do tôn giáo còn bắt nguồn từ Mạc Khải của Thiên Chúa, nên người Kitô hữu càng phải thành kính tuân theo. Mặc dầu không minh nhiên xác nhận quyền tự do khỏi mọi cưỡng bách bên ngoài trong phạm vi tôn giáo, Mạc Khải cũng đã cho thấy nhân phẩm với toàn thể tầm mức rộng lớn của nó. Mạc Khải còn chứng tỏ rằng Chúa Kitô đã tôn trọng quyền tự do của con người trong khi họ thi hành bốn phận tin vào lời Chúa và dạy cho chúng ta biết tinh thần mà những đờ đệ của một vị Thầy như thế phải nhận biết và tuân theo trong mọi lãnh vực. Tất cả những điều trên làm sáng tỏ những nguyên tắc chung là những nguyên tắc đặt nền tảng cho học thuyết về tự do tôn giáo của bản Tuyên Ngôn này. Nhất là tự do tôn giáo trong xã hội hoàn toàn phù hợp với tự do trong hành vi đức tin Kitô giáo.

^{16*} *Tự do tôn giáo theo nghĩa chuyên môn là một khái niệm pháp lý đặc thù ở thời đại chúng ta. Khái niệm này không được nói rõ trong Mạc Khải, nhưng nó bắt nguồn và được minh chứng từ đó; thực vậy giáo thuyết này đặt nền tảng trên nhân phẩm con người, một nhân phẩm chỉ được hiểu trọn vẹn nhờ ánh sáng Mạc Khải.*

10. Hành vi đức tin phải được tự do. Một trong những điểm chính yếu của học thuyết công giáo, được chứa đựng trong lời Chúa và hằng được các Giáo Phụ giảng dạy⁸, là con người phải tự ý đáp lại lời Chúa trong đời sống đức tin. Do đó, không ai bị cưỡng bách phải chấp nhận đức tin trái với ý muốn⁹. Thật vậy, tự bản chất, hành vi đức tin là một hành vi tự ý, vì dù được Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, giải thoát và được mời gọi trở nên dưỡng tử nhờ Chúa Giêsu Kitô¹⁰, con người cũng không thể tin theo Thiên Chúa, Đấng tự mạc khải, nếu sau khi được Chúa Cha lôi cuốn¹¹, họ không tin phục Thiên Chúa trong tự do và hợp lý. Vì vậy, trong lãnh vực tôn giáo, loại trừ mọi thứ cưỡng bách về phía con người là điều hoàn toàn phù hợp với bản chất của đức tin. Bởi đó, ý nghĩa tự do tôn giáo sẽ góp phần không nhỏ vào việc tạo nên hoàn cảnh thuận lợi, trong đó, con người có thể dễ dàng được mời gọi vào đức tin Kitô giáo, tự ý đón nhận và bày tỏ đức tin ấy một cách nhiệt thành trong cả cuộc sống.

⁸ Xem *Lactantiô, Divinarum Institutionum, c V, 19: CSEL 19, trg 463-464; Pl 6,614 và 616 (ch 20)*. - *T. Ambrosiô, Epistola ad Valentianum Imp, Ep 21: Pl 16, 1005*. - *T. Augustinô, Contra litteras Petiliani, c. II, ch. 83: CSEL 52, trg 112; PL43, 315*. - Xem *C. 23, vấn đề 5, ch 33 (x.b. Friedberg, cột 939)*. - *N.t. Epist. 23: PL 33, 98*. - *N.t. Epist. 34: PL33, 132*. - *N.t. Epist 35: PL 33, 135*. - *T. Gregoriô cả, Epistola ad Virglitum et Theodorum episcopos Massiliae Galliarum, Registrum Epistolarum, I, 45: MGH Epist, I, trg 72: PL 77, 510-511 (c I, thư 47)*. - *N.t. Epistola ad Joannem Episcopum Constantinoplitenum, Registrum, Epistolarum, III, 52: MGH Epist, I trg 210; PL 77, 649(c III, thư 33)*. - Xem *D 45, ch 1 (x.b. Friedberg cột 160)*. - *CD Tolet IV, ch 57; Mansi 10,633*. - Xem *D. 45, ch. 5 (x.b. Friedberg, cột 161-162)*. - *Clémentê III, X, V, 6,9 (x.b. Friedberg, cột 774)*, *Innocentiô III, Epistola ad Arelatensem Archiepiscopum, X, III, 42, 3 (x.b. Friedberg, cột 646)*.

⁹ Xem *CIC, kh. 1351*. - *Piô XII, Huấn từ cho các Vị Cao Cấp cũng như các viên chức và tông sự khác của Tòa Thượng Thẩm Roma, 6-10-1946: AAS 38 (1946), trg 394*. - *N.t. Tđ, Mystici Corporis, 29-6-1943: AAS 35 (1943), trg 243*.

¹⁰ Xem *Eph 1,5*.

¹¹ Xem *Gio 6,44*.

11. Cách hành động của Chúa Kitô và các Tông Đồ. Quả thực Thiên Chúa mời gọi con người phụng thờ Ngài trong tinh thần và chân lý. Do đó, con người bị ràng buộc nơi lương tâm chứ không hề bị cưỡng bách. Thực vậy, Thiên Chúa tôn trọng phẩm giá con người do chính Ngài tạo nên, phẩm giá ấy phải được hưởng tự do và được hướng dẫn theo phán đoán của chính con người. Điều này hoàn toàn nổi bật nơi Chúa Kitô, nơi Người, Thiên Chúa đã mặc khải chính mình và những đường lối của mình một cách trọn hảo^{17*}. Quả thật, Chúa Kitô là Thầy và là Chúa chúng ta¹², chính Người là Đấng hiền lành và khiêm nhượng trong lòng¹³, nên Người đã kiên nhẫn lôi kéo và mời gọi các môn đệ¹⁴. Quả thật, người đã trợ giúp và chứng thực lời giảng thuyết của Người bằng những phép lạ để khơi dậy và củng cố lòng tin của những thánh giả chứ không phải tạo áp lực cưỡng ép họ¹⁵. Thực sự Người đã quở mắng những thánh giả cứng lòng tin, nhưng Người dành quyền luận phạt cho Thiên Chúa trong ngày thẩm phán¹⁶.

Khi sai các Tông Đồ đi khắp thế gian, Người phán: "Ai tin và chịu phép Rửa Tội thì sẽ được rồi, còn ai không tin sẽ bị đoán

^{17*} Chúng ta có thể ngạc nhiên khi thấy Thánh Công Đồng không đề cập gì tới Cựu Ước. thực ra, có nhiều yếu tố của Cựu Ước đã được rút ra làm điểm tựa cho giáo thuyết của Tuyên Ngôn. Tuy nhiên Thánh Công Đồng không đem vào bản văn những chi tiết trực tiếp liên quan tới tình trạng lịch sử rõ ràng của Do Thái.

Thánh Công Đồng nhắc đến phương cách hành động của chính Chúa Kitô và của các tông đồ qua hai khía cạnh: về sự tôn trọng lương tâm và sự tự do đón nhận đức tin; về hai quyền bình cũng như hai phạm vi thẩm quyền riêng biệt. Chúng ta có thể nghĩ đúng rằng, sự phân biệt giữa hai quyền bình này, trên bình diện lịch sử là động lực quyết định cho sự xuất hiện của lương tâm và của đòi hỏi tự do để được xem như quyền lợi trong lãnh vực tôn giáo.

¹² Xem Gio 13,13.

¹³ Xem Mt 11,29.

¹⁴ Xem Mt 11,28-30; Gio 6,67-68.

¹⁵ Xem Mt 9,28-29; Mc 9,23-24; 6,5-6. - Phaolô VI, Tđ. *Ecclesiam suam*, 6-8-1964, AAS 56 (1964), trg 642-643.

¹⁶ Xem Mt 11,20-24; Rm 12,19020; 2Th 1,8.

phạt" (Mc 16,16). Khi nhận thấy cỏ lùng được gieo lẫn vào lúa, chính Người đã dạy: cứ để cả hai cùng mọc lên cho đúng mùa gặt sẽ xảy ra khi thời gian viên mãn¹⁷. Vì không muốn là một Đấng Thiên Sai làm chính trị, dùng sức mạnh để cai trị¹⁸, nên Người thích tự xưng là Con Người, đến "để phục vụ và hiến mạng sống mình làm giá chuộc muôn dân" (Mc 10,45). Người đã tỏ ra là một Tôi Tớ hoàn hảo của Thiên Chúa¹⁹, "Người sẽ chẳng bẻ gãy cây sậy đã giập, chẳng tắt ngọn đèn đang tàn" (Mt 12,20). Người đã thừa nhận quyền bính dân sự và những quyền lợi liên hệ, Người đã truyền phải nộp thuế cho Caesar, đồng thời Người dạy bảo một cách rõ ràng phải tuân giữ những quyền tối thượng của Thiên Chúa: "Của Caesar hãy trả cho Caesar, còn của Thiên Chúa hãy trả cho Thiên Chúa" (Mt 22,21). Sau cùng, Người đã hoàn tất việc mạc khải khi chu toàn công cuộc cứu chuộc trên thập giá, nhờ đó Người đã đem lại cho con người ơn cứu rỗi, và sự tự do đích thực.

Người đã làm chứng cho chân lý²⁰. Nhưng Người không muốn dùng sức mạnh để bắt buộc những kẻ đối lập phải tin theo. Quả thực, Nước Người được bảo vệ không phải do bạo lực²¹, nhưng được bền vững do việc làm chứng và đón nghe chân lý, được bành trướng nhờ tình yêu, tình yêu mà Chúa Kitô khi bị treo trên thập giá đã kéo mọi sự đến với Người²².

Các Tông Đồ được Chúa Kitô dùng lời nói và gương sáng dạy bảo cũng đã đi theo con đường ấy. Từ thời Giáo Hội sơ khai, các môn đệ Chúa Kitô đã không dùng hành động áp bức và những mưu mô bất xứng với Phúc Âm, nhưng trước hết, các ngài đã dùng sức mạnh của lời Chúa để dẫn đưa con người trở

¹⁷ Xem Mt 13,30 và 40-42.

¹⁸ Xem Mt 4,8-10; Gio 6,15.

¹⁹ Xem Is 42,1-4.

²⁰ Xem Gio 18,37.

²¹ Xem Mt 26,51-53; Gio 18,36.

²² Xem Gio 12,32.

về tin nhận Chúa Kitô²³. Các ngài đã mạnh dạn loan truyền cho mọi người biết ý định của Thiên Chúa Cứu Chuộc, "Đấng muốn cho hết mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý" (1Tim 2,4). Nhưng đồng thời các ngài cũng tôn trọng những người yếu đuối, mặc dù họ đang sống trong lầm lạc và tỏ cho họ biết "mỗi người chúng ta đều phải trả lễ trước nhan Thiên Chúa" như thế nào (Rm 14,12)²⁴ và phải hết sức tuân theo lương tâm mình. Cũng như Chúa Kitô, các Tông Đồ luôn chú tâm làm chứng cho chân lý của Thiên Chúa. Hơn thế nữa, các ngài còn thừa can đảm rao giảng "lời Chúa với lòng tin tưởng" (CvSđ 4,31) trước mặt dân chúng và các nhà cầm quyền²⁵. Các ngài xác tín rằng chính Phúc Âm thực là sức mạnh Thiên Chúa nhằm cứu rỗi mọi kẻ tin theo²⁶.

Vì thế, từ khước mọi "khí giới nhục thể"²⁷, noi gương hiền lành và khiêm nhường của Chúa Kitô, các ngài đã rao giảng lời Chúa với tất cả lòng tin tưởng vào sức mạnh thần linh của lời ấy, để phá tan mọi quyền lực chống lại Thiên Chúa²⁸, giúp mọi người trở về đức tin và vâng phục Chúa Kitô²⁹. Cũng như Thầy mình, các Tông Đồ đã nhìn nhận chính quyền hợp pháp: "Mọi người hãy tùng phục quyền trên. Ai chống đối quyền bính tức chống lại mệnh lệnh Thiên Chúa" (Rm 13,1-2)³⁰. Đồng thời, các ngài cũng không sợ phải phản đối công quyền khi công quyền phản lại thánh ý Thiên Chúa: "Phải vâng lời Thiên Chúa hơn người ta" (CvSđ 5,29)³¹. Trải qua mọi thế hệ và khắp mọi

²³ Xem 1Cor 2,3-5; 1Th 2,3-5.

²⁴ Xem Rm 14,1-23; 1Cor 8,9-13; 10,23-33.

²⁵ Xem Eph 6,19-20.

²⁶ Xem Rm 1,16.

²⁷ Xem 2Cor 10,4; 1Th 5,8-9.

²⁸ Xem Eph 6,11-17.

²⁹ Xem 2Cor 10,3-5.

³⁰ Xem 1P 2,13-17.

³¹ Xem CvSđ 4,19-20.

nơi trên trái đất, biết bao vị tử đạo và tín hữu đã đi theo con đường ấy.

12. Giáo Hội theo chân Chúa Kitô và các Tông Đồ. Vì vậy, trung thành với chân lý Phúc Âm Giáo Hội noi theo con đường của Chúa Kitô và của các Tông Đồ, khi nhìn nhận và bênh vực quan điểm tự do tôn giáo như một quan điểm phù hợp với phẩm giá con người và những gì Thiên Chúa đã mạc khải. Qua dòng thời gian, Giáo Hội vẫn duy trì và truyền dạy giáo thuyết đã nhận lãnh nơi Thầy Chí Thánh và các Tông Đồ. Mặc dầu đời sống của Dân Thiên Chúa, trải qua những cuộc thăng trầm của lịch sử nhân loại lữ thứ, một đôi khi cũng có những phương cách hành động ít thích hợp, hay hơn nữa trái với tinh thần Phúc Âm, tuy nhiên giáo lý Giáo Hội luôn dạy rằng không ai cưỡng ép phải tin.

Men Phúc Âm đã hoạt động lâu dài trong các tâm hồn và giúp nhiều cho con người đến nỗi, qua dòng thời gian, con người nhận biết sâu xa hơn về phẩm giá của mình, và xác tín thêm rằng trong lãnh vực tôn giáo, con người trong xã hội phải được bảo đảm thoát khỏi mọi cưỡng bách do loài người.

13. Tự do của Giáo Hội. Trong số những điều có liên quan đến lợi ích của Giáo Hội, và ngay cả đến lợi ích của xã hội trần thế, những điều cần phải được tôn trọng mọi nơi và mọi đời cũng như phải được bảo vệ khỏi mọi bất công, thì chắc chắn điều quan trọng nhất là Giáo Hội phải được toàn quyền tự do hành động tương xứng với việc đem ơn cứu rỗi cho mọi người³². Vì thế chính sự tự do này là linh thiêng, sự tự do mà Con Một Thiên Chúa đã trang điểm cho Giáo Hội, một Giáo Hội được mua chuộc bằng chính Máu Người^{18*}. Sự tự do ấy là của riêng

³² Xem *Leô XIII, Thư Officio sanctissimo*, 22-12-1887), AAS 20 (1887) trg 269. - *N.t. Thư Ex litteris*, 7-4-1887: AAS 19 (1886), trg 465.

^{18*} Nhờ sứ mệnh của Chúa Kitô trao phó, Giáo Hội có thêm danh hiệu độc quyền và thánh thiện trong việc đòi hỏi tự do tôn giáo. Dưới khía cạnh thiêng liêng này,

Giáo Hội cho nên những ai chống báng tự do này tức là chống lại ý định Thiên Chúa. Quyền tự do của Giáo Hội là nguyên tắc căn bản cho mọi liên lạc giữa Giáo Hội và chính quyền cũng như toàn thể cơ cấu dân sự.

Trong xã hội loài người và đối với bất cứ công quyền nào, Giáo Hội đòi cho mình quyền tự do với tư cách mình là một quyền bính thiêng liêng do Chúa Kitô thiết lập, và thừa lệnh Thiên Chúa, đã lãnh nhiệm vụ đi khắp thế gian rao giảng Phúc Âm cho mọi tạo vật³³. Giáo Hội cũng đòi cho mình quyền tự do vì Giáo Hội cũng là một xã hội gồm những người có quyền sống trong xã hội dân sự theo những giới luật của đức tin Kitô giáo³⁴.

Thế nên, nơi nào thể chế tự do tôn giáo thịnh hành, nghĩa là không những được công bố bằng lời nói hay được phê chuẩn qua các đạo luật nhưng còn được đem ra thực hành cách thành thực, thì ở đó Giáo Hội mới tìm được những điều kiện vững chắc, trên nguyên tắc cũng như trong thực hành, khả dĩ bảo đảm sự độc lập cần thiết hầu chu toàn sứ mệnh của Thiên Chúa, và giao quyền càng ngày càng tha thiết đòi hỏi phải có sự độc lập này trong xã hội³⁵. Đồng thời các Kitô hữu cũng như các người khác đều được hưởng quyền công dân để không bị ngăn cản hành động theo lương tâm trong đời sống của mình. Như thế, tự do của Giáo Hội luôn hòa hợp với tự do tôn giáo. Tự do tôn giáo này phải được coi là quyền lợi của mọi người và của mọi cộng đoàn và phải được chấp nhận trong thể chế pháp lý.

đặc quyền này thuộc về Giáo Hội và duy nhất cũng như trước nhất cho Giáo Hội mà thôi. Nhưng nếu xét theo nội dung của quyền tự do này thì chắc chắn quyền của Giáo Hội cũng là quyền lợi của mọi người về tự do tôn giáo.

³³ Xem Mc 16.15; Mt 28,18-20. - Piô XII, *Tđ Summi Pontificatus*, 20-10-1939: AAS 31 (1939), trg 445-446.

³⁴ Xem Piô XII, *Thư Firmissimam Constantiam*, 28-3-1937: AAS 29 (1937), trg 196.

³⁵ Xem Piô XII, *Huấn từ Ci rieszce*, 6-12-1953: AAS 45 (1953), trg 802.

14. *Sứ mệnh của Giáo Hội.* Để vâng theo mệnh lệnh của Thiên Chúa: "Hãy dạy dỗ muôn dân" (Mt 28,19). Giáo Hội Công Giáo phải làm việc không quản khó nhọc: "để lời Chúa được lan rộng và sáng tỏ" (2Th 3,1).

Vì thế, Giáo Hội tha thiết xin các con cái mình, trước hết "hãy van nài, cầu nguyện, khẩn khoản và tạ ơn cho hết mọi người... Đó là điều tốt đẹp và hợp tôn ý Thiên Chúa, Đáng Cúi Chuộc chúng ta, Đáng muốn cho hết mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý" (1Tm 2,1-4).

Tuy nhiên, trong việc huấn luyện lương tâm, các Kitô hữu phải luôn chú trọng đến giáo lý thánh thiện và vững chắc của Giáo Hội³⁶. Thật vậy, theo ý định của Chúa Kitô, Giáo Hội Công Giáo là thầy dạy chân lý và có nhiệm vụ loan báo và truyền dạy chân lý là Chúa Kitô một cách chính thức, đồng thời phải lấy uy quyền mình mà công bố và xác nhận những nguyên tắc thuộc phạm vi luân lý, phát sinh tự bản tính con người. Ngoài ra, các Kitô hữu phải khôn ngoan tiếp xúc với những người ngoài Kitô giáo, "trong Chúa Thánh Thần, trong đức ái không giả dối, trong lời chân thật" (2Cor 6,6-7). Phải cố gắng tỏa ánh sáng sự sống với tất cả lòng tin tưởng vững chắc³⁷ và lòng can đảm của người tông đồ, cho dù phải đổ máu.

Bởi thế, mỗi một môn đệ đều có bổn phận quan trọng đối với Chúa Kitô, Thầy Chí Thánh của mình, là phải luôn luôn tìm cách thấu hiểu chân lý mà Người đã trao ban, phải trung thành loan truyền và can đảm bảo vệ, nhưng không được dùng những phương tiện trái với tinh thần Phúc Âm. Nhưng đồng thời, vì tình yêu Chúa Kitô thúc bách, họ hãy lấy tình thương, sự khôn ngoan và lòng kiên nhẫn để đối xử với những kẻ còn sống trong lầm lạc hoặc chưa nhận biết đức tin³⁸. Vì vậy, phải quan tâm

³⁶ Xem Piô XII, *Nuntius radiophonicus*, 23-3-1952: AAS 44 (1952), trg 270-278.

³⁷ Xem CvSđ 4,29.

³⁸ Xem Gioan XXIII, *Tđ Pacem in terris*, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 299-300.

đến những bổn phận đối với Chúa Kitô, là Ngôi Lời ban sự sống phải được loan truyền; đồng thời, phải chú ý đến những quyền lợi của con người cũng như đến mức độ ơn thánh mà Thiên Chúa, nhờ Chúa Kitô ban cho những ai được mời gọi để tự ý nhận lãnh và tuyên xưng đức tin.

15. Kết luận. Hẳn nhiên phải công nhận là thời nay con người khát mong được tự do tuyên xưng tôn giáo mình một cách riêng tư cũng như công khai^{19*}. Hơn nữa, họ còn muốn tự do tôn giáo phải được hầu hết các hiến pháp công bố như một dân quyền và phải được các văn kiện quốc tế long trọng chấp nhận³⁹.

Tuy nhiên, có nhiều chế độ, mặc dù đã chấp nhận quyền tự do phụng tự nơi Hiến Pháp, nhưng chính các cơ quan công quyền lại luôn tìm cách bắt người dân phải xa lìa tôn giáo họ tin theo và làm cho đời sống các cộng đoàn tôn giáo trở nên vô cùng bấp bênh và gặp nhiều trở ngại.

Trong niềm hân hoan chào đón những dấu hiệu tốt đẹp của thời đại này, nhưng đồng thời cũng phải đau lòng nói lên những sự kiện đáng tiếc, Thánh Công Đồng khuyên nhủ những người công giáo và nài xin tất cả mọi người hãy để ý xem quyền tự do tôn giáo cần thiết như thế nào, nhất là trong hoàn cảnh hiện tại của gia đình nhân loại.

Quả thực, người ta nhận thấy rằng mọi dân tộc ngày càng hiệp nhất với nhau hơn và mọi người ngày càng liên kết chặt chẽ với nhau hơn, dù có khác biệt nhau về văn hóa và tín ngưỡng. Sau cùng, người ta cũng nhận thấy mỗi cá nhân ý thức hơn về trách nhiệm mình. Do đó, để thiết lập và củng cố giữa nhân loại mối tương giao ôn hòa và thuận hảo, điều cần thiết là khắp nơi trên hoàn cầu, tự do tôn giáo phải được bảo vệ nhờ sự hỗ trợ hữu

^{19*} Sau khi đã nói với con cái mình (số 14), Thánh Công Đồng trong bản Tuyên Ngôn muốn lên tiếng với hết mọi người, nghĩa là với lớp thánh già mà Giáo Hội đã mong ước nhắm tới ngay từ đầu.

³⁹ Xem Gioan XXIII, *Từ Pacem in terris*, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 295-296.

hiệu của luật pháp, cũng như những bổn phận và quyền lợi tối thượng của con người trong việc sống đạo giữa xã hội phải được tôn trọng.

Ước mong Thiên Chúa cũng là Cha mọi người, làm cho gia đình nhân loại sau khi đã cẩn thận tuân giữ thể chế tự do tôn giáo trong xã hội, được đạt tới tự do cao cả vĩnh cửu "dành cho vinh quang con cái Thiên Chúa" (Rm 8,21), nhờ ơn sủng Chúa Kitô và quyền năng của Chúa Thánh Thần.

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Tuyên Ngôn này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 7 tháng 12 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Khóa IX Ngày 07 tháng 12 Năm 1965

Sắc Lệnh
VỀ Hoạt Động Truyền Giáo
Của Giáo Hội
Ad Gentes

Lời Giới Thiệu

Sắc Lệnh về hoạt động truyền giáo của Giáo Hội có một lịch sử dài. Trong giai đoạn chuẩn bị Công Đồng đã có 7 bản thảo liên tiếp, nhưng ít được chấp nhận. Vì thế, Ủy Ban Công Đồng đặc trách vấn đề truyền giáo đã soạn thảo một lược đồ mới với nội dung rộng rãi và rõ ràng hơn. Điều đáng tiếc là tháng 5-1964, một Ủy Ban phối hợp đã đơn giản lược đồ đó vào 13 vấn đề tuy chính yếu nhưng không mấy phong phú. Đến ngày 6-11-1964 Công Đồng khởi sự thảo luận, và một sự kiện lạ thường xảy ra: để biểu lộ mối quan tâm đặc biệt đến một vấn đề quan trọng như vậy, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã đích thân giới thiệu vấn đề tranh luận qua một huấn từ ngắn. Ngài nói: "Khi quyết định chủ tọa ít là một buổi họp khoáng đại của quý chư huynh, ngày hôm nay Ta muốn hiện diện lúc quý chư huynh đang quan tâm đến lược đồ về việc truyền giáo. Sở dĩ Ta quyết định như vậy, là vì tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề hôm nay đang chi phối tâm trí của quý chư huynh". Sau khi thảo luận 13 vấn đề, người ta thấy rằng lược đồ rất ít được quảng diễn. Cuộc bỏ phiếu ngày 9-11-1964 quyết định là Ủy Ban đặc trách các vấn đề truyền giáo phải soạn thảo một lược đồ mới. Dĩ nhiên, Ủy Ban đã thu lượm được tất cả những nhận xét của các Nghị Phụ, nhờ đó, kết quả rất tích cực. Một lược đồ mới ra đời và ai cũng ca tụng: dàn bài rõ ràng và hợp lý, trích dẫn Thánh Kinh, nền tảng thần học vững chắc, giáo lý dồi dào,

áp dụng cụ thể, đầy đủ mà không dài dòng chi tiết. Sau một vài tu chính, bản văn cuối cùng đã được nhận ngày 7-12-1965 với 2,394 phiếu thuận, 5 phiếu chống. Đây là một trong những tỷ số chấp thuận cao nhất cho một văn kiện Công Đồng. Trước tiên Sắc Lệnh được gọi là "Sắc Lệnh về vấn đề truyền giáo". Tựa đề hiện nay "Về hoạt động truyền giáo của Giáo Hội" lần đầu tiên được xuất hiện trong lược đồ của 13 vấn đề. Lý do chính yếu của việc thay đổi tựa đề hình như là để nhấn mạnh mối tương quan mật thiết giữa hoạt động và Giáo Hội. Hoạt động truyền giáo là việc thiết yếu của Giáo Hội, nó thuộc về sứ mạng của Giáo Hội trong thế giới. Vì thế tựa đề không muốn nói rằng: hoạt động truyền giáo là một hoạt động riêng biệt trong Giáo Hội, bên cạnh những hoạt động khác như hoạt động mục vụ, xã hội v.v...

Sự tương quan của Sắc Lệnh này với Hiến Chế tín lý về Giáo Hội được đánh dấu bằng những chữ đầu tiên của hai văn kiện "Ánh Sáng muôn dân" và "đến muôn dân". Hai câu này ám chỉ đến lời tiên tri Isaia (42,6 và 49,6): đây tỏ của Yahvê được sai đến cho thế giới để soi sáng và cứu rỗi muôn dân. Trước tiên, lời tiên tri áp dụng vào Chúa Kitô, sau đó áp dụng vào Giáo Hội vì Giáo Hội tiếp tục công trình của Người. Giáo Hội đang và luôn luôn sẽ là ánh sáng, là nguồn ơn cứu độ cho thế giới vì chính khi truyền giáo, Giáo Hội sẽ chu toàn vai trò chính yếu này. Hiến chế tín lý về Giáo Hội minh định rằng Giáo Hội là ánh sáng muôn dân, là dấu chỉ thánh thiện (là bí tích) nói lên loài người có cùng một nguồn gốc và một ơn cứu rỗi. Thực vậy, theo Hiến Chế, trung tâm và đời sống Giáo Hội là hoạt động truyền giáo. Như thế, hoạt động truyền giáo là bản chất của sứ mạng Giáo Hội. Sắc Lệnh về hoạt động truyền giáo tiếp tục đề tài đó, không phải chỉ lặp lại suông, nhưng đặt nó vào trong một khung cảnh lịch sử và địa lý của thời đại ngày nay.

Muốn thấu triệt ý nghĩa và tầm quan trọng của Sắc Lệnh, phải đặt nó trong ý hướng căn bản của Công Đồng Vaticanô II.

Người ta đã so sánh Vaticanô II và cho rằng Công Đồng thích hợp với thế giới hiện đại cũng như Công Đồng Giêrusalem thích hợp với thời xưa (CvSđ 15). Thời đó, Giáo Hội Hội sơ khai cũng sắp dần bước rao giảng Phúc Âm cho muôn dân và phải đương đầu với vấn đề truyền giáo nghiêm trọng nhất trong lịch sử: phải đặt điều kiện thế nào để lương dân có thể gia nhập Giáo Hội? Ngày nay mọi người đều biết Giáo Hội, nhưng đa số nhân loại chưa được đem về với Chúa Kitô, và lòng trung thành của chính các Kitô hữu cũng chưa được như ý muốn. Công Đồng Vaticanô II canh tân nỗ lực truyền giáo của Giáo Hội, cởi mở với thế giới ngày nay và đề nghị một cuộc canh tân theo tinh thần Phúc Âm nhằm phát huy lòng trung thành của Giáo Hội với sứ mạng được Chúa Kitô giao phó đối với thế giới Kitô giáo và lương dân. Chính ý thức sứ mạng cấp bách này làm nên tảng thống nhất các hiến chế, sắc lệnh và tuyên ngôn của Công Đồng. Do đó, phải đọc sắc lệnh về hoạt động truyền giáo của Giáo Hội trong toàn thể chiều hướng đó.

Sắc Lệnh này khảo luận các vấn đề lý thuyết cũng như thực hành về hoạt động truyền giáo trong thời đại ngày nay. Đồng thời, Sắc Lệnh cũng có tính cách rất thần học, nghĩa là các chủ đề chính cũng như các vấn đề truyền giáo luôn luôn được đặt trong tương quan với nguồn mạch khởi. Những giải quyết và những tiêu chuẩn thực tế đều có nền tảng thần học vững chắc, thường trực tiếp dựa trên những bản văn Thánh Kinh. Mọi hoạt động truyền giáo của Giáo Hội bắt nguồn từ tình yêu giữa Ba Ngôi và là một hiệu quả, hay có thể nói là sự nối tiếp sứ mạng của các Ngài, là sự hoàn thành ý định của Thiên Chúa trong thế giới, Đấng muốn mọi người được cứu rỗi.

Trước hết, Sắc Lệnh phân biệt rõ ràng việc rao giảng Phúc Âm tiên khởi cho các dân tộc chưa được nghe Phúc Âm. Sau đó Sắc Lệnh đề cập đến sự hỗ trợ mà Giáo Hội phổ quát phải đem lại cho các Giáo Hội vừa được khai sinh để những Giáo Hội này được vun trồng một cách đầy đủ và đâm rễ sâu trong lòng

dân tộc và văn hóa. Tuy nhiên, không có vấn đề truyền giáo trong các xứ đang xa dần Kitô giáo, những xứ mà trước kia đã được rao giảng Phúc Âm nhưng hiện đang trải qua một sự thoái hóa rõ rệt, hay nói cách khác, những xứ đó không còn đáp ứng với lý tưởng Kitô giáo chân chính. Có người đã trách cứ Sắc Lệnh không đề cập đến hoạt động truyền giáo nhằm phục hưng các xứ này. Dĩ nhiên Giáo Hội cũng có sứ mạng đó. Nhưng đây không phải là sứ mạng "đến với muôn dân" theo ý nghĩa Thánh Kinh. Sắc Lệnh đã có lý khi tự hạn chế vào các việc truyền giáo theo nghĩa thông thường. Việc phục hưng Kitô giáo được thảo luận trong những văn kiện khác dưới nhiều khía cạnh khác nhau, ví dụ như Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay.

Bố cục của Sắc Lệnh dễ nhận thấy; đây là các phần chính:

- **Phần mở đầu** (số 1).
- **Sáu Chương:**
 1. Những nguyên tắc giáo thuyết (số 2-9).
 2. Chính công việc truyền giáo (số 10-18).
 3. Các Giáo Hội địa phương (số 19-22).
 4. Các nhà truyền giáo (số 23-27).
 5. Tổ chức hoạt động truyền giáo (số 28-34).
 6. Sự cộng tác (số 35-41).
- **Kết luận** (số 42).

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Sắc Lệnh
về Hoạt Động Truyền Giáo
Của Giáo Hội

Lời Mở Đầu

I. Được Thiên Chúa sai đến muôn dân để nên "bí tích cứu độ phổ quát"¹, Giáo Hội, vì những đòi hỏi căn bản của công giáo tính và vì mệnh lệnh của Đấng Sáng Lập², ^{1*} nhất quyết loan báo Phúc Âm cho hết mọi người. Thực vậy, chính các Tông Đồ, nền tảng của Giáo Hội, đã theo chân Chúa Kitô, "ra giảng lời chân lý và khai sinh các giáo đoàn"³. Do đó, những người kế vị các Tông Đồ có nhiệm vụ tiếp tục công việc này, để "lời Chúa được lan tràn và sáng tỏ" (2 Th 3,1), nước Chúa được công bố và thiết lập khắp trần gian.

¹ *CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 48 : AAS 57 (1965), trg 53.*

² *Xem Mt 16,15.*

^{1*} *Sắc Lệnh đưa ra hai lý do minh chứng sự truyền giáo là cần thiết: a) Giáo Hội là Công Giáo mở rộng cho mọi người, để tất cả trở nên phần tử của Giáo Hội. b) Chúa Giêsu Kitô đã truyền lệnh rao giảng Phúc Âm cho mọi người. Nguyên hai lý do này đủ để ngăn chặn mọi mưu toan nhằm giảm bớt giá trị của công việc truyền giáo, viện cớ rằng người ngoài Kitô giáo tìm được con đường cứu rỗi trong tôn giáo của họ, vì thế không nên đem Phúc Âm đến quấy phá họ. Sắc Lệnh này nhấn mạnh rằng tiếng "cải hóa" người Kitô giáo về với Chúa phải hiểu theo đúng nghĩa của nó.*

³ *T. Augustinô, Enar. in Ps. 44, 23 : PL 36, 508 ; CChr 38, 510.*

Nhưng tình trạng thế giới hiện nay đặt nhân loại trong một hoàn cảnh^{2*} mới, vì thế Giáo Hội, là muối đất và ánh sáng trần gian⁴, càng được kêu mời khẩn thiết hơn để cứu rỗi và canh tân mọi loài, hầu mọi sự được tái lập trong Chúa Kitô, và nơi Ngài mọi người họp thành một gia đình và một Dân Chúa duy nhất.

Bởi vậy^{3*}, trong niềm cảm tạ Thiên Chúa vì những kỳ công mà toàn thể Giáo Hội đã nhiệt tâm thực hiện, Thánh Công Đồng này ao ước vạch ra những nguyên tắc hoạt động truyền giáo và tập trung năng lực mọi tín hữu lại, để Dân Chúa, khi dẫn thân bước trên đường chật hẹp của thập giá, mở rộng nước Chúa Kitô, là Chúa và là Đấng thấu suốt muôn đời⁵ đồng thời dọn đường chờ Người đến.

Chương I

Những Nguyên Tắc Giáo Thuyết^{4*}

2. Ý định của Chúa Cha. Tự bản tính, Giáo Hội lữ hành phải truyền giáo, vì chính Giáo Hội bắt nguồn từ sứ mạng của Chúa

^{2*} Hoàn cảnh mới (tiếng la ngữ ở số ít) được tạo nên vì con người hiện đại có khuynh hướng tiến đến một cộng đoàn thế giới và thống nhất nhân loại. Khuynh hướng này làm cho nhiệm vụ truyền giáo của Giáo Hội trở nên cấp bách hơn, vì nhiệm vụ quy tụ mọi người làm thành một Dân duy nhất của Chúa.

⁴ Xem Mt 5,13-14.

^{3*} Đoạn này trình bày một cách vắn tắt mục đích của Sắc Lệnh.

⁵ Xem Hđ 36,19.

^{4*} Theo yêu cầu của nhiều Nghị Phụ, chương này, trên phương diện giáo lý, phải liên kết công việc truyền giáo với ý định của Chúa về nhân loại. Ý định này là chính tình yêu được biểu lộ qua sứ mạng Thần Linh của Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Giáo Hội chính là hiệu quả của các sứ mạng đó, và hoạt động truyền giáo là nối dài các sứ mạng đó đến với người ngoài Kitô giáo. Những ý tưởng này đã được phác họa trong Hiến chế tín lý về Giáo Hội, và được quảng diễn thêm ở đây.

Con và Chúa Thánh Thần theo Ý Định của Thiên Chúa Cha⁶.
5*

Ý định này tuôn trào từ "suối tình yêu" cũng là lòng thương của Thiên Chúa Cha, vì chính Ngài là Nguyên lý vô Nguyên lý, bởi Ngài Chúa Con được sinh ra, và cũng bởi Ngài và nhờ Chúa Con mà phát xuất Chúa Thánh Thần. Vì quá nhân từ thương xót, Người đã tự ý dựng nên chúng ta, và lại nhưng không mời gọi chúng ta tham dự vào sự sống và vinh hiển với Ngài; Ngài còn rộng rãi đổ tràn lòng nhân từ xuống cho chúng ta và còn đổ mãi không ngừng đến nỗi Ngài là Đấng tác tạo muôn loài lại trở nên "mọi sự trong mọi người" (1Cor 15,28), để đồng thời làm vinh danh Ngài và mưu cầu hạnh phúc cho chúng ta. Thực vậy, Thiên Chúa muốn mời gọi mọi người tham dự vào sự sống của Ngài, không những chỉ từng cá nhân không liên lạc gì với nhau, mà Ngài còn liên kết họ thành một dân duy nhất, trong đó đoàn tụ mọi con cái đã tản mác khắp nơi⁷.

3. *Sứ mệnh của Chúa Con.* Ý định của Thiên Chúa nhằm cứu rỗi toàn thể nhân loại không phải chỉ được thực hiện một cách có thể nói là kín đáo trong tâm trí con người, hoặc bằng những kế hoạch, ngay cả kế hoạch tôn giáo, để nhờ đó con người tìm kiếm Thiên Chúa bằng nhiều cách, "hầu may ra sẽ đến gần Ngài hoặc gặp được Ngài, mặc dù Ngài không ở xa mỗi người chúng ta" (CvTđ 17,27); những kế hoạch đó cần phải được soi dẫn và tu bổ, tuy đôi khi, nhờ ý định nhân lành của Chúa Quan Phòng, có thể được coi như những con đường hướng về Thiên Chúa

⁶ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 2* : AAS 57 (1965), trg 5-6.

^{5*} Câu này quả quyết cơ cấu về sứ mệnh của Ba Ngôi, sứ mệnh dính liền với ý định Ngôi Cha (số 2), với sứ mệnh Ngôi Con (số 3) và Chúa Thánh Thần (số 4). Các đoạn này thuộc phạm vi thần học thuần túy.

⁷ Xem *Gio 11,52*.

chân thật hoặc chuẩn bị Phúc Âm⁸. ^{6*} Nhưng để củng cố hòa bình hay là mối hiệp thông cùng Thiên Chúa, và để xây dựng một xã hội huynh đệ giữa con người, con người tội lỗi, Ngài đã quyết định đi vào lịch sử loài người một cách mới mẻ và dứt khoát bằng cách sai Chúa Con mặc lấy xác phàm chúng ta, để nhờ Chúa Con, Ngài giải thoát nhân loại khỏi quyền lực tối tăm và Satan⁹ và để trong Chúa Con Ngài hòa giải trần gian với chính Ngài¹⁰. Thật vậy, nhờ Chúa Con mà Ngài đã sáng tạo vũ trụ¹¹ thì Ngài cũng đặt Chúa Con thừa hưởng vũ trụ, để trong Chúa Con mọi sự được tái lập¹².

Bởi vậy, Chúa Giêsu Kitô được sai xuống thế trần làm trung gian đích thực giữa Thiên Chúa và nhân loại. Vì Người là Thiên Chúa, nên "ở trong Người, ngay trong thân xác Người, có tất cả sự sung mãn về thiên tính" (Col 2,9). Còn theo nhân tính, Người là Adam mới^{7*} được đặt làm đầu nhân loại đã đổi mới: "Người đầy ân sủng và chân lý" (Gio 1,14). Do đó, bằng đường lối nhập thể đích thực, Con Thiên Chúa đã đến để làm cho loài người thông phần vào bản tính Thiên Chúa; dù giàu sang, Người đã trở nên nghèo hèn vì chúng ta, để nhờ sự thiếu thốn

⁸ Xem T. Ireneo, *Adv. Haer.* III, 18,1 : "Ngôi Lời tồn hữu nơi Thiên Chúa, nhờ Người muôn vật được tạo dựng, và Người hằng hiện diện giữa nhân loại": PG 7, 937. - n.t., IV, 6, 7: "Từ nguyên thủy, Chúa Con hiện diện trong công trình tạo dựng, đã mặc khải Chúa Cha cho những ai Người muốn, khi nào Người muốn và như Người muốn": PG 7, 990. - Xem n.t., IV, 20, 6 và 7: PG 7, 1037. - T. Ireneo, *Demonstratio số 34: PO XII, 773: Sources Chr.* 62, Paris 1958, trg 87. - Clemente Alex., *Protrep.* 112, 1: GCS, n.t., 485. - Về chính giáo thuyết này: Xem Piô XII, *diễn văn truyền thanh 31-12-1952.* - *CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 16: AAS 57 (1965), trg 20.*

^{6*} Cho đến đây, đoạn này còn đề cập đến những người ngoài Kitô giáo.

⁹ Xem Col 1,13; CvTđ 10,38.

¹⁰ Xem 2Cor 5,19.

¹¹ Xem Dth 1,2 ; Gio 1,3 và 10 ; 1Cor 8,6 ; Col 1,16.

¹² Xem Eph 1,10.

^{7*} Adam mới là Chúa Kitô, nguồn ơn cứu độ của chúng ta, còn Adam thứ nhất (Stk 2-3) là nguồn gốc sự sa đọa và thiệt hại thiêng liêng.

đó mà chúng ta được sang giàu¹³. Con Người không đến để được phục vụ nhưng là để phục vụ và hiến mạng sống chuộc tội thay cho nhiều người, nghĩa là mọi người¹⁴. Các Thánh Phụ^{8*} luôn quả quyết rằng sự gì không được Chúa Kitô nhận lấy thì không được cứu thoát¹⁵. Thật vậy, Chúa Kitô đã nhận lấy trọn vẹn nhân tính chúng ta, là những kẻ khốn khổ và nghèo hèn, ngoại trừ tội lỗi¹⁶. Chúa Kitô, "Đấng được Chúa Cha thánh hóa và sai xuống trần gian" (x. Gio 19,36) đã nói về chính mình rằng: "Thần Linh Chúa ở trên ta, nên Ngài đã xúc dầu cho Ta, sai Ta rao giảng Phúc Âm cho người nghèo khó, an ủi kẻ khổ tâm, loan báo sự giải thoát cho kẻ tù đầy và đem sự sáng mắt cho kẻ đui mù" (Lc 4,18); Người còn nói: "Con Người đến tìm kiếm và cứu vớt điều gì bị hư đi" (Lc 19,10).

Những gì Chúa đã một lần rao giảng hay đã hoàn tất trong Người cho phần rỗi nhân loại, phải được công bố và truyền bá tới tận cùng trái đất¹⁷, bắt đầu từ Giêrusalem¹⁸: như thế những gì đã một lần thực hiện cho phần rỗi mọi người, sẽ có hiệu lực qua suốt dòng thời gian, cho hết mọi người.

¹³ Xem 2Cor 8,9.

¹⁴ Xem Mc 10,45.

^{8*} Các Thánh Phụ, cũng gọi là Giáo Phụ, là những văn sĩ công giáo thời thượng cổ (từ thế kỷ thứ 1 đến thế kỷ thứ 8).

¹⁵ Xem T. Athanasiô, *Epist. ad Epictetum*, 7: PG 26, 1060. - T. Cyrillô Hier., *Catech.* 4, 9: PG 33, 465. - Mariô Victorinô, *Adv. Arium* 3, 3: PL 8, 1101. - T. Basiliô, *Epist.* 261, 2: PG 32, 969. - T. Gregoriô Naz., *Epist.* 101: PG 37, 181. - T. Gregoriô Nyss., *Antirrheticus*, *Adv. Apollin.*, 17: PG 45, 1116. - T. Ambrosiô, *Epist.* 48, 5: PL 16, 1153. - T. Augustinô, *In Jo.*, *Evang. tr.* XXIII, 6: PL 35, 1585; *CChr.* 36, 236. - *Hon nữa, một điều chúng tỏ Chúa Thánh Thần đã không cứu chuộc chúng ta vì Người đã không nhập thể*: *De Agone Christ.* 22, 24: PL 40, 302. - T. Cyrillô Alex., *Adv. Nestor.* I, 1: PG 76, 20. - T. Fulgentiô, *Epist.* 17, 3, 5: PL 65, 454; *Ad Trasimundum III*, 21: PL 65, 284: *de tristitia et timore*.

¹⁶ Xem Dth 4,15; 9,28.

¹⁷ Xem CvTđ 1,8.

¹⁸ Xem Lc 24,47.

4. *Sứ mệnh của Chúa Thánh Thần.* Để hoàn thành việc đó, Chúa Kitô đã sai Chúa Thánh Thần từ Chúa Cha đến để Ngài thực hiện công trình cứu chuộc trong các tâm hồn và thúc đẩy Giáo Hội bành trướng thêm mãi. Dĩ nhiên là Chúa Thánh Thần đã hành động nơi trần gian trước khi Chúa Kitô được vinh hiển¹⁹, nhưng trong ngày Hiện Xuống, Ngài đã ngự xuống trên các Tông Đồ để ở lại với họ muôn đời²⁰: Giáo Hội công khai ra mắt dân chúng, Phúc Âm bắt đầu được phổ biến giữa muôn dân nhờ lời giảng dạy, và sau hết tiên báo sự hợp nhất các dân tộc trong tính cách công giáo của đức tin, nhờ Giáo Hội Tân Ước^{9*} nói mọi thứ tiếng, thấu hiểu và bao gồm mọi ngôn ngữ trong tình bác ái, và như thế đã thắng vượt sự phân tán do tháp

¹⁹ Chính Chúa Thánh Thần đã dùng các tiên tri mà phán dạy: *Symb. Constantinopol: DS 150 - T. Leô Cả, Sermo 76: PL 54, trg 405-406: "Trong ngày Hiện Xuống, Chúa Thánh Thần đã đổ tràn ơn xuống cho các môn đệ Chúa Kitô, nhưng đó không phải là khởi đầu ân huệ mà là bổ sung ân phúc: vì các tổ phụ, các tiên tri, các thượng tế, cũng như toàn thể các Thánh sống trong những thời đại xa xưa, cũng đã được chính Chúa Thánh Thần thánh hóa dưỡng nuôi, mặc dầu mức độ ân phúc có khác nhau". Và Sermô 77, 1: PL 54, 412. - Leô XIII, Tđ. Divinum illud, 9-5-1897: ASS 29 (1897) trg 650-651. - T. Gioan Kim Khẩu cũng nói như vậy mặc dù Ngài nhấn mạnh về tính cách mới mẻ của sứ mệnh Chúa Thánh Thần trong ngày Hiện Xuống: In Eph. 4, hom. 10, 1: PG 62, 75.*

²⁰ Xem Gio 14,16.

^{9*} *Giao ước cũ được ký kết giữa Thiên Chúa và dân Do Thái. Giao ước đó có tính cách quốc gia. Giao ước mới thì phổ quát được ký kết giữa Thiên Chúa và nhân loại, bằng Máu Chúa Giêsu Kitô, đổ ra trên Núi Sọ (x. Mt 26,28).*

Babel²¹.^{10*} Thực vậy "công vụ Tông đồ" bắt đầu từ ngày Hiện Xuống, như khi Chúa Thánh Thần đến ngự trên Trinh Nữ Maria thì Chúa Kitô được thụ thai, và như khi Chúa Thánh Thần ngự trên Chúa Kitô lúc Người cầu nguyện thì Người được thúc đẩy bắt đầu thi hành chức vụ²². Chính Chúa Giêsu trước khi hiến mạng sống mình cho thế gian một cách tự do, đã xếp đặt chức vụ Tông Đồ và hứa sai Chúa Thánh Thần đến hầu chức vụ và việc sai ban Chúa Thánh Thần liên kết với nhau, để công trình cứu chuộc luôn luôn đem lại kết quả khắp nơi²³. Qua mọi thời đại, Chúa Thánh Thần "hợp nhất toàn thể Giáo Hội trong mỗi hiệp thông và thừa hành, ban phát các ơn phẩm trật và đặc sủng^{11*} khác nhau"²⁴, như là linh hồn làm sống động

²¹ Các Giáo Phụ thường nói về tháp Babel và ngày Hiện Xuống: Origenê, In *Genesim*, ch. 1: PG 12, 112. - T. Gregoriô Naz. *Oratio* 41, 16: PG 36, 449. - T. Gioan Kim Khẩu, *Hom. 2 in Pentec.*, 2: PG 50, 467. - n.t., In *Act. Apost.*: PG 60, 44. - T. Augustinô, *En. in Ps. 54*, 11: PL 36, 636; CChr. 39, 664 tt. - n.t., *Sermo* 271: PL 38, 1245. - T. Cyrillô Alex., *Glaphyra in Genesim II*: PG 69, 79. - T. Gregoriô Cả, *Hom. in Evang.*, c. II, hom. 30, 4: PL 76, 1222. - T. Beda, In *Hexaem.*, c. III: PL 91, 125. - Ngoài ra, xem bức họa nơi tiền đường của Vương Cung Thánh Đường Marcô ở Venezia. - Giáo Hội nói mọi thứ tiếng, và như thế hợp nhất mọi người trong tính cách đại đồng của đức tin: T. Augustinô, *Sermones* 266, 267, 268, 269: PL 38, 1225-1237. - n.t., *Sermo* 175, 3: 38, 946. - T. Gioan Kim Khẩu, In *Epist. 1 ad Cor.*, hom. 35: PG 61, 296. - T. Cyrillô Alex., *Fragm. in Act.*: PG 74, 758. - T. Fulgentiô, *Sermo* 8, 2-3: PL 65, 743-744. - về lễ Hiện Xuống như là thánh hiến các Tông Đồ cho sứ mệnh, xem J.A. Cramer, *Catena in Acta SS. Apostolorum*, Oxford 1838, trg 24 tt.

^{10*} Cũng như tháp Babel (Stk 11, 8-9) tượng trưng sự chia rẽ và tàn mác, thì lễ Hiện Xuống (CvTđ 2, 5-12) tượng trưng sự hiệp nhất và đoàn kết.

²² Xem Lc 3,22; 4,1; CvTđ 10,38.

²³ Xem Gio các đoạn 14-17. - Phaolô VI, *Huấn từ đọc tại Công Đồng*, 14-9-1964: AAS 56 (1964), trg 807.

^{11*} Đặc sủng là những ơn đặc biệt Chúa ban cho một ít người như ơn làm phép lạ, tiên đoán tương lai, biết bí mật tâm hồn. Ôn phẩm trật là quyền thiêng liêng cai trị và thánh hóa giáo dân (tha tội, hiến thánh bánh và rượu thành Mình và Máu Chúa Kitô v.v...).

²⁴ Xem CĐ Vat II, *Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, số 4: AAS 57 (1965), trg 7.

những Tô Chức trong Giáo Hội²⁵ và đổ dần vào lòng các tín hữu cũng một tinh thần truyền giáo đã thúc đẩy chính Chúa Kitô. Đôi khi Chúa Thánh Thần lại chuẩn bị một cách hữu hình cho hành động truyền giáo²⁶, cũng như không ngừng dùng những phương thế khác nhau để theo sát và hướng dẫn vậy²⁷.

5. *Sứ mệnh của Giáo Hội.* Ngay từ đầu, Chúa Giêsu "đã gọi đến với Người những kẻ chính Người muốn và đặt ra mười hai người để họ ở cùng Người rồi sai họ đi rao giảng" (Mc 3,13)²⁸. Như thế, các Tông Đồ là mầm mống của Israel mới, đồng thời cũng là nguồn gốc của hàng Giáo Phẩm. Sau đó, khi Chúa Giêsu, bằng cái chết và sự sống lại, đã một lần hoàn tất nơi Người những mâu nhiệm cứu rỗi chúng ta và canh tân vũ trụ, Người đã chiếm hữu toàn quyền trên trời dưới đất²⁹ và trước khi về trời³⁰, đã thiết lập Giáo Hội Người làm bí tích cứu độ, và sai các Tông Đồ đi khắp thế gian như chính Người đã được Chúa Cha sai³¹, khi Người truyền: "Vậy các con hãy đi dạy dỗ muôn dân: rửa tội cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, và dạy họ giữ mọi điều Ta đã truyền cho các con" (Mt 28,19-20). "Hãy đi khắp trần gian rao giảng Phúc Âm cho hết mọi loài thụ tạo. Ai tin và chịu phép Rửa sẽ được cứu rỗi: còn ai không tin sẽ bị luận phạt" (Mc 16,15). Do đó, Giáo Hội có bốn phận truyền bá đức tin và ơn cứu rỗi của Chúa Kitô, phần thì do mệnh lệnh rõ ràng mà các Tông Đồ đã truyền lại cho

²⁵ T. Augustinô, *Sermo* 267, 4 : PL 38, 1231: "*Linh Hồn làm gì trong tất cả các chi thể của một thân thể, thì Chúa Thánh Thần cũng làm như thế trong toàn thể Giáo Hội*". - Xem *CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 7, và ghi chú 8: AAS 57 (1965), trg 11.*

²⁶ Xem *CvTđ* 10,44-47; 11,15; 15,8.

²⁷ Xem *CvTđ* 4,8; 5,32; 8,26.29.39; 9,31; 10; 11,24-28; 13,2.4.9; 16,6-7; 20,22-23; 21,11 v.v...

²⁸ Xem thêm *Mt* 10,1-42.

²⁹ Xem *Mt* 28,18.

³⁰ Xem *CvTđ* 1,4-8.

³¹ Xem *Gio* 20,21.

hàng Giám Mục^{12*} với sự tham dự của các linh mục, họp nhất với Đấng kế vị Phêrô cũng là Mục Tử Tối Cao của Giáo Hội, phần thì do đời sống mà Chúa Kitô thông ban cho các chi thể, "nhờ Người, toàn thân được khăng khít và liên kết với nhau bằng mọi mối khớp cung dưỡng, tùy theo mức độ hoạt động của mỗi chi thể, làm cho thân thể triển nở mà tự kiến tạo trong đức ái" (Eph 4,16). Vì thế, sứ mệnh của Giáo Hội được hoàn tất do việc Giáo Hội vâng lệnh Chúa Kitô, được ân sủng và tình thương Chúa Thánh Thần thúc đẩy, đã trở nên hoàn toàn thực sự có mặt nơi mọi người hay mọi dân tộc, để nhờ gương mẫu đời sống, lời giảng dạy, các Bí Tích và những phương tiện ân sủng khác, Giáo Hội sẽ dẫn họ đến đức tin, tự do và hòa bình của Chúa Kitô: nhờ đó họ thấy con đường tự do và vững chắc giúp họ tham dự trọn vẹn mầu nhiệm Chúa Kitô.

Vì sứ mệnh này tiếp diễn, và qua dòng lịch sử làm sáng tỏ sứ mệnh của chính Chúa Kitô, Đấng đã được sai đến rao giảng Phúc Âm cho người nghèo khó, nên Giáo Hội được Thánh Thần Chúa Kitô thúc đẩy, cũng phải tiến bước trên chính con đường mà Chúa Kitô đã đi, là nghèo khó, vâng lời, phục vụ và tự hiến thân cho đến chết, để rồi toàn thắng như sự sống lại^{13*} của Người. Chính các Tông Đồ trong niềm hy vọng cũng đã bước đi trên đường lối đó, đã chịu nhiều nghịch cảnh và đau khổ để hoàn tất những gì còn thiếu sót trong cuộc khổ nạn Chúa Kitô đã chịu vì thân thể Người là Giáo Hội³². Nhiều khi máu các Kitô hữu còn là hạt giống nữa³³.

^{12*} "Hàng" Giám Mục là giai cấp, địa vị, quyền bính của những ai được tấn phong Giám Mục. Câu "Hàng Giám Mục" cũng có thể chỉ tất cả những ai có quyền hành đó. Đó là ý nghĩa của số 6.

^{13*} Đoạn này nói lên nguyên tắc trọng yếu của tất cả mọi hoạt động truyền giáo: hoạt động này phải sử dụng những phương thế như Chúa Giêsu Kitô đã dùng để hoàn thành sứ mệnh của Người (khó nghèo, vâng lời, phục vụ, hy tế).

³² Xem Col 1,24.

³³ Xem Tertullianô, *Apologet.*, 50, 13: PL 1, 534; CChr. 1, 171.

6. Hoạt động truyền giáo. Hàng Giám Mục, mà đứng đầu là Đấng Kế Vị Phêrô, phải chu toàn chức vụ đó, nhờ vào lời cầu nguyện và cộng tác của toàn thể Giáo Hội bất cứ ở đâu và bất cứ trong hoàn cảnh nào, chức vụ đó vẫn chỉ là một chức vụ duy nhất, dầu hoàn cảnh không cho phép thi hành một cách như nhau. Vì thế, sự khác biệt phải nhận là có trong hoạt động của Giáo Hội nhưng không phát sinh từ bản tính sâu xa của chính sứ mệnh, mà từ những hoàn cảnh mà sứ mệnh này được thực thi.

Những hoàn cảnh đó hoặc tùy thuộc vào Giáo Hội, hoặc cũng tùy thuộc vào các dân tộc, các nhóm người, hay những ai mà sứ mệnh nhắm tới. Thực vậy, dù do bản tính Giáo Hội nắm giữ toàn thể, nghĩa là đầy đủ mọi phương tiện cứu rỗi, nhưng Giáo Hội không hành động, cũng không thể hành động luôn luôn và tức khắc theo mọi phương tiện đó, mà phải dò dẫm những bước đầu, rồi tùy theo các giai đoạn mà hành động, để cố gắng thực hiện hữu hiệu ý định của Thiên Chúa. Hơn nữa, đôi lúc sau khi có những tiến bộ may mắn ban đầu, Giáo Hội lại phải đau đớn lùi bước, hay ít ra dừng lại trong một trạng thái lưng chừng và thiếu sót. Đối với con người, đoàn thể hay dân tộc, Giáo Hội chỉ tiếp xúc và thâm nhập dần dần, và như vậy nhận họ vào hưởng sự sung mãn công giáo. Những hành động riêng tư hay những khí cụ thích nghi phải tương xứng với từng hoàn cảnh hay từng trạng thái.

Được gọi chung là "việc truyền giáo" tất cả những công cuộc đặc biệt giúp đỡ các nhà rao giảng Phúc Âm của Giáo Hội^{14*}

^{14*} Ở đây *Sắc Lệnh* kể ra hai ý niệm then chốt cho hoạt động truyền giáo. Rao giảng Phúc Âm ở đây hiểu theo nghĩa hẹp và chính xác: nghĩa là tuyên bố Phúc Âm và Chúa Kitô bằng lời giảng dạy. Đây là bước đầu tiên. Còn phải thêm vào việc trồng Giáo Hội. Đó là thiết lập cộng đoàn Kitô hữu trong đức tin, trong phụng tự, nhất là phụng vụ thánh thể trong tình bác ái, trong qui luật của Giáo Hội, trong tổ chức Hàng Giáo Phẩm. Vun trồng Giáo Hội chính yếu gồm việc thiết lập Hàng Giám Phẩm; tuy nhiên, phương diện pháp lý, và định chế này không

đang đi khắp thế gian để thực hiện chức vụ rao giảng Phúc Âm, và "trồng" Giáo Hội vào các dân tộc, cũng như những nhóm người chưa tin Chúa Kitô; những công cuộc này được hoàn thành nhờ hoạt động truyền giáo, và phần nhiều được thực hiện trong những địa hạt nhất định mà Tòa Thánh đã công nhận. Mục đích riêng của hoạt động truyền giáo này là rao giảng Phúc Âm và trồng Giáo Hội vào các dân tộc hay những nhóm người mà Giáo Hội còn chưa bén rễ³⁴. Như thế, do hạt giống lời

phải là phương tiện duy nhất. Trước hết Giáo Hội là một thực thể thiêng liêng mà Hàng Giáo Phẩm phải phục vụ. Việc vun trồng Giáo Hội phải đi đến kết quả này là giáo thuyết Phúc Âm và quy luật Giáo Hội phải đâm rễ sâu trong tâm hồn những người đón nhận việc truyền giáo. Đã có người muốn hủy bỏ tiếng "trồng" dùng trong Sắc Lệnh, vì lẽ nó rất cổ điển trong khoa truyền giáo. Hơn nữa, đó là một danh từ Thánh Kinh (1Cor 3,6-9) được ám chỉ trong Hiến chế tín lý về Giáo Hội (GH số 6, đoạn 2). Nó diễn tả chính xác khía cạnh đời sống; việc đâm rễ và tăng triển thích hợp với hoạt động truyền giáo. Sắc Lệnh lập lại nhiều lần từ ngữ này. Truyền giáo được định nghĩa bằng việc rao giảng Phúc Âm và vun trồng Giáo Hội trong các dân tộc, hay trong những nhóm người chưa tin Chúa Kitô. Sáp nhập việc truyền giáo vào Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin tại Roma, thực ra không nằm trong định nghĩa của việc truyền giáo. Đó chỉ là vấn đề thực tế và pháp lý, nhưng không chạm tới yếu tính của việc truyền giáo. Việc sáp nhập này còn có những lợi ích thực tế, như Sắc Lệnh sẽ cho ta thấy sau này.

³⁴ T. Tôma đã nói về nhiệm vụ tông đồ phải vun trồng Giáo Hội: xem Sent., lib. I, dist. 16, q. 1, a. 2 ad 2 và ad 4; a.3 sol. - n.t., Summa theol. Ia, q. 43, a.7 ad 6; I-II, q. 106, a.4 ad 4. - Xem Benedictô XV, Maximum illud, 30-11-1919: AAS 11 (1919), trg 445 và 453. - Piô XI, Rerum Ecclesiae, 28-2-1926: AAS 18 (1926), trg 74. - Piô XII, 30-4-1939, cùng các vị Giám Đốc các Hội Giáo Hoàng truyền giáo. - n.t., 24-6-1944, cùng quý vị Giám Đốc các Hội Giáo Hoàng truyền giáo: AAS 36 (1944), trg 210, đăng lại trong AAS 42 (1950), trg 727, và 43 (1954), trg 508. - n.t., 29-6-1948, cùng giáo sĩ bản xứ: AAS 40 (1948), trg 374. - n.t., Evangelii Praecones, 2-6-1951: AAS 43 (1951), trg 507. - n.t., Fidei donum, 15-1-1957: AAS 49 (1957), trg 236. - Gioan XXIII, Princeps Pastorum, 28-11-1959: AAS 51 (1959), trg 835. - Phaolô VI, bài giảng ngày 18-10-1964: AAS 55 (1964), trg 911. - Các Đức Giáo Hoàng cũng như các Giáo Phụ và các nhà Kinh Viện thường nói đến việc mở rộng Giáo Hội: T. Tôma, Comm. in Mt 16,28. - Lêô XIII, Tđ. Sancta Dei Civitas, 3-12-1880: AAS 13 (1880), trg 241. - Benedictô XV, Tđ Maximum illud, 30-11-1919: AAS 11 (1919), trg 442. - Piô XI, Tđ. Rerum Ecclesiae, 28-2-1926: AAS 18 (1926), trg 65.

Chúa, các Giáo Đoàn địa phương một khi đã được thiết lập đầy đủ khắp nơi trên thế giới, phải lớn lên, và, một khi thực sự tự mình có đủ sức sống và trưởng thành, nghĩa là đã được thiết lập Hàng Giáo Phẩm riêng, phải hiệp nhất với dân trung thành; đồng thời có những phương tiện hầu như tương ứng để sống đầy đủ đời sống Kitô giáo, các Giáo Đoàn đó phải góp phần vào lợi ích của toàn thể Giáo Hội. Phương tiện chính để gieo trồng các Giáo Đoàn này là việc rao giảng Phúc Âm của Chúa Giêsu Kitô; chính vì vậy mà Chúa đã sai các môn đệ đi khắp thế gian rao giảng Phúc Âm, để sau khi con người đã được tái sinh do lời Thiên Chúa³⁵ sẽ nhờ phép Rửa mà gia nhập Giáo Hội, một Giáo Hội, với tư cách là thân xác của Ngôi Lời nhập thể, được nuôi dưỡng và sống động bằng lời Chúa và bánh thánh thể³⁶.

Trong hoạt động truyền giáo của Giáo Hội, có nhiều thời cảnh đôi khi lẫn lộn với nhau: trước hết là thời khởi công hay gieo trồng, sau đó là thời mới mẻ trẻ trung. Tuy nhiên, khi trải qua các thời cảnh đó rồi, hoạt động truyền giáo của Giáo Hội vẫn không ngừng trệ: các Giáo Đoàn địa phương đã được thiết lập có nhiệm vụ tiếp tục hoạt động truyền giáo và rao giảng Phúc Âm cho từng người còn ở ngoài^{15*} Giáo Hội.

Ngoài ra, những nhóm người mà Giáo Hội đang chung sống, thường bị thay đổi tận gốc vì nhiều lý do khác nhau, đến nỗi có thể xuất hiện những hoàn cảnh hoàn toàn mới mẻ. Khi ấy Giáo Hội phải cân nhắc xem những hoàn cảnh đó có còn đòi phải hoạt động truyền giáo nữa không? Ngoài ra đôi khi có những hoàn cảnh làm cho trong một thời gian không thể trực tiếp thi hành ngay sứ mệnh rao giảng Phúc Âm: lúc đó, các nhà truyền

³⁵ Xem 1P 1,23.

³⁶ Xem CvTđ 2,42.

^{15*} Phải chú ý sự nhấn mạnh của đoạn này: việc truyền giáo không kết thúc với việc thiết lập Giáo Hội địa phương, nhưng phải được tiếp tục cho đến khi mọi người trong địa phương đó đã trở nên Kitô hữu.

giáo có thể và phải làm chứng về Chúa Kitô trong nhần nhục, khôn ngoan, đồng thời trong tin tưởng vững vàng, ít nữa là làm chứng bằng bác ái và lòng từ thiện; như thế là dọn đường cho Chúa và làm cho Ngài hiện diện một cách nào đó.

Như thế, rõ ràng là hoạt động truyền giáo bắt nguồn sâu xa từ chính bản tính của Giáo Hội. Nó truyền bá đức tin cứu rỗi của Giáo Hội, hoàn tất sự hiệp nhất công giáo của Giáo Hội bằng cách làm bành trướng sự hiệp nhất này, nó dựa vào tính cách tông truyền của Giáo Hội, nó thể hiện ý nghĩa cộng đoàn của hàng Giáo Phẩm, nó làm chứng, truyền bá và thúc đẩy sự thánh thiện của Giáo Hội. Như thế, hoạt động truyền giáo giữa muôn dân khác với việc thi hành hoạt động mục vụ giúp các tín hữu và với những công cuộc nhằm tái lập sự hiệp nhất Kitô hữu. Tuy nhiên, cả hai việc này đều liên kết rất chặt chẽ với nhiệt tâm truyền giáo của Giáo Hội³⁷: thực vậy, sự chia rẽ giữa các Kitô hữu gây tai hại cho công việc rất thánh thiện là rao giảng Phúc Âm cho mọi loài thụ tạo³⁸, và còn khép kín con đường đưa tới đức tin đối với nhiều người. Do đó, vì sứ mệnh truyền giáo đòi hỏi, tất cả những ai đã chịu phép Rửa Tội đều được kêu gọi quy tụ vào một đoàn duy nhất, và như thế họ có thể đồng lòng làm chứng về Chúa Kitô, Chúa của họ, trước mặt muôn dân. Nếu họ chưa có thể làm chứng đầy đủ về một đức tin duy nhất, thì ít ra họ phải sống trong niềm quý trọng và yêu mến nhau.

³⁷ Về quan niệm hoạt động truyền giáo nói đây như đã rõ, là thực tế cũng gồm các phần Châu Mỹ Latinh, nơi chưa có hàng Giáo phẩm riêng, chưa trưởng thành về đời sống Kitô giáo, cũng như chưa được rao giảng Phúc Âm cho đủ. Còn vấn đề những địa hạt đó thực tế có được Tòa Thánh công nhận là địa hạt truyền giáo hay không, thì Công Đồng không lưu tâm. Vì thế vấn đề liên hệ giữa quan niệm hoạt động truyền giáo với một vài địa hạt nhất định, thì nói cho đúng, hoạt động truyền giáo này "phần nhiều" được thực hiện trong những địa hạt nhất định mà Tòa Thánh đã công nhận.

³⁸ CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Hiệp nhất, số 1: AAS 57 (1965), trg 90.

7. Lý do và sự cần thiết của hoạt động truyền giáo. Lý do hoạt động truyền giáo này bắt nguồn từ ý muốn của Thiên Chúa, Đấng "muốn mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý. Thực vậy chỉ có một Thiên Chúa duy nhất, một trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người, là con người Giêsu Kitô, Đấng đã tự hiến để cứu chuộc mọi người" (1Tm 2,4-6), "và sự cứu rỗi không ở trong một người nào khác" (CvTđ 4,12). Vậy mọi người, nhờ lời giảng dạy của Giáo Hội mà nhận biết Người, phải trở lại với Người và chịu phép Rửa để sáp nhập vào chính Người và vào Giáo Hội, Thân Thể Người. Thực vậy, chính Chúa Kitô "đã minh nhiên công bố sự cần thiết của đức tin và của phép Thánh Tẩy"³⁹, đồng thời, Người đã xác nhận sự cần thiết của Giáo Hội mà mọi người phải bước vào qua cửa phép Thánh Tẩy. Vì thế, những ai biết rằng Giáo Hội Công Giáo, được Thiên Chúa thiết lập nhờ Chúa Giêsu Kitô, như phương tiện cứu rỗi cần thiết, mà vẫn không muốn kiên trì sống trong Giáo Hội thì không thể được cứu rỗi"⁴⁰. Cho nên, dù Thiên Chúa có thể dùng những đường lối Ngài biết để đưa những kẻ không vì lỗi mình mà chưa biết Phúc Âm đến với đức tin, vì không có đức tin thì không thể làm vui lòng Ngài⁴¹, nhưng Giáo Hội có bổn phận và đồng thời có thánh quyền rao giảng Phúc Âm⁴²; do đó, ngày nay và luôn mãi, hoạt động truyền giáo^{16*} vẫn còn giữ vẹn hiệu lực và cần thiết.

Nhờ hoạt động truyền giáo, Nhiệm Thể Chúa Kitô không ngừng qui tụ và phối hợp các năng lực vào việc phát triển chính

³⁹ Xem Mc 16,16; Gio 3,5.

⁴⁰ CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 14 : AAS 57 (1965), trg 18.

⁴¹ Xem Dth 11,6.

⁴² Xem 1Cor 9,16.

^{16*} Trong số này Công Đồng nhấn mạnh phải dùng lời rao giảng để đưa người ngoài Kitô giáo trở về với Chúa Kitô. Như thế, hoạt động truyền giáo vẫn giữ nguyên ý nghĩa lúc trước, nghĩa là một hoạt động nhằm đem người ngoài Kitô giáo về với Chúa. Cũng như bất cứ lúc nào, công việc này hiện hãy còn cấp bách.

mình⁴³. Để theo đuổi hoạt động truyền giáo, các chi thể của Giáo Hội phải được bác ái thúc đẩy vì nhờ đó họ yêu mến Thiên Chúa và ước ao san sẻ cho mọi người các ân huệ thiêng liêng đời này và đời sau.

Sau cùng, nhờ hoạt động truyền giáo này, Thiên Chúa được hoàn toàn tôn vinh, một khi con người ý thức chấp nhận hoàn toàn công trình cứu chuộc mà Ngài đã hoàn thành trong Chúa Kitô. Do đó, nhờ hoạt động truyền giáo, ý định của Thiên Chúa được hoàn tất: Chúa Kitô đã vâng lời và yêu mến Chúa Cha để làm tôn vinh danh Chúa Cha, Đấng đã sai Người⁴⁴, hầu toàn thể nhân loại hợp thành một Dân Chúa duy nhất, kết thành một thân thể duy nhất của Chúa Kitô, xây dựng thành một đền thờ duy nhất của Chúa Thánh Thần: điều đó nói lên sự đồng tâm huynh đệ, nên chắc chắn sẽ đáp ứng nguyện vọng sâu xa của hết mọi người. Chính vì thế mà sau cùng sẽ thực sự hoàn tất ý định của Đấng Tạo Hóa, Đấng đã dựng nên con người theo hình ảnh mình và giống như mình, khi mà tất cả những ai tham dự bản tính nhân loại, một khi đã được tái sinh trong Chúa Kitô nhờ Chúa Thánh Thần và cùng nhau chiêm ngưỡng vinh quang Thiên Chúa, sẽ có thể nói: "lạy Cha chúng tôi"⁴⁵.

⁴³ Xem Eph 4,11-16.

⁴⁴ Xem Gio 7,18; 8,30 và 44; 8,50; 17,1.

⁴⁵ Về ý tưởng tổng hợp này, xem Thánh Ireneô về giáo thuyết "quy tụ về một Thủ Lãnh". - Cũng xem hypolytô, *De Anti-christo*, số 3: "Thương yêu hết mọi người và ước ao cứu vớt mọi người, muốn làm cho mọi người thành con Thiên Chúa và kêu mời tất cả các thánh hợp thành một con người hoàn hảo duy nhất...: PG 10,732; GCS Hypolyt I,2, trg 16: "Thực vậy chỉ có một hành vi duy nhất để nhận biết Thiên Chúa nơi những người sẽ đạt tới Thiên Chúa dưới sự lãnh đạo của chính Ngôi Lời, Đấng ở cùng Thiên Chúa: như thế, để tất cả mọi người được giáo huấn cẩn thận hầu nhận biết Chúa Cha cho xứng là con cái Ngài, như hiện giờ chỉ có một mình Chúa Con nhận biết Chúa Cha mà thôi": PG 14,49; GCS Orig IV, 20 - T. Augustinô, *De Sermone Domini in monte*, I 41: "Chúng ta hãy yêu thương những gì có thể cùng chúng ta được dẫn vào vương quốc, nơi mà không một ai nói với Thiên Chúa duy nhất "Cha tôi" nhưng tất cả đều nói "Cha chúng tôi": PL 34, 1250. - T. Cyrillô Alex, *In Joann*, I: "Thực vậy, tất cả chúng ta đều ở

8. Hoạt động truyền giáo trong đời sống và trong lịch sử của nhân loại. Hoạt động truyền giáo cũng liên kết chặt chẽ với chính bản tính nhân loại và những ước vọng của nhân loại. Thực vậy, khi biểu dương Chúa Kitô, chính là Giáo Hội mạc khải cho con người biết chân lý đích thực về hoàn cảnh và ơn gọi toàn diện của họ, vì Chúa Kitô là nguyên lý và mẫu mực của nhân loại đổi mới, một nhân loại thâm nhuần tình thương huynh đệ, sự thành thật và tinh thần hòa bình mà mọi người đều ước nguyện. Chúa Kitô và Giáo Hội, một Giáo Hội làm chứng về chính Chúa Kitô qua lời rao giảng Phúc Âm, vượt trên mọi dị biệt về nòi giống và dân tộc; như thế, Chúa Kitô và Giáo Hội không có thể bị coi là xa lạ với bất cứ ai hay bất cứ nơi nào⁴⁶. Chính Chúa Kitô là sự thật và là đường lối mà việc rao giảng Phúc Âm đã bày tỏ cho mọi người khi vọng đến tai họ những lời của chính Chúa Kitô: "Hãy hối cải và tin vào Phúc Âm" (Lc 1,15). Vì kẻ nào không tin thì đã bị luận phạt rồi⁴⁷, nên lời Chúa Kitô vừa là lời luận phạt vừa là lời ân sủng, vừa đem lại sự chết vừa thông ban sự sống. Thực vậy, chỉ có cách

trong Chúa Kitô và chính nơi Người mà bản tính nhân loại chung của chúng ta được tái sinh. Chính vì thế Người đã được gọi là Adam mới. Người đã cư ngụ giữa chúng ta; Người là Đấng tự bản tính là Con và cũng là Thiên Chúa; cho nên, trong Thánh Thần Người, chúng ta được kêu lên: Abba, Cha! Ngôi Lời cư ngụ nơi mọi người chúng ta như trong một đền thờ duy nhất, nghĩa là chính để thờ mà Người đã nhận lấy vì chúng ta và từ chúng ta ngõ hầu một khi tất cả chúng ta đã ở trong Người, Người sẽ giao hòa tất cả chúng ta với Chúa Cha trong một thân thể duy nhất, như lời Thánh Phaolô": PG 73, 161-164.

⁴⁶ *Benedictô XV, Tđ. Maximum illud, 30-11-1919: AAS 11 (1919), trg 445: "Vì cũng như Giáo Hội Chúa là công giáo, và không xa lạ gì đối với bất cứ một dân tộc hay một quốc gia nào..." - Xem Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magister: "Theo thần quyền, Giáo Hội lan rộng đến mọi quốc gia, vì một khi Giáo Hội đi vào một dân tộc nào như tiêm chích quyền lực của mình vào mạch máu của dân tộc đó, thì Giáo Hội không là, cũng không tự coi mình là một tổ chức đặt ngoài dân tộc này... Hơn nữa, tất cả những gì một dân tộc cho là tốt đẹp, thiện hảo, thì họ (tức là những người đã được tái sinh trong Chúa Kitô) cũng xác nhận như thế, và còn làm cho hoàn hảo hơn nữa". 25-5-1961: AAS 53 (1961), trg 444.*

⁴⁷ *Xem Gio 3,18.*

hủy diệt cái cũ, chúng ta mới có thể tiến đến một đời sống mới: điều đó tuy trước tiên áp dụng cho con người, nhưng cũng có giá trị cho những của cải khác ở thế gian này; những của cải đó đã bị tội lỗi loài người ghi dấu và đồng thời cũng được Thiên Chúa chúc lành: "vì chung mọi người đã phạm tội và đã làm mất vinh quang Thiên Chúa" (Rm 3,23). Tự mình và do sức riêng mình, không ai được giải thoát khỏi tội lỗi và thắng vượt chính mình, cũng không ai hoàn toàn thoát ly được yêu đuối, cô đơn hay nô lệ⁴⁸, nhưng mọi người đều cần Chúa Kitô làm gương mẫu, làm Thầy dạy, là Đấng giải thoát, Đấng cứu độ và Đấng ban sự sống. Thực ra, trong lịch sử loài người dù là về phương diện trần thế, Phúc Âm đã là men tự do và tiến bộ, lại luôn chứng tỏ là men huynh đệ, hiệp nhất và hòa bình. Vậy không phải là vô lý khi các tín hữu sùng kính Chúa Kitô như là "Đấng muôn dân trông đợi và là Đấng cứu chuộc muôn dân"⁴⁹.

9. Tính cách cánh chung của hoạt động truyền giáo. Vì thế, thời gian hoạt động truyền giáo là thời gian ở giữa hai lần Chúa đến; và khi Chúa đến lần thứ hai^{17*}, Giáo Hội ví như mùa gặt được thu góp vào Nước Chúa từ bốn phương trời⁵⁰. Thực vậy, trước khi Chúa đến, Phúc Âm phải được rao giảng cho mọi dân tộc⁵¹.

Hoạt động truyền giáo không gì khác hơn, cũng không gì kém hơn là biểu lộ hoặc bày tỏ ý định của Thiên Chúa và hoàn tất ý định đó nơi trần thế và trong lịch sử thế trần, chính trong lịch

⁴⁸ Xem T. Ireneô, *Adv. Haer.*, III, 15, 3: PG 7, 919: "Họ đã là những nhà rao giảng chân lý và là những tông đồ mang lại tự do".

⁴⁹ *Tiên vương "O" ngày 23-12 trong Breviarium Romanum.*

^{17*} Trong số này Sắc Lệnh đặt hoạt động truyền giáo trong viễn ảnh thế mạt: Giáo Hội phải hướng về sự toàn thiện và viên mãn theo ý định của Chúa cho đến ngày cuối cùng. Muốn cho mức độ viên mãn được thực hiện trong mọi tầng lớp nhân loại, vai trò hoạt động tông đồ không thể thiếu được. Một lần nữa, Sắc Lệnh quả quyết truyền giáo là cần thiết.

⁵⁰ Xem Mt 24,31. - *Didachè* 10,5 : *Funk* I,32.

⁵¹ Xem Mc 13,10.

sử này mà Thiên Chúa hoàn thành lịch sử cứu rỗi một cách rõ rệt nhờ việc truyền giáo. Nhờ lời rao giảng và việc cử hành các bí tích, mà trung tâm và tuyệt đỉnh là phép Thánh Thể, hoạt động truyền giáo làm cho Chúa Kitô, Đấng tác thành công trình cứu rỗi được hiện diện. Tất cả những gì là chân lý và ân sủng đã được tìm thấy nơi các dân tộc như một sự hiện diện bí ẩn của Thiên Chúa sẽ được hoạt động truyền giáo giải thoát cho khỏi bị nhiễm độc, và hoàn lại cho Chúa Kitô là Đấng tác thành chúng, Đấng đã lật đổ nước ma quỷ và chặn đứng sự dữ muôn hình của tội lỗi. Bởi vậy, bất cứ điều gì tốt đẹp được nhận biết là đã được gieo vãi trong tâm trí con người, hay trong những lễ chế và văn minh riêng của các dân tộc, sẽ không bị hủy diệt, mà còn được thanh tẩy, thăng tiến và hoàn tất, để Chúa được tôn vinh, ma quỷ bị xấu hổ và con người được hạnh phúc⁵². Vì thế, hoạt động truyền giáo hướng về sự viên mãn cánh chung⁵³: nhờ hoạt động truyền giáo này, Dân Chúa được phát triển tới mức độ và thời gian mà Chúa Cha đã ấn định do quyền riêng của Ngài⁵⁴ như lời tiên tri nói với Dân này rằng: "Hãy mở rộng nơi con cắm trại, hãy căng rộng lều vải của con, đừng ngần ngại" (Is 54,2)⁵⁵. Cũng nhờ hoạt động truyền giáo, Nhiệm Thể được triển nở đến thời hạn viên mãn của Chúa Kitô⁵⁶, và đền thờ thiêng liêng, nơi Thiên Chúa được thờ lạy trong tinh thần và chân lý⁵⁷, sẽ lớn lên và được xây dựng "trên nền móng là

⁵² *CD Vat. II, Hiến Chế tín lý về Giáo Hội, số 17: AAS 57 (1965), trg 20-21. - T. Augustinô, De Civ, Dei, 19, 17: PL 41, 646. - Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin, Bài giáo huấn Collectanea I, số 135, trg 42.*

⁵³ *Theo Origenê, Phúc Âm phải được rao giảng trước khi tận thế: Hom. in Luc., XXI: GCS, Orig. IX 136, 21tt.; - In Matth. comm. ser., 39: XI 75, 25tt.; - 76, 4tt.; - Hom. in Jerem. III, 2: VIII 308, 29t.; - T. Tôma, Summ. Theol., I-II, q. 106, a. 4, ad 4.*

⁵⁴ *Xem CvTđ 1,7.*

⁵⁵ *T. Hilariô Piet., In Ps. 14: PL 9, 301. - Eusebiô Caes., In Isaiam, 54, 2-3: PG 24, 426-463. - T. Cyrillô Alex., In Isaiam, ch. V, 54,1-3: PG 70, 1193.*

⁵⁶ *Xem Eph 4,13.*

⁵⁷ *Xem Gio 4,23.*

các Tông đồ và các Tiên tri mà chính Chúa Giêsu Kitô là viên đá góc" (Eph 2,20).

Chương II

Chính Công Việc Truyền Giáo

10. Nhập đề. Giáo Hội được Chúa Kitô sai đi trình bày và thông ban tình yêu Thiên Chúa cho hết mọi người và mọi dân tộc, nhận thức rằng mình còn phải thực hiện công việc truyền giáo bao la^{18*}. Thực vậy, hai tỷ người, mà con số càng ngày càng tăng, tụ họp thành những nhóm lớn lao và nhất định, do những mối liên lạc bền vững của đời sống văn hóa, những truyền thống cổ xưa của tôn giáo, những mối liên quan chặt chẽ của tình giao tế xã hội; số người này còn chưa nghe biết, hoặc chỉ mới nghe sơ qua về sứ điệp Phúc Âm; trong số đó có người đang theo một trong các tôn giáo lớn, có người còn xa lạ với ý niệm về chính Thiên Chúa, lại có người ra mặt phủ nhận và đôi khi còn ra mặt đả kích sự hiện hữu của Thiên Chúa nữa. Để có thể trình bày cho mọi người mẫu nhiệm cứu rỗi và sự sống mà Chúa đã thông ban, Giáo Hội phải thâm nhập vào tất cả những nhóm người đó theo cùng một chiều hướng như chính Chúa Kitô, Đấng đã nhờ việc nhập thể mà liên kết mình với những

^{18*} Phần mở đầu chương hai này nhấn mạnh tính cách vĩ đại và cấp bách của hoạt động tông đồ. Toàn chương, qua ba tiểu mục, quảng diễn những giai đoạn tăng trưởng của Giáo Hội trong sứ truyền giáo. Có thể diễn tả các giai đoạn đó như sau: biểu dương đức tin Kitô giáo qua cuộc đối thoại và sự hiện diện của tình bác ái; rao giảng Phúc Âm để quy tụ Dân Chúa; thành lập một cộng đoàn Kitô hữu giữa một dân tộc hay một nước. Lược đồ này có thể áp dụng cho mọi nhóm người sống ngoài đức tin ở những nơi chưa bao giờ nghe rao giảng Phúc Âm hay những nước Kitô giáo nhưng còn bị ảnh hưởng ngoại giáo.

hoàn cảnh nhất định về xã hội và văn hóa của những người mà Chúa cùng chung sống.

Mục 1

Chứng Tá Của Kitô Hữu

11. Chứng tá bằng đời sống và việc đối thoại. Giáo Hội phải hiện diện trong các nhóm người đó nhờ con cái mình là những người cùng sống chung với họ hay là được sai đến với họ^{19*}. Thật vậy mọi Kitô hữu, dù sống ở đâu, đều phải lấy gương mẫu đời sống và chứng tá lời nói để biểu dương con người mới mà họ đã mặc lấy nhờ phép Rửa, và biểu dương sức mạnh của Chúa Thánh Thần mà họ đã được củng cố nhờ phép Thêm Sức, để những người khác nhìn thấy những việc lành của họ mà ngợi khen Chúa Cha¹, cùng nhận thức đầy đủ hơn ý nghĩa đích thực của đời sống con người và mối dây liên kết toàn thể cộng đồng nhân loại.

Để có thể làm chứng về Chúa Kitô một cách hữu hiệu, chính các Kitô hữu phải lấy lòng kính trọng và tình bác ái mà liên kết với những người ấy, phải biết mình là thành phần của nhóm người mình chung sống, và tham gia đời sống văn hóa, xã hội qua những giao tiếp và hoạt động khác nhau trong đời sống nhân loại, lại phải làm quen với những truyền thống dân tộc và tôn giáo của những người ấy; phải lấy làm sung sướng và kính cẩn mà khám phá ra những hạt giống Lời Chúa đang tiềm ẩn trong họ. Đồng thời, các Kitô hữu phải chú ý đến sự biến đổi

^{19*} Vì Phúc Âm đã được loan báo trong hầu hết các quốc gia, nên Công Đồng ít nhấn mạnh đến sự bành trướng địa lý của hoạt động truyền giáo cho bằng Giáo Hội phải bén rễ trong mọi văn hóa dị biệt của những dân tộc ngoài Kitô giáo. Không nên hủy bỏ văn hóa dân tộc, nhưng phải làm cho văn hóa thấm nhuần Kitô giáo.

¹ Xem Mt 5,16.

sâu xa nơi các dân tộc, và phải nỗ lực làm cho những người thời nay còn quá chú tâm đến khoa học và kỹ thuật của thế giới hiện đại đừng bỏ quên những việc linh thiêng, mà trái lại còn nhờ đó mà khao khát mãnh liệt hơn chân lý và tình thương Chúa đã mạc khải. Như chính Chúa Kitô đã dò xét tâm hồn con người và đối thoại với họ đúng theo kiểu loài người để dẫn đưa họ đến ánh sáng thần linh, thì các môn đệ của Người đã thấm nhuần tinh thần Chúa Kitô, cũng phải hiểu biết người họ chung sống, và phải đàm thoại với họ, để nhờ chính việc đối thoại chân thành và nhẫn nại đó, các môn đệ học biết những ân huệ phong phú mà Thiên Chúa đã rộng ban cho các dân tộc; đồng thời các môn đệ phải cố gắng đem ánh sáng Phúc Âm chiếu soi những ân huệ đó, giải thoát chúng và đem chúng về quy phục Chúa Cứu Thế.

12. Sự hiện diện của đức ái. Sự hiện diện của các Kitô hữu giữa các nhóm người phải được sống động bằng chính tình bác ái mà Thiên Chúa đã yêu chúng ta và muốn chúng ta cũng thương yêu nhau bằng tình bác ái đó². Bác ái Kitô giáo thực sự lan tràn tới mọi người không phân biệt chủng tộc, hoàn cảnh xã hội hay tôn giáo; bác ái không cầu mong một lợi ích hay một tri ân nào. Như Thiên Chúa đã yêu chúng ta bằng một tình yêu vô vị lợi, thì các tín hữu cũng phải lấy tình bác ái mà lo lắng cho con người, bằng cách yêu mến họ với cùng một ý hướng như khi Chúa tìm kiếm con người. Do đó, như Chúa Kitô đã trải qua khắp các thị thành và làng mạc, chữa lành mọi kẻ tật nguyền, bệnh hoạn, làm dấu chỉ Nước Chúa đã đến³, thì Giáo Hội cũng nhờ con cái mình mà liên kết với mọi người thuộc mọi hoàn cảnh, nhất là với những người nghèo hèn đau khổ, và tình nguyện hy sinh cho họ⁴. Thực vậy, Giáo Hội chia vui xẻ buồn với họ, nhận biết những ước vọng và những vấn đề nhân

² Xem 1Gio 4,11.

³ Xem Mt 9,35 tt. ; CvTđ 10,38.

⁴ Xem 2Cor 12,15.

sinh của họ, cùng chịu khổ với họ trong những lo âu về sự chết. Còn đối với những ai tìm kiếm hòa bình, Giáo Hội ao ước đáp ứng trong đối thoại huynh đệ, bằng cách mang lại cho họ hòa bình và ánh sáng phát xuất tự Phúc Âm.

Các Kitô hữu phải hoạt động và cộng tác với mọi người khác để tổ chức đứng đắn những công việc kinh tế xã hội. Họ phải quan tâm đặc biệt đến việc giáo dục các thiếu nhi và thanh thiếu niên bằng các loại trường học khác nhau: các trường này không những phải được coi như phương tiện tuyệt hảo để huấn luyện và nâng cao giới trẻ Kitô hữu, mà đồng thời còn là một công cuộc phục vụ nhân loại hết sức giá trị - nhất là đối với các quốc gia đang phát triển - để nâng cao nhân phẩm và chuẩn bị những hoàn cảnh hợp nhân bản hơn. Ngoài ra, họ còn phải tham gia vào nỗ lực của các dân tộc đang cố gắng tạo ra những hoàn cảnh sống tốt đẹp hơn, và củng cố hòa bình thế giới, bằng cách khuất phục đói khát, dốt nát và bệnh tật. Trong việc này giáo hữu phải khao khát cộng tác một cách khôn ngoan với những công cuộc đã được tổ chức tư cũng như công phát động, hoặc đã được các chính phủ, các cơ quan quốc tế, các cộng đoàn Kitô giáo khác nhau, hay các tôn giáo ngoài Kitô giáo khởi xướng.

Tuy nhiên, Giáo Hội không hề muốn pha mình vào việc cai trị xã hội trần gian. Giáo Hội không đòi cho mình một quyền hành nào khác ngoài quyền phục vụ nhân loại - với ơn Chúa giúp - trong tình bác ái và trung thành phụng sự⁵.

Trong đời sống và hoạt động của mình, các môn đệ Chúa Kitô, nhờ liên kết chặt chẽ với nhân loại, hy vọng sẽ mang lại cho nhân loại một chứng tá đích thực về Chúa Kitô, và sẽ hoạt động cho phần rỗi của nhân loại, dù ở nơi mà họ không thể rao giảng về Chúa Kitô một cách đầy đủ. Thật vậy các môn đệ ấy không tìm tiền bạc và thịnh vượng thuần vật chất cho con người nhưng

⁵ Xem Mt 20,26; 23,11. - Xem Phaolô VI, diễn từ đọc tại Công Đồng 21-11-1964: AAS 56 (1964) trg 1013.

là nâng cao nhân phẩm và sự hiệp nhất huynh đệ, bằng cách dạy những chân lý tôn giáo và luân lý mà Chúa Kitô đã soi sáng bằng ánh sáng của Người, và như thế, dần dần họ mở rộng con đường hoàn hảo hơn dẫn về Thiên Chúa. Như vậy con người được trợ giúp để đạt tới phần rỗi, nhờ yêu mến Thiên Chúa và cận nhân; và như vậy, bắt đầu tỏa sáng màu nhiệm Chúa Kitô, trong Người xuất hiện con người mới đã tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa⁶, và trong Người tình thương của Thiên Chúa^{20*} được biểu lộ.

Mục 2

Rao Giảng Phúc Âm Và Quy Tụ Dân Chúa

13. Rao giảng Phúc Âm và việc trở lại đạo. Bất cứ nơi nào Thiên Chúa mở rộng cửa cho việc rao giảng màu nhiệm Chúa Kitô⁷ thì người ta phải tin tưởng và bền chí⁸ loan báo⁹ cho hết mọi người¹⁰ biết Thiên Chúa hằng sống và biết Đấng Thiên Chúa sai đến cứu chuộc mọi người là Chúa Kitô¹¹ để những người ngoài Kitô giáo được Chúa Thánh Thần mở lòng¹² tin vào Chúa mà tự do trở lại cùng Người, và trung thành gắn bó với Người; vì Người là "đường, là sự thật và là sự sống" (Gio

⁶ Xem Eph 4,24.

^{20*} Đây là một vài cách biểu dương đức tin người Kitô hữu qua sự hiện diện của họ: với tư cách Kitô hữu, họ có thể tỏ ra lòng hâm mộ, thích nghi với văn hóa, tiếp xúc, bác ái vô vị lợi, cộng tác trong lãnh vực kinh tế, phát triển xã hội, giáo dục; liêm chính trong phạm vi công dân và chính trị dù không can dự việc cai trị, phát huy tình đoàn kết huynh đệ.

⁷ Xem Col 4,13.

⁸ Xem CvTđ 4,13. 29. 31; 9,27-28; 13,46; 14,3; 19,8; 26,26; 28,31; 1Th 2,2; 2Cor 3,12; 7,4; Ph 1,20; Eph 3,12; 6,19-20.

⁹ Xem 1Cor 9,15; Rm 10,14.

¹⁰ Xem Mc 16,15.

¹¹ Xem 1Th 1,9-10; 1Cor 1,18-21; Gal 1,31; CvTđ 14,15-17; 17,22-31.

¹² Xem CvTđ 16,14.

14,6), nên Người cho họ thỏa mãn mọi nguyện vọng thiêng liêng và còn ban cho dư đầy vô tận.

Dĩ nhiên phải hiểu việc trở lại đó mới chỉ là bước đầu, nhưng để con người nhận thức rằng, một khi đã từ bỏ tội lỗi, con người sẽ được dẫn vào mầu nhiệm tình yêu Thiên Chúa, Đấng gọi họ giao kết chính bản thân họ với Ngài trong Chúa Kitô. Thật vậy, nhờ ơn Chúa tác động, các tân tòng quyết khởi sự cuộc hành trình thiêng liêng: nhờ đó, khi đã lấy đức tin mà thông công mầu nhiệm Chúa chịu chết và sống lại, họ từ người cũ đổi thành người mới, con người được nên hoàn hảo trong Chúa Kitô¹³. Sự biến đổi này đồng thời cũng làm cho tâm trạng và phẩm hạnh con người dần dần thay đổi, nên đây phải là một cuộc biến đổi rõ ràng, với những hậu quả của nó trong phạm vi xã hội và phải tiến triển dần dần trong thời gian dự tòng. Con người tân tòng thường gặp phải những nứt rạn và phân cách, vì Chúa họ tin là dấu chỉ của sự chống đối¹⁴, nhưng họ cũng ném được những vui mừng vô tận của Chúa ban cho¹⁵.

Giáo Hội cấm ngặt không ai được ép buộc hay dùng những mách lới bất xứng để dụ dỗ hay lôi cuốn người ta theo đạo, cũng như Giáo Hội cương quyết đòi cho con người quyền không bị hăm dọa để bỏ đạo vì những bách hại bất công¹⁶.

Theo thói quen rất lâu đời của Giáo Hội, phải cứu xét những động lực tòng giáo, và nếu cần, phải thanh luyện những động lực đó nữa.

14. Lóp dự tòng và việc huấn luyện đời sống Kitô hữu. Những người nhờ Giáo Hội được Thiên Chúa ban ơn tin Chúa Kitô¹⁷

¹³ Xem Col 3,5-10; Eph 4,20-24.

¹⁴ Xem Lc 2,34; Mt 10,34-39.

¹⁵ Xem 1Th 1,6.

¹⁶ Xem CĐ Vat II, Tuyên ngôn về Tự Do Tôn Giáo, số 2,4,10. - CĐ Vat. II, Hiến chế mục vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay, số 21.

¹⁷ Xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 17: AAS 57 (1965), trg 20-21.

phải được nhận vào lớp dự tòng bằng những lễ nghi phụng vụ; lớp dự tòng này không phải chỉ là trình bày tín lý và các giới răn, nhưng là huấn luyện một đời sống Kitô hữu đầy đủ và là thời gian tập sự được kéo dài thích đáng, để nhờ đó môn đệ liên kết với Chúa Kitô là Thầy mình. Vậy các dự tòng phải được khai tâm một cách thích hợp về mầu nhiệm cứu rỗi, tập sống theo Phúc Âm, và qua các nghi lễ thánh được cử hành theo từng giai đoạn liên tục¹⁸ họ được đưa vào đời sống đức tin, phụng vụ và bác ái của Dân Chúa.

Rồi khi đã chịu các bí tích gia nhập^{21*} Kitô giáo, họ được giải thoát khỏi quyền lực tối tăm¹⁹, cùng chết, cùng được an táng và sống lại với Chúa Kitô²⁰, họ lãnh nhận Chúa Thánh Thần²¹ Đáng làm cho họ thành nghĩa tử, và cùng với toàn thể Dân Chúa họ cử hành lễ kính nhớ việc Chúa chịu chết và sống lại.

Thánh Công Đồng ước mong phụng vụ mùa chay và mùa phục sinh được cải tổ thế nào để chuẩn bị tâm hồn các tân tòng cho việc cử hành mầu nhiệm phục sinh, và trong khi cử hành những nghi lễ long trọng này, họ được tái sinh trong Chúa Kitô nhờ phép Thánh Tẩy.

Lớp khai tâm Kitô giáo trong thời gian dự tòng đó không phải chỉ là việc riêng của các giảng viên giáo lý hay của các linh mục, mà còn là của cộng đoàn tín hữu, nhất là của những người đỡ đầu, để nhờ đó ngay từ đầu, các dự tòng cảm thấy mình thuộc về Dân Chúa. Và vì đời sống của Giáo Hội là đời sống

¹⁸ Xem *CĐ Vat II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh*, số 64-65: AAS 56 (1964), trg 117.

^{21*} *Bí tích gia nhập là những bí tích làm cho người lãnh nhận gia nhập vào cộng đoàn Kitô hữu: đó là phép Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể.*

¹⁹ Xem *Col 1,13*. - Về việc giải thoát khỏi nô lệ ma quỷ và tối tăm: trong *Phúc Âm* xem *Mt 12,28; Gio 8,44; 12,31* (Xem *1Gio 3,8; Eph 2,1-2*): trong *Phụng vụ về phép Rửa tội*, xem sách *Nghi Lễ Rôma*.

²⁰ Xem *Rm 6,4-11; Col 2,12-13; 1P 3,21-22; Mc 16,16*.

²¹ Xem *1Th 3,5-7; CvTđ 8,14-17*.

tông đồ, nên các dự tông cũng phải học biết cộng tác tích cực vào việc rao giảng Phúc Âm và xây dựng Giáo Hội bằng chứng tá đời sống và việc tuyên xưng đức tin.

Sau hết, tình trạng pháp lý của dự tông phải được ấn định rõ ràng trong bản Giáo Luật mới^{22*}. Thực vậy, họ đã được kết hợp với Giáo Hội²², đã thuộc về gia đình Chúa Kitô²³ và có khi đã sống đời sống tin, cậy, mến rồi.

Mục 3

Việc Thành Lập Cộng Đoàn Kitô Giáo

15. Việc thành lập cộng đoàn Kitô giáo. Chúa Thánh Thần là Đấng kêu gọi mọi người đến với Chúa Kitô, thúc đẩy tâm hồn họ vâng phục đức tin nhờ hạt giống Lời Chúa và việc rao giảng Phúc Âm. Chính khi Ngài sinh những kẻ tin Chúa Kitô trong lòng Giếng Rửa Tội để sống đời sống mới, Ngài tập hợp họ thành một Dân Chúa duy nhất. Dân này là "dòng giống được tuyển chọn, là hàng tư tế vương giả, là dân tộc thánh thiện, là dân được Thiên Chúa thu phục" (1P 2,9)²⁴.

Vậy các nhà truyền giáo như những cộng sự viên của Thiên Chúa²⁵, phải gây dựng những cộng đoàn tín hữu sao cho họ biết sống xứng đáng ơn gọi của mình²⁶, để họ có thể thi hành những chức vụ đã được Chúa trao phó cho họ: đó là chức vụ tư tế, tiên tri và vương giả. Nhờ cách đó, cộng đoàn Kitô hữu trở thành dấu chỉ nói lên sự hiện diện của Thiên Chúa nơi trần gian: thật

^{22*} Đây là bộ giáo luật, một sưu tầm chính thức các luật pháp của Giáo Hội. Một ủy ban chuyên biệt hiện đảm trách việc xuất bản bộ luật mới.

²² Xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 14: AAS 57 (1965), trg 19.

²³ Xem T. Augustinô, Tract. in Joan., 11,4: PL 35, 1476.

²⁴ Xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 9: AAS 57 (1965), trg 13.

²⁵ Xem 1 Cor 3,9.

²⁶ Xem Eph 4,1.

vậy, nhờ Hiến Tế Thánh Thể, họ luôn được cùng Chúa Kitô vươn lên Chúa Cha^{27, 23*} và khi đã được nuôi dưỡng cẩn thận bằng Lời Chúa²⁸, họ làm chứng về Chúa Kitô²⁹, và sau cùng dần bước trong tình bác ái và được hun đúc trong tinh thần tông đồ³⁰.

Do đó, ngay từ đầu, cộng đoàn Kitô hữu phải được thiết lập làm sao để tự mình có thể cung cấp cho mình những gì cần thiết, được phân nào hay phân nấy.

Cộng đoàn tín hữu này đã có sẵn nguồn phong phú về văn hóa của dân tộc, phải bén rễ sâu trong dân chúng: các gia đình đã thấm nhuần tinh thần Phúc Âm phải phát triển³¹ và phải được các trường học có giá trị nâng đỡ; phải tổ chức các hội đoàn và các nhóm người lo việc tông đồ giáo dân, để có thể đem tinh thần Phúc Âm thấm nhập toàn thể xã hội. Sau hết, bác ái phải được chiếu giải huy hoàng giữa những người công giáo thuộc các Lễ Chế khác nhau³².

Tinh thần hiệp nhất cũng phải được nuôi dưỡng nơi các tân tông, để họ nhận thức rõ ràng rằng những anh em tin vào Chúa Kitô cũng là môn đệ Chúa Kitô, cũng được tái sinh nhờ phép Rửa, cũng được chia xẻ rất nhiều ơn lành của Dân Chúa. Chừng

²⁷ Xem *CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 10, 11, 34: AAS 57 (1965), trg 10-17; 39-40.*

^{23*} Câu này có nghĩa là cộng đoàn tín hữu luôn luôn ở với Chúa Kitô trên đường về cùng Chúa Cha cho tới ngày thể mạng.

²⁸ Xem *CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Mạc Khải Thiên Chúa, số 21 : AAS 57 (1965), trg 24.*

²⁹ Xem *CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 12, 35: AAS 57 (1965) trg 16, 40-41.*

³⁰ Xem *CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 23, 36 : AAS 57 (1965) trg 28, 41-42.*

³¹ Xem *CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 11, 35, 41 : AAS 57 (1965), trg 15-16, 40-41, 47.*

³² Xem *CĐ Vat II, Sắc lệnh về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương, số 4 : AAS 57 (1965), trg 77-78.*

nào hoàn cảnh tôn giáo cho phép, phải tìm cách phát động công việc hiệp nhất, để khi đã gạt bỏ mọi hình thức dừng dưng và lẫn lộn, cũng như mọi ganh đua bất chính, người công giáo sẽ hợp tác huynh đệ với những anh em ly khai theo tiêu chuẩn của Sắc lệnh về Hiệp nhất, ngõ hầu cùng nhau tuyên xưng một đức tin vào Thiên Chúa và Chúa Giêsu Kitô trước mặt Muôn Dân^{24*} tùy theo mức độ có thể, và cùng nhau cộng tác trong lãnh vực xã hội và kỹ thuật cũng như vấn đề văn hóa và tôn giáo. Nhất là họ phải cộng tác với nhau vì Chúa Kitô, Chúa chung của mình: nguyện Danh Người liên kết họ lại! Việc cộng tác chẳng những phải được thể hiện giữa các cá nhân với nhau, nhưng còn phải tùy theo sự phán đoán của Đấng Bản Quyền địa phương mà thiết lập sự cộng tác giữa các Giáo Hội hoặc những cộng đoàn giáo hội^{25*} cũng như trong những công cuộc của các giáo đoàn đó.

Các Kitô hữu từ mọi Dân Tộc tụ họp vào Giáo Hội, "không vì chế độ, không vì ngôn ngữ, cũng không vì tổ chức xã hội trần gian mà phân cách với những người khác",³³ nên họ phải sống cho Thiên Chúa và cho Chúa Kitô trong nếp sống lành mạnh của dân tộc mình; là công dân tốt, họ phải thực sự và tích cực vun trồng lòng Ái Quốc, tuy nhiên phải hết sức tránh sự kỳ thị chủng tộc và chủ nghĩa quốc gia quá khích, phải cố võ tình yêu thương đại đồng của nhân loại.

Để đạt tới những mục tiêu trên, giáo dân, nghĩa là các Kitô hữu đã nhờ phép Rửa Tội mà sáp nhập vào Chúa Kitô và đang sống giữa thế gian, giữ một vai trò rất quan trọng và đáng được đặc biệt lưu tâm. Thực vậy bổn phận riêng của họ là: sau khi thấm nhuần tinh thần Chúa Kitô, họ phải làm sống động từ bên trong

^{24*} *Muôn dân theo nghĩa Thánh Kinh là người ngoại giáo.*

^{25*} *Những cộng đoàn giáo hội là những nhóm Kitô hữu không công giáo, nhất là những nhóm Tin Lành (xem tiếng nầy trong HN, ch. III).*

³³ *Xem Epist. ad Diognetum, 5 : PG 2, 1173. -Xem CD Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 38: AAS 57 (1965), trg 43.*

như men trong bột và sắp đặt công việc trần thế để chúng luôn luôn được thực hiện theo ý Chúa Kitô³⁴.

Tuy nhiên, không thể kể là đủ khi dân Kitô giáo hiện diện và được thiết lập trong một dân tộc nào đó, cũng không phải là đủ khi chỉ làm việc tông đồ bằng gương lành, nhưng dân Kitô giáo được thiết lập và hiện diện chính là để dùng lời nói và việc làm mà loan báo Chúa Kitô cho những người đồng hương ngoài Kitô giáo, và giúp họ đón nhận Chúa Kitô một cách đầy đủ.

Ngoài ra, để gieo trồng Giáo Hội và phát triển cộng đoàn Kitô giáo, cần phải có nhiều thừa tác vụ khác nhau; những thừa tác vụ này một khi được ơn Chúa gọi mà nảy sinh từ chính cộng đoàn tín hữu, phải được mọi người đặc biệt chăm lo cổ võ và vun trồng; trong những thừa tác vụ đó, có chức linh mục, phó tế và giảng viên giáo lý cũng như công giáo tiến hành. Cũng thế, bằng lời cầu nguyện hay bằng những công tác hoạt động, các nam nữ tu sĩ cũng phải thực thi nhiệm vụ thiết yếu để Nước Chúa Kitô bén rễ và vững mạnh trong các tâm hồn và được phát triển thêm mãi.

16. Thiết lập hàng giáo sĩ bản xứ. Giáo Hội rất vui mừng cảm tạ Thiên Chúa vì Ngài đã rộng ban một ơn vô giá là ơn gọi làm linh mục cho biết bao thanh niên trong các Dân Tộc mới quay về với Chúa Kitô. Thực vậy, Giáo Hội càng bén rễ vững chắc hơn trong mỗi một nhóm người, khi chính các cộng đoàn tín hữu có những phần tử riêng của mình làm thừa tác viên cứu rỗi đang phục vụ anh em mình trong hàng Giáo Mục, Linh Mục và Phó Tế để dần dần các Giáo Hội trẻ trung tạo được cơ cấu giáo phận với hàng giáo sĩ riêng.

Những điều mà Công Đồng này đã ấn định về ơn kêu gọi và việc đào tạo linh mục, phải được kính cẩn tuân giữ ở những nơi

³⁴ Xem CD Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 32: AAS 57 (1965), trg 38. - N.t., Sắc lệnh về Tông Đồ Giáo Dân, số 5-7.

Giáo Hội mới được gieo trồng cũng như ở những Giáo Hội trẻ trung. Phải hết sức chú trọng đến những gì đã được đề cập về việc phải liên kết chặt chẽ công việc huấn luyện thiêng liêng với việc huấn luyện giáo thuyết và mục vụ; việc sống theo tiêu chuẩn Phúc Âm mà không nhằm lợi ích cá nhân hay gia đình; việc đào sâu ý nghĩa thâm thúy của mầu nhiệm Giáo Hội. Như thế, họ sẽ học biết một cách kỳ diệu việc tận hiến toàn thân để phục vụ Thân Thể Chúa Kitô và công việc rao giảng Phúc Âm, biết liên kết với Giám Mục của họ như những cộng sự viên trung thành, đồng thời cộng tác với các anh em linh mục khác³⁵.

Để đạt tới mục đích tổng quát này, toàn thể việc giáo dục chủng sinh phải được tổ chức dưới ánh sáng của mầu nhiệm cứu rỗi như đã được trình bày trong Thánh Kinh. Họ phải khám phá và sống mầu nhiệm Chúa Kitô, cũng như mầu nhiệm cứu rỗi nhân loại³⁶ được thể hiện trong Phụng Vụ.

Những đòi hỏi chung đối với việc huấn luyện linh mục về phương diện mục vụ và thực hành, theo như tiêu chuẩn của Công Đồng³⁷, phải được phối hợp với lòng hăng say tìm kiếm lối suy tư và hành động riêng biệt của dân tộc mình. Vì thế, tâm trí chủng sinh phải được mở rộng và mài giũa để hiểu biết đúng và có thể phán đoán về nền văn hóa của dân tộc mình; trong các môn triết học và thần học, chủng sinh phải thấu triệt những liên lạc giữa truyền thống và tôn giáo dân tộc với Kitô giáo³⁸. Cũng thế, việc huấn luyện linh mục phải nhằm vào những nhu cầu mục vụ của từng miền: chủng sinh phải học biết lịch sử, mục đích và phương pháp hoạt động của Giáo Hội, những hoàn cảnh đặc biệt về xã hội, kinh tế và văn hóa của dân tộc mình. Họ phải được giáo dục trong tinh thần hiệp nhất và phải được

³⁵ Xem *CĐ Vat. II, Sắc lệnh về việc đào tạo Linh Mục*, số 4, 8, 9.

³⁶ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh*, số 17: AAS 56 (1964), trg 105.

³⁷ Xem *CĐ Vat. II, Sắc lệnh về việc đào tạo Linh Mục*, số 1.

³⁸ Xem *Gioan XXIII, Tđ. Princeps Pastorum*, 28-11-1959: AAS 51 (1959), trg 843-844.

chuẩn bị đứng đắn để đối thoại trong tình huynh đệ với những người ngoài Kitô giáo³⁹. Tất cả điều đó đòi hỏi những môn học để làm linh mục phải được thực hiện trong nếp sống và trong sự giao tiếp với dân tộc mình bao nhiêu có thể⁴⁰. Sau hết, phải chú ý huấn luyện cho biết điều hành đứng đắn những việc liên quan đến Giáo Hội cũng như huấn luyện về phương diện kinh tế nữa.

Hơn nữa phải chọn một số linh mục có khả năng, sau khi đã có một số kinh nghiệm mục vụ, đi học thêm các môn học cao hơn ở các Đại Học, kể cả ở các Đại Học ngoại quốc, nhất là ở Kinh Thành Roma, và ở các Học Viện khoa học khác, để các Giáo Hội trẻ trung có sẵn trong hàng giáo sĩ địa phương những linh mục có kiến thức và kinh nghiệm thích đáng hầu hoàn thành những công việc khó khăn hơn của Giáo Hội.

Nơi nào Hội Đồng Giám Mục xét là thích hợp, thì phải thiết lập lại chức phó tế như một bậc sống thường xuyên theo tiêu chuẩn của Hiến Chế "về Giáo Hội"⁴¹. Thực vậy thật là hữu ích nếu những người đang đảm nhận thực sự chức vụ phó tế, hoặc đang giảng lời Chúa như các giảng viên giáo lý, hoặc nhân danh cha sở và Giám Mục điều khiển những cộng đoàn Kitô giáo xa xôi, hoặc thực thi bác ái trong những công cuộc xã hội hay từ thiện, được thêm mạnh mẽ nhờ việc đặt tay^{26*} lưu truyền từ các Tông Đồ và được kết hợp chặt chẽ với bàn thánh hơn, để họ chu toàn thừa tác vụ của mình một cách hữu hiệu hơn nhờ ơn bí tích của chức phó tế.

17. Huấn luyện giảng viên giáo lý. Cũng thế, có một đạo binh thực sự đáng khen và rất đáng thưởng công nhờ việc truyền giáo nơi Muôn Dân, đó là đạo binh các giảng viên giáo lý nam

³⁹ Xem *CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Hiệp Nhất*, số 4: AAS 57 (1965), trg 94-96.

⁴⁰ Xem *Gioan XXIII, Tđ. Princeps Pastorum*, 28-11-1959: AAS 51 (1959), trg 842.

⁴¹ Xem *CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, số 29: AAS 57 (1965), trg 36.

^{26*} Đặt tay là một nghi lễ thánh thiện. Chính việc đặt tay này ban bí tích phó tế.

cũng như nữ; là những người đã thấm nhuần tinh thần tông đồ, họ vất vả rất nhiều để mang lại sự trợ giúp đặc biệt và hoàn toàn cần thiết cho việc bành trướng đức tin và Giáo Hội.

Trong thời đại chúng ta, chức vụ của các giảng viên giáo lý rất quan trọng vì số giáo sĩ ít ỏi không đủ để rao giảng Phúc Âm cho quần chúng quá đông đúc cũng như để thi hành mục vụ. Vì thế, việc huấn luyện những giảng viên này phải được kiện toàn và thích nghi với tiến bộ văn hóa, để như những cộng tác viên đắc lực của chức linh mục, họ có thể hoàn thành đến mức tối đa nhiệm vụ của họ, nhiệm vụ đang đặt nặng trên vai họ những trọng trách mới mẻ và rộng lớn hơn.

Bởi vậy phải tăng thêm nhiều trường học thuộc giáo phận và miền, để các giảng viên giáo lý tương lai vừa được học hỏi về giáo lý công giáo, nhất là về môn Thánh Kinh và Phụng Vụ, vừa được học hỏi về phương pháp dạy Giáo lý và thực hành mục vụ, lại được tự luyện theo luân lý Kitô giáo⁴² trong khi không ngừng cố gắng trau dồi đời sống đạo đức và thánh thiện. Ngoài ra còn phải có những buổi hội thảo hay những khóa học tập định kỳ, để các giảng viên giáo lý được cải tiến trong những môn học hay nghệ thuật hữu ích cho thừa tác vụ cũng như để nuôi dưỡng và củng cố đời sống thiêng liêng của mình nữa. Thêm vào đó, đối với những ai hoàn toàn tận hiến cho công cuộc này, phải cung cấp cho họ một khoản thù lao cân xứng để họ có một mức sống xứng đáng và được bảo đảm về mặt xã hội⁴³.

Ước mong rằng Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin đặc biệt trợ cấp cách thích đáng cho công cuộc đào tạo và nâng đỡ các giảng

⁴² Xem Gioan XXIII, Tđ. *Princeps Pastorum*, 28-11-1959 : AAS 51 (1959), trg 855.

⁴³ Ở đây nói những người vẫn được gọi là "catéchistes à plein temps", "full time catechists" (những thầy giảng, kẻ giảng).

viên giáo lý. Nếu thấy cần và thích hợp, phải thành lập một Tổ Chức giúp các giảng viên này.

Ngoài ra các Giáo Hội cũng nên biết ơn nhìn nhận công việc quảng đại của các giảng viên giáo lý trợ tá mà Giáo Hội đang cần họ giúp đỡ. Chính các giảng viên giáo lý chủ sự các buổi đọc kinh chung trong cộng đoàn và giảng dạy giáo lý. Cũng phải đặc biệt lo cho họ được huấn luyện về giáo lý và đường thiêng liêng. Hơn nữa, ước mong rằng nơi nào thấy thuận lợi, nên công khai cử hành một nghi lễ phụng vụ để ủy thác sứ mệnh pháp lý^{27*} cho các giảng viên giáo lý đã được huấn luyện đầy đủ, ngõ hầu họ được thêm uy tín với dân chúng mà phục vụ đức tin.

18. Cổ võ đời sống tu trì. Ngay từ thời kỳ gieo trồng Giáo Hội, phải tận tâm cổ võ đời sống tu trì, một đời sống không những đem lại sự trợ lực quý báu và hoàn toàn cần thiết cho hoạt động truyền giáo, mà nhờ tận hiến mật thiết hơn cho Thiên Chúa trong Giáo Hội, đời sống đó còn bày tỏ và biểu thị rõ ràng bản tính sâu xa của ơn gọi Kitô giáo⁴⁴.

Trong khi tận tụy hoạt động để gieo trồng Giáo Hội và hoàn toàn thấm nhuần những ơn phước huyền nhiệm đã từng làm vang truyền thông tu trì của Giáo Hội, các Hội Dòng phải cố gắng diễn tả và thông ban những ơn phước đó tùy theo tinh thần và đặc tính của mỗi dân tộc. Các Hội Dòng đó phải cẩn thận suy xét xem đời sống tu trì Kitô giáo có thể đón nhận những truyền thống khổ hạnh và chiêm niệm mà đôi khi Thiên Chúa đã gieo mầm trong các nền văn hóa cổ xưa trước khi Phúc Âm được rao giảng không?

^{27*} *Sứ mệnh pháp lý theo giáo luật là quyền hành do Giáo Quyền có thẩm quyền ban cho, như quyền dạy dỗ, quyền cử hành các nghi thức để phục vụ Giáo Hội.*

⁴⁴ *Xem CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 31, 44 : AAS 57 (1965), trg 37, 50-51.*

Những hình thức đời sống tu trì khác nhau phải được vun trồng trong những Giáo Hội trẻ trung để biểu dương những khía cạnh khác nhau của sứ mệnh Chúa Kitô và đời sống Giáo Hội, để tận hiến cho những công cuộc mục vụ khác nhau, và để chuẩn bị đứng đắn những phân tử sẽ thực thi các công việc đó. Tuy nhiên, các Giám Mục trong Hội Đồng phải xem xét để các Tu Hội theo đuổi cùng một mục đích tông đồ đừng tăng thêm nhiều, kéo gây thiệt hại cho đời sống tu trì và công việc tông đồ.

Cũng đáng đặc biệt nhắc tới những tổ chức nhằm đặt định đời sống chiêm niệm: có người chủ trương duy trì những yếu tố căn bản của tổ chức Đan Viện, nhưng vẫn cố gắng xen vào đó những truyền thống rất phong phú của Dòng mình; có người lại trở về với những hình thức đơn sơ hơn của bậc đan tu đời trước. Tuy nhiên, mọi người phải cố gắng tìm cách để thực sự thích nghi với những hoàn cảnh địa phương. Thực vậy, vì đời sống chiêm niệm thuộc về sự hiện diện trọn vẹn của Giáo Hội, nên phải được thiết lập khắp nơi trong các Giáo Hội trẻ trung.

Chương III

Các Giáo Hội Địa Phương^{28*}

^{28*} Hai số 19 và 20 trước kia thuộc chương 2, trong đó Giáo Hội địa phương (riêng biệt) được xem như một kết thúc của hoạt động truyền giáo không hơn không kém. Nhưng vì các Giám Mục xứ truyền giáo can thiệp, nên hai số đó được để riêng thành một chương đầy đủ ý nghĩa. Hành động này quy định rõ ràng quy chế của một Giáo Hội trẻ trung trên đà trưởng thành, dù còn cần các Giáo Hội khác trợ giúp. Các Giáo Hội trẻ không phải là những nhóm người công giáo chung quanh Giáo Hội phổ quát, nhưng tăng trưởng trong Giáo Hội phổ quát và như thế cũng góp phần vào đặc tính vừa duy nhất vừa khác biệt của Giáo Hội Công Giáo. Phương diện mới này dĩ nhiên có những hậu quả. Giáo Hội phổ quát không

19. Sự tiến triển của các Giáo Hội trẻ. Việc gieo trồng Giáo Hội trong một nhóm người nhất định kể như là đã đạt tới mục đích, khi cộng đoàn tín hữu - đã bén rễ trong đời sống xã hội và đã phù hợp một phần nào với văn hóa địa phương - hưởng được một sự mạnh mẽ và vững chắc nào rồi: nghĩa là cộng đoàn tín hữu đó đã có dồi dào, tuy chưa đủ, các linh mục, tu sĩ và giáo dân địa phương, đã có những thừa tác vụ và những tổ chức cần thiết cho việc dẫn dắt và phát triển đời sống Dân Chúa, dưới sự hướng dẫn của Giám Mục^{29*} riêng mình.

Trong những Giáo Hội^{30*} trẻ trung đó, đời sống Dân Chúa phải trưởng thành về mọi phương diện của đời sống Kitô giáo được canh tân theo những tiêu chuẩn của Công Đồng này: các cộng đoàn tín hữu mỗi ngày một ý thức hơn rằng mình trở nên những cộng đoàn sống đức tin, phụng vụ và bác ái; nhờ chuyên lo hoạt động dân sự và tông đồ, giáo dân phải cố gắng thiết lập trật tự bác ái và công bằng trong xã hội; phải sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội một cách thích hợp và khôn ngoan; nhờ sống đời sống thực sự Kitô giáo, các gia đình phải trở nên những vườn ươm việc tông đồ giáo dân, ơn gọi linh mục và tu sĩ. Sau hết, đức tin phải được giảng dạy nhờ khoa dạy giáo lý thích hợp, được cử hành trong Phụng Vụ hợp với đặc tính dân tộc, và được đưa vào các tổ chức lãnh mạng cũng như các phong tục địa phương nhờ bản giáo luật thích ứng.

những lo lắng cách riêng nhưng còn phải biết nghe và quan tâm đến các yêu sách của các Giáo Hội trẻ.

^{29*} Các Giáo Hội trẻ phải tiến đến sự trưởng thành và phải trưởng thành, vì sự viên mãn hay kết quả của việc vun trồng Giáo Hội là Giáo Hội trưởng thành. Vun trồng Giáo Hội địa phương là công trình của một đời sống tuân tụy như sự tăng trưởng của cây cối hay của con người; khó mà quy định một cách chính xác lúc nào một Giáo Hội mới bắt đầu trưởng thành. Đoạn thứ nhất phác họa những nét chính yếu của một Giáo Hội trưởng thành.

^{30*} Đoạn thứ hai và những đoạn tiếp nói rõ một Giáo Hội trẻ trung có thể trưởng thành bằng những phương thế nào.

Còn các Giám Mục - mỗi vị hợp nhất với linh mục đoàn của mình và ngày càng thấm nhuần cảm thức của Chúa Kitô và Giáo Hội - phải cảm thông và sống với toàn thể Giáo Hội. Các Giáo Hội trẻ trung phải duy trì mối thông hiệp mật thiết với toàn thể Giáo Hội và phải liên kết những yếu tố của truyền thống Giáo Hội với nền văn hóa riêng, để nhờ được trao đổi sinh lực cho nhau mà phát triển đời sống Nhiệm Thể¹. Do đó, phải trau dồi những yếu tố thần học, tâm lý và nhân bản có thể góp phần vào việc cổ võ cảm thức thông hiệp cùng toàn thể Giáo Hội.

Nhưng các Giáo Hội này vì thường ở những miền khá nghèo túng trên địa cầu nên vẫn còn thiếu linh mục, đôi khi thiếu một cách hết sức trầm trọng, và nhiều khi thiếu cả viện trợ vật chất nữa. Vì thế, hoạt động truyền giáo liên tục của toàn thể Giáo Hội cần phải trợ cấp cho những Giáo Hội đó, để trước hết giúp cho Giáo Hội địa phương phát triển và giúp cho đời sống Kitô giáo được trưởng thành. Hoạt động truyền giáo này cũng phải giúp đỡ các Giáo Hội tuy đã thành lập từ lâu, nhưng đang bị rơi vào tình trạng thoái hóa và suy yếu.

Tuy nhiên, các Giáo Hội đó phải khôi phục lòng nhiệt thành mục vụ chung và những công cuộc thích ứng, để nhờ đó số ơn kêu gọi vào hàng giáo sĩ giáo phận và vào các Hội Dòng được gia tăng, được phân biệt một cách chắc chắn hơn và được huấn luyện hữu hiệu hơn²; như vậy dần dần các Giáo Hội đó có thể tự túc và giúp đỡ các Giáo Hội khác.

20. Hoạt động truyền giáo của các Giáo Hội địa phương. Vì Giáo Hội địa phương^{31*} có nhiệm vụ phản ảnh Giáo Hội hoàn

¹ Xem Gioan XXIII, *Tđ. Princeps Pastorum*, 28-11-1959: AAS 51 (1959), trg 838.

² Xem *CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Chức Vụ và Đời Sống Linh Mục*, số 11. - N.t., *Sắc lệnh về việc Đào Tạo Linh Mục*, số 2.

^{31*} *Giáo Hội địa phương hay Giáo Hội riêng biệt, theo bản văn là toàn thể các Giáo Hội "địa phương" trong một miền hay trong một nước nhất định; danh gọi đó chỉ tất cả các giáo phận hay những giáo khu trong một nước. Cả số 20 nhân*

cầu một cách hết sức hoàn hảo, nên phải thành thực nhận định rằng mình cũng được sai tới những kẻ chưa tin Chúa Kitô đang sống trong cùng một địa hạt với mình, để nhờ chứng tá đời sống của mỗi tín hữu và của toàn thể cộng đoàn, Giáo Hội này trở thành dấu chỉ cho họ thấy Chúa Kitô.

Ngoài ra cần phải có thừa tác vụ Lời Chúa để Phúc Âm đến với mọi người. Do đó, trước hết Giám Mục phải là người rao giảng đức tin để dẫn đưa các môn đệ mới đến với Chúa Kitô³. Để chu toàn đứng đắn chức vụ cao trọng đó, ngài phải thấu triệt sâu xa về những hoàn cảnh của đoàn chiên mình, cũng như về những ý niệm thâm sâu của đồng bào về Thiên Chúa; ngài cũng phải cẩn thận để ý đến những biến đổi gây nên bởi những cuộc thành thị hóa, như người ta thường nói, những cuộc di dân và chủ nghĩa lãnh đạm đối với tôn giáo.

Các linh mục bản xứ ở những Giáo Hội trẻ trung phải hăng say bắt tay vào việc rao giảng Phúc Âm bằng cách tổ chức hoạt động chung với những nhà truyền giáo ngoại quốc, những người hợp cùng các ngài làm thành một linh mục đoàn duy nhất, liên kết dưới quyền Giám Mục, không những để chặn dạt các tín hữu và để cử hành việc phụng thờ Thiên Chúa, nhưng còn để rao giảng Phúc Âm cho những người ngoài Giáo Hội. Các ngài phải tỏ ra sẵn sàng, và khi có dịp, các ngài phải hăng say tình nguyện để Đức Giám Mục sai đi khởi công truyền giáo tại những miền xa xôi và bị bỏ rơi trong giáo phận mình hoặc trong các giáo phận khác.

Các tu sĩ nam nữ và cả giáo dân cũng phải nung đúc lòng nhiệt tâm truyền giáo đó đối với đồng bào mình, nhất là với những người nghèo khổ hơn.

mạnh một Giáo Hội mới trưởng thành có bốn phận phải biến thành một Giáo Hội truyền giáo chủ động và phải hoạt động, truyền giáo trong các vùng chung quanh hay ngay cả ở nước ngoài.

³ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, số 25: AAS 57 (1965), trg 29.

Các Hội Đồng Giám Mục phải lo lắng tổ chức những khóa tu nghiệp định kỳ về Thánh Kinh, thần học, tu đức và mục vụ, với mục đích là giữa những đổi thay và xáo trộn của thế sự, giáo sĩ được hiểu biết đầy đủ hơn về thần học và phương pháp mục vụ.

Đàng khác, cũng phải kính cần tuân giữ những điều Công Đồng này đã quyết định, nhất là trong Sắc Lệnh về Chức Vụ và Đời Sống Linh Mục.

Để có thể hoàn thành công việc truyền giáo của Giáo Hội địa phương, cần có những thừa tác viên đủ khả năng, được chuẩn bị đúng lúc và thích hợp với hoàn cảnh của mỗi Giáo Hội địa phương. Thực vậy, con người càng ngày càng tập trung thành từng nhóm, vì thế các Hội Đồng Giám Mục rất nên thiết lập những kế hoạch chung để tổ chức đối thoại với những nhóm người đó. Nếu trong một vài miền có những nhóm người không muốn đón nhận đức tin công giáo vì không thể thích ứng với hình thức đặc biệt mà Giáo Hội tại đó đã mặc lấy thì ước mong phải lo liệu một phương thức đặc biệt với hoàn cảnh đó⁴, cho đến khi tất cả các Kitô hữu có thể đoàn tụ thành một cộng đoàn duy nhất. Còn nếu Tòa Thánh có sẵn những nhà truyền giáo để thực thi mục đích này, thì mỗi Giám Mục phải mời gọi hoặc sẵn sàng đón nhận họ vào giáo phận mình, và ủng hộ công cuộc của họ một cách hữu hiệu.

Để nhiệt tâm truyền giáo đó được nảy nở nơi đồng bào mình, Giáo Hội trẻ trung rất nên tham gia vào công cuộc truyền giáo phổ quát của Giáo Hội càng sớm càng hay, bằng cách sai chính những nhà truyền giáo của mình đi rao giảng Phúc Âm khắp nơi trên hoàn cầu, dù mình còn thiếu giáo sĩ. Thực vậy mỗi

⁴ Xem CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Chức Vụ và Đời Sống Linh Mục, số 10: để công việc mục vụ đặc biệt cho những đoàn thể xã hội khác nhau được dễ dàng, phải tiên liệu thiết lập các Giám chức biệt hạt trong mức độ sự tổ chức đứng đắn của việc tông đồ đòi hỏi.

thông hiệp cùng toàn thể Giáo Hội kể như là hoàn tất khi chính các Giáo Hội trẻ trung cũng tích cực tham gia và hoạt động truyền giáo nơi các dân tộc khác.

21. *Cổ võ việc tông đồ giáo dân.* Giáo Hội chưa được thiết lập thực sự, chưa sống đầy đủ, cũng chưa là dấu chỉ tuyệt hảo của Chúa Kitô giữa loài người, nếu chưa có hàng giáo dân đích thực và nếu hàng giáo dân này chưa cùng làm việc với Hàng Giáo Phẩm^{32*}. Thật vậy, Phúc Âm không thể đi sâu vào tinh thần, đời sống và sinh hoạt của một dân tộc nếu không có sự hiện diện linh hoạt của giáo dân. Do đó, ngay khi thiết lập Giáo Hội phải hết sức chú tâm đến việc đào tạo một hàng giáo dân Kitô giáo trưởng thành.

Thật vậy, các tín hữu giáo dân cùng một trật hoàn toàn thuộc về Dân Chúa và về xã hội trần gian: họ thuộc về một dân tộc, nơi chôn nhau cắt rốn của họ; họ đã bắt đầu thông dự những kho tàng văn hóa của dân tộc nhờ việc giáo huấn, liên kết với đời sống dân tộc bằng nhiều mối dây xã hội khác nhau, cộng tác vào tiến bộ riêng của dân tộc qua nghề nghiệp của họ, cảm thấy những vấn đề của dân tộc như là những vấn đề của chính họ và cố gắng giải quyết. Lại nữa, họ còn thuộc về Chúa Kitô, vì họ được tái sinh trong Giáo Hội bằng đức tin và phép Rửa, để nhờ đời sống mới và việc làm mới, họ là của riêng Chúa Kitô⁵, để mọi sự qui phục Thiên Chúa trong Chúa Kitô và sau cùng để Thiên Chúa là mọi sự trong mọi người⁶.

Nhiệm vụ chính của giáo dân, nam cũng như nữ, là làm chứng về Chúa Kitô, làm chứng bằng đời sống và lời nói trong gia đình, trong các đoàn thể xã hội, cũng như trong môi trường

^{32*} *Cả số 21 diễn tả vai trò giáo dân trong Giáo Hội trẻ: biểu dương đức tin, truyền giáo cách ý thức, quy mô, hữu hiệu. Việc tông đồ giáo dân này cũng là một bằng chứng Giáo Hội trẻ đã trưởng thành.*

⁵ Xem 1Cor 15,23.

⁶ Xem 1Cor 15,28.

nghe nghiệp. Thật vậy, họ phải biểu lộ con người mới đã được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, trong sự công chính và thánh thiện của chân lý⁷. Nhưng họ phải diễn tả nếp sống mới đó trong môi trường xã hội và văn hóa của quê hương, theo truyền thống của dân tộc mình. Chính họ phải hiểu biết nền văn hóa đó, sửa chữa, bảo tồn, và cải tiến theo những hoàn cảnh mới, và sau cùng phải hoàn tất nó trong Chúa Kitô, để niềm tin vào Chúa Kitô và đời sống Giáo Hội không còn xa lạ với xã hội họ sống, nhưng bắt đầu thấm nhiễm và cải hóa xã hội đó. Họ phải liên kết với đồng bào mình bằng tình bác ái chân thành, để trong cách sống của họ xuất hiện một mối dây mới về hiệp nhất và về liên kết đại đồng đã được bắt nguồn từ mầu nhiệm Chúa Kitô. Họ cũng phải gieo rắc đức tin vào Chúa Kitô giữa những người có liên lạc với họ trong đời sống nghề nghiệp; điều bó buộc này càng khẩn thiết hơn vì nhiều người chỉ có thể nghe Phúc Âm và nhận biết Chúa Kitô nhờ các giáo dân sống gần họ. Hơn nữa, nơi nào có thể, giáo dân phải được chuẩn bị để cộng tác trực tiếp hơn với hàng Giáo Phẩm trong việc hoàn tất sứ mệnh đặc biệt là loan báo Phúc Âm và truyền thông giáo lý Kitô giáo ngõ hầu Giáo Hội mới khai sinh thêm vững mạnh.

Vậy các thừa tác viên của Giáo Hội phải quý trọng việc tông đồ khó khăn này của giáo dân. Các ngài phải huấn luyện sao cho giáo dân, với tư cách là chi thể của Chúa Kitô, ý thức về trách nhiệm của mình đối với tất cả mọi người. Các ngài phải dạy dỗ họ thật sâu xa về mầu nhiệm Chúa Kitô, chỉ dẫn họ những phương pháp thực hành, và sát cánh với họ trong những lúc khó khăn, theo tinh thần của Hiến Chế về Giáo Hội và Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân.

Vì thế, trong khi vẫn giữ đúng chức vụ và trách nhiệm riêng của Chủ Chăn và của giáo dân, toàn thể Giáo Hội trẻ trung phải trở thành chứng tá duy nhất, sống động và vững chắc về Chúa

⁷ Xem Eph 4,24.

Kitô, để trở nên dấu chỉ rõ ràng của ơn cứu rỗi đã đến với chúng ta trong Chúa Kitô.

22. Khác biệt trong hiệp nhất. Lời Chúa là hạt giống, vừa nảy mầm trong đất màu mỡ thấm nhuần sương thiêng, vừa thu hút biến đổi và tiêu hóa màu mỡ đó, để sau cùng mang lại nhiều hoa trái^{33*}. Thật vậy, tương tự như chương trình Nhập Thể, các Giáo Hội trẻ trung, khi đang được bén rễ trong Chúa Kitô và xây dựng trên nền tảng các Tông Đồ, qua một cuộc trao đổi kỳ diệu, thu nhận tất cả những sự phong phú của các Dân Tộc đã được trao cho Chúa Kitô làm gia nghiệp⁸. Các Giáo Hội đó phải rút ra từ những tập quán và truyền thống, từ lẽ khôn ngoan và nền đạo lý, từ những nghệ thuật và khoa học của dân tộc mình, tất cả những gì có thể góp phần vào việc tuyên xưng vinh quang của Tạo Hóa, làm rạng ngời ân sủng của Đấng Cứu Chuộc và vào việc tổ chức tốt đẹp đời sống Kitô hữu⁹.

Để đạt tới ý định đó, thì trong mỗi vùng rộng lớn cùng chung một nền văn hóa, như người ta thường nói, cần phải thúc đẩy việc suy tư về thần học, để nhờ ánh sáng Thánh Truyền của toàn thể Giáo Hội mà khám phá thêm những gì Thiên Chúa đã mạc khải qua hành động và ngôn từ của Ngài, đã được ghi chép trong Sách Thánh và đã được các Giáo Phụ và Quyền Giáo Huấn giải thích. Như thế sẽ nhận thấy rõ ràng hơn những đường lối nào là đức tin có thể tìm gặp lý trí, một khi đã dựa vào triết học hay lẽ khôn ngoan của các dân tộc, và những phương thức nào có thể hòa hợp các phong tục, quan niệm đời sống và trật

^{33*} *Bằng chứng cuối cùng của một Giáo Hội trẻ trung trưởng thành là đem các giá trị văn hóa riêng biệt của một dân tộc vào Giáo Hội. Phương pháp đồng hóa và sáp nhập được diễn tả trong số 22. Ở đây các vấn đề phần lớn được khảo cứu theo ánh sáng mạc khải. Nhờ các Giáo Hội địa phương thích nghi sâu xa với các quốc gia, nên Giáo Hội phổ quát mới được sáng ngời bằng sự khác nhau trong duy nhất. Tính cách duy nhất này còn được bảo đảm nhờ một đức tin, một tình bác ái, một đời sống bí tích, một quyền cai trị tối cao.*

⁸ Xem Tv 2,8.

⁹ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 13: AAS 57 (1965), trg 17-18.

tự xã hội với lối sống đã được Chúa mạc khải. Nhờ đó sẽ mở ra những con đường để thích nghi sâu xa hơn trong mọi lãnh vực của đời sống Kitô giáo. Nhờ đường lối hành động đó, mọi hình thức chủ nghĩa hòa đồng và chủ nghĩa cá thể sai lạc sẽ bị loại trừ, đời sống Kitô giáo sẽ được thích nghi với tinh thần và đặc tính của từng nền văn hóa¹⁰, những truyền thống đặc thù và những đặc tính riêng của mỗi gia đình dân tộc nhờ được ánh sáng Phúc Âm chiếu soi, sẽ được đón nhận vào sự hiệp nhất công giáo. Sau cùng, các Giáo Hội địa phương mới mẻ với những truyền thống tốt đẹp của mình sẽ có một địa vị riêng trong khi hiệp thông cùng Giáo Hội mà vẫn duy trì nguyên vẹn Quyền Tối Cao của Tòa Phêrô, tòa lãnh đạo toàn thể tập đoàn bác ái¹¹.

Vậy ước mong, và hơn nữa điều này hoàn toàn thích hợp là các Hội Đồng Giám Mục ở những vùng rộng lớn cùng chung một nền văn hóa xã hội hiệp nhất với nhau thế nào để có thể đồng tâm hợp ý theo đuổi ý định thích nghi đó.

Chương IV

Các Nhà Truyền Giáo^{34*}

¹⁰ Xem Phaolô VI, *Diễn từ đọc trong lễ phong thánh cho các Vị Tử Đạo Uganda: AAS 56 (1964), trg 908.*

¹¹ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 13: AAS 57 (1965), trg 18.*

^{34*} *Hoạt động truyền giáo có bản tính và mục đích riêng biệt. Vì thế nó phải có những người thợ được chỉ định và được đặc biệt chuẩn bị. Đó là các vị truyền giáo. Có những cái nhìn mơ hồ được phổ biến đó đây quan niệm rằng các nhà truyền giáo chỉ có tính cách phụ thuộc, và làm lu mờ hình ảnh cũng như vai trò của họ. Nhưng các Giám Mục xứ truyền giáo và với các ngài cả Công Đồng mong ước rằng các nhà truyền giáo phải được xác định một cách trọn vẹn, được diễn tả và khuyến khích qua một sắc lệnh. Thật vậy, dù cả Giáo Hội phải truyền giáo,*

23. Ôn gọi truyền giáo. Dù mọi môn đệ Chúa Kitô đều có bổn phận góp phần vào công cuộc gieo vãi đức tin¹, nhưng Chúa Kitô luôn gọi, trong số các môn đệ Người, những kẻ chính Người muốn, để họ ở với Người và để Người sai đi giảng dạy muôn dân². Vì thế nhờ Chúa Thánh Thần, Đấng tùy ý ban phát các đặc sủng để mưu lợi ích chung³, Chúa Kitô linh ứng ơn kêu gọi truyền giáo trong tâm hồn từng cá nhân, đồng thời thúc đẩy trong Giáo Hội có những tổ chức⁴ đảm nhận như một bổn phận riêng nhiệm vụ truyền bá Phúc Âm^{35*} của toàn thể Giáo Hội.

Do đó, những người có năng khiếu bẩm sinh thích ứng, đủ khả năng tinh thần và trí tuệ, sẵn sàng lãnh nhận công cuộc truyền giáo, đều được kể là có ơn gọi đặc biệt^{5, 36*} dù họ là người địa phương hay ngoại quốc, là linh mục, tu sĩ hay giáo dân.

nhưng Thánh Kinh cũng cho thấy có một số người được cắt đặt rao giảng Phúc Âm (CvTđ 13,2; Rm 1,1). Chủ đề chương IV là ơn kêu gọi, ý niệm, vai trò và việc huấn luyện một nhà truyền giáo.

¹ *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 17: AAS 57 (1965), trg 21.*

² *Xem Mc 3,13t.*

³ *Xem 1Cor 12,11.*

⁴ *"Tổ chức" ở đây hiểu là các Dòng Tu, Hội Dòng, Tu Hội và các Hiệp Hội làm việc truyền giáo.*

^{35*} *Ở đây (ngay chương này cũng như chương VI) danh từ truyền bá Phúc Âm hiểu theo nghĩa rộng và bao hàm: việc truyền giáo, rao giảng Phúc Âm và vun trồng Giáo Hội, gọi tắt là công việc truyền giáo.*

⁵ *Xem Piô XI, Tđ. Rerum Ecclesiae, 28-2-1926: AAS 18 (1926), trg 69-71. - Piô XII, Tđ. Saeculo exeunte, 13-6-1940: AAS 32 (1940), trg 256; Tđ. Evangelii praecones, 2-6-1951: AAS 43 (1951), trg 506.*

^{36*} *Đoạn này cho ta một khái niệm đúng về nhà truyền giáo và hình như cải chính một ý tưởng thông thường về nhà truyền giáo. Theo dân chúng, nhà truyền giáo là một người da trắng, một người Âu Châu, một người lia bỏ quê hương và văn minh của mình. Những phương diện đó có thể đúng, nhưng không thiết yếu. Khi giải thích đoạn này cho các Nghị Phụ, Ủy Ban đặc trách vấn đề truyền giáo đã nêu lên 5 yếu tố trong khái niệm về nhà truyền giáo: nhà truyền giáo phải là: 1) người được tách rời, nghĩa là được đại diện để thi hành một hoạt động chuyên biệt; 2) được Bản Quyền Giáo Hội sai đi; 3) phải ra đi, nghĩa là mang Giáo Hội đến những nơi chưa có Giáo Hội; 4) đến nơi xa, không nhất thiết phải hiểu theo nghĩa địa lý, nhưng theo nghĩa thiêng liêng: đi từ một nơi Giáo Hội được vun*

Được quyền bính hợp pháp sai đi, do đức tin và đức vâng phục, họ ra đi đến với những người xa Chúa Kitô; họ được tách riêng ra để chu toàn công việc mà họ được chọn để thi hành⁶ như là những thừa tác viên của Phúc Âm, "để việc phụng hiến dân ngoại làm lễ vật được chấp nhận và được thánh hóa trong Chúa Thánh Thần" (Rm 15,16).

24. Đường tu đức của nhà truyền giáo. Tuy nhiên, con người phải đáp lại lời kêu gọi của Thiên Chúa mà hoàn toàn dấn thân Phục vụ Phúc Âm^{37*}, chứ không nghe theo xác thịt và máu mủ⁷. Nhưng sự đáp lại này không thể thực hiện nếu không được Chúa Thánh Thần thúc đẩy và củng cố. Thật vậy, kẻ được sai đi phải thấm nhuần đời sống và sứ mệnh của Đấng đã "tự hủy mình mà nhận lấy thân phận tôi tớ" (Ph 2,7). Do đó, họ phải sẵn sàng để suốt đời đứng vững trong ơn gọi của mình, phải từ bỏ mình và những gì mình có từ trước đến nay và "trở nên mọi sự cho mọi người"⁸.

Trong khi rao giảng Phúc Âm giữa muôn dân, nhà truyền giáo phải mạnh dạn và tin tưởng làm cho người ta nhận biết mầu nhiệm Chúa Kitô mà họ là sứ giả, đến nỗi trong Người, họ dám

trông đến một nơi ngoại giáo, nơi mà Giáo Hội còn vắng mặt và phải được vun trồng; 5) để rao giảng Phúc Âm như một sứ giả chân chính và thi hành mọi công việc của một vị truyền giáo. Thật vậy, Sắc Lệnh nêu lên các đặc tính thiết yếu đó. Nếu vậy, những ai hội đủ các yếu tố trên, đều là những nhà truyền giáo chân chính, dù họ là người địa phương, ngoại quốc, linh mục, tu sĩ hay giáo dân.

⁶ Xem CvTđ 13,2.

^{37*} *Bức chân dung vị truyền giáo được phác họa ra đây là theo mẫu Chúa Kitô. Vị truyền giáo biểu lộ các đặc tính chính yếu của Người. Đang khi cố gắng diễn tả hết sức hình ảnh Chúa Kitô nơi mình thì vị truyền giáo đồng thời phải trở nên chính Người. Ngay từ đoạn đầu, một chương trình vĩ đại cho vị truyền giáo đã được phác họa: hoàn toàn ràng buộc vào việc rao giảng Phúc Âm sẵn sàng sống trong ơn gọi đó suốt đời, khước từ chính bản thân và tất cả những gì mình có. Các yêu sách đó nặng nề đến nỗi không ai có thể đáp ứng được nếu không có sự hỗ trợ và thúc đẩy của Chúa Thánh Thần.*

⁷ Xem Gal 1,16.

⁸ Xem 1Cor 9,22.

nói như phải nói⁹, và không xấu hổ về ô nhục của thập giá. Theo gương Thầy mình, Đấng hiền lành và khiêm nhượng trong lòng, họ phải tỏ ra ách Người êm ái và gánh Người nhẹ nhàng¹⁰. Họ phải làm chứng về Chúa của họ bằng đời sống Phúc Âm đích thực¹¹, đầy kiên nhẫn, đại lượng, nhân hậu, yêu mến chân thành¹², và nếu cần, họ sẽ đổ máu ra. Họ sẽ nài xin Thiên Chúa lòng can đảm và sức mạnh để nhận ra nguồn vui sung mãn trong nhiều thử thách khổ tâm và thiếu thốn cực độ¹³. Họ phải xác tín rằng đức vâng phục là sức mạnh đặc biệt của những thừa tác viên của Chúa Kitô, Đấng đã dùng sự vâng phục để cứu nhân loại.

Những nhà rao giảng Phúc Âm dừng hờ hững với ân sủng đã lãnh nhận mà phải tự canh tân tâm trí mỗi ngày¹⁴. Vì thế, các Đấng Bản Quyền và Bề Trên phải hội họp các nhà truyền giáo vào những thời gian nhất định, để họ được củng cố bằng niềm cậy trông của ơn gọi, và được canh tân trong thừa tác vụ tông đồ; lại cũng nên lập các cơ sở thích nghi với mục đích này.

25. Huấn luyện đời sống thiêng liêng và luân lý. Để đảm nhận công tác cao trọng đó, nhà truyền giáo tương lai phải được huấn luyện đặc biệt về đời sống thiêng liêng và luân lý¹⁵. Thực vậy, họ phải mau mắn khởi xướng, kiên trì hoàn tất công việc, bền chí trong khó khăn, nhẫn nại và can đảm chịu đựng nỗi cô quạnh, sự mệt nhọc và những cố gắng vô hiệu. Họ sẽ đến cùng

⁹ Xem Eph 6,19tt.; CvTđ 4,31.

¹⁰ Xem Mt 10,29tt.

¹¹ Xem *Benedictô XV, Tđ. Maximum illud 30-11-1919: AAS 11 (1919), trg 449-450.*

¹² Xem 2Cor 6,4tt.

¹³ Xem 2Cor 8,2.

¹⁴ Xem 1Tm 4,14; Eph 4,23; 2Cor 4,16.

¹⁵ Xem *Benedictô XV, Tđ. Maximum illud 30-11-1919: AAS 11 (1919), trg 448-449.* - Piô XII, *Tđ. Evangelii Praecones, 2-6-1951: AAS 43 (1951) trg 507.*

Việc đào tạo các linh mục truyền giáo cũng được CD Vat. II đề cập trong Sắc lệnh về việc Đào Tạo Linh Mục.

mọi người với tâm hồn rộng mở, với con tim bao dung, tình nguyện lãnh nhận nhiệm vụ được giao phó, quảng đại thích nghi cả với những phong tục khác thường của các dân tộc và những điều kiện sinh hoạt đổi thay, đồng tâm, tương ái cộng tác với anh em và mọi người đang hiến thân cho cùng một công việc, để theo gương cộng đoàn thời các Tông Đồ, họ cùng với các tín hữu hợp thành một con tim và một tâm hồn duy nhất¹⁶.

Ngay trong thời kỳ huấn luyện, những tâm hướng đó phải được chuyên tâm thực hành, trau dồi và phát triển, nuôi dưỡng bằng đời sống thiêng liêng. Thấm nhuần đức tin sống động và đức cậy vững vàng, nhà truyền giáo phải là con người cầu nguyện; phải được nung đúc bằng tinh thần can đảm, yêu thương và độ lượng¹⁷; phải học quen tự túc trong mọi hoàn cảnh¹⁸; phải lấy tinh thần hy sinh mà mang trên mình cuộc tử nạn của Chúa Giêsu để sự sống Chúa Giêsu tác động trong những người họ được sai đến¹⁹; vì lòng nhiệt thành với các linh hồn, họ phải tự nguyện hy sinh mọi sự và tận hiến chính bản thân cho các linh hồn²⁰, để như vậy họ "gia tăng tình yêu Thiên Chúa và tha nhân bằng việc thi hành nhiệm vụ hằng ngày"²¹. Như thế, vâng theo ý Đức Chúa Cha, họ sẽ cùng với Chúa Kitô tiếp tục sứ mệnh của Người dưới quyền phẩm trật trong Giáo Hội, và sẽ cộng tác vào màu nhiệm cứu rỗi.

26. Huấn luyện giáo lý và làm tông đồ. Như những thừa tác viên xứng đáng của Chúa Kitô, những ai được sai đến với các dân tộc phải được nuôi dưỡng "bằng lời lẽ đức tin và giáo lý lành thánh" (1Tm 4,6) mà họ sẽ múc lấy, trước hết từ Thánh

¹⁶ Xem CvTđ 2,42; 4,32.

¹⁷ Xem 2Tm 1,7.

¹⁸ Xem Ph 4,11.

¹⁹ Xem 2Cor 4,10tt.

²⁰ Xem 2Cor 12,15tt.

²¹ CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 41: AAS 57 (1965), trg 46.

Kinh, trong khi đào sâu Mầu Nhiệm Chúa Kitô, Đáng họ phải rao giảng và làm chứng.

Bởi vậy, mọi nhà truyền giáo - linh mục, tu sĩ nam nữ, giáo dân - đều phải được chuẩn bị và đào tạo theo hoàn cảnh riêng của mỗi người để khỏi thiếu những khả năng đáp ứng với những đòi hỏi của công việc mai sau²². Ngay từ đầu, việc huấn luyện giáo thuyết cho họ phải được tổ chức thế nào để vừa bao hàm tính cách phổ quát của Giáo Hội vừa gồm sự dị biệt của các dân tộc. Điều đó cũng có giá trị đối với các môn học mà họ phải trau dồi để hoàn thành thừa tác vụ, cũng như đối với những khoa học hữu ích khác, giúp họ có kiến thức chung thuộc về quá khứ cũng như trong hiện tại về các dân tộc, các nền văn hóa, các tôn giáo. Như thế nghĩa là bất cứ ai sẽ đến với dân tộc khác, phải hết sức mهن chuộng di sản, tiếng nói và phong tục của dân tộc đó. Nhà truyền giáo tương lai trước hết cần phải miệt mài học hỏi khoa truyền giáo, tức là thấu hiểu giáo thuyết và những quy tắc của Giáo Hội về hoạt động truyền giáo, biết đường lối mà các nhà rao giảng Phúc Âm đã từng trải qua bao thế kỷ, và cả tình trạng truyền giáo hiện thời, cùng những phương pháp hiện nay được coi là hiệu nghiệm hơn cả²³.

Mặc dầu việc giáo dục toàn hảo này chú tâm đặc biệt đến phương diện mục vụ, nhưng cũng phải chú ý tới việc đào tạo tinh thần tông đồ một cách đặc biệt và có hệ thống cả về giáo thuyết lẫn thực hành²⁴.

²² Xem *Benedictô XV, Tđ. Maximum illud, 30-11-1919: AAS 11 (1919), trg 440.* - *Piô XII, Tđ. Evangelii praecones, 2-6-1951: AAS 43 (1951), trg 507.*

²³ *Benedictô XV, Tđ. Maximum illud, 30-11-1919: AAS 11 (1919), trg 448.* - *Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin, Sắc lệnh 20-5-1923: AAS 15 (1923), trg 369-370.* - *Piô XII, Tđ. Saeculo exeunte, 2-6-1940: AAS 32 (1940), trg 256.* - *n.t., Tđ. Evangelii praecones, 2-6-1951: AAS 43 (1951), trg 507.* - *Gioan XXIII, Tđ. Princeps Pastorum, 28-11-1959: AAS 51 (1959), trg 843-844.*

²⁴ *CĐ Vat. II, Sắc lệnh về việc Đào Tạo Linh Mục, số 19-21.* - *X. thêm Tông hiến Sedes Sapientiae với những qui luật chung, 21-5-1956: AAS 48 (1956), trg 354-365.*

Phải có một số rất đông nam nữ tu sĩ được học hỏi và chuẩn bị kỹ lưỡng về nghệ thuật dạy giáo lý để họ có thể cộng tác vào việc tông đồ một cách đắc lực hơn nữa.

Cả những người chỉ đảm nhận một phần công tác truyền giáo trong một thời gian cũng cần phải được huấn luyện tương xứng với hoàn cảnh của họ.

Những loại huấn luyện này phải được bổ túc ở chính những nơi mà họ được sai tới, để các nhà truyền giáo hiểu biết rộng rãi hơn về lịch sử, cơ cấu xã hội và tập quán của các dân tộc, thấu triệt trật tự luân lý, luật lệ tôn giáo và cả những ý tưởng thâm sâu mà theo truyền thống thiêng liêng, các dân tộc có quan niệm về Thiên Chúa, về vũ trụ và về con người²⁵. Do đó, họ phải học biết tiếng nói đến mức độ có thể xử dụng thông thạo và trôi chảy, như thế họ tìm thấy đường lối đến với tâm trí và con tim con người một cách dễ dàng hơn²⁶. Ngoài ra, họ phải được khai tâm đúng đắn về những nhu cầu mục vụ riêng biệt.

Cũng phải có một số nhà truyền giáo được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn tại những Học Viện Truyền Giáo, hoặc những Phân Khoa hay Đại Học khác để họ có thể thi hành những trách vụ đặc biệt một cách hữu hiệu hơn²⁷, và nhờ sự uyên bác của mình mà có thể giúp đỡ những nhà truyền giáo khác trong việc truyền giáo, nhất là trong thời đại chúng ta với nhiều khó khăn đồng thời cũng nhiều thuận tiện. Lại nữa, cũng rất mong ước các Hội Đồng Giám Mục Miền có sẵn trong tay nhiều nhà chuyên môn như thế và xử dụng kiến thức, kinh nghiệm của họ một cách hữu hiệu trong những nhu cầu của chức vụ mình. Cũng nên có những người biết xử dụng thông thạo các dụng cụ kỹ thuật và

²⁵ Piô XII, *Tđ. Evangelii praecones*: AAS 43 (1951), trg 523-524.

²⁶ Benedictô XV, *Tđ. Maximum illud*: AAS 11 (1919), trg 448. - Piô XII, *Tđ. Evangelii praecones*: AAS 43 (1951), trg 507.

²⁷ Xem Piô XII, *Tđ. Fidei donum*, 15-6-1957: AAS 49 (1957), trg 234.

truyền thông xã hội mà mọi người phải quý chuộng tầm quan trọng đặc biệt của chúng.

27. Các hội thừa sai. Tuy tất cả những điều đó đều hoàn toàn cần thiết cho bất cứ ai được sai đến với các dân tộc, nhưng từng cá nhân khó có thể thực sự đạt tới được. Hơn nữa, vì kinh nghiệm đã chứng minh rằng chính công việc truyền giáo không thể do từng người riêng rẽ chu toàn được, nên những người có cùng một ơn kêu gọi sẽ hợp thành những Tổ Chức,^{38*} để nhờ chung sức với nhau, họ được huấn luyện một cách thích hợp và theo đuổi công việc đó nhân danh Giáo Hội và theo ý muốn của hàng Giáo Phẩm. Từ nhiều thế kỷ nay, những Tổ Chức này đã mang gánh nặng của tháng ngày và của nóng nực, đã tự hiến trọn vẹn hoặc một phần cho công việc truyền giáo vất vả. Thường thường, Tòa Thánh ủy thác cho họ việc rao giảng Phúc Âm cho những vùng đất rộng lớn, ở đó họ tự hợp cho Thiên Chúa một dân tộc mới, một Giáo Hội địa phương liên kết chặt chẽ với các chủ chăn mình. Đối với các Giáo Đoàn mà họ đã xây dựng bằng mồ hôi và cả bằng máu mình, họ đem hết lòng nhiệt thành và kinh nghiệm để phục vụ trong tinh thần cộng tác huynh đệ, hoặc bằng việc săn sóc các linh hồn, hoặc bằng cách chu toàn những công tác đặc biệt nhằm lợi ích chung.

Đôi khi họ sẽ đảm nhận một số công tác khẩn cấp hơn cho cả một miền, chẳng hạn việc rao giảng Phúc Âm cho những nhóm

^{38*} Những Tổ Chức truyền giáo dưới những hình thức khác nhau trong số này mang đầy đủ ý nghĩa, vì chỉ có những tổ chức này mới có thể bảo đảm công trình chuần bị và thích nghi kỹ thuật cho những nỗ lực truyền giáo. Tuy nhiên, những quả quyết đáng ca tụng đó không giải quyết các vấn đề rất nghiêm trọng được đặt ra, nhất là trong thời đại chúng ta, về cơ cấu của những tổ chức truyền giáo thuần túy, về những tương quan với Giám Mục, với những thể thức hoạt động truyền giáo.

người hay những dân tộc, mà vì những lý do riêng, có lẽ chưa nhận được, hoặc vẫn còn chông lại sứ điệp Phúc Âm²⁸.

Nếu cần, họ phải sẵn sàng dùng kinh nghiệm mình mà huấn luyện và giúp đỡ những người hiến thân trong một thời gian cho hoạt động truyền giáo.

Vì những lý do trên và vì vẫn còn nhiều dân tộc phải được dẫn về với Chúa Kitô, nên những tổ chức đó còn hết sức cần thiết.

Chương V

Tổ Chức Hoạt Động Truyền Giáo^{39*}

²⁸ Xem *CD Vat. II, Sắc lệnh về Chức Vụ và Đời Sống Linh Mục, số 10, chỗ nói về các giáo phận, các giám mục biệt hạt, và các miền tương tự.*

^{39*} Công việc truyền giáo thật vĩ đại, về phương diện địa lý cũng như về mục đích nhằm thực hiện. Một công trình như thế muốn thành công, cần phải có tổ chức. *Chương V* đề cập đến tổ chức này. Vì hoạt động truyền giáo là một bốn phận chính yếu của Giáo Hội, nên có thể khảo sát việc tổ chức này trên ba phương diện: phổ quát, theo miền và địa phương. Trên phương diện phổ quát, có vấn đề kế hoạch hóa và điều khiển hoạt động truyền giáo tổng quát. Theo nguyên tắc cộng đoàn, trách nhiệm rao giảng cho muôn dân là trách nhiệm của Giám Mục Đoàn với Đức Giáo Hoàng (số 28; GH số 23). Nhưng trong thực tế các ngài hoạt động dưới hình thức cụ thể nào? Theo *Sắc Lệnh* thì có hai cách: việc chỉ huy và điều khiển công việc truyền giáo tổng quát là bốn phận của Đức Thánh Cha với "Hội Đồng Giám Mục thường trực để lo cho toàn thể Giáo Hội". Trên phương diện quản trị và thi hành, thì Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin chịu trách nhiệm với sự phê chuẩn của Đức Giáo Hoàng. *Sắc Lệnh* không quảng diễn điểm thứ hai này (số 29). Nhưng với Thánh Bộ Đức Tin thì có hai điểm được xác định: các Giám Mục hội viên phải được tuyển chọn sau khi tham khảo ý kiến của các Hội Đồng Giám Mục. Hơn nữa, các đại diện của những người cộng tác vào việc truyền giáo phải góp phần tích cực với quyền biểu quyết ngay cả trong Thánh Bộ. Tất cả những yếu tố đó đòi hỏi phải có một cuộc cải tổ dựa trên nguyên tắc cộng đoàn.

28. Nhập đề. Các Kitô hữu vì có những ân huệ khác nhau¹, nên mỗi người phải cộng tác vào Phúc Âm tùy theo hoàn cảnh thuận tiện, tài năng đặc sủng và chức vụ² của mình. Do đó tất cả mọi người, kẻ gieo và người gặt³, kẻ trồng và người tưới, phải hiệp nhất với nhau⁴, để "khi cùng nhau hướng về một mục đích cách tự do và trật tự"⁵, họ đồng tâm gắng sức xây dựng Giáo Hội.

Vì thế công việc của những người rao giảng Phúc Âm và sự trợ giúp của các Kitô hữu khác phải được hướng dẫn và tập trung thế nào, để trong mọi lãnh vực hoạt động và hợp tác truyền giáo "mọi sự đều được thực hiện theo trật tự" (1Cor 14,40).

29. Tổ chức tổng quát. Vì nhiệm vụ loan báo Phúc Âm cho toàn thế giới trước hết là việc của Giám Mục Đoàn⁶, nên Thượng Hội Đồng Giám Mục, tức "Hội Đồng Giám Mục thường trực để lo cho toàn thể Giáo Hội"⁷, giữa những công tác có tầm quan trọng tổng quát khác⁸, phải đặc biệt lưu tâm đến hoạt động truyền giáo, một phận vụ rất quan trọng và rất thánh thiện của Giáo Hội⁹.

Để lo cho các xứ truyền giáo và cho mọi hoạt động truyền giáo, phải có một Thánh Bộ duy nhất có thẩm quyền, tức là "Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin"; Thánh Bộ này điều khiển và phối hợp chính công cuộc truyền giáo cũng như sự hợp tác truyền giáo

¹ Xem Rm 12,6.

² Xem 1Cor 3,10.

³ Xem Gio 4,37.

⁴ Xem 1Cor 3,8.

⁵ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 18: AAS 57 (1965), trg 22.

⁶ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 23: AAS 57 (1965), trg 28.

⁷ Xem Tự sắc Apostolica Sollicitudo, 15-9-1965: AAS 57 (1965), trg 776.

⁸ Xem Phaolô VI, Diễn từ ngày 21-11-1964 tại Công Đồng: AAS 56 (1964), trg 1011.

⁹ Xem Benedictô XV, Tđ. Maximum illud, 30-11-1919: AAS 11 (1919), trg 39-40.

trên toàn thế giới; tuy nhiên quyền của các Giáo Hội Đông Phương vẫn còn nguyên vẹn¹⁰.

Vẫn biết Chúa Thánh Thần có nhiều cách thúc đẩy tinh thần truyền giáo trong Giáo Hội Chúa, và đôi khi đã đi trước hành động của những vị hướng dẫn đời sống Giáo Hội; tuy nhiên, riêng về phần mình, Thánh Bộ này cũng phải phát động ơn kêu gọi và tinh thần truyền giáo, nhiệt tâm và kinh nguyện cho các xứ truyền giáo, và phải thông báo những tin tức chính xác và đầy đủ về những xứ đó. Thánh Bộ cũng phải cổ võ và phân phối các nhà truyền giáo tùy nhu cầu khẩn cấp hơn của các miền. Thánh Bộ lại phải sắp đặt kế hoạch hoạt động cho có quy củ, ban bố những tiêu chuẩn hướng dẫn và những nguyên tắc thích nghi với việc rao giảng Phúc Âm, và thúc đẩy công việc đó nữa. Thánh Bộ phải phát động và phối hợp việc đóng góp hữu hiệu tiền trợ cấp và phân phát tùy theo nhu cầu hay lợi ích, theo diện tích, theo số tín hữu và lương dân, theo số công tác và tổ chức cũng như theo số thừa tác viên và nhà truyền giáo.

Hợp với Văn Phòng cổ võ sự hiệp nhất các Kitô hữu, Thánh Bộ phải tìm đường lối và phương tiện để tạo ra cũng như tổ chức sự cộng tác huynh đệ và cả việc hòa hợp với những kế hoạch truyền giáo của các cộng đoàn Kitô giáo khác, hầu tẩy trừ các gương xấu chia rẽ càng nhiều càng hay.

Bởi vậy Thánh Bộ này cần phải vừa là phương tiện điều hành, vừa là cơ quan chỉ đạo sống động, biết xử dụng những phương pháp khoa học và những phương tiện thích nghi với các hoàn cảnh hiện đại, nghĩa là chú trọng đến các khảo cứu hiện thời về thần học, phương pháp học và mục vụ truyền giáo.

¹⁰ Nếu vì lý do nào đó mà đến nay một số xứ truyền giáo vẫn còn tạm thời tùy thuộc vào nhiều Thánh Bộ khác, thì phải làm thế nào để các Thánh Bộ đó có liên lạc với Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin, hầu có thể có một phương pháp cũng như một nguyên tắc hoàn toàn cố định và đồng nhất trong việc tổ chức và điều khiển mọi xứ truyền giáo.

Trong việc điều hành Thánh Bộ này, phải có phần tích cực với phiếu quyết định của những đại biểu được chọn trong số tất cả những người cộng tác vào công cuộc truyền giáo: đó là các Giám Mục từ khắp hoàn cầu, sau khi đã lãnh ý các Hội Đồng Giám Mục và những vị Giám Đốc các tổ chức và các Hội Giáo Hoàng, theo cách thức và quy tắc do Đức Giáo Hoàng ấn định. Tất cả những vị này được triệu tập theo định kỳ để thực thi công việc điều hành tối cao của toàn thể công cuộc truyền giáo dưới quyền Đức Giáo Hoàng.

Thánh Bộ này cũng phải có một Ủy Ban Cố Vấn thường trực, gồm những người chuyên môn, đầy kiến thức và kinh nghiệm; trong các công việc của họ, những người này còn có nhiệm vụ thu thập những tài liệu cần biết về hoàn cảnh địa phương của các miền và về tâm tính của những nhóm người khác nhau, cũng như về những phương pháp cần phải áp dụng cho việc rao giảng Phúc Âm và đưa ra những kết luận có nền tảng khoa học cho công cuộc truyền giáo và việc cộng tác truyền giáo.

Những Hội Dòng Nữ, cũng như các công cuộc địa phương giúp các xứ truyền giáo và cả những tổ chức giáo dân, nhất là những tổ chức quốc tế, đều phải được đại diện một cách thích đáng.

30. Tổ chức địa phương ở các xứ truyền giáo. Để thi hành công cuộc truyền giáo này đạt tới mục đích và kết quả, mọi người làm việc truyền giáo phải có một "con tim duy nhất và một tâm hồn duy nhất" (CvTđ 4,32).

Đức Giám Mục^{40*} là vị chỉ huy và là trung tâm hiệp nhất việc tông đồ giáo phận, có nhiệm vụ phát động, điều khiển và phối hợp hoạt động truyền giáo thế nào để duy trì và cổ võ lòng nhiệt thành của những người tham gia vào công việc này. Hết mọi nhà truyền giáo, kể cả những tu sĩ miễn trừ, phải phục quyền

^{40*} Trên bình diện địa phương, chính Giám Mục là người phải điều khiển hoạt động truyền giáo (số 30). Trên phương diện miền, chính Hội Đồng Giám Mục miền có trách nhiệm (số 31).

Ngài trong những công tác nhằm thi hành việc tông đồ thánh¹¹. Để phối hợp công việc tốt đẹp hơn, Đức Giám Mục nếu có thể nên thiết lập Hội Đồng Mục Vụ, trong đó giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân đều được góp phần qua những đại biểu được tuyển chọn. Ngoài ra, Giám Mục phải lo liệu để hoạt động tông đồ không chỉ giới hạn cho những người đã tòng giáo, nhưng phải dành một phần nhân lực và vật lực tương đương vào việc rao giảng Phúc Âm cho những người ngoài Kitô giáo.

31. Phối hợp hoạt động trong miền. Các Hội Đồng Giám Mục phải đồng lòng cứu xét những chuyện quan trọng hơn và những vấn đề khẩn cấp hơn, nhưng không được xem nhẹ những dị biệt địa phương¹². Để khởi phân tán nhân lực và vật lực còn thiếu thốn, và để khởi gia tăng những công cuộc không cần thiết, nên hợp lực thiết lập những công tác phục vụ lợi ích chung, thí dụ chủng viện, các trường cao đẳng hay kỹ thuật, những trung tâm mục vụ, giáo lý, phụng vụ và cả những trung tâm cho các phương tiện truyền thông xã hội.

Cũng phải tùy tiện mà thiết lập sự cộng tác như vậy giữa các Hội Đồng Giám Mục khác nhau.

32. Phối hợp hoạt động của các tổ chức. Cũng nên phối hợp hoạt động của các Tổ Chức hay Hội Đoàn trong Giáo Hội. Mọi tổ chức đó, bất cứ thuộc loại nào, trong bất cứ điều gì liên quan đến chính hoạt động truyền giáo, đều phải tùy phục Đấng Bản Quyền địa phương. Vì thế, sẽ rất hữu ích nếu đi đến những hợp đồng riêng để qui định những liên lạc giữa Đấng Bản Quyền và vị Giám Mục của Tổ Chức.

Khi một địa hạt được ủy thác cho một Tổ Chức nào, thì Bề Trên của Giáo Hội địa phương và của Tổ Chức đó phải để tâm qui hướng mọi sự đến mục đích này là để cộng đoàn Kitô giáo mới

¹¹ Xem CD Vat. II, Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các Giám Mục, số 35, 4.

¹² Xem n.t., số 36-38.

mẽ được phát triển thành một Giáo Hội địa phương; việc quản trị Giáo Hội này sẽ được trao cho Chủ Chăn cùng với hàng giáo sĩ riêng của mình vào lúc thuận tiện. Sau khi việc ủy thác một địa hạt chấm dứt, một hoàn cảnh mới sẽ phát sinh, khi đó các Hội Đồng Giám Mục và các Tổ Chức phải đồng lòng ấn định những tiêu chuẩn hướng dẫn mối tương quan giữa các Đấng Bản Quyền và các Tổ Chức¹³. Còn Tòa Thánh có nhiệm vụ phác họa những nguyên tắc tổng quát để theo đó mà ký kết những hợp đồng miền, hoặc cả những hợp đồng riêng tư nữa.

Tuy các Tổ Chức sẵn sàng tiếp tục công việc đã khởi xướng, bằng cách cộng tác vào các thừa tác vụ thông thường là coi sóc các linh hồn, nhưng khi hàng giáo sĩ địa phương tăng triển, phải trù liệu để các Tổ Chức theo mức độ thích hợp với mục đích mình, vẫn còn trung thành với chính giáo phận bằng cách quảng đại lãnh nhận những công tác đặc biệt hay một vùng nào đó trong giáo phận.

33. Phối hợp giữa các tổ chức. Những Tổ Chức^{41*} đang chăm lo công việc truyền giáo trong cùng một địa hạt phải tìm đường lối và phương pháp phối hợp công tác. Vì thế rất cần phải có những Hội Đồng Nam Tu và Hiệp Hội Nữ Tu với sự tham gia của mọi tổ chức trong cùng một nước hay một miền. Các Hội Đồng này phải tìm xem có thể cùng nhau cố gắng làm được những gì, và phải liên kết chặt chẽ với các Hội Đồng Giám Mục.

¹³ Xem *CD Vat. II, Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các Giám Mục, số 35, 5-6.*

^{41*} Vì trong các xứ truyền giáo các tổ chức tôn giáo hay các tổ chức khác hoặc truyền giáo hoặc có tính cách khoa học, thường đóng vai trò quan trọng, nên *Sắc Lệnh* cũng đề cập đến việc sắp đặt cũng như phối hợp hoạt động truyền giáo của những tổ chức đó (số 32-34). Những thỏa hiệp giữa những tổ chức truyền giáo và các Giám Mục địa phương sẽ xúc tiến việc phối hợp hoạt động truyền giáo. Giữa các tổ chức truyền giáo, phải có Ủy Ban để thỏa thuận đưa ra một vài phương thế chung, hầu phục vụ việc truyền giáo. *Sắc lệnh* cũng nhấn mạnh cần phải biểu dương công giáo tính thật sự của việc truyền giáo bằng cách vượt qua mọi tính cách riêng tư cũng như mọi hình thức lấn áp quyền hành.

Vì lý do tương tự, tất cả những điều trên cũng nên được mang ra áp dụng vào việc cộng tác giữa những Tổ Chức truyền giáo ngay tại quê hương, để có thể giải quyết các vấn đề và các công cuộc chung một cách dễ dàng và ít tốn kém hơn, chẳng hạn như việc huấn luyện về giáo thuyết cho các nhà truyền giáo tương lai, những khóa học cho những nhà truyền giáo, những liên lạc với chính quyền hay với những cơ quan quốc tế và siêu quốc gia.

34. Phối hợp giữa các viện khoa học. Một hoạt động truyền giáo được thực thi đúng đắn và có tổ chức chặt chẽ đòi hỏi các thợ rao giảng Phúc Âm phải được chuẩn bị cho nhiệm vụ mình một cách khoa học, nhất là để đối thoại với các tôn giáo và văn hóa ngoài Kitô giáo. Họ phải được giúp đỡ một cách hữu hiệu ngay trong khi thi hành chức vụ; do đó ước mong rằng: để giúp đỡ các xứ truyền giáo, cần có sự cộng tác huynh đệ và quảng đại giữa những Tổ Chức khoa học đang nghiên cứu khoa truyền giáo và những môn học hay nghệ thuật khác giúp ích cho các xứ truyền giáo như nhân chủng học, ngôn ngữ học, lịch sử học, tôn giáo học, xã hội học, những nghệ thuật mục vụ và những môn tương tự.

Chương VI

Sự Cộng Tác

35. Nhập đề. Vì toàn thể Giáo Hội là truyền giáo và vì công việc rao giảng Phúc Âm là nhiệm vụ căn bản của Dân Chúa, nên Thánh Công Đồng mời gọi mọi người canh tân tự thân mình, để khi đã tích cực ý thức trách nhiệm riêng trong việc

truyền bá Phúc Âm, mọi người góp phần vào công cuộc truyền giáo nơi Muôn Dân^{42*}.

36. Nhiệm vụ truyền giáo của toàn Dân Thiên Chúa. Tất cả các Kitô hữu vì là chi thể của Chúa Kitô hằng sống, được sáp nhập và nên giống Người nhờ Bí Tích Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể, nên họ^{43*} có bổn phận phải cộng tác vào việc phát triển và bành trướng Thân Thể Người, để Thân Thể này được sung mãn càng sớm càng hay¹.

Vì thế, tất cả con cái Giáo Hội phải tích cực ý thức trách nhiệm của mình đối với thế giới, phải hun đúc cho mình có tinh thần thực sự công giáo, và phải hy sinh góp sức vào công việc rao giảng Phúc Âm. Tuy nhiên, mọi người phải biết rằng bổn phận đầu tiên và quan trọng nhất đối với việc truyền bá đức tin là sống sâu xa đời sống Kitô hữu. Vì chính khi nhiệt thành phụng sự Thiên Chúa và bác ái đối với tha nhân, họ mang lại cho toàn thể Giáo Hội một cảm hứng tinh thần mới và làm cho Giáo Hội xuất hiện như là một dấu chỉ nổi lên giữa các dân², là "ánh sáng thế gian" (Mt 5,14) và là "muối đất" (Mt 5,13). Chứng cứ đời sống này sẽ đem lại kết quả dễ dàng hơn, nếu cùng được thực

^{42*} *Giáo Hội là Giáo Hội truyền giáo, chính vì thế trong chương này, Sắc Lệnh phân tích những khả năng mà mọi năng lực trong Giáo Hội có thể mang lại cho công việc truyền giáo.*

^{43*} *Trước tiên ở đây Sắc Lệnh quả quyết mỗi tín hữu có nhiệm vụ truyền giáo, vì họ đã được ghép vào Nhiệm Thể Chúa Kitô qua ba bí tích gia nhập (Thánh Tẩy, Thêm Sức, Thánh Thể). Các phương thế được chỉ định là: ý thức trách nhiệm cá nhân, đời sống Kitô giáo gương mẫu, cầu nguyện, tinh thần sám hối. Tiếp theo Sắc Lệnh đề cập tỉ mỉ đến nhiệm vụ truyền giáo của các cộng đoàn Kitô hữu (số 37), các Giám Mục và Hội Đồng Giám Mục (số 38), các linh mục (số 39), các tu hội (số 40), và sau cùng giáo dân (số 41). Tất cả các đoạn đó đều đầy đủ chi tiết cụ thể và thực tiễn.*

¹ Xem Eph 4,13.

² Xem Is 11,12.

hiện chung với các nhóm Kitô giáo khác, theo tiêu chuẩn của Sắc Lệnh về sự Hiệp Nhất³.

Nhờ tinh thần đổi mới này, các kinh nguyện và việc khỏ hạnh sẽ được tự phát dâng lên Thiên Chúa, để nhờ ơn thánh Ngài, công việc của các nhà truyền giáo mang lại kết quả, ơn kêu gọi truyền giáo được phát sinh và những tài nguyên mà các xứ truyền giáo đang cần đến sẽ được dồi dào.

Để tất cả và mỗi một Kitô hữu biết rõ hoàn cảnh hiện tại của Giáo Hội trong thế giới, và để họ nghe tiếng kêu gào của đám đông: "xin giúp chúng tôi"⁴, phải dùng cả những phương tiện truyền thông xã hội hiện đại mà cung cấp những tin tức truyền giáo để khi cảm thấy hoạt động truyền giáo là việc của mình, họ mở rộng tâm hồn đáp ứng những nhu cầu rất bao la và thâm sâu của con người và có thể giúp đỡ những người ấy.

Cũng cần phải phối hợp các tin tức và cộng tác với các cơ quan quốc gia hay quốc tế.

37. Nhiệm vụ truyền giáo của cộng đoàn Kitô giáo. Vì Dân Chúa sống trong các cộng đoàn,^{44*} nhất là các cộng đoàn giáo phận và giáo xứ và tỏ ra hữu hình một cách nào đó trong các cộng đoàn trên, nên các cộng đoàn đó cũng phải minh chứng về Chúa Kitô trước mặt Muôn Dân.

Ôn canh tân không thể lớn lên trong các cộng đoàn nếu mỗi cộng đoàn không mở rộng phạm vi bác ái đến tận cùng trái đất và không lo lắng cho những kẻ ở xa giống như cho những người thuộc cộng đoàn mình.

³ Xem CĐ Vat II, Sắc Lệnh về Hiệp Nhất, số 12: AAS 57 (1965), trg 99.

⁴ Xem CvTđ 16,9.

^{44*} Số 37 khuyến khích cộng đoàn cộng tác vào việc truyền giáo trên lãnh vực giáo phận và giáo xứ. Ở đây Sắc Lệnh khuyến dụ rằng cộng đoàn trong các nước công giáo hãy đảm đương việc truyền giáo hay một phần việc truyền giáo bằng cách đặc biệt giúp đỡ về mọi phương diện.

Như thế toàn thể cộng đoàn cầu nguyện, cộng tác và hành động giữa muôn dân nhờ những người con đã được Thiên Chúa tuyển chọn vào chức vụ rất cao trọng này.

Cũng sẽ rất hữu ích, nhất là để đừng xao lãng công việc truyền giáo phổ quát, nếu giữ được mối liên lạc với những nhà truyền giáo xuất thân từ chính cộng đoàn, hoặc với một giáo xứ hay giáo phận nào đó trong các xứ truyền giáo, để mỗi thông hiệp giữa các cộng đoàn trở nên hữu hình và đi đến chỗ xây dựng cho nhau.

38. Nhiệm vụ truyền giáo của Giám Mục. Tất cả các Giám Mục với tư cách là thành phần của Giám Mục Đoàn kế vị Tông Đồ Đoàn, được cung hiến không phải chỉ cho một giáo phận nào đó, mà là cho phần rỗi của toàn thế giới. Mệnh lệnh của Chúa Kitô sai đi rao giảng Phúc Âm cho mọi tạo vật⁵ trước hết và trực tiếp nhắm tới các Ngài, cùng với Phêrô và dưới quyền Phêrô. Do đó, giữa các Giáo Hội xuất phát một mối hiệp thông và cộng tác mà ngày nay rất cần thiết để theo đuổi công cuộc rao giảng Phúc Âm. Nhờ sự thông hiệp này mỗi Giáo Hội đều lo lắng cho tất cả các Giáo Hội khác, cho nhau biết những nhu cầu riêng của mình, cùng nhau san sẻ của cải, vì việc bành trướng Thân Thể Chúa Kitô là phần vụ của toàn thể Giám Mục Đoàn⁶.

Khi Giám Mục cổ võ, phát động và điều khiển công cuộc truyền giáo trong giáo phận - mà Giám Mục với giáo phận chỉ là một - chính là Giám Mục làm thể hiện tinh thần và nhiệt tâm truyền giáo của Dân Chúa và có thể nói là thể hiện cách hữu hình, để toàn thể giáo phận trở thành truyền giáo.

Các Giám Mục có nhiệm vụ khuyến khích trong dân mình, nhất là giữa những kẻ đau yếu và khổ tâm, những tâm hồn quảng

⁵ Xem Mc 16, 15.

⁶ Xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 23-24: AAS 57 (1965), trg 27-29.

đại dâng lên Thiên Chúa kính nguyện và việc khỏ hạnh để cầu cho công cuộc rao giảng Phúc Âm trên thế giới; sẵn lòng cố võ ơn kêu gọi thanh niên và giáo sĩ gia nhập các Tổ Chức truyền giáo, và cảm tạ Thiên Chúa khi Chúa tuyển chọn một số người dấn thân vào hoạt động truyền giáo của Giáo Hội; khuyến khích và giúp đỡ các Hội Dòng giáo phận để họ góp phần riêng vào các xứ truyền giáo; phát động nơi tín hữu mình những công cuộc của các Tổ Chức truyền giáo, và nhất là các Hội Giáo Hoàng truyền giáo. Thực vậy, những hội này phải chiếm chỗ nhất vì chúng là những phương tiện vừa để người công giáo, ngay từ tuổi thơ, được thấm nhiễm cảm thức thực sự phổ quát và truyền giáo, vừa để khuyến khích một cuộc quyên góp hữu hiệu những tiền trợ cấp cho tất cả các xứ truyền giáo tùy theo nhu cầu từng nơi⁷.

Vì ngày càng cần nhiều thợ vườn nho Chúa và vì các linh mục giáo phận cũng ước ao ngày càng được góp phần lớn hơn vào việc rao giảng Phúc Âm cho thế giới, nên Thánh Công Đồng rất ước mong các Giám Mục, trong khi cân nhắc về việc thiếu linh mục rất trầm trọng đang cản trở việc rao giảng Phúc Âm cho nhiều miền, hãy sai đến những giáo phận thiếu giáo sĩ vài linh mục xuất sắc đã tự hiến để làm việc truyền giáo và đã được chuẩn bị đầy đủ, để họ thi hành thừa tác vụ truyền giáo với tinh thần phục vụ ít là trong một thời gian⁸.

Để hoạt động truyền giáo của các Giám Mục có thể thực thi một cách hữu hiệu hơn cho lợi ích của toàn thể Giáo Hội, các Hội Đồng Giám Mục nên điều khiển các công việc liên quan đến việc tổ chức sự cộng tác trong miền.

⁷ Xem *Benedictô XV, Tđ. Maxium illud, 30-11-1919: AAS 11 (1919), trg 453-454. - Piô XI, Tđ. Rerum Ecclesiae, 28-2-1926: AAS 18 (1926), trg 71-73. - Piô XII, Tđ. Evangelii Praecones, 2-6-1951: AAS 43 (1951), trg 525-526. - n.t., Tđ. Fidei donum, 15-1-1957: AAS 49 (1957), trg 241.*

⁸ Xem *Piô XII, Tđ. Fidei donum, 15-1-1957: AAS 49 (1957), trg 245-246.*

Trong các Hội Đồng, các Giám Mục phải bàn về các linh mục thuộc hàng giáo sĩ giáo phận đang hiến thân rao giảng Phúc Âm cho muôn dân, về số tiền đóng góp hạn định, tương xứng với những lợi tức riêng, mà mỗi giáo phận hằng năm buộc phải đóng góp cho công trình tại các xứ truyền giáo⁹, về việc điều khiển và tổ chức những cách thức và phương tiện trực tiếp nâng đỡ các xứ truyền giáo, về việc giúp đỡ và nếu cần, thiết lập các Tổ Chức truyền giáo và các chủng viện giáo sĩ giáo phận cho các xứ truyền giáo, về việc củng cố những liên lạc chặt chẽ hơn giữa những Tổ Chức loại này với các giáo phận.

Cũng thế, các Hội Đồng Giám Mục có nhiệm vụ thiết lập và phát động những công cuộc nhằm tiếp đón trong tình huynh đệ và đem lòng chăm sóc mục vụ thích đáng mà giúp đỡ những người vì lý do công vụ hay học hành, từ các miền truyền giáo đến trú ngụ. Nhờ họ mà những dân tộc xa xôi trở nên gần gũi một cách nào đó, và là dịp rất tốt để các cộng đoàn Kitô giáo lâu đời được đối thoại với những dân tộc chưa nghe nói đến Phúc Âm, cùng tỏ bày cho họ gương mặt đích thực của Chúa Kitô trong nghĩa cử yêu thương và giúp đỡ¹⁰.

39. Nhiệm vụ truyền giáo của Linh Mục. Các linh mục đóng vai trò Chúa Kitô và là cộng sự viên của hàng Giám Mục trong ba phận vụ thánh^{45*}, mà tự bản tính thuộc về sứ mệnh của Giáo Hội¹¹. Vậy các ngài phải thấu hiểu sâu xa rằng đời sống các ngài cũng được cung hiến để phục vụ các xứ truyền giáo. Vì nhờ thừa tác vụ riêng của mình, thừa tác vụ này cốt yếu hệ tại

⁹ Xem CD Vat II, *Sắc Lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các Giám Mục*, số 6.

¹⁰ Xem Piô XII, *Tđ. Fidei donum*, 15-1-1957: AAS 49 (1957), trg 245.

^{45*} Ba phận vụ là cai trị, thánh hóa và giáo huấn. *Sắc Lệnh minh định sự cộng tác vào việc truyền giáo có thể thực hiện được trong những hoàn cảnh khác biệt của đời sống linh mục: linh mục trong giáo xứ, linh mục giáo sư trong một trường học và nhất là trong một chủng viện. Trong phạm vi hoạt động của mình, mỗi linh mục phải là một nhà giáo dục cho các tín hữu có một ý thức truyền giáo.*

¹¹ Xem CD Vat II, *Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, số 28: AAS 57 (1965), trg 34.

Bí Tích Thánh Thể, bí tích kiện toàn Giáo Hội, các ngài thông hiệp với Chúa Kitô là Đầu và dẫn đưa kẻ khác đến sự thông hiệp này; do đó các ngài không thể không cảm thấy rằng sự viên mãn của Thân Thể đến nay vẫn còn biết bao thiếu sót, và do đó còn biết bao điều phải làm để Thân Thể ngày một lớn hơn. Vậy các ngài phải sắp đặt công việc mục vụ thế nào để mưu ích cho việc bành trướng Phúc Âm nơi những người ngoài Kitô giáo.

Các linh mục, trong việc mục vụ, phải cố võ và duy trì giữa tín hữu lòng nhiệt thành đối với việc rao giảng Phúc Âm cho thế giới, bằng cách dạy giáo lý và giảng thuyết để giáo huấn họ về nhiệm vụ của Giáo Hội phải loan báo Chúa Kitô cho Muôn Dân, bằng cách dạy các gia đình Kitô hữu về sự cần thiết và vinh dự vun trồng ơn kêu gọi truyền giáo nơi con trai con gái mình; bằng cách cố võ nhiệt tâm truyền giáo nơi thanh thiếu niên trong các trường và các hội đoàn công giáo để từ nơi họ, xuất phát những nhà rao giảng Phúc Âm tương lai. Các ngài phải dạy tín hữu cầu nguyện cho các xứ truyền giáo và đừng xấu hổ xin họ bố thí và trở nên như những hành khát vì Chúa Kitô và vì phần rỗi các linh hồn¹².

Các giáo sư Chung Viện và Đại Học phải dạy cho thanh thiếu niên biết hoàn cảnh đích thực của thế giới và của Giáo Hội, để họ nhìn thấy nhu cầu rất cấp bách của việc rao giảng Phúc Âm cho những người ngoài Kitô giáo và để nuôi dưỡng nhiệt tâm của họ. Trong khi dạy các môn tín lý, Thánh Kinh, luân lý và lịch sử, phải nêu rõ những khía cạnh truyền giáo hàm chứa trong các môn ấy, để nhờ đó đào tạo cho các linh mục tương lai một ý thức truyền giáo.

¹² Xem Pió XI, *Tđ. Rerum Ecclesiae*, 28-2-1926: AAS 18 (1926), trg 72.

40. Nhiệm vụ truyền giáo của Hội Dòng. Các Hội Dòng^{46*} sống đời chiêm niệm hay hoạt động, cho đến nay đã và đang góp phần rất lớn vào việc rao giảng Phúc Âm cho thế giới. Thánh Công Đồng vui mừng nhìn nhận công lao của họ và cảm tạ Thiên Chúa vì biết bao nỗ lực được thực hiện để làm vinh danh Chúa và phục vụ các linh hồn. Thánh Công Đồng khuyến khích họ hãy cứ hăng say theo đuổi công việc đã khởi sự, vì họ phải biết rằng sức mạnh của đức ái mà ơn kêu gọi buộc họ phải thực thi một cách hoàn hảo hơn, thúc đẩy và buộc họ phải có tinh thần và việc làm thực sự công giáo¹³.

Các Hội Dòng sống đời chiêm niệm góp phần rất lớn vào việc trở lại của các linh hồn nhờ những kinh nguyện, việc khổ hạnh và thử thách, vì Thiên Chúa là Đấng sai thợ đến gặt lúa của Ngài theo lời ta cầu xin¹⁴, Đấng mở rộng tâm hồn người ngoài Kitô giáo để họ lắng nghe Phúc Âm¹⁵, và làm cho lời cứu rỗi sinh hoa kết quả trong lòng họ¹⁶. Hơn nữa, xin các Hội Dòng đó lập các nhà dòng trong những xứ truyền giáo, như họ đã làm khá nhiều, để ở đó, nhờ sống thích nghi với các truyền thống tôn giáo đích thực của các dân tộc, họ tỏ cho những người ngoài Kitô giáo thấy một chứng tá cao đẹp về uy quyền và tình yêu của Thiên Chúa cũng như về sự hiệp nhất trong Chúa Kitô.

Còn các Hội Dòng sống đời hoạt động, hoặc theo đuổi mục đích hoàn toàn truyền giáo hoặc không, đều phải thành thật tự

^{46*} Công Đồng ủy thác cho các cơ sở tôn giáo nhiệm vụ nói rộng hoạt động truyền giáo, và nếu chưa hoạt động gì, thì phải đảm nhận một công tác. Có kẻ nghĩ rằng các tu sĩ có lẽ ít thích hợp trong việc xây dựng những giáo phận và nhất là đào tạo một hàng giáo sĩ giáo phận, nhưng không có lý do nào biện minh cho một linh mục dòng không thể vun trồng một Giáo Hội địa phương. Nhiều Giáo Hội địa phương trong những nơi ngoại giáo là kết quả hoạt động do một nhóm tu sĩ đảm nhiệm.

¹³ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 44: AAS 57 (1965), trg 50.

¹⁴ Xem Mt 9,38.

¹⁵ Xem CvTđ 16,14.

¹⁶ Xem 1Cor 3,7.

vấn trước mặt Chúa xem mình có thể bành trướng hoạt động vào việc mở rộng Nước Chúa nơi Muôn Dân không; xem mình có thể trao một số thừa tác vụ cho những người khác để cống hiến sức lực mình cho các xứ truyền giáo không; xem mình có thể khởi công hoạt động trong các xứ truyền giáo bằng cách thích nghi Hiến Pháp của mình nếu cần, mà vẫn theo tinh thần của Vị Sáng Lập không; xem các tu sĩ của mình có thể tùy sức tham gia vào hoạt động truyền giáo không; xem cách sống thường xuyên của họ có phải là một chứng tá của Phúc Âm được thích nghi với đặc tính và hoàn cảnh của dân chúng không.

Vì nhờ ơn Chúa Thánh Thần thúc đẩy, Giáo Hội ngày càng có thêm nhiều Tu Hội triều, và hoạt động của các tu hội ấy dưới quyền Giám Mục, có thể mang lại nhiều kết quả trong các xứ truyền giáo về nhiều phương diện, như là dấu chỉ của sự tận hiến trọn vẹn cho việc rao giảng Phúc Âm trên thế giới.

41. Nhiệm vụ truyền giáo của giáo dân. Giáo dân^{47*} cộng tác vào công cuộc rao giảng Phúc Âm của Giáo Hội, đồng thời với tư cách chứng nhân và khí cụ sống động¹⁷ họ tham gia vào sứ mệnh cứu rỗi của Giáo Hội, nhất là khi họ được Thiên Chúa kêu gọi và được Giám Mục thu nhận để làm việc đó.

Trong những địa hạt đã theo Kitô giáo, giáo dân tham gia vào việc rao giảng Phúc Âm bằng cách tự khuyến khích và khích lệ người khác hiểu biết và yêu mến các xứ truyền giáo, cổ vũ ơn kêu gọi trong gia đình mình, trong các hội đoàn công giáo và

^{47*} *Giáo dân là một đoàn viên đứng nghĩa trong cộng đoàn dân Chúa, và vì thế người giáo dân cũng được mời gọi giúp đỡ việc truyền giáo. Họ có thể giúp đỡ cách gián tiếp, nhất là bằng lời cầu nguyện và phương tiện vật chất. Người giáo dân cũng có thể là một nhà truyền giáo hy sinh cả thời giờ và đời sống, không lương bổng, phục vụ một công tác chuyên biệt. Số 41 này quảng diễn những cách thức mà giáo dân có thể cộng tác vào hoạt động truyền giáo của Giáo Hội.*

¹⁷ Xem CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, số 33, 35: AAS 57 (1965), trg 39, 40-41.

trong các trường học, dâng cúng mọi thứ của cải; như thế họ có thể trao tặng kẻ khác ơn đức tin mà họ đã lãnh nhận nhưng không.

Còn trong những địa hạt thuộc các xứ truyền giáo, giáo dân, hoặc ngoại kiều, hoặc địa phương, phải dạy học trong các trường, phụ trách các việc trần thế, hợp tác vào hoạt động giáo xứ hay giáo phận, thành lập và củng cố các hình thức làm việc tông đồ giáo dân, để tín hữu của các Giáo Hội trẻ trung được góp phần riêng mình vào đời sống Giáo Hội càng sớm càng hay¹⁸.

Sau cùng giáo dân phải tự ý cộng tác trong lãnh vực kinh tế xã hội với các dân tộc trên đường phát triển. Sự cộng tác này càng đáng khen ngợi nếu càng liên quan đến việc thành lập các tổ chức thuộc những cơ cấu căn bản của đời sống xã hội hay để đào tạo những người có trách nhiệm với quốc gia.

Cũng đáng đặc biệt tán thưởng những giáo dân, trong các Đại Học hay các Viện Khoa Học, biết dùng những khảo cứu lịch sử hay khoa học tôn giáo mà củng cố sự hiểu biết về các dân tộc và các tôn giáo: như thế là họ giúp các nhà rao giảng Phúc Âm và chuẩn bị cuộc đối thoại với những người ngoài Kitô giáo.

Họ cũng phải hợp tác trong tình huynh đệ với các Kitô hữu khác, với những người ngoài Kitô giáo và nhất là với các hội viên của những tổ chức quốc tế, nhưng phải luôn nhớ rằng "việc xây dựng xã hội trần thế đặt nền tảng trong Chúa và quy hướng về Người"¹⁹.

Để chu toàn tất cả những phận vụ đó, giáo dân cần phải được chuẩn bị về kỹ thuật và đời sống thiêng liêng tại những Học Viện chuyên khoa, để đời sống họ trở thành chứng tá cho Chúa

¹⁸ Xem Piô XII, *Tđ. Evangelii Praecones*, 2-6-1951: AAS 43 (1951), trg 510-514.
- Gioan XXIII, *Tđ. Princeps Pastorum*, 28-11-1959: AAS 51 (1959), trg 851-852.

¹⁹ Xem *CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, số 46: AAS 57 (1965), trg 52.

Kitô đối với những người ngoài Kitô giáo, như lời Thánh Tông Đồ: "Anh em đừng nêu gương xấu cho người Do Thái, cho Muôn Dân và cho Giáo Hội Chúa, như chính tôi, tôi làm vừa lòng mọi người trong mọi sự mà không tìm tư lợi gì cho tôi, chỉ mong giúp ích cho nhiều người để họ được cứu rỗi" (1Cor 10,32-33).

Kết Luận

42. Lời chào mừng thân ái. Các Nghị Phụ Công Đồng, hiệp nhất cùng Đức Giáo Hoàng, ý thức rất sâu xa về bổn phận phải mở rộng Nước Chúa khắp nơi, hết lòng thân ái chào mừng tất cả những người rao giảng Phúc Âm, nhất là những người chịu bách hại vì Danh Chúa Kitô và chia xẻ những đau khổ của họ²⁰.

Như Chúa Kitô đã cháy lửa yêu mến nhân loại thế nào thì các Ngài cũng nóng nảy yêu mến nhân loại như vậy. Nhưng ý thức rằng chính Thiên Chúa khiến Nước Ngài đến trong thế gian, các Ngài hiệp cùng tất cả các Kitô hữu cầu nguyện để nhờ sự cầu bầu của Trinh Nữ Maria Nữ Vương các Tông Đồ, cho muôn dân mau được đưa về nhận biết chân lý²¹ để vinh quang Thiên Chúa đang chói lọi trên dung nhan Chúa Giêsu Kitô, nhờ Chúa Thánh Thần mà chiếu sáng cho hết mọi người²².

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ

²⁰ Xem Piô XII, *Tđ. Evangelii Praecones*, 2-6-1951: AAS 43 (1951), trg 527. - Gioan XXIII, *Tđ. Princeps Pastorum*, 28-11-1959: AAS 51 (1959), trg 864.

²¹ Xem 1Tm 2,4.

²² Xem 2Cor 4,6.

khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 7 tháng 12 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

Khóa IX Ngày 07 tháng 12 Năm 1965

Sắc Lệnh
Về Chức Vụ Và Đời Sống
Linh Mục
Presbyterorum Ordinis

Lời Giới Thiệu

1. Việc soạn thảo

Sắc Lệnh về Chức Vụ và Đời Sống Linh Mục được công bố ngày 7-12-1965, áp ngày bế mạc Công Đồng Vaticanô II, đã được hầu hết các Nghị Phụ đồng thanh chấp nhận, vì trong số 2,394 phiếu chỉ có 4 phiếu trắng. Bản văn hiện tại là kết quả của công việc khó khăn lâu dài đã khởi sự trước khi Công Đồng khai mạc. Ủy Ban soạn thảo được Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII chỉ định, đã soạn thảo tất cả 17 lược đồ về các vấn đề khác nhau liên quan đến các linh mục. Một Ủy Ban mới gồm những nhà chuyên môn do Công Đồng chỉ định đã cố gắng thu

tóm những lược đồ đó thành một lược đồ duy nhất bàn về hàng giáo sĩ. Đến tháng 12-1963, người ta còn đòi thay đổi lược đồ đó thành một số những đề nghị chính xác và rõ ràng về các linh mục. Nhưng tới tháng 10-1964, những đề nghị này đã bị bác bỏ trong một buổi họp vì còn nhiều thiếu sót. Các Nghị Phụ đòi hỏi một bản văn sâu rộng hơn, thích hợp với chiều hướng mới được khai mở trong Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội để đáp ứng đúng những khát vọng của đa số linh mục đang quan tâm đến việc rao truyền Phúc Âm trong xã hội tân thời.

Ủy Ban soạn thảo lại tra tay vào việc và đệ trình lên các Nghị Phụ một dự thảo mới vào cuối kỳ họp III của Công Đồng. Nhờ những nhận xét của các Nghị Phụ trong khi thảo luận, bản văn đã được thay đổi khá nhiều. Rồi tới kỳ họp IV của Công Đồng, bản văn lại được đem ra thảo luận từng đoạn, từng câu và được sửa đổi theo các đề nghị của các Nghị Phụ để đi đến hình thức dứt khoát. Như thế, bản văn đã được sửa lại lần thứ ba và cũng là lần cuối cùng.

Vài hàng lược sử này giúp hiểu rõ tầm quan trọng của Sắc Lệnh về Chức Vụ và Đời Sống Linh Mục. Trong Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội cũng như trong các Sắc Lệnh về Nhiệm Vụ của các Giám Mục, về việc Đào Tạo Linh Mục và cả trong Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh cũng đã bàn đến chức Linh Mục. Nhưng bằng một Sắc Lệnh đặc biệt, Công Đồng muốn phác họa rõ ràng chân dung của Linh Mục, người phải đem áp dụng những quyết định của Công Đồng không những theo sát từng chữ mà còn phải theo đúng tinh thần công đồng nữa. Trách nhiệm của các Linh Mục thật rất khó khăn: các ngài đóng "vai trò chính yếu trong việc canh tân Giáo Hội Chúa Kitô". Nhưng vai trò này càng ngày càng trở nên khó khăn... "giữa những hoàn cảnh mục vụ và tình trạng nhân loại luôn chịu những biến đổi sâu xa" (lời mở đầu).

2. Linh Mục trong sứ mạng của Giáo Hội

Trong chương mở đầu ngắn gọn nhưng rất súc tích, các Nghị Phụ Công Đồng đã muốn trình bày bản chất của hàng Linh Mục cũng như thân phận của các ngài trong thế giới. Chương giáo thuyết này được đặt ngay đầu Sắc Lệnh có mục đích soi sáng những quang diễn tiếp theo về Chức Vụ và Đời Sống Linh Mục.

Danh từ "hàng Linh Mục" được chọn với mục đích để chỉ định toàn thể hàng ngũ Linh Mục. Chúa Giêsu đã cho toàn thể Dân Chúa tham dự vào chức linh mục của Người nhưng Người còn muốn thiết lập những "thừa tác viên" của Người, những người này nhớ bí tích Truyền Chức được quyền dâng thánh lễ, quyền tha tội và thực hành chức vụ linh mục nhân danh Chúa Kitô.

Danh từ "Sứ Mệnh" chỉ sứ mệnh mà các tông đồ và các vị thừa kế các ngài là các Giám Mục đã lãnh nhận từ Chúa Kitô. Hàng Linh Mục dĩ nhiên lệ thuộc hàng Giám Mục. Nhưng qua bí tích Truyền Chức, các Linh Mục trở thành cộng sự viên của các Giám Mục trong việc rao truyền Phúc Âm.

Trong khi Công Đồng thảo luận, các Nghị Phụ đã tự hỏi nhiệm vụ nào là nhiệm vụ chính của Linh Mục giữa hai nhiệm vụ phụng tự và rao truyền Phúc Âm? Câu trả lời được đúc kết theo các ý kiến đã được đưa vào bản văn của Công Đồng như ta thấy hiện nay là nhiệm vụ rao truyền Phúc Âm và nhiệm vụ phụng tự liên hệ thiết yếu với nhau, vì tất cả năng lực của việc rao truyền Phúc Âm phát xuất từ lễ Hy Sinh của Chúa Kitô và nhiệm vụ này, theo Thánh Augustinô, nhằm đạt tới mục đích là làm cho "xã hội và toàn thể cộng đoàn các Thánh được tiến dâng lên Thiên Chúa lễ Hy Tế phổ quát..."

Để chu toàn sứ mệnh trong Giáo Hội, các Linh Mục không thể sống tách biệt khỏi quần chúng mà các ngài rao truyền Phúc Âm. Các ngài cũng không thể sống như người xa lạ với những điều kiện sống của quảng đại quần chúng. Nhưng các ngài phải sống giữa nhân loại theo gương Chúa Giêsu. Và chính khi noi

theo gương sống của Chúa Giêsu, các ngài lại không thể rập theo nếp sống thể tục. Được đặc trách rao truyền Phúc Âm, các ngài phải làm cho mọi người nghe được tiếng nói của chính Chúa Kitô. Chương này kết thúc bằng lời nhắn nhủ các Linh Mục phải thực hành những đức tính nhân loại cần thiết cho các ngài để việc giao tế của các ngài với người khác trở nên dễ dàng và hữu ích.

3. Thừa tác vụ của Linh Mục

Chương nói về thừa tác vụ của Linh Mục được chia thành 3 đoạn, lần lượt bàn về những chức vụ của Linh Mục, về những tương quan giữa các Linh Mục và Giám Mục, giữa các Linh Mục với giáo dân, và sau hết về việc phân phối các Linh Mục và về ơn thiên triệu Linh Mục.

a) Cũng như với các Giám Mục, đối với Linh Mục, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là nhiệm vụ rao truyền lời Chúa. Thực vậy, chính lời Chúa qui tụ Dân Chúa quanh bàn thờ. Cũng chính nhờ lời giảng dạy mà các Linh Mục thực hiện nhiệm vụ truyền giáo chính yếu của các ngài. Đàng khác, Công Đồng còn dự liệu nhiều phương thế để thực hiện việc rao truyền lời Chúa theo những hoàn cảnh cụ thể của những người mà các Linh Mục phải đem lời Chúa đến cho họ. Khi việc rao truyền lời Chúa chưa thể hiện được, thì chính đời sống gương mẫu và gương sáng các ngài giữa lương dân đã là một cách thế rao truyền lời Chúa.

Xét theo giá trị, dâng thánh lễ cũng là một nhiệm vụ chính yếu của các Linh Mục (x. số 13) mà các bí tích khác, các giáo vụ khác và các hoạt động tông đồ đều quy hướng về đó trong mối liên hệ chặt chẽ. Bí tích Thánh Thể do đó là nguồn sống và là tột đỉnh của việc rao truyền Phúc Âm.

Xét theo hoạt động, các Linh Mục được tham dự vào việc điều hành mục vụ của Giám Mục, và theo phạm vi quyền hạn của các ngài mà hành xử nhiệm vụ của chính Chúa Kitô Đầu Nhiệm

Thê và là Đấng Chủ Chăn. "Chính vì sự tăng trưởng thiêng liêng của Nhiệm Thê mà các ngài hiến dâng toàn lực".

b) Đoạn 2 cũng có tầm quan trọng đặc biệt: đoạn này chứng tỏ rằng sứ mệnh của Giáo Hội trong thế giới ngày nay không thể thành tựu nếu thiếu sự đoàn kết chặt chẽ giữa các Linh Mục trong một giáo phận với vị Giám Mục của các ngài, giữa hàng Linh Mục với nhau cũng như giữa các giáo dân với các Linh Mục và Giám Mục. Sắc Lệnh luôn luôn nói đến "các Linh Mục". Công Đồng dùng số nhiều khi nói về Linh Mục, điều đó chứng tỏ không một "Linh Mục nào có thể hoàn thành sứ mệnh của mình cách riêng rẽ, đơn độc".

c) Đoạn 3 nói về hai vấn đề thực tế: trước hết về việc phân phối các Linh Mục. Các Linh Mục được truyền chức để phục vụ Giáo Hội phổ quát, nên không thể bị ràng buộc quá chặt chẽ vào giáo phận của các ngài đến nỗi không thể được chuyển đến địa phương khác. Việc tông đồ cần được thể hiện mọi nơi ngay cả những miền thiếu Linh Mục; việc phân phối các Linh Mục vì thế phải tùy theo nhu cầu đòi hỏi. Sau đó, Sắc Lệnh nói về trách nhiệm của các Linh Mục trong việc cộng tác để đào tạo ơn thiên triệu nơi giới trẻ.

4. Đời sống các Linh Mục

Chương nói về đời sống các Linh Mục cũng được chia làm 3 đoạn:

a) Đoạn đầu quan trọng hơn cả vì đoạn này nói về ơn gọi đến sự hoàn thiện của Linh Mục. Cũng như tất cả các tín hữu, các Linh Mục được gọi đến bậc sống trọn lành thiêng liêng. Nhưng sự thánh thiện của Linh Mục còn là một đòi hỏi phát sinh từ bí tích Truyền Chức. Qua bí tích Truyền Chức, các ngài được liên kết chặt chẽ với Chúa Kitô Đầu Nhiệm Thê để kiến tạo và xây dựng toàn Thân. Để làm nổi bật đời sống tu đức riêng của Linh Mục, Sắc Lệnh dạy rằng sự thánh thiện của các Linh Mục liên hệ thiết yếu với chức vụ của các ngài. Để chức vụ đó thực sự

là nguồn mạch đời sống thánh thiện, cần phải thỏa đáng các điều kiện: các ngài phải tỏ ra "dễ dạy" với ơn thánh, biết lắng nghe theo tinh thần của Chúa Kitô, Đấng đã hiến mạng sống mình cho các ngài và còn tiếp tục dìu dắt các ngài. Một khi hoạt động nhiệt thành với tinh thần bác ái mục vụ các ngài sẽ ứng dụng trong chính đời sống của các ngài lời Chúa mà các ngài rao truyền, các ngài cũng tự hiến thân cho Chúa cùng với Thánh Lễ các ngài dâng để rồi hiến thân cho những người các ngài coi sóc như những đấng chẵn chiên thật.

Đời sống Linh Mục vì thế trở nên duy nhất và hòa hợp vì chức vụ của các ngài giúp sống nội tâm, và đời sống nội tâm lại soi dẫn hoạt động tông đồ. Các ngài được mời gọi noi gương Chúa Giêsu, Đấng coi "của ăn của Người là làm theo Thánh Ý Đấng đã sai Người và hoàn thành công việc của Ngài".

b) Đoạn 2 trình bày những nhân đức chính và không thể thiếu khuyết nơi các Linh Mục như đức khiêm nhường, vâng lời, bác ái, giữ luật độc thân, tinh thần khó nghèo giữa những của cải vật chất và nhất là tự chọn đời sống khó nghèo thật.

c) Đoạn 3 đề xướng những phương thế thánh hóa Linh Mục, cần thiết để củng cố và phát triển đời sống nội tâm. Đoạn này dạy cho các Linh Mục thấy sự cần thiết phải duy trì và phát huy khoa thần học, đặc biệt là khoa mục vụ. Sau hết nêu lên vài phương thế thực tiễn để nâng đỡ nhu cầu vật chất của các Linh Mục.

5. Đoạn kết của Sắc Lệnh

Đoạn kết của Sắc Lệnh là một cái nhìn hiện thực về những điều kiện hiện tại chi phối chức vụ các Linh Mục và về những điều kiện sống của các ngài mà đôi khi rất khó khăn. Thế giới các ngài đang sống phô diễn trước mắt các ngài "bao tội lỗi nặng nề, nhưng đồng thời cũng hứa hẹn nhiều khả năng phong phú".

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Sắc Lệnh
Về Chức Vụ Và Đời Sống
Các Linh Mục

Lời Mở Đầu

1. Lời Mở Đầu. Chức Linh Mục trong Giáo Hội hết sức cao trọng, đó là điều Thánh Công Đồng này đã nhiều lần nhắc nhở cho hết mọi người¹. Và lại, trong công cuộc canh tân Giáo Hội, hàng Linh Mục giữ một vai trò tối quan trọng và hơn nữa càng ngày càng khó khăn, nên thấy rằng đề cập rộng rãi và sâu sắc hơn về các Linh Mục là việc rất hữu ích. Những điều nói đây áp dụng cho hết mọi Linh Mục, nhất là cho những vị hiện đang coi sóc các linh hồn, và tùy nghi ứng hợp cho các Linh Mục dòng. Thực vậy, do Chức Thánh và sứ mệnh lãnh nhận nơi các vị Giám Mục, các Linh Mục được đặc cử để phụng sự Chúa Kitô, là Thầy, là Linh Mục và là Vua; các ngài tham dự vào chức vụ của Người: ngày ngày kiến tạo Giáo Hội ở trần gian thành Dân Chúa, Thân Thể Chúa Kitô và đền thờ Chúa Thánh Thần. Vì vậy, để nâng đỡ các ngài một cách hữu hiệu hơn trong chức vụ của mình và để chuẩn bị cho đời sống các ngài thêm tốt đẹp giữa những hoàn cảnh mục vụ và tình trạng nhân loại

¹ *CĐ Vat II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh Sacrosanctum Concilium: AAS 56 (1964), trg 97 tt; - Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium: AAS 57 (1965), trg 5 tt; - Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các Giám Mục Christus Dominus; - Sắc lệnh về việc Đào Tạo Linh Mục Optatam Totius.*

luôn chịu những biến đổi sâu xa, Thánh Công Đồng này tuyên bố và quyết định những điều sau đây.

Chương I

Linh Mục Trong Sứ Mệnh Của Giáo Hội

2. Bản tính của chức Linh Mục. Chúa Giêsu "Đấng đã được Chúa Cha thánh hóa và sai xuống trần gian" (Gio 10,36) và đã được Chúa Thánh Thần xúc dầu². Người đã làm cho tất cả Nhiệm Thể của Người được thông phần vào sự xúc dầu đó: vì trong Người, mọi tín hữu hóa thành một chức tu tế thánh thiện và vương giả để nhờ Chúa Kitô họ hiến dâng lên Thiên Chúa những lễ tế thiêng liêng, và tuyên xưng quyền năng của Đấng đã gọi họ từ chốn tối tăm đến ánh sáng diệu kỳ³. Do đó, không một chi thể nào mà không thông phần vào sứ mệnh của toàn thân, trái lại mỗi một chi thể đều phải tôn vinh Chúa Giêsu trong tâm hồn⁴ và phải dựa vào tinh thần tiên tri mà làm chứng về Người⁵.

Tuy nhiên, để hợp thành một thân thể duy nhất, trong đó "mỗi chi thể có nhiệm vụ riêng" (Rm 12,4), chính Chúa đã cắt đặt giữa các tín hữu một số thừa tác viên, nhờ Chức Thánh họ được trao quyền tế lễ và tha tội⁶ trong cộng đoàn tín hữu, và nhân danh Chúa Kitô họ chính thức thi hành chức vụ Linh Mục cho loài người. Bởi vậy, Chúa Kitô đã sai các Tông Đồ như chính

² Xem Mt 3,16; Lc 4,18; CvTđ 4,27; 10,38.

³ Xem 1P 2,5 và 9.

⁴ Xem 1P 3,15.

⁵ Xem Kh 19,10. - CĐ Vat II, Hiến Chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, số 35: AAS 57 (1965), trg 40-41.

⁶ CĐ Trentô, khóa XXIII, ch. 1 và đ. th. 1: Dz 957 và 961 (1764 và 1771).

Người được Chúa Cha sai⁷, và rồi qua các Tông Đồ, Người đã làm cho các đấng kế vị là các Giám Mục⁸ cũng được tham dự việc thánh hiến và sứ mệnh của Người, Người lại trao ban cho các Linh Mục⁹ chức vụ thừa hành này ở một cấp độ tùy thuộc, để một khi đã gia nhập hàng Linh Mục, họ là những cộng tác viên của hàng Giám Mục¹⁰, chu toàn một cách tốt đẹp sứ mệnh tông đồ của Chúa Kitô trao phó.

Chức vụ Linh Mục liên kết với chức Giám Mục, nên cũng được tham dự vào quyền bính mà chính Chúa Kitô đã dùng để kiến tạo, thánh hóa và cai quản Thân Thể Người. Vì vậy, chức Linh Mục của các ngài tuy dựa trên những Bí Tích khai sinh đời sống Kitô giáo, nhưng lại được một Bí Tích riêng in dấu đặc biệt khi các ngài được Chúa Thánh Thần xức dầu: như thế các ngài nên giống Chúa Kitô Linh Mục, đến nỗi có quyền thay mặt Chúa Kitô là Đầu mà hành động¹¹.

Vì được tham dự vào chức vụ của các Tông Đồ theo phận vụ mình, nên các Linh Mục được Thiên Chúa ban ơn sủng để làm thừa tác viên của Chúa Giêsu Kitô giữa muôn dân, và thi hành chức vụ thánh rao giảng Phúc Âm hầu việc dâng hiến muôn dân làm của lễ được chấp nhận và thánh hóa trong Chúa Thánh Thần¹². Thật vậy, việc loan truyền Phúc Âm của các Tông Đồ

⁷ Xem Gio 20,21. - *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, số 18: AAS 57 (1965), trg 21-22.*

⁸ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, số 28: AAS 57 (1965) trg 33-36.*

⁹ Xem n.v.t.

¹⁰ Xem *Pont. Rom., kinh Tiền Tụng lễ phong chức Linh Mục. Những lời này đã có trong Sacramentarium Veronense: x.b. L.C. Mohlberg, Roma 1956, trg 122; và trong Missale Francorum: x.b. L.C. Mohlberg, Roma 1957, trg 9; cũng thấy trong Liber Sacramentorum Romanae Ecclesiae: x.b. L.C. Mohlberg, Roma 1960, trg 25; và trong Pontificale Romano-Germanicum: x.b. Vogel-Elze, Città del Vaticano, 1963, c.I, trg 34.*

¹¹ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, số 10: AAS 57 (1965), trg 14-15.*

¹² Xem *Rm 15,16 bản Hy Lạp.*

đã triệu tập và đoàn tụ Dân Chúa, để tất cả những ai thuộc về dân này một khi đã được Chúa Thánh Thần thánh hóa, sẽ tự hiến làm "lễ vật sống động, thánh thiện, đẹp lòng Thiên Chúa" (Rm 12,1). Nhưng nhờ thừa tác vụ của các Linh Mục, lễ tế thiêng liêng của các tín hữu được hoàn tất vì kết hợp với hy tế của Chúa Kitô, Đấng Trung Gian duy nhất; hy tế này nhờ tay các Linh Mục, nhân danh Giáo Hội, hiến dâng một cách bí tích và không đổ máu trong phép Thánh Thể, cho tới khi Chúa lại đến¹³. Chính việc tế lễ là điểm nhằm tới và hoàn tất của chức vụ Linh Mục. Thực vậy, việc thi hành chức vụ của các ngài bắt đầu bằng việc rao giảng Phúc Âm, múc lấy sức mạnh và năng lực từ Hy Tế Chúa Kitô, và qui hướng về việc "hiến dâng lên Thiên Chúa toàn thể đô thị được cứu rỗi, đó là cộng đoàn và xã hội các Thánh, như một lễ vật của toàn dân, nhờ vị Linh Mục Thượng Phẩm, cũng là Đấng tự hiến trong cuộc Tử Nạn vì chúng ta, để chúng ta trở nên Thân Thể của Người, là Đầu vô cùng cao cả"¹⁴.

Bởi vậy, mục đích mà các Linh Mục theo đuổi trong chức vụ và đời sống các ngài là phải tìm kiếm vinh danh Thiên Chúa Cha trong Chúa Kitô. Vinh danh này hệ tại việc mọi người đón nhận công trình của Thiên Chúa đã được hoàn tất trong Chúa Kitô một cách ý thức, tự do và biết ơn, lại biểu lộ công trình đó trong suốt cuộc đời mình. Vì thế, khi cầu nguyện và tôn thờ cũng như khi giảng thuyết, khi dâng Hy Lễ Thánh Thể và làm các Bí Tích cũng như khi thi hành những thừa tác vụ khác giúp người ta, các Linh Mục đều qui hướng về việc làm vinh danh Thiên Chúa hơn, đồng thời giúp con người tiến tới trong đời sống thiêng liêng. Tất cả những điều đó bắt nguồn từ Mầu Nhiệm Phục Sinh của Chúa Kitô và sẽ được hoàn tất khi chính

¹³ Xem 1 Cor 11,26.

¹⁴ T. Augustinô, *De civitate Dei*, 10,6 : PL 41, 284.

Người lại đến trong vinh quang, vì khi đó Người sẽ trao Vương Quyền cho Thiên Chúa là Cha¹⁵.^{1*}

3. Điều kiện của các Linh Mục ở thế gian. Được tuyển chọn từ loài người và được đặt ra cho loài người để lo việc Thiên Chúa hầu dâng những hiến vật và hy tế đền tội, các Linh Mục sống với người khác như với anh em¹⁶. Thực vậy, chính Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, là Người được Chúa Cha sai đến với loài người, đã ở giữa chúng ta và muốn nên giống chúng ta là anh em Người trong mọi sự, ngoại trừ tội lỗi¹⁷. Các Thánh Tông Đồ đã bắt chước Người, và Thánh Phaolô, vị Tiến Sĩ dân ngoại "Đáng được lựa chọn để rao giảng Phúc Âm của Thiên Chúa" (Rm1,1), chứng thực rằng Người đã trở nên mọi sự cho mọi người để cứu chuộc mọi người¹⁸. Các Linh Mục Tân Ước, do ơn gọi và chức thánh, một cách nào đó được tuyển chọn ngay giữa Dân Chúa, nhưng không phải để tách biệt khỏi họ hoặc bất cứ một người nào, mà để tận hiến làm công việc Chúa đã chọn họ làm¹⁹. Các ngài không thể là thừa tác viên của Chúa Kitô nếu không là chứng nhân và là người ban phát một đời sống khác đời sống thế tục; tuy nhiên các ngài không thể phục vụ nhân loại nếu lại sống xa cuộc sống và những hoàn cảnh của nhân loại²⁰. Chính thừa tác vụ của các ngài, vì mang một danh

¹⁵ Xem 1 Cor 15,24.

^{1*} Mỗi phần tử trong Dân Chúa đều tham dự vào chức Linh Mục của Chúa Kitô, vào sứ mạng của Giáo Hội, nhưng không cùng một mức độ và phận vụ. Nhờ Bí Tích Truyền Chức, theo hình ảnh vị Thượng Tế và Tiên Tri cả (GH 35) trở nên cộng sự viên của Giám Mục, các Linh Mục được thánh hiến để rao truyền Phúc Âm, để cử hành việc phụng tự. Khi giúp người khác tăng triển đời sống thần linh, các ngài hoạt động để Danh Chúa được lan rộng.

¹⁶ Xem Dth 5,1.

¹⁷ Xem Dth 2,17; 4,15.

¹⁸ Xem 1 Cor 9,19-23, bản Phổ Thông.

¹⁹ Xem CvTđ 13,2.

²⁰ "Chính những hoàn cảnh ngoại tại tại mà Giáo Hội đang sống lại thúc đẩy lòng hăng say tiến tới trong đời sống thiêng liêng và luân lý. Thực vậy, Giáo Hội không thể ngồi yên và lãnh đạm trước những đổi thay của thế giới loài người đang vấp

nghĩa đặc biệt, nên đòi buộc các ngài không được theo thói thế gian²¹; nhưng đồng thời lại đòi hỏi các ngài sống trong thế gian giữa loài người. Hơn nữa, như các mục tử nhân lành, các ngài phải nhận biết các chiên của mình và còn tìm cách dẫn về những chiên không thuộc đoàn này, để chúng cũng nghe tiếng Chúa Kitô, hầu nên một đoàn chiên cùng một Người Chăn²². Để được thế, cần phải có nhiều đức tính mà xã hội loài người kính chuộng cách chính đáng, như từ tâm, thành thật, dũng cảm, kiên nhẫn, say mê công chính, lịch thiệp và những đức tính khác mà Thánh Phaolô Tông Đồ khuyên nhủ khi Ngài nói: "Tất cả những gì chân thật, là trong sạch, là công bằng, là thánh thiện, là khả ái, danh thơm tiếng tốt, tất cả những gì là nhân

bọc Giáo Hội và đang gây ảnh hưởng tới đời sống thực tế của Giáo Hội bằng trăm phương nghìn cách, khiến cho Giáo Hội phải chịu theo một vài hoàn cảnh nào đó. Mọi người đều biết rằng: Giáo Hội không tách biệt khỏi xã hội loài người, nhưng là sống giữa xã hội loài người, cho nên con cái Giáo Hội không những chịu ảnh hưởng của xã hội loài người, lại còn thấm nhiễm nền văn hóa, tuân theo luật lệ và mang lấy những phong tục của xã hội này nữa. Mọi liên hệ mật thiết với xã hội loài người tạo cho Giáo Hội một tình trạng luôn luôn có những vấn đề phải giải quyết, mà ngày nay những vấn đề này lại càng thêm trầm trọng (...) Thánh Phaolô đã khuyên nhủ các Kitô hữu thời ngài: "Anh em đừng mang ách chung với những người vô tín ngưỡng. Thực vậy sự công bằng đâu có hòa hợp với sự bất công? Xã hội ánh sáng đâu có chung đụng với xã hội tối tăm?... Phần của tín hữu làm sao chung phần với người vô tín ngưỡng? (2Cor 6,14-15). Vì thế, những ai lo việc giáo dục và huấn luyện trong Giáo Hội ngày nay, cần phải nhắc nhở thanh thiếu niên Công giáo nhận biết địa vị cao đẹp của họ, cũng như do đó bốn phận phải sống giữa thế gian nhưng không thuộc về thế gian, hợp với lời Chúa Kitô đã cầu nguyện cho các Tông Đồ: "Con không xin Cha đem họ ra khỏi thế gian, nhưng xin gìn giữ họ khỏi sự dữ. Họ không thuộc về thế gian, như Con không thuộc về thế gian" (Gio 17,15-16). Giáo Hội đã nhận lấy lời cầu nguyện đó làm của mình. Tuy nhiên, phân biệt khỏi thế gian, như thế không có nghĩa là tách biệt khỏi thế gian, cũng không phải là thờ ơ, sợ hãi hay miệt thị thế gian. Thực vậy, khi tự phân biệt với nhân loại, không phải Giáo Hội chống đối thế gian, nhưng đúng hơn, Giáo Hội kết hợp với, thế gian vậy." : Phaolô VI, Tđ. Ecclesiam suam, 6-8-1964 : AAS 56 (1964), trg 627 và 638.

²¹ Xem Rm 12,2.

²² Xem Gio 10,14-16.

đức, là hạnh kiểm đáng khen, thì xin anh em hãy tưởng nghĩ đến" (Ph 4,8)²³. ^{2*}

Chương II

Thừa Tác Vụ Của Linh Mục

I. Chức Vụ Của Linh Mục

4. Linh Mục, thừa tác viên Lời Chúa. Dân Chúa được đoàn tụ trước hết là nhờ lời Thiên Chúa hằng sống¹; lời này phải được đặc biệt tìm thấy nơi miệng lưỡi các Linh Mục². Thực vậy, không ai có thể được cứu rỗi nếu trước đó không có lòng tin³ do đó các Linh Mục, vì là cộng sự viên của các Giám Mục, nên trước tiên có nhiệm vụ loan báo cho mọi người Phúc Âm của Thiên Chúa⁴, để khi thi hành mệnh lệnh của Chúa: "Các

²³ Xem T. Polycarpô, *Epist. ad Philippenses*, VI, 1: "Hơn nữa, các linh mục phải có lòng thương xót, nhân ái với mọi người, phải dẫn đưa những người lầm lạc, thăm viếng những ai bệnh hoạn, không bỏ quên quả phụ, cô nhi hay người túng cực, một phải luôn luôn lo làm điều thiện trước mặt Thiên Chúa và người ta, phải kiểm chế khỏi mọi nóng giận, đón nhận mọi người, không phán đoán bất chính, phải giữ mình xa lòng ham hố tiền tài, không quá vội tin chuyện xấu của người khác, cũng không nên cứng rắn trong phán đoán, vì biết rằng tất cả chúng ta đều là những người tội lỗi": x.b. F.X. Funk, *Patres Apostolici*, I, trg 273.

^{2*} Các linh mục sống giữa tha nhân, những người anh em của các ngài, để truyền đạt Sứ Đệp của Chúa Kitô và đưa dẫn họ lại gần Chúa. Nhưng các ngài luôn tự cảnh giác để khỏi vướng mắc tất cả những gì "thuộc thế gian này..." (Rm 12,2) vì điều đó nghịch lại với tinh thần Chúa Kitô.

¹ Xem IP 1,23; CvTđ 6,7; 12,24. "Các Tông Đồ đã rao giảng lời chân lý và đã khai sinh các Giáo Hội": T. Augustinô, *Enarr. in Ps. 44,23* : PL 36,508.

² Xem Mal 2,7; 1Tm 4,11-13; 2Tm 4,5; Tt 1,9.

³ Xem Mc 16,16.

⁴ Xem 2Cor 11,7. Những gì nói về các Giám Mục cũng có giá trị cho các Linh Mục với tư cách là cộng tác viên của Giám Mục. Xem *Statuta Ecclesiae Antiqua*,

con hãy đi khắp thế giới rao giảng Phúc Âm cho mọi tạo vật" (Mc 16,15)⁵, các ngài thiết lập Dân Chúa và làm cho Dân Chúa càng ngày càng đông thêm. Thật thế, chính lời cứu rỗi khơi động đức tin trong tâm hồn những người chưa tin và nuôi dưỡng đức tin trong tâm hồn các tín hữu; chính đức tin này đã khai sinh và phát triển cộng đoàn tín hữu, như lời Thánh Tông Đồ: "đức tin do nghe nói, còn điều nghe nói thì bởi lời Chúa Kitô" (Rm 10,17). Do đó, các Linh Mục mắc nợ với mọi người về việc thông truyền cho họ chân lý Phúc Âm⁶ mà các ngài đã nhận được nơi Chúa. Vì thế, dù khi các ngài sống một đời sống tốt lành giữa các dân ngoại để làm cho họ tôn vinh Thiên Chúa⁷, dù khi các ngài công khai giảng thuyết để loan truyền mầu nhiệm Chúa Kitô cho những người chưa tin, dù khi dạy giáo lý Kitô giáo hay giải thích giáo thuyết của Giáo Hội, dù khi chăm lo nghiên cứu những vấn đề thời đại dưới ánh sáng Chúa Kitô: trong mọi trường hợp, phận sự của các ngài không phải là giảng

c.3 (x.b. Ch. Munier, Paris 1960 trg 79); *Decretum Gratiani*, c. 6, D. 88 (x.b. Friedberg, I, 307); - *CĐ Trentô Sắc lệnh De Reform.*, khóa V, ch.2, số 9 (*Conc. Oec. Decreta*, x.b. Herder, Roma 1962, trg 645); khóa XXIV, ch.4, trg 739; - *CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium*, 21-11-1964, số 25 : ASS 57 (1965), trg 29-31.

⁵ Xem *Constitutiones Apostolorum*, II, 26,7: "(Các Linh Mục) hãy trở nên những vị tiến sĩ thông thạo khoa học về Thiên Chúa, vì chính Chúa đã truyền cho chúng ta khi Ngài phán: Các con hãy đi giảng dạy v.v...": x.b. F.X. Funk, *Didascalia et Constitutiones Apostolorum*, I, Paderborn, 1905, trg 105. - *Sacramentarium Leonianum* và những sách lễ nghi khác cho tới *Pontificale Romanum*, Kinh Tiền Tụng lễ phong chức Linh Mục: "Lạy Chúa, với sự quan phòng ấy, Chúa đã cho các Tông Đồ của Con Chúa có những người bạn tiến sĩ trong đức tin như những người trợ lực trong việc rao giảng, để các Tông Đồ gieo vãi Phúc Âm trên toàn thế giới". - *Liber Ordinum Liturgiae Mozarabicae*, Kinh Tiền Tụng lễ phong chức Linh Mục: "Là tiến sĩ của dân và thủ lãnh của giáo hữu, ước gì các ngài duy trì đức tin công giáo trong trật tự và rao giảng ơn cứu rỗi chân thực cho mọi người": x.b. M. Férotin, *Le Liber Ordinum en usage dans l'Eglise Wisigothique et Mozarabe d'Espagne: Monumenta Ecclesiae Liturgica*, q.5, Paris 1904, cột 55, hàng 4-6.

⁶ Xem Gal 2,5.

⁷ Xem 1P 2,12.

đạy sự thông biết của mình, nhưng là giảng dạy lời Chúa và phải khẩn thiết mời gọi mọi người cải thiện và nên thánh⁸. Nhưng trong tình trạng thế giới ngày nay, lời giảng thuyết của Linh Mục thường gặp rất nhiều khó khăn. Do đó để dễ lay chuyển tâm hồn thánh giả, giảng thuyết không phải chỉ là trình bày lời Chúa một cách tổng quát và trừu tượng, nhưng phải áp dụng chân lý ngàn đời của Phúc Âm vào các hoàn cảnh cụ thể của đời sống.

Như thế, có nhiều cách thi hành chức vụ rao giảng tùy theo nhu cầu mỗi lúc mỗi khác của các thánh giả và tùy theo đặc sủng của các vị giảng thuyết. Nơi những miền hay những nhóm người chưa theo Kitô giáo, chính nhờ nghe rao giảng Phúc Âm mà người ta đi tới đức tin và lãnh nhận những Bí Tích ban ơn cứu rỗi⁹. Còn trong chính cộng đoàn Kitô giáo, nhất là đối với những người có vẻ ít hiểu và ít tin những điều họ quen thực hành, cần phải rao giảng lời Chúa để dẫn họ đến chịu các Bí Tích, vì đây là những Bí Tích đức tin, mà đức tin lại được phát sinh và nuôi dưỡng bằng lời giảng dạy¹⁰, điều này đặc biệt thể hiện trong phần phụng vụ lời Chúa khi cử hành Thánh Lễ, trong đó lời loan truyền việc Chúa chịu chết và sống lại liên kết chặt chẽ với câu đáp của dân chúng đang nghe và với chính việc

⁸ Xem lễ nghi phong chức Linh Mục trong *Giáo Hội Giacôbít ở Alexandria*: "...hãy tập họp dân chúng người đến nghe lời giáo lý, như người mẹ nâng niu con cái mình": H. Denzinger, *Ritus Orientalium*, bộ II, Wurzburg 1863, trg 14.

⁹ Xem Mt 28,19; Mc 16,16; - Tertullianô, *De Baptismo*, 14,2 (*Corpus Christianorum, Series latina*, I, trg 289, 11-13); - T. Athanasiô, *Adv. Arianos*, 2 42 : PG 26, 237 A-B; - T. Hieronymô, *In Mt 28,19*: PL 26, 226 D: "Trước hết các ngài dạy dỗ mọi dân nước tiếp đến lấy nước rửa tội những kẻ đã được giáo huấn. Thật vậy, không thể để cho thể xác nhận lãnh bí tích Rửa Tội khi linh hồn chưa nhận lãnh chân lý đức tin"; - T. Tôma, *Expositio primae Decretalis*, 1: "khi sai các môn đệ đi rao giảng, Đấng Cứu Thế của chúng ta đã trao cho họ ba mệnh lệnh. Trước nhất là giảng đức tin, thứ đến là ban các bí tích cho những kẻ có lòng tin": x.b. Marietti, *Opuscula Theologica*, Taurini Roma 1954, 1138.

¹⁰ Xem CD. Vat. II, *Hiến chế về Phụng Vụ Thánh Sacrasanctum Concilium*, 4-12-1963, số 35,2: A AS 56 (1964), trg 109.

hiến dâng mà Chúa Kitô đã dùng để củng cố Tân Ước trong Máu Người, cũng như các tín hữu thông công vào việc hiến dâng đó bằng lời cầu nguyện và bằng việc lãnh nhận Bí Tích Thánh Thể^{11, 3*}.

5. Linh mục, thừa tác viên các bí tích và bí tích Thánh Thể.

Thiên Chúa là Đấng Thánh Thiện và là Đấng Thánh Hóa duy nhất đã muốn nhận loài người làm cộng sự viên và trợ tá để họ khiêm tốn giúp vào công việc thánh hóa. Vậy qua tay Đức Giám Mục, các Linh Mục được Thiên Chúa hiến thánh, để khi đã tham dự đặc biệt vào chức Linh Mục của Chúa Kitô, thì trong lúc cử hành các việc thánh, các ngài hành động như những thừa tác viên của Người, Đấng không ngừng thi hành Chức Vụ Linh Mục trong Phụng Vụ, nhờ Thánh Thần Người, để mưu ích cho chúng ta¹². Thực vậy, nhờ Phép Rửa, các ngài dẫn đưa người ta vào Dân Chúa; nhờ Bí Tích Cáo Giải, các ngài hòa giải tội nhân với Thiên Chúa và Giáo Hội; nhờ dầu bệnh nhân, các ngài xoa dịu người đau ốm; nhất là nhờ việc cử hành Thánh Lễ, các ngài hiến dâng Hy Tế của Chúa Kitô cách bí tích. Như Thánh Ignatiô Tử Đạo đã minh chứng ngay từ thời Giáo Hội sơ khai¹³, trong khi thi hành các Bí Tích, các Linh Mục liên kết trong phẩm trật thánh với vị Giám Mục vì những

¹¹ Xem *CD. Vat. II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh Sacrasanctum Concilium*, 4-12-1963, số 33, 35, 48, 52, trg 108-109, 113, 114.

^{3*} Các linh mục phải hết sức quan tâm tới lãnh vực xã hội và sự tiến hóa nơi môi trường hoạt động của các ngài để có thể áp dụng hữu hiệu chân lý Phúc Âm vào những hoàn cảnh cụ thể của đời sống. Các ngài truyền đạt đến mọi người giáo lý tinh tuyền của Giáo Hội, đặc biệt là trong khi cử hành phụng vụ.

¹² Xem *n.t.*, số 7 (trg 100-101). - *Piô XII, Tđ. Mystici Corporis*, 29-6-1943: AAS 35 (1943), trg 230.

¹³ *T. Ignatiô Tử đạo, Smyrn.*, 8, 1-2: *x.b. F.X. Funk* 6, trg 240. - *Constitutiones Apostolorum*, VIII, 12,3: *x.b. F.X. Funk*. 496; VIII, 29,2, *n.t.*, trg 532.

lý do khác nhau; và như thế các ngài nói lên được phần nào sự có mặt của Giám Mục trong mỗi cộng đoàn tín hữu¹⁴.

Tuy nhiên, cả những Bí Tích khác cũng như các thừa tác vụ trong Giáo Hội và các hoạt động tông đồ đều gắn liền với Bí Tích Thánh Thể và qui hướng về đó¹⁵. Thật vậy, Phép Thánh Thể Chí Thánh chứa đựng tất cả của cải thiêng liêng của Giáo Hội¹⁶, đó chính là Chúa Kitô; Người là màu nhiệm Phục Sinh của chúng ta; Người là Bánh Hằng Sống, ban sự sống cho nhân loại bằng chính Thịt của Người, Thịt đã được sống động nhờ Thánh Thần và làm cho người ta được sống. Như thế, Người mời gọi và dẫn đưa con người hiến dâng chính mình, dâng những vất vả của mình và mọi tạo vật làm một với Người. Bởi vậy, Phép Thánh Thể là nguồn mạch và tuyệt đỉnh của toàn thể công việc rao giảng Phúc Âm; vì các người dự tòng được dẫn đưa dần dần đến việc tham dự Phép Thánh Thể; còn các tín hữu, những người đã mang ấn tín Rửa Tội và Thêm Sức, sẽ được kết hợp trọn vẹn với Thân Thể Chúa Kitô nhờ rước Thánh Thể.

Vì thế, Tiệc Thánh Thể là trung tâm tụ họp của tín hữu mà vị Linh Mục là người chủ sự. Như thế Hiến Tế Thánh Lễ, các Linh Mục dạy tín hữu biết dâng lên Chúa Cha lễ vật chí thánh và hợp cùng của lễ đó hiến dâng lễ vật cuộc sống mình. Với tinh thần của Chúa Kitô Chủ Chăn, các ngài dạy họ hết lòng thống hối xưng thú tội lỗi mình với Giáo Hội qua Bí Tích Cáo Giải để càng ngày càng quay về gần Chúa hơn khi nhớ lại lời Người: "Hãy hồi cải vì Nước Trời đã đến gần" (Mt 4,17). Cũng thế, các ngài còn dạy họ tham dự những buổi cử hành Phụng

¹⁴ Xem *CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, 21-11-1964, số 28: AAS 57 (1965), 33-36.*

¹⁵ *Bí Tích Thánh Thể là sự đúc kết tất cả đời sống thiêng liêng và là cứu cánh của tất cả các bí tích khác: T. Tôma, Summa Theol. III, q.73, a.3 c: xem Summa Theol. III, q.65, a. 3.*

¹⁶ Xem *T. Tôma, Summa Theol. III, q. 65, a. 3, ad 1; q. 79, a. 1, c, và ad 1.*

Vụ Thánh, để trong các nghi lễ đó họ biết cầu nguyện chân thành; tùy theo ân sủng và nhu cầu của mỗi người các ngài hướng dẫn họ thực thi tinh thần cầu nguyện mỗi ngày thêm hoàn hảo trong suốt đời sống; các ngài khuyến khích mọi người chu toàn nhiệm vụ đáng bậc mình; còn đối với những ai hoàn thiện hơn, các ngài khích lệ họ biết thực thi những lời khuyên Phúc Âm hợp với mỗi người. Cũng thế các ngài dạy tín hữu biết dùng thánh thi và thánh ca mà chúc tụng Thiên Chúa trong lòng, biết nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta mà luôn cảm tạ Thiên Chúa là Cha vì mọi ơn lành¹⁷.

Những lời ca tụng và tạ ơn mà các Linh Mục dâng lên, trong khi cử hành Thánh Lễ, chính các ngài còn kéo dài suốt ngày trong các giờ Kinh Nhật Tụng, khi ấy các ngài nhân danh Giáo Hội khẩn cầu cùng Thiên Chúa cho toàn dân đã được trao phó cho các ngài và cầu cho cả thế giới nữa.

Nhà cầu nguyện, nơi để cử hành và cất giữ Thánh Thể Chí Thánh cũng như để tín hữu tụ họp và gặp được sự nâng đỡ ủi an trong khi tôn sùng sự hiện diện của Con Thiên Chúa, Đấng Cứu Chuộc chúng ta, Đấng đã được hiến dâng vì chúng ta trên bàn tế lễ: nhà này cần phải sạch sẽ, xứng hợp với việc cầu nguyện và những lễ nghi long trọng¹⁸. Chính nơi đây, chủ chăn và tín hữu được mời đến, để với lòng biết ơn, họ đáp lại ân huệ của Đấng đã dùng Nhân Tính mà không ngừng đổ tràn sự sống siêu nhiên vào các chi thể của Thân Thể Người¹⁹. Các Linh

¹⁷ Xem Eph 5,19-20.

¹⁸ Xem T. Hieronymô, Epist., 114,2: "...chén thánh, khăn thánh và tất cả những gì liên quan đến việc tôn sùng cuộc Tử Nạn của Chúa... vì được thông công với Mình và Máu Chúa, nên phải được kính cẩn như chính Mình và Máu Người vậy": PL 22, 934. - Xem CĐ Vat. II, Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh, 4-12-1963, số 122-127: AAS 56 (1964), trg 130-132.

¹⁹ "Hơn nữa, các tín hữu dùng xao lãng việc nâng viếng Mình Thánh Chúa; Mình Thánh Chúa phải được cất giữ trong nhà thờ, tại một nơi xứng đáng nhất và hết sức vinh dự, theo luật phụng vụ. Thực vậy, việc kính viếng Chúa Kitô hiện diện nơi đây là một dấu chỉ biết ơn đối với Chúa Kitô, là bảo chứng tình yêu và là một

Mục phải chăm lo trau dồi kiến thức và nghệ thuật phụng vụ, để nhờ việc các ngài thi hành phụng vụ mà cộng đoàn Kitô hữu được trao phó cho các ngài biết ca ngợi Thiên Chúa là Cha và Con và Thánh Thần mỗi ngày một hoàn hảo hơn.^{4*}

6. Linh mục, thầy dạy của Dân Chúa. Thi hành chức vụ của Chúa Kitô là Đầu và là Chủ Chăn theo phận vụ mình, các Linh Mục nhân danh Giám Mục, tụ họp gia đình Thiên Chúa như một cộng đoàn huynh đệ duy nhất, và nhờ Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần các ngài dẫn đưa họ đến cùng Chúa Cha²⁰. Để thi hành thừa tác vụ này cũng như các chức vụ khác, các Linh Mục được trao ban quyền thiêng liêng để kiến thiết Giáo Hội²¹. Trong việc kiến thiết này, các Linh Mục phải theo gương Chúa mà đối xử rất nhân đạo với hết mọi người. Tuy nhiên, khi dạy dỗ và khuyên bảo họ như những người con rất yêu quý²², các ngài phải đối xử với họ không phải theo sở thích loài người²³, nhưng theo giáo thuyết và đời sống Kitô giáo đòi hỏi, như lời Thánh Tông Đồ: "Hãy nhân mạnh khi thuận tiện cũng như khi bất tiện, hãy khiển trách, đe dọa, khuyến khích, với tất cả lòng nhẫn nại và chủ tâm dạy dỗ" (2Tm 4,2)²⁴.

Vì thế, với tư cách là những người huấn luyện đức tin, các Linh Mục có nhiệm vụ, hoặc đích thân hoặc nhờ người khác, lo cho mỗi tín hữu được hướng dẫn trong Chúa Thánh Thần để

việc tôn thờ thích đáng": Phaolô VI, *Tđ. Mysterium Fidei*, 3-9-1965: AAS 57 (1965), trg 771.

^{4*} Mọi cử hành phụng vụ Thánh Lễ đều thuộc quyền Giám Mục (x. GH số 28) đó là lý do tại sao các linh mục một khi đã được "tân phong bởi Giám Mục" phải liên kết với chức Giám Mục theo phẩm trật và phải nên như hiện thân của Giám Mục trong mỗi cộng đoàn Kitô hữu.

²⁰ Xem CĐ Vat. II, *Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium*, 21-11-1964, số 28: AAS 57 (1965), trg 33-36.

²¹ Xem 2Cor 10,8 ; 13,10.

²² Xem 1Cor 4,14.

²³ Xem Gal 1,10.

²⁴ Xem *Didascalía*, II, 34,3; II, 46,6; II 47, 1; - *Constitutiones Apostolorum*, II, 47, 1: x.b. F.X. Funk, *Didascalía et Constitutiones*, I, trg 116, 142 và 143.

vun trông ơn gọi riêng của mình theo Phúc Âm, để có một đức ái chân thành và linh hoạt, để được sự tự do mà Chúa Kitô đã dùng để giải thoát chúng ta²⁵. Những nghi lễ dù đẹp mắt, những hội đoàn dù phát triển rầm rộ cũng không có ích bao nhiêu, nếu chúng không hướng về việc giáo dục con người đạt tới sự trưởng thành Kitô giáo²⁶. Để đạt đến sự trưởng thành đó, các Linh Mục phải giúp họ sáng suốt nhận ra chính các biến cố lớn nhỏ, đâu là việc phải làm, đâu là ý Chúa muốn. Các ngài cũng phải dạy các Kitô hữu để họ không chỉ sống riêng cho mình, nhưng theo những đòi hỏi của luật bác ái mới, mỗi người phải tùy ơn nhận được mà phục vụ lẫn nhau²⁷; và như vậy, mọi người chu toàn nhiệm vụ của mình theo tinh thần Kitô giáo trong cộng đoàn nhân loại.

Tuy mắc nợ với hết mọi người, nhưng các Linh Mục phải đặc biệt săn sóc những người nghèo khổ và yếu đuối được trao phó cho mình: vì chính Chúa đã tỏ ra là bạn hữu với họ²⁸ và coi việc rao giảng Phúc Âm cho họ là dấu hiệu cho công cuộc cứu thế²⁹. Các Linh Mục cũng phải đặc biệt tận tâm theo dõi các thanh thiếu niên, ngay cả những người đã có đôi bạn và những bậc phụ huynh, để ước gì họ họp thành những nhóm bạn hữu biết giúp đỡ nhau sống đời Kitô giáo một cách dễ dàng và đầy đủ hơn trong cuộc sống đầy khó khăn. Các Linh Mục cũng đừng quên các tu sĩ nam nữ, vì họ là thành phần ưu tú trong nhà Chúa, họ đáng được coi sóc đặc biệt để được tấn tới trong đường thiêng liêng hầu giúp ích cho toàn thể Giáo Hội. Sau hết,

²⁵ Xem Gal 4,3 ; 5,1 và 13.

²⁶ Xem T. Hieronymô, *Epist.*, 58,7: "Thành quách chói sáng ngọc ngà nào có ích chi, nếu Chúa Kitô chết đời trong thân phận một người nghèo khổ?": PL 22,584.

²⁷ Xem 1P 4,10 tt.

²⁸ Xem Mt 25,34-45.

²⁹ Xem Lc 4,18.

các ngài phải hết sức ân cần chăm sóc những người yếu đau và hấp hối bằng cách thăm viếng và an ủi họ trong Chúa³⁰.

Vì thế, nhiệm vụ của Chủ Chăn không phải chỉ thu hẹp trong việc coi sóc từng cá nhân tín hữu, nhưng còn lan rộng tới việc huấn luyện một cộng đoàn Kitô hữu đích thực. Muốn thế, tinh thần cộng đoàn đích thực này phải bao gồm không những Giáo Hội địa phương mà cả Giáo Hội phổ quát nữa. Vì thế, cộng đoàn địa phương không những phải lưu tâm đến việc chăm sóc các tín hữu của mình, nhưng một khi đã thấm nhuần nhiệt tâm truyền giáo còn phải dọn đường cho mọi người đến với Chúa Kitô. Tuy nhiên, cộng đoàn đặc biệt chú trọng đến các dự tòng và các tân tòng, họ phải được giáo dục dần dần để hiểu biết và sống đời Kitô hữu.

Không một cộng đoàn Kitô hữu nào được thiết lập mà không đặt nền tảng và trọng tâm vào việc cử hành Phép Thánh Thể Chí Thánh: cho nên mọi nền giáo dục về tinh thần cộng đoàn phải bắt đầu từ đó³¹. Nhưng việc cử hành này muốn được chân thành đầy đủ, thì một đảng phải đưa đến những việc bác ái và tương trợ lẫn nhau, đảng khác phải dẫn tới các hoạt động truyền giáo, và cả những hình thức minh chứng Kitô giáo nữa.

³⁰ Có thể kể những hạng người khác, ví dụ những người di cư, những dân du mục v.v... Vấn đề này được đề cập đến trong Sắc Lệnh về Nhiệm vụ Mục vụ của các Giám Mục trong Giáo Hội Christus Dominus, 28-10-1965.

³¹ Xem *Didascalía*, II, 59, 1-3: "Khi dạy dỗ, hãy truyền bảo và khuyến dụ dân chúng năng đến nhà thờ, đừng bao giờ vắng mặt, trái lại tụ họp nhau luôn, và đừng xa lánh, vì như thế khiến Giáo Hội bị giảm thiểu và bớt mất một chi thể nơi Thân Thể Chúa Kitô... Vậy, anh em là chi thể Chúa Kitô, chính anh em đừng phân tán xa Giáo Hội chỉ vì không chịu hội họp với nhau; anh em có Chúa Kitô là Đầu, Người đang hiện diện và thông hiệp với anh em theo như lời Người hứa; vì thế chính anh em đừng khinh khi và khiến Đấng Cứu Thế trở nên xa lạ với các chi thể Người, đừng chia rẽ và phân tán Thân Thể Người..." :x.b. F.X. Funk, I, trg 170. - Phaolô VI, diễn văn trước một số giáo sĩ Ý tham dự Đại Hội XIII Di aggiornamento pastorale, 6-9-1963: AAS (1963), trg 750 tt.

Ngoài ra, nhờ bác ái, kinh nguyện, gương lành và những việc sám hối, cộng đoàn Giáo Hội thực thi tình mẫu tử chân thực đối với những linh hồn phải được đưa về với Chúa Kitô. Thực thể, cộng đoàn Giáo Hội hợp thành một khí cụ hữu hiệu để chỉ dẫn hoặc mở đường cho những kẻ chưa tìm đến cùng Chúa Kitô và Giáo Hội Người, cũng như để khích lệ, dưỡng nuôi và củng cố các tín hữu trên đường chiến đấu thiêng liêng.

Trong việc kiến thiết cộng đoàn Kitô hữu, các Linh Mục không bao giờ phục vụ cho một chủ thuyết hay một đảng phái nhân loại nào, nhưng vì là những vị rao giảng Phúc Âm và là chủ chăn của Giáo Hội, các ngài lo lắng theo đuổi việc phát triển thiêng liêng của Thân Thể Chúa Kitô.^{5*}

II. Liên Lạc Giữa Linh Mục Với Những Người Khác

7. Tương quan giữa Giám Mục và Linh Mục. Tất cả các Linh Mục, hiệp nhất với các Giám Mục, đều tham dự cùng một chức Linh Mục và thừa tác vụ duy nhất của Chúa Kitô; cho nên, chính tính cách duy nhất của việc tấn phong và sứ mệnh đòi phải có sự hiệp thông phẩm trật giữa các ngài và hàng Giám Mục³²; đôi khi mỗi hiệp thông đó được biểu hiện một cách rất cao đẹp trong việc cùng cử hành phụng vụ, và một cách minh nhiên trong khi cử hành Tiệc Thánh Thể³³. Do đó, vì ơn Chúa

^{5*} *Nhiệm vụ chăn dắt đoàn chiên phải được coi như việc giáo dục đức tin và đức ái đối với mọi người, nhất là những người yếu đuối cần giúp đỡ nhiều hơn. Ngoài ra còn mục đích kiến tạo cộng đoàn Kitô hữu đích thực mà điều cốt yếu chính là tinh thần truyền giáo.*

³² Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, 21-11-1964, số 28: AAS 57 (1965), trg 35.*

³³ Xem *Constitutionem Ecclesiasticam Apostolorum, XVIII: Các Linh Mục là những kẻ đồng tham dự các mẫu nhiệm (symmystai) và đồng chiến đấu (synepemachoi) của các Giám Mục: x.b. Th. Schermann, Die allgemeine Kirchenordnung, I, Paderborn 1914, trg 26. - A. Harnack, Die Quellen der sog.*

Thánh Thần ban cho các Linh Mục khi lãnh nhận Chức Thánh, các Giám Mục phải coi các ngài như những trợ tá và cố vấn cần thiết trong thừa tác vụ, cũng như trong chức vụ dạy dỗ, thánh hóa và chăn dắt dân Chúa³⁴. Ngay từ thời xa xưa của Giáo Hội, các văn kiện phụng vụ đã mạnh dạn công bố điều đó khi long trọng cầu xin Chúa ban cho Linh Mục sắp thụ phong "tinh thần ân sủng và khôn ngoan, để ngài giúp đỡ và điều khiển dân chúng với một tâm hồn trong sạch"³⁵; cũng như xưa trong sa mạc, tinh thần của Môisen đã lan truyền sang tâm trí của bảy mươi người khôn ngoan³⁶ "để dùng họ như những trợ tá, ông dễ dàng cai trị đám quần chúng đông đúc trong dân"³⁷. Chính

Apostolischen Kirchenordnung, T.u. U. II, 5, trg 13, số 18 và 19. - Hieronymô Giã, De septem Ordinibus Ecclesiae: "...trong việc chức lãnh, họ là những người cùng với Giám Mục tham dự các mầu nhiệm": x.b. A. W. Kalf, Wurzburg 1937, trg 45. - T. Isidorô Hispal, De Ecclesiasticis Officiis, II, ch. VII: "Họ đứng đầu Giáo Hội của Chúa Kitô và tham dự với các Giám Mục trong việc cử hành Bí Tích Thánh Thể, cũng như trong việc dạy dỗ dân và trong phận vụ rao giảng": PL 83, 787.

³⁴ Xem *Didascalia*, II, 28, 4: x.b. F.X. Funk, trg 108. - *Constitutiones Apostolorum*, II, 28, 4; II, 34, 3 : n.v.t., trg 109 và 117.

³⁵ *Const. Apost. VIII, 16, 4: x.b. F.X. Funk, I, trg 523. - Xem Epistome Const. Apost., VI: n.v.t., II, trg 80, 3-4. - Testamentum Domini: "...Xin Chúa ban cho người này tinh thần ơn thánh, ơn khuyến dụ, ơn đại độ, và tinh thần linh mục... hầu người này giúp đỡ và cai trị dân Chúa trong việc làm với lòng kính sợ và tâm hồn trong trắng": bản dịch Latinh của I.E. Rahmani, Moguntiae 1899, trg 69. Ý tưởng này cũng gặp trong Trad. Apost.: x.b. B. Botte, La Tradition Apostolique de S. Hippolyte, Munster i. W. 1963, trg 20.*

³⁶ Xem *Ds 11, 16-25*.

³⁷ *Pont. Rom. Kinh Tiền Tụng lễ phong chức Linh Mục; những lời ấy đã có trong Sacramentarium Leonianum, Sacramentarium Gelasianum và Sacramentarium Gregorianum. Cũng gặp những ý tưởng tương tự trong Phụng vụ Đông Phương: xem Trad. Apost.: "...Xin Chúa nhìn đến tôi tớ Chúa đây và khẩn ban tinh thần ơn thánh và ơn khuyến dụ, tinh thần linh mục, để tôi tớ Chúa giúp đỡ và cai trị dân Chúa với một tâm hồn trong trắng, như Chúa đã nhìn đến dân Chúa chọn và đã ra lệnh cho Môisen tuyển lựa những bô lão mà Chúa đã đổ tràn Thánh Thần Chúa, Thánh Thần mà Chúa đã ban cho tôi tớ Chúa": theo bản dịch Latinh Verona, x.b. B. Botte, La Tradition Apostolique de S. Hippolyte. Essai de reconstruction, Munster i. W. 1963, trg 20. - Const. Apost. VIII, 16, 4 :x.b. F.X. Funk I, trg 522, 16-17. - Epist. Const. Apost. VI: x.b. F.X. Funk II trg 20, 5-7. -*

vì sự hiệp thông trong cùng một chức Linh Mục và thừa tác vụ, các Giám Mục phải coi các Linh Mục như anh em và bạn hữu³⁸, và hết sức lo lắng đến phần ích vật chất và nhất là thiêng liêng của các ngài. Thực vậy, trước hết các ngài gánh lấy trọng trách thánh hóa các Linh Mục của mình³⁹: do đó các ngài phải hết sức chú tâm đến việc đào luyện liên tục các Linh Mục của mình⁴⁰. Các Giám Mục phải sẵn sàng lắng nghe, hơn nữa phải hỏi han và đối thoại với các Linh Mục về những vấn đề cần thiết cho công việc mục vụ và ích lợi cho giáo phận. Nhưng để thực hiện điều đó, phải tùy theo phương thức thích hợp với những hoàn cảnh và nhu cầu ngày nay⁴¹, tùy hình thức và tiêu chuẩn do quy luật ấn định, mà thành lập một hội đồng hay một

Testamentum Domini: bản dịch Latinh của I. E. Rahmani, Moguntiae 1899, trg 69. - Euchologium Serapionis, XXVII: x.b. F.X. Funk, Didascalía et Constitutiones II, trg 190, hàng 1-7. - Ritus Ordinationis in ritu Maronitarum: bản dịch H. Denzinger, Ritus Orientalium, II, Wurzburg, 1863, trg 161; - Trong số các Giáo Phục, có thể kể: Theodorô Mopsuestenô, In 1Tim. 3,8 : x.b. Swete, II, trg 119-121. - Theodoretô, Questiones in numeros, XVIII: PG 80, 369C-372 B.

³⁸ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 21-11-1964, số 28: AAS 57 (1965), trg 35.

³⁹ Xem Gioan XXIII, Tđ. *Sacerdotii Nostri primordia*, 1-8-1959: AAS 51 (1959) trg 576. - T. Piô X, huấn dụ giáo sĩ *Haerent Animo*, 4-8-1908 : S. Pii X Acta, q. IV (1908), trg 237 tt.

⁴⁰ Xem CĐ Vat. II, Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của Giám Mục trong Giáo Hội *Christus Dominus*, 28-10-1965, số 15 và 16.

⁴¹ Theo Giáo luật hiện hành, Kinh sĩ hội Chính tòa như là "nguyên lão viện và ban cố vấn" của Giám Mục (C.I.C., kh. 391) hoặc nếu không có, thì Hội đồng cố vấn giáo phận thay thế (xem C.I.C., kh. 423-428). Tuy nhiên điều rất đáng mong ước là những tổ chức ấy phải được chỉnh đốn lại cho thích hợp hơn với những hoàn cảnh và nhu cầu hiện đại. Hội đồng Linh Mục dĩ nhiên khác Ủy Ban cố vấn mục vụ: về vấn đề này có nói trong Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các Giám Mục trong Giáo Hội *Christus Dominus*, 28-10-1965, số 27, vì trong Ủy Ban cố vấn mục vụ có cả giáo dân, và chỉ có thẩm quyền trong những gì liên quan đến hoạt động mục vụ. Về việc các Linh Mục như là cố vấn của Giám Mục có thể xem *Didascalía II*, 28,4: x.b. F.X. Funk, I, trg 108. - *Const. Apost. II*, 28,4: x.b. F.X. Funk, I, trg 109. - T. Ignatiô Tử đạo, *Magn. 6,1*: x.b. F.X. Funk, trg 194; *Trall.*, 3,1: x.b. F.X. Funk, trg 204. Origenê, *Contra Celsum III*, 30: các Linh Mục là những cố vấn hay là *bouleytai*: PG 11, 957D-960 A.

nguyên lão viện các Linh Mục⁴², đại diện cho Linh Mục Đoàn, để có thể góp ý kiến giúp đỡ Giám Mục một cách hữu hiệu hơn trong việc quản trị địa phận.

Phần các Linh Mục, nên nhớ rằng: các Giám Mục lãnh nhận sung mãn Bí Tích Truyền Chức Thánh, nên phải tôn trọng nơi các Ngài quyền bính của Chúa Kitô, Chủ Chăn tối cao. Vậy các Linh Mục phải kết hiệp với Giám Mục bằng tình thương yêu chân thành và lòng vâng phục⁴³. Được thẩm nhuần tinh thần cộng tác, đức vâng phục của Linh Mục, đặt nền tảng trên chính việc tham dự vào thừa tác vụ của Giám Mục, mà các Linh Mục đã lãnh nhận khi chịu Bí Tích Truyền Chức Thánh và bài sai do Đức Giám Mục trao⁴⁴.

Ngày nay, sự hiệp nhất giữa các Linh Mục và các Giám Mục lại càng khẩn thiết hơn, vì trong thời đại chúng ta, bởi nhiều lý do, các công cuộc tông đồ không những cần phải mang rất nhiều hình thức khác nhau, nhưng thật ra còn cần phải vượt khỏi giới hạn giáo xứ hay giáo phận. Vậy, không một Linh Mục nào có thể chu toàn đầy đủ sứ mệnh của mình một cách lẻ loi

⁴² Ignatiô Tử đạo, *Magn.*, 6,1: "Cha van xin các con hãy chăm chú làm mọi sự trong bầu hòa khí của Thiên Chúa, dưới quyền Giám Mục, Đại diện Thiên Chúa, dưới quyền các vị linh mục, đại diện hội đồng các Tông Đồ, và dưới quyền các phó tế rất thân ái của cha, vì những vị này được ủy thác phục vụ Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã ngự bên Thiên Chúa từ trước khi có các thời đại, và đã xuất hiện vào cuối thời": x.b. F.X. Funk, trg 195. - T. Ignatiô Tử đạo, *Trall.* 3,1: "Cũng vậy, mọi người hãy kính trọng các vị phó tế như đối với Chúa Kitô, cũng như kính trọng Giám Mục là hình ảnh Chúa Cha, các Linh Mục là nguyên lão viện của Thiên Chúa và là hội đồng các Tông Đồ: vì không có các đấng ấy, không thể nói đến Giáo Hội": n.v.t., trg 204. - T. Hieronymô, *In Isaiam*, II, 3: PL 24,61 D: "Trong Giáo Hội, chúng ta cũng có nguyên lão viện của chúng ta là hội đồng Linh Mục".

⁴³ Xem Phaolô VI, diễn văn tại đền Sixtine cho các cha xứ và các linh mục giảng thuyết mùa chay ở Roma, 1-3-1965: AAS 57 (1965), trg 326.

⁴⁴ Xem *Const. Apost.* VIII, 47,39: "Các linh mục... không được làm gì mà không hỏi ý kiến Giám Mục, vì chính Giám Mục là người mà Dân Chúa đã được ủy thác và Ngài phải trả lễ về những linh hồn được các linh mục coi sóc": x.b. F.X. Funk, trg 577.

và hầu như riêng rẽ, nhưng phải hợp với các Linh Mục khác, dưới sự điều khiển của các vị lãnh đạo trong Giáo Hội.^{6*}

8. Hiệp nhất và cộng tác huynh đệ giữa các Linh Mục. Khi gia nhập hàng Linh Mục nhờ Bí Tích Truyền Chức Thánh, tất cả các Linh Mục liên kết với nhau bằng một tình huynh đệ do bí tích; nhưng đặc biệt trong một giáo phận, khi được chỉ định phục vụ dưới quyền Giám Mục của mình, các ngài hợp thành một Linh Mục Đoàn duy nhất. Thực vậy, tuy giữ những chức vụ khác nhau, nhưng các ngài vẫn thi hành một thừa tác vụ Linh Mục duy nhất cho loài người. Thật thế, tất cả các Linh Mục đều được sai đi để cùng cộng tác vào một công việc: hoặc thi hành thừa tác vụ ở giáo xứ hay liên xứ, hoặc giúp vào công cuộc nghiên cứu khoa học hay dạy học, hoặc làm việc chân tay khi được Giáo Quyền hữu trách chấp nhận và được coi là có lợi ích để chia sẻ số phận của chính các công nhân, hoặc sau hết, chu toàn những công việc tông đồ khác, hay những việc chuẩn bị cho công cuộc tông đồ. Nhưng tất cả các Linh Mục đều phải hướng về mục đích duy nhất này là xây dựng Thân Thể Chúa Kitô; việc này đòi hỏi rất nhiều phận vụ khác nhau cũng như nhiều thích nghi mới mẻ, nhất là trong thời đại chúng ta. Bởi thế, điều rất quan trọng là tất cả các Linh Mục, triều cũng như dòng, phải giúp đỡ nhau, để luôn luôn là những cộng tác viên của chân lý⁴⁵. Vì vậy, mỗi vị liên kết với những thành phần khác nhau của Linh Mục Đoàn bằng những mối dây đặc biệt của tình bác ái tông đồ, của thừa tác vụ và tình huynh đệ: điều này đã được biểu hiện trong phụng vụ, ngay từ thời xa xưa, khi các Linh Mục hiện diện được mời cùng với Giám Mục

^{6*} Sự duy nhất trong việc hiến thánh và trong sứ mệnh là lý do sâu xa tạo nên cộng đoàn phẩm trật giữa Giám Mục và các linh mục và quy định mọi liên lạc hỗ tương: đó là lòng quý trọng và tín nhiệm về phía Giám Mục đối với các linh mục đoàn cũng như lòng thảo kính và vâng lời nơi các linh mục đối với Giám Mục của các ngài.

⁴⁵ Xem 3Gio 8.

chủ phong đặt tay trên vị tiền chức, và khi các ngài đồng tâm cùng cử hành Bí Tích Thánh Thể. Vậy, mỗi Linh Mục hiệp nhất với các anh em Linh Mục khác bằng mỗi dây bác ái, cầu nguyện và cộng tác dưới mọi hình thức, và như thế, thể hiện được sự hiệp nhất mà Chúa Kitô muốn cho các môn đệ Người kết hợp nên một, để thế gian nhận biết Chúa Con đã được Chúa Cha sai⁴⁶.

Bởi vậy, những Linh Mục lớn tuổi hãy thực sự đón nhận các Linh Mục trẻ như những người em và hãy giúp đỡ họ trong những công tác cũng như những gánh nặng đầu tiên của thừa tác vụ; hơn nữa, các ngài nên cố gắng tìm hiểu tâm trạng của họ, dù khác với tâm trạng mình, và theo dõi các công việc của họ với lòng nhân hậu. Cũng thế, các Linh Mục trẻ phải kính trọng tuổi tác và kinh nghiệm của các vị lớn tuổi cũng như phải bàn hỏi với các ngài về những vấn đề liên quan đến việc coi sóc các linh hồn và sẵn lòng cộng tác với các ngài.

Trong tình thân huynh đệ đó, các Linh Mục đừng quên lòng hiếu khách⁴⁷, phải lo làm việc thiện và san sẻ của cải⁴⁸, nhất là phải chú tâm đến những vị đau yếu, phiền muộn, lao碌, cô đơn, bị đày ải và ngay cả những vị bị bách hại⁴⁹. Các ngài cũng hãy sẵn lòng và vui vẻ họp nhau để tĩnh dưỡng tâm hồn, vì nhớ lại những lời mà chính Chúa đã mời gọi các Tông Đồ mệt mỏi: "Các con hãy đến nơi thanh vắng và nghỉ ngơi một chút" (Mc 6,31). Ngoài ra, để giúp nhau vun trồng đời sống thiêng liêng và tri thức, để có thể cộng tác với nhau đắc lực hơn trong thừa tác vụ, và để tránh những nguy hiểm có thể xảy ra do sự cô đơn, các Linh Mục phải cố võ một đời sống chung, hoặc một lối sống cộng đồng nào đó. Việc này có thể thực hiện theo nhiều

⁴⁶ Xem Gio 17,23.

⁴⁷ Xem Dth 13,1-2.

⁴⁸ Xem Dth 13,16.

⁴⁹ Xem Mt 5,10.

hình thức khác nhau tùy những nhu cầu khác biệt thuộc cá nhân hay mục vụ: như ở chung nơi nào có thể hoặc ăn chung, hoặc ít là có những cuộc họp mặt thường xuyên và định kỳ. Cũng nên thành lập và nhiệt liệt khuyến khích các hội Linh Mục mà nội quy đã được giáo quyền hữu trách chuẩn nhận, những hội này cổ võ các Linh Mục nên thánh trong khi thi hành thừa tác vụ bằng cách tổ chức một đời sống thích hợp đã cùng nhau chấp nhận và bằng sự tương trợ huynh đệ; như vậy những hội đó hướng về việc phục vụ toàn thể hàng Linh Mục.

Sau hết, vì liên kết với nhau trong chức Linh Mục như thế, nên các ngài phải biết rằng mình đặc biệt có trách nhiệm đối với những vị đang gặp những hoàn cảnh khó khăn; các ngài phải kịp thời giúp đỡ, và nếu cần phải khuyên bảo một cách tế nhị. Đối với những vị khiêm khuyết về một vài vấn đề nào đó, các ngài phải luôn lấy tình bác ái huynh đệ và quảng đại mà đối xử, lại phải cầu nguyện rất nhiều với Chúa cho các vị đó, và phải luôn tỏ ra mình là anh em và bạn hữu đích thực của họ^{7*}.

9. Tương quan giữa Linh Mục và giáo dân. Các Linh Mục Tân Ước, tuy bởi Bí Tích Truyền Chức Thánh, thi hành nhiệm vụ rất cao cả và cần thiết là làm Cha và làm Thầy trong Dân Chúa và cho Dân Chúa, nhưng đồng thời cùng với mọi Kitô hữu, các ngài cũng là môn đệ Chúa Kitô, được dự phần trong Nước Chúa nhờ ơn gọi của Người⁵⁰. Thật vậy, cùng với tất cả những ai được tái sinh trong suối nước Rửa Tội, các Linh Mục là những anh em giữa các anh em⁵¹, như chi thể của cùng một

^{7*} Nhờ Bí Tích Truyền Chức, các linh mục trở nên anh em với nhau. Trong một giáo phận, tình đoàn kết huynh đệ giữa các linh mục tạo thành "linh mục đoàn" của Giám Mục địa phương. Dù "phận vụ" của các linh mục dòng và triều có sự khác biệt, nhưng tất cả đều cùng chung một sứ mệnh, các ngài phải được nối kết với nhau trong tình tương thân tương ái tông đồ.

⁵⁰ Xem 1Th 2,12; Col 1,13.

⁵¹ Xem Mt 23,8. - "Muốn trở thành chủ chăn, thành người cha và thầy của mọi người, chúng ta phải là anh em của họ": Phaolô VI, Tđ. *Ecclesiam suam*, 6-8-1964: AAS 58 (1964), trg 647.

Thân Thê duy nhất của Chúa Kitô mà mọi người có nhiệm vụ xây dựng⁵².

Như vậy các Linh Mục phải lãnh đạo làm sao để không tìm tư lợi, nhưng tìm lợi ích cho Chúa Giêsu Kitô⁵³; các ngài hợp tác với giáo dân và sống giữa môi trường của họ theo gương Thầy, Đấng đến ở giữa mọi người "không để được phục vụ, nhưng để phục vụ và hiến mạng sống mình thay cho nhiều người" (Mt 20,28). Các Linh Mục phải thành thật nhìn nhận và khích lệ phẩm giá và vai trò riêng của giáo dân trong sứ mệnh Giáo Hội. Các ngài cũng phải thành thật kính trọng sự tự do chân chính mà mọi người có quyền được hưởng trong xã hội trần gian. Các ngài phải sẵn lòng lắng nghe giáo dân, cứu xét các nguyện vọng của họ trong tinh thần huynh đệ, nhìn nhận kinh nghiệm và khả năng chuyên môn của họ trong các lãnh vực khác nhau của hoạt động nhân sinh, để cùng với họ có thể nhận biết những dấu chỉ của thời đại. Trong khi nghiệm xem các tinh thần có phải từ Thiên Chúa đến hay không⁵⁴, các ngài phải lấy tinh thần đức tin mà khám phá, vui mừng mà nhận biết, và chuyên cần phát triển những đặc sủng muôn hình của giáo dân, từ đặc sủng nhỏ bé nhất đến đặc sủng cao cả nhất. Trong những đặc ân mà Thiên Chúa ban tràn đầy trên các tín hữu, phải đặc biệt lưu tâm đến ơn lời kéo một số giáo dân tiến xa hơn trên đường thiêng liêng. Cũng thế, các ngài phải tin tưởng trao phó nhiệm vụ cho các giáo dân trong việc phục vụ Giáo Hội, để cho họ được tự do và có lãnh vực hoạt động, hơn nữa lúc thuận tiện, phải khuyến khích họ tự ý đảm trách công việc⁵⁵.

⁵² Xem Eph 4,7 và 16. - Const. Apost. VIII, 1,20: "Giám Mục không nên chống các phó tế hoặc linh mục, cũng như các linh mục không nên chống dân chúng, vì cả hai đều làm thành một cộng đoàn": x.b. F.X. Funk, I, trg 467.

⁵³ Xem Ph 2,21.

⁵⁴ Xem 1Gio 4,1.

⁵⁵ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium* 21-11-1964, số 37: AAS 57 (1965), trg 42-43.

Sau cùng, các Linh Mục được đặt giữa giáo dân để dẫn đưa mọi người về hiệp nhất trong đức ái, hãy "thương yêu nhau với tình bác ái huynh đệ, thi đua tôn trọng lẫn nhau" (Rm 12,10). Vậy các ngài phải tìm cách hòa hợp các tâm trạng khác nhau, để không ai cảm thấy mình xa lạ trong cộng đoàn tín hữu. Các ngài là những người bênh vực ích chung mà các ngài coi sóc nhân danh Giám Mục, và đồng thời là những người can đảm bảo vệ chân lý để các tín hữu không bị lôi cuốn bởi bất cứ luồng lý thuyết nào⁵⁶. Các ngài phải đặc biệt lo lắng đến những kẻ đã xao lãng việc lãnh nhận các bí tích, và những kẻ có lẽ đã mất đức tin; như những người chán chường lạnh các ngài đừng quên lui tới thăm nom họ.

Các ngài phải lưu tâm đến những nguyên tắc về sự hiệp nhất⁵⁷ để đừng quên những anh em không được cùng chúng ta thông hiệp trọn vẹn với Giáo Hội.

Sau hết, các ngài phải đặc biệt coi sóc tất cả những người chưa nhận biết Chúa Kitô là Đấng Cứu Chuộc mình.

Nhưng chính các Kitô hữu phải ý thức rằng mình có trách nhiệm đối với các Linh Mục của mình, và phải lấy lòng thảo hiếu mà đối xử với các ngài như những chủ chăn và như là cha mình vậy; cũng thế, họ phải chia sẻ những nỗi lo âu của các ngài, giúp đỡ các ngài bằng lời cầu nguyện và bằng việc làm càng nhiều càng hay, để các ngài có thể thắng vượt những khó khăn một cách dễ dàng hơn, và chu toàn trách vụ của mình một cách hữu hiệu hơn^{58, 8*}.

⁵⁶ Xem Eph 4,14.

⁵⁷ Xem CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Hiệp Nhất Unitatis Redintegratio, 21-11-1964: AAS 57 (1965) trg 90 tt.

⁵⁸ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, 21-11-1964, số 37 AAS 57 (1965), trg 42-43.

^{8*} Nhờ Bí Tích Rửa Tội, các linh mục được gia nhập Dân Chúa, trở nên người anh em "của các anh em". Nhờ Bí Tích Truyền Chức, các ngài lãnh trách nhiệm lãnh đạo cộng đoàn, nhưng các ngài phải sống như nô bộc biết đón nhận, lắng nghe

III. Phân Phối Linh Mục Và Ôn Kêu Gọi Linh Mục

10. Phân phối Linh Mục để lo cho toàn thể Giáo Hội. Ân huệ thiêng liêng mà các Linh Mục đã nhận lãnh trong khi chịu chức, chuẩn bị cho các ngài không phải cho một sứ mệnh giới hạn và thu hẹp nào đó, nhưng cho một sứ mệnh cứu rỗi rất rộng lớn và bao quát "đến tận cùng trái đất" (CvTđ 1,8), vì bất cứ thừa tác vụ linh mục nào cũng tham gia vào sứ mệnh rộng lớn và bao quát mà Chúa Kitô đã trao phó cho các Tông Đồ. Thực vậy, chức Linh Mục của Chúa Kitô mà các Linh Mục được tham dự, cần phải hướng về mọi dân nước và mọi thời đại, không bị hạn chế bởi một ranh giới, một dân tộc hay một thời đại nào, như đã được tiêu biểu cách huyền nhiệm trong hình ảnh Melchisedê⁵⁹. Do đó các Linh Mục phải để tâm lo lắng cho tất cả các giáo hội. Bởi thế các Linh Mục thuộc các giáo phận giàu ơn gọi hơn, khi được Đấng Bản Quyền cho phép hoặc khích lệ, hãy hăm hở tỏ ra sẵn sàng thi hành thừa tác vụ mình trong các địa hạt, trong các xứ truyền giáo, hay trong những hoạt động bị sa sút vì thiếu Linh Mục.

Ngoài ra, những tiêu chuẩn về việc xuất nhập giáo phận phải được duyệt lại thế nào để, đầu phải duy trì quy chế đã có từ lâu đời, nhưng vẫn đáp ứng được với những nhu cầu mục vụ ngày nay một cách tốt đẹp hơn. Vậy nơi nào hoàn cảnh tông đồ đòi hỏi, thì cần phải dễ dãi hơn trong việc phân phối các Linh Mục một cách thích hợp, cũng như trong những công việc mục vụ chuyên biệt dành cho những môi trường xã hội khác nhau để

và nhận ra những đặc sủng nơi các tín hữu mà các ngài giúp khám phá ra trách nhiệm riêng của họ. Các linh mục cần phải nhận thức bốn phận mình là phải hoạt động chung với họ với tinh thần Bác ái trong việc phục vụ Giáo Hội.

⁵⁹ Xem Dth 7,3.

những công việc đó được hoàn thành trong một miền, một quốc gia, hoặc trong bất cứ phần đất nào trên thế giới. Vậy để đạt mục đích đó, điều hữu ích là có thể thiết lập những chủng viện quốc tế, những giáo phận đặc biệt, hoặc những tổ chức tương tự khác, trong đó các Linh Mục có thể được bổ dụng hoặc gia nhập để mưu cầu công ích cho toàn thể Giáo Hội, tùy theo những cách thức được ấn định cho từng tổ chức và bao giờ cũng tôn trọng quyền lợi các Đấng Bản Quyền địa phương.

Nhưng khi gửi các Linh Mục đến một địa hạt mới, nhất là khi các ngài chưa biết rõ ngôn ngữ và phong tục của địa hạt đó, thì hãy hết sức lo liệu làm sao để đừng sai họ đi từng người một, nhưng theo gương các môn đệ của Chúa Kitô⁶⁰, hãy cho đi ít là từng hai hay ba người, để nhờ đó họ có thể giúp đỡ lẫn nhau. Cũng phải để tâm chăm sóc đời sống thiêng liêng, sức khỏe tinh thần và thể xác của các ngài; và nếu có thể, chuẩn bị cho các ngài nơi ở và những điều kiện để làm việc tùy hoàn cảnh cá biệt của mỗi người. Cũng phải tiên liệu hết sức cho những vị đi đến một dân tộc mới, chẳng những học biết đầy đủ ngôn ngữ của miền này và hơn nữa những đặc tính tâm lý và xã hội của dân tộc mà các ngài muốn khiêm tốn phục vụ, để dễ dàng cảm thông được với họ, theo gương Thánh Phaolô Tông Đồ, Đấng đã có thể nói về mình: "Thật vậy, mặc dầu tôi tự do đối với mọi người, nhưng tôi phục vụ hết thảy hầu làm ích cho nhiều người. Và với người Do Thái, tôi trở nên như Do Thái, cốt sinh lợi cho Do Thái..." (1Cor 9,19-20).^{9*}

11. *Quan tâm đến các ơn kêu gọi làm Linh Mục.* Chúa Giêsu, vị Chủ Chăn và Giám Mục của linh hồn chúng ta⁶¹, khi

⁶⁰ Xem Lc 10,1.

^{9*} *Nền tảng giáo lý về sự từng phục hoàn toàn của các linh mục, nghĩ a là sẵn sàng đảm nhận bất cứ chức vụ gì ở bất cứ nơi nào, hệ tại sự tham dự vào chức Linh Mục của Chúa Kitô, vào sứ mệnh phổ quát mà Chúa đã ủy thác cho các Tông Đồ. Trách nhiệm của các linh mục vì vậy cũng mang một tương độ phổ quát.*

⁶¹ Xem 1P 2,25.

thiết lập Giáo Hội Người, đã muốn Dân mà Người đã chọn lựa và chuộc lại bằng máu mình⁶², phải luôn luôn có các Linh Mục cho đến tận thế, để các Kitô hữu không bao giờ giống như những con chiên không có người chăn⁶³. Hiểu biết ý muốn của Chúa Kitô như thế và được Chúa Thánh Thần thúc đẩy, các Tông Đồ đã nhận thấy mình có nhiệm vụ chọn những thừa tác viên "có đủ khả năng mà dạy lại cho người khác" (2Tm 2,2). Chắc chắn nhiệm vụ đó thuộc về chính sứ mệnh Linh Mục, cho nên Linh Mục phải chia sẻ nỗi lo lắng của toàn thể Giáo Hội, để Dân Chúa ở trần gian không bao giờ thiếu người làm việc. Nhưng vì "thuyền trưởng và những khách đi tàu... cùng chung một số phận"⁶⁴, nên toàn dân Kitô giáo phải được dạy dỗ để biết mình có nhiệm vụ phải cộng tác bằng nhiều cách khác nhau: bằng lời cầu nguyện tha thiết cũng như bằng những phương thế khác mà họ sẵn có⁶⁵ ngõ hầu Giáo Hội lúc nào cũng có những Linh Mục cần thiết để chu toàn sứ mệnh Chúa trao phó. Vậy trước hết các Linh Mục phải hết sức để tâm trình bày cho các tín hữu sự cao quý và cần thiết của chức Linh Mục; các ngài có thể làm cho họ hiểu điều ấy bằng lời giảng dạy và bằng chứng tá đời sống, một đời sống bộc lộ rõ ràng tinh thần phục vụ và niềm vui phục sinh đích thực; và sau khi thận trọng phán đoán những ai hoặc còn trẻ hoặc đã trưởng thành, có đủ tư cách thi hành chức vụ cao cả này, các ngài đừng quản ngại lo lắng và khó khăn mà giúp họ dọn mình xứng đáng, cho đến một ngày kia, các Giám Mục có thể gọi họ mà họ vẫn hoàn toàn tự do cả bên trong lẫn bên ngoài. Để đạt tới mục đích đó, phải chuyên cần và khôn ngoan hướng dẫn về mặt thiêng liêng, vì đó là một điều ích lợi hơn cả. Các phụ huynh, giáo chức và tất

⁶² Xem CvTđ 20,28.

⁶³ Xem Mt 9,36.

⁶⁴ Pont. Rom. Lễ phong chức Linh Mục.

⁶⁵ Xem CĐ Vat. II, Sắc lệnh về việc Đào Tạo Linh Mục *Optatam Totius*, 28-10-1965, số 2.

cả những ai tham gia một cách nào đó vào việc giáo dục thiếu nhi và thanh thiếu niên, phải dạy chúng làm sao để một khi đã nhận biết mối bận tâm của Chúa đối với đoàn chiên Người, cũng như khi nhìn đến những nhu cầu của Giáo Hội, họ sẵn sàng quảng đại đáp lại lời Chúa gọi, như tiên tri xưa: "Này con đây, xin hãy sai con" (Is 6,8). Nhưng tiếng Chúa gọi đây không tới tai các Linh Mục tương lai một cách lạ thường như người ta tưởng. Thật vậy, đúng hơn tiếng gọi đó phải được hiểu và nhận định qua những dấu hiệu mà hằng ngày Chúa muốn dùng để tỏ ý Người cho các Kitô hữu khôn ngoan; các Linh Mục phải cẩn thận cứu xét những dấu hiệu đó⁶⁶.

Do đó, hết sức khuyến khích các ngài tham gia những hội cổ võ ơn kêu gọi trong giáo phận hay trong toàn quốc⁶⁷. Những bài giảng, những giờ giáo lý, những sách báo phải nêu cho người ta biết rõ các nhu cầu của Giáo Hội địa phương cũng như của Giáo Hội hoàn cầu; phải trình bày cách sống động ý nghĩa và sự cao quý của chức vụ Linh Mục, vì đây là một chức vụ mang những trọng trách nặng nề nhưng đồng thời cũng tràn đầy hoan lạc, và nhất là vì có thể chứng tỏ một bằng chứng cao

⁶⁶ "Tiếng Chúa gọi được biểu hiện bằng hai cách khác nhau, nhưng đều tuyệt diệu và đồng quy: một là tiếng nói bên trong, đó là tiếng nói của ơn thánh, của Chúa Thánh Thần, của một sức lôi cuốn nội tâm khôn tả, một tiếng nói âm thầm và quyền năng của Chúa phát tỏa trong thâm cung con người không thể đo lường được; tiếng nói khác từ bên ngoài, có tính cách nhân loại, khả giác, xã hội, luật pháp cụ thể, đó là tiếng nói của thừa tác viên Lời Chúa có đầy đủ phẩm cách, là tiếng nói của vị Tổng Đốc, của Phẩm Trật, một dụng cụ cần thiết đã được Chúa Kitô thiết lập và muốn có như trung gian diễn ngữ sứ điệp của Ngôi Lời và giới luật của Thiên Chúa. Về điều này, giáo lý công giáo đã cùng với Thánh Phaolô dạy rằng: "Nếu không có Người giảng thuyết thì nghe biết làm sao được?... Đức tin do nghe nói (Rm 10,14 và 17)": Phaolô VI, huấn dụ ngày 5-5-1965: *l'Osservatore Romano*, 6-5-1965, trg 1.

⁶⁷ Xem *CE Vat. II*, Sắc lệnh về việc Đào Tạo Linh Mục *Optatam Totius*, 28-10-1965, số 2.

cả nhất về tình yêu đối với Chúa Kitô như các Giáo Phụ dạy⁶⁸.^{10*}

Chương III

Đời Sống Linh Mục

I. Các Linh Mục Được Mời Gọi Nên Hoàn Thiện

12. Nghĩa vụ sống thánh thiện. Nhờ Bí Tích Truyền Chức Thánh, các Linh Mục nên giống Chúa Kitô Linh Mục, để như là thừa tác viên của Đâu Nhiệm Thể và như những cộng tác viên của hàng Giám Mục, các ngài xây dựng và kiến thiết toàn Thân Người là Giáo Hội. Đành rằng ngay từ khi được thánh hiến nhờ phép Rửa Tội, như mọi Kitô hữu, các ngài đã lãnh nhận dấu tích và ân huệ của ơn gọi và ơn sủng cao trọng, dù bản tính nhân loại yếu hèn¹, các ngài vẫn có thể theo đuổi và phải theo đuổi sự hoàn thiện, đúng như lời Chúa phán: "Các con hãy nên hoàn thiện như Cha các con ở trên trời là Đấng Hoàn Thiện" (Mt 5,48). Nhưng các Linh Mục còn có lý do đặc biệt phải đạt tới sự hoàn thiện này, vì khi lãnh nhận Chức Thánh là các ngài được thánh hiến cho Thiên Chúa theo một cách thức mới: các ngài trở nên những khí cụ sống động của Chúa Kitô

⁶⁸ Các Giáo Phụ dạy như thế khi chú giải những lời Chúa Kitô nói với Phêrô: "Con có yêu mến Ta không?... Hãy chăn các chiên mẹ của Ta" (Gio 21,17): chẳng hạn T. Gioan Kim Khẩu, *De Sacerdotio*, II, 2: PG 48, 633; - T. Gregoriô Cả, *Reg. Past. Liber: phần I, ch. 5: PL 77, 19A.*

^{10*} Các linh mục cộng tác vào ơn thiên triệu linh mục mà Chúa đoái thương ban cho con người bằng gương sống bản thân, bằng việc giáo huấn tín hữu và bằng cách nâng đỡ tinh thần đối với những ứng viên ngưỡng vọng thiên chức linh mục.

¹ Xem 2Cor 12,9.

Linh Mục Đồi Đồi, để qua các thời đại, các ngài có thể tiếp tục công việc kỳ diệu của Đấng đã lấy quyền năng cao cả mà tái lập toàn thể xã hội con người². Do đó, khi đóng vai trò của chính Chúa Kitô theo cách của mình, mỗi Linh Mục cũng nhận được những ơn riêng để trong khi phục vụ dân được trao phó cho ngài và phục vụ toàn thể dân Chúa, ngài có thể dễ dàng theo đuổi sự hoàn thiện của đời sống của Đấng mà mình đóng vai, và để sự yếu đuối của xác thịt loài người được lành mạnh nhờ sự thánh thiện của Đấng vì chúng ta đã trở nên Linh Mục Thượng Phẩm "thánh thiện, trong sạch, vô tội, tách biệt khỏi kẻ có tội" (Dth 7,26).

Chúa Kitô, Đấng Chúa Cha đã thánh hóa, thánh hiến và sai xuống trần gian³ "đã hiến thân cho chúng ta hầu cứu chúng ta khỏi mọi tội ác và thanh tẩy một dân đáng được Ngài chấp nhận và nhiệt thành với mọi việc lành" (Tit 2,14), và như thế qua cuộc khổ nạn mà vào vinh quang⁴. Các Linh Mục cũng vậy, sau khi được Chúa Thánh Thần thánh hiến bởi việc xúc dầu và được Chúa Kitô sai đi, các ngài hãm dẹp những việc của xác thịt nơi chính bản thân và hoàn toàn tận tâm phục vụ nhân loại; nhờ thế các ngài có thể tiến tới trên đường thánh thiện mà các ngài đã được tô điểm trong Chúa Kitô, để thành con người hoàn toàn⁵.

Bởi đó, khi thi hành thừa tác vụ của Chúa Thánh Thần và của sự công chính⁶, các ngài được vững mạnh trong đời sống thiêng liêng, miễn là các ngài ngoan ngoãn theo Thánh Thần Chúa Kitô, Đấng ban sự sống và dẫn dắt các ngài. Thực vậy, chính các ngài được kêu gọi đạt tới một đời sống hoàn thiện nhờ chính những công việc thánh thiện hằng ngày, cũng như

² Xem Piô XI, Tđ. *Ad catholici sacerdotii*, 20-12-1935 AAS: 28 (1936), trg 10.

³ Xem Gio 10,36.

⁴ Xem Lc 24,26.

⁵ Xem Eph 4,13.

⁶ Xem 2Cor 3,8-9.

nhờ thi hành trọn vẹn thừa tác vụ khi các ngài thông hiệp với Giám Mục và các Linh Mục khác. Và lại, chính sự thánh thiện của Linh Mục giúp các ngài rất nhiều trong việc chu toàn thừa tác vụ của mình một cách hữu hiệu: thật vậy, dù ơn Chúa có thể hoàn tất công trình cứu rỗi qua những thừa tác viên bất xứng, nhưng thường tình Thiên Chúa muốn tỏ ra những việc lạ lùng của Ngài qua những vị sẵn sàng nghe theo sự thúc giục và hướng dẫn của Chúa Thánh Thần hơn, bằng kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô và bằng một đời sống thánh thiện, để có thể nói như thánh Tông Đồ rằng: "dù tôi sống, nhưng không phải là tôi sống, mà thực ra Chúa Kitô sống trong tôi" (Gal 2,20).

Vì thế, để đạt tới những mục đích mục vụ trong việc canh tân bên trong Giáo Hội, để truyền bá Phúc Âm cho tất cả thế giới cũng như để đối thoại với thế giới ngày nay, Thánh Công Đồng này tha thiết khuyên tất cả các Linh Mục hãy dùng mọi phương tiện thích hợp mà Giáo Hội ban cho⁷ để luôn luôn nỗ lực tiến cao hơn trên đường thánh thiện, nhờ đó các ngài trở nên những khí cụ ngày càng thích hợp hơn cho việc phục vụ toàn thể Dân Chúa^{11*}.

13. Việc thi hành 3 nhiệm vụ Linh Mục đời buộc và khuyến khích sự thánh thiện. Thành tâm và kiên nhẫn thi hành chức vụ của mình trong tinh thần Chúa Kitô là phương pháp riêng giúp các Linh Mục theo đuổi sự thánh thiện.

⁷ Xem các văn kiện: T. Piô X, *Huấn dụ giáo sĩ Haerent animo*, 4-8-1908: S. Pii X Acta, q. IV (1908), trg 237 tt. - Piô XI, *Tđ. Ad catholici sacerdotii*, 20-12-1935: AAS 28 (1936), trg 5 tt. - Piô XII, *Tông huấn Menti Nostrae*, 23-9-1950: AAS 42 (1950), trg 657 tt. - Gioan XXIII, *Tđ. Sacerdotii Nostri primordia*, 1-8-1959, AAS 51 (1959), trg 545 tt.

^{11*} *Bí Tích Rửa Tội và Bí Tích Truyền Chức là nền tảng của bậc trọn lành linh mục. Các linh mục được mời gọi để trở thành những dụng cụ sống động của Chúa Kitô. Theo gương Chúa Kitô chết và sống lại, các ngài cũng phải chết cho chính mình để sống trọn vẹn cho tha nhân. Biết sống theo tinh thần của Chúa Kitô, các ngài có thể thánh hóa bản thân trong chính chức vụ của mình.*

Vì là thừa tác viên lời Chúa nên hằng ngày các ngài đọc và nghe lời Chúa mà các ngài sẽ phải dạy lại cho người khác; vì nếu một khi tâm hồn các ngài đã cố gắng đón nhận lời Chúa, thì càng ngày các ngài trở nên môn đệ hoàn thiện hơn của Chúa Kitô, như lời Thánh Phaolô Tông Đồ mới nói với Timotheô: "Con hãy tự giữ mình và hãy chăm lo lời mình dạy: hãy cương quyết như vậy, điều đó sẽ khiến con tự cứu rỗi con và cả những ai nghe lời con nữa" (1Tm 4,15-16). Thật vậy, khi tìm những cách thích hợp nhất để có thể thông ban cho kẻ khác những điều mình đã chiêm niệm⁸, các ngài mới nắm được một cách ý vị hơn "những sự phong phú không thể khám phá hết được của Chúa Kitô" (Eph 3,8) và sự khôn ngoan muôn mặt của Thiên Chúa⁹. Nhớ rằng chính Chúa là Đấng mở lòng¹⁰ và sự cao cả không do các ngài nhưng đến từ quyền năng Thiên Chúa¹¹, các ngài liên kết mật thiết hơn với Chúa Kitô là Thầy và được hướng dẫn bởi Thánh Thần Người trong chính hành động trao ban lời Chúa. Như vậy, thông hiệp với Chúa Kitô, các ngài thông phần vào tình yêu của Thiên Chúa mà mẫu nhiệm tình yêu đó đã giấu kín từ lâu đời¹² nay được mạc khải trong Chúa Kitô.

Như thừa tác viên của những Việc Thánh, nhất là trong Hiến Tế Thánh Lễ, các Linh Mục đặc biệt đóng vai Chúa Kitô, Đấng đã tự hiến chính mình làm lễ vật thánh hóa nhân loại; và như thế các ngài được mời gọi bắt chước điều các ngài đang thi hành, vì khi cử hành mẫu nhiệm Chúa chịu chết, các ngài phải lo khắc chế chi thể mình khỏi tật xấu và dục vọng¹³. Công việc

⁸ Xem T. Tôma, *Summa Theol. II-II, q. 188, a7.*

⁹ Xem Eph 3,9-10.

¹⁰ Xem CvTđ 16,14.

¹¹ Xem 2Cor 4,7.

¹² Xem Eph 3,9.

¹³ Xem Pont. Rom. Lễ phong chức Linh Mục.

cứu chuộc chúng ta được liên tục¹⁴ thực hiện trong màu nhiệm Hiến Tế Thánh Lễ, trong đó các linh mục chu toàn chức vụ trọng yếu nhất của mình; do đó, hết sức khuyến khích việc cử hành Thánh Lễ hằng ngày dù các tín hữu không thể tới dự, vì đó là hành động của Chúa Kitô và của Giáo Hội¹⁵. Như vậy, trong khi liên kết với hành động của Chúa Kitô Linh Mục, hằng ngày các Linh Mục tự hiến toàn thân cho Chúa, và trong khi được Minh Chúa Kitô nuôi dưỡng, tự thâm tâm mình, các ngài tham dự vào tình yêu của Đấng đã tự hiến làm lương thực nuôi các tín hữu. Trong khi thi hành các Bí Tích, các ngài cũng hiệp nhất với ý muốn và tình yêu của Chúa Kitô; và các ngài thể hiện sự hiệp nhất đó một cách đặc biệt, khi tỏ ra hoàn toàn và luôn luôn sẵn sàng ban Bí Tích Cáo Giải mỗi khi các giáo hữu thỉnh cầu một cách hợp lý. Trong khi các ngài đọc Kinh Nhật Tụng, Giáo Hội mượn tiếng của các ngài để không ngừng cầu nguyện nhân danh toàn thể nhân loại, và để kết hợp với Chúa Kitô, Đấng "luôn luôn sống để cầu bầu cho chúng ta" (Dth 7,25).

Là những vị cai quản và chăn dắt Dân Chúa, các ngài được tình yêu của Chúa Chiên nhân lành thúc đẩy hiến mạng sống cho con chiên¹⁶, và sẵn sàng hy sinh đến tột bậc, theo gương của nhiều Linh Mục, ngay cả trong thời hiện đại, không quản

¹⁴ Xem *Missale Romanum*, Lời nguyện trên lễ vật Chúa Nhật IX sau Hiện Xuống.

¹⁵ "Bất cứ Thánh Lễ nào, dù Linh Mục cử hành một mình cũng không mang tính cách riêng tư, nhưng đều là hành động của Chúa Kitô và của Giáo Hội; thực vậy, Giáo Hội đã học biết hiến dâng chính mình trong hy lễ mà Giáo Hội dâng như của lễ phổ quát và ứng dụng sự cứu rỗi độc nhất và vô cùng của hy lễ Thánh Giá cho phần rỗi của toàn thể thế giới. Mỗi một Thánh Lễ được cử hành, không phải chỉ dâng lên vì phần rỗi một vài người nhưng còn cho toàn thể giới (...) Vậy Ta lấy tình cha con tha thiết nhắn nhủ các Linh Mục là niềm vui lớn lao nhất và triều thiên của Ta trong Chúa... các ngài hãy cử hành Thánh Lễ hằng ngày một cách xứng đáng và thành kính": Phaolô VI, Tđ. *Mysterium Fidei*, 3-9-1965: AAS 57 (1965), trg 761-762. - Xem *CĐ Vat. II*, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh *Sacrosanctum Concilium*, 4-12-1963, số 26 và 27: AAS 56 (1964), trg 107.

¹⁶ Xem *Gio 10,11*.

ngại hiến mạng sống mình. Là những nhà giáo dục trong đức tin và "được lòng can đảm bước vào nơi chí thánh nhờ Máu Chúa Kitô" (Dth 10,19), các ngài tới gần Thiên Chúa "với một tấm lòng chân thành tràn đầy đức tin" (Dth 10,22); các ngài gây niềm hy vọng vững vàng cho các tín hữu của mình¹⁷, để nhờ chính sự khích lệ mà Thiên Chúa đã khích lệ các ngài, các ngài có thể an ủi ho trong mọi cơn thử thách¹⁸, là những vị hướng dẫn cộng đoàn, các ngài thực hành việc khổ chế riêng biệt của vị chăn dắt các linh hồn: từ bỏ những tiện nghi riêng, không tìm kiếm tư lợi nhưng tìm lợi ích cho nhiều người, để họ được cứu rỗi¹⁹, luôn tiến bộ hơn trong việc chu toàn hoạt động mục vụ cách hoàn hảo hơn và khi cần, các ngài sẵn sàng đi vào những con đường mục vụ mới mẻ, dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần tình yêu, Đấng thổi nơi nào Ngài muốn^{20, 12*}.

14. Đời sống Linh Mục thống nhất và hòa hợp. Trong thế giới ngày nay, vì con người phải đối phó với biết bao công việc và phải khổ tâm vì biết bao vấn đề khác nhau, lắm khi cần phải được giải quyết cấp tốc, nên hay có tình trạng con người bị chi phối bởi nhiều vấn đề khác nhau. Còn các Linh Mục, vì bị vương mắc và phân tán bởi nhiều trách nhiệm của chức vụ, nên không khỏi lo lắng tìm phương cách nào để có thể phối hợp đời sống nội tâm của mình với những đòi hỏi của hoạt động bên ngoài. Việc thống nhất đời sống này không thể được thực hiện

¹⁷ Xem 2Cor 1,7.

¹⁸ Xem 2Cor 1,4.

¹⁹ Xem 1Cor 10,33.

²⁰ Xem Gio 3,8.

^{12*} Trong khi thi hành chức vụ, các linh mục được mời gọi kết hiệp với hoạt động của chính Chúa Kitô, mà qua các ngài, Chúa hoàn thành sứ mệnh của chính Người là "Thầy dạy": khi các linh mục biết đón nhận lời Chúa và truyền đạt cho tha nhân; là "Chủ Tế": khi các ngài tự hiến toàn thân trong lúc cử hành Thánh Lễ; là "Chủ Chăn": khi các ngài sống khổ hạnh theo đường lối riêng của đấng bậc hướng dẫn các linh hồn, là những người sẵn sàng hy sinh cả đến mạng sống mình.

nguyên bằng cách tổ chức hoàn toàn bên ngoài các công việc của chức vụ hoặc bằng cách thực thi những việc đạo đức này, tuy những việc này giúp phát triển sự thống nhất đời sống Linh Mục. Nhưng các Linh Mục có thể kiến tạo sự thống nhất đời sống khi các ngài theo gương Chúa Kitô trong việc chu toàn chức vụ: lương thực của Người là làm theo ý muốn của Đấng đã sai Người, để Người hoàn thành công việc của mình²¹.

Thực ra, Chúa Kitô hành động qua các thừa tác viên của Người để luôn luôn dùng Giáo Hội thi hành ý muốn của Chúa Cha trên trần gian, và vì vậy Người vẫn là nguyên lý và nguồn mạch sự thống nhất đời sống của các ngài. Vậy, các linh mục phải thực hiện việc thống nhất đời sống của mình bằng cách kết hợp với Chúa Kitô trong sự nhận biết ý Chúa Cha và trong sự hiến thân cho đoàn chiên đã trao phó cho các ngài²². Như thế, nhờ thi hành những nhiệm vụ của Chúa Chiên nhân lành, và trong chính khi thực thi bác ái mục vụ, các ngài tìm thấy mỗi dây hoàn thiện của Linh Mục ràng buộc đời sống và hoạt động của mình làm một. Thật thế, bác ái mục vụ này²³ trước hết phát xuất từ Hiến Tế Thánh Lễ, do đó Hiến Tế Thánh Lễ là trung tâm và là cột rễ của toàn thể đời sống Linh Mục, cho nên Linh Mục phải cố gắng thực hiện trong tâm tư điều mình đã làm trên bàn tế lễ. Nhưng điều đó chỉ có thể thực hiện được, khi chính các Linh Mục nhờ cầu nguyện, luôn luôn đi sâu mãi vào mầu nhiệm Chúa Kitô.

Để có thể kiểm soát sự thống nhất đời sống cả trong những hoàn cảnh cụ thể, các ngài phải xét đoán mọi hoạt động của mình cho biết rõ đâu là ý muốn của Thiên Chúa²⁴, nghĩa là biết rõ những hoạt động đó có thích hợp với những tiêu chuẩn của

²¹ Xem Gio 4,34.

²² Xem 1Gio 3,16.

²³ "Chăn dắt đoàn chiên của Chúa là chứng minh tình yêu của mình": T. Augustinô, *Tract. in Jo.*, 123,5 : PL 35, 1967.

²⁴ Xem Rm 12,2.

sứ mệnh Phúc Âm của Giáo Hội hay không. Thực vậy, ai trung thành với Chúa Kitô không thể không trung thành với Giáo Hội. Do đó, đức bác ái mục vụ đòi hỏi các Linh Mục không được chạy theo hư vô²⁵, nhưng phải luôn luôn làm việc trong mối hiệp thông với các Giám Mục và với những anh em linh mục khác. Có làm như thế, các Linh Mục mới tìm được sự thống nhất đời sống của mình trong chính sứ mệnh duy nhất của Giáo Hội, và như vậy các ngài mới hiệp nhất với Chúa, và qua Người, với Chúa Cha, trong Chúa Thánh Thần, để có thể tràn đầy an ủi và dư thừa hoan lạc^{26. 13*}.

II. Những Đòi Hỏi Thiêng Liêng Đặc Biệt Trong Đời Linh Mục

15. Khiêm tốn và vâng phục. Trong những đức tính cần thiết hơn cả cho chức vụ Linh Mục, phải kể đến tâm trạng này, là bao giờ cũng sẵn sàng tìm ý muốn Đấng đã sai mình chứ không phải tìm ý riêng²⁷. Thực ra công việc của Thiên Chúa mà Chúa Thánh Thần tuyển chọn²⁸ các ngài để hoàn thành, vượt quá mọi năng lực và tầm mức khôn ngoan nhân loại; vì "Thiên Chúa đã lựa chọn những gì yếu hèn trong thế gian để bêu xấu những gì mạnh mẽ" (1Cor 1,27). Vậy ý thức những sự yếu hèn của mình, thừa tác viên đích thực của Chúa Kitô khiêm tốn làm việc trong khi tìm xem điều gì đẹp lòng Thiên Chúa²⁹ và như bị ràng buộc

²⁵ Xem Gal 2,2.

²⁶ Xem 2Cor 7,4.

^{13*} Nguyên tắc thống nhất đời sống linh mục là chính Chúa Kitô, Đấng hoạt động qua các thừa tác viên của Người để hoàn thành Thánh Ý Chúa Cha. Các linh mục được mời gọi kết hiệp với Chúa trong việc tìm Thánh Ý Chúa Cha, các ngài phải luôn phân tỉnh trong hoạt động để tìm biết đâu là ý Chúa (x. Rm 12,2).

²⁷ Xem Gio 4,34; 5,30; 6,38.

²⁸ Xem CvTđ 13,2.

²⁹ Xem Eph 5,10.

bởi Thánh Thần³⁰, trong mọi sự ngài đều tuân theo ý của Đấng muốn cho mọi người được cứu rỗi. Ngài có thể khám phá và tuân theo ý muốn này trong những sự kiện hàng ngày bằng cách khiêm tốn phục vụ cho mọi người được Thiên Chúa ủy thác cho mình qua các nhiệm vụ riêng của mình cũng như qua những biến cố của đời sống.

Nhưng vì chức vụ Linh Mục là chức vụ của chính Giáo Hội, nên chức vụ đó chỉ có thể được chu toàn trong sự thông công phẩm trật của toàn thân thể. Vậy đức bác ái mục vụ thôi thúc các Linh Mục đang hoạt động trong mỗi thông hiệp này biết hy sinh ý riêng mình, qua việc vâng lời phục vụ Chúa và anh em, bằng cách lấy tinh thần đức tin mà lãnh nhận và tuân theo những gì được Đức Giáo Hoàng, Đức Giám Mục của mình, cũng như các Bề Trên khác truyền dạy và khuyên bảo, bằng cách hoàn toàn sẵn lòng tự hiến và tự hiến hết mức³¹ trong bất cứ chức vụ nào đã được trao phó cho mình dù là thấp kém và nghèo hèn. Thật vậy, nhờ cách đó, các ngài duy trì củng cố sự hiệp nhất cần thiết với các anh em ngài trong thừa tác vụ, và nhất là với những vị được Thiên Chúa đặt làm nhà lãnh đạo hữu hình của Giáo Hội; nhờ thế, các ngài cộng tác vào việc xây dựng Thân Thể Chúa Kitô, Thân Thể được lớn lên "bằng mọi mối khớp tương trợ"³². Sự vâng phục này đưa con cái Thiên Chúa tới sự tự do trưởng thành hơn: trong khi vì bác ái thúc đẩy và để chu toàn chức vụ, các Linh Mục khôn ngoan tìm tòi những con đường mới mẻ mưu ích hơn cho Giáo Hội, thì chính sự vâng phục đó tự bản tính cũng còn đòi buộc các ngài phải tin tưởng đưa ra những sáng kiến, phải tha thiết trình bày những nhu cầu của đoàn chiên được trao phó và luôn luôn sẵn sàng

³⁰ Xem CvTđ 20,22.

³¹ Xem 2Cor 12,15.

³² Xem Eph 4,11-16.

tùng phục phán đoán của những vị thi hành các phận vụ chính yếu trong việc điều khiển Giáo Hội Chúa.

Nhờ tự ý khiêm nhượng và vâng phục trong tinh thần trách nhiệm mà các Linh Mục nên giống Chúa Kitô và có những cảm thức như Chúa Giêsu Kitô, Đấng "tự hủy mình khi nhận lấy thân phận tôi tớ... đã vâng lời cho đến chết" (Ph 2,7-8). Nhờ sự vâng phục này Người đã chiến thắng và chuộc lại sự bất phục tùng của Adam, như Thánh Tông Đô đã minh chứng: "vì một người không vâng phục mà muôn người hóa thành tội nhân, thì cũng thế, vì một Đấng phục tùng mà nhiều người được trở nên công chính" (Rm 5,19).^{14*}

16. Chọn lựa và kính trọng đời sống độc thân như một ân sủng. Sự chế dục hoàn toàn và vĩnh viễn vì Nước Trời đã được Chúa Kitô khuyến khích³³, mà qua các thời đại và ngay cả ngày nay vẫn được một số đông Kitô hữu sẵn lòng chấp nhận và tuân giữ một cách đáng khâm phục, thì hiện thời vẫn luôn được Giáo Hội hết sức quý trọng trong đời sống Linh Mục. Thực vậy, nó là dấu chứng và đồng thời là niềm khích lệ đức bác ái mục vụ và là nguồn mạch đặc biệt làm phát sinh đời sống thiêng liêng phong phú trên thế giới³⁴. Thực ra tự bản tính của chức Linh Mục không đòi buộc điều đó như đã thấy thực hành trong Giáo Hội sơ khai³⁵ và trong truyền thống của Giáo Hội Đông Phương. Trong các Giáo Hội đó, ngoài những vị cùng với tất cả các Giám Mục, nhờ ơn thánh, đã giữ bậc độc thân, cũng còn có những Linh Mục rất xứng đáng đã lập gia đình; thực vậy,

^{14*} Các linh mục được mời gọi để có tâm hồn luôn sẵn sàng và khiêm nhượng đối với thánh ý Chúa. Là thừa tác viên đích thực của Chúa Kitô, các ngài phải ý thức được sự yếu hèn của mình, phải nhận rõ sự cần thiết phải vâng lời để củng cố sự hiệp nhất với anh em và với các vị thủ lãnh hữu hình của Giáo Hội, để cộng tác trong việc xây dựng Nhiệm Thể Chúa Kitô.

³³ Xem Mt 19,12.

³⁴ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, số 42: AAS 57 (1965), trg 47-49.

³⁵ Xem 1Tm 3,2-5; Tit 1,6.

khi khuyến khích bậc độc thân Linh Mục, Thánh Công Đồng này không hề có ý định thay đổi tập quán khác biệt đang thịnh hành một cách chính đáng trong Giáo Hội Đông Phương, và thân ái khuyên nhủ tất cả những ai đã nhận lãnh chức Linh Mục và hiện đang sống đời đời bạn, hãy bền chí trong ơn gọi thánh và hoàn toàn quảng đại tiếp tục hy sinh đời sống mình cho đoàn chiên được trao phó³⁶.

Nhưng bậc độc thân có rất nhiều thuận tiện cho chức Linh Mục. Thật vậy, sứ mệnh toàn diện của Linh Mục là tận hiến để phục vụ một nhân loại mới, mà Chúa Kitô Đấng chiến thắng sự chết đã phục hồi trong thế gian nhờ Thánh Thần Người và là một nhân loại đã được sinh ra "không bởi khí huyết, không bởi ý muốn xác thịt, không bởi ý muốn của nam nhân, nhưng bởi Thiên Chúa". (Gio 1,13). Nhờ đức trinh khiết hay là bậc độc thân vì Nước Trời³⁷ các Linh Mục được thánh hiến cho Chúa Kitô với một lý do mới mẻ và tuyệt hảo được kết hợp cách dễ dàng hơn với Người bằng một trái tim không chia xẻ³⁸, tận hiến cách tự do hơn trong Người và nhờ Người để phục vụ Thiên Chúa và loài người, sẵn sàng hơn trong việc phục vụ Nước Chúa và việc tái sinh siêu nhiên; như thế các ngài càng thích đáng lãnh nhận một cách bao quát hơn chức vụ làm cha trong Chúa Kitô. Chính nhờ đó, các ngài tuyên bố trước mặt mọi người rằng mình muốn tận hiến trọn vẹn cho công việc đã được trao phó, nghĩa là muốn đính ước các tín hữu với một người bạn độc nhất và hiến dâng họ cho Chúa Kitô như một trinh nữ thanh sạch³⁹; như thế các ngài nhắc lại cuộc hôn nhân mẫu nhiệm đã được Thiên Chúa thiết lập và sẽ được tỏ lộ đầy đủ ở đời sau. Cuộc hôn nhân trong đó Giáo Hội chỉ có một vị Hôn

³⁶ Xem Piô XI, Tđ. *Ad catholici Sacerdotii*, 20-12-1935: AAS 28 (1936), trg 28.

³⁷ Xem Mt 19,12.

³⁸ Xem 1Cor 7,32-34.

³⁹ Xem 2Cor 11,2.

Phu duy nhất là Chúa Kitô⁴⁰. Ngoài ra, các ngài còn trở nên dấu chỉ sống động về thế giới mai sau, mà ngày nay đã hiện diện qua đức tin và đức ái, trong đó con cái sự sống lại không còn dựng vợ gả chồng nữa⁴¹.

Vì những lý do đặt nền tảng trên mầu nhiệm Chúa Kitô và sứ mệnh của Người nên việc sống độc thân trước tiên được khuyến khích cho các Linh Mục, rồi sau đã trở nên luật buộc trong Giáo Hội Latinh cho tất cả những ai muốn chịu Chức Thánh. Thánh Công Đồng này phê chuẩn và xác định luật này một lần nữa đối với những ai muốn chịu chức Linh Mục, vì Công Đồng tin tưởng vào Chúa Thánh Thần là ơn độc thân, ơn rất thích hợp với chức Linh Mục Tân Ước, sẽ được Chúa Cha rộng tay ban phát, miễn là những người tham dự chức Linh Mục của Chúa Kitô qua Bí Tích Truyền Chức cũng như toàn thể Giáo Hội phải khiêm tốn và khẩn khoản nài xin. Thánh Công Đồng này cũng khuyên mọi Linh Mục vì tin tưởng vào ơn Chúa đã tự do và tự ý chấp nhận bậc độc thân thánh thiện theo gương Chúa Kitô, hãy sống gắn bó với bậc đó bằng một tâm hồn quảng đại và với tất cả con tim của mình. Xin họ hãy kiên nhẫn trung thành trong bậc này và hãy nhìn nhận đó là ơn rất trọng đại mà Chúa Cha đã ban cho mình và Chúa Con đã công khai tán thưởng, cũng như hãy nhớ đến⁴² những mầu nhiệm cao cả được biểu lộ và thực hiện qua ơn độc thân. Chắc hẳn nếu càng có nhiều người trong thế giới ngày nay nghĩ rằng sự chế dục hoàn toàn không thể có được, thì các Linh Mục càng phải hiệp cùng với Giáo Hội mà khiêm nhường và kiên nhẫn hơn nữa để cầu xin ơn trung thành, vì Chúa không bao giờ từ

⁴⁰ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium*, số 42 và 44: AAS 57 (1965), trg 47-49 và 50-51. - *Sắc lệnh về việc canh tân thích nghi đời sống Dòng Tu Perfectae Caritatis*, số 12.

⁴¹ Xem *Lc 20,35-36*. - *Piô XI, Tđ. Ad Catholici Sacerdotii*, 20-12-1935: AAS 28 (1936), trg 24-28; - *Tđ. Sacra Virginitas*, 25-3-1954: AAS 46 (1954), trg 169-172.

⁴² Xem *Mt 19,11*.

chối những người kêu xin. Đồng thời các ngài lại phải luôn dùng mọi phương thế siêu nhiên và tự nhiên mà mọi người sẵn có, nhất là các ngài hãy tuân giữ những luật lệ khổ hạnh đã được kinh nghiệm của Giáo Hội chuẩn nhận và không kém cần thiết trong thế giới ngày nay. Vì vậy Thánh Công Đồng này không những yêu cầu các Linh Mục mà còn kêu gọi tất cả các tín hữu hãy quý trọng ơn độc thân Linh Mục cao quý này và hãy cầu xin cùng Chúa để chính Ngài luôn rộng tay ban phát dồi dào ơn này cho Giáo Hội Ngài^{15*}.

17. Thái độ đối với trần thế cũng như của cải vật chất và tình nguyện sống khó nghèo. Nhờ đời sống thân hữu và huynh đệ giữa các Linh Mục với nhau và với những người khác, các ngài có thể biết cách thẩm định và vun trồng những giá trị nhân bản và quý mến các tạo vật tốt lành như những ơn phúc của Thiên Chúa. Tuy sống giữa thế gian nhưng các ngài phải luôn biết rằng mình không thuộc về thế gian, như lời Chúa là Thầy chúng ta đã phán dạy⁴³. Vậy xử dụng trần gian như không xử dụng⁴⁴, các ngài được tự do, sự tự do giải thoát các ngài khỏi mọi lo lắng hỗn loạn và làm cho các ngài ngoan ngoãn nghe theo tiếng Chúa trong đời sống hằng ngày. Từ sự tự do và ngoan ngoãn đó sẽ nảy sinh khả năng phân biệt thiêng liêng để nhờ đó tìm ra thái độ đứng đắn đối với thế gian và của cải trần thế. Thực vậy, thái độ đó rất quan trọng đối với các Linh Mục vì sứ mệnh Giáo Hội được hoàn tất giữa trần gian và vì những của cải được tạo dựng lại rất cần thiết cho sự tiến bộ bản thân của con người. Vậy các ngài phải cảm tạ Chúa Cha trên trời vì tất cả những gì Ngài rộng ban cho để được sống xứng đáng.

^{15*} Các Nghị Phụ Công Đồng chuẩn y và xác nhận luật độc thân của hàng giáo sĩ như một ân huệ Chúa ban cho Giáo Hội Latinh. Đời sống độc thân của giáo sĩ biểu lộ những động lực đặt nền tảng trên mẫu nhiệm Chúa Kitô và sứ mệnh của Người.

⁴³ Xem Gio 17,14-16.

⁴⁴ Xem 1Cor 7,31.

Tuy vậy, các ngài phải phân biệt dưới ánh sáng đức tin tất cả những gì các ngài gặp thấy để một đảng biết xử dụng một cách thích đáng những của cải theo ý muốn của Thiên Chúa, đảng khác biết gạt bỏ những gì phương hại đến sứ mệnh của mình.

Thật vậy, vì Chúa là "phần và là gia nghiệp" của mình (Ds 18,20), nên các Linh Mục chỉ được xử dụng những của cải trần gian vào những mục đích mà giáo lý Chúa Kitô và quy luật của Giáo Hội ấn định.

Về những của cải của Giáo Hội nói riêng, các Linh Mục phải quản trị chúng theo bản chất chúng đúng như tiêu chuẩn của giáo luật, với sự giúp đỡ của những giáo dân thông thạo khi có thể, và các ngài phải luôn luôn nhằm xử dụng chúng vào những mục đích mà Giáo Hội phải theo đuổi khi Giáo Hội làm chủ những của cải trần gian, nghĩa là nhằm vào việc thờ phượng Chúa, cung cấp một mức sống xứng đáng cho hàng giáo sĩ, cũng như thi hành những công cuộc tông đồ thánh thiện, hay những việc bác ái, nhất là đối với những người nghèo túng⁴⁵. Còn những của cải có được nhân dịp thi hành một vài nhiệm vụ nào đó của Giáo Hội, trừ khi có luật ấn định cách khác⁴⁶, các Linh Mục cũng như các Giám Mục trước hết phải dùng vào việc cấp dưỡng xứng đáng cho mình và việc chu toàn những phận sự của đẳng bậc mình, phần còn lại, các ngài hãy dùng vào việc gây ích lợi cho Giáo Hội hoặc cho những công cuộc bác ái. Bởi thế, các ngài không được coi chức vụ của Giáo Hội như một mối lợi, cũng không được dùng những lợi tức để làm giàu cho gia đình mình⁴⁷. Bởi vậy các Linh Mục không bao giờ

⁴⁵ Xem *CD Antioch*, đ.th., 25: *Mansi 2, 1327-1328. - Decretum Gratiani*, c. 23, C. 12, q. 1: x.b. *Friedberg I*, trg 684-685.

⁴⁶ Ở đây, trước tiên hiểu về những quyền lợi và tập quán hiện có nơi các Giáo Hội Đông Phương.

⁴⁷ *CD Paris*, năm 829, đ.th. 15: *M.G.H, Legum Sact. III, Concilia*, q. 2, trg 662. - *CD Trentô*, khóa 25, *De Reform. ch.*, 1: *Conc. Oec. Decreta*, x.b. *Herder, Roma 1962*, trg 760-761.

được để tâm hồn dính bén của cải⁴⁸ nhưng phải luôn luôn tránh mọi tham lam và xa lánh mọi hình thức thương mại.

Hơn nữa, các ngài được mời gọi tình nguyện sống nghèo khó để nên giống Chúa Kitô một cách rõ ràng hơn và tận tụy hơn với chức vụ thánh. Thật vậy, dù giàu có, Chúa Kitô đã trở nên nghèo hèn vì chúng ta để nhờ sự nghèo khó của Người mà chúng ta trở nên giàu có⁴⁹. Cũng thế, chính các Tông Đồ đã làm gương chứng minh rằng: đã lãnh nhận ơn cách nhưng không thì cũng phải ban phát cách nhưng không⁵⁰, và các ngài đã biết sống khi được sung túc cũng như khi phải túng thiếu⁵¹. Việc sử dụng tài sản như thế theo gương đóng góp tài sản làm của chung đã được tán thưởng trong lịch sử Giáo Hội sơ khai⁵², có thể mở một con đường dẫn tới bác ái mục vụ một cách tuyệt hảo và nhờ cách sống này các Linh Mục có thể thực hiện một cách đáng khen ngợi tinh thần nghèo khó đã được Chúa Kitô khuyến khích.

Vì thế, các Linh Mục cũng như Giám Mục, được hướng dẫn bởi Chúa Thánh Thần, Đáng đã xức dầu cho Chúa Cứu Thế và sai đi giảng Phúc Âm cho người nghèo khó⁵³, phải tránh tất cả những gì bằng cách này hay cách khác có thể làm xa cách người nghèo khó, và hơn các môn đệ khác Chúa Kitô các ngài phải loại bỏ mọi thứ khoe khoang trong các đồ dùng của mình. Các ngài phải xếp đặt chỗ ở thế nào để không ai coi đó là nơi bất

⁴⁸ Xem Tv 62,11 (bản Phổ Thông 61).

⁴⁹ Xem 2Cor 8,9.

⁵⁰ Xem CvTđ 8,18-25.

⁵¹ Xem Ph 4,12.

⁵² Xem CvTđ 2,42-47.

⁵³ Xem Lc 4,18.

khả xâm phạm, và để không ai dù nghèo hèn đến đâu phải sợ hãi không bao giờ dám lui tới^{16*}.

III. Những Phương Tiện Giúp Đời Sống Linh Mục

18. Phương thể nuôi dưỡng đời sống thiêng liêng. Để có thể sống kết hiệp mật thiết hơn với Chúa Kitô trong mọi cảnh ngộ cuộc đời, ngoài việc thực hành một cách ý thức thừa tác vụ của mình, các Linh Mục còn hưởng nhờ những phương tiện chung và riêng, mới và cũ mà Chúa Thánh Thần không bao giờ ngừng khơi dậy trong Dân Chúa và Giáo Hội hằng khuyến khích đôi khi còn buộc dùng, để thánh hóa các chi thể mình⁵⁴. Trong tất cả các phương thể thiêng liêng, quan trọng hơn cả là những hoạt động giúp các Kitô hữu được nuôi dưỡng bằng Ngôi Lời nơi Bàn Thánh Kinh và Bàn Thánh Thể⁵⁵; ai cũng biết rằng việc siêng năng lui tới bàn thánh quan trọng chừng nào cho việc thánh hóa bản thân các Linh Mục.

Các thừa tác viên của ân sủng bí tích kết hợp mật thiết với Chúa Kitô là Đấng Cứu Thế và là Chúa Chiên nhờ chịu các phép Bí Tích cách hiệu quả, nhất là trong việc năng chịu Bí Tích Cáo Giải, được chuẩn bị bằng sự xét mình hàng ngày, vì nó sẽ giúp nhiều cho việc thật lòng trở về với tình yêu của Cha từ bị. Dưới ánh sáng đức tin được nuôi dưỡng bằng việc đọc Sách Thánh, các ngài có thể tận tâm tìm kiếm những dấu hiệu của thánh ý Chúa và những thúc đẩy của ơn thánh Ngài trong những biến cố khác nhau của đời sống, và như thế ngày càng

^{16*} Đoạn này nói về thái độ đứng đắn của linh mục về các giá trị nhân bản và những thực tại trần thế, về việc sử dụng tài sản của Giáo Hội và về giá trị của đức khó nghèo theo gương Chúa Kitô và các Tông Đồ.

⁵⁴ Xem C.I.C, kh 125 tt.

⁵⁵ Xem CĐ Vat. II, Sắc lệnh về canh tân thích nghi đời sống Dòng Tu Perfectae Caritatis, số 7; - Hiến chế tín lý về Mạc Khải Dei Verbum, số 21.

trở nên dễ dàng vâng phục sứ mệnh đã nhận lãnh trong Chúa Thánh Thần hơn. Các ngài luôn tìm thấy gương mẫu lạ lùng về sự dễ vâng phục đó nơi Đức Trinh Nữ Maria, Người được Chúa Thánh Thần dẫn dắt đã hiến toàn thân cho mẫu nhiệm cứu chuộc loài người⁵⁶; các Linh Mục phải lấy lòng con thảo thành kính tôn sùng và mến yêu Đức Trinh Nữ Maria là Mẹ của Linh Mục Thượng Phẩm vĩnh viễn, là Nữ Vương các Tông Đồ và là Đấng bảo trợ thừa tác vụ Linh Mục.

Để trung thành chu toàn thừa tác vụ của mình, các ngài phải chuyên tâm đàm đạo hằng ngày với Chúa Kitô trong lúc viếng Minh Thánh Chúa và trong việc cá nhân tôn sùng phép Thánh Thể Chí Thánh; các ngài hãy tự ý chăm lo việc tĩnh tâm thiêng liêng và mến chuộng việc linh hướng. Bằng nhiều cách, nhất là bằng tâm nguyện vẫn được thực hành trong Giáo Hội và bằng những hình thức kinh nguyện khác nhau tùy các ngài tự ý lựa chọn, các Linh Mục tự luyện và cố tâm khẩn cầu Chúa ban cho mình một tinh thần thờ phượng đích thực, nhờ đó các ngài cùng với dân được trao phó sẽ kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô là Đấng Trung Gian của Giao Ước Mới, và như thế, họ có thể kêu lên như những nghĩa tử "Abba, Cha" (Rm 8,15).^{17*}

19. Học hỏi và hiểu biết về mục vụ. Trong nghi lễ truyền chức, Đức Giám Mục khuyến bảo các Linh Mục hãy "trưởng thành trong sự hiểu biết" và lời giáo huấn của các ngài phải là "linh được thiêng liêng cho Dân Chúa"⁵⁷. Nhưng kiên thức của các thừa tác viên thánh cũng phải thánh vì nó phát xuất từ nguồn mạch thánh và quy hướng về cùng đích thánh. Vì vậy,

⁵⁶ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, số 65: AAS 57 (1965), trg 64-65.*

^{17*} *Công Đồng đàn cử những phương thế chung và riêng thích hợp với chức vụ mục vụ của các Linh Mục. Bằng những phương thế khác nhau, các Linh Mục có thể thánh hóa bản thân chính khi thi hành chức vụ mình và có thể kết hiệp mật thiết với Chúa Kitô, Đấng Trung Gian của Tân Ước.*

⁵⁷ *Pontificale Romanum, Lễ phong chức Linh Mục.*

kiến thức đó trước hết được rút ra từ việc đọc và suy gẫm Sách Thánh⁵⁸, nhưng nó cũng được nuôi dưỡng hữu hiệu bằng việc nghiên cứu những tài liệu của các Giáo Phụ, các Thánh Tiến Sĩ và các tài liệu khác của Thánh Truyền. Ngoài ra, để trả lời thỏa đáng những vấn đề do người thời nay nêu lên, các Linh Mục phải hiểu biết cho thấu đáo những tài liệu của Quyển Giáo Huấn, nhất là của các Công Đồng và của các Đức Giáo Hoàng, cũng như phải tham khảo những tác giả thần học thời danh nhất và đã được thừa nhận.

Thực ra, trong thời đại chúng ta, văn hóa nhân loại và ngay đến những khoa học thánh cũng tiến thêm một bước mới, nên khuyên các Linh Mục hãy hoàn bị kiến thức của mình về Thiên Chúa và về nhân loại một cách thích hợp và liên tục, và như thế, các ngài tự chuẩn bị để đối thoại với những người đương thời một cách thích hợp hơn.

Để các Linh Mục nghiên cứu dễ dàng hơn cũng như để học hỏi những phương pháp rao giảng Phúc Âm và làm việc tông đồ một cách hiệu quả hơn, phải hết sức lo cho các ngài có những phương tiện thích hợp, như tổ chức những khóa học tập hay những khóa hội thảo tùy hoàn cảnh chung của từng địa hạt, thiết lập những trung tâm học hỏi mục vụ, thành lập những thư viện và cất đặt thích ứng những người có khả năng điều khiển công việc học tập. Ngoài ra mỗi Giám Mục riêng biệt hay nhiều Giám Mục hợp lại, phải cân nhắc để tìm ra phương cách thích hợp nhất, hầu tất cả các Linh Mục của mình có thể lui tới khóa học, vào thời gian ấn định, nhất là một vài năm sau khi chịu chức⁵⁹; nhờ vậy, các ngài có dịp vừa để thâm nhận thêm những kiến thức đầy đủ hơn về phương pháp mục vụ và khoa thần học, vừa để củng cố đời sống thiêng liêng và để cùng trao đổi

⁵⁸ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Mạc Khải Dei Verbum*, số 25.

⁵⁹ Khóa học này khác với khóa mục vụ phải tổ chức ngay sau khi thụ phong, đã nói trong *Sắc lệnh về việc Đào Tạo Linh Mục Optatam Totius*, số 22.

với anh em những kinh nghiệm tông đồ⁶⁰. Cũng nên dùng những phương tiện này và những phương tiện thích nghi khác để đặc biệt giúp đỡ những cha sở mới và những vị đã được chỉ định cho một công cuộc mục vụ mới, hoặc những vị được sai đến một giáo phận hay một quốc gia khác.

Sau hết, các Giám Mục nên lo liệu cho một số Linh Mục chuyên về các khoa học thánh để không bao giờ thiếu các giáo sư đầy đủ khả năng đào tạo hàng Linh Mục, để giúp các Linh Mục khác và các tín hữu lãnh nhận được nền giáo thuyết cần thiết, và để khuyến khích sự tiến triển lành mạnh trong các môn học thánh, vì sự tiến triển đó rất cần thiết cho Giáo Hội.^{18*}

20. Thù lao cân xứng. Nhờ hiến thân phụng sự Thiên Chúa trong việc chu toàn nhiệm vụ được trao phó, các Linh Mục được lãnh một số thù lao cân xứng vì "thọ đáng ăn lương của mình" (Lc 10,7)⁶¹ và "Chúa đã định liệu những ai rao giảng Phúc Âm được sống bởi Phúc Âm" (1Cor 9,14). Bởi thế, nơi nào không có sẵn thù lao cân xứng cho các Linh Mục, thì chính các tín hữu phải nhận lấy trách nhiệm lo cho các ngài được những điều cần thiết hầu có một mức sống thích hợp và xứng đáng, bởi chính vì lợi ích các tín hữu mà các ngài hy sinh hoạt động. Còn các Giám Mục phải nhớ nhắc cho các tín hữu trách nhiệm này và phải lo liệu - hoặc vị nào cho giáo phận nấy, hoặc tiện hơn là nhiều vị chung nhau cho một vùng - lập ra những quy luật giúp bảo đảm đúng mức một số trợ cấp xứng đáng cho những vị đang thi hành hay đã thi hành một vài chức vụ trong việc phục vụ Dân Chúa. Phần thù lao cấp phát cho mỗi vị phải

⁶⁰ Xem *CĐ Vat II, Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các Giám Mục trong Giáo Hội Christus Dominus, số 17.*

^{18*} *Đối với các linh mục, việc học hỏi thêm, việc trao đổi liên tục về kiến thức và văn hóa phổ thông rất cần thiết trong thời đại chúng ta. Thiếu tinh thần ấy, chức vụ của các ngài không thể đáp ứng đúng với những đòi hỏi của thời đại trong việc rao truyền Phúc Âm.*

⁶¹ Xem *Mt 10,10; 1Cor 9,7; 1Tm 5,18.*

được ấn định hoặc tùy theo bản chất của chức vụ hoặc tùy theo hoàn cảnh địa phương và thời gian. Nhưng phần thù lao cần bản phải đồng đều cho tất cả các vị có cùng một hoàn cảnh, phải xứng hợp với hoàn cảnh của các ngài, và hơn nữa phải giúp các ngài chẳng những có thể cấp một phần thù lao cân xứng cho những kẻ hy sinh giúp việc các ngài, nhưng còn có thể tự mình giúp đỡ những kẻ thiếu thốn vì một lý do nào đó; thực vậy, việc phục vụ kẻ nghèo khó ngay từ thuở ban đầu đã được Giáo Hội luôn luôn nhiệt liệt tán thưởng. Ngoài ra, cũng phải lo liệu làm sao cho phần thù lao này có thể giúp các Linh Mục hằng năm có một thời gian nghỉ ngơi thích đáng và đầy đủ; các Giám Mục phải lo cho các Linh Mục có thể có thời gian nghỉ ngơi đó.

Tuy nhiên, phải dành tầm quan trọng bậc nhất cho chức vụ do các thừa tác viên thi hành. Vì thế, hệ thống mệnh danh là "ân bổng" phải được bãi bỏ, hoặc ít ra phải được cải tổ thể nào để phần ân bổng, nghĩa là quyền thụ hưởng những lợi tức bởi chức vụ, được coi như chuyện phụ thuộc, và theo luật, phải nhường địa vị chính yếu cho chính chức vụ của Giáo Hội, chức vụ mà từ nay phải được hiểu là bất cứ nhiệm vụ nào được trao phó cách lâu bền để thi hành nhằm mục đích thiêng liêng.

21. *Quỹ chung và bảo hiểm xã hội.* Phải luôn luôn nhớ đến gương mẫu của các tín hữu thời Giáo Hội sơ khai ở Giêrusalem đã đặt "mọi sự làm của chung" (CvTđ 4,32) và "phân phát cho mỗi người tùy nhu cầu" (CvTđ 4,35). Vì vậy, ít ra trong những miền mà sự cấp dưỡng cho giáo sĩ tùy thuộc hoàn toàn hoặc phần lớn vào việc dâng cúng của các tín hữu, thì rất nên có một tổ chức giáo phận nào đó thu góp những của dâng cúng nhằm mục đích này; tổ chức này do Giám Mục điều khiển với sự trợ giúp của những Linh Mục được ủy nhiệm, cũng như của cả những giáo dân thông thạo trong lãnh vực kinh tế nếu thấy là hữu ích. Ngoài ra, cũng ước mong rằng nếu có thể nên thành lập một công quỹ trong mỗi giáo phận hay mỗi miền để nhờ đó

các Giám Mục có thể thỏa mãn các bổn phận khác đối với những người phục vụ Giáo Hội, và trợ giúp những nhu cầu khác nhau trong giáo phận, và cũng nhờ đó các giáo phận giàu hơn có thể giúp đỡ các giáo phận nghèo hơn để sự dư dật của giáo phận này bù đắp cho sự thiếu thốn của giáo phận khác⁶². Công quỹ này phải được thiết lập trước hết do những của cải các tín hữu dâng cúng, nhưng cũng còn do những nguồn lợi khác như đã được qui chế ấn định.

Ngoài ra, trong các quốc gia mà sự bảo hiểm xã hội cho hàng giáo sĩ chưa được tổ chức cách thích hợp, các Hội Đồng Giám Mục hãy lưu ý đến giáo luật và dân luật mà lo liệu cho có những tổ chức trong các giáo phận - và có thể liên kết những tổ chức với nhau - hoặc những tổ chức được thiết lập cho nhiều giáo phận khác nhau, hoặc một hội được thành lập cho toàn vùng; nhờ những tổ chức này và dưới sự chăm sóc của Hàng Giáo Phẩm, việc bảo hiểm xã hội được dự liệu đầy đủ cho tổ chức mà người ta thường gọi là tổ chức y tế dự phòng và cứu trợ, và dự liệu việc trợ cấp cân xứng cho các Linh Mục bệnh tật, tàn phế và già yếu. Các Linh Mục phải giúp đỡ các tổ chức được thành lập như thế với một tinh thần liên đới với anh em mình và thông cảm những nỗi khổ tâm của họ⁶³. Đồng thời, chính vì không phải bận tâm đến tương lai, các ngài có thể hoàn toàn tận hiến cho phần rỗi các linh hồn và thực hành đức khó nghèo trong tinh thần Phúc Âm một cách hăng say hơn. Những vị có trách nhiệm phải cố gắng liên kết các tổ chức như thế thuộc các quốc gia khác nhau để chúng thêm vững chắc và được phổ biến rộng rãi hơn.

⁶² Xem 2Cor 8,14.

⁶³ Xem Ph 4,14.

Kết Luận Và Khuyến Nhủ

22. Kết luận. Thánh Công Đồng này khi nhớ đến những hoạn lạc của đời sống Linh Mục không thể quên được những khó khăn mà các Linh Mục phải chịu trong những hoàn cảnh của đời sống hiện tại. Thánh Công Đồng cũng biết rằng tình trạng kinh tế, xã hội và ngay cả những phong tục của con người đang thay đổi rất nhiều và bậc thang giá trị cũng đang đảo lộn không ít trong trí phán đoán của con người; do đó, các thừa tác viên của Giáo Hội và đôi khi ngay cả các Kitô hữu đều cảm thấy mình như xa lạ trong thế giới này và áy náy tìm kiếm không biết phải dùng phương pháp, lời nói nào thích hợp để có thể giao thiệp với đời. Thật vậy, những chương ngại mới cho đức tin, những việc làm bề ngoài xem ra vô ích, cũng như sự cô đơn cay đắng đã từng trải, có thể dẫn các ngài đến chỗ nguy hiểm là làm cho các ngài chán ngán.

Nhưng thế giới ngày nay được trao phó cho tình yêu và thừa tác vụ của các vị Chủ Chăn trong Giáo Hội là thế giới mà Thiên Chúa hết sức yêu thương đến nỗi đã trao ban Con Một của Ngài⁶⁴. Thực ra, tuy bị nhiều tội lỗi chế ngự, thế giới ngày nay vẫn còn có những khả năng lớn lao để hiến cho Giáo Hội những viên đá sống động⁶⁵ hầu cùng nhau xây dựng đền thờ Thiên Chúa trong Chúa Thánh Thần⁶⁶. Khi Chúa Thánh Thần thúc đẩy Giáo Hội mở những con đường mới dẫn đến thế giới ngày nay, thì chính Ngài cũng khởi xướng và khuyến khích những cái tỏ thích hợp cho chức vụ Linh Mục.

Các Linh Mục phải nhớ rằng không bao giờ các ngài lẻ loi trong khi thi hành bổn phận, nhưng dựa vào sức mạnh của

⁶⁴ Xem Gio 3,16.

⁶⁵ Xem 1P 2,5.

⁶⁶ Xem Eph 2,22.

Thiên Chúa toàn năng và tin tưởng vào Chúa Kitô, Đấng đã mời gọi các ngài đến thông phần vào chức Linh Mục của mình, các ngài phải hết lòng tin tưởng mà hiến thân cho chức vụ mình, vì biết rằng Thiên Chúa toàn năng có thể ban cho các ngài thêm tình yêu⁶⁷. Các ngài cũng phải nhớ rằng các anh em trong chức Linh Mục và ngay cả những tín hữu trên toàn thế giới cũng là bạn hữu của mình. Thực vậy, mọi Linh Mục đều cộng tác để chu toàn ý định cứu rỗi của Thiên Chúa - nghĩa là mầu nhiệm Chúa Kitô hay là bí tích từ muôn đời đã được giấu kín trong Thiên Chúa⁶⁸ - ý định đó chỉ được thực hiện dần dần nhờ liên kết nhiều chức vụ khác nhau trong việc xây dựng Thân Thể Chúa Kitô cho đến khi Thân Thể hoàn toàn triển nở. Và tất cả những điều đó, vì được giấu kín với Chúa Kitô trong Thiên Chúa⁶⁹, nên nhờ đức tin mà có thể nhận biết được rõ ràng. Thật vậy, các vị lãnh đạo Dân Chúa phải bước đi trong đức tin, theo gương của Abraham trung thành, là người đã lấy đức tin "vâng lời đi đến nơi mà mình sẽ nhận làm cơ nghiệp: ngài đã ra đi mà chẳng biết mình sẽ đi đâu" (Dth 11,8). Thực ra, người phân phát các mầu nhiệm của Thiên Chúa có thể sánh với người gieo giống trong ruộng mà Chúa đã nói "và người ấy ngủ hay thức, đêm cũng như ngày, hạt giống nảy mầm và lớn lên, trong khi người ấy chẳng hay biết gì" (Mc 4,27). Hơn nữa, Chúa Kitô đã nói "các con hãy vững tin, Thầy đã thắng thế gian" (Gio 16,33); qua lời này, Người không hứa cho Giáo Hội Người một cuộc toàn thắng ở trần gian này. Vậy Thánh Công Đồng vui mừng vì mặt đất đã được hạt giống Phúc Âm gieo vãi, nay đang sinh hoa kết quả ở nhiều nơi dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, Đấng lấp đầy cả trái đất và khởi xướng trong tâm hồn nhiều Linh Mục và tín hữu tinh thần truyền giáo đích thực. Về tất cả những điều đó, Thánh Công Đồng rất thân ái cảm ơn mọi

⁶⁷ Xem Pont. Rom., *Lễ phong chức Linh Mục*.

⁶⁸ Xem Eph 3,9.

⁶⁹ Xem Col 3,3.

Linh Mục trên hoàn cầu: "Chúc tụng Đấng Quyền Năng làm được mọi sự cách phong phú hơn điều ta cầu xin hay hiểu biết, tùy theo quyền phép mà Ngài thực hiện nơi chúng ta: chúc tụng vinh quang Ngài trong Giáo Hội và trong Chúa Giêsu Kitô" (Eph 3,20-21).^{19*}

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Sắc Lệnh này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 7 tháng 12 năm 1965.

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

^{19*} Toàn thể nội dung của Sắc Lệnh về Chức Vụ và Đời Sống Linh Mục là một trợ giúp được cống hiến cho các Linh Mục trong những hoàn cảnh cụ thể chi phối chức vụ của các ngài. Chúa Thánh Thần luôn thúc đẩy Giáo Hội khai mở những con đường mới và qua hoạt động mục vụ, Ngài gọi lên những thích nghi cần thiết phải có.

(Trong chiều hướng này, tham khảo thêm Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay).

Khóa IX Ngày 7 tháng 12 Năm 1965

**Hiến Chế Mục Vụ
Về Giáo Hội
Trong Thế Giới Ngày Nay
Gaudium Et Spes**

Lời Giới Thiệu

Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay có mục đích chính là "trình bày sự hiện diện và sinh hoạt của Giáo Hội trong thế giới" (số 2, đoạn I).

Nhờ Hiến Chế tín lý về Giáo Hội, Công Đồng đã trình bày màu nhiệm Giáo Hội: giai đoạn khởi đầu, sứ mệnh, cơ cấu, đời sống nội tại... để canh tân Giáo Hội.

Trong Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay "có lẽ chưa bao giờ Giáo Hội đã nhận thấy cần phải tìm hiểu xã hội loài người chung quanh như hiện nay để tới gần nó, tôn trọng nó một cách chính đáng, nhập vào nó, phục vụ và trao cho nó sứ điệp Phúc Âm. Hơn nữa, dường như Giáo Hội ưa thích và chiều chuộng nó một phần nào đó, trong khi nó vẫn đang thay đổi mau chóng và không ngừng".¹ Công Đồng cảm thấy rằng đó là việc khẩn cấp trong thời đại chúng ta.

Chủ đề chính

1. Trước hết Công Đồng đề cập đến con người dưới mọi khía cạnh (số 3, đoạn I). Con người có phẩm giá rất thiêng liêng nhưng bị tội lỗi làm tổn thương, có cùng đích cao siêu nhưng

¹ Phaolô VI, *Diễn văn nhân dịp lễ bế mạc Công Đồng*, 8-12-1965: AAS 58 (1966), 54.

phải vượt qua nhiều ngăn trở, đã nỗ lực để xây dựng văn minh tốt đẹp nhưng một phần lớn vẫn còn chủ trương vô thần. "Giáo Hội một phần nào đó đã tự xưng là tôi tớ của loài người"², bởi vì chúng ta "có thể quả quyết rằng chúng ta phải biết con người nếu muốn biết Thiên Chúa"³.

2. Hiến Chế nói về thế giới, một thế giới phải được con người xây dựng. Thế giới tức là thực tại thế tục có giá trị và những qui luật riêng biệt của nó. Đàng khác mọi giá trị và qui luật ấy đều phải phục dịch chính con người toàn diện, do đó phải thích hợp với luân lý và tôn giáo. Chính lịch sử do con người tạo nên, nhưng lịch sử hướng về Chúa Kitô là trung tâm điểm và là cùng đích!

3. Hiến Chế cũng trình bày sinh hoạt thế tục theo quan điểm của Giáo Hội.

A) Về việc làm: a) cắt nghĩa việc làm theo thần học, b) giá trị của nó, c) tính cách nhân phẩm, d) công hiệu của việc làm đối với nền văn minh.

B) Về sinh hoạt xã hội phải theo nguyên tắc riêng của từng lãnh vực một (ví dụ: kinh tế, khoa học, văn hóa...) và phải thích hợp với bản tính con người cũng như với đức tin và đức mến.

4. Sau cùng Hiến Chế dạy về hoạt động của Giáo Hội trong thế giới giúp chúng ta hiểu thêm về sứ mệnh và bản tính của Giáo Hội.

Hiến Chế Mục Vụ

Vì danh từ "Hiến Chế" mang ý nghĩa một mệnh lệnh và có vẻ không thích hợp với ý muốn của Công Đồng là đối thoại với

² N.v.t. trg 57.

³ N.v.t. trg 59.

mọi người bất chấp tín ngưỡng, nên một số Nghị Phụ thích danh từ "Tuyên Ngôn" hơn. Nhưng Công Đồng đã giữ lại danh từ "Hiến Chế" để nhấn mạnh tính cách quan trọng của văn kiện cả về phương diện giáo lý nữa.

Thêm nữa từ "Mục Vụ" để nhắc lại tính cách thực tế của giáo lý đó.

Danh từ "Giáo Hội" phải được hiểu như đã được trình bày trong Hiến Chế tín lý về Giáo Hội với sứ mệnh cứu độ.

Còn "Thế Giới" như vừa nói trên, là toàn thể thực tại do Thiên Chúa tạo nên, trong đó nhân loại là trung tâm điểm và có nhiệm vụ phát triển thế giới.

Vài nét lịch sử

Ngày 25-12-1961, khi triệu tập Công Đồng, Đức Gioan XXIII đã nói đến những mối lo lắng của Giáo Hội trước những thách thức của nhân loại. Giáo Hội có bổn phận phải bàn về các vấn đề đó, vì nó ảnh hưởng đến phần rỗi siêu nhiên⁴.

Ngày 11-10-1962, nhân dịp khai mạc Công Đồng, Đức Gioan XXIII đã nói vạch rõ tinh thần mới cho Công Đồng, tinh thần thương xót và thông cảm hơn là lên án⁵. Chính ngày sau đó Công Đồng gởi cho Thế Giới sứ điệp hòa bình và thương yêu cũng như sự quyết tâm phục vụ nhân loại, đặc biệt là người nghèo⁶.

Tuy nhiên, trong số 70 lược đồ do các Ủy Ban đã soạn thảo, chưa có tài liệu nào dành riêng cho các vấn đề thế giới. Đến cuối kỳ họp thứ nhất của Công Đồng (12-1962) các lược đồ thu gọn lại thành lược đồ 17, có đầu đề: "Về những nguyên tắc và sinh hoạt của Giáo Hội để xúc tiến hạnh phúc của xã hội".

⁴ *Tông hiến Humanae Salutis, 25-12-1961: AAS 54 (1962), 5-13.*

⁵ *Diễn văn, AAS 54 (1962), 792.*

⁶ *AAS 54 (1962), 822-824.*

Vào đầu năm 1963 Ủy Ban hỗn hợp, gồm có chuyên viên của hai Ủy Ban về Tín Lý và Tông Đồ Giáo Dân được bổ nhiệm soạn thảo lược đồ này. Đầu đề mới là: "Về sự hiện diện của Giáo Hội trong thế giới ngày nay". Cũng có văn kiện khác do Đức Hồng Y Suenens (Bi) đề nghị. Văn kiện này đã được gọi "Lược đồ Malines hay Louvain". Ủy Ban đã lập ra một tiểu ban do Đức Cha Guano (Ý) làm chủ tịch và Cha Haering CsxR (Đức) làm thư ký để xét lại những đề nghị ấy.

Vào mùa hè năm 1964, các Nghị Phụ mới chấp nhận văn kiện, bây giờ được gọi là lược đồ 13, cũng được gọi "Lược đồ Zurich", vì tiểu ban đã họp tại đó. Trong kỳ họp thứ ba (tháng 10-11) các ngài đề nghị phải sửa lại nhiều chỗ. Ủy Ban hỗn hợp soạn thảo một lược đồ mới (lược đồ Ariccia-Roma) theo địa danh làm việc.

Trong giai đoạn cuối cùng các Nghị Phụ bỏ phiếu nhiều lần: trước hết đã chấp nhận lược đồ cách đại cương rồi bỏ phiếu từng đoạn một. Sau nhiều sửa đổi theo những đề nghị của các Nghị Phụ, các ngài lại bỏ phiếu từng 12 đoạn và ngày 6-12-1965, 1,860 Nghị Phụ chấp nhận toàn bộ lược đồ, với 251 phiếu chống và 11 phiếu bất hợp lệ. Ngày hôm sau, trước khi Đức Giáo Hoàng Phaolô VI công bố Hiến Chế, các Nghị Phụ lại bỏ phiếu một cách long trọng: lúc ấy vẫn còn 75 phiếu chống.

"Không ai có thể quả quyết rằng đạo Công Giáo là vô ích, khi nhận thấy rằng Giáo Hội, nhân dịp tự ý thức về mình nhiều nhất và có hiệu lực lớn nhất, tức là khi tập họp lại trong Công Đồng, đã biểu thị rõ ràng Giáo Hội chỉ vì con người mà có..."⁷.

"Đối với người Việt Nam chúng ta, nhiều vấn đề có lẽ còn quá mới mẻ. Nhưng hướng đi của Công Đồng là hướng đi của lịch sử hiện đại. Hiến Chế Mục Vụ nếu được hiểu và áp dụng

⁷ Phaolô VI, *Diễn văn nhân dịp lễ bế mạc Công Đồng*, 8-12-1965: AAS 58 (1966), 58.

cho đúng mức sẽ giúp chúng ta tiết kiệm được rất nhiều thì giờ và sức lực"⁸.

⁸ Đức Hồng Y Phaxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, *Giáo Hội trong Thế Giới hôm nay*, Thanh Lao Công 1969, Lời giới thiệu (không mang số trang).

Phaolô Giám Mục
Tôi Tớ Các Tôi Tớ Thiên Chúa
Hiệp Nhất Với Các Nghị Phụ Của Thánh Công Đồng
Để Muôn Đời Ghi Nhớ

Hiến Chế Mục Vụ¹
Về Giáo Hội
Trong Thế Giới Ngày Nay

Lời Mở Đầu

1. Liên quan mật thiết giữa Giáo Hội và toàn thể gia đình các dân tộc.

Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui

¹ Hiến chế Mục Vụ về "Giáo Hội trong thế giới ngày nay" tuy có hai phần rõ rệt nhưng làm thành một khối duy nhất.

Hiến Chế mệnh danh là "Mục Vụ" vì, dựa trên những nguyên tắc giáo lý, Hiến Chế nhằm trình bày thái độ của Giáo Hội với thế giới và con người ngày nay. Do đó, không phải là thiếu chủ đích mục vụ trong phần I, cũng như không thiếu chủ đích giáo lý trong phần II.

Trong phần I, Giáo Hội trình bày giáo lý của mình về con người, về thế giới con người đang sống và về thái độ của Giáo Hội đối với con người và thế giới. Trong phần II, Giáo Hội khảo sát tường tận hơn những khía cạnh khác nhau trong cuộc sống hiện nay và trong xã hội nhân loại, nhất là những thách thức, những vấn đề xét ra có vẻ khẩn thiết hơn trong thời đại chúng ta. Do đó, trong phần sau này, dựa trên những nguyên tắc giáo lý, nội dung không những bao hàm những yếu tố vĩnh cửu mà còn cả những yếu tố nhất thời nữa.

Vậy, phải giải thích Hiến Chế theo những nguyên tắc tổng quát của khoa chú giải thần học và đặc biệt phải lưu ý tới những hoàn cảnh thay đổi là những hoàn cảnh tự bản chất gắn liền với những vấn đề được bàn tới, nhất là trong phần thứ hai này.

mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô, và không có gì thực sự là của con người mà lại không gieo âm hưởng trong lòng họ. Thực vậy, cộng đoàn của họ được cấu tạo bằng những con người đã được qui tụ trong Chúa Kitô, được Chúa Thánh Thần hướng dẫn trong cuộc lữ hành về Nước Cha và đã đón nhận tin mừng cứu rỗi đem tới cho mọi người. Vì thế, cộng đoàn ấy mới nhận thấy mình thực sự liên hệ mật thiết với loài người và lịch sử nhân loại^{1*}.

2. Công Đồng muốn ngỏ lời với ai. Vậy, sau khi đã tìm hiểu tường tận hơn về mầu nhiệm Giáo Hội^{2*}, Công Đồng Vaticanô II không còn chỉ ngỏ lời riêng với những người con của Giáo Hội và tất cả những ai kêu danh Chúa Kitô, nhưng không ngần ngại nói với tất cả mọi người. Công Đồng ước ao trình bày cho mọi người biết mình quan niệm thế nào về sự hiện diện và hành động của Giáo Hội trong thế giới ngày nay.

Vậy thế giới trình bày ở đây là thế giới của con người, tức là toàn thể gia đình nhân loại với mọi sự thuộc môi trường sinh sống của gia đình này. Thế giới ấy là sân khấu của lịch sử nhân loại và là thế giới mang dấu tích những cố gắng, thất bại và thắng lợi của nhân loại; thế giới ấy, người Kitô hữu tin là đã được tình yêu của Đấng Tạo Hóa tác thành và bảo trì; thế giới ấy đã rơi vào ách nô lệ tội lỗi, nhưng, nhờ Chúa Kitô chịu đóng đinh và sống lại mà bề gãy uy quyền Thần Dữ, đã được giải

^{1*} *Kitô hữu là người "bị lưu đày xa Chúa" (2 Cor 5,6) và người "không có thành trì kiên cố" ở đất này (Dth 13,14), nhưng vẫn còn thuộc về gia đình nhân loại. Mọi vấn đề của nhân loại phải làm rung động tâm hồn Kitô hữu. Chính Giáo Hội được thiết lập để đến cùng con người chứ không phải để chỉ sống cho mình mà thôi, Giáo Hội phải đối thoại với con người, đưa cho con người ánh sáng đức tin đã được trao phó cho Giáo Hội. Như thế Giáo Hội góp phần vào công việc chung nhằm cứu độ con người và cải thiện xã hội. Sứ mệnh của Giáo Hội không nhằm những tham vọng thế tục (số 3). Hiến Chế khai triển những tư tưởng này trong chương IV.*

^{2*} *Trong Hiến Chế tín lý về Giáo Hội.*

thoát để thay hình đổi dạng theo dự định của Thiên Chúa mà tiến tới sự viên mãn^{3*}.

Phục vụ con người. Ngày nay, tuy đã cảm phục trước những khám phá và quyền lực của mình, nhân loại vẫn thấy lo lắng thắc mắc về sự tiến hóa hiện nay của thế giới, về chỗ đứng và phận vụ con người trong vũ trụ, về ý nghĩa của những cố gắng cá nhân cũng như tập thể, và sau hết về cùng đích của con người và muôn loài. Vì thế, khi minh chứng và trình bày Đức Tin của toàn thể dân Chúa đã được Chúa Kitô đoàn tụ, để diễn tả thật hùng hồn mối tình liên đới, sự tôn trọng và quý mến của dân Chúa đối với gia đình nhân loại mà mình là một thành phần, Công Đồng thấy hay hơn hết là phải thiết lập cuộc đối thoại về những vấn đề ấy, phải lấy ánh sáng Phúc Âm mà soi dẫn, và phải cho nhân loại những năng lực cứu rỗi mà chính Giáo Hội đã nhận được nơi Đấng Sáng Lập, nhờ Chúa Thánh Thần hướng dẫn. Thực vậy, việc phải làm là cứu rỗi nhân vị con người và xây dựng xã hội loài người. Do đó, con người - dĩ nhiên là con người duy nhất và toàn diện với thể xác và linh hồn, tình cảm và lương tri, trí khôn và ý chí - sẽ là then chốt tất cả phần trình bày của chúng tôi.

Vậy, khi công bố thiên chức cao cả của con người và xác nhận con người mang trong mình một mầm mống thần linh,

^{3*} Theo thần học ta có thể quan niệm "thế giới" 1) là vũ trụ đã được Thiên Chúa tạo nên (x. Stk 1,1; Gio 1,3; Col 1,15-20); 2) Thiên Chúa đã trao phó hoàn vũ cho con người (x. Mt26,13; Gio 17,18); 3) nhân loại sa ngã chán ghét và chống đối Thiên Chúa (x. Gio 1,10; 7,7; 15,18t; 17,9; 1Gio 2,15); 4) Thiên Chúa yêu mến nhân loại đã được cứu chuộc (x. Gio 1,29; 3,13; 4,42; 2Cor 5,19). (ĐGM. Charue, phó chủ tịch Ủy Ban về tín lý, ngõ lời trong thánh đường thánh Phêrô, ngày 24.9.1965: xem *Documentation Catholique* 62 (1965), 1863).

Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay hiểu thế giới theo nghĩa nhân chủng học (gia đình nhân loại), vũ trụ luận (tất cả thực tại chung quanh), lịch sử học (nơi diễn tiến của lịch sử), và thần học (được Thiên Chúa tạo nên vì tình yêu, v.v...).

Thánh Công Đồng muốn đề nghị với nhân loại sự cộng tác thành thực của Giáo Hội hầu thiết lập một tình huynh đệ đại đồng phù hợp với thiên chức ấy. Không bị một tham vọng trần thế nào thúc đẩy, Giáo Hội chỉ nhắm một điều là dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, Giáo Hội tiếp tục công cuộc của chính Chúa Kitô, Đấng đã đến thế gian để làm chứng cho chân lý², để cứu rỗi chứ không luận phạt, để phục vụ chứ không để được phục vụ³.

Nhập Đề

Thân Phận Con Người

Trong Thế Giới Ngày Nay^{4*}

² Xem Gio 18,37.

³ Xem Gio 3,17; Mt 20,28; Mc 10,45.

^{4*} Công Đồng mời gọi ta cùng tìm hiểu thế giới hiện đại (số 4a) để ta có thể đối thoại với nó và đem ánh sáng Chúa Kitô chiếuọi các vấn đề của nó (số 10b). Vì thế Công Đồng:

1) Kể lại những sự kiện tương phản với nhau: trạng thái thừa thãi và đói khát; tiến bộ và mù chữ; khát vọng tự do và nhiều thứ nô lệ; khát vọng hiệp nhất và vô số chia rẽ cũng như tư tưởng hỗn độn; tiến bộ kỹ thuật, văn hóa và tinh thần không tương hợp với nhau (số 4).

2) Những thay đổi thuộc về:

a) Cơ cấu về trí óc: vì ảnh hưởng do khoa học và kỹ thuật gây nên; vì được biết lịch sử rộng hơn, cũng như vì phép dự liệu và thuật kế hoạch; vì nhận thấy con người bắt đầu có quyền trên đời mình cũng như trên lịch sử. Quan niệm tĩnh ngày xưa chuyển thành quan niệm động (số 5).

b) Cơ cấu xã hội: nếp sống cổ điển biến mất; có những hiện tượng mới như kỹ nghệ hóa, thành thị hóa, các phương tiện truyền thông xã hội, những cuộc di cư, sự xã hội hóa (số 6).

3) Bởi đó đặt vấn đề theo cách mới:

a) Về tôn giáo: Giới thanh niên phản đối, lạc hướng; tinh thần phê bình; lối sống bỏ đạo thực hành; tuyên xưng vô thần (số 7).

b) Về cá nhân: vì những phán đoán thiếu quân bình, vì những xung đột giữa lương tâm và trí óc trong việc đi tìm kết quả thực tiễn giữa nhu cầu chuyên môn và một quan niệm tổng quát về vũ trụ.

4. Hy vọng và lo âu. Để chu toàn phận vụ ấy, lúc nào Giáo Hội cũng có bổn phận tìm hiểu tường tận những dấu chỉ của thời đại^{5*} và giải thích dưới ánh sáng Phúc Âm; như vậy mới có thể giải đáp một cách thích ứng với từng thể hệ những thắc mắc muôn thuở của con người về ý nghĩa cuộc sống hiện tại và mai hậu cũng như về mối tương quan giữa hai cuộc sống ấy. Do đó, cần phải biết và hiểu thể giới chúng ta đang sống với những chờ đợi, mong ước và cả tính chất thường là bi thảm của nó. Có thể phác họa một vài nét chính yếu của thể giới ngày nay như sau:

Nhân loại ngày nay đang sống vào một giai đoạn mới trong lịch sử của mình^{6*}. Đó là giai đoạn chất chứa những đổi thay sâu xa và mau chóng đang dần dần lan rộng tới toàn thể hoàn cầu. Những thay đổi do óc thông minh và nỗ lực sáng tạo của con người khơi dậy, đang trở lại ảnh hưởng trên chính con người, trên những phán đoán và ước vọng cá nhân hay tập thể con người, trên cách suy tư và hành động đối với sự vật cũng như con người. Như vậy, chúng ta có thể nói đến sự biến đổi đích thực về mặt xã hội cũng như văn hóa, sự biến đổi này đang lan tràn tới cả đời sống tôn giáo.

c) Về gia đình: vì vấn đề dân số, khó khăn kinh tế xã hội, những khác biệt giữa các thể hệ, những liên quan mới giữa nam giới và nữ giới.

d) Về quốc gia: vì những sự khác nhau giữa các chủng tộc, các giai cấp; giàu có và nghèo khổ; vì những lý thuyết ảnh hưởng các phong trào hòa bình (số 8).

4) Nguyên vọng mới: vì con người ý thức về quyền thể mình, nhận thấy rằng có thể đòi hỏi tham gia vào những thành quả của văn minh và cảm thấy có quyền sống đầy đủ và xứng hợp với bản tính con người.

^{5*} Đức Gioan XXIII, đã dựa theo Mt 16,4 và Lc 21,7 để dùng câu này trong thông điệp *Pacem in Terris*, và sau đó câu này trở thành một biểu ngữ cho việc canh tân Giáo Hội. Trong số 11a Công Đồng lại diễn tả thái độ dò xét thời điểm này.

^{6*} Ta phải chú ý rất kỹ đến câu quả quyết quan trọng này (xem lại trong số 54a). Đặc biệt tất cả những ai có trách nhiệm giáo dục lớp trẻ phải suy xét lại rằng: có gắng tiếp tục sống theo nếp cũ trong "giai đoạn mới của lịch sử" tất nhiên là lỗi thời.

Cũng như trong bất cứ cơn khủng hoảng tăng trưởng nào, sự biến đổi này kéo theo những khó khăn không nhỏ. Chẳng hạn như đang khi bành trướng quá rộng quyền lực của mình, không phải lúc nào con người cũng có thể bắt nó phục vụ mình. Cố gắng đi sâu hơn vào thâm tâm mình, con người nhiều khi lại tỏ ra hoang mang hơn về chính mình. Dò dẫm tìm hiểu rõ hơn những luật lệ của đời sống xã hội, con người lại do dự không dám định đoạt hướng đi cho mình.

Chưa bao giờ nhân loại dồi dào của cải, khả năng và quyền lực kinh tế như ngày nay, vậy mà tới nay, một phần rất lớn nhân loại trên thế giới đang quần quai vì đói ăn và thiếu thốn, rồi không biết bao nhiêu người đang chịu cảnh mù chữ. Chưa bao giờ con người ý thức mãnh liệt được sự tự do như ngày nay, đang khi đó, lại thấy sống dậy những hình thức nô lệ mới mẻ về mặt xã hội cũng như tâm lý. Trong lúc đang mãnh liệt cảm thấy sự duy nhất cũng như sự kiện tất cả lệ thuộc nhau trong sự liên đới cần thiết, thì thế giới lại bị lôi kéo kịch liệt theo những chiều hướng tương phản do những lực lượng chống đối nhau; thực vậy vẫn còn kéo dài mãi tới ngày nay những bất đồng trầm trọng về chính trị, xã hội, kinh tế, chủng tộc và ý thức hệ, và một cuộc chiến diệt vong vẫn còn đe dọa. Đang khi sự trao đổi tư tưởng phát triển, thì những ngôn ngữ dùng để diễn tả những quan niệm có tầm mức quan trọng lại mang ý nghĩa khác nhau tùy từng ý thức hệ riêng biệt. Sau hết, người ta nỗ lực đi tìm một tổ chức trần thế hoàn hảo hơn, nhưng lại không lo tiến tới sự phát triển tinh thần tương xứng.

Do những hoàn cảnh phức tạp như thế chi phối, rất nhiều người đương thời thấy khó lòng có thể nhận chân được những giá trị trường cửu và đồng thời cũng khó mà hòa hợp những giá trị ấy cho đúng với những phát minh gần đây. Do đó, bị lay động giữa hy vọng và lo âu, băn khoăn về sự xoay chuyển hiện tại của thế giới, họ cảm thấy một nỗi ưu tư. Sự xoay chuyển

của thế giới đang thách đố và thúc bách con người tìm câu giải đáp.

5. Những hoàn cảnh biến đổi sâu rộng. Sự giao động tâm hồn hiện nay và sự thay đổi cảnh sống gắn liền với một biến chuyển rộng lớn hơn. Trong phạm vi trí dục, sự biến chuyển này làm cho toán học, vạn vật học và các khoa học nhân văn càng ngày càng thêm quan trọng, còn trong phạm vi hoạt động, thì kỹ thuật, con đẻ của khoa học, lại mỗi ngày một thêm uy thế. Tinh thần khoa học này đang tạo ra một nền văn hóa và những lối suy tư khác với trước kia. Kỹ thuật phát hiện đến độ thay đổi cả cục diện địa cầu và còn đang cố gắng chinh phục không gian.

Tâm trí con người như đang nói rộng phạm vi chế ngự trên cả thời gian: chế ngự dĩ vãng nhờ sử học, và chế ngự tương lai nhờ dự liệu và tổ chức các kế hoạch. Những khoa học đang tiến bộ như sinh vật học, tâm lý, xã hội, không những giúp con người hiểu biết chính mình hơn, mà còn giúp con người biết lợi dụng những phương pháp kỹ thuật để trực tiếp ảnh hưởng tới đời sống các xã hội. Đồng thời nhân loại mỗi ngày mỗi lưu tâm hơn để tìm cách tiên liệu và giải quyết vấn đề gia tăng dân số.

Chính lịch sử đang tiến bước quá nhanh đến nỗi từng cá nhân riêng rẽ khó lòng theo kịp. Vận mạng cộng đoàn nhân loại trở thành một mà thôi và không còn bị phân tán thành nhiều dòng lịch sử khác nhau nữa. Như vậy từ một quan niệm tĩnh về vũ trụ, nhân loại đã bước sang một quan niệm động và tiến hóa hơn^{7*}, do đó phát sinh những vấn đề hết sức phức tạp mới mẻ đòi phải có những phân tích và tổng hợp mới.

^{7*} Công Đồng muốn nói rằng, thời xưa (và gần đây) người ta coi những thực tại nhân loại là vững bền và ít thay đổi. Ví dụ các luật trong lãnh vực pháp lý, những tổ chức gia đình, làng xóm, đô thị trong lãnh vực xã hội; những nhu cầu của dân chúng trong lãnh vực kinh tế, v.v... Qua bốn thế kỷ vừa qua chưa có những thay

6. Những biến đổi trong phạm vi xã hội. Cũng vì vậy, các cộng đoàn cổ truyền địa phương, như gia tộc, "thị tộc", bộ lạc, xóm làng, các tập thể khác và các liên hệ trong cộng đoàn xã hội đều thay đổi mỗi ngày mỗi sâu xa hơn.

Tổ chức xã hội theo khuôn mẫu kỹ nghệ dần dần bành trướng, đưa một số quốc gia tới mức thịnh vượng kinh tế và thay đổi tận gốc rễ những quan niệm và hoàn cảnh đời sống xã hội đã cố định từ lâu đời. Sự ham chuộng theo đuổi đời sống thị thành cũng gia tăng, vì các thành phố càng ngày càng mọc lên nhiều, dân cư càng ngày càng đông, và vì cách sống thị thành đang lan rộng tới cả thôn quê.

Những phương tiện truyền thông mới mẻ và mỗi ngày một thuận tiện hơn giúp con người theo dõi được các biến cố cũng như phổ biến hết sức mau lẹ và rộng rãi những cách cảm nghĩ và suy tư, do đó chúng gây nên nhiều âm hưởng vang dội có liên quan với nhau.

Một hiện tượng không kém quan trọng khác: biết bao người bởi nhiều lý do phải di cư, và vì di cư đã thay đổi cả cách sống.

Do vậy mà những liên hệ của con người với đồng loại không ngừng tăng thêm mãi, đồng thời chính sự "xã hội hóa"^{8*} lại tạo

đổi trong phụng vụ Thánh Lễ!... Nhưng ngày nay thì khác hẳn. Người ta không còn thích coi lãnh vực nào là bất di dịch nữa. Ngày nay con người dễ tỏ lòng nghi ngờ khi người ta nại vào những nguyên tắc bất biến hay là dựa trên quan niệm cổ điển để giải thích các vấn đề. Hiện nay người ta không còn tin như xưa rằng lịch sử là "thầy dạy cho cuộc sống", hay ít ra cũng không phải theo cùng một quan niệm như xưa.

^{8*} *Thông điệp Mater et Magister của Đức Gioan XXIII diễn tả hiện tượng "đời sống xã hội" này và Công Đồng (số 25b) trích lại lời đó. Dĩ nhiên đó là hiện tượng mới trong xã hội kỹ nghệ Âu Mỹ. Trong xã hội nông thôn Á Đông, nó đã có từ nghìn xưa (dù dưới hình thức khác), đến nỗi nhiều khi gây ra nguy hại cho quyền tự do cá nhân (xem Phaolô VI, Populorum progressio, số 36). Hiện tượng này không phải đồng hóa với xã hội chủ nghĩa đã bị Giáo Hội lên án nhiều lần (đặc biệt trong Tđ. Quadragesimo Anno của Đức Piô XI, năm 1931). Sau đó chính xã hội chủ nghĩa đã biến đổi không ít. Sự kiện xã hội hóa có thể sa vào những chỗ*

thêm những liên hệ mới, tuy nhiên, những liên hệ mới ấy không phải lúc nào cũng giúp nhân vị trưởng thành một cách thích hợp, hoặc cổ vũ những liên hệ thực sự người (nhân vị hóa).

Thực vậy, sự tiên hóa ấy phát hiện rõ rệt hơn tại những quốc gia hưởng thụ những tiện nghi kinh tế và kỹ thuật, nhưng sự tiên hóa ấy cũng thúc đẩy các dân tộc còn đang cố gắng tiến lên, vì họ là những người mong mỏi cho xứ sở mình được hưởng ích lợi của nền kỹ nghệ và đô thị hóa. Các dân tộc ấy, nhất là các dân tộc đã bám víu vào những truyền thống cổ kính, đồng thời cảm thấy bị thúc đẩy muốn tự mình xử dụng tự do một cách trưởng thành và hợp nhân vị hơn.

7. Những biến đổi về tâm lý, luân lý và tôn giáo. Sự thay đổi tâm thức và cơ cấu thường làm cho con người bất đồng ý kiến về những giá trị đã được chấp nhận, nhất là nơi những người trẻ là lứa tuổi đôi khi thiếu nhẫn nại; hơn nữa vì lo âu, nên họ mới nổi loạn, và vì ý thức tầm quan trọng của riêng mình trong đời sống xã hội, nên họ mong muốn sớm được dự phần vào đời sống xã hội hơn. Do đó, nhiều khi cha mẹ và các nhà giáo dục càng ngày càng gặp nhiều khó khăn trong việc chu toàn bổn phận.

Các định chế, luật pháp, những lối suy tư và cảm nghĩ của người xưa truyền lại, hình như không phải lúc nào cũng phù hợp với tình thế hiện tại, do đó, có sự xáo trộn trầm trọng trong phương thức và trong cả các tiêu chuẩn hành động.

Sau hết, những hoàn cảnh mới cũng ảnh hưởng tới đời sống tôn giáo. Một phần vì khả năng phán đoán sâu sắc hơn đã thanh

nguy hại như Công Đồng nhắc lại trong đoạn này, nhưng cũng có thể đem lại kết quả tốt đẹp: ngoài sự phát triển vật chất, có thể giúp để thỏa mãn nhiều quyền lợi căn bản của con người như về giáo dục, đào tạo nghề nghiệp, sự cứu trợ xã hội, cứu trợ y khoa, về hoàn cảnh làm việc, nhà ở, v.v... (Xem MV 25a và 42c).

lọc khỏi đời sống tôn giáo quan niệm ma thuật về thể giới^{9*} và những mê tín vẫn còn lan tràn tới ngày nay. Khả năng sâu sắc ấy đòi hỏi đức tin phải được chấp nhận mỗi ngày một thêm cá biệt và linh hoạt; bởi đó, nhiều người đạt được một ý thức sống động hơn về Thiên Chúa. Phần khác, số người lia xa Thiên Chúa trong cách sống thực tế càng ngày càng đông. Khác với thời xưa, sự từ chối hoặc tránh né đề cập tới Thiên Chúa hay tôn giáo không còn là một hành vi dị thường và có tính cách cá nhân nữa, vì ngày nay, biết bao người coi đó như một đòi hỏi của tiến bộ khoa học^{10*} hay của nền nhân bản mới^{11*}. Tại nhiều

^{9*} Vì thiếu óc khoa học, giới bình dân tin tưởng vào những sức lực vô hình do những quỉ thần nào đó gây nên để giải thích hiện tượng thiên nhiên. Nhờ những nghi lễ lạ lùng và huyền bí cố định từ ngàn xưa truyền lại, họ tìm cách gây ảnh hưởng trên những ma lực đó (x.33a).

Tin tưởng vào số tử vi cũng phải được coi như một hành thức biểu thị quan niệm phù phép.

Đây là quan niệm rất tai hại cho đức tin, vì quyền tự do, lòng yêu mến Thiên Chúa là Đấng hiểu biết và âu yếm điều khiển đời ta, chẳng chiếm chỗ nào trong quan niệm đó.

^{10*} Những quốc gia tân tiến hơn (Hoa Kỳ, Nga Sô, Thụy Điển...) lại chẳng phải là những nước bỏ đạo nhiều hơn sao! Giới trí thức, không kể giới bác học cũng không phải như thế sao! Nhiều khi người ta nghe nói như vậy. Thực sự nhiều khi người trí thức học sâu về khoa học trong khi lại quên phát triển những điều học hỏi về tôn giáo lúc còn bé. Trường hợp như thế dễ mất đức tin, nhưng không được nói rằng đó là đòi hỏi của khoa học!

^{11*} Trong số 9c và 10a, Công Đồng tóm tắt ý nghĩa đại khái của những hình thức nhân bản chủ nghĩa khác nhau: nhân bản dân chủ mong ước giải thoát con người khỏi mọi trạng thái hỗn độn nhờ giáo dục, kỹ thuật, quyền tự do... không cần đến Thiên Chúa, tôn giáo, và chủ trương tự sức mình, con người sẽ đạt tới hạnh phúc... Nhân bản khoa học, một cách tương tự, chủ trương con người tìm được tất cả các câu trả lời nơi khoa học và không cần biết đến thực tại về tội lỗi và nguồn gốc tội lỗi nơi con người, thực tại về công cuộc cứu chuộc của Đấng Cứu Thế, v.v... Nhân bản Mác xít đánh giá việc làm như giá trị duy nhất của con người. Nhờ đảng điều khiển, con người sẽ xây dựng thể giới và xã hội mới, loại trừ mọi bất công. Tôn giáo là một dụng cụ của các chế độ tư bản dĩ nhiên sẽ biến mất. Nhân bản Quốc gia: đã chiếm được độc lập thì phải tự trị để phát triển đầy đủ không chấp nhận bất cứ hình thức đế quốc nào nữa, mà tôn giáo chẳng phải là một thứ đế quốc văn hóa sao? Nhân bản hiện sinh chủ trương rằng đời sống là phi lý. Từ con số không,

nơi, quan niệm này không những được diễn tả trong các trường phái triết học, mà còn ảnh hưởng rất nhiều tới văn chương, nghệ thuật, các giải thích của các khoa học nhân văn và sử học, cũng như ảnh hưởng tới cả dân luật khiến cho nhiều người hoang mang.

8. Những chênh lệch trong thế giới ngày nay. Sự biến chuyển quá mau chóng và thường thiếu trật tự, hơn nữa, sự ý thức càng ngày càng bén nặng hơn về những sự khác biệt hiện có trong thế giới, đó là những yếu tố làm phát sinh hoặc gia tăng nhiều mâu thuẫn và chênh lệch.

Chính nơi con người thường phát sinh sự thiếu quân bình giữa óc thực tế hiện thời và lối suy tư thuyết lý. Lối suy tư này không còn khả năng làm chủ và tổng hợp gọn gàng toàn thể mọi tri thức. Cũng vậy, sự thiếu quân bình hiển hiện giữa những lo âu đạt được hiệu quả cụ thể và những đòi hỏi của lương tâm, và nhiều lúc giữa những cảnh sống tập thể và những điều khẩn thiết cho suy tư cá nhân và nhất là cho sự chiêm niệm. Sau hết là sự chênh lệch giữa sự chuyên biệt hóa các sinh hoạt nhân loại và cái nhìn phổ quát về muôn vật.

Trong gia đình cũng xuất hiện nhiều mâu thuẫn, hoặc do những hoàn cảnh ngặt ngạt về dân số, kinh tế, xã hội, hoặc do những khó khăn phát xuất giữa những thế hệ tiếp nối nhau, hoặc do những xã giao mới giữa người nam và nữ.

Ngoài ra còn có những sự khác biệt lớn lao giữa các chủng tộc và kể cả giữa những giai cấp xã hội khác nhau, giữa những quốc gia cường thịnh và những quốc gia nghèo nàn yếu kém, sau hết giữa những tổ chức quốc tế đã được thiết lập vì sự mong mỏi hòa bình của các dân tộc và tham vọng gieo rắc ý thức hệ

con người đang đi tới con số không nữa. Chỉ cần lòng can đảm để tự tạo ý nghĩa cho đời mình, và tạo nên một thế giới thiện nghi hơn cho con cháu (xem số 10a).

riêng cùng những ham hố tập thể hiện hữu trong các quốc gia hoặc các tập thể khác.

Từ đó, phát sinh ngờ vực và thù nghịch nhau, xung đột và thống khổ mà chính con người là nguyên nhân và nạn nhân.

9. Những khát vọng phổ quát hơn của nhân loại. Trong khi đó, người ta thêm xác tín rằng nhân loại không những có thể và phải mỗi ngày mỗi củng cố thêm sự thống trị của mình trên tạo vật mà còn phải thiết lập một trật tự chính trị, xã hội và kinh tế để phục vụ con người ngày đặc lực hơn, giúp mỗi cá nhân, mỗi tập thể khẳng định và trau dồi phẩm giá riêng của mình.

Bởi đó, rất nhiều người đòi hỏi gặt gao những của cải mà họ ý thức mãnh liệt rằng họ bị cướp mất vì bất công hay vì phân chia không đồng đều. Các quốc gia đang trên đường phát triển cũng như các quốc gia mới giành được chủ quyền mong muốn dự phần vào những lợi ích của nền văn minh hiện nay không những trong phạm vi chính trị mà cả trong phạm vi kinh tế nữa, và mong muốn tự do chu toàn vai trò của mình trong thế giới. Tuy nhiên, trong khi ấy, càng ngày càng gia tăng sự cách biệt giữa các quốc gia này, cũng như thường thấy gia tăng sự lệ thuộc cả về phạm vi kinh tế đối với những quốc gia khác giàu mạnh và tiến bộ nhanh hơn. Các dân tộc bị đói khổ hoành hành đang kêu gọi các dân tộc phồn thịnh hơn. Ở đâu nữ giới chưa được bình quyền với nam giới đều đứng lên đòi hỏi cho mình được bình đẳng trước pháp lý và trên thực tế. Các công nhân và nông gia cũng muốn rằng họ làm việc không những để mưu sống nhưng còn để phát huy những tài năng của con người họ, hơn nữa họ còn muốn tham gia vào việc tổ chức đời sống kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại, toàn thể các dân tộc đã xác tín mình có thể và phải thực sự phổ biến những thành quả của văn hóa tới hết mọi dân tộc.

Dưới tất cả những đòi hỏi đó tàng ẩn một ước vọng sâu xa và đại đồng hơn: mọi cá nhân và tập thể đều khao khát một cuộc sống đầy đủ và tự do xứng với con người; để phục vụ cho chính mình, họ muốn chế ngự tất cả những gì thế giới ngày nay có thể cung ứng hết sức dồi dào cho họ. Hơn nữa, các quốc gia vẫn ngày một cố gắng hơn để đạt tới một thứ cộng đồng đại đồng.

Như vậy, thế giới ngày nay tỏ ra vừa mạnh vừa yếu, có khả năng thực hiện những điều tốt đẹp nhất hoặc xấu xa nhất, đang khi ấy trước mặt nó là con đường dẫn tới tự do hoặc nô lệ, tiên bộ hoặc thoái hóa, huynh đệ hoặc đố kỵ. Lại nữa, con người đã ý thức được chính họ phải điều khiển cho đúng những năng lực do chính mình tạo nên và đó là những năng lực có thể đè bẹp họ hoặc phục vụ cho họ. Do đó họ phân vân.

10. Những vấn nạn sâu xa hơn của nhân loại. Thực vậy, những chênh lệch dày vò thế giới ngày nay được nối liền với một chênh lệch căn bản hơn phát xuất từ đáy lòng con người. Bởi vì, ngay chính trong con người có nhiều yếu tố xung khắc nhau. Vì một đằng, là tạo vật, con người nhận thấy mình bị giới hạn trong nhiều phương tiện, nhưng đằng khác, lại cảm thấy mình có những khát vọng vô biên và còn cảm thấy được mời gọi tới một cuộc sống cao cả hơn. Bị lôi kéo giữa nhiều quyền rũ, con người luôn bị bó buộc phải lựa chọn một số hoặc loại bỏ một số khác. Hơn nữa, vì yếu đuối và tội lỗi, nhiều khi con người làm điều mình không muốn và không làm được điều mình muốn làm⁴. Bởi vậy, có sự phân rẽ trong chính con người, từ đó, sinh ra bao nhiêu là bất hòa lớn lao trong xã hội. Thực vậy rất nhiều người vì đòi sống thắm nhiễm chủ nghĩa duy vật thực hành nên đã không nhìn nhận rõ ràng thắm trạng ấy, hay ít ra vì lối sống cơ cực đè nặng không cho phép họ nghĩ tới nữa. Đằng khác, dựa vào mớ lý thuyết mà họ đã tìm ra để giải thích

⁴ Xem Rm 7,14tt.

vũ trụ, nhiều người tưởng như thế là đủ an tâm. Còn có những người chỉ trông vào nỗ lực của con người mới đem lại cho nhân loại sự giải phóng đích thực và trọn vẹn, và họ xác tín rằng sự thống trị mai hậu của con người trên trái đất sẽ làm mãn nguyện mọi ước vọng của con tim nhân loại. Cũng không thiếu những người thất vọng về ý nghĩa cuộc sống tán dương những kẻ tào bạo nghĩ rằng sự hiện hữu của con người tự nó không mang một ý nghĩa nào nên họ cố gắng dùng nguyên tài năng của mình để tạo nên tất cả ý nghĩa cho sự hiện hữu ấy. Tuy nhiên, trước sự tiến hóa hiện nay của thế giới, càng ngày càng có nhiều người hoặc đặt vấn đề hoặc nhận thức một cách sâu sắc mới mẻ về những vấn đề hết sức căn bản như: con người là gì? Đâu là ý nghĩa của đau khổ, sự dữ, cái chết? Sao chúng còn tiếp tục tồn tại mặc dù đã có bao nhiêu tiến bộ? Bao chiến thắng đạt được với một giá đắt ấy có ích gì? Con người có thể đem lại gì cho xã hội và có thể trông đợi gì ở xã hội? Cái gì sẽ tiếp theo sau cuộc sống trần gian này?

Giáo Hội tin rằng Chúa Kitô đã chết và đã sống lại cho mọi người⁵. Vì thế qua Thánh Thần của Người, Người ban cho con người ánh sáng và sức mạnh để con người có thể đáp lại thiên chức cao cả của mình. Giáo Hội cũng tin rằng dưới bầu trời này chẳng còn danh hiệu nào khác được ban cho loài người để loài người phải nhờ đó mà được cứu rỗi⁶. Cũng thế, Giáo Hội tin rằng đầu mối, trung tâm và cùng đích của toàn thể lịch sử nhân loại đều ở trong Đức Kitô là Chúa và là Thầy của Giáo Hội. Hơn nữa, Giáo Hội còn xác nhận rằng qua mọi thay đổi, có nhiều điều vẫn không đổi thay vì nền tảng cuối cùng của những điều không thay đổi này là Chúa Kitô, Đấng hôm qua, hôm nay và mãi mãi⁷. Vậy dưới ánh sáng Chúa Kitô, Hình Ảnh của

⁵ Xem 2Cor 5,15.

⁶ Xem CvTđ 4,12.

⁷ Xem Dth 13,8.

Thiên Chúa vô hình, Trưởng Tử giữa mọi thụ sinh⁸, Công Đồng muốn nói với mọi người để làm sáng tỏ mâu thuẫn về con người và để cùng nhau tìm giải đáp cho những vấn đề chính yếu của thời đại chúng ta.

Phần Thứ Nhất

Giáo Hội Và Thiên Chức Con Người^{12*}

11. Đáp ứng những thúc bách của Chúa Thánh Thần. Dân Thiên Chúa, nhờ đức tin mà tin rằng mình được Thánh Thần Thiên Chúa là Đấng bao phủ mặt đất hướng dẫn, cố gắng nhận định đâu là những dấu chỉ thực về sự hiện diện hoặc ý định của Thiên Chúa trong mọi biến cố, mọi yêu sách và ước vọng mà họ dự phần với những người đương thời. Thực vậy, đức tin lấy ánh sáng mới^{13*} mà chiếu soi mọi sự và biểu lộ ý định của Thiên Chúa về thiên chức toàn vẹn của con người và do đó hướng dẫn lý trí tới những giải quyết hoàn toàn nhân bản.

Trước hết dưới ánh sáng này, Công Đồng muốn thẩm định những giá trị ngày này rất được đề cao và đưa chúng về tới

⁸ Xem Col 1,15.

^{12*} Trong phần thứ nhất này Công Đồng tìm hiểu về con người dưới ánh sáng đức tin để rồi trong phần thứ hai có thể đề cập tới một số vấn đề cụ thể. Chương I nói về con người trong thế giới: phẩm giá của con người. Chương II: về con người theo tính cách xã hội. Chương III: về ý nghĩa và giá trị sinh hoạt của con người. Chương IV: con người và Giáo Hội.

^{13*} Sống theo đức tin không phải là quay lưng tránh né trước các vấn đề nhân loại. Trái lại, chỉ nhờ đức tin chúng ta mới có được quan điểm toàn diện về con người (không biết ơn kêu gọi siêu nhiên của con người làm sao có thể biết chính con người được!). Nên, chỉ nhờ đức tin chúng ta mới có thể tìm thấy những giải đáp thực sự có tính cách nhân loại bởi vì đức tin giúp ta coi trọng con người về mọi phương diện. Dĩ nhiên ở đây không nói tới một đức tin trong lý thuyết, chẳng ảnh hưởng gì đến các việc thường nhật.

nguồn phát sinh là Thiên Chúa. Thực vậy, những giá trị này, vì phát sinh do tài năng của con người được Thiên Chúa ban cho, nên rất tốt đẹp. Nhưng vì lòng người đã hư hỏng nên nhiều khi những giá trị ấy đã bị sai lệch ngoài trật tự phải có, bởi vậy chúng cần được thanh lọc^{14*}.

Vậy Giáo Hội nghĩ gì về con người? Phải đưa ra những điểm nào để xây dựng xã hội ngày nay? Đây là ý nghĩa cuối cùng của hoạt động con người trong vũ trụ? Người ta đang chờ một giải đáp cho những câu hỏi trên đây. Như thế sẽ tỏ rõ rằng dân Chúa và nhân loại, trong đó dân Chúa là một thành phần, phục vụ lẫn nhau đến nỗi sứ mệnh của Giáo Hội biểu lộ được tính cách tôn giáo và chính vì thế biểu lộ được cả tính cách hoàn toàn nhân loại.

Chương I

Phẩm Giá Con Người^{15*}

12. Con người theo hình ảnh Thiên Chúa. Những kẻ tin cũng như những kẻ không tin dường như đồng quan điểm là mọi vật trên địa cầu phải được hướng về con người như là trung tâm và tột điểm của chúng.

Vậy con người là gì? Con người đã và còn đang đưa ra nhiều quan niệm về chính mình, những quan niệm khác nhau và đôi

^{14*} Các giá trị nhân bản, các nhân bản chủ nghĩa (xem chú thích về số 7) đều mang ý nghĩa mơ hồ. Cả về khía cạnh tốt đẹp nhất của chúng, chúng vẫn chưa hoàn toàn và không đủ để "cứu rỗi" con người - theo như ý muốn của Thiên Chúa!

^{15*} Phẩm giá con người rất cao cả vì con người là hình ảnh của Thiên Chúa (số 12) - dầu bị tội lỗi làm mất vẻ trong sáng (số 13) -, vì giá trị bản tính thể xác lẫn linh hồn của mình (số 14), đặc biệt của lý trí (số 15), của lương tâm luân lý (số 16) của quyền tự do (số 17) và của tính bất diệt (số 18). Phẩm giá đó bị hiện tượng vô thần làm thiệt hại không ít: Công Đồng mô tả hiện tượng và nguyên nhân của nó rồi nêu rõ thái độ của Giáo Hội (số 19-21). Phẩm giá của con người được biểu lộ một cách hoàn toàn nơi Chúa Kitô (số 22).

khi trái ngược nhau. Theo những quan niệm đó, thường con người tán dương mình như một mẫu mực tuyệt đối hay lại chê bai đến độ tuyệt vọng, từ đó con người hoài nghi và lo lắng. Thông cảm sâu xa được những khó khăn này, Giáo Hội, vì được Thiên Chúa là Đấng mạc khải dạy dỗ, có thể đem lại câu giải đáp cho những khó khăn ấy, nhờ đó diễn tả được thân phận đích thực của con người, giải bày những yếu hèn, đồng thời có thể nhìn nhận xác đáng phẩm giá và thiên chức của con người.

Thực vậy, Thánh Kinh dạy rằng con người đã được tạo dựng "theo hình ảnh của Thiên Chúa" có khả năng nhận biết và yêu mến Đấng Tạo Dựng mình, được Ngài đặt làm chủ mọi tạo vật trên trái đất¹ để cai trị và xử dụng chúng mà ngợi khen Thiên Chúa². Vì "thế nhân là chi để Ngài nhớ đến? hay con người là gì để Ngài phải bận tâm? So với thiên thần Ngài có để cho thua mấy tí. Vinh dự huy hoàng là triều thiên Ngài ban tặng. Ngài cho thống trị các kiệt tác tay Ngài làm, muôn sự Ngài đã đặt dưới chân" (Tv 8,5-7).

Nhưng Thiên Chúa đã không dựng nên con người cô độc: bởi vì từ khởi thủy "Ngài đã tạo dựng có nam và có nữ" (Stk 1,2-7). Sự liên kết giữa họ đã tạo nên một thứ cộng đoàn đầu tiên giữa người với người. Thực vậy, tự bản tính thâm sâu của mình, con người là một hữu thể có xã hội tính và nếu không liên lạc với những người khác con người sẽ không sống và phát triển tài năng mình.

Vì thế như ta lại đọc thấy ngay trang đầu của Thánh Kinh: "Thiên Chúa đã thấy tất cả những gì Ngài đã làm đều rất tốt đẹp" (Stk 1,31).

13. Tội lỗi. Được Thiên Chúa thiết lập trong sự công chính, tuy nhiên ngay từ đầu lịch sử, con người nghe theo Thần Dữ

¹ Xem Stk 1,26; Kn 2,23.

² Xem Hđ 17,3-10.

nên đã lạm dụng tự do của mình khi nổi dậy chống lại Thiên Chúa và muốn đạt tới cứu cánh của mình ngoài Thiên Chúa. Dù họ đã nhận biết Thiên Chúa nhưng họ đã chẳng tôn vinh Ngài như Thiên Chúa, trái lại tâm hồn mê muội của họ đã ra tối tăm và họ đã phụng sự tạo vật hơn là phụng sự Đấng Tạo Hóa³. Điều Thiên Chúa mạc khải cho ta biết cũng phù hợp với kinh nghiệm của ta. Bởi vì nếu nhìn sâu tận đáy lòng mình, con người cũng khám phá ra rằng mình đã hướng về sự dữ và đã ngập lặn trong muôn vàn sự dữ là những điều không thể xuất phát từ Đấng Tạo Hóa tốt lành của mình. Nhiều khi từ chối không nhìn nhận Thiên Chúa như nguyên ủy của mình, con người cũng phá đổ trật tự phải có để đạt tới cùng đích của mình và đồng thời phá vỡ mọi hòa hợp nơi chính bản thân cũng như đối với những người khác và với mọi loài thụ tạo.

Vậy trong chính con người đã có sự chia rẽ^{16*}. Vì thế tất cả cuộc sống của con người, hoặc riêng rẽ, hoặc tập thể, đều biểu hiện như một cuộc chiến, dĩ nhiên là bi thảm, giữa tốt và xấu, giữa ánh sáng và tối tăm. Hơn nữa, con người thấy mình không đủ sức khi phải tự mình chiến thắng hữu hiệu những tấn công của sự dữ đến nỗi mỗi người cảm thấy dường như bị xiềng xích trói buộc. Nhưng chính Chúa đã đến để giải phóng con người và làm cho con người trở nên mạnh mẽ khi Ngài đòi mới tự nội tâm họ và loại ra ngoài thủ lãnh của thế gian này (xem Gio 12,31) là kẻ đã kìm giữ họ trong vòng nô lệ tội lỗi⁴. Tội lỗi làm

³ Xem Rm 1,21-25.

^{16*} Đây là một trong những kinh nghiệm đau đớn nhất của con người. Con người không phải chỉ là khán giả cũng không phải chỉ có vai trò tác động trong cuộc tranh đấu giữa sự thiện và sự ác. Cuộc tranh đấu ấy ngay ở giữa tâm hồn con người. Những sự dữ vật chất (vô tri, yếu đuối, bệnh tật...) đều đặt giới hạn bi thảm cho lòng khát khao sự hoàn hảo và toàn vẹn. Nhất là tội ác lôi cuốn con người từ bên trong đi ngược với nguyện vọng sâu xa về sự thiện (xem trên, số 10).

⁴ Xem Gio 8,34.

suy giảm chính con người và ngăn cản không cho con người đạt tới sự viên mãn^{17*}.

Dưới ánh sáng mạc khải này, thiên chức cao cả và nổi thống khổ sâu xa mà con người nghiệm thấy đều tìm được ý nghĩa cuối cùng của chúng.

14. Sự cấu tạo của con người. Con người duy nhất với xác hồn. Xét về thể xác, con người là một tổng hợp những yếu tố thuộc thể giới vật chất. Vì thế nhờ con người mà những yếu tố ấy đạt tới tuyệt đỉnh của chúng và tự do dâng lời ca tụng Đấng Tạo Hóa⁵. Vậy con người không được khinh miệt đời sống thể xác. Nhưng trái lại con người phải coi thân xác mình là tốt đẹp và đáng tôn trọng vì thân xác ấy do Chúa tạo dựng và phải được sống lại ngày sau hết. Tuy nhiên, mang thương tích do tội lỗi gây nên, con người cảm nghiệm nơi chính mình những nỗi loạn của thân xác. Vậy chính phẩm giá con người đòi hỏi con người ca tụng Thiên Chúa nơi thân xác của mình⁶ chứ đừng để thân xác ấy nô lệ cho những xu hướng xấu xa của lòng mình^{18*}.

^{17*} *Tội lỗi không chỉ có nghĩa là từ chối làm con Thiên Chúa và do đó ngăn cản không cho con người phát triển trọn vẹn, nó còn làm tổn thương chính bản tính tự nhiên của con người: trái ngược với lý trí, đe dọa ý chí, làm cho sự tự do bị sai lệch... hình ảnh của Thiên Chúa là con người tất nhiên bị hư hỏng rất nhiều.*

⁵ Xem Đn 3,57-90.

⁶ Xem 1Cor 6,13-20.

^{18*} *Ở đây Công Đồng nhắc lại một số nhận xét về thân xác theo thần học công giáo:*

1) *Thân xác là phần bản thể của thực tại duy nhất là con người. Con người không gồm có hai phần: xác và hồn, nhưng con người là xác và hồn. Ta còn có thể nói con người là thân xác này: bởi vì nếu chưa có hồn thì cũng chưa phải là thân xác này, mà chỉ là một đồng vật chất chưa thành thể.*

2) *Thân thể vật chất kết tụ các yếu tố tốt của giới vô cơ, của giới thực vật và động vật. Nơi con người, tất cả các nguyên tố đó được thêm ý thức và khả năng để ngợi khen Đấng Tạo Hóa.*

3) *Được Thiên Chúa tạo nên, không chỉ vì Chúa đã tạo nên vật chất sơ khai mà còn do việc cộng tác cần thiết và hệ trọng nhất của Thiên Chúa với đôi cha mẹ (x. 2Mac 7,22-23).*

Thực vậy, con người không làm lần khi họ nhận biết mình cao cả hơn vũ trụ vật chất và không coi mình chỉ như một mảnh vụn của thiên nhiên hay như một phần tử vô danh trong xã hội loài người. Bởi vì nhờ có nội giới^{19*}, con người vượt trên mọi vật. Khi con người quay về với lòng mình tức là họ trở về với nội giới thâm sâu này, ở đó Thiên Chúa, Đấng thấu suốt tâm hồn, đang chờ đợi họ⁷, và cũng nơi đó chính con người tự định đoạt về vận mệnh riêng của mình dưới con mắt của Thiên Chúa. Như vậy, khi nhìn nhận mình có một linh hồn thiêng liêng, bất tử, con người không phải là bị mê hoặc bởi một thứ ảo tưởng phát sinh do những điều kiện vật lý và xã hội. Trái lại, nhìn nhận như thế là con người đã đạt tới chính chân lý sâu xa.

15. Phẩm giá của trí tuệ, chân lý và sự hiểu biết. Dự phần vào ánh sáng của trí tuệ Thiên Chúa, con người có lý để nhận định rằng nhờ trí tuệ họ vượt trên mọi tạo vật. Qua các thời đại,

4) Thân thể hay chết cuối cùng sẽ sống lại. Sống lại về vang theo ý muốn của Chúa, giống như thân thể của Chúa Kitô Anh Cả của loài người (đặc biệt của tín hữu) (x. 1Cor 15,20-22.42-49).

5) Do đó ta phải kính trọng thân thể.

6) Đàng khác tội lỗi - không chỉ nguyên tội mà còn các tội lỗi khác, nhất là tội lỗi của riêng từng người - đã làm tổn thương nó. Các dục vọng (sự sợ hãi, sự nổi giận, tính lười biếng, sự dâm dục, v.v...) dễ dàng thúc đẩy ngũ quan và tâm hồn tìm kiếm những đối tượng bất chấp tính cách luân lý, hơn nữa trái ngược với lý trí. Như thế con người cảm thấy thân xác đè nặng mình, giới hạn mình và trở nên chướng ngại vật giữa chính mình và tha nhân... (x. Rm 7,24).

7) Việc làm sáng danh Thiên Chúa nơi thân thể (x. 1Cor 6,20) đòi hỏi ta phải gắng sức tranh đấu với những xu hướng xấu nơi thân xác. Phẩm giá của con người cũng đòi hỏi như vậy. "Nhờ thân xác, con người liên lạc với vũ trụ để cải thiện nó; với tha nhân, để cảm thông (nơi hôn nhân, thân xác đạt tới tột đỉnh của nó như khi cụ để biểu lộ và phục vụ tình yêu); với Thiên Chúa, để trung thành phục vụ Chúa hết lòng..." (Vatican II, *Gaudium et Spes*, x.b. *l'Action populaire*, ghi chú 28).

^{19*} Câu này muốn nói rằng con người cao vượt hơn và có giá trị hơn cả vũ trụ vì con người có lý trí. Nhờ lý trí con người có thể suy luận, như quay về nội tại của mình để tìm trong đó ý nghĩa của mọi sự và tìm cách chỉ huy không những chính đời mình mà còn các thực tại khác nữa.

⁷ Xem 1V 16, 7; Gier 17,10.

nhờ chuyên cần trau dồi tài năng của mình, chính con người đã thực sự tiến bộ trong những khoa học thực nghiệm, những khoa kỹ thuật và nghệ thuật. Trong thời đại chúng ta, con người đã đạt được những thành công phi thường, nhất là trong việc khám phá và chế ngự thế giới vật chất. Tuy nhiên con người đã luôn luôn tìm kiếm và đã khám phá ra chân lý sâu xa hơn. Thực vậy, trí khôn con người không hẳn chỉ giới hạn trong những hiện tượng mà thôi, nhưng còn có thể thấu triệt thực tại siêu hình một cách thực sự chắc chắn, cho dù trí tuệ phần nào đã bị mờ tối và suy nhược do hậu quả của tội lỗi.

Cuối cùng bản chất tri thức của nhân vị được kiện toàn và phải được kiện toàn nhờ sự "hiểu biết"^{20*}. Chính sự hiểu biết lôi kéo một cách dịu dàng tâm trí con người tìm kiếm và ái mộ những gì là chân, là thiện. Rồi nhờ thâm nhuần sự hiểu biết mà con người được đưa từ thế giới hữu hình tới thế giới vô hình.

Hơn hẳn những thế kỷ trước, thời đại chúng ta càng cần đến sự hiểu biết để tất cả những khám phá mới của con người mang tính chất nhân bản hơn. Bởi vì vận mệnh tương lai của thế giới sẽ lâm nguy, nếu thế giới không phát sinh ra những bậc thông thái lỗi lạc. Hơn nữa, phải lưu ý rằng, nhiều quốc gia tuy nghèo nàn về kinh tế, nhưng lại giàu có về phần hiểu biết, nên vẫn có thể trợ giúp những quốc gia khác rất đắc lực.

Nhờ hồng ân của Chúa Thánh Thần, con người, qua đức tin, tiến tới sự chiêm ngưỡng và nếm hưởng màu nhiệm Thánh ý Thiên Chúa⁸.

^{20*} *Sapientia bởi Sapere tức là nếm mùi có nghĩa rộng hơn và sâu xa hơn danh từ hiểu biết. Đó là một thứ hiểu biết của người sáng suốt, của người không phải chỉ hiểu biết chân lý mà còn thường thức ý nghĩa thâm sâu của chân lý, dù chân lý đó là những nhận xét về thiên nhiên, về bản tính con người hay về thế giới vô hình. Người học thức chưa chắc đã có thứ hiểu biết này, trái lại kẻ vô học, mù chữ, rất có thể lại được thứ hiểu biết đó. Đầu óc khoa học và kỹ thuật của thời đại ít giúp ta chiếm được thứ hiểu biết ấy.*

⁸ Xem Hđ 17,7-8.

16. Phẩm giá của lương tâm^{21*}. Con người khám phá ra tận đáy lương tâm một lề luật mà chính con người không đặt ra cho mình, nhưng vẫn phải tuân theo, và tiếng nói của lương tâm luôn luôn kêu gọi con người phải yêu mến và thi hành điều thiện cũng như tránh điều ác. Tiếng nói ấy âm vang đúng lúc trong tâm hồn của chính con người: hãy làm điều này, hãy tránh điều kia. Quả thật con người có lề luật được Chúa khắc ghi trong tâm hồn. Tuân theo lề luật ấy chính là phẩm giá của con người và chính con người cũng sẽ bị xét xử theo lề luật ấy nữa⁹. Lương tâm là tâm điểm sâu kín nhất và là cung thánh của con người, nơi đây con người chỉ hiện diện một mình với Thiên Chúa và tiếng nói của Ngài vang dội trong thâm tâm họ¹⁰. Nhờ lương tâm, lề luật được thực hiện trong sự yêu mến Thiên Chúa và anh em, và được biểu lộ cách kỳ diệu¹¹. Trung thành với

^{21*} Công Đồng đã xác nhận chiều hướng hiện nay đang đề cao giá trị và vai trò của lương tâm. Không lập nên một thuyết nào, nhưng Công Đồng nhắc lại những điểm chính trong thần học Công Giáo. Số này diễn tả lương tâm luân lý theo phương pháp hiện tượng thuyết: 1) lương tâm như tiếng nói trong nội tâm từng người, 2) chỉ dẫn về điều lành điều dữ, 3) và đòi hỏi phải tránh điều ác, làm điều thiện, 4) đòi hỏi như ra lệnh, 5) giống như một lề luật đã được khắc ghi vào thâm tâm, 6) không phải do chính mình lập ra.

Hiện tượng đó đầy ý nghĩa. Theo Công Đồng: 7) Phẩm giá con người hệ tại việc vâng theo tiếng nói đó, 8) bởi vì đó là lề luật cuối cùng đối với từng người: theo đó con người sẽ bị xét xử, 9) do đáy lương tâm cũng là nơi sâu kín nhất trong đó con người gặp Chúa một mình, 10) và ở đó con người tìm thấy luật sinh hoạt là luật được thực hiện trong giới răn mến Chúa yêu người, 11) vì mọi người đều có lương tâm nên tín hữu và mọi người khác có thể gặp nhau và hiểu nhau trong khi tìm chân lý.

Công Đồng nói, 12) về lương tâm ngay thẳng (của người cố gắng trung thành với tiếng nói đó) giúp ta hoạt động theo qui tắc khách quan chứ không tự ý mù quáng. 13) Sự sai lầm không làm cho lương tâm ấy hết giá trị: thực sự vì ngay thẳng nghĩ rằng hoạt động như thế hợp với ý Chúa, được Chúa bằng lòng. 14) Chỉ khi nào cố ý từ bỏ chân lý và ý muốn của Chúa, hay là khi lương tâm trở nên lu mờ vì tội lỗi, lúc ấy giá trị của nó mới bị tổn thương.

⁹ Xem Rm 2,14-16.

¹⁰ Xem Piô XII, Thông điệp truyền thanh *de conscientia christiana in juvenibus recte efformando*, 23-3-1952: AAS 44 (1952), trg 271.

¹¹ Xem Mt 22,37-40; Gal 5,14.

lượng tâm, người Kitô giáo liên kết với những người khác để tìm kiếm chân lý và giải quyết trong chân lý biết bao vấn đề luân lý được đặt ra trong đời sống cá nhân cũng như trong giao tiếp xã hội. Bởi vậy lương tâm ngay thẳng càng thẳng thê thì những cá nhân và cộng đoàn càng tránh được độc đoán mù quáng và càng nỗ lực tuân phục những tiêu chuẩn khách quan của luân lý. Tuy nhiên, lương tâm nhiều khi lầm lạc vì vô tri bất khả thắng, nhưng cũng không vì thế mà mất hết phẩm giá. Nhưng không thể nói như vậy khi con người ít lo lắng tìm kiếm điều chân và điều thiện cũng như khi vì thói quen phạm tội mà lương tâm dần dần trở nên mù quáng.

17. Sự cao cả của tự do ^{22*}. Nhưng con người chỉ có thể quay về với sự thiện một cách tự do. Sự tự do ấy những người đương thời với chúng ta rất ngưỡng mộ và hăng say theo đuổi, và họ thực có lý. Tuy nhiên, lắm lúc họ cổ võ tự do một cách lệch lạc như có thể làm bất cứ điều gì mình thích, cả điều xấu. Nhưng tự do đích thực là dấu chỉ cao cả nhất của hình ảnh Thiên Chúa trong con người. Bởi vì Thiên Chúa đã muốn để con người tự định liệu¹², hầu con người tự mình đi tìm Đấng

^{22*} *Quyền tự do là một thứ quyền đáng sợ, nhưng đồng thời là nguyên nhân khiến con người nên cao quý thật sự. Do đó con người có thể lấy tình yêu đáp ứng lại tình yêu Thiên Chúa, nhưng cũng có thể phản nghịch. Con người cao cả không phải vì có thể theo sở thích, vì có thể phản nghịch hay vì có thể chiều theo những xu hướng mù quáng của dục vọng trái với lý trí và đức tin, nhưng chính là vì có thể tự ý đón nhận ý muốn của Thiên Chúa. Được tạo nên giống như hình ảnh của Thiên Chúa, con người thật cao trọng khi tự ý cố gắng tới gần và giống như Thiên Chúa hơn.*

Điều đó không phải là dễ dàng. Quyền tự do bị ảnh hưởng bởi nhiều sức lực thúc đẩy, không những sức lực bên ngoài (như giáo dục - hay là việc thiếu giáo dục - khung cảnh sống, dư luận, hoàn cảnh xã hội v.v...) mà còn cả sức lực bên trong (như tính tình, sức khỏe, dục vọng, mặc cảm và xu hướng tiềm thức).

Nếu con người không được đào tạo và giáo dục để biết xử dụng quyền tự do thì con người có thể sống lâu mà ít khi hoạt động tự do thật sự, nghĩa là ít khi đạt tới mức độ cao cả của mình theo như ý Chúa.

Về quan niệm của Công Đồng đối với quyền tự do xin xem bảng phân tích.

¹² Xem Hđ 15,14.

Tạo Dựng và nhờ kết hợp với Ngài con người tiến tới sự hoàn thiện trọn vẹn và hạnh phúc. Vậy phẩm giá của con người đòi họ phải hành động theo sự chọn lựa ý thức và tự do, nghĩa là chính con người được thúc đẩy và hướng dẫn tự bên trong, chứ không do bản năng mù quáng hay cưỡng chế hoàn toàn bên ngoài. Con người sẽ đạt tới phẩm giá ấy một khi nhờ tự giải thoát khỏi mọi kiềm tỏa của đam mê, con người theo đuổi cùng đích của mình trong sự tự do chọn lấy điều thiện và khôn khéo cũng như thực sự tạo cho mình những phương tiện thích ứng. Tự do của con người vì bị tội lỗi làm tổn thương nên chỉ nhờ ơn Chúa trợ lực mới có thể thực hiện việc hướng về Thiên Chúa cách hoàn toàn sống động. Vậy trước tòa án Thiên Chúa, mỗi người sẽ phải trả lẽ về đời sống của mình tùy theo chính họ đã làm điều thiện hay điều ác¹³.

18. Mầu nhiệm sự chết. Trước cái chết, bí ẩn về thân phận con người lên cao tới tột độ. Con người không những bị hành hạ bởi đau khổ và sự tiến dần đến tan rã của thân xác, mà hơn thế nữa, còn bị dày vò bởi nỗi lo sợ bị tiêu diệt đời đời. Theo bản năng của lòng mình, con người có lý để ghê sợ cũng như từ chối sự hủy hoại hoàn toàn và sự tiêu diệt vĩnh viễn của bản thân. Mầm sống vĩnh cửu mà con người mang trong mình không thể giản lược vào nguyên vật chất, nên nó nổi lên chống lại sự chết. Mọi cố gắng của kỹ thuật, dù rất hữu ích, cũng không thể làm nguôi được nỗi lo âu của con người: bởi vì đời sống sinh vật, dù có được kéo dài thêm đi nữa, cũng không thể thỏa mãn được khát vọng một cuộc sống mai hậu đã được in sâu trong lòng con người.

Trước cái chết, óc tưởng tượng của con người đành bất lực. Nhưng Giáo Hội, được Mạc Khải của Thiên Chúa dạy bảo, quả quyết rằng con người được Chúa dựng nên để đạt tới cứu cánh hạnh phúc sau những khổ cực trần thế này. Hơn nữa, đức tin

¹³ Xem 2Cor 5,10.

Kitô giáo còn dạy rằng giả như con người không phạm tội, thì đã không phải chết¹⁴; sự chết này sẽ bị đánh bại khi Đấng Cứu Thế toàn năng và nhân ái mang lại cho con người sự cứu rỗi mà vì tội lỗi, họ đã đánh mất. Bởi vì Thiên Chúa đã và đang kêu gọi con người đem toàn thân kết hợp với Ngài trong sự thông hiệp vĩnh viễn vào sự sống bất diệt của Thiên Chúa. Chúa Kitô đã đem lại chiến thắng ấy khi Người sống lại và nhờ cái chết của Người, Người đã giải phóng con người khỏi sự chết¹⁵. Vậy đức tin với những lý chứng vững chắc đem lại giải đáp cho bất cứ ai khắc khoải ưu tư về số phận tương lai của mình. Đồng thời đức tin còn cho con người khả năng hiệp thông với những anh em thân yêu đã chết trong Chúa Kitô, và làm cho họ hy vọng rằng những người ấy đã được sống thực sự nơi Thiên Chúa.

19. Những hình thức và nguyên nhân vô thần ^{23*}. Ý nghĩa cao cả nhất của phẩm giá con người là con người được kêu gọi

¹⁴ Xem Kn 1,13; 2,23-24; Rm 5,21; 6,23; Giac 1,15.

¹⁵ Xem 1Cor 15,56-57.

^{23*} Công Đồng nhắc lại rất vấn tất nhiều khía cạnh của hiện tượng đi ngược lại với phẩm giá của con người hơn cả: đó là vô thần. Nhiều Nghị Phụ đã muốn lên án vô thần một lần nữa, nhất là vô thần cộng sản. Nhưng tinh thần mới (x. lời giới thiệu) đã thắng thế.

1) Hình thức (số 19b): Công Đồng nhắc lại nhiều hình thức khác nhau do một số lý do: a) vì triết thuyết (phủ nhận Thiên Chúa; quá quyết con người không thể biết gì về Chúa; đặt vấn đề về Thiên Chúa một cách lệch lạc vô nghĩa); b) vì đầu óc khoa học (muốn áp dụng khoa học vào phạm vi ở ngoài phạm vi của nó; do đó không nhận chân lý tuyệt đối); c) vì chủ nghĩa nhân bản (quá đề cao con người; Thiên Chúa không quan trọng; coi giá trị nhân bản như tuyệt đối; hai hình thức trong số 20 cũng có tính cách nhân bản: con người phải hoàn toàn tự trị không cần đến Chúa; hay là phải hoàn toàn tự lập về kinh tế xã hội không bị tôn giáo ràng buộc); d) vì quan niệm sai lầm về Chúa (từ chối một Thiên Chúa không phải là do Phúc Âm cho biết; tin nơi Thiên Chúa để làm gì?); e) vì vấn nạn về sự dữ; f) vì đầu óc phàm trần (do văn minh hiện đại dễ gây nên).

2) Nguyên nhân: Ngoài lý do vừa kể, vô thần có thể có: a) do tội của cá nhân; b) nhưng một phần cũng có thể vì các tín hữu chưa được đức tin đào tạo, vì nhiều khi trình bày đức tin cách khô khạo, vì đời sống không hợp với đức tin, đặc biệt là sinh hoạt xã hội (số 19c).

tôi kết hiệp với Thiên Chúa. Ngay từ lúc mới sinh ra, con người đã được mời gọi đối thoại với Thiên Chúa: thực thể, con người hiện hữu chỉ là do Thiên Chúa đã vì yêu thương nên tạo dựng nên con người, và cũng vì yêu thương mà luôn luôn bảo tồn con người; hơn nữa con người chỉ sống hoàn toàn theo chân lý một khi tự ý nhìn nhận tình yêu ấy và phó thác cho Đấng tạo dựng mình. Tuy nhiên có nhiều người đương thời với chúng ta

3) *Thực tại của Giáo Hội: Vô thần là trái với lý trí, với kinh nghiệm chung của nhân loại, với phẩm giá của con người, a) thì Giáo Hội không thể không lên án nó; b) nhưng đáng khác Giáo Hội muốn đối thoại với người vô thần, trình bày với họ rằng vô thần thiếu nền tảng vững chắc (phẩm giá con người đòi hỏi phải từng phục Thiên Chúa, và lòng tin nơi Thiên Chúa không ngăn cản con người lo cho công việc phải làm để xây dựng thế giới, các thách mắc căn bản, trước hết về ý nghĩa chính con người, không giải thích được; c) Giáo Hội muốn các tín hữu dẫn thân vào công việc chung đó; d) mong đợi người vô thần sẽ tôn trọng quyền tự do của họ và hơn nữa sẽ thành thật tìm hiểu tinh thần Phúc Âm; e) còn tính hữu không những phải biết trình bày đức tin, mà nhất là phải sống với đức tin sống động và với đức mến nồng nàn để mọi người có thể nhận thấy Chúa qua Giáo Hội.*

Về vô thần cộng sản, Công Đồng chỉ nhắc lại hai tính cách, dù chưa đủ để diễn tả nó hoàn toàn, nhưng cũng quan trọng: a) tính cách nhân bản nhằm giải thoát con người trong lãnh vực kinh tế, xã hội; b) tính cách độc tài và không chịu điều đình khi chiếm quyền chính trị.

Mác xít chủ nghĩa là một khái niệm cho rằng thế giới tự nó là hoàn toàn và mang đầy đủ ý nghĩa, vì thế nó loại trừ mọi tín ngưỡng tôn giáo. Lịch sử, con người, xã hội v.v... đều có ý nghĩa và phát triển theo đòi hỏi biện chứng pháp. Nó mang tính cách tín ngưỡng hơn là khoa học vì mục đích cuối cùng là giải thoát (cứu chuộc) con người khỏi các sự mất nhân cách, cũng như vì đem lại một niềm hy vọng (thay thế đức cậy) vào sự giải thoát đó trong tương lai.

Cũng như Giáo Hội, các tín hữu phải loại bỏ thái độ thù hận, tranh đấu, nghi ngờ... mà trong khi lên án vô thần (hơn nữa chính vì thế) phải tìm hiểu tâm trạng của người vô thần để cùng nhau xây dựng thế giới, và nếu có thể được, để đối thoại với họ. Đối thoại một cách thành thực và khôn ngoan, không giấu giếm đức tin mình mà trái lại, vì không thể đối thoại thực sự khi không biết mình chứng bằng đời sống mình trước hết và bằng việc trình bày giáo lý một cách đầy đủ và thích hợp (x. thêm số 28b).

Đối thoại như vậy phải chăng là mới lạ? Nhưng Công Đồng đã nhắc cho chúng ta rằng chúng ta đang sống giai đoạn mới (x. số 4b).

không nhận ra hoặc công khai gạt bỏ sự liên kết mật thiết và sống động giữa con người với Thiên Chúa. Vì thế thuyết vô thần phải được kể là một trong những sự kiện quan trọng nhất trong thời đại này và cần phải được nghiên cứu kỹ càng hơn.

Danh từ vô thần chỉ những hiện tượng rất khác nhau. Thực vậy, có người phủ nhận Thiên Chúa cách tỏ tường, có người lại nghĩ rằng con người hoàn toàn không thể quả quyết gì về Thiên Chúa cả. Có người muốn cứ xét vấn đề về Thiên Chúa theo một phương pháp làm cho vấn đề đó xem ra thiếu hẳn ý nghĩa. Vượt quá phạm vi khoa học thực nghiệm một cách vô lý, nhiều người hoặc chủ trương giải thích mọi sự chỉ bằng khoa học này, hoặc trái lại, hoàn toàn không chấp nhận một chân lý nào là tuyệt đối. Có người lại quá đề cao con người đến nỗi sự tin tưởng vào Thiên Chúa trở nên vô nghĩa; những người này xem ra muốn đề cao con người hơn là muốn chối bỏ Thiên Chúa. Có người hình dung ra cho mình một Thiên Chúa theo kiểu họ tưởng đến nỗi biểu tượng mà họ bài xích không còn điểm nào là Thiên Chúa của Phúc Âm cả. Cả vấn đề về Thiên Chúa cũng không hề được đặt ra bởi vì xem ra họ không cảm thấy áy náy gì về tôn giáo cũng như không thấy tại sao lại phải bận tâm về vấn đề đó. Ngoài ra, chủ nghĩa vô thần nhiều lúc phát sinh hoặc do sự phản kháng mãnh liệt chống lại sự dữ trong thế gian hoặc do nhận định sai lầm cho một số giá trị của con người là tuyệt đối đến nỗi lấy chúng thay thế cho chính Thiên Chúa. Ngay cả nền văn minh hiện đại nhiều lúc có thể làm cho khó đến với Thiên Chúa hơn, không phải tự nó, nhưng vì nó quá bám víu vào những thực tại trần gian.

Quả thực, những người không nghe theo tiếng nói của lương tâm, cố tình loại trừ Thiên Chúa ra khỏi lòng mình và tránh né những vấn đề tôn giáo, chắc chắn họ mắc lỗi. Song chính những tín hữu nhiều lúc cũng có một phần trách nhiệm về vấn đề này. Bởi vì chủ nghĩa vô thần nói chung không phải do một nguyên nhân duy nhất, nhưng trái lại nó phát sinh do nhiều nguyên

nhân. Trong những nguyên nhân ấy còn phải kể tới phản ứng chỉ trích chống lại các tôn giáo, hơn nữa ở một vài nơi, còn chống lại cả Kitô giáo. Tín hữu có thể chịu phần trách nhiệm không phải là nhỏ trong việc khai sinh vô thần, hoặc bởi xao lãng việc giáo dục đức tin, hoặc trình bày sai lạc về giáo lý, hoặc do những thiếu sót trong đời sống tôn giáo, luân lý và xã hội. Phải nói rằng họ che giấu hơn là bày tỏ bộ mặt đích thực của Thiên Chúa và tôn giáo.

20. Vô thần có hệ thống. Vô thần hiện nay nhiều khi cũng được trình bày như một hệ thống; không kể tới những nguyên nhân khác, hệ thống này quá nhấn mạnh đến khát vọng được tự lập của con người đến độ làm cho nó khó chấp nhận bất cứ sự lệ thuộc nào vào Thiên Chúa. Những người chủ trương thuyết vô thần như vậy cho rằng tự do hệ tại ở con người là chính cùng đích cho mình, là người tạo nên và điều khiển^{24*} lịch sử riêng của mình. Họ tưởng rằng quan niệm trên không thể đi đôi với sự nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng tác thành và là cùng đích của mọi sự, hay ít ra quan niệm như thế thì quả quyết có Thiên Chúa cũng bằng thừa. Chủ thuyết này có thể được củng cố thêm vì sự tiến triển về kỹ thuật hiện nay đem lại cho con người cảm tưởng mình đầy thế lực.

Trong số những hình thức vô thần hiện nay, không thể bỏ qua một hình thức vô thần mong giải phóng con người, nhất là giải phóng con người về phương diện kinh tế và xã hội. Hình thức vô thần này cho rằng tự bản chất, tôn giáo vẫn ngăn cản sự giải phóng trên, vì khi gây cho con người niềm hy vọng vào cuộc sống mai hậu và hão huyền, tôn giáo đã làm cho họ xao lãng việc xây dựng xã hội dương thế này. Bởi vậy, những người chủ trương lý thuyết ấy, một khi lên nắm chính quyền, họ kịch liệt chống lại tôn giáo, dùng cả những biện pháp cưỡng bách

^{24*} Công Đồng dùng danh từ *Hy Lạp demiurgus*. Một số triết gia xưa gọi *demiurgus* là một thần tạo dựng vũ trụ mặc dầu không phải là Đấng Tối Cao.

của chính quyền để truyền bá thuyết vô thần nhất là trong phạm vi giáo dục thanh thiếu niên.

21. Thái độ của Giáo Hội đối với chủ nghĩa vô thần. Trung thành với Thiên Chúa cũng như với con người, Giáo Hội không thể không tiếp tục lên án với nỗi đau buồn và với tất cả sự cương quyết, như đã từng lên án¹⁶, những chủ thuyết vô thần và những hành động nguy hại đi ngược lại lý trí và kinh nghiệm chung của con người cũng như làm cho con người mất đi sự cao cả bẩm sinh của mình.

Tuy nhiên Giáo Hội vẫn cố gắng tìm hiểu những nguyên nhân chối từ Thiên Chúa tiềm ẩn trong tâm trí những người vô thần và ý thức được tầm quan trọng của những vấn đề do vô thần khơi lên và vì yêu thương mọi người, nên Giáo Hội thấy cần phải cứu xét những nguyên nhân ấy kỹ lưỡng và sâu xa hơn.

Giáo Hội cho rằng nhìn nhận Thiên Chúa không có gì nghịch lại với phẩm giá con người, vì phẩm giá ấy đặt nền tảng và nên hoàn hảo trong chính Thiên Chúa: bởi vì con người có trí tuệ và tự do được Thiên Chúa, Đấng tạo dựng đặt để trong xã hội, nhưng nhất là vì con người được gọi đến thông hiệp với chính Thiên Chúa và tham dự vào hạnh phúc của Ngài như con cái. Ngoài ra, Giáo Hội còn dạy rằng hy vọng vào đời sống mai sau không làm giảm tầm quan trọng những bổn phận ở trần gian này mà trái lại còn thêm những động lực mới giúp hoàn tất những bổn phận ấy. Và lại, nếu thiếu căn bản là Thiên Chúa và thiếu niềm hy vọng vào đời sống trường cửu thì phẩm giá con người sẽ bị tổn thương cách trầm trọng như thường thấy ngày nay, và những bí ẩn về sự sống, sự chết, về tội lỗi và đau

¹⁶ Xem Piô XI, *Tđ. Divini Redemptoris*, 19-3-1937: AAS 29 (1937), trg 65-106. - Piô XII, *Tđ. Ad Apostolorum principio*, 20-6-1958: AAS 50 (1958), trg 601-614. - Gioan XXIII, *Tđ. Mater et Magistra*, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 451-453. - Phaolô VI, *Tđ. Ecclesiam Suam*, 6-8-1964: AAS 56 (1964), trg 651-653.

khô vẫn không giải đáp được, như thế con người nhiều khi rơi vào tuyệt vọng.

Trong khi đó, mỗi người vẫn còn là một câu hỏi chưa giải đáp cho chính mình, một câu hỏi chỉ thấy lơ mờ. Bởi vì có những lúc, nhất là trong những biến cố lớn lao của cuộc sống, không ai có thể hoàn toàn tránh được câu hỏi nói trên. Chỉ một mình Thiên Chúa là Đấng kêu gọi con người suy nghĩ sâu xa hơn và tìm hiểu khiêm tốn hơn mới đem lại được câu giải đáp hoàn toàn và hết sức chắc chắn.

Để đem lại phương thuốc chữa trị vô thần, người ta phải cậy nhờ vào giáo lý được trình bày một cách thích hợp và nhờ đó vào đời sống thanh khiết của Giáo Hội cũng như của các chi thể của Giáo Hội. Bởi vì nhiệm vụ của Giáo Hội là làm sao cho Thiên Chúa Cha và Chúa Con nhập thể trở nên hiện diện và như thể thấy được bằng cách chính Giáo Hội tự đổi mới và không ngừng tinh luyện chính mình¹⁷ dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Điều đó trước hết nhờ chứng tá của một đức tin sống động và trưởng thành, nghĩa là một đức tin đã được huấn luyện để có thể sáng suốt nhận định và thắng vượt những khó khăn ấy. Rất nhiều vị tử đạo đã và còn đang hùng hồn làm chứng cho đức tin ấy. Đức tin đó phải biểu lộ sự phong phú của mình bằng cách thâm nhập vào toàn thể đời sống của các tín hữu, kể cả đời sống thế tục, và thúc đẩy họ sống công bằng, bác ái nhất là đối với người nghèo khổ. Sau hết, điều có thể làm chứng về sự hiện diện của Thiên Chúa hơn cả là đức ái huynh đệ của các tín hữu như họ đồng tâm nhất trí cộng tác cho đức tin Phúc Âm¹⁸ và tỏ ra họ là dấu chỉ hiệp nhất.

Thực vậy, Giáo Hội dù hoàn toàn bác bỏ thuyết vô thần, nhưng vẫn thành thực tuyên bố rằng mọi người, dù tin hay

¹⁷ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen Gentium, Ch. 1, số 8: AAS (1965), trg 12.*

¹⁸ Xem *Ph 1,27.*

không tin, cũng đều phải trợ lực cho việc xây dựng thế giới này được hợp lý, là nơi họ đang chung sống: điều ấy chắc chắn không thể có được nếu thiếu cuộc đối thoại thành thực và khôn ngoan. Bởi vậy Giáo Hội phàn nàn về sự kỳ thị giữa những người tin và không tin do một số nhà lãnh đạo quốc gia gây ra một cách bất công khi không nhìn nhận những quyền lợi căn bản của con người. Riêng đối với các tín hữu, Giáo Hội đòi cho họ phải được tự do đích thực để họ có thể xây dựng đền thờ Thiên Chúa ngay tại trần gian này. Đối với những người vô thần, Giáo Hội nhân ái mời gọi họ hãy nghiên cứu Phúc Âm Chúa Kitô với một tâm hồn cởi mở.

Bởi vậy, Giáo Hội đã biết rõ sứ điệp của mình phù hợp với những khát vọng thầm kín nhất của lòng người, khi Giáo Hội bênh vực thiên chức con người và do đó đem lại niềm hy vọng cho những ai đã thất vọng về vận mạng cao cả của mình. Sứ điệp của Giáo Hội chẳng những không làm suy giảm con người mà trái lại còn đổ tràn ánh sáng, sự sống và tự do để giúp con người tiến bộ. Ngoài sứ điệp đó không còn gì khác có thể thỏa mãn được lòng người. "Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên chúng con để chúng con đến với Chúa, và tâm hồn chúng con còn thao thức cho tới khi được an nghỉ trong Chúa"¹⁹.

22. Chúa Kitô, Con Người Mới. Thực vậy, mầu nhiệm về con người chỉ thực sự được sáng tỏ trong mầu nhiệm Ngôi Lời nhập thể. Bởi vì Adam con người đầu tiên đã là hình bóng của Adam sẽ đến²⁰, là Chúa Kitô. Chúa Kitô, Adam mới, trong khi mạc khải về Chúa Cha và tình yêu của Ngài, đã cho con người biết rõ về chính con người và tỏ cho họ biết thiên chức rất cao cả của họ. Bởi vậy không lạ gì khi những chân lý đã nói ở trên

¹⁹ T. Augustinô, *Confes. I, 1: PL 32,661.*

²⁰ Xem Rm 5,14. - Xem Tertullianô, *De Carnis resurr. 6: "Vì vậy, bất cứ điều gì mà bùn đất đã biểu thị đều nhắm về Chúa Kitô, Đấng sẽ đến": PL 2,802 (848); CSEL, 47 trg 33, hàng 12-13.*

đều tìm thấy nguồn gốc của chúng và đạt tới tột điểm nơi Người.

Là "hình ảnh của Thiên Chúa vô hình" (Col 1,15)²¹, chính Người là con người hoàn hảo đã trả lại cho con cháu của Adam hình ảnh Thiên Chúa đã bị tội nguyên tổ làm sai lệch. Bởi vì nơi Người bản tính nhân loại đã được mặc lấy chứ không bị tiêu diệt²², do đó chính nơi chúng ta nữa bản tính ấy cũng được nâng lên tới một phẩm giá siêu việt. Bởi vì, chính Con Thiên Chúa khi nhập thể, một cách nào đó đã kết hợp với tất cả mọi người. Người đã làm việc với bàn tay con người, đã suy nghĩ bằng trí óc con người, đã hành động với ý chí con người²³, đã yêu mến bằng quả tim con người. Sinh bởi trinh nữ Maria, Người đã thực sự trở nên một người giữa chúng ta, giống chúng ta mọi sự, ngoại trừ tội lỗi²⁴.

Là Chiên vô tội Người tự ý đổ máu ra để cho chúng ta được sống, và chính trong Người Thiên Chúa đã hòa giải chúng ta với Thiên Chúa và hòa giải giữa chúng ta với nhau²⁵ cũng như đem chúng ta ra khỏi ách nô lệ của ma quỷ và tội lỗi, do đó mỗi người chúng ta đều có thể nói như Thánh Tông Đồ rằng: Con Thiên Chúa "đã yêu thương tôi, lại hiến thân cho tôi nữa" (Gal 2,20). Chịu đau khổ cho chúng ta, không những Người nêu gương để chúng ta theo vết chân Người²⁶, nhưng Người còn

²¹ Xem 2 Cor 4,4.

²² Xem CD Constantinopla II, đ.th. 7: "Ngôi Lời không biến đổi vào trong bản tính xác thể, xác thể cũng không chuyển vào bản tính của Ngôi Lời": Dz 219 (428). - Xem thêm CD Constantinopla III: "Bởi vì, cũng như thế thể xác Người hoàn toàn thánh thiện, không tì vết và sống động, đã không bị thần hóa làm mất đi, nhưng đã ở lại trong trạng thái và theo cách thể của Người": Dz 291 (556). - Xem CD Calcedonia: "Phải nhận biết rằng trong hai bản tính không lẫn lộn, không thay đổi, không phân chia, không tách biệt": Dz 148 (302).

²³ Xem CD Const. III: "Cũng vậy, ý chí nhân loại của Người dù được thần hóa vẫn không bị mất đi": Dz 291 (556).

²⁴ Xem Dth 4,15.

²⁵ Xem 2Cor 5,18-19; Col 1,20-22.

²⁶ Xem 1P 2,21; Mt 16,24; Lc 14,27.

mở ra con đường mới để nếu chúng ta theo Người thì sự sống và cái chết sẽ được thánh hóa và có một ý nghĩa mới.

Con người Kitô hữu khi trở nên giống hình ảnh Chúa Con là Trưởng Tử trong đoàn anh em đồng đức²⁷, họ nhận được "những hoa trái đầu mùa của Thánh Thần" (Rm 8,23), nhờ đó họ có thể chu toàn lề luật yêu thương mới²⁸. Nhờ Thánh Thần làm "bảo chứng cho quyền thừa tự" (Eph 1,14), toàn thể con người được canh tân từ nội tâm cho tới khi "thân xác được cứu rỗi" (Rm 8,23): "Nếu Thánh Thần Chúa là Đấng đã khiến Chúa Giêsu từ kẻ chết sống lại cư ngụ trong anh em, chính Đấng đã khiến Chúa Giêsu Kitô từ kẻ chết sống lại đó cũng sẽ làm sống động thân thể hay hư nát của anh em nhờ Thánh Thần Ngài ở cùng anh em", (Rm8,11)²⁹. Người Kitô hữu chắc chắn cần thiết và có bổn phận chiến đấu chống sự dữ khi phải trải qua nhiều gian nan cũng như phải chết nữa. Nhưng vì được dự phần vào mầu nhiệm phục sinh,^{25*} được đồng hóa với cái chết của Chúa Kitô, được mạnh mẽ nhờ đức cậy, họ sẽ được sống lại³⁰.

Điều nói trên không phải chỉ có giá trị cho các tín hữu nhưng cho tất cả những ai có thiện chí được ơn thánh hoạt động một cách vô hình trong tâm hồn³¹. Thực vậy, vì Chúa Kitô đã chết cho mọi người³² và vì ơn gọi cuối cùng của con người thực ra là duy nhất, nghĩa là do Thiên Chúa, cho nên ta phải tin chắc rằng Chúa Thánh Thần ban cho mọi người khả năng tham dự

²⁷ Xem Rm 8,29; Col 1,18.

²⁸ Xem Rm 8,1-11.

²⁹ Xem 2Cor 4,14.

^{25*} Tất cả mọi người có thể tham dự vào mầu nhiệm phục sinh (xem them GH 13, 16; MK 6-7, 14; TG 3, 7...).

³⁰ Xem Ph 3,10; Rm 8,17.

³¹ Xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen gentium*, ch.II, số 16: A AS 57 (1965), trg 20.

³² Xem Rm 8,32.

vào màu nhiệm Phục Sinh ấy, cách nào đó chỉ có Chúa biết thôi.

Đó là tính chất và sự cao cả của màu nhiệm con người, màu nhiệm được Mạc Khải Kitô giáo soi sáng cho các tín hữu. Vậy nhờ Chúa Kitô và trong Chúa Kitô bí ẩn về đau khổ và sự chết được sáng tỏ, bí ẩn đó đè bẹp chúng ta nếu chúng ta không biết đến Phúc Âm. Chúa Kitô đã sống lại nhờ sự chết của mình. Người đã hủy diệt sự chết và Người đã ban cho ta dồi dào sự sống³³ để là con cái trong Chúa Con chúng ta kêu lên trong Thánh Thần: Abba, lạy Cha!³⁴.

Chương II

Cộng Đoàn Nhân Loại^{26*}

³³ Xem Liturgia Paschalis Byzantina.

³⁴ Xem Rm 8,15; Gal 4,6; Gio 1, 12 và 1Gio 3,1.

^{26*} Chương này bổ túc chương I.

1) Con người có bản tính xã hội, theo ý Đấng Tạo Hóa: con người đều bởi một Chúa, đều là một loại, đều có chung một cùng đích. Lời Chúa mạc khải: như trong điều răn thứ nhất, trong ý nguyện của Chúa Giêsu cũng như trong tính cách con cái một Thiên Chúa Ba Ngôi cũng xác nhận điều ấy (số 24).

2) Do đó con người cần nhờ xã hội để phát triển. Xã hội là để phục dịch con người. Nhưng nếu con người không sinh hoạt trong xã hội vì công ích thì không có xã hội. Sự nhượng bộ lợi ích riêng cốt để nhờ công ích xã hội mà giúp đỡ từng cá nhân. Đàng khác nhiều khi lý tưởng đó còn xa vời: do thiếu sót về kinh tế, về chính trị, về xã hội (lầm lúc do tội ích kỷ và kiêu ngạo gây nên). Trong trường hợp ấy xã hội làm thiệt hại cho con người (số 25).

3) Nên phải tôn trọng ích chung của cả thế giới cốt cố võ quyền lợi căn bản cá nhân. Cần phải canh tân tâm trạng dưới ảnh hưởng của Chúa Thánh Thần và theo tinh thần Phúc Âm (số 26).

4) Phải tôn trọng nhân vị mọi người. Công Đồng nhắc tới một số người thường vẫn chưa được tôn trọng, và một số tội lỗi của xã hội ngày nay là vết nhơ cho nền văn minh và cho chính kẻ phạm tội đó; những tội lỗi đó quả thực làm ô danh Thiên Chúa (số 27).

23. Mục Đích Công Đồng nhằm tới. Trong những khía cạnh chính yếu của thế giới hôm nay phải kể tới sự gia tăng những mối tương quan giữa con người với nhau, mà những tiến bộ kỹ thuật ngày nay đóng góp rất nhiều vào việc phát triển sự gia tăng ấy. Tuy nhiên, cuộc đối thoại huynh đệ giữa con người được hoàn hảo không phải ở trong những tiến bộ ấy, nhưng một cách sâu xa hơn trong cộng đoàn nhân loại. Cộng đoàn này đòi hỏi phải có sự tôn trọng tất cả phẩm giá thiêng liêng của nhau. Mạc Khải Kitô giáo giúp nhiều vào việc cổ võ cho sự hiệp thông giữa các nhân vị, đồng thời cũng đưa ta tới chỗ hiểu biết sâu xa hơn về những luật lệ của đời sống xã hội mà Tào Hóa đã in vào bản tính thiêng liêng và luân lý của con người.

Bởi vì những tài liệu mới đây của Giáo Quyền đã trình bày sâu rộng hơn lý thuyết Kitô giáo về xã hội con người¹, nên Công Đồng chỉ nhắc lại một ít chân lý chính yếu và Công Đồng trình bày những nét căn bản của các chân lý ấy dưới ánh sáng

5) *Không tiêu diệt đối phương: tôn trọng nghĩa là tìm hiểu và đối thoại, là lên án sự sai lầm chứ không xét đoán ý kín đáo của kẻ sai lầm. Hơn nữa, ta phải yêu thương kẻ làm hại ta (số 28).*

6) *Phải công nhận mọi người đều bình đẳng về quyền lợi căn bản vì cùng một bản tính, một nguyên thủy, một cùng đích và cũng được cứu chuộc như nhau. Nên, phải loại trừ mọi phân biệt về quyền lợi đó trên phạm vi cá nhân, trong sinh hoạt xã hội, văn hóa và chính trị dù có những sự khác biệt phụ thuộc (số 29).*

7) *Luân lý cá nhân phải nhượng bộ cho luân lý nhấn mạnh về nhiệm vụ xã hội: Công Đồng vừa diễn tả thái độ theo luân lý xã hội, vừa nêu ra vài thí dụ cụ thể trái ngược với luân lý ấy (số 30).*

8) *Đề được như vậy phải giáo dục xã hội và canh tân trạng huống sinh hoạt. Công dân phải lần lần góp phần vào đời sống chính trị (số 31). Hoạt động và lời Chúa mạc khải xác nhận khía cạnh xã hội của con người: đặc biệt khi tập trung loài người như anh em, như chi thể của một thân thể. Tình liên đới ấy sẽ hoàn thiện hóa ở đời sau (số 32).*

¹ Xem Gioan XXIII, Tđ. *Mater et Magistra*, 15-5-1961: AAS 53 (1961), trg 401-464; - và Tđ. *Pacem in terris*, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 257-304. - Phaolô VI, Tđ. *Ecclesiam suam*, 6-8-1964: AAS 56 (1964), trg 609-659.

của Mạc Khải. Tiếp đến, Công Đồng nhấn mạnh tới một vài hậu quả xét là quan trọng hơn ở thời đại chúng ta.

24. Đặc tính cộng đoàn của thiên chức con người trong ý định Thiên Chúa. Lầy tình Cha săn sóc mọi người, Thiên Chúa đã muốn rằng tất cả mọi người phải làm thành một gia đình và đối xử với nhau bằng tình huynh đệ. Bởi vì mọi người được tạo dựng giống hình ảnh của Thiên Chúa là Đấng đã "cho tất cả nhân loại do một nguyên tổ cư ngụ trên khắp mặt đất" (CvTđ 17,26), nên họ đều được gọi tới cùng một cứu cánh duy nhất là chính Thiên Chúa.

Do đó yêu mến Thiên Chúa và anh em là giới răn thứ nhất và trọng nhất. Thánh Kinh dạy ta rằng tình yêu mến Thiên Chúa không thể tách rời với tình yêu anh em: "...nếu có điều răn nào khác đi nữa cũng gồm tóm trong lời này: hãy thương yêu anh em như chính mình... Thương yêu là chu toàn luật pháp vậy" (Rm 13,9-10; x. 1Gio 4,10). Điều nói trên cũng được nhận là quan trọng nhất đối với con người mỗi ngày một lệ thuộc nhau hơn cũng như đối với thế giới ngày càng hiệp nhất lại.

Hơn nữa, khi cầu nguyện với Chúa Cha: "xin cho mọi người nên một..., như chúng ta là một" (Gio 17,21-22), Chúa Giêsu mở ra những viễn tượng mà lý trí con người không thể tự đạt tới được. Như vậy Chúa Giêsu đã nói lên một sự tương tự nào đó giữa sự kết hợp của Ba Ngôi Thiên Chúa với sự kết hợp của các con cái Chúa trong chân lý và đức ái. Sự tương tự này cho thấy con người, tạo vật duy nhất ở trần gian được Thiên Chúa dựng nên cho chính họ, chỉ có thể gặp lại chính bản thân mình nhờ thành thực hiện thân².

25. Sự lệ thuộc giữa con người và xã hội. Đặc tính xã hội của con người cho thấy rõ sự thăng tiến của con người và sự

² Xem Lc 17,33.

phát triển của xã hội lệ thuộc nhau^{27*}. Thực vậy, nhân vị chính là và phải là nguyên lý, chủ thể và cứu cánh của mọi định chế xã hội, bởi vì tự bản chất nhân vị phải hoàn toàn cần đến đời sống xã hội³. Cho nên vì đời sống xã hội đối với con người không phải là một cái gì phụ thuộc, do đó nhờ trao đổi với người khác, nhờ phục vụ lẫn nhau và nhờ đối thoại với anh em, con người được tăng triển mọi khả năng của mình và có thể đáp ứng được thiên chức của mình.

Giữa những mối liên hệ xã hội cần thiết để con người được phát triển, có những mối liên hệ đáp ứng được bản tính sâu xa của con người một cách trực tiếp hơn, đó là gia đình và cộng đoàn chính trị; cũng có những mối liên hệ phát sinh do ý muốn tự do của con người. Trong thời đại chúng ta, nhiều nguyên nhân làm cho những mối tương quan và lệ thuộc nhau mỗi ngày một tăng thêm; do đó phát sinh nhiều hiệp hội và những tổ chức khác nhau, công hay tư xét về phương diện pháp lý^{28*}. Sự kiện này được mệnh danh là xã hội hóa, không phải là không có những nguy hại, tuy nhiên cũng đem lại nhiều lợi ích lớn lao

^{27*} Điều hòa quyền lợi của xã hội (số 26) và quyền lợi cá nhân (số 27) trong thực tế rất khó, chẳng hạn thật là rất nguy hiểm nếu dựa trên tiêu chuẩn về lượng để xét định những đòi hỏi của công ích. Những bảng thống kê về kết quả kinh tế xã hội (sự gia tăng sản xuất, mức độ sinh hoạt, công trình thịnh vượng, trừng phạt tội trạng, v.v...) đã có thể vi phạm nhân vị dù chưa nói gì về phương pháp được sử dụng. Trong trường hợp ấy các kết quả mỹ mãn đó không phục vụ công ích! Làm hại hay tiêu diệt các nhóm thiểu số để đạt tới mục tiêu của đa số cũng là một ví dụ (x. số 59, 73).

³ Xem T. Tôma, *1 Ethic., lect. 1.*

^{28*} Gọi là chế độ "công pháp hay tư pháp" tùy theo liên quan đến ích lợi chung hay ích lợi riêng. Ví dụ hệ thống tư pháp cũng có tính cách công pháp vì là cần thiết cho công ích. Hệ thống đó nhằm bảo vệ những quyền lợi riêng của từng cá nhân hay của từng pháp nhân (chính quốc gia cũng có quyền lợi riêng như vậy): những quyền lợi ấy thuộc về tư pháp.

để củng cố cũng như làm gia tăng những đức tính của con người và bảo đảm những quyền lợi của con người⁴.

Nhưng nếu đời sống xã hội giúp nhiều cho con người chu toàn sứ mệnh của mình kể cả sứ mệnh tôn giáo nữa, thì ta cũng không thể phủ nhận rằng con người vì những hoàn cảnh xã hội họ đang sống và tiêm nhiễm ngay từ thuở thiếu thời, nên nhiều khi xa lánh không làm điều thiện và bị lôi kéo làm điều ác. Chắc chắn những xáo trộn rất thường xảy ra trong phạm vi xã hội một phần phát sinh từ chính tình trạng căng thẳng giữa những tổ chức kinh tế, chính trị và xã hội. Nhưng sâu xa hơn, những xáo trộn trên phát sinh do ích kỷ và kiêu căng của con người, đó cũng là những nguyên nhân làm cho môi trường xã hội ra vẩn đục. Một khi trật tự xã hội bị đảo lộn do hậu quả của tội lỗi, thì con người, bẩm sinh đã nghiêng chiều về sự xấu, lại gặp phải những cám dỗ mới để phạm tội. Những cám dỗ này nếu không có cố gắng liên li và không có ơn thánh trợ giúp sẽ không thể lướt thắng được.

26. Bốn phận mưu cầu công ích. Sự lệ thuộc nhau mỗi ngày một chặt chẽ hơn và dần dần lan rộng trên toàn thể thế giới, vì thế công ích - tức là toàn bộ những điều kiện của đời sống xã hội cho phép những tập thể hay những phần tử riêng rẽ có thể đạt tới sự hoàn hảo riêng một cách đầy đủ và dễ dàng hơn - ngày nay mỗi lúc một nói rộng tầm phổ quát hơn và do đó bao hàm những quyền lợi và nghĩa vụ của toàn thể nhân loại. Bất cứ tập thể nào cũng phải tôn trọng nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của các tập thể khác, hơn thế nữa, phải tôn trọng công ích của toàn thể gia đình nhân loại⁵.

Nhưng đồng thời con người càng ngày càng ý thức hơn về phẩm giá cao trọng vốn có của mình, bởi vì con người vượt

⁴ Xem Gioan XIII, Tđ. *Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 418. - Xem thêm Piô XI, Tđ. *Quadragesimo anno*, 15-5-1931: AAS 23 (1931), trg 222tt.

⁵ Xem Gioan XIII, Tđ *Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 417.

trên mọi loài và vì những quyền lợi cũng như bổn phận của con người là phổ quát và bất khả xâm phạm. Vậy cần phải cho con người được tất cả những gì thiết yếu mà con người phải có để thực sự sống đời sống con người, như của ăn, áo quần, chỗ ở, quyền tự do chọn lựa bậc sống và quyền lập gia đình, quyền được giáo dục, quyền làm việc, quyền bảo tồn danh thơm tiếng tốt, quyền được kính trọng, quyền thông tin xứng hợp, quyền hành động theo tiêu chuẩn chính thức của lương tâm mình, quyền bảo vệ đời sống tư và quyền tự do chính đáng cả trong phạm vi tôn giáo nữa.

Bởi vậy, trật tự xã hội và tiến bộ của nó phải luôn luôn nhằm ích lợi của các nhân vị, bởi vì trật tự của muôn vật phải lệ thuộc vào trật tự của các nhân vị chứ không ngược lại. Điều này chính Chúa đã ám chỉ khi Người nói rằng ngày nghỉ được lập ra vì con người chứ không phải con người được dựng nên vì ngày nghỉ⁶. Trật tự này phải phát triển mỗi ngày một hơn, phải đặt nền tảng trên chân lý, xây dựng trong công bình, nuôi sống nhờ tình yêu; phải dần dần tìm được trong tự do sự quân bình mỗi ngày mỗi hợp với nhân bản hơn⁷.^{29*} Để chu toàn được những điều trên, phải có sự đổi mới tâm thức và những thay đổi sâu rộng trong xã hội.

Thánh Thần Chúa, Đấng điều khiển những biến chuyển thời gian và canh tân bộ mặt trái đất với sự quan phòng kỳ diệu, đang hiện diện trong cuộc tiến hóa này. Men Phúc Âm đã và đang làm dậy lên trong lòng con người sự đòi hỏi phải có nhân phẩm, một đòi hỏi không thể cưỡng chế được.

⁶ Xem Mc 2,27.

⁷ Xem Gioan XIII, *Tđ Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 266.*

^{29*} *Không những sự giao thiệp giữa cá nhân với cá nhân và giữa cá nhân với quốc gia, mà cả những hoạt động của chính quyền và của các quốc gia với nhau cũng phải dựa trên bốn cột trụ này: chân lý, công bình, tình yêu, tự do. Phải chăng Công Đồng có lý khi đòi hỏi phải canh tân tâm trạng và đổi mới ngay chính xã hội nữa.*

27. Tôn trọng nhân vị. Để đi tới những kết luận thực hành và cần thiết hơn, Công Đồng nhấn mạnh về sự tôn trọng con người. Vậy mỗi người đều phải coi người đồng loại không trừ một ai như "cái tôi thứ hai", cho nên trước hết phải quan tâm đến sự sống của họ và quan tâm đến những phương tiện cần thiết giúp họ sống một đời sống xứng đáng⁸, chứ đừng bắt chước người giàu có kia đã không săn sóc gì tới người nghèo Lazarô⁹.

Nhất là thời nay, chúng ta có bốn phạm khản thiết phải trở nên người lân cận của bất cứ người nào và tích cực giúp đỡ khi họ đến với mình, hoặc có thể là một người già lão bị mọi người bỏ rơi, hoặc là một công nhân ngoại quốc bị khinh bị một cách bất công, hoặc là một người lưu vong, hay một đứa bé sinh ra do cuộc tình duyên bất hợp pháp chịu đau khổ cách bất công vì tội lỗi mình không phạm, hoặc một người đói ăn đang kêu gọi lương tâm chúng ta, làm vang lại lời của Chúa: "Bao nhiêu lần các ngươi làm những việc đó cho một trong những người hèn mọn là anh em Ta đây, tức là các ngươi làm cho Ta vậy" (Mt 25,40).

Ngoài ra, tất cả những gì đi ngược với chính sự sống, như giết người dưới bất cứ hình thức nào, diệt chủng, phá thai^{30*},

⁸ Xem Giac 2, 15-16.

⁹ Xem Lc 16, 19-31.

^{30*} *Phá thai là tội trọng đi ngược với sự sống (MV 51b). Giết thai nhi khi chưa thành hình (chừng 6 tuần đầu) có lẽ không phải sát nhân (thần học cũng như khoa học chưa chắc chắn về vấn đề thai nhi ấy đã sống do linh hồn nhân loại chưa), nhưng chắc chắn sự phá thai đó là giết mạng sống đã có đặc tính nhân loại. Hơn nữa vì có lẽ đã có linh hồn nhân loại rồi, nên phá thai là liều lĩnh giết người và đó là một tội, và sát hại một kẻ không những hoàn toàn vô tội mà còn là đứa con của chính kẻ sát nhân. Dù trường hợp người mẹ rất nguy, cũng không thể giết thai nhi để cứu mẹ: mạng sống của thai nhi cũng như của chính người mẹ là thuộc quyền của Chúa: không ai có quyền cất đi. Không bao giờ được phép làm sự dữ, dù với mục đích tốt lành. Chẳng may, vì lý do có nhiều vụ phá thai bất hợp pháp và làm trong những hoàn cảnh thiếu cần thận (nhiều khi do người không phải là bác sĩ và thiếu phương tiện), thì có quốc gia lập luật cho phép phá thai với một*

giết chết cách êm dịu ^{31*}, hoặc tự tử trực tiếp; tất cả những gì xâm phạm sự toàn vẹn của con người, như cắt bỏ một phần thân xác, hành hạ thân xác hoặc tâm trí, làm áp lực tâm lý; tất cả những gì xúc phạm đến nhân phẩm, như những cảnh sống thấp kém dưới mức độ phải có của con người, giam cầm vô cớ, lưu đày, nô lệ, mãi dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ con; kể cả những tình trạng làm việc nhọc nhã khiến cho công nhân hoàn toàn trở thành dụng cụ cho lợi lộc, chứ không được coi như con người tự do và có trách nhiệm: tất cả những điều nói trên và những điều tương tự đều thực sự ô nhục. Và trong khi làm thói nát nên văn minh nhân loại, thì tất cả những điều trên lại càng bôi nhọ chính những kẻ chủ động hơn là bôi nhọ những kẻ phải chịu sự nhục mạ, đồng thời cũng xúc phạm nặng nề đến danh dự của Đấng Tạo Hóa.

28. Kính trọng và yêu thương đối thủ. Cũng phải kính trọng và yêu thương những người không cùng một cảm nghĩ hoặc cùng một hành động với chúng ta trong những vấn đề xã hội, chính trị hay cả tôn giáo nữa. Thực vậy, càng lấy sự nhân ái và yêu thương mà tìm hiểu sâu xa hơn những cách cảm nghĩ của họ, chúng ta càng dễ dàng có thể đi tới đối thoại với họ hơn.

Thực ra, đức ái và lòng nhân hậu này không bao giờ cho phép chúng ta trở thành dửng dưng với điều chân và thiện. Hơn thế nữa, chính đức ái thúc bách các môn đệ Chúa Kitô loan báo cho mọi người chân lý cứu rỗi. Nhưng phải phân biệt làm lỗi,

số điều kiện bảo đảm. Phải hiểu rõ là dù có luật như thế đi chăng nữa, "cho phép" chỉ có thể có nghĩa là luật pháp không coi vụ phá thai đó là tội trạng mà các tòa án phải trừng phạt; chứ không có nghĩa phá thai không phải là tội. "Phá thai... là tội ác đáng ghê tởm" (MV 51c). Giáo Hội phạt tội này với vụ tuyệt thông cho tất cả những ai góp phần hiệu lực cho việc phá thai.

^{31*} *Tức là làm cho những người bệnh nặng, tàn tật, già nua, mau chết để khỏi phải kéo dài sự đau đớn. Hành động có vẻ nhân đạo nhưng thực sự là tội sát nhân, và tỏ lòng ích kỷ (bệnh nhân nào lại không quấy rầy kẻ chung quanh) hơn là tỏ lòng bác ái.*

điều luôn luôn phải loại bỏ, với người làm lỗi^{32*} vì những người làm lỗi vẫn còn giữ được nhân phẩm, ngay cả khi họ có những ý niệm sai lầm hoặc hơi lệch lạc về tôn giáo¹⁰. Chỉ có mình Thiên Chúa là quan tòa và là Đấng thấu suốt mọi tâm hồn: bởi vậy Ngài ngăn cấm chúng ta xét đoán tội lỗi bên trong của bất cứ người nào¹¹.

Giáo lý của Chúa Kitô cũng đòi chúng ta phải tha thứ những xúc phạm và giáo lý ấy nói rộng giới răn yêu thương đối với tất cả kẻ thù, đó chính là giới răn trong Luật Mới: "Các người có nghe lời truyền dạy hãy thương yêu thân nhân mà ghét thù địch mình. Còn Ta, Ta dạy các người: hãy thương yêu kẻ thù nghịch mình, cứ làm ơn cho kẻ ghét mình, lại cầu nguyện cho những người bắt bớ vụ vạ cho người nữa" (Mt 5, 43-44)¹².

29. Bình đẳng căn bản giữa mọi người với nhau và công bình xã hội. Ngày càng phải nhận thức sự bình đẳng căn bản giữa mọi người hơn, bởi vì mọi người đều có một tâm linh và được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa nên có cùng một bản tính và cùng một nguồn gốc, hơn nữa vì được Chúa Kitô cứu chuộc nên họ đều được mời gọi như nhau và cùng hưởng chung một cùng đích nơi Thiên Chúa.

Đĩ nhiên mọi người không bằng nhau vì không có khả năng thể chất như nhau và những năng lực trí tuệ và tinh thần như

^{32*} Sự làm lạc vẫn đáng ghét vì không hợp với bản tính con người đã có lý trí để hiểu biết sự thật. Sự làm lạc trong phạm vi luân lý nhất là do tội còn đáng ghét hơn nữa vì nó làm cho con người nên xấu xa và có thể ảnh hưởng trên người khác rất nhiều. Nhưng chính người làm lạc vẫn còn là con người phải được tôn trọng. "Làm lẫn thì không có quyền lợi": nghĩa là bản tính con người đòi hỏi rằng phải nỗ lực để loại trừ sự làm lạc. Đĩ nhiên chỉ con người mới có thể có quyền lợi. Thế thì kẻ làm lạc không có quyền để làm lạc, nhưng vẫn có quyền để được kính trọng như con người, mặc dầu đã làm lạc (về vấn đề này Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo còn nói rõ hơn).

¹⁰ Xem Gioan XXIII, Tđ. *Pacem in terris*: AAS 55 (1963), trg 299-300.

¹¹ Xem Lc 6,37-38; Mt 7,1-2; Rm 2,1-11; 14,10-12.

¹² Xem Mt 5,43-47.

nhau. Tuy nhiên phải vượt lên trên và loại bỏ mọi hình thức kỳ thị về những quyền lợi căn bản của con người, hoặc trong phạm vi xã hội hoặc trong phạm vi văn hóa, kỳ thị vì phái tính, chủng tộc, màu da, địa vị xã hội, ngôn ngữ hay tôn giáo, vì như vậy là trái với ý định của Thiên Chúa. Do đó thực đáng buồn khi những quyền lợi căn bản của nhân vị cho đến nay vẫn chưa được bảo đảm toàn vẹn ở mọi nơi. Thí dụ người ta không nhìn nhận phụ nữ có quyền tự do chọn lựa người chồng hay quyền tự do chọn bậc sống, hoặc quyền được giáo dục và có văn hóa như nam giới ^{33*}.

Hơn nữa, dù có những khác biệt chính đáng giữa con người với nhau, tuy nhiên nhân phẩm như nhau của mọi người cũng đòi hỏi người ta phải tiến tới mức sống nhân đạo hơn và xứng hợp với con người hơn. Thực vậy, những chênh lệch quá đáng về kinh tế và xã hội giữa những thành phần hay giữa những dân tộc trong cùng một gia đình nhân loại thực là những gương xấu và đi ngược với công bằng xã hội, lẽ phải, ^{34*} nhân phẩm và nền hòa bình xã hội cũng như quốc tế.

^{33*} Đây chỉ là một thí dụ về việc kỳ thị căn cứ vào giới tính. Trong xã hội thẩm nhân văn minh Nho Giáo và Phật Giáo, sự kỳ thị này có ít hay nhiều, tùy trường hợp (coi sau này: số 60c).

^{34*} Đức công bằng giúp ta trả cho mọi người của riêng họ. Từ xưa đã có thói quen phân biệt công bằng giao hoán đối với từng phần tử xã hội, giúp mỗi người trao trả cho người khác tất cả những gì mà kẻ ấy có quyền đòi hỏi; công bằng pháp lý đối với chính cộng đoàn xã hội, khiến mọi cá nhân hoạt động theo những đòi hỏi của ích chung; công bằng phân phối của xã hội (nhờ các đại diện của xã hội) đối với mọi phần tử cộng đoàn, thúc đẩy xã hội phân chia nhiệm vụ cũng như quyền lợi giữa phần tử của cộng đoàn một cách chính đáng. Theo văn kiện của Tòa Thánh (Đức Piô XI và XII): công bằng xã hội phải được hiểu như công bằng pháp lý tổng quát, nghĩa là nhân đức khiến mọi phần tử của xã hội thực hiện mọi nhân đức khác mỗi khi ích chung đòi hỏi như vậy (theo như Thánh Tôma dạy, II-II, q. 58, a. a. 5-7 (x. Calvez-Perrin, *Eglise et Société économique. L'Enseignement social des Papes de Léon XIII à Pie XII*, Paris 1959, trg 192-203 và 543-567).

"Aequitas" (lẽ phải) là danh từ có nghĩa gần giống danh từ công bằng, nhưng phong phú hơn: không chỉ dựa trên nguyên tắc pháp lý để giải quyết một vấn đề, mà còn cố gắng cân nhắc các hoàn cảnh chủ quan cũng như khách quan. Sự trọng

Còn các tổ chức của con người hoặc tư hoặc công hãy nỗ lực phục vụ phẩm giá cũng như cứu cánh của con người, đồng thời hãy mạnh mẽ chống lại bất cứ hình thức nô lệ nào trên phương diện xã hội hay chính trị và bảo vệ những quyền lợi căn bản của con người trong trong bất cứ một chính thể nào. Hơn nữa, các tổ chức ấy còn phải dần dần phù hợp với những việc thiêng liêng là những việc cao cả hơn hết, dù đôi khi phải trải qua một thời gian khá lâu để đạt tới mục đích hằng mong mỏi đó.

30. Cần phải vượt ra khỏi thứ luân lý cá nhân chủ nghĩa.

Hoàn cảnh biến đổi sâu rộng và nhanh chóng đòi hỏi cấp bách đừng ai chủ trương một thứ luân lý duy cá nhân mà không lưu tâm hoặc không màng chi tới diễn tiến thời cuộc^{35*}. Bỏn phận

tại giữa người phá hoại và nạn nhân có lẽ không thỏa mãn đòi hỏi của nguyên tắc công bằng giao hoán, nhưng trong hoàn cảnh thực tế rất có thể là giải pháp tốt nhất: thích hợp cho con người.

^{35*} *Phải chăng đây là điều hơi lạ khi Công Đồng chỉ nêu ra lý do nhất thời của những xu hướng hiện đại? Nếu con người có bản tính xã hội (Công Đồng đã xác nhận điều này ở trên, số 24-25), phải chăng con người không thể chỉ hoạt động tuân theo một luân lý cá nhân? Ngoài ra, đức tin lại không nhấn mạnh rằng đức bác ái là trên hết hay sao? ... Tổ cáo Giáo Hội chỉ mới bắt đầu lưu tâm đến các vấn đề xã hội từ cuối thế kỷ 19, nghĩa là sau cuộc cách mạng kỹ thuật và theo sau các phong trào xã hội chủ nghĩa, tổ cáo như thế chỉ là không biết lịch sử mà thôi (ví dụ như từ trong CvTđ 2, 44-45; 4,32-35 đến các nhà Dòng chuyên lo chuộc lại những người bị tù hay chuyên săn sóc bệnh nhân v.v...). Nhưng đảng khác không thể phủ nhận được rằng những triết thuyết từ thời cải cách tin lành trở đi đã ảnh hưởng tới quan niệm tôn giáo rất nhiều đến nỗi có nhiều tín hữu đạo đức trong các bỏn phận cá nhân mà lại không biết tôn trọng công bằng và bác ái xã hội chút nào. "Tôi không giết người, không cướp của người" là những câu năng được nghe và chúng đã tỏ lộ thứ quan niệm ấy. Thế thì làm thiệt hại cho tha nhân, không kính trọng quyền lợi của tha nhân không phải là cách giết và cướp của người ta hay sao? Ngoài ra họ có lo gì cho những đòi hỏi của ích chung không?... Và lại trước đây trong các lớp dạy giáo lý và luân lý thần học cũng gần như chỉ biết nhấn mạnh thái độ cá nhân về các bỏn phận luân lý. Dạy về bỏn phận cá nhân đối với cá nhân tương đối là dễ; trái lại dạy về bỏn phận đối với tha nhân vô danh và đối với ích chung thì khó. Chắc chắn là cần phải nhấn mạnh đến các nguyên tắc và đào tạo lương tâm của mọi giáo dân để họ trưởng thành và biết tự xét đoán mọi hoàn cảnh, hơn là tiếp tục để cho họ chỉ biết hoạt động theo những giải quyết*

công bình và bác ái được chu toàn mỗi ngày một hơn là do mỗi người biết, tùy theo những khả năng của mình và nhu cầu của kẻ khác mà mưu ích chung, bằng cách cổ võ và trợ giúp những tổ chức công hay tư nhằm cải thiện những điều kiện sống của con người. Lại có những người ngoài miệng thì chủ trương rộng rãi và đại lượng, mà thực tế họ luôn luôn sống như chẳng quan tâm gì tới những nhu cầu của xã hội. Hơn nữa tại nhiều nơi có nhiều người còn coi thường các luật lệ và những qui định của xã hội. Một số người không ngần ngại dùng những hình thức gian lận và lừa đảo để trốn những thuế vụ chính đáng hoặc trốn tránh những gì xã hội đòi buộc. Có người lại coi nhẹ một số luật lệ trong cuộc sống xã hội, chẳng hạn những luật lệ liên hệ tới việc bảo vệ sức khoẻ, hoặc việc xe cộ lưu thông, bởi vì họ không nhận thức được rằng do bất cẩn như thế sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng của họ và của những người khác.

Mỗi người đều phải nhìn nhận và tôn trọng những liên đới xã hội như một trong những nghĩa vụ chính yếu của con người thời nay. Bởi vì thế giới càng hợp nhất thì hiển nhiên những bổn phận của con người càng vượt trên những nhóm riêng rẽ hơn và dần dần sẽ lan rộng tới toàn thế giới. Điều ấy chỉ thể hiện được một khi mỗi người và mỗi cộng đoàn trau dồi nơi chính họ những đức tính luân lý và xã hội, đồng thời đem những đức tính ấy gieo rắc ngoài xã hội. Như vậy, với sự trợ giúp cần thiết của ơn thánh Chúa sẽ có những con người thật sự mới và là những người kiến tạo một nhân loại mới.

31. Trách nhiệm và tham gia. Để mỗi người chu toàn một cách cẩn thận hơn nghĩa vụ của họ đối với mình hay đối với những cộng đoàn mà họ là thành phần, thì với những phương thế phong phú của nhân loại ngày nay, họ phải được giáo dục chu đáo để có văn hóa sâu rộng hơn. Trước hết cần phải tổ chức

từng chi tiết của các giáo sĩ. Số 31 phác họa một chương trình căn bản về việc giáo dục xã hội.

việc giáo dục những người trẻ thuộc bất cứ thành phần nào trong xã hội, làm sao để đào tạo được những người nam và nữ không những tài giỏi về văn hóa mà còn có một tâm hồn cao thượng, bởi vì thời đại chúng ta đang khẩn thiết đòi phải có những người như vậy.

Nhưng con người khó mà nắm được ý nghĩa trách nhiệm này nếu những hoàn cảnh sinh sống không cho phép họ ý thức về phẩm giá của mình cũng như không cho phép họ đáp lại sứ mệnh của mình bằng cách hiến thân phục vụ Thiên Chúa và người khác. Ngoài ra, sự tự do của con người nhiều lúc suy giảm đi, một khi con người rơi vào cảnh quá cùng cực, cũng như tự do ấy bị hạ giá một khi buông thả theo những dễ dãi quá mức trong cuộc sống, con người dường như tự khép mình trong thứ lâu đài cô đơn ngà ngọc. Trái lại tự do ấy được củng cố khi con người chấp nhận những ràng buộc không thể tránh được trong cuộc sống xã hội, coi những nhu cầu muôn mặt của tình liên đới nhân loại là của mình và tự buộc mình phải phục vụ cho cộng đoàn nhân loại.

Vì thế, thiện chí muốn góp phần vào những công việc chung cần được cổ võ nơi mọi người. Ngoài ra phải ca tụng đường lối của những quốc gia đang đề cho càng đông công dân càng tốt được tham gia việc nước trong sự tự do đích thực. Tuy nhiên cần phải lưu ý tới hoàn cảnh thực tế của mỗi dân tộc cũng như tới uy quyền cần thiết của quyền bính quốc gia. Hơn nữa, để mọi công dân phấn khởi tham dự vào cuộc sống của các đoàn thể tạo nên cơ cấu xã hội, thì họ cần phải tìm được trong những tổ chức ấy, những lợi ích lôi cuốn họ và giúp họ sẵn sàng phục vụ người khác. Chúng ta có thể nghĩ một cách hợp lý rằng số phận mai sau của nhân loại nằm trong tay những người có khả năng trao cho hậu thế những lý do để sống và để hy vọng.

32. Ngôi Lời Nhập Thể và tình liên đới nhân loại. Thiên Chúa đã dựng nên con người không phải để sống riêng rẽ

nhưng để tạo nên sự liên kết xã hội. Cũng thế "... Thiên Chúa không muốn thánh hóa và cứu rỗi loài người cách riêng rẽ, thiếu liên kết, nhưng Ngài muốn qui tụ họ thành một dân tộc để họ nhận biết chính Ngài trong chân lý và phụng sự Ngài trong thánh thiện" ¹³. Ngay từ khởi đầu lịch sử cứu rỗi chính Ngài đã chọn con người, không phải với tính cách như những cá nhân, nhưng như những phần tử của một cộng đoàn. Thực thế, trong khi Thiên Chúa biểu lộ ý định của Ngài, Ngài cũng đã gọi những người được chọn là "dân Ngài" (Xac 3,7-12), hơn nữa còn ký kết giao ước với dân ấy tại Sinai ¹⁴.

Tính chất cộng đoàn này nhờ công nghiệp của Chúa Giêsu Kitô được kiện toàn và hoàn tất. Chính Ngôi Lời Nhập Thể đã muốn chia sẻ tình liên đới nhân loại. Người đã hiện diện tại tiệc cưới Cana, đã vào nhà Giakêu, đã ăn uống với những người thu thuế và những người tội lỗi. Người đã mạc khải tình yêu thương của Chúa Cha và sứ mệnh cao cả của con người, khi Người nhắc tới những điều hết sức thông thường trong xã hội và dùng những kiểu nói cũng như những hình ảnh hoàn toàn thuộc cuộc sống thường nhật. Tự ý tuân phục những luật lệ trong quốc gia Người, Người đã thánh hóa những mối liên hệ của con người, nhất là những liên hệ thuộc về gia đình là nguồn gốc phát sinh những liên hệ xã hội. Người đã muốn sống cuộc sống của những thợ thuyền với người đương thời nơi quê hương Người.

Trong khi rao giảng, Người đã truyền dạy rõ ràng cho con cái Thiên Chúa phải cư xử với nhau như anh em. Lúc cầu nguyện, Người đã xin cho tất cả các môn đệ Người được nên "một". Hơn nữa, là Đấng Cứu Chuộc mọi người, chính Người đã tự hiến thân chết cho mọi người. "Chẳng ai có lòng thương yêu hơn kẻ liều mạng sống mình vì bạn hữu" (Gio 15,13).

¹³ *CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. II, số 9: A AS 57 (1965), trg 12-13.*

¹⁴ *Xem Xac 24,1-8.*

Người còn ra lệnh cho các Tông Đồ rao giảng sứ điệp Phúc Âm cho muôn dân để nhân loại trở nên gia đình của Thiên Chúa, trong đó sự sung mãn của lề luật chính là đức ái.

Là trưởng tử của một đoàn anh em đồng đức, sau khi chết và sống lại, Người đã thiết lập nhờ hồng ân của Thánh Thần Người một sự kết hiệp huynh đệ mới giữa tất cả những kẻ đón nhận Người với đức tin và đức ái trong chính Thân Thể của Người tức là Giáo Hội, ở đây mọi người là chi thể với nhau, tùy theo những ơn đã lãnh nhận mà phục vụ lẫn nhau.

Tình liên đới này cần phải được gia tăng luôn mãi cho tới ngày nó được hoàn tất, và ngày đó nhờ được ơn thánh cứu thoát, loài người như một gia đình được Thiên Chúa và Chúa Kitô là Anh yêu thương, sẽ dâng lên Thiên Chúa lời chúc tụng toàn hảo.

Chương III

Hoạt Động Của Nhân Loại Trong Vũ Trụ^{36*}

^{36*} Khi chưa để ý đến sinh hoạt của con người, ta chưa hiểu biết con người và phẩm giá của họ. Qua lịch sử, con người đã nỗ lực để chế ngự thiên nhiên và vũ trụ, hiện nay con người đã đạt tới một mức độ lớn lao trong công việc ấy. Trước sự kiện này, Công Đồng nêu ra ba thách thức:

1) Sinh hoạt có giá trị nào? Và Công Đồng trả lời: a) nó là phương tiện để phát triển và tiến tới việc thích hợp với ý muốn của Đấng Tạo Hóa. Đức tin không trái ngược với ý muốn tiến bộ đó (số 34); b) hơn thế nữa, sinh hoạt làm cho con người lớn lên về nhân cách, do đó chính con người trở nên tiêu chuẩn luân lý của sinh hoạt (số 35).

2) Sinh hoạt như thế nào? a) Làm theo những đòi hỏi riêng và chính thức của thực tại trần tục là không bao giờ đi ngược với đức tin (số 36); b) đồng thời, tội lỗi, lòng kiêu ngạo và ích kỷ có thể làm cho sinh hoạt ấy đối ý nghĩa (số 37); c) nhưng ơn Chúa Cứu Thế thanh luyện nó. Chính Chúa Giêsu, Thiên Chúa Nhập Thể, dạy con người sinh hoạt: nhờ đức ái con người có thể xây dựng và đổi mới thế giới (số 38).

33. Đặt vấn đề. Con người đã luôn cố gắng phát triển thêm mãi đời sống của mình bằng việc làm và tài năng. Ngày nay, nhất là với sự trợ giúp của khoa học và kỹ thuật con người đã và còn đang không ngừng nói rộng sự thống trị của mình gần như trên tất cả thiên nhiên, và đặc biệt nhờ sự gia tăng đủ loại phương tiện trao đổi giữa các quốc gia, gia đình nhân loại dần dần ý thức về mình và hợp thành gần như một cộng đồng duy nhất trong vũ trụ. Do đó, ngày nay con người đã dùng sức cần lao tự cung ứng nhiều phẩm vật mà xưa kia họ mong đợi trước nhất nơi các quyền lực thần linh.

Trước nỗ lực lớn lao đang lan rộng tới tất cả nhân loại này, nhiều câu hỏi đang được con người nêu lên. Đầu là ý nghĩa và giá trị của hoạt động cần lao ấy? Phải xử dụng tất cả các sự ấy ra sao? Đầu là mục đích của những cố gắng cá nhân cũng như tập thể? Dầu Giáo Hội là quản thủ kho tàng lời Chúa để từ đó rút ra những nguyên tắc luân lý và tôn giáo, nhưng không phải lúc nào Giáo Hội cũng có ngay câu trả lời cho mỗi một vấn đề. Tuy nhiên bao giờ Giáo Hội cũng ao ước nổi kết ánh sáng mạc khải với sự khôn khéo của mọi người để soi dẫn con đường mà nhân loại vừa bước chân vào ^{37*}.

3) Sinh hoạt với mục đích gì? Thế giới cuối cùng sẽ đổi mới, chứ không hoàn toàn hư mất. (số 39).

^{37*} Ba câu hỏi trên của Công Đồng có lẽ chưa đủ để biểu lộ các vấn đề bao gồm trong chương này. Hơn bao giờ hết, thần học hiện đại đang tìm hiểu thực tại trần thế. Trong chương này ta sẽ tìm thấy một số nguyên tắc căn bản để giải quyết nhiều vấn đề có thể đặt ra dưới nhiều khía cạnh khác nhau:

1) Khía cạnh tín lý thần học: a) Ta phải có quan niệm gì về vũ trụ, về lịch sử, về sinh hoạt? b) Một thuyết thần học về thực tại trần thế phải dựa trên nền tảng nào? c) Có một nhân bản chủ nghĩa Kitô giáo không? d) Cần phải nhớ thuyết "trần tục hóa" tân thời để có một học thuyết thần học về thực tại trần thế không?

2) Khía cạnh luân lý thần học: a) Giữa đòi hỏi của Nước Thiên Chúa và của thực tại trần thế, con người phải có thái độ nào? Phải sống thế mạng (chỉ hướng về đời sau) hay nhập thế? Hay là, đúng hơn: ta phải làm thế nào để điều hòa hai cực đoan ấy một cách thực tế? b) Các tín hữu có chỗ đứng ở giữa cộng đồng nhân

34. Giá trị của hoạt động nhân loại. Đối với các tín hữu, chắc chắn hoạt động cá nhân cũng như tập thể của nhân loại, hoặc nỗ lực vĩ đại của con người vất vả qua các thế kỷ nhằm cải thiện hoàn cảnh sinh sống, tự nó vốn phù hợp với ý định của Thiên Chúa. Thực vậy, được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa, con người đã nhận mệnh lệnh chinh phục trái đất cùng tất cả những gì chứa đựng trong đó, cai quản vũ trụ trong công bình và thánh thiện¹ và khi nhìn nhận Thiên Chúa là Đấng tạo dựng mọi loài, họ qui hướng về Người chính bản thân mình cũng như muôn vật: như thế, khi con người chinh phục tất cả thì danh Chúa được tôn vinh khắp địa cầu². ^{38*}

loại đang lo việc xây dựng thế giới không? Hay là các tín hữu phải quay lưng lại thế giới và tiến bước trên con đường khác biệt? c) Các tín hữu có chung một thứ ngôn ngữ với người ngoại giáo và người vô thần để mở cuộc đối thoại với họ được không?

3) *Khía cạnh tu đức: Căn cứ vào thực tại trần thế ta có thể lập ra một thuyết nào về đời sống thiêng liêng không? Đặc biệt về đời sống giáo dân?*

4) *Khía cạnh tranh luận: Ta phải trả lời như thế nào? a) trước những lời tố cáo cho rằng đức tin làm cho các tín hữu tách biệt với thực tại trần thế và với các vấn đề cụ thể của cuộc sống? b) Cũng như khi người ta đồng hóa tôn giáo với những việc dị đoan phải bị khoa học loại trừ?*

¹ Xem Stk 1,26-27; 9,2-3; Kn 9,2-3.

² Xem Tv 8,7 và 10.

^{38*} *Việc làm không phải là sự trừng phạt vì tội lỗi, chỉ tính cách khó nhọc của việc làm mới là kết quả của tội phạm. Do việc làm: 1) con người khắc phục thiên nhiên, 2) kiện toàn vạn vật, 3) thể hiện nhân cách: đào tạo quyền tự do, trí tuệ và ý chí cũng như sự khéo léo tinh thần và thể xác, 4) nên chính con người hoàn thiện hóa bản thân, 5) xây dựng xã hội, 6) cổ võ sự hiệp nhất giữa nhân loại, 7) giúp kiến tạo hòa bình (vì việc làm đòi hỏi sự cộng tác của nhiều người). Do đó việc làm mưu ích riêng cho con người cũng như ích chung cho xã hội và còn có thể nói là mưu ích cho cả vũ trụ nữa.*

Đức tin còn cho ta biết những khía cạnh mới: 8) là nhờ việc làm ta thực hiện ý muốn của Chúa Tạo Hóa, 9) và ta góp phần để làm sáng Danh Chúa, 10) khi làm việc, con người càng giống như hình ảnh của Thiên Chúa Tạo Hóa, 11) và cộng tác với Ngài, 12) cũng như bắt chước Đấng Cứu Thế (x. GH 41e). 13) Đồng thời, nhờ ơn Chúa, chính việc làm của con người được một giá trị siêu nhiên, giống như công việc của Đấng Cứu Chuộc, để đền tội, để cầu xin, để giúp tha

Những điều nhận định trên đây cũng ứng dụng được nơi những công việc hoàn toàn thường nhật. Thực vậy trong khi mưu sinh cho mình và cho gia đình, tất cả những người nam cũng như nữ hoạt động để phục vụ xã hội một cách hữu hiệu đều có lý để tin rằng nhờ lao công của mình, họ tiếp nối công trình của Đấng Tạo Hóa, phụng sự anh em, đóng góp công lao mình vào việc hoàn thành ý định của Thiên Chúa trong lịch sử³.

Người Kitô hữu không những không coi các công trình do con người dùng tài năng và sức lực riêng để thực hiện là chống đối quyền năng của Thiên Chúa, không coi thụ tạo có lý trí như một địch thủ của Tạo Hóa, mà lại xác tín rằng các thắng lợi của nhân loại là dấu hiệu biểu dương Thiên Chúa cao cả và là kết quả của ý định khôn lường của Ngài. Tuy nhiên, quyền lực con người càng gia tăng, trách nhiệm cá nhân hay tập thể lại càng nói rộng. Do đó, chúng ta thấy sứ điệp Kitô giáo không làm cho con người tránh né khỏi công cuộc xây dựng thế giới hoặc khiến họ không còn thiết tha đến lợi ích của đồng loại, nhưng trái lại bổn phận thực hiện những điều ấy còn thúc bách họ hơn nữa⁴.

35. *Trật tự hoạt động con người.* Hoạt động của con người phát xuất từ con người nên qui hướng về con người. Thật vậy, khi làm việc con người không những biến đổi sự vật và xã hội mà còn cải thiện chính mình. Bởi vì khi làm việc con người học biết được nhiều điều, phát triển tài năng cũng như thoát ra và vượt khỏi chính mình. Nếu được hiểu cho đúng thì sự tăng triển này đáng giá hơn mọi của cải có thể thu tích được. Giá trị con

nhân về cùng Chúa và thánh hóa bản thân cũng như người khác: như vậy việc làm trở nên một phương tiện để thực hiện đức thương yêu.

³ Xem Gioan XXIII, Tđ. *Pacem in terris: A AS 55 (1963), trg 297.*

⁴ Xem Sứ điệp các Nghị Phụ gửi toàn thể nhân loại vào dịp khai mạc Công Đồng Vaticanô II, tháng 10, 1962: AAS 54 (1962), trg 822-823.

người hệ tại ở "cái mình là" hơn hệ tại ở "cái mình có" ⁵. Cũng vậy, tất cả cái gì con người làm để đạt tới một mức độ công bình cao hơn, một tình huynh đệ rộng lớn hơn và một trật tự nhân đạo hơn trong các tương quan xã hội, đều quý trọng hơn các tiến bộ kỹ thuật, bởi vì, các tiến bộ ấy tuy có thể cung cấp chất liệu cho việc thăng tiến con người, nhưng tự chúng mà thôi không thể thực hiện được công cuộc thăng tiến ấy.

Vậy nên, đây là tiêu chuẩn hoạt động của con người: mọi hoạt động của con người phải phù hợp với lợi ích đích thực của nhân loại theo như ý định và ý muốn của Thiên Chúa, lại phải giúp con người, cá nhân cũng như tập thể, trau dồi và thực hiện ơn gọi toàn diện của mình.

36. Sự độc lập đúng mức của các thực tại trần thế. Tuy nhiên, nhiều người đương thời dường như e ngại rằng sự liên kết khá chặt chẽ giữa hoạt động của con người và tôn giáo sẽ làm ngăn trở sự độc lập của con người, của xã hội hoặc của khoa học ^{39*}.

Nếu sự độc lập của các thực tại trần thế có nghĩa là các tạo vật và các xã hội đều có những định luật và những giá trị riêng mà con người phải khám phá dần dần, xử dụng và điều hòa, thì đòi hỏi một sự độc lập như thế là một việc hoàn toàn chính đáng: đó là điều không những người đương thời đòi hỏi mà còn phù hợp với ý muốn của Tạo Hóa. Thực vậy, chính vì được tạo dựng mà mọi vật đều có sự vững chãi, chân thực và tốt lành cùng những định luật và trật tự riêng. Con người phải tôn trọng tất cả những điều ấy, phải nhìn nhận các phương pháp cá biệt của mỗi khoa học và kỹ thuật. Bởi vậy, việc khảo sát có phương

⁵ Xem Phaolô VI, *Alloc. Ad Corpus diplomaticum*, 7-1-1965; AAS 57 (1965), trg 232.

^{39*} Đây là thành kiến của những hình thức nhân bản chủ nghĩa (xem trên, số 7c). Đáng khác, nó cũng có thể là kết quả do kinh nghiệm lịch sử không tốt đẹp gây nên (xem cuối đoạn b trong số này).

pháp trong mọi ngành, nếu tiến hành một cách khoa học thực sự và theo các tiêu chuẩn luân lý, sẽ không bao giờ thực sự trái nghịch với đức tin, vì các thực tại trần thế và các thực tại đức tin đều bởi một Thiên Chúa mà ra ⁶. Hơn nữa, những ai kiên nhẫn và khiêm tốn cố gắng nghiên cứu sâu xa những bí ẩn của sự vật, mặc dù không ý thức, nhưng vẫn được bàn tay Chúa hướng dẫn, vì Ngài là Đấng bảo trì muôn loài và khiến chúng hiện hữu theo bản tính riêng của mỗi loài. Do đó đôi khi chúng ta có thể phàn nàn một số tâm trạng cả nơi các Kitô hữu, không hiểu rõ sự độc lập hợp lý của khoa học. Những tâm trạng này gây nên nhiều cuộc tranh luận và bất đồng khiến nhiều người nghĩ rằng đức tin và khoa học đối nghịch nhau ⁷. ^{40*}

⁶ Xem *CĐ Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin Công Giáo Dei Filius, ch. III: Dz 1785-1786 (3004-3005)*.

⁷ Xem *Piô Paschini, Vita e opere di Galileo Galilei, 2 quyển, Pont. Accademia delle Scienze, Città del Vatic., 1964*.

^{40*} Các ngành nghệ thuật, văn chương, khoa học, kinh tế, chính trị, xã hội học, v.v... đều có đối tượng riêng biệt, phương pháp riêng biệt, kỹ thuật riêng biệt. Xét đoán một tài liệu văn chương chẳng hạn, theo những tiêu chuẩn kinh tế mà thôi, hay là theo kỹ thuật của khoa học chính xác, dĩ nhiên là vô nghĩa! Cũng thế, xét các vấn đề tôn giáo với đầu óc mỹ thuật, văn chương, khoa học..., khi chưa được đào tạo theo nguyên tắc tôn giáo cũng không kém nguy hiểm. Bởi vậy, Công Đồng nhấn mạnh rằng thật là hết sức khô hạn, nếu chúng ta dựa trên những nguyên tắc tôn giáo để quyết định phải áp dụng kỹ thuật nào cho các thực tại trần thế. Các nhà sinh vật học, toán học, kinh tế học, chính trị..., đều phải khám phá và áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật riêng biệt của từng ngành. Đức tin sẽ không giúp họ giải quyết các vấn đề chuyên môn của họ.

Đàng khác, chân lý không thể mâu thuẫn với chân lý. Bởi thế những kết luận đúng sự thật của khoa học không thể mâu thuẫn với đức tin được (về các thực tại trần thế khác cũng phải lý luận một cách tương tự). Thiên Chúa, Đấng đã mạc khải các tín điều cũng là Đấng đã tạo nên thực tại trần thế. Thiên Chúa không thể mâu thuẫn với chính Ngài. Do đó, khi nào người ta đạt tới kết luận khoa học có vẻ trái ngược với đức tin thì phải xét lại: hoặc những kết luận đó chưa vững chắc (có thể chỉ là những giả thuyết nhất thời), hoặc cách hiểu biết tín điều còn ở trên bình diện thiếu sót, hoặc là cả hai.

Trong ghi chú, Công Đồng nhắc lại vụ án Galileô để chấp nhận phần trách nhiệm của Giáo Hội khi vội vã quyết đoán rằng giữa kết luận khoa học (quả đất xoay chung quanh mặt trời) và lời Thánh Kinh ("mặt trời đứng lại", chẳng hạn)

Nhưng, nếu "sự độc lập của thực tại trần thế" có nghĩa là: các tạo vật không lệ thuộc Thiên Chúa và con người có thể sử dụng chúng mà không cần quy hướng về Đấng Tạo Hóa thì không một ai nhìn nhận Thiên Chúa lại không thấy rằng lập trường đó hết sức sai lầm. Thực vậy, không có Tạo Hóa, tạo vật đều tiêu tan. Ngoài ra mọi tín hữu, dù thuộc tôn giáo nào đi nữa, cũng luôn nghe tiếng Thiên Chúa và thấy Ngài hiển hiện qua tiếng nói của tạo vật. Lại nữa, quên mất Thiên Chúa, mọi tạo vật đều trở nên mờ tối.

37. Tội lỗi làm hư hỏng hoạt động của nhân loại. Thánh Kinh cũng như kinh nghiệm nhiều thời đại dạy cho gia đình nhân loại biết rằng: tiến bộ tuy là một lợi ích lớn lao của con người, nhưng cũng đem theo một cám dỗ mãnh liệt. Thực vậy, khi bậc thang giá trị bị đảo lộn, khi ác và thiện lẫn lộn, thì cá nhân cũng như tập thể chỉ xét quyền lợi của mình chứ không để ý đến quyền lợi kẻ khác. Do đó, thế giới chưa phải là nơi có tình huynh đệ thật, và sự gia tăng quyền lực của con người lại đe dọa hủy diệt chính nhân loại.

Một cuộc chiến cam go chống lại quyền lực bóng tối tiếp diễn trong suốt lịch sử nhân loại, khởi đầu từ khi thế giới khai nguyên và sẽ kéo dài đến ngày cuối cùng như lời Chúa phán ⁸. Dấn thân vào cuộc chiến này, con người phải luôn luôn chiến đấu để gắn bó với sự thiện và chỉ tìm được sự thống nhất trong chính mình ^{41*} sau khi hết sức cố gắng với sự trợ giúp của ơn Chúa.

có mâu thuẫn. Hôm nay ai cũng hiểu câu nói như vậy không khác gì những câu nói thông thường của chúng ta: "mặt trời mọc lên, lặn xuống". Về phần trách nhiệm của chính ông Galileô khi ông vượt quá biên giới khoa học để cắt nghĩa lời Thánh Kinh, thì ở đây Công Đồng không muốn nhắc đến làm gì.

⁸ Xem Mt 24,13; 13,24-30 và 36-43.

^{41*} Công Đồng nói về cuộc chiến đấu giữa sự lành và sự dữ, trước hết diễn ra tại nội tâm của con người. Con người ước ao sự lành nhưng bị sự dữ lôi cuốn, nên con người bị chia rẽ, như Công Đồng đã nhắc ở phần trước (số 10a).

Bởi vậy, Giáo Hội Chúa Kitô, tin tưởng vào ý định của Tạo Hóa, vẫn nhìn nhận rằng tiến bộ của nhân loại có thể phục vụ hạnh phúc chân chính của con người. Nhưng Giáo Hội không thể không lặp lại lời sau đây của Thánh Phaolô: "Đừng theo thói thế trần này" (Rm 12,2) nghĩa là đừng buông mình ham chuộng hư danh và gian xảo khiến hoạt động con người vốn qui hướng về phụng sự Thiên Chúa và phục vụ con người, lại biến thành phương tiện phạm tội.

Vậy, nếu có ai hỏi phải làm gì để vượt qua tình trạng khốn khổ ấy ^{42*}, người Kitô hữu sẽ tuyên xưng rằng: mọi hoạt động của con người hàng ngày đang lâm nguy vì kiêu ngạo và lòng vị kỷ thái quá, cần được thanh tẩy và hoàn thiện nhờ thập giá và sự sống lại của Chúa Kitô. Bởi vì đã được Chúa Kitô cứu chuộc và được biến đổi thành tạo vật mới trong Chúa Thánh Thần, nên con người có thể và phải yêu mến chính các tạo vật do Thiên Chúa dựng nên. Vì nhận được tạo vật do Chúa ban,

42 Trong đoạn này Công Đồng phúc họa chương trình sinh hoạt về thực tại trần thế:*

1) Để tránh mối nguy cơ do lòng kiêu ngạo và tánh ích kỷ gây nên, ta phải ý thức mà chấp nhận thập giá, "nghĩa là hàng ngàn hình thức thất bại" và ngăn trở có thể xảy đến mặc dù ta đầy thiện chí và hết sức cố gắng. Thập giá đưa chúng ta đến sự phục sinh, sự thắng trận cuối cùng trên phạm vi cao hơn.

2) Ta phải yêu mến tạo vật với một lòng mến mới mẻ là kết quả của công cuộc chuộc tội. Mến tạo vật vì tạo vật là những quà tặng của Thiên Chúa.

3) Ta phải xử dụng và thụ hưởng tạo vật: nó là những phương tiện giúp ta đến cùng Thiên Chúa, đồng thời làm tròn sứ mệnh thống trị cũng như phát triển vũ trụ nơi chung và bản thân nơi riêng. Ta phải xử dụng và hưởng thụ tạo vật với tinh thần biết ơn, tinh thần khó nghèo (nghĩa là tinh thần siêu thoát) tạo nên sự tự do thiêng liêng, không để tạo vật buộc ta làm nô lệ nó, bắt chấp những khía cạnh quyền rũ của tạo vật.

4) Thực tại trần thế có giá trị mới sau khi Ngôi Lời Thiên Chúa nhập thế; đức bác ái là điều răn mới của Chúa Kitô phải điều khiển các sinh hoạt thuộc về thực tại trần thế dưới ơn thúc đẩy của Chúa Thánh Thần (số 38a).

5) Trong thực tế, thái độ của tín hữu đối với thực tại trần thế sẽ khác nhau tùy theo ơn Chúa Thánh Thần đó: tuy rằng không hề khinh rẻ tạo vật nhưng một số người thoát tục và do đó làm chứng cho đời sau, trong khi người khác dần thân để nhờ tạo vật phục vụ đồng loại (số 38a).

nên con người coi chúng như xuất phát từ tay Chúa và kính trọng chúng. Đang khi cảm tạ Thiên Chúa là Đấng Ban On vì các tạo vật ấy cũng như đang khi sử dụng và thụ hưởng chúng trong tinh thần khó nghèo và tự do, con người thực sự thi hành quyền làm chủ thế giới, như một kẻ không có gì hết nhưng lại sở hữu tất cả ⁹. "Vì mọi sự đều thuộc về anh em còn anh em thuộc về Chúa Kitô và Chúa Kitô thuộc về Thiên Chúa" (1Cor 3,22-23).

38. Kiện toàn hoạt động nhân loại trong mầu nhiệm phục sinh. Ngôi Lời Thiên Chúa, nhờ Người mà muôn vật được tạo thành, đã làm người và đến sống ở trên trái đất con người ¹⁰. Là con người hoàn hảo, Người đã đi vào lịch sử thế giới, đảm nhận và thâu kết lịch sử ấy nơi Người ¹¹. Chính Người mạc khải cho chúng ta "Thiên Chúa là tình thương" (1Gio 4,8) và dạy cho chúng ta biết rằng: luật căn bản để kiện toàn con người, và do đó để cải biến thế giới, là điều răn mới về tình yêu. Vậy, đối với những ai tin vào tình yêu Thiên Chúa, Người cho họ xác tín rằng con đường tình yêu mở rộng cho tất cả mọi người, và nỗ lực thiết lập tình huynh đệ đại đồng không bao giờ luống công. Người cũng nhắc nhở cho biết đức bác ái ấy không phải chỉ được thực hiện trong những việc vĩ đại, nhưng trước hết trong những hoàn cảnh thông thường của cuộc sống. Chịu chết cho tất cả chúng ta là những người tội lỗi ¹², Người lấy gương sáng dạy chúng ta vác thập giá mà xác thịt và thể gian đặt nặng trên vai những kẻ mưu tìm hòa bình và công lý. Đức Kitô được tôn làm Chúa khi sống lại và được lãnh nhận toàn quyền thống trị trên trời dưới đất ¹³; từ nay Người hoạt động trong lòng con người nhờ quyền năng Thánh Thần của Người không những

⁹ Xem 2Cor 6,10.

¹⁰ Xem Gio 1,3 và 14.

¹¹ Xem Eph 1,10.

¹² Xem Gio 3, 14-16; Rm 5,8-10.

¹³ Xem CvTđ 2,36; Mt 28,18.

bằng cách khơi dậy những khát vọng đời sau, nhưng còn từ những khát vọng đó cố võ, tinh luyện và củng cố những ước vọng quảng đại thúc đẩy gia đình nhân loại biến cải cuộc sống của mình trở nên nhân đạo hơn và qui phục trái đất về cùng mục đích ấy. Quả thật ơn Chúa Thánh Thần tác động mỗi người một khác: có những người được gọi làm chứng nhân tỏ tường cho sự mong đợi quê trời bảo tồn chứng tá sống động trong gia đình nhân loại, một số khác được gọi để hiến thân phục vụ con người trong phạm vi thế trần, dùng sự phục vụ ấy chuần bị chất liệu cho nước trời. Người giải thoát tất cả, để sau khi từ bỏ lòng vị kỷ và tập trung mọi năng lực trần thế cho cuộc sống con người, tất cả hướng về ngày mai, ngày mà nhân loại trở nên của lễ đẹp lòng Thiên Chúa ¹⁴.

Chúa đã để lại cho những kẻ thuộc về Người bảo chứng cậy trông và lương thực đi đường trong bí tích đức tin; trong bí tích ấy, những yếu tố thế trần, kết quả của lao công con người, được biến thành Mình và Máu vinh hiển, nên bữa ăn hiệp thông huynh đệ và nếm hưởng trước bữa tiệc trên trời.

39. Trời mới và đất mới ^{43*}. Chúng ta không biết được thời gian hoàn tất của trái đất và nhân loại ¹⁵, chúng ta cũng chẳng biết cách thức biến đổi vũ trụ. Chắc chắn hình ảnh của một thế

¹⁴ Xem Rm 15,16.

^{43*} Trong số này Công Đồng giải quyết thắc mắc sau đây: nếu thế giới, sau khi được xây dựng với biết bao nỗ lực, việc làm, vất vả, sẽ phải bị tiêu tan trong ngày tận thế, thì sinh hoạt về thực tại trần thế có phải thành vô nghĩa không? Công Đồng dạy: a) Theo như Thánh Kinh cho biết, thế giới sẽ đổi mới, chứ không tan nát. b) Tuy chưa biết rõ như thế nào, nhưng việc làm của ta sẽ đem lại kết quả đời đời. Đặc biệt những công việc bác ái, cũng như chính đức ái, sẽ tồn tại vĩnh viễn. c) Tuy rằng ta không thể đồng hóa sự tiên bộ trần thế của nhân loại với sự mở rộng nước Thiên Chúa, nhưng khi chúng ta phục vụ nhân loại và làm cho phẩm giá con người hay tình anh em và sự tự do, v.v... phát triển, tức là chúng ta đóng góp vào nước Thiên Chúa những điều sẽ tồn tại mãi mãi sau khi thế giới này được tẩy luyện và biến hình.

¹⁵ Xem CvTđ 1,7.

gian lệch lạc vì tội lỗi sẽ qua đi ¹⁶, nhưng chúng ta được biết Thiên Chúa đã dọn sẵn một chỗ ở mới và một đất mới, nơi công bằng ngự trị ¹⁷. Hạnh phúc nơi ấy sẽ thỏa mãn và đáp đầy mọi ước vọng hòa bình trào dâng trong lòng con người ¹⁸. Khi ấy, sự chết sẽ bị đánh bại, con cái Thiên Chúa sẽ phục sinh trong Chúa Kitô và những gì được gieo vãi trong yếu hèn, mục nát, sẽ mặc lấy sự không hư nát ¹⁹; tình yêu và các hoạt động bác ái sẽ tồn tại ²⁰ và toàn thể tạo vật mà Thiên Chúa đã dựng nên cho con người sẽ được giải thoát khỏi ách nô lệ phù vân ²¹.

Chúng ta đã được cảnh giác là lời dối lừa cả thế gian mà chính mình hư mất nào ích lợi gì ²². Nhưng sự trông đợi đất mới không được làm suy giảm, trái lại phải kích thích nỗ lực phát triển trái đất này, nơi mà Thân Thể gia đình nhân loại mới đang tăng trưởng và tiên báo một vài hình ảnh của thời đại mới. Bởi vậy, tuy phải phân biệt rõ rệt những tiến bộ trần thế với sự bành trướng Vương Quyền Chúa Kitô, nhưng những tiến bộ này trở thành quan trọng đối với Nước Thiên Chúa tùy theo mức độ chúng có thể góp phần vào việc tổ chức xã hội loài người cho tốt đẹp hơn ²³.

Thực vậy, sau khi đã theo mệnh lệnh Chúa và nhờ Chúa Thánh Thần phổ biến trên trái đất các giá trị về nhân phẩm, về hiệp thông huynh đệ và tự do, nghĩa là mọi thành quả tốt đẹp do bản tính và hoạt động con người đem lại, chúng ta sẽ gặp lại chúng, nhưng là gặp lại sau khi chúng được thanh tẩy khỏi mọi tì ố, được chiếu sáng và biến đổi, nghĩa là khi Chúa Kitô giao

¹⁶ Xem 1Cor 7,31; T. Ireneô, *Adv. Haereses*, V, 36, 1: PG 7,1222.

¹⁷ Xem 2Cor 5,2; 2P 3,13.

¹⁸ Xem 1Cor 2,9; Kh 21,4-5.

¹⁹ Xem 1Cor 15,42 và 53.

²⁰ Xem 1Cor 13,8; 3,14.

²¹ Xem Rm 8,19-21.

²² Xem Lc 9,25.

²³ Piô XI, *Tđ. Quadragesimo anno*: AAS 23 (1931), trg 207.

hoàn lại Chúa Cha vương quốc vĩnh cửu và đại đồng: "Vương quốc của chân lý và sự sống, vương quốc thánh thiện và diễm phúc, vương quốc công bình, yêu thương và bình an"²⁴. Vương quốc ấy đã hiện diện cách mẫu nhiệm ở trần gian này và sẽ được kiện toàn khi Chúa đến.

Chương IV

Sứ Mệnh Của Giáo Hội

Trong Thế Giới Ngày Nay^{44*}

²⁴ *Missale Romanum, Kinh Tiền Tụng Lễ Chúa Kitô Vua.*

^{44*} Trong chương này Công Đồng muốn trình bày vai trò của Giáo Hội ở giữa thế giới (40a): Trước hết, nhắc lại khởi nguyên của Giáo Hội, mục đích, phần tử (40b), sứ mệnh siêu nhiên cũng như tự nhiên (40c), và sự cộng tác cần thiết của mọi người (40d).

1) Vai trò đối với từng cá nhân (tương ứng với chương I trên đây): Giáo Hội soi sáng ý nghĩa ước ao của con người (41a), Giáo Hội cũng bảo vệ nhân phẩm đích thực (tìm thấy ở giữa một số cực đoan) (41b) và công nhận nhân quyền rồi đem tinh thần Phúc Âm vào việc cổ võ quyền lợi ấy (41c).

2) Đối với xã hội (tương ứng với chương II): Giáo Hội giúp đỡ nhân loại hiệp nhất chặt chẽ hơn (42a) và đem tinh thần mới nhập vào cơ cấu xã hội. Hoạt động xã hội của Giáo Hội như vậy là hợp lý (42b,c,d).

3) Đối với sinh hoạt xã hội (tương ứng với chương III): Đức tin đòi phải chu toàn nhiệm vụ sinh hoạt xã hội (43a). Đó là phận vụ riêng biệt của giáo dân đã được đào tạo và có trách nhiệm (43b). Họ phải cộng tác với người khác và lo cho ích chung (43c), trong khi đem tinh thần Kitô giáo và sinh hoạt đó (43d). Phân giáo sĩ, các ngài phải soi sáng giáo dân và phải làm gương về các đức tính xã hội (43e). Là dấu chứng về sự cứu độ, Giáo Hội phải luôn luôn nỗ lực để tự tinh luyện (43f).

4) Thế giới cũng giúp đỡ Giáo Hội: Khi Giáo Hội tiếp xúc với nhiều nền văn minh khác nhau và tìm cách rao giảng Phúc Âm một cách thích nghi, thì chính Giáo Hội trở nên phong phú hơn (44a,b). Đàng khác mọi tiến bộ nhân loại cũng giúp ích cho Giáo Hội (44c).

5) Giáo Hội phục vụ thế giới khi làm tròn sứ mệnh riêng là mở rộng nước Thiên Chúa (44a) và rao giảng về Chúa Kitô, Đấng đã sáng lập mọi sự đồng thời là trung tâm điểm, là cùng đích của mọi sự (44b,c).

40. Tương quan giữa Giáo Hội và thế giới. Tất cả những gì chúng ta đã trình bày về phẩm giá con người, về cộng đoàn nhân loại, về ý nghĩa sâu xa của hoạt động nhân loại tạo thành căn bản cho sự tương quan giữa Giáo Hội và thế giới cũng như nền tảng cho cuộc đối thoại giữa đôi bên ¹. Bởi vậy, dựa trên tất cả những gì về mầu nhiệm Giáo Hội mà Công Đồng này đã tuyên bố, trong chương này sẽ phải đề cập đến cũng chính Giáo Hội, xét như thực tại hiện diện ở thế giới này, cùng sống và cùng hoạt động với thế giới ấy.

Phát sinh từ tình yêu Chúa Cha muôn đời ², do Chúa Kitô là Đấng Cứu Độ thiết lập trong thời gian, được qui tụ trong Chúa Thánh Thần ³, Giáo Hội có mục đích cứu rỗi và cánh chung. Mục đích này chỉ có thể thành tựu trọn vẹn trong thời kỳ sẽ đến. Nhưng giờ đây Giáo Hội đã hiện diện trên trái đất này rồi, được qui tụ gồm những con người là phần tử của xã hội trần gian; họ được kêu gọi để hợp thành gia đình các con cái Thiên Chúa ngay trong lịch sử nhân loại, ngõ hầu tăng trưởng luôn mãi cho tới khi Chúa đến. Hiệp nhất để nhằm đạt những của cải thiêng liêng, trở nên giàu có vì những của cải ấy, gia đình này "như một xã hội được thiết lập qui củ trên trần gian" ⁴, được trang bị "các phương thế thích hợp để kết hiệp thành một xã hội hữu hình" ⁵. Như thế, là "một đoàn thể hữu hình và là cộng đoàn thiêng liêng" ⁶, Giáo Hội đồng tiến với toàn thể nhân loại và cùng chia sẻ một số phận trần thế với thế giới; Giáo Hội như

¹ Xem Phaolô VI, *Tđ. Ecclesiam suam*, III: AAS 56 (1964), trg 637-659.

² Xem Tit 3,4: "*Philanthropia*".

³ Xem Eph 1,3; 13-14; 23.

⁴ Xem Vat. II, *Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium*, ch. I, số 8: AAS 57 (1965), trg 12.

⁵ N.v.t., ch. II, số 9: AAS 57 (1965), trg 14; - x. số 8: AAS, n.v.t., trg 11.

⁶ N.v.t., ch. I, số 8: AAS 57 (1965), trg 11.

men và hôn của xã hội loài người ⁷, sẽ được đổi mới trong Chúa Kitô và biến thành gia đình của Thiên Chúa.

Thực ra, sự tương nhập giữa hai xã hội trần thế và thiên đàng chỉ có thể nhận thức được qua đức tin. Hơn nữa, đó còn là một mâu nhiệm của lịch sử nhân loại, một lịch sử bị tội lỗi xáo trộn cho đến khi vinh quang con cái Thiên Chúa được mạc khải đầy đủ. Tuy nhiên trong khi đeo đuổi mục đích cứu rỗi cá biệt của mình, Giáo Hội không phải chỉ truyền thông sự sống Thiên Chúa cho con người, nhưng còn chiếu giải ánh sáng của đời sống ấy cách nào đó trên toàn thế giới. Giáo Hội làm công việc này, trước hết bằng cách chữa trị và nâng cao phẩm giá nhân vị, củng cố cơ cấu của xã hội nhân loại và thẩm nhuần cho hoạt động thường nhật của con người một chiều hướng và một ý nghĩ sâu xa hơn. Như thế, nhờ từng phần tử và tất cả cộng đoàn, Giáo Hội tin tưởng có thể đóng góp nhiều vào việc biến đổi gia đình và lịch sử loài người trở nên nhân đạo hơn.

Ngoài ra, Giáo Hội Công Giáo sẵn sàng tán thưởng những việc mà các Giáo Hội Kitô giáo hay các cộng đoàn giáo hội khác đã và còn đang thực hiện để đóng góp vào việc chu toàn cùng một bổn phận này. Đồng thời, Giáo Hội xác tín mạnh mẽ rằng thế giới có thể có nhiều cách góp phần lớn lao vào việc dọn đường cho Phúc Âm bằng tài năng và hoạt động cá nhân cũng như của xã hội. Sau đây là một vài nguyên tắc tổng quát để phát triển đúng mức mối tương quan và tương trợ trong những phạm vi mà Giáo Hội và thế giới có phần chung nhau.

41. Sự trợ giúp mà Giáo Hội cố gắng cống hiến mỗi người.

Con người hiện đại đang trên đường phát triển trọn vẹn nhân cách của mình và càng ngày càng xác định quyền lợi của mình rõ rệt hơn. Được trao phó nhiệm vụ tỏ bày mâu nhiệm của Thiên Chúa, Đấng làm cùng đích của con người, Giáo Hội cũng

⁷ Xem n.v.t., ch. IV, 38: AAS 57 (1965), trg 43 và ghi chú 120.

đồng thời tỏ cho con người biết ý nghĩa của cuộc đời con người, tức là sự thật thâm sâu về con người. Giáo Hội biết chắc rằng chỉ có Thiên Chúa mà Giáo Hội phụng sự mới đáp ứng được các ước vọng sâu xa nhất của lòng người. Lòng người không bao giờ hoàn toàn thỏa mãn với những của ăn trần thế. Giáo Hội cũng biết rằng con người được Thánh Thần Chúa không ngừng thúc đẩy, sẽ không bao giờ hoàn toàn lãnh đạm trước vấn đề tôn giáo, như kinh nghiệm quá khứ và nhiều chứng tích của thời đại chúng ta minh chứng. Thực vậy, con người luôn khao khát muốn biết, ít là một cách mơ hồ, cuộc sống, hoạt động và cái chết của mình có ý nghĩa gì. Chính sự hiện diện của Giáo Hội nhắc nhở cho con người nhớ đến những vấn đề ấy. Chỉ có Thiên Chúa là Đấng tạo dựng con người giống hình ảnh Ngài và cứu thoát con người khỏi tội lỗi, mới giải đáp đầy đủ các vấn đề ấy. Ngài giải đáp bằng cách mạc khải trong Con của Ngài là Chúa Kitô, Đấng đã hóa thân làm người. Ai theo Chúa Kitô, Con Người hoàn hảo, kẻ ấy sẽ được trở nên người hơn.

Dựa trên đức tin ấy Giáo Hội có thể cứu gỡ phẩm giá của bản tính con người khỏi mọi trào lưu tư tưởng di động không ngừng giữa sự khinh dễ và tôn sùng thái quá đối với thân xác con người. Không một luật lệ nào có thể đảm bảo phẩm vị và tự do con người cách thích đáng bằng Phúc Âm Chúa Kitô, đã được trao phó cho Giáo Hội. Thực vậy, Phúc Âm loan báo và công bố sự tự do của con cái Thiên Chúa, phủ nhận mọi hình thức nô lệ vì mọi ách nô lệ rất cuộc đều bởi tội lỗi mà ra ⁸. Phúc Âm tôn trọng triệt để phẩm giá và quyết định tự do của lương tâm, lại không ngừng nhắc nhở phát huy mọi tài năng để phụng sự Thiên Chúa và mưu ích cho mọi người. Sau hết, Phúc Âm còn dạy mọi người phải thương yêu nhau ⁹. Những điều đó phù

⁸ Xem Rm 8,14-17.

⁹ Xem Mt 22,39.

hợp với luật căn bản trong nhiệm cuộc cứu rỗi của Kitô giáo. Vì, tuy Thiên Chúa vừa là Đấng Cứu Độ, vừa là Đấng Tạo Dựng, vừa làm Chủ lịch sử nhân loại, vừa làm Chủ lịch sử cứu rỗi, nhưng trong chính chương trình của Thiên Chúa, sự tự trị đúng mức của tạo vật và nhất là của con người không hề bị hủy diệt, trái lại còn được phục hồi và củng cố trong phẩm giá riêng.

Vậy, Giáo Hội dựa vào Phúc Âm đã được ủy thác cho mình mà công bố những quyền lợi của con người, nhìn nhận và tôn trọng năng động của thời hiện đại hiện đang cổ võ những quyền lợi ấy khắp nơi. Tuy nhiên, những trào lưu đó phải được thẩm nhuần tinh thần Phúc Âm và phải được bảo vệ cho khỏi nhiễm mọi hình thức tự trị sai lầm. Thực vậy, chúng ta dễ bị cám dỗ nghĩ rằng các quyền lợi của chúng ta chỉ được duy trì trọn vẹn khi trút bỏ mọi Luật Lệ của Thiên Chúa. Nhưng thực ra, đó là đường lối làm cho phẩm giá con người chẳng những không được duy trì mà còn bị tiêu tan đi.^{45*}

42. Sự trợ giúp mà Giáo Hội cố gắng mang đến cho xã hội nhân loại. Sự thống nhất gia đình nhân loại được củng cố và

^{45*} Đối với con người hiện nay, con người giàu có với mọi hình thức nhân bản, với tất cả những tiến bộ khoa học và xã hội, Giáo Hội có thể đem đến lợi ích gì? Giáo Hội đem lại ánh sáng chính yếu để con người tự biết mình và bảo vệ nhân phẩm. Nếu không biết Thiên Chúa, con người làm sao hiểu biết sự thật thâm sâu về mình được. Không biết mình, con người không thể nào trả lời cho những vấn nạn căn bản về ý nghĩa cuộc sống, sinh hoạt và sự chết. Không biết Chúa Kitô là con người hoàn hảo, con người không thể nào trở nên đầy đủ (41a). Khi nào tự biết mình và phẩm giá đích thực của mình, con người mới có thể lên tiếng đòi cho mình các quyền lợi nhân bản một cách đầy đủ và hợp lý cũng như xứng hợp với đức tin.

bổ túc ^{46*} nhiều nhờ sự hiệp nhất của gia đình con cái Chúa đã được thiết lập trong Chúa Kitô ¹⁰.

Sứ mệnh riêng biệt mà Chúa Kitô đã ủy thác cho Giáo Hội Người không thuộc phạm vi chính trị, kinh tế hay xã hội: mục đích Người đã ấn định cho Giáo Hội thuộc phạm vi tôn giáo ¹¹. Nhưng, bởi chính sứ mệnh tôn giáo ấy, phát sinh bốn phận, ánh sáng và những sức mạnh có thể giúp thiết lập và củng cố cộng đồng nhân loại theo Luật Lệ của Thiên Chúa; cũng thế, khi có nơi nào cần, chính Giáo Hội có thể và hơn nữa, phải phát động, tùy theo hoàn cảnh thời gian và nơi chốn, những công cuộc nhằm phục vụ mọi người, nhất là những người cùng khổ, thí dụ như các công cuộc từ thiện hoặc những tổ chức khác tương tự.

^{46*} Công Đồng đã nhắc lại sự thống nhất của nhân loại (số 29) có nền tảng tự nhiên là sự thống nhất sinh vật, sự thống nhất về bản tính và do đó về các quyền lợi căn bản. Và lại bản tính xã hội sẽ thúc đẩy con người hiệp nhất một ngày một hơn (số 6,25). Mặt khác sự thống nhất của nhân loại cũng có nền tảng siêu nhiên, vì, như đức tin dạy, tất cả mọi người được Thiên Chúa dựng nên và có cùng một cứu cánh là chính Thiên Chúa. Tất cả đã được Chúa Kitô cứu chuộc, tất cả đã được mời gọi để trở nên con cái Thiên Chúa và anh em với nhau. Luật mới của những con người mới ấy là luật thương yêu lẫn nhau.

Vì là một thân thể, một dân tộc duy nhất, Giáo Hội giúp đỡ nhân loại thực hiện lý tưởng thống nhất. Vì là bí tích, tức là dấu chứng và dụng cụ để giúp đỡ nhân loại kết hiệp mật thiết với Thiên Chúa và hiệp nhất với nhau (42c), Giáo Hội góp phần lớn lao để thống nhất loài người. Đó chính là sứ mệnh của Giáo Hội vậy (số 92a).

¹⁰ Xem CD. Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen gentium*, ch. II, số 9: AAS 57 (1965), trg 12-14.

¹¹ Xem Piô XII, *Allocutio ad Cultores historiae et artis*, 9-3-1956: AAS 48 (1956), trg 212: "Trong phạm vi văn hóa, vị Sáng Lập thần linh của Giáo Hội là Chúa Kitô không ban cho Giáo Hội một sứ mệnh nào cũng không ấn định một mục đích nào. Mục đích mà Chúa Kitô nhằm là thuần túy tôn giáo (...) Giáo Hội phải dẫn dắt mọi người đến với Chúa để họ phó thác cho Ngài mà không dẫn đo (...) Giáo Hội không khi nào có thể để mục đích thuần túy tôn giáo, siêu nhiên này lọt ra ngoài tầm nhãn giới của mình. Ý nghĩ a mọi hoạt động của Giáo Hội cả đến tận khoản cuối cùng của Bộ Giáo Luật chỉ qui về mục đích đó cách trực tiếp hay gián tiếp".

Giáo Hội còn nhìn nhận tất cả những gì tốt đẹp trong năng động xã hội hiện tại: nhất là sự tiến tới hiệp nhất, tiến trình xã hội hóa lành mạnh và sự liên đới trong phạm vi công quyền và kinh tế. Thực vậy, việc cổ võ hiệp nhất phù hợp với sứ mệnh sâu xa của Giáo Hội, vì chính Giáo Hội ở "trong Chúa Kitô như bí tích hoặc dấu chỉ và khí cụ của sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại"¹². Như thế, chính Giáo Hội bày tỏ cho thế giới biết rằng sự hiệp nhất bên ngoài trong phạm vi xã hội bắt nguồn từ sự hiệp nhất tâm trí, nghĩa là từ đức tin và đức mến, căn bản hiệp nhất bất khả phân ly của Giáo Hội trong Chúa Thánh Thần. Sinh lực mà Giáo Hội có thể chuyển thông cho xã hội nhân loại ngày nay là đức tin và đức mến ấy, được thể hiện trong cuộc sống, chứ không phải do thể lực bên ngoài nào dựa vào những phương thế hoàn toàn nhân loại.

Hơn nữa, bởi sứ mệnh và bản chất, Giáo Hội không cấu kết với một hình thức văn hóa nhân loại đặc thù nào, hoặc một chế độ chính trị, kinh tế hay xã hội nào. Nhờ tính cách phổ quát ấy, Giáo Hội có thể là một mối dây liên kết hết sức chặt chẽ giữa các cộng đoàn nhân loại và các quốc gia khác nhau, miễn là các quốc gia và cộng đoàn nhân loại ấy tin tưởng vào Giáo Hội và thực sự nhìn nhận Giáo Hội có quyền tự do đích thực để chu toàn sứ mệnh mình. Vì vậy, Giáo Hội khuyến cáo các con cái mình và hết mọi người: hãy vượt qua mọi tranh chấp giữa các quốc gia, chủng tộc trong tinh thần gia đình con cái Thiên Chúa và củng cố các hiệp hội nhân loại chính đáng.

Công Đồng quý trọng ngưỡng mộ tất cả những gì chân thật, tốt lành và chính đáng trong các tổ chức rất khác biệt mà nhân loại đã và còn đang không ngừng thành lập cho mình. Công Đồng cũng tuyên bố rằng: Giáo Hội muốn trợ giúp và cổ võ

¹² Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. I, số 1: AAS 57 (1965), trg 5.*

mọi tổ chức ấy trong những gì liên hệ và khả dĩ phù hợp với sứ mệnh của Giáo Hội. Giáo Hội không ao ước gì hơn là được tự do phát triển dưới mọi chế độ để phục vụ lợi ích mọi người, miễn là các chế độ này nhìn nhận những quyền lợi căn bản của con người, của gia đình và những đòi hỏi của công ích.

43. Sự trợ giúp mà Giáo Hội cố gắng nhờ các Kitô hữu mang đến cho hoạt động nhân loại ^{47*}. Công Đồng khuyến khích các Kitô hữu, công dân của cả hai đô thị, hãy nỗ lực chu toàn cách trung thành những bổn phận trần thế của họ và chu toàn dưới sự hướng dẫn của tinh thần Phúc Âm. Thực sai lầm cho những ai đang khi biết rằng chúng ta không có một quê hương trường tồn ở trần thế và đang phải kiếm tìm một quê hương hậu lai để rồi vì đó tưởng rằng mình có thể xao lãng các bổn phận trần gian ¹³, như thế là không nhận thấy chính đức tin buộc phải chu toàn các bổn phận đó hoàn hảo hơn, mỗi người tùy theo ơn gọi của mình ¹⁴. Ngược lại, cũng sai lầm không kém đối với những ai nghĩ rằng có thể dấn thân hoàn toàn vào công việc trần thế như thể các công việc ấy hoàn toàn xa lạ với đời sống tôn giáo, vì cho rằng đời sống tôn giáo chỉ còn hệ tại

^{47*} *Sống trong thế gian tín hữu phải tránh hai thái độ sai lầm: 1) bỏ sót công việc trần thế để chỉ lo cho việc đạo đức; 2) chìm đắm trong công việc trần thế và coi công việc này như không có liên quan gì đến việc đạo đức.*

Qua cả hai sự sai lầm trên, người ta tách biệt đời sống tôn giáo và đời sống nghề nghiệp hay đời sống trần thế nếu nói rộng hơn (cuộc giải trí, văn hóa...) và lại hành động theo luân lý cá nhân (số 30).

Đức tin phải ảnh hưởng trên cả đời sống và ta phải đem tinh thần Phúc Âm vào công việc trần thế: vào nghề nghiệp, vào giao thiệp với người khác, vào văn hóa, vào cuộc giải trí v.v... "Đối với người Kitô hữu, xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn phận đối với những người lân cận và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe dọa": vì bổn phận trần thế là phương tiện để thực hành đức mến đối với anh em và đối với Thiên Chúa. Không thực hành đức mến tức là phạm đến toàn thể bộ luật (x. Gal 5,14). Cho nên kẻ nào xao lãng bổn phận trần thế hay là tách rời nó khỏi ảnh hưởng của tinh thần Phúc Âm tức là người không sống đạo, họ không phải là người công giáo.

¹³ Xem Dth 13,14.

¹⁴ Xem 2Th 3,6-13; Eph 4,28.

những hành vi phượng tự và một vài bổn phận luân lý phải chu toàn. Sự phân ly giữa đức tin mà họ tuyên xưng và cuộc sống thường nhật của nhiều người phải kể vào số những sai lầm trầm trọng nhất của thời đại chúng ta. Và gương mù này ngay trong Cựu Ước các Tiên Tri đã mạnh mẽ tố cáo¹⁵ và trong Tân Ước chính Chúa Giêsu Kitô còn nặng nề hơn nữa bằng những hình phạt nặng nề¹⁶. Vậy, không được đem sinh hoạt nghề nghiệp và xã hội mà đối nghịch cách giả tạo với đời sống tôn giáo. Đối với người Kitô hữu, xao lãng bổn phận trần thế tức là xao lãng bổn phận đối với người lân cận và hơn nữa đối với chính Thiên Chúa, khiến phần rỗi đời đời của mình bị đe dọa. Theo gương Chúa Giêsu đã sống như một người thợ, các Kitô hữu hãy vui mừng vì có thể thi hành mọi hoạt động trần thế mà đồng thời có thể liên kết trong một tổng hợp sống động duy nhất, các cố gắng nhân loại, gia đình, nghề nghiệp, khoa học hay kỹ thuật với các giá trị tôn giáo. Dưới sự điều hướng tối cao của các giá trị tôn giáo này, mọi sự được qui hướng về vinh danh Thiên Chúa.

Những phận vụ và sinh hoạt trần thế thuộc lãnh vực riêng của giáo dân, tuy không độc quyền thuộc về họ. Vì vậy, khi hoạt động, cá nhân hay đoàn thể, với tư cách công dân trần thế, không những họ phải tôn trọng các luật lệ riêng của mỗi ngành nhưng còn phải ra sức tự luyện khả năng chuyên môn thực sự trong các lãnh vực ấy. Họ sẽ sẵn lòng hợp tác với những người cùng theo đuổi những mục đích chung. Nhìn nhận các đòi hỏi và hưởng nhờ sức mạnh của đức tin, khi cần, họ sẽ không do dự đề nghị và thực hiện những sáng kiến mới. Một khi được đào luyện cách thích hợp, lương tâm họ phải đem luật Chúa thấm nhập cuộc sống của xã hội trần gian. Giáo dân hãy mong đợi ánh sáng và sức mạnh tinh thần nơi các linh mục. Tuy

¹⁵ Xem *Is 58,1-12*.

¹⁶ Xem *Mt 23,3-33; Mc 7,10-13*.

nhiên, họ đừng vì thế mà nghĩ rằng: các chủ chăn có đủ thẩm quyền chuyên môn để có thể có ngay một giải pháp cụ thể cho mọi vấn đề xảy ra, kể cả những vấn đề quan trọng. Cũng đừng lầm tưởng các chủ chăn vốn có sứ mạng ấy. Nhưng tốt hơn là chính họ, được đức khôn ngoan Kitô giáo soi dẫn và cẩn thận chú ý các giáo huấn của Giáo Hội ¹⁷, hãy nhận lấy trách nhiệm của mình.

Thường thì chính vũ trụ quan Kitô giáo sẽ hướng dẫn họ chọn một giải pháp nhất định nào đó tùy hoàn cảnh. Tuy nhiên, cũng có những tín hữu khác, dầu khá thực tâm, sẽ thẩm định cách khác về cùng một vấn đề, như thường thấy xảy ra; và sự thẩm định đó vẫn được coi là hợp lý như thường. Nhiều người dễ dàng gán ghép với sứ điệp Phúc Âm những giải pháp mà họ đề ra, mặc dầu nhiều khi ngoài ý muốn của họ. Nhưng nên nhớ trong các trường hợp trên, không ai được độc quyền giành lấy thẩm quyền của Giáo Hội để biện minh cho lập trường riêng ^{48*}. Phải luôn luôn nỗ lực soi dẫn nhau bằng đối thoại thành thực, bảo toàn tình tương ái và trước hết mưu cầu công ích.

¹⁷ Xem Gioan XXIII, Tđ. *Mater et Magistra*, IV: AAS 53 (1961), trg 456-457 và I :n.v.t., trg 407, 410-411.

^{48*} "3) Sau khi nhắc lại những nguyên tắc tổng quát trên đây, Hàng Giáo Phẩm Công Giáo Việt Nam chiếu theo những sự kiện lịch sử, chính trị, xã hội, tôn giáo hiện tại trong nước, đồng thanh xác định như sau: a) Không cho phép một đảng phái nào lấy tên là "Công Giáo" hay là "Thiên Chúa Giáo", để rồi đảng ấy có thể xuất hiện như là đảng phái của Giáo Hội Công Giáo tại Việt Nam. b) Kêu mời giáo dân Công Giáo phải ý thức rằng: sức mạnh của họ trước hết phải ở trong tinh thần Chúa Giêsu - tức là tinh thần Phúc Âm được mọi người sống động và chiếu dọi chung quanh, như đã trình bày trong những đoạn nói trên. c) Tuy nhiên để áp dụng nguyên tắc số 2 ở trên, hết mọi người Công Giáo - với tư cách là người công dân - đều có thể tự do ghi tên để gia nhập đảng này hay đảng khác tùy ý, bất cứ là đảng ấy đã thành lập rồi, hay sẽ được những công dân đầy đủ khả năng, can đảm thành lập về sau.

Ghi tên vào một đảng phái như thế, đồng bào Công Giáo không cam kết Giáo Hội, nhưng chỉ cam kết cá nhân mình...

Đồng bào Công Giáo hoạt động trong đảng phái mình đã lựa chọn, tuy nhiên cả trong hoạt động chính trị (cũng như đời sống cá nhân, gia đình, nghề nghiệp)

Người giáo dân có những phận vụ tích cực phải chu toàn trong toàn thể đời sống Giáo Hội. Không những họ phải đem tinh thần Kitô giáo thấm nhuần thế giới nhưng còn được kêu gọi làm chứng cho Chúa Kitô trong mọi hoàn cảnh, ngay giữa lòng cộng đoàn nhân loại.

Còn các Giám Mục đã được ủy thác việc điều hành Giáo Hội Chúa hãy cùng các linh mục của mình rao giảng sứ điệp của Chúa Kitô, sao cho mọi hoạt động trần thế của các tín hữu thấm nhuần ánh sáng Phúc Âm. Hơn nữa, tất cả các chủ chăn hãy nhớ rằng các Ngài sẽ biểu lộ cho thế giới một khuôn mặt của Giáo Hội qua thái độ và ưu tư hằng ngày của mình¹⁸. Qua khuôn mặt ấy, người ta phán đoán về sức mạnh và chân lý của sứ điệp Kitô giáo. Bằng đời sống và lời giảng, hợp cùng các tu sĩ và giáo hữu của mình, các ngài hãy minh chứng rằng Giáo Hội, nguyên bằng sự hiện diện và kho tàng ân huệ của mình, đã là nguồn vô tận của những mãnh lực mà thế giới ngày nay rất cần. Các Ngài hãy trau dồi khả năng bằng cách chuyên cần học hỏi sao cho có thể đóng trọn vai trò trách nhiệm của mình trong khi đối thoại với thế giới và những người thuộc bất cứ lập trường nào. Nhưng, trước hết xin các ngài hãy ghi lòng những lời sau đây của Công Đồng: "Ngày nay, vì nhân loại

họ phải là một nhân chứng của Chúa Kitô. Họ phải tìm cách để in sâu vào trong các tâm hồn những luật lệ, những qui chế, tinh thần Phúc Âm và học thuyết xã hội của Hội Thánh.

1) *Hiện nay không có một tờ báo Công Giáo nào, hay là một tờ báo có xu hướng Công Giáo nào đã được Hàng Giáo Phẩm chỉ định để làm tiếng nói chính thức cho Công Giáo...*

2) *Có những báo chí đã được thành lập do một số giáo dân Công Giáo nhiệt thành, quảng đại; đó là quyền lợi riêng của họ và chúng tôi thêm rằng: đó là nghĩa vụ của họ. Chúng tôi để lời khen ngợi họ đã có sáng kiến tốt đẹp như thế, và chúng tôi hết sức khuyến họ hãy tiếp tục bền vững".*

(Thư luân lưu của H.Đ.G.M.V.N., ngày 22 tháng 1 năm 1964, x. trong báo Sacerdos, số 27, tháng 3 năm 1964, (trg 170-171; 172-173).

¹⁸ *Xem CĐ Vat II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. III, số 28: AAS 57 (1965), trg 34-35.*

ngày càng hiệp nhất về dân sự, kinh tế và xã hội, nên các Linh Mục càng phải loại trừ mọi mầm mống chia rẽ, phải nối kết cố gắng và khả năng mình dưới sự hướng dẫn của các Giám Mục và Giáo Hoàng, để toàn thể nhân loại hiệp nhất trong gia đình Thiên Chúa" ¹⁹.

Mặc dù Giáo Hội, với sức mạnh của Chúa Thánh Thần, vẫn là hiền thê trung tín của Chúa mình và không ngừng là dấu chỉ ơn cứu rỗi trong thế giới, tuy nhiên Giáo Hội biết rõ rằng trải qua bao nhiêu thế kỷ vẫn không thiếu những phần tử trong Giáo Hội ²⁰, giáo dân hoặc giáo sĩ, sống bất trung cùng Thánh Thần Chúa. Ngay trong thời đại chúng ta, Giáo Hội không quên sự cách biệt lớn lao giữa sứ điệp do Giáo Hội công bố và sự yêu đuối nhân loại của những người được giao phó rao giảng Phúc Âm. Dầu lịch sử có phê phán thế nào về những khiếm khuyết ấy, chúng ta cũng phải ý thức và mạnh mẽ khử trừ những thiếu sót để khỏi phương hại đến việc rao giảng Phúc Âm. Cũng vậy, trong việc mở rộng tương quan với thế giới, Giáo Hội biết mình phải luôn trưởng thành nhờ kinh nghiệm qua các thế kỷ, Được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, Mẹ Giáo Hội không ngừng "khuyên giục con cái thanh tủy và canh tân, để ấn dấu của Chúa Kitô chiếu sáng rạng ngời hơn trên khuôn mặt Giáo Hội" ²¹.

44. Sự trợ giúp mà Giáo Hội nhận được nơi thế giới ngày nay ^{49*}. Cũng như thế giới cần phải nhìn nhận Giáo Hội như

¹⁹ *N.t., số 28: AAS, n.v.t., trg 35-36.*

²⁰ *Xem T. Ambrosiô, De Virginitate, ch. VIII, số 48: PL 16, 278.*

²¹ *CD Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. II, số 15: AAS 57 (1965), trg 20.*

^{49*} *Từ xưa tới nay, thế giới cũng đem lại rất nhiều lợi ích cho Giáo Hội. Quả quyết như vậy là xác nhận một sự kiện lịch sử, nhưng có lẽ chỉ gần đây tín hữu mới ý thức về sự kiện ấy. Giáo Hội lãnh nhận nhiều:*

1) Trong lãnh vực tư tưởng nhờ các kho tàng của nhiều nền văn minh khác nhau. Tất cả những gì giúp ta hiểu biết hơn về con người và thế giới đều giúp đỡ Giáo Hội: giáo dục, văn hóa, khoa học...

một thực thể xã hội lịch sử và như men của lịch sử, Giáo Hội cũng biết mình đã nhận được rất nhiều nơi lịch sử và sự tiến hóa của nhân loại.

Kinh nghiệm của những thế kỷ đã qua, tiên bộ của khoa học, các kho tàng hàm chứa trong những hình thức văn hóa nhân loại khác nhau, biểu lộ đầy đủ hơn bản tính của chính con người và mở ra những con đường mới dẫn đến chân lý: tất cả những điều ấy đều hữu ích cho Giáo Hội. Thực vậy, chính Giáo Hội ngay từ buổi đầu của lịch sử mình đã ra sức diễn tả sứ điệp của Chúa Kitô bằng những ý niệm và ngôn ngữ của nhiều dân tộc. Hơn nữa, Giáo Hội còn cố gắng dùng sự khôn ngoan của các triết gia để làm sáng tỏ sứ điệp ấy. Làm như thế, nhằm thích nghi Phúc Âm, trong mức độ có thể, với tầm hiểu biết của mọi người cũng như với những đòi hỏi của các nhà hiền triết. Rao giảng lời mạc khải cách thích nghi như vậy còn phải là luật lệ cho mọi công cuộc truyền giáo, bởi vì có như vậy mới khơi dậy trong mọi quốc gia khả năng diễn tả sứ điệp Chúa Kitô theo lối riêng của mình và đồng thời mới cổ võ được sự trao đổi linh động giữa Giáo Hội và những nền văn hóa khác nhau của các

2) Trong lãnh vực cơ cấu xã hội: từ đầu, Giáo Hội đã chịu ảnh hưởng của nếp sống Do Thái, của pháp lý La Mã và Đức Quốc, và ít hay nhiều của phong tục các dân tộc khác nữa. Pháp lý các xứ truyền giáo đã ảnh hưởng rất nhiều đến pháp lý chung của Giáo Hội chẳng hạn. Hiện nay ta thấy ảnh hưởng của chế độ dân chủ qua những phong trào phân quyền, nhiều cơ quan mới như Thượng Hội Đồng Giám Mục, Hội Đồng Giám Mục, Hội Đồng Linh Mục, v.v...

3) Trong lãnh vực sinh hoạt: khi các Quốc Gia và các Tổ Chức quốc tế kính trọng sự tự do của Giáo Hội, mời Giáo Hội cộng tác, giúp Giáo Hội hoạt động, hay là mặc dầu không muốn nhờ Giáo Hội, nhưng khi các Tổ Chức ấy cố gắng nâng cao con người nhờ việc giáo dục, nhờ việc bảo đảm nhân quyền, v.v... thực ra họ đã làm những công việc có chung mục đích với Giáo Hội.

Là người Việt Nam hay làm việc ở Việt Nam, ta phải nhấn mạnh câu "Rao giảng lời mạc khải cách thích nghi như vậy còn phải là luật lệ cho mọi công cuộc truyền giáo". Sau hơn ba thế kỷ từ khi Phúc Âm tới Việt Nam, phải chăng Đạo chúng ta còn thấm nhuần màu sắc ngoại quốc quá đáng? Người ngoại giáo có cảm tưởng đó không?

dân tộc²². Để xúc tiến những cuộc trao đổi như thế, nhất là trong thời đại chúng ta, thời mà sự vật biến đổi rất nhanh và lối suy tư rất nhiều khác biệt, Giáo Hội đặc biệt cần đến sự đóng góp của những người sống trong thế giới và biết rõ các tổ chức và bộ môn khác nhau, cũng như thấu triệt tinh thần các tổ chức và bộ môn đó, dầu họ có đức tin hay không. Bỏn phận của toàn thể Dân Chúa, đặc biệt của các chủ chăn và các nhà thần học là nhờ sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, đón nghe, phân biệt và giải thích các tiếng nói của thời đại, rồi phán đoán dưới ánh sáng lời Chúa để Chân Lý mạc khải luôn được thấu triệt, được hiểu rõ và trình bày cách thích hợp hơn.

Giáo Hội có một cơ cấu xã hội hữu hình, dấu hiệu của sự hiệp nhất trong Chúa Kitô, nên Giáo Hội cũng có thể được giàu có thêm và thực sự đang được giàu có thêm nhờ sự tiến hóa của cuộc sống xã hội nhân loại, không phải vì định chế do Chúa Kitô ban cho Giáo Hội như thiếu một điều gì, nhưng là để định chế đó được hiểu biết sâu xa hơn, được diễn tả trung thực hơn và được thích nghi hoàn hảo hơn với thời đại chúng ta. Với lòng biết ơn, Giáo Hội nhận thấy rằng Giáo Hội đã được nhiều người thuộc mọi giai cấp và hoàn cảnh giúp đỡ nhiều cách cho chính cộng đoàn cũng như cho từng con cái mình. Quả thực, tất cả những ai phát triển cộng đoàn nhân loại trong phạm vi gia đình, văn hóa, kinh tế, xã hội, chính trị và trên bình diện quốc gia, cũng như quốc tế, đều trợ giúp không ít cho cộng đoàn Giáo Hội, theo như ý định của Thiên Chúa, trong mức độ Giáo Hội lệ thuộc những yếu tố bên ngoài. Hơn nữa, Giáo Hội còn nhìn nhận rằng chính sự chống đối của những kẻ công kích

²² Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. II số 13: AAS (1965), trg 17.*

hay bách hại Giáo Hội đã và còn đang có thể giúp ích cho Giáo Hội ²³.

45. Chúa Kitô, Alpha và Omega. Khi trao đổi với thế giới những sự giúp đỡ hỗ tương, Giáo Hội nhằm một mục đích duy nhất là: làm cho Nước Chúa trị đến và toàn thể nhân loại được cứu rỗi. Mọi lợi ích mà Dân Chúa trong thời gian hành trình tại thế có thể đem lại cho gia đình nhân loại đều phát xuất từ sự kiện này: Giáo Hội là "bí tích phổ quát cứu rỗi" ²⁴, tỏ bày và đồng thời thực hiện mầu nhiệm tình yêu Thiên Chúa đối với con người.

Quả thực, Ngôi Lời Thiên Chúa, nhờ Người mà muôn vật được tạo thành, đã làm người, là Con Người hoàn hảo, Người cứu rỗi mọi người và kết thân vạn vật nơi Người. Chúa là cùng đích của lịch sử nhân loại, là điểm qui tụ mọi ước vọng của lịch sử và văn minh, là trung tâm của nhân loại, là niềm vui của tâm hồn và đáp ứng mọi niềm khao khát ²⁵. Chính Người là Đấng Chúa Cha đã phục sinh từ kẻ chết, đã tôn vinh và cho ngự bên hữu, đặt làm thẩm phán kẻ sống và kẻ chết. Được sống động và tụ họp trong Thánh Thần Ngài, chúng ta đang hành trình hướng về chung cục lịch sử nhân loại, phù hợp với ý định yêu thương của Ngài: "kết thân tất cả trong Chúa Kitô: mọi sự trên trời dưới đất" (Eph 1,10).

Chính Chúa đã nói: "Vây tiền công của ta sẵn đây rồi, này ta đến gấp mà trả cho mỗi người tùy theo công việc họ làm. Ta

²³ Xem Justinô, *Dialogus cum Tryphone*, ch. 110: PG 6, 729, x.b. Otto, 1897, trg 391-393: ... "nhưng chúng ta càng chịu nhiều khổ nhục ấy, lại càng có nhiều người trở thành tín hữu và đạo đức nhờ danh Chúa Giêsu". - Xem Tertullianô, *Apologeticus*, ch. L, 13: PL I, 534; *Corpus Christ.*, ser. Lat. I, trg 171: "càng bị các người gặt (bách hại) chúng tôi càng trở nên đông đúc hơn: máu tử đạo là hạt giống nảy sinh Kitô hữu!" - X. Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen gentium*, ch. II số 9: AAS 57 (1965), trg 14.

²⁴ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen gentium*, ch. VII, số 48: AAS 57 (1965), trg 53.

²⁵ Xem Phaolô VI, Huấn từ 3-2-1965: *L'Osservatore Romano*, 4-2-1965.

là Alpha và Omega, thứ nhất và sau chót, nguyên thủy và cứu cánh" (Kh 22,12-13) ^{50*}.

Phần Thứ Hai

Một Số Vấn Đề Khẩn Thiết

46. Lời mở đầu. Sau khi trình bày về phẩm giá nhân vị cũng như về một số bổn phận cá nhân hay xã hội mà con người được gọi để chu toàn trong vũ trụ, nay Công Đồng, với ánh sáng Phúc Âm và kinh nghiệm nhân loại, lưu ý mọi người về một số nhu cầu khẩn thiết của thời đại này, và là những nhu cầu đang ảnh hưởng rất nhiều đến nhân loại.

Giữa nhiều vấn đề làm cho mọi người ngày nay quan tâm, nên ghi nhận trước hết những điểm sau đây: hôn nhân và gia đình, văn hóa nhân loại, đời sống kinh tế xã hội và chính trị, hòa bình và sự liên đới gia đình các dân tộc. Cần phải dùng những nguyên tắc và ánh sáng bắt nguồn từ Chúa Kitô chiếu giải từng vấn đề này, để những nguyên tắc và ánh sáng đó hướng dẫn các Kitô hữu và soi sáng mọi người trong công cuộc kiếm tìm giải pháp cho biết bao vấn đề phức tạp nêu trên.

^{50*} Alpha và Omega là chữ đầu và chữ cuối của mẫu tự Hy Lạp. Câu nói có nghĩa là khi dùng các chữ trong mẫu tự, ta có thể viết ra tất cả những gì ta muốn. Vậy thì, nói về Chúa (cũng như về Thiên Chúa Cha: Kh 1,8) có nghĩa là Chúa có toàn quyền để phán xét nhân loại.

Chương I

Phải Đề Cao Phẩm Giá

Của Hôn Nhân Và Gia Đình^{51*}

47. Hôn nhân và gia đình trong thế giới ngày nay. Sự lành mạnh của con người cũng như xã hội nhân loại và Kitô giáo liên kết chặt chẽ với tình trạng tốt đẹp của cộng đoàn hôn nhân và gia đình. Do đó, cùng với tất cả những ai tán dương các cộng đoàn hôn nhân và gia đình, người Kitô hữu thành thực vui mừng trước những trợ lực khác nhau giúp con người ngày nay tiến tới trong việc cổ võ cộng đoàn yêu thương ấy cũng như trong sự tôn trọng đời sống; những trợ lực ấy còn giúp đỡ các đôi vợ chồng và các bậc làm cha mẹ trong sứ mệnh cao cả của

51 1) Giới thiệu: Gia đình là nền tảng của xã hội (số 47a), nhưng hiện nay bị nhiều vết nheo (b), nên Công Đồng muốn góp phần giáo lý để nâng cao gia đình và hôn nhân (c).*

2) Diễn tả gia đình cách đại cương: Bản tính, khởi sự, giá trị và chiều hướng của hôn nhân (số 48a). Tình cách cao siêu của tình yêu hôn nhân (b). Đời sống gia đình hướng về Chúa (c). Vai trò của mỗi người trong gia đình và việc tông đồ của họ (d).

3) Tình yêu hôn nhân: tình cách (số 49a), phương cách biểu lộ nó (b), phải phổ biến quan niệm đích thực về nó (c).

4) Con cái: Hôn nhân hướng về việc sinh sản con cái (số 50a). Kẻ làm cha mẹ phải có trách nhiệm (b). Sinh sản con cái không phải là mục đích duy nhất (c).

5) Những khó khăn: gặp phải khi duy trì tình yêu đồng thời phải tôn trọng sự sống (số 51a). Những giải pháp không được áp dụng (b). Những tiêu chuẩn để chọn giải pháp (c,d).

6) Mục vụ gia đình: Ở trong gia đình (số 52a), trong đại gia đình và xã hội (b). Việc tông đồ của gia đình (c). Phần đóng góp của khoa học gia chuyên môn (d), của Linh Mục (e), của đôi hôn nhân (f).

họ. Người Kitô hữu còn mong đợi và nỗ lực thực hiện những thành quả tốt đẹp hơn.

Nhưng phẩm giá của định chế ấy không phải ở đâu cũng sáng tỏ như nhau, vì đã bị lu mờ bởi chế độ đa thê, nạn ly dị, bởi cái mà người ta gọi là tự do luyến ái, cùng những hình thức lệch lạc khác. Hơn nữa, tình yêu hôn nhân rất thường bị hoen ố vì lòng ích kỷ, khoái lạc chủ nghĩa và những lạm dụng bất hợp pháp cản trở sự sinh sản. Ngoài ra, các hoàn cảnh hiện tại về kinh tế, xã hội, tâm lý và chính trị đang gây cho gia đình những xáo trộn trầm trọng. Sau hết, tại một vài nơi trên thế giới, người ta không khỏi lo lắng nhận thấy những vấn đề được phát hiện do sự gia tăng dân số. Tất cả những điều ấy đang làm khắc khoải lương tâm con người ^{52*}. Tuy nhiên, có một điều chứng tỏ sức mạnh và sự bền vững của định chế hôn nhân và gia đình, đó là các biến đổi sâu xa của xã hội hiện tại, mặc dù

^{52*} *Hôn nhân và gia đình là tế bào đầu tiên đồng thời là nền tảng của xã hội cũng như của Giáo Hội. Công Đồng muốn góp phần để bảo vệ hôn nhân vì ở nhiều nơi hôn nhân bị tội lỗi làm hoen ố. Công Đồng nhắc đến chế độ đa thê, ngược lại với tính cách hợp nhất của hôn nhân (số 48a phần cuối và 49b); ly dị, trái ngược với tính bất khả phân ly; tự do luyến ái tức sống chung mà không chấp nhận liên hệ hôn nhân. Công Đồng còn nói chung về những hình thức "lệch lạc khác": chẳng hạn hôn nhân thí nghiệm, nghĩa là khi chưa có con thì chưa thành bất khả phân ly; hôn nhân ép buộc của thanh niên thiếu nữ không ưa nhau, v.v... Hôn nhân hợp nhất và duy nhất còn có thể mất ý nghĩa cao đẹp do lòng ích kỷ của đôi bên, do khoái lạc chủ nghĩa, do những tội lỗi liên quan tới việc sinh sản.*

Nhưng còn có nhiều hoàn cảnh khác cũng có thể gây nên những khó khăn và dịp tội cho hôn nhân. Công Đồng nhắc đến hoàn cảnh kinh tế: chẳng hạn tiền lương không đủ để nuôi dưỡng và giáo dục con cái; hoàn cảnh tâm lý và xã hội: như quan niệm mới về địa vị người phụ nữ, hay là môi trường sinh sống quá chú ý đến tình dục; hoàn cảnh dân sự: như lệ luật trái ngược nguyên tắc luân lý, ví dụ việc phá thai, giải phẫu để ngăn cản khả năng sinh sản, v.v...; hoàn cảnh nhân khẩu gia tăng tại nhiều nơi cũng có thể đe dọa nền kinh tế của các quốc gia đang mở mang.

Trong thông điệp Humanae Vitae, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI công nhận đó là những lý do đã khiến Giáo Hội xét lại lập trường (số 2-5).

gây ra nhiều khó khăn, nhưng vẫn rất thường bộc lộ bản chất đích thực của định chế trên bằng nhiều cách.

Bởi vậy, bằng cách làm sáng tỏ hơn một vài chủ điểm trong giáo lý của Giáo Hội, Công Đồng muốn soi sáng và khích lệ người Kitô hữu cũng như mọi người đang cố gắng bảo toàn và cố võ phẩm giá tự nhiên cũng như giá trị thiêng liêng cao cả của đời sống hôn nhân.

48. Sự thánh thiện của hôn nhân và gia đình. Đấng Tạo Hóa đã thiết lập và ban những định luật riêng cho đời sống chung thân mật và cho cộng đoàn tình yêu vợ chồng. Đời sống chung này được gây dựng do giao ước hôn nhân, nghĩa là sự ưng thuận cá nhân không thể rút lại ^{53*}. Như thế, bởi một hành vi nhân linh, trong đó, hai vợ chồng tự hiến cho nhau và đón nhận nhau, nhờ sự an bài của Thiên Chúa, phát sinh một định chế vững chắc có giá trị trước mặt xã hội nữa. Vì lợi ích của lứa đôi, của con cái và của xã hội, nên sợi dây liên kết thánh thiện này không lệ thuộc sở thích của con người. Chính Thiên Chúa là Đấng tác tạo hôn nhân, phú bẩm những lợi ích và mục tiêu khác nhau ¹; những điều ấy hết sức quan trọng đối với sự tiếp nối nhân loại, sự phát triển cá nhân và phần rỗi đời đời của

^{53*} Đây là một định nghĩa của hôn nhân đáng cho ta lưu ý tới: a) cốt yếu là cùng một đời sống và cùng một tình yêu đặc biệt, b) tùy theo luật Chúa là Đấng đã sáng tạo hôn nhân, c) bắt đầu do sự ưng thuận nhau của hai người nam và nữ. Đối tượng của sự ưng thuận ấy là chính con người, hai con người tự hiến cho nhau và đón nhận nhau. Hai người: chứ không phải chỉ quyền lợi trên thân xác của mình mà thôi (như, theo Giáo Luật khoản 1081 đoạn 2, Thông điệp Casti Connubii của Đức Piô XI đã xác nhận: x. AAS 22 (1930), 541; Dz 3701/2225). Hai bên sẽ nên một về mọi phương diện: sinh lý, tâm lý, xã hội và đạo đức. Kết quả là một tổ chức vững chắc không phải tự ý riêng của đôi bên, nhưng theo ý định của Thiên Chúa. Tổ chức này có nhiều mục đích (số 50b) và mưu ích không những cho đôi bên mà còn cho gia đình và xã hội nữa.

¹ Xem T. Augustinô, *De bono conjugali*: PL 40, 375-376 và 394. - T. Tôma, *Summa Theol., Suppl. Quaest. 49, art. 3 ad 1.* - *Decretum pro Armenis*: Dz 702 (1327). - Piô XI, *Tđ. Casti connubii*: AAS 22 (1933), trg 543-555; Dz 2227-2238 (3703-3714).

mỗi thành phần trong gia đình, quan trọng đối với phẩm giá, sự vững chãi, an bình và thịnh vượng của chính gia đình và của toàn thể xã hội loài người. Tự bản chất, chính định chế hôn nhân và tình yêu lứa đôi qui hướng về việc sinh sản và giáo dục con cái như chóp đỉnh diễm phúc của hôn nhân. Như thế, bởi giao ước hôn nhân, người nam và người nữ "không còn là hai, nhưng là một xương thịt" (Mt 19,6), phục vụ và giúp đỡ lẫn nhau bằng sự kết hợp mật thiết trong con người và hành động của họ, cảm nghiệm và hiểu được sự hiệp nhất với nhau mỗi ngày mỗi đầy đủ hơn. Sự liên kết mật thiết vẫn là sự tự hiến của hai người cho nhau cũng như lợi ích của con cái buộc hai vợ chồng phải hoàn toàn trung tín và đòi hỏi kết hợp với nhau bất khả phân ly ².

Chúa Kitô ban dồi dào ơn phúc cho tình yêu muôn hình ấy, một tình yêu phát xuất từ nguồn mạch tình yêu Thiên Chúa và được tác thành theo gương kết hiệp của Chúa Kitô và Giáo Hội. Thực vậy, như xưa kia Thiên Chúa đến gặp gỡ dân Ngài bằng một giao ước yêu thương và trung thành ³, ngày nay Đấng Cứu Thế, Bạt Trăm Năm của Giáo Hội ⁴, cũng đến với đôi vợ chồng qua Bí Tích Hôn Phối. Người còn ở lại với họ để hai vợ chồng cũng mãi mãi trung thành yêu thương nhau bằng sự tự hiến cho nhau như Người đã yêu thương Giáo Hội và đã nộp mình vì Giáo Hội ⁵. Tình yêu vợ chồng đích thực được kết nhập trong tình yêu Thiên Chúa, được hướng dẫn và thêm phong phú nhờ quyền năng cứu chuộc của Chúa Kitô và hoạt động cứu rỗi của Giáo Hội, để hai vợ chồng được dẫn dắt cách hữu hiệu đến cùng Thiên Chúa, cũng như được nâng đỡ và kiên cường trong

² Xem Piô XI, *Tđ. Casti Connubii*: AAS 22 (1930), trg 546-547; Dz 2231 (3706).

³ Xem Os 2; Gier 3,6-13; Ez 16 và 23; Is 54.

⁴ Xem Mt 9,15; Mc 2, 19-20; Lc 5,34-35; Gio 3,29; 2Cor 11,2; Eph 5,27; Kh 19,7-8; 21,2 và 9.

⁵ Xem Eph 5,25.

nhệm vụ cao cả làm cha mẹ ⁶. Bởi đó, vợ chồng Kitô hữu được củng cố và như được thánh hiến ⁷ bằng một bí tích riêng để được lãnh nhận các bổn phận và phẩm giá của bậc sống họ; nhờ sức mạnh của bí tích này, họ được thâm nhuần tinh thần Chúa Kitô mà chu toàn bổn phận hôn nhân và gia đình của họ, nhờ đó tất cả đời sống của họ được thâm nhuần đức tin, cậy, mến, và càng ngày họ càng tiến gần hơn tới sự trọn lành riêng biệt của họ và sự thánh hóa lẫn nhau; và bởi đây, cùng nhau tôn vinh Thiên Chúa ^{54*}.

Do đó, được cha mẹ hướng dẫn bằng gương sáng và kinh nguyện gia đình, con cái và tất cả những ai sống trong khuôn khổ gia đình sẽ gặp được con đường nhân ái, cứu độ và thánh thiện dễ dàng hơn. Còn vợ chồng đã lãnh nhận phẩm giá và chức vụ làm cha mẹ sẽ chăm lo chu toàn bổn phận giáo dục, nhất là về phương diện tôn giáo vì bổn phận này liên hệ đến họ trước hết.

Con cái là những phần tử sống động trong gia đình nên cũng góp phần riêng vào việc thánh hóa cha mẹ. Thực vậy, con cái sẽ đáp lại công ơn cha mẹ với lòng biết ơn, tâm tình hiếu thảo và tin cậy, và sẽ theo đạo làm con mà phụng dưỡng cha mẹ trong nghịch cảnh cũng như trong tuổi già cô quạnh. Mọi người hãy tôn trọng đời sống góa bụa được can đảm tiếp nhận như một tiếp nối ơn gọi hôn nhân ⁸. Các gia đình hãy quảng đại san

⁶ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium: AAS 57 (1965), trg 15-16; 40-41; 47.*

⁷ Xem *Piô XI, Tđ. Casti Connubii :AAS 22 (1930), trg 583.*

^{54*} Hai đoạn 48ab nhấn mạnh rằng hôn nhân là một trong những ơn kêu gọi của Chúa để con người thánh hóa bản thân. Thiên Chúa đã sáng lập hôn nhân và quyết định bản tính của nó, mục đích, tính cách chính yếu cũng như đã thánh hóa nó và nâng cao nó làm thành một bí tích giúp đôi bên làm tròn nghĩa vụ và sống đức ái (x. *Hiến chế tín lý về Giáo Hội 35c; 41e; và sau này: số 52g*).

Hai vợ chồng được mời gọi để thánh hóa bản thân :1) bằng cách sống tình yêu riêng biệt (số 49-50a), 2) cũng như nhờ phận vụ làm cha làm mẹ (số 50).

⁸ Xem *1Tm 5,3.*

sẽ cho nhau những của cải thiêng liêng. Như thế, mỗi gia đình Kitô hữu xuất phát từ hôn nhân, một hôn nhân như là hình ảnh và nói lên sự tham dự giao ước yêu thương giữa Chúa Kitô và Giáo Hội ⁹, nên sẽ biểu hiện trước mặt mọi người sự hiện diện sống động của Đấng Cứu Thế trong thế giới và bản chất đích thực của Giáo Hội qua tình yêu, qua niềm quảng đại chấp nhận sinh sản con cái, qua sự hiệp nhất và trung tín của hai vợ chồng cũng như qua sự hợp tác thân ái của mọi thành phần trong gia đình.

49. Tình yêu vợ chồng. Lời Chúa đã nhiều lần mời gọi những người sắp kết hôn hãy nuôi dưỡng thời kỳ đính hôn bằng một tình yêu trong sạch và những người đã thành vợ chồng hãy nâng đỡ cuộc sống lứa đôi bằng một tình yêu không chia sẻ ¹⁰.
^{55*} Nhiều người hiện thời vốn coi trọng tình yêu đích thực giữa

⁹ Xem Eph 5,32.

¹⁰ Xem Stk 2, 22-24; Cn 5,18-20; 31,10-31; Tob 8,4-8; Dtc 1,1-3; 2,16; 4,16-5,1; 7,8-11; 1Cor 7,3-6; Eph 5,25-33.

^{55*} Sách Sáng Thế Ký thuật lại hai câu chuyện khác nhau về Chúa dựng nên loài người. Từ 1,1 đến 2,4 nhấn mạnh sự khác nhau của hai giống nam và nữ, cốt để hai bên phối hợp và sinh con. Từ 2,5 đến 2,25 Thánh Kinh nói rằng người nữ được dựng nên sau và bởi người nam, giống như người nam, để nhấn mạnh người nam và nữ là để bổ túc cho nhau nhờ sự phối hợp nên "một thân thể" (trong Thánh Kinh danh từ này không chỉ nói về thân xác, nhưng ám chỉ tới toàn thể con người). Nên việc hai giống hướng về nhau, cũng như tình yêu giữa người nam và người nữ và cả tính dục nữa đều do Thiên Chúa dựng nên và là tốt đẹp. Tính dục không phải là kết quả của tội tổ tông. Tội ấy chỉ gây nên sự rối loạn của một thứ tính dục không còn từng phục lý trí (Stk 3,7-16).

Qua các chuyện về tổ phụ, Thánh Kinh nhấn mạnh phương diện sinh sản: các ngài đã chấp nhận chế độ đa thê (v.d. Stk 16,1; 29,15-30) và việc lấy vợ lẽ (30,3-12). Không sinh đẻ được, là vì Chúa phạt (15,3).

Các sách Khôn Ngoan (đặc biệt là Diễm Tình Ca) ca tụng tình yêu vợ chồng, mà không đề cập đến việc sinh sản một cách rõ ràng. Tình yêu ấy là tình yêu xác thịt (xem v.d. Cn 5,15-20).

Phần các tiên tri khi các ngài so sánh giao ước giữa Thiên Chúa và dân Israel với tình yêu vợ chồng, các ngài đã mặc nhiên nêu ra lý tưởng tình yêu đối với hôn nhân.

vợ chồng, biểu hiện bằng nhiều cách theo những tập tục lành mạnh của mỗi thời đại, mỗi dân tộc. Tình yêu ấy có đặc tính nhân linh cao cả vì từ một nhân vị hướng đến một nhân vị khác bằng một tình cảm tự ý, do đó bao gồm hạnh phúc toàn diện của con người. Nên tình vợ chồng có thể lồng vào những biểu lộ của thể xác và tâm hồn một phẩm giá đặc biệt, và khiến chúng trở nên cao quý như những yếu tố và dấu hiệu đặc thù của tình yêu đôi bạn. Bởi một ơn huệ đặc biệt của ơn sủng và của tình thương, Chúa đã đoái thương chữa trị, cải thiện và nâng cao tình yêu ấy. Một tình yêu kết hợp yếu tố nhân loại với yếu tố thần linh như thế phải thấm nhuần cả đời sống và hướng dẫn đôi vợ chồng biết tự do trao hiến cho nhau, qua những tâm tình và cử chỉ triu mến¹¹. Hơn nữa, chính nhờ những hành vi quảng đại của mình mà tình yêu giữa hai người được trọn vẹn và lớn thêm. Tình yêu vợ chồng, do đó vượt xa xu hướng nhục dục thuần túy, và xu hướng này, nếu được tôn thờ một cách ích kỷ, sẽ mau chóng tan biến và kéo theo những hậu quả thảm hại^{56*}.

Sự âu yếm trên được biểu lộ và hoàn hảo cách đặc biệt qua những động tác riêng của hôn nhân. Bởi vậy, những hành vi thực hiện sự kết hợp thân mật và thanh khiết của đôi vợ chồng đều cao quý và chính đáng. Được thi hành cách thực sự nhân linh, những hành vi ấy biểu hiện và khích lệ sự trao hiến hỗ tương, nhờ đó hai người làm cho nhau thêm phong phú trong

¹¹ Xem Piô XI, *Tđ. Casti Connubii* : AAS 22 (1930), trg 547-548; Dz 2232 (3707).
^{56*} Đức Phaolô VI (*Humanae Vitae* số 8-9) diễn tả tình yêu vợ chồng như sau: 1) nguồn gốc của nó là Thiên Chúa, 2) nó tốt đẹp vì trong đó hai người tự hiến cho nhau để trở nên một và trau dồi cho nhau, 3) nó tượng trưng sự phối hợp giữa Chúa Kitô và Giáo Hội, 4) nó là tình yêu nhân bản: vừa cảm giác vừa thiêng liêng, phát sinh từ ý chí tự do, chứ không chỉ do tình cảm và bản năng mà thôi, 5) nó trọn vẹn, nghĩa là khiến hai bên chia sẻ mọi sự và tìm mưu ích cho bạn hơn là cho mình, 6) nó chung thủy và duy nhất đến giờ chết, 7) và đưa tới kết quả ngoài ích lợi cho đôi bên, nghĩa là nó hướng về việc sinh sản con cái.

hoan lạc và biết ơn ^{57*}. Được bảo đảm vì tín cẩn nhau và nhất là được chuẩn y bởi bí tích của Chúa Kitô, tình yêu ấy trung thành bất khả phân ly giữa cảnh đời thăng trầm, và do đó loại hẳn mọi hình thức ngoại tình và ly dị. Phải nhìn nhận phẩm giá cá nhân bình đẳng giữa vợ chồng trong tình tương ái trọn vẹn để nhờ đó, biểu hiện rõ ràng tính cách duy nhất của hôn nhân đã được Chúa xác nhận. Để kiên trì gánh vác những bổn phận của ơn gọi Kitô giáo này, cần phải có một nhân đức phi thường: vì thế, vợ chồng đã được ơn sung củng cố để sống thánh thiện sẽ ân cần nuôi dưỡng và cầu xin cho được một tình yêu vững bền, một tâm hồn đại lượng và một tinh thần hy sinh.

Tình yêu vợ chồng chân chính sẽ được quý trọng hơn và người ta sẽ nghĩ tưởng về hôn nhân cách lành mạnh hơn, nếu các vợ chồng Kitô hữu làm chứng rõ ràng về sự trung thành và hòa hợp trong tình yêu cũng như trong niềm âu lo giáo dục con cái, nếu họ góp công hoạt động trong việc chấn hưng văn hóa, tâm lý và xã hội, một sự chấn hưng cần thiết để đề cao hôn nhân và gia đình. Phải biết hợp thời và hợp cách giáo dục thanh thiếu niên về phẩm giá, phận sự và hành vi thể hiện tình vợ chồng, tốt nhất là trong chính khung cảnh gia đình. Nhờ vậy, một khi đã được rèn luyện để giữ đức khiết tịnh, đến tuổi thích hợp, chúng có thể từ thời đính hôn đứng đắn tiến tới hôn nhân.

^{57*} *Tất cả những cử chỉ âu yếm thân xác, đến chính việc phối hợp mật thiết, đều là phương pháp riêng biệt để biểu lộ, thể hiện và cổ võ tình yêu hôn nhân. Là những hành động của con người, của con Thiên Chúa, để sống ơn gọi của mình, hành động đó không có gì là bất xứng. Không phải hôn nhân cho phép để thực hành những điều dễ tiện. Hôn nhân thường thường đòi hỏi những hành động ấy, cốt như phương pháp để thể hiện ơn gọi của Chúa. Việc thú vật cũng có những tác động tương tự bên ngoài, không nên gây ra sự ngộ nhận. Dĩ nhiên đôi vợ chồng phải thực hiện những hành động đó một cách xứng hợp với con người, nghĩa là một cách hợp lý và hợp đức tin, chứ không phải chỉ vì bản năng tính dục, vì ích kỷ và bất chấp hoàn cảnh của bạn mình, của con cái, của gia đình và của xã hội.*

50. Sự sinh sản trong hôn nhân. Hôn nhân và tình yêu vợ chồng, tự bản tính qui hướng về sự sinh sản và giáo dục con cái ^{58*}. Con cái là ơn huệ cao quý nhất của hôn nhân và là sự đóng góp lớn lao kiến tạo hạnh phúc của cha mẹ. Thiên Chúa đã phán: "Đàn ông ở một mình không tốt" (Stk 2,18). Ngài là Đấng "...từ buổi đầu, đã dựng nên một người nam và một người nữ" (Mt 19,4); chính Ngài muốn thông ban cho con người cộng tác một phần đặc biệt vào công việc tạo dựng của Ngài, Ngài đã chúc lành cho người nam và người nữ rồi nói: "Các người hãy tăng gia, sinh sản" (Stk 1,28). Do đó, việc thể hiện đích thực tình yêu vợ chồng cũng như toàn thể tổ chức đời sống gia đình phát sinh từ việc thể hiện ấy, đều nhằm giúp đôi vợ chồng can đảm sẵn sàng cộng tác với tình yêu của Đấng Tạo Hóa và Cứu Thế, mặc dù không loại bỏ các mục đích khác của hôn nhân. Nhờ đời sống lứa đôi, Ngài làm cho gia đình Ngài ngày càng bành trướng và phong phú hơn ^{59*}.

^{58*} Hôn nhân là để hai vợ chồng yêu nhau, hiệp nhất với nhau, bổ túc cho nhau, hay là để sinh sản con cái? Trước khi có Công Đồng, giáo lý công giáo trả lời: mục đích thứ nhất là để sinh sản con cái. Còn việc vợ chồng giúp đỡ nhau và việc kết hiệp tính dục với nhau là mục đích thứ nhì và phụ thuộc. Trong ghi chú 1 (số 48a) Công Đồng nhắc lại vài tài liệu phân biệt các mục đích như thế. Dĩ nhiên giáo lý đã không coi thường tình yêu vợ chồng, bởi vì ba mục đích ấy đều phải được thực hành trong bầu không khí yêu nhau. Nhưng Công Đồng đã nhấn mạnh đến tình yêu trong khi không chỉ lưu ý đến khía cạnh pháp lý của hôn nhân, nhưng đã đề cao phương diện nhân vị. Nên, bây giờ ta phải nói rằng hôn nhân là để hai bên yêu nhau và tự hiến cho nhau, nhờ đó mà sinh sản con cái, vì chính tình yêu vợ chồng cũng như hôn nhân đều hướng về việc sinh sản. Giữa tình yêu vợ chồng và việc sinh sản con cái không có sự mâu thuẫn gì cả, trái lại nếu bỏ một trong hai, thì sẽ không thể hiểu điều kia được. Yêu nhau với tình yêu này (hôn nhân) mà lại cố gắng ngăn cản việc sinh sản con cái đây là điều mâu thuẫn. Trái lại, muốn có con mà không chịu yêu nhau thì không xứng hợp với phẩm giá con người. Tự hiến cho nhau, nhưng cùng một lúc cố ý loại trừ khả năng cao quý nhất của mình là khả năng làm cha làm mẹ, có phải tự hiến mình trọn vẹn không? có phải yêu thật không?

^{59*} Công Đồng không bằng lòng phân biệt các mục đích như cũ. Chỉ nhắc lại hai mục đích quan trọng nhất là tự hiến cho nhau và sinh sản con cái. Thực ra, hai mục đích này (và nhiều mục đích khác để phát triển nhân phẩm về mọi phương

Bổn phận truyền sinh và giáo dục phải được coi là sứ mệnh riêng biệt của vợ chồng. Trong khi thi hành bổn phận ấy, họ biết rằng mình cộng tác với tình yêu của Thiên Chúa Tạo Hóa và như trở thành những kẻ diễn đạt tình yêu của Ngài. Bởi vậy, họ sẽ chu toàn bổn phận mình với trách nhiệm của con người và của con người Kitô hữu ^{60*}. Tôn trọng, tuân phục Thiên

diện...) đều là chính yếu, nghĩa là hôn nhân đòi hỏi quyền lợi để hai bên có thể nhờ nhau mà đạt tới những mục đích ấy. Lập kế ước hôn nhân, nhưng loại trừ quyền lợi để sinh sản con cái thật là vô lý và kế ước không thành. Vậy thì, cố ý loại trừ quyền lợi để yêu nhau và để tự hiến cho nhau, cũng là vô lý, vì kế ước này cốt để trao đổi cho nhau.

^{60*} Ở đây Công Đồng dạy một giáo lý mới mẻ: lập gia đình để (nhờ tình yêu nhau) làm cha và làm mẹ; nói như thế thì chưa đủ. Phải nói thêm: để làm bậc cha mẹ có trách nhiệm! Như thế có nghĩ a gì? Công Đồng dạy: 1) sinh sản con cái là sứ mệnh của vợ chồng, 2) phải thực hành như là cộng tác viên của Chúa và là "thông ngôn viên" cho tình yêu của Chúa (nghĩa là: tình yêu Chúa luôn luôn muốn dựng nên con người mới, nhưng hai vợ chồng phải tìm hiểu ý Chúa trong hoàn cảnh thực tế của họ), 3) thực hành với lòng kính trọng Thiên Chúa, 4) và tin cậy Ngài, 5) cũng như với tinh thần hy sinh, 6) để vinh danh Chúa, 7) và thánh hóa bản thân.

Theo các nguyên tắc ấy, vợ chồng nên sinh hạ bao nhiêu con cái? Trước đây những tín hữu đạo đức có lẽ đã trả lời: "Chúa muốn bao nhiêu thì chúng con sẽ sinh ra bấy nhiêu". Nhưng câu đó không hợp với giáo lý như Công Đồng dạy. Không khác gì với lập trường của người chỉ ham mê khoái lạc và do đó sẽ áp dụng các phương pháp để ngăn cản sự sinh sản, câu ấy có thể tỏ ra ý muốn đề cao nguyên tắc "phải thỏa mãn tính dục" trước đã! Như vậy chưa phải là có trách nhiệm. Bởi đó Công Đồng ngợi khen những vợ chồng sẵn sàng có đông con, nhưng rồi dạy rằng họ phải quyết định số con cái có thể có theo những nguyên tắc sau đây: 1) ích lợi về mọi phương diện của hai vợ chồng (ví dụ: người mẹ có đủ sức không?) 2) ích lợi của con cái (ví dụ gia đình có đủ phương tiện để giáo dục chúng nó không?) 3) tùy theo thời gian, hoàn cảnh vật chất và tinh thần, 4) tùy theo ích lợi của đại gia đình, của xã hội và của Giáo Hội.

Chính vợ chồng phải quyết định số con, chứ không phải chỉ người chồng hay ông bà. Họ sẽ quyết định theo lương tâm của họ: một lương tâm cố gắng hiểu biết luật Chúa như Giáo Hội trình bày.

Đức Phaolô VI (Humanae Vitae số 10) nhấn mạnh rằng chính tình yêu hôn nhân đòi hỏi trách nhiệm này. Ngài cũng cắt nghĩa trách nhiệm: 1) theo phương diện sinh lý là tôn trọng lẽ luật của các tiến triển sinh lý (nó cũng thuộc về nhân vị), 2) theo phương pháp chế ngự các xu hướng bản năng và dục vọng, đó là biết tự chủ theo lý trí, 3) theo phương diện hoàn cảnh vật lý, kinh tế, tâm lý, xã hội, đó

Chúa, đồng tâm hiệp lực với nhau, họ sẽ tạo được cho mình một phán đoán ngay thẳng: biết xét đến lợi ích riêng của họ cũng như của con cái đã sinh hay tiền liệu sẽ có, nhận định về các hoàn cảnh vật chất hay tinh thần của thời đại và bậc sống, sau hết biết nghĩ đến lợi ích của gia đình, của xã hội trần gian và của chính Giáo Hội. Sự phán đoán ấy, sau cùng chính đôi vợ chồng phải chọn lựa lấy trước mặt Thiên Chúa. Trong cách thể hành động, vợ chồng Kitô hữu hãy ý thức là mình không thể làm theo sở thích, nhưng phải luôn luôn tuân theo tiếng nói của một lương tâm phải được khuôn đúc theo luật Chúa, hãy vâng phục Giáo huấn của Giáo Hội, vì Giáo Hội có thẩm quyền giải thích luật Chúa dưới ánh sáng Phúc Âm.

Luật Chúa tỏ rõ ý nghĩa đầy đủ của tình vợ chồng, bảo vệ và khích lệ mối tình ấy đến mức hoàn thiện trên bình diện đích thực nhân loại. Bởi thế mà các vợ chồng Kitô hữu tôn vinh Đấng Tạo Hóa và tiến tới sự hoàn thiện trong Chúa Kitô, trong khi tin tưởng vào Chúa Quan Phòng và trau dồi tinh thần hy sinh¹², để chu toàn bổn phận sinh sản cách quảng đại trong tinh thần trách nhiệm của con người và của con người Kitô hữu. Trong số những đôi vợ chồng theo phương thức ấy để chu toàn bổn phận Thiên Chúa trao phó, phải đặc biệt kể đến những người, sau khi suy xét khôn ngoan và đồng chấp thuận, đã can đảm nhận lãnh trách nhiệm dưỡng dục con cái cách xứng đáng, dẫu số con cái ấy khá đông¹³.

là quyết định tùy theo hoàn cảnh cho phép thêm con, hay không, 4) theo phương diện luân lý, có trách nhiệm là quyết định và thực hiện quyết định đó một cách thích hợp với nhiệm vụ đối với Chúa, đối với chính mình, đối với gia đình và xã hội. Lương tâm của hai vợ chồng không tự ý tạo ra con đường tốt đẹp cho mình, nhưng nó phải khám phá ra con đường ấy nơi bản tính hôn nhân và nơi bản tính các hoạt động hôn nhân, theo như Giáo Hội cắt nghĩa.

Về phương pháp cụ thể khi vợ chồng cần hạn chế sinh sản, xin coi số 51.

¹² Xem 1 Cor 7,5.

¹³ Xem Piô XII, Huấn từ Tra le Visite, 20-1-1958: AAS 50 (1958), trg 91.

Tuy nhiên, hôn nhân không phải chỉ được thiết lập để mưu sự truyền sinh mà thôi, nhưng chính đặc tính giao ước bất khả phân ly giữa hai người và lợi ích con cái đòi hỏi tình yêu hỗ tương của hai vợ chồng phải được phát biểu, thăng tiến và nảy nở cách chính đáng. Cho nên, ngay trong trường hợp không có con như hằng tha thiết mong mỏi, hôn nhân vẫn tồn tại như một cuộc sống chung và vẫn giữ được giá trị cùng đặc tính bất khả phân ly của mình.

51. Hòa hợp tình yêu vợ chồng với việc tôn trọng sự sống con người. Công Đồng biết rằng: muốn tổ chức đời sống vợ chồng cho thuận hòa, đôi bạn thường vấp phải một số tình trạng sinh sống khó khăn hiện đại và có thể lâm vào những hoàn cảnh khiến họ không thể gia tăng số con cái, ít là trong một thời gian; đó là lúc phải khó khăn lắm mới duy trì được tình yêu trung thành và sự chung sống trọn vẹn. Một khi đời sống thân mật vợ chồng bị gián đoạn, sự chung thủy thường bị đe dọa và lợi ích con cái có thể bị sút giảm; vì trong trường hợp này, việc giáo dục cũng như lòng can đảm sinh thêm con cái đều bị thương tổn ^{61*}.

^{61*} Vấn đề hạn chế sinh sản là vấn đề về các phương pháp. Vợ chồng muốn sống hợp với lý tưởng hôn nhân đã được trình bày ở trên, lắm lúc sẽ phải hạn chế số con. Nhưng không gán gũ nhau, hay chỉ theo chu kỳ của người vợ, có thể làm hại cho tình yêu nhau, do đó cũng làm hại cho đời sống hôn nhân và cho con cái nữa. Công Đồng không giấu kín sự kiện này. Vậy khi cần hạn chế số con, có thể áp dụng phương pháp nào? Công Đồng chỉ trả lời một cách đại cương mà thôi: phải loại trừ phương pháp xấu xa, như giết người (số 51b), phá thai và giết trẻ em (số 51c). Rồi Công Đồng dạy nguyên tắc phải áp dụng trong việc chọn lựa phương pháp. Phương pháp bao giờ cũng phải 1) tôn trọng giá trị của sứ mệnh lưu truyền sự sống và tôn trọng phẩm giá con người, 2) nó không thể trái ngược lẽ luật của Chúa về việc lưu truyền mạng sống, 3) vợ chồng phải có ý ngay lành, nhưng chưa đủ, 4) chính phương pháp phải xứng hợp với các qui tắc khách quan về luân lý, 5) đó là những qui tắc dựa trên bản tính con người và tác động của con người, 6) nên phương pháp phải không được xâm phạm ý nghĩa tình yêu hôn nhân là tự hiến cho nhau, và tính cách nhân bản của việc sinh sản con cái, 7) bởi đó, đức trinh

Có những người dám đưa ra những giải pháp bất lương để giải quyết vấn đề trên đây, họ không ngần ngại xử dụng cả những hành động sát nhân. Nhưng Giáo Hội nhắc lại rằng không thể có mâu thuẫn thực sự giữa những lề luật của Thiên Chúa liên quan đến việc truyền sinh và những luật liên quan đến việc phát triển tình yêu vợ chồng đích thực.

Thực vậy, Thiên Chúa là Chúa sự sống, đã trao cho con người nhiệm vụ cao cả là bảo tồn sự sống, và họ phải chu toàn bốn phận ấy cách xứng hợp với con người. Do đó, sự sống ngay từ lúc thụ thai phải được giữ gìn hết sức cẩn thận; phá thai và sát nhi là những tội ác ghê tởm. Dục tính cũng như khả năng sinh sản của con người trời vượt một cách kỳ diệu hơn những gì thấy được ở những cấp sinh vật thấp hơn. Bởi vậy, chính những hành vi đặc thù của đời sống vợ chồng, được thực hiện đúng theo phẩm giá đích thực của con người, đều phải được kính cẩn tôn trọng. Vì thế, khi cân hòa hợp tình vợ chồng với việc truyền sinh trong một tinh thần trách nhiệm, phải ý thức rằng giá trị luân lý của hành động không chỉ lệ thuộc vào ý muốn thành thực và việc cân nhắc các lý do, nhưng phải được thẩm định theo những tiêu chuẩn khách quan suy diễn từ bản tính của nhân vị và của hành động nơi nhân vị; những tiêu chuẩn ấy sẽ tôn trọng ý nghĩa trọn vẹn của sự trao hiến và sinh sản con cái trong khung cảnh tình yêu đích thực. Đó là điều không thể thực hiện được nếu không thực tâm vun trồng đức khiết tịnh trong bậc vợ chồng. Trong việc điều hòa sinh sản, con cái của Giáo Hội trung thành với những nguyên tắc vừa

khuyết hôn nhân là cần thiết, 8) cũng như lòng trung thành với Giáo Huấn của Giáo Hội.

viện dẫn, không được dùng những phương pháp mà Giáo Huấn đã bác bỏ khi giải thích luật Thiên Chúa ^{14 62*}.

¹⁴ Xem Piô XI, *Tđ. Casti Connubii: AAS 22 (1930)*, trg 559-561 : Dz 2239-2241 (3716-3718). - Piô XII, *Huấn từ cho Đại hội Hiệp hội các Nữ Hộ Sinh Ý, 29-10-1951: AAS 43 (1951)*, trg 835-854. - Phaolô VI, *Huấn từ cho các Nghị Phụ Hồng Y, 23-6-1964: AAS 56 (1964)*, trg 581-589. Theo lệnh của ĐGH, một số vấn đề cần tìm hiểu sâu xa hơn đã được trao cho một ủy ban đặc trách nghiên cứu về dân số, gia đình, tỉ số sinh sản, để sau khi cộng tác hoàn thành, ĐGH có thể thẩm định. Và với giáo huấn hiện thời của Giáo Hội, Thánh Công Đồng không có ý cấp thời để ra những giải pháp cụ thể.

^{62*} Ghi chú 14 trình bày lý do tại sao Công Đồng không phát biểu ý kiến về phương pháp cụ thể do khoa học đã khám phá ra, như thuốc viên, vòng xoắn, v.v... Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã nhờ ủy ban do Đức Gioan XXIII thiết lập nhằm học hỏi về các vấn đề gia đình, để nghiên cứu vấn đề hạn chế sinh sản. Ủy ban gồm có các nhà thần học, xã hội học, bác sĩ, các đôi vợ chồng (trên 70 hội viên) đã làm việc từ năm 1963 đến cuối năm 1967. Theo như chính Đức Giáo Hoàng xác nhận (*Humanae Vitae* số 6) đa số các hội viên bênh vực lập trường chấp nhận bất cứ phương pháp nào để hạn chế sinh sản. Không nhắc đến lòng ích kỷ, ham khoái lạc, sợ trách nhiệm nặng nề trong việc sinh sản và giáo dục con cái, kể cả lập trường chống đối Giáo Hội cũng như lập trường kinh tế và chính trị của một số quốc gia, Án Độ chẳng hạn..., chính Đức Giáo Hoàng đã chỉ nhắc lại lý do của đa số trong ủy ban: 1) Có lý do ngoại tại, nghĩa là những lý do không trực tiếp quan hệ tới vấn đề, như việc dân số gia tăng quá mau; những hoàn cảnh làm việc, nhà ở, kinh tế; quan niệm mới mẻ về nhân phẩm phụ nữ và vai trò của phụ nữ trong xã hội; việc sinh sản con cái đòi hỏi hy sinh đôi khi tới mức độ anh hùng (*Humanae Vitae* số 2-3). 2) Cũng có lý do nội tại như quan niệm về giá trị tình yêu hôn nhân và cử chỉ xác thịt; quyền năng của con người trên thiên nhiên và bản thân; nguyên tắc toàn diện, nghĩa là hôn nhân hướng về con cái nhưng không phải từng hoạt động vợ chồng phải trực tiếp hướng về nó; nguyên tắc phải chọn sự xấu nhẹ hơn, nghĩa là thà áp dụng phương pháp nhân tạo để hạn chế sinh sản còn hơn là mất tình yêu vợ chồng và hạnh phúc gia đình (*Humanae Vitae* số 2-3; 14, 16-17).

Ngày 25-7-1968 Đức Phaolô VI "nhận sứ mệnh Chúa Kitô đã trao phó" (*Humanae Vitae* số 6) công bố câu trả lời về vấn đề các phương pháp cụ thể: "Cấm bất cứ hành động nào nhằm ngăn chặn sự sinh sản, dù như một mục đích hay chỉ như phương tiện, dù có hành động như vậy trước việc vợ chồng, hay là khi việc vợ chồng đang tiến tới hậu quả tự nhiên của nó" (*Humanae Vitae* số 14). Nghĩa là không được phép dùng thuốc viên ngăn cản thụ thai (nó có thể giết tinh trùng, giết trứng, ngăn cản trứng chín rụng, ngăn cản tinh trùng vào trong trứng), cấm dùng thuốc viên phá thai, đặt vòng xoắn vào tử cung, dùng bao cao su của đàn ông hay đồ giữ bộ phận của đàn bà, giải phẫu để cắt hay buộc các ống dẫn

Ngoài ra, mọi người đều phải ý thức rằng: đời sống nhân loại và bản phận lưu truyền sự sống ấy không chỉ giới hạn ở đời này cũng như không thể hiểu và đo lường được ở đời này, nhưng luôn qui chiếu về định mệnh vĩnh cửu của con người.

52. Bản phận của mọi người trong việc thăng tiến hôn nhân và gia đình. Gia đình là một trường học phát triển nhân tính. Nhưng để gia đình có thể sống trọn vẹn và chu toàn sứ mệnh mình, cần phải biết hòa hợp tâm hồn: vợ chồng phải cùng nhau bàn định cũng như cha mẹ phải ân cần cộng tác trong việc giáo dục con cái. Sự hiện diện tích cực của người cha giúp ích rất nhiều cho việc đào tạo con cái, nhưng cũng phải làm sao giữ được cho người mẹ vai trò chăm sóc gia đình, vì con cái, nhất là khi thơ bé, rất cần đến sự chăm sóc ấy; tuy nhiên, vẫn không được coi thường sự thăng tiến hợp lý của người phụ nữ trên bình diện xã hội. Phải giáo dục con cái thế nào để khi đến tuổi trưởng thành chúng có thể chọn bậc sống và theo ơn gọi, ngay cả ơn gọi tu trì, với ý thức trách nhiệm đầy đủ; và nếu kết hôn, chúng có thể lập gia đình riêng trong những điều kiện luân lý, xã hội và kinh tế thuận lợi. Bản phận của cha mẹ hay người giám hộ là hướng dẫn những người trẻ khi lập gia đình, dùng lời khuyên nhủ khôn ngoan sao cho họ sẵn sàng nghe theo; tuy

ting dịch hay trịnh, hoạt động như Onan (Stk 38,9: cố ý xuất tinh ở ngoài), cảm phá thai... Vì mỗi khi vợ chồng giao hợp với nhau, việc hôn nhân phải được mở ngõ để "có thể lưu truyền mạng sống" (Humanae Vitae số 11).

Đức Giáo Hoàng "nhận sứ mệnh Chúa Kitô đã trao phó" mà dạy con cái Giáo Hội phải bỏ ý kiến riêng (Humanae Vitae số 28) và hơn nữa phải vâng lời mặc dù có thể là rất khó (Humanae Vitae số 19-20) bởi vì phải vâng theo luật của Giáo Hội và luật của Chúa (Humanae Vitae số 18).

Đức Giáo Hoàng đã áp dụng nguyên tắc Công Đồng Vaticanô II lập ra và đã công nhận rằng nếu cố ý ngăn cản việc thụ thai khi vợ chồng ăn ở với nhau, hành động đó không còn giữ ý nghĩa sâu xa của tình yêu và của hôn nhân, cũng như của tác động hôn nhân như Thiên Chúa đã muốn (Humanae Vitae số 9-13).

nhiên, phải cẩn thận, không dùng áp lực trực tiếp hay gián tiếp ép buộc họ kết hôn hay chọn bạn đường ^{63*}.

Như thế, gia đình trở thành nền tảng của xã hội vì là nơi mà nhiều thế hệ gặp gỡ và giúp nhau nên khôn ngoan đầy đủ hơn cũng như giúp nhau hòa hợp những quyền lợi cá nhân với những đòi hỏi khác của cuộc sống xã hội. Bởi đó, tất cả những ai có ảnh hưởng trên các cộng đoàn và tập thể xã hội phải góp công hữu hiệu thăng tiến hôn nhân và gia đình. Chính quyền phải nhìn nhận, bênh vực và phát huy tính chất đích thực của hôn nhân và gia đình, phải bảo vệ nền luân lý chung và giúp cho gia đình được sung túc, vì đó là những bổn phận mà chính quyền phải coi như một sứ mệnh thiêng liêng phải chu toàn. Lại phải bảo đảm cho cha mẹ quyền sinh sản và giáo dục con cái trong khung cảnh gia đình. Phải soạn thảo được những bộ luật biết tiên liệu và đề ra được nhiều sáng kiến để bảo vệ và nâng đỡ cả những người vì rủi ro mà không có gia đình.

Người Kitô hữu biết lợi dụng thời đại ¹⁵ và phân biệt những gì trường tồn với những hình thức hay thay đổi, phải nhiệt thành đề cao những giá trị hôn nhân và gia đình bằng chứng tá của chính đời sống mình cũng như bằng hành động hợp tác với những người thiện chí. Như vậy, sau khi vượt qua các trở ngại, họ sẽ thỏa mãn được những nhu cầu của gia đình và cung cấp cho gia đình những tiện nghi hợp với thời đại mới. Muốn đạt được mục đích ấy, rất cần đến ý thức Kitô giáo của các tín hữu, lương tâm luân lý ngay thẳng của mọi người cũng như sự khôn

^{63*} Các gia đình và đại gia đình (kể cả các linh mục lo cho đôi tân hôn) nên lưu ý tới câu này của Công Đồng. Vì ép duyên không những là tội bất công đối với thanh niên thiếu nữ có quyền lợi bất khả xâm phạm để lập gia đình và chọn người bạn, mà còn gây nên nhiều khó khăn và nhiều dịp tội lỗi, không kể trường hợp hôn nhân bất thành vì mặc dầu hai bên đã ưng thuận, nhưng chỉ vì sợ hãi quá đáng (Giáo luật, khoản 1087). Lạm dụng lòng hiếu thảo của con mình để ép duyên là điều không thích hợp với giáo lý công giáo.

¹⁵ Xem Eph 5,16; Col 4,5.

ngoan và khả năng chuyên môn của những ai am tường các môn học đạo.

Các vị thông thạo khoa học, nhất là các khoa sinh vật học, y học, xã hội và tâm lý học, có thể giúp ích rất nhiều cho hôn nhân, gia đình cũng như sự an bình lương tâm, nếu họ hiệp lực nghiên cứu và cố gắng làm sáng tỏ hơn nữa về những điều kiện khác nhau giúp con người điều hòa sinh sản cách lương thiên.

Sau khi được học hỏi đầy đủ về các vấn đề thuộc phạm vi gia đình, các linh mục có bồn phận nâng đỡ ơn gọi của vợ chồng trong đời sống hôn nhân và gia đình bằng những phương tiện mục vụ khác nhau, như rao giảng lời Chúa, lễ nghi phụng vụ hay những trợ lực thiêng liêng khác. Các ngài cũng phải nhân hậu và nhẫn nại nâng đỡ họ trong lúc gặp khó khăn, và khích lệ họ trong tình bác ái để họ tạo nên những gia đình thực gương mẫu rạng ngời ^{64*}.

Các tổ chức hoạt động tông đồ, nhất là những hiệp hội gia đình, phải cố gắng bằng lý thuyết và hành động nâng đỡ các thanh thiếu niên và chính các đôi vợ chồng, nhất là những đôi mới kết hôn, đồng thời huấn luyện cho họ về đời sống gia đình, xã hội và việc tông đồ.

^{64*} Công Đồng lập lại hai nhiệm vụ chính của các linh mục lo cho đôi tân hôn là: 1) giáo dục đôi bên về ơn kêu gọi, về lý tưởng, về đời sống gia đình, về những khó khăn, v.v..., 2) nâng đỡ các cặp vợ chồng gặp khó khăn với lòng nhân từ và kiên nhẫn. Do đó việc khảo kinh hai bên sắp lập gia đình và sau đó chỉ lo việc rửa tội cho con cái và dạy giáo lý, ban bí tích cho kẻ liệt... thì chưa đủ.

Các ngài nên đặc biệt lưu ý tới tinh thần mới trong việc mục vụ (khi ngồi tòa chẳng hạn). "Trong việc này (tức việc dạy toàn bộ giáo lý, bắt chấp những khó khăn sẽ gặp phải như khi đề cập tới vấn đề nghiêm cấm sự áp dụng các phương pháp hạn chế sinh sản chẳng hạn), cần phải giữ đức nhẫn nại và nhân từ như chính Chúa đã làm gương trong cách đối xử với mọi người. Chúa... đã giữ thái độ quyết liệt đối với tội lỗi, nhưng đồng thời đã tỏ lòng thương xót đối với con người. Khi gặp khó khăn, chớ gì các đôi vợ chồng luôn luôn tìm thấy nơi lời nói và nơi tâm hồn của các linh mục, tiếng vang lời nói và tình yêu của Chúa Cứu Thế" (*Humanae Vitae* số 29). Chúa không đuổi kẻ sa ngã vì yếu đuối...

Sau hết chính các đôi vợ chồng, được tạo thành giống hình ảnh Thiên Chúa và được an định trong cấp bậc của các nhân vị, hãy kết hợp trong tình tương thân tương ái, đồng tâm hiệp ý và thánh hóa lẫn nhau ¹⁶, để trong khi theo Chúa Kitô là nguyên lý sự sống ¹⁷, giữa những nỗi vui mừng và hy sinh của ơn gọi và qua tình yêu chung thủy, họ trở nên chứng nhân của mầu nhiệm tình thương mà Chúa đã tỏ ra cho thế giới qua sự chết và sự sống lại của Người ¹⁸.

¹⁶ Xem *Sacramentarium Gregorianum* : PL 78, 262.

¹⁷ Xem Rm 5,15 và 18; 6, 5-11; Gal 2,20.

¹⁸ Xem Eph 5,25-27.

Phần Thứ Hai

Chương II

Cổ Võ Việc Phát triển Văn Hóa^{65*}

^{65*} Văn hóa giúp con người phát triển (số 53a), vậy văn hóa là thế nào? (b). Có thể có nhiều hình thức theo lịch sử và xã hội cũng như theo xã hội học và nhân chủng học (c).

1) Thực trạng của văn hóa hiện tại: Văn hóa được đổi mới và quốc tế hóa do ảnh hưởng khoa học gây nên (số 54). Đồng thời con người ý thức về quyền tự trị và về trách nhiệm trong lãnh vực văn hóa (số 55).

Đàng khác con người cũng nhận thấy nhiều xung đột (số 56a); giữa văn hóa do ảnh hưởng khoa học gây nên (số 54). Đồng thời con người ý thức về quyền tự trị và về trách nhiệm trong lãnh vực văn hóa (số 55).

Đàng khác con người cũng nhận thấy nhiều xung đột (số 56a); giữa văn hóa mới và nếp sống cũ của các cộng đoàn (b), giữa sự phát triển và thông truyền (c), giữa sự học biết càng ngày càng nhiều và quan niệm tổng quát cần thiết (d), giữa văn hóa ngày một phức tạp và việc quản chúng phải tham dự vào văn hóa (e), giữa quyền tự trị và đòi hỏi tôn giáo (f), dù vậy văn hóa phải giúp con người lớn lên về mọi phương diện (g).

2) Nguyên tắc để phát triển văn hóa:

A) Đức tin và văn hóa: Đức tin giúp ta phát triển văn hóa (số 57a); vì khiến ta tự hoàn thiện hóa và phục vụ đồng loại (b), vì cổ võ sự chân, thiện, mỹ và giúp ta hiểu vũ trụ hơn (c). Văn hóa giúp ta thờ phượng Chúa và đón nhận đức tin (d). Đàng khác tinh thần khoa học quá đáng có thể nguy hiểm (e). Nhưng ta không vì thế mà phủ nhận các giá trị của khoa học (f).

B) Phúc Âm và văn hóa: Chúa đã dùng văn hóa của dân Do thái để tỏ mình ra (số 58a). Giáo Hội đã dùng các nền văn hóa khác nhau để loan truyền Phúc Âm (b), và khi tiếp xúc với tất cả các nền văn hóa ấy thì đã mưu ích cho nó cũng như cho mình (c). Những lợi ích Phúc Âm mang lại (d).

C) Điều kiện giúp văn hóa phát triển để mưu ích cho con người biết chiêm ngưỡng và phán đoán (số 59a) là văn hóa phải hưởng thụ tự do (b). Giáo hội xác nhận quyền tự do văn hóa (c). Tự do nghiên cứu, tự do tư tưởng và phát biểu ý kiến, tự do thông tri (d). Vai trò của chính quyền (e).

3) Nhiệm vụ của Kitô hữu: Mọi người phải được hưởng thụ văn hóa (số 60a), phải có thể vào các Trường Cao Đẳng (b). Và mỗi người cũng có nhiệm vụ về văn hóa; để lập nên điều kiện thuận tiện cho mọi người, để giúp phụ nữ đóng một vai trò trong xã hội (c).

53. Nhập đề. Đặc điểm của một nhân vị là chỉ đạt tới nhân tính đích thực và trọn vẹn nhờ văn hóa, nghĩa là nhờ việc trau dồi những ưu phẩm và giá trị của bản tính. Vì vậy, mỗi khi đề cập đến cuộc sống nhân loại, bản tính và văn hóa liên kết với nhau hết sức chặt chẽ.

Theo nghĩa tổng quát, chữ "văn hóa" chỉ tất cả những gì con người dùng để trao dồi và phát triển các năng khiếu đa diện của tâm hồn và thể xác; cố gắng chế ngự cả trái đất bằng trí thức và lao động; làm cho đời sống xã hội, đời sống gia đình cũng như đời sống chính trị trở thành nhân đạo hơn, nhờ sự tiến bộ trong các tập tục và định chế; sau hết, diễn tả, thông truyền và bảo tồn trong các công trình của mình, những kinh nghiệm tinh thần và hoài bão lớn lao của các thời đại, để giúp cho nhiều người và toàn thể nhân loại tiến bộ hơn.

Vì vậy, văn hóa nhân loại thiết yếu mang tính cách lịch sử và xã hội, và chữ "văn hóa" thường mặc thêm một ý nghĩa xã hội học cũng như dân chủng học. Chính vì ý nghĩa này mà người ta nói đến sự đa tạp của các nền văn hóa. Thực vậy, có nhiều cách xử dụng sự vật, nhiều cách làm việc và diễn tả tư tưởng, nhiều cách phụng tự và tạo nên thuần phong mỹ tục, nhiều cách thiết lập luật lệ và định chế pháp lý, nhiều cách phát triển khoa học, nghệ thuật và trau dồi thẩm mỹ, nên mới phát sinh nhiều cách chung sống và nhiều hình thức hòa hợp các giá trị của cuộc sống. Như thế, từ các định chế lưu truyền, hình thành một di sản riêng cho mỗi cộng đoàn nhân loại. Cũng do

4) *Giáo dục là cần thiết: Phải đề cao nhân vị (số 61a) và sứ mệnh gia đình (b). Việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội cũng như việc sử dụng các giờ rảnh đều quan trọng (c). Cần phải tìm hiểu ý nghĩa chính xác của văn hóa (d).*

5) *Vai trò của Giáo Hội: Có thể rất khó khăn khi phát triển văn hóa và đồng thời gìn giữ tinh thần Kitô giáo (số 62a). Phần đóng góp của các nhà thần học (b), văn chương và mỹ thuật (c). Lập trường của Giáo Hội đối với nhà văn và nghệ sĩ (d). Phải tìm hiểu thời đại và điều hòa văn hóa với giáo lý (e), đó là việc riêng của các nhà thần học (f).*

cách thức ấy mà hình thành một môi trường lịch sử nhất định của con người, bất cứ dân tộc nào hay thời đại nào, để từ môi trường đó con người rút ra những giá trị hầu thăng tiến nền văn minh nhân loại.

Đoạn 1: Tình Trạng Văn Hóa Trong Thế Giới Ngày Nay

66*

54. Những lối sống mới. Tình trạng sinh sống của con người hiện đại về phương diện xã hội và văn hóa đã biến đổi sâu đậm, khiến con người có thể nói đến một kỷ nguyên mới của lịch sử nhân loại¹. Từ đó, mở ra những con đường mới để hoàn bị và bành trướng văn hóa rộng rãi hơn. Những con đường này đã được khai phá nhờ sự lớn mạnh của các ngành khoa học thiên nhiên, nhân văn và xã hội, nhờ sự phát triển kỹ thuật cũng như sự tiến bộ trong công cuộc khám phá và khéo léo tổ chức những phương tiện giúp con người liên lạc với nhau. Bởi đó, nền văn hóa hiện đại mang những đặc điểm này: các khoa học mệnh danh là khoa học chính xác phát triển tối đa óc phê bình; những nghiên cứu mới nhất về tâm lý học cắt nghĩa hoạt động của con người sâu xa hơn; các bộ môn sử học góp phần lớn lao giúp con người nhận định sự vật dưới khía cạnh biến đổi và tiến hóa; tập tục và cách sống ngày càng đồng nhất; hiện tượng kỹ nghệ và đô thị hóa cộng với những nguyên nhân khác đang phát huy đời sống tập thể tạo nên những hình thức văn hóa mới (văn hóa đại chúng), từ đó, phát sinh những cách cảm nghĩ, hành động và giải trí mới. Đồng thời, sự phát triển trao đổi giữa các dân

^{66*} Trong phần này Công Đồng nói về một thứ văn hóa "Áu Mỹ", của các quốc gia tiên tiến. Nhưng các quốc gia đang mở mang cũng hưởng về thứ văn hóa giống như thế nhờ sự kỹ nghệ hóa; đồng thời cũng nhờ người trí thức trong các quốc gia đang mở mang hoặc đã theo học trong các học đường Áu Mỹ, hoặc đã theo học những chương trình Tây Phương tại các Viện Đại Học của nước mình. Bởi thế, ước gì kinh nghiệm của những quốc gia Áu Mỹ có thể giúp đỡ các quốc gia đang mở mang để tránh được những khuyết điểm mà văn hóa Tây Phương đã không tránh khỏi.

¹ Xem Phần Nhập Đề của Hiến Chế này, số 4-10.

tộc và các tập thể khác nhau cũng mở rộng hơn cho mọi người và mỗi người các kho tàng của những hình thức văn hóa khác nhau. Và cứ thế, sẽ dần dần xuất hiện một hình thức văn hóa nhân loại đại đồng hơn, nhờ đó, nếu càng tôn trọng những điểm của các nền văn hóa khác nhau, càng diễn đạt và tiến gần đến sự hiệp nhất nhân loại hơn.

55. Con người, tác giả của văn hóa. Càng ngày càng có nhiều người, nam cũng như nữ, thuộc bất cứ tập thể hay quốc gia nào, ý thức được chính họ và những người xây dựng và sáng tạo văn hóa của cộng đoàn mình. Trên toàn thế giới, ngày càng gia tăng ý thức tự trị cũng như trách nhiệm. Đó là điều rất cần để nhân loại trưởng thành trên bình diện tinh thần và luân lý. Đó là điều sẽ xuất hiện rõ ràng hơn, nếu chúng ta quan tâm đến sự thống nhất thế giới và đến bốn phận chúng ta là phải kiến tạo một thế giới tốt đẹp hơn trong chân lý và công bằng. Do đó, chúng ta là chứng nhân của sự hình thành một nền nhân bản mới trong đó con người được định nghĩa trước hết tùy theo trách nhiệm của mình đối với anh em và đối với lịch sử.

56. Trở ngại và bổn phận. Trong những hoàn cảnh ấy, không còn gì đáng ngạc nhiên nếu con người vì cảm thức được trách nhiệm của mình trong việc phát triển văn hóa, nên nuôi những hoài bão cao xa, đồng thời cũng lo âu nhìn đến muôn ngàn mâu thuẫn trước mắt mình phải giải quyết:

Phải làm gì để sự trao đổi văn hóa phồn thịnh kia tạo được sự đối thoại đích thực và kiến hiệu giữa các tập thể và các quốc gia khác nhau mà không xáo trộn cuộc sống của các cộng đoàn, không phá hoại sự khôn ngoan của tiên nhân cũng như không làm tổn thương những đặc tính riêng của các dân tộc? ^{67*}

^{67*} *Giới trí thức và lãnh đạo ở các quốc gia đang mở mang có nhiệm vụ rất lớn lao và khó nhọc về vấn đề này.*

Phải làm thế nào để phát huy sự truyền bá và sức linh động của nền văn hóa mới, mà không hủy diệt lòng trung thành gắn bó với di sản truyền thống? ^{68*} Đó là vấn đề đặc biệt khẩn cấp khi phải dung hòa văn hóa phát sinh từ sự tiến bộ lớn lao của khoa học và kỹ thuật với văn hóa được nuôi dưỡng bằng nền học vấn cổ điển theo những truyền thống khác nhau.

Làm sao có thể dung hòa sự phân tán rất nhanh chóng và ngày càng gia tăng của các bộ môn chuyên biệt với nhu cầu tổng hợp các bộ môn ấy và nhu cầu duy trì nơi con người khả năng chiêm ngưỡng và thần phục là những khả năng giúp con người đạt tới sự khôn ngoan?

Phải làm gì để mọi người trên thế giới cùng được hưởng ích lợi của văn hóa trong khi kiến thức của các nhà thông thái luôn cao siêu và phức tạp hơn?

Sau hết, phải làm sao để vừa công nhận sự tự trị mà văn hóa đòi hỏi là chính đáng, vừa không rơi vào một nền nhân bản trần tục thuần túy hoặc đối nghịch với tôn giáo nữa?

Ngày nay, phải phát triển văn hóa nhân loại giữa bấy nhiêu mâu thuẫn, sao cho nhân vị được nẩy nở trọn vẹn, điều hòa đồng thời giúp con người trong những bồn phận mà mọi người đều được kêu gọi để chu toàn, nhất là những Kitô hữu liên kết huynh đệ trong gia đình nhân loại duy nhất. ^{69*}

Đoạn 2: Một Vài Nguyên Tắc Hướng Dẫn Việc Phát Triển Văn Hóa

^{68*} Vấn đề này không chỉ có trong các quốc gia đang mở mang mà thôi. Các phong trào chống đối bên Âu Mỹ cũng đe dọa những giá trị truyền thống.

^{69*} Một cách tóm tắt và thực tế, trong việc phát triển văn hóa chúng ta phải làm sao để điều hòa mọi giá trị: để duy trì sự quân bình giữa các điều cũ và điều mới, giữa lý trí và tình cảm, giữa trí óc khoa học và trí óc chiêm ngưỡng thiên nhiên, thưởng thức văn chương và mỹ thuật. Phải làm sao để giúp đỡ mỗi cá nhân và các dân tộc phát triển song song: nếu không, nhiều hình thức nô lệ mới có thể xuất hiện: chẳng hạn sự nô lệ kinh tế và văn hóa của cả một quốc gia.

57. Đức tin và văn hóa. Người Kitô hữu đang hành trình về quê trời phải tìm kiếm và yêu thích những sự trên trời ². Đó là điều chẳng những không bớt mà còn làm tăng bổn phận của họ là góp sức với mọi người kiến tạo một thế giới nhân đạo hơn. Thực ra, mầu nhiệm của đức tin Kitô giáo đã đem đến cho họ nhiều khích lệ và trợ lực quý giá để họ chu toàn bổn phận ấy cách hăng say hơn và nhất là để họ khám phá được ý nghĩa trọn vẹn của công việc họ làm. Nhờ đó, văn hóa nhân loại có được một địa vị cao cả trong ơn gọi toàn diện của con người.

Thực vậy, khi cày cấy với hai bàn tay hoặc với phương tiện kỹ thuật để trái đất nảy sinh hoa quả và trở thành nơi cư ngụ xứng đáng của toàn thể gia đình nhân loại, và khi tham dự cách ý thức vào tập thể xã hội, con người đã tuân theo ý định của Thiên Chúa được tỏ bày ngay từ thuở đầu là loài người phải chế ngự trái đất ³ và hoàn tất công cuộc tạo dựng, đồng thời con người phát triển được chính bản thân; và cùng khi ấy con người tuân giữ giới răn quan trọng của Chúa Kitô là hiến thân phục vụ anh em.

Hơn nữa, khi chuyên tâm học hỏi các bộ môn triết học, sử học, toán học, vạn vật học và trau dồi nghệ thuật, con người có thể góp phần lớn lao vào công cuộc thăng tiến gia đình nhân loại để đạt tới những giá trị cao cả của chân, thiện, mỹ, và một phán đoán có giá trị phổ quát. Nhờ đó, con người được soi chiếu rạng rỡ hơn, do Đấng Khôn Ngoan kỳ diệu đã có bên Chúa từ thuở đời đời, cùng Chúa an bài mọi sự, nô đùa trên trái đất và vui sướng ở với con cái loài người ⁴.

Cũng nhờ đó mà tâm trí nhân loại bớt nô lệ sự vật và có thể dễ dàng bay bổng để thờ phượng và chiêm ngưỡng Đấng Tạo Hóa. Hơn nữa, con người còn được ân sủng thúc đẩy để nhận

² Xem Col 3,1-2.

³ Xem Stk 1, 28.

⁴ Xem Cn 8, 30-31.

ra Ngôi Lời Thiên Chúa, Đấng trước khi nên xác thể để cứu chuộc và kết thân muôn loài nơi Người, đã ở trong thể gian như "anh sáng thật... vốn hằng soi sáng mọi loài dương gian" (Gio 1,9) ⁵.

Vì do phương pháp của chúng, khoa học và kỹ thuật không thể xâm nhập cơ cấu sâu xa của sự vật, nên sự tiến bộ ngày nay của chúng dĩ nhiên có thể đưa đến một thứ chủ thuyết duy hiện tượng và bất khả tri, khi phương pháp khảo sát của những bộ môn này được đánh giá quá cao và được coi như luật tối hậu để khám phá toàn thể chân lý. Cũng nguy hiểm hơn nữa khi con người tin tưởng thái quá vào những phát minh hiện đại đến độ tự mãn và không còn kiếm tìm những giá trị cao hơn ^{70*}.

Tuy nhiên, những hậu quả tai hại ấy không nhất thiết phát sinh từ nên văn hóa hiện đại, và chúng ta không được ỷ vào đó mà phủ nhận những giá trị tích cực của nền văn hóa này. Trong số những giá trị ấy phải kể đến: lòng yêu chuộng khoa học, thái độ nghiêm chỉnh trung thành với chân lý trong các công trình nghiên cứu khoa học, nhu cầu làm việc tập thể trong các toán chuyên viên, tình liên đới quốc tế, ý thức ngày càng mãnh liệt nơi các nhà thông thái về trách nhiệm phải giúp đỡ và hơn nữa phải bảo vệ con người, ý muốn đem lại cho mọi người tình trạng sinh sống thuận lợi hơn, nhất là cho những người chịu thiệt thòi vì không được trao trách nhiệm và vì thiếu văn hóa.

⁵ Xem T. Ireneô, *Adv Haer.* III, 11, 8: x.b. Sagnard, trg 200; Xem n.v.t., 16, 6: trg 290-292; 21, 10-22: trg 370-372; 22, 3: trg 378; v.v...

^{70*} Hiện tượng luận chủ trương rằng ta phải đánh giá các hiện tượng mà không cần tìm đến những thực thể siêu việt. Ví dụ: trong con khủng hoảng đối với quyền bính trong Giáo Hội hay trong xã hội, chúng ta không cần dựa trên bất cứ nguyên tắc lý thuyết nào, mà phải chấp nhận những thực tại mới, thích hợp với các hiện tượng xảy ra. "Bất khả tri luận" chủ trương rằng trí con người thiếu khả năng để hiểu biết các thực tại siêu hình. Nhiều khi đó chỉ là một lập trường trong thực tế. Khoa học có thể đưa tới chủ trương ấy, không phải vì bản tính đòi hỏi như vậy, nhưng chỉ vì người ta muốn xét tới tất cả mọi vấn đề dựa trên những phương pháp thí nghiệm và thực tế của khoa học.

Tất cả những giá trị này có thể góp phần chuẩn bị cho con người lãnh nhận sứ điệp Phúc Âm. Và công cuộc chuẩn bị này có thể được thẩm nhuận nhờ tình yêu thần linh của Đấng đã đến để cứu chuộc thế gian.

58. Liên hệ đa diện giữa Phúc Âm của Chúa Kitô và văn hóa nhân loại. Giữa sứ điệp cứu độ và văn hóa nhân loại có nhiều mối liên hệ. Thực vậy, khi tự mạc khải cùng dân Ngài cho tới khi tỏ mình đầy đủ trong Chúa Con nhập thể, Thiên Chúa đã nói theo văn hóa riêng của từng thời đại.

Cũng vậy, trải qua các thế kỷ sống trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, Giáo Hội đã xử dụng những tài nguyên của các nền văn hóa khác biệt để phổ biến và giải thích cho muôn dân sứ điệp của Chúa Kitô trong khi rao giảng, để tìm tòi và thấu hiểu sâu xa hơn, để diễn tả sứ điệp ấy cách tốt đẹp hơn trong các lễ nghi phụng vụ và trong cuộc sống muôn mặt của cộng đoàn các tín hữu.

Nhưng đồng thời, Giáo Hội không bị ràng buộc cách độc quyền và bất khả phân ly với một chủng tộc hay quốc gia, với một lối sống đặc thù hoặc một tập tục cũ hay mới nào, vì Giáo Hội được sai đến với mọi dân tộc thuộc mọi nơi và mọi thời. Trung thành với truyền thống riêng và đồng thời ý thức sứ mệnh phổ quát của mình, Giáo Hội có thể hòa mình với nhiều hình thức văn hóa khác nhau. Nhờ đó, chính Giáo Hội cũng như các nền văn hóa ấy đều được phong phú hơn ^{71*}.

^{71*} Đoạn trên đã được hàng trăm các Đức Giám Mục Á Phi và Nam Mỹ xác nhận. Có lẽ nhiều giáo dân thuộc giới trí thức (ở Việt Nam cũng như ở nhiều nơi khác) có cảm tưởng rằng mấy đoạn đó hợp với lý tưởng của Giáo Hội hơn là hợp với lịch sử. Quả quyết rằng Giáo Hội đã dùng những kho tàng của các nền văn hóa khác nhau để giảng dạy và diễn tả Phúc Âm trong Phụng Vụ mà không hề cấu kết với một dân tộc hay phong tục dân tộc nào... phải chăng hơi có tính cách tự đắc huênh hoang quá đáng? (Ví dụ, hơn ba thế kỷ, ở Việt Nam vẫn cử hành Phụng Vụ bằng tiếng Latinh và theo đúng như các nghi thức Roma). Dù ta cảm thấy Giáo Hội đã thực hiện một thứ thực dân tôn giáo và do đó trái với nguyên tắc tốt đẹp

Phúc Âm của Chúa Kitô không ngừng đổi mới cuộc sống và văn hóa của con người đã sa ngã, chống đối và khử trừ các sai lầm và tai họa phát sinh từ sức quyến rũ thường xuyên của tội lỗi luôn đe dọa. Phúc Âm không ngừng tinh luyện và nâng cao phong hóa các dân tộc. Những đức tính của mọi thời như được Phúc Âm làm cho phong phú từ bên trong, được củng cố, bổ túc và tái tạo trong Chúa Kitô ⁶ nhờ những ân huệ bởi trời. Như thế, trong khi chu toàn bổn phận riêng ⁷, Giáo Hội cũng đồng thời thúc đẩy và góp phần vào công cuộc phát triển văn hóa nhân loại, và nhờ hoạt động của mình, ngay cả trong các nghi lễ phụng vụ, Giáo Hội giáo dục cho con người đạt tới tự do nội tâm.

59. Hợp tác các giá trị trong những hình thức văn hóa nhân loại. Vì những lý do đã trình bày, Giáo Hội nhắc nhở mọi người: văn hóa phải nhằm đạt sự hoàn hảo toàn diện của nhân vị, lợi ích của cộng đoàn và của toàn thể xã hội nhân loại. Do đó, phải tôi luyện tâm hồn làm sao để phát triển khả năng tuân phục, thấu triệt, chiêm ngưỡng, phán đoán riêng tư, lại phải có thể phát huy ý thức tôn giáo, luân lý cũng như xã hội.

Thực vậy, vì trực tiếp phát sinh từ xã hội tính và lý trí của con người nên văn hóa luôn cần được tự do đúng mức để phát triển, cũng như cần có quyền hợp pháp để hành động độc lập theo các nguyên tắc riêng. Do đó, văn hóa có quyền được tôn trọng và được hưởng một quyền bất khả xâm phạm nào đó, dĩ

này (ở đây không cần nói đến vấn đề Giáo Hội có giúp đỡ cho thực dân chính trị hay không, vì có thể phức tạp hơn), nhưng nguyên tắc của Công Đồng đã rõ ràng. Ta phải làm sao để con cháu ta không thể tố cáo được rằng chúng ta đã không làm gì để thực hiện nguyên tắc đó trong thực tế.

⁶ Xem Eph 1, 10.

⁷ Xem lời Đức Piô XI nói với ĐGM Roland-Gosselin: "Đừng bao giờ quên rằng mục tiêu Giáo Hội nhằm là truyền bá Phúc Âm chứ không phải truyền bá văn minh. Nếu Giáo Hội truyền bá văn minh, thì qua việc truyền bá Phúc Âm" (*Semaines sociales de France, Versailles, 1963, trg 461-462*).

nhiên vẫn phải duy trì quyền lợi cá nhân và cộng đoàn hoặc riêng biệt hoặc phổ quát, trong giới hạn của công ích.

Thánh Công Đồng lập lại những điều Công Đồng Vaticanô thứ nhất đã dạy, và tuyên bố rằng: "Có hai lãnh vực trí thức" khác nhau, lãnh vực đức tin và lãnh vực lý trí; Giáo Hội không cấm "các kỹ thuật và các bộ môn văn hóa nhân loại dùng những nguyên lý và phương pháp riêng trong phạm vi của mình"; do đó, Giáo Hội "nhìn nhận sự tự do chính đáng này", và xác nhận sự tự trị hợp pháp của văn hóa, nhất là các khoa học ⁸.

Tất cả những điều vừa trình bày cũng đòi hỏi cho con người có thể tự do đi tìm chân lý, phát biểu, phổ biến ý kiến mình và được tự do hành nghề tùy sở thích, miễn là tôn trọng công ích và trật tự luân lý; sau hết, những điều ấy cũng đòi cho con người phải được thông tin chính xác về những biến cố xảy ra thuộc đời sống công cộng ⁹.

Bổn phận của công quyền không phải là quy định một hình thức văn hóa nhân loại đặc thù nào, nhưng là tạo những điều kiện và phương tiện thuận lợi để phát triển đời sống văn hóa trong toàn thể dân chúng, cả trong những thành phần thiểu số của quốc gia ¹⁰. Do đó, phải hết sức tránh sao để văn hóa khỏi bị sai lạc mục đích cá biệt của mình và khỏi bị cưỡng ép làm công cụ cho các thế lực chính trị hay kinh tế.

Đoạn 3: Một Vài Bổn Phận Cấp Bách Của Kitô Hữu Đối Với Văn Hóa

60. Phải nhìn nhận và thực thi quyền thụ hưởng văn hóa của mọi người. Vì ngày nay, con người có đủ khả năng giải thoát một phần lớn nhân loại khỏi nạn ngu dốt, nên bổn phận

⁸ *CD Vat. I, Hiến chế tín lý về đức tin công giáo Dei Filius, ch. IV: Dz 1695, 1799 (3015-3019).* - Xem Piô XI, *Tđ. Quadragesimo anno: AAS 23 (1931), trg 190.*

⁹ *Xem Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 260.*

¹⁰ *Xem Gioan XXIII, Tđ. Pacem in terris: AAS 55 (1963), trg 283.* - Piô XII, *sứ điệp truyền thanh 24-12-1941: AAS 34 (1942), trg 16-17.*

thích đáng nhất của thời đại này, nhất là đối với các Kitô hữu, trong lãnh vực kinh tế cũng như chính trị, trong phạm vi quốc gia cũng như quốc tế, là đem hết nỗ lực để khẳng định những nguyên tắc căn bản bắt buộc mọi người phải thừa nhận và thực thi quyền hưởng thụ văn hóa của mọi người trên thế giới, vì đó là quyền phù hợp với phẩm giá con người, không phân biệt chủng tộc, nam nữ, quốc gia, tôn giáo và giai cấp xã hội. Do đó, phải làm sao cho mỗi người có được một số vốn liếng văn hóa đầy đủ, nhất là văn hóa căn bản, để một số lớn nhân loại không còn mù chữ hay thiếu sáng kiến trách nhiệm mà không thể cộng tác vào lợi ích chung đúng với danh nghĩa con người.

Bởi thế, phải gắng sức làm cho những người có khả năng được theo học các bậc cao đẳng; và nếu có thể được, liệu cho họ đạt được những chức vụ và giữ những vai trò mà họ có thể phục vụ trong xã hội tùy theo sở trường và năng khiếu họ đã thâm nhập được ¹¹. Như thế, mọi người và mọi tầng lớp xã hội thuộc mọi dân tộc đều có thể phát triển trọn vẹn đời sống văn hóa phù hợp với tài năng và truyền thống của mình.

Hơn nữa, cũng cần cổ động cho mọi người ý thức về quyền thụ hưởng văn hóa cùng bổn phận trau luyện bản thân và hỗ trợ người khác. Dĩ nhiên, đôi khi vốn còn có những hoàn cảnh sinh sống và làm việc cản trở các cố gắng phát huy văn hóa và làm cùn nhụt nghị lực của con người; nhưng đặc biệt, đối với nông dân và thợ thuyền, cần phải đem lại cho họ những điều kiện thực hành công việc của họ, để khuyến khích họ hơn là ngăn cản họ trao đổi văn hóa. Nữ giới đã tham gia vào hầu hết mọi ngành sinh hoạt, nên cũng phải liệu cho họ đảm trách toàn vẹn những chức vụ phù hợp với khả năng riêng của họ. Bổn phận

¹¹ Xem Gioan XXIII, *Tđ. Pacem in terris*: AAS 55 (1963), trg 260.

của tất cả mọi người là thừa nhận và cổ võ sự tham gia đặc biệt và cần thiết của nữ giới trong sinh hoạt văn hóa ^{72*}.

61. Giáo dục văn hóa toàn diện cho con người. Ngày nay, tổng hợp được các kiến thức thuộc mọi môn, mọi ngành là một việc khó hơn bao giờ hết. Thực tế, càng ngày các yếu tố cấu tạo văn hóa càng gia tăng và khác biệt, trong khi đó, nơi mỗi người, khả năng thu nhận và tổng hợp các yếu tố ấy lại suy giảm, đến nỗi hình ảnh "con người bách khoa" mờ dần. Tuy nhiên, mỗi người đều còn có bốn phận bảo tồn nhân vị toàn diện của mình, với những giá trị trỗi vượt của trí tuệ, ý chí, lương tri và tình huynh đệ. Tất cả những giá trị này đều do Thiên Chúa tạo dựng, được sửa trị và nâng cao một cách kỳ diệu trong Chúa Kitô ^{73*}.

^{72*} Với chế độ dân chủ, nữ giới bắt đầu đòi bình quyền với nam giới. Phong trào thoát ly hoàn toàn của nữ giới: về phương diện sinh vật học (không làm nô lệ cho hôn nhân và việc sinh nở), về kinh tế (có toàn quyền bất chấp ý kiến của người chồng), về xã hội (hình thức đàn bà nội trợ phải biến đi). Phong trào này một khi có tính cách tuyệt đối đến nỗi bỏ quên sự khác biệt giữa hai giới nam và nữ không những về sinh vật lý mà còn về tâm lý, lúc ấy nó trái ngược với chính phẩm giá của phụ nữ và làm hại cho gia đình, xã hội. Công đồng đã nhấn mạnh sự bình đẳng về nhân quyền căn bản (số 29b) và ở đây không những chấp nhận sự thoát ly xã hội (về việc làm thích hợp với tài năng của họ) mà còn dạy mọi người phải cộng tác để phụ nữ góp phần riêng và cần thiết trong lãnh vực văn hóa. Lãnh vực văn hóa cũng bao gồm hoạt động chính trị! Đức Giáo Hoàng Piô XII đã nhắc lại rằng ơn thiên triệu chính của đàn bà cốt tại việc làm mẹ (cũng có thể mang ý nghĩa thiêng liêng). Công việc ở ngoài gia đình có thể ngăn cản họ trong việc nuôi nấng, giáo dục con cái và sống đậm ấm với chồng. Đàng khác hoạt động xã hội của phụ nữ nhiều khi cần thiết vì ích chung (ví dụ để bảo vệ hay cổ võ ích lợi của gia đình) và phẩm giá của giới phụ nữ cũng đòi hỏi họ góp phần vào ích lợi chung. Đặc biệt những phụ nữ không chồng không con, có thể dấn thân để thực hành nhiều công việc xã hội và chính trị nữa (15-8-1945: AAS 37, 288 và 21-10-1945: AAS 37).

^{73*} Ngày nay sự sai biệt giữa người học thức và kẻ dốt nát ở trong một dân tộc nào đó thật đáng sợ, nhưng sự sai biệt nơi một cá nhân giữa sự học biết thật cao trong một lãnh vực và sự dốt nát hoàn toàn về phương diện khác của văn hóa, điều đó lại càng đáng sợ hơn nữa! Nếu trong lãnh vực lý học, toán học, y học, v.v... thực có uy thế, nhưng đồng thời lại chẳng hiểu gì về văn chương... hay về

Trước tiên, gia đình như một người mẹ và người vú của nền giáo dục này, bởi vì trong gia đình, con cái được tình yêu ấp ủ sẽ khám phá ra các bậc thang giá trị một cách dễ dàng hơn, đồng thời càng lớn, những người trẻ càng như tự nhiên thấm nhuần những khuôn mẫu văn hóa khác biệt sẵn có.

Xã hội ngày nay cũng có những phương tiện thích hợp cho công cuộc giáo dục này. Nhất là nhờ việc phổ biến sách báo càng ngày càng lan rộng và những phương tiện truyền thông văn hóa xã hội mà văn hóa được phổ biến dễ dàng. Thực tế, nhờ giảm bớt phần nào thời giờ làm việc, nhiều người sẽ có dịp để trau dồi văn hóa. Do đó, phải biết dùng thời giờ nhàn rỗi để bổ dưỡng tâm trí và thể xác, như giải trí lành mạnh, học hỏi; du lịch những miền xa lạ sẽ giúp cho trí óc mở mang, và nhờ hiểu biết lẫn nhau con người được thêm phong phú; thể dục và các hoạt động thể thao giúp chúng ta giữ được quân bình trong tâm hồn của mỗi cá nhân cũng như của xã hội, và giúp chúng ta thiết lập được các mối bang giao huynh đệ giữa mọi người không phân biệt giai cấp, quốc gia hay chủng tộc. Vì thế, các Kitô hữu phải cộng tác vào việc đem tinh thần nhân bản và Kitô giáo thấm nhuần các sinh hoạt văn hóa tập thể, là những sinh hoạt đặc biệt của thời đại chúng ta.

Tuy nhiên, những phương tiện trên sẽ không đem lại một nền giáo dục văn hóa toàn diện cho con người nếu đồng thời con người không tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của văn hóa và khoa học đối với con người.

62. Phối hợp văn hóa nhân loại với Kitô giáo. Mặc dù Giáo Hội đã đóng góp nhiều vào sự phát triển văn hóa, tuy nhiên kinh nghiệm cho thấy, vì những lý do nhất thời mà sự phối hợp

tôn giáo, thì như vậy con người đã không phát triển các điều hòa. Phải phát triển các khả năng: trí tuệ, ý chí, kỷ ức, sức tưởng tượng tình cảm, lương tri... một cách quân bình.

giữa văn hóa và Kitô giáo không phải lúc nào cũng diễn tiến mà không gặp trở ngại.

Những trở ngại này không nhất thiết làm tổn thương đời sống đức tin, trái lại, còn có thể thúc đẩy lý trí tìm hiểu đức tin một cách chính xác và sâu rộng hơn. Thực tế, những cuộc nghiên cứu và những phát sinh gần đây của khoa học cũng như của sử học và triết học khơi lên những vấn đề mới liên hệ đến chính cuộc sống. Chúng đòi hỏi các nhà thần học vẫn phải tìm tòi những nghiên cứu mới nữa. Do đó, khi trung thành với những phương pháp và đòi hỏi riêng biệt của khoa thần học, các nhà thần học được mời gọi luôn tìm kiếm một phương thức thích ứng hơn để truyền thông giáo lý cho người đương thời: vì một đảng là kho tàng đức tin các chân lý, một đảng là phương thức diễn đạt kho tàng đó miễn sao giữ vững đúng ý nghĩa và nội dung¹². Trong phạm vi mục vụ, phải thấu triệt và áp dụng không những các nguyên tắc thần học, nhưng cả những phát minh của các khoa học "đời", nhất là khoa tâm lý và xã hội học. Như thế, các tín hữu cũng sẽ nuôi dưỡng được một đời sống đức tin tinh ròng và trưởng thành hơn.

Văn chương và nghệ thuật cũng theo thể cách riêng mà giữ một vai trò quan trọng trong đời sống Giáo Hội. Thực tế, văn chương và nghệ thuật tìm cách diễn tả đặc tính riêng của con người cũng như các vấn đề và kinh nghiệm của con người trong nỗ lực nhận biết và hoàn thiện chính mình cũng như cả thế giới; văn chương và nghệ thuật cũng cố gắng khám phá vị trí của con người trong lịch sử và vũ trụ, phơi bày những đau khổ và vui mừng, những nhu cầu và nghị lực của con người, lại cố gắng phác họa một vận hội khả quan hơn cho con người. Như thế, văn chương và nghệ thuật có thể nâng cao đời sống nhân

¹² Xem Gioan XXIII, Diễn văn khai mạc Công Đồng, 11-10-1962: AAS 54 (1962), trg 792.

loại, được diễn tả dưới nhiều hình thức, tùy từng thời và từng miền khác nhau.

Vậy nên, cần phải làm sao để các văn nghệ sĩ cảm thấy rằng Giáo Hội đang lưu tâm đến hoạt động của họ và một khi được hưởng tự do đúng mức, họ có thể trao đổi với cộng đoàn Kitô hữu dễ dàng hơn. Giáo Hội cũng phải công nhận những hình thức nghệ thuật mới, thích hợp với thời đại chúng ta, tùy theo bản chất của từng dân tộc, từng địa phương. Cũng nên đem vào nơi phụng tự những hình thức mới này, một khi với lối diễn tả thích nghi và phù hợp với phụng vụ, chúng giúp con người nâng tâm hồn lên cùng Thiên Chúa¹³.

Như thế, danh Chúa được biểu dương, việc rao giảng Phúc Âm trở thành dễ hiểu hơn, và như hàm chứa sẵn trong cảnh sống của con người.

Bởi vậy, các tín hữu phải sống liên kết hết sức chặt chẽ với những người đương thời và để tâm tìm hiểu tường tận lối suy tư và cảm nghĩ đã được diễn tả qua những tinh hoa văn hóa riêng của họ. Các tín hữu phải phối hợp những kiến thức khoa học và học thuyết mới cũng như những phát minh mới mẻ với nền luân lý và giáo lý Kitô giáo. Nhờ đó, đời sống đạo và tâm hồn chính trực của họ lớn lên song hành với kiến thức khoa học và kỹ thuật mỗi ngày một tiến bộ. Như vậy, họ có thể nhận định và giải thích mọi sự với lối cảm nghĩ hoàn toàn Kitô giáo.

Những vị chuyên khoa thần học trong các Chủng Viện và Đại Học nên cố gắng đem năng lực và quan điểm cộng tác với những người am tường các khoa học khác. Đồng thời, công cuộc nghiên cứu thần học nhằm đào sâu chân lý mạc khải không được khinh thường mối liên hệ của thần học đối với thời đại của mình. Có vậy, các nhà thần học mới có thể giúp những

¹³ Xem *CĐ Vat II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh Sacrosanctum Concilium*, số 123: AAS 56 (1964), trg 134. - Phaolô VI, *Discorso agli artisti romani*, 7-5-1964: 56 (1964), trg 439-442.

nhà chuyên môn trong các bộ môn khác hiểu biết đức tin đầy đủ hơn. Những công cuộc hợp tác này sẽ giúp ích nhiều cho việc đào tạo các thừa tác viên có chức vụ thánh. Họ có thể dẫn giải giáo lý về Thiên Chúa, về con người và thế giới một cách thích hợp với thời đại chúng ta hơn; nhờ đó, lời họ giảng cũng được đón nhận dễ dàng hơn¹⁴. Mong cho có nhiều giáo dân được huấn luyện thích đáng về các khoa học thánh, và ước sao một số chuyên tâm học hỏi và đào sâu những môn học này. Tuy nhiên, để họ có thể làm tròn bổn phận của mình, cần phải thừa nhận cho tín hữu hoặc giáo sĩ hoặc giáo dân một sự tự do đầy đủ để nghiên cứu, suy tư, cũng như để khiêm tốn và can đảm trình bày quan điểm trong lãnh vực chuyên môn của họ¹⁵.^{74*}

Phần Thứ Hai

Chương III

Đời Sống Kinh Tế Xã Hội^{75*}

¹⁴ Xem *CĐ Vat. II, Sắc lệnh về Đào Tạo Linh Mục Optatum totius và Tuyên Ngôn về Giáo Dục Kitô Giáo Gravissimum educationis*.

¹⁵ Xem *CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội Lumen gentium, ch. IV, số 37: A AS 57 (1965), trg 42-43*.

^{74*} Trong số này Công Đồng diễn tả lại thái độ của Giáo Hội (thái độ Giáo Hội muốn có, hơn là thái độ đã có qua lịch sử) đối với tất cả các biểu hiện của văn hóa (Công Đồng nhắc lại thần học, văn chương và mỹ thuật như là ví dụ). Đó là thái độ thiện cảm biết khám phá những giá trị tích cực hơn là chỉ để ý đến những khó khăn và mối nguy hại; thái độ muốn dự phần và thấu hiểu để nhận thấy những khía cạnh văn hóa thích hợp với giáo lý thế nào; thái độ đối thoại trong bầu không khí tự do, loại bỏ lòng nghi ngờ đối với những ai chuyên môn về nghiên cứu (đặc biệt trong lãnh vực thần học).

^{75*} Con người là trung tâm điểm và mục đích của sinh hoạt kinh tế xã hội (số 63a). Hiện nay các sinh hoạt này cũng đang phát triển (b), nhưng không thiếu lý do để

63. Một vài khía cạnh của đời sống kinh tế. Ngay trong đời sống kinh tế xã hội, phẩm giá cũng như ơn gọi toàn diện của con người và lợi ích của toàn thể xã hội cũng phải được tôn trọng và thăng tiến. Vì con người là tác giả, là tâm điểm và là cứu cánh của tất cả đời sống kinh tế xã hội.

Sau đây là một vài đặc điểm của nền kinh tế hiện đại cũng như của các lãnh vực khác trong đời sống xã hội: con người càng ngày càng chế ngự thiên nhiên nhiều hơn, sự liên lạc và nương tựa lẫn nhau giữa các công dân, đoàn thể, quốc gia càng

lo lắng (c), đặc biệt vì nhiều sự bất bình đẳng giữa các nghề nghiệp, các địa phương và các quốc gia (d), đòi hỏi phải được canh tân (e).

1) Sự phát triển kinh tế.

A) Phải phục dịch con người (số 64).

B) Và được con người điều khiển (số 65): càng nhiều người và càng nhiều quốc gia góp phần để tìm kế hoạch kinh tế thì càng tốt (a). Không thể chấp nhận thái độ chống việc cải cách cũng như chế độ tập trung, vì là xâm phạm đến nhân quyền (b). Tất cả có nhiệm vụ góp phần vào sự phát triển (c).

C) Cần phải loại trừ sự bất bình đẳng, bất công: đặc biệt đối với giới nông dân (a), giới lao động di trú (b), phải giúp mọi người tìm việc làm và huấn luyện họ (c).

2) Một vài nguyên tắc chỉ đạo:

A) Giá trị của việc làm (số 67a, b). Do đó mỗi người có nhiệm vụ và có quyền làm việc với lương bổng xứng đáng (b). Qui tắc kinh tế phải từng phục con người để phát triển nhân phẩm trong việc làm cũng như trong giờ nghỉ ngơi bắt buộc phải có (c).

B) Sự tham gia vào tổ chức kinh tế trong xí nghiệp cũng như trong quốc gia (số 68a). Quyền lập nghiệp đoàn (b). Làm thế nào để giải quyết sự xung đột về công việc: Công Đông không loại trừ việc đình công như phương tiện tối hậu (c).

C) Trong bất cứ chế độ nào về quyền sở hữu, nguyên khởi của tài sản cũng đòi hỏi tài sản phải được phân chia một cách công bằng (69a). Trong các quốc gia kém mở mang hay tân tiến nguyên tắc ấy có thể được thực hiện ra sao (b),

D) Chính sách tiền tệ (số 70).

E) Cổ võ quyền tư hữu: giá trị của quyền tư hữu (số 71abc). Quyền lợi của chính quyền (d). Vai trò xã hội của quyền tư hữu (e). Đất tư quá rộng và sự cải cách điền địa. (f).

3) Kết luận: Sinh hoạt kinh tế xã hội có thể làm thực hiện đức công bằng và đức thương yêu. Các tín hữu phải làm gương: có thẩm quyền và đem tinh thần Phúc Âm vào sinh hoạt đó (số 72).

ngày càng nhiều và rộng lớn hơn, và mỗi ngày sự can thiệp của các chính quyền càng trở thành thường xuyên; đồng thời, với đà tiến bộ của các phương pháp sản xuất và trao đổi sản phẩm cũng như dịch vụ, kinh tế đã trở thành một công cụ thích hợp để thỏa mãn cách khả quan những nhu cầu chồng chất của gia đình nhân loại.

Tuy nhiên, không thiếu những lý do gây nên lo ngại. Nhiều người, nhất là trong những miền có nền kinh tế tiến bộ, như bị đời sống kinh tế chi phối hoàn toàn, đến nỗi trong các quốc gia theo kinh tế tập sản cũng như trong các quốc gia khác, hầu như cả đời sống cá nhân cũng như xã hội của họ đều bị thấm nhiễm một thứ chủ nghĩa duy kinh tế. Trong thời đại mà sự phát triển đời sống kinh tế nếu được điều khiển và phối hiệp cách hợp lý và nhân đạo, có thể giảm thiểu những chênh lệch trong xã hội, thì nhiều khi lại làm cho những chênh lệch ấy trở thành trầm trọng hơn, hoặc ở một vài nơi còn trở thành sự thoái hóa địa vị xã hội của những người yếu thế và miệt thị những kẻ nghèo túng. Ngay trong những vùng kém mở mang, giữa lúc đại đa số vẫn còn thiếu những nhu cầu thiết yếu, thì một thiểu số lại sống dư dật, phung phí. Xa hoa và cùng cực kề cận nhau. Trong khi một thiểu số được quyền định đoạt rất lớn, thì đa số lại hầu như không thể hành động theo sáng kiến riêng và không được thể hiện tinh thần trách nhiệm của mình, nhiều khi còn phải chịu đựng trong những hoàn cảnh sinh sống và làm việc bất xứng với phẩm giá con người ^{76*}.

^{76*} Trong tình trạng nhà ổ chuột, làm việc thiếu vệ sinh, thiếu nghỉ ngơi... không hiếm ở Việt Nam, đã nói lên mức ảnh hưởng của chiến tranh, nhưng chỉ đúng một phần thôi. Đã lâu rồi, Đức Piô XI viết rằng đó là trách nhiệm của "nhiều người chỉ có một tư tưởng là làm sao để gia tăng của cải cho mình" (*Quadragesimo Anno*, AAS 23 (1931), trg 177-228). Kẻ ấy lơ là trước cảnh huống khốn khổ của tha nhân như thái độ kẻ giàu có trong dụ ngôn của Chúa Giêsu đối với Lazarô là kẻ nghèo nàn (Lc 16, 19-22).

Giữa lãnh vực nông nghiệp, kỹ nghệ, mậu dịch và ngay giữa những miền khác nhau của cùng một quốc gia cũng có những chênh lệch tương tự về kinh tế và xã hội. Sự tương phản giữa các cường quốc kinh tế và các quốc gia khác càng ngày càng trở nên trầm trọng và có thể đe dọa cả nền hòa bình thế giới.

Con người thời đại chúng ta càng ngày càng ý thức mãnh liệt về những chênh lệch ấy, vì họ thâm tín rằng những kỹ thuật tân tiến và những năng lực kinh tế của thế giới ngày nay có thể và phải sửa đổi được những tệ trạng kia. Muốn vậy, cần phải cải tổ đời sống kinh tế, xã hội và mọi người phải đổi mới tâm thức và thái độ của mình. Nhằm mục đích ấy, nên qua bao thế hệ, với ánh sáng Phúc Âm, Giáo Hội đã nỗ lực minh dẫn những nguyên tắc về công bình và quân bình trong đời sống cá nhân, xã hội và quốc tế cho hợp với những đòi hỏi của lương tri nhân loại, nhất là trong những ngày gần đây Giáo Hội càng đưa ra những nguyên tắc ấy hơn. Trong khi đặc biệt nhìn vào những đòi hỏi của sự phát triển kinh tế, Thánh Công Đồng muốn củng cố lại những nguyên tắc đã nêu trên, đồng thời vạch ra một vài hướng đi phù hợp với hoàn cảnh của thời đại này ¹.

Đoạn 1: Phát Triển Kinh Tế

64. Phát triển kinh tế để phục vụ con người. Ngày nay hơn bao giờ hết, để đối phó với sự gia tăng dân số và thỏa mãn những nguyện vọng mỗi lúc một nhiều của nhân loại, người ta được quyền nghĩ đến việc tăng gia sản xuất nông nghiệp, kỹ nghệ, cũng như các dịch vụ cung ứng. Do đó, cần phải cố võ việc phát triển kỹ thuật, tinh thần cạnh tranh, cố gắng thiết lập và khuếch trương các xí nghiệp; thích nghi các phương pháp sản xuất và những cố gắng không ngừng của các nhà sản xuất, tóm lại, là cố võ tất cả những yếu tố dự phần vào việc phát triển

¹ Xem Piô XII, sứ điệp ngày 23-3-1952: AAS 44 (1952), trg 273. - Gioan XXIII, Huấn từ cho Lao Công Công Giáo Tiến Hành Ý, A.C.L.I., 1-5-1959: AAS 51 (1959) trg 358.

này. Tuy nhiên, mục đích căn bản của sự sản xuất không chỉ là gia tăng sản lượng, lợi tức hoặc quyền lực, nhưng chính là phục vụ con người, dĩ nhiên là con người toàn diện. Tuy nhiên, phải duy trì đúng cấp bậc giá trị của các nhu cầu vật chất cũng như những đòi hỏi của đời sống tinh thần, luân lý, tu đức và tôn giáo. Phải phục vụ tất cả mọi người, mọi đoàn thể, mọi chủng tộc và mọi miền trên thế giới. Bởi thế, hoạt động kinh tế, mặc dù theo phương pháp và luật lệ riêng, nhưng vẫn phải nằm trong giới hạn của trật tự luân lý²; Có như thế mới hoàn thành được kế hoạch Thiên Chúa đã sắp đặt cho con người³.

65. Phát triển kinh tế dưới sự kiểm soát của con người.

Con người phải kiểm soát lại sự phát triển kinh tế; không được khoán trắng nó cho sự định đoạt của một thiểu số hoặc của những tập thể nắm trong tay quyền lực kinh tế quá lớn, hoặc của một cộng đồng chính trị hay một số quốc gia giàu mạnh. Ngược lại, trong những dịch vụ quốc tế, mọi quốc gia đều phải tích cực dự phần vào việc phát triển kinh tế, và càng nhiều người thuộc mọi cấp bậc tham gia càng hay. Cũng vậy, phải phối hợp và điều hòa một cách thích đáng và hợp lý những sáng kiến của cá nhân và của các đoàn thể tự do với nỗ lực của chính quyền.

Không thể chỉ bỏ mặc việc phát triển cho sự diễn tiến gần như máy móc của hoạt động kinh tế cá nhân hay cho một mình chính quyền mà thôi. Do đó, phải tố giác những sai lầm của các học thuyết đang nhân danh một thứ tự do ngụy tạo để ngăn cản những cải tổ cần thiết; cũng phải tố giác những học thuyết đòi

² Xem Piô XI, *Tđ. Quadragesimo anno*: AAS 23 (1931), trg 190tt. - Piô XII, *Sứ điệp ngày 23-3-1952*: AAS 44 (1952), trg 276tt. - Gioan XXIII, *Tđ. Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 450. - *CĐ Vat. II, Sắc lệnh về các phương tiện Truyền Thông Xã Hội Inter mirifica*, ch. I, số 6: AAS 56 (1964), trg 147.

³ Xem Mt 16, 26; Lc 16, 1-31; Col 3, 17.

hy sinh quyền lợi cá nhân và đoàn thể cho tổ chức sản xuất tập thể⁴.

Người công dân nên nhớ rằng, bổn phận và quyền lợi của mình là tùy khả năng đóng góp vào việc phát triển thực sự cộng đoàn mình. Chính quyền cũng phải công nhận bổn phận và quyền lợi này. Nhất là những miền còn kém mở mang, càng phải cấp bách tận dụng mọi tài nguyên; do đó, những người để tài sản của mình không sinh lợi, hoặc không trợ giúp cộng đoàn mình những phương tiện vật chất và tinh thần cần thiết là gây nguy hại trầm trọng cho công ích^{77*}, dĩ nhiên bao giờ cũng phải tôn trọng quyền di cư của mỗi cá nhân.

66. Phải chấm dứt những chênh lệch lớn lao trên bình diện kinh tế xã hội. Để thỏa mãn những đòi hỏi của công bằng và lẽ phải mà vẫn tôn trọng quyền lợi cá nhân và đặc tính của mỗi dân tộc, cần phải hăng hái nỗ lực để sớm chấm dứt những chênh lệch kinh tế lớn lao hiện nay và còn gia tăng mai ngày: những chênh lệch này gắn liền với sự phân hóa cá nhân và xã hội. Cũng vậy, trong nhiều vùng, việc sản xuất và bán nông phẩm đang gặp nhiều trở ngại trầm trọng. Do đó, cần phải nâng đỡ nông dân tăng gia và tiêu thụ được sản phẩm, lại phải thực

⁴ Xem *Leô XIII, Tđ. Libertas praestantissimum*, 20-6-1888: AAS 20 (1887-1888), trg 597tt. - *Piô XI, Tđ. Quadragesimo anno*: AAS 23 (1931) trg 191tt.; - *n.t., Divini Redemptoris*: AAS 39 (1937), trg 65tt. - *Piô XII, Sứ điệp Giáng Sinh 1941*: AAS 34 (1942), trg 10tt. - *Gioan XXIII, Tđ. Mater et Magistra*: AAS 53 (1964), trg 401-464.

^{77*} Công dân phải được giáo dục để ý thức về nhiệm vụ này. Giới bình dân có thể góp phần gì? Dĩ nhiên sẽ có thể làm ít hay nhiều tùy khả năng, địa vị và tài sản. Một người có thể làm ít, nhưng cả nghiệp đoàn (số 68b) sẽ làm được nhiều. Công Đồng nhắc lại hai điều thiếu sót làm hại cho cộng đoàn quốc gia: một là để tài nguyên vô dụng (ví dụ tích trữ tiền bạc ở nhà; chỉ mua vàng; không đầu tư vào những kế hoạch của cộng đoàn), hai là không cho cộng đoàn hưởng dụng những phương tiện vật chất (ví dụ khi đem tiền gửi ra ngoại quốc) và tinh thần (khi người đi du học không chịu về nước). Công Đồng nhắc lại quyền di cư của mọi người (quyền lợi này và bổn phận phục vụ quốc gia, bên nào khẩn cấp hơn, mạnh mẽ hơn, thì phải xét theo hoàn cảnh thực tế của từng cá nhân).

hiện những cuộc cải tổ và canh tân cần thiết hầu thấu được lợi tức tương ứng. Như thế, họ sẽ không mãi ù lì trong thân phận công dân hạ đẳng, như vẫn thường thấy. Còn các nông dân, nhất là những người thuộc lớp trẻ, phải cố gắng kiện toàn khả năng chuyên nghiệp, nếu không nông nghiệp không thể phát triển⁵.

Sự di chuyển là điều cần thiết đối với nền kinh tế đang phát triển, tuy nhiên, sự công bằng và quân bình đòi hỏi phải tổ chức sự di chuyển ấy thế nào để đời sống cá nhân cũng như gia đình không bị xáo trộn và bấp bênh. Những công nhân từ một quốc gia hay một miền khác đến, cũng là những người góp công vào việc phát triển kinh tế của một nước hay một miền, nên cần phải cố gắng tránh mọi dị biệt về điều kiện lương bổng và việc làm. Hơn nữa, mọi người, nhất là chính quyền, phải coi họ như những nhân vị, chứ không phải chỉ như những công cụ sản xuất; phải giúp đỡ để họ có thể đưa gia đình đến và có thể kiếm được một nơi nương thân đàng hoàng; cũng phải cho phép họ dễ dàng gia nhập đời sống xã hội của quốc gia hay miền đất nào đón tiếp họ. Tuy nhiên, nếu có thể, nên tạo cho họ có công ăn việc làm ngay tại nguyên quán của họ.

Trong những trạng huống kinh tế đang biến chuyển cũng như trong những hình thái mới mẻ của xã hội kỹ nghệ chẳng hạn hệ thống tự động đang được phát triển, phải liệu sao cho mỗi người có công việc đầy đủ và thích hợp, đồng thời hấp thụ được một sự huấn luyện thích ứng về kỹ thuật và nghề nghiệp. Cũng cần phải bảo đảm sự sống và nhân phẩm, nhất là của những người vì bệnh tật, tuổi tác, phải sống trong những hoàn cảnh thật khó khăn.

⁵ Về những vấn đề nông nghiệp, đặc biệt xem Gioan XXIII, *Tđ. Mater et Magistra*: AAS 53 (1961) trg 341tt.

Đoạn 2: Những Nguyên Tắc Hướng Dẫn Toàn Bộ Đời Sống Kinh Tế Xã Hội

67. Việc làm, những điều kiện làm việc và giải trí. Việc làm của con người trong công cuộc sản xuất và trao đổi sản phẩm hay cung ứng dịch vụ kinh tế có giá trị hơn các yếu tố khác của đời sống kinh tế, vì các yếu tố đó chỉ có giá trị như dụng cụ.

Thực tế, việc làm này hoặc làm cho chính mình hoặc làm muốn đều trực tiếp phát xuất từ con người. Con người gắn như in vào thiên nhiên dấu vết của mình và bất thiên nhiên phải từng phục ý muốn của mình. Nhờ việc làm, con người theo lệ thường nuôi sống mình và gia đình, liên kết với anh em và phục vụ họ, có thể thực thi bác ái đích thực và góp công vào việc kiện toàn công cuộc sáng tạo của Thiên Chúa. Hơn nữa chúng tôi cho rằng nhờ việc làm của mình, con người cộng tác vào chính công cuộc cứu rỗi của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã nâng cao giá trị của việc làm khi Người làm việc với chính hai bàn tay của mình tại Nazareth ^{78*}. Do đó, mỗi người có bổn phận phải trung thành làm việc và cũng có quyền làm việc nữa ^{79*}.

^{78*} *Việc làm có giá trị cao hơn tất cả các yếu tố khác của sinh hoạt kinh tế, vì: 1) có tính cách nhân bản (không chỉ là khí cụ của con người), 2) là cần thiết cho cuộc sống, 3) cổ võ tinh thần anh em và tinh thần phục vụ lẫn nhau, 4) do đó giúp ta thực hiện đức thương yêu nhau, 5) để kiện toàn công cuộc tạo dựng, 6) ngoài ra nhờ đó ta có thể cộng tác với Chúa Cứu Thế, 7) không kể việc chúng ta bắt chước chính Người thuở xưa đã làm việc tại Nazareth.*

Trước đây (số 35a), Công Đồng đã nói rằng nhờ việc làm mà con người được hoàn hảo hơn và xây dựng xã hội. Bởi đó việc làm cũng là phương tiện để xây dựng hòa bình! Cho nên việc làm không những chỉ có giá trị tự nhiên về phương diện cá nhân cũng như cho xã hội và cả vũ trụ, mà còn có giá trị siêu nhiên giúp ta đền tội, cầu xin nhiều ơn Chúa cho mình và cho tha nhân, thánh hóa bản thân khi phải thực hành nhiều nhân đức như kiên nhẫn, cần mẫn, mạnh bạo, khiêm tốn... và đặc biệt là đức ái đối với Chúa cũng như đối với anh em.

^{79*} *A) Có bổn phận làm việc: Nếu việc làm thực sự có ích lợi cá nhân và xã hội như vừa nói trên, ai không chịu làm việc kể ấy phạm đến Chúa bởi vì phạm đến xã hội và anh em, chưa kể đến việc gây thiệt hại cho mình! Trước đây Công Đồng*

Trong những hoàn cảnh cụ thể, chính xã hội cũng có bổn phận góp phần giúp người công dân có thể tìm được công ăn việc làm. Sau cùng, tùy theo phận vụ và năng suất của mỗi người cũng như tình trạng của xí nghiệp và công ích ⁶, việc làm cần phải được trả lương sao cho con người có đủ khả năng xây dựng cho mình và gia đình một đời sống xứng hợp cả về phương diện vật chất, xã hội, văn hóa cũng như tinh thần ^{80*}.

Hoạt động kinh tế thường là kết quả của việc hợp tác giữa nhiều người. Do đó, nếu tổ chức và điều hành hoạt động này làm thiệt hại cho bất cứ lớp công nhân nào thì đều là bất công

nhắc lại rằng đức tin khiến tín hữu nhập thể và hoạt động cho thực tại trần thế (số 43a). Ngoài ra còn có những hoàn cảnh cụ thể buộc ta làm việc: ví dụ nghĩa vụ cha mẹ phải nuôi nấng con cái, đức công bằng nếu lập kế ước, đức vâng lời cũng như hiếu thảo của con cái trong gia đình v.v...

B) Có quyền làm việc: vì có bổn phận như vừa nói trên đây. Nhân phẩm cũng đòi hỏi con người có thể hưởng thụ tất cả những giá trị của việc làm. Dĩ nhiên nhân quyền này không có nghĩa là mỗi cá nhân có quyền đòi hỏi nơi cá nhân khác hay xã hội một công việc nào đó, vì hiểu như vậy sẽ không tôn trọng quyền tự do của người khác. Ở đây nhân quyền chỉ có nghĩa là không ai có thể bị ngăn trở hay bị từ chối khi xin làm việc với đầy đủ những điều kiện cần thiết. Hơn nữa chính quyền phải làm sao tổ chức đời sống kinh tế xã hội để có thể giúp đỡ công dân tìm cơ hội làm việc như Công Đồng nhắc lại trong số này.

⁶ Xem Lêô XIII, Tđ. *Rerum Novarum*: AAS 23 (1890-91), trg 649-662. - Piô XI, Tđ. *Quadragesimo anno*: AAS 23 (1931), trg 200-201; - n.t., Tđ. *Divini Redemptoris*: AAS 29 (1937), trg 92. - Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh vọng lễ Giáng Sinh 1942*: AAS 35 (1943), trg 20; - n.t., *Huấn từ 13-6-1943*: AAS 35 (1943), trg 172; - n.t., *Sứ điệp truyền thanh gửi thợ thuyền Tây Ban Nha, 11-3-1951*: AAS 43 (1951), trg 215. - Gioan XXIII, Tđ. *Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 419.

^{80*} *Phải được trả lương tương xứng, không phải chỉ trả theo sức mạnh của người làm việc (là việc làm của con người chứ không phải của cái máy) mà còn theo nhu cầu của con người trước đời sống vật chất, xã hội, văn hóa và đạo đức. Hơn nữa, tương xứng với nhu cầu không chỉ của một mình người làm mà cả của gia đình họ nữa. Giáo lý của Giáo Hội từ Đức Lêô XIII đến giờ vẫn nhấn mạnh rằng lương bổng đầy đủ cho gia đình là thuộc nhân quyền của người làm việc. Dĩ nhiên phải làm trọn nhiệm vụ này là trả công đầy đủ cho gia đình tùy từng việc và khả năng sản xuất, tùy hoàn cảnh xí nghiệp, tùy đòi hỏi của công ích, đặc biệt phải làm sao để có thể cho càng nhiều người làm việc càng tốt.*

và vô nhân đạo. Ngay cả ngày nay, điều thường xảy ra là công nhân trở thành nô lệ cho chính việc làm của mình. Điều ấy không thể được biện minh bằng bất cứ luật kinh tế nào. Bởi vậy, mọi phương thức sản xuất cần phải thích nghi với nhu cầu và lối sống của con người: trước hết thích nghi với đời sống gia đình, nhất là đối với người mẹ gia đình, và luôn luôn còn phải lưu tâm đến phái tính và tuổi tác. Hơn nữa, giới lao động cũng phải có cơ hội để phát huy tài năng và nhân cách ngay chính lúc làm việc. Họ phải dành thời giờ và sức lực cho công việc với tinh thần trách nhiệm phải có. Tuy nhiên, mỗi người cần được hưởng đầy đủ sự nghỉ ngơi và thời giờ nhàn rỗi để sống đời sống gia đình, văn hóa, xã hội và tôn giáo. Ngoài ra họ cũng cần phải có cơ hội để tự do thi thố tài nghệ và khả năng mà có lẽ trong công việc của nghề nghiệp họ ít có dịp để trau dồi.

68. Tham gia vào xí nghiệp, tổ chức kinh tế tổng quát, tranh chấp lao động. Hoạt động trong các xí nghiệp kinh tế là việc hợp tác giữa các nhân vị, đó là những con người tự do và tự lập, được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa. Bởi thế, khi đã tìm ra những phương thức thích hợp, cần phải cổ vũ sự tham gia tích cực của mọi người vào việc quản trị xí nghiệp, tùy theo nhiệm vụ của mỗi người, hoặc họ là chủ nhân, chủ sự, hoặc là đốc công hay công nhân mà vẫn giữ được sự thống nhất cần thiết trong việc điều hành công việc⁷. Nhiều khi không phải trong chính phạm vi xí nghiệp, nhưng trong những chương trình đại qui mô hơn, người ta đưa ra những quyết định về các tình trạng kinh tế và xã hội liên quan đến số phận tương lai của công nhân cũng như của con cái họ, nên họ cũng phải được

⁷ Xem Gioan XXIII, *Tđ. Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 408, 424, 427; còn tiếng điều hành (*curatione*) trích trong bản văn Latinh của *Tđ. Quadragesimo anno*: AAS 23 (1931), trg 199. Về diễn tiến vấn đề, xem thêm: *Piô XII, Huấn từ 3-6-1950*: AAS 42 (1950), trg 485-488. - *Phaolô VI, Huấn từ 8-6-1964*: AAS 56 (1964), trg 574-579.

tham dự vào những quyết định này hoặc chính họ hoặc qua những đại diện tự họ chọn lấy.

Giữa những quyền lợi căn bản của con người, đối với công nhân, cần phải kể đến quyền được tự do lập những hiệp hội để có thể thực sự đại diện cho họ và góp phần vào việc tổ chức đời sống kinh tế một cách tốt đẹp. Ngoài ra, cũng cần phải kể đến quyền tự do tham gia ^{81*} vào hoạt động của những hiệp hội này mà không sợ bị trả thù. Nhờ lối tham gia có tổ chức như trên liên kết với việc huấn luyện dần dần về kinh tế và xã hội, mọi người càng ngày càng ý thức hơn về bổn phận và trách nhiệm của mình. Nhờ đó, tùy theo phương tiện và khả năng riêng, chính công nhân tiến tới mức cảm thấy mình được góp phần vào việc phát triển toàn bộ kinh tế và xã hội cũng như vào việc mưu cầu ích chung.

Trường hợp xảy ra những tranh chấp về kinh tế xã hội, cần phải cố gắng đi đến một giải quyết ôn hòa. Nhưng điều phải làm trước tiên là luôn luôn tìm cách tạo một cuộc đối thoại chân thành giữa các phe nhóm liên hệ. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh hiện tại, đình công, dầu là một phương tiện cuối cùng, song vẫn là phương tiện cần thiết để bênh vực những quyền lợi riêng và thỏa mãn những đòi hỏi chính đáng của công nhân ^{82*}. Dù sao

^{81*} Công Đồng nhắc lại rằng công nhân có nhân quyền tập đoàn và mục đích của nghiệp đoàn hay những hình thức khác là để đại diện cho công nhân (ví dụ để lập kế ước lao động) cũng như để góp phần vào tổ chức kinh tế. Nếu chỉ chấp nhận nhân quyền này trên nguyên tắc rồi tạo nên hàng ngàn sự đe dọa và áp lực để ngăn cản công nhân hoạt động tự do trong nghiệp đoàn, như thế là xâm phạm quyền lợi công nhân và trái lẽ công bằng.

^{82*} Nhiều khi người ta nói về quyền đình công để giải quyết những tranh chấp lao động như là một trong các nhân quyền căn bản mà chủ nghĩa dân chủ đã đem lại cho công dân. Công Đồng có lập trường khiêm tốn hơn. Theo Công Đồng sự đình công 1) có thể là phương thế để bảo vệ quyền lợi cũng như để đòi hỏi những nguyên vọng hợp lý, 2) phương thế cần thiết và tối hậu, nghĩa là phương thế duy nhất sau khi cuộc đối thoại và những biện pháp hòa giải đã thất bại.

Sở dĩ như vậy là vì sự đình công gây nên thiệt thòi cho chính người lao động, cho xí nghiệp và cho công ích nữa. Thực ra cuộc đình công có hiệu lực chính là

cũng cần phải tìm cách đưa tới thương thuyết và đối thoại hòa giải càng sớm càng hay.

69. Của cải trần gian là để cho mọi người hưởng dụng^{83*}.

Thiên Chúa đã đặt định trái đất và mọi vật trên trái đất thuộc quyền xử dụng của mọi người và mọi dân tộc. Chính vì thế, của cải được tạo dựng phải được phân phối cho tất cả mọi người một cách hợp lý theo luật công bằng là luật đi liền với bác ái⁸.

vi gây nên thiệt thòi đó. Cho nên đức ái cũng như đức công bằng cấm việc làm hại cho tha nhân, ngoại trừ trường hợp đó là vũ khí cần thiết để bảo vệ quyền lợi và đồng thời sự thiệt thòi không quá đáng.

Bởi vậy chính quyền có thể phế trừ sự đình công. Nhưng luật ấy sẽ bất công (cho nên vô giá trị) nếu chính quyền không cung cấp phương pháp hữu hiệu và tôn trọng quyền tự do của giới lao động để giải quyết các cuộc tranh chấp về việc làm.

Cuối cùng Công Đồng không nói gì về cuộc đình công chính trị. Trường hợp này phức tạp hơn vì lúc ấy cuộc đình công giống như phương tiện bạo động bất hợp pháp. Do đó phải xét theo nguyên tắc khác (x.số 75).

^{83*} Công Đồng nhắc lại giáo lý truyền thống (các tài liệu trong ghi chú làm chứng). Ta có thể tóm tắt giáo lý của Giáo Hội như sau: 1) Theo ý Đấng Tạo Hóa của cải phải phục dịch cho mọi người (x. *Populorum Progressio*, số 23), và phải bắt chấp các kỳ thị (ở trên, số 64). 2) Cho nên cùng đích của chính của cải là phục dịch con người (*Populorum Progressio*, số 22). 3) Tùy theo nhu cầu vật chất, trí tuệ, luân lý, tinh thần và tôn giáo của họ (ở trên, số 64). 4) Của cải phải được đưa tới đầy đủ cho tất cả mọi người nhờ sự phân chia của cải một cách thích hợp hơn (x. *Hiến chế tín lý về Giáo Hội*, 36). 5) Tức là theo sự đòi hỏi của đức công bằng và với tinh thần yêu thương (*Populorum Progressio*, 22). 6) Kết luận: mọi người đều có thực quyền về những cái cần thiết (PP.22). 7) Các quyền lợi khác, kể cả quyền tư hữu, đều phụ thuộc quyền căn bản này (PP.26). 8) Do đó quyền tư hữu theo bản tính có mục đích xã hội (sau này, số 71). 9) Cho nên chúng ta phải lên án hình thức tư bản chủ nghĩa chủ trương quyền tư hữu vô hạn và tuyệt đối (PP.26). 10) Tất cả mọi người đều phải góp phần trong việc phân chia của cải cho công bằng hơn (do việc làm, lòng quảng đại) (*Hiến chế tín lý về Giáo Hội* 36; ở trên, 64; PP 23). 11) Đặc biệt chính quyền phải can thiệp khi nào cần thiết (PP. 23). 12) Các dân tộc kém mở mang phải được dân tộc khác trợ giúp (sau này, 85-87) (PP. đặc biệt từ số 43 trở đi). 13) Phải giúp phương tiện cho mọi người cũng như các dân tộc để tự mình phát triển (PP.15,65).

⁸ Xem Piô XII, *Tđ. Sertum Laetitia*: AAS 31 (1939), trg 642. - Gioan XXIII, *Allocutio consistorialis*: AAS 52 (1960), trg 5-11; - n.t., *Tđ. Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 411.

Dù chấp nhận bất cứ hình thức tư hữu nào đã được nhìn nhận bằng các định chế hợp pháp của các dân tộc, tuy nhiên tùy theo hoàn cảnh khác biệt và thay đổi, phải luôn luôn lưu ý đến mục đích chung hưởng của cải. Vì thế, khi xử dụng của cải, con người phải coi của cải vật chất mà mình làm chủ một cách chính đáng không chỉ như của riêng mình, nhưng còn là của chung nữa: nghĩa là, của cải đó có thể sinh ích không những cho riêng mình mà còn cho cả người khác ⁹. Và lại, mọi người đều có quyền có một phần của cải đầy đủ cho mình và cho gia đình mình. Các Giáo Phụ và các Tiến Sĩ Giáo Hội đã nghĩ như thế. Các ngài dạy rằng mọi người có bổn phận phải nâng đỡ người nghèo và không phải chỉ giúp đỡ bằng của dư thừa ¹⁰. Còn những người sống trong cảnh cùng quần cực độ, họ có quyền lấy ở của cải người khác những gì cần thiết cho mình ¹¹.

⁹ Xem T. Tôma, *Summa theol. II-II, q.32, a.5 ad 2; - n.v.t., q.66, a.2: xem dẫn giải trong Leô XIII, Tđ. Rerum Novarum: AAS 23 (1890-91), trg 651. - xem thêm Piô XII, Huấn từ 1-6-1941: AAS 33 (1941), trg 199; - n.t., Sứ điệp truyền thanh lễ Giáng Sinh 1954: AAS 47 (1955), trg 27.*

¹⁰ Xem T. Basiliô, *Hom. in illud Lucae "Destruam horrea mea", số 2: PG 31, 263. - Lactantiô, Divinarum Institutionum, c. V, về sự công bình: PL 6,565 B. - T. Augustinô, In Joann. Ev. tr. 50, số 6: PL 35, 1760; - n.t., Enarratio in Ps. CXLVII, 12: PL 37, 1922. - T. Gregoriô Cả, *Hom. in Ev., bài 20, 12: PL 76, 1165; - n.t., Regulae Pastoralis liber, phần III, ch. 21: PL 77, 87. - T. Bonaventura, In III Sent., d. 33 dub. 1: x.b. Quaracchi III, 728; - n.t., In IV Sent., d. 15, p. II, a. 2, q. 1: n.v.t., IV, 371 b; - Quaest. de superfluo: ms. Assisi, Bibl. comun. 186, ff. 112 a - 113a. - T. Albertô Cả, In III Sent., d. 33, a.3, sol. 1: x. b. Borgnet XXVIII, 611; - n.t., In IV Sent., d. 15.a. 16: n.v.t., XXIX, 494-497. Về việc xác định của dư thừa của thời đại chúng ta: xem Gioan XXIII, Sứ điệp truyền thanh truyền hình 11-9-1962: AAS 54 (1962), trg 682: "Bổn phận của mọi người và là bổn phận cấp bách của Kitô hữu, chính là thẩm định của dư thừa theo mức độ nhu yếu của người khác và ân cần chăm sóc sao cho việc quản trị và phân phối của cải được tạo dựng có lợi cho mọi người."**

¹¹ Trong trường hợp này có thể áp dụng được nguyên tắc: "Trong lúc cùng quần cực độ, mọi sự là của chung, nghĩa là phải được chia sẻ". Đảng khác, đối với lý do, phạm vi và phương cách áp dụng nguyên tắc phải theo bản văn đề ra; ngoài các tác giả tân thời được công nhận, xem thêm T. Tôma, *Summa Theol., II-II, q.66, a. 7. Hiên nhiên, để áp dụng đúng nguyên tắc, phải tôn trọng mọi điều kiện theo "luân lý" đòi hỏi.*

Trước con số quá lớn những người đói khổ trong thế giới, Thánh Công Đồng thiết tha kêu gọi mọi người hoặc mọi chính quyền hãy nhớ lại lời sau đây của các Giáo Phụ: "hãy cho kẻ sắp chết đói của ăn, vì nếu không cho họ ăn tức là đã giết họ"¹². Tùy theo khả năng, họ nên thực sự san sẻ và dùng của cải của mình đặc biệt để giúp phương tiện cho mỗi người hoặc cả một dân tộc để chính họ có thể tự túc và phát triển.

Trong những xã hội kinh tế kém mở mang, đôi khi sự chung hưởng của cải được thể hiện đầy đủ phần nào là do những tập tục và truyền thống riêng của cộng đoàn xã hội, nhờ đó, mỗi phần tử được hưởng những của cải tối cần. Tuy nhiên điều nên tránh là đừng coi một số tập tục như thể hoàn toàn bất biến, nếu thực sự nó không còn đáp ứng những đòi hỏi mới của thời đại này. Đàng khác, cũng đừng vì thiếu khôn ngoan mà hành động ngược lại những tập tục tốt đẹp, vì một khi được thích nghi với hoàn cảnh hiện đại, những tập tục này vẫn còn đem lại nhiều lợi ích. Cũng thế, ở những quốc gia kinh tế rất phát triển, một hệ thống gồm những tổ chức xã hội nhằm vào việc bảo hiểm và an ninh có thể góp phần giúp vào việc thực hiện sự chung hưởng của cải. Và lại, cần phải cố võ những dịch vụ gia đình và xã hội, nhất là những dịch vụ đóng góp vào văn hóa và giáo dục. Tuy nhiên khi thành lập mọi tổ chức trên cần phải lưu tâm đừng để người công dân có thái độ phần nào thụ động, hoặc trốn tránh trách nhiệm hoặc từ chối phục vụ xã hội.

70. Vấn đề đầu tư và tiền tệ. Công việc đầu tư cũng phải làm sao tạo được công ăn việc làm và đem lợi tức đầy đủ cho dân chúng trong hiện tại cũng như trong tương lai. Bất cứ ai nắm giữ vai trò chủ chốt trong những việc đầu tư này và trong việc tổ chức đời sống kinh tế - hoặc cá nhân, hoặc tập thể, hoặc

¹² Xem *Gratiani Decretum* C. 21, dist. LXXXVI: x.b. *Friedberg I*, 302. Lời này đã tìm thấy trong PL 56, 491 A và PL 56, 1132 B. - Xem *Antonianum* 27 (1952) trg 349-366.

công quyền - cũng phải chú tâm đến những mục tiêu trên, và phải ý thức bổn phận nặng nề của mình: một mặt phải sẵn sàng tiên liệu những nhu cầu cần thiết cho mỗi cá nhân hoặc cho cả cộng đoàn có một đời sống đàng hoàng; mặt khác họ cũng phải dự liệu cho tương lai và thiết lập quân bình đúng mức giữa những nhu cầu tiêu thụ hiện tại của cá nhân hoặc của đoàn thể và những đòi hỏi phải đầu tư cho thế hệ mai sau. Họ cũng phải luôn quan tâm đến những nhu cầu cấp bách của các quốc gia hay những miền kinh tế kém mở mang. Trong vấn đề tiền tệ cũng phải tránh sao cho khỏi nguy hại tới lợi ích của xứ sở mình cũng như của các quốc gia khác. Và lại, cũng phải liệu sao cho những ai eo hẹp về kinh tế khỏi bị thiệt thòi một cách bất công vì những vụ thay đổi giá trị tiền tệ.

71. Tiến tới sở hữu và quyền tư hữu. Vấn đề ruộng đất. Quyền sở hữu ^{84*} và những hình thức khác của quyền tư hữu trên của cải vật chất giúp cho con người biểu lộ nhân vị, tạo cho họ cơ hội làm tròn phận sự của mình trong xã hội cũng như trong lãnh vực kinh tế. Do đó, cần cổ võ mọi cá nhân cũng như mỗi đoàn thể tiến tới một chủ quyền nào đó trên của cải vật chất.

^{84*} Công Đồng nhắc lại những lý do làm cho quyền tư hữu trở thành chính nghĩa: 1) nó phát biểu nhân cách, 2) giúp con người làm tròn nhiệm vụ trong xã hội, 3) là phương tiện cần thiết để bảo đảm quyền tự trị cá nhân và gia đình, 4) và giống như sự nổi dãi của quyền tự do, 5) nó khuyến khích con người làm việc, 6) và do đó trở thành điều kiện cho quyền tự do dân sự.

Nói cách khác và theo các tài liệu được trích lại trong ghi chú 13, 1) bản tính con người đoán được nhu cầu về tương lai nên đã đòi hỏi quyền tư hữu. Khác với thú vật, con người phải lo cho tương lai ! 2) Quyền tự do để tìm kiếm cùng đích cũng đòi hỏi quyền tư hữu một phần nào đó. 3) Đặc biệt quyền tư hữu rất cần thiết để bảo đảm quyền tự trị trước mặt chính quyền, 4) Quyền cũng như bổn phận làm việc là những lý do bên vực cho quyền tư hữu. 5) Cuối cùng chính công ích đòi hỏi quyền tư hữu: vì nó giúp con người làm việc hăng hái.

Như vậy ta phải quả quyết rằng quyền tư hữu ít ra là quyền của đại gia đình theo khía cạnh tinh thần, và phát sinh bởi luật tự nhiên. (x. Haring, *La Loi du Christ*, 1963, III, 605-606).

Quyền tư hữu cũng như quyền làm chủ của cải bảo đảm cho mỗi người một lãnh vực cần thiết để cá nhân và gia đình được tự trị. Các quyền này cũng phải được coi như nằm trong phạm vi quyền tự do của con người. Sau cùng, những quyền này còn là một điều kiện tạo nên tự do của người công dân, vì khuyến khích họ đảm trách và thi hành phận vụ của mình¹³.

Ngày nay chủ quyền hoặc quyền tư hữu mặc nhiều hình thức khác nhau và sự khác biệt này ngày một gia tăng. Tuy nhiên không kể đến những tài sản của xã hội, những quyền lợi và phục dịch mà xã hội dành cho, tất cả những hình thức sở hữu đó làm cho con người được vững tâm hơn. Điều vừa nói về quyền tư hữu về của cải vật chất, cũng có giá trị về những của cải tinh thần, chẳng hạn như những khả năng chuyên nghiệp.

Tuy nhiên quyền tư hữu không cản trở những hình thức khác nhau của quyền sở hữu công cộng. Dĩ nhiên chỉ có thẩm quyền hợp pháp mới có thể buộc chuyển nhượng của cải tư nhân vào sở hữu công cộng tùy theo những đòi hỏi và trong giới hạn công ích, nhưng phải bồi thường tương xứng. Ngoài ra, công quyền cũng có bổn phận ngăn ngừa đừng để ai lạm dụng quyền tư hữu mà phạm đến công ích¹⁴.

Chính quyền tư hữu tự nó có một tính cách xã hội. Tính cách xã hội này đặt nền tảng trên luật chung hưởng của cải¹⁵. Nếu tính cách xã hội này không được tôn trọng thì quyền sở hữu thường đem đến cơ hội sinh ra những tham lam và gây xáo trộn

¹³ Xem Lêô XIII, *Tđ. Rerum Novarum*: AAS 23 (1890-91), trg 643-646. - Piô XI, *Tđ. Quadragesimo anno*: AAS 23 (1931), trg 191. - Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh 1-6-1941*: AAS 33 (1941), trg 199; - n.t., *Sứ điệp truyền thanh Lễ Giáng Sinh 1942*: AAS 35 (1943), trg 17; - n.t., *Sứ điệp truyền thanh 1-9-1944*: AAS 36 (1944), trg 253. - Gioan XXIII, *Tđ. Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 428-429.

¹⁴ Xem Piô XI, *Tđ. Quadragesimo anno*: AAS 23 (1931), trg 214. - Gioan XXIII, *Tđ. Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 429.

¹⁵ Xem Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh Lễ Hiện Xuống 1941*: AAS 44 (1941), trg 199. - Gioan XXIII, *Tđ. Mater et Magistra*: AAS 53 (1961) trg 430.

trầm trọng. Đó là một cơ cho những người chống bán đòi hủy bỏ quyền tư hữu.

Trong nhiều miền kinh tế kém mở mang, vẫn còn những đồng ruộng rộng lớn hoặc rất bao la nhưng chỉ được canh tác sơ sài hay bị bỏ hoang vì tự lợi; trong khi đó phần lớn dân chúng hoặc thiếu đất đai hoặc chỉ được hưởng một phần đất quá ít ỏi và đàng khác việc tăng gia sản xuất nông nghiệp lại hiển nhiên là vấn đề cấp bách. Đôi khi nông dân làm thuê hoặc những tá canh chỉ lãnh được một số lương hoặc một lợi tức không xứng với con người. Họ không có được một chỗ ở xứng đáng mà còn bị bọn trung gian bóc lột. Thiếu mọi bảo đảm an ninh, họ sống trong một tình trạng lệ thuộc hoàn toàn đến nỗi họ hầu như không còn có thể hành động theo sáng kiến và với tinh thần trách nhiệm. Và đối với họ, mọi cuộc phát triển văn hóa và tham gia vào đời sống xã hội, chính trị đều bị cấm chế. Do đó tùy trường hợp, cần phải có những cuộc cải cách nhằm gia tăng lợi tức, cải thiện trạng huống làm việc, đảm bảo cho việc thuê mướn và sau hết khuyến khích sáng kiến khi làm việc. Lại nữa, cần phải phân chia ruộng đất chưa được canh tác đầy đủ cho những ai có khả năng làm cho đất đai đó sinh lợi. Trong trường hợp này, cần phải cung cấp vật dụng và những phương tiện cần thiết cho họ, nhất là hỗ trợ về phương diện giáo dục và giúp tổ chức các hợp tác xã một cách chính đáng. Một khi công ích đòi hỏi phải trút hữu, thì cũng phải bồi thường cân xứng tùy theo hoàn cảnh.

72. Hành động kinh tế xã hội và Nước Chúa Kitô. Là những người hoạt động tích cực cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội ngày nay và tranh đấu cho công bình bác ái, người Kitô hữu cần phải xác tín rằng họ có thể đóng góp nhiều cho nền thịnh vượng của nhân loại và cho hòa bình thế giới. Trong những hoạt động này, họ phải nêu gương sáng với tư cách cá nhân hay đoàn thể. Một khi đã đạt được khả năng chuyên môn và kinh nghiệm cần thiết, trung thành với Chúa Kitô và Phúc

Âm của Người, họ phải giữ đúng bậc thang giá trị trong các hoạt động trần thế. Nhờ vậy cả cuộc sống của họ, riêng tư cũng như giữa xã hội đều được thấm nhuần tinh thần của các Mối Phúc Thật, đặc biệt là tinh thần nghèo khó.

Bất cứ ai vâng theo Chúa Kitô, tiên vàn phải tìm Nước Thiên Chúa và từ đó tìm được một tình yêu mãnh liệt và tinh khiết hơn để giúp đỡ các anh em mình và thể hiện công bằng dưới sự thúc đẩy của đức ái ¹⁶.

PHẦN THỨ HAI

Chương IV

Đời Sống Cộng Đoàn Chính Trị^{85*}

¹⁶ Về việc sử dụng đúng đắn những của cải theo giáo lý của Tân Ước, xem Lc 3,11; 10,30tt; 11, 41; 1P 5,3; Mc 8,36; 12,29-31; Giac 5,1-6; 1Tm 6,8; Eph 4,28; 2Cor 8,13tt; 1Gio 3,17-20.

^{85*} 1) *Đời sống chính trị hiện nay: đang thay đổi (số 73a). Sự ý thức về nhân phẩm khiến con người đi tìm một chế độ chính trị biết bảo đảm nhân quyền (b), bảo đảm việc tham gia của nhiều người vào chính trị và sự tôn trọng dân tộc thiểu số cũng như những kẻ phát biểu ý kiến khác với mình (c). Do đó con người lên án chế độ xâm phạm quyền tự do và chỉ tìm kiếm ích lợi riêng (d). Muốn thành công phải đổi mới tâm trạng (e).*

2) *Cộng đoàn chính trị: Nguyên khởi và mục đích là công ích (số 74a). Cần thiết phải có chính quyền (b). Cộng đoàn chính trị và chính quyền đều bởi Thiên Chúa Tạo Hóa mà có. Còn chế độ chính trị thì trái lại phải chọn lựa cách tự do (c). Khi chính quyền tìm kiếm công ích hợp với luân lý, thì lương tâm buộc phải vâng theo luật pháp (d). Chế độ chính trị, dưới bất cứ hình thức nào, tùy theo đặc tính của từng dân tộc, bao giờ cũng phải phục vụ con người và nhân loại (e).*

3) *Sự cộng tác vào đời sống chính trị: thích hợp với bản tính con người: hai phương tiện cụ thể là quyền bỏ phiếu và hoạt động chính trị (số 75a). Xã hội phải có trật tự pháp lý: công ích. Công dân không nên nhượng quyền quá đáng cho chính quyền, đảng khác cũng không nên đợi chờ chính quyền làm quá nhiều (b).*

73. Đời sống cộng đoàn ngày nay. Thời đại chúng ta đã được đánh dấu bằng những biến đổi sâu rộng ngay trong cơ cấu và các tổ chức của các dân tộc. Những biến đổi này chính là kết quả của tiến bộ về văn hóa, kinh tế và xã hội. Những thay đổi này ảnh hưởng nhiều đến đời sống của cộng đoàn chính trị, nhất là trong những vấn đề liên quan tới quyền lợi và bổn phận của mọi người trong việc hành xử quyền tự do công dân và theo đuổi công ích, cũng như trong vấn đề điều hòa những mối tương quan giữa các công dân với nhau cũng như với chính quyền.

Nhờ ý thức mãnh liệt hơn về phẩm giá con người, ngày nay tại nhiều nước trên thế giới, người ta cố gắng thiết lập một thể chế chính trị pháp lý để bảo vệ hữu hiệu hơn quyền lợi của cá nhân trong đời sống công cộng, chẳng hạn quyền được tự do hội họp, tự do lập hội, tự do phát biểu ý kiến và tự do tuyên xưng tín ngưỡng cách riêng tư hoặc công khai: vì việc đảm bảo những quyền lợi của con người là điều kiện thiết yếu để người công dân, với tư cách cá nhân hay đoàn thể, có thể tham gia cách tích cực vào đời sống và vào guồng máy quốc gia.

Song song với tiến bộ về văn hóa, kinh tế và xã hội, nhiều người còn khao khát mãnh liệt muốn đảm nhận một phần lớn trách nhiệm trong việc tổ chức cộng đoàn chính trị. Nhiều người đã ý thức được mối quan tâm mỗi ngày một lớn là phải bảo vệ quyền lợi của các dân tộc thiểu số trong một quốc gia,

Qui tắc về việc chính quyền can thiệp và chế tài quyền lợi (c). Lòng yêu quê hương (d). Vai trò của tín hữu trong cộng đoàn chính trị (e). Giáo dục chính trị (f).

4) Cộng đoàn chính trị và Giáo Hội: Phân biệt hoạt động riêng của tín hữu và của Giáo Hội (số 76a). Giáo Hội không chủ trương một chế độ chính trị nào (b), nhưng cả hai có lãnh vực và thẩm quyền riêng và nên cộng tác với nhau (c). Giáo Hội không nhờ quyền thế phạm trần (d), và dù phải xử dụng của cải trong khi thi hành sứ mệnh riêng nhưng không tìm kiếm đặc ân; chỉ đòi hỏi tự do để rao giảng đức tin và bảo vệ nhân quyền cũng như sứ mệnh của mình (e), do đó góp phần cho hòa bình và vinh danh Thiên Chúa (f).

nhưng không vì thế mà làm cho các thành phần thiểu số ấy xao lãng bổn phận của họ đối với cộng đoàn chính trị. Hơn nữa, càng ngày người ta càng tôn trọng những người có tư tưởng hay tôn giáo khác với mình. Đồng thời một sự cộng tác rộng rãi hơn cũng được thiết lập để mọi công dân có thể thực sự được hưởng những quyền lợi của con người chứ không riêng gì một số người được ưu đãi.

Trái lại, người ta lên án bất cứ thể chế chính trị nào, như hiện có ở một vài nước, nếu nó ngăn chặn tự do công dân hoặc tôn giáo, nếu nó làm gia tăng con số nạn nhân của tham lam và của tội ác chính trị, nếu nó làm cho việc cai trị đi lệch đường, thay vì mưu cầu công ích lại phục vụ cho một tập đoàn hay chính những người cầm quyền.

Để xây dựng một đời sống chính trị thực sự nhân đạo, ^{86*} không gì tốt hơn là gây nơi thâm tâm mỗi người ý thức về công bằng, lòng nhân ái, và tinh thần phục vụ công ích. Cũng không

^{86*} Muốn canh tân xã hội qua phạm vi chính trị, con người phải bắt đầu từ nội tâm: ở đây và trong số 75d-f, Công Đồng phác họa một chương trình căn bản về giáo dục công dân:

1) Những đức tính chính yếu: công bằng, lòng tử tế đối với đồng bào, ý muốn phục vụ công ích, lòng yêu quê hương, sự ý thức về ơn gọi của tín hữu trong cộng đoàn. Tín hữu phải làm gương hoạt động vì lương tâm, vâng lời với tinh thần tự do, có sáng kiến trong khi phải tôn trọng đồng bào, biết cộng tác với người khác cả với những ai không đồng ý với mình.

2) Phải hiểu rõ đặc tính cộng đoàn chính trị; mục đích của chính quyền cũng như cách thức hành động trong những giới hạn phải có.

3) Về hoạt động trong cộng đoàn, phải biết chấp nhận sự kiện có người không đồng ý với mình nghĩa là tôn trọng công dân và đảng phái có đường lối khác. Giáo dân có thể hoạt động trong những đảng phái chính trị nào mưu ích chung. Và khi có đủ khả năng để dẫn thân vào cuộc đấu tranh chính trị, phải chuẩn bị trước (cần phải học biết lịch sử, kinh tế, xã hội học, pháp lý, v.v...), phải từ bỏ tư lợi (kẻo dễ bị mua chuộc). Phải trong sạch và khôn ngoan chống lại mọi bất công và áp bức cũng như sự thống trị chuyên chế và ngoan cố, bất cứ là của một cá nhân hay của một đảng phái. Chính trị gia phải phát triển nhân đức thành thật, thanh liêm, thương yêu và can đảm để phục vụ mọi người.

gì tốt đẹp hơn là củng cố nơi mọi người những xác tín căn bản về bản chất thích thực của cộng đoàn chính trị cũng như về mục đích, về việc thi hành đúng và về những giới hạn của công quyền.

74. Bản chất và mục đích của cộng đoàn chính trị. Cá nhân, gia đình và tập thể, tức là mọi thành phần của cộng đoàn công dân, đều ý thức rằng tự sức mình không một thành phần nào có thể xây dựng được một đời sống thực sự nhân bản, và đều nhận thấy cần phải có một cộng đoàn rộng lớn hơn, trong đó tất cả mọi người hằng ngày hợp lực để mưu cầu công ích mỗi lúc một tốt đẹp hơn¹. Do đó họ thành lập nên cộng đoàn chính trị dưới nhiều hình thức khác nhau. Vì thế cộng đoàn chính trị chỉ hiện hữu là vì công ích. Chính công ích là lý do tồn tại, ý nghĩa và là căn bản pháp lý cho cộng đoàn chính trị. Công ích nói đây bao gồm tất cả những điều kiện của đời sống xã hội; nhờ những điều kiện này, cá nhân, gia đình và đoàn thể có thể triển nở cách trọn vẹn và dễ dàng hơn².

Tuy nhiên, trong một cộng đoàn chính trị gồm nhiều người thuộc đủ mọi thành phần, do đó họ có thể có nhiều quan điểm khác nhau một cách chính đáng. Vì mỗi cá nhân đều bênh vực quan điểm riêng của mình, nên để tránh cho cộng đoàn chính trị khỏi tan rã, thì cần phải có một quyền bính để hướng dẫn nỗ lực của mọi công dân nhằm tới công ích. Không phải hướng dẫn cách máy móc hay độc đoán, nhưng tiên vàn như một sức mạnh tinh thần dựa trên tự do và ý thức về nghĩa vụ và trách nhiệm.

Đã hẳn cộng đoàn chính trị và công quyền xây nền tảng trên bản tính con người, cho nên cũng nằm trong trật tự do Chúa an

¹ Xem Gioan XXIII, Tđ. *Mater et Magistra: A AS 53 (1961), trg 417.*

² Xem n.t., n.v.t.

bài, nhưng việc định đoạt một thể chế chính trị hay cắt cử người cầm quyền vẫn là quyền tự do của mọi công dân ³.

Cũng thế, việc hành xử quyền bính chính trị trong chính cộng đoàn hoặc trong các cơ quan đại diện cho quốc gia luôn luôn phải nằm trong giới hạn của trật tự luân lý để đem lại kết quả và mưu cầu công ích - công ích ở đây phải hiểu cách năng động - tùy theo trật tự pháp lý đã hoặc sẽ được thiết lập cách hợp pháp. Trong trường hợp đó mọi công dân buộc phải theo lương tâm mà tuân phục ^{4, 87*}. Và do đó, những người lãnh đạo đương nhiên có trách nhiệm, có thể giá và có uy quyền.

Tuy nhiên, khi công quyền vượt quá quyền hạn của mình mà đàn áp công dân, thì lúc đó chính công dân cũng không nên từ chối những gì khách quan xét thấy phù hợp với đòi hỏi của công ích. Nhưng họ được phép bênh vực quyền lợi của riêng mình cũng như của đồng bào chống lại những lạm dụng của công quyền, tuy nhiên phải tôn trọng những giới hạn của luật tự nhiên cũng như luật Phúc Âm.

Những phương thức cụ thể mà mỗi cộng đoàn chính trị áp dụng để tổ chức cơ cấu và phân phối quyền hành có thể khác nhau tùy đặc tính và bước tiến lịch sử của mỗi dân tộc. Dầu sao những phương thức này phải luôn luôn nhằm đào tạo cho con

³ Xem Rm 13, 1-5.

⁴ Xem Rm 13, 5.

^{87*} *Phải chăng người công giáo còn chưa ý thức đầy đủ về điều này? Vâng, tuân theo lẽ luật quốc gia không phải vì sợ chính quyền, cũng không phải vì nhìn nhận rằng muốn hưởng thụ tự do thì phải tôn trọng tự do kẻ khác. Nhưng vâng theo luật vì lương tâm: vì biết rằng chính quyền là do Thiên Chúa muốn có và vì nhiệm vụ phải phục vụ công ích. Dĩ nhiên các luật đó phải là luật công bằng và phục vụ cho công ích; dĩ nhiên có trường hợp các luật lệ không bó buộc một người nào đó vì những nguyên nhân "thác miến" hay vì "thể ý pháp"; dĩ nhiên có nhà thần học chủ trương rằng một số luật chỉ có tính cách hình luật thuần túy (một lập trường mà các nhà thần học càng ngày càng từ bỏ...), nhưng nếu chúng ta chỉ biết đề cao trường hợp luật trừ thay vì nhấn mạnh tính cách bó buộc của luật pháp, e rằng chúng ta sẽ góp phần quá nhỏ vào việc canh tân xã hội.*

người có văn hóa, yêu chuộng hòa bình và có lòng yêu thương đối với mọi người để giúp ích cho toàn thể gia đình nhân loại.

75. Sự cộng tác của mọi người trong đời sống cộng đoàn.

Thiết lập những cơ cấu chính trị pháp lý là điều phù hợp với bản tính con người, vì nhờ đó tất cả mọi công dân, không phân biệt ai, có thể mỗi ngày một có cơ hội tham gia cách tự do và tích cực vào việc thiết lập nền tảng pháp lý của cộng đoàn chính trị, tham gia vào việc điều hành quốc gia và xác định mục tiêu và phạm vi của những cơ quan khác nhau cũng như tham gia vào việc lựa chọn người cầm quyền ⁵. Vậy mọi công dân cần phải nhớ tới quyền lợi và đồng thời là bổn phận của họ trong việc tự do sử dụng lá phiếu của mình để mưu cầu công ích. Giáo Hội ca ngợi và quý trọng việc làm của những người vì lợi ích quốc gia mà dấn thân phục vụ con người cùng nhận lãnh gánh nặng của trách nhiệm này.

Để việc cộng tác của các công dân có ý thức trách nhiệm về nhiệm vụ đem lại kết quả tốt đẹp trong đời sống chính trị thường ngày, cần phải có một nền pháp lý thiết định. Nền pháp lý này giúp phân phối hợp lý các nhiệm vụ và các cơ quan công quyền và đồng thời giúp bảo vệ một cách hữu hiệu quyền lợi công dân mà không lệ thuộc vào ai. Quyền lợi của cá nhân, gia đình và đoàn thể cũng như việc sử dụng những quyền đó phải được công nhận, tôn trọng và cổ võ ⁶. Nhưng đồng thời cũng phải chú trọng tới bổn phận công dân của họ. Nói đến bổn phận công dân, cần phải nhắc tới nghĩa vụ phải đóng góp cho quốc gia những dịch vụ về tài lực cũng như nhân lực mà công ích đòi hỏi. Chính quyền không nên ngăn cản những hiệp hội có tính cách gia đình, xã hội hay văn hóa, những đoàn thể hay tổ

⁵ Xem Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh* 24-12-1942: AAS 35 (1943), trg 9-24; - 24-12-1944: AAS 37 (1945), trg 11-17. - Gioan XXIII, *Tđ. Pacem in terris*: AAS 55 (1963), trg 263, 271, 277-278.

⁶ Xem Piô XII, *Sứ điệp truyền thanh*, 1-6-1941: AAS 33 (1941), trg 200. - Gioan XXIII, *Tđ. Pacem in terris*: n.v.t., trg 273-274.

chức trung gian. Cũng không nên cấm chế những hoạt động hữu hiệu và chính đáng của các tổ chức ấy, nhưng tốt hơn nên sẵn sàng cổ võ và phải có đường lối trong việc cổ võ ^{88*}. Về phía người công dân, cá nhân hay đoàn thể không nên trao cho chính quyền một quyền hành quá lớn, cũng đừng đòi hỏi ở chính quyền những giúp đỡ cũng như những đặc ân quá đáng không phải lúc, vì như thế là làm giảm trách nhiệm của cá nhân, gia đình và cả các đoàn thể xã hội.

Ngày nay hoàn cảnh mỗi ngày một phức tạp, buộc chính quyền nhiều lúc phải can thiệp vào các vấn đề xã hội, kinh tế và cả lãnh vực văn hóa để tạo điều kiện thuận lợi cho các công dân cũng như các đoàn thể được tự do phát triển toàn diện con người cách hữu hiệu hơn. Dĩ nhiên tùy địa phương và tùy theo sự tiến hóa của mỗi dân tộc, mối tương quan giữa việc xã hội

^{88*} Đức Piô XI (*Quadragesimo anno*, x. Dz 3738/2265-2266) tuyên bố nguyên tắc hỗ trợ dạy rằng, những cộng đoàn cấp trên không được giữ riêng cho mình tất cả những việc mà các cộng đoàn cấp dưới có thể thực hiện được. Nguyên tắc có giá trị cho quốc gia và các cộng đoàn trong quốc gia (trong Tuyên Ngôn về Giáo Dục Kitô giáo Công Đồng nhắc lại rằng phải áp dụng nguyên tắc trong phạm vi giáo dục, số 3b), cho các quốc gia và xã hội quốc tế *Pacem in terris*, AAS 55 (1963), trg 294; và số 86c sau này), cũng như cho các hội đoàn giáo dân và Giáo Hội (Piô XII, diễn văn cho hội đồng các Đức Hồng Y ngày 20-2-1946: AAS 38 (1946), trg 145). Sở dĩ ta phải công nhận nguyên tắc trên là vì phẩm giá con người, cũng như vì bản thể của xã hội là nhằm phục vụ công ích, chứ không phải chỉ vì lý do thực tế để tránh xa những lạm dụng của các cộng đoàn trên.

Phải lưu ý: nguyên tắc không chỉ cấm các cộng đoàn cấp trên, nhất là quốc gia, làm thay công việc của các cộng đoàn cấp dưới một cách vô lý, mà còn nêu ra phương diện tích cực: trước hết là quốc gia phải cung cấp cho công ích mọi điều các cộng đoàn cấp dưới không đủ khả năng để làm (*Populorum progressio*, 33; 37; - *Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 414), hơn nữa, quốc gia phải làm sao để giúp sức và phương tiện cho các cộng đoàn cấp dưới (*Mater et Magistra*, n.v.t., trg 438-439).

Câu tiếp theo của Công Đồng nhắc lại cho chúng ta rằng sở dĩ quốc gia nhiều khi không tôn trọng nguyên tắc hỗ trợ là vì thái độ thiếu trách nhiệm của công dân.

hóa ⁷ và sự tự trị cùng sự phát triển của con người có thể hiểu theo nhiều cách. Nhưng nếu vì công ích mà phải tạm thời hạn chế việc sử dụng các quyền công dân, thì khi hoàn cảnh đã thay đổi, cần phải tái lập tự do càng sớm càng hay. Song nếu chính quyền đi vào những hình thức chuyên chế hoặc độc tài phạm đến quyền lợi cá nhân hay các đoàn thể thì thật là vô nhân đạo.

Công dân phải nung nấu tinh thần ái quốc với lòng đại lượng và trung kiên chứ không hẹp hòi, nghĩa là làm sao để đồng thời vẫn quan tâm đến ích lợi của toàn thể gia đình nhân loại, một gia đình được liên kết lại bằng nhiều ràng buộc giữa các nòi giống, chủng tộc và quốc gia.

Tất cả mọi Kitô hữu phải ý thức về sứ mệnh đặc biệt của mình trong cộng đoàn chính trị. Họ phải nêu gương sáng bằng cách phát biểu ý thức trách nhiệm nơi chính mình và tận tâm phục vụ công ích. Nhờ thế, qua hành động, họ cũng chứng minh cho thấy rằng làm sao dung hòa được quyền bính với tự do, sáng kiến cá nhân với sự liên đới và những đòi hỏi của toàn thể xã hội, dung hòa được sự hiệp nhất sinh ích với những dị biệt phong phú. Trong việc tổ chức trần thế, họ phải nhìn nhận những quan điểm chính đáng đấu đỏi chọi nhau. Họ phải tôn trọng các công dân khác hay các đoàn thể khi những người này bên vực quan điểm của mình cách thẳng thắn. Những đảng phái chính trị có bản phận cổ võ những gì họ xét thấy cần cho công ích, chứ không bao giờ được đặt quyền lợi riêng trên công ích.

Muốn cho mọi công dân xứng đáng nắm giữ vai trò của họ trong đời sống của cộng đoàn chính trị, cần phải hết sức quan tâm đến việc giáo dục cả về công dân và về chính trị. Việc giáo dục này ngày nay rất cần thiết cho mọi người nhất là cho giới trẻ. Những ai có khả năng hoặc có thể có khả năng làm chính

⁷ Xem Gioan XXIII, Tđ. *Mater et Magistra*: AAS 53 (1961), trg 415-418.

trị, một nghệ thuật khó khăn nhưng đồng thời rất cao cả⁸, cần phải được chuẩn bị trước và họ phải hăng hái hoạt động và không màng tới tư lợi hay lợi lộc vật chất. Họ phải đem đời sống thanh liêm và sự khôn ngoan chống lại bất công và áp bức, chống độc tài và ngoan cố của một cá nhân hay một đảng phái chính trị. Họ phải đem lòng chân thành và chính trực, hơn nữa tình thương và lòng dũng cảm phải có trong hoạt động chính trị để tận tâm phục vụ ích lợi của mọi người.

76. Cộng đoàn chính trị và Giáo Hội. Điều rất quan trọng là cần nhận thức chính xác về mối tương quan giữa cộng đoàn chính trị và Giáo Hội, nhất là trong một xã hội gồm nhiều thành phần. Cũng cần phải phân biệt minh bạch giữa những hành động của các tín hữu hoặc cá nhân hoặc đoàn thể với danh nghĩa công dân dưới sự hướng dẫn của lương tâm Kitô giáo và những hành động của các tín hữu khi họ nhân danh Giáo Hội và hợp nhất với các vị chủ chăn của họ.

Vì lý do chức vụ và thẩm quyền của mình, Giáo Hội không cách nào bị đồng hóa với một cộng đoàn chính trị, và cũng không hề cấu kết với bất cứ hệ thống chính trị nào vì Giáo Hội vừa là dấu chỉ vừa là đảm bảo cho tính cách siêu việt của con người.

Cộng đoàn chính trị và Giáo Hội, mỗi bên với lãnh vực riêng của mình, đều độc lập và tự trị. Tuy nhiên, dầu dưới danh hiệu khác nhau, cả hai cũng đồng phục vụ cho con người trong sứ mệnh cá nhân và xã hội. Tùy theo hoàn cảnh và địa phương, nếu cả hai càng duy trì được sự cộng tác lành mạnh, thì cả hai càng phục vụ lợi ích của con người một cách hữu hiệu hơn. Bởi vì con người không phải chỉ thu hẹp trong nhãn giới trần gian. Nhưng tuy sống trong lịch sử nhân loại, con người vẫn mang một sứ mệnh trường cửu. Được thiết lập trong tình yêu của

⁸ Xem Piô XI, *Huấn từ cho các vị lãnh đạo Hiệp Hội Đại Học Công Giáo: Discorsi di Pio XI: x.b. Bertetto, Torino, q.1 (1960), trg 743.*

Chúa Cứu Thế, Giáo Hội có sứ mệnh làm cho công bằng và bác ái lan tràn trong mỗi dân tộc và giữa các dân tộc. Khi rao giảng chân lý Phúc Âm và lấy giáo lý và chứng tá của cuộc sống các Kitô hữu soi sáng mọi lãnh vực của sinh hoạt con người, Giáo Hội cũng tôn trọng và cổ võ tự do chính trị cũng như trách nhiệm của các công dân.

Và được sai đi để loan báo Chúa Kitô là Đấng Cứu Thế cho mọi người, các Tông Đồ và các Đấng kế vị cũng như những cộng tác viên của các ngài đều dựa vào quyền lực của Thiên Chúa để làm việc tông đồ; còn Thiên Chúa thường tỏ rõ sức mạnh của Phúc Âm trong chính sự yếu hèn của các chứng nhân. Vậy bất cứ ai hiến thân phục vụ lời Chúa đều phải dùng đến đường lối cũng như phương thế riêng của Phúc Âm. Những đường lối và phương thế này khác biệt ở nhiều điểm với đường lối và phương thế của trần gian.

Thực thế, các thực tại trần thế và những thực tại siêu phàm nơi con người đều liên kết mật thiết với nhau. Và chính Giáo Hội cũng xử dụng các thực tại trần thế tùy mức độ mà sứ mệnh riêng của mình đòi hỏi. Tuy nhiên, Giáo Hội không cậy nhờ vào những đặc ân của thế quyền ^{89*}. Hơn thế nữa, Giáo Hội cũng sẽ từ chối việc xử dụng một số quyền lợi đã được hưởng một cách chính đáng khi thấy rằng việc xử dụng những quyền lợi đó làm cho người ta nghi ngờ về lòng thành thực muốn làm chứng nhân của mình, hoặc trước những hoàn cảnh mới đòi hỏi phải xử sự cách khác. Tuy nhiên, bất cứ ở đâu và bất cứ thời

^{89*} *Lịch sử gần đây của nước nhà có thể nhắc lại cho chúng ta rằng thái độ ngược lại, nghĩa là trông nhờ vào đặc ân của chính quyền, rất nguy hại cho chính sứ mệnh của Giáo Hội. Hơn thế nữa, tìm kiếm đặc ân cho mình có thể vi phạm công bằng phân phối. Và lại, dù có thể không phạm lỗi gì nhưng việc tìm kiếm đặc ân đó không thích hợp với sứ mệnh của Giáo Hội là phải phục vụ mọi người theo gương của Chúa Giêsu, Đấng đã không đến để được hầu hạ (Mc 10,45). Thái độ siêu thoát và quảng đại như thế càng khó tìm thấy ở những xã hội thấm nhuần tinh thần kính trọng các tôn giáo và các vị đại diện tôn giáo.*

nào Giáo Hội cũng phải được tự do rao giảng đức tin, truyền bá học thuyết xã hội của mình cũng như được dễ dàng chu toàn sứ mệnh của mình giữa loài người. Giáo Hội cũng phải được quyền nói lên nhận định luân lý của mình về cả những vấn đề liên quan đến lãnh vực chính trị khi quyền lợi căn bản của con người hay phần rỗi các linh hồn đòi hỏi. Nhằm mục đích trên, Giáo Hội sử dụng mọi phương tiện và chỉ những phương tiện nào phù hợp với Phúc Âm và lợi ích của mọi người tùy theo thời đại và hoàn cảnh khác nhau.

Trung thành theo sát Phúc Âm và thi hành sứ mệnh của mình trong thế giới, Giáo Hội phải cổ võ và nâng cao bất cứ điều gì là chân, thiện, mỹ trong cộng đoàn nhân loại ⁹. Làm như thế tức là Giáo Hội xây dựng hòa bình cho con người để làm vinh danh Thiên Chúa ¹⁰.

Phần Thứ Hai

Chương V

Cổ Võ Hòa Bình Và Xây Dựng Cộng Đoàn Các Dân Tộc ^{90*}

⁹ Xem CĐ Vat. II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen gentium*, số 13: AAS 57 (1965), trg 17.

¹⁰ Xem Lc 2, 14.

^{90*} Phần nhập đề:

1) Hoà bình cần thiết để xây dựng một thế giới nhân đạo hơn cũng như xứng hợp với tinh thần Phúc Âm hơn số (số 77a). Ví thế, Công Đồng có ý trình bày hòa bình đích thực cũng như lên án tính cách ác độc của chiến tranh (b).

2) Hòa bình đích thực (số 78a) phát sinh bởi tình thương (b) và do ơn Chúa Kitô (c). Các tín hữu phải xây dựng hòa bình (d). Công Đồng khen ngợi những người không dùng phương tiện bạo động (e). Nhưng muốn hòa bình thì phải thắng tội lỗi (f).

Đoạn 1. Loại trừ chiến tranh: Chiến tranh vẫn còn là sự kiện, và khi giới lại càng ngày càng dữ dội (số 79a).

A) Nguyên tắc cần phải tôn trọng luôn luôn: Không được tiêu diệt cả một dân tộc (b). Phải gìn giữ các kẻ ước quốc tế. (Có lẽ nên chấp nhận những kẻ lấy lý do lương tâm mà từ chối không muốn cầm súng) (c). Chiến đấu tự vệ nhu phương tiện tối hậu là hợp lý, nhưng có giới hạn (d). Quân nhân cũng góp phần cho hòa bình (e).

B) Vài trường hợp thực tế: 1) Hành quân không phân biệt mục tiêu và bất chấp giới hạn (số 80a), chiến tranh toàn diện (c), hay tấn công các đô thị và khu vực rộng rãi, đều bị lên án (d). Tích trữ khí giới khoa học có thể đưa tới các tội trạng đó (e). Hiện nay ta cần phải duyệt xét lại các nguyên tắc cổ truyền về chiến tranh (b). 2) Cuộc thi đua võ trang như phương tiện khuyến cáo đối phương (số 81a) không bảo đảm và cũng không đưa lại hòa bình đích thực (b), trái lại nó làm tổn thương kẻ nghèo (c). Đàng khác ta phải lợi dụng khoảng thời gian chưa có chiến tranh (d).

C) Tìm cách loại trừ chiến tranh: bằng kẻ ước và quyền bình quốc tế (số 82a). Ai cũng phải giúp đỡ người có trách nhiệm. Ta phải đổi mới tinh thần (b). Phải kiện toàn những kẻ ước đã có. Phải đào tạo cá nhân vì dư luận rất có ảnh hưởng (c). Công Đồng cảnh cáo mọi người về mối nguy cơ trầm trọng, đàng khác Công Đồng hy vọng còn kịp thời hóa giải (d).

Đoạn 2. Xây dựng cộng đoàn quốc tế: Trước hết bằng cách trừ khử tận gốc các mầm mống thù nghịch, ngay cả trong môi trường quốc tế (số 83). Rồi phải hiệp nhất để mưu ích chung cho quốc tế (số 84a). Vai trò của những tổ chức quốc tế (b): các tổ chức ấy được coi như là bước đầu trên con đường hòa bình (c).

A) Cần phải cộng tác kinh tế: để loại trừ sự bất bình đẳng và trạng thái lệ thuộc bất xứng (số 85a). Cộng tác tùy theo nhu cầu khác nhau của các quốc gia đang mở mang và đã tiến triển (b). Những thái độ cần phải vượt qua (c). Qui tắc về sự cộng tác ấy: Chính quốc gia đang mở mang phải cố gắng (số 86a). Quốc gia tiên tiến có bốn phận trợ lực các quốc gia kém mở mang (b). Cộng đoàn quốc tế phải chi phối chính sách viện trợ theo nguyên tắc bổ trợ (c). Nhiều lúc sẽ phải canh tân cơ cấu xã hội, nhưng cần thận kéo làm thiệt hại cho tinh thần (d). Cần phải viện trợ nhiều hơn cho những quốc gia mà trong đó dân số đang gia tăng mau chóng (số 87a). Vai trò của chính quyền và các viện đại học về vấn đề này (b) và những giới hạn luân lý (c).

B) Vai trò: của tín hữu (số 88a). Việc cộng tác cá nhân hay nhờ phương tiện kinh tế (b). Cộng tác với các tín hữu khác (c). Vai trò của Giáo Hội (số 89a). Giáo dân càng góp phần trong cộng đoàn thì việc làm của Giáo Hội càng hữu ích (b). Giáo dân nên cộng tác với tổ chức quốc tế, nhất là tổ chức công giáo (số 90a), và với anh em ly khai cũng như với những người hiểu hòa khác (b). Công Đồng tỏ ý ước mong rằng Tòa Thánh sẽ sáng lập một tổ chức quốc tế để cổ võ công bằng và tình thương yêu đối với các miền nghèo nhất (c).

77. Nhập đề. Hiện nay, trong khi những nỗi đau khổ và lo âu hết sức trầm trọng còn tồn tại giữa loài người do cuộc chiến tranh không ngừng hiện đang đe dọa gây nên, toàn thể nhân loại trong tiến trình trưởng thành đã bước vào một giai đoạn hết sức quyết định. Gia đình nhân loại dần dần hiệp nhất với nhau và đã ý thức hơn về sự hiệp nhất của mình ở mọi nơi, do đó công việc mà gia đình nhân loại phải bắt tay vào là xây dựng một thế giới thực sự nhân bản hơn cho tất cả mọi người ở mọi nơi. Công việc này chỉ được hoàn thành cách tốt đẹp nếu tất cả mọi người đều cải tạo tâm hồn để hướng về hòa bình đích thực. Như thế, sứ điệp Phúc Âm phụ họa với những khát vọng và cố gắng cao cả của nhân loại mới rực sáng lên ở thời đại chúng ta bằng luồng sáng mới, khi công bố phúc cho những người kiến tạo hòa bình "vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa" (Mt 5,9).

Do đó, khi làm sáng tỏ ý nghĩa đích thực và rất cao cả của hòa bình, và sau khi đã lên án sự dã man của chiến tranh, Công Đồng muốn tha thiết kêu mời các Kitô hữu, với sự trợ giúp của Chúa Kitô, Đấng sáng tạo hòa bình, hãy cộng tác với tất cả mọi người để chuẩn bị các phương tiện xây dựng hòa bình và để củng cố nền hòa bình đích thực giữa họ trong công bằng và yêu thương.

78. Bản chất của hòa bình. Hòa bình không hẳn là vắng bóng chiến tranh, cũng không chỉ được giản lược vào sự quân bình hóa giữa các lực lượng đối phương, cũng không phát xuất do một nền cai trị độc tài, nhưng theo đúng định nghĩa thì hòa bình là "công trình của công bằng" (Is 32,7). Hòa bình là kết quả của một trật tự đã được chính Thiên Chúa, Đấng Sáng Lập, ghi khắc vào xã hội loài người và phải nhờ những người luôn luôn khao khát một nền công bằng hoàn hảo hơn thể hiện ra trong hành động. Thật thế, mặc dù tự bản chất công ích của nhân loại dĩ nhiên phải được định luật đời đời qui định, tuy nhiên trong những đòi hỏi cụ thể của nó, công ích vẫn phải chịu những thay đổi không ngừng với diễn biến của thời gian. Do

đó, hòa bình không bao giờ đạt được một lần là xong, nhưng phải xây dựng mãi mãi. Hơn nữa, vì ý chí của con người yếu đuối và bị tội lỗi làm tổn thương, do đó muốn có hòa bình mỗi người phải luôn luôn kiểm chế vọng của mình và chính quyền phải canh phòng cẩn thận.

Nhưng như thế chưa đủ. Hòa bình ấy chỉ có được trên trần gian, nếu giá trị của từng cá nhân được đảm bảo và mọi người tin tưởng cũng như tự nguyện san sẻ cho nhau những của cải tinh thần và tài năng của họ. Ý chí cương quyết muốn tôn trọng người khác, những dân tộc khác cũng như phẩm giá của họ và sự ân cần thực thi tình huynh đệ là những điều kiện thiết yếu để xây dựng hòa bình. Như thế, hòa bình cũng là kết quả của tình thương, một thứ tình thương vượt xa những gì công bằng có thể đem đến.

Phát sinh từ tình yêu tha nhân, hòa bình trần gian là hình ảnh và là kết quả của hòa bình Chúa Kitô, hòa bình do Đức Chúa Cha mà đến. Vì chính Chúa Con Nhập Thể là thái tử hòa bình đã dùng thập giá Người để hòa giải mọi người với Thiên Chúa; Người đã tái lập sự hiệp nhất mọi người thành một dân tộc và một thân thể. Người đã hủy diệt hận thù trong chính xác thể Người¹, và sau khi đã khôi hoàn phục sinh, Người đã đổ tràn Thánh Thần tình yêu đầy lòng con người.

Do đó, trong khi "thực thi chân lý trong bác ái" (Eph 4,15), mọi Kitô hữu được khẩn thiết kêu mời hãy kết hiệp với những người thực sự yêu chuộng hoà bình để cầu khẩn và thiết lập hòa bình^{91*}.

¹ Xem Eph 2,16; Col 1,20-22.

^{91*} "Phúc cho người hiếu hòa vì sẽ được gọi là con Thiên Chúa" (Mt 5,9). Chủ nghĩa hòa bình đích thực không hề tị nạn tại sự lên án chiến tranh và đòi hỏi ngưng chiến bất chấp hoàn cảnh, nhưng phải xây dựng hòa bình chính nghĩa (78a-c). Thiếu công bằng và tình thương, "hòa bình" chỉ trở nên một thứ bạo động càng đáng ghét hơn vì nó gây nên thiệt hại tinh thần hơn cả vật chất. Do đó, ta không thể dựa vào tinh thần Phúc Âm mà đòi hỏi các quốc gia phải bỏ rơi số phận

Cũng trong tinh thần đó, chúng tôi không thể không ca ngợi những ai tranh đấu cho quyền lợi mà không dùng bạo động, nhưng dùng những phương tiện tự vệ sẵn có cho những người yếu kém, miễn sao không hại đến quyền lợi và bổn phận của người khác và của cộng đoàn.

Bao lâu con người còn là những kẻ tội lỗi, hiểm họa chiến tranh còn đe dọa và vẫn sẽ còn đe dọa cho tới khi Chúa Kitô đến. Tuy nhiên, nhờ kết hiệp trong bác ái, con người thắng vượt tội lỗi và cũng thắng vượt bạo động cho tới khi lời sau đây được hoàn tất: "Họ sẽ rên grom thành lưỡi cày và giáo thành lưỡi liềm. Các dân tộc sẽ không rút grom đâm chém nhau và sẽ không còn tập luyện để chiến đấu" (Is 2,4).

Đoạn 1: Tránh Chiến Tranh

78. Giảm thiểu sự vô nhân đạo của chiến tranh. Mặc dù những trận chiến tranh gần đây đã gây cho thế giới chúng ta những thiệt hại quá nặng nề về vật chất cũng như tinh thần, thế mà cho tới nay trên một vài miền chiến tranh vẫn còn hàng ngày liên tục tàn phá. Lại nữa, khi người ta sử dụng những khí giới khoa học đủ loại trong chiến tranh thì tính cách dã man của chiến tranh càng le đưa những kẻ tham chiến tới một sự man rợ còn khốc hại hơn những ngày trước. Và lại, hoàn cảnh phức

của nhân loại trong tay những kẻ xâm lăng đầy tội lỗi, vì đó chắc không phải là tinh thần Phúc Âm đích thực. Nếu một thứ thần học tin lành nào đó nhấn mạnh rằng luân lý Phúc Âm chống lại và vượt quá luân lý tự nhiên, bởi vì họ tưởng rằng thế giới và bản tính con người đã bị tội lỗi làm hư hỏng hoàn toàn, cho nên tín hữu phải can đảm từ chối chiến đấu bất chấp hậu quả thì đối với người công giáo sẽ khác hẳn: bởi vì chúng ta biết rằng Thiên Chúa không những đã dựng nên thế giới và ủy thác cho con người phát triển và xây dựng thế giới, nhưng còn cho Chúa Kitô đến chuộc lại thế giới đó. Các nhiệm vụ do công tích phát sinh không chỉ có tính cách luân lý tự nhiên mà thôi. Nhưng chúng ta phải hết sức vất vả để xây dựng hòa bình bằng cách loại trừ tội lỗi (f), luyện tập đức công bằng và thương yêu (ab), tìm kiếm ơn thánh Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần (c), v.v... Trong phần hai, Công Đồng nhắc lại một số phương tiện tự nhiên ta có thể áp dụng.

tạp ngày nay và những mối bang giao rối ren giữa các quốc gia càng giúp cho chiến tranh ngấm ngấm kéo dài với những phương pháp mới quỷ quyệt và tàn bạo. Trong nhiều trường hợp, sự xử dụng những phương pháp khủng bố được coi như một hình thức mới của chiến tranh.

Đứng trước thảm trạng này của nhân loại, tiên vàn Công Đòng muốn nhắc nhở đến giá trị ngàn đời của quyền lợi tự nhiên của các dân tộc và những nguyên tắc phổ quát của nó. Chính lương tâm nhân loại công bố những nguyên tắc đó một cách càng ngày càng cương quyết hơn. Những ai mưu toan hành động ngược lại những nguyên tắc đó cũng như những ai ra lệnh những hành động như thế, đều phạm tội ác cả; sự thừa lệnh mù quáng cũng không đủ để chạy tội cho những người tuân theo những mệnh lệnh trên. Trong số những hành động tội ác trên, trước hết phải kể đến hành động tiêu diệt một chủng tộc, một dân tộc hay một dân tộc thiểu số bằng bất cứ lý do hay phương pháp nào. Những hành động như thế phải được gất gao lên án như những tội ác đáng ghê tởm. Và phải hết sức ca ngợi tinh thần can đảm của những người dám công khai chống đối lại những kẻ ra lệnh thi hành những tội ác trên.

Về vấn đề chiến tranh, hiện có nhiều hiệp ước quốc tế mà khá nhiều quốc gia đã ký kết nhằm làm cho những hoạt động quân sự và những hậu quả của chúng bớt vô nhân đạo hơn. Chẳng hạn có những hiệp ước liên quan đến số phận của thương binh hoặc tù binh, và nhiều thỏa ước tương tự khác. Những hiệp ước như thế cần phải được tôn trọng. Hơn nữa, mọi người, nhất là chính quyền và những nhà chuyên môn về vấn đề này, tùy theo khả năng của mình, cần phải cố gắng làm sao cho những hiệp ước đó được hoàn hảo, và như thế tức là họ giúp ngăn chặn một cách tốt đẹp và hữu hiệu hơn tính cách vô nhân đạo của chiến tranh. Và lại, cũng là một điều hợp lý nếu vì lòng nhân đạo mà có những khoản luật dành cho những người vì lý do lương tâm từ chối không xử dụng khí giới, miễn

là họ chấp nhận phục vụ cộng đoàn nhân loại dưới một hình thức khác^{92*}.

Dĩ nhiên, nhân loại chưa trừ được tận gốc chiến tranh. Và bao lâu nguy cơ chiến tranh tồn tại, bao lâu chưa có quyền bính quốc tế có thẩm quyền và có đủ sức mạnh, thì mỗi khi đã dùng hết mọi phương thể ôn hòa, các chính phủ được phép sử dụng quyền tự vệ chính đáng. Do đó, các thủ lĩnh quốc gia và những ai có trách nhiệm trong nước có bổn phận phải bảo vệ dân chúng đã được ủy thác cho mình, họ phải thận trọng trong những vấn đề nghiêm trọng như thế. Tuy nhiên, chiến tranh để bảo vệ dân tộc một cách chính đáng là một việc, còn mưu toan đặt ách đô hộ trên các quốc gia khác lại là việc khác. Không phải mọi việc sử dụng sức mạnh của khí giới vào mục tiêu chính trị hay quân sự đều là hợp pháp. Không phải vì chiến tranh đã chẳng may khai diễn mà các đối phương đều được phép làm gì thì làm.

Đối với những ai hy sinh phục vụ tổ quốc trong quân ngũ, họ cũng phải coi mình như những người đem lại an ninh và tự do cho các dân tộc. Và nếu họ chu toàn bổn phận này, họ thực sự đóng góp vào việc củng cố hòa bình.

80. Chiến tranh toàn diện. Sự phát triển khí giới khoa học làm cho chiến tranh tăng thêm phần ghê tởm và khốc hại khôn lường. Thực vậy, những hành động hiếu chiến đi đôi với việc sử dụng những khí giới này có thể đưa lại những tàn phá lớn

^{92*} "Lấy lý do lương tâm mà từ chối cầm súng" có phải là một nhân quyền dân sự không? Hiện nay có nhiều người quả quyết như vậy. Tuy nhiên Công Đồng vừa bênh vực quyền bính và nhiệm vụ của chính quyền để bảo vệ công ích (số 78ae); (79d), vừa ban khen quân nhân phục vụ quốc gia (79e). Đàng khác, trong toàn bài nói về những nỗ lực để giảm bớt mức độ độc ác của chiến tranh, Công Đồng lại phát biểu ý kiến rằng nếu chính quyền và luật pháp chấp nhận lý do lương tâm mà không buộc người vịn lẽ ấy phải cầm súng, điều đó có vẻ hợp lẽ phải. Thực ra, trước Công Đồng đã có một số quốc gia lập luật chấp nhận lý do lương tâm, miễn là người vịn lẽ đó phục vụ quốc gia một cách khác.

lao và không phân định, do đó vượt xa giới hạn của việc tự vệ chính đáng. Hơn nữa, nếu tận dụng tất cả những phương tiện hiện có trong các kho vũ khí của các cường quốc, thì sẽ có một cuộc tương tàn hầu như hoàn toàn và mỗi bên sẽ bị đối phương tận diệt, đó là chưa kể đến nhiều cuộc tàn phá xảy ra trong thế giới và những hậu quả khốc hại do việc sử dụng những khí giới nói trên.

Tất cả những điều nói trên buộc chúng ta phải xét lại chiến tranh trong một tinh thần hoàn toàn mới ². ^{93*} Con người thời đại này phải biết rằng họ sẽ chịu trách nhiệm nặng nề về những hành động hiếu chiến của họ, vì các biến chuyển tương lai sẽ tùy thuộc nhiều ở những quyết định của họ hôm nay.

Trước tình trạng đó, thừa nhận những lời kết án về chiến tranh toàn diện của những vị Giáo Hoàng gần đây ³, Thánh Công Đồng tuyên bố rằng:

² Xem Gioan XXIII, Tđ. *Pacem in terris*, 11-4-1963: AAS 55 (1963), trg 291: "Do đó, trong thời đại này, thời đại của chúng ta, thời đại tự phụ về sức mạnh nguyên tử, thực là vô lý khi nghĩ rằng chiến tranh vẫn còn là một phương tiện thích hợp để đối phó với việc xâm phạm quyền lợi"

^{93*} Ngoài hai nguyên tắc cổ điển là "chiến đấu tự vệ" và "sự cân xứng giữa thiệt hại đã phải chịu và thiệt hại có thể gây nên", Công Đồng nhấn mạnh nguyên tắc mới là nguyên tắc "không phân biệt mục tiêu". Nghĩa là đánh nhau bất chấp mục tiêu quân sự hay dân sự, sử dụng những vũ khí quá mạnh mà không làm sao có thể điều khiển được, áp dụng phương pháp khủng bố, lúc ấy chiến tranh không còn có tính cách tự vệ nữa. Nguyên tắc này khiến ta phải xét lại lập trường cũ.

Không một chỗ nào chúng tôi Công Đồng theo chủ nghĩa hòa bình quá đáng, nhưng đáng khác Công Đồng cũng không chấp nhận lập trường cứ yên tâm mà chiến đấu. Công Đồng lưu ý chúng ta tới sự vô lý của cuộc thi đua vũ trang đòi hỏi món tiền bao la đang khi biết bao người nghèo khó thiếu thốn (81c). Thật là vô lý khi các quốc gia tiên triễn cũng như kém mở mang, dành cho ngân sách quốc phòng nhiều tiền hơn ngân sách giáo dục, phát triển, v.v... Công Đồng khích lệ người có trách nhiệm áp dụng mọi phương pháp để loại trừ chiến tranh (82), rồi trong toàn phần hai lại đề nghị nhiều phương cách cụ thể để xây dựng hòa bình (83-90).

³ Xem Piô XII, Huấn từ 30-9-1954: AAS 46 (1954), trg 589; - *Sứ điệp truyền thanh* 24-12-1954: AAS 47 (1955), trg 15tt. - Gioan XXIII, Tđ. *Pacem in terris*: AAS 55

Mọi hành động hiếu chiến nhằm tiêu diệt bừa bãi nguyên cả thành phố hay những vùng rộng lớn cùng với dân cư ở đó là một tội ác chống lại Thiên Chúa và chính con người. Vậy phải cực lực và không ngần ngại lên án tội ác đó.

Mỗi nguy cơ đặc biệt của chiến tranh hiện nay hệ tại ở chỗ hầu như tạo cơ hội cho những người có khí giới tối tân phạm những tội ác như thế và hậu quả tất nhiên là có thể thúc đẩy ý muốn con người đi tới những quyết định hiểm độc nhất. Vậy để cho thảm trạng đó không bao giờ xảy đến, các Giám Mục trên toàn thế giới họp nhau nên một tha thiết kêu gọi mọi người, nhất là những nhà cầm quyền quốc gia cũng như những vị chỉ huy quân sự hãy luôn luôn cân nhắc trách nhiệm lớn lao của mình trước mặt Thiên Chúa và toàn thể nhân loại.

81. Thi đua võ trang. Thực ra, khí giới khoa học không phải được thu trữ chỉ để dùng vào thời chiến tranh, vì người ta cho rằng sự phòng thủ kiên cố của mỗi phe tùy thuộc ở khả năng trả đũa đối phương một cách vũ bão, cho nên sự tích trữ khí giới mỗi năm một gia tăng chính là nhằm đe dọa đối phương có thể bất thần tấn công. Nhiều người cho rằng đó là phương cách hữu hiệu nhất để bảo toàn hòa bình giữa các quốc gia ngày nay.

Dù cho phương thức ngăn chặn đối phương có thể nào đi nữa, con người vẫn phải xác tín rằng cuộc thi đua võ trang, công việc mà khá nhiều quốc gia đang theo đuổi, không phải là một con đường an toàn để duy trì hòa bình một cách vững chắc, cũng như cái gọi là quân bình xuất phát từ việc thi đua đó cũng không phải là hòa bình chắc chắn và đích thực. Do đó, những nguyên nhân của chiến tranh chẳng những không bị loại bỏ mà còn đe dọa mỗi lúc một thêm trầm trọng. Đang khi tiêu thụ quá nhiều tài nguyên vào việc chuẩn bị những khí giới luôn luôn

(1963), trg 286-291. - Phaolô VI, *Huấn từ ở Liên Hiệp Quốc, 4-10-1965*: AAS 57 (1965), trg 877-885).

mới mẻ thì không thể nào đem lại một phương dược đủ để chữa trị biết bao khốn khổ hiện tại của thế giới. Thay vì thật sự và triệt để hàn gắn những chia rẽ giữa các quốc gia, người ta lại làm cho những chia rẽ ấy lan rộng đến các vùng khác trên thế giới. Phải chọn lựa những con đường mới bắt nguồn từ việc cải tạo tâm hồn để chấm dứt tệ trạng đó và để hòa bình đích thực có thể được văn hồi, một khi thế giới được giải thoát khỏi mọi âu lo đang đè nặng.

Bởi thế, cần phải tuyên bố một lần nữa: cuộc thi đua võ trang là một tai họa hết sức trầm trọng cho nhân loại và xúc phạm đến người nghèo một cách không thể tha thứ được. Và phải hết sức sợ rằng cuộc thi đua võ trang, nếu vẫn còn tiếp diễn, một ngày nào đó, sẽ gây ra mọi tai họa chết chóc do những phương thế đã được nó chuẩn bị sẵn.

Thấy được những tai họa mà nhân loại có thể gây nên, chúng ta hãy lợi dụng thời hạn mà ơn trên ban cho chúng ta, để khi ý thức hơn về trách nhiệm của riêng mình, chúng ta sẽ tìm được những con đường giúp chúng ta giải quyết được những tranh chấp của mình một cách xứng đáng với con người hơn. Thiên Chúa quan phòng không ngừng đòi hỏi chúng ta phải tự giải phóng khỏi ách nô lệ của chiến tranh đã có từ xưa. Do đó, nếu khước từ mọi cố gắng như trên, chúng ta không biết chúng ta sẽ đi về đâu trên con đường tội ác mà mình đã bước vào.

82. Triệt để ngăn cấm chiến tranh và hoạt động quốc tế nhằm tránh chiến tranh. Bởi thế, dĩ nhiên chúng ta cần phải đem hết nỗ lực để chuẩn bị cho giai đoạn mà bất cứ chiến tranh nào cũng đều bị triệt để ngăn cấm do sự ưng thuận của các quốc gia. Điều đó chắc chắn đòi hỏi phải thiết lập một công quyền quốc tế được mọi người thừa nhận. Quyền bính này phải có một thực lực hữu hiệu để bảo đảm an ninh cho mọi người cũng như buộc phải thực thi công bằng và tôn trọng quyền lợi. Nhưng trước khi thiết lập được quyền bính đáng mong mỏi ấy,

các cơ quan tối cao quốc tế hiện hành cần phải đem hết nỗ lực để nghiên cứu các phương thể khả hiệu nhất hầu đem lại an ninh chung. Vì hòa bình phải phát sinh từ niềm tin tưởng lẫn nhau giữa các dân tộc, chứ không là thứ hòa bình cưỡng ép giữa các dân tộc do sự sợ hãi khí giới của nhau. Nên tất cả cần phải cố gắng chặn đứng cuộc chạy đua vũ trang. Muốn cho sự tài giảm binh bị thực sự bắt đầu, thì việc tài giảm này không phải là việc làm của một bên, nhưng phải được cả đôi bên thỏa thuận với những bảo đảm thực sự và hữu hiệu ⁴.

Trong lúc chờ đợi, không nên coi thường những nỗ lực đã có và đang có cho tới nay đã ngăn chặn nguy cơ chiến tranh. Tốt hơn là nên nâng đỡ thiện chí của một số đông những người, tuy phải bận tâm quá nhiều về những nhiệm vụ tối cao của họ, những vẫn ý thức được trách nhiệm rất nặng nề bó buộc họ, cho nên họ cố gắng loại bỏ chiến tranh mà họ đang ghê tởm mặc dù họ không thể bỏ qua được hoàn cảnh phức tạp hiện tại. Hơn nữa, phải luôn luôn cầu xin Thiên Chúa ban cho họ nghị lực để kiên quyết tiến tới và can đảm hoàn thành công cuộc của tình thương cao cả đối với con người là xây dựng hòa bình một cách mạnh mẽ. Ngày nay, chắc chắn công cuộc đó đòi hỏi họ phải mở rộng tâm hồn và tinh thần vượt khỏi ranh giới của quốc gia mình, phải từ bỏ lòng ích kỷ quốc gia và tham vọng thống trị các quốc gia khác, phải nuôi dưỡng lòng tôn trọng sâu xa đối với toàn thể nhân loại đang vất vả tiến tới một sự thống nhất lớn lao hơn.

Về vấn đề hòa bình và giải giới, cần phải xem những nghiên cứu tìm tòi đã được theo đuổi một cách can đảm và không ngừng, cũng như những hội nghị quốc tế bàn về vấn đề này như là những bước đầu để giải quyết những vấn đề khá trọng đại. Và trong tương lai, để đạt được những kết quả thực tiễn, cần

⁴ Xem Gioan XXIII, Tđ. *Pacem in terris*, chỗ nói về tài giảm binh bị: AAS 55 (1963), trg 287.

phải cố võ những nỗ lực trên một cách cấp bách hơn. Tuy nhiên, không nên chỉ y lại vào cố gắng của một vài người mà quên tinh thần riêng của mỗi người^{94*}. Vì là những người chịu trách nhiệm trước công ích của dân tộc mình và đồng thời đem lại ích chung cho toàn thể thế giới, cho nên các nhà lãnh đạo quốc gia tùy thuộc rất nhiều vào quan điểm và tâm tình của quần chúng. Bao lâu những tâm tình thù hận, khinh thị và nghi kỵ, những hiềm thù vì "kỳ thị chủng tộc" cũng như những ý thức hệ ngoan cố, tất cả những thứ đó vẫn còn chia rẽ và đôi nghịch con người với nhau, thì các nhà lãnh đạo quốc gia có cố công xây dựng hòa bình cũng vẫn vô ích. Do đó, cần phải cấp tốc canh tân giáo dục tâm trạng và gây lại một chiều hướng mới cho dư luận quần chúng. Những ai tận tâm với công cuộc giáo dục, nhất là giáo dục giới trẻ, hoặc hướng dẫn dư luận quần chúng, phải nhớ rằng việc gieo rắc trong đầu óc mọi người những tư tưởng mới về hòa bình là một bổn phận nặng nề nhất. Dĩ nhiên tất cả chúng ta đều có bổn phận thay đổi tâm hồn mình, phải mở rộng nhãn quan trên toàn thể giới và trên những

^{94*} *Xây dựng hòa bình là công việc của mọi người chúng ta, nhất là của tín hữu, bởi vì dư luận càng ngày càng có ảnh hưởng trên các nhà cầm quyền. Theo lời chỉ dẫn của Công Đồng, Đức Phaolô VI nhiều lần đã nhấn mạnh rằng ta phải đổi mới tâm trạng bằng cách tiêu hủy tính ích kỷ, sự bạo động, sự xâm phạm quyền lợi của người khác (8-12-1967), và bằng cách từ bỏ sự xung đột tư tưởng cũng như xu hướng bán năng khiếu căng và vô nhân đạo (1-1-1968). Trái lại, phải tìm kiếm tinh thần mới: đề cao nhiệm vụ và lòng tôn trọng tha nhân, tình huynh đệ, công bằng, thương yêu, tự do về khía cạnh dân sự, văn hóa, luân lý và tôn giáo (8-12-1967). Đức Phaolô trông mong ở giới trẻ không biết bị quan (1-1-1968). Tất cả những ai đã phải khổ sở cũng như đã bị tử thương vì chiến tranh, đều kêu gào và đòi hỏi chúng ta phải có tinh thần mới đó. Và nhất là Chúa Kitô đã nhập thể và đã tuyên bố rằng mọi người đều là anh em với nhau, đã giảng dạy giá trị thánh thiện của mạng sống và của việc tha thứ cho nhau; Người đòi hỏi phải có tâm trạng đổi mới ấy (1-1-1968)... Trong Thông Điệp Pacem in terris, Đức Gioan XXIII đã nhấn mạnh nền tảng hòa bình cốt tại trật tự tự nhiên do chân thật, công bằng, thương yêu và tự do tạo nên. Bốn nhân đức ấy sẽ giúp đỡ không những cá nhân với cá nhân mà còn cá nhân với cộng đoàn chính trị, cũng như các quốc gia với nhau và với cộng đoàn quốc tế.*

nhệm vụ mà chúng ta có thể cùng nhau đảm nhận để làm cho nhân loại chúng ta tiến triển tốt đẹp hơn.

Nhưng đừng để hy vọng hão huyền lừa dối chúng ta. Thật thế, cho dù đã loại bỏ được hiểm khích và hận thù, nhưng nếu trong tương lai chúng ta không ký kết được những hiệp ước vững chắc và thành thật bảo đảm cho một nền hòa bình đại đồng, thì nhân loại, hiện đang gặp nguy cơ trầm trọng dù có một nền khoa học kỳ diệu đi nữa, có lẽ cũng sẽ tiến dần đến cách thảm khốc tới một giây phút mà nhân loại sẽ không biết hòa bình nào khác hơn là thứ hòa bình khủng khiếp của chết chóc. Tuy nhiên, Giáo Hội Chúa Kitô được thiết lập giữa những lo âu của thời đại này, khi tuyên bố những điều trên, vẫn luôn hết sức vững tâm hy vọng. Thuận tiện hay không thuận tiện, Giáo Hội vẫn muốn trình bày và vẫn muốn trình bày mãi mãi cho thời đại chúng ta sứ điệp của các Tông Đồ: "đây là thời thuận tiện" để cải tạo tâm hồn, "đây là ngày cứu độ"⁵.

Đoạn 2: Xây Dựng Cộng Đoàn Quốc Tế

83. Nguyên nhân bất hòa và phương được chữa trị. Để xây dựng hòa bình, trước hết cần phải tận diệt những nguyên nhân bất hòa giữa con người với nhau, vì chính những nguyên nhân đó nuôi dưỡng chiến tranh, nhất là những bất công. Một số không ít những nguyên nhân này bắt nguồn từ những chênh lệch thái quá trong địa hạt kinh tế, cũng như từ sự trì hoãn những sửa đổi cần thiết. Một số nguyên nhân khác phát sinh từ đầu óc thống trị và miệt thị con người, và nếu tìm hiểu những lý do sâu xa hơn, thì đó là lòng tham lam, nghi kỵ, kiêu căng và những đam mê ích kỷ khác. Vì con người không thể chịu đựng được bao nhiêu hỗn loạn ấy, cho nên dù không có chiến tranh tàn khốc, thế giới vẫn không ngừng bị những tranh chấp giữa con người với nhau và những bạo động làm xáo trộn. Hơn

⁵ Xem 2Cor 6,2.

nữa, những tệ hại này còn có mặt trong những tương quan giữa chính các quốc gia, cho nên để chiến thắng hay ngăn ngừa những tệ hại đó và chặn đứng những bạo động cuồng loạn, triệt để cần phải phối hiệp và tổ chức các cơ quan quốc tế một cách tốt đẹp và vững chắc hơn. Cũng cần phải luôn luôn khuyến khích việc thành lập những cơ quan cổ võ cho hòa bình.

84. Cộng đoàn các dân tộc và các cơ quan quốc tế. Ngày nay mỗi dây tương quan giữa các công dân và các dân tộc trên thế giới mỗi ngày một thêm chặt chẽ. Do đó, muốn tìm công ích đại đồng một cách thích ứng và thể hiện một cách hữu hiệu hơn, cộng đồng các dân tộc cần phải được tổ chức theo một thể thức hợp với công cuộc hiện thời, nhất là liên quan đến rất nhiều miền cho tới nay vẫn còn đang chịu cảnh túng thiếu cơ cực.

Để đạt được những mục tiêu nói trên, các cơ quan của cộng đoàn quốc tế tùy theo phận vụ mình, phải đáp ứng những nhu cầu muôn mặt của con người trong lãnh vực xã hội như lương thực, sức khỏe, giáo dục, việc làm, cũng như trong một vài hoàn cảnh đặc biệt có thể gặp tại vài nơi, chẳng hạn cần phải cổ võ sự thăng tiến tổng quát của các quốc gia trên đường phát triển, phải trợ giúp nỗi đau khổ của những người tị nạn rải rác trên khắp thế giới, hoặc còn phải cứu trợ những người di cư và gia đình họ.

Các cơ quan quốc tế đang có trên toàn thế giới hay tại địa phương chắc chắn đáng được nhân loại ghi ơn nhiều. Những tổ chức này tựa như những cố gắng đầu tiên nhằm đặt nền móng quốc tế cho cả cộng đoàn nhân loại, để giải quyết những vấn đề trầm trọng nhất của thời đại chúng ta, như là cổ võ sự phát triển khắp nơi và ngăn ngừa chiến tranh dưới mọi hình thức. Trong tất cả những lãnh vực này, Giáo Hội hoan hỷ trước tinh thần huynh đệ đích thực đang nảy nở giữa các Kitô hữu và

những người ngoài Kitô giáo; tinh thần đó nhằm giúp họ gia tăng thêm mãi mãi nỗ lực để xoa dịu nỗi thống khổ bao la.

85. Cộng tác quốc tế trong lãnh vực kinh tế^{95*}. Sự liên đới ngày nay của nhân loại cũng đòi hỏi phải thiết lập một sự cộng tác quốc tế rộng rãi hơn trong lãnh vực kinh tế. Thật vậy, mặc dù hầu hết mọi dân tộc đều được tự trị, tuy nhiên còn lâu họ mới thoát khỏi những chênh lệch thái quá và mọi hình thức lệ thuộc quá đáng, cũng như tránh được mọi nguy cơ trầm trọng từ những khó khăn bên trong.

Sự phát triển của mỗi quốc gia tùy thuộc ở những trợ giúp về nhân sự và tài chánh. Người công dân trong mỗi nước cần phải được chuẩn bị bằng việc giáo dục và huấn nghệ để chấp nhận những nhiệm vụ khác nhau trong đời sống kinh tế và xã hội. Nhằm mục đích trên, cần phải có sự giúp đỡ của những chuyên viên ngoại quốc; khi giúp đỡ, những chuyên viên này đừng xử sự như chủ, nhưng như là những người trợ tá và cộng tác viên. Sự viện trợ vật chất cho các quốc gia đang phát triển chỉ thực hiện được nếu người ta thay đổi sâu rộng những đường lối thương mại hiện có trên thế giới. Hơn nữa, các quốc gia tiên bộ phải giúp cho các quốc gia đó những viện trợ khác nhau dưới hình thức tặng phẩm, cho vay hoặc đầu tư tài chánh. Một bên phải viện trợ cách quảng đại, chứ không vì tham lam, cũng như bên kia phải nhận với tất cả công minh.

Muốn xây dựng một nền kinh tế đích thực cho thế giới cần phải dập tắt lòng ham lợi quá đáng, những tham vọng quốc gia, những khao khát bá chủ về chính trị, mọi mưu tính về mặt quân

^{95*} Trong phần hai này, Công Đồng nhấn mạnh nhiều nhất đến sự cộng tác với nhau trong lãnh vực kinh tế. "Sự phát triển là danh hiệu mới của hòa bình" (Phaolô VI, *Populorum Progressio*, số 87). Không phải vì khi có đầy đủ mọi sự vật chất đã là hết tất cả các nguyên nhân (sự bất công, ích kỷ, tham lam, kiêu căng...) có thể gây nên chiến tranh, nhưng vì trường hợp thiếu bình đẳng giữa các dân tộc là một trong các nguyên nhân quan trọng nhất gây nên sự bất công cũng như tinh thần đố kỵ (PP., số 55).

sự cũng như mọi mưu mô nhằm tuyên truyền và bắt phải theo một ý thức hệ. Người ta đề ra nhiều hệ thống kinh tế và xã hội. Ước gì các nhà chuyên môn có thể dựa trên đó mà tìm ra những căn bản chung cho một nền mậu dịch quốc tế lành mạnh. Điều đó dễ đạt được nếu mỗi người từ bỏ thành kiến riêng và mau mắn đi tới đối thoại một cách chân thành.

86. Vài tiêu chuẩn thích hợp. Những tiêu chuẩn sau đây xem ra thích hợp cho việc cộng tác trên:

a) Các dân tộc đang phát triển cần phải chú tâm nhiều đến việc theo đuổi sự phát triển toàn vẹn cho người công dân; một cách rõ ràng và cương quyết, họ phải theo đuổi việc phát triển này như mục tiêu của sự tiến bộ. Họ phải nhớ rằng sự tiến bộ phát sinh và gia tăng trước hết là tùy thuộc ở sự làm việc và tài nghệ của chính dân tộc mình, nghĩa là sự tiến bộ không chỉ căn cứ vào viện trợ của ngoại bang, nhưng tiên vàn căn cứ vào việc khai thác đầy đủ những tài nguyên của xứ sở cũng như vào việc phát triển văn hóa và truyền thống riêng của mình. Trong vấn đề này, những ai có ảnh hưởng trên người khác hơn cả cần phải nêu gương hơn hết.

b) Bồn phận nặng nề nhất của các quốc gia tiến bộ là giúp đỡ các dân tộc đang phát triển chu toàn những phận vụ nói trên. Do đó, ngay trong quốc gia mình, họ phải thích nghi về mặt tinh thần cũng như vật chất cần thiết để thiết lập sự cộng tác đại đồng này.

Như thế, khi giao dịch với các quốc gia nghèo yếu hơn, họ phải quan tâm đặc biệt đến lợi ích của các quốc gia này: vì các quốc gia này sống còn là tùy ở nguồn lợi từ những sản phẩm bán ra.

c) Bồn phận của cộng đoàn quốc tế là phối hợp và cổ võ sự phát triển, tuy nhiên tài nguyên dành cho việc phát triển phải được phân phối hết sức hữu hiệu và hoàn toàn công bằng. Dù vẫn giữ nguyên tắc trách nhiệm hỗ trợ, cộng đoàn quốc tế cũng

phải điều hòa các mối bang giao kinh tế trên toàn thế giới, làm sao để các mối bang giao đó được thể hiện trong các quy tắc của công bình.

Phải thiết lập những tổ chức có thể cô võ và điều hành những mậu dịch quốc tế nhất là với các quốc gia kém mở mang, để bù đắp những khuyết điểm do sự chênh lệch thái quá về thế lực giữa các quốc gia. Đường lối tổ chức trên cùng với sự trợ giúp kỹ thuật, văn hóa và tài chánh, sẽ giúp các quốc gia đang phát triển có những phương tiện cần thiết để có thể mở mang kinh tế một cách thích hợp.

d) Trong nhiều trường hợp, nhu cầu cấp bách đòi hỏi phải xét lại các cơ cấu kinh tế và xã hội. Tuy nhiên phải coi chừng những giải pháp kỹ thuật chưa được chín mùi, nhất là những giải pháp đi ngược lại đặc tính thiêng liêng và sự phát triển con người, mặc dù đem lại cho con người những tiện ích vật chất: vì "con người không phải chỉ sống bằng cơm bánh nhưng còn bằng mọi lời từ miệng Thiên Chúa phán ra" (Mt 4,4). Bất cứ thành phần nào của gia đình nhân loại cũng đều mang trong mình và trong những truyền thống tốt đẹp nhất của mình một phần kho tàng thiêng liêng mà Thiên Chúa đã ủy thác cho nhân loại, dù cho nhiều người không biết nó phát xuất từ nguồn gốc nào.

87. Hợp tác quốc tế trong vấn đề gia tăng dân số. Sự hợp tác quốc tế là một vấn đề hết sức cần thiết, khi một số dân tộc ngày nay, không kể bao nhiêu khó khăn khác, còn rất thường gặp phải một số khó khăn đặc biệt nữa phát sinh từ sự gia tăng dân số quá nhanh. Nhờ sự hợp tác hoàn toàn và đặc lực của mọi quốc gia, nhất là những nước giàu, điều khẩn trương là phải nghiên cứu làm sao để có thể chuẩn bị và chia sẻ cho toàn thể nhân loại những gì cần thiết cho sự sống và cho việc giáo dục thích hợp của con người. Thực tế, một số quốc gia sẽ có thể cải thiện hoàn cảnh sinh sống của họ rất nhiều, nếu một khi

được huấn luyện đầy đủ, họ chuyển từ những phương pháp canh tác nông nghiệp cổ hủ đến những kỹ thuật tối tân và biết áp dụng chúng vào những hoàn cảnh của họ với sự khôn khéo cần thiết; vả lại, nếu họ biết thiết lập một trật tự xã hội tốt đẹp hơn và phân chia đất đai một cách công bình hơn.

Trong phạm vi thẩm quyền của mình, dĩ nhiên chính phủ có quyền và có bổn phận đối với vấn đề dân số trong quốc gia mình: chẳng hạn vấn đề liên quan đến luật xã hội và gia đình, vấn đề di dân từ thôn quê về thành thị, vấn đề thông tin về tình hình và nhu cầu quốc gia. Ngày nay, người ta chú trọng rất nhiều đến vấn đề này, do đó, ước gì những người công giáo chuyên môn trong lãnh vực này, nhất là trong các Đại Học, hãy kiên nhẫn theo đuổi và phát huy sâu rộng những nghiên cứu cũng như những công cuộc của họ.

Nhiều người quả quyết rằng sự gia tăng dân số trên thế giới hay ít ra tại một vài quốc gia cần phải được giảm thiểu hoàn toàn bằng mọi phương tiện và bằng bất cứ sự can thiệp nào của chính quyền. Do đó, Công Đồng khuyến cáo mọi người nên đề phòng những giải pháp đi ngược lại luật luân lý ^{96*} đang được

^{96*} Nếu dân số gia tăng quá mau, những nỗ lực để phát triển mức độ kinh tế có thể bị ngăn chặn rất nhiều (PP., số 37). Công Đồng nhắc lại một số phương pháp có thể giúp giải quyết vấn đề đó: a) Nhờ sự cộng tác của các dân tộc, nhất là dân tộc tiên tiến, để tìm cách sinh nhai và nâng cao mức độ học thức, b) canh tân phương pháp trong lãnh vực nông nghiệp, c) đổi mới trật tự xã hội, d) phân chia lại ruộng đất cách công bình hơn, e) nhờ pháp luật gia đình và xã hội, f) nhờ chính sách di dân, g) nhờ sự truyền tin về tình hình quốc gia, h) nhờ công việc nghiên cứu kinh tế xã hội tại các viện đại học...

Dĩ nhiên các phương pháp đó lúc đầu đòi hỏi món tiền rất lớn. Bởi vậy các chính phủ có thể có khuyh hướng bắt buộc công dân áp dụng phương pháp tận gốc: làm chậm sự gia tăng dân số bằng những phương pháp vi phạm đến nhân phẩm: "Mỗi mỹ kim chúng ta cung cấp để hạn chế sinh sản giúp chúng ta tiết kiệm được hơn, một trăm mỹ kim mà chúng ta sẽ phải chi phí để phát triển nền kinh tế lạc hậu". Câu nói này của Tổng Thống Hoa Kỳ Johnson, cũng như chương trình hạn chế sinh sản tại một số quốc gia như Ấn Độ, Đài Loan, v.v... khiến ta ý thức về sự hợp thời của lời cảnh cáo do Công Đồng tuyên bố. Riêng về nạn đói, là vấn

đề cao một cách công khai hay riêng tư và đôi khi có tính cách bắt buộc. Vì quyền kết hôn và sinh sản là quyền bất khả di nhượng của con người, cho nên việc định đoạt số con cái sẽ sinh ra tùy thuộc ở phán đoán thẳng thắn của cha mẹ chứ không thể nào ủy thác cho sự quyết định của chính quyền. Nhưng sự phán đoán của cha mẹ giả thiết là họ phải có một lương tâm được huấn luyện ngay thẳng, do đó điều quan trọng là làm sao cho mọi người đạt được một trình độ trách nhiệm đúng đắn và thật sự của một con người, một trách nhiệm biết tôn trọng luật Thiên Chúa mà vẫn không bỏ quên hoàn cảnh và thời đại. Điều này còn đòi hỏi phải cải thiện khắp nơi tình trạng giáo dục và xã hội, nhất là cần phải có một nền giáo dục tôn giáo hay ít ra phải có một nền giáo dục đầy đủ về luân lý. Hơn nữa, dân chúng cần phải được hiểu biết cẩn thận về những tiến bộ khoa học trong việc tìm kiếm các phương pháp có thể giúp đôi vợ chồng điều hòa sinh sản, miễn là các phương pháp này được chứng minh rõ ràng là chắc chắn và được nhìn nhận là phù hợp với trật tự luân lý.

88. *Bổn phận của Kitô hữu trong việc cứu trợ.* Người Kitô hữu phải sẵn sàng và hết lòng cộng tác xây dựng trật tự quốc tế, một thứ trật tự tôn trọng những quyền tự do hợp pháp và tình bằng hữu huynh đệ với hết mọi người. Họ càng phải sẵn sàng thực hiện công cuộc ấy hơn nữa, vì hiện thời đại đa số nhân loại còn đang đau khổ bần cùng đến nỗi chính Chúa Kitô hiện thân trong kẻ nghèo khổ như đang lớn tiếng đòi hỏi các môn đệ của Người phải bác ái. Vậy phải tránh gương mù của một số quốc gia mà đa số dân chúng thường mang danh Kitô

đề đã làm cho giới trách nhiệm phải lo lắng rất nhiều mấy năm trước đây, báo Time (3-10-1969, 22) viết: "...kỹ thuật nông thôn đã chứng tỏ rằng sự sản xuất thực phẩm có thể lớn hơn sự gia tăng dân số". Thực sự, nhiều lúc vấn đề không phải là vấn đề sản xuất nhưng là vấn đề chuyên chở, phân phối, giá thị trường, và vấn đề tổ chức cũng như cộng tác giữa các quốc gia.

hữu, đang thân nhiên hưởng thụ quá nhiều của cải trong lúc nhiều quốc gia khác sống thiếu thốn cùng cực, bị đói khát, bệnh tật và đủ mọi thứ bất hạnh dày vò. Tinh thần khó nghèo và bác ái mới là vinh dự và dấu chứng của Giáo Hội Chúa Kitô.

Thế nên, phải khen ngợi và cổ võ những người Kitô hữu, nhất là các bạn trẻ, tự nguyện hiến thân phục vụ tha nhân và các quốc gia khác. Lại nữa, bổn phận của toàn thể Dân Chúa là theo gương lành và lời giảng dạy của các Giám Mục để tùy sức xoa dịu những khốn cùng của thời đại này, chẳng những với phần thặng dư mà còn cả phần thiết dụng của mình nữa như Giáo Hội thời xưa quen làm.

Cách lạc quyền và phân phối viện trợ, dù không được tổ chức chặt chẽ và đồng nhất thì ít nữa cũng phải được thực hiện cách đứng đắn trong các giáo phận, các quốc gia và trên toàn thế giới; ở bất cứ nơi nào xem ra thuận tiện, hoạt động của Công Giáo phải hợp tác chặt chẽ với các anh em Kitô hữu khác. Tinh thần bác ái chẳng những không ngăn trở mà còn đòi hỏi việc tiên liệu và tổ chức hoạt động xã hội cũng như từ thiện cho quy củ. Vì thế, những người tình nguyện hiến thân phục vụ các quốc gia đang phát triển cần phải được huấn luyện trong các trường chuyên môn để họ trở thành những cán bộ thành thạo.

89. Sự hiện diện hữu hiệu của Giáo Hội trong cộng đoàn quốc tế. Dựa vào sứ mệnh Chúa ủy thác, Giáo Hội rao giảng Phúc Âm cho mọi người và phân phát các kho tàng ân sủng; và ở bất cứ nơi nào trên hoàn cầu, Giáo Hội cũng góp phần củng cố hòa bình và thiết lập nền tảng vững chắc cho sự liên đới huynh đệ của con người và của các dân tộc: nền tảng này làm cho mọi người hiểu biết về luật Thiên Chúa và luật tự nhiên. Vì thế, Giáo Hội nhất thiết phải có mặt ngay giữa lòng các dân tộc để khơi động và thôi thúc sự hợp tác giữa mọi người và Giáo Hội hoạt động được vậy là nhờ các cơ quan chính thức của mình, cũng như nhờ sự cộng tác tận lực và chân thành của

mọi Kitô hữu, chỉ theo đuổi một ước nguyện là phục vụ tất cả mọi người.

Kết quả sẽ bảo đảm hơn, nếu chính các tín hữu ý thức trách nhiệm làm người và làm Kitô hữu, cố gắng thúc đẩy ước muốn sẵn sàng cộng tác với cộng đoàn quốc tế ngay trong môi trường sinh hoạt của mình. Về vấn đề này nên đặc biệt chú tâm đào tạo các thế hệ trẻ trong khi giáo dục tôn giáo cũng như huấn luyện công dân.

90. Vai trò của các Kitô hữu trong những tổ chức quốc tế.

Công cuộc hợp tác cá nhân hay tập thể với chính những tổ chức hiện có hay sắp thành hình nhằm cổ võ việc hợp tác giữa các quốc gia là một hình thức hoạt động quốc tế tuyệt hảo của các Kitô hữu. Lại nữa, những hiệp hội công giáo quốc tế khác nhau còn có thể góp sức bằng nhiều cách để xây dựng một cộng đoàn các dân tộc trong hòa bình và huynh đệ. Phải củng cố các hiệp hội này bằng cách gia tăng số hội viên đã được huấn luyện kỹ lưỡng, bằng cách giúp đỡ các phương tiện cần thiết cũng như phối hợp chặt chẽ các năng lực. Thật vậy, thời đại chúng ta đòi hỏi sáng kiến tập thể để hoạt động hữu hiệu và thỏa mãn nhu cầu đối thoại. Lại nữa, những hình thức tổ chức ấy góp phần không ít vào việc gia tăng ý thức đại đồng là điều rất hợp với người công giáo, cũng như vào việc khai sinh ý thức liên đới và trách nhiệm quốc tế thực sự.

Sau cùng, ước mong rằng người công giáo tìm cách hợp tác tích cực và thiết thực hoặc với các anh em ly khai cùng tuyên xưng một tình bác ái Phúc Âm, hoặc với tất cả mọi người đang khao khát hòa bình chân chính, để chu toàn đứng đắn nghĩa vụ của mình trong cộng đoàn quốc tế.

Ngày nay, nhìn nổi thống khổ bao la đang đè nặng trên đa số nhân loại và để cổ võ sự công chính, đồng thời cổ võ tình yêu Chúa Kitô đối với người nghèo khổ ở khắp nơi, Công Đồng cho là rất đáng mong ước việc thiết lập một cơ quan chung cho

toàn thể Giáo Hội, có nhiệm vụ thôi thúc cộng đoàn công giáo hầu cổ võ sự phát triển trong các vùng nghèo khổ cũng như cổ võ công bình xã hội giữa các quốc gia. ^{97*}

Kết Luận ^{98*}

91. Bốn phận của mỗi tín hữu và của các Giáo Hội địa phương. Những điều mà Thánh Công Đồng này đề nghị được rút ra từ kho tàng giáo lý của Giáo Hội. Mục đích là giúp đỡ mọi người thời nay, hoặc tin Thiên Chúa hoặc không minh nhiên nhìn nhận Ngài, nhận thức rõ ràng hơn thiên chức toàn diện của mình, kiến tạo thế giới cho hợp với phẩm giá siêu việt của con người hơn, tìm kiếm một tình huynh đệ đại đồng được thiết lập vững chắc hơn và đáp lại những đòi hỏi khẩn thiết

^{97*} Ngày 7-7-1966, Đức Phaolô VI đã chỉ định một ủy ban lâm thời với nhiệm vụ dự thảo đường lối thực hiện ý muốn của Công Đồng. Rồi ngày 6-1-1967, Đức Giáo Hoàng đã thiết lập ủy ban nghiên cứu "Công Lý và Hòa Bình" tại Vaticanô. Ủy ban chuyên tâm khảo cứu những vấn đề thiết thực mới thành hình liên can đến thế giới.

Được ủy ban khuyến khích, Hội Đồng các Giám Mục Việt Nam họp tại Sài Gòn vào đầu năm 1969 đã chỉ thị thành lập phong trào Công Lý Hòa Bình tại Việt Nam nhằm đem Giáo Hội vào thế giới ngày nay và góp phần vào cuộc đại cách mạng thế giới. Đây không phải là cuộc cách mạng chính trị, nhưng là một cuộc cách mạng nhân bản và tôn giáo: làm sao để không còn phân biệt lối sống đạo trong nhà thờ và sinh hoạt trần thế ngoài nhà thờ nữa. Trong cuộc cách mạng này phải có ý thức tôn giáo, ý thức công dân, ý thức cải tiến.

^{98*} Tất cả những điều Công Đồng đề nghị ở trên nhằm giúp mọi người góp phần để kiến tạo toàn thể giới trong tình thân huynh đệ (số 91a). Dĩ nhiên cần phải áp dụng những nguyên tắc đó cho thích hợp với trường hợp của từng địa phương (b).

Giáo Hội là dấu chứng cho sự hiệp nhất (số 92a), trước hết mình phải tự hiệp nhất (b), rồi tìm cách cộng tác với các anh em ly khai, cá nhân cũng như cộng đoàn (c), và đối thoại cởi mở với tất cả những ai có lòng tin nơi Đấng Tối Cao (d). Hơn nữa, về phần Giáo Hội, Giáo Hội không loại trừ người vô thần và ngay cả những ai chống đối Giáo Hội (e).

Tình yêu Chúa thúc đẩy chúng ta hoạt động để xây dựng thế giới (số 93a) và làm vinh danh Thiên Chúa (b).

trong thời đại chúng ta theo như tình yêu thúc đẩy trong một nỗ lực hợp tác quảng đại.

Thực vậy, trước sự dị biệt lớn lao giữa những hoàn cảnh và những hình thức văn hóa nhân loại trên thế giới, những lời đề nghị trên đây trong nhiều điểm chỉ có ý trình bày một cách tổng quát. Hơn nữa, vì phần nhiều liên hệ đến những vấn đề còn đang biến chuyển không ngừng, nên giáo huấn ở đây, tuy đã được công nhận trong Giáo Hội, nhưng cũng cần được khai triển và tiếp nối thêm nữa. Tuy nhiên, chúng tôi tin chắc rằng nhiều điều mà chúng tôi loan báo dựa trên lời Chúa và tinh thần Phúc Âm, sẽ có thể giúp đỡ mọi người một cách hữu hiệu, nhất là khi các tín hữu theo sự hướng dẫn của Chủ Chăn cố gắng thực hiện công việc thích nghi cần thiết cho từng quốc gia và từng tâm thức khác nhau.

92. Đối thoại giữa mọi người. Với sứ mệnh đem sứ điệp Phúc Âm soi chiếu cả thế giới và quy tụ trong một Chúa Thánh Thần tất cả mọi người của mọi quốc gia, chủng tộc hay văn hóa, Giáo Hội trở thành dấu chứng của tình huynh đệ, một môi trường tạo điều kiện và cổ võ một cuộc đối thoại chân thành.

Vậy trước hết, chúng ta cần cố võ ngay trong lòng Giáo Hội sự quý mến, tôn trọng và hòa thuận với nhau bằng sự chấp nhận mọi dị biệt chính đáng để luôn luôn có thể đối thoại hữu hiệu giữa những phần tử của một Dân Chúa duy nhất, dù là chủ chăn hay các Kitô hữu khác. Thật vậy, những gì liên kết giữa các tín hữu còn mạnh hơn những gì chia rẽ: hiệp nhất trong những gì chính yếu, tự do trong những gì nghi ngờ, bác ái trong hết mọi sự ⁶.

Đồng thời, tâm hồn chúng tôi cũng ôm ấp những người anh em và các cộng đoàn của họ, tuy chưa sống hiệp thông trọn vẹn với chúng tôi nhưng vốn liên kết với chúng tôi trong sự tuyên

⁶ Xem Gioan XXIII, Tđ. *Ad Petri Cathedram*, 29-6-1959: AAS 55 (1959), trg 513.

xung Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần cũng như trong mỗi dây bác ái; chúng tôi nhớ rằng ngay cả nhiều người không tin vào Chúa Kitô vẫn ước mong và khao khát sự hiệp nhất giữa các tín hữu: quả thực, sự hiệp nhất này càng tiến triển trong chân lý và tình yêu nhờ quyền lực Chúa Thánh Thần, thì càng sẽ là một điềm tiên báo sự hiệp nhất và hòa bình trên toàn thế giới. Vì thế, cùng hiệp lực và hiện đang theo đuổi mục đích cao cả này cách hữu hiệu dưới những hình thức ngày càng thích hợp hơn, chúng tôi cố gắng mỗi ngày sống phù hợp với Phúc Âm hơn nữa, để hợp tác trong tình huynh đệ hầu phục vụ gia đình nhân loại đang được mời gọi vào gia đình các con cái Thiên Chúa, trong Chúa Giêsu Kitô.

Do đó, chúng tôi cùng hướng tâm hồn đến tất cả những ai nhìn nhận Thiên Chúa và bảo tồn các yếu tố tôn giáo và nhân bản quý giá trong truyền thống riêng. Chúng tôi ước mong đối thoại cởi mở để dẫn đưa tất cả chúng ta đến chỗ trung thành đón nhận và hăng hái thực hiện những gì Chúa Thánh Thần thôi thúc. Niềm ước mong đối thoại đó chỉ do lòng yêu chân lý hướng dẫn và dĩ nhiên vẫn giữ được sự khôn ngoan thích hợp; về phần chúng tôi, niềm ước vọng này không loại trừ một ai hết: từ những người đang tôn thờ những giá trị tinh thần nhân bản cao quý mà chưa nhận biết Đấng Tạo Thành đến những ai chống đối và bách hại Giáo Hội bằng nhiều cách. Vì Thiên Chúa Cha là nguyên lý và cùng đích mọi sự, nên tất cả chúng ta đều được kêu gọi làm anh em với nhau. Và vì thế, được gọi lãnh nhận thiên chức làm người và làm con Thiên Chúa, chúng ta có thể và phải cộng tác, không bạo động, không xảo trá để xây dựng một thế giới trong hòa bình đích thực.

93. Xây dựng và dẫn đưa thế giới tới cùng đích. Nhớ lại lời Chúa: "Nếu các con thương yêu nhau, thiên hạ sẽ cứ dấu ấy mà nhận biết chúng con là môn đệ Thầy" (Gio 13,35), người Kitô hữu không thể tha thiết mong ước gì hơn là luôn được phục vụ con người trong thế giới ngày nay cách quảng đại và hữu hiệu

hơn. Thật vậy, trong khi trung thành gắn bó với Phúc Âm và thừa hưởng những năng lực của Phúc Âm, cũng như liên kết với mọi người yêu chuộng và thực hiện công bình, người Kitô hữu nhận lãnh một sứ mệnh lớn lao phải chu toàn ở trần gian này và phải trả lễ với Đấng sẽ phán xét mọi người trong ngày sau hết. Không phải những ai nói "lạy Chúa, lạy Chúa" sẽ được vào nước trời, nhưng chỉ có những ai thực hiện ý Chúa Cha⁷ và can đảm làm việc. Thực thể, Chúa Cha muốn chúng ta nhìn nhận Chúa Kitô là anh cả trong tất cả mọi người và yêu mến Người cách cụ thể bằng lời nói cũng như bằng việc làm. Như vậy, chúng ta làm nhân chứng cho Chân Lý và truyền thông cho kẻ khác mẫu nhiệm tình yêu của Chúa Cha trên trời. Nhờ đó, mọi người trên khắp địa cầu sẽ thấy nảy sinh một niềm hy vọng mãnh liệt, đó là ân huệ của Chúa Thánh Thần, để sau cùng được hưởng hòa bình và hạnh phúc tuyệt vời trong quê hương rạng ngời vinh quang Chúa^{99*}.

"Kính chúc Đấng quyền năng làm được mọi sự cách hết sức phong phú hơn điều ta cầu xin hay nghĩ tưởng tùy theo quyền phép của Ngài hằng hoạt động giữa chúng ta, kính chúc Ngài

⁷ Xem Mt 7,21.

^{99*} Sau khi chúng ta đọc Hiến Chế Mục Vụ rồi, Công Đồng khuyên mỗi người chúng ta như Chúa Giêsu xưa bảo luật sĩ: "Hãy về bắt chước làm như vậy" (Lc 10,37). Hiến Chế đã nhắc lại rất nhiều bốn phận, đã cho biết rất nhiều nhiệm vụ khẩn cấp, đã khuyên bảo về rất nhiều điều thiếu sót của cá nhân hay cộng đoàn trong Giáo Hội. Nhưng điều căn bản để sống đạo cũng như để mưu ích cho thế giới là điều răn mới của Chúa Giêsu, bao gồm tất cả những điều răn khác (Rm 13,8; Gal 5,14). Sau khi luật sĩ trả lời rằng: "Luật Chúa dạy ta phải kính mến Thiên Chúa hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn, lại thương yêu người thân cận như chính mình vậy". Chính Chúa Giêsu đã phán: "cứ làm như thế sẽ được sống" (Lc 10,26-28). Nhờ Chúa Thánh Thần ban cho ta sự yêu thương đó (Rm 5,5), nghĩa là tham dự vào tình yêu của Chúa Kitô (Rm 8,35.39), mỗi Kitô hữu sẽ hoạt động để xây dựng thế giới mới và phục vụ mọi người khác. Dưới sự hướng dẫn của Hàng Giáo Phẩm, chúng ta sẽ tìm cách áp dụng nguyên tắc chung trong Hiến Chế vào hoàn cảnh thực tế của từng địa phương mình sống.

vinh quang trong Giáo Hội và trong Chúa Giêsu Kitô trong mọi thế hệ muôn đời. Amen" (Eph 3,20-21).

Tất cả và từng điều đã được ban bố trong Hiến Chế Mục Vụ này đều được các Nghị Phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, dùng quyền Tông Đồ Chúa Kitô trao ban, hiệp cùng các Nghị Phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, chế định và quyết nghị, và những gì đã được Thánh Công Đồng quyết nghị, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.

Roma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 7 tháng 12 năm 1965

Tôi, Phaolô Giám Mục Giáo Hội Công Giáo.

Tiếp theo là chữ ký của các Nghị Phụ.

MIỄN THI HÀNH LUẬT

Đối với các Sắc Lệnh được công bố trong Khóa IX.

Đối với những Luật mới hàm chứa trong các sắc lệnh vừa được công bố, Đức Thánh Cha đã quyết định miễn thi hành cho tới ngày 29 tháng 6 năm 1966, tức là đến Lễ hai Thánh Tông Đồ Phêrô và Phaolô năm tới.

Trong thời gian đó, Đức Giáo Hoàng sẽ ban hành những quy tắc thi hành những luật vừa nói.

FERICLES FELICI

Tổng Giám Mục hiệu tòa Samosate

Tổng Thư Ký Thánh Công Đồng

Sứ Điệp Của Công Đồng Gửi Đến Tất Cả Mọi Người

I. Sứ Điệp Của Công Đồng Nhân Dịp Khai Mạc (29-10-1962)

1. Chúng tôi muốn gửi sứ điệp cứu độ, tình yêu và hòa bình đến tất cả mọi người, đến mọi dân tộc, sứ điệp đã được Đức Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống đem đến cho thế giới và giao phó cho Giáo Hội Người.

Chính vì mục đích đó, theo lời mời gọi của Đức Giáo Hoàng khả kính Gioan XXIII và "đồng tâm nhất trí trong kinh nguyện cùng với Đức Maria, Mẹ Chúa Giêsu", chúng tôi, những người kế vị các Sứ Đồ, đã qui tụ nơi đây trong sự hiệp nhất của một Đoàn Thể Sứ Đồ mà người đứng đầu là Đấng kế vị Thánh Phêrô.

2. Ước gì khuôn mặt của Đức Giêsu Kitô tỏa chiếu! Trong Nghị Hội Công Đồng này, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, chúng tôi quyết tìm cách canh tân chính mình chúng tôi để "càng ngày chúng tôi càng nên trung thành hơn với Phúc Âm của Đức Kitô". Chúng tôi sẽ chuyên tâm trình bày chân lý của Thiên Chúa cho con người thời đại, một chân lý toàn vẹn và thuần khiết để họ có thể hiểu được dễ dàng và nhiệt tâm gắn bó với chân lý đó.

Ý thức trách nhiệm chủ chăn, chúng tôi muốn đáp ứng những nhu cầu của mọi người tìm kiếm Chúa, "đang mò mẫm cố tìm với hy vọng khám phá ra được Ngài và quả thực Ngài không xa cách mỗi người chúng ta" (CvTđ 17,27).

Chính vì thế, vâng theo ý định của Đức Kitô Đấng đã nộp mình chịu chết "hầu tự hiến cho mình một Giáo Hội không vết

nhờ hay nét nhần... nhưng thánh thiện và tinh tuyền" (Eph 5,27), chúng tôi sẵn sàng hiến trọn con người chúng tôi cho công cuộc canh tân tinh thần này để Giáo Hội, từ các thủ lãnh cho đến các phần tử, chứng tỏ cho thế giới thấy khuôn mặt đáng yêu của Đức Kitô tỏa chiếu trong tâm hồn chúng ta "để làm rạng ngời vinh quang của Thiên Chúa" (2Cor 4,6).

3. Thiên Chúa đã quá yêu thương thế gian. Chúng tôi tin rằng Chúa Cha đã yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con mình hầu cứu rỗi thế gian, giải thoát chúng ta khỏi ách nô lệ tội lỗi, "giao hòa cả vạn vật với Cha Người, thiết lập hòa bình nhờ bửu huyết đổ ra nơi thập giá Người", nhờ đó chúng ta trở thành "con của Thiên Chúa, theo danh hiệu cũng như thực sự là thế". Người đã sai đến cho chúng ta Thánh Thần Người từ nơi Cha, để cho chúng ta sống bằng chính cuộc sống thần linh của Người trong tình yêu đối với Thiên Chúa và đối với những người anh em chúng ta khiến tất cả nên một trong Đức Kitô.

4. Nhưng thay vì làm chúng ta quay lưng lại với những nghĩa vụ trần thế, việc chúng ta gắn bó với Đức Kitô trong Đức Tin, Đức Cậy và Đức Ái lại khiến chúng ta dấn toàn thân vào việc phục vụ những người anh em chúng ta, theo gương Thầy đáng kính "Đáng không đến để được phục vụ nhưng để phục vụ" (Mt 20,28). Chính vì thế, Giáo Hội được thiết lập không để cai trị nhưng để phục vụ. "Người đã trao ban mạng sống mình vì chúng ta và chúng ta cũng phải giao phó mạng sống chúng ta vì anh em" (1Gio 3,16).

Ngoài ra, khi hy vọng những công việc của Công Đồng làm cho ánh sáng đức tin trở nên rực rỡ hơn sống động hơn, chúng tôi ước mong tạo được một sự canh tân tinh thần và từ đó đem lại một niềm hứng khởi lý thú làm phong phú gia tài nhân loại trong những phát minh khoa học, tiến bộ kỹ thuật và phổ biến văn hóa.

5. Tình yêu Đức Kitô thúc đẩy chúng tôi. Từ khắp mọi dân tộc trên mặt đất chúng tôi đến đây mang theo với mình những nỗi khốn khổ về vật chất cũng như tinh thần, những khổ đau và khát vọng của các dân tộc đã được giao phó cho chúng tôi. Chúng tôi hằng chú ý đến những vấn đề đang bao vây họ. Trước tiên chúng tôi muốn đem sự săn sóc ân cần đến tận những người hèn mọn nhất, bần cùng nhất và yếu kém nhất. Theo gương Đức Kitô, chúng tôi thương xót đám đông dân chúng đang phải khổ đau vì đói kém, vì khốn cùng, vì dốt nát. Chúng tôi hằng nhìn đến tất cả những người, vì thiếu sự trợ giúp đầy đủ, hiện chưa thể đạt tới mức sống xứng hợp với con người.

Vì thế, khi bắt tay vào việc, chúng tôi sẽ rất chú trọng đến tất cả những gì có liên quan đến phẩm giá con người, những gì góp phần vào sự hiệp thông thực sự giữa các dân tộc. "Tình yêu Chúa Kitô thúc đẩy chúng tôi" (2Cor 5,14) "Nếu ai thấy người anh em mình lâm cơn túng thiếu mà lại khép kín cửa lòng với người anh em, thì làm gì còn tình yêu của Thiên Chúa nơi mình?" (1Gio 3,17).

6. Hai vấn đề chính yếu. Trong sứ điệp truyền thanh ngày 21-09-1962, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã đặc biệt nhấn mạnh đến hai điểm:

Điểm thứ nhất là vấn đề hòa bình giữa các dân tộc. Ai lại không gớm ghét chiến tranh? Ai lại không hết sức khao khát hòa bình? Giáo Hội cũng vậy và còn hơn hết mọi người vì Giáo Hội là mẹ tất cả mọi người. Qua tiếng nói của các Giáo Hoàng, Giáo Hội không ngừng tuyên bố lòng yêu mến hòa bình, thiện chí xây dựng hòa bình và hết lòng cộng tác vào mọi nỗ lực chân thành nhằm kiến tạo hòa bình. Giáo Hội hết sức làm việc để các dân tộc xích lại gần nhau, hiểu biết nhau và kính trọng lẫn nhau. Chính Công Đồng này, với những dị biệt kỳ lạ về chủng tộc, về quốc gia và về ngôn ngữ lại không phải là chứng từ sống động, là dấu chỉ hữu hình cho một cộng đoàn yêu thương huynh

đệ hay sao? Chúng tôi khẳng quyết rằng tất cả mọi người đều là anh em dù thuộc bất cứ chủng tộc hay quốc gia nào.

Điểm thứ hai, Đức Giáo Hoàng chú trọng đến công bằng xã hội. Giáo thuyết được trình bày trong thông điệp Mẹ và Thầy chứng tỏ rõ ràng hơn bao giờ hết Giáo Hội trở thành cần thiết cho thế giới hiện đại để tô giác những bất công và những bất bình đẳng trắng trợn, để tái tạo một bậc thang đúng đắn cho các giá trị, làm cho đời sống trở thành nhân bản hơn theo những nguyên tắc của Phúc Âm.

7. Sức mạnh của Thánh Thần. Chắc hẳn chúng tôi không có những phương tiện kinh tế cũng như không có thể lực trần gian, nhưng chúng tôi đặt niềm tin tưởng nơi sức mạnh của Thánh Thần mà Chúa Giêsu Kitô đã hứa ban cho Giáo Hội. Vì thế, với lòng khiêm cung và nhiệt thành, chúng tôi kêu mời không phải chỉ những anh em mà chúng tôi đang phục vụ với tư cách chủ chăn nhưng cũng kêu mời tất cả những anh em tin vào Đức Kitô và tất cả mọi người thiện chí "mà Thiên Chúa muốn cứu thoát và đưa dẫn tới chỗ nhận biết chân lý" (1Tim 2,4). Ước gì tất cả đều kết hiệp với chúng tôi trong công cuộc xây dựng ngay tại trần gian này một xã hội công bằng hơn và huynh đệ hơn. Bởi vì ý định của Thiên Chúa là muốn nước của mình chiếu tỏa phần nào trên mặt đất nhờ đức ái như một hình bóng của vương quốc vĩnh cửu.

Giữa một thế giới còn đang quá xa cách hòa bình mình mong đợi, còn đang lo âu trước những đe dọa đè nặng bởi những tiến bộ kỹ thuật tự chúng rất đáng khâm phục nhưng cũng nguy hại bao lâu chúng không qui chiếu vào một lề luật luân lý cao hơn, ước gì bùng lên ánh sáng của niềm hy vọng lớn lao vào Đức Giêsu Kitô, Vị Cứu Tinh duy nhất của con người chúng ta.

II. Sứ Điệp Của Công Đồng Nhân Dị Bê Mạc (8-12-1965)

Đ.G.H. Phaolô VI tuyên đọc

Nhập Đề

8. Chư huynh đáng kính,

Giờ lên đường, giờ giải tán đã điểm. Lát nữa, Chư huynh sẽ từ giả nghị hội Công Đồng để trở về gặp gỡ nhân loại, mang về cho nhân loại tin vui của Phúc Âm Đức Kitô và của việc canh tân Giáo Hội mà chúng ta đã làm từ bốn năm nay.

Đây là giờ phúc độc nhất, giờ phút đầy ý nghĩa và phong phú vô cùng! Trong cuộc đại hội hoàn cầu, ở một thời gian và một địa điểm đặc biệt này, chúng ta thấy qui tụ lại tất cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Quá khứ vì ở đây tụ họp lại toàn thể Giáo Hội Đức Kitô, với truyền thống lịch sử của mình với các Công Đồng, các Tiến Sĩ, và các Thánh của mình. Hiện tại: vì chúng ta đang từ giả nhau để đi về gặp gỡ thế giới ngày nay, một thế giới với các khốn cùng, đau thương và tội lỗi của nó nhưng cũng có giá trị và nhân đức của mình. Sau cùng, tương lai: với tiếng gọi khẩn cấp của các dân tộc đang mong mỏi công bình, với ý chí muốn xây dựng hòa bình và với khát vọng ý thức hay vô ý thức về một đời sống cao đẹp hơn, đời sống mà chính Giáo Hội Chúa Kitô hiện có thể và đang muốn mang lại cho họ.

9. Chúng tôi thấy như từ khắp nơi trên thế giới đang vọng về tiếng xôn xao tuy mơ hồ nhưng lớn lao của tất cả những người hướng nhìn về Công Đồng và lo lắng hỏi chúng ta: các ngài lại không nói lời nào với chúng tôi sao...? Vâng chúng tôi đây là những nhà cầm quyền, những nhà trí thức, những người lao động, những nhà nghệ sĩ...? Chúng tôi, những phụ nữ,

những thanh niên, những người đau ốm và nghèo khổ, các ngài không có lời nào cho chúng tôi sao?

Những tiếng gọi thiết tha ấy phải được đáp lại. Chính vì tất cả mọi tầng lớp nhân loại mà Công Đồng làm việc từ bốn năm nay; chính vì muốn dành cho họ nên "Hiến chế về Giáo Hội trong thế giới ngày nay" đã được soạn thảo và hôm qua chúng tôi đã ban hành giữa những tiếng hoan hô nhiệt liệt của Chư Huynh.

10. Từ cuộc suy niệm lâu dài của chúng ta về Chúa Kitô và về Giáo Hội Người, giờ đây phải thốt lên tiếng nói đầu tiên, loan báo nền hòa bình và sự cứu độ cho bao đám đông đang mong đợi. Trước khi từ biệt, Công Đồng muốn hoàn thành chức vụ tiên tri này. Công Đồng muốn diễn tả "Tin Mừng" mà Công Đồng mang đến cho toàn thế giới bằng những sứ điệp vẫn và trong một ngôn ngữ mọi người có thể hiểu dễ dàng. Tin mừng này sẽ được một vài Vị trong những phát ngôn viên có thẩm quyền của Công Đồng nhân danh Chư Huynh nói chuyện với toàn thể nhân loại.

Hồng Y A. Liénart tuyên đọc:

Gửi Các Nhà Cầm Quyền

11. Trong giờ phút long trọng này, chúng tôi, những Nghị Phụ trong Công Đồng thứ 21 của Giáo Hội Công Giáo sắp sửa từ giã nhau sau bốn năm cầu nguyện và làm việc, ý thức trọn vẹn về sứ mạng của mình đối với nhân loại, chúng tôi trân trọng và tín cẩn ngõ lời với những vị hiện đang cầm trong tay vận mệnh của mọi người trên địa cầu, cùng hết mọi người đang cầm quyền bính trên trần gian.

Chúng tôi lớn tiếng tuyên bố: chúng tôi kính trọng quyền hành và chủ quyền của quý vị, chúng tôi tôn trọng chức vụ của quý vị. Chúng tôi nhìn nhận những pháp luật chính đáng của

quí vị, chúng tôi quí chuộng người làm ra cũng như người áp dụng những luật ấy. Nhưng chúng tôi có một lời chí thánh để nói với quí vị, đó là: chỉ một mình Thiên Chúa là cao cả. Chỉ một mình Thiên Chúa là nguyên thủy và là cứu cánh. Chỉ một mình Thiên Chúa là nguồn gốc của quyền bính và là nền tảng các luật lệ của quí vị.

12. Chính quí vị có nhiệm vụ phải cố võ cho nền trật tự và hòa bình giữa mọi người trên trái đất. Nhưng xin đừng quên: Thiên Chúa chân thực và hằng sống là Cha mọi người. Và chính Chúa Kitô, người Con vĩnh cửu của Thiên Chúa đã đến nói cho chúng ta biết điều ấy và dạy cho chúng ta biết tất cả đều là anh em với nhau. Chính Người là thợ cao cả của trật tự và hòa bình thế giới vì chính Người hướng dẫn lịch sử nhân loại và chỉ một mình Người mới có thể khiến các tâm hồn từ khước những dục vọng xấu xa, mầm mống phát sinh ra chiến tranh và đau khổ. Chính Người là Đấng chúc lành cho cơm bánh của nhân loại, thánh hóa việc làm và những vất vả của nhân loại, mang lại cho nhân loại những niềm vui mà quí vị không thể mang lại cũng như làm cho họ vững mạnh lại trong những đau thương mà quí vị không thể an ủi được.

13. Trong xã hội thế trần và hữu hạn của quí vị, Chúa Kitô xây dựng cách nhiệm mầu xã hội tinh thần và vĩnh cửu của Người tức là Giáo Hội của Người, vậy Giáo Hội mong muốn gì ở quí vị, sau hai ngàn năm biến chuyển thăng trầm về mọi phương diện trong môi bang giao với quí vị, những người nắm quyền lực trần gian? Ngày nay Giáo Hội cầu mong gì ở quí vị? Giáo Hội đã nói nguyện vọng ấy cho quí vị trong một bản văn quan trọng của Công Đồng: Giáo Hội chỉ yêu cầu quí vị để tự do: tự do tin và rao giảng niềm tin của mình, tự do yêu mến Thiên Chúa và phụng sự Ngài, tự do sống và mang đến cho mọi người sứ điệp về sự sống. Xin đừng kiêng sợ Giáo Hội: Giáo Hội theo gương chủ mình nên hoạt động mầu nhiệm của Giáo Hội không dẫm chân lên những đặc quyền của quí vị nhưng để

cứu nhân loại khỏi sự tàn tạ oan nghiệt, biến đổi nó, đổ đầy niềm hy vọng, chân lý và vẻ đẹp.

Xin hãy để Chúa Kitô thi hành công việc tinh luyện xã hội này! Xin đừng đóng đinh Người lại một lần nữa: việc đó là phạm thánh vì Người là Con Thiên Chúa; đó cũng là tự sát vì Ngài là Con Người. Xin để yên chúng tôi, những thừa tác viên khiêm tốn của Người, đừng cản trở chúng tôi trong việc gieo rắc khắp nơi "tin mừng" của Phúc Âm hòa bình, tin mừng đã được chúng tôi nghiền ngẫm trong suốt thời kỳ Công Đồng. Dân chúng của quý vị sẽ là những người đầu tiên được hưởng ơn ích tin mừng hòa bình này vì Giáo Hội nhằm đào tạo cho quý vị những người công dân liêm chính biết yêu chuộng hòa bình và tiến bộ.

Trong ngày long trọng bế mạc các phiên hội của Công Đồng Chung lần thứ 21 này, Giáo Hội, qua tiếng nói của chúng tôi, xin gửi tới quý vị tinh thần hữu, ý chí phục vụ và những năng lực tinh thần cũng như đạo đức của mình. Giáo Hội xin gửi đến tất cả quý vị sứ điệp cứu độ và chúc lành. Xin hãy tiếp nhận sứ điệp ấy trong cùng một tinh thần như đã được gửi đi, nghĩa là với một tâm lòng hoan hỉ, chân thành và xin quý vị cũng chuyển tới tất cả dân chúng của quý vị.

Hông Y P. Léger tuyên đọc:

Gửi Giới Trí Thức

14. Công Đồng đặc biệt gửi lời chào kính tới những người kiếm tìm chân lý, những nhà tư tưởng và khoa học, những nhà thám hiểm vũ trụ, lịch sử và con người. Xin chào thăm tất cả quý vị, những người lữ hành đang tiến về ánh sáng, cả những người đã đứng lại dọc đường vì mệt mỏi hoặc thất vọng vì tìm không thấy.

Tại sao chúng tôi lại chào kính đặc biệt quý vị? Bởi vì tất cả chúng tôi đây, những giám mục, Nghị Phụ Công Đồng, chúng tôi cũng đang ngóng tìm chân lý. Nỗ lực của chúng tôi trong bốn năm qua là gì, nếu không phải là một cuộc tìm kiếm chú ý hơn và đào sâu sứ điệp chân lý đã được giao phó cho Giáo Hội, một nỗ lực lắng nghe thuần thực và chăm chú hơn trước tiếng nói của Thần Chân Lý?

Vì thế chúng tôi không thể không gặp gỡ quý vị. Con đường quý vị cũng là con đường của chúng tôi. Đường lối quý vị cũng không bao giờ xa lạ với những đường lối chúng tôi. Chúng tôi là những người bạn đồng hành cùng được kêu gọi để tìm kiếm như quý vị, cùng chia sẻ một nhọc với quý vị, cùng chung tiếng thán phục những thành quả của quý vị, và nếu cần, có thể khích lệ khi quý vị nản chí và thất bại.

15. Vì thế chúng tôi có một sứ điệp gửi tới quý vị. Sứ điệp ấy như sau: xin hãy tiếp tục tìm kiếm và đừng bao giờ nản chí, thất vọng vì không tìm được chân lý! Xin hãy nhớ tới lời người bạn thân thiết của quý vị là Thánh Augustinô: "Hãy tìm kiếm với ước muốn gặp thấy, và gặp thấy với ước muốn kiếm thêm mãi"! hạnh phúc cho những ai đã gặp thấy chân lý nhưng vẫn còn kiếm tìm thêm mãi để đổi mới, để đào sâu chân lý và mang chân lý tới cho người khác. Hạnh phúc cho những ai dù chưa gặp gỡ chân lý, nhưng vẫn thành tâm tiến tới chân lý: mong họ tìm ánh sáng ngày mai nhờ ánh sáng hôm nay, cho đến lúc chan hòa ánh sáng.

Xin cũng đừng quên: suy nghĩ là một việc cao cả, nhưng trước hết là một nhiệm vụ. Bất hạnh thay cho những người cố tình nhắm mắt trước ánh sáng! Suy nghĩ còn là một trách nhiệm: bất hạnh thay cho những người làm tinh thần mờ tối bằng trăm ngàn thủ đoạn khiến họ chán nản, kiêu căng, lầm lẫn và sai lệch! Nguyên tắc căn bản của những nhà khoa học là gì nếu không phải là: cố gắng suy nghĩ đúng?

16. Để giúp suy nghĩ đúng, chúng tôi đến cống hiến quý vị ánh sáng của cây đèn màu nhiệm là đức tin, không phải để làm quần chân hay làm chói mắt quý vị. Đáng trao gởi ánh sáng đức tin cho chúng tôi là vị tôn sư của tư tưởng và chúng tôi là những đệ tử khiêm tốn của Người, chỉ một mình Người đã nói và có quyền nói: "Ta là ánh sáng thế gian. Ta là đường, là sự thật và là sự sống".

Lời nói trên đây có liên hệ đến quý vị. Nhờ ơn Thiên Chúa, cái khả năng hòa đồng sâu xa giữa khoa học chân chính và đức tin chân chính có lẽ không bao giờ lại hiện rõ hơn ngày hôm nay vì cả hai điều phục vụ cho chân lý duy nhất. Xin đừng ngăn cản cuộc gặp gỡ quý báu này! Xin hãy tín nhiệm đức tin, vốn là người bạn thân của trí tuệ! Xin hãy để ánh sáng đức tin soi sáng quý vị ngõ hầu nắm được chân lý, toàn thể chân lý. Đó là lời cầu chúc, sự khích lệ và hy vọng mà các Nghị Phụ trên khắp thế giới họp Công Đồng tại Roma gửi tới quý vị trước giờ phút chia tay.

Hồng Y L. Suénens tuyên đọc:

Gửi Giới Văn Nghệ Sĩ

17. Giờ đây, chúng tôi xin ngỏ lời với quý vị văn nghệ sĩ, những người say mê và phục vụ cái đẹp: quý vị là những thi sĩ, văn sĩ, họa sĩ, điêu khắc gia, kiến trúc sư, nhạc sĩ, diễn viên cũng như chuyên viên kịch nghệ và điện ảnh... Qua tiếng nói của chúng tôi, Công Đồng Giáo Hội xin ngỏ lời với toàn thể quý vị: nêu yêu chuộng nghệ thuật chân chính thì quý vị là bạn hữu của chúng tôi.

Đã từ lâu, Giáo Hội liên kết với quý vị. Quý vị đã xây dựng và trang hoàng những đền thờ, suy tôn các tín điều, làm giàu cho phụng vụ của Giáo Hội. Quý vị đã giúp đỡ Giáo Hội diễn

tả sứ điệp thánh của mình ra ngôn ngữ hình thể và sắc thái, khiến cho thế giới vô hình có thể được cảm nhận.

18. Ngày nay cũng như trong quá khứ, Giáo Hội vẫn cần đến quý vị và hướng về quý vị. Qua tiếng nói của chúng tôi, Giáo Hội ngỏ lời cùng quý vị: xin đừng để tan vỡ mối liên kết phong phú tốt đẹp. Xin đừng chối từ đem tài năng ra phụng sự chân lý Thiên Chúa. Xin đừng đóng cửa tinh thần quý vị trước hơi thở của Thánh Thần Chúa!

Thế giới chúng ta sống ngày nay đang cần đến cái đẹp để khỏi chìm đắm vào thất vọng. Cái đẹp, cũng như sự thật mang lại niềm vui cho tâm hồn con người, đó chính là những hoa trái quý giá không tàn úa vì thời gian nhưng nối kết các thế hệ lại và làm cho họ thông cảm nhau khi thán phục nhau. Công trình ấy là do bàn tay của quý vị...

19. Ước mong những bàn tay ấy được thanh sạch, vô vị lợi! Xin hãy nhớ rằng quý vị là những người bảo vệ cái đẹp trong thế giới: mong rằng chỉ điều đó cũng đủ khiến quý vị vượt qua những thị hiếu phù du không có giá trị đích thực, đủ khiến quý vị tránh tìm những lối diễn tả dị kỳ và bất nhã.

Ước chi lúc nào và chỗ nào quý vị cũng vẫn xứng đáng với lý tưởng mình đề rồi sẽ xứng đáng với Giáo Hội, mà ngày hôm nay qua tiếng nói của chúng tôi, xin gửi đến quý vị sứ điệp thân hữu, cứu độ, ân phúc và chúc lành.

Hồng Y L. Duval tuyên đọc:

Gửi Giới Phụ Nữ

20. Giờ đây chúng tôi xin ngỏ lời với nữ giới thuộc hết mọi thành phần: các thiếu nữ, các người vợ, người mẹ, các quả phụ, cả những người đồng trinh đã dâng mình cho Chúa và các người ở độc thân: tất cả quý vị chiếm một nửa đại gia đình nhân loại.

Như quý bà và chị em đã biết, qua các thời đại, Giáo Hội hành diện vì đã làm vẻ vang và giải phóng người phụ nữ, đã làm nổi bật trong sự khác biệt phái tính sự bình đẳng căn bản của Nữ giới với Nam giới.

Nhưng bây giờ đã đến lúc sứ mệnh người nữ được thể hiện hoàn toàn. Đây là lúc người phụ nữ có một ảnh hưởng, một sự phát huy và một quyền lực từ trước đến nay chưa từng có trong xã hội.

Vì thế, trong khi nhân loại đang trải qua một biến động sâu xa như lúc này, những phụ nữ thâm nhuần tinh thần Phúc Âm có thể giữ đỡ rất nhiều cho nhân loại thoát khỏi sự suy đồi.

21. Quý bà và chị em bao giờ cũng góp phần bảo vệ gia đình, tuôn chảy nguồn yêu thương và dưỡng dục trẻ thơ. Quý bà và chị em hiện diện lúc mầu nhiệm sự sống bắt đầu và ủi an trong giờ cuộc đời chấm dứt. Nền kỹ thuật của chúng ta có thể trở nên vô nhân đạo nên xin quý bà và chị em hãy hòa giải con người với sự sống. Nhất là chúng tôi tha thiết thỉnh cầu quý bà và chị em hãy săn sóc đến tương lai của giống nòi chúng ta. Hãy giữ tay người đàn ông lại nêu trong một phút điên cuồng họ muốn tiêu hủy nền văn minh nhân loại.

Hỡi các người vợ, người mẹ gia đình, là những nhà giáo dục đầu tiên của nhân loại trong lòng tổ ấm gia đình, xin truyền thụ cho con trai con gái quý bà những truyền thống của cha ông chúng ta, đồng thời chuẩn bị cho chúng một tương lai xa vời. Các bà hãy luôn nhớ là nhờ con cái nên người mẹ góp phần vào tương lai, một tương lai có lẽ mắt quý bà sẽ không được nhìn thấy.

Cả những chị em ở độc thân nữa, xin ý thức rằng chị em có thể chu toàn trọn vẹn sứ mệnh phục vụ của mình. Xã hội khắp nơi đang kêu gọi chị em, ngay các gia đình cũng không thể sinh hoạt nếu gạt bỏ sự trợ giúp của những người không lập gia đình.

Nhất là những người đồng trinh đã dâng mình cho Chúa trong một thế giới mà chủ nghĩa ích kỷ và sự ham tìm khoái lạc muốn trở nên qui luật sống, chị em hãy duy trì đức trong sạch, lòng vô vị lợi và tinh thần đạo đức. Chúa Giêsu, Đấng đã ban cho tình yêu vợ chồng trọn vẹn ý nghĩa của nó cũng đã đề cao sự từ khước tình yêu nhân loại này khi nó hướng về tình yêu vô biên và nhằm phục vụ mọi người.

Sau cùng, hỏi những người đang bị thử thách, quý bà và chị em đang đứng thẳng dưới chân thánh giá như Đức Maria, biết bao lần trong lịch sử, quý bà và anh chị em đã mang lại cho người đàn ông sức mạnh để chiến đấu tới cùng, đã giúp họ làm chứng nhân ngay cả tử vì đạo, một lần nữa xin hãy giúp họ can đảm làm những công việc lớn, đồng thời biết kiên nhẫn và biết bắt đầu bằng những công việc nhỏ.

22. Hỏi tất cả phụ nữ, quý bà và chị em biết cách làm cho chân lý trở nên êm ái, dịu dàng, dễ hiểu, xin hãy chuyên chú làm cho tinh thần Công Đồng được thấm nhập vào cơ cấu, trường học, gia đình và đời sống hằng ngày.

Hỏi các phụ nữ trên toàn thế giới thuộc Kitô giáo hay vô tín ngưỡng, sự sống đã được giao phó cho quý vị trong phút giây lịch sử nghiêm trọng này, quý bà và chị em có nhiệm vụ cứu vãn nền hòa bình thế giới.

Hồng Y P. Zoungrana tuyên đọc:

Gửi Giới Lao Động

23. Trong suốt Công Đồng này, chúng tôi, các Giám Mục Công Giáo khắp năm châu, đã cùng nhau suy nghĩ những vấn đề nghiêm trọng trong số bao nhiêu đề tài khác đặt ra trước lương tâm nhân loại do những điều kiện kinh tế xã hội của thế giới ngày nay, vấn đề sống chung giữa các quốc gia, vấn đề võ trang, chiến tranh và hòa bình. Chúng tôi hoàn toàn ý thức rằng

cách thức giải quyết những vấn đề này có thể ảnh hưởng đến đời sống cụ thể của nam nữ công nhân trên khắp thế giới. Vì thế, sau những phiên thảo luận, chúng tôi mong ước gửi đến tất cả anh em lao động một sứ điệp tín cẩn, hòa bình và thân hữu.

Hỡi những người con rất thân mến, thoát tiên xin hãy yên trí rằng Giáo Hội hiểu biết những nỗi thống khổ, cuộc tranh đấu, niềm hy vọng của anh em. Giáo Hội rất khâm phục những đức tính làm cho tâm hồn anh em nên cao đẹp, đó là lòng can đảm, sự tận tụy, lương tâm nghề nghiệp, lòng yêu chuộng công bình. Giáo Hội nhìn nhận đầy đủ những sự phục vụ lớn lao anh em đã mang lại cho xã hội khi mỗi người ở địa vị mình, và đôi khi trong những địa vị khiêm tốn nhất, bị khinh rẽ nhất, Giáo Hội rất hài lòng và xin cảm tạ anh em qua tiếng nói của chúng tôi.

24. Trong những năm vừa qua, Giáo Hội không ngừng lưu tâm đến những vấn đề càng ngày càng phức tạp của thế giới lao động. Tiếng vọng từ trong hàng ngũ lao động đối với những thông điệp vừa qua của các Đức Giáo Hoàng đã chứng tỏ tâm hồn người lao động ngày nay hòa hợp mật thiết với các vị lãnh đạo tinh thần cao cả nhất của mình.

Đức Gioan XXIII, Đấng làm giàu cho gia tài Giáo Hội bằng những sứ điệp trừu danh, đã tìm ra được ngôn ngữ thấu đến tâm hồn anh em. Nơi con người của ngài, ngài đã làm sáng tỏ tất cả tình yêu của Giáo Hội đối với người lao động cũng như đối với chân lý, công bình, tự do, bác ái, là những nền tảng xây dựng hòa bình thế giới.

25. Cũng trong tinh thần ấy, chúng tôi cũng muốn được tỏ bày lòng yêu mến của Giáo Hội đối với anh em, những người lao động, và với tất cả lòng xác tín chân thành, chúng tôi xin nói với anh em rằng: Giáo Hội là bạn của anh em. Xin hãy tín cẩn vào Giáo Hội! Trong quá khứ, những hiểu lầm đáng tiếc đã kéo dài quá lâu sự nghi kỵ và sự bất đồng giữa chúng ta; Giáo Hội và giới thợ thuyền đều phải đau khổ vì việc đó. Ngày nay,

giờ hòa giải đã điếm, và nhờ tinh thần của Công Đồng Giáo Hội mời gọi anh em hoan hỉ cử hành giờ đó với tất cả sự tin tưởng thành thực.

Giáo Hội luôn luôn cố tìm để hiểu rõ anh em hơn. Nhưng anh em cũng phải tìm hiểu Giáo Hội là gì đối với anh em, những người lao động, những tay thợ chính yếu đang thực hiện các biến đổi lạ lùng cho thế giới ngày nay. Anh em quá biết rằng: nếu một luồng linh khí mãnh liệt không phổ vào những biến đổi này, chúng ta sẽ trở thành tai họa cho nhân loại thay vì mang lại hạnh phúc cho họ. Không phải hận thù sẽ cứu vớt thế giới! Không phải chỉ có cơm bánh trần gian có thể làm no thỏa cơn đói của con người!

Vì thế, hãy đón nhận sứ điệp của Giáo Hội. Hãy đón nhận đức tin được Giáo Hội hiến dâng cho anh em để soi đường dẫn lối. Đó là đức tin của vị kế nghiệp Thánh Phêrô và của hai ngàn Giám Mục họp lại nơi Công Đồng, đó là đức tin của toàn dân Chúa. Mong Đức Tin ấy soi sáng cho anh em, dẫn lối cho anh em, làm cho anh em hiểu biết Chúa Giêsu, bạn đồng lao với anh em, là Thầy và là Đấng Cứu Độ của toàn thể nhân loại.

Hồng Y P. Méouchi tuyên đọc:

Gửi Người Nghèo, Bệnh Tật Và Đau Khổ

26. Đối với tất cả các bạn, những anh em đang bị thử thách, đang bị đau khổ dày vò dưới muôn hình vạn trạng. Công Đồng xin gửi đến một sứ điệp đặc biệt.

Công Đồng cảm thấy anh em đang ngóng nhìn về mình với những con mắt cầu khẩn, sáng rực vì cơn sốt hoặc dờ dẩn vì mệt nhọc, những cái nhìn dò hỏi đang vô vọng tìm hiểu tại sao con người lại đau khổ hay đang lo âu tự hỏi xem bao giờ và tự đâu sẽ có nâng đỡ.

Anh em rất thân mến, chúng tôi cảm thấy rất sâu đậm những lời rên siết và than thở của anh em đang vang lên trong lòng những người cha và chủ chăn của chúng tôi, chúng tôi càng buồn sầu khi nghĩ rằng mình không thể mang lại sức khỏe thể xác cũng như sự thuyên giảm đau đớn bên ngoài cho anh em như các bác sĩ, y tá và tất cả những người săn sóc bệnh nhân đang cố gắng tận tình cứu chữa.

27. Nhưng chúng tôi có một cái gì sâu xa hơn, quý giá hơn để mến tặng anh em, một chân lý duy nhất có thể trả lời cho màu nhiệm đau khổ và mang lại cho anh em sự an ủi chân thật: đó là đức tin và sự kết hiệp với con người đau khổ là Chúa Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng bị đóng đinh vì tội lỗi cũng như để cứu rỗi chúng ta.

Chúa Kitô đã không diệt trừ đau khổ. Người cũng không muốn vén lên hoàn toàn chiếc màn màu nhiệm của đau khổ cho chúng ta: Người lại nhận đau khổ cho mình và vì thế đã quá đủ cho chúng ta hiểu rõ giá trị của đau khổ.

Hỡi tất cả anh em, những người đang cảm thấy thập giá đè nặng, những người nghèo túng, bị bỏ rơi, những người đang khóc lóc, đang bị bách hại vì sự công chính, những người không được ai nói đến, những người đau khổ vô danh, xin hãy lấy lại can đảm. Anh em là những người được ưu đãi trong nước Chúa, nước có hy vọng, hạnh phúc và sự sống. Anh em là những người em của Chúa Kitô đau khổ và nêu anh em muốn, anh em cùng cứu vớt thế gian với Người.

Đó là học thuyết Kitô giáo về đau khổ, học thuyết duy nhất mang lại bình an. Xin biết chắc chắn rằng anh em không cô độc, không bị loại trừ, bị bỏ rơi hoặc bị coi là vô dụng. Trái lại anh em là những người được Chúa Kitô kêu gọi, là hình ảnh sống động và trong suốt của Chúa. Nhân danh Chúa, Công Đồng âu yếm chào thăm anh em, cảm ơn và đoan chắc với anh

em về tình thân hữu, về sự giúp đỡ của Giáo Hội và chúc phúc lành cho anh em.

Hồng Y G. Agagianian tuyên đọc:

Gửi Giới Trẻ

28. Sau hết Công Đồng muốn gửi cho các bạn thanh niên và thiếu nữ toàn thế giới bức sứ điệp sau cùng vì chính các bạn sắp được nhận lấy ngọn đuốc từ tay phụ huynh và sẽ sống trong thế giới vào lúc diễn ra những biến đổi vĩ đại nhất của lịch sử. Chính các bạn, trong khi thừa hưởng phần tốt nhất của gương sáng và giáo huấn nơi cha mẹ cũng như thầy dạy, các bạn đang tiến tới việc kiến tạo xã hội ngày mai: các bạn sẽ tự cứu được mình hay sẽ bị tiêu diệt cùng với xã hội ấy.

Ròng rã bốn năm qua, Giáo Hội đã làm việc để làm trẻ lại khuôn mặt mình, sao cho mỗi ngày một phù hợp với ý định của Đấng sáng lập, Đấng Hằng Sống Cao Cả là Chúa Kitô muôn đời trẻ trung. Vào phút chót cuộc "duyệt lại đời sống" quan trọng này, Giáo Hội hướng về các bạn. Chính cho những người trẻ các bạn, phải, đặc biệt cho các bạn mà Giáo Hội qua Công Đồng vừa thắp lên một ánh sáng: ánh sáng soi cho tương lai, tương lai đời các bạn.

29. Giáo Hội lưu tâm muốn cho xã hội các bạn sắp thiết lập biết tôn trọng phẩm giá, tự do, quyền lợi của con người, cũng là chính con người các bạn.

Giáo Hội đặc biệt lưu tâm làm sao cho xã hội này sẽ để cho cái kho tàng luôn luôn cổ kính và luôn luôn mới mẻ là đức tin được nảy nở, và sao cho tâm hồn các bạn có thể tự do tắm gội trong ánh sáng tốt lành của nó. Giáo Hội tin tưởng rằng: các bạn sẽ gặp được một sức mạnh và một niềm vui lớn lao đến độ các bạn sẽ không bị quyến rũ như một số đàn anh, buông mình theo những triết thuyết ích kỷ và khoái lạc, thất vọng và hư vô,

đồng thời đứng trước chủ nghĩa vô thần, hiện tượng của suy nhược và già cỗi, các bạn có thể củng cố lòng mình tin tưởng ở đời và tin chân lý làm cho đời sống có một ý hướng: đó là xác tín có một Thiên Chúa công bình và tốt lành.

30. Chính nhân danh Thiên Chúa và Con Ngài là Chúa Giêsu, chúng tôi khuyên các bạn hãy mở rộng tâm hồn ra tới mọi chiều hướng của thế giới, lắng nghe tiếng gọi của các anh em và đem những nghị lực trẻ trung ra phục vụ cho họ.

Hãy chiến đấu chống mọi ích kỷ. Hãy chống lại, đừng tự buông thả theo các bản năng hung bạo và hận thù, là mầm mống gây nên chiến tranh và biết bao điều khốc hại khác. Xin hãy đại độ, trong sạch, kính cẩn và chân thành. Xin hãy đem nhiệt huyết ra xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn cái thế giới của đàn anh các bạn!

Giáo Hội nhìn đến các bạn với lòng đầy tín cẩn và yêu thương. Vốn mang một dĩ vãng lâu dài và hằng sống động trong mình đồng thời luôn luôn đi tới sự hoàn thiện nhân loại qua thời gian cũng như vừa tiến tới những chân trời sau cùng của lịch sử và sự sống. Giáo Hội là sự trẻ trung đích thực của thế giới. Giáo Hội mang vốn liếng làm nên sức mạnh và vẻ đẹp của tuổi trẻ: đó là khả năng biết hoan hỉ trước những gì mới bắt đầu, biết cho đi mà không mong trả lại, biết tự đổi mới và ra đi tìm những chinh phục mới. Xin hãy nhìn Giáo Hội và các bạn sẽ khám phá ra khuôn mặt Chúa Kitô, vị anh hùng chân chính, khiêm tốn và khôn ngoan, vị ngôn sứ của chân lý và tình yêu, là bạn đường và bạn thân của người trẻ. Nhân danh chính Chúa

Kitô chúng tôi chào thăm, khuyên nhủ và chúc lành cho các bạn.

